PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Tịnh Không Pháp Sư Chủ Giảng

Tại Cư Sĩ Lâm Singapore

Tháng 11 năm 1994

Chuyển ngữ: Cư sĩ Thanh Trí

Biên soạn: Gia đình cư sĩ Diệu Âm Diệu Bảo

Biên tập: Cư sĩ Thiện Đức

MỤC LỤC

TẬP 1.....**3**
TẬP 2.....**22**
TẬP 3.....**44**
TẬP 4.....**67**
TẬP 5.....**89**
TẬP 6.....**113**
TẬP 7.....**134**
TẬP 8.....**155**
TẬP 9.....**177**
TẬP 10.....**202**
TẬP 11.....**225**
TẬP 12.....**252**
TẬP 13.....**277**
TẬP 14.....**304**
TẬP 15.....**330**
TẬP 16.....**355**
TẬP 17.....**385**
TẬP 18.....**413**
TẬP 19.....**448**
TẬP 20.....**473**
TẬP 21.....**499**
TẬP 22.....**524**
TẬP 23.....**549**
TẬP 24.....**574**
TẬP 25.....**597**
TẬP 26.....**623**
TẬP 27.....**650**
TẬP 28.....**675**
TẬP 29.....**697**

TẬP 1

Kính thưa chư vị Pháp sư, chư vị đồng tu!

Hôm nay, chúng tôi cảm thấy vô cùng vinh hạnh, vui mừng vô hạn, được ở tại Cư Sĩ Lâm Singapore này cùng học tập đại kinh của Tịnh Tông với quý đồng tu. Trước đây, đã từng giảng bộ kinh này một lần ở Đoàn Hoằng Pháp, cũng giảng ba mươi lần mới xong. Khi đó những bộ băng ghi âm đã nhanh chóng phổ biến đến rất nhiều khu vực quốc gia. Đây là Singapore chúng ta đã kết pháp duyên thù thắng cùng với toàn thế giới.

Lần này cư sĩ Lý Mộc Nguyên của quý Lâm mời tôi giảng lại bộ đại kinh này một lần nữa. Mục đích là gì? Vì lần trước chỉ lưu lại băng ghi âm, hy vọng lần này có thể lưu lại một bộ băng ghi hình. Tôi nói: "Tốt lắm! Chúng tôi sẽ làm tròn ước nguyện này".

Đương nhiên, những năm gần đây cảnh giới niệm Phật tu trì của chúng ta có khác với quá khứ. Nói cách khác, chúng ta đọc tụng bộ kinh lớn này, lại có thể áp dụng vào cuộc sống thực tế của mình, như vậy thì chúng ta mới có thể đạt được lợi ích thù thắng, chân thật của kinh điển.

Hôm nay là ngày đầu khai kinh. Tôi nghĩ chúng ta có thể lược bỏ phần nhân duyên, vì trước kia đã giảng qua nhiều lần rồi. [Theo] tâm lý của người thời nay thì việc học Phật cũng không ngoại lệ, cần tùy thuận xu hướng của cả thời đại. Chúng ta thường cầu mới, cầu thay đổi, cầu nhanh chóng. Trong Phật pháp, tu học chứng quả phải đạt được ba nhu cầu căn bản này. Bộ kinh này, pháp môn này có thể nói là vô cùng thích hợp. Thực tế mà nói, thế xuất thế gian đệ nhất thù thắng nhất định phải rất đơn giản, rất dễ dàng. Giống như bộ sách học thuật đại căn đại bổn của Trung Quốc là Kinh Dịch. "Dịch" tức là dễ dàng đơn giản.

Phật pháp là nền giáo học thù thắng nhất của thế gian và xuất thế gian. Nó đương nhiên phải phù hợp với nguyên tắc này. Đức Thế Tôn khi còn tại thế đã giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, nhưng chúng ta biết tổng kết lại không ngoài **tam học Giới Định Huệ**. Cho thấy đích thực là đơn giản, là dễ dàng. Tất cả kinh cũng chỉ là nói tường tận tam học Giới Định Huệ cho chúng ta mà thôi. Khi triển khai rộng ra tức là tất cả Kinh. Trong bổn Tông, chỗ nói đến cũng rất đơn giản, thiết yếu.

Ngẫu Ích Đại Sư tổng hợp các kinh điển của Tịnh Tông. Trong Di-đà Yếu Giải có chỉ rõ cho chúng ta: Tín Nguyện Hạnh. [Điều này] có trái ngược với tổng cương lĩnh của Thế Tôn không? Đây là điều mà chúng ta cần phải biết. "Tín" chúng ta phải tin Giới Định Huệ, "Nguyện" cũng là Giới Định Huệ, "Hạnh" cũng không rời Giới Định Huệ. Quý vị hãy tỉ mỉ mà lĩnh hội ý nghĩa này thì chúng ta mới có thể nắm được cương lĩnh giáo dục cả đời của Thế Tôn. Chúng ta tu học vừa đơn giản lại dễ dàng, hơn nữa cũng giống như lời của chư Cổ Đại Đức nói là: "vững vàng, nhanh chóng", khiến chúng ta thật sự đã đạt được sự cầu mới, cầu thay đổi, cầu nhanh chóng. Phần kinh văn trong bộ kinh này nói cho chúng ta ba thứ chân thật, đây là điều chúng ta cần phải chú ý đến:

- ✓ **Thứ nhất là: "Khai Hóa, Hiển Thị Chân Thật Chi Tế",** câu này rất quan trọng. "Khai" là khai thị, Thế Tôn dẫn đường cho chúng ta, cũng tức là chỉ dạy cho chúng ta. "Hóa" là thành tích của giáo học. Chúng ta nhận sự chỉ dạy của Thế Tôn, quả thật đã khởi lên sự thay đổi. Sự giáo học của thế gian yêu cầu phải thay đổi khí chất. Còn sự giáo học của Phật pháp yêu cầu chúng ta "chuyển phàm thành Thánh", cái "chuyển" này tức là chuyển biến. Chúng ta hôm nay là phàm phu, sau khi chúng ta nghe Phật chỉ dạy xong thì liền có thể chuyển phàm phu thành Thánh nhân. "Thánh nhân" chúng ta thường gọi là Phật, Bồ-tát, cũng tức là nói người học Phật nếu không phát tâm làm Phật thì có thể nói sự học Phật của bạn xem như uổng công. Học Phật là phải thành Phật, cùng với Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Di-đà Như Lai, tất cả chư Phật Như Lai không hai không khác. Đây là mục đích học Phật của chúng ta.

  Thiền Tông Trung Quốc thường nói: "*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*". Điều này đã nói rõ mục đích của việc tu học là phải minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Trong kinh này nói "**khai hóa, hiển thị chân thật chi tế**". "Chân thật chi tế" tức là "chân như bản tánh". Câu nói này cùng với câu "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" của Thiền Tông không có sai khác, chỉ là phương pháp không giống nhau. Thiền Tông dùng phương pháp tham cứu, Tịnh Tông dùng phương pháp niệm Phật. Niệm Phật so với tham cứu dễ dàng hơn rất nhiều. Phương pháp dễ dàng, đơn giản. Thực tế mà nói, chỗ thành tựu không hề khác nhau. Thậm chí, chư Cổ Đức nói: "Sự thành tựu của niệm Phật siêu việt hơn Thiền Tông". Câu nói này cũng không phải là vô lý, khi chúng ta thảo luận đến phần kinh văn quý vị tự nhiên sẽ hiểu rõ.

- ✓ **Thứ Hai là: "Trụ Chân Thật Huệ"** cũng tức là bảo chúng ta tin tưởng Giới Định Huệ. Chúng ta nguyện tu học Giới Định Huệ. Đây chính là "Trụ Chân Thật Huệ". Chữ "Trụ" này là an trụ, trong tâm chúng ta an trụ, chỉ có an trụ nơi trí huệ chân thật thì mới tin sâu không nghi, mới khát khao truy cầu Giới Định Huệ tam học. Đây chính là thành tựu và lợi ích thù thắng mà chúng ta đạt được từ sự tu học của chính mình. Như vậy, chúng ta đối với người khác cũng phải chân thật không hư dối.
- ✓ **Thứ Ba là:** Trong kinh văn nói với chúng ta "**huệ dữ chân thật chi lợi**", "huệ" là hiến tặng cho người khác, cho họ điều gì? Cho họ sự "lợi ích chân thật". "Lợi ích chân thật" chính là Phật Pháp Đại Thừa, không có gì chân thật hơn, không có gì thù thắng hơn Phật Pháp Đại Thừa của Tịnh Tông. Bổn kinh hội đủ ba thứ chân thật này.

Đây là một bộ đại kinh vô cùng hy hữu. Kinh văn không dài lắm, nhưng nội dung cũng bao hàm tất cả pháp mà Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm. Bất luận là Hiển Giáo, Mật Giáo, Tông Môn Giáo Hạ đều nằm trong quyển kinh này. Cho nên đây là tổng cương lĩnh của Đại Tạng Giáo, muôn vàn lần xin chớ sơ suất! Chư Phật, Bồ-tát, chư Đại Đức xưa nay đều khác miệng đồng lời nói với chúng ta rằng pháp môn này đích thực là: "*Tam căn phổ bị, phàm thánh tề thâu*" (phổ khắp ba căn, phàm thánh đều thâu). Đây là nói sự lợi ích của nó thật không thể nghĩ bàn. Trên đến Đẳng Giác Bồ-tát, như trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Ngài Văn-thù, Phổ Hiền là hậu bổ Phật (Phật dự khuyết) của thế giới Hoa Tạng. Cuối cùng của Kinh Hoa Nghiêm hai vị Bồ-tát này đã thống lĩnh 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ của thế giới Hoa Tạng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây là người thượng thượng căn vãng sanh. Người hạ hạ căn cũng có phần, thậm chí đến chúng sanh ngũ nghịch thập ác, lúc lâm chung gặp được thiện hữu chỉ dạy họ pháp môn này, họ vẫn có thể thành tựu, vẫn được vãng sanh. Do đây có thể biết sức độ chúng sanh rộng lớn của pháp môn này không có bất cứ một pháp môn nào có thể sánh bằng.

Chúng ta biết một số bộ kinh lớn rất rốt ráo. Cả về mặt lý và phương pháp đều rất viên mãn rốt ráo, tuy nhiên không tiện lợi. Người trung hạ căn không có phần, không cách nào tu được. Một số kinh luận cũng tiện lợi nhưng không rốt ráo, không rốt ráo thì không thể thành Phật, chỉ thành A-la-hán, thành Bồ-tát, đó không gọi là rốt ráo. Vừa tiện lợi lại vừa viên mãn rốt ráo thì chỉ có kinh này. Kinh này là pháp môn để thành Phật, hơn nữa vô cùng thuận tiện cho nên mỗi người chúng ta thảy đều có phần.

Có thể nói rằng, quý vị đồng tu hiện đang ngồi đây "thiện căn, phước đức đều không thể nghĩ bàn". Như trong kinh nói với chúng ta: "Nếu không phải do thiện căn phước đức đầy đủ, thì đối với pháp môn này rất khó chấp nhận, rất khó y giáo phụng hành". Giống như kinh Di-đà nói: "*Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*" (chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi kia). Do đây có thể biết, chúng ta gặp được pháp môn này, đích thực là từ vô lượng kiếp đến nay, thiện căn phước đức nhân duyên của chúng ta đến lúc này đã chín muồi thì chúng ta mới có thể gặp được. Pháp môn này nhất định không phải là pháp môn bình thường. Xưa kia chư cao Tăng Đại Đức từng nói: "Cho dù là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa cũng chỉ là dẫn đường cho bộ kinh này". Nói cách khác, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa dẫn dắt chúng ta quy hướng Tịnh Độ. Lời nói này đương nhiên không phải quá đáng, bởi vì Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là Thập Đại Nguyện Vương của Phổ Hiền Bồ-tát dẫn về Cực Lạc. Điều này có chứng cớ, không phải tùy tiện mà nói. Khi tôi đọc câu này, cảm xúc của tôi sâu hơn người khác. Vì sao thế? Bởi vì tôi khởi tín tâm đối với pháp môn Tịnh Độ đích thực là do kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm dẫn dắt tôi đến với pháp môn Tịnh Độ. Cho nên câu nói này của cổ nhân đã khiến tôi có cảm xúc một cách sâu sắc. Tôi từ chỗ này mà đi vào Tịnh Độ. Dường như lời đó của các ngài là nói với chính tôi vậy.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: "*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật*". Đây chính là lợi ích và thành quả do chúng ta tu học đạt được. Còn phương pháp thì đặc biệt nói rất tinh yếu, đó là "*tịnh niệm tương kế*" (tịnh niệm tiếp nối), còn "*thu nhiếp lục căn*" thì chúng ta không cần nói nữa. Bởi vì "tịnh niệm" thì nhất định phải "thu nhiếp lục căn", không thể "thu nhiếp lục căn" thì bạn làm sao đến chỗ "tịnh niệm" được? Then chốt là ở chữ "tịnh", "tịnh" là thanh tịnh, tâm địa thanh tịnh, nhất định không được xen tạp, không được hoài nghi. "Tương kế" tức là không gián đoạn. Từ đây có thể biết, yếu lĩnh tu hành của pháp môn này là **không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn**, nhất định có thể thành công. Trong kinh nói với chúng ta: "*Tự đắc tâm khai*" (tâm tự được khai ngộ). "Tự đắc tâm khai" cùng câu "***Khai hóa hiển thị chân thật chi tế***" nói ở phía trước của bộ kinh này là một nghĩa. Cũng tức là nói tự nhiên sẽ đạt tới cảnh giới "minh tâm kiến tánh". Điều này chứng tỏ chúng ta có phần, không những chúng ta có phần mà sự thành tựu của chúng ta so với người thượng thượng căn từ xưa đến nay cũng không có bất cứ sự khác biệt nào.

Chúng ta hiểu những điều này rồi thì tự nhiên sẽ sanh tín tâm, tự nhiên cảm thấy may mắn vui mừng. Như lúc nãy tôi đã nói, chúng ta cầu mới, cầu thay đổi, cầu nhanh chóng, vậy thì căn cứ vào đạo lý gì? Nếu lý luận không rõ ràng, không chắc thật thì chúng ta rất khó xây dựng tín tâm. Điều này vô cùng quan trọng. Cho nên chư Cổ Đức trước khi giảng kinh văn nhất định phải đem những căn cứ lý luận trong bộ kinh đó của Phật nói ra, khiến chúng ta đối với nó sanh ra lòng tin chân thật. Tất cả những kinh điển Đại Thừa này đều y cứ vào thật tướng để nói. Thật tướng là gì? Là chân tướng sự thật. Vậy đương nhiên chúng ta yên tâm rồi. Tất cả chỗ nói đến đều là chân tướng sự thật, không phải là lý tưởng của Phật, không phải là sự suy đoán của Phật, mà chỗ nói đến hoàn toàn là chân tướng sự thật.

Phật nói với chúng ta: "*Nhất thiết vạn pháp, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*" (tất cả vạn pháp do tâm mà hiện, do thức mà biến). Đây là lời trong Kinh Hoa Nghiêm nói. "*Duy tâm sở hiện*", cho nên tất cả vạn pháp đều là như nhau, đây là "Bất Dị" (không khác). "*Duy thức sở biến*", một khi đã biến thì đương nhiên không phải một thứ, đây là "Bất Nhất" (không một). Cho nên rất nhiều kinh luận Đại Thừa nói với chúng ta "Bất Nhất, Bất Dị". Chúng ta đối với cách nói này rất khó lĩnh hội. Cho nên, chư Cổ Đức vì muốn nói rõ cho chúng ta nên bất đắc dĩ phải nêu ra tỉ dụ để nói. Tỉ dụ, quý vị nên hiểu rằng, chỉ có thể tỉ dụ một cách tương tự, không cách gì thật giống hoàn toàn, hy vọng chúng ta từ trong ví dụ mà để tâm lãnh hội.

Ví dụ lấy vàng làm đồ vật thì món nào cũng là vàng, dùng tỉ dụ này để chúng ta thể hội. **Vàng là thể**, chúng ta dùng vàng, hiện nay thường dùng nhất là làm dây chuyền vàng, vòng vàng, hoa tai vàng, cho đến tất cả đồ dùng. Tuy nhiên, chất vàng đều giống nhau, không có khác, đều dùng vàng để làm. **Vàng là thể** không khác nhau, đều là một thứ kim khí, nhưng nhìn từ trên món đồ thì là dây chuyền và vòng đeo tay không giống nhau. Vòng và bông tai cũng không giống nhau, tướng khác nhau, công dụng cũng khác nhau. Đây là chúng ta nói đến "**thể tướng dụng**". "Thể" của tất cả vạn pháp đều giống nhau nhưng "tướng" thì khác nhau, cho nên tác dụng mới khác nhau. Do đó "tướng" và "dụng" khác nhau. Chúng ta trước tiên phải nhận thức rõ ràng về điều này.

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, ba chữ "Đại Phương Quảng" này chính là hình dung thể tướng dụng của vạn pháp trong vũ trụ. "Đại" là tán thán về **thể, "**Phương**"** là nói về **tướng**. "Quảng" là nói đến tác **dụng**, tác dụng là vô lượng, vô biên. Vậy thì trước tiên chúng ta phải nắm lấy cương lĩnh.

Còn Giới, Định, Huệ thì từ đâu đến? Đều từ trong chân tướng của sự thật mà nói ra. Trong kinh điển Phật thường nói: "Tinh Nhất, Trung Hòa", đây đều nói về cương lĩnh tu hành. "Tinh Nhất" tức là **định**, "Trung Hòa" tức là **giới**, đặc biệt là Phật Pháp Đại Thừa chủ trương trung đạo. Nhà Nho Trung Quốc cũng phi thường lắm. Nhà Nho nói đến "trung hòa", đều biết dùng "trung", đây là trí huệ chân thật. Như vậy mới có thể đạt đến "tri kiến của Phật". Như Kinh Pháp Hoa nói "*khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến*", "tri kiến" của Phật tức là Huệ. Cho nên Giới Định Huệ là từ chỗ này mà có.

Do đây có thể biết, "Giới, Định, Huệ" không phải do Phật phát minh mà từ trong chân tướng của sự thật hiển thị ra. Nói theo người hiện nay thì đây là chân lý, nhất định không thể trái ngược được. Trong Phật pháp chúng ta gọi là "tánh đức" là trong "chân như bản tánh" của bạn, là đức năng trong chân tâm lý thể của bạn, là đức năng vốn có, không phải từ bên ngoài đến. "Tùy thuận pháp tánh" tức là tùy thuận "Giới Định Huệ". Tác dụng của Giới Định có thể giúp chúng ta chứng đắc Đại Bồ-đề, Đại Niết-bàn. Đây là quả vị tu hành cứu cánh viên mãn của Phật pháp. Trong kinh này tức là "***Nhất Tâm Bất Loạn, Định Huệ Đẳng Trì***".

Vì thế chúng ta mới thật sự hiểu rõ các pháp cần phải dung thông, nhất định dung thông. Muốn đạt tới cảnh giới này, đối với cá nhân chúng ta mà nói thì các pháp chính là các tế bào, cơ quan trong cơ thể của chúng ta đều dung thông, không có chướng ngại thì thân thể của chúng ta khỏe mạnh, trăm thứ bệnh không sanh, khỏe mạnh, trường thọ, vui vẻ. Bạn đều có thể đạt được điều này trong Phật pháp. Trong gia đình, mỗi phần tử chúng ta như cha con, anh em, chị em đều dung thông thì gia đình hòa mục, hạnh phúc. Mọi người trong xã hội nếu có thể đạt đến chỗ dung thông thì xã hội hài hòa, phồn vinh, thậm chí lại mở rộng thêm thì thế giới hòa bình. Đây là Phật pháp. Phật pháp ngày nay cần phải thực hiện trên cơ sở của sự lợi ích chân thật thì chúng ta mới cảm thấy Phật pháp thật sự là điều chúng ta cần. Hơn nữa, nó là nhu cầu bức thiết nhất của chúng ta trong thời đại này.

Tuy nhiên, có lẽ có một vài đồng tu nói, tôi cũng thường nghe nói: "Người học Phật này bất hòa, không giống như những điều chúng ta nói, không giống như lời Phật nói trong kinh". Phật nói không sai, vì họ không làm. Trách nhiệm này không ở nơi Phật. Họ không "*y giáo phụng hành*". Thậm chí, học Phật đã nhiều năm rồi nhưng Phật giáo là gì cũng không hiểu. Quy y rất nhiều năm rồi nhưng quy y là gì cũng không hiểu. Điều đó cũng khó trách.

Hôm nay, chúng ta có một quyển sách nhỏ do một vị đồng tu ở đây phát tâm in tặng quý vị là "NHẬN THỨC PHẬT GIÁO". Quyển sách nhỏ này tôi giảng vào năm 1991 tại Miami, tiểu bang Florida, Mỹ Quốc. Có một số vị đồng tu ở Đài Bắc đem chỉnh lại, in thành quyển sách nhỏ này. Quyển sách này có thể giúp các vị đồng tu hiểu rõ Phật giáo là gì? Chúng ta học Phật rồi, người khác hỏi chúng ta: "Phật giáo là gì?" mà trả lời không được thì rất khó coi. Chúng ta phải nói được rõ ràng, tường tận. Người học Phật chúng ta không mê tín, cho nên nhất định phải biết "dung thông" thì chúng ta mới đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp.

Trong Tịnh Tông, vị Đạo Sư mà chúng ta tôn sùng là A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát. A-di-đà Phật là đại biểu cho "chân thật chi tế, chân như bản tánh", đây là **Phật Bảo** trong Tam Bảo. "Trụ chân thật huệ" là **Pháp Bảo**. Quán Âm đại biểu cho từ bi, Đại Thế Chí Bồ-tát đại biểu cho trí huệ. Từ bi là **Tăng Bảo**. Từ trên pháp mà nói, "Pháp" của hai vị Bồ-tát này là thuộc về **Pháp Bảo**, còn người hai vị Bồ-tát này tức là **Tăng Bảo**. Chúng ta cúng dường Tây Phương Tam Thánh là đầy đủ Tam Bảo rồi. Đây tức là tự tánh Tam Bảo của chúng ta, là toàn thể đức dụng của chúng ta, cũng chính là nơi quy y chân chánh của chúng ta. Tôi xin giới thiệu đơn giản với quý vị đến đây.

Sau đây chúng ta bắt đầu xem từ đề kinh. Đề kinh của bộ kinh này là:

Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ
Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh

Chúng ta có thể chia đề kinh này làm tám đoạn nhỏ để giới thiệu. Đề là cương lĩnh của toàn bộ kinh. Đã hiểu rõ đề kinh thì đại ý của toàn bộ kinh cũng có thể hiểu được một cách đại khái.

"*Kinh*" chúng ta biết đều do Phật thuyết. Vì sao trong một số kinh có hai chữ "*Phật thuyết*" còn một số kinh khác lại không có? Ví dụ như quyển mà quý vị rất quen thuộc là Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa phía trước không có hai chữ "Phật Thuyết". Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm phía trước cũng không có hai chữ "Phật Thuyết". Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phía trước cũng không có "Phật thuyết". Quyển kinh này của chúng ta có chữ "Phật thuyết", quyển tiểu bổn Di-đà Kinh cũng có "Phật thuyết". Điều này do cổ nhân lúc dịch kinh, khi định về đề mục phải có một quy củ. Phàm là kinh văn của phần Chánh Tông, câu thứ nhất do Phật tự nói thì loại kinh điển này phía trước đều thêm vào hai chữ "Phật thuyết". Nếu phần Chánh Tông là do đệ tử Phật hỏi sau đó Phật mới giải thích thì

câu đầu tiên không phải Phật nói, thì không dùng hai chữ "Phật thuyết". Đây là quy củ khi lập đề kinh của các Pháp Sư dịch kinh.

"*Phật*" là dịch âm tiếng Phạn của Ấn Độ, ý nghĩa của nó là GIÁC, là giác ngộ, Phật nghĩa là Giác Ngộ. Trong đó bao hàm **tự giác**, tự mình giác ngộ, đã giác ngộ triệt để rồi, hiểu minh bạch triệt để chân tướng của vũ trụ nhân sinh rồi thì đó là tự giác. Đồng thời lại có thể giúp người khác giác ngộ gọi là **giác tha**. Giúp người khác giác ngộ cho đến rốt ráo viên mãn mới có thể xưng là Phật. Bởi vì Tiểu Thừa A-la-hán, Bích-chi-Phật cũng giác ngộ rồi. Họ cũng hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, nhưng họ không chịu chỉ dạy người khác, giáo hóa chúng sanh rất khó. Bạn xem Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện không phải đã nói rõ rồi sao: "*Chúng sanh Diêm phù đề cang cường khó giáo hóa*". Bạn có lòng tốt giúp đỡ họ, họ vẫn không chấp nhận, thậm chí ngược lại còn gây rắc rối cho bạn. Cho nên người Tiểu Thừa không mấy vui lòng đi giúp đỡ người khác. Bạn đến cầu họ thì họ giúp đỡ bạn, bạn không cầu họ thì họ tuyệt đối không tự tìm phiền phức. Đây là Thánh giả Tiểu Thừa.

Đại Thừa Bồ-tát thì không sợ phiền phức, cho nên họ có thể chủ động đi giúp đỡ tất cả chúng sanh, điều này thật vô cùng hiếm có, "**Tự giác, giác tha**". Tuy nhiên, Bồ-tát chưa đạt đến chỗ viên mãn. Gọi là viên mãn tức là phải đoạn hết tất cả kiến tư, trần sa, vô minh phiền não. Đẳng Giác Bồ-tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá. Hay nói cách khác, họ vẫn chưa viên mãn. Như Văn-thù Phổ Hiền vì sao cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc? Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc không có gì khác chính là để đoạn một phẩm sau cùng là "sanh tướng vô minh". Điều này đã nói rõ, muốn đoạn ba loại phiền não này thì thế giới Tây Phương Cực Lạc là hoàn cảnh tu học lý tưởng nhất. Ở thế giới Hoa Tạng của Phật Tỳ-lô-giá-na nếu đoạn được phiền não dễ dàng thì Ngài Văn-thù, Phổ Hiền lại hà tất cầu sanh Tịnh Độ? Nhất định là Tây Phương Tịnh Độ dễ dàng hơn thế giới Hoa Tạng thì họ mới đi, như vậy thì mới nói được thông. Điều này đã hiển bày rõ ràng thế giới Tây Phương quả thật là thù thắng không gì sánh bằng.

Như vậy thì chữ "Phật" ở đây là chỉ Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật. Kinh này thêm hai chữ "Phật Thuyết", tức là Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật nói. Nhưng bộ kinh này rất đặc biệt, Tịnh Độ Tam Kinh rất đặc biệt, Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Phật Thuyết A-di-đà Kinh, phía trước của Tịnh Độ Tam Kinh đều có hai chữ "Phật Thuyết", mà vị Phật này không những là Thích-ca Mâu-ni Phật mà có thể nói là bao hàm mười phương ba đời tất cả chư Phật. Vì sao vậy? Vì tất cả chư Phật không có vị Phật nào không giảng kinh Vô Lượng Thọ, không có vị

Phật nào không giảng Tịnh Độ Tam Kinh. Những loại kinh khác không nhất định phải giảng, phải xem thời cơ, không khế cơ thì Phật sẽ không nói. Ba bộ kinh này là "tam căn phổ bị, phàm thánh tề thâu". Cho nên tất cả chư Phật đều giảng. Vì thế nên phía trước đề Kinh có chữ "Phật thuyết", đặc biệt chỉ có ba bộ kinh này. Chữ "Phật" đây bao gồm tất cả chư Phật, đây là điều chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng, bạn mới biết được nó không giống với những kinh điển khác.

Chữ "*Thuyết*" này, ngày xưa nghĩa là "*hỷ duyệt*", vui mừng mới nói. Người với người gặp nhau rất vui mừng thì sẽ nói nhiều, nếu không vui thì một câu cũng không nói, vui vẻ mới nói. Cổ Đức giải thích chữ này là "*duyệt sở hoài dã*", trong lòng Phật thường nghĩ, thường niệm, đến nay vừa gặp được cơ hội thì Ngài rất hoan hỷ vì chúng ta mà nói ra. Tâm sự của Phật là gì? Phàm phu đều có tâm sự, Phật cũng có tâm sự. Tâm sự của Phật khác với phàm phu. Tâm sự của Phật là **độ chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui, giúp đỡ chúng sanh liễu thoát sanh tử ra khỏi tam giới, giúp đỡ chúng sanh mau chóng thành Phật**. Đây là tâm sự của chư Phật Như Lai, ngoài những điều này ra thì Phật không có tâm sự gì khác. Hôm nay, nhìn thấy căn cơ của chúng sanh đã chín muồi rồi, bạn nghĩ xem, Ngài vui mừng biết mấy, vui mừng không gì sánh bằng. Không phải là cơ duyên thông thường mà cơ duyên thành Phật đã chín muồi, cũng tức là có thể đem phương pháp thành Phật này, Kinh điển này truyền thọ cho bạn rồi. Bạn đạt được thì đời này bạn sẽ làm Phật. Điều này thật không thể nghĩ bàn.

Trong kinh luận Đại Thừa, Phật thường nói với chúng ta: "Phàm phu muốn tu hành thành Phật phải trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp". Thời gian phải dài như vậy, nhưng bạn gặp được pháp môn này thì chỉ vài ngày công phu là đã đủ rồi, đâu cần thời gian dài như thế. Trong kinh Di-đà không phải đã nói: "*Hoặc một ngày, hoặc đến bảy ngày*" là thành công sao? Nói cách khác, trong đời này bạn nhất định thành tựu. Thử hỏi Phật gặp được một người như vậy thì sự vui mừng của Ngài quả thật chúng ta không thể nào hình dung ra được. Trong đời này có thể tiếp nhận pháp môn Tịnh Độ thì bạn sẽ có được lợi ích cứu cánh viên mãn. Ngẫu Ích Đại Sư trong Yếu Giải có nói: "*Phật lấy việc độ sanh làm bổn hoài, cơ duyên thành Phật của chúng sanh nay đã chín muồi*", câu nói này quả thật trước đây chưa ai từng nói qua. Quả thật câu nói này của Ngẫu Ích Đại Sư đã nói đúng tâm khảm của Phật, thật là hiếm có! Vì nói cái pháp khó tin, pháp này A-la-hán, Bích-chi-Phật, Quyền Giáo Bồ-tát cũng đều khó tin, pháp khó tin mà vì sao bạn lại tin được? Vì cơ hội thành Phật trong đời này của bạn đã chín muồi rồi, hiện

nay chín muồi rồi, cho nên bạn tin, bạn có thể tiếp nhận. Phật quả thật có thể giúp chúng ta trong một kiếp ngắn ngủi này được giải thoát rốt ráo. Cho nên, Ngài hoan hỷ vui vẻ vì chúng ta mà nói pháp môn này. **"Thuyết" là ý nghĩa như vậy**.

Tiểu tiết thứ ba là "*Đại Thừa*", "*Đại Thừa*" là tỉ dụ. Chữ "*Thừa*" này thời xưa đọc là "thặng", hiện nay mọi người chúng ta đều đọc là "thừa", chúng tôi cũng đọc theo là thừa. Đọc theo âm thời xưa thì không ai hiểu, khiến người nghe cảm thấy kỳ quái, cảm thấy không tự nhiên, phải không? Cho nên mọi người đều sai, chúng tôi cũng theo họ sai luôn, nhưng ý nghĩa không sai là được rồi. Thật tình mà nói, công cụ vận chuyển chính là xe. Xe có xe lớn, xe nhỏ: xe nhỏ thời xưa là xe dê - xe do dê kéo, xe hươu - xe do hươu kéo. Dê và hươu đều không lớn, cho nên chiếc xe kéo chỉ một người ngồi. Còn xe lớn là xe gì? Xe ngựa - xe ngựa thì lớn có thể ngồi được rất nhiều người. Trong kinh thường nói xe trâu trắng lớn là hình dung xe lớn. Kỳ thật, xe trâu trắng lớn chính là xe ngựa. Hiện nay khoa học kỹ thuật phát triển, xe nhỏ cũng có thể chở được bốn, năm người, còn xe lớn như xe lửa có thể chở được vài trăm người. Điều này người thời xưa không thể tưởng tượng được. Cho nên hai chữ "Đại Thừa" này nghĩa là phổ độ chúng sanh, lợi ích cho tất cả chúng sanh. Tiểu Thừa là lợi ích cho riêng mình. Trong bộ kinh này có nói đến "*năng niệm chi tâm*" (tâm có thể niệm Phật), đó là dạy chúng ta niệm Phật. "*Cái tâm năng niệm vốn dĩ là Phật, tâm tức là Phật, Phật tức là tâm, năng thừa là đại. Khởi tâm niệm Phật, niệm niệm làm Phật, sở thừa cũng là đại*". "Năng, sở" đều đại cả, đúng thật là Đại Thừa. Cổ Đức nói pháp môn này là: "*Đại thừa trong đại thừa, liễu nghĩa trong liễu nghĩa, đệ nhất liễu nghĩa trong các kinh liễu nghĩa*", tán thán bộ kinh này đến chỗ cùng cực.

Tiếp theo là "*Vô Lượng Thọ*", "*Vô Lượng Thọ*" là tánh đức, là đức năng vốn sẵn có trong chân tâm tự tánh của chúng ta. Phạn ngữ gọi "A-di-đà", ba chữ "A-di-đà" này là Phạn âm, là mật ngữ, cũng giống như chú vậy, chứa vô lượng nghĩa. Nếu chúng ta từ trên mặt chữ mà nhìn thì chữ "A" nghĩa là Vô, "Di-đà" nghĩa là Lượng - Vô Lượng, đức năng của tự tánh vô lượng, vô biên. Trong kinh điển, trong vô lượng nghĩa, Phật chỉ nói cho chúng ta hai nghĩa: Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Quý vị phải hiểu rằng Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ chỉ là hai ý nghĩa trong vô lượng nghĩa. Tuy nhiên, hai nghĩa này rất thù thắng. Bởi vì thọ mạng có thể đại biểu cho thời gian là quá khứ hiện tại vị lai. Quang minh chiếu khắp có thể đại biểu cho không gian. Như vậy một nghĩa đại biểu cho thời gian, một nghĩa đại biểu cho không gian, trong "thời không" bao gồm tất cả vô lượng, không sót một cái nào, hai nghĩa này rất hay.

Quý vị phải hiểu rằng hàm nghĩa trong hai chữ "*vô lượng*" vô cùng rộng lớn. Ví như chúng ta nói: Trí huệ vô lượng, đức năng vô lượng, tài nghệ vô lượng, mọi thứ vô lượng, tất cả vô lượng đều nằm trong ý nghĩa của ba chữ A-di-đà này. Tuy nhiên, người xưa lại nói trong tất cả vô lượng thì thọ mạng là đệ nhất nghĩa, lời này nói cũng rất có đạo lý. Vì sao? Vì nếu không có thọ mạng thì tất cả vô lượng cũng chỉ là trống không. Thí dụ như người đời nay rất thực tế: Bạn có vô lượng bảo vật, vô lượng tiền của mà không có thọ mạng, như vậy tất cả tiền bạc của bạn đều bị người khác hưởng hết, bạn không thể có được. Nhất định chính mình phải có thọ mạng thì mới có được tất cả. Cho nên, trong tất cả "vô lượng", **thọ mạng là nghĩa thứ nhất**. Câu nói này cũng rất có đạo lý, rất hay. Như vậy, đây là đức hiệu của vị đạo sư ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng nói rõ Phật A-di-đà khi còn ở nhân địa, cũng chính là lúc ngài chưa thành Phật, giống như tình trạng của chúng ta hiện nay, khi mới phát tâm học Phật. Từ nơi kinh điển chúng ta có thể đọc thấy đại nguyện đại hạnh của Pháp Tạng Tỳ-kheo lúc còn ở nhân địa mãi đến khi Ngài tu hành thành Phật. Sau khi thành Phật, Ngài dùng đủ loại phương tiện thiện xảo để trang nghiêm Tịnh Độ, tiếp dẫn tất cả chúng sanh trong pháp giới đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để tu hành chứng quả. Nói cách khác, Ngài cung cấp cho chúng ta một hoàn cảnh tu học thù thắng nhất, viên mãn nhất, khiến chúng ta đến đó để thành tựu. Đây cũng chính là những gì được nói trong bộ kinh này.

"*Trang nghiêm*" tức là "tốt đẹp" mà ngày nay chúng ta thường nói. Phật Pháp gọi là trang nghiêm. Trong kinh nói: "*Nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ*". Có thể nói từ lúc A-di-đà Phật mới phát tâm mãi đến lúc thành Phật, Ngài nhất tâm nhất ý để xây dựng đạo tràng thế giới Tây Phương Cực Lạc này, xây dựng hoàn cảnh tu học tốt đẹp này để cung ứng cho tất cả chúng sanh đến tu hành. Đây tức là "*nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ*". Chúng ta cũng có thể cảm giác được đạo tràng Cư Sĩ Lâm nơi này, trên từ các vị trong hội đồng quản trị dưới đến tất cả đạo hữu, mỗi lần tôi đến Singapore tham học, những gì tôi thấy được, cảm nhận được là mọi người cũng đang "nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ". Chúng tôi mỗi lần đến đây nhìn thấy hoàn cảnh đều có khác. Điểm này cũng tương tự, cũng giống với nhân địa của Phật A-di-đà, cung cấp cho quý vị đồng tu đến nơi này để tham học, khiến chúng ta có một hoàn cảnh vô cùng tốt đẹp để ở tại nơi đây nghe kinh, ở tại nơi đây niệm Phật, ở tại nơi đây cộng tu.

Trong kinh lại nói: "*Trang nghiêm chúng hạnh*", điều này chúng ta phải chăm chỉ nỗ lực để làm. Câu nói này nghĩa là gì? Chúng ta y theo những lý luận và lời dạy nói trong kinh điển để làm tiêu chuẩn, **phải thật sự y giáo phụng hành. Trong kinh điển, Phật dạy chúng ta những gì không được làm, không nên làm thì chúng ta quyết không làm, những việc gì là công đức chân thật thì chúng ta nên cố gắng để làm, chúng ta nên hết lòng để làm.** "*Đoạn ác tu thiện*", đây tức là trang nghiêm chúng hạnh. "Hạnh" là hành vi, khiến hành vi và tánh đức của chúng ta đều có thể tương ưng. Cần phải có nhận thức rất sâu về tu học tánh đức; huệ giải, trí huệ, hiểu rõ tất cả chân tướng của sự thật, sau đó bạn tự nhiên sẽ vô cùng hoan hỷ để làm.

Phật nói với chúng ta, gốc rễ đại ác của chúng ta là gì? Tham Sân Si, ba thứ độc phiền não, là tam độc đấy! Cho nên, trước tiên Phật dạy chúng ta phải nhổ bỏ ba thứ độc phiền não này, phải nhổ trừ thì chúng ta mới là người khỏe mạnh, mới là người tốt. Người tốt, người khỏe mạnh thì không có bệnh. Nếu có ba độc này thì người sẽ không khỏe mạnh, có độc trong người, chất độc sẽ bộc phát, bộc phát thì thành bệnh. Cho nên vô lượng, vô biên bệnh tật từ đâu đến? Là từ tam độc phiền não phát khởi, cho nên khi ba thứ độc bị nhổ trừ thì bệnh của bạn liền khỏi, từ nay về sau sẽ không bao giờ sinh bệnh nữa. Gốc bệnh chính là tam độc Tham Sân Si. Cho nên Phật dạy chúng ta:

- ✓ Dùng bố thí để nhổ trừ độc tham.
- ✓ Dùng nhẫn nhục để nhổ trừ độc sân hận.
- ✓ Dùng trí huệ để nhổ trừ độc si.

Cho nên Lục độ của Bồ-tát là đối trị tam độc phiền não. Bởi thế Phật dạy chúng ta phải bố thí. Bạn xem, trong Bồ-tát hạnh, điều thứ nhất là dạy chúng ta phải bố thí, công đức lợi ích của bố thí là vô lượng vô biên. Bố thí tài thì được giàu có, bố thí pháp thì được thông minh trí huệ, bố thí vô úy thì được khỏe mạnh trường thọ. **Chúng ta in kinh bố thí, hiện nay có thể làm các loại băng ghi âm, băng ghi hình để bố thí là hội đủ ba loại bố thí**. Bạn xem, in kinh, làm băng phải dùng tiền, tiền là tài bố thí. Nội dung bên trong là Phật pháp, là pháp bố thí. Sau khi mọi người nghe xong thì tâm khai ý giải, không còn lo âu, sợ hãi đây là vô úy bố thí. "Nhất cử tam đắc" (làm một được cả ba), ai biết làm việc này? Người thông minh biết làm. Tôi biết được đạo lý này lúc tôi mới bắt đầu học Phật, thầy tôi đã dạy cho tôi. Tôi hiểu rõ rồi, tôi vô cùng ưa thích tu học pháp môn này. Cho nên quý vị cúng dường cho tôi, tôi lấy hết đi in kinh bố thí. Hôm nay, trong đạo

tràng quý vị dùng quyển kinh này, quyển kinh được in rất đẹp. Bản gốc là do Singapore làm, bên Đài Loan cũng có in, do đồng tu ở đó phát tâm in. Quyển này giá thành in tại Đài Loan khoảng một đồng đô-la Mỹ. Bạn xem, in mười ngàn cuốn, kết pháp duyên với mười ngàn người thì trong tâm vui mừng biết bao! Hơn nữa là pháp duyên thù thắng nhất, "*chân thật trang nghiêm, trang nghiêm chúng hạnh*". Đây là chúng tôi lấy một thí dụ để giải thích rõ ràng.

Trong kinh lại nói: "*Ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hạnh* (Con đã thành tựu việc trang nghiêm cõi Phật và các hạnh thanh tịnh*)*", đây là nói rõ, Phật A-di-đà tu nhân chứng quả. Sau khi thành Phật Ngài vẫn không quên trang nghiêm Phật độ, vẫn không quên các hạnh thanh tịnh, cung cấp một đạo tràng tốt như vậy để thành tựu mọi người. Trong đề kinh này, "*Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm*" đều thuộc về tánh đức, trong tự tánh chúng ta vốn sẵn đầy đủ. Như Lục Tổ Đại Sư sau khi khai ngộ, Ngài đã nói như vầy: "*Hà kỳ tự tánh, bổn lai cụ túc*" (nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ). "Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm" đều là "bổn lai cụ túc" (vốn sẵn đầy đủ). Thế nhưng hiện nay chúng ta đã mê mất tánh đức, không thể hiện tiền. Cho nên, nhất định phải có tu đức thì mới có thể hiển lộ tánh đức, cũng tức là nói tu hành đối với chúng ta là vô cùng quan trọng. Tu gì đây? Cách tu như thế nào? Phải sửa đổi hết tất cả lỗi lầm, tập khí trái ngược với tánh đức của chúng ta thì tánh đức của chúng ta sẽ tự nhiên hiển bày.

Trên đề kinh "*Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác*", ba câu này là dạy chúng ta tổng cương lĩnh của sự tu học.

1. Trước tiên nói "*Thanh Tịnh*", ba nghiệp thân khẩu ý của chúng ta, "nghiệp" là tạo tác, những điều tạo tác không thanh tịnh của chúng ta. Điều thứ nhất là tâm lý chúng ta không thanh tịnh, trong tâm có vọng tưởng, vọng tưởng là mê hoặc. Người giác ngộ không có vọng tưởng, người mê hoặc mới có vọng tưởng. Vọng tưởng là hình dáng của mê, là tướng trạng của mê. Phiền não, phiền não càng là ô nhiễm nghiêm trọng hơn. Tham dục, sân khuể, ngu si, cống cao ngã mạn những thứ này làm ô nhiễm nghiêm trọng tâm thanh tịnh của chúng ta. Đây chính là chỗ khác nhau giữa phàm phu với Phật. Tâm của Phật Bồ-tát là thanh tịnh. Tâm của phàm phu là ô nhiễm. Chúng ta làm cách nào đem tất cả ô nhiễm của tâm địa, nói theo người thời nay là ô nhiễm của tinh thần, ô nhiễm của tư tưởng, ô nhiễm của kiến giải, làm sao đem nó tẩy rửa cho thật sạch sẽ để khôi

phục lại tâm thanh tịnh của mình? Đây là trọng tâm trong sự tu học Phật pháp. Bởi vì tâm thanh tịnh rồi thì thân và khẩu tự nhiên liền thanh tịnh, tâm là chủ tể.

Phật trong các kinh luận Đại Thừa thường nói, thường chỉ dạy chúng ta: "*Tất cả pháp từ tâm tưởng mà sanh ra*", câu nói này vô cùng quan trọng. Phật dạy chúng ta pháp môn này, pháp môn này nhanh chóng vững vàng thành Phật là căn cứ vào nguyên lý này: "*Tất cả pháp từ tâm tưởng mà sanh ra*". Vậy thì tại sao ta không tưởng Phật? Niệm Phật, tưởng Phật, "*Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật*" là căn cứ vào đạo lý này. Phàm phu mê hoặc, điên đảo, không hiểu, mỗi ngày khởi vọng tưởng, khởi vọng tưởng thì là phàm phu. **Tưởng Phật thì thành Phật, tưởng Bồ-tát thì thành Bồ-tát. Ngày ngày đều nghĩ đến kiếm tiền thì biến thành ngạ quỷ, bởi vì quỷ tham tài**. Phật giảng cho chúng ta quỷ là tâm tham, địa ngục là tâm sân giận. Chớ có nên tức giận! Thường thường tức giận, ngày ngày tức giận là tạo nghiệp nhân của địa ngục, không tốt! Đó là nghĩ tưởng đến địa ngục. Nghĩ tưởng phát tài tức là muốn làm ngạ quỷ, không tốt đâu! Vậy thì tại sao không tưởng Phật?

Tưởng Phật thì đến thế giới Cực Lạc thành Phật rồi. Là căn cứ trên đạo lý "tất cả pháp từ tâm tưởng mà sanh ra". Tưởng Phật, tưởng Bồ-tát thì tâm thanh tịnh, sẽ tẩy rửa sạch hết những thứ ô nhiễm của chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay. Trong kinh này dạy chúng ta "*tẩy tâm dịch hạnh*" (rửa tâm đổi hạnh). Làm thế nào để "tẩy rửa tâm"? Niệm A-di-đà Phật, nghĩ tưởng A-di-đà Phật, ngoại trừ A-di-đà Phật, thế giới Tây Phương Cực Lạc ra, tất cả những thứ khác đều không nghĩ tưởng. Đây là lời nói thật. Người thời nay mê, mê đến trầm trọng, nhận giả không nhận thật. A-di-đà Phật là thật thì họ không tin. Giả là gì? Tiền bạc thì họ một mực tin tưởng. Đó là giả, không phải thật "sanh không đem đến, chết không mang đi", hơn nữa vì những thứ này mà ngày ngày sinh phiền não, đáng giận đến cực độ. Người thông minh đem vứt nó đi, tuyệt đối không nghĩ đến. Cho nên quý vị hãy tỉ mỉ mà tư duy, bình tĩnh để suy nghĩ thì bạn sẽ thông minh, bạn sẽ có trí huệ, bạn có thể nhìn thấu thế giới. Thế giới này cái gì là thật? Cái gì là giả? Chúng ta cần cái thật, không cần cái giả. Vậy thì nhất định không tạo tất cả ác nghiệp. "*Tâm tịnh thì Phật độ tịnh*". Trong sinh hoạt hằng ngày, như chúng tôi đã nói ở phía trước, cá nhân một đời được vui vẻ hạnh phúc, gia đình được mỹ mãn, xã hội hài hòa, đều lấy tâm thanh tịnh làm cơ sở. Tâm người thanh tịnh, tâm thanh tịnh tức là tâm chân thành.

2. Kế đến là "*Bình Đẳng*", trong kinh nói bình đẳng tức là chân như, bình đẳng tức là bất nhị pháp môn (pháp môn không hai). Nhị thì không bình đẳng, bất nhị là bình đẳng. Chúng ta xử sự đối người tiếp vật là ở trên những sự tướng này mà tu tâm bình đẳng, học hạnh bình đẳng. Cho nên chân chánh tu hành, chân chánh dụng công thì tu ở đâu? Có người nói phải vào tận trong núi, tìm một ngôi chùa, một đạo tràng để tu. Cho dù có được duyên phần này bạn cũng không hẳn có thể thành tựu. Chân chánh tu hành là ở ngay trong sinh hoạt, ở ngay trong cuộc sống hằng ngày, trong cách xử sự đối người tiếp vật. Nếu bạn thật sự tu học Đại Thừa, thật sự tu học pháp môn Di-đà thì trong sinh hoạt của chính mình, trong cách xử sự đối người tiếp vật hãy tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng. Dùng phương pháp gì để tu? Dùng một câu danh hiệu này.

Khi tâm của chúng ta không thanh tịnh, không thanh tịnh là gì? Là tham sân si khởi lên, mê hoặc điên đảo khởi lên, vọng tưởng khởi lên liền mau niệm A-di-đà Phật, A-di-đà Phật. Câu "A-di-đà Phật" này sẽ đánh tan vọng tưởng, cũng đánh tan ý niệm tham sân si. Danh hiệu A-di-đà Phật là phương thuốc thanh khiết, lập tức hóa giải những ô nhiễm trong tâm của chúng ta. Đây gọi là dụng công, không phải mỗi ngày niệm mười vạn (100.000) tiếng Phật hiệu mà tham sân si vẫn cứ nổi dậy, vậy thì không có tác dụng, mười vạn tiếng Phật hiệu đó là niệm uổng công. Người xưa nói: "*Hét bể cổ họng cũng uổng công*". Cách đó không có tác dụng. Khi Phật hiệu hữu dụng nhất chính là có thể hóa giải được vọng tưởng, phiền não. Người xưa thường nói: "*Không sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm*", chữ "Giác" này tức là lập tức đề khởi Phật hiệu liền có thể hóa giải phiền não. Đây gọi là dụng công, dụng công lâu ngày thì công phu sẽ đắc lực.

Công phu đắc lực có dáng vẻ thế nào? Là vọng tưởng ít, phiền não nhẹ, tâm địa thanh tịnh, nhìn việc nhìn người rõ ràng hơn trước kia, thông minh hơn trước kia, có trí huệ rồi. Đây là hiện tượng tốt, đây tức là công phu đắc lực. Tâm địa từng ngày, từng ngày thanh tịnh hơn, phiền não từng năm, từng năm ít đi, tự bạn sẽ cảm thấy rất vui vẻ, rất hạnh phúc. Đây là hiện tượng công phu đắc lực. Nếu chúng ta học Phật đã lâu rồi mà không đạt được điều này, phiền não vẫn còn nhiều, vọng tưởng vẫn còn nhiều, vậy thì sự tu hành của bạn đã có vấn đề, đó là không như pháp, nhất định là phương pháp của bạn sai, lý luận sai. Cho nên, mặc dù bạn rất siêng năng tu học nhưng bạn không có thành tích, không đạt được hiệu quả. Bạn phải nghiêm túc kiểm thảo, phản tỉnh, sửa đổi. Nhất định phải đạt hiệu quả thật tốt.

Ví dụ ngày xưa tôi nhìn người không được bình đẳng, nhìn sự việc cũng thường bất bình, đây là phiền não, đây là sai lầm, bây giờ thì sao? Bây giờ nhìn thấy rất hài lòng, đều bình đẳng, không so đo như trước nữa. Đây chính là có tiến bộ. Có lẽ có người hỏi trước kia tôi rất sáng suốt, còn bây giờ có phải tôi hồ đồ rồi không? Tôi hiện nay ngay cả đúng sai, xanh đỏ, đen trắng đều không phân biệt nữa chẳng phải hồ đồ rồi sao? Vậy đúng là hồ đồ rồi! Công phu đắc lực không phải là hình dáng như thế, họ đều biết rõ ràng tường tận mà tâm địa thì bình lặng, cho nên tất cả thiện ác đúng sai đều sáng tỏ, thấu suốt, phân minh. Tâm này là bình đẳng, đây mới gọi là công phu. Trong này phải phân biệt rõ ràng, không thể đem hồ đồ cho là trí huệ, vậy thì sai rồi. Không thể xem hồ đồ là công phu đắc lực được, điều này không thể được.

3.“*Giác*” tức là giác mà không mê, trong tựa đề này Cổ Đức nói Bình Đẳng Giác có bốn ý nghĩa, bốn nghĩa này đều rất hay.

Nghĩa thứ nhất: Bình đẳng phổ giác tất cả chúng sanh. Nghĩa này rất hay, tức là pháp môn tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Quý vị thử nghĩ đây đích thực là thù thắng không gì sánh bằng. Như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa tuy nói thành Phật nhưng không bình đẳng. Hoa Nghiêm có ngũ giáo “Tiểu, Thủy, Chung, Đốn, Viên”. Pháp Hoa là tứ giáo của Tông Thiên Thai: Tạng, Thông, Biệt, Viên, không bình đẳng. Còn Pháp môn này của chúng ta là bình đẳng thành Phật. Trên từ Đẳng Giác Bồ-tát dưới đến chúng sanh trong địa ngục đều bình đẳng được độ, bình đẳng thành Phật. Đây thật là pháp khó tin, sự khó tin này cũng không phải giả, vì sao có thể bình đẳng? Trong đây có đại đạo lý. Tôi hy vọng trong vòng ba mươi ngày này, quý vị để tâm kỹ lưỡng để nghe bộ Kinh này, lắng lòng để lĩnh hội, lời giải đáp đều nằm trong phần Kinh văn, thật là tuyệt diệu không thể diễn tả được.

Nghĩa thứ hai: Là dùng pháp bình đẳng để giác ngộ chúng sanh. Pháp bình đẳng này tức là chỉ bộ Kinh điển này, là chỉ sáu chữ hồng danh (Nam mô A-di-đà Phật). Đích thật chúng ta thật đã minh bạch, hiểu rõ đại ý trong bộ Kinh này, thật sự tin rồi, thật sự phát nguyện rồi, ngay lúc này sẽ được mười phương tất cả chư Phật Như Lai gia trì. Cho nên Pháp môn này có thể bình đẳng giác ngộ tất cả chúng sanh, sức mạnh lớn lao này bất kỳ Kinh luận nào cũng không thể sánh bằng.

Nghĩa thứ ba: Bình Đẳng Giác là chỉ Chánh Giác của Như Lai. Trong Kinh thường nói: “Trên quả địa của Như Lai, chỗ chứng đắc là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, mà Bình Đẳng Giác tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

Giác. Bởi vì đến chỗ này mới thật là hoàn toàn bình đẳng, Bồ-tát tuy đều là Đẳng Giác Bồ-tát, nói một cách nghiêm khắc Đẳng Giác Bồ-tát vẫn chưa bình đẳng, nhất định phải đến lúc thành Phật thì mới thật sự đạt đến bình đẳng, rốt ráo viên mãn.

Nghĩa thứ tư: Bình Đẳng Giác cũng tức là biệt hiệu của Phật A-di-đà, điều này trong Kinh có nói. Đức Thế Tôn vì A-nan mà giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc, Phật hỏi ngài rằng: "Ông có muốn thấy Bình Đẳng Giác không?" Bình Đẳng Giác là chỉ Phật A-di-đà, cho nên mới có bốn ý nghĩa như vậy.

"*Thanh tịnh*", chúng ta lại đem ba câu của việc tu đức hợp lại và đặt vào trong Tam Bảo mà xem. **Thanh tịnh là Tăng Bảo, bình đẳng là Pháp Bảo, giác là Phật Bảo.** Cho nên trong đó đã đầy đủ tự tánh Tam Bảo, đồng thời cũng là Giới Định Huệ tam học: **Thanh tịnh là giới học,** giới là thanh tịnh, giới là thanh lương. **Bình đẳng là định học, giác là huệ học**. Cho thấy danh xưng này hội đủ viên mãn tam học, cũng là tự tánh Tam Bảo. Sự tu học Tịnh Độ của chúng ta lấy điều này làm yếu lĩnh tối cao. Cho nên nếu có người hỏi chúng ta, chúng ta tu Tịnh Độ là cầu điều gì? **Chúng tôi cầu Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm**, không cầu gì khác. Vậy bạn tu những gì? **Chúng tôi tu Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác**. Bạn dùng phương pháp gì để tu? **Chúng tôi dùng tín, nguyện, trì danh**. Điều này rõ ràng minh bạch, không mê hoặc chút nào. Vô lượng thọ trang nghiêm là quả báo, là điều chúng ta cầu. Làm thế nào mới cầu được? Nhất định phải tu thanh tịnh bình đẳng giác. Dùng phương pháp gì? Dùng tín nguyện trì danh. Cho nên trong tín nguyện trì danh đã đầy đủ cả tam học, Tam Bảo. Tam học, Tam Bảo như chúng ta đã biết là bao gồm toàn bộ Phật Pháp, không chỉ là tất cả pháp mà Đức Thích-ca Mâu-ni Phật nói trong bốn mươi chín năm, thậm chí pháp mà mười phương ba đời tất cả chư Phật tuyên thuyết đều được bao gồm trong đó. Một câu A-di-đà Phật đều bao gồm đủ hết tất cả. Cho nên công đức của danh hiệu không thể nghĩ bàn. Thật sự là không thể nghĩ bàn!

Chữ tiếp theo, "*Kinh*" là thông đề, phàm là Phật nói ra đều gọi là Kinh. Chữ này cũng bao hàm rất nhiều nghĩa. Chúng tôi cũng thường giới thiệu nên không cần nói nhiều nữa. Thông thường nhất là dùng bốn chữ "Quán, nhiếp, thường, pháp" để giải thích.

1. "**Quán**" là xuyên suốt đạo lý đã được nói, dùng cách nói hiện nay tức là Phật giảng Kinh rất có thứ lớp, có mạch lạc, rành mạch rõ ràng không loạn. Đây là những lời nói hay, văn chương hay.

2. "**Nhiếp**" là có thể nhiếp trì tất cả chúng sanh. Dùng cách nói hiện nay là lời dạy của Phật, ngày nay chúng ta nói kinh luận của Phật có sức nhiếp thọ, khiến chúng ta sau khi tiếp xúc muốn thôi cũng không được. Giống như nam châm có thể hút sắt. Nó có một sức mạnh lớn như vậy, điều này cũng rất rõ ràng. Ví dụ chúng ta đọc văn tự của thế gian, thông thường là báo chí. Mọi người hằng ngày đều xem báo, xem qua một lần bạn có muốn xem tiếp lần thứ hai hay không? Không muốn xem lần thứ hai nữa. Vì sao? Vì không có sức thu hút. Một cuốn tiểu thuyết hay, lời văn hay, xem qua một lần vẫn muốn xem lại một lần nữa, thậm chí vẫn muốn xem thêm lần nữa. Tuy nhiên, xem đến tám lần, mười lần thì cả đời bạn không muốn xem lại nữa. Đây là do sức thu hút của nó rất có hạn. Nhưng Kinh Phật lại khác, như bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, chúng ta đọc từ lúc mới phát tâm, đọc mãi cho đến khi thành Phật thì mùi vị đó vẫn còn nồng, vĩnh viễn không cùng tận. Đây chính vì sức thu hút của nó quá lớn. Tôi đã giảng bộ Kinh này rất nhiều lần, giảng hoài mà không chán, càng giảng càng thấy hoan hỷ, càng đọc lại càng thấy có mùi vị, vĩnh viễn đọc không chán.

Khi tôi còn nhỏ, thời gian còn đi học ở trường, tôi rất thích xem tiểu thuyết. Bốn quyển tiểu thuyết lớn nổi tiếng của Trung Quốc là Hồng Lâu Mộng, Thủy Hử, Tây Du Ký và Tam Quốc Chí, đại khái tôi đều đọc qua hết mười mấy lần. Còn bây giờ, nếu bày ra trước mặt tôi, tôi nhìn cũng không muốn nhìn nữa, sức mạnh của nó chẳng qua chỉ mười mấy lần mà thôi, so sánh với Kinh Phật thì kém rất xa. Đó là sức mạnh nhiếp thọ.

3. Nghĩa thứ ba là "**Thường**", thường nghĩa là xưa nay bất di bất dịch, người thế gian chúng ta gọi là chân lý. Nó là chân lý vĩnh hằng, không thay đổi.

4. Nghĩa thứ tư là "**Pháp**", Pháp là pháp tắc. Quá khứ hiện tại vị lai muốn trong đời này liễu sanh tử xuất tam giới, viên mãn thành Phật, tuân thủ phương pháp này thì nhất định không sai.

Hội đủ bốn ý nghĩa này mới có thể gọi là Kinh, đây là một chữ được người Trung Quốc vô cùng tôn trọng đối với các điển tịch (sách vở ghi luật lệ, phép tắc). Như vậy trong bộ Kinh này nếu muốn phối hợp ba thứ "Giác" để nói thì cũng đầy đủ: Vô Lượng Thọ là bổn giác, "*phát Bồ-đề tâm nhất hướng chuyên niệm*" là thủy giác. Thủy giác hợp với bổn giác, mãi cho đến viên mãn cứu cánh giác, tức là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác trong đề Kinh. Bởi vì Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là đức hiệu của chư Phật Như Lai. Cũng có thể nói Bình Đẳng Giác là bổn giác, Trang Nghiêm là thủy giác. Chứng đắc Vô Lượng Thọ tức là bình đẳng giác, là

chúng ta tu nhân, Vô Lượng Thọ là quả đức của chúng ta, diệu nghĩa bên trong thật vô cùng tận. Quý vị đọc đi đọc lại nhiều lần đề Kinh này dần dần quý vị sẽ lĩnh hội được. Sau đó quý vị mới thật sự hiểu rõ sức thu hút của bộ Kinh này. Thật tình mà nói, tất cả Kinh khác đều không thể sánh bằng.

Kinh văn tổng cộng có bốn mươi tám phẩm, không dài. Phần tựa có ba phẩm, phần chánh tông có ba mươi chín phẩm, sáu phẩm sau cùng là phần lưu thông. Văn tự không quá dài nhưng kết cấu của nó đích thực là cách kết cấu của một bộ đại Kinh. Cách kết cấu giống những bộ kinh lớn như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, nhưng Kinh văn so với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa thì ngắn hơn rất nhiều, rất thích hợp cho người đời nay đọc tụng, thọ trì.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 2

PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG ĐỆ NHẤT
PHẨM THỨ NHẤT: PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG

Thể lệ của Kinh Phật tự nhiên chia làm ba phần: Phần Tựa, phần Chánh Tông và phần Lưu Thông. Hôm qua, đã giới thiệu sơ lược với quý vị rồi.

1. **Phần Tựa:** Trong phần này muốn nói rõ cho chúng ta về nguyên do của pháp hội lần này.

2. **Phần Chánh Tông**: Là phần chủ yếu nhất của pháp hội, phát huy toàn bộ ý thú quan trọng của pháp hội.

3. **Phần Lưu Thông** sau cùng là hy vọng những người nghe được bộ kinh này, những người đọc được bộ kinh này đều có trách nhiệm, có nghĩa vụ tận tâm, tận lực tuyên dương pháp môn này, cũng tức là tiến cử giới thiệu cho tất cả chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh được lợi ích viên mãn của đại pháp.

Do đây có thể thấy, Phật Pháp có tâm lượng rất rộng lớn. Trong kinh Đại Thừa thường nói "*ngang khắp mười phương, dọc cùng tam tế*", đây là tâm lượng của Phật, Bồ-tát. Chúng ta học Phật mục đích là phải làm Phật, cũng gọi là thành Phật. Mục đích chúng ta học Phật chính là phải thành Phật, cũng là nói phải khôi phục lại tâm lượng bản năng của chúng ta, không khác với chư Phật Như Lai.

Bây giờ xin xem phần kinh văn. Phẩm Thứ Nhất "*Pháp Hội Thánh Chúng*" giới thiệu về lần pháp hội này, trạng huống trong pháp hội này.

"***Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương-xá thành, Kỳ-xà-quật sơn trung, dữ đại Tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu***".

(Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ, Đức Phật ở núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương-xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một vạn hai ngàn vị cùng hội họp).

Trước tiên chúng ta xem đoạn nhỏ này. Đoạn nhỏ này giống như phần ghi chép trong hội nghị của chúng ta hiện nay. Ghi chép lại thời gian, nơi chốn, người thuyết pháp và những người tham gia pháp hội. Việc này hơi khác với việc thầy giáo vào lớp dạy học trong giáo học thông thường.

Câu thứ nhất, "*Như thị ngã văn*", những người thường đọc kinh Phật như chúng ta nhất định đều biết, tất cả kinh Phật vừa mở đầu đều có câu này, đều giống nhau. Phần đầu mỗi bộ Kinh Phật đều có câu này, từ đây có thể biết câu

này vô cùng quan trọng. Bốn chữ này rốt cuộc đã nói lên ý nghĩa gì? Bốn chữ này nói rõ tất cả những kinh mà Phật nói cho chúng ta, căn cứ của nó là trong một câu này. Nói cách khác, Thích-ca Mâu-ni Phật thuyết tất cả pháp trong bốn mươi chín năm, nếu đem tổng quát lại thì Ngài nói những gì? Chính là nói "Như Thị", chữ này cực kỳ tuyệt diệu. Như, nếu từ trên mặt chữ nói một cách dễ hiểu thì "như thị ngã văn" là tôi - Tôn giả A-nan là người kết tập kinh.

Chúng ta đều biết, Thế Tôn năm xưa khi còn tại thế giảng kinh, nói pháp hoàn toàn dùng khẩu ngữ, không dùng chữ viết ghi chép lại. Mãi đến sau khi Phật viên tịch, chúng đệ tử cảm thấy cả đời thầy đã dạy dỗ đại chúng biết bao điều quý báu cần phải lưu truyền cho đời sau. Lưu truyền cho đời sau mà dùng cách truyền miệng thì rất khó, hơn nữa dễ phát sinh sai sót. Phương pháp tốt nhất là dùng văn tự ghi chép lại. Việc ghi chép này phải chính xác, không thể dẫn dắt người sau đi sai đường. Cho nên việc này phải làm một cách vô cùng cẩn trọng. Đồng thời, việc kết tập này là do đoàn thể làm, không phải do cá nhân [làm]. Phương thức kết tập là thỉnh Tôn giả A-nan đem những kinh mà Đức Phật đã giảng trong quá khứ giảng lại một lần. Trong các đồng học Tôn giả A-nan nổi tiếng là **đa văn đệ nhất**, cũng tức là những kinh điển cả đời Thế Tôn giảng nói A-nan đều đã nghe qua. Sức ghi nhớ của A-nan vô cùng tốt, gần giống như máy ghi âm của chúng ta vậy. Ngài sau khi nghe qua một lần thì sẽ không quên, có thể giảng [lại] y như Phật. Điều này có thể quý vị rất khó tin, có một sức ghi nhớ tốt như vậy, nhưng tôi có thể tin.

Hiện nay, tôi đã già rồi. Lúc tôi còn trẻ theo thầy Lý học Phật. Tôi nghe Ngài giảng kinh, tôi không thể nhớ hết một trăm phần trăm, năng lực này tôi không có. Tuy nhiên, tối thiểu tôi có thể nhớ đến chín mươi lăm phần trăm. Tôi có khả năng này. Cho nên Tôn giả A-nan có thể ghi nhớ được một trăm phần trăm thì tôi tin. Có được khả năng như vậy thì học tập tự nhiên sẽ rất nhanh chóng.

Vì thế mọi người đề cử Tôn giả A-nan thăng tòa giảng kinh, bên cạnh có người ghi chép lại. Còn thính chúng là năm trăm vị A-la-hán. Tôi thấy bên cạnh lầu bốn này của chúng ta có năm trăm vị La-hán cũng đều đến rồi. Năm trăm vị La-hán này đều là học trò của Phật. Họ đều đã từng nghe Phật giảng kinh, thỉnh họ đến để chứng minh.

Sau khi A-nan tuyên thuyết, nếu trong đó có một người đề ra ý kiến phản đối nói rằng: "Tôn giả A-nan! Cách nói này của ông tôi chưa từng nghe qua" thì đoạn thuyết giảng đó phải bỏ đi, không được ghi chép. Cho nên sự nghiêm cẩn của việc

kết tập kinh này phải được năm trăm vị thính chúng đều công nhận, đều không nói lời nào. Như vậy mới có thể được ghi chép lại. Không phải như hiện nay nói đa số thông qua là được. Không thể được. Chỉ một người nêu ra ý kiến thì không được ghi chép lại. Nhất định mọi người đều phải tán thành, mọi người đều đồng ý, lời nói này xác thật là lời Phật nói. Cho nên bộ kinh điển này sau khi được viết xong, câu thứ nhất dùng "*Như thị ngã văn*". Bộ kinh này là do tôi nghe Phật nói, Phật nói như thế nào chúng tôi ghi lại như thế đó, cũng như chính miệng Phật nói vậy. Đây gọi là **tín thành tựu**, khiến cho người đời sau có thể tin tưởng. Đây là ý nghĩa của việc kết tập.

Ý nghĩa thật sự thâm sâu của nó trong Phật Pháp gọi là mật nghĩa. Chữ "Như" này là "Chân Như". Cũng tức là chúng ta hiện nay nói "chân tướng sự thật", hoàn toàn phù hợp với chân tướng sự thật. Đây chính là "Thị", nếu không phải là chân tướng sự thật thì đó là "Bất Thị". Cho nên hai chữ này đặt ở đây hiển thị những gì Thế Tôn nói đều là chân tướng sự thật. Đây là một cách nói thông suốt. Cách nói như vậy có thể phù hợp với tất cả kinh điển.

Tuy nhiên, Thế Tôn ở mỗi bộ kinh, mỗi pháp hội đều có một ý nghĩa đặc biệt của Ngài. Tỉ dụ như trong hội này, Thế Tôn vì chúng ta mà nói rõ thế giới Tây Phương Cực Lạc y chánh trang nghiêm. Đây cũng toàn là sự thật, tuyệt đối không phải hư cấu. Hư không rất rộng lớn, thế giới vô lượng, vô biên nhưng trí huệ, tri thức, năng lực của chúng ta thì quá nhỏ bé. Đừng nói là trong thái không có rất nhiều chân tướng sự thật mà chúng ta không hiểu rõ, ngay quả địa cầu mà chúng ta hiện nay đang ở, có rất nhiều chân tướng sự thật nhưng chúng ta cũng không có cách gì hiểu nổi, huống gì là thế giới phương khác. Trí huệ của Phật và đại Bồ-tát vô lượng vô biên, tận hư không khắp pháp giới các Ngài đều có thể nhìn thấy, "*vô sở bất tri, vô sở bất năng*" (không gì không biết, không gì không thể), những gì chúng ta không nhìn thấy thì các Ngài nhìn thấy.

Những điều Phật nói với chúng ta đều là sự thật. Tuyệt đối không phải là lý tưởng, tuyệt đối không phải là suy đoán. Ngài nói với chúng ta về thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc quả thật là có. Ngài nói với chúng ta về lục đạo luân hồi, lục đạo luân hồi cũng thật có, không phải giả. Cho nên đây là nghĩa của chữ "Như". Vậy câu nói này là Tín Thành Tựu. Tín là điều kiện căn bản nhất trong việc tu học.

Phật trong Kinh Hoa Nghiêm có nói: "*tín vi năng nhập*" (tin thì có thể vào được), đem Phật Pháp tỉ dụ cho biển cả, tin thì có thể vào được. Biển lớn của Phật

Pháp thực tế mà nói là biển lớn của trí huệ. Trí huệ vô lượng vô biên, bạn phải tin thì bạn mới có thể đạt được. Cho nên nói: "*Tín vi Đạo nguyên công đức mẫu*" (Tín là nguồn của Đạo, là mẹ của công đức). Đạo tức là con đường lớn để thành Phật, con đường thành tựu rốt ráo viên mãn trí huệ. Đây chính là tín. Công đức vô lượng vô biên cũng từ trong tín tâm mà sanh ra. Chữ mẫu này là mẹ là tỉ dụ cho ý nghĩa năng sanh, có thể sanh ra vô lượng vô biên công đức chính là lòng tin. Tín vô cùng quan trọng. Ngẫu Ích Đại Sư trong Kinh Di-đà Yếu Giải nói: "*Y thật tướng lý*", thật tướng tức là chân tướng sự thật. Thích-ca Mâu-ni Phật y theo đạo lý của chân tướng sự thật, vì chúng ta mà nói rõ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nhất định là chính xác. Đây gọi là như thị. Cách nói của Ngẫu Ích Đại Sư vô cùng viên mãn. Những gì Phật nói cho chúng ta là chân tướng sự thật. Phật dạy chúng ta cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng nhất định là chính xác.

Vậy vì sao Phật lại nói rất nhiều kinh luận như vậy? Chỉ cần nói bộ kinh này là được rồi, vì sao phải nói nhiều như thế, khiến chúng ta ngày nay hoa mắt, rối ren không biết làm thế nào mới đúng. Đây là nguyên nhân gì? Trong này có đạo lý. Bởi vì căn tánh của chúng sanh không đồng, không phải tất cả mọi người đều có thể tiếp nhận pháp môn này. Thực tế mà nói, bất luận bộ kinh luận nào, bất luận một pháp môn nào cũng vô phương bảo mọi người cùng tiếp nhận. Do đó, Phật mới tùy thuận căn tánh của chúng sanh. Bạn thích pháp môn nào thì Ngài sẽ giảng pháp môn đó cho bạn. Cho nên ứng cơ thuyết pháp. Căn cơ của chúng sanh vô lượng vô biên thì Phật cũng giảng vô lượng vô biên pháp môn. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện nói: "*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*" là đạo lý như vậy. Phật nói rất nhiều pháp nhưng bạn phải biết, mặc dù rất nhiều pháp nhưng đến cuối đều quy về một pháp, "*vạn pháp quy nhất*", như vậy mới là đạo lý chính xác, cho nên nói "*thù đồ đồng quy*" (khác đường lối mà cùng đến một mục đích).

Chữ "*Nhất*" đây là gì? "Nhất" chính là thế giới Cực Lạc, tức là Tây Phương Tịnh Độ. Điều này chúng ta có thể nhìn thấy rất rõ ràng. Vô lượng pháp môn đồng quy về thế giới Hoa Tạng. Hoa Tạng giống như biển cả, sau khi đến thế giới Hoa Tạng, hai vị Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền dùng Thập Đại Nguyện Vương dẫn về Cực Lạc. Chúng ta mới tưởng tượng, mới lĩnh hội được thì ra thế giới Tây Phương đại khái là trung tâm của Hoa Tạng, là tinh hoa của Hoa Tạng, cho nên Bồ-tát của thế giới Hoa Tạng đều phải đến thế giới Cực Lạc để gặp Phật A-di-đà, đến nơi đó để tu học. Cho thấy đây quả thật là Đại Thừa trong Đại Thừa, liễu nghĩa trong liễu nghĩa, thù thắng không gì sánh bằng. Vậy nếu chúng ta tu học từ con đường khác, từ pháp môn khác, đến cuối cùng thì tới thế giới Hoa Tạng, rồi

lại theo Bồ-tát Phổ Hiền đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Như vậy phải tu bao lâu? Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật nói lời chân thật với chúng ta: "Không phải ba đại a-tăng-kỳ kiếp mà là vô lượng đại kiếp", thời gian này vô cùng dài. Vì sao phải mất thời gian dài như vậy? Bởi vì họ có tiến có thối. Thực tế mà nói, tiến thì ít, thối thì nhiều, họ có thối chuyển. Cho nên thời kiếp này vô cùng dài lâu. Pháp môn Tịnh Độ thì dễ dàng, trong một đời nhất định thành tựu, không cần phải mất thời gian rất dài như vậy.

Trong kinh Di-đà nói: "*Hoặc một ngày, hoặc hai ngày cho đến hoặc bảy ngày*" thì thành công. Cổ Đức nói với chúng ta: Người lợi căn một ngày thì thành tựu, người độn căn bảy ngày cũng có thể thành tựu. Điều này so với ba đại a-tăng-kỳ kiếp, vô lượng a-tăng-kỳ kiếp thì thật không thể so sánh được. Vậy chúng ta muốn hỏi: Thời gian này vừa ngắn, vừa nhanh, nhưng so với người tu ba đại a-tăng-kỳ kiếp thì rốt cuộc người nào thành tựu được quả báo cao hơn? Nếu sự thành tựu trong bảy ngày không thể cao bằng sự thành tựu của người tu ba đại a-tăng-kỳ kiếp, vậy thì pháp môn này cũng không thù thắng lắm, cũng không kỳ diệu đặc biệt lắm. Nhưng Phật trong kinh nói với chúng ta: Y theo pháp môn này tu học thì họ thành tựu còn cao hơn, còn thù thắng hơn so với người tu ba đại a-tăng-kỳ kiếp, tu vô lượng a-tăng-kỳ kiếp. Điều này không thể nghĩ bàn. Cho nên, pháp môn này gọi là "*nan tín chi pháp*" (pháp khó tin). Trong nhà Phật có rất nhiều vị đại Pháp Sư, đại thiện tri thức, đại cư sĩ không tin tưởng. Điều này cũng không lấy gì làm lạ. Vì sao? Vì còn rất nhiều vị A-la-hán, Bích-chi-Phật, rất nhiều vị Bồ-tát cũng không tin, là pháp khó tin mà. Phật nói pháp môn này là "*duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*" (chỉ có Phật với Phật mới hiểu được rốt ráo). Khi thành Phật rồi họ mới tin, mới không còn lời gì để nói, mới hoàn toàn hiểu rõ. Thật ra Đẳng Giác Bồ-tát nếu không được Phật lực gia trì thì họ cũng không thể hiểu rõ được. Thế mà chuyện lạ này lại xảy ra. Vì sao chúng ta có thể tin tưởng pháp môn khó tin này? Điều này rất kỳ lạ. Giảng pháp môn này cho bạn, bạn không tin, đó là điều rất bình thường, không kỳ lạ. Nếu bạn tin thì mới là kỳ lạ, điều này không phải là bình thường. Bạn sở dĩ có thể tin, trong kinh này Phật cũng đã nói rất rõ ràng, là do thiện căn phước đức nhân duyên của bạn trong vô lượng kiếp tu hành ở đời trước đến lúc này đã thành thục. Đây là công đức của chính bạn, đồng thời, hiện tại bạn được bổn nguyện của mười phương tất cả chư Phật Như Lai gia trì, đây là tha lực. Pháp môn này gọi là Pháp môn Nhị Lực. Cho nên chúng ta nghe được bộ kinh điển này, nghe được danh hiệu của Phật, có thể sanh tâm hoan hỷ, có thể lý giải được, chịu phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh

Độ. Đây tức là đã được sự gia trì của tất cả chư Phật Như Lai, thật sự không thể nghĩ bàn. Chúng ta nhất định phải tin sâu không nghi.

Theo giáo nghĩa của bổn Tông thì chữ "Như" nghĩa là "*thị tâm thị Phật*" (tâm này là Phật). Đây là ý nghĩa của chữ "Như". "Thị" là "*thị tâm tác Phật*" (tâm này làm Phật). Chúng ta ngày nay phải làm Phật, việc này là quan trọng. Đây mới là đại sự nhân duyên chân thật. Trong kinh Pháp Hoa nói: "*Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện tại thế gian*". Đại sự này tức là cơ hội làm Phật trong đời này của chúng ta đã thành thục rồi. Đây là đại sự, là ý nghĩa của hai chữ ***Như Thị***.

Hai chữ "*ngã văn*", là văn thành tựu, là Tôn giả A-nan đích thân nghe Phật nói, không phải nghe đồn, nghe lời đồn đại chưa chắc là chân thật. [Do Ngài] đích thân nghe [nên] chúng ta có thể sanh khởi lòng tin đối với những điều Tôn giả giảng lại.

Hai chữ "*nhất thời*" là thời gian thành tựu, [Phật] nói vào lúc nào? [Trong kinh] không ghi chép ngày tháng năm. Trước kia, khi tôi mới học Phật, đối với sáu thứ thành tựu trong kinh điển thì rất kính phục, chỉ có đối với hai chữ "*nhất thời*" thì tôi hoài nghi. Sức ghi nhớ của A-nan đã tốt như vậy, mỗi câu nói của Phật Ngài đều không quên. Vậy Phật giảng vào năm nào, tháng nào, ngày nào thì nên ghi ra, còn nói mơ hồ chung chung là "nhất thời" khiến người không thể tín phục, không dễ dàng tâm phục khẩu phục. Còn phần chú giải của người xưa cũng không nói được viên mãn. Đương nhiên các Ngài nói cũng có đạo lý.

Bởi vì năm xưa Phật không phải giảng kinh ở một địa phương. Chúng ta biết được Thế Tôn trong bốn mươi chín năm, dấu chân của Ngài có thể nói là cùng khắp xứ Ấn Độ. Ấn Độ là một nước rất lớn, Ngài đến khắp nơi giảng kinh. Lúc bấy giờ Ấn Độ vẫn chưa thống nhất, giống với tình trạng của Trung Quốc, là thuộc về thời đại của các bộ lạc. Một bộ lạc là một nước nhỏ. Lúc Phật ra đời là thời đại triều Chu Trung Quốc. Quý vị đọc lịch sử đều biết triều nhà Chu Trung Quốc có bao nhiêu quốc gia? Tám trăm chư hầu, hơn tám trăm quốc gia, mà mỗi quốc gia dùng lịch khác nhau. Tại Trung Quốc đến triều nhà Chu đã là khá rồi, hầu như tất cả chư hầu triều nhà Chu đều dùng lịch triều nhà Chu. Nói cách khác, đối với chữ "***thời***" này là có thể thống nhất. Nhưng tại Ấn Độ thì lại khác, mỗi quốc gia có cách làm lịch khác nhau. Do đó, ghi chép lại cũng không biết phải tra cứu từ đâu, đây là thật. Mặc dù không thể tra cứu, nhưng nếu có thể ghi chép lại thì người hậu thế chúng ta nhìn thấy trong tâm cũng cảm thấy rất thiết thực. Chữ

"*nhất thời*" vẫn có cảm giác mơ hồ không rõ. Đến sau này tôi đối với kinh điển Đại Thừa hiểu rõ thêm một chút, mới biết được Ngài dùng chữ "nhất thời" ý nghĩa rất sâu. Thực tế mà nói, không phải là chỉ cho năm tháng ngày giờ, cách đó là chết cứng. Còn chữ "*nhất thời*" này là sống động hoạt bát. Cổ Đức cũng có cách giảng, gọi là lúc "*sư tư đạo hợp*" (thầy trò đạo hợp), lúc "*cơ cảm tương ưng*" (căn cơ của chúng sanh và cảm ứng của Phật tương ưng), cách nói này cũng rất có đạo lý, cũng có thể giảng được thông.

Vào đời nhà Đường, Trí Giả Đại Sư của Tông Thiên Thai đang đọc kinh Pháp Hoa bỗng nhiên nhập định. Ngài đọc đến phẩm Dược Vương thì nhập định. Vừa nhập định thì người của Ngài ở tại núi Thiên Thai, Thiên Thai ở tỉnh Triết Giang, nhưng thần thức của Ngài đã đến Ấn Độ rồi, chính tại nơi này-thành Vương-xá, núi Kỳ-xà-quật. Chúng ta thường gọi núi này là Linh Sơn, núi Linh Thứu, chính là nơi này. Thích-ca Mâu-ni Phật giảng kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu, Kinh Vô Lượng Thọ cũng được giảng tại núi Linh Thứu. Trí Giả Đại Sư đến núi Linh Thứu thấy Thích-ca Mâu-ni Phật đang giảng kinh Pháp Hoa, Ngài còn ngồi phía dưới nghe được một buổi. Khi xuất định, Ngài nói với mọi người: "Pháp hội giảng kinh Pháp Hoa của Thích-ca Mâu-ni Phật vẫn chưa tan, vẫn đang giảng". "*Nhất thời*", vậy có thể biết chữ "nhất" trong bổn Tông gọi là "*nhất tâm bất loạn*". Nếu chúng ta chứng được "nhất tâm bất loạn" thì pháp hội giảng Kinh Vô Lượng Thọ của Thế Tôn ở núi Linh Thứu đến nay cũng vẫn chưa tan. Bạn có thể đích thân nghe Thích-ca Mâu-ni Phật giảng kinh ở tại núi Linh Thứu. Chữ "*nhất*" này ý nghĩa rất dài, nó rất sống động, hoạt bát.

Như vậy cũng có thể nói, khi hội đủ ba thứ tư lương, Tịnh Tông chúng ta nói đó là "*tín nguyện trì danh*", cũng giống như trong Kinh này nói "*Phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*". Lúc đó nhất định được "*cảm ứng đạo giao*", chúng ta nhất định có thể thấy được Thế Tôn, thậm chí thấy được pháp hội của tất cả chư Phật Như Lai giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Cho nên chữ này rất hay! Ý nghĩa vô cùng thâm sâu. Phật, là Thích-ca Mâu-ni Phật, Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật. Ở chỗ này chúng ta phải nhận thức cho rõ ràng, Phật giáo là giáo dục, là nền giáo dục chân thực nhất, viên mãn nhất, rốt ráo nhất của Thích-ca Mâu-ni Phật đối với tất cả chúng sanh. Đó không phải là tôn giáo, điểm này chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng. Chúng ta xưng Phật là Bổn Sư, là vị thầy căn bản (vị thầy đầu tiên), là vị thầy sáng lập ra nền giáo dục này, tức là vị thầy đầu tiên sáng lập ra nền giáo dục Phật-đà. Chúng ta gọi Ngài là bổn sư. Chúng ta tự xưng là đệ tử Tam Bảo, đệ tử là học trò. Cho nên quan hệ của chúng ta với Phật là quan hệ thầy

trò. Điều này quý vị nhất định phải hiểu rõ. Trong tôn giáo không có quan hệ thầy trò, trong giáo dục mới có quan hệ thầy trò. Phật là thầy của chúng ta. Có lúc chúng ta tôn xưng là Đạo Sư - Ngài dẫn đường cho chúng ta.

"*Tại Vương-xá thành*", không nói Ngài "trụ", vì sao? Phật xuất gia rồi, không có nhà, có nhà mới có trụ, cho nên hỏi bạn "trụ" ở đâu? "Nhà tôi ở nơi đó, anh ấy ở chỗ đó". Phật không có "trụ", Phật xuất gia rồi, xuất gia rồi thì đành phải hỏi "Phật hiện tại ở đâu? Giảng kinh ở đâu?". Nơi nào thỉnh thì Ngài sẽ đến nơi đó, Ngài không có chỗ nhất định. Cho nên phải hỏi Phật ở tại nơi nào. Chữ "tại" với "trụ" không giống nhau. "*Phật tại Vương-xá thành*", địa danh này, chúng ta cũng lược bớt đi, không cần phải giới thiệu tỉ mỉ. Điều này trong chú giải thường giới thiệu rất cặn kẽ.

"*Dữ đại Tỳ-kheo chúng, vạn nhị thiên nhân câu*", đây là đại chúng tham dự pháp hội lúc bấy giờ. Chúng ta nhìn thấy tình trạng này, nhất định sẽ có một cảm giác không thể nghĩ bàn. Giảng đường này của chúng ta, tôi nghĩ thính chúng nhiều nhất cũng không quá một ngàn người. Chúng ta thuyết pháp vẫn phải cần đến microphone, máy khuếch âm. Còn giảng đường của Thích-ca Mâu-ni Phật là mười hai ngàn người, so với chúng ta nhiều gấp mười hai lần. Lúc đó không có microphone, không có máy khuếch âm. Phật nói pháp mỗi người đều nghe rõ ràng, minh bạch. Quý vị còn phải hiểu rằng đại chúng đến tham dự pháp hội không phải đến từ một nơi.

Vào thời đó, Ấn Độ đều là những nước nhỏ, từ rất nhiều những quốc gia tới, ngôn ngữ cũng đều khác nhau, văn tự cũng bất đồng. Phật dùng một âm thanh để nói pháp, chúng sanh tùy loại đều hiểu được. Âm thanh của Phật gọi là diệu âm. Chúng ta từ chỗ này lĩnh hội, nếu Phật thuyết pháp mà người phía sau nghe không hiểu, người nghe không hiểu nếu không giải tán thì cũng chạy mất, có ai còn muốn ngồi nghe nữa. Từ chỗ này chúng ta có thể tưởng tượng được Phật có thần lực không thể nghĩ bàn. Đích thực là dùng âm thanh viên mãn để thuyết pháp.

Thông thường, trong nhiều kinh chúng ta thấy đại chúng trong hội là một ngàn hai trăm năm mươi người, đây là những đệ tử thường đi theo Phật. Thích-ca Mâu-ni Phật đến đâu thì đoàn người này đi theo đến đó, hầu như cả đời không xa rời Thích-ca Mâu-ni Phật. Cho nên khi kết tập kinh trong rất nhiều kinh điển đều dùng họ làm đại biểu. Đương nhiên, ngoài chúng thường tùy này ra còn có rất nhiều người tham gia nhưng không ghi trong văn tự. Những điều ghi chép ở đây, khiến chúng ta cảm giác nó giống kinh Pháp Hoa. Phật giảng kinh Pháp Hoa,

thính chúng là mười hai ngàn người câu hội. Điều này nói rõ kinh này bình đẳng với kinh Pháp Hoa. Trong toàn bộ Phật Pháp, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa được mọi người tôn xưng là "Nhất Thừa Viên Giáo". Điều này nói rõ bộ kinh này là Nhất Thừa Viên Giáo, giống như Pháp Hoa.

Xin xem tiếp hai câu dưới là tán thán đức năng của đại chúng trong pháp hội:

"***Nhất thiết Đại Thánh, thần thông dĩ đạt***".
(Tất cả bậc Đại Thánh này đã chứng thần thông).

Câu nói này không phải tùy tiện mà nói. "*Nhất thiết*" là chỉ cho mười hai ngàn vị đại Tỳ-kheo trong hội, họ đều là Đại Thánh. Chữ "Đại Thánh" này nếu trong Tiểu Thừa tức là A-la-hán, tứ quả La-hán của Tiểu Thừa là Đại Thánh, tam quả trở xuống thì không thể xưng là Đại Thánh. Thế nhưng, chúng ta thấy ở phía trước Ngài nói "đại Tỳ-kheo", Ngài không nói "tiểu Tỳ-kheo". Bộ kinh này là kinh Đại Thừa, không phải là kinh Tiểu Thừa, cho nên, "đại Tỳ-kheo" không phải Tiểu Thừa mà là Đại Thừa. Đặc biệt, ở đây nói là "Đại Thánh". Trong Phật Pháp Đại Thừa, nhất định phải chứng được Bồ-tát trên quả vị Thập Địa thì mới có thể xưng là Đại Thánh. Bình thường khi chúng ta tán Phật, Bồ-tát Ma-ha-tát, Ma-ha-tát tức là Đại Thánh, Bồ-tát là chỉ chung cho Tam Hiền Vị Bồ-tát - Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Từ Sơ Địa đến Thập Địa, đến Đẳng Giác chúng ta xưng là Ma-ha-tát, đây là Đại Thánh. Do đây có thể biết, nhóm người này không phải là người thông thường, đều là từ Thập Địa trở lên, Đẳng Giác Bồ-tát. Các Ngài hóa thân thị hiện thân phận Tỳ-kheo, tham dự pháp hội này nghe Phật giảng kinh, làm ảnh hưởng chúng. Ý nghĩa này rất sâu, không phải bình thường. Những người này thần thông dĩ đạt, [là] trí huệ thần thông của họ đều đạt đến viên mãn rồi. Chữ "đạt" này là thông đạt vô ngại, điều này không phải người bình thường có thể làm được.

Phía dưới là liệt kê cho chúng ta những bậc "*thượng thủ*". "Thượng thủ" cũng giống như lớp trưởng trong đại chúng vậy. Họ là người có những biểu hiện kiệt xuất trong đại chúng [nên] đề cử họ ra làm đại biểu.

"***Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều-trần-như, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả A-nan đẳng, nhi vi thượng thủ***".

(Tên của các vị là: Tôn giả Kiều-trần-như, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả A-nan v.v… làm thượng thủ).

Mở đầu mỗi bộ kinh, chúng ta đều thấy tên của những người này. Tuy nhiên, tên những người này đều khác nhau. Tỉ mỉ xem những tên được liệt kê trong bộ kinh này rất là đặc biệt. Đặc biệt ở chỗ nào?

Vị thứ nhất được nêu danh là *Kiều-trần-như*. Quý vị hãy lưu ý khi xem những kinh Phật này. Bộ kinh nào sắp Ngài Kiều-trần-như lên hàng đầu? Thứ tự sắp tên này hàm ý rất sâu, không phải sắp đặt tùy tiện. Kiều-trần-như là nhân vật nào? Đọc Thích-ca Mâu-ni Phật truyện ký chúng ta đều biết, Thế Tôn ở dưới cội Bồ-đề thị hiện thành đạo. Sau đó, tại vườn Lộc Uyển độ năm vị Tỳ-kheo. Đây là buổi thuyết pháp đầu tiên của Thích-ca Mâu-ni Phật độ năm vị Tỳ-kheo này. Ngài thuyết pháp cho năm người này thì Kiều-trần-như là người đầu tiên khai ngộ, người đầu tiên chứng quả. Ngài được xếp ở đây, dụng ý không phải tầm thường. Tức là nói rõ đây là bộ kinh đệ nhất để thành Phật, trong tất cả pháp môn đây là bộ kinh đệ nhất để tu hành chứng quả [nên] lấy Kiều-trần-như làm đại biểu. Vậy ngày nay chúng ta tiếp nhận bộ kinh này, y theo Pháp môn này tu học thì quý vị biết đây là [pháp môn] được độ bậc nhất, thành Phật bậc nhất. Bởi vì vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì viên chứng Tam Bất Thoái. Trong đời này nhất định sẽ thành tựu Phật quả viên mãn.

Vị thứ hai là "*Tôn giả Xá-lợi-phất*", Xá-lợi-phất đại biểu cho trí huệ. Nếu không phải là đại trí huệ thì không thể tiếp nhận Pháp môn này, không thể tin Pháp môn này. Có thể tin tưởng, có thể tiếp nhận thì đây là đại trí huệ. Quý vị nên hiểu rằng trí huệ và thông minh không giống nhau. Người thông minh không có trí huệ, người có trí huệ chưa hẳn là thông minh. Điều này quý vị nhất định phải phân biệt cho rõ ràng. Trí huệ là phân biệt được chân vọng, phân biệt được tà chánh, phân biệt được lợi hại. Lục đạo luân hồi là hư vọng, lục đạo luân hồi là cái hại lớn, vãng sanh Tịnh Độ vĩnh viễn thoát luân hồi, một đời chứng đắc Phật quả cứu cánh viên mãn. Sự lợi ích lớn lao này cho dù tất cả chư Phật tuyên nói vô lượng kiếp cũng không cùng tận. Đây cũng là chân tướng sự thật. Cho nên dùng Xá-lợi-phất đại biểu cho Đại Trí, như vậy mới có thể tín, có thể nguyện, có thể trì danh.

Vị thứ ba là "*Tôn giả Đại Mục-kiền-liên*", Đại Mục-kiền-liên là vị thần thông đệ nhất dưới hội của Thế Tôn. Chỉ có Đại Mục-kiền-liên mới chịu tin, nguyện, trì danh, vì sao vậy? Ngài có thể thông đạt hiểu rõ. Thông nghĩa là thông đạt, thần nghĩa là thần kỳ không thể suy đoán. Nói cách khác, không thể dựa trên thường thức bình thường của chúng ta có thể đạt được. Người thế gian rất thích thần thông, trí huệ. Thần thông, trí huệ rốt ráo viên mãn là ở thế giới Tây Phương Cực

Lạc. Bạn xem, Ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên hâm mộ mơ ước Tây Phương Tịnh Độ.

"*Tôn giả Ca-diếp*" đại biểu cho Tông Môn, đại biểu cho Thiền Tông, Ngài là Sơ Tổ của Thiền Tông. "*Tôn giả A-nan*" đại biểu cho Giáo Hạ, nêu danh hai vị này thì đã bao gồm toàn bộ Phật Pháp. Ngoại trừ Thiền Tông, chín môn phái còn lại đều gọi là Giáo Hạ. Lấy hai vị này đại biểu cho toàn bộ Phật Pháp là không rời khỏi Tịnh Độ, toàn bộ Phật Pháp cuối cùng đều quy về Tịnh Độ. Cho nên lấy hai vị này làm *thượng thủ*. Đây là chúng Thanh Văn. Đoạn tiếp theo nói về chúng Bồ-tát.

"***Hựu hữu Phổ Hiền Bồ-tát, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát, cập Hiền kiếp trung nhất thiết Bồ-tát, giai lai tập hội***".

(Lại có các Ngài Phổ Hiền Bồ-tát, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát và tất cả Bồ-tát trong Hiền kiếp đều đến tập hội).

Pháp hội này, thực tế mà nói là vô cùng thù thắng. Phổ Hiền và Văn-thù là hai vị đại Bồ-tát trong hội Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm Tam Thánh, Phật là Tỳ-lô-giá-na, Bồ-tát là Văn-thù, Phổ Hiền. Ý này nói rõ kinh này bình đẳng với kinh Hoa Nghiêm, chính là Hoa Nghiêm.

Phía trước chúng ta thấy nói đến "*một vạn hai ngàn vị đại Tỳ-kheo câu hội*", thực tế mà nói, bộ kinh này chính là Pháp Hoa, không khác Pháp Hoa. Điểm này nói với chúng ta, kinh này chính là Hoa Nghiêm. Cho nên cổ nhân từng xưng kinh Vô Lượng Thọ là trung bổn Hoa Nghiêm, kinh A-di-đà là tiểu bổn Hoa Nghiêm. Tịnh Tông với Hoa Nghiêm có quan hệ vô cùng mật thiết, thật sự là nơi quy hướng của Hoa Nghiêm. Bởi thế Ngẫu Ích Đại Sư nói: "Trong Tịnh Độ, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di-đà là áo tạng của Hoa Nghiêm, là bí tủy của Pháp Hoa". Từ điểm này chúng ta có thể chứng minh được lời của Ngẫu Ích Đại Sư đích thực là có căn cứ, không phải tùy tiện mà nói. Trên địa vị toàn bộ Phật pháp mà nói bộ kinh điển này đã lên đến tột đỉnh, đạt đến đỉnh tối cao, quả thật là đệ nhất kinh. Đồng thời, Phổ Hiền Bồ-tát lại là Sơ Tổ của Mật Tông, Ngài đại biểu cho Mật Tông. Cho nên Kinh Vô Lượng Thọ trong đó có Thiền, có Mật. Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều ở trong bộ kinh này. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều từ trong bộ kinh này lưu xuất ra. Nói cách khác, tất cả các Pháp môn đến sau cùng đều trở về Kinh Vô Lượng Thọ, đây là cội nguồn, đây là nguồn gốc.

Sự truyền thừa của Mật Tông, từ trên lịch sử chúng ta thấy sau khi Phật nhập diệt sáu trăm năm, có Long Thọ Bồ-tát xuất hiện ở thế gian. Long Thọ Bồ-tát vô cùng thông minh, trí huệ của Ngài, năng lực của Ngài quả thật vượt hẳn người thường. Những kinh luận lưu truyền ở thế gian, Long Thọ Bồ-tát đều đọc hết toàn bộ trong vài tháng ngắn ngủi. Ấn Độ có rất nhiều tôn giáo, kinh điển của Phật Pháp, kinh điển của ngoại đạo, Ngài đều học hết tất cả. Bởi thế, nên bản thân cống cao ngã mạn, những gì có trên thế gian Ngài đều học hết rồi, không ai có thể sánh được với Ngài. Trong Kinh Kim Cang thường nói "đại Bồ-tát phải hộ niệm tiểu Bồ-tát". Do đó, Đại Long Bồ-tát nhìn thấy Ngài Long Thọ thì sanh khởi lòng từ mẫn, nên mời Ngài đến Long Cung để tham quan. Ở Long Cung có tàng trữ vô cùng nhiều kinh điển, Ngài cũng rất hoan hỷ, bèn cùng Đại Long Bồ-tát đến Long Cung để tham quan. Ngài nhìn thấy số lượng kinh Phật do Đại Long Bồ-tát sưu tầm là bao nhiêu vậy? Mười cái "tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm" (kệ tụng nhiều như hạt vi trần trong mười cái tam thiên đại thiên thế giới, các phẩm nhiều như hạt vi trần trong một tứ thiên hạ). Long Thọ Bồ-tát vừa nhìn thấy liền sửng sốt, cái tâm cống cao ngã mạn tức thời không còn nữa. Vì sao? Vì những cái mình học thật là quá nhỏ. Khi nhìn thấy các tạng kinh ở nơi đây phong phú như vậy, còn mình học được thì quá ít. Đây là bộ kinh gì? Là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Toàn bộ kinh điển mà Đức Thích-ca Mâu-ni Phật giảng đều được cất giữ tại Long Cung. Long Thọ Bồ-tát vừa nhìn thấy tán thán khôn cùng, chúng sanh Diêm-phù-đề không có khả năng tiếp thọ. Rồi Ngài xem qua trung bản. Số lượng của trung bản vẫn còn rất lớn, vô phương tiếp nhận. Lại xem qua tiểu bản. Tiểu bản là gì? Là mục lục trọng điểm, giống như cuốn Tứ Khố Toàn Thư, tôi nghĩ trong thư viện quốc gia của Singapore sẽ có. Trong Tứ Khố Toàn Thư có một mục lục trọng điểm, quyển mục lục trọng yếu in loại bìa cứng tại Đài Loan dày như thế này, có năm quyển.

Ngài Long Thọ Bồ-tát đem quyển mục lục trọng yếu của kinh Hoa Nghiêm về nhân gian chúng ta. Đây chính là kinh Hoa Nghiêm mà hiện nay chúng ta thấy. Số lượng là bao nhiêu? Là mười vạn (100.000) kệ, một kệ là bốn câu. Cách tính về sách của người Ấn Độ khác với người Trung Quốc, người Trung Quốc tính số chữ, quyển sách này có bao nhiêu chữ, họ tính số chữ. Như quyển Ngũ Thiên Ngôn của Lão Tử là năm ngàn chữ. Người Ấn Độ không tính chữ, tính bốn câu, một câu không kể dài hoặc ngắn, cứ bốn câu gọi là một kệ, lấy kệ làm đơn vị. Tổng cộng có mười vạn (100.000) kệ, tức là bốn mươi vạn (400.000) câu, đây là mục lục trọng yếu của kinh Hoa Nghiêm. Tổng cộng có bốn mươi phẩm, 100.000

kệ. Từ thời Đông Tấn, kinh Hoa Nghiêm được truyền sang Trung Quốc. Bộ kinh này rất lớn, thời xưa không giống như bây giờ, kỹ thuật in ấn đã tiến bộ, lúc đó không có in ấn, cũng không có giấy, đều chép bằng tay, viết trên lá bối, lá của cây bối-đa-la. Có thể quý vị đã thấy qua, loại lá đó rất dày, dày như lá chuối của chúng ta, đem nó cắt ra thành từng miếng. Một miếng viết bốn hàng, hai đầu khoét một cái lỗ, dùng dây xâu nó lại. Bộ kinh Hoa Nghiêm này, nếu dùng xe tải lớn thời nay, e rằng phải vài chiếc mới có thể đựng hết bộ kinh này, không như hiện nay. Cho nên, bạn biết được lúc đó rất dễ bị thất lạc, dễ bị mất mát, không dễ bảo quản. Lần đầu tiên truyền sang Trung Quốc là quyển không hoàn chỉnh, tổng cộng có 36.000 câu kệ tụng, 100.000 kệ chỉ có 36.000. Bạn xem, chỉ hơn một phần ba thôi. Trung Quốc đem nó phiên dịch ra, kinh Hoa Nghiêm mà thời Tấn phiên dịch gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm, có sáu mươi quyển. Chúng ta đọc kinh thường đọc đến đoạn nào đó đột nhiên thấy như bị đứt đoạn, phần dưới không nối với phần trên, kinh văn có chỗ thiếu sót, quả thật là bị thất lạc không được truyền sang Trung Quốc. Vào đời nhà Đường, Ngài Thực-xoa-nan-đà từ Ấn Độ đem kinh Hoa Nghiêm sang, vẫn không hoàn chỉnh. Tuy nhiên, so với kinh thời nhà Tấn thì nhiều hơn chín ngàn câu kệ, cho nên tổng cộng được 45.000 kệ, gần được phân nửa. Kinh được phiên dịch vào đời nhà Đường, chính là Bát Thập Hoa Nghiêm mà hiện nay chúng ta thấy, chỉ là phân nửa của toàn kinh, một nửa vẫn còn thiếu một chút. Vào thời Đường Đức Tông, vua của nước Ô-trà, đây là một nước nhỏ, tiến cống cho triều Đường Trung Quốc. Tiến cống tức là đem lễ vật tặng cho Hoàng Đế. Trong lễ vật có phẩm Phổ Hiền Bồ-tát Hạnh Nguyện, phẩm này hoàn chỉnh, không khuyết thiếu, cho nên đem phiên dịch ra thành bốn mươi quyển gọi là Tứ Thập Hoa Nghiêm. Cho nên ở Trung Quốc, kinh Hoa Nghiêm phiên dịch ba lần nhưng đều không được hoàn chỉnh. Tuy nhiên, Tứ Thập Hoa Nghiêm hợp với Bát Thập, tuy không hoàn chỉnh, nhưng có thể hiểu được ý nghĩa cơ bản. Đây là lịch sử của kinh Hoa Nghiêm truyền đến Trung Quốc. Đây chính là nói đến Long Thọ Bồ-tát.

Long Thọ Bồ-tát tại Nam Thiên-trúc mở tháp sắt thấy được Kim-cang-tát-đỏa Bồ-tát, cũng gọi là Kim-cang-thủ Bồ-tát. Kim-cang-tát-đỏa Bồ-tát là hóa thân của Phổ Hiền Bồ-tát, Ngài đã đem Mật Pháp truyền cho Ngài Long Thọ, Ngài Long Thọ mới truyền xuống, Mật Tông là đến bằng cách này. Cho nên, Mật Tông là do Ngài Phổ Hiền Bồ-tát truyền. Mọi người đều biết Quán Thế Âm Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát trong Mật Tông được gọi là Chuẩn Đề Bồ-tát. Chuẩn Đề Bồ-tát là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát, là hóa thân trong Mật Tông. Phổ

Hiền Bồ-tát ở chỗ này là đại biểu cho Mật Tông, Văn-thù Bồ-tát đại biểu Thiền Tông. Thiền không phải là thiền định trong lục độ, mà thiền là Bát-nhã Ba-la-mật trong lục độ. Bạn xem, trong Đàn Kinh, Lục Tổ Đại Sư mở đầu liền bảo mọi người niệm Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa, mà không bảo họ niệm thiền định. Cho nên Văn-thù đại diện cho thiền.

Hai vị Bồ-tát ở chỗ này đã hiển thị Mật-Tịnh bất nhị, Thiền-Tịnh bất nhị. Cho nên trong Tịnh Tông có Thiền, có Mật, có Giáo, tất cả Pháp môn đều ở trong bộ Kinh này, bộ Kinh này thật là quý báu. Bộ Kinh này đích thật là tinh hoa của Phật pháp. Chúng ta đọc xong rồi, nhận được tất cả Phật pháp đều ở trong đó, không cần phải mất nhiều tinh thần, nhiều thì giờ đi nghiên cứu những Kinh luận khác nữa, không cần thiết. Bộ Kinh này đã bao gồm tất cả.

"*Di-lặc Bồ-tát*", đây là vị Phật sẽ hạ sanh trong tương lai, hiện là Hậu Bổ Phật ở cõi trời Đâu-suất. Thế gian này có không ít người hâm mộ Di-lặc Bồ-tát vì biết tương lai Ngài sẽ đến thế gian này để thành Phật. Chúng ta đều rất thích làm đệ tử của Ngài giống như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đi theo Thích-ca Mâu-ni Phật vậy. Có rất nhiều người muốn sanh về Nội Viện Đâu-suất, tương lai Bồ-tát xuống đây làm Phật thì họ đi theo xuống làm đệ tử, tâm nguyện này rất tốt. Tuy nhiên, đến Nội Viện của trời Đâu-suất nào phải chuyện dễ. Tu học Pháp môn này thường gọi là Di-lặc Tịnh Độ, tu Di-lặc Tịnh Độ còn khó hơn so với Di-đà Tịnh Độ. Trong Kinh Di-đà nói: "Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bảy ngày thì có thể được vãng sanh". Di-lặc Tịnh Độ bảy ngày thì không thể vãng sanh, không dễ dàng như vậy. Di-lặc Bồ-tát là Tổ Sư của Pháp Tướng Duy Thức, là chuyên gia có uy quyền của Pháp Tướng Duy Thức. Nếu bạn không thể xây dựng một cơ sở thật tốt ở trong Pháp Tướng Duy Thức, e rằng Ngài không nhận bạn, điều này khó. Vả lại đích thực Pháp Tướng Duy Thức cũng không dễ học. Ngày nay, trên thế gian này các vị Pháp Sư Đại Đức mà tôi biết, có nghiên cứu Pháp Tướng Duy Thức đích thực là không nhiều.

Tại Singapore có Pháp sư Diễn Bồi, Ngài chuyên nghiên cứu Pháp Tướng Duy Thức. Đối với Duy Thức Tông, Ngài thật sự có tâm đắc, Ngài tu Di-lặc Tịnh Độ. Cho nên rất không dễ dàng. Tuy nhiên, nếu chúng ta thật muốn gặp Di-lặc Bồ-tát thì tôi có một bí quyết còn dễ dàng hơn, thù thắng hơn Pháp sư Diễn Bồi. Vì sao? Vì Ngài sanh vào Nội Viện Di-lặc là làm học trò của Di-lặc Bồ-tát, gặp được thầy đương nhiên phải cung kính không dám tùy tiện nói chuyện. Chúng ta cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, hơn nữa nhất định nắm chắc phần vãng sanh, khi sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc làm học trò của A-di-đà Phật. Di-lặc Bồ-

tát cũng là học trò của A-di-đà Phật. Chúng ta đến nội viện đi dạo là gặp được bậc đàn anh, điều đó thì khác hẳn, phải không? Đây là bí quyết đi đường tắt. Cho nên, chúng ta muốn tìm Di-lặc Bồ-tát không khó, hơn nữa, phần sau của bộ Kinh này, từ phẩm ba mươi hai, Di-lặc Bồ-tát là đương cơ. Kinh Vô Lượng Thọ có hai vị đương cơ, phần đầu là Tôn giả A-nan, nửa phần sau là Di-lặc Bồ-tát. Do đây có thể biết, Di-lặc Bồ-tát sau này thành Phật tất phải giảng Tịnh Độ Tam Kinh, nhất định cũng khuyên người niệm A-di-đà Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Có thể quý vị sẽ hỏi Di-lặc Bồ-tát khi nào sẽ đến thế gian này của chúng ta để làm Phật? Thích-ca Mâu-ni Phật trong Di-lặc Hạ Sanh Kinh có nói: "Phải tới 576.000.000 năm sau thì Di-lặc Bồ-tát mới đến thế gian này của chúng ta để làm Phật". Chúng ta vừa nghe thời gian này, ôi chao! Quả là con số thiên văn. Thật là rất dài. Đây là sự thật, thời gian này được tính như thế nào? Di-lặc Bồ-tát hiện ở cõi trời Đâu-suất, ở Đâu-suất Thiên một ngày là bốn trăm năm của nhân gian chúng ta, một năm cũng là ba trăm sáu mươi lăm ngày, thọ mạng của Ngài là bốn ngàn tuổi, quý vị thử tính xem con số này sẽ biết ngay là hơn năm trăm bảy mươi triệu năm Ngài mới từ trên đó xả báo thân, hạ sanh đến thế gian này của chúng ta thị hiện thành Phật. Hiện nay, có một số người dùng lời yêu mị mê hoặc quần chúng, nói rằng Bồ-tát Di-lặc đã hạ sanh rồi, nói rằng Bồ-tát Di-lặc đang làm giáo chủ nơi đây. Lời yêu mị mê hoặc mọi người này không có căn cứ, cho nên chúng ta nhất định "*y pháp bất y nhân*", phải nghe theo những lời nói trong Kinh điển, đó là chính xác. Trên kinh không có thì đó là lời đồn nhảm nhất định không thể tin nghe.

Tiếp theo là "*Cập Hiền kiếp trung nhất thiết Bồ-tát*" (cùng hết thảy Bồ-tát trong Hiền kiếp). Đại kiếp này gọi là "*Hiền kiếp*". Thích-ca Mâu-ni Phật là vị Tôn Phật thứ tư của Hiền kiếp, Ngài Di-lặc là Tôn Phật thứ năm. Thế Tôn nói với chúng ta: "Trong đại kiếp này có một ngàn vị Tôn Phật ra đời, người hiền đặc biệt nhiều, Thánh nhân rất nhiều, cho nên kiếp này gọi là Hiền kiếp". Tất cả Bồ-tát trong Hiền kiếp, tức là một ngàn vị Phật, sau Ngài Di-lặc thì còn chín trăm chín mươi lăm vị Tôn Phật, hiện nay họ là Bồ-tát. Trong nhà Phật chúng ta thờ Ngài hộ pháp Vi-đà Bồ-tát là vị Phật sau cùng trong một ngàn vị Phật, những vị Bồ-tát này đều đến tham gia tập hội. Đây là những người vô cùng quan trọng. Ý nghĩa của nó cũng rất rõ ràng, tức là nói rõ, một ngàn vị Phật này đều giống Thích-ca Mâu-ni Phật, chẳng có vị nào không giảng Kinh Vô Lượng Thọ, chẳng có vị nào không khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do đây có thể biết, Pháp

môn này là tất cả chư Phật cùng tuyên dương. Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là nguyện vọng chung của tất cả chư Phật đối với chúng sanh. Vì vậy, chúng sanh phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì tất cả chư Phật đều hoan hỷ, một khi đã hoan hỷ thì đương nhiên gia trì, bảo hộ. Cho nên, bạn niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, không những Phật A-di-đà bảo hộ bạn mà tất cả chư Phật Như Lai đều bảo hộ bạn, đều gia trì cho bạn, công đức thù thắng này không có gì có thể so sánh được. Thật sự là thù thắng không gì bằng.

Đây là nói về sự tập hội, nói tóm lại những gì các Ngài nói với chúng ta chính là một câu vạn đức hồng danh "Nam mô A-di-đà Phật". Những vị La-hán này, chúng ta từ trên dấu tích mà xem, Kiều-trần-như, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng với những vị Bồ-tát này thật tại đều là nói với chúng ta: "Vô lượng vô biên Pháp môn đều quy về Tịnh Độ", "***thù đồ đồng quy***" (khác đường mà cùng về một đích), chúng ta phải hiểu được mật nghĩa này, hiểu được thâm ý của nó.

ĐỨC TUÂN PHỔ HIỀN ĐỆ NHỊ
PHẨM THỨ HAI: ĐỨC TUÂN PHỔ HIỀN

Mở đầu phần Kinh văn tiếp theo vẫn liệt kê các bậc "*thượng thủ*". Đó là Bồ-tát tại gia, điều này chúng ta cần đặc biệt lưu ý. Ngài Hạ Liên Cư không nối liền đoạn văn này với phẩm trên mà tách nó ra. Bởi vì nếu nói theo lý thì đoạn Kinh văn:

"***Hựu Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ, sở vị Thiện Tư Duy Bồ-tát, Huệ Biện Tài Bồ-tát, Quán Vô Trụ Bồ-tát, Thần Thông Hoa Bồ-tát, Quang Anh Bồ-tát, Bảo Tràng Bồ-tát, Trí Thượng Bồ-tát, Tịch Căn Bồ-tát, Tín Huệ Bồ-tát, Nguyện Huệ Bồ-tát, Hương Tượng Bồ-tát, Bảo Anh Bồ-tát, Trung Trụ Bồ-tát, Chế Hạnh Bồ-tát, Giải Thoát Bồ-tát nhi vi thượng thủ***".

(Lại có mười sáu vị Chánh Sĩ trong nhóm Hiền Hộ Bồ-tát, đó là Thiện Tư Duy Bồ-tát, Huệ Biện Tài Bồ-tát, Quán Vô Trụ Bồ-tát, Thần Thông Hoa Bồ-tát, Quang Anh Bồ-tát, Bảo Tràng Bồ-tát, Trí Thượng Bồ-tát, Tịch Căn Bồ-tát, Tín Huệ Bồ-tát, Nguyện Huệ Bồ-tát, Hương Tượng Bồ-tát, Bảo Anh Bồ-tát, Trung Trụ Bồ-tát, Chế Hạnh Bồ-tát, Giải Thoát Bồ-tát, là những bậc thượng thủ).

Đoạn này lẽ ra phải hợp với phẩm thứ nhất, như vậy mới thuận. Nhưng Ngài lại tách đoạn Kinh văn này vào phẩm thứ hai, cốt để gợi sự chú ý cho chúng ta, nói cho chúng ta một chân tướng sự thật là: Pháp môn này lấy việc độ cư sĩ tại gia làm chính, chủ yếu phổ độ chúng sanh tại gia. Đồng tu tại gia rất nhiều, còn người xuất gia thì ít. Người tại gia luôn nghĩ rằng tại gia nghiệp chướng sâu dày,

xuất gia tương lai có thể thành tựu, người tại gia không thể thành tựu, đều có quan niệm sai lầm như vậy. Đâu ngờ rằng bộ Kinh này là dạy người tại gia một đời thành Phật không thua gì người xuất gia. Từ đoạn kinh văn này quý vị có thể thấy được.

"***Hựu Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ***".

(Lại có mười sáu vị Chánh Sĩ trong nhóm Hiền Hộ Bồ-tát).

"*Chánh Sĩ*" là cách xưng hô của Bồ-tát. "*Chánh*" là Chánh Giác. "*Sĩ*" tức là thế gian chúng ta thường nói người có học vấn, có đạo đức. Người chánh giác, có học vấn, có đạo đức là tôn xưng của Bồ-tát. Cho nên Bồ-tát trong nhà Phật thường được gọi là Đại Sĩ, giống như chúng ta thường gọi Quán Âm Đại Sĩ, Văn-thù Đại sĩ, Phổ Hiền Đại Sĩ. Gọi là Đại Sĩ, gọi là Chánh Sĩ, chỗ này gọi là Chánh Sĩ, cũng gọi là Khai Sĩ. Khai là khai ngộ, đó đều là cách xưng hô đối với Bồ-tát, cách gọi tôn trọng đối với Bồ-tát.

Nói đến đây tôi xin nói sơ lược qua với quý vị, hiện nay có một số người tôn kính người xuất gia, tôn kính nhưng xưng hô quá mức, quá đáng. Gọi người xuất gia là Đại Sư, điều này không thể được, không thể xưng là Đại Sư. Đại Sư chỉ có thể kính xưng đối với Phật mà thôi. Bạn xem, Quán Âm Bồ-tát xưng Đại sĩ, người xuất gia mà xưng là Đại Sư thì họ còn cao hơn Quán Âm Bồ-tát. Như vậy còn ra thể thống gì? Điều này không thể được. Cho nên chúng ta cần phải biết, người không biết Phật học thường thức họ sai lầm thì không nói, họ không biết mà. Còn chúng ta đã hiểu thì không thể được, không thể xưng hô như vậy. Cho nên Đại Sư là tôn xưng đối với Phật, không thể tùy tiện gọi người xuất gia được, điều này cần phải biết.

Ở đây kể ra mười sáu vị Bồ-tát toàn là Bồ-tát tại gia. Bạn xem tại gia có mười sáu vị, còn người xuất gia chỉ kể ra ba vị là Ngài Phổ Hiền, Văn-thù, Di-lặc. Thanh Văn xuất gia chỉ kể ra năm vị, tại gia kể mười sáu vị. Điều này không phải đã nói rõ Pháp môn này là độ người tại gia sao? Trong mười sáu vị Bồ-tát chỉ có một vị Hiền Hộ là ở thế gian này của chúng ta. Năm xưa lúc Thích-ca Mâu-ni Phật còn tại thế thì Hiền Hộ Bồ-tát cũng thị hiện tại Ấn Độ, Ngài là Bồ-tát tại gia. Những vị Bồ-tát còn lại là từ thế giới khác đến. Ý nghĩa này cũng rất sâu, chứng minh mười phương chư Phật đều nói Pháp môn này. Hôm nay, họ nghe Thích-ca Mâu-ni Phật cũng nói Pháp môn này nên vô cùng hoan hỷ đến tham dự tập hội, làm ảnh hưởng chúng, toàn là Bồ-tát tại gia. "*Hiền Hộ*", trước tiên chúng

ta xem ý nghĩa đại biểu bên trong của danh hiệu này. Danh hiệu này là đại biểu "*Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát*" (Như Lai khéo hộ niệm chư Bồ-tát).

Như lời Phật nói trong Kinh Kim Cang, chúng ta chân chánh phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, thật sự phát tâm không phải giả, thật rất khó. Thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, tâm này vừa phát thì bạn là Bồ-tát rồi, bạn liền được tất cả chư Phật hộ niệm. Tuy nhiên, bạn phải thật sự phát tâm, giả thì không được. Giả nghĩa là gì? Phát tâm muốn cầu sanh Tịnh Độ, nhưng còn vướng bận thế gian này **không buông xả được**, **đó là giả**. Như vậy sẽ không được chư Phật hộ niệm. Chân chánh phát tâm là buông xả hết nơi đây, thật sự trong tâm không còn lo nghĩ, không còn lưu luyến, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì người này lập tức được tất cả chư Phật hộ niệm, được chư Phật gia trì. Cho nên nhất định phải hiểu rõ điều này.

Vị thứ hai là "*Thiện Tư Duy Bồ-tát*", danh hiệu vị Bồ-tát này đại biểu cho **Trí Huệ Chân Thật**. Chúng ta thường nói "Trí Huệ minh liễu". Tư duy nghĩa là tường tận, lục căn vừa tiếp xúc cảnh giới bên ngoài thì liền tường tận, đây là tam huệ, Văn Tư Tu tam huệ, mà không phải là sau khi tiếp xúc rồi mới đi nghiên cứu, suy nghĩ, vừa suy nghĩ thì hỏng rồi. Nghĩ tưởng là lạc vào trong ý thức thứ sáu, vậy là trở thành phân biệt hư vọng. Cho nên, Bồ-tát giống với câu "*Xả thức dụng căn*" trong Kinh Lăng-nghiêm. Các Ngài quan sát tuyệt đối không dùng tâm ý thức mà "*lìa tâm ý thức*". Lìa tâm ý thức thì là trí huệ chân thật, vừa tiếp xúc thì liền tường tận. Ý nghĩa của tường tận ở đây chúng ta gọi là Tư Huệ, tường tận thì đương nhiên sẽ không mê hoặc. Ý nghĩa của không mê hoặc thì chúng ta gọi là Tu Huệ. Trên thực tế, Văn Tư Tu không có khác biệt, là cùng hoàn thành trong một lần. Văn Tư Tu, một mà là ba, ba mà là một, không phải là ba giai đoạn, ba giai đoạn là lạc vào tâm ý thức rồi, đó là phàm phu, không phải thánh nhân. Chúng ta phải hiểu "*Thiện Tư Duy Bồ-tát*".

"*Huệ Biện Tài Bồ-tát*", ý nghĩa này hết sức rõ ràng. Ngài có trí huệ chân thật, biện tài vô ngại.

"*Quán Vô Trụ Bồ-tát*", trong Kinh Kim Cang có nói: "*Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*". Lục Tổ Đại Sư từ câu nói này mà khai ngộ, từ câu này mà minh tâm kiến tánh. Vị Bồ-tát này đại khái cũng như Lục Tổ, từ một câu Kinh văn này mà ngộ nhập, cho nên gọi là "Quán Vô Trụ Bồ-tát", thêm vào chữ "Quán" thì đạo vị càng sâu hơn, có đạo vị của Quán Tự Tại Bồ-tát mà trong Tâm Kinh nói đến. Vô Trụ mới tự tại, Trụ thì không tự tại rồi. Cho nên có thể nói giống với ý nghĩa của danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát.

"*Thần Thông Hoa Bồ-tát*", vị Bồ-tát này đại biểu cho **hành quyền phương tiện**, **quyền xảo phương tiện** mới có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, mới có thể giúp đỡ tất cả chúng sanh.

Vị thứ sáu là "*Quang Anh Bồ-tát*", "Quang" là quang minh, "Anh" là phát huy, "Quang Minh tỏa sáng rạng rỡ" là hiện tượng xuất hiện, nghĩa là quang minh biến chiếu, đó là Quang Anh Bồ-tát.

"*Bảo Tràng Bồ-tát*", "*tràng*" là nghĩa **cao hiển** (tuyên dương rộng khắp). Vào thời xưa, phương tiện thông tin không phát triển như hiện nay. Đạo tràng vào thời xưa không phải là trường học. Cho nên Phật giảng Kinh dạy học, nói theo hiện nay là thuộc về giáo dục xã hội, không mở trường học để tuyển học trò. Cũng giống như hiện nay, chúng ta giảng Kinh nói pháp, mọi người hoan hỷ thì đến nghe, không có sự ràng buộc nào cả, vậy làm sao để thông báo? Chúng ta hiện nay tương đối thuận tiện, hiện nay có thể phát thông báo gửi đến nhà của quý vị, đôi khi có thể quảng cáo trên báo chí, thậm chí đài phát thanh cũng có thể truyền đạt tin tức này. Vào thời trước không có những công cụ như vậy, bưu điện cũng không có. Thế nên, ở trước giảng đường đều có một cột cờ rất cao, cột cờ này không phải để treo quốc kỳ mà treo tín hiệu. "Tràng" có hình tròn giống như ống gió ở phi trường, cái hình tròn này treo trên cột cờ, mọi người nhìn thấy thì biết hôm nay tại đây có Pháp sư giảng Kinh. Những người thích nghe Kinh nhìn thấy cái này thì họ liền đến, đó là tín hiệu. Cho nên đạo tràng giảng Kinh thường gọi là "pháp tràng cao thụ", treo pháp tràng lên, là ý nghĩa này. Thông thường mỗi khi làm pháp hội thì treo "*phan*", phan thì dẹp (dẹt), phan dẹp treo trên cột cờ, ý nói hôm nay chúng ta có pháp hội. Khi treo tràng tròn, ý nói hôm nay tại đây có giảng Kinh. Bảo tràng, Phật Pháp là quý báu. Chúng ta có được châu báu của thế gian thì có thể cải thiện đời sống vật chất của chúng ta. Cho nên khi có tiền của thì đời sống vật chất có thể dồi dào hơn một chút. Tuy nhiên quý vị phải biết, chúng ta có một vấn đề lớn nhất là "**sinh tử sự đại**". Thế gian dù có nhiều tiền tài vật chất hơn cũng không có cách nào khiến bạn không già, không cách nào khiến bạn không bệnh, không cách nào khiến bạn không chết. Vua Tần Thủy Hoàng, Hán Võ đều vì việc này mà lo lắng bất an, tìm đủ phương pháp ra hải đảo để tìm tiên nhân xin thuốc trường sinh bất tử, kết quả vẫn phải chết. Thế nhưng, Phật Pháp chân chánh có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề này, chân thật không hư, Phật Pháp là quý báu. "Bảo tràng Bồ-tát" nghĩa là tuyên dương Phật Pháp, là có thể đem trân bảo của Phật Pháp truyền thọ cho mọi người.

"*Trí Thượng Bồ-tát*", đây là **trí huệ vô thượng**, là điều mong muốn trong Phật Pháp, chúng ta học Phật là học những gì? Chính là học trí huệ rốt ráo viên mãn. Trong Kinh Phật gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, là mục đích tu học Phật Pháp của chúng ta, có được trí huệ thì mới có thể giải quyết mọi vấn đề.

Tiếp theo là "*Tịch Căn Bồ-tát*", Ngài đại biểu cho **lục căn thanh tịnh vô nhiễm**. Đây chính là định. "Căn" là sáu căn, sáu căn thanh tịnh. Đại Thế Chí Bồ-tát dạy chúng ta "*đô nhiếp lục căn*" (nhiếp cả sáu căn). "Tịch" là tịch định, nói theo định công thì đây là tầng cao nhất. Kinh Nhân Vương có nói Bồ-tát có năm đẳng cấp, đó là dùng Nhẫn, nhẫn tức là định. Đẳng cấp cao nhất là *Tịch Diệt Nhẫn* còn cao hơn *Vô Sanh Pháp Nhẫn*. Bồ-tát Vô Sanh Pháp Nhẫn là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa. Tịch Diệt Nhẫn là Bồ-tát Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Diệu Giác tức là Phật. Cho nên Tịch Căn Bồ-tát đại biểu cho ý nghĩa này.

Chúng ta nói tu hành, nói công phu hoặc là nói hưởng thụ, thử hỏi cái mà người thế gian cho là hưởng thụ rốt cuộc là hưởng thụ những gì? Đều là hàm hồ không rõ, mê hoặc điên đảo. Quý vị đang hưởng đó là những gì? Mắt của Phật nhìn rất rõ, rất sáng suốt. Cái mà quý vị hưởng thụ đó là **khổ**, ngoài khổ ra bạn còn hưởng thụ những gì? Bạn hãy tự lắng lòng nghĩ xem, từ sáng sớm thức dậy đến tối đi ngủ, trong một ngày có phải chỉ là thọ khổ không? Bất luận bạn làm việc gì, Phật Pháp gọi là tạo nghiệp, bạn tạo nghiệp gì? Thiện nghiệp? Ác nghiệp? Vô ký nghiệp? Nói tóm lại một câu những gì bạn thọ đó là khổ, không có vui, cái vui đó là gì? Là cái vui của chích ma túy. Vui chỗ nào đâu? Đây là khổ hải vô biên cho nên quay đầu là bờ, không có vui. Niềm vui chân chánh là gì? "Tịch Diệt", tâm địa thanh tịnh, đó mới là chân lạc, quý vị không có cách gì lĩnh hội được, vì sao thế? Từ trước đến nay chưa từng hưởng thụ qua, bạn làm sao có thể lĩnh hội được chứ? Tâm địa thanh tịnh không có vọng tưởng, không có phiền não, không có ưu tư, không có lo lắng là chân lạc, rõ ràng minh bạch. Cho nên, đây là niềm vui bên trong, là chân lạc, cho nên nói thanh tịnh, tịch diệt là sự hưởng thụ tối cao, đích thực là mảy trần không nhiễm, vô sở bất tri (không gì không biết).

Trong Phật Pháp thường dùng "tịch chiếu", hai chữ này rất diệu. "Tịch" là tâm thanh tịnh, "chiếu" là trí huệ khởi dụng, là tường tận mọi thứ. Tịch mà thường chiếu, đây là Phật, Phật đã thanh tịnh, tịch diệt rồi, thường chiếu là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Bồ-tát thì chiếu mà thường tịch, chiếu là hiểu rõ mọi thứ, trong hiểu rõ mọi thứ mà tu tâm thanh tịnh. Đây là Bồ-tát. Tâm đã thanh tịnh rồi đó là Phật. Bồ-tát trong hiểu rõ mọi thứ mà tu tâm thanh tịnh. Như trong Kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba tham vấn của Thiện Tài Đồng Tử là mượn việc để

luyện tâm, trải qua mọi việc mà hiểu rõ mọi thứ, luyện tâm là luyện tâm thanh tịnh, phải khiến cái tâm này trong tất cả cảnh giới đều không nhiễm mảy trần, đạt đến sự thanh tịnh chân thật, đây là Bồ-tát.

"*Tín Huệ Bồ-tát*", **trong tín có huệ**, "tín" này là chân tín, thật tín, tín tâm chân thật, đặc biệt là trong bổn Tông. Sự tu hành của Tịnh Tông có ba điều kiện tối quan trọng: **Tín Nguyện Hạnh**, cho nên phải tin một cách chân chánh.

"*Nguyện Huệ Bồ-tát*", **tín**, tiếp theo là **nguyện**, nguyện sanh Tịnh Độ, nguyện thành Phật đạo, nguyện độ chúng sanh.

Vị thứ mười hai, "*Hương Tượng Bồ-tát*", "*hương tượng*" là tỉ dụ. Trong Phật Pháp, thường dùng sư tử, dùng voi lớn để làm ví dụ. Bạn xem, Ngài Văn-thù Bồ-tát cưỡi sư tử, Phổ Hiền Bồ-tát cưỡi voi lớn. Kỳ thật, Ngài Văn-thù, Phổ Hiền không cưỡi sư tử cũng không cưỡi voi lớn. Vì sao phải vẽ như vậy? Vẽ là ý nghĩa biểu pháp: Sư tử đại biểu cho dũng mãnh, đại biểu cho trí huệ, trí huệ, dũng mãnh nhất. **Voi** đại biểu cho điều gì? Voi hình dáng vững chắc, đại biểu vững vàng, đại biểu cho định. Khi bước đi nó rất vững vàng, bước từng bước không vội vàng, đại biểu cho định. Tòa của Ngài Phổ Hiền là ngồi trên **định**, Ngài Văn-thù ngồi trên **huệ,** là mang ý nghĩa này.

"*Bảo Anh Bồ-tát*", vị Bồ-tát này là đại biểu cho nguyện hải trang nghiêm.

"*Trung Trụ Bồ-tát*" đại biểu cho trung đạo, vô trụ tức là trung đạo.

"*Chế Hạnh Bồ-tát*" đại biểu trì giới niệm Phật, chế là pháp chế, tức là giới luật.

"*Giải Thoát Bồ-tát*" đại biểu cho thành tựu, đại biểu cho tự tại, thọ dụng chân thật. Giải thoát là phiền não được giải trừ rồi, mê hoặc điên đảo được giải trừ rồi, thoát ly biển khổ sinh tử, thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly thập pháp giới, là mang ý nghĩa như vậy. Cho nên giải thoát là từ trên quả mà nói. Nói cách khác, mười lăm vị trước là nói trên nhân, vị này là nói trên quả, cho nên ý nghĩa này diễn đạt được vô cùng viên mãn.

"*Nhi vi thượng thủ*" (*là những bậc thượng thủ*), mười sáu vị Bồ-tát này là bậc thượng thủ của đồng tu tại gia. Tuy nhiên, quý vị phải hiểu rõ, mười sáu vị này đều là Đẳng Giác Bồ-tát, quả vị mà họ chứng đắc hoàn toàn tương đương với Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền. Những vị kia là Đẳng Giác Bồ-tát xuất gia, còn những vị này là Đẳng Giác Bồ-tát tại gia, nói rõ tu hành chứng quả không

liên quan gì với việc xuất gia hay tại gia, điều này quý vị nhất định phải biết. Như vậy xuất gia, tại gia rốt ráo lại là vì cái gì?

Xuất gia là chuyên hoằng pháp. Giáo dục của Phật tốt như vậy, nếu không có nhân viên chuyên nghiệp thúc đẩy thì chúng sanh sẽ không được lợi ích chân thật của Phật Pháp. Cho nên nhất định phải có nhân viên chuyên nghiệp đi thúc đẩy, đi tuyên truyền, đem nó phát dương quang đại, cho nên xuất gia là gánh vác trách nhiệm này.

Còn tại gia là hộ trì, người tại gia nhất định phải hộ pháp. Quý vị nên biết, đạo tràng nhất định là do người tại gia xây dựng, người tại gia quản lý, còn người xuất gia thì sao? Chỉ có hoằng pháp, người xưa gọi là "*Thiết đả đích thường trụ, lưu thủy tăng*" (chùa, tòng lâm là cố định còn Tăng chúng tùy duyên đến đi).

Hôm trước, Minh Sơn lão Hòa Thượng đi ngang qua đây, tôi có gặp Ngài ở sân bay, Ngài có nói rằng: "Người xuất gia hoằng pháp, nơi nào thỉnh thì phải đến nơi đó, không thể từ chối, nói không đi". Không có lý do này. Phật Pháp là phải hoằng dương phổ biến, đâu có thể nói lúc có người đến mời mà không đi, không có lý do không đi, cho nên người hoằng pháp là phải lưu động. Đạo tràng là do đồng tu tại gia xây dựng, phát tâm quản lý, chủ trì, thỉnh Pháp sư đến địa phương này để hoằng pháp lợi sanh, giảng Kinh thuyết pháp, giáo hóa một phương này. Đây là sứ mạng đệ nhất của Bồ-tát tại gia, đương nhiên Bồ-tát tại gia cũng có thể giảng Kinh thuyết pháp, điều này ngày xưa đều có. Tuy nhiên, người xuất gia nhất định phải gánh sứ mệnh hoằng pháp lợi sanh.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 3

Trước tiên chúng tôi xin đọc một đoạn Kinh văn:

"***Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung. Du bộ thập phương hành quyền phương tiện, nhập Phật Pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn.***"

(Các vị Bồ-tát này đều tuân tu đức của Phổ Hiền Đại sĩ, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy pháp công đức, đi khắp mười phương, hành quyền phương tiện, vào pháp tạng của chư Phật, rốt ráo giải thoát).

Đến chỗ này là một đoạn nhỏ. Từ trong kinh văn, chúng ta có thể thấy rõ đại chúng ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều tu hạnh Phổ Hiền, tu hạnh Phổ Hiền chính là Phổ Hiền Bồ-tát. Cùng một đạo lý, nếu tu hạnh Quán Âm thì người này là Quán Thế Âm Bồ-tát. Tu hạnh Địa Tạng thì người đó là Địa Tạng Bồ-tát, điều này quý vị nhất định phải hiểu rõ. Đức hiệu của Bồ-tát là đại biểu cho một Pháp môn. Phổ Hiền Bồ-tát là trong Kinh Hoa Nghiêm, y theo Kinh Hoa Nghiêm mà tu hành thì đây là hạnh Phổ Hiền. Quán Thế Âm Bồ-tát có trong ba bộ Kinh, ba bộ Kinh này không phải độc lập mà là phụ thuộc vào đại Kinh:

✓ Bộ thứ nhất là "Quán Tự Tại Bồ-tát Chương" trong Kinh Hoa Nghiêm. Trong phần này Thiện Tài Đồng Tử tham vấn Quán Thế Âm Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát vì Thiện Tài Đồng Tử mà nói.

✓ Bộ thứ hai là trong Kinh Lăng-nghiêm, vừa mở đầu quyển thứ sáu trong Kinh Lăng Nghiêm là Quán Thế Âm Bồ-tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương.

✓ Bộ thứ ba là "Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm" trong Kinh Pháp Hoa.

Nếu y theo ba bộ Kinh này mà tu hành thì người này tu theo Pháp môn Quán Âm. Họ chính là Quán Thế Âm Bồ-tát, họ là một vị Quán Âm Bồ-tát sơ phát tâm. Chúng ta thường thấy Tây Phương Tam Thánh, vị đứng bên cạnh A-di-đà là Quán Âm Bồ-tát, Ngài là Đẳng Giác Quán Âm Bồ-tát, nên địa vị kém Ngài rất xa. Một bên là sơ phát tâm cũng như học sinh đi học ở trường, một người là lớp mẫu giáo, một người là lớp tiến sĩ đại học. Dù không giống nhau nhưng đều là học sinh, đều học Pháp môn này. Cùng một đạo lý, tu học Pháp môn Phổ Hiền thì gọi là Phổ Hiền Bồ-tát. Chúng ta niệm Phật, lập định chí nguyện trong một đời nhất định cầu sanh Tịnh Độ, như vậy có thể nói hiện tại chúng ta là lớp nho nhỏ, lớp mẫu

giáo trong lớp Phổ Hiền. Một khi vừa sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta biết phiền não của chúng ta chưa đoạn, chân thật là đới nghiệp vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, hạ hạ phẩm vãng sanh. Hạ hạ phẩm tức là lớp một, so với lớp mẫu giáo của chúng ta thì cao hơn nhiều, đây là lớp một của Phổ Hiền Bồ-tát. Ở thế giới Tây Phương, Phổ Hiền Bồ-tát có bao nhiêu đẳng cấp? Quý vị phải biết có năm mươi hai đẳng cấp, giống như lớp một, lớp hai, lớp ba, đến lớp năm mươi hai mới tốt nghiệp. Tốt nghiệp thì thành Phật, cho nên có 52 đẳng cấp, tất cả đều là Phổ Hiền Bồ-tát. Nơi đó đích thực là pháp giới của Phổ Hiền Bồ-tát, đây là tối thù thắng không thể nghĩ bàn.

Trong Kinh Hoa Nghiêm Thế Tôn nói: "*Bồ-tát nếu không tu hạnh Phổ Hiền thì không thể viên thành Phật đạo*". "Viên thành Phật đạo" tức là chứng được Phật quả Viên Giáo. Điều này cũng nói rõ ràng, dùng cách nói của Tông Thiên Thai, nếu không tu hạnh Phổ Hiền thì bạn có thể chứng được Phật quả của Tạng giáo, Phật quả của Thông giáo, Phật quả của Biệt Giáo, **nhưng không cách gì chứng được Viên giáo. Viên Giáo nhất định phải tu hạnh Phổ Hiền**. Phổ Hiền Bồ-tát trong phần cuối của Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm đã đem việc tu hành làm một tổng quy nạp, cũng là tổng cương lĩnh tu học của Bồ-tát, tổng cộng có mười điều. Chúng ta gọi là Thập Đại Nguyện Vương. Ở chỗ này nói: "*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức*" (đều cùng tuân thủ tu theo đức của Phổ Hiền Đại Sĩ), tức là cương lĩnh tu hành của Phổ Hiền Bồ-tát, chúng tôi xin giới thiệu một cách sơ lược:

Điều thứ nhất là **lễ kính chư Phật**, điều thứ hai là **xưng tán Như Lai,** điều thứ ba là **quảng tu cúng dường** … cho đến điều thứ mười là **phổ giai hồi hướng**. Tôi tin rằng rất nhiều đồng tu đều rất quen thuộc mười nguyện này. Bởi vì trong khóa tụng sáng tối đều có, mỗi ngày đều tụng, tụng rất thuộc. Tuy tụng rất thuộc, nhưng không hiểu rõ ý nghĩa của mười điều này, nói gì đến tu hành. Mười điều này nói những gì cũng không nói ra được, như thế làm sao có thể nói là tu hạnh Phổ Hiền.

Phổ Hiền Bồ-tát và Bồ-tát thông thường đều tu "lễ kính". Bồ-tát thông thường cũng lễ kính chư Phật, Phổ Hiền Bồ-tát cũng lễ kính chư Phật, chúng ta cũng lễ kính chư Phật. Như vậy thì rốt ráo sai biệt ở chỗ nào? **Sai biệt ở tâm cảnh khác nhau**, tâm của chúng ta có phân biệt, có chấp trước, công phu của Bồ-tát thông thường tuy cao sâu hơn chúng ta rất nhiều, nhưng tâm của họ không phải chân thật thanh tịnh. Nói cách khác, họ vẫn còn phân biệt chấp trước vi tế hơn chúng ta. Do đó, họ không phải là tu hạnh Phổ Hiền. Tâm cảnh của hạnh Phổ

Hiền nhất định phải phù hợp với đề Kinh của bổn Kinh là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Tâm thanh tịnh là trong tâm một tơ hào tạp nhiễm cũng không có. "Tâm bình đẳng, chúng sanh và Phật bình đẳng, vạn pháp bình đẳng". Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: "*Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí*" đây là vạn pháp bình đẳng. Phổ Hiền Bồ-tát dùng tâm này để tu cho nên Ngài có thể viên thành Phật đạo. Do đây có thể biết, Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là tổng nguyên tắc, là tổng cương lĩnh của tu hành. Thập Nguyện của Phổ Hiền Bồ-tát là điều mục tu hành, cũng là nói áp dụng vào trong sinh hoạt hằng ngày, trong tất cả sự vật, chúng ta phải tu thanh tịnh bình đẳng giác như thế nào. Như vậy tâm địa thanh tịnh thì tâm cung kính tất sẽ viên mãn. Tâm địa không thanh tịnh thì tâm cung kính làm sao có thể viên mãn?

Lễ tiết trong nhà Phật chúng ta, mọi người gặp nhau biết chắp tay, chắp tay là ý nghĩa gì? Chắp tay đại biểu nhất tâm, bình thường các ngón tay trên bàn tay của chúng ta tách rời nhau, đây là tán loạn, biểu thị cho vọng niệm rất nhiều, làm thế nào để biểu thị cung kính? Tất cả vọng niệm đều bị dập tắt, hợp nhất lại, nhất tâm, nhất tâm là cung kính. Cho nên quý vị phải biết, tâm thanh tịnh là cung kính, tâm bình đẳng là cung kính, tâm giác ngộ là cung kính. Tất cả đều là tu thanh tịnh bình đẳng giác, **cung kính đối với người, cung kính đối với sự, cung kính đối với vật**. Chỗ này quý vị phải đặc biệt lưu ý: Cách lễ kính này không phải khi gặp người thì cúi lạy lễ bái. Nếu làm như vậy thì người đó chẳng phải trở thành thần kinh không bình thường rồi sao? Trên đường phố người nhiều như vậy, gặp ai cũng cúi lạy, lạy mãi cũng không hết, làm gì có đạo lý như vậy. Chữ kính này là kính ở trong tâm.

Trên mặt sự thì sao? Trên sự không được đi ngược với pháp thế gian, gọi là "*Phật Pháp tại thế gian, bất hoại thế gian pháp*". Người thế gian dùng lễ tiết gì thì chúng ta dùng lễ tiết đó, phải "*hằng thuận chúng sanh tùy hỷ công đức*", điều này trong thập nguyện có nói đến. Ví dụ thời tiền Thanh là thời đại của vua chúa, lễ tiết cung kính nhất là ba quỳ, chín khấu đầu. Hiện nay quý vị xem kịch, trong những vở tuồng cổ trang có thể thấy được lễ tiết của thời đó. Còn lễ tiết của người thời nay thì sao? Lễ tiết cung kính nhất là ba lần cúi chào. Chúng ta gặp là người hiện đại, cho nên lễ kính nhất là ba lần cúi chào thì được rồi. Tuy nhiên, thông thường chúng ta chào hỏi người khác, hành lễ khi gặp mặt là gật đầu. Hiện nay gật đầu cũng là lễ kính. Nếu bạn hành lễ ba lần cúi chào thì người ta lại cảm thấy đầu óc của bạn có vấn đề, bất bình thường.

Cho nên, lễ tiết phải tùy theo thế tục. Tâm cung kính là chân thành, đối với người phải có lòng tôn kính, tâm cung kính, đây là hạnh Phổ Hiền. Đối với việc thì tu lễ kính như thế nào? Làm việc phải tận tâm tận lực, nghiêm túc phụ trách làm cho tốt, đây là **lễ kính đối với việc**. Bất luận là chuyện lớn, chuyện nhỏ, bất luận là chuyện của mình hay là chuyện công, khi bạn làm việc hoặc làm cho cơ quan chính phủ hoặc làm cho công ty tư nhân, phải tận tâm tận lực làm cho viên mãn. Đây là hạnh Phổ Hiền, nếu không nghiêm túc, không có trách nhiệm, lợi dụng thời cơ trục lợi thì bạn không thể vãng sanh, điều này quý vị phải biết. Cho nên, người niệm Phật thì nhiều, người vãng sanh thì ít, vì sao? Miệng thì niệm Phật còn hành vi thì trái ngược với đạo. Pháp môn này là Pháp môn Phổ Hiền, không phải là Pháp môn thông thường. Hy vọng trong tâm những người thật sự muốn đời này vãng sanh thì quý vị phải đặc biệt chú ý. Thân khẩu ý ba nghiệp của chúng ta phải nhất trí, không thể "khẩu thị tâm phi" vậy là sai rồi, đó không phải tu hạnh Phổ Hiền. **Đối "vật" cung kính,** thí dụ trong giảng đường chúng ta phải cung kính đối với bàn ghế, chúng ta sắp đặt thật ngay ngắn, lau chùi thật sạch sẽ, đây chính là lễ kính với chúng. Cho nên đều không ngoài **đối người, đối sự, đối vật,** đây đều gọi là chư Phật. Vì sao đều gọi là chư Phật? Bởi vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đã có Phật tánh thì tương lai nhất định sẽ làm Phật, cho nên trong mắt của Phổ Hiền Bồ-tát là pháp bình đẳng. Tất cả vạn vật đều có pháp tánh. Phật tánh và pháp tánh là một tánh không phải hai tánh, tánh này chính là chân tâm bản tánh, là một, có thể sanh vạn pháp. Lục Tổ Đại Sư lúc khai ngộ nói rằng: "*Hà kỳ tự tánh năng sanh vạn pháp*" (đâu ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp). Thập pháp giới y chánh trang nghiêm đều là tự tánh sanh ra, đều là tự tánh biến hiện ra. Tự tánh là Phật, tất cả vạn sự vạn vật biến hiện ra đương nhiên cũng đều là Phật, phải dùng tâm lượng như vậy, quan sát như vậy để cung kính đối với tất cả, như thế mới gọi là lễ kính chư Phật. Cho nên ý nghĩa không giống với cách hành lễ thông thường của chúng ta, cảnh giới cũng không giống nhau. Do đây có thể biết hạnh Phổ Hiền thật sự quảng đại vô cùng. Trong hành môn của Bồ-tát thật sự đạt được cứu cánh viên mãn. Là học trò của A Di-đà, có ước nguyện cầu sanh Tịnh Độ thì phải chú ý chỗ này, phải từ chỗ này mà hạ thủ dụng công.

Thứ hai là "**xưng tán Như Lai**", "xưng" là xưng dương, "tán" là tán thán. Có một điều kỳ lạ là ở đây không dùng chữ "chư Phật" mà đã đổi thành "Như Lai". Như Lai và chư Phật có gì khác biệt không? Nếu nói chư Phật tức là Như Lai, Như Lai tức là chư Phật thì ở đây không nên đổi, một khi đã đổi thì có lẽ là

có cách nói khác. Không sai! Như trong Kinh Kim Cang, quý vị đọc Kinh Kim Cang, nếu hơi để ý một chút, trong Kinh Kim Cang có khi nói chư Phật, đôi khi nói Như Lai. Nói chư Phật và Như Lai có ý nghĩa không giống nhau. Nói "chư Phật" là từ trên tướng mà nói, nói "Như Lai" là từ trên tánh mà nói, điều này không giống nhau. Như vậy, ý nghĩa này nói rõ: Lễ kính là từ trên tướng mà nói, nhất thiết cung kính, không thể có phân biệt chấp trước. Chúng ta đối với Phật cung kính như thế nào thì chúng ta đối với cha mẹ, sư trưởng cũng cung kính như thế ấy, đối với tất cả chúng sanh cũng cung kính như thế. Thậm chí đối với những kẻ không chừa một việc ác nào cũng phải cung kính như vậy, nhất định không có phân biệt, nhất định không có chấp trước, đây là lễ kính.

Tuy nhiên "*xưng tán*" thì lại khác, vì sao? "Xưng tán" có thể ảnh hưởng đến xã hội, ảnh hưởng đến phong tục, nhất định phải xưng dương mặt phải, chúng ta không xưng dương mặt sai, cũng tức là chúng ta xưng dương cái thiện mà không xưng dương cái ác. Thiện là tánh đức cho nên dùng "Như Lai", bất thiện là trái ngược với tánh đức, chúng ta không xưng tán, lễ kính nhưng không xưng tán. Cổ nhân thường nói chúng ta đối với người ác, việc ác thì "*kính nhi viễn chi*" (tôn kính mà không học theo). Bạn xem, kính và lễ kính không khác nhau. "Viễn" là gì? Là không học theo họ, không xưng tán họ, không bắt chước họ, như vậy là đúng. "Viễn" không phải là lánh cho thật xa, không phải là ý nghĩa này. Theo ý nghĩa này thì tâm cung kính bị mất rồi, không còn tâm cung kính nữa, mà đó là không xưng tán, không học theo họ, là ý như vậy. Do vậy những cương lĩnh này phải thực hiện trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta. Chúng ta học rồi thì phải biết dùng. Từ nay trở đi, xử sự, đối người, tiếp vật chúng ta phải tuân thủ quy tắc này, tuân thủ cương lĩnh này để làm, thật sự nỗ lực để làm, đây chính là tu hành. Đem những quan niệm sai lầm trước kia của chúng ta: suy nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm, cách làm sai lầm, toàn bộ tu chỉnh trở lại, đây gọi là tu hành.

Điều này chúng ta có thể thấy rõ trong Kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi ba tham vấn của Thiện Tài Đồng Tử là thực hành hạnh Phổ Hiền trong sinh hoạt hằng ngày cho chúng ta xem, biểu diễn cho chúng ta xem. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm đích thực là bộ sách giáo khoa tốt nhất. Trong các sách giáo khoa của thế gian không tìm thấy được, không viên mãn như vậy. Trong Hoa Nghiêm có lý luận, lý luận viên mãn, có phương pháp, phương pháp vô cùng tinh tế, lại còn có biểu diễn, biểu diễn này chính là năm mươi ba tham vấn của Thiện Tài Đồng Tử, mà Thiện Tài là đại biểu cho chúng ta, là khuôn mẫu của chúng ta. Quý vị vừa nghe đến Thiện Tài Đồng Tử thì liền nghĩ bên cạnh Quán Âm Bồ-tát có một đứa

bé đang chắp tay bái Ngài Quán Âm, đó là Thiện Tài Đồng Tử. Quan niệm này đã ăn sâu vào trong lòng của mọi người, thế nên đối với Phật Pháp chân thật thì không biết một chút gì. Đây là một điều vô cùng đáng tiếc. Thực tế mà nói, Thiện Tài chính là chúng ta, nghĩa là người tu hạnh Phổ Hiền thì gọi là Thiện Tài.

"Thiện" là gì? Là thiện căn, có thiện căn. "Tài" là đại biểu cho phước đức. Bạn xem, trong Kinh Di-đà nói "*Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*". Do đây có thể biết, mỗi người vãng sanh đều là Thiện Tài. Cho nên quý vị phải biết gọi Thiện Tài tức là chính mình, không phải người khác. "Vậy tôi là người nữ, Thiện Tài là nam, có lẽ không phải là tôi rồi". Sai rồi! Thiện Tài không có nam nữ, người nam là Thiện Tài, người nữ cũng là Thiện Tài, người hội đủ thiện căn, phước đức thì gọi là Thiện Tài. Cho nên chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa chân thật trong Kinh. Bạn xem bài kệ khai Kinh khi chúng ta vừa đăng tòa giảng Kinh: "*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*", đừng hiểu sai ý Phật, điểm này vô cùng quan trọng.

Kỳ pháp hội này vô cùng thù thắng. Chúng tôi có quyển Nhận Thức Phật Giáo xin cúng dường đại chúng, hy vọng đại chúng hãy xem nhiều lần. Nếu chúng ta có sự nhận thức chính xác đối với Phật Pháp, có sự lý giải chính xác thì Phật Pháp mới khởi tác dụng chân thật đối với chúng ta, có thể mang lại hạnh phúc chân thật cho chúng ta. Như vậy, năm mươi ba vị thiện tri thức chính là những người thuộc các tầng lớp khác nhau trong xã hội mà chúng ta tiếp xúc từ sáng đến tối, năm mươi ba vị này là đại biểu. Trong đó, người xuất gia chỉ có năm vị, tại gia vẫn nhiều hơn. Năm mươi ba người chỉ có năm người xuất gia, tại gia thì nhiều hơn. Trong những người tại gia, quý vị tỉ mỉ mà xem, các ngành, các nghề, nam, nữ, già, trẻ đều có. Đây là đại biểu cho các nhân vật trong mọi tầng lớp, từ sáng đến tối mỗi ngày đều gặp. Đây là hoàn cảnh tu hạnh Phổ Hiền của chúng ta, chúng ta phải biết tu. Thiện Tài Đồng Tử là vâng theo mười điều cương lĩnh của Phổ Hiền Bồ-tát. Mọi người trong xã hội thật sự có người tốt, cũng có người không tốt. Trong năm mươi ba vị thiện tri thức có đại biểu cho thiện, cũng có đại biểu cho ác, như Thắng Nhiệt Bà-la-môn, Cam Lồ Hỏa Vương đại biểu cho mặt ác, không phải là thiện. Thắng Nhiệt Bà-la-môn đại biểu cho ngu si, Cam Lồ Hỏa Vương là sân khuể - tánh rất nóng, gặp người liền nổi nóng, đánh người chửi người, thậm chí sát hại người. Mật-tô-phạt-đa nữ là kỹ nữ, dâm nữ đại biểu cho tham ái. Ba người này đại biểu cho tham sân si, tam độc phiền não. Thiện Tài Đồng Tử khi tiếp xúc với họ thì lễ kính nhưng không tán thán. Vì sao? Tham sân si là trái ngược với tánh đức, điều này nói với chúng ta: người và việc bất thiện

thì chúng ta phải tôn kính nhưng không tán thán, điều thiện chúng ta phải tán thán. Điều này thật sự phù hợp với lời răn dạy của Cổ Đức, "*ẩn ác dương thiện*". Thấy người ta không tốt thì không nói, một lời cũng không nhắc, thấy người tốt thì tán thán, tán dương, vậy xã hội này của chúng ta mới có quang minh, xã hội mới có thể chuyển ác thành thiện, khiến cho mọi người đều đạt được hạnh phúc, đều đạt được mỹ mãn. Cho nên xưng tán này là Như Lai không phải là chư Phật. Ý nghĩa là ở chỗ này.

Thứ ba là "**quảng tu cúng dường**", điều này vô cùng quan trọng. Đối với Bồ-tát bình thường, vì tâm của họ không bình đẳng, tâm vẫn chưa thanh tịnh, cho nên Bồ-tát tu đó là "bố thí". Bạn xem, Bồ-tát tu bố thí Ba-la-mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục. Họ tu bố thí, còn Bồ-tát Phổ Hiền thì tu cúng dường. Bạn xem, cái tâm đó cung kính biết bao. Chúng ta bố thí đối với Phật thì gọi là cúng dường, đối với người bình thường thì gọi là bố thí. Bạn xem, cái tâm đó đã có phân biệt rồi. Phổ Hiền Bồ-tát không phân biệt, đối với Phật cúng dường, đối với chúng sanh cũng cúng dường, đối với người tốt là cúng dường, đối với kẻ ác vẫn là cúng dường. Thật sự bình đẳng, chân bình đẳng. Cho nên, tâm lượng của Phổ Hiền Bồ-tát không giống người khác. Cúng dường là nhân, quả báo là phước. Cúng dường tài được giàu có, cúng dường pháp được thông minh trí huệ, cúng dường vô úy được khỏe mạnh, trường thọ. Bạn xem, ba thứ này đều là thứ chúng ta cầu. Người không học Phật cũng mong muốn, không những Phật giáo mà các tôn giáo khác như Cơ Đốc giáo, Thiên Chúa giáo, tôi gặp họ vừa nhắc đến, họ đều cần, họ đều thích trường thọ, đều thích khỏe mạnh, đều thích giàu có, nhưng họ không biết tu nhân thì làm sao có được. Nhờ cậy vào Phật, Bồ-tát phù hộ, nhờ vào thượng đế thần minh ban cho, đó gọi là nằm mơ, không thể có chuyện như vậy. Họ nói có bằng chứng, người nào đó tin giáo rất chí thành thì Thượng Đế ban phước báo cho họ nhưng chỉ có một người. Mấy ngàn, mấy vạn người tin Thượng Đế, chỉ có một người đạt được, ngoài ra đều không được, sao Thượng Đế lại thiên vị như vậy? Đây không phải là thật. Nếu quả là thật, mỗi người cầu mỗi người đều đạt được thì đó là thật. Nếu đó là thật thì tôi cũng tin theo Thượng Đế. Phật nói lời thật cho chúng ta: phước đức này phải tự mình tu, tự mình không tu thì Phật, Bồ-tát không có khả năng ban cho bạn. Phật nói ban phước cho bạn thì Phật, Bồ-tát lừa gạt bạn rồi. Phật không có cách nói này. Phật chỉ dạy bảo chúng ta, đây là sự thật nhưng chúng ta không hiểu. Phật dạy chúng ta, đem phương pháp này dạy cho chúng ta.

Bạn xem người thế gian phát tài, người có tiền của, phát tài lớn, có người phát tài thì rất vui mừng, vì sao? Họ không có lo lắng, nguồn tiền tài của họ cuồn cuộn mà tới. Có người phát tài nhưng rất cực khổ, rất khó khăn mới kiếm được. Tuy nhiên, quý vị nên biết "dễ dàng" có được với "cực khổ" có được đều là nhân bố thí của kiếp trước. Kiếp trước nếu không bố thí, cùng một ngành nghề nhưng tôi đi làm bảo đảm lỗ vốn. Bởi vì sao? Kiếp trước không tu bố thí thì làm sao có tiền của. Cho nên tuyệt đối không thể nói kiếp này rất thông minh, rất tài cán, vận khí rất tốt, đó là bạn nhìn bề ngoài thôi. Vì sao? Vì người thông minh, tài cán, vận khí tốt nhiều hơn họ, tại sao người ta không phát tài? Vì sao chỉ có họ phát tài? Vì trồng nhân tiền kiếp nên kiếp này được hưởng quả báo. Phải biết đạo lý này. Kiếp trước bố thí tài một cách rất vui vẻ, rất hoan hỷ thì kiếp này sẽ được giàu có một cách rất dễ dàng, rất hoan hỷ, họ không bận tâm chút nào. Kiếp trước bố thí rất khổ sở như là bị cắt thịt vậy. Chao ôi! Thấy họ bố thí thì tôi không thể không bố thí một chút, là vì thể diện, kiếp này cũng có thể giàu có, nhưng được một cách không dễ dàng, được một cách cực khổ. Chúng tôi xin cử một tỉ dụ đơn giản, chúng ta cúng dường người khác đồ ăn thức uống. Ví dụ quý vị là những người học Phật biết cúng dường Pháp Sư, chúng ta làm cơm, thức ăn ngon, làm xong rồi mang đến đây cúng dường Pháp Sư. Phước báo mà bạn đạt được là tự tại. Nếu chúng ta mời Pháp sư đến một nơi nào đó dùng cơm, Pháp sư phải cực nhọc đến nơi đó để ăn một bữa cơm thì tương lai bạn rất cực khổ mới có được phước báo. Nếu bạn không cực khổ thì bạn sẽ không có. Từ tỉ dụ này bạn hãy suy nghĩ thì sẽ rõ ngay. Cho nên bố thí cúng dường phải rất vui vẻ, rất hoan hỷ, khiến người nhận không phải rất cực khổ thì tương lai chúng ta sẽ dễ dàng đạt được phước báo. Điều này nhất định phải biết.

Bố thí pháp được thông minh trí huệ, cũng cùng một đạo lý như vậy. Chúng ta cúng dường thế xuất thế gian pháp, cúng dường Phật Pháp, thời đại ngày nay, kinh sách, băng ghi âm, băng ghi hình đều là Pháp bảo, chúng ta sanh tâm hoan hỷ, tận tâm tận lực cúng dường, như vậy sẽ được thông minh trí huệ. Đương nhiên có thể xây dựng một đạo tràng, nếu tự mình không đủ khả năng xây dựng đạo tràng thì thuê một chỗ rồi thỉnh Pháp Sư đến giảng kinh nói pháp, đây cũng là bố thí pháp, cúng dường pháp. Thật tại mà nói, ngày nay chúng ta làm những việc này thì ba thứ bố thí đều đầy đủ cả. Cứ lấy việc in kinh mà nói, in kinh phải cần tiền, tiền là bố thí tài, trong kinh sách là Phật Pháp, là bố thí pháp, mọi người đọc được kinh điển, tiếp nhận kinh điển này, y giáo phụng hành, đây thuộc về bố thí vô úy. Trong đời này họ có thể thoát ly luân hồi tam giới, có thể liễu sanh tử,

thành Phật đạo thì sự cúng dường này thật sự đạt đến cứu cánh viên mãn. Thực tế mà nói, phước báo đó dù là chư Phật Bồ-tát cũng không nói hết được, đương nhiên tôi càng không có năng lực này. Cho nên, cúng dường là nhân của phước huệ, cần phải "rộng tu cúng dường". Bồ-tát, có thể nói từ lúc phát Bồ-đề tâm, Bồ-đề tâm là chân thật giác ngộ không còn mê hoặc nữa, thật sự giác ngộ rồi, từ nay về sau, niệm niệm vì tất cả chúng sanh, tâm tâm vì hoằng dương Phật Pháp. Trong thời đại này, Tịnh Độ đặc biệt khế cơ, nói cách khác, trong tất cả Phật Pháp, hoằng dương Tịnh Độ có thể khiến chúng sanh được lợi ích chân thật, được lợi ích ngay hiện tại. Không phải những pháp môn khác không có lợi ích, nhưng lợi ích này không phải là hiện tại. Nói cách khác, trong đời này chưa hẳn đạt được lợi ích, mà là kiếp sau, đời sau. Đời sau nếu không thể xuất tam giới thì sự bố thí cúng dường của bạn đều biến thành phước báo, tức là chúng ta ở thế gian này có địa vị, có tiền của, là biến thành những người này. Biến thành những người này cũng không tệ, cũng có thể hưởng thụ một đời. Nếu trong kiếp đó lại mê hoặc, điên đảo, khi đã hưởng hết phước rồi thì kiếp sau nữa lại phải đọa lạc. Cho nên, cách bố thí cúng dường này là không cứu cánh, không viên mãn. Cho nên nói "pháp môn Tịnh Tông được lợi ích ngay trước mắt". Điều này chúng ta cần phải nghiêm túc suy xét. Lấy cái phước báo hữu hạn, thời gian hữu hạn trước mắt của chúng ta thì phải nên tu phước như thế nào? Tu cúng dường như thế nào? Kỳ thực, phạm vi của cúng dường vô cùng rộng lớn, chỉ là tâm lượng của chúng ta quá nhỏ, không phải hạnh Phổ Hiền.

Ví dụ như người nội trợ trong gia đình, mỗi buổi sáng thức dậy, dọn dẹp, sắp xếp nhà cửa sạch sẽ, nấu ba bữa cơm cho thật ngon cúng dường cha mẹ. Đây là cúng dường, khiến cả nhà ai nấy đều ăn ngon miệng là quý vị cúng dường cả nhà, nhưng quý vị không mang tâm cúng dường. Việc cúng dường thì quý vị đều làm rồi, nhưng quý vị không có tâm cúng dường, do đó quý vị đạt được phước báo không viên mãn. Nếu quý vị có tâm cung kính cúng dường, thì phước báo của quý vị sẽ rất viên mãn. Nếu lại có thể đem tâm cúng dường này, việc làm cúng dường này mở rộng ra, lấy tâm bình đẳng đối đãi tất cả mọi người.

Tôi ở Singapore rất có thiện cảm với Cư Sĩ Lâm của quý vị, thiện cảm gì vậy? Là quý vị một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày đều ở nơi đây tu cúng dường. Phòng ăn phía dưới của quý vị không có phân biệt, không có chấp trước, không phải nói: "Nếu không phải là đồng tu của đạo tràng này thì không thể đến ăn cơm". Người nào cũng có thể đến ăn cơm. Điều này thật phi thường, đây là quảng tu cúng dường. Cho nên, pháp duyên của Cư Sĩ Lâm rất thù thắng, Phật Pháp mỗi

ngày một hưng vượng là có đạo lý của nó. Quý vị có tâm lượng lớn như vậy, chăm chỉ ở đây tu cúng dường, ở đây tu bố thí, cho nên đạo tràng này được phước, tất cả đồng tu trong đạo tràng đều có phước, thật là hiếm có. Cho nên chúng ta phải vô cùng coi trọng việc cúng dường bố thí này, phải nghiêm túc cố gắng tu học.

Hiện nay, có rất nhiều người đều cảm thấy mình rất khổ, đều muốn cải thiện vận mạng của mình, cải thiện hoàn cảnh đời sống của mình mà không biết cải thiện từ đâu? Trước kia tôi đã giới thiệu cho quý vị sách Liễu Phàm Tứ Huấn, hơn nữa tôi còn thường khuyên đồng tu phải đọc Liễu Phàm Tứ Huấn ba trăm lần. Đọc xong ba trăm lần thì ấn tượng của quý vị sâu rồi, hiểu rõ đạo lý rồi thì sẽ biết đối người tiếp vật như thế nào. Bạn biết được cách tu phước rồi, đó là một tài liệu tu học rất tốt để chúng ta cải tạo vận mạng, cải thiện hoàn cảnh sinh sống của chính mình. Thế nhưng hạnh Phổ Hiền đích thật là cứu cánh viên mãn, so với Liễu Phàm Tứ Huấn không biết là cao hơn bao nhiêu lần. Điều đó không thể so sánh được. Chúng ta phải coi trọng, đây là coi trọng hạnh phúc của chính mình.

Thứ tư, phải "**sám hối nghiệp chướng**". Có nhiều vị đồng tu cảm thấy nghiệp chướng của mình quá nặng. Từ vô thủy kiếp mãi đến kiếp này tạo rất nhiều tội nghiệp. Nghiệp chướng sâu nặng, đều muốn tu sám hối. Sám hối bằng cách nào đây? Không biết. Nghĩ rằng trong Phật đường, lạy vài bộ Lương Hoàng Sám, lạy vài bộ Đại Bi Sám thì nghiệp chướng sẽ được sám trừ hết. Sau khi lạy xong, về nhà bình tĩnh suy nghĩ xem nghiệp chướng của quý vị đã sám trừ hết chưa? Nếu nghiệp chướng vẫn còn, chưa được sám trừ vậy thì việc sám lạy đó là uổng phí. Sám có hiệu quả hay không? Thật sự là có hiệu quả. Vì sao quý vị lạy mà không có hiệu quả? Là thân quý vị lạy, có miệng cũng có thân nhưng tâm thì không lạy. Bạn dập đầu lễ bái nhưng trong tâm lại khởi vọng tưởng, tâm và hành không tương ưng, cho nên nghiệp chướng của bạn không được sám trừ.

Ở đây, chúng ta phải nói ý nghĩa này rõ ràng hơn, minh bạch hơn một chút. Nghiệp chướng là gì? Nếu ngay đến nghiệp chướng mà cũng không hiểu thì làm sao để sám? Sám rồi làm sao để biết có hiệu quả? Cho nên trước tiên phải biết nghiệp chướng là gì? "Nghiệp" là tạo tác, bạn xem, thường thường chúng ta gặp một người mới quen biết, thế nào cũng hỏi: "Bạn làm nghề gì?". Làm nghề nghiệp nào thì bạn tạo nghề nghiệp đó. Bạn đang tạo nghiệp, tạo nghiệp đương nhiên là có chướng rồi, người người đều tạo nghiệp. Không những người thành niên trong xã hội tạo nghiệp mà trẻ nhỏ vừa mới đi học, bạn xem, trong sách học có vở bài tập. Đó là chúng đang tạo nghiệp rồi, chúng bắt đầu tạo nghiệp rồi. Chữ "nghiệp"

này thực tế mà nói chính là việc. Trong lúc chúng ta đang tạo tác thì gọi là việc. Việc làm xong rồi cái kết quả đó gọi là "nghiệp", gọi là "sự nghiệp". Việc là khi đang tạo tác, kết quả của tạo tác thì gọi là nghiệp. Việc có thiện, có ác nên nghiệp cũng có thiện, có ác.

Còn công cụ tạo tác là thân, khẩu, ý. Trong lòng khởi tâm động niệm là tạo nghiệp, ý nghiệp. Trong tâm tạo nghiệp: khởi một niệm thiện thì bạn đã tạo thiện nghiệp, khởi một niệm ác thì bạn đã tạo ác nghiệp. Khởi tâm động niệm đều là đang tạo nghiệp. Ngôn ngữ trong miệng gọi là khẩu nghiệp, thân thể tạo tác gọi là thân nghiệp. Trong ba nghiệp, ý nghiệp là chủ, ý không động, tâm không động thì thân khẩu bạn làm sao tạo nghiệp được? Do vậy ý là chủ. Ác nghiệp là chướng ngại, thiện nghiệp cũng là chướng ngại, làm chướng ngại gì? Làm chướng ngại tự tánh thanh tịnh của chúng ta, làm chướng ngại ba đại cương lĩnh tu học của chúng ta như kinh nói là: Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, là chướng ngại cái này. Gọi là nghiệp chướng. Chướng cái gì? Chướng tâm thanh tịnh, chướng tâm bình đẳng, chướng tâm giác. Thanh tịnh bình đẳng giác trong tự tánh của chúng ta không thể hiện tiền, đây gọi là nghiệp chướng.

Nếu sám hối thì nghiệp chướng của chúng ta quả thật đã tiêu trừ, tiêu trừ có hình dáng như thế nào? Tâm thanh tịnh, vọng tưởng ít, tạp niệm ít, phiền não ít, phiền não tức là tham sân si mạn. Phiền não ít rồi, tâm thanh tịnh rồi thì trong tâm bỗng nhiên có trí huệ, đây là hiện tượng nghiệp chướng được sám trừ. Ngày trước đối với điều gì cũng mơ hồ, đều không rõ ràng. Hiện nay nhìn, nghe sự vật đều nghe rất rõ ràng minh bạch, đây là hiện tượng nghiệp chướng được sám trừ. Cho nên sám hối nghiệp chướng phải từ trên tâm địa mà hạ thủ công phu, phải làm như thế nào? Điều thứ nhất, bạn phải biết lỗi lầm của mình, mỗi ngày phải phản tỉnh, phải kiểm điểm. Hôm nay, tôi có những lỗi lầm nào? Phàm phu chúng ta, quả thật nghiệp chướng rất nặng, nặng đến mức độ nào? Nghĩ cách nào cũng không nghĩ ra hôm nay mình đã phạm lỗi gì. Đây là nghiệp chướng quá nặng. Suốt ngày đều đang phạm lỗi nhưng họ không hay biết, không tìm ra một lỗi nào. Vấn đề này vô cùng nghiêm trọng. Cho nên nhất định phải tìm ra lỗi lầm của chính mình. Biết được lỗi lầm của mình, xin thưa với quý vị, đây gọi là khai ngộ. Sau đó cải sửa lỗi lầm của mình, đó gọi là tu hành. Tu hành tức là sám trừ nghiệp chướng, sửa lỗi làm mới. Một ngày có thể sửa một lỗi lầm, nếu sửa trong ba năm, xin thưa với quý vị, nếu bạn không là thánh nhân thì cũng là hiền nhân, bạn không những nắm chắc phần vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc mà phẩm vị của bạn nhất định rất cao, vì sao? Tâm đã thực sự thanh tịnh rồi, người này gọi là chân

chánh tu hành. Chân chánh tu hành không phải nói mỗi ngày tôi niệm bao nhiêu bộ kinh, niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, lạy Phật bao nhiêu lạy, đó là giả, đó là hình tướng, hình thức. Chân tu hành là ở nơi tâm địa, không ở nơi hình thức, hình thức không quan hệ lớn lắm. Tâm địa vô cùng quan trọng. Phải sửa tâm, sửa tâm ác, ý niệm ác thành thiện, sau đó sửa ý niệm thiện thành thanh tịnh. Cho nên người niệm Phật gọi là **tu tịnh nghiệp**, không phải gọi là tu thiện nghiệp mà là tu tịnh nghiệp. Tâm tịnh tức là quốc độ tịnh, vậy mới có thể vãng sanh, mới có thể cảm ứng đạo giao với thế giới Tây Phương Cực Lạc. Do đây có thể biết, sám hối nghiệp chướng là trọng điểm tu hành của chúng ta. Bất luận là Tông phái nào, bất luận là Pháp môn nào, điều này đều là trọng điểm, trọng điểm chung. Phải nghiêm túc hạ thủ công phu ở chỗ này. Thực tế mà nói, bốn đại cương lĩnh này đã nói rõ hành môn tu hành của Bồ-tát chủ yếu là bốn điều này.

Phần sau có thể nói là phần ý nghĩa phụ theo, bởi vì Bồ-tát không những thành tựu chính mình mà còn hy vọng giúp đỡ tất cả chúng sanh thành tựu, "*tự lợi lợi tha, tự hành hóa tha*". Do đó, không thể quên đi quảng đại quần chúng, không thể bỏ rơi tất cả chúng sanh, thế nên có vài điều cương lĩnh ở phía sau.

Thứ năm "**tùy hỷ công đức**", trong đây có tự hành hóa tha, không giống bốn điều ở phần trên hoàn toàn là tự mình tu học, hoàn toàn là tự lợi. Trong phần này có tự lợi lại có lợi tha, Phổ Hiền Bồ-tát đặc biệt nêu ra điều này, Ngài có dụng ý rất sâu. Bởi vì tất cả chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay có một thứ phiền não sanh ra đã có, không cần học, phiền não gì vậy? Là tâm đố kỵ, người nào mà không có. Nhìn thấy người khác hay hơn mình là trong tâm cảm thấy khó chịu, đố kỵ. Tâm đố kỵ khởi dậy thì tâm sân hận cũng theo đó khởi dậy, muốn tìm cách làm chướng ngại họ, phá hoại họ, không để họ thành tựu, như vậy thì bạn đã tạo tội nghiệp rất nặng rồi. Thánh nhân của thế gian dạy chúng ta phải "*thành nhân chi mỹ*" (thành tựu việc tốt cho người). Nhìn thấy người làm việc tốt ta phải tận tâm tận lực giúp đỡ họ, vậy là đúng, không thể đi phá hoại họ, phá hoại họ là sai, làm chướng ngại họ là sai, đây là phiền não rất phổ biến, cũng rất nghiêm trọng. Vì vậy bạn xem phía sau sám trừ nghiệp chướng điều thứ nhất Phổ Hiền Bồ-tát dạy chúng ta phải "tùy hỷ công đức". Khi nhìn thấy người khác có thiện hạnh, có thiện nguyện, không những ta không đố kỵ mà ta có thể sanh tâm hoan hỷ, tận tâm tận lực giúp đỡ họ, thành tựu họ. Đây gọi là "tùy hỷ công đức", họ có công đức lớn bao nhiêu thì công đức của ta cùng với họ không hai không khác. Tục ngữ của thế gian gọi là "mượn ánh sáng", họ có ánh sáng, chúng ta hưởng nhờ ánh sáng, ánh sáng mà chúng ta hưởng không hai không khác với ánh sáng của

bản thân họ. Nếu chúng ta không có khả năng, không thể giúp đỡ nhưng sanh tâm hoan hỷ thì công đức cũng vẫn viên mãn như vậy. Dạy chúng ta tu "tùy hỷ công đức" để phá phiền não đố kỵ, bỏn xẻn, tham lam căn bản phiền não. Trong thế gian pháp, Phật Pháp có rất nhiều người thiện. Trong kinh Phật thường nói "*thiện nam tử, thiện nữ nhân*", họ có thiện tâm thiện hạnh. Chúng ta là Phật tử chân chánh thì phải giúp đỡ họ, thành toàn cho họ, khiến cho thiện hạnh của họ có thể truyền bá trong xã hội này, khiến mọi người trong xã hội đều được lợi ích, đều được hưởng thụ phước báo của họ, công đức này thì lớn. Thậm chí, những người tu tùy hỷ công đức như chúng ta so với công đức của họ còn lớn hơn, nguyên nhân do đâu? Họ làm việc thiện đó, bao nhiêu người tán thán, bao nhiêu người biểu dương thì đã báo hết. Chúng ta tùy hỷ công đức, không ai tán thán, cũng không ai biểu dương chúng ta nên công đức của chúng ta đều được tích lũy. Chúng ta tích lũy là "âm đức", việc họ làm là "dương đức", mọi người đều báo hết rồi. Cho nên, phải hiểu rõ đạo lý này thì bạn mới biết "tùy hỷ công đức" thật sự là không thể nghĩ bàn, bạn làm điều thiện tâm, làm điều thiện hạnh thì nhất định có thiện báo.

Thứ sáu, "**thỉnh chuyển pháp luân**". Đây là đệ nhất thiện hạnh trong tất cả thiện hạnh. Chúng ta đều biết trong tất cả pháp thế xuất thế gian chỉ có Phật Pháp là chân thật. Phật Pháp có thể giúp con người giác ngộ, phá mê khai ngộ, có thể giúp một người ngay trong đời này có được hạnh phúc vui vẻ, giúp đỡ mọi gia đình được mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi thành công, xã hội hài hòa, quốc gia giàu mạnh, thế giới đại đồng. Đây là lợi ích của Phật Pháp ngay hiện tại, đích thực là quảng đại vô biên. Nó còn có những ích lợi thù thắng hơn, đó là "*liễu sinh tử, xuất tam giới, vĩnh thoát luân hồi, viên thành Phật đạo*". Đây là điều mà tất cả pháp khác đều không thể sánh bằng. Tuy nhiên, nếu không có người giảng Phật Pháp thì tuy có trí huệ cũng không thể hiểu được. Trong thế gian này, người thông minh trí huệ không cách gì lý giải được Phật Pháp, nhất định phải có người thuyết Pháp. Người thuyết Pháp không tự nhiên tới, nhất định phải có người phát tâm đi thỉnh họ. Ai đi thỉnh? Những người hiểu Phật Pháp như chúng ta mới biết thỉnh, người không hiểu Phật Pháp thì sẽ không thỉnh Pháp Sư Đại Đức đến giảng kinh, nhất định phải là người biết Phật Pháp.

Chúng ta được lợi ích của Phật Pháp, chúng ta muốn báo ơn Phật thì báo bằng cách nào? Thờ tượng Phật Bồ-tát, mỗi ngày cúng một ít chuối, trái cây, dập đầu lễ bái là báo ân sao? Không phải vậy. Thực tế mà nói, Phật Bồ-tát tuyệt không ham thích sự cúng dường này của quý vị. Tâm nguyện của Phật Bồ-tát là hy vọng

những lời răn dạy của Ngài có thể được truyền bá rộng rãi đến tất cả mọi người, khiến tất cả mọi người đều có được Phật Pháp, đều hiểu được Phật Pháp, đều có thể y giáo tu hành. Đây là tâm nguyện của Phật. Vì vậy thỉnh Pháp Sư Đại Đức đến địa phương này giảng kinh thuyết pháp là phước báo lớn nhất. Chúng ta nói tu phước, tu phước báo gì lớn nhất? Phước báo này là lớn nhất. Nếu một mình tôi không có khả năng này, vì thỉnh Pháp Sư giảng kinh phải tốn kém không ít. Nếu tự mình không có đạo tràng, bạn phải thuê chỗ để thỉnh Pháp Sư đến giảng một tháng, mướn một chỗ, tiền thuê một tháng không phải là ít, còn phải chăm lo đến sinh hoạt của Pháp Sư, thậm chí cũng phải chăm lo đến thính chúng nghe kinh. Nếu một người có khả năng thì một người làm rất tốt, một người không có khả năng thì tập hợp đồng tu, mời vài người chí đồng đạo hợp đến để cùng phát tâm, công đức này cũng đồng nhau. Như phần trước đã giảng tùy hỷ công đức, có một hoặc hai người dẫn đầu phát khởi mời thỉnh Pháp Sư đến giảng kinh nói pháp, đây gọi là "thỉnh chuyển pháp luân".

Chữ "*pháp luân*" này là tỉ dụ. Thật tại mà nói, đó là dấu hiệu, nhãn hiệu trong nhà Phật chúng ta. Nhãn hiệu trong cửa Phật chúng ta là pháp luân. Dùng pháp luân, dùng hoa sen, thông thường dùng hai thứ này. Còn dùng "chữ vạn", chữ vạn là đại biểu cho cát tường. Pháp luân nghĩa là viên mãn. "Luân", vật này rất có ý nghĩa, luân (bánh xe) là tròn, tròn là động, bởi vì nó động cho nên mới kéo theo khoa học kỹ thuật hiện đại. Ngày nay khoa học kỹ thuật phát triển như thế là do lực lượng nào khởi động? Do bánh xe khởi động. Cho nên, không những thế giới này của chúng ta mà ở thế giới phương khác cũng không ngoại lệ. Bạn xem, trong kinh nói Chuyển Luân Thánh Vương thống trị bao nhiêu tinh cầu? Phước báo đó mới thật là lớn. Bánh xe đó là công cụ giao thông của Ngài, cũng là đại biểu cho vũ lực của Ngài. Những năm gần đây, chúng ta phát hiện có đĩa bay (UFO), có lẽ là luân bảo của Luân Vương đến nơi đây để thị sát. Nó cũng là hình tròn, bởi thế cái bánh xe này có tác dụng vô cùng lớn, rất viên mãn. Phật Pháp dùng ý nghĩa này. Còn ý nghĩa sâu hơn, tròn là động, tâm của vòng tròn là tịnh, tâm vòng tròn không động. Phật Pháp thường nói "*động tịnh không hai, thể tướng nhất như*". Cho nên tâm là không, tướng là có, nó còn đại biểu cho "*chân không diệu hữu*". Bởi thế giảng kinh nói pháp là ví dụ cho chuyển động pháp luân. Dùng pháp luân để đại biểu, còn hoa sen đại biểu ý nghĩa thanh tịnh, mọc từ bùn nhơ mà không nhiễm, đại biểu tâm thanh tịnh. Cho nên, biểu pháp là thù thắng nhất, viên mãn nhất vẫn là cái bánh xe này, vẫn là pháp luân. Thỉnh chuyển pháp luân tức là thỉnh Pháp Sư Đại Đức giảng kinh thuyết pháp, hoằng pháp lợi

sanh. Hiện nay, chúng ta lợi dụng công cụ khoa học khiến hiệu quả của chúng ta được mở rộng rất nhiều lần. Điều này trước kia không có. Xưa kia Pháp Sư giảng kinh, nhiều lắm là học trò của họ, lúc nghe kinh thì chép lại thành bút ký, sau đó mới in thành sách để lưu thông, số lượng rất có hạn. Còn hiện nay, chúng ta có thể đem nó làm thành băng ghi âm, băng ghi hình lưu hành khắp nơi, khiến những người không tham dự pháp hội của đạo tràng chúng ta cũng có cảm nhận như đích thân đến đạo tràng vậy. Đây là một phần hậu lễ mà công cụ khoa học đã đem đến cho người hiện đại. Cho nên việc hoằng dương, truyền bá Phật Pháp nhất định phải được hiện đại hóa, khoa học hóa.

Chúng ta hôm nay lực lượng vẫn chưa đạt tới. Đương nhiên đây vẫn chịu sự quan hệ của hoàn cảnh. Nếu trong tương lai khoa học kỹ thuật tiến bộ hơn, hoàn cảnh cho phép, trên lầu Phật đường này của chúng ta tốt nhất là có một đài phát vô tuyến, chúng ta giảng kinh ở đây, truyền hình của mỗi nhà vừa mở ra thì tất cả đều xem được. Bạn xem, chúng ta ở giảng đường này giảng kinh xem như là hoằng dương trên toàn thế giới rồi, như vậy mới là hiện đại hóa đạo tràng. Nhất định phải hướng về phương hướng này, mục tiêu này mà nỗ lực. Cho nên, sau này khoa học kỹ thuật phát triển, đạo tràng thật ra mà nói không cần phải lớn lắm, nhất định phải dùng vô tuyến điện, dùng vệ tinh truyền bá, đạo tràng giảng kinh không cần phải thật lớn mà vẫn có thể mang hiệu quả truyền đến khắp thế giới. Đó là nói việc thỉnh giảng kinh.

Thứ bảy, "**thỉnh Phật trụ thế**". Đây là một bước lại tiến thêm một bước nữa. Bạn thỉnh Pháp Sư giảng kinh, giảng bộ kinh này xong thì họ đi mất. Quý vị thử nghĩ xem, có mấy người nghe xong một bộ kinh liền khai ngộ, nghe xong một bộ kinh liền chứng quả? Lúc Phật-đà còn tại thế thì có, sau khi Phật diệt độ thì chưa từng nghe qua, như vậy thì phải làm sao? Lúc nãy tôi vừa nói, nghiệp chướng của chúng ta rất nặng, phương pháp duy nhất là phải huân tu, huân tu cũng là tỉ dụ. Cổ nhân thời xưa dùng nước hoa không tiện lợi như bây giờ, y phục trên người xịt một cái tức thời thơm ngay, nhanh biết bao, vừa sạch sẽ lại dễ coi. Người thời xưa muốn y phục thơm tho phải làm cách nào? Ướp hương. Dùng khói thơm để ướp y phục, đại khái ít nhất phải xông một ngày thì y phục mới có mùi thơm, tức là phải có thời gian dài để huân tập, đó chính là gì? Nhất định phải thỉnh Pháp Sư thường trụ ở một nơi, đừng có đi, mỗi ngày giảng kinh cho chúng ta, hằng năm không gián đoạn. Huân tập trường kỳ như thế thì căn tánh bậc trung, người nghiệp chướng nặng cũng đều khai ngộ. Đương nhiên, việc này cần đầy đủ điều kiện,

nhiều điều kiện hơn so với việc tạm thời thỉnh Pháp Sư đến giảng kinh, điểm này rất quan trọng.

Trong lịch sử Trung Quốc, quý vị hãy quan sát kỹ xem, những vị Tổ Sư Đại Đức thường thường trụ tại một đạo tràng mấy mươi năm thậm chí cả đời không rời khỏi đạo tràng. Do đó, số người thành tựu rất nhiều, điều này chúng ta cần phải hiểu rõ. Đương nhiên, "duyên" là nhân tố trọng yếu hàng đầu. Tôi lý giải vấn đề này rất sâu, tôi luôn muốn trụ ở một nơi bất động, nhưng không có phước báo này, không có duyên phần này. Người thế gian gọi là số mệnh bôn ba lao nhọc. Hôm nay, địa phương này đến tìm tôi, qua hai ngày sau địa phương khác lại đến tìm tôi, đối với tôi mà nói thì cũng có chỗ tốt. Người thế gian rất khó phá vỡ quan niệm về cái nhà, tôi thật sự hoàn toàn không còn quan niệm này nữa. Tôi chỉ biết mình là khách, đều ở quán trọ, ở vài ngày rồi lại đi, cho dù quý vị biết tôi có đạo tràng ở Đài Bắc. Tôi ở đạo tràng đó cũng chỉ là khách, một năm cũng chỉ ở không quá hai, ba tháng. Mỗi lần về Đài Loan, đại khái chỉ ở hơn một tháng, không đến hai tháng thì lại phải đi, cho nên tất cả chỉ là khách thôi. Điều đó giúp tôi buông xuống tất cả thân tâm thế giới, không buông xuống không được, phải buông xuống thôi, không còn quan niệm về cái nhà nữa. Tuy nhiên, việc tôi làm chỉ là tuyên truyền Phật Pháp, giới thiệu Phật Pháp cho mọi người. Tôi vẫn chưa làm được việc giúp đỡ quý vị thành tựu, không có duyên phần này. Muốn thật sự giúp đỡ mọi người thành tựu thì nhất định phải ở lâu dài, ở một nơi quanh năm suốt tháng cùng mọi người huân tu.

Như trước kia Thầy Lý Bỉnh Nam ở Đài Trung hết ba mươi tám năm, ba mươi tám năm không rời khỏi Đài Trung. Ngày ngày giảng kinh thuyết pháp, cho nên số người vãng sanh ở Đài Trung rất nhiều. Đó là sức mạnh của sự huân tu. Tôi ở Đài Trung mười năm theo thầy Lý học giảng kinh, nếu không có thời gian dài như thế thì nhất định không thể học được. Cho nên, muốn thật sự học biết một thứ gì thì cần phải có một thời gian khá dài.

Còn việc thỉnh Phật trụ thế, Phật hiện nay không còn nữa. Ngày nay chúng ta có thể thỉnh thiện tri thức xuất gia hoặc tại gia. Thiện tri thức có tu, có học, có chứng thì rất khó, thật sự có tu có học thì là vô cùng hiếm hoi. Cương lĩnh tu học của phổ Hiền Bồ-tát đến đây có thể nói là đã giảng viên mãn rồi.

Thập Nguyện, thực tế thì bảy điều kể trên là nguyện, ba điều sau là thuộc về hồi hướng: hồi hướng thực tế, hồi hướng Bồ-đề, hồi hướng chúng sanh.

✓ **Thường tùy Phật học**, đây là hồi hướng Bồ-đề.

✓ **Hằng thuận chúng sanh** là hồi hướng cho chúng sanh.

✓ **Phổ giai hồi hướng** là hồi hướng thực tế. Thực tế tức là chân như bổn tánh, tất cả đều quay về nơi tự tánh. Tất cả vạn pháp đều lưu xuất từ tự tánh, tất cả vạn pháp trở về tự tánh, cho nên *phổ giai hồi hướng* này ý nghĩa rất sâu.

Trong hồi hướng Bồ-đề, **thường tùy Phật học**, cương lĩnh này rất trọng yếu. Chúng ta muốn học Phật, Phật mới là tiêu chuẩn tu học của chúng ta, mới là tấm gương tu hành của chúng ta, chúng ta phải học theo Phật, đây là "*tối thượng thừa*".

Tôi cũng nghe nói một số quý vị đồng tu rất tôn kính, rất ngưỡng mộ tôi, muốn bái tôi làm thầy, đây là tác dụng của tình cảm. Quý vị tại sao không bái A-di-đà Phật làm thầy? Làm đệ tử của A-di-đà mới là đúng, *thường tùy Phật học*. Tôi lấy A-di-đà Phật làm thầy, bạn cũng lấy A-di-đà Phật làm thầy, chúng ta là bạn học. Như vậy mới đúng. A-di-đà Phật ở đâu? Kinh Vô Lượng Thọ chính là A-di-đà Phật. Chúng ta mỗi ngày mở kinh Vô Lượng Thọ ra đọc tụng tức là tiếp nhận lời răn dạy của A-di-đà Phật, tiếp nhận sự khai thị của A-di-đà Phật. Mỗi ngày đều đọc tụng, dùng tâm thanh tịnh để đọc tụng, dùng tâm chân thành để đọc tụng, dùng tâm cung kính để đọc tụng thì bạn ngày ngày đều có chỗ ngộ. Đọc một biến hiểu rõ thêm một chút, đây chính là thọ dụng. Bạn hiểu được ý của Phật rồi. Sau khi hiểu bạn y theo mà làm thì ngày ngày có chỗ ngộ.

Nói cách khác, Phật ngày ngày khai thị cho bạn, không phải là ngày ngày tôi niệm kinh này cũng không thấy được Phật. Bạn sai rồi! Lúc nãy tôi đã nói với bạn, bạn dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính thì Phật ở tại đây gia trì, Phật quang đang chiếu bạn. Không những A-di-đà Phật gia trì cho bạn mà tất cả chư Phật Như Lai đều gia trì cho bạn. Làm gì có đạo lý không khai ngộ chứ? Ngày ngày có chỗ ngộ, cho nên bạn sẽ Pháp hỷ sung mãn, mỗi ngày đều có một chút giác ngộ, đều hiểu rõ thêm một chút, điều này vui biết mấy. Đây mới thật sự quý báu, không có gì quý báu hơn cái này, không có gì hoan hỷ hơn cái này. Tuy nhiên, bạn nhất định phải làm theo, phải y theo mà tu hành, bạn thật sự tu hành ngày mai lại có chỗ ngộ, ngày ngày có chỗ ngộ, ngày ngày nỗ lực tu hành. Như vậy mới thật sự là đệ tử của Phật. Chúng ta y theo kinh Vô Lượng Thọ tức là y theo A-di-đà Phật, huống chi trong kinh Phật đã nói rõ với chúng ta A-di-đà Phật còn có một danh hiệu khác là "Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác". "Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác" tức là A-di-đà Phật. Nếu chúng ta có thể tu như vậy thì đó thật

sự là Phổ Hiền Bồ-tát. Lời giáo huấn *thường tùy Phật học* chúng ta đã thật sự thực hiện rồi, quả thật không uổng qua.

Thứ chín: Hằng thuận chúng sanh: Phải học Phổ Hiền Bồ-tát, phải học năm mươi ba tham vấn của Thiện Tài Đồng Tử. Tập khí của chúng sanh không giống nhau, căn tánh không giống nhau, có thiện, có ác. Không những ở thế gian này của chúng ta, nếu mở rộng phạm vi ra thì có chúng sanh lục đạo, chúng sanh mười pháp giới cho đến chúng sanh vô lượng, vô biên ở thế giới phương khác. Chúng ta ở trong những cảnh giới này gọi là hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất. **Hoàn cảnh nhân sự là chánh báo, hoàn cảnh vật chất là y báo - khí thế gian**. Ở trong đó, tu Hạnh Phổ hiền, tu Phổ Hiền Bồ-tát mười đại cương lĩnh, lấy mười đại cương lĩnh này để hoàn thành tổng cương lĩnh của kinh Vô Lượng Thọ: Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Do đây có thể biết bộ kinh Vô Lượng Thọ này thật sự là vật báu vô giá. Phần trước chúng tôi đã nói qua với quý vị bộ kinh này là "chân truyền" duy nhất của Như Lai, bảo tạng chân truyền của chư Phật, có được không phải dễ dàng. Chúng ta thật sự có phước báo rất lớn nên đời này chúng ta mới gặp được, vả lại còn được nghe, khi nghe hiểu rồi có thể y giáo phụng hành. Vậy thì xin chúc mừng bạn. Bạn đời này thành Phật rồi, không còn luân hồi nữa, không còn làm phàm phu nữa. Vì vậy phải hằng thuận chúng sanh, cũng tức là nói tu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng của chính mình trong tất cả hoàn cảnh nhân sự, trong cảnh giới của chúng sanh hữu tình, điều gì thấy chướng mắt thì từ từ luyện tập cho thuận mắt, đây gọi là tu hành.

Điều thứ mười, **phổ giai hồi hướng**, là đem tất cả công đức của mình đã tu hồi hướng cho pháp giới lý thể. Đây tức là trong bài kệ hồi hướng thường nói: "*Nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ*", phổ giai hồi hướng, tức là trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Danh hiệu của Phổ Hiền Bồ-tát cùng hồi hướng có mối quan hệ. *Phổ giai hồi hướng* hiển thị chữ "**phổ**", Phổ Hiền Bồ-tát là "tâm bao thái hư, lượng châu sa giới", còn "*thường tùy Phật học, hằng thuận chúng sanh*", đây là **hiền.** Cho nên ba câu hồi hướng này đã bao hàm danh hiệu của Phổ Hiền Bồ-tát trong đó. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ-tát đã nói: "*Ngã ký vãng sanh bỉ quốc dĩ*" (tôi đã vãng sanh sang cõi nước đó). Phổ Hiền và Văn-thù đều phát nguyện cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Sau khi đến thế giới Cực Lạc, Ngài nói: "Tôi đã vãng sanh đến Cực Lạc quốc độ của Phật A-di-đà, hiện tại đã thành tựu nguyện lớn này". Câu nói này rất quan trọng. Bồ-tát Phổ Hiền đã nói ra nguyên nhân vì sao phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Điều này nói rõ đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, thấy được A-di-đà Phật thì mười đại nguyện của Ngài

viên mãn rồi. Nói cách khác, nếu không đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, chỉ ở thế giới Hoa Tạng tu hành thì Ngài vẫn cảm giác nguyện của Ngài chưa được viên mãn, vẫn còn khiếm khuyết, đến được thế giới Tây Phương thì nguyện này mới cứu cánh viên mãn. Điều này cũng cho thấy đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc thì viên thành Phật Đạo. Cho thấy Tây Phương Tịnh Độ là thù thắng không gì sánh bằng. Ngay đến Phổ Hiền, Văn-thù đều phải cầu sanh. Chúng ta vì sao lại không đi chứ?

Chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi, cùng với Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí đứng ngồi ngang nhau, vì sao? Họ là học trò của A-di-đà Phật, chúng ta cũng là học trò của A-di-đà Phật. Quan hệ của chúng ta với các Ngài là bạn đồng học. Các Ngài là học trưởng của chúng ta, chúng ta là học đệ của các Ngài, cho nên địa vị là bình đẳng, vả lại các Ngài có nhiệm vụ phải thường chăm sóc chúng ta, học trưởng phải chăm sóc học đệ. Những điều này nhất định phải nắm rõ thì tâm nguyện của chúng ta mới chắc thật, tín tâm mới kiên cố. Cho nên Phổ Hiền Bồ-tát lại nói: "*Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát*" (phổ nguyện các chúng sanh đang chìm đắm mau đến cõi Phật Vô Lượng Quang). Nguyện vọng của Phổ Hiền Bồ-tát là hy vọng tất cả chúng sanh đang trầm luân trong lục đạo luân hồi mau mau niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây cũng là nguyện thứ ba mươi sáu trong bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật, "***giáo hóa tùy ý nguyện***". Nguyện vọng của Phổ Hiền Bồ-tát thật sự là bày ra trước mặt chúng ta. Do đây có thể biết, bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta và những đại A-la-hán, đại Bồ-tát theo chân Thích-ca Mâu-ni Phật rất có thể đều là Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc tái lai, thị hiện đến để tiếp dẫn chúng ta. Về mặt lý luận điều này chắc chắn nói được thông. Câu kinh văn này chúng tôi xin giới thiệu đến đây.

Chúng ta tiếp tục đọc phần kinh văn tiếp theo:

"***Cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung***".
(Đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trụ trong hết thảy pháp công đức).

"*Cụ túc*" là vốn dĩ đầy đủ, người người đều đầy đủ, tất cả chúng sanh đều đầy đủ. "Vô lượng hạnh nguyện" cho thấy "*hạnh nguyện*" là tánh đức, không phải từ ngoài đến. "*Hạnh*" là Bồ-tát hạnh, Lục Độ. "*Nguyện*", như lúc nãy vừa nói, mười nguyện của Phổ Hiền Bồ-tát là tổng cương lĩnh "hạnh" cứu cánh viên mãn của Bồ-tát. Lục độ là "**Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát-nhã**". Sáu điều này tôi nghĩ quý vị đều rất quen thuộc. Tuy nhiên,

người biết được "tinh nghĩa" của nó thì không nhiều, cho nên mỗi người ai cũng biết niệm mà không biết tu, điều này thật đáng tiếc. Nhất định phải biết được tinh nghĩa của nó để biết cách tu như thế nào. Cách tu là đem nó biến thành đời sống hằng ngày của chúng ta.

Bố thí: Trong đó có bố thí tài, có bố thí pháp, bố thí vô úy. Trong bố thí tài, có nội tài, ngoại tài: vật ngoài thân là ngoại tài, thân thể, sức lực của chúng ta là nội tài. Ví dụ trong đạo tràng này có rất nhiều đồng tu đến làm công quả, bỏ sức ra là bố thí nội tài, cúng dường nội tài. Xuất tiền là ngoại tài, vật ngoài thân là ngoại tài. Chúng ta dùng sức lao động để làm việc là nội tài, đều là bố thí cúng dường. Chúng ta từ sáng đến tối ở nhà phục vụ, vì cả nhà mà làm việc là bố thí cho cả nhà, cúng dường cả nhà. Nếu bạn hiểu rõ thì bạn biết bạn đang tu Bồ-tát đạo ở trong gia đình, bạn đang tu Bồ-tát hạnh nên bạn sẽ làm việc rất vui vẻ, tâm địa thanh tịnh, tràn đầy trí huệ, tràn đầy hỷ duyệt. Nếu bạn mê hoặc điên đảo: "Tôi vì cả nhà mà làm việc cực khổ, làm lao công, ngày ngày hầu hạ họ, ngay đến câu cảm ơn cũng không có". Suốt ngày hờn giận thì tuy nói là bố thí nhưng trong đó mang theo phiền não, cho nên tương lai quả báo của bạn không được tự tại. Điều này Phật Bồ-tát đã nói, vì sao học Phật sẽ mang đến cho bạn niềm hạnh phúc vui vẻ chân thật, công việc đều làm rất vui vẻ, không hề khởi phiền não? Vì tôi đang bố thí cúng dường, tôi đang tu phước, tu phước đương nhiên là việc vui vẻ. Chúng ta ở trong đoàn thể, tận tâm tận lực làm việc cũng là đang tu bố thí. Trong công ty hãng xưởng, chúng ta phục vụ ông chủ, phục vụ công ty cũng là bố thí, cũng là cúng dường. Bất luận là lúc nào, bất luận ở nơi nào, nếu không dùng ngoại tài thì là dùng nội tài. Ngày ngày, mọi lúc mọi nơi đều đang tu bố thí, đều đang tu cúng dường, nhưng rất tiếc bạn không có quan niệm này, vậy thì bạn đang ở đó tạo nghiệp. Bạn xem, đáng tiếc biết bao. Ý niệm vừa chuyển thì cái nghiệp đó tức thời biến thành bố thí cúng dường, biến thành Bồ-tát nghiệp, bạn xem nghiệp lục đạo phàm phu chuyển thành Bồ-tát nghiệp, Tịnh nghiệp rồi. Học Phật thì phải biết chuyển, chuyển cảnh giới, không phải chuyển việc làm, không phải chuyển sự tướng, chuyển ý niệm thì bạn sẽ vô cùng vui vẻ. Hơn nữa, Phổ Hiền Bồ-tát không hề nhàm chán, không hề mệt mỏi. Vì sao không nhàm chán? Vì pháp hỷ sung mãn. Đây là nói bố thí. Chư vị hãy lắng tâm để lĩnh hội ý nghĩa này, sau đó ngày ngày đều làm, chúng ta phải "*chuyển phàm thành Thánh*". Trước kia chúng ta là phàm phu, cảm thấy mình cực khổ đều là vì kẻ khác, kẻ khác vẫn không cảm kích, khi làm thì oán than rên xiết, trong tâm bất bình. Ý niệm vừa

chuyển thì tâm bình ngay, vui vẻ ngay. Trong tâm vừa vui vẻ thì khỏe mạnh trường thọ, phải chuyển trở lại quan niệm này.

Trì giới: Tức là thủ pháp (giữ pháp), đây thuộc về nghĩa rộng không phải nghĩa hẹp. Bất luận làm việc gì đều phải có trình tự nhất định, có phương pháp nhất định, phải tuân thủ. Chuyện công, chuyện tư, chuyện lớn, chuyện nhỏ, đều phải có quy tắc. Chúng ta phải hiểu, phải tuân thủ mới khiến những gì chúng ta làm đều như pháp, mọi thứ đều ngăn nắp, có thứ tự không loạn, rành mạch rõ ràng.

Nhẫn nhục: Tức là nhẫn nại, bất luận làm việc gì thành công đều phải nhờ tâm nhẫn nại, chuyện lớn phải nhẫn nại nhiều, chuyện nhỏ thì nhẫn nại ít. Người không có tâm nhẫn nại thì làm việc không thể thành tựu, nhất định phải có tâm nhẫn nại. Phải quan sát sự việc cho rõ ràng, minh bạch, biết được cơ duyên khi nào chín muồi, không quá bận tâm, nôn nóng. Có được tâm như vậy thì từ từ nó sẽ "định" lại.

Cho nên sau đó có **tinh tiến, thiền định**. "Tiến" là tiến bộ, "tinh" là tinh thuần không tạp loạn. Chúng ta cầu học, học ngành nào thì cầu tiến bộ ở trong ngành đó. Sau khi tốt nghiệp, bước vào xã hội làm việc trong ngành nghề nào thì cầu tiến bộ trong ngành nghề đó, thế mới đúng. Tâm của bạn chuyên nhất. Trong tiến bộ sẽ được "định", định tức là Tam-muội mà chúng ta thường nói. Tam-muội tức là hưởng thụ bình thường. Hưởng thụ bình thường chính là người ta thường nói hạnh phúc vui vẻ, sự nghiệp thuận lợi, thành công mỹ mãn. Sáu điều cương lĩnh này của Bồ-tát và mười nguyện của Phổ Hiền Bồ-tát thật sự có thể giúp chúng ta đạt đến. Quý vị hãy suy xét kỹ xem làm cách nào để ứng dụng vào cuộc sống, ứng dụng vào gia đình, ứng dụng vào sự nghiệp. Vì nó là sống chứ không phải chết. Kinh Phật nếu học mà không có chỗ dùng thì ai học làm gì. Chỗ lợi ích của nó là vừa học xong thì lập tức có chỗ dùng, dùng rồi thì lập tức có hiệu quả, thật sự là nhanh chóng, lập tức thấy có hiệu quả.

Tâm thanh tịnh tất sanh trí huệ, cho nên điều sau cùng **Bát-nhã** tức là trí huệ. Tâm thanh tịnh, tâm có chủ tể, trong tâm không loạn động, không có tạp niệm, không có vọng tưởng thì sẽ sanh trí huệ, hạnh nguyện vô lượng vô biên. Phật quy nạp thành mấy điều đại cương, cho nên Bồ-tát hạnh có sáu đại cương là Lục Độ. Phổ Hiền Bồ-tát có mười đại cương lĩnh tức là Thập Đại Nguyện Vương, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện tánh đức. Thuận tánh đức thì chúng ta xưng tán tánh đức này. "*An trụ nhất thiết công đức pháp trung*", tất cả pháp công đức này, xưa nay,

một số Đại Đức đều cho là vô lượng công đức trên quả địa Như Lai. Thực tế nếu phối hợp với phần trên mà nói, phần trên là tánh đức, tuy nhiên cần phải tu đức thì tánh đức mới có thể hiển hiện ra. Cho nên, phải thật sự tu. Như vậy câu này chúng ta nên dựa vào giáo nghĩa của bổn Tông để nói, "*nhất thiết công đức pháp*" này tức là chỉ cho bộ kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ tức là "nhất thiết công đức pháp môn". Chúng ta, đem tâm an trụ nơi kinh Vô Lượng Thọ, mỗi ngày chúng ta đọc nó, mỗi ngày suy nghĩ, mỗi ngày thực hành. Có nghĩa là: "tôi phải làm cho bằng được, phải biến nó thành hành vi trong cuộc sống thực tế của chính mình". Đây thật sự là an trụ nơi "*nhất thiết công đức pháp trung*". Tất cả là viên mãn, một chút công đức cũng không sót, công đức viên mãn.

"***Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện, nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn***".

(Đi khắp mười phương, hành quyền phương tiện, vào pháp tạng của chư Phật, rốt ráo giải thoát).

Hai câu phía trước ý nghĩa rất rõ ràng, bản thân chúng ta đã an trụ trong kinh Vô Lượng Thọ, tự mình đạt được tất cả pháp công đức, có được lợi ích chân thật. Tuy nhiên, tiến thêm một bước là phải mở rộng công đức của đại kinh này, phải phổ biến giới thiệu cho tất cả chúng sanh, chính là "*du bộ thập phương*", là đi tuyên truyền giới thiệu mở rộng, đi làm công việc này. "*Hành quyền phương tiện*" thường gọi là "*thiện xảo phương tiện*". Có một số người không tiếp nhận, chúng ta dùng phương pháp thiện xảo để khiến họ có thể hoan hỷ tiếp nhận thì đó là "*hành quyền phương tiện*". Khi họ không thể tiếp nhận mà bài xích thì không nên miễn cưỡng, vì sao? Vì nhân duyên chưa thành thục. Họ ưa thích những pháp môn khác thì cứ dùng những pháp môn khác để dẫn dụ họ, đến sau cùng quay đầu lại thì nhập vào pháp môn này rồi. Cho nên bạn phải biết phương pháp, phương pháp xảo diệu, có thể dẫn dụ tất cả chúng sanh nhận thức Phật pháp, nhận thức kinh Vô Lượng Thọ, nhận thức pháp môn Tịnh Độ, điều này vô cùng quan trọng.

"*Nhập Phật pháp tạng*", câu này thường gọi là Nhất Thừa Đại Pháp. Như trong kinh Pháp Hoa Phật nói: "*Duy hữu Nhất Thừa Pháp, vô nhị diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*" (chỉ có Pháp Nhất Thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói). Bổn kinh là Nhất Thừa trong Nhất Thừa, tinh thuần nhất không gì hơn. Cho nên chư cổ đức có nói: "*Hoa Nghiêm, Pháp Hoa vẫn là dẫn đường của kinh Vô Lượng Thọ*". Câu này rất có đạo lý. Đây là "*Nhất Thừa quả hải*" (biển quả Nhất Thừa), tức là thế giới Tây Phương Cực Lạc, tức là một câu

danh hiệu "Nam-mô A-di-đà Phật". "*Cứu cánh bỉ ngạn*", "bỉ ngạn" tức là viên mãn thành Phật, thành Phật cứu cánh, không phải là phần chứng Phật. Tông Thiên Thai có Tạng Thông Biệt Viên. Viên giáo Phật mới là "*cứu cánh bỉ ngạn*", dùng phương pháp gì? Niệm Phật thành Phật thật là không thể nghĩ bàn. Cho nên, pháp môn này có phương pháp đơn giản dễ dàng. "*Phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật*" là được. Tuy nhiên, quý vị nên ghi nhớ phải dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi để tu Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác thì câu A-di-đà Phật sẽ tương ưng. Bởi thế "*nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật*". Bình thường, chúng ta niệm câu A-di-đà Phật này rất nhiều nhưng vì sao không tương ưng, vì sao công phu không đắc lực? Vì tâm chúng ta không chân thành, không thanh tịnh, không bình đẳng, không từ bi. Chúng ta quên sạch Lục Độ, Thập Nguyện rồi, cho nên, tuy có niệm nhưng niệm không tương ưng, niệm không đắc lực. Hôm nay, chúng ta đã hiểu rõ rồi, sửa đổi hết những lỗi không tương ưng trước kia thì từ nay về sau chúng ta niệm Phật "*sẽ nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật*", nhất định sẽ được vui vẻ hạnh phúc, được mỹ mãn.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 4

Chúng tôi xin đọc một đoạn kinh văn:

"***Nguyện ư vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác. Xả Đâu-suất, giáng vương cung, khí vị xuất gia, khổ hạnh học đạo. Tác tư thị hiện, thuận thế gian cố***".

(Nguyện ở vô lượng thế giới chứng Phật quả. Rời cung trời Đâu-suất, giáng sinh vào cung vua, bỏ ngôi vị mà xuất gia, khổ hạnh học đạo. Thị hiện như thế để thuận theo thế gian).

Phần trước nói đến những vị Đại Thánh dự hội. Trí huệ và đức năng của họ hiển thị một cách rất cụ thể. Trong hạnh Bồ-tát, Phổ Hiền hạnh là thù thắng nhất, họ đều tu Hạnh Phổ Hiền, đồng tâm đồng nguyện với Phật. Tận hư không khắp pháp giới, lấy pháp môn này để tiếp dẫn quảng đại chúng sanh. Phần dưới cho chúng ta một thí dụ: Những bậc Thánh giả này, giống với chỗ nói trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa là: nên dùng thân gì để độ được thì họ liền hiện thân đó.

Giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ-tát, ba mươi hai là ba mươi hai loại. Trong mỗi loại đó, sự tướng ứng hóa, thực tế mà nói là vô lượng vô biên, hiển thị ra đức năng của những vị Bồ-tát này. Chỗ này cho chúng ta một tỉ dụ, "*Ưng dĩ Phật thân nhi đắc độ giả, tức hiện Phật thân nhi vi thuyết Pháp*" (nên dùng thân Phật để độ được thì hiện thân Phật để thuyết pháp). Chúng ta xem đoạn này là ví dụ hiện thân Phật, nếu cần dùng thân Bồ-tát thì Ngài liền hiện thân Bồ-tát mà thuyết pháp. Chỗ này là nêu lên hiện thân Phật, tức là "*nguyện ư vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác*" (Nguyện ở vô lượng thế giới chứng Phật quả). Đây chính là hiện thân Phật. Các vị phải biết tuy hiện thân Phật nhưng vẫn dùng pháp môn niệm Phật để giáo hóa tất cả chúng sanh niệm Phật thành Phật. Bởi vì pháp môn này là pháp môn đệ nhất, là pháp môn viên mãn, cứu cánh, là pháp môn giúp tất cả chúng sanh bình đẳng được độ, thật sự là thù thắng không gì sánh bằng.

Phần dưới đây nói đến **tám tướng thành đạo**. Điều này chư vị đồng tu đều rất quen thuộc, nhưng trong đó có chỗ đáng để chúng ta học hỏi nên chúng ta không thể bỏ qua. "*Xả Đâu-suất*", Bồ-tát muốn đến thế gian này thị hiện thành Phật thì phải rời khỏi trời Đâu-suất. Hoàn cảnh sinh hoạt của trời Đâu-suất rất tốt, vô cùng vui sướng, vô cùng tự tại. Đâu-suất là Phạn ngữ, dịch sang nghĩa Trung Quốc là "Tri túc" (biết đủ), Đâu-suất thiên tức là Tri Túc thiên. Tri túc thì thường

lạc. Hiện tại trên thế gian này có rất nhiều người đích thực có địa vị rất cao, có rất nhiều tiền bạc, nhưng họ vẫn rất khổ, vì sao lại khổ? Vì không tri túc. Có tiền tài rồi lại muốn có thêm, nhiều rồi lại muốn nhiều thêm, cái này mới thật là khổ. Tri túc thì vui ngay. Tri túc là gì? Người tri túc không mong cầu, người đến mức độ vô cầu thì như tục ngữ chúng ta nói là "phẩm cách tự nhiên cao". Thật sự được vui là tri túc. Tầng trời này gọi là trời Tri Túc, tất cả Đẳng Giác Bồ-tát, Bổ Xứ Tôn giả, Bổ Xứ tức là Hậu Bổ Phật, đều từ trời Đâu-suất giáng xuống. Chỗ này mang ý nghĩa biểu pháp rất sâu. Nói cách khác, Bồ-tát tu hành, nếu chưa đến mức tri túc thì công phu của Bồ-tát chưa viên mãn, họ vẫn chưa biết đủ mà, tri túc rồi thì thành Phật ngay. Trong các bộ kinh lớn chúng ta thấy Bồ-tát cũng tham, tham độ chúng sanh, tham công đức, cho nên họ vẫn chưa biết đủ. Biết đủ rồi thì thành Phật ngay, chúng ta nhất định phải ghi nhớ việc này. Bất luận là thế pháp hay xuất thế pháp đều phải biết đủ. Ví dụ, hiện nay chúng ta học Phật Pháp, kinh điển của Phật pháp rộng lớn bao la như biển cả. Hiện nay chúng ta thấy Đại Tạng Kinh đều dùng loại chữ nhỏ để xuất bản, bìa dày như vậy mà vẫn phải có đến một trăm quyển. Nếu xem qua một lần từ đầu đến cuối thì phải mất bao nhiêu năm mới có thể xem hết. Thứ nào cũng muốn học, Tông Phái nào cũng muốn học, pháp môn nào cũng muốn học, bộ kinh luận nào cũng muốn học, đó gọi là tham, như vậy thì không buông xả được. Chúng ta biết đủ, một bộ kinh tức là một bộ kinh Vô Lượng Thọ là được rồi. Như Cổ Đức nói: "Tam tạng mười hai bộ nhường cho những người không biết đủ đi ngộ, tám vạn bốn ngàn hạnh nhường cho người không biết đủ đi hành". Còn chúng ta biết đủ rồi, một bộ kinh, một câu A-di-đà Phật, điều này vui biết mấy. Biết đủ thì vui. Tu hành cũng như thế, nhất định phải biết đủ. Nội dung của bộ kinh này đã bao hàm hết tất cả kinh, phía trước đã báo cáo cùng quý vị rồi, cho nên phải xả được, phải buông xuống được. **Xả Đâu-suất,** trong tám tướng thành đạo thì tướng thứ nhất là giáng sanh.

"***Giáng vương cung***" là **tướng thứ hai và thứ ba**: Giáng vương cung, Phật ứng hóa đến thế gian này, tuyệt đối không giáng sanh vào gia đình dân dã bình thường, vì sao? Vì sức ảnh hưởng không lớn, chúng ta là thân nghiệp báo, tự mình không thể làm chủ, nghiệp lực dẫn bạn đi đầu thai, khi gặp duyên thì không thể không đi. Phật, Bồ-tát là nguyện lực, không phải nghiệp lực. Nguyện lực thì có thể tùy mình lựa chọn, cho nên các Ngài nhất định chọn vào gia đình quốc vương để giáng sanh. Sau khi hạ sanh là thân phận Thái Tử. Sau đó xuất gia mới thật là hy hữu. Người thế gian từ sáng đến tối đầu óc toàn suy nghĩ những thứ danh văn lợi dưỡng, từ sáng đến tối bận rộn cũng là danh văn lợi dưỡng. Bồ-tát giáng sanh

vào vương cung, danh văn lợi dưỡng đều đầy đủ cả. Nếu nói về địa vị thì tương lai Ngài là quốc vương. Người Trung Quốc gọi là "quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải". Phú quý, danh lợi của thế gian Ngài đều có đầy đủ, Ngài có thể buông bỏ để xuất gia khiến chúng ta phải nghiêm túc mà suy nghĩ. Chúng ta ngày ngày tranh danh đoạt lợi, còn Ngài thì vì sao không cần? Cách làm này có thể khiến chúng ta khai ngộ, khiến chúng ta hiểu rõ ý nghĩa chân chánh của kiếp người, giá trị chân chánh của kiếp người, phải có niềm vui, hạnh phúc chân chánh thì người này mới không uổng qua một đời. Một đời đều là khổ cực, một đời đều là bận rộn, không hiểu vì ai mà bận rộn. Người này thật đáng thương. Trong kinh Phật thường nói: "*Khả lân mẫn giả*" (kẻ đáng thương xót), không hiểu bận rộn vì ai? Cổ nhân cũng nói: Vì ai mà cực khổ? Vì ai mà bận rộn? Họ không biết. Họ đáng thương biết bao. Thậm chí bận rộn để được cái gì? Bận rộn đến ba bữa cơm cũng không có thời giờ ăn, bạn bảo đáng thương biết mấy. Ăn không ngon, ngủ không yên, suốt ngày bận rộn đến tối, địa vị họ dù có cao hơn, tiền bạc có nhiều hơn đi nữa cũng chỉ là những người rất đáng thương. Họ không hạnh phúc như chúng ta, chúng ta ba bữa cơm ăn đúng giờ, tối ngủ rất thoải mái, như vậy rất có phước báo, rất vui vẻ, rất hạnh phúc.

Giáng sanh trong hoàng cung là hai tướng trong tám tướng thành đạo. Một tướng là đầu thai, một tướng là ra đời trong hoàng cung. **Khí vị xuất gia** là **tướng thứ tư** trong tám tướng. Ngài xả bỏ ngôi vua, xả bỏ phú quý để đi xuất gia. Nếu không phải là người có trí huệ chân chánh, người triệt để hiểu rõ chân tướng sự thật thì họ không thể làm nổi. Người thế gian đều bị mê hoặc trong danh lợi, liều mạng mà cướp đoạt, bây giờ không phải là tranh thủ mà là cướp đoạt, "tranh danh đoạt lợi". Ngài xả bỏ hết, vì sao? Vì Ngài thật sự giác ngộ rồi, thật sự hiểu rõ rồi, những thứ này là giả, là không, là phiền phức, là đau khổ, tuyệt đối không phải là hạnh phúc, không phải vui vẻ. Tôi vừa nói: Người có tiền, có địa vị, suốt ngày bận rộn ngay đến thì giờ ăn cơm cũng không có, thì giờ ngủ nghỉ cũng không có, bạn bảo đáng thương biết bao. Còn Ngài hiểu rồi, Ngài ngộ rồi, không cần nữa, đồ giả mà nên Ngài xuất gia đi tu đạo, khổ hạnh học đạo. "Khổ hạnh", người thế gian nghĩ rằng người xuất gia rất khổ, đây là dùng nhãn quan của thế tục để nhìn. Kỳ thật họ là người vui sướng nhất. Kiếp người ở thế gian này không có gì vui sướng bằng điều này. Tôi lúc mới xuất gia thọ giới, vị Hòa Thượng truyền giới của chúng tôi là Đạo Nguyên lão Pháp Sư đã kể cho chúng tôi một câu chuyện, câu chuyện này có thật:

Vào năm đầu dân quốc, lúc Ngài còn là một chú tiểu. Ngài thấy trong thôn của Ngài có một người ăn xin, người ăn xin này sống rất đắc ý, rất tự tại, mỗi ngày ra ngoài xin cơm, tối đến tùy tiện vào trong miếu cũ ngủ một giấc. Sau này con của ông giàu có, là tài chủ của địa phương đó, đương nhiên mọi người liền nói: "Anh xem gia thế của anh lớn như vậy, giàu như vậy, tại sao anh để cha anh ra ngoài đi xin cơm, làm kẻ ăn mày như vậy?". Người con cũng cảm thấy mất mặt, tìm đủ mọi cách, phái rất nhiều người tìm cha về. Sau khi tìm về rồi, thay quần áo mới cho ông, phụng dưỡng ông đàng hoàng. Đại khái qua một tháng sau, người cha này lại lén đi mất, lại đi xin ăn nữa. Người ta hỏi ông đang làm gì? Ông nói: "Cuộc sống của tôi như vậy mới tự tại, nhốt tôi trong đó hưởng thụ, việc này không tự tại, làm gì bằng mỗi ngày đi khắp nơi rong chơi, du sơn, ngoạn thủy, đi đến đâu ăn đến đó, đi đến đâu ngủ đến đó. Cuộc sống như thế, thoải mái biết bao, tự tại biết bao"

Ông có triết học nhân sinh của ông, có niềm vui thật sự của ông. Thông thường chúng ta nhìn thấy người xin ăn gọi là ăn mày. Thực tế ông làm ăn xin không phải vì bị bắt buộc, không phải vì gia đình không có ăn, gia đình ông rất giàu có. Ông là người vui vẻ, ông đã nhìn thấu hồng trần, cảnh giới của người này thật phi thường, tuyệt đối không phải người bình thường. Người thông thường cho là khổ, nhưng người xuất gia mới có nhiều lạc thú, sinh hoạt đơn giản, ít tạo nghiệp. Tâm địa thanh tịnh thì nhu cầu ít. Người xuất gia trước kia là "ba y một bát", cái gì cũng không có, cái này mới thật sự vui sướng, không có chút tích lũy nào, mỗi ngày ăn một bữa, một bữa cơm rất dễ kiếm. Hơn nữa người cúng dường cũng rất tôn kính, rất hoan hỷ. Chỉ ăn một bữa có đủ không? Đầy đủ rồi. Vì sao vậy? Vì tâm thanh tịnh. Thân thể chúng ta là một bộ máy, máy thì phải động, nó phải vận động, vận động thì cần có năng lượng để chuyển động nó. Năng lượng là từ ẩm thực mà có. Quý vị nên biết, năng lượng tiêu hao 95% là tiêu hao trên vọng tưởng, phiền não. Cho nên, người thế gian một ngày phải ăn ba bữa, còn phải ăn điểm tâm, còn phải ăn khuya, thật là khổ. Kết quả ăn xong rồi thì sao? Ăn đến mức khắp người bệnh tật, bệnh từ miệng vào mà, làm sao họ không sanh bệnh được chứ? Người tu hành vọng tưởng ít, phiền não ít, họ tiêu hao năng lượng ít, cho nên mỗi ngày bổ sung một lần là đủ rồi. Cuộc sống như vậy không phải cầu cạnh người, vui sướng biết bao, hạnh phúc biết bao. Cho nên chúng ta đối với ẩm thực phải hiểu biết, tu hành là tu tâm thanh tịnh. Tâm địa càng thanh tịnh thì việc ăn uống của bạn nhất định tự nhiên sẽ giảm thiểu, không cần nhiều thì bạn đã đủ rồi. Cho dù ăn ba bữa thì bạn cũng ăn rất ít. Thể lực của bạn chắc chắn rất bình

thường, nhất định rất khỏe mạnh. Người thế tục không hiểu được đạo lý này, không hiểu được cảnh giới này, cho đó là khổ, thực tế mà nói đó là thường lạc, chân lạc. "*Học đạo*", đạo là gì? Đạo tức là tâm thanh tịnh, là tâm bình đẳng, là giác mà không mê, là học cái này.

"***Tác tư thị hiện, thuận thế gian cố***".
(Thị hiện như thế để thuận theo thế gian).

Hai câu này đã nói rõ căn nguyên rồi. Các Ngài là thị hiện không phải lần này mới phát tâm xuất gia, các Ngài là thị hiện, đến để biểu diễn. Giống như Đức Bổn Sư Thích-ca của chúng ta. Vào ba ngàn năm trước Thích-ca Mâu-ni xuất hiện tại Ấn Độ [thị hiện] tám tướng thành đạo. Chúng ta đều nghĩ rằng Thích-ca Mâu-ni ngồi dưới cội Bồ-đề đêm nhìn sao trời bỗng nhiên đại ngộ thành Phật. Chúng ta chỉ thấy tướng này, trên thực tế trong kinh Phạm Võng Thế Tôn nói với chúng ta, Ngài lần này đến đây thị hiện làm Phật đã là lần thứ tám ngàn rồi. Chúng ta mới bỗng nhiên đại ngộ rằng: Ngài là "*tác tư thị hiện, tùy thuận thế gian*". Người thế gian đến đều phải tìm cha mẹ để đầu thai, nếu Phật xuất hiện tại thế gian này mà không có cha mẹ, từ trên trời giáng xuống thì Ngài giáo hóa chúng sanh sẽ khó. Chúng ta nhìn Ngài: Chúng ta là do cha mẹ sinh ra, còn Ngài thì từ trên trời xuống, vậy thì làm sao chúng ta có thể bằng Ngài được? Chúng ta làm sao có thể học thành đạo được? Chúng ta là cha mẹ sanh, Ngài cũng biểu diễn là do cha mẹ sanh, chúng ta từ nhỏ lớn lên, Ngài cũng từ nhỏ lớn lên, Ngài có thể thành Phật, chúng ta cũng có thể thành Phật, khiến chúng ta có thể tăng trưởng tín tâm. Ngài làm gương cho chúng ta xem.

Tuy là thị hiện, nhưng trên mặt giáo hóa mà nói thì đích thực là sự thật. Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu được phương pháp này, y giáo tu hành thì ngay đời này chắc chắn có thể ra khỏi tam giới, thoát sanh tử, thành Phật đạo. Cho thấy sự thị hiện của Thế Tôn không hề lừa dối chúng ta, đều là sự thật.

"***Dĩ định huệ lực, hàng phục ma oán***".
(Đem sức định huệ hàng phục ma oán).

Đây là **tướng thứ năm** hàng ma. Câu này ý nói tâm của đồng tu chúng ta thường không buông xả được, gọi là ma chướng, nghiệp chướng. Ma chướng và nghiệp chướng là cùng một việc. Thế nào là ma? Trước tiên chúng ta phải nhận thức được nó thì sẽ có phương pháp hàng phục nó. Nếu không nhận thức được nó thì chúng ta không cách gì đối phó được nó. Kinh Lăng-nghiêm có một tỉ dụ: Ví dụ chúng ta muốn bắt kẻ trộm thì bạn phải nhận biết nó, bạn mới có thể bắt được

nó. Nếu không nhận biết được nó thì bạn đến chỗ nào để bắt nó? Tỉ dụ này rất hay. Như vậy ma là gì? Kinh Bát Đại Nhân Giác nói rất rõ ràng, rất minh bạch: Ma có bốn loại, chúng ta không thể không biết.

Thứ nhất là **ngũ ấm ma**, thân thể này của chúng ta là thân ngũ ấm. Ngũ ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc là vật chất, nhục thân này của chúng ta gọi là sắc thân. Thọ, tưởng, hành, thức là tâm, cùng với tác dụng của tâm lý. Con người của chúng ta là do ngũ ấm kết hợp thành, bản thân của ngũ ấm chính là ma. Bạn xem thân này phiền phức biết mấy. Nếu không liễu sanh tử thì bạn làm sao thoát được ngũ ấm ma? Bồ-tát tu hành, trên con đường Bồ-đề có biết bao chướng nạn, căn nguyên đều là ngũ ấm. Trong kinh Lăng-nghiêm nói có năm mươi loại ấm ma, năm mươi loại lớn, năm mươi loại lớn này chính là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Trong mỗi ấm có mười loại, mười loại lớn, năm mươi loại ấm ma cho thấy ngũ ấm quả thật là cội nguồn của ma oán. Chúng ta phải nhận thức rõ ràng. **Loại thứ hai** là **phiền não ma:** Tham sân si mạn, những thứ này dày vò chúng ta. Ma nghĩa là dày vò, khiến thân tâm chúng ta không được thanh tịnh, không được tự tại, cái này rất khổ. **Thứ ba** là **thiên ma:** Loại này ở bên ngoài. Chúng ta gọi là hoàn cảnh bên ngoài, không phải từ nơi bản thân. Ngũ ấm, phiền não đều là tự thân, đều là từ bản thân mình. Không thuộc về hai loại này mà thuộc về sự chướng ngại ở bên ngoài thì gọi là thiên ma. Đây là chướng ngại của hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất ở bên ngoài. **Thứ tư** là **tử ma:** Con người không thể sống mãi trên thế gian, con người sẽ phải chết, chúng ta là người học Phật thì không nên kiêng kỵ. Người thế gian sợ chết, nghe đến chết thì không vui, rất không muốn. Chúng ta là người học Phật biết được có sanh tất có tử, chết là chuyện rất bình thường. Tuy nhiên, thọ mạng ngắn ngủi, công phu tu hành của chúng ta chưa thành tựu thì đã phải chết rồi, như vậy sự tu trì của kiếp này thật là vô cùng đáng tiếc, tu chưa xong mà. Cho dù được luân hồi trở lại thì vẫn bị cái "mê cách ấm". Sự việc của kiếp trước đã quên sạch sẽ, cho dù gặp được thiện duyên, gặp được thiện tri thức tốt thì vẫn phải tu lại từ đầu. Mỗi vị đồng tu ngồi đây đều là người tái lai, đều là người trở lại trong kiếp quá khứ, đều đã từng tu trong đời trước cũng tu rất khá, thế mà vừa luân hồi đến kiếp này nghĩ xem như thế nào? Chúng ta sẽ hiểu rõ cái chết quả thật dày vò chúng ta. Nếu không chết thì sự tu học của chúng ta đã sớm thành tựu rồi.

Thế giới này có sanh tử luân hồi cho nên vô cùng rắc rối, chúng ta có thể tìm đến một nơi không có tử ma không? Thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đến nơi đó thì mọi người đều là vô lượng thọ, hoàn cảnh này tốt lắm. Thế giới Tây Phương

Cực Lạc đều không có bốn thứ ma chướng này, còn thế giới này của chúng ta thì không một ai có thể tránh khỏi.

"*Oán*" là oán gia, thứ này vô cùng rắc rối. Oán gia là gì? Những chúng sanh mà chúng ta đã sát hại đến đòi mạng trả thù. Chúng ta chiếm lợi ích của người khác, thiếu nợ thì phải đòi nợ, thiếu mạng thì phải đền mạng, thiếu nợ thì phải trả nợ, đây là oán gia trái chủ. Vào năm 1979, tôi ở Hồng Kông, giảng Kinh Lăng-nghiêm tại giảng đường Quang Minh. Giảng đường Quang Minh là do lão Hòa Thượng Thọ Dã xây dựng. Trên giảng đường Ngài có treo một bộ đối liễn, tôi xem thấy rất cảm động. Câu trên viết: "*Phu thê thị duyên, hữu thiện duyên, hữu ác duyên, oan oan tương báo*" (vợ chồng là duyên, có thiện duyên, có ác duyên, oan oan tương báo). Câu dưới viết: "*Nhi nữ thị trái, hữu thảo trái, hữu hoàn trái, vô trái bất lai*" (con cái là nợ, có đòi nợ, có trả nợ, không nợ không đến). Ngài nói rất đúng, không sai chút nào cả. Chân tướng sự thật trong quan hệ giữa người và người trong thế gian là gì? Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, là làm những việc này, đây chính là oán. Chúng ta thật sự nhìn thấu việc thế gian rồi là tu định, tu huệ. Nhìn thấu là huệ, như như bất động là định, nhìn thấu sự việc rồi mới có thể hàng phục ma oán, nhất định phải nhìn thấu, phải buông xuống, nhìn thấu là huệ, buông xuống là định, vậy thì ma oán sẽ không quấy nhiễu bạn nữa. Cho nên nhất định phải có định huệ lực, không có định lực, không có trí huệ thì không thể nhìn thấu, không thể buông xuống. Từ sáng đến tối, từ mùng một đầu năm đến ba mươi cuối năm, bạn làm sao có thể thoát khỏi bàn tay của ma chứ? Đây là điều chúng ta cần phải giác ngộ, cần phải hiểu rõ.

"***Đắc vi diệu pháp, thành Tối Chánh Giác***".
(Đắc pháp vi diệu, thành bậc Tối Chánh Giác).

Đây là tướng **thứ sáu** trong tám tướng thành đạo. Thành đạo là thị hiện thành Phật, làm thế nào để thành Phật? Trong Di-đà Yếu Giải Ngẫu Ích Đại Sư nói rất hay, Đức Thích-ca Mâu-ni Phật là do niệm Phật mà thành Phật. Câu nói này đích thực trước đây chưa từng nghe nói qua, trước đây chưa ai nói như vậy, [chỉ có] Ngẫu Ích Đại Sư nói như vậy. Ngài có chứng cứ, chứng cứ ở trong kinh A-di-đà. Chúng tôi mỗi ngày tụng kinh A-di-đà mà không phát hiện ra, Ngài vừa chỉ điểm, chúng tôi xem lại, quả thật không sai. Cho nên được "vi diệu pháp" tức là gặp được pháp môn niệm Phật này, pháp môn niệm Phật này là pháp tối vi diệu. Chúng sanh hữu tình trong chín pháp giới nếu thật sự gặp được rồi, thật sự tin tưởng thì niệm Phật sẽ thành Phật. Thế Tôn trong nhiều đại Kinh đại luận nói với chúng ta một nguyên lý rất quan trọng, đó là "*nhất thiết pháp tùng tâm tưởng*

sanh". Câu nói này quả là chân lý, nếu bạn muốn hỏi: Thế Tôn giảng kinh nói pháp bốn mươi chín năm, câu nói nào là quan trọng nhất, thì tôi sẽ cho bạn biết câu nói này là quan trọng nhất "*nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh*". Cho nên Phật dạy chúng ta niệm Phật, trong tâm chúng ta niệm Phật, tưởng Phật thì sẽ thành Phật, từ tâm tưởng sanh mà. Quý vị phải biết niệm cái gì thì thành cái đó. Đây cũng là nguyên lý trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói với chúng ta: "*Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*". Thức chính là tâm tưởng, thập pháp giới y chánh trang nghiêm từ đâu mà có? Là do tâm tưởng biến hiện ra. Thập pháp giới, chúng ta tưởng Phật thì hiện pháp giới Phật, tưởng Bồ-tát thì hiện pháp giới Bồ-tát, tưởng La-hán thì hiện pháp giới La-hán. Hiện nay người thế gian nghĩ những gì? Ngày ngày nghĩ phát tài, nghĩ phát tài là pháp giới gì? Là pháp giới của ngạ quỷ, tâm tham mà. Tham là ngạ quỷ, sân khuể là địa ngục, ngu si là súc sanh. Họ ngày ngày đều tưởng những thứ này, cho nên trong tương lai đều phải đi làm quỷ, bạn bảo có oan uổng không chứ? Hôm nay chúng ta đã hiểu rõ chân tướng sự thật này, hiểu rõ đạo lý này rồi thì chúng ta tưởng Phật "*ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*". Nó là từ tâm tưởng mà sanh. Đây là "*pháp vi diệu, thành Tối Chánh Giác*". Mười phương ba đời tất cả chư Phật thành Phật đều từ đạo lý này, đều từ phương pháp này, từ đây chúng ta mới khẳng định, mới hoàn toàn tin tưởng. Cho nên quý vị nên nhớ kỹ: Bạn ngày ngày nên tưởng đến hạnh phúc, tưởng đến vui vẻ, đừng tưởng đến phiền não, đừng tưởng đến đau khổ, tại sao? Đều là từ tâm tưởng sanh mà, ngày tháng đã khổ lắm rồi mà ngày ngày bạn còn tưởng đến cái khổ, đó là trong khổ lại thêm khổ nữa. Tuổi đã cao rồi bạn nghĩ đến già thì lão hóa rất nhanh. Sau khi già rồi, người già đều có bệnh, ngày ngày đều nghĩ đến bệnh thì không bệnh cũng sanh ra rất nhiều thứ bệnh. Cho nên, cái này là tưởng già, tưởng bệnh, tưởng chết, đây là cách nghĩ không lành mạnh. Đây là căn bệnh nặng của tư tưởng kiến giải. Người học Phật chúng ta không nghĩ chuyện này mà ngày ngày chỉ tưởng A-di-đà Phật, tưởng thế giới Tây Phương Cực Lạc y chánh trang nghiêm, như thế là đúng. Đây là tâm lý khỏe mạnh nhất, chúng ta thường nói tâm lý khỏe mạnh, tâm lý vệ sinh, đây là tâm lý khỏe mạnh nhất, tâm địa thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh để tưởng Phật, chúng ta mỗi ngày tụng kinh Vô Lượng Thọ, nghĩ tưởng những đạo lý, những cảnh giới, những lời giáo huấn mà Phật giảng trong kinh thì chúng ta sẽ giống như Phật vậy. Thường thường nghĩ tưởng, ngày ngày nghĩ tưởng, không hay không biết thì thành Phật rồi. Đây chính là sự gia trì của Thích-ca Mâu-ni Phật đối với chúng ta, đây là ân đức của Phật đối với chúng ta. Nếu Phật không dạy chúng ta thì chúng ta làm sao có thể biết được? Đây đích thật là chân

tướng sự thật, là bí mật của vũ trụ, ở chỗ này Phật đã phơi bày nói rõ cho chúng ta rồi. Cho nên thành tối chánh giác chính là thành Phật.

Đoạn văn tiếp theo là **tướng thứ bảy: Chuyển pháp luân**.

"***Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân***".
(Người trời quy ngưỡng, thỉnh chuyển bánh xe pháp).

"*Quy*" là quy y, "*ngưỡng*" là kính ngưỡng, cũng có nghĩa là tôn kính. "*Thỉnh chuyển pháp luân*", tức là thỉnh Phật thuyết pháp. Chúng ta nhìn thấy Phật vui vẻ như thế, tự tại như thế, trong kiếp nhân sinh, những gì Ngài biểu hiện đều chứa đầy trí huệ, chứa đầy đức năng. Đây đều là những thứ chúng ta mong cầu mơ ước hâm mộ. Chúng ta rất mong muốn Phật chỉ bảo cho chúng ta, Ngài làm cách nào để tu học thành tựu? Huống chi là sự thành tựu thù thắng hơn, không thể nghĩ bàn hơn đó là liễu sanh tử, thoát luân hồi. Ngài không có sanh tử, Ngài cũng không có luân hồi, không những Ngài đã đột phá luân hồi mà Ngài cũng đột phá luôn thập pháp giới. Đây là điều mà chúng ta rất muốn hiểu rõ, muốn biết, muốn học tập. Thỉnh Thích-ca Mâu-ni Phật đến chỉ dạy cho chúng ta, nói rõ đạo lý bên trong, nói rõ chân tướng sự thật để chúng ta dễ học tập.

"***Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian***".
(Thường đem pháp âm giác ngộ các thế gian).

"*Pháp*", ở đây có hai ý nghĩa, một là **đạo lý**, hai là **phương pháp.** Phật nói cho chúng ta đạo lý của vũ trụ nhân sinh, nói ra sự tướng, nói ra những phương pháp tu học làm thế nào đột phá những mê hoặc điên đảo của chúng ta, để chứng đắc chân tướng sự thật. "Thường" là không ngừng nói cho chúng ta, tuyên thuyết cho chúng ta. "*Giác chư thế gian*", "*chư thế gian*" này bao gồm lục đạo, bao gồm chúng sanh hữu tình trong chín pháp giới, đều cần sự chỉ dạy của Phật.

Bốn câu tiếp theo là lược giảng về thành quả của giáo học, hiệu quả của giáo học.

"***Phá phiền não thành***".
(Phá thành phiền não).

Phiền não của chúng ta quá nhiều, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Phật trong lúc giảng kinh thuyết pháp, Ngài đem vô lượng vô biên phiền não quy nạp lại thành tám vạn bốn ngàn loại. Tám vạn bốn ngàn này là có con số, còn vô lượng vô biên thì không có số. Không thể mơ hồ tùy tiện mà nói tám vạn bốn ngàn, Ngài

nói rõ cho chúng ta từng điều, từng điều, nói đủ tám vạn bốn ngàn điều. Người thời nay chúng ta thích đơn giản, sợ phiền phức, sợ rườm rà, sợ mất nhiều thì giờ, Phật biết điều này. Do đó, Phật lại quy nạp thành một trăm lẻ tám điều. Đây là cương lĩnh, một trăm lẻ tám loại, gọi là bách bát phiền não. Xâu chuỗi niệm Phật của chúng ta có một trăm lẻ tám hột, ý nói phải niệm A-di-đà Phật, niệm Giới, Định, Huệ để đoạn một trăm lẻ tám loại phiền não này, là mang ý nghĩa này. Thế nhưng một trăm lẻ tám vẫn chê rườm rà, phiền phức, cho nên Thiên Thân Bồ-tát làm quyển Bách Pháp Minh Môn Luận quy nạp những phiền não này một lần nữa thành hai mươi sáu loại. Như vậy thì dễ dàng rồi. Hiện nay, thông thường giảng kinh nói pháp, nói đến con số của phiền não đều y theo cách nói của Thiên Thân Bồ-tát. Hai mươi sáu loại này có sáu cái **căn bản phiền não**, hai mươi cái gọi là **tùy phiền não**. Ở đây chúng ta không cần nói kỹ hai mươi sáu thứ phiền não này.

Căn bản phiền não gồm tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Sáu thứ này gọi là căn bản. Ác kiến tức là tà tri, tà kiến. Phật thuyết pháp, chỉ dạy chúng ta làm cách nào nhổ trừ những phiền não này. Trong Hành Môn của Bồ-tát, tức là cương lĩnh tu hành của Bồ-tát và cũng là sinh hoạt thường nhật của Bồ-tát, cần phải tuân thủ sáu nguyên tắc này.

Chúng ta gọi đó là Lục Độ, sáu điều này tức là đoạn phiền não. Bố thí phá bỏn xẻn tham lam. Bạn xem phiền não này là phiền não căn bản. Thứ nhất chính là tham- tham sân si. Nhẫn nhục Ba-la-mật là phá sân khuể, Bát-nhã Ba-la-mật là phá ngu si. Bồ-tát tu Lục Độ, đối với bản thân chính là phá "*phiền não thành*". "Thành" là ví dụ, nó vô cùng kiên cố, rất khó công phá. Bồ-tát dùng phương pháp Lục Độ để công phá phiền não.

"***Hoại chư dục tiệm***".
(Lấp hào tham dục).

Chữ "*tiệm*" này là con sông để bảo vệ thành. Thành thị hiện nay đã không còn sông nữa, thành thị xưa kia thì có. Tại Trung Quốc đại lục vẫn còn gìn giữ được vài cái thành cổ, như ở Tây An vẫn còn tường thành, phía ngoài của tường thành là sông bảo vệ thành, con sông đó gọi là "*tiệm*", dùng để phòng thủ thành trì. Đây cũng là dùng để tỉ dụ. Chữ "*dục*" này là ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thùy. Phật thường nói trong kinh, đây là năm cái gốc của địa ngục. Nếu không nhổ trừ những thứ này mà muốn siêu vượt tam giới lục đạo thì khó lắm. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ cũng phải nhổ trừ những phiền não này thì mới có thể đi được. Chớ nghĩ rằng tôi niệm Phật, lúc lâm chung Phật sẽ đến tiếp dẫn tôi.

Không sai. Phật sẽ đến tiếp dẫn bạn, nhưng phía sau năm cái gốc của địa ngục vẫn buộc chặt bạn, Phật có kéo cũng kéo không nổi, bạn vẫn không đi được. Nhất định phải giảm nhẹ những thứ này. Chúng ta phải hiểu những thứ này đều có hại, có độc. Trong ý niệm có tham sân si thì cái tâm này có độc, không tốt, tâm hư rồi. Nếu trong thân thể chỗ nào có bệnh thì bạn đều biết đi tìm bác sĩ mau chóng phẫu thuật, cắt bỏ nó. Hiện nay tâm của bạn hư rồi mà bạn không hay biết, bạn không nôn nóng. Trong tâm có tham sân si thì tâm này hỏng rồi, là đại chướng ngại, niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Cho nên chúng ta nhất định phải biết, phải hiểu rõ, phải buông xuống tham sân si thì chúng ta mới có thể làm Phật. Phật Bồ-tát không có tham sân si, Phật Bồ-tát tuyệt đối không lưu luyến ngũ dục lục trần, tâm của các Ngài là thanh tịnh, không có những thứ này.

Ngày nay trong tâm chúng ta có những thứ này thì tâm này sẽ có bệnh, sẽ có độc, tâm này không phải là tâm tốt, nhất định phải hết lòng niệm câu A-di-đà Phật để hồi phục lại tâm thanh tịnh của chúng ta. Cho nên công phu của người niệm Phật ở chỗ nào? Tâm tham vừa khởi dậy, niệm A-di-đà Phật đè tâm tham xuống. Tâm sân khuể vừa nổi dậy thì niệm A-di-đà Phật để cơn giận không phát lên nữa, tâm sân khuể cũng bị đánh tan. Người xưa thường nói: "*Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*". "Niệm" là phiền não vọng tưởng, không sợ phiền não vọng tưởng khởi lên, chỉ cần giác ngộ cho nhanh, sự giác ngộ này tức là một câu Phật hiệu. Ý niệm thứ nhất là phiền não, ý niệm thứ hai là A-di-đà Phật thì sẽ đánh tan tạp niệm vọng tưởng phiền não. Đây gọi là thật sự biết dụng công, cách niệm Phật này mới gọi là đắc lực. Niệm lâu rồi thì vọng tưởng, phiền não tự nhiên ít dần, tự nhiên nhẹ đi. Vọng tưởng phiền não nhẹ rồi thì nó sẽ không sinh ra chướng ngại nữa, khi Phật đến tiếp dẫn thì bạn thật sự có thể buông xả được, thật sự có thể xả được sạch sẽ như vậy mới có thể theo Phật vãng sanh Tây Phương.

Cho nên đều không thể tham thế xuất thế gian pháp, phải hiểu rằng mọi thứ đều là giả, đều là không, nhất định không có một pháp nào bạn có thể đạt được. Trong Tâm Kinh nói lời chân thật: "*Vô trí diệc vô đắc*". Vô đắc là thật, đừng nghĩ rằng cái này là của tôi, cái kia cũng là của tôi, vậy thì hỏng hết, đó là tạo tam ác đạo vậy.

"***Tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch***".
(Gột sạch cấu uế, hiển bày đức thanh tịnh).

Rời xa phiền não, ngũ dục thì tâm sẽ thanh tịnh, bởi vì những thứ này làm ô nhiễm tâm thanh tịnh của chính mình. Lúc này có thể xa lìa [cấu uế] thì sẽ "*phá*

mê khai ngộ", phá mê rồi. Đại Đức Thiền Tông thường nói: "*Quýnh thoát căn trần, linh quang độc diệu*" (thoát hẳn căn trần, linh quang sáng tỏ). "Căn" là sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. "Trần" là cảnh giới bên ngoài: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Không những không nhiễm trần mà cũng không dùng căn nữa. Đúng như Ngài Giao Quang Đại Sư nói trong kinh Lăng-nghiêm, "*bỏ thức dùng căn*": dùng tánh trong căn mới thật là cao minh, giống với chư Phật Bồ-tát. "Kiến", dùng tánh thấy để thấy, không phải dùng nhãn thức. Thức là ô nhiễm, tánh là quang minh. "Linh quang độc diệu": nghe, không dùng nhĩ thức để nghe mà dùng tánh nghe để nghe, dùng căn tánh của sáu căn. Căn tánh là chân tâm, cũng gọi là chân như, cũng gọi là bổn tánh, dùng cái này. Đương nhiên câu này nói thì dễ mà làm thì rất khó. Chúng ta là phàm phu, nghiệp chướng sâu dày nên chắc chắn không biết cách dùng, suốt ngày vẫn là dùng sáu thức. Dùng sáu thức cũng có thể vãng sanh, ưu thế của chúng ta là ở chỗ này, đây gọi là đới nghiệp vãng sanh. Nếu dùng tánh trong căn thì không phải là đới nghiệp nữa. Nghiệp đó đã hoàn toàn tiêu trừ rồi, người như thế niệm Phật vãng sanh sẽ được phẩm vị cao, sanh đến thế giới Tây Phương là sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ, không phải ở Phàm Thánh Đồng Cư Độ.

"*Hiển minh thanh bạch*", đây là "*linh quang độc diệu*", tâm địa thanh tịnh rõ ràng. Hai câu này nếu dùng lời của Đại Thế Chí Bồ-tát mà nói tức là "*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*" (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), chúng ta dùng hai câu nói này của Đại Thế Chí Bồ-tát thì rất dễ hiểu. Công phu thuần thục rồi thì "*tự đắc tâm khai*" (tâm tự được khai ngộ). "*Hiển minh thanh bạch*" tức là cảnh giới của "tự đắc tâm khai", đây tức là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh của Thiền Tông. Chúng ta ngày nay vì sao không khai ngộ? Bởi vì có nghiệp chướng, có phiền não, có dục vọng làm chướng ngại mất tâm tánh quang minh của chúng ta, nên không thể khai ngộ. Quyết định sau khi nhổ bỏ những thứ này thì trí huệ quang minh trong tâm tánh của chúng ta tự nhiên sẽ lộ ra, đó gọi là khai ngộ, đó gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thì thành Phật rồi. Ở đây nói rõ Phật nói pháp cho chúng ta là chúng ta có thể đạt tới những cảnh giới đó. Xin xem tiếp phần kinh văn tiếp theo.

"***Điều chúng sanh, tuyên diệu lý, trữ công đức, thị phước điền***".

(Điều phục chúng sanh, tuyên thuyết diệu lý, tích công lũy đức, gây tạo phước điền).

Đây là đoạn thứ hai vẫn nằm trong tướng thứ bảy chuyển pháp luân. Phía trước đoạn thứ nhất là "phá mê khai ngộ", nghiêng nặng về huệ, có huệ vẫn cần

phải có phước. Phật được gọi là Nhị Túc Tôn, túc là đầy đủ, viên mãn. Nhị là hai thứ viên mãn, một cái là trí huệ viên mãn, một cái là phước báo viên mãn. Trí huệ và phước báo đều viên mãn. Phía trước là trí viên mãn, huệ viên mãn. Bây giờ dạy chúng ta tu phước, phước cũng phải viên mãn.

Tu phước báo bằng cách nào? "***Điều chúng sanh***", "***điều***" là điều ngự, điều lý. Chúng sanh có rất nhiều vọng tưởng, tạp niệm, phiền não, phải điều thuận chúng, khiến chúng có thể thuận pháp tánh, không trái ngược pháp tánh, như thế dần dần họ mới có thể viễn ly vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trước tiên phải điều thuận chúng, đây chính là chư Phật Bồ-tát dùng thiện xảo phương tiện chỉ dạy tất cả chúng sanh. Dùng phương pháp gì để điều thuận? Cần phải nói rõ, gọi là "*tuyên diệu lý*", "tuyên" là tuyên thị cũng tức là nói rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh. "Vũ trụ" là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta. "Nhân sinh" là chính chúng ta, vũ trụ nhân sinh đối với ta có quan hệ vô cùng mật thiết. Nói cách khác, Phật muốn cho tôi biết chân tướng hoàn cảnh sinh hoạt của chính tôi. Đã hiểu chân tướng rồi thì sẽ dễ làm, những gì nên buông xả thì chúng ta tự nhiên biết buông xả, nên giữ lấy thì chúng ta biết giữ lấy, nên xả bỏ thì chúng ta biết xả bỏ. Hiểu rõ rồi thì không cần người khuyên bảo nữa. Ngày nay rất nhiều người khuyên bảo chúng ta phải xả, vì sao chúng ta vẫn không chịu xả? Vì chưa nắm rõ chân tướng sự thật. Bạn bảo tôi xả, tôi sẽ hỏi vì sao tôi phải xả? Vì sao những người kia không xả? Vì sao bắt tôi phải xả? Chưa nắm rõ chân tướng sự thật thì nhất định phải nói rõ ràng. "*Tuyên diệu lý*" là điều trong Phật Pháp thường nói là khai thị ngộ nhập. Phật khai thị cho chúng ta, bản thân chúng ta phải có thể ngộ nhập. Ngộ nhập là việc của chúng ta, việc của học trò, còn thầy là khai thị nói rõ cho chúng ta. "*Trữ công đức*", "*công đức*" là quan trọng, "*công*" là công phu, gọi là "có một phần cày cấy, nhất định có một phần thu hoạch", nhất định phải hiểu rõ công đức, phải biết cách tu tập. Phần dưới, A-di-đà Phật làm gương cho chúng ta, lúc Ngài chưa thành Phật, còn đang tu đạo Bồ-tát thì tích công lũy đức, ngài thật biết tu. Chúng ta cử một thí dụ để nói: trì giới là công, được định là đức, trì giới thì được định. Tu định là công, khai trí huệ là đức. Cho nên Giới, Định, Huệ tam học, cái trước là công, cái sau là đức. Cùng một đạo lý, bố thí là công, phá trừ bỏn xẻn tham lam là đức. Trì giới có công, phá ác là đức. Nhẫn nhục là công, đoạn trừ sân khuể là đức, điều này chúng ta nhất định nhận thức rõ ràng, cái gì gọi là công cái gì gọi là đức. **Công đức và phước đức không giống nhau**. Công đức có thể đoạn phiền não, công đức có thể phá vô minh. Bởi vì định thì đoạn được phiền não, huệ thì có thể phá vô minh, có thể giúp bạn liễu sanh tử,

xuất tam giới, viên thành Phật đạo, việc này đều phải nhờ vào công đức. Phước đức cũng rất quan trọng, phước đức giúp bạn độ chúng sanh. Nếu bạn không có phước báo thì bạn độ chúng sanh sẽ khó khăn hơn. Chúng sanh ngu si, họ rất thích thân cận người có đại phước báo, chúng sanh nhìn thấy người không có phước báo là chán ghét. Cho nên Phật nhất định phải giáng sanh trong gia đình đế vương, mọi người kính ngưỡng, ngưỡng mộ Ngài, sẽ theo Ngài học Phật. Nếu Phật xuất hiện trong một gia đình ăn xin thì chẳng ai đếm xỉa đến, học vấn có cao hơn, đạo đức có tốt hơn thì cũng không ai muốn thân cận. Người đời mê đắm vào thân phận và địa vị, Phật cũng hằng thuận chúng sanh, Ngài có phương tiện thiện xảo của mình. Cho nên nhất định phải biết tu phước. "*Thị phước điền*" là chỉ người thế gian rất coi trọng phước báo, phải làm cách nào để tu phước? Điểm này quý vị đồng tu phải luôn luôn ghi nhớ, phải nhận thức rõ ràng. Phước báo phần nhiều là tu từ kiếp trước. Trong kinh Phật thường nói nhân quả thông ba đời, lại nói với chúng ta: "*Dục tri quá khứ nhân, kim sanh thọ giả thị*" (muốn biết nhân đời trước, xem quả hưởng đời này), nghĩa là nếu bạn muốn biết đời quá khứ tu nhân gì thì Phật nói với chúng ta những gì bạn thọ nhận trong kiếp này chính là nhân. Sự thọ nhận trong kiếp này là quả báo, nhân như thế nào thì nhất định được quả như thế đó, nhân quả tương ưng. "*Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*" (Muốn biết quả tương lai, xét nhân gieo hiện tại). Nếu chúng ta muốn biết quả báo kiếp sau của chúng ta như thế nào, thì Phật nói với chúng ta những gì chúng ta tạo tác trong kiếp này chính là quả. Kiếp này, nếu chúng ta tạo tác nhân thiện thì kiếp sau nhất định là quả thiện, kiếp này tạo nhân ác thì kiếp sau nhất định là ác báo. "*Nhân duyên quả báo tơ hào không sai*". Cho nên giàu có là từ đâu đến? Giàu có là do bố thí tài mà có. Bạn không chịu bố thí tài thì bạn làm sao được giàu có? Cho nên phải biết, giàu có là quả báo, bố thí tài là nhân. Phải biết tu nhân. Thông minh trí huệ là quả báo, bố thí pháp là nhân. Khỏe mạnh trường thọ là quả báo, bố thí vô úy là nhân. Khoảng hai tháng trước tôi giảng kinh tại Vancouver, Canada. Hội trưởng Hội Phật giáo tại Vancouver là lão cư sĩ Phùng Công Hạ năm nay đã 92 tuổi nhưng nhìn giống như người 60 tuổi, vừa có tiền lại vừa thông minh, trí huệ. Ông ở bên đó giảng Kinh Lăng-nghiêm, vừa khỏe mạnh, vừa trường thọ. Ông đứng ở đó, tôi nói: "Ông chính là một ví dụ tốt, đời quá khứ ông đã bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy, ba thứ bố thí ông đều làm đủ cả". Ngày nay quả báo của ông đã bày rõ ra ngay trước mắt chúng ta rồi. Bạn không tu nhân thì làm sao có được quả báo. Tôi kiếp quá khứ không có tu, hiện nay lại muốn cuộc sống tốt hơn một chút thì phải làm sao? Dốc sức tu thì cũng có thể được.

Ông Viên Liễu Phàm trong đời quá khứ tu không đủ cho nên cuộc sống rất khổ, gặp được Thiền Sư Vân Cốc, Thiền Sư liền đem phương pháp tu phước trong Phật Pháp, "*thị phước điền*", nói cho ông. Ông thật sự làm, cả nhà đều làm. Lúc tuổi già, phước báo lúc tuổi già là do kiếp này ông tu được, không phải ông tu ở đời trước, ngay đến thọ mạng cũng được kéo dài. Khổng tiên sinh đoán vận mạng cho ông nói ông chỉ được 53 tuổi mà ông sống đến hơn 70 tuổi. Trong mạng ông không có con nhưng ông có hai đứa con hiếu thuận. Giàu có, con cái, khỏe mạnh, trường thọ đều do chính ông tu được trong kiếp này. Cho nên hiện giờ chúng ta tu, đợi tuổi già hưởng vẫn còn kịp. Hiện giờ nếu không chịu tu, hưởng hết rồi thì sẽ không còn nữa. Bạn nhất định phải biết được đạo lý này, biết được chân tướng sự thật này thì bạn mới biết phải nên làm cách nào. Tự cầu nhiều phước, đây chính là lợi ích chân thật của Phật pháp.

Những năm trước, khi tôi giảng kinh cũng thường nói với quý vị, bản thân tôi cũng là một ví dụ. Tôi đời quá khứ có tu huệ, không tu phước nên có một chút thông minh trí huệ, nhưng không có chút phước báo nào, hơn nữa thọ mạng lại ngắn. Lúc trước coi bói, xem tướng đều nói tôi không qua khỏi 45 tuổi, tôi rất tin. Cho nên tôi học Phật, tôi đã đem thời gian ngày giờ hoạch định đến 45 tuổi, 45 tuổi phải chết rồi không cách gì hơn. Cho nên phải tu cho đàng hoàng, phải hết lòng mà làm. Bây giờ tôi sắp 70 tuổi rồi, tuổi thọ này là do kiếp này tu được, không phải do kiếp trước. Hiện nay, tôi còn cảm thấy mình rất có phước báo, sống rất hạnh phúc, rất vui sướng, đều là do kiếp này tu được. Tôi đạt được lợi ích chân chánh của Phật Pháp nên tôi mới mách cho quý vị, nếu tôi không đạt được lợi ích chân thật thì tôi không dám quả quyết nói với quý vị. Tôi thật sự đạt được, chứng minh những lời nói trong Phật Pháp là chân thật bất hư, mỗi lời nói đều là chân thật. Cho nên khi tôi nói với quý vị là vô cùng khẳng định, nhất định không phải là mơ hồ mà đích thân tôi đã đạt được. Đây là nói với chúng ta về phước điền. Trong tất cả sự bố thí, Phổ Hiền Bồ-tát nói **pháp bố thí là thù thắng đệ nhất**, trong pháp gồm cả tài và vô úy bố thí. Bạn có thể tu pháp bố thí thì đó là điều thông minh nhất, quả báo mà bạn có được cũng nhanh nhất, rõ rệt nhất. Trước kia, khi tôi học ở Đài Trung, thầy Lý thấy trong số bạn học có người rất bạc mệnh, người bạc mệnh có thể nhìn từ tướng ở trên mặt, tướng đoản mạng, không có phước báo. Thầy Lý liền khuyên họ phát tâm giảng kinh, phước báo giảng kinh là lớn nhất và cũng nhanh nhất, cho nên ngài thường tìm những người này khuyên họ học giảng kinh, khuyên họ phải nỗ lực tu bố thí pháp. Cách chuyển

vận mạng này đích thực là chuyển nhanh hơn so với các thứ bố thí khác, hiệu quả cũng vô cùng rõ rệt.

"***Dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ***".
(Đem pháp dược cứu chữa ba khổ).

"*Tam khổ*" là nói với chúng sanh, vô số chúng sanh đều ở trong ba cái khổ này, "*tam khổ*" là nói về cái gì? Dục giới, sắc giới, vô sắc giới, tức là nói lục đạo luân hồi, tức là dùng Phật Pháp cứu vớt lục đạo luân hồi. Phật pháp quảng đại không bờ mé, làm thế nào có thể thực hành vào trong đời sống của chúng ta? Điều này vô cùng quan trọng. Nếu không thể thực hành vào trong sinh hoạt hằng ngày thì Phật Pháp này chỉ là nói huyền nói diệu, chúng ta vẫn không được thọ dụng. Cho nên "chư pháp" này, chúng ta nhất định phải tìm được cương lĩnh của nó: đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, có vậy mới dễ tu. Trong Tịnh Tông, sự tu học của chúng ta quy nạp thành năm khoa mục, như vậy thì mọi người rất dễ nhớ. **Thứ nhất là tu phước**, không có phước là không được. Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Phật dạy cho chúng ta Tam Phước, ba điều này rất quan trọng. Thế Tôn tuyên nói nó là "*chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật*". Nói cách khác, Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai muốn thành Phật nhất định phải xây dựng trên cơ sở này, rời khỏi cơ sở này thì không cách gì thành Phật được. Bạn mới biết ba điều này là đại căn đại bổn trong sự tu hành của chúng ta.

Phước thứ nhất: **Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp**. Chúng ta có nghiêm túc để làm không? Nếu không nghiêm túc để làm thì Phật pháp mà bạn đã học hoàn toàn không có kết quả. Cho dù một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu cũng không thể vãng sanh, điều này quý vị nhất định phải ghi nhớ. Vì sao? Vì ba đời chư Phật đều lấy đây làm nền tảng tu hành, bạn không có nền tảng thì làm sao được. Không có một vị Phật nào mà không hiếu thuận cha mẹ, không có một vị Bồ-tát nào mà không hiếu thuận cha mẹ. Chúng ta không hiếu thuận cha mẹ, vậy thì bạn đừng học Phật nữa, bạn đừng nhắc đến nữa. Học Phật phải bắt đầu từ đâu? Từ chỗ hiếu thuận cha mẹ. Có nhiều người niệm Phật đã sơ suất điều này, cho nên niệm Phật cả một đời mà cũng không thể vãng sanh.

Trước kia thầy Lý Bỉnh Nam thường nói: "Ở Đài Trung, (người niệm Phật ở Đài Trung rất nhiều) một vạn người niệm Phật thật sự có thể vãng sanh chỉ có năm, ba người mà thôi". Vì sao nhiều người như vậy không thể vãng sanh? Vì không có nền tảng, không nghiêm túc tu nền tảng này. Phàm có thể vãng sanh,

bạn thử đi hỏi thăm xem, họ nhất định làm được điều kiện căn bản này. Họ biết hiếu thuận cha mẹ, họ biết tôn kính sư trưởng, tôn sư trọng đạo, tâm của họ từ bi, nhất định có thể trì ngũ giới tu thập thiện, người như thế mới có thể vãng sanh. Chúng ta thấy trong kinh điển như Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh A-di-đà, Phật thường nói "*thiện nam tử, thiện nữ nhân*". Nếu Tam Phước này làm không được thì không phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Niệm Phật vãng sanh thì phải là thiện nam tử thiện nữ nhân. Tiêu chuẩn của thiện tức là bốn câu này, nó vô cùng quan trọng. Nhất định không thể sơ suất, nếu đời này bạn thực sự muốn sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc thì bạn không được lơ là, phải hết lòng cố gắng để làm.

Phước thứ hai: **Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm uy nghi**.

Phước báo này lại càng lớn hơn.

- Thọ trì Tam Quy: Tam Quy trên hình thức thì mọi người đều đã thọ rồi. Khi tôi ở Đài Bắc, có một đồng tu rất cảm khái nói với tôi rằng: "Rất nhiều người đã thọ Tam Quy rồi nhưng không hiểu Tam Quy là gì, cứ nghĩ rằng đã quy y một vị Pháp sư", điều này là sai lầm. Chúng tôi có một quyển sách nhỏ nói về truyền thọ Tam Quy. Ở bên ngoài có tặng để kết duyên. Những vị đã thọ Tam Quy rồi hoặc chưa thọ Tam Quy đều nên xem thêm vài lần để hiểu thế nào là Tam Quy Y. Quy y từ đâu? Nương nhờ cái gì? Phải rõ ràng, không thể sai lầm. Đây là căn bản của tu hành, là nền tảng của tu hành. Từ Tam Quy Y lại phát tâm trì giới luật. Nếu chúng ta quả thật đã làm được ngũ giới, thập thiện rồi thì nhất định được sanh Tịnh Độ. Những giới điều khác thì khó không dễ dàng, chỉ cần làm ngũ giới, thập thiện cho tốt là được rồi. Cho dù đã xuất gia, Hoằng Nhất Đại Sư nói rất hay (Hoằng Nhất Đại Sư trong cuốn giảng ký có vài trang diễn giảng. Trước kia giảng tại Phật học viện Mân Nam ở Hạ Môn), Ngài nói: "Trung Quốc sau thời Nam Tống đã không còn Tỳ-kheo chân chánh nữa". Chúng ta thọ những giới này chỉ là hình thức, hữu danh vô thực, điều này tự mình phải biết rõ. Cho nên Ngẫu Ích Đại Sư là người nghiên cứu giới luật, một đời Ngài chỉ tự xưng là Bồ-tát Giới Sa-di. Ngài không dám xưng Tỳ-kheo, chỉ xưng là Bồ-tát Giới Sa-di. Đồ đệ của Ngài là Thành Thời Pháp Sư - Ngẫu Ích Đại Sư toàn tập là do học trò của Ngài biên tập xuất bản. Người này đối với Phật pháp cũng có sự cống hiến rất lớn. Nếu không có người này thì trứ tác của Ngẫu Ích Đại Sư không cách gì lưu truyền đến hậu thế được. Pháp sư thay thầy lưu thông. Bởi vì thầy tự xưng là Sa-di nên phận làm đệ tử không dám xưng là Sa-di, vậy phải xưng thế nào? Xuất Gia Ưu-bà-tắc. Thành Thời Pháp Sư là người đầu tiên tự xưng là Xuất Gia Ưu-bà-tắc. Vào đầu

năm Dân Quốc, Hoằng Nhất Đại Sư cũng tự xưng như vậy, Xuất Gia Ưu-bà-tắc, đây là sự thật. Cho nên người xuất gia như chúng ta có thể làm tốt ngũ giới, thập thiện thì là một vị Xuất Gia Ưu-bà-tắc, danh xứng với thực, như vậy cũng nhất định được sanh Tịnh Độ. Cho nên không phạm uy nghi, giữ lễ tiết, giữ quy củ, làm người một cách quy củ, vậy là đúng. Đây là phước thứ hai.

Phước thứ ba là chỗ tu của Bồ-tát Đại Thừa: "**Phát Bồ-đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả**". Phát Bồ-đề tâm là chân chánh giác ngộ, chân chánh hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Thâm tín nhân quả là chỉ niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, nhất định tin niệm Phật thành Phật. Đại Thế Chí Bồ-tát nói: "*Ức Phật niệm Phật hiện tiền, đương lai tất định kiến Phật, bất giả phương tiện tự đắc tâm khai*" (Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật, không nhờ đến phương tiện nào khác mà tâm tự được khai ngộ). Chúng ta đối với việc này không chút hoài nghi, đây gọi là thâm tín nhân quả. Độc tụng Đại Thừa, chúng ta mỗi ngày tụng Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, đời này chúng ta tận hết sanh mạng để phụng hành, thọ trì, vâng theo. Chúng ta phải học cho thật thuộc, phải hiểu rõ ràng những đạo lý được giảng bên trong, nhất định phải ứng dụng nó vào trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đối người, tiếp vật đều tuân theo lời giáo huấn của Phật. Khuyến tấn hành giả, chúng ta y theo phương pháp này tu hành, chúng ta có nghĩa vụ, có trách nhiệm đi tuyên dương, khuyên bảo mọi người tu học Pháp môn này, khiến tất cả mọi người đều có được lợi ích thù thắng nhất của Phật Pháp. Đây là Tam Phước trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, phải ghi nhớ thật thuộc, rất rõ ràng, rất minh bạch. Trong sinh hoạt hằng ngày chúng ta nhất định phải tuân theo. Đây là căn bản của phước điền.

Con người không thể rời xa xã hội mà sinh tồn. Nói cách khác, con người không thể rời xa quần chúng, con người phải làm các hoạt động xã hội, phải sống cuộc sống tập thể. Do đó, Phật dạy chúng ta sống chung phải tu "**Lục Hòa**". Lục hòa cũng là giới điều căn bản của chúng ta, tức là phải tu lục hòa kính. Trong Lục Hòa, điều thứ nhất là "**kiến hòa đồng giải**", tức là hiện nay thế gian gọi là xây dựng nhận thức chung. Cách nghĩ cách nhìn của chúng ta phải giống nhau, phải tương đồng, như thế mới có thể chung sống hòa mục. Sự giáo hóa của các bậc Thánh Hiền thế xuất thế gian không có gì khác là giúp chúng ta xây dựng nhận thức chung, như thế xã hội mới có thể hài hòa, thế giới mới có thể đại đồng.

Điều thứ hai là "**giới hòa đồng tu**". Giới là thủ pháp (giữ pháp), Phật dạy chúng ta giới luật, chúng ta phải tuân thủ. Pháp luật của một quốc gia, phong tục

tập quán, quan niệm đạo đức của xã hội đều phải tuân thủ. Đây là giới hòa đồng tu. Dưỡng thành một tinh thần giữ pháp, giữ quy củ như vậy sẽ khiến kiến giải giống nhau, tư tưởng rất tương đồng, người người đều có thể giữ pháp.

Sau đó mới có thể thật sự làm đến "**thân hòa đồng trụ**", "**khẩu hòa vô tranh**", "**ý hòa đồng duyệt**". Mọi người hoan hỷ sống chung một nơi, như vậy mới là hạnh phúc vui vẻ. Điều sau cùng là "**lợi hòa đồng quân**", "lợi hòa đồng quân", ý nói mức sinh hoạt của chúng ta phải kề cận, giàu nghèo không thể có khoảng cách quá lớn, khoảng cách khác biệt quá lớn sẽ dẫn đến sự động loạn trong xã hội. Cũng tức là nói người giàu chịu bố thí, giàu phải chịu bố thí, phải biết bố thí. Đây là tu phước. Kẻ bần tiện mà biết tu phước thì xã hội này sẽ hài hòa, quốc gia sẽ thái bình, không thể có động loạn. Đây là nhân tố vô cùng quan trọng.

Người người đều giữ được lục hòa, cổ nhân thường nói: "Gia hòa vạn sự hưng", gia đình phải hòa mục, tuân thủ lời giáo huấn của Phật thì gia đình bạn sẽ hòa. Tứ chúng trong tự viện, đạo tràng của chúng ta có thể hòa mục thì đạo tràng sẽ hưng vượng. Trong công ty, hãng xưởng, ông chủ và công nhân có thể tu Lục Hòa Kính thì hãng của bạn mới hưng thịnh, sự nghiệp của bạn mới thuận lợi, mới được thành công. Cho nên, từ một gia đình cho đến công ty, đến xã hội, đến quốc gia, thậm chí đến cả thế giới, người người đều có thể tu Lục Hòa Kính thì thế giới này sẽ hòa bình, tự nhiên đại đồng. Do đây có thể biết sự chỉ dạy của Phật không phải là nói huyền nói diệu, mà là chân thật mang đến hạnh phúc cho chúng ta, thật sự giải quyết nhiều sự quấy nhiễu, nhiều sự tranh luận cho chúng ta. Ngài thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết. Từ trên nền tảng này mà xây dựng Phật Pháp thì chính là: Tam Học, Lục Độ, Thập Đại Nguyện Vương. Chúng ta từ năm khoa mục này, từ cương lĩnh đơn giản này mà nghiêm túc tu học thì sẽ được lợi ích thù thắng không gì sánh bằng. Điều này cũng như trong đại kinh nói: "*Một là tất cả, tất cả là một*". Cho nên Pháp môn này chính là toàn thể Phật pháp (Pháp môn này là sự lợi ích của toàn thể), là lợi ích rốt ráo viên mãn thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết được tam khổ.

"***Thăng quán đảnh giai, thọ Bồ-đề ký***".

(Làm phép quán đảnh, thọ ký Bồ-đề).

Phần trước đã thưa cùng quý vị, trong bộ kinh này bao gồm tất cả Pháp môn, vô lượng Pháp môn. Hai câu nói này là trong Mật Tông, người thời nay rất quen thuộc. "Quán đảnh" là cách tu trong Mật Tông. Trong Phật Pháp, cách tu học của

Mật Tông là thuộc về Phật Pháp cao cấp, điều này quý vị nên hiểu. Nếu dùng trường học thời nay để làm tỉ dụ thì Mật Tông là viện nghiên cứu, là sở nghiên cứu, đây là Phật Pháp cao cấp. "Quán" nghĩa là từ bi, gia trì. "Đảnh" là Pháp môn tối cao, "đảnh pháp" là không có gì cao hơn nữa. Phật đại từ, đại bi đem phương pháp tối cao truyền thọ cho bạn, đây gọi là quán đảnh. Cho nên quý vị xin chớ hiểu lầm là vị Thượng Sư lấy một chút nước vẩy lên đầu bạn thì gọi là quán đảnh. Nếu quán đảnh như vậy, mỗi ngày lúc bạn đi tắm thì cách quán này còn thoải mái hơn. Điều này phải biết. Chân chánh quán đảnh là Phật đem phương pháp tối cao đệ nhất truyền thọ cho bạn. Trên mặt hình thức, sự quán đảnh này là nghi thức. Nghi thức không quan trọng, thực chất mới quan trọng. Vậy bây giờ chúng ta hiểu rõ rồi, bộ kinh này là đỉnh điểm chí cao vô thượng trong tất cả kinh điển của Đức Thích-ca Mâu-ni Phật. Chúng ta được bộ kinh này tức là Phật đã quán đảnh cho chúng ta rồi. Chúng ta tụng bộ kinh này một lần từ đầu đến cuối thì không chỉ Thích-ca Mâu-ni Phật mà A-di-đà Phật và mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai đã quán đảnh cho chúng ta một lần rồi. Tụng hai lần thì quán đảnh hai lần, tụng ba lần thì được quán đảnh ba lần. Chẳng vị Thượng Sư nào sánh bằng, hà tất phải đi tìm những thứ phiền phức ấy. Tự mình ở nhà, tất cả chư Phật Như Lai đã quán đảnh cho bạn rồi. Bạn phải biết, phải hiểu rõ ý nghĩa này. Nhất định không thể hiểu lầm.

Cận đại có lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, Ngài từng học Mật Tông. Trong Mật pháp, Ngài cũng đạt được trình độ khá cao, Ngài là Kim Cang A-xà-lê. Trong Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ, Ngài giải thích đoạn này rất rõ ràng, minh bạch, Ngài không lừa dối người, Ngài đã nói như vậy. "Thọ Bồ-đề ký", có thể nói phần cuối của bộ kinh này Phật đã phổ biến thọ ký cho chúng ta rồi, nói rõ: Chúng sanh thế giới Ta-bà niệm Phật, tương lai sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi thành tựu tại thế giới Tây Phương Cực Lạc, sau đó đến những thế giới khác thị hiện thành Phật độ hóa chúng sanh đều gọi là Diệu Âm Như Lai. Như vậy là Phật đã thọ ký cho chúng ta ngay trong bộ kinh này rồi. Lần đầu tiên chúng tôi giảng Kinh Vô Lượng Thọ tại Singapore, một hôm có lễ quy y, đồng tu quy y hình như có hơn 270 người, không kịp đặt pháp danh, tôi liền nghĩ trong kinh đã thọ ký cho chúng ta tương lai chúng ta đều là Diệu Âm Như Lai, hiện tại tất cả đều là Diệu Âm cư sĩ, cho nên chúng tôi liền dùng Diệu Âm làm pháp danh, điều này rất hay, rất thân thiết. Tên của chúng ta trong Kinh Vô Lượng Thọ, đó là Phật đã thọ ký cho chúng ta, bây giờ là Diệu Âm cư sĩ, tương lai là Diệu Âm Như Lai. Bạn xem điều này thật thân thiết biết mấy! Đây là thọ Bồ-đề ký. Cho nên, chúng

ta thọ trì Tam Quy, dùng pháp danh Diệu Âm là từ Kinh Vô Lượng Thọ. Phật đã thọ ký cho chúng ta như thế thì còn sai được sao? Cho nên pháp danh này là do Phật đặt không phải do tôi đặt.

"***Vị giáo Bồ-tát, tác A-xà-lê, thường tập tương ưng vô biên chư hạnh, thành thục Bồ-tát vô biên thiện căn***".

(Vì giáo hóa Bồ-tát nên làm A-xà-lê, thường tu tập vô biên các hạnh tương ứng, thành tựu vô biên thiện căn cho hàng Bồ-tát).

Đây cũng là một đoạn nhỏ trong đoạn chuyển pháp luân. Điều này quả thật vô cùng hiếm có. Trong đoạn chuyển pháp luân có thể nói rằng: Hiển, Mật, Tông, Giáo đều nói đến cả. Văn tự không nhiều, nhưng nói rất viên mãn, khiến chúng ta xem thấy thật sanh tâm hoan hỷ, thật sự tin bộ kinh này là cô đọng của tất cả kinh điển. Pháp môn này là tổng cương lĩnh của tất cả Pháp môn. *Nhất tu, nhất thiết tu* (tu một pháp môn là tu tất cả pháp môn) thì tâm này mới thật sự an ổn, không còn hoài nghi nữa. A-xà-lê cũng là lối xưng hô trong Mật Tông. Trong Hiển Tông chúng ta thường xưng là Pháp Sư. Thực tế mà nói, cách gọi A-xà-lê trong Hiển, Mật đều thông dụng, nhưng hiện nay theo thói quen nên Mật Tông gọi là A-xà-lê, Hiển Tông gọi là Pháp Sư. Đây là Phạn ngữ, ý nghĩa của nó là quỹ phạm sư (thầy mô phạm), tức là ngôn hạnh của họ có thể làm mẫu mực, làm mô phạm cho chúng ta.

"*Thường tập tương ưng vô biên chư hạnh*", câu nói này vô cùng quan trọng. Chữ "thường" nghĩa là không gián đoạn, chữ "tập" nghĩa là học tập, phải có tâm hạnh tương ưng với Phật pháp. Phật Bồ-tát có tâm như thế nào thì tâm của chúng ta phải giống như Phật Bồ-tát, nguyện của chúng ta phải giống như Phật Bồ-tát, ngôn ngữ hành vi cũng giống như Phật Bồ-tát, đây tức là "*tương ưng vô biên chư hạnh*". Có lẽ quý vị sẽ hỏi: "Tôi ở tại gia, hiện tôi đang kinh doanh buôn bán, tôi đi làm, tôi đang làm một ngành nghề nào đó, vậy tôi phải tu cách nào?". Có, đều có khuôn mẫu, 53 tham vấn của Thiện Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm, 53 vị thiện tri thức đó đại diện cho nam, nữ, già, trẻ các ngành các nghề. Bạn xem mình đang làm ngành nghề nào thì hãy đi tìm vị Bồ-tát nào giống với ngành nghề của bạn rồi bạn học theo họ, vậy là đúng rồi. Giáo pháp của Phật rất viên mãn, 53 tham vấn thực tế mà nói chính là sự triển khai của bốn câu này, là cách thuyết minh tường tận của bốn câu này. Thuyết minh tường tận là trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, 40 quyển. Ở chỗ này của chúng ta chính là "*vị giáo Bồ-tát, tác A-xà-lê, thường tập tương ưng vô biên chư hạnh, thành thục Bồ-tát vô biên thiện căn*", mấy câu này đã nói tường tận hết cả Kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm rồi. Đây chính

là tổng cương lĩnh của 53 tham vấn. Mục đích của giáo học là thành thục vô biên thiện căn cho Bồ-tát. Thiện căn Bồ-tát viên mãn thì là thành Phật rồi.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 5

Xin mở quyển kinh, bắt đầu xem từ câu:

"***Vô lượng chư Phật hàm cộng hộ niệm. Chư Phật sát trung, giai năng thị hiện. Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng, ư bỉ tướng trung, thật vô khả đắc. Thử chư Bồ-tát diệc phục như thị.***"

(Vô lượng chư Phật đồng đến hộ niệm. Trong tất cả cõi Phật đều có thể thị hiện như vậy. Như nhà ảo thuật biến ra các hình tướng, nhưng các hình ấy không có thật tướng. Các Bồ-tát này cũng lại như vậy).

Phần giảng trước đã nói các vị đại Bồ-tát dự hội này đều là Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc hóa thân thị hiện. Do đó, trí huệ đức năng của họ đều không cùng tận. Mặc dù là các đại Bồ-tát thị hiện nhưng trong đó có rất nhiều điều đáng để chúng ta học tập, cho chúng ta rất nhiều khải thị. Chúng ta cần phải nghiêm túc nỗ lực học theo, như vậy thì nhất định được chư Phật hộ niệm. Mặc dù đây là sơ phát tâm, sơ phát tâm mà phát được tâm như vậy thì thật sự không phải dễ dàng. Đúng như Đức Thế Tôn trong kinh nói với chúng ta: "Đây là thiện căn phước đức từ vô lượng kiếp tới nay, đến lúc này đã thành thục cho nên mới gặp được nhân duyên thù thắng như vậy. Nếu có thể phát tâm chân tín, nguyện thiết, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì nhất định được chư Phật Như Lai hộ niệm".

Tám câu tiếp theo đều nói về trí đức diệu trí thành hạnh của "*chư Phật sát trung*". Do đây có thể biết sự thù thắng của việc vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chư Phật không nói những cõi Phật nào bạn không thể đến đó để hóa thân thị hiện. Nếu đã không nói thì có nghĩa là thật sự sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc thì tận hư không khắp pháp giới tất cả cõi Phật đều có phần. Đúng như lời người xưa nói: "*Nhất sanh nhất thiết sanh*". Điều này không giống với các cõi Phật khác. Ví dụ chúng ta nói về Di-lặc Tịnh Độ, sanh về Đâu-suất thiên, sanh đến Di-lặc Tịnh Độ thì không tiện lợi như vậy. Muốn đến những cõi Phật khác thì không dễ dàng, rất khó rời khỏi Đâu-suất. Chỉ có ở thế giới Tây Phương Cực Lạc mới có thể tùy ý đi du ngoạn, ngắm cảnh, tham học thế giới của chư Phật mười phương. Điều này đã hiển thị sự thù thắng không gì sánh bằng. "*Giai năng thị hiện*", đương nhiên được Phật lực gia trì, được oai thần bốn mươi tám nguyện của Bổn Sư A-di-đà Phật gia trì và cũng được tất cả chư Phật Như Lai gia trì. Điều này chúng ta đọc được trong kinh. Vì sao? Trong Kinh A-di-đà, chúng ta niệm đến sáu phương chư Phật. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, tuy không nói cặn

kẽ nhưng cũng nói đến thập phương chư Phật. Điều này chính là nói rõ tất cả chư Phật đều sẽ gia trì cho chúng ta.

Còn "*giai năng thị hiện*" là tùy loại mà hóa thân. Kỳ thật người như chúng ta khi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, chúng ta là phàm phu, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, là mang theo nghiệp mà đi, nhưng đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì trí huệ, thần thông, năng lực của chúng ta cũng gần giống Quán Thế Âm Bồ-tát. Quán Âm là Đẳng Giác Bồ-tát, bạn cũng được gần như Ngài. Trong phẩm Phổ môn có nói 32 ứng thân, chúng ta đến nơi đó rồi thì ai cũng có bản lãnh này, đều có thể dùng 32 ứng thân đi thăm viếng các cõi Phật. Bạn đến đâu có thể tìm được sự tiện lợi này. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, ngoại trừ Pháp môn này ra thì không thể tìm đâu ra nữa.

Hôm qua chúng ta đọc đoạn này, đoạn này vẫn chưa giảng xong. Tám tướng thành đạo chính là tùy loại hóa thân, trong 32 tướng ứng thân cử ra một ví dụ. Phía sau là ví dụ "*thí thiện huyễn sư*" (như nhà ảo thuật giỏi). Thiện huyễn sư, chúng ta thường gọi là nhà ảo thuật, làm trò ảo thuật. Ở bên đó đến mười phương thế giới ứng hóa tham học dễ dàng như nhà ảo thuật. Thật sự có thể tùy theo ý muốn mà biến hóa. "*Hiện chúng dị tướng*" (hiện ra các hình tướng)*, "chúng"* là nhiều, đây là thân phận, hình dáng khác nhau, đây là nói trên mặt sự tướng. Tuy thị hiện như vậy, chúng ta sẽ lo lắng khi đến những thế giới phương khác để độ sanh có thể bị thoái chuyển hay không? Điều này chúng ta có thể yên tâm, đã có A-di-đà Phật gia trì cho chúng ta, khiến chúng ta vĩnh viễn không thoái chuyển, cũng giống như ở thế giới Cực Lạc không khác, viên chứng Tam Bất Thoái.

Đây là do Phật lực gia trì, là đạo lý gì vậy? Tiếp theo nói "*ư bỉ tướng trung, thật vô khả đắc*" *(nhưng các hình ấy không có thật tướng)*. Phật dùng sự lý chân thật này để gia trì những Bồ-tát này, khiến những vị Bồ-tát này trong các cõi Phật đều biết được "*phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*" (phàm những gì có tướng đều là hư vọng). Phật trong Kinh Kim Cang đã nói như vậy. Trong Kinh Viên Giác nói lại càng hay: "*Tri huyễn tức giác*" (biết huyễn mộng tức đã giác), chúng ta biết tất cả pháp đều là huyễn hóa, đây chính là giác. Giác thì không mê, không mê thì không thoái chuyển, thoái chuyển là mê rồi mới thoái, người giác ngộ sẽ không thoái chuyển. Cho nên trong này có lý, có sự.

"*Thử chư Bồ-tát, diệc phục như thị*" (các vị Bồ-tát này cũng lại như vậy), những vị Bồ-tát này chính là những vị ở thế giới Tây Phương Cực Lạc và những vị Bồ-tát tham dự pháp hội đều viên mãn đầy đủ hai trí quyền thực, cùng với

những điều đã nói ở đây là hoàn toàn giống nhau. Xin xem đoạn kinh văn tiếp theo:

"***Thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng***".
(Thông các pháp tánh, đạt chúng sanh tướng).

Phật giáo hóa chúng sanh, chúng ta thường nghe là giảng kinh, thuyết pháp. Những gì giảng đó nhất định phải khế cơ, khế lý. "*Thông chư pháp tánh*" tức là khế lý, tuyệt đối không thể nói sai. Câu này cũng chính là minh tâm kiến tánh trong Thiền Tông. "*Thông*" là thông đạt vô ngại, "*đạt*" là đạt được, nhất định không có chướng ngại. Câu thứ hai là khế cơ, nghĩa là hiểu rõ, thông đạt căn tánh của tất cả chúng sanh, "*đạt chúng sanh tướng*". Vì vậy giáo hóa chúng sanh phải khế cơ, khế lý, có thể khiến tất cả chúng sanh đều được lợi ích chân thật.

Phần tiếp theo là chỉ dạy sơ lược cho chúng ta những phương thức giáo học: thứ nhất là "***cúng dường chư Phật***". Đây là tu từ căn bản, phần trước đã nói qua với quý vị, chúng ta học Phật phải từ Tam Phước mà bắt đầu, phải bắt đầu làm từ "*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*". Bạn xem Bồ-tát dạy chúng ta cúng dường chư Phật, đây chính là hiếu kính. Phật Bồ-tát không chỉ nói mà các Ngài còn làm cho chúng ta xem. Thế Tôn sau khi xuất gia, thành Phật, khi cơ duyên đã chín muồi, Ngài đặc biệt lên trời Đao-lợi thuyết pháp độ mẫu thân của Ngài, đây là tận hiếu. Chúng ta đọc trong truyện ký, Ma-gia phu nhân sau khi sinh ra Phật thì bà sanh lên trời Đao-lợi. Theo cách nhìn của người thế tục chúng ta thì: "Mệnh của Thích-ca Mâu-ni Phật không tốt, vừa sanh ra thì mẹ chết". Thực tế, công đức của mẹ Ngài quá lớn, nên đến trời Đao-lợi để hưởng phước. Ngài được di mẫu (em của mẹ) nuôi lớn. Mẹ Ngài ở trời Đao-lợi, Ngài phải đến cung trời Đao-lợi thuyết pháp cho mẫu thân. Thuyết pháp gì? Là Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện mà mọi người chúng ta thường đọc. Kinh Địa Tạng là hiếu kinh được giảng ở trời Đao-lợi, Ngài vì mẹ mà thuyết pháp. Kinh Địa Tạng là hiếu kinh trong nhà Phật, vô cùng quan trọng, cho thấy Phật đã làm tấm gương cho chúng ta xem.

"***Khai đạo quần sanh***".
(Dẫn đường cho chúng sanh).

Câu này chính là ngôn giáo, vì đại chúng mà giảng kinh thuyết pháp. Giảng kinh thuyết pháp, nếu không làm được những gì mình đã nói thì không thể khiến người khác tín phục, người ta làm sao có thể tin được. Nhất định bản thân đã thật sự làm được, sau đó mới nói ra thì mọi người có thể tin, có thể tiếp nhận và còn hoan hỷ tín thọ nữa. Đây là ngôn giáo, nhưng nhất định phải lấy thân giáo làm

nền tảng. Trước có thân hành sau mới có ngôn giáo, thứ tự này không thể đảo ngược.

"***Hóa hiện kỳ thân, do như điện quang***".

(Hóa hiện các thân, mau như ánh chớp).

Phật ứng hóa ở thế gian, nên dùng thân gì để độ thì Ngài liền dùng thân đó. Kỳ thật, Thích-ca Mâu-ni Phật lúc nào cũng ở thế gian, nhưng người thế gian không nhận biết được. Đây là sự thật không phải giả. Lịch sử Trung Quốc có ghi chép: Vào đời nhà Đường (cuối đời Tùy, đầu nhà Đường), Trí Giả Đại Sư của Tông Thiên Thai chính là Thích-ca Mâu-ni Phật hóa thân tái lai. Thế Tôn vào 3000 năm trước thị hiện ở Ấn Độ là 32 tướng 80 vẻ đẹp. Lúc bấy giờ cơ duyên của mọi người đã thành thục, nên dùng thân Phật để độ, Ngài liền hiện thân Phật. Hơn 1.000 năm sau tại Trung Quốc, nên dùng thân phận Tổ Sư để độ người Trung Quốc, Ngài liền hiện thân phận Tổ Sư để xuất hiện. Đây không phải là 32 ứng thân đó sao? Đây là những việc chúng ta biết, còn những việc không biết thì rất nhiều. Thân phận không lộ ra thì quá nhiều, thân phận hiển lộ ra thì không nhiều, đây đều là chứng minh "*hóa hiện kỳ thân*".

"*Do như điện quang*", câu này là tỉ dụ, "điện quang" tức là tia chớp. Trời mưa chúng ta đều thấy tia chớp, tia chớp này rất hữu dụng, nó không "trụ", một sát-na là không còn nữa. Nó tỉ dụ cho ý nghĩa này. "Không trụ", tỉ dụ nói: "không chấp tướng", độ hóa tất cả chúng sanh mà không chấp trước tướng độ hóa chúng sanh thì họ sẽ tự tại. Phàm phu chúng ta sở dĩ không tự tại là vì chấp tướng, chấp trước, điều này rất khổ. Vậy "*điện quang*", điểm thứ nhất là nó nhanh chóng, một sát-na thì không còn nữa. Điểm thứ hai là nó rất sáng, ánh sáng này mang ý nghĩa phá tối tăm. Điểm thứ ba là nó không trụ. Ý nghĩa thứ tư là nó không phân biệt, cái này tỉ dụ Phật Bồ-tát thị hiện tại thế gian cũng mang ý nghĩa như vậy. Căn cơ chúng sanh chín muồi rồi, chúng sanh có cảm thì Phật Bồ-tát tất có ứng. Căn cơ chúng sanh thành thục tức là có cảm, tự nhiên sẽ có ứng. Các Ngài sẽ đến ứng.

Chúng ta hiểu được đạo lý này, biết được chân tướng sự thật này, nếu chúng ta muốn Phật Bồ-tát đến Singapore này nhiều, thường trụ để hoằng pháp lợi sanh và chỉ dạy chúng ta thì chúng ta phải có cảm mới được. "Cảm" này là gì? Tâm phải chân thành. Chúng ta muốn học Phật thì Phật Bồ-tát tự nhiên sẽ đến. Nếu quý vị khẩu thị tâm phi, miệng thì nói học Phật nhưng trong tâm vẫn còn tham sân si mạn thì Phật Bồ-tát sẽ không đến. Tâm chân thành muốn học Phật thì Phật Bồ-tát sẽ đến, "*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*" (trong cửa Phật chẳng bỏ

một ai*),* Phật Bồ-tát nhất định sẽ đến. Cho nên hoàn toàn do cảm ứng của chúng ta. Chúng ta không có cảm thì các Ngài không thể đến. Cảm ứng này giống như cái khánh để ở đây vậy, bạn gõ thì nó mới kêu, bạn không gõ thì nó không kêu, gõ là "cảm", tiếng kêu là "ứng". Chúng ta gõ càng mạnh thì tiếng kêu của nó càng lớn, âm thanh càng dài, đạo lý là như vậy. Tâm địa Phật Bồ-tát thanh tịnh, một niệm không sanh, cho nên chúng sanh có cảm, các Ngài tức có ứng.

"***Liệt ma kiến võng, giải chư triền phược***".
(Phá tan lưới Kiến Hoặc của ma, thoát dây ràng buộc).

Đây là tỉ dụ. "*Liệt*" có nghĩa là tiêu trừ. "*Ma kiến*", "kiến" là kiến giải, tất cả những kiến giải sai lầm, cách nhìn, cách suy nghĩ sai lầm, mang đến cho chúng ta vô lượng vô biên khổ nạn, đây là ma kiến. "*Võng*" là tỉ dụ cho nhiều, phức tạp. Những tư tưởng, kiến giải sai lầm của chúng ta quả thật vô cùng nhiều, vô cùng phức tạp. Chỉ có Phật Bồ-tát chỉ dạy thì chúng ta mới có thể xa lìa những kiến giải, tư tưởng sai lầm này, đây gọi là "*ma kiến võng*". "*Giải chư triền phược*", "triền phược" là phiền não, "*triền*" là quấn trói, "*phược*" là dùng dây thừng để trói lại, như vậy thì mất tự do rồi. Đây là tỉ dụ. Trong kinh Phật có nói "*bát triền tam phược*", nói tóm lại đều là phiền não. "*Bát triền*" là gì? Kỳ thật, những thứ này trong Phật học từ điển, giáo thừa pháp số đều có. Ở đây chỉ nói sơ lược một chút, thứ nhất là "**vô tàm**", thứ hai là "**vô quý**", chúng ta thường nói "*tàm, quý*". Vào đầu năm Dân Quốc, vị Đại Đức của Tịnh Tông chúng ta là lão Pháp Sư Ấn Quang, Ngài có một biệt hiệu là "Thường Tàm Quý Tăng". Trong quyển Bách Pháp Minh Môn, trong mười một thiện pháp có "*Tàm Quý*", tàm quý này là thiện pháp. "Tàm" là gì? "Tàm" là mình làm chuyện sai quấy, chính mình cảm thấy rất áy náy, chúng ta thường nói là lương tâm cắn rứt. Cho nên họ sẽ không làm chuyện sai quấy, làm chuyện sai quấy thì tâm họ không an, lương tâm cắn rứt, người này có lương tâm. "Tàm" có ý nghĩa như vậy. Còn "quý" là gì? "Quý" là bị dư luận bên ngoài phê bình. Bạn làm việc xấu, rất nhiều người phê bình, bạn nghe được rất áy náy, cũng không dám làm chuyện xấu nữa. Đây chính là có tàm có quý, nếu không có "tàm, quý" thì vấn đề nghiêm trọng rồi. Thứ nhất là trong khi làm chuyện quấy, họ không cảm thấy trong lòng không yên, làm chuyện xấu xa mà tâm vẫn an, bên ngoài phê bình họ cũng mặc. Điều này thì vô phương! Cho nên "vô tàm" "vô quý" là đại phiền não, phiền não nghiêm trọng. Thánh nhân thế xuất thế gian đều rất coi trọng hai chữ này.

Vào thời xưa, ở Trung Quốc, ông Quản Trọng từng nói: "*Lễ nghĩa liêm sỉ, quốc chi tứ duy*" (lễ, nghĩa, liêm, sỉ là bốn giềng mối của đất nước), "lễ nghĩa

liêm sỉ" là bốn điều kỷ cương của quốc gia. "*Tứ duy bất trương, quốc nãi diệt vong*" (không thực thi bốn điều này thì đất nước diệt vong). Dân của một quốc gia không biết lễ, không biết nghĩa, không biết liêm ("liêm" là liêm khiết, hiện nay tham ô tức là không biết liêm), không biết "sỉ", không biết sỉ là gì? Tức là vô tàm, vô quý thì quốc gia này rất nguy cấp, rất dễ bị diệt vong. Cho nên, nhà Nho thường nói: "*Tri sỉ cận hồ dung*" (biết hổ thẹn là kề cận với dũng). Nếu chúng ta có thể biết sỉ, biết sỉ nhục, biết sai lầm thì người này có thể hạ quyết tâm dũng mãnh tinh tấn. Cho nên đây là một điều vô cùng quan trọng trong mục tu hành về mặt "đức". Xã hội hiện nay của chúng ta là một xã hội bệnh tật nghiêm trọng, muốn chữa căn bệnh này thì phải bắt đầu chữa từ bệnh nào? Tật bệnh quá nhiều rồi, nếu mọi người đều có thể biết sỉ, đều có tâm tàm quý thì chúng ta sẽ được cứu, chính mình được cứu, xã hội cũng được cứu, quốc gia cũng được cứu. Cho thấy "tàm quý" và "biết sỉ" vô cùng quan trọng. Trong Tứ Duy thì "sỉ" là điều tối quan trọng. Biết sỉ thì tự nhiên sẽ biết giữ lễ, tự nhiên sẽ tận nghĩa vụ, tự nhiên sẽ liêm khiết, chữ "sỉ" này đích thực là vấn đề trung tâm. Năm nay tôi ở Houston, Mỹ Quốc, có vài vị trưởng lão - họ là lão cư sĩ tại gia - chúng tôi ngồi lại với nhau đàm luận vấn đề này. Họ có ý muốn thành lập một học xã biết sỉ, chúng ta đề xướng, đề xướng biết sỉ. Tôi vô cùng tán đồng, đây là một việc tốt, thật sự có thể cứu vãn thế đạo nhân tâm. Hy vọng tương lai ở Singapore chúng ta cũng có thể thúc đẩy, khi thật sự có người hữu tâm thì chúng ta đến xúc tiến vận động.

Điều thứ ba là **đố kỵ**. Tâm đố kỵ cũng là một trong tám triền phược, cũng là loại phiền não nghiêm trọng.

Điều thứ tư là **bỏn xẻn**. Cái này giống với tham, tham là tham cầu, bỏn xẻn là mình có nhưng tiếc không cho người, tiếc không dám giúp người, bỏn xẻn tài, bỏn xẻn pháp.

Điều thứ năm là **ác tác** *(làm ác)*. Người thế gian chúng ta thường nói "chơi trò tinh nghịch phá phách". Mặc dầu không cố ý, tuy nhiên những tạo tác này không phải là thiện pháp, không phải là thiện. Những chuyện như vậy trong xã hội hiện nay có rất nhiều, xem những chuyện làm ác này là hiện tượng bình thường, như vậy thật đáng sợ. Đâu biết rằng ngôn ngữ, tạo tác của chính mình gây ra ảnh hưởng tiêu cực đối với xã hội lớn biết chừng nào, là ảnh hưởng bất thiện. Ví dụ ngày nay chúng ta thấy thanh thiếu niên suốt ngày tiếp xúc với báo chí, tạp chí, tivi, radio, nghe quen tai nhìn quen mắt dần dần đã trở thành thói quen. Những ảnh hưởng không tốt này tạo thành sự tổn thương trên mặt tâm lý, rất khó tu chỉnh trở lại. Gọi là "*thiếu thành nhược thiên tánh*", từ nhỏ đã tập thành

như vậy. Đây là nỗi lo sâu kín của toàn xã hội, toàn thế giới. Tuy nhiên những người biết được vấn đề này thì không nhiều, những người có cảnh giác cũng không nhiều.

Trước đây có một lần tôi từng nghe tiên sinh Phương Đông Mỹ nói chuyện với nhóm bạn bè của ông. Lúc bấy giờ thế lực của Mỹ rất mạnh, không như hiện nay. Hiện nay thế lực của Mỹ đã suy thoái. Việc này là vào khoảng 30 năm về trước, có người hỏi Thầy Phương: "Mỹ có thể bị diệt vong không?". Thầy Phương mỉm cười nói: "La Mã cũng bị diệt vong. Trong lịch sử Tây phương, thời gian đế quốc La Mã kéo dài lâu nhất, cuối cùng vẫn bị diệt vong. Điều này nói rõ, chẳng có quốc gia nào mà không bị diệt vong, không bị thay đổi triều đại". Họ tiếp tục hỏi: "Có thể bị mất nước, vậy nguyên nhân thứ nhất làm mất nước là gì? Tại sao có thể mất nước?". Câu trả lời của Thầy Phương thật không ai có thể ngờ được, thầy trả lời rất nhanh, cho thấy thầy rất am hiểu, không chút do dự. Thầy nói: "Đó là tivi, nước Mỹ sau này mất nước là do tivi". Ôi chao! Chúng ta nghĩ lại quả thật có đạo lý. Bạn xem, chiếc tivi kia trong 24 tiếng đồng hồ, trẻ con từ sáng đến tối ngồi trước tivi để xem những thứ dơ bẩn, ô nhiễm, như vậy thì làm sao được chứ.

Lúc bấy giờ chính phủ Đài Loan đang đề xướng cuộc vận động phục hưng văn hóa, các viên chức của Bộ Giáo Dục thỉnh giáo thầy Phương: "Cuộc vận động phục hưng văn hóa của chúng ta nên làm thế nào mới có hiệu quả?". Thầy Phương ngưng khoảng năm phút, thái độ vô cùng nghiêm trọng, sau đó mới nói: "Có, phương pháp thì có". Người ta hỏi: "Phương pháp gì?". Thầy nói: "Nhất loạt ngừng xuất bản báo chí, tạp chí trên toàn quốc, hủy bỏ tất cả tivi, radio". Người này lắc đầu nói: "Điều này làm không được". Thầy nói: "Như vậy thì hết cách rồi, những thứ này ngày ngày đang phá hoại đạo đức văn hóa truyền thống của chúng ta, bao giờ những thứ này còn tồn tại, bạn muốn phục hưng văn hóa thì không thể được". Đó là người thật sự có học vấn, thật sự nhìn ra gốc bệnh. Ngày nay người niệm Phật chúng ta vì sao niệm Phật không được nhất tâm? Một ngày niệm Phật mấy tiếng đồng hồ, nếu xem truyền hình nửa tiếng hoặc một tiếng thì hỏng rồi.

Cho nên người niệm Phật không thể xem tivi, không thể nghe radio, tốt hơn hết ngay cả báo chí cũng đừng xem. Quý vị mở tờ báo ra, tôi thì không xem báo chí, ở đây có một số đồng tu mỗi ngày đều mua báo, tôi thỉnh thoảng mở thử xem trong đó hỗn loạn lộn xộn. Báo dày một đống, nhưng những gì thật sự có thể xem thì không được nửa trang. Những thứ này thật sự có vấn đề. Đây đều thuộc về ác tác. Cho nên trong "tám phiền", bạn xem điều này, bạn không biết thứ gì là ác

tác. Đây đều là ác tác. Chúng ta muốn bảo vệ mình thì phải rời xa, bạn muốn bảo hộ gia đình của bạn thì phải bảo trẻ nhỏ rời xa nó, phải khiến trẻ nhỏ hiểu được. Nếu không hiểu [thì trẻ sẽ nói] vì sao những bạn khác có thể xem mà chúng không thể xem? Chúng sẽ nêu ra lý do để hỏi bạn, bạn phải trả lời được, là để bảo vệ tâm thanh tịnh của chúng, điều này rất quan trọng. Tâm thanh tịnh có thể sanh trí huệ, trí huệ chân thật. Nếu bị những thứ này làm ô nhiễm thì dù có thông minh cũng chỉ là tà tri tà kiến.

Điều thứ sáu là **thùy miên**. Ngủ nghỉ đương nhiên rất quan trọng. Bạn ngủ được ngon thì tinh thần sẽ rất sung mãn, nhưng không thể tham ngủ, ngủ nhiều quá sẽ bị hôn trầm, ngủ nhiều quá thì không tốt. Cho nên, đây cũng là một loại phiền não.

Điều thứ bảy là **trạo cử**. Trạo cử tức là tâm không an, tâm không thể định được, trong tâm rất loạn.

Điều thứ tám là **hôn trầm**, tức là tinh thần không phấn chấn được, đặc biệt là trong lúc niệm Phật. Khi chúng ta làm Phật thất, thường thấy trong lúc niệm Phật, vừa ngồi xuống chỉ tịnh là ngủ liền, ngủ gục ngay. Những người công phu khá hơn thì họ có thể vừa ngủ vừa đi nhiễu Phật, đây là hiện tượng hôn trầm. Quý vị phải biết đó không phải là công phu, đó là hiện tượng hôn trầm.

Tám thứ này gọi là "triền", chữ "phược" thực tế mà nói, là tam độc phiền não tham sân si. Chúng ta có những thứ này thì làm sao tự tại được. "*Giải chư triền phược*", giải trừ những triền phược này là tốt ngay.

"***Viễn siêu Thanh Văn, Bích-chi-Phật địa***".
(Siêu vượt quả vị Thanh Văn, Bích-chi-Phật).

Các đệ tử của Thế Tôn, chúng thường tùy là 1.250 người, biểu hiện thân phận là Thanh Văn, tức là Tiểu Thừa A-la-hán. Trên thực tế, họ là Bồ-tát, là các đại Bồ-tát thị hiện, không những là Bồ-tát mà bên trong còn có Phật, như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đều là cổ Phật tái lai, thị hiện làm đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật. Cũng giống như diễn tuồng, Thích-ca Mâu-ni Phật đóng vai chánh còn họ đóng vai phụ. Phía sau sân khấu, cũng có thể vai phụ lại là thầy của vai chánh. Cho nên trước sân khấu thì hình dáng là như vậy, còn hình dáng đằng sau thì chúng ta không hiểu được. Cho nên trong hàng đệ tử có rất nhiều người là cổ Phật tái lai. Bởi thế họ "*viễn siêu Thanh Văn, Bích-chi-Phật địa*", câu nói này lộ ra một chút cho chúng ta biết thân phận phía sau hậu trường của các Ngài, khiến

chúng ta phải biết thật sự cung kính, không được khinh mạn, vì đây là cổ Phật và đại Bồ-tát tái lai.

"***Nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn. Thiện lập phương tiện, hiển thị Tam Thừa***".

(Chứng nhập ba pháp: Không, Vô Tướng, Vô Nguyện. Khéo lập phương tiện, hiển thị Tam Thừa).

Đại Tiểu Thừa đều có "*Không, Vô Tướng, Vô Nguyện*". Đây gọi là **Tam Giải Thoát Môn**. Đây là nghĩa gì? Ba phương pháp này đều có thể chứng đạo, có thể chứng quả. Thực tế mà nói, cửa này là thông đạt vô ngại, dùng cửa này để làm tỉ dụ. Chứng đắc được các pháp thật tướng, cũng tức là nói chứng đắc được chân như bổn tánh. Tục ngữ chúng ta nói chứng đắc là thành Phật rồi. Cho nên thành Phật tức là chứng được chân như bổn tánh, chứng được chư pháp thật tướng, là ý nghĩa như vậy. Cho thấy ba phương pháp này rất quan trọng. Tuy nhiên ba phương pháp này đều không dễ. Các Pháp môn thông thường, tám vạn bốn ngàn Pháp môn đều vào từ ba cửa này. Như vậy tương lai chúng ta thành Phật chứng quả, có phải vào từ ba cửa này không? Vẫn phải đi theo ba cửa này. Tuy nhiên chúng ta có phương pháp thiện xảo: chúng ta đến thế giới Cực Lạc trước, A-di-đà Phật dẫn chúng ta đi thì dễ dàng rồi, tự mình đi thì rất khó. Sự lợi lạc là ở chỗ này. Chúng ta nên biết: Nếu từ cửa **Không** mà vào thì phải không thấy tướng không, Thiền Tông Pháp Tánh Tông là vào từ cửa này. Tuy nhiên, **phải không thấy tướng không**, nếu thấy tướng không mà họ chấp "không" thì không thể vào được. Cách này rất khó. Quý vị nên đọc kỹ Lục Tổ Đàn Kinh, nó có quan hệ mật thiết với Kinh Kim Cang, Bát-nhã Tâm Kinh đều vào từ cửa không. Chúng ta ngày ngày đều tụng, không thành vấn đề, nhưng không vào được, dù niệm cách nào cũng không vào được.

Vậy nếu không vào được thì đi từ cửa thứ hai là "***Vô Tướng***", cùng một đạo lý, nếu lại chấp vào "vô tướng" thì vẫn không thể vào được. Vậy thì đi từ cửa thứ ba "***Vô Nguyện***". "Nguyện" cũng là tạo tác, từ cửa này, không chấp bất cứ sự tạo tác nào. Chỗ này quý vị phải ghi nhớ, nguyên tắc của nó giống như ở trên, nếu chúng ta có chấp trước thì sao? Thì cửa này vẫn không thể vào được.

Khi nghe nói "***vô nguyện, vô tác***", được rồi, tôi không có nguyện gì hết, cũng không có tạo tác gì cả, như vậy tôi có vào được không? Không được. Vì đã hiểu sai ý của Như Lai. Sự tạo tác này là khởi tâm động niệm chứ không phải bảo thân bạn không tạo tác. Thân không tạo tác, thử hỏi bạn có ăn cơm không? Ăn

cơm là tạo tác. Bạn ngủ cũng là tạo tác, bạn đi đường cũng là tạo tác, bạn ngồi trên ghế vẫn là tạo tác, làm sao không tạo tác được? Trong tâm dù làm bất cứ việc gì mà không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước thì đó gọi là không tạo tác. Cho thấy điều này cũng không phải là điều mà chúng ta làm được. Cho nên suy đi nghĩ lại, tám vạn bốn ngàn Pháp môn thì cũng rất hay đó, nhưng đối với tôi thì không vào được cửa nào cả. Tám vạn bốn ngàn Pháp môn, cửa nào tôi cũng không vào được. May thay, có Pháp môn niệm Phật, cửa này thì được, tôi có thể vào từ cửa này, đó gọi là ***lão thật*** niệm Phật. Những điều mà kinh này nói tức là bộ kinh này đã bao hàm tất cả Pháp môn, đúng là "*nhất tu, nhất thiết tu*" (một tu thảy đều tu). Đây là nói về hiện tượng tu chứng của chư vị Bồ-tát, biết được "*tánh không, tướng giả*", do đó trong tất cả pháp đều có thể "*viễn ly vọng tưởng phân biệt chấp trước*".

"*Thiện lập phương tiện, hiển thị Tam Thừa*", là giúp đỡ chúng sanh, Bồ-tát có hoằng nguyện phải độ tất cả chúng sanh. Như câu thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện: "*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*". Chúng ta phải giúp đỡ tất cả chúng sanh, vì sao? Bởi vì tất cả chúng sanh với mình là đồng một thể, đồng một pháp tánh. Trong kinh Đại Thừa thường nói "*thập phương nhất thiết Phật, cộng đồng nhất pháp thân*", mười phương tất cả chư Phật, bao gồm cả chính mình trong đó, chúng ta không phải là ở bên ngoài, đều cùng đồng một pháp thân. Cho nên lòng từ bi đó của Phật Bồ-tát gọi là "*đồng thể đại bi, vô duyên đại từ*". Phàm phu mê là mê ở việc này, chư Phật Bồ-tát giác ngộ là giác ngộ ở việc này, giác ngộ điều gì? Tất cả pháp là đồng một thể, do đó lòng từ bi của các Ngài không có bất cứ điều kiện nào. Trong tâm thật sự đã giải thoát, "*tâm khai, ý giải*", cảnh giới đó mới thật sự là vui sướng không gì bằng. Tam Thừa là Phật phương tiện thiết lập mà thôi chứ làm gì có Tam Thừa. Phật trong Kinh Pháp Hoa đã nói lời thật: "*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*" (chỉ có pháp Nhất Thừa, không có pháp Nhị Thừa cũng như Tam Thừa, trừ Phật phương tiện nói). Đây là khéo lập phương tiện, nói phương tiện. Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ-tát Thừa là phương tiện nói, hoặc chúng ta nói "Đại Thừa", "Tiểu Thừa", ngay đến điều này cũng chỉ là phương tiện để nói. Còn Nhân Thừa, Thiên Thừa lại càng là phương tiện. Cho nên người hiện nay nói "Ngũ Thừa Phật pháp".

Gần đây tôi từng nghe có người đề xướng "nhân gian Phật Pháp, Nhân Thừa Phật Pháp", nội dung của nó tôi không hiểu mấy. Nếu bảo chúng ta ở tại nhân gian này hưởng phước, kiếp sau không mất thân người, nếu lấy điều này làm mục

tiêu thì đây không phải là pháp cứu cánh, vì sao vậy? Vì không thoát khỏi lục đạo luân hồi, kiếp này tu thiện tích đức, kiếp sau được thân người, hưởng phú quý. Phú quý thường làm người ta mê, khi vừa mê thì lại tạo tác tội nghiệp. Phước đó hưởng hết rồi, tội báo lại hiện tiền thì phải đọa tam đồ thọ khổ. Cho nên điều này tuyệt đối không phải là pháp cứu cánh.

Thật sự là pháp cứu cánh, thật sự là pháp chân thật thì chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Có thể quý vị sẽ hỏi: "Người niệm Phật hiện tiền có phước báo hay không? Hiện tại có được vui sướng hạnh phúc không?" Tôi nói cho quý vị biết: "tầng cao nhất chúng ta có thể đạt được, thì những cái thấp nhất này chúng ta tại sao không có được". Giống như chúng ta xây nhà vậy, nhà này là lầu năm tầng, tôi có tầng thứ năm, sao tôi lại không có tầng phía dưới được chứ, là đạo lý nhất định mà. Bạn xây nhà chỉ xây một tầng ở dưới, bạn sẽ không có tầng thứ hai, đương nhiên tầng thứ ba, thứ tư cũng không có. Như thế bạn sẽ thật sự hiểu rõ người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là người vui sướng nhất. Tu học bất cứ Pháp môn nào, bất cứ Tông phái nào cũng không thể sánh bằng, vì sao? Vì tất cả những gì mà họ đạt được đều là chân thật. Bộ kinh này của chúng ta là bằng chứng. Tôi cũng từng nói với quý vị đồng tu nhiều lần rồi, chúng ta vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc có đảm bảo, có bảo chứng. Bảo chứng gì? Quyển kinh này là giấy bảo đảm, chúng ta đều cầm trong tay rồi. Bạn xem, pháp danh của chúng ta đều là Diệu Âm, trên giấy bảo đảm có tên của chúng ta, giấy bảo đảm thì làm sao sai được.

Giảng đến chỗ này là **tướng thứ bảy** chuyển pháp luân trong tám tướng thành đạo. Giảng chuyển pháp luân nhiều ý nghĩa như vậy cho thấy pháp luân này là pháp luân viên mãn, trong đó Hiển Giáo, Mật Giáo, Tông môn, Giáo Hạ tất cả đều có, đều bao gồm cả trong đó.

"***Ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ***".
(Đối với hàng trung hạ căn, thị hiện có diệt độ).

Đây là **Niết-bàn tướng sau cùng** trong tám tướng thành đạo. Phật Bồ-tát, kể cả A-la-hán đều bất sanh bất diệt. Phật sao có thể "*diệt độ*" được? Làm gì có đạo lý như vậy. Trong kinh văn nói rất rõ ràng minh bạch: "*Ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ*", như vậy đối với thượng căn thì sao? Đối với thượng đẳng thì không có, người thượng căn biết Phật Bồ-tát và A-la-hán đều không có diệt độ, các Ngài bất sanh bất diệt. Trung hạ là phàm phu. Trong mắt của kẻ phàm phu thấy có Phật xuất thế, Phật diệt độ, viên tịch rồi. Cách nhìn của người thượng thượng căn khác

với chúng ta, chư Phật Bồ-tát không có sanh diệt, không có đến đi, "*không sanh không diệt, không đến không đi*". Đó là sự thật, người thượng căn có thể thấy được. Cho nên thị hiện diệt độ là nói đối với người trung hạ căn. Bạn xem kinh văn nói quá rõ ràng rồi "*đối với hàng trung hạ căn, thị hiện có diệt độ*".

Tám tướng thành đạo đến đây đã giảng xong. Đây là lấy một tỉ dụ trong tùy loại hiện thân khiến chúng ta hiểu được thế giới Tây Phương Cực Lạc thù thắng không gì sánh bằng. Chúng ta sanh về bên đó đều giống như hình dáng này. Cho nên những điều nói trong kinh chính là nói với chúng ta những trạng huống chân thật hoặc hiện tại hoặc tương lai ở thế giới Tây Phương Cực Lạc hoặc ở thế giới phương khác giáo hóa chúng sanh, cúng dường chư Phật. Từng chữ, từng câu đều có quan hệ mật thiết với chúng ta, mới biết chỗ lợi ích của bộ kinh này. Xin xem tiếp phần kinh văn tiếp theo.

"***Đắc vô sanh vô diệt chư Tam-ma-địa***".
(Chứng đắc các tam-muội vô sanh vô diệt).

Câu này là nói thật. Phía trước, sự diệt độ là thị hiện, không phải thật, thật là gì? Thật là không sanh không diệt.

"***Đắc vô sanh vô diệt chư Tam-ma-địa, cập đắc nhất thiết Đà-ra-ni môn***".
(Chứng đắc các tam-muội vô sanh vô diệt cùng chứng đắc tổng cương lĩnh của hết thảy pháp).

Trước tiên, chúng ta nói về hai câu này. Đây là nói rõ đức dụng vô lượng, vô biên của chư Bồ-tát. Đây là tự thọ dụng, tự lợi đức, tự lợi bất sanh bất diệt. Sanh diệt là khổ, bất sanh bất diệt là tự tại. "*Tam-ma-địa*" là Phạn ngữ, dịch sang tiếng Trung Quốc là "chánh thọ", "thọ" là hưởng thọ, sự hưởng thụ bình thường. Sự hưởng thụ hiện nay của chúng ta là sự hưởng thụ không bình thường. Phật trong kinh điển nói sự hưởng thụ của phàm phu chúng ta có năm thứ: ***Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả***. Bất luận sự hưởng thụ của chúng ta có bao nhiêu, quy nạp lại không ngoài năm thứ này. Tâm có "ưu", tuyệt đại đa số người trong tâm đều có âu lo. Có vui là trong tâm có "ưu hỷ", khi thuận theo ý thì vui, nhưng lo thì nhiều mà vui thì ít. Còn thọ, hưởng thọ của thân thì có khổ, có vui. Cũng vậy, lúc khổ thì nhiều, khi vui thì ít. Khi mà không khổ, không vui, không lo, không mừng thì gọi là "xả thọ". Cái này đương nhiên là tốt nhất rồi, tuy nhiên không lâu dài, không thể giữ được. Cho nên Phật đem những sự hưởng thụ của thân tâm quy nạp lại thành năm thứ *Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả.* Những thứ này đều là không bình thường, sự hưởng thụ bình thường không có năm thứ thọ này. Tất cả đều không còn nữa

đó gọi là **Chánh Thọ**, là **Tam-muội, Tam-ma-địa** mà trong kinh nói đến. Tam-ma-địa cũng là nghĩa này, là sự hưởng thụ bình thường.

"*Cập đắc nhất thiết Đà-ra-ni môn*", "*Đà-ra-ni*" cũng là Phạn ngữ, "*môn*" là tỉ dụ, *Đà-ra-ni* dịch là Tổng Trì. Hiện nay chúng ta gọi là cương lĩnh, bạn đã nắm được cương lĩnh của tất cả pháp rồi, tất cả pháp của thế xuất thế gian không một thứ nào không thông đạt. Vì sao có thể thông đạt? Vì bạn đã nắm được tổng cương lĩnh rồi, câu nói này ý là như vậy. Các Ngài có năng lực như thế.

Thứ nhất các Ngài đã đạt được "bất sanh bất diệt", đạt được "chánh thọ". Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều không còn nữa, lại nắm được tổng cương lĩnh của tất cả pháp cho nên các Ngài:

"***Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm Tam-muội, cụ túc tổng trì bá thiên Tam-muội***".

(Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, tổng trì đầy đủ trăm ngàn tam-muội).

Đây chính là các Ngài đều đạt được tất cả các pháp thế xuất thế gian rồi. Hoa Nghiêm nói "*Nhất Chân Pháp Giới*", tức là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Thuật ngữ trong Hoa Nghiêm gọi là nhất chân pháp giới. Chúng ta hoàn toàn rõ ràng thông đạt lý luận, chân tướng sự thật này thì gọi là Hoa Nghiêm Tam-muội. Danh từ Hoa Nghiêm này có thể nói là tổng cương lĩnh của tất cả Phật pháp, tổng đề mục của tất cả các Phật pháp. Hiện nay chúng ta hội tập tất cả kinh điển của Phật, chúng ta gọi là Đại Tạng Kinh, tất cả kinh điển của Phật đều quy vào trong đó. Kỳ thật, trong kinh Phật, nó vốn có tên gọi là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh là tên chung của tất cả kinh điển. Hoa Nghiêm là tỉ dụ, giống như một vườn hoa lớn, trong vườn hoa này có đủ tất cả các loại hoa và cây, không sót một loại nào thì cái vườn hoa này mới xinh đẹp. Chữ "nghiêm" nghĩa là đẹp, trang nghiêm tức là mỹ lệ. "Tạp Hoa Trang Nghiêm", đề kinh của nó nguyên là Tạp Hoa Trang Nghiêm. Người Trung Quốc thích gọi là Vạn Hoa Trang Nghiêm là ý nghĩa này.

Cho nên đây là danh xưng chung. Hoa Nghiêm dùng nhất chân pháp giới, vô tận duyên khởi để làm lý luận y cứ, điều này chúng ta có thể tin được. "Vô tận duyên khởi" tức là vô vàn những điều kiện để toàn thể vũ trụ hình thành, phát sinh, diễn biến, đích thật là rất nhiều điều kiện, không phải ngẫu nhiên, vô cùng vô cùng phức tạp. Ai có thể hiểu rõ ràng minh bạch điều này? Là Phật và đại Bồ-tát, các Ngài làm sao biết rõ, làm sao minh bạch được? Chúng ta suy nghĩ điều

này, căn bản chúng ta không nghĩ thông được, chúng ta không suy nghĩ được là có đạo lý, vì sao? Vì chúng ta dùng tâm phân biệt, dùng tâm chấp trước, dùng tư duy tưởng tượng. Điều này không thể được. Năng lực này có hạn, dùng năng lực hữu hạn để thông đạt cảnh giới vô hạn là một việc không thể. Vậy Phật dùng phương pháp gì để biết rõ tất cả, liễu giải tất cả? Phật dùng **Thiền Định**, phương pháp này cao minh. Tâm thanh tịnh, trong tâm một niệm không sanh, tâm này quảng đại không có bờ mé. Vừa khởi tâm động niệm thì liền có giới hạn, thì tự mình làm chướng ngại chính mình. Trong tâm không khởi tâm, không động niệm thì tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh không có chướng ngại, là tận hư không khắp pháp giới. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ, trí huệ này không pháp nào không biết, không pháp nào không rõ, tất cả đều thông đạt, không cần tư duy tưởng tượng, không cần học tập, Phật dùng phương pháp này. Phương pháp này rốt cuộc là thật hay là giả? Phật dùng phương pháp này thông đạt rồi Ngài mới nói cho chúng ta. Nếu chúng ta cũng dùng phương pháp này và thật sự thông đạt thì chứng minh lời Phật nói không sai. Rất nhiều đệ tử của Phật đã nhập vào cảnh giới này, đã chứng minh được sự thật này, sự giáo học của Phật không phải là giả thuyết, không phải là một sự lý tưởng mà hoàn toàn là sự thật.

Chúng ta y theo những lý luận, phương pháp, cảnh giới mà Phật đã nói để tu học, hết lòng để làm thì chúng ta cũng có thể lấy tất cả hạnh để trang nghiêm Phật quả. Đây gọi là Phật Hoa Nghiêm. Trong nhà Phật, thực tế mà nói, bộ kinh được giảng viên mãn nhất, thấu triệt nhất, cứu cánh nhất chính là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Người xưa gọi bộ kinh này là Trung Bản Hoa Nghiêm. Lý luận, phương pháp, cảnh giới cùng với đại kinh hoàn toàn giống nhau, nhưng trên mặt văn tự được cô đọng lại. Đương nhiên là chỉ nói đại cương, không thể nói kỹ, nếu nói kỹ tất biến thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Tôi từng nói với một số đồng tu, nếu quý vị muốn phát tâm, muốn tương lai hoằng dương Tịnh Độ, muốn học giảng kinh thuyết pháp, học giảng Kinh Vô Lượng Thọ, học giảng Kinh A-di-đà thì tôi khuyên quý vị nhất định phải nghiêm túc học Kinh Hoa Nghiêm, vì sao? Vì khi thật sự thông đạt kinh Hoa Nghiêm rồi thì giảng các kinh Tịnh Độ này mới thật là tràn đầy sung sướng, không có chút chướng ngại nào, vì sao? Vì bạn đã triệt để hiểu rõ rồi thì bạn giảng dài, giảng ngắn, giảng sâu, giảng cạn đều tự tại.

Đây là lấy Hoa Nghiêm làm cơ sở. Kinh này là cương yếu của Kinh Hoa Nghiêm. Chúng ta nhất tâm chuyên tu hoặc chuyên tinh thì gọi là Tam-muội, đây chính là Hoa Nghiêm Tam-muội. Vậy thì Hoa Nghiêm Tam-muội thực tế mà nói

là trang nghiêm pháp thân, trang nghiêm bản thể của vũ trụ. Pháp thân tức là chân tâm, tức là chân như bổn tánh. Phật thường nói: Tất cả pháp đều từ pháp giới này lưu xuất ra, nên tất cả pháp đều quy về pháp giới này. Phật trong đại kinh nói: "*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*" cũng là ý nghĩa này. Một người trong đời có thể xem qua Kinh Hoa Nghiêm một lần không phải là chuyện dễ. Nếu trong đời có thể nghe qua Kinh Hoa Nghiêm một lần cũng thật là hy hữu. Trung Quốc từ xưa đến nay các vị Pháp Sư, Đại Đức bất luận giảng kinh gì đều không được ghi chép, nhưng giảng kinh Hoa Nghiêm trong lịch sử đều có ghi chép. Do đó, cho thấy mọi người đối với Kinh này vô cùng coi trọng, đây là nói "*tùy thời hội nhập Hoa Nghiêm Tam-muội*". Phải hội đủ điều kiện phía trước thì bạn mới có thể tùy thời hội nhập trang nghiêm pháp thân, trang nghiêm vạn pháp.

"*Cụ túc tổng trì bá thiên Tam-muội*", sao lại có nhiều "*Tam-muội*" như thế? Nói cho kỹ, Tam-muội quả thật là nhiều. Tam-muội tức là tâm bình thường, tất cả pháp vô lượng vô biên, do đó Tam-muội cũng vô lượng vô biên. Chúng ta cử một ví dụ: Người này không tham tài, tiền tài bày trước mắt họ, họ cũng không động tâm, ý niệm đều không có thì người này đã nhập vào tiền tài Tam-muội. Tuy nhiên, khi cho họ một vinh dự thì họ liền động tâm, như vậy thì không được. Trên vinh dự thì người này chưa được Tam-muội nhưng đối với tiền tài thì có được Tam-muội. Quý vị hiểu được ý này thì sẽ hiểu "*bá thiên Tam-muội*" chính là trong tất cả vạn pháp họ đều không khởi tâm không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Trong tất cả pháp thế xuất thế gian họ đều được Tam-muội, cái này mới gọi là Tam-muội viên mãn. Đây là cảnh giới của quả địa Như Lai, Đẳng giác Bồ-tát vẫn chưa được. Đương nhiên Đẳng giác Bồ-tát ở trong tất cả cảnh giới cũng không khởi tâm, không động niệm, nhưng nếu bạn nói với họ việc thành Phật thì các Ngài có thể vẫn sẽ động niệm, bởi vì họ vẫn còn mong thành Phật. Về mặt này họ vẫn chưa đắc Tam-muội. Cho nên bá thiên Tam-muội, vô lượng Tam-muội là ý nghĩa như vậy.

"***Trụ thâm thiền định***".

(Vào thiền định sâu).

"*Thâm thiền định*" này là tánh định, tự tánh vốn định, như trong Kinh Lăng-nghiêm nói: "*Thủ Lăng-nghiêm đại định*", đó là định sâu, là cảnh giới của quả địa Như Lai, cũng gọi là lý định, nó không phải sự, là cái định trên lý. Đây là thiền định chân chánh.

"***Tất đổ vô lượng chư Phật***".

(Thấy rõ vô lượng chư Phật).

Vô lượng chư Phật này là chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại, chư Phật vị lai. Chư Phật vị lai là mỗi người chúng ta. Chúng ta chỉ toàn nhìn thấy phàm phu tục tử. Các Ngài đều thấy chúng ta là chư Phật, chúng ta tự mình vẫn không thừa nhận. Điều này nói rõ: "Trong mắt Phật thấy tất cả chúng sanh đều là Phật, trong mắt phàm phu thấy tất cả chư Phật đều là phàm phu". Cho nên nếu bạn thật sự muốn biết mình thuộc về cảnh giới gì thì không cần hỏi người khác, bạn tu hành có cảm thấy bạn đã chứng được quả vị của Bồ-tát chưa? Bạn thấy tất cả chúng sanh có phải là Bồ-tát không? Nếu tất cả đều là Bồ-tát thì bạn tự biết rõ mình là Bồ-tát rồi. Nếu một ngày nào đó bạn thấy tận hư không khắp pháp giới toàn là chư Phật, vậy thì chúc mừng bạn, bạn đã thành Phật rồi. Nếu bạn tu hành đã nhiều năm nhưng nhìn thấy chúng sanh vẫn là phàm phu, vậy nhất định bạn là phàm phu. Không cần phải hỏi ai, bạn tự biết mình là người tốt hay là người xấu. Nếu nhìn thấy người trên toàn thế giới ai ai cũng là người tốt thì bạn là người tốt, nếu bạn nhìn thấy họ đều là người xấu thì chính bạn là người xấu. Đây là chân lý, bạn xem Lục Tổ nói: "*Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá*", khi vẫn còn thấy lỗi của thế gian thì đó không phải là người tu đạo, một chút công phu cũng không có, vẫn là phàm phu. Vì sao nói thấy tất cả người thế gian đều là người thiện? Tất cả vạn pháp đều do tự tâm biến hiện. Khi tâm chúng ta tốt thì cảnh giới biến hiện ra đều là tốt, Thiện Tài Đồng Tử 53 tham vấn "Lễ kính chư Phật". Tuy nhiên, trong tất cả chúng sanh đích thật có thuận với pháp tánh và có trái ngược với pháp tánh. **Thuận với pháp tánh chúng ta gọi là thiện, không thuận với pháp tánh chúng ta gọi là ác. Thiện chúng ta tán thán, ác chúng ta không tán thán,** sai biệt là ở chỗ này. Ngoại trừ điểm này ra thì không có tơ hào sai biệt nào khác, người thiện là Phật, người ác cũng là Phật. Chúng ta tán thán người hành thiện, tạo ác thì không tán thán. Tuy nhiên tâm cung kính hoàn toàn giống nhau. Điều đáng quý nhất trong việc học Phật là trong hoạt động hằng ngày của chúng ta, khi xử sự đối người tiếp vật phải dùng tâm chân thành, phải dùng tâm thanh tịnh, dùng tâm bình đẳng, dùng tâm từ bi. Bạn tu được như vậy thì bất luận bạn làm việc gì cũng đều là Phật Pháp: mặc áo, ăn cơm đều là Phật pháp, đối người tiếp vật cũng đều là Phật Pháp, không có thứ nào không phải là Phật pháp. Nếu dùng tâm hư dối, tâm tham sân, tâm đố kỵ thì là sai rồi, ngày ngày tụng Kinh Vô Lượng Thọ cũng không phải là Phật Pháp, vì tâm mê. Phật nghĩa là giác, giác là tâm giác, miệng không thể giác được. Phải là tâm giác, tâm nhất định phải chân thành, nhất định không bị thiệt thòi.

Tôi thường nói với các đồng tu, cũng có người phản ứng nói: "Thưa Pháp Sư, không phải con không biết, nhưng con bị lừa gạt thiệt thòi, con không gạt người nhưng người khác gạt con, vì sợ bị lừa thiệt thòi nên cũng phải đi gạt họ". Bạn bảo việc này có tệ hại không chứ. Như vậy là bị ma kéo rồi, kéo xuống lục đạo luân hồi. Cho nên nhất định phải giữ chắc nguyên tắc của mình: "**Người gạt ta, ta không gạt người, họ tạo luân hồi, còn ta đến thế giới Cực Lạc**". Là hai con đường, không phải một con đường, nên phải rõ ràng, phải minh bạch, phải tự mình độ mình, thật sự người khác không thể giúp được, nhất định phải tự mình giúp mình. Nếu bàn luận một cách nghiêm khắc, thực tế câu nói này cũng có thể giải thích là "niệm Phật thấy Phật", niệm Phật Tam-muội sở dĩ gọi là Bảo Vương Tam-muội chính là ý nghĩa này. Đại Thế Chí Bồ-tát nói: "*Nhớ Phật, niệm Phật hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật*".

"***Ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ***".
(Khoảnh khắc đi khắp các cõi Phật).

Điều này cho thấy sự tự tại của các Ngài. "*Nhất niệm khoảnh*" là thời gian ngắn, không cần thời gian dài, chỉ một niệm, một sát-na là có thể dạo khắp tất cả cõi nước của chư Phật, cho thấy thần thông đạo lực của các Ngài thật là quảng đại. Làm sao có thể dạo khắp tất cả cõi nước của chư Phật? Đương nhiên là các Ngài phân thân đi, hóa thân mà đi. Nếu không thể phân thân hóa thân thì làm sao trong một niệm có thể đến được khắp tất cả các nơi? Những việc này là sự thật nhưng hiện nay chúng ta không thể gặp được những người như vậy. Chúng tôi có đọc trong Cao Tăng Truyện, khi tôi mới học Phật rất thích đọc những loại sách này, bây giờ đã nhiều năm không đọc nữa nhưng vẫn còn một chút ấn tượng, tên của những người đó tôi đều quên rồi, không nhớ nổi. Trong Cao Tăng Truyện tôi có đọc thấy một đoạn như vầy: Có một vị Pháp Sư Ấn Độ hoằng pháp tại Trung Quốc, một hôm Ngài phải trở về Ấn Độ, ngày đầu có rất nhiều tín đồ muốn làm tiệc mời Pháp Sư dùng cơm. Pháp Sư rất từ bi nên đều nhận lời cả, nhiều người mời Ngài đều nhận lời tất cả. Trong truyện ký có ghi chép rằng đến ngày hôm sau Ngài về nước, những người đó đều đến để tiễn đưa, tiễn độ mười dặm đến ngoại thành thì ngưng lại, mọi người rất hoan hỷ nói: "Pháp Sư từ bi hôm qua đến nhà tôi ứng cúng". Người đó nghe nói hôm qua Pháp Sư đến nhà họ, rõ ràng Pháp Sư đã đến nhà mình mà, mọi người cùng đối diện, năm trăm nhà thỉnh Ngài, Ngài hóa thân đến cả năm trăm nhà. Khi đó mới biết vị Pháp Sư này có thần thông, Ngài có năng lực này, cùng một lúc có thể đến ngay bất cứ chỗ nào thỉnh Ngài. Như tôi đây thì không có khả năng này, quý vị mời tôi, tôi chỉ có thể đến một nhà,

không thể đến hai nhà, Ngài có bản lãnh, năm trăm nhà thỉnh Ngài, Ngài đều đến đủ, đến cùng một lúc. Trong Cao Tăng Truyện, Thần Tăng Truyện đều có ghi chép, quý vị có thể tìm đọc, vị đó tên gì tôi không còn nhớ, nhưng câu chuyện này tôi ấn tượng rất sâu, ở Trung Quốc thật sự có chuyện này. Cho nên Phật trong kinh nói: "*Ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ*", Bồ-tát của thế giới Tây Phương chắc chắn có năng lực này, huống hồ lại được Phật lực gia trì.

"***Đắc Phật biện tài, trụ Phổ Hiền hạnh***".
(Được biện tài của Phật, trụ vào hạnh nguyện Phổ Hiền).

Đây là đức lợi sanh, lợi ích hết thảy chúng sanh. Đến tất cả cõi nước của chư Phật có hai việc:

✓ Thứ nhất là cúng Phật nghe pháp, thỉnh giáo với Phật, nghe Phật thuyết pháp.

✓ Thứ hai là giúp đỡ Phật giáo hóa chúng sanh, những chúng sanh ở khu vực này có duyên với mình, nhất định phải giúp đỡ Phật để độ hóa họ, cho nên là làm hai sự việc này.

"*Đắc Phật biện tài*", các Ngài chưa thành Phật, chỉ là Bồ-tát, nhất là chúng ta khi vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc vẫn là phàm phu nhưng chúng ta cũng được biện tài của Phật. Đây là do A-di-đà Phật gia trì, chúng ta cũng trụ Phổ Hiền hạnh. Câu "*trụ Phổ Hiền hạnh*" trong bộ kinh này rất nhiều. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý, từ chỗ này đã chứng thật thế giới Tây Phương Cực Lạc là pháp giới của Phổ Hiền Bồ-tát. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc tức là Phổ Hiền Bồ-tát. Năm mươi mốt giai cấp của Phổ Hiền Bồ-tát là: **Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác**. Vị thứ của Bồ-tát có năm mươi mốt cấp bậc, sanh lên đó chính là Bồ-tát Phổ Hiền, điều này vô cùng không thể nghĩ bàn.

"***Thiện năng phân biệt chúng sanh ngữ ngôn***".
(Khéo thông đạt tiếng nói của các chúng sanh).

Nếu chúng ta phải đi học tập thì là không khéo rồi, không học mà biết mới gọi là khéo. Thế giới vô lượng vô biên, chúng sanh vô lượng vô biên, ngôn ngữ vô lượng vô biên, không cần phải học mà hiểu được hết, đây gọi là khéo. Sự việc này thoạt mới nghe qua chúng ta cảm thấy thật kỳ quái. Kỳ thật về mặt lý thì nói được thông, tâm thanh tịnh, tâm không phân biệt có thể thông đạt tất cả vạn pháp. Chúng ta ngày nay đã mất đi năng lực này, tại sao đánh mất? Chúng ta có phân

biệt, có chấp trước, chúng ta "hữu tri (có biết)" cho nên mới "hữu sở bất tri (có cái không biết)". Những thứ không biết thì thật rất nhiều. Chư Bồ-tát tu là tu cái vô tri, trong Tâm Kinh có nói "*vô trí diệc vô đắc*" (không trí cũng không đắc), "*vô tri, vô sở bất tri*; *vô đắc, vô sở bất đắc*" (không biết nhưng cái gì cũng biết; không được nhưng cái gì cũng được). Họ cái gì cũng đều được cả. Chúng ta bởi vì có "đắc" nên không có thứ nào được cả, có biết nên một thứ cũng không biết. Rắc rối là từ chỗ này sanh ra. Phật trong kinh chỉ một câu đã thật sự điểm phá cho chúng ta, chúng ta phải hiểu rõ, phải biết được ý của Phật nói, phải nghiêm túc để làm, để tu, tu chỉnh lại những sai lầm của chúng ta. Thí dụ nói, chúng ta "hữu tri" đây là sai lầm, chúng ta nên tu chỉnh trở lại thành "vô tri". Chúng ta "hữu đắc", quan điểm được mất là sai lầm, chúng ta tu chỉnh trở lại thành "vô đắc". Khi đó cái "tri (biết), đắc (được)" của chúng ta sẽ giống với chư Phật Bồ-tát, sẽ là "vô sở bất tri, vô sở bất đắc", mọi thứ không còn khiếm khuyết. Cái này mới gọi là chân khoái lạc, gọi là đại tự tại. Đây là "*thiện năng phân biệt chúng sanh ngữ ngôn*".

"***Khai hóa hiển thị chân thật chi tế***".
(Khai hóa hiển thị thật tướng các pháp).

Câu này rất quan trọng. Trong kinh này nói đến ba sự thật. Đây là điều thứ nhất: "Khai" là khai thị, Phật khai thị cho chúng ta. "Hóa" là ngộ nhập, "hóa" là biến hóa, Phật vừa khai thị chúng ta liền giác ngộ chúng ta liền "nhập" được, nhập cái gì? Chân thật chi tế. Chân thật chi tế tức là chân như bổn tánh trong Thiền Tông. Nhà Thiền nói: "Minh Tâm Kiến Tánh", cái này chính là Minh Tâm Kiến Tánh, kiến tánh thành Phật. Cho nên bạn có thể ngộ nhập được chân thật chi tế thì bạn thành Phật rồi.

"***Siêu quá thế gian chư sở hữu pháp***".
(Vượt khỏi các pháp thế gian).

Đừng nói các pháp thế gian mà các pháp xuất thế gian cũng không thể sánh bằng pháp môn trực tiếp thành Phật.

"***Tâm thường đế trụ độ thế chi đạo***".
(Tâm thường trụ chắc chắn nơi đạo độ thế).

Đây là điều chúng ta nhất định phải học tập. Chúng ta ở thế gian này nếu không học Phật là uổng qua một đời, không những uổng qua đời này mà còn tạo vô lượng, vô biên tội nghiệp, tương lai sẽ có những khổ báo khôn cùng, chính

mình phải gánh chịu. Việc này rắc rối biết mấy, đáng thương biết mấy. Nhất định phải học Phật Bồ-tát. Tâm của Phật Bồ-tát là tâm gì? "*Tâm thường đế trụ độ thế chi đạo*", "*thường*" là không gián đoạn, "*đế*" là chân thật, "*độ*" là giúp đỡ người thế gian giác ngộ. Chúng ta học Phật, bất luận là thân phận gì, bất luận là ngành nghề nào thì đều là Bồ-tát. Bạn ở trong nhà, gia đình tức là đạo tràng, bạn phải có chân tâm giúp đỡ người trong nhà, giúp đỡ bà con bạn bè giác ngộ, giác mà không mê. Sự giúp đỡ chân thật nhất là giúp đỡ họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Phải có cái tâm này. Bạn có một công ty, hãng hiệu, đó là đạo tràng của bạn, bạn phải phát tâm độ tất cả nhân viên. Không những bạn phải chăm lo sinh hoạt của họ, phải chỉ dạy họ, bạn còn phải giúp họ liễu sanh tử xuất tam giới. Như vậy bạn là ông chủ Bồ-tát. Bạn xem trong Kinh Hoa Nghiêm, bất luận là ngành nghề nào, tất cả đều là Bồ-tát, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề đều là Bồ-tát, không phải nói: "Ôi! Học Phật nhất định phải xuất gia, nhất định phải ở trong chùa", như vậy là bạn đã hiểu sai rồi. Sáng nay, có một vị đồng tu Đài Loan gọi điện thoại cho tôi, là cư sĩ Trần Quyên Quyên. Trước kia chúng tôi có lưu thông một quyển sách nhỏ là Nhận Thức Phật Giáo. Đó là do Trần cư sĩ chép lại từ trong băng ghi âm ra, đó là quyển sách đầu tiên. Hiện nay quý vị nhận được quyển này là giảng tại Miami vào năm 1991, quyển này tường tận hơn, giảng hết bảy ngày, còn quyển kia chỉ giảng một lần một tiếng rưỡi đồng hồ, giảng tại miếu Mã Tổ tại Cựu Kim Sơn. Sáng nay bà điện thoại báo cho tôi hay thân phụ của bà đã vãng sanh rồi, bà tin Phật, cha của bà không tin. Hơn một năm trước, cha của bà bị bệnh ung thư. Bà rất hiếu thuận và khuyên cha bà, người cha mới chấp nhận. Gần nửa năm nay, bà từ Mỹ trở về Đài Loan, hằng ngày chăm sóc cho cha bà, ngồi bên cạnh và giúp cha bà niệm Phật, đại khái mỗi ngày niệm mười ngàn tiếng. Hôm kia ông đã vãng sanh rồi, tướng lành vô cùng tốt đẹp, có ba mươi mấy người giúp ông trợ niệm, trợ niệm được 24 giờ. Trong các đồng tu trợ niệm có rất nhiều người thấy Phật đến tiếp dẫn. Lúc còn nằm bệnh, tướng mạo ông rất khó coi, đến lúc vãng sanh tướng mạo rất viên mãn. Cả gia đình đều được độ. Bà nói anh và chị dâu của bà không tin Phật, thấy được như vậy đều niệm Phật. Còn có một người bà con đang học Thiền Tông thấy được như vậy cũng không học Thiền nữa, quay trở lại niệm Phật. Độ cả một gia đình. Mọi người nhìn thấy cảnh tượng như vậy lòng tin tăng trưởng, chuyện này không phải giả, tướng lành đó vô cùng hiếm có. Lúc vãng sanh cũng giống như một người khỏe mạnh đang ngủ vậy, điều này đã khiến mọi người thật sự sanh khởi lòng tin chân chánh.

Cho nên chúng ta nhất định phải có tâm này, niệm niệm không gián đoạn, tự mình cầu sanh Tịnh Độ, giúp đỡ tất cả mọi người cầu sanh Tịnh Độ. Bản thân chúng ta tin sâu không hoài nghi, phải giúp đỡ tất cả chúng sanh xây dựng lòng tin, người như vậy tương lai sẽ được lợi ích, tương lai có thể vãng sanh, họ cảm ơn vì do bạn giới thiệu, do bạn tiếp dẫn. Đại Từ Bồ-tát nói rất hay: "Một người nếu trong đời có thể khuyên được hai người thật sự vãng sanh", vãng sanh tức là làm Phật, khuyên hai người nghĩa là nhờ bạn khuyến khích, khuyên họ niệm Phật vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để làm Phật. Đại Từ Bồ-tát nói: việc này còn lớn hơn công đức niệm Phật của chính bạn. Bạn đã giúp được hai người thành Phật rồi. Nếu bạn có thể giúp mười mấy người thật sự vãng sanh thì bạn thật sự là Bồ-tát rồi. Nếu bạn có thể giúp đỡ mấy ngàn, mấy trăm người vãng sanh thì bạn là A-di-đà Phật tái lai. Đại Từ Bồ-tát nói như vậy. Cho nên chúng ta phải "*tâm thường đế trụ độ thế chi đạo*". Câu này vô cùng quan trọng nhất định phải học tập, phải nỗ lực để làm. Hiện tại duyên thật sự rất thù thắng, rất tiện lợi.

Bạn xem, kinh sách của chúng ta, trong xã hội ngày nay chúng ta đem Phật pháp giới thiệu cho mọi người thì bốn quyển sách nhỏ là đủ rồi. Thứ nhất là "Nhận Thức Phật giáo", thật sự hiểu được Phật giáo. Thứ hai là "Truyền Thọ Tam Quy", Tam Quy là nền tảng nhập môn của chúng ta, vô cùng rõ ràng minh bạch. Thứ ba là "Kinh Vô Lượng Thọ", đem quyển kinh này giới thiệu cho họ, khuyên họ thường đọc tụng, họ dần dần hiểu rõ phương pháp tu hành. Thứ tư là quyển "Khóa Tụng Sáng Tối" của Tịnh Tông chúng ta. Chúng ta dùng quyển này làm thời khóa công phu sáng tối, y giáo phụng hành thì nhất định sẽ được độ, không phiền phức chút nào. Đối với người thời nay, trong một xã hội bận rộn thì đó là một phương pháp tu học rất hay, là một tài liệu giáo học rất có thọ dụng, vì phân lượng không nhiều mà lợi ích chân thật.

"***Ư nhất thiết vạn vật tùy ý tự tại, vị chư thứ loại tác bất thỉnh chi hữu***".
(Đối với vạn vật tùy ý tự tại, với các loài chúng sanh làm bạn không thỉnh).

"*Nhất thiết vạn vật*" tức là chỉ cho xã hội hiện nay của chúng ta. Chúng ta thường nói thế giới phồn hoa, trong Thiền Tông có một câu nói: "*Đãn tự vô tâm ư vạn vật, hà phòng vạn vật thường vi nhiễu*" (chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh). Hễ bạn tự làm chủ được mình thì không cần phải rời xa xã hội, không cần phải rời xa mọi người, mà ở trong xã hội này thành tựu đạo nghiệp của chính mình, kiên định việc tín nguyện trì danh của mình, như vậy thì thành tựu rồi.

"*Vị chư thứ loại*", "*thứ loại*" là chỉ cho tất cả chúng sanh, chúng ta phải chủ động giúp đỡ họ. "*Tác bất thỉnh chi hữu*", là người bạn không mời mà đến, không cần chờ họ đến tìm thì chúng ta mới giúp đỡ họ. Họ không mời ta cũng phải giúp họ, đây là Bồ-tát phát tâm. Đợi người ta đến mời bạn thì đó không phải là Bồ-tát phát tâm, cho nên nói làm bạn không mời, chủ động đi giúp đỡ họ. Như lúc nãy tôi vừa nói, bốn quyển sách nhỏ này đối với người hiện nay là vô cùng hữu dụng, là lợi ích chân thật. Những quyển sách này của chúng tôi ở đây đều để kết duyên, không sợ quý vị lấy, quý vị lấy càng nhiều càng tốt, hết rồi thì sẽ in thêm. Nếu trong túi của quý vị có địa chỉ của thân bằng quyến thuộc thì nên gửi một quyển cho họ và khuyên dẫn họ vậy bạn là Bồ-tát rồi, tâm bạn đã thật sự trụ nơi "*độ thế chi đạo*", bạn đã thật sự là "*vị chư thứ loại tác bất thỉnh chi hữu*". Hễ có địa chỉ thì hãy gửi hết cho họ, sách gửi hết rồi chúng tôi sẽ in thêm. Hiện nay, kỹ thuật ấn loát rất tiến bộ, rất rẻ. Việc bạn làm là công đức chân thật. Quyển sách này in một cuốn là một đô-la Mỹ, tiền Singapore khoảng hơn một đồng, chưa tới hai đồng. Bạn nghĩ xem, nếu bạn thật sự phát tâm thì bạn có thể độ biết bao nhiêu người, bạn có thể giúp đỡ biết bao nhiêu người. Vui sướng! Trong tâm thật sự vui sướng.

"***Thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng***".
(Thọ trì pháp tạng sâu rộng của Như Lai).

"*Thọ*" là tiếp thọ, "*trì*" là bảo trì, vĩnh viễn không mất, niệm rồi lại niệm. "*Pháp tạng thậm thâm*" của Như Lai là gì? Tức là sáu chữ hồng danh Nam-mô A-di-đà Phật.

"***Hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt***".
(Hộ trì giống Phật khiến không dứt).

"*Phật chủng tánh*" tức là Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, có Phật tánh thì nhất định làm Phật. Hiện nay họ mê không giác, chỉ cần chúng ta giúp họ giác ngộ là được rồi, khuyên họ phát tâm, khuyên họ niệm Phật. Trong sinh hoạt hằng ngày khuyên họ nên tu Tam Phước, Lục Hòa, Lục Độ. Chúng ta tự mình làm như vậy rồi thường xuyên khuyên người khác làm thì mới thật sự là "*hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt*", công đức này là đệ nhất. Công đức vô lượng vô biên ai cũng có thể làm. Ai cũng có thể làm, ai cũng có thể tu, tại sao bạn lại không làm? Tại sao lại để thời gian quý báu ngày ngày uổng qua như vậy? Thật quá đáng tiếc. Người thời nay thường nói công việc bận rộn, tranh thủ từng giây từng phút. Chúng ta hôm nay cũng tranh thủ từng giây từng phút, tranh cái

gì? **Tranh làm công đức**, công đức chân thật. Không thể để thời gian quý báu uổng qua, điều này rất quan trọng. Tiếp theo là:

"***Hưng đại bi, mẫn hữu tình, diễn từ biện, thọ pháp nhãn, đỗ ác thú, khai thiện môn***".

(Phát lòng đại bi, thương xót hữu tình, nói lời từ ái, trao pháp nhãn, đóng đường ác, mở cửa lành).

Mấy câu này là chỉ cho chúng ta một cách làm cụ thể. Chúng ta bắt đầu làm từ đâu? Hạ thủ từ đâu? Đây dạy cho bạn cách làm như thế nào? Đương nhiên những gì nói ở đây đều là nguyên tắc, nguyên tắc này rất dễ hiểu, nắm giữ nó thì bạn sẽ không để uổng phí thì giờ, thiết thực tu tích công đức chân thật. Điều thứ nhất bạn phải có tâm đại bi, có tâm từ bi, đây là động lực thúc đẩy bạn. Ngày nay quý vị làm các ngành nghề trong xã hội, vì sao phải làm một cách cực khổ như vậy? Cơm ăn không ngon, ngủ không yên giấc, đem toàn bộ tinh thần dồn hết vào đó, vì cái gì? Sức mạnh nào đang thúc đẩy bạn? **Danh lợi**. Quý vị nghĩ xem, có phải không? Nếu không có danh lợi thì bạn còn làm nữa không? Bạn không làm đâu. Vì danh lợi đang thúc đẩy bạn. Việc bạn làm là nghiệp, là nghiệp luân hồi, là mê không phải giác. Hôm nay, Phật Pháp khiến bạn giác ngộ, giác ngộ là do sức mạnh nào thúc đẩy? Đây là tâm từ bi, tâm thương xót, nhìn thấy chúng sanh mê hoặc, điên đảo. Chúng ta nói tâm từ bi, tâm thương xót, tâm đồng tình chính sức mạnh này đang thúc đẩy bạn. Cho nên "*hưng đại bi*", "*hưng*" là hưng khởi, phát khởi, phải khởi tâm từ bi, phải thương xót hết thảy chúng sanh hữu tình. Đây tức là đại từ đại bi. Làm bằng cách nào? "*Diễn từ biện*", đây là khai thị. Phải từ bi, "*diễn*" là chính mình làm ra, làm cho họ xem, "*biện*" là gì? Là nói cho họ nghe, họ có nghi vấn thì phải biện bạch cho rõ ràng khiến họ giác ngộ. "*Thọ pháp nhãn*", "*thọ*" là truyền thọ cho họ, "*pháp nhãn*" tức là tâm giác ngộ, giác tâm. "*Nhãn*" đây không phải là nhục nhãn, là "*tâm nhãn*", trong tâm giác ngộ rồi, trong tâm không hồ đồ nữa, không mê hoặc nữa, đây mới gọi là pháp nhãn, tức là tâm giác ngộ. Phải giúp họ ngộ nhập. "*Đỗ ác thú*", "*ác thú*" là gì? Là nghiệp nhân của lục đạo luân hồi, "*đỗ*" là ngăn ngừa, dạy cho họ, giúp đỡ họ ngăn ngừa đừng tạo nghiệp lục đạo luân hồi nữa. Tạo nghiệp lục đạo luân hồi thì không cách gì tránh được thọ báo. Hôm nay chúng ta không tạo nghiệp luân hồi nữa thì sẽ không bị đọa lạc luân hồi. "*Khai thiện môn*", "*thiện môn*" là gì? Là Pháp môn vãng sanh Tịnh Độ, đây là chân thiện, những thứ thiện khác không được. Những thứ thiện khác thọ sanh vào tam thiện đạo, cái đó không phải là chân thiện, vẫn còn phải luân hồi. Cái thiện chân chánh là liễu sanh tử xuất tam giới, vãng sanh

Tịnh Độ. Nhất định phải truyền thọ pháp môn này cho họ, đây mới thật sự là "*tâm thường đế trụ độ thế chi đạo*". Bạn làm được như vậy mới gọi là chân, không phải là giả. Ý nghĩa trong phẩm kinh này, thực tế là nói không hết. Đã giảng hết nhiều ngày rồi, có rất nhiều đồng tu hỏi, bộ kinh này trong 30 ngày có thể giảng xong không? Điều cần thiết, điều quan trọng thì phải giảng kỹ, đến phần sau, khoảng một phần tư kinh văn là giới thiệu về quang cảnh của thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta đọc qua là được rồi, không cần giảng kỹ.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 6

"***Ư chư chúng sanh, thị nhược tự kỷ, chẩn tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn***".

(Đối với chúng sanh xem như chính mình, cứu giúp phò trợ, đều độ chúng sanh đến bờ giác ngộ).

Bốn câu này là một đoạn nhỏ. Trong tâm của Bồ-tát thì chúng sanh và mình thật sự là không hai, không khác. Nhìn thấy chúng sanh chịu khổ, chịu nạn thì cũng như chính mình chịu khổ, chịu nạn vậy. Cho nên, "*chẩn tế phụ hà*", tức là Bồ-tát có trách nhiệm và sứ mạng độ chúng sanh, là việc cần phải làm, là bổn phận của Bồ-tát. "*Giai độ bỉ ngạn*" là mục tiêu, giống như trong Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện nói: "Chúng sanh chưa thành Phật thì Bồ-tát thệ nguyện chưa thành Phật", nhất định phải giúp đỡ chúng sanh thành Phật trước. Có hoằng nguyện vĩ đại như thế mới là giác ngộ chân thật, giác ngộ triệt để.

"***Tất hoạch chư Phật vô lượng công đức, trí huệ thánh minh bất khả tư nghị***".

(Đều đạt được vô lượng công đức của chư Phật, trí huệ sáng suốt không thể nghĩ bàn).

"*Tất*" là khiến mỗi chúng sanh đều có được công đức viên mãn như Phật. Chúng ta thường nói đến phước huệ. Khi chúng ta thọ trì Tam Quy, chúng ta thường niệm "quy y Phật nhị túc tôn". "Nhị" là hai thứ, "túc" nghĩa là đầy đủ viên mãn, trí huệ viên mãn, phước đức viên mãn, hai thứ phước huệ đều đầy đủ. Nói đến trí huệ và phước đức thì chúng sanh chín pháp giới đều không thể sánh bằng Phật, cho dù là Đẳng Giác Bồ-tát thì phước huệ vẫn còn khiếm khuyết một phần, vẫn chưa viên mãn. Bởi vì Bồ-tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, đây là chỗ chưa viên mãn của phước đức trí huệ, nhất định phải chứng đến Phật quả viên mãn thì phước huệ mới viên mãn. Chỗ này nói chư Phật có vô lượng công đức, tức là phước huệ viên mãn. Địa vị chứng đắc bằng với chư Phật, "*trí huệ thánh minh bất khả tư nghị*".

"***Như thị đẳng chư đại Bồ-tát, vô lượng vô biên, nhất thời lai tập***".

(Vô lượng vô biên đại Bồ-tát như vậy đồng đến pháp hội).

Tất cả những vị Bồ-tát này không chỉ là của thế giới Ta-bà chúng ta, mà Bồ-tát ở thế giới phương khác càng nhiều hơn. Những đại Bồ-tát ở thế giới này và phương khác được nói ở phía trước, trí huệ đức năng của các Ngài đều ngang bằng với Phật, có bao nhiêu vị? Vô lượng vô biên. Lúc đó Thế Tôn vì chúng sanh

mà tuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ, tuyên giảng pháp môn đệ nhất Thành Phật, các Ngài nhìn thấy, nghe thấy cho nên tất cả đều đến đạo tràng để tập hội. Phần kinh văn đến đây là tán thán và nói rõ trí huệ, đức năng của các đại Tỳ-kheo, đại Bồ-tát. Đến đây là một đoạn. Tiếp theo nói:

"***Hựu hữu Tỳ-kheo-ni ngũ bá nhân***".
(Lại có năm trăm vị Tỳ-kheo-ni).

Trong pháp hội giảng kinh này của Phật có 500 nữ chúng xuất gia.

"***Thanh tín sĩ thất thiên nhân***".
(Bảy ngàn vị Ưu-bà-tắc).

"*Thanh tín sĩ*" là người học Phật tại gia, chúng ta gọi là cư sĩ. Nam chúng tại gia, nam cư sĩ có bảy ngàn người, nữ cư sĩ cũng có năm trăm người. Như vậy Tỳ-kheo-ni và hai chúng tại gia nam nữ hợp lại là tám ngàn người. Phần trước chúng ta thấy chúng đại Tỳ-kheo tham gia pháp hội này là mười hai ngàn người cộng thêm tám ngàn người này nữa thì thính chúng tham gia pháp hội của Thích-ca Mâu-ni Phật có đến hai vạn người. Số Bồ-tát của thế giới này và phương khác thì không tính, con số đó là vô lượng vô biên. Mắt thịt của chúng ta có thể nhìn thấy một số Bồ-tát, còn phần lớn thì mắt thịt của chúng ta không thể nhìn thấy được. Tuy nhiên, các Ngài đều đến tham dự đạo tràng này, pháp hội này. Đạo tràng của Thế Tôn trang nghiêm như vậy. Sau Thế Tôn, khi các đệ tử của Ngài giảng kinh thuyết pháp và nơi đạo tràng cộng tu của đại chúng thì những vị La-hán, Bồ-tát ở thế giới này và phương khác cũng thường đến tham dự những pháp hội này. Mắt thịt của chúng ta cũng không thể nhìn thấy được. Những người tham gia pháp hội này đều hiển bày sự trang nghiêm thù thắng không gì sánh bằng, khiến mỗi người chúng ta ở trong đạo tràng đều có thể pháp hỷ sung mãn. Dùng cách nói hiện nay thì người đời nay gọi là từ trường. Từ trường này không giống nhau, có sự gia trì của chư Phật Bồ-tát.

Ngoài ra còn có thiên nhân, mắt thịt của chúng ta cũng không thể nhìn thấy được những người này. "***Dục Giới thiên***" có sáu tầng trời. "***Sắc Giới thiên***" có mười tám tầng trời. Vô Sắc Giới không kể, vì Vô Sắc Giới không có hình tướng. "***Chư thiên Phạm Chúng***", "Phạm" là thanh tịnh. Tâm của thiên nhân là thanh tịnh nhất trong lục đạo, thanh tịnh hơn nhiều so với năm cõi khác.

"***Tất cộng đại hội***".
(Đồng đến dự đại hội).

Phẩm kinh này, trong phần tựa vẫn là thuộc về thông tự. Từ điểm này chúng ta có thể thấy kinh văn của bộ kinh này không dài lắm, nhưng phần tựa của nó rất dài, đích thực là cấu trúc của một bộ kinh lớn.

ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI ĐỆ TAM
PHẨM THỨ BA: ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI

Phẩm này thuộc tựa riêng biệt (biệt tự), phần tựa của kinh này có ba phẩm. Trong phẩm kinh này, Như Lai phóng quang thị hiện tướng lành, Tôn giả A-nan nhìn thấy sanh khởi tâm vô cùng hoan hỷ, đến thỉnh pháp, Đức Thế Tôn đại từ đại bi vì Tôn Giả A-nan mà nói rõ sự việc này, và như vậy đã nói ra bộ Kinh Vô Lượng Thọ đệ nhất hy hữu, quảng đại viên mãn, trực tiếp tiện lợi và cứu cánh này. Đây là đem nhân duyên thuyết kinh đặt trọn trong phẩm kinh này. Tựa kinh có ba phẩm, hai phẩm trước là **Thông Tự**, phẩm này là **Biệt Tự**. Mục đích là vì "*chánh tín*", khiến chúng ta thật sự sanh khởi tín tâm không gì bằng đối với bộ kinh điển này, với Pháp môn này. Ngẫu Ích Đại Sư nói: "*Tín nguyện trì danh là ba điều kiện trọng yếu của việc tu Tịnh Độ, thiếu một cũng không được*". Trong ba điều kiện này thì tín là điều kiện thứ nhất. Do đây có thể biết sự quan trọng của nó. Kinh văn trong bộ kinh này nói rất rõ, trong phẩm trước chúng ta đã đọc "*khai hóa hiển thị chân thật chi tế*". "*Chân thật chi tế*" tức là điều trong Quán Kinh nói: "*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*". Cho nên bộ kinh điển này, Pháp môn này có thể tin tưởng, cần phải tin tưởng. Lý luận, y cứ của nó vô cùng chân thật, không phải hư vọng. Tác dụng của bộ kinh này là dùng pháp bình đẳng để giác ngộ tất cả chúng sanh, cũng tức là nói Pháp môn khiến tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. "Pháp" là phương pháp, "môn" là cửa vào, khiến tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Chúng sanh chín pháp giới thực tế là không bình đẳng, hướng lên trên là Bồ-tát, Duyên Giác, Thanh Văn (Duyên Giác tức là Bích-chi-Phật, Thanh Văn là A-la-hán), phía dưới là lục đạo chúng sanh. Làm sao mà bình đẳng được? Trên sự mà nói thì nhất định không bình đẳng, trên mặt lý mà nói cũng không thể bình đẳng. Tuy nhiên, Phật nói lý trong bộ kinh này không phải là lý bình thường, mà là lý của pháp tánh chân thật rốt ráo viên mãn. Pháp tánh là bình đẳng. Người học Phật chúng ta, ai cũng biết là từ trong cái lý này để khai hóa ra. Cho nên Pháp môn này thật sự là thù thắng đến chỗ cùng cực. Không gì có thể sánh bằng. Không một pháp môn nào có thể so sánh với nó. Nó thật sự bình đẳng thành tựu, không phải là sự thành tựu bình thường mà là sự thành tựu viên mãn rốt ráo.

Trong kinh lại nói với chúng ta "*huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi*", tức là Phật muốn đem lợi ích chân thật ban cho chúng ta, lợi ích chân thật này là gì? Đó là **Tín Nguyện Trì Danh**, là Phật phổ biến rộng lớn bình đẳng, không phân biệt ban cho tất cả chúng sanh. Chúng ta chỉ cần y cứ vào ba điều kiện này, thực tế mà nói, chúng sanh chín pháp giới, người người đều có thể làm được ba điều kiện này. Hễ bạn chịu làm, chịu tin, chịu nguyện, chịu niệm Phật thì bạn sẽ bình đẳng được độ. Cho nên phương pháp tín nguyện trì danh là pháp bình đẳng. Chúng ta biết được 41 vị pháp thân Đại Sĩ của Hoa Tạng thế giới dùng phương pháp này để vãng sanh thế giới Tây Phương, thành Phật. Lục đạo phàm phu, thậm chí đến chúng sanh địa ngục nghe đến Pháp môn này mà có thể y giáo phụng hành thì cũng có thể vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc làm Phật. Đích thật là bình đẳng không thể nghĩ bàn. Cho nên Liên Trì Đại Sư nói: "*Việt tam kỳ ư nhất niệm, tề chư Thánh ư phiến ngôn*" (vượt ba a-tăng-kỳ kiếp trong một niệm, bằng với chư Thánh trong một lời), "việt" là siêu việt, "tam kỳ" là ba đại a-tăng-kỳ kiếp, vượt qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp tu hành. Bồ-tát bình thường tu hành ba đại a-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành Phật. Pháp môn này của chúng ta vừa niệm một câu Nam-mô A-di-đà Phật thì thành công rồi. Nói cách khác, một niệm này vượt qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp của họ, đây là nói về mặt thời gian.

"*Tề chư Thánh ư phiến dã*", "Chư Thánh" nếu luận theo Viên Giáo thì Bồ-tát Viên Giáo có 51 cấp bậc: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. Chúng ta có cần phải chứng đắc từng vị thứ hay không? Không cần. Chỉ một câu Nam-mô A-di-đà Phật là đốn siêu, trong khoảnh khắc thì thành Phật rồi. Các Pháp môn thông thường phải chứng đắc từng vị thứ một. Giống như quý vị đến giảng đường này, giảng đường này ở tầng thứ năm, lầu năm. Các Pháp môn khác phải trèo cầu thang, bậc sau cao hơn bậc trước, trèo từ bậc thứ nhất cho đến lầu thượng. Pháp môn niệm Phật là đi bằng thang máy, không cần phải leo từng bậc thang, tích tắc là đến liền, điều này quý vị có thể dễ dàng lĩnh hội được. "*Tề*" là đẳng tề, cùng địa vị với các bậc đại Thánh Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền, chỉ dùng một câu Nam-mô A-di-đà Phật là bình đẳng với các Ngài rồi. Bởi thế Liên Trì Đại Sư tán thán điều này thật là kỳ diệu đến chỗ cùng cực, thật sự là không thể nghĩ bàn. Có thể nói chúng ta vô cùng may mắn. Ngày hôm nay, cơ duyên đã thành thục rồi, duyên gì đây? Duyên làm Phật của chúng ta đã thành thục rồi, "thị tâm tác Phật" (tâm này làm Phật) rồi, nghe được bộ kinh điển cứu cánh viên mãn thành Phật này. Kinh điển này nói với chúng ta phương pháp thành Phật. Thật sự là một ngày hy hữu khó gặp từ vô

lượng kiếp đến nay. Đây là câu nói của cư sĩ Bành Tế Thanh thời nhà Thanh. Ông cũng gặp được Pháp môn này mừng vui không thể tả nổi. Bây giờ chúng ta xem phần kinh văn.

"***Nhĩ thời Thế Tôn uy quang hách diệc, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ảnh sướng biểu lý, hiện đại quang minh số thiên bá biến***".

(Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn hiện oai thần, quang minh rạng rỡ như ánh sáng của vàng được nung chảy, lại như gương sáng, trong ngoài sáng tỏ, hiện quang minh lớn, biến hiện ra cả trăm ngàn thứ).

Đoạn này là Như Lai phóng quang, hiện ra tướng lành. Chỗ này chúng ta cần đặc biệt chú ý, trong mỗi chữ đều hàm chứa ý nghĩa rất sâu, rất rộng. "*Nhĩ thời*" là lúc mọi người hội tập, thực tế mà nói cũng là nhân duyên đã đến rồi, Phật thấy nhân duyên đã thành thục rồi nên Phật muốn tuyên nói Pháp môn này cho mọi người. Mọi người có thể tin, có thể hoan hỷ tiếp thọ, y giáo phụng hành tức là duyên đã thành thục rồi. Cho nên Phật vô cùng hoan hỷ, bổn nguyện của Phật là giúp đỡ chúng sanh thoát ly sinh tử luân hồi, viên thành Phật đạo. Hôm nay duyên đã thành thục rồi, vì sao mà không hoan hỷ chứ? Niềm hoan hỷ này là lần hoan hỷ nhất trong 49 năm giảng kinh, thuyết pháp của Thế Tôn. Tâm hoan hỷ này đã đạt đến tột điểm nên xuất hiện tướng lành như vậy. "*Uy quang hách diệc*", "*uy*" là oai đức, "*quang*" là quang minh. Người thế gian thường nói, người gặp việc vui tinh thần sảng khoái. Nếu một người có niềm vui rất lớn, khi việc vui đó đến, bạn xem, tinh thần của họ có vẻ khác, mặt mày rạng rỡ. Phật cũng như vậy, lần này Phật gặp được chuyện hoan hỷ như thế, cho nên hào quang không giống như lúc bình thường. Nét mặt của Ngài rất sáng, "*như dung kim tụ*", câu này là tỉ dụ. Vàng đã đẹp lắm rồi, màu sắc óng ánh, đẹp biết bao. Nếu đem nung vàng với nhiệt độ cao cho chảy ra thì màu sắc đó lại càng đẹp hơn, không những màu sắc đẹp mắt mà lại còn óng ánh, phóng ra kim sắc quang minh, đây là tỉ dụ cho vẻ hoan hỷ của Phật. Phật nguyên là thân kim sắc, "*như dung kim tụ*" ý nói thể tướng của Phật trang nghiêm đến cực độ.

"*Hựu như minh kính*", đây cũng là tỉ dụ, như một tấm gương không nhiễm mảy trần. "*Quang minh biến chiếu*", câu này tỉ dụ cho đức dụng của Phật, Ngài khởi tác dụng, đây là tướng của dụng. Câu trước là thể tướng, câu này là tác dụng. Tướng của dụng bình thường đều không hề thấy qua, hôm nay hiển thị vô cùng đặc thù. "*Ảnh sướng biểu lý*", câu này là nói thể dụng của Ngài như như. "*Ảnh*" là ảnh tượng, "*sướng*" là không có ngăn cách, trong ngoài nhất như. "*Hiện đại quang minh, số thiên bá biến*", đây là sự biểu hiện đại dụng cụ thể. Hiện đại quang

minh, trong đại kinh thường nói: "nhất chân pháp giới, số thiên bá biến", tức là nói thập pháp giới đều từ trong ánh oai quang rực rỡ của Phật hiển hiện ra. Đây là ý nghĩa mà nó biểu đạt, Phật thị hiện như vậy là toàn thể của Phật Pháp, là hết thảy Pháp mà tất cả chư Phật thuyết cho chúng sanh, chính là chân tướng sự thật này. Hôm nay, chân tướng sự thật này, Phật không nói một lời, từ hào quang nơi thân Ngài, đều hiển lộ không sót. Đây là đức tướng viên mãn. Tôn giả A-nan là thị giả của Thích-ca Mâu-ni Phật, ngày ngày đều đi theo Phật, chưa bao giờ rời xa. Tôn giả A-nan trước đây chưa từng thấy, chưa bao giờ thấy tướng hảo trang nghiêm như hôm nay. Cho nên, Ngài cảm thấy vô cùng kỳ lạ, hy hữu, đặc thù.

"***Tôn giả A-nan, tức tự tư duy: "Kim nhật Thế Tôn, sắc thân chư căn, duyệt dự thanh tịnh, quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm, tùng tích dĩ lai, sở vị tằng kiến"***".

(Tôn giả A-nan liền tự suy nghĩ: "Hôm nay sắc thân, các căn của Thế Tôn vui sướng thanh tịnh, dung nhan rực rỡ tối thắng, hiện ra các cõi báu trang nghiêm, từ trước đến nay ta chưa từng thấy").

Ngài A-nan nói: Ngài từ trước đến nay chưa từng thấy, Phật hôm nay hiện ra tướng hảo như vậy, vui mừng như vậy. Chúng ta không thể hàm hồ lướt qua đoạn kinh văn này, trong đó hàm ý rất sâu. Sắc thân chư căn, "*chư căn*" là nói sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. "*Duyệt*" là khoái lạc, hỷ duyệt. "*Duyệt dự thanh tịnh*" (vui sướng thanh tịnh), người thế gian chúng ta khi vui mừng thì tâm họ không thanh tịnh cho nên không thể "*ảnh sướng biểu lý*". Tâm của Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ-tát rất thanh tịnh, các Ngài không vui mừng thì sắc tướng này không hiện ra. "*Quang nhan nguy nguy*", "*quang*" là quang minh, "*nhan*" là dung mạo, nguy nguy là dáng vóc cao vọi, đây là hình dung, là tán thán. "*Bảo sát trang nghiêm*", câu này là tán thán. "*Hiện đại quang minh, số thiên bá biến*", tức là y chánh trang nghiêm của mười phương cõi Phật đều từ nơi quang minh của Phật hiển hiển ra, là tán thán điều này. Đây là Thế Tôn nhìn thấy duyên của chúng sanh đã thành thục, trong tâm niệm A-di-đà Phật. Tất cả chư Phật thảy đều bội phục, đều tôn kính, đều tán thán chỗ thành tựu hạnh nguyện của A Di-đà. Đây là niệm Phật, Phật niệm Phật được oai thần bổn nguyện Di-đà gia trì, Phật cũng gia trì Phật. Phật đương nhiên hộ niệm Phật, không những là Di-đà gia trì Thế Tôn mà mười phương tất cả chư Phật Như Lai ngay lúc này đều gia trì Thích-ca Mâu-ni Phật, cho nên Thích-ca Mâu-ni Phật hiển lộ sắc tướng như vậy, thật là không gì thù thắng bằng. Đồng thời, lại niệm tất cả chúng sanh, cơ duyên thành Phật đã thành thục rồi, phải nên tuyên nói Pháp môn này. Chúng sanh hoan hỷ

được độ. Cho nên hôm nay, Phật hiện tướng này vô cùng kỳ dị đặc thù. Tôn giả A-nan cảm thán rằng mình xưa nay chưa từng thấy qua. Do đây có thể biết hào quang nơi thân Phật, hào quang nơi mặt Phật hiện nhất chân pháp giới, thập pháp giới y chánh trang nghiêm, đích thực là vô cùng hy hữu.

"***Hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm***".
(Mừng rằng được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu).

Đây là cảm tưởng của Ngài A-nan lúc nhìn thấy Thế Tôn phóng quang, hiện tướng lành. Phật hiện tướng tuyệt đối không phải là ngẫu nhiên, nhất định là có dụng ý rất sâu, khiến cho Ngài A-nan phải hỏi.

"***Tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, trường quỵ hiệp chưởng***".
(Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, quỳ gối chắp tay).

Đây là lễ tiết, thỉnh pháp với Phật, nhất định phải hành lễ trước. Ngài vốn là ngồi ở chỗ của mình nghe kinh, ngay lúc này Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật lễ bái để thỉnh pháp. "*Thiên đản hữu kiên*", là sự lễ kính nhất, cách thức của nước Ấn Độ là như vậy. Trong nghi lễ tế tự cổ xưa của chúng ta thì tế lễ là nghi lễ quan trọng nhất, dân gian thường gọi là tế tổ tiên. Quốc vương, đại thần còn phải tế trời đất, thần núi sông nữa. Sự tế lễ này không phải do người dân bình thường tế lễ, người dân bình thường là tế tổ tiên. Trong phần lễ nghi thì đây là lễ tiết long trọng nhất, cũng *thiên đản hữu kiên*, nghĩa là để lộ vai bên phải ra, vì sao? Trong lúc hành lễ, nếu được sai bảo đi làm việc gì thì động tác của bạn phải rất nhanh, rất nhạy bén, là ý nghĩa như vậy. Trong lúc đệ tử hành lễ với Phật, đôi khi Phật bảo họ đi làm việc, động tác của họ phải rất nhanh, rất tiện lợi. Cho nên trong lúc hành lễ phải lộ vai bên phải ra để bày tỏ sự tình nguyện phụng sự sư trưởng, lúc nào cũng sẵn sàng nghe lệnh sai khiến của sư trưởng, vui vẻ vì Ngài mà phục vụ, là ý nghĩa này.

"*Thiên đản hữu kiên, trường quỵ hiệp chưởng*", "*trường quỵ*", nếu quý vị nhìn kỹ, đại khái giống trong bức bích họa Đôn Hoàng. Quý vị có thể nhìn thấy chỉ quỳ một chân, đầu gối bên trái quỳ xuống, đầu gối bên phải không quỳ. Đây cũng là lễ tiết bày tỏ Phật muốn sai bảo chúng ta làm việc, đứng dậy dễ dàng, động tác nhanh nhẹn, là ý nghĩa sẵn sàng nghe lệnh để phục vụ. "*Hiệp chưởng*" bày tỏ sự cung kính nhất tâm. Bình thường, cái tâm này hay tán loạn, có vọng tưởng tạp niệm. Mười đầu ngón tay biểu thị vọng tưởng tạp niệm, "*hiệp chưởng*" là đem nó hợp lại thành một, bày tỏ sự nhất tâm, cho nên tất cả vọng tưởng, tạp

niệm đều buông xả hết, chuyên tâm nghe thầy sai bảo. Cho nên "hiệp chưởng" mang ý nghĩa bày tỏ sự tôn kính nhất tâm.

"***Nhi bạch Phật ngôn***".
(Bạch Đức Phật rằng).

"*Bạch*" là người dưới đối với người trên, là ngôn từ cung kính.

"***Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo. Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm. Vi niệm quá khứ vị lai chư Phật da? Vi niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà cố uy thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ, nguyện vị tuyên thuyết***".
(Hôm nay Thế Tôn vào đại tịch định, an trụ trong pháp đặc biệt, trụ hạnh Đạo sư của chư Phật trụ, là đạo tối thắng. Quá hiện vị lai, Phật Phật nhớ nhau. Thế Tôn là nhớ chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai hay nhớ chư Phật hiện tại phương khác? Vì sao lại hiện oai thần sáng đẹp, hào quang tốt lành, tuyệt diệu đến như vậy, cúi xin Đức Thế Tôn chỉ dạy).

Trong đoạn này, chúng ta thấy những câu Tôn giả A-nan nói là sự phán đoán của Ngài, chắc chắn Ngài đã theo hầu Phật một thời gian khá dài nên Tôn giả A-nan có thể dự liệu được một số động tác của Phật. Tướng vì sao lại tốt đẹp như vậy? Quý vị nên biết, người thế tục thường nói tướng do tâm chuyển. Người coi tướng số cũng nói tướng do tâm chuyển. Nói cách khác, người có tâm tốt thì tướng của họ sẽ rất tốt. Một người rất từ bi thì tướng đó có dáng vẻ của từ bi. Nếu tâm người xảo quyệt gian trá thì tướng đó là bất thiện, nhìn thấy sẽ sợ hãi. Điều này nói rõ, tướng đích thật là từ tâm mà chuyển.

Bởi thế, người xưa nói: "Tướng mạo con người sau 40 tuổi phải do chính mình chịu trách nhiệm. Tướng mạo trước năm 40 tuổi, thế gian chúng ta gọi là do cha mẹ di truyền". Kỳ thật, câu nói này theo nhà Phật thì giảng không thông. Trong nhà Phật nói: "Tướng mạo của bạn thay đổi như thế nào là do bạn lúc đầu thai, bạn với cha mẹ có duyên, không có duyên sẽ không đến đầu thai, có duyên gặp được thì sanh tâm hoan hỷ, ưa thích cha mẹ, ưa thích tướng mạo của cha mẹ". Bạn xem, tướng mạo đó chẳng phải là duy tâm sở biến sao? Cho nên tướng mạo đứa bé vừa sanh ra rất giống cha mẹ là do lúc đầu thai tâm chúng tưởng mà sanh ra, sự việc là như vậy. Không phải do di truyền, không phải cha mẹ có tướng gì thì trẻ có tướng đó, mà là do tâm của đứa bé ưa thích tướng của cha mẹ nên lấy cái tướng đó. Sau khi ra đời, trong 40 năm thì đối với cha mẹ lãnh đạm dần. Điều này chúng ta có thể hiểu được, trẻ nhỏ bám theo cha mẹ quấn quýt không rời. Sau

khi trưởng thành, tâm luyến ái của nam nữ, tâm yêu sự nghiệp sanh khởi thì tâm đối với cha mẹ sẽ lợt lạt đi. Do đó, sau 40 tuổi tướng mạo của nó sẽ thay đổi. Cho nên tướng mạo của một người lúc thiếu niên, lúc tráng niên, lúc tuổi già có thể biến đổi, biến đổi thế nào? Tâm biến. Nếu được sự giáo dục tốt, con người tâm địa đoan chánh, thiện lành thì tướng mạo của họ sẽ biến thành rất đoan trang, rất từ bi. Cho nên nói sau 40 tuổi, tướng mạo phải do chính mình chịu trách nhiệm.

Hôm nay Thế Tôn hiện tướng thù thắng không gì sánh bằng thì tâm này cũng là thù thắng đệ nhất không gì sánh bằng. Vì sao? Phật đều niệm Phật, niệm A-di-đà Phật, niệm tất cả chư Phật. Đây không phải là sự trang nghiêm của một vị Phật, mà là hết thảy sự trang nghiêm của vô lượng chư Phật đều tập trung vào sắc tướng của Phật mà hiển hiện ra. Điều này đương nhiên rất hy hữu. Cho nên khi A-nan tán thán "*Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định*", "tịch định" là thọ dụng, là hưởng thụ. "*Đại tịch định*" này là gì? Là niệm Phật Tam-muội. Hôm nay, Phật nhập niệm Phật Tam-muội.

"*Trụ kỳ đặc pháp*", "*kỳ*" là hiếm lạ, "*đặc thắng*" là thù thắng không gì sánh bằng. Nghĩa là sẽ đem Pháp môn bình đẳng thành Phật tuyên bố cho tất cả chúng sanh, trong tâm Phật chuẩn bị như vậy, đây tức là "*trụ kỳ đặc pháp*". "*Trụ chư Phật sở trụ*", Pháp môn niệm Phật là Pháp môn đệ nhất mà mười phương ba đời tất cả chư Phật dùng để độ chúng sanh thành Phật đạo, đây là "*trụ chư Phật sở trụ*".

"*Đạo sư chi hạnh*", "*đạo*" là dẫn đường, dẫn đường tất cả chúng sanh ngay trong đời này bình đẳng thành Phật.

"*Tối thắng chi đạo*", "*đạo*" là con đường, cũng chính là phương pháp tu hành chứng quả, "*tối thắng*" tức là tối thù thắng. Đương nhiên đây là chỉ cho Pháp môn niệm Phật. Pháp môn niệm Phật là chỗ tu của tất cả chư Phật, chỗ hoằng dương của tất cả chư Phật. Hôm nay, Thế Tôn niệm những gì Di-đà niệm, hành những gì Di-đà hành, cảm ứng đạo giao với A-di-đà Phật, với tất cả chư Phật. "*Khứ lai hiện tại*", "*khứ*" là quá khứ, "*lai*" là vị lai, hiện tại, đây là nói ba đời chư Phật. Phật Phật đều niệm lẫn nhau, Phật Phật đều niệm Phật, Phật Phật niệm lẫn nhau, hầu như không một vị Phật nào không niệm A-di-đà Phật, tất cả chư Phật đều cùng niệm A-di-đà Phật. Phật mà còn niệm Phật huống hồ là chúng ta.

"*Vi niệm quá khứ vị lai chư Phật da?*", thực tế là "Phật Phật đạo đồng". Trong đại kinh, chúng ta thường thấy "*thập phương nhất thiết Phật, cộng đồng*

nhất pháp thân" (tất cả chư Phật trong mười phương cùng đồng một pháp thân), "*sanh Phật bất nhị, sanh Phật nhất thể*" (chúng sanh và Phật không hai, chúng sanh và Phật là một thể). Trong kinh Hoa Nghiêm nói rằng: "*Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí*" (các loài hữu tình hay vô tình đều có chung chủng trí - bản thể sáng suốt thanh tịnh). Đây chính là nói rõ tất cả vạn pháp thể dụng nhất như, cho nên Phật niệm Phật là điều rất bình thường, pháp vốn như vậy. Điều này quả thật A-nan đã đoán trúng. Thế Tôn hôm nay niệm Phật, tuy nhiên A-nan không biết Thế Tôn niệm vị Phật nào, Ngài không biết cho nên mới đặt ra câu hỏi này.

"*Hà cố oai thần hiển diệu*", là oai đức thần minh của Phật.

"*Quang thụy thù diệu nãi nhĩ*", "*nãi nhĩ*" là như tướng lành hiện đang hiển thị.

"*Nguyện vị tuyên thuyết*", đây là lời thỉnh pháp. Không những Tôn giả A-nan mong Phật thuyết minh cặn kẽ cho Ngài mà mọi người dự hội chẳng một ai không có nguyện vọng này, là cầu Phật khai thị. Đến đoạn này là Tôn giả A-nan thỉnh pháp, Phật vô cùng từ bi, hữu cầu tất ứng. A-nan khải thỉnh, làm gì có đạo lý không nói chứ, không khải thỉnh cũng phải nói, huống hồ A-nan đứng ra khải thỉnh.

"***Ư thị Thế Tôn cáo A-nan ngôn: "Thiện tai, thiện tai"***".
(Bấy giờ Đức Phật bảo tôn giả A-nan: "Lành thay! Lành thay!").

Trước khi thuyết minh, Thế Tôn tán thán câu hỏi của Tôn giả A-nan, "*Thiện tai, thiện tai*" hai lần, "*thiện tai*" này có ý nghĩa rất sâu. "*Thiện tai, thiện tai!*", dùng cách nói của thời nay là rất hay! Rất hay! Câu hỏi đó rất hay. Ý nghĩa thứ nhất là *xứng cơ*: Ông hỏi thật đúng lúc, cơ hội thành Phật của tất cả mọi người thành thục rồi, ông đã hỏi thì ta phải nói ra phương pháp bình đẳng thành Phật. Cho nên Phật khen Ngài A-nan rằng: "Ông hỏi thật rất hay! Rất hay!". Ý nghĩa thứ hai là gì? Là sự cảm thọ của chính Phật, thọ dụng của Phật. Phật hôm nay thật là hoan hỷ, lúc nào Phật cũng muốn tuyên nói Pháp môn này nhưng cơ duyên chưa thành thục nên Phật mỗi ngày đều chờ đợi, quả thật chờ được rồi. Hôm nay duyên đã thành thục rồi. Điều này vui mừng biết chừng nào. Đem pháp môn mà Phật ấp ủ trong tâm bấy lâu nay muốn nói ra, hôm nay được thổ lộ ra cho mọi người, xứng với bản hoài của Phật, đây thật là vui mừng không gì sánh bằng. Cho nên tán thán "Thiện tai! Thiện tai!". Đây cũng là điều đáng để chúng ta học tập. Chúng ta phải hướng về Ngài A-nan mà học tập.

"***Nhữ vị ai mẫn lợi lạc chư chúng sanh cố, năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa***".

(Ông vì thương xót, muốn làm lợi lạc cho các chúng sanh, mới hỏi điều vi diệu như vậy).

Câu này của Thế Tôn, thực tế mà nói, cũng vì chúng ta mà thổ lộ ra một chút tin tức. Ngài A-nan không phải người thường, trong pháp hội, Ngài thị hiện làm đệ tử của Phật, chứng quả vị không cao, chỉ chứng địa vị Sơ Quả Tu-đà-hoàn. Trong kinh Lăng-nghiêm chúng ta thấy Ngài chỉ chứng đắc quả vị Tu-đà-hoàn, là Sơ Quả Tiểu Thừa, trên thực tế thì sao? Tôn giả A-nan cũng là Đẳng Giác Bồ-tát tái lai, không phải là người thường, không khác với Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền. Lần này lên đài biểu diễn, vai diễn của Ngài được phân làm thị giả của Thích-ca Mâu-ni Phật. Trên sân khấu Ngài biểu diễn thân phận này, còn phía sau sân khấu Ngài là đại Bồ-tát đến để diễn vở tuồng này, thật là một Phật xuất thế, ngàn Phật ủng hộ. Những vị đệ tử này của Phật đều không phải là người bình thường. Việc này Phật đã tiết lộ tin tức cho chúng ta rồi, ông đến hỏi câu này là vì: "*ai mẫn lợi lạc chư chúng sanh*". "*Chư chúng sanh*" này đặc biệt chỉ lục đạo chúng sanh, lục đạo chúng sanh quá khổ, sanh tử luân hồi, khổ nạn vô biên. Ông phát khởi lòng đại từ bi thương xót họ, ông vì họ mà thỉnh pháp, "*năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa*". Câu "*như thị vi diệu chi nghĩa*" là chỉ cho bộ kinh Vô Lượng Thọ này, [bộ kinh] mà Phật muốn tuyên giảng cho chúng ta, công đức mà ông hỏi thật rất lớn. Câu hỏi của ông đã hỏi ra bộ kinh Vô Lượng Thọ, hỏi ra Pháp môn chúng sanh bình đẳng thành Phật, công đức này thật rất lớn.

"***Nhữ kim tư vấn***".

(Lời thưa hỏi của ông hôm nay).

Hôm nay ông hỏi câu này, nêu ra vấn đề này.

"***Thắng ư cúng dường nhất thiên hạ A-la-hán, Bích-chi-Phật***".

(Thù thắng hơn cúng dường các bậc A-la-hán, Bích-chi-Phật trong một thiên hạ).

"Thắng" là vượt qua, thù thắng hơn cúng dường "*nhất thiên hạ*", chữ "nhất thiên hạ" này giảng như thế nào? Phật nói với chúng ta, thế giới mà chúng ta đang ở là lấy núi Tu-di làm trung tâm. Đỉnh núi Tu-di là trời Đao-lợi, là chỗ ở của Đao-lợi Thiên Chủ. Bốn mặt xung quanh lưng chừng núi Tu-di là chỗ ở của Tứ Đại Thiên Vương. Nơi chúng ta ở gọi là tiểu châu, là một tiểu tinh cầu xoay vòng theo trung tâm. "*Nhất thiên hạ*" tức là một phần tư của toàn thể đại vũ trụ, số lượng

này thật rất nhiều. Phật nói về đơn vị thế giới này, trước đây chúng ta cứ ngỡ là thái dương hệ. Phía sau phần chú giải Kinh Vô Lượng Thọ lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có một bài văn, tôi đã bổ sung ở phía sau. Đây là cách nhìn của ông, ông đã đưa ra ý kiến này. Phật trong kinh nói đến đơn vị thế giới này không phải là thái dương hệ, vì sao? Phật nói rất rõ: Mặt trời, mặt trăng đều quay vòng theo núi Tu-di, như vậy thì mặt trời đương nhiên không thể xem là trung tâm được. Nếu theo cách nói này thì có thể nói được viên mãn hơn, chính là ngày nay chúng ta gọi là hệ Ngân Hà. Đích thực mặt trời của chúng ta xoay vòng quanh trung tâm của hệ Ngân Hà. Người Trung Quốc gọi trung tâm hệ Ngân Hà là Hoàng Cực. Trái đất này có nam cực, bắc cực. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cho rằng đó mới là núi Tu-di, theo cách nói như vậy thì phạm vi sẽ rất lớn. "*Nhất tứ thiên hạ*" chính là một hệ ngân hà, còn *Nhất thiên hạ* này chính là một phần tư hệ Ngân Hà. Quý vị thử nghĩ xem, phạm vi này lớn biết chừng nào. Hệ ngân hà trong kinh nói chỉ là con số đại khái, không phải là con số chính xác, 100 ức thái dương hệ, một phần tư của 100 ức thái dương hệ là 25 ức thái dương hệ, con số lớn như vậy.

A-la-hán, Bích-chi-Phật đều là những người chứng quả Tiểu Thừa, cúng dường các bậc Thánh của Tứ Quả trở lên thì phước báo đó thật rất lớn. Cúng dường không phải một lần, không phải một ngày, không phải cúng dường một năm, mà là "***bố thí lũy kiếp***" (nhiều kiếp bố thí), mỗi ngày cúng dường, tích lũy một kiếp, hai kiếp, lũy kiếp… Phước báo của người đã tu, chúng ta thật vô phương tưởng tượng, chỉ có thể dùng bốn chữ không thể nghĩ bàn để hình dung mà thôi. Đây là cúng dường các bậc Thánh, phần sau vẫn còn có "***chư Thiên nhân dân***" (các trời, người), đây thì lại càng nhiều hơn nữa, "***quyên phi nhuyễn động chi loại***" (các loài bò bay máy cựa). Như thế, một câu này đã bao hàm hết lục đạo chúng sanh rồi. Trong chín pháp giới, ngoài Bồ-tát ra, còn tám pháp giới, Duyên giác, Thanh Văn, phía dưới là lục đạo. Đối tượng bố thí nhiều kiếp là tám pháp giới.

"***Công đức bá thiên vạn bội***".
(Công đức hơn trăm ngàn vạn lần).

Câu hỏi của ông vừa hỏi, so với một người tu những công đức như trên thì công đức của ông so với họ trội hơn trăm lần, ngàn lần, vạn lần.

Đoạn này, quý vị phải nghe cho thật kỹ, nghiền ngẫm cho thật kỹ thì mới có thể đạt được gần giống cảnh giới đó, bởi vì cảnh giới quá lớn. Chúng ta có thể tin

được không? Phật biết chúng ta không thể tin nên lại đem đạo lý này tuyên nói với chúng ta.

"***Hà dĩ cố***" là vì sao vậy? Vì sao công đức của câu hỏi này lại lớn như vậy?

"***Đương lai chư Thiên nhân dân, nhất thiết hàm linh, giai nhân nhữ vấn, nhi đắc độ thoát cố***".

(Các trời, người và tất cả hàm linh đời sau đều nhân lời hỏi của ông hôm nay mà được độ thoát).

Phật đã nói ra đạo lý này, đây là sự thật, công đức này quả thật vượt hơn công đức bố thí cúng dường của người mà đoạn trên đã nói, đương nhiên không thể bì được. Vì câu hỏi của A-nan mà Phật nói ra Pháp môn này. "*Đương lai*" là tương lai, *"chư Thiên nhân dân",* là chỉ cho lục đạo chúng sanh. Trong lục đạo, "*nhất thiết hàm linh*" là tất cả chúng sanh hữu tình, nếu họ nghe đến Pháp môn này thì không một người nào mà không được độ, y theo Pháp môn này tu học thì vĩnh viễn thoát luân hồi, vãng sanh bất thoái thành Phật, một đời được thành tựu. Công đức như thế, đương nhiên người bố thí trong nhiều kiếp được nói ở phần trên không thể sánh bằng. Đoạn này giống với câu "*nhất thiết cúng dường trung, pháp cúng dường tối*" (trong tất cả cúng dường thì cúng dường pháp là thù thắng nhất) mà Phổ Hiền nói trong phần Quảng Tu Cúng Dường của phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Cúng dường tài vô lượng vô biên đều không lớn bằng công đức cúng dường pháp, là cùng một đạo lý. Cho nên chúng ta muốn tích lũy công đức, tu phước đức chân thật thì phải biết bố thí, biết cúng dường, đặc biệt là phải biết bố thí pháp, cúng dường pháp. Công đức này là vô lượng vô biên.

Phần sau vẫn là Thế Tôn tán thán Ngài A-nan. Đây là gọi ***A-nan***, trong kinh hễ Phật gọi tên của người nào thì phần khai thị sau đó nhất định rất quan trọng. Gọi đến tên là đánh thức Ngài, bảo Ngài đặc biệt chú ý. Chúng ta thấy trong kinh có danh từ này thì chúng ta phải đặc biệt đề cao cảnh giác.

"***A-nan! Như Lai dĩ vô tận đại bi, căng ai tam giới, sở dĩ xuất hưng ư thế. Quang xiển đạo giáo, dục chẩn quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi, nan trị nan kiến, như Ưu-đàm hoa, hy hữu xuất hiện. Nhữ kim sở vấn, đa sở nhiêu ích***".

(Này A-nan! Như Lai vì lòng đại bi vô tận, thương xót ba cõi nên xuất hiện ở đời, tuyên dương giáo pháp là muốn cứu bạt quần manh, ban cho lợi ích chân thật, khó gặp khó thấy, như hoa Ưu-đàm hiếm khi xuất hiện. Lời hỏi hôm nay của ông có lợi ích rất lớn).

Đoạn này là chính Phật nói ra ý nghĩa bản hoài xuất thế của Phật. Vì sao Phật lại đến thế giới này? Xuất hiện ở thế gian này để làm gì? Nếu chúng ta thường xuyên tự hỏi mình thì chúng ta sẽ khai ngộ, có mấy ai thường tự hỏi vì sao ta đến thế gian này? Ta đến thế gian này để làm gì? Quý vị đồng tu có khi nào tự hỏi không? Nếu thường xuyên đặt vấn đề này thì dù ở thế giới phồn hoa này cũng không dễ bị mê hoặc. Đời nhà Đường, Trí giả Đại Sư nói: "*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di-đà bổn nguyện hải*" (sở dĩ đức Như Lai xuất hiện ở thế gian chỉ vì muốn nói biển bổn nguyện của Phật Di-đà), câu nói này của Ngài là từ đoạn kinh văn này mà ra. Phật vì sao lại xuất hiện tại thế gian? Vì muốn nói rõ cho chúng ta Pháp môn vãng sanh bất thoái thành Phật. Đã vì điều này, vậy sao Phật không sớm nói ra, lại phải nói nhiều kinh điển như thế? Đây là đạo lý gì vậy? Là vì cơ duyên chưa thành thục, vì khi Phật nói ra, mọi người không tin, mọi người không nghe thì không còn cách gì nữa. Cho nên Phật nhất định phải chờ cơ duyên, đợi đến khi duyên thành thục, mọi người có thể tin, có thể tiếp nhận, chịu phát nguyện tu hành thì lúc này Phật mới nói ra. Cho nên chỗ này Phật rất cảm khái mà nói rằng: "*Như Lai lấy lòng đại bi vô tận*". "Đại từ bi" là từ bi bình đẳng, từ bi không bình đẳng thì không gọi là đại từ bi. Lòng từ bi không có phân biệt, không có giới hạn thì gọi là từ bi bình đẳng. Phật là đại từ đại bi vô tận.

"*Căng ai tam giới*", "tam giới" tức là lục đạo, "tam giới" là nói Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới. Trong Dục giới có trời Dục giới, a-tu-la, người, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Những cõi này đều ở trong Dục giới. Sắc giới là thiên nhân, Vô Sắc giới cũng là thiên nhân. Cho nên nói tam giới chính là lục đạo. Phật thương xót lục đạo chúng sanh. Cõi trời không cứu cánh, cho dù sanh lên Vô Sắc giới Phi Tưởng Phi Phi Tưởng thiên, thọ mạng tám vạn đại kiếp, nhưng khi thời gian đến, họ mất đi định lực thì vẫn phải đọa lạc trở xuống. Bởi vì phía trên không còn nữa, đương nhiên phải đọa lạc trở xuống, cho nên không cứu cánh. Nói cách khác, vẫn phải chịu khổ luân hồi. Điều này Phật đã giảng vô cùng tường tận trong các kinh điển Đại Thừa. Phật vì thương xót phàm phu trong lục đạo cho nên xuất hiện ở thế gian. Trong phàm phu có người thông minh, không phải không có. Ai là người thông minh? Biết thế gian là khổ, rất muốn ra khỏi luân hồi, nhưng lại không có phương pháp. Thời xưa, ở Ấn Độ cổ xưa, lịch sử của chúng ta gọi là quốc gia của tôn giáo, tôn giáo ở Ấn Độ thời xưa là phát triển nhất. Lúc Thế Tôn còn tại thế, ở Ấn Độ có 96 tôn giáo nổi tiếng. Những người này đều là người thông minh, đều muốn liễu thoát sinh tử luân hồi. Đại đa số các tôn giáo nghĩ rằng trời là cứu cánh, sanh lên thiên đường có lẽ không còn chuyện gì nữa, sẽ

không còn sanh tử, sẽ không còn khổ não, coi trời như là cứu cánh. Thế nhưng trời có rất nhiều tầng bậc khác nhau. Phật nói trời có 28 tầng. Có một số tôn giáo lấy mục tiêu là trời Đao-lợi, một số tôn giáo là trời Sắc Giới, một số tôn giáo là trời Đại Phạm. Cho thấy trí huệ và công phu của họ đích thực có cao thấp bất đồng. Cho dù đến được trời Phi Phi Tưởng là tầng cao nhất nhưng vẫn không cứu cánh. Phật vì những chúng sanh này mà xuất hiện ở thế gian. Bạn có chí muốn ra khỏi tam giới thì Phật đến giúp đỡ bạn ra khỏi tam giới, đây là lý do duy nhất mà Phật xuất hiện tại thế gian.

"*Quang*" là trí huệ, "*xiển*" là xiển dương, Phật dùng trí huệ chân thật nói rõ cho chúng ta biết chân tướng sự thật này, chân tướng của lục đạo luân hồi, chân tướng của thập pháp giới. Chữ "*đạo*" này là chân tướng, "*giáo*" là giáo học, giáo hóa. Đem những đạo lý, những chân tướng sự thật này chỉ dạy cho chúng ta.

"*Dục chẩn quần manh*" là chẩn tế chúng sanh, "*manh*" là chúng sanh mê hoặc điên đảo, muốn thoát ly mà không có phương pháp, những người này là đối tượng chỉ dạy của Phật. Bởi vì họ đã giác ngộ được thế gian là khổ, đã biết được cái khổ của luân hồi, tâm luôn muốn rời khỏi. Phật xuất hiện là muốn độ họ.

"*Huệ dĩ chân thật chi lợi*", lợi ích chân thật nhất, nhất định là không quanh co, vòng vo. Điều mà hôm nay Phật nói với chúng ta là con đường thành Phật trực tiếp, vững vàng, nhanh chóng, rốt ráo, viên mãn. Lợi ích chân thật này chính là chỉ **Tịnh Độ tam kinh**. Quý vị phải hiểu Tịnh Độ tam kinh chính là lợi ích chân thật. Nếu đem quy nạp lợi ích chân thật này lại thì chính là sáu chữ hồng danh, phàm Thánh chín giới bình đẳng cùng tu, bình đẳng thành tựu. Tính chất của tam kinh, người niệm Phật chúng ta không thể không biết.

Kinh Vô Lượng Thọ là khái luận của Tịnh Tông, nói cho chúng ta biết chân tướng của vũ trụ nhân sinh, nói rõ y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Còn **Kinh Quán Vô Lượng Thọ**, Phật nói cho chúng ta về nguyên lý, lý luận, phương pháp tu hành của Tịnh Tông: Quán tưởng niệm Phật, quán tượng niệm Phật, trì danh niệm Phật đều nằm trong mười sáu phép quán. Cho nên đây là dạy cho chúng ta phương pháp. Đặc biệt trước khi áp dụng phương pháp thì phải đặt nền tảng tu học. Nền tảng là Tam Phước, Lục Hòa. Từ nền tảng này mà tu Pháp môn niệm Phật, bạn dùng quán tưởng, quán tượng, trì danh đều có thể được, mà trì danh là tiện lợi nhất.

Trong tam kinh thì Kinh A-di-đà được nói sau cùng. Nội dung của **Kinh A-di-đà** là Thế Tôn tận tình khuyên dạy chúng ta nên cầu sanh thế giới Cực Lạc. Trong kinh này đã bốn lần khuyên nhủ, khuyên chúng ta phải tin, phải phát nguyện, phải niệm Phật.

Ba bộ kinh này là cùng một hệ thống, phân lượng của tam kinh không dài, là kinh điển viên mãn của Tịnh Tông, là chỗ nương tựa chân chánh, là lợi ích chân thật của người niệm Phật chúng ta.

"*Nan trị nan kiến*", "*trị*" là gặp được, quả thật là không dễ gặp được, không dễ thấy được. Kinh điển này từ xưa đến nay số lượng lưu thông không lớn. Cư sĩ Mai Quang Hy đã nói rất tỉ mỉ nguyên nhân này trong phần tựa của bộ kinh này, quý vị xem sẽ hiểu ngay. Những năm gần đây, chúng ta nhờ sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, việc lưu thông tuy thù thắng hơn nhiều so với trước kia nhưng trong toàn thể Phật môn, số người tu hành nghe được bộ kinh này mà hoan hỷ tín thọ, y giáo phụng hành vẫn chỉ là thiểu số, nguyên nhân gì vậy? Nhất định phải là cơ hội thành Phật đã thành thục thì họ gặp được mới sanh tâm hoan hỷ, nếu cơ duyên thành Phật vẫn chưa thành thục thì cho dù họ có gặp cũng rất khó sanh khởi tâm hoan hỷ. Trong số đông đảo chúng sanh có được mấy người muốn ngay trong đời này thành Phật. Quý vị hãy tỉ mỉ mà xem được mấy người có dáng vẻ muốn thành Phật? Đương nhiên là thiểu số. Đạo lý là ở chỗ này. Quay đầu lại, chúng ta thấy mình thật may mắn. Chúng ta chính là một trong số mấy người thiểu số đó, thật là điều hiếm có, thật sự không dễ dàng.

"*Nan trị nan kiến, như Ưu-đàm hoa*", hoa ưu-đàm hiện trong chốc lát, thời gian hoa Ưu-đàm nở rất ngắn, tỉ dụ cho Pháp môn này không dễ gặp, vô cùng hy hữu. Thế Tôn trong kinh này nói với chúng ta, tương lai Phật pháp bị diệt tận thì bộ kinh này, Pháp môn niệm Phật này vẫn còn lưu truyền 100 năm, bị tiêu mất sau cùng, cho thấy công đức của kinh này quả thật là vô lượng vô biên.

"*Hy hữu xuất hiện. Nhữ kim sở vấn, đa sở nhiêu ích*", A-nan hỏi câu này có lợi ích thật vô biên. Phật nói những lời này không một chút quá đáng. Chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu rõ sự thật này, chúng ta phải luôn luôn nghĩ đến, luôn luôn ghi nhớ để có thể đem Pháp môn này giới thiệu, tiến cử cho người khác thì lợi ích đó không hai không khác với lợi ích của lời khải thỉnh của A-nan. Đây đều là chân thật, huống chi chúng ta lại in ấn lưu thông, in được càng nhiều càng tốt. Hiện nay, ngoài bản kinh được lưu hành ra còn lưu hành băng thu âm, băng ghi hình, công đức đó không hai không khác với lời Phật đã nói ở đây. Cho nên khi

chúng ta thấy cũng đừng quá ngưỡng mộ: Ôi chao! Vận may của A-nan thật tốt. Chỉ một câu hỏi mà được công đức lớn như vậy. Chúng ta không được thời vận này, không có cơ hội này. Kỳ thật chúng ta có, chính là ngay trước mắt. Hễ bạn có tâm, tự mình có ý chịu làm thì công đức của bạn cũng giống như A-nan. Ngài có cơ hội, chúng ta cũng có cơ hội, chúng ta không thua A-nan, phải hiểu như vậy. Tiếp theo Thế Tôn trực tiếp trả lời tỉ mỉ cho Ngài nghe. Tuy nhiên, nghe kinh phải hội đủ điều kiện, không đủ điều kiện thì có nghe cũng uổng công. Chúng ta hãy xem Phật yêu cầu người nghe kinh như thế nào?

"***A-nan đương tri, Như Lai Chánh Giác, kỳ trí nan lượng, vô hữu chướng ngại***".

(A-nan nên biết: Trí Chánh Giác của Như Lai rất khó suy lường, không gì làm chướng ngại được).

Đoạn văn này thoạt xem hình như Phật tự khen mình, vì sao? Không ai có thể biết công đức của Phật, không ai có thể khen ngợi, nên Phật đành phải tự nói ra. Hy vọng chúng ta có thể hiểu Ngài nhiều hơn, biết rõ Ngài nhiều hơn một chút, lòng tin của chúng ta đối với Phật có thể tăng trưởng, chúng ta phải nghiêm túc ghi nhớ những lời Ngài giảng để học tập, dụng ý của Ngài là ở chỗ này. Câu thứ nhất là nói về trí huệ của Phật, trí huệ của Phật là trí huệ sẵn có trong chân tâm bổn tánh của tất cả chúng sanh chúng ta. Chúng ta mê nên trí huệ không thể hiện tiền, Phật là đại giác không mê nên đức năng của bổn tánh hoàn toàn hiển lộ ra, không có chút chướng ngại nào. *Phật trí* tức là trí huệ vốn đầy đủ của chúng sanh, điều này phải biết. Dưới đây cử một ví dụ, từ ví dụ này có thể lĩnh hội được trí huệ đức năng của Ngài đích thật là không thể nghĩ bàn.

"***Năng ư niệm khoảnh***".

(Có thể trong một niệm).

"*Niệm khoảnh*" là nói thời gian vô cùng ngắn tạm, là một niệm, một sát-na.

"***Trụ vô lượng ức kiếp***".

(An trụ vô lượng kiếp).

Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Có thể biến thời gian rất ngắn thành thời gian rất dài. Trong Hoa Nghiêm nói: "*Niệm kiếp viên dung*". Phật có thể dùng khoảnh khắc một niệm biến thành vô lượng kiếp, lại có thể đem vô lượng kiếp biến thành một niệm khoảnh, một sát-na. Trên mặt thời gian được đại tự tại, tự tại về không gian thì không cần phải nói nữa. Được tự tại về thời gian, việc này

thật không dễ hiểu. Làm sao có thể rút ngắn thời gian được? Kỳ thật thì sự thật này cũng không khó lĩnh hội. Tỉ dụ như một người nằm mộng, Trung Quốc có ghi chép truyện Giấc Mộng Hoàng Lương (giấc mộng kê vàng), có lẽ nhiều người đã đọc qua. Bạn xem thời gian mà người đó nằm mộng rất ngắn, trong mộng thấy đã trải qua mấy mươi năm, khi tỉnh dậy, cháo kê còn chưa nấu chín. Hạt kê là một loại gạo kê, lúc lấy kê nấu cháo thì ông ngủ gục nằm mơ, trong giấc mơ thấy đã trải qua mấy mươi năm. Đến khi tỉnh lại, nồi cháo kê ông nấu vẫn chưa chín. Đây há không phải là mấy mươi năm thu ngắn trong vài chục phút đó sao? Do đó, chúng ta có thể lĩnh hội sự việc này là có thể, không phải là không thể. Cho nên, con người có thể trở về quá khứ, cũng có thể sớm đi vào tương lai. Hiện nay, trong tiểu thuyết khoa học giả tưởng nói về đường hầm của thời gian và ánh sáng, đây là sự ảo tưởng của một số người. Tất cả pháp từ tâm tưởng mà sanh ra, người này suy tưởng như vậy thì tương lai có thể biến thành sự thật, vì hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh mà. Cho nên bản năng này, đức năng tự tánh này của chúng sanh siêu việt thời gian, không gian.

"***Thân cập chư căn vô hữu tăng giảm***".
(Thân và các căn không có tăng giảm).

"*Vô hữu tăng giảm*" tức là bất sanh bất diệt. Có sanh diệt là có tăng giảm. Không sanh không diệt, siêu việt thời gian không gian thì không có đến đi. Đây đều là bản năng của tánh đức, Phật đã chứng đắc rồi cho nên Ngài thị hiện rất tự tại, không có gì chướng ngại, đây là nói trên sự.

"***Sở dĩ giả hà***".
(Vì sao vậy?).

Vì sao Phật có đức năng như thế? Trong kinh Hoa Nghiêm nói rất tỉ mỉ, rất thấu triệt loại năng lực này, đó là Tứ Vô Ngại Pháp Giới. Thanh Lương Đại Sư nói với chúng ta: "*Sự vô ngại, lý vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*", đây là nhất chân pháp giới. Chúng ta học Phật, chúng ta muốn thành tựu, thành tựu điều gì? Thành tựu là hy vọng chúng ta có thể chứng đắc pháp giới vô ngại, chúng ta có thể khế nhập vào pháp giới vô ngại, giống như chư Phật Như Lai và đại Bồ-tát, trí huệ thần thông đều rất tự tại. Có thể đạt được không? Được. Vì sao có thể được? Bởi vì là bản năng của chúng ta, nó vốn sẵn có, nên đương nhiên có thể chứng đắc. Bồ-tát Mã Minh trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: "*Bổn giác bổn hữu, bất giác bổn vô*" (bổn giác vốn có, bất giác vốn không). **Vốn có đương nhiên có thể chứng đắc, vốn không đương nhiên có thể phá trừ đi.** Phiền não

tập khí vọng tưởng của chúng ta vốn là không có, vốn đã không có thì sao lại không đoạn được chứ? Vốn không có thì nhất định có thể đoạn dứt, vốn sẵn có thì nhất định có thể khôi phục, có thể chứng đắc. Chúng ta từ chỗ này xây dựng lòng tin. Phật ở chỗ này biểu diễn cho chúng ta xem, thị hiện cho chúng ta thấy, "*sở dĩ giả hà?*". Phần dưới giải thích:

"***Như Lai định huệ, cứu sướng vô cực***".

(Định huệ của Như Lai thông đạt vô cùng), là đạo lý như vậy.

Định, huệ trên quả địa Phật đã viên mãn rồi, chúng ta thường nói "*phước huệ nhị nghiêm*", hai thứ trang nghiêm. Định là phước, trong Phật môn thường nói **thanh phước**. Trong nhà Phật gọi danh văn lợi dưỡng của người thế gian là **hồng phước**, là phước báo trong hồng trần, phước báo đó không thanh tịnh, có khổ não. Người thế gian thường nói: "Ôi chao! Bạn thật có phước khí". Có "phước" sau đó có "khí", lời nói như vậy không phải là tốt, bạn có phước khí, bạn hãy lắng nghe, "phước" hết rồi phía sau chính là "khí", phước là giả còn khí là thật. Trong Phật Pháp nói thanh phước, thanh phước thì không có chữ khí, chỉ có phước, không có khí. Cho nên nói định là phước báo, tâm địa có chủ tể, tâm địa rất thanh tịnh mới là phước báo chân thật, không có phiền não, không có tác dụng phụ. Hồng phước của thế gian phiền toái nhiều, phước nhiều thì khí nhiều, rắc rối nhiều. Huệ là trí huệ. "*Cứu sướng vô cực*" là đạt đến cứu cánh viên mãn.

"***Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tối thắng tự tại cố***".

(Nên có thể đạt được sự tự tại tối thắng đối với tất cả pháp).

Phật đạt tự tại tối thù thắng trong tất cả pháp. Tự tại này là tối thù thắng, là vô lượng vô biên. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật đem nó quy nạp làm mười loại lớn, mười thứ tự tại. Chúng ta xem Tâm Kinh, câu thứ nhất của Tâm Kinh là: "Quán Tự Tại Bồ-tát", cái tự tại đó chính là mười loại tự tại viên mãn được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Làm thế nào đạt được tự tại? Quán thì sẽ tự tại. Chúng ta không biết quán, chúng ta thường khởi vọng tưởng, cái tưởng này là không tự tại. Quý vị nên biết tưởng là không tự tại, quán thì tự tại. Vậy chúng ta sẽ hỏi cái gì là quán? Cái gì gọi là tưởng? Tưởng là rơi vào trong tâm ý thức, vậy thì không tự tại rồi. Tâm là A-lại-da thức, ý là Mạt-na, thức là ý thức thứ sáu, là tâm ý thức. Ý thức thứ sáu là phân biệt, thức thứ bảy Mạt-na là chấp trước, thứ tám A-lại-da là lưu ấn tượng, như vậy là không tốt. Lìa tâm ý thức, chúng ta mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, lục căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài không có tâm phân biệt là không dùng ý thức thứ sáu, không có chấp trước là không dùng Mạt-na, không

lưu lại ấn tượng là không dùng thức thứ tám, gọi là lìa tâm ý thức. Đây là nguyên tắc dụng công tối quan trọng của Bồ-tát Đại Thừa. Thiền Tông tham thiền, trong thiền đường, đại Hòa Thượng thường nhắc nhở lìa tâm ý thức để tham, phải rời tâm ý thức, lìa tâm ý thức để tham thiền. Chúng ta tụng kinh, học giáo, niệm Phật có cần lìa tâm ý thức chăng? Vẫn phải lìa tâm ý thức. Người nghiên cứu Giáo lìa tâm ý thức có thể Đại Khai Viên Giải. Người niệm Phật lìa tâm ý thức sẽ chứng được Lý Nhất Tâm Bất Loạn, cho thấy quán này rất quan trọng, quán tức là không dùng tâm ý thức, là trực tiếp.

Ngài Giao Quang Đại Sư trong Kinh Lăng-nghiêm Chánh Mạch nói: "Xả thức dụng căn", tức là dùng tánh trong căn. Chúng ta mắt thấy sắc dùng tánh thấy để thấy, tai nghe tiếng dùng tánh nghe để nghe, đây gọi là quán. Cho nên Quán Thế Âm Bồ-tát thật cao minh, Ngài sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần không giống như chúng ta, chúng ta dùng tâm ý thức, Ngài lìa khỏi tâm ý thức, hoàn toàn dùng chân như bản tánh để quán thế gian này, cho nên Ngài đạt tự tại tối thắng. Phật và đại Bồ-tát đều nhập vào cảnh giới như thế. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này, cho dù học không thành thì cũng không thể không biết, chúng ta phải rõ ràng minh bạch. Hiện tại, phiền não, tập khí quá nặng, không cách gì học được, không sao. Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc gặp A-di-đà Phật rồi chúng ta lại tu Pháp môn này, đến lúc đó sẽ không lo sợ nữa. Có Phật lực gia trì thì vọng tưởng phiền não của chúng ta đều bị tiêu diệt hết, công phu sẽ không khó hiện tiền.

"***A-nan đế thính***".
(A-nan hãy lắng nghe).

A-nan đã hỏi, tốt lắm, bây giờ ta sẽ nói với ông, ông phải nghiêm túc lắng nghe, phải nghe thật kỹ. Chữ "*đế*" này tức là phải dụng tâm, phải tỉ mỉ. Ngày nay chúng ta có dụng tâm không? Có lắng nghe kỹ càng không? Nếu chúng ta vừa nghe kinh, một mặt lại sanh vọng tưởng, như vậy không phải là "*đế thính*". "*Đế thính*" là nghe một cách lão thật, khi nghe kinh không có một vọng niệm nào, khởi vọng niệm thì không phải là đế thính nữa rồi. Đây là Phật đặc biệt dặn dò A-nan. Tâm địa thanh tịnh không có vọng tưởng, nghe kinh có thể khai ngộ. Cho nên cổ nhân nghe kinh có thể khai ngộ còn chúng ta hiện nay vì sao nghe kinh lại không thể khai ngộ? Vì vừa nghe kinh lại vừa vọng tưởng. Điều này khó, không dễ dàng. Trong đây có hàm ý rất sâu.

"***Thiện tư niệm chi***".

(Khéo nghĩ nhớ đó).

"*Thiện tư*" là tư huệ, "*niệm chi*" là tu hành, chữ "*đế thính*" là văn huệ, Văn Tư Tu tam huệ đầy đủ. Ngài vừa nghe xong liền có thể lãnh ngộ, có thể ngộ nhập.

"***Ngô đương vị nhữ, phân biệt giải thuyết***".
(Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải rõ).

Phật thật sự rất từ bi, "ta đương nhiên phải nói cho ông, phải vì ông mà thuyết minh cặn kẽ sự thật này". Phần biệt tựa này xin giảng đến đây.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 7

PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA ĐỆ TỨ
PHẨM THỨ TƯ: PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA

Từ phẩm này trở xuống là phần Chánh Tông của bộ kinh này. Trong phẩm này, trước tiên Thế Tôn nói rõ về nhân duyên phát tâm tu học của A-di-đà Phật lúc còn ở nhân địa, những điểm này cũng rất đáng cho chúng ta học tập, xin xem phần kinh văn:

"***Phật cáo A-nan: Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị, vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn***".

(Phật nói với A-nan, ở vô lượng vô số kiếp về đời quá khứ lâu xa, có Đức Phật xuất thế hiệu là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

Đoạn văn này cũng hàm chứa huyền cơ rất sâu. Bởi vì trong kinh Di-đà, Phật nói với chúng ta, A-di-đà Phật từ lúc thành Phật cho đến nay thời gian chỉ có mười kiếp, mười kiếp là một thời gian rất ngắn. Như vậy A-di-đà Phật rốt cuộc là một vị Phật mới thành hay là cổ Phật ứng hóa tái lai? Bên trong này hàm chứa huyền cơ, cho thấy A-di-đà Phật không phải là vị Phật mới thành mười kiếp trước, vì sao vậy? Vì từ kiếp lâu xa Ngài đã thành tựu rồi, thời gian đó quá dài, ngày nay chúng ta gọi là con số thiên văn, dùng con số thiên văn cũng vô phương hình dung được, "*vô lượng bất khả tư nghị, vô ương số kiếp*", chữ "kiếp" này đương nhiên là chỉ cho đại kiếp, điều này chúng ta không cần nói kỹ, đây là rất lâu xa về trước.

"*Hữu Phật xuất thế*", lúc bấy giờ có một vị Phật xuất hiện tại thế gian, danh hiệu của Phật là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai. Gọi Thế Gian Tự Tại Vương, phía sau Như Lai là mười đức hiệu của Phật, lấy mười đức hiệu để hiển thị trí huệ đức năng của Phật. Mười hiệu này là thông hiệu, bất luận một vị Phật nào cũng đều có mười danh hiệu này. Thế Gian Tự Tại Vương là biệt danh, chỉ có vị Phật này được xưng như vậy, những vị Phật khác không thể xưng. Thí dụ như Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta, chữ Thích-ca Mâu-ni chỉ có Ngài xưng, người khác không xưng. Đây gọi là biệt danh. Nếu xưng là Như Lai, là Đẳng

Chánh Giác thì bổn sư của chúng ta cũng xưng, Thế Gian Tự Tại Vương Phật cũng xưng như vậy, A-di-đà Phật cũng xưng như vậy, đây là thông hiệu. Thông hiệu là ý nghĩa gì? Chúng tôi ở đây sẽ giới thiệu sơ lược với quý vị, đó đều là danh hiệu tánh đức của chính mình.

Trước tiên nói về biệt danh: "Thế gian" tức là nói ba loại thế gian: Hữu tình thế gian, khí thế gian. Hữu tình thế gian là chỉ cho **chánh báo** của chín pháp giới. Khí thế gian là nói về **y báo**, cũng tức là hoàn cảnh sinh hoạt. Nói rõ hơn một chút để chúng ta dễ hiểu thì Phật trong hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất đều được tự tại. Dùng cách nói trong Phật Pháp là chứng đắc Tam Đức viên mãn, Tam Học cũng thành tựu viên mãn rồi. Tam Học là Giới Định Huệ. Cho nên Ngài ở nơi tất cả thế gian được đại tự tại nên xưng là Thế Gian Tự Tại Vương. "Vương" là tỉ dụ cho tự tại. Thời xưa, tất cả thần dân của một quốc gia đều phải nghe lệnh của quốc vương. Quốc vương có thể tự do tự tại ban bố mệnh lệnh, những người khác đều phải nghe theo lệnh vua. Vương là tự tại, chỗ này là tỉ dụ, tỉ dụ Phật trong tất cả pháp đều được đại tự tại. Phần dưới là mười loại đức hiệu.

Thứ nhất là "***Như Lai***". Quý vị đồng tu học Phật đối với thuật ngữ trong Phật pháp nhất định phải có sự lý giải chính xác. Thế gian này có rất nhiều người không nghiên cứu Phật Pháp, có lẽ đã đọc nhiều tiểu thuyết, đặc biệt là Tây Du Ký, khi nhắc đến Phật giáo thì nói: "Tôi biết trong Phật giáo Phật Như Lai là lớn nhất, Tôn Ngộ Không cũng không thể lộn nhào khỏi bàn tay của Như Lai". Nói những lời này đều không phải người trong nghề. Ý nghĩa của Như Lai, nói một cách dễ hiểu đó là "*kim Phật như cổ Phật tái lai*" (Phật hiện tại giống như cổ Phật tái lai), thành Phật rồi thì Phật Phật đạo đồng. Phật hiện tại giống như cổ Phật tái lai không khác biệt, cho nên xưng Ngài là Như Lai.

Trong kinh Kim Cang có giải thích, ý nghĩa của cách giải thích này khá sâu, tuy nhiên nói được vô cùng viên mãn: "*Như Lai giả chư pháp như ý*" (Như Lai là chân như của vạn pháp). Cách giải thích này vô cùng hay. "*Trong tất cả pháp, pháp pháp giai Như*" (pháp nào cũng đều Như). Câu nói này có vẻ khó hiểu, tất cả pháp này là nói về hình tướng. "Giai như", "như" là gì? "Như kỳ tánh", "tánh" tức là chân tâm, tức là bổn tánh. Phật nói với chúng ta: "Tất cả vạn tướng đều là chân tâm biến hiện ra". Cho nên Cổ Đức dùng tỉ dụ để nói, giống như vàng và đồ vật, dùng vàng để làm đồ vật, mọi thứ đồ vật đều là vàng. Đồ vật là tướng, tức là vạn tướng, vàng là thể, "năng thành chi thể", mọi thứ đều là vàng. Đây là ý nghĩa của chữ "như", pháp pháp đều như, có pháp nào không phải là chân như bổn tánh?

Cho nên ý nghĩa này nói rất sâu, nhưng ý nghĩa này nói được vô cùng viên mãn. Cho nên cách nói sâu hay nói cạn chúng ta đều phải hiểu được.

Thứ hai, "***Ứng Cúng***", "ứng" là đáng. Phật là thầy hướng dẫn của trời người, ân huệ của Ngài đối với đại chúng thật rất lớn. Phật giáo hóa chúng sanh là vô điều kiện, cũng không phân biệt kén chọn, so với tâm lượng giáo học của Khổng Lão Phu Tử Trung Quốc còn vĩ đại hơn nhiều. Khổng Lão Phu Tử là "hữu giáo vô loại" (dạy học không phân biệt) việc này Phật cũng có, tuy nhiên Khổng Lão Phu Tử nói với bạn một sự việc, nếu bạn phản ứng không giỏi thì Khổng Lão Phu Tử không muốn dạy nữa. Căn phòng của chúng ta vuông vức bốn góc, nêu ra một góc để dạy bạn, chỗ này là góc vuông, nếu bạn không biết ba góc còn lại thì Phu Tử sẽ không dạy nữa. "*Cử nhất ngung nhi bất dĩ tam ngung phản*" (dạy một phương diện mà không thể suy ra ba phương diện khác) thì Khổng Phu Tử sẽ không dạy nữa. Nhưng Thích-ca Mâu-ni Phật chịu dạy, người dù ngu hơn nữa Ngài cũng không bỏ rơi, hễ họ chịu học với Ngài thì Ngài sẽ dạy. Ví dụ trong nhóm đệ tử của Phật, Ngài Châu-lợi-bàn-đà, nếu gặp Khổng Lão Phu Tử thì Khổng Lão Phu Tử nhất định không dạy ông, thế nhưng gặp Thích-ca Mâu-ni Phật, Phật từ bi vẫn giúp đỡ ông. Phật có phương tiện thiện xảo, vẫn dạy ông khai ngộ. Cho thấy sự giáo học của Phật thật sự vượt hơn Phu Tử. Bởi thế ân đức đó đối với chúng ta thật rất lớn. Cho nên Phật xứng đáng nhận được sự cúng dường của trời người. Sinh hoạt của Phật vô cùng đơn giản, yêu cầu đối với mọi người không hề hà khắc.

Sinh hoạt của Phật chỉ cần *bốn sự cúng dường*. Phật ở thế gian phải ăn cơm, mỗi ngày ăn một bữa, bạn xem đơn giản biết bao. Chúng ta nên cúng dường Ngài một bát cơm, Phật cũng không lựa chọn cơm, thức ăn bạn cúng dường ngon hay dở, Ngài không phân biệt, cũng không chấp trước. Về y phục, việc cúng dường y phục. Một chiếc áo có thể mặc rất nhiều năm, không phải cúng dường mỗi ngày, khi y phục rách rồi thì cúng dường cho Ngài một cái mới. Ngọa cụ là dùng để ngủ, ngọa cụ cũng rất đơn giản. Khi đau bệnh thì cúng thuốc men. Tức là bốn sự việc này, Ngài xứng đáng tiếp nhận sự cúng dường của mọi người. Ngoài những thứ này ra, Phật không cần gì cả, đó là đối với xã hội lúc đó. Xã hội hiện nay thì khác, xã hội hiện nay có thể nói là nơi nơi đều khá giả, điều kiện sinh hoạt vật chất so với trước kia tiện lợi hơn rất nhiều. Do đó, hiện nay cúng dường không giống như trước, cúng dường quá nhiều, quá đáng rồi. Kết quả nảy sanh ra tệ nạn, sanh ra tệ nạn gì? Người xuất gia vốn dĩ khi mới xuất gia tâm rất tốt, sau khi xuất gia, Phật tử tại gia cúng dường quá phong phú, do đó mà tâm tham liền nổi dậy,

dính liền với tâm tham là tâm sân khuể, tâm đố kỵ, tâm kiêu mạn, tất cả đều bộc phát. Tất cả đều do đồng tu tại gia cúng dường mà ra, điều này phiền phức lớn rồi. Đồng tu tại gia phải hiểu rằng việc tạo nghiệp này rất đáng sợ. Nghiệp này rất nặng. Cho nên chúng ta muốn thật sự tu phước thì phải có trí huệ, không có trí huệ mà xử sự theo tình cảm thì không thể nào tránh khỏi tạo tội nghiệp. Chúng ta sống trong xã hội này, người xuất gia nhất định phải nhận rõ tệ nạn của thời đại này. Tôi cũng thường nhận sự cúng dường của quý vị. Nhưng tôi rất phập phồng lo sợ, chỉ sợ bị đọa lạc, cho nên quý vị cúng dường cho tôi, tôi liền chuyển tay dùm quý vị để cúng dường cho người khác. Phương pháp cúng dường của tôi thứ nhất là in kinh, cúng dường rộng khắp cho mọi người trên toàn thế giới, ấn tống kinh sách để cúng dường. Mấy năm nay lại thêm một mục nữa là làm học bổng, giúp đỡ cho một số học sinh nghèo ưu tú. Tiền của quý vị cúng dường tôi dùng làm hai việc này, toàn bộ đều bố thí sạch sẽ. Trong nhà Phật có câu nói rất thật, đây là nói với những người xuất gia: "*Kiếp này không liễu đạo, mang lông đội sừng để trả nợ*". Món nợ này thật đáng sợ. Tôi làm như vậy thì tôi không còn lo sợ nữa, cho dù tôi không thể liễu đạo thì cũng có rất nhiều người trả thay cho tôi, tôi không phải tự mình trả. Phật Bồ-tát, thực tế mà nói, những bậc tu hành chứng quả từ A-la-hán trở lên xứng đáng tiếp nhận cúng dường, làm phước điền chân thật cho tất cả chúng sanh, đây là chính xác.

Danh hiệu thứ ba là "*Đẳng Chánh Giác*", "*Đẳng*" tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở đây gọi tắt là "*Đẳng Chánh Giác*". Đây là mục đích tối cao của việc học Phật, là nguyện vọng chân thật của chúng ta. Câu này nếu dùng cách nói hiện nay là trí huệ rốt ráo viên mãn, cho nên Phật pháp là phương pháp của trí huệ, học Phật là nền học vấn của trí huệ, học Phật tức là phải khai mở trí huệ.

Danh hiệu thứ tư là "*Minh Hạnh Túc*", "*minh*" tức là quang minh, là chỉ cho trí huệ. "*Hạnh*" là hành vi trong sinh hoạt hằng ngày, hành vi không một mảy may lỗi lầm. "*Túc*" nghĩa là viên mãn. Trí huệ của Ngài viên mãn, đức hạnh viên mãn, không một mảy may lỗi lầm, gọi là "*Minh Hạnh Túc*". Nếu dùng Giới Định Huệ để nói thì "Minh" là huệ, "Hạnh" là giới, "Túc" là định, cũng có thể biểu đạt sự viên mãn của Giới Định Huệ tam học.

Danh hiệu thứ năm là "*Thiện Thệ*", danh hiệu này rất không dễ hiểu. Chữ "*thệ*" nghĩa là viễn ly, là tịch diệt. Cái gì "diệt" mất? Phiền não diệt mất, vọng tưởng diệt mất, phân biệt chấp trước diệt mất, đó gọi là "thệ". A-la-hán đã làm được nhưng không thiện, Phật và đại Bồ-tát có thiện. Là thiện gì? Là thiện xảo, gọi là tức tướng ly tướng, đó là thiện. Cũng tức là trong kinh Đại Thừa thường

nói: "Vô trụ Niết-bàn", như kinh Kim Cang nói cũng là ý nghĩa này, khác hoàn toàn với cách nói về Niết-bàn của Tiểu Thừa. Niết-bàn của người Tiểu Thừa thật sự là an trú trong cảnh giới Niết-bàn. Tâm của Phật và đại Bồ-tát thì trong cảnh giới Niết-bàn còn thân là tại thế gian, "*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*", tâm cảnh của các Ngài là cảnh giới Niết-bàn. Cho nên gọi là vô trụ Niết-bàn, "*không trụ Niết-bàn, không trụ sanh tử*". Không trụ Niết-bàn là ở tại thế gian hoằng pháp lợi sanh giáo hóa đại chúng. Không trụ sanh tử thì tâm địa các Ngài thanh tịnh tịch diệt. Thanh tịnh tịch diệt tức là "thệ", giáo hóa tất cả chúng sanh là "thiện", ý nghĩa của "thiện thệ" là vậy.

Danh hiệu thứ sáu là "*Thế Gian Giải*", chữ này dễ hiểu. Thế gian pháp bất luận là lý, là sự, là thể, là dụng, không có một thứ nào Phật không hiểu rõ. "***Giải***" tức là hiểu rõ mọi thứ, đều có thể thông đạt.

Danh hiệu thứ bảy là "*Vô Thượng Sĩ*". Thời xưa, ở Trung Quốc, những người có học, rõ lý gọi là "sĩ". Xã hội thời xưa của Trung Quốc có thể nói là xã hội của phần tử trí thức, mọi người đa số đều tôn sùng người có học. Chỗ gọi là "*vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao*" (mọi ngành đều là thấp kém, chỉ có đọc sách là cao quý). Người đọc sách có thể hiểu rõ lý cho nên xã hội vô cùng tôn kính người có học, dù người có học rất nghèo. Trong những buổi hội họp, chiếc ghế lớn của chủ tọa nhất định là nhường cho người có học ngồi, cho thấy sự tôn trọng đối với phần tử trí thức. Đây là điểm đặc sắc trên toàn thế giới. Các dân tộc khác, chúng ta chưa từng thấy tôn sùng người có học, tôn trọng giáo dục như vậy. Đây là điều mà người Trung Quốc thời xưa coi trọng. "*Vô Thượng Sĩ*" là chí cao vô thượng trong phần tử trí thức, không có ai cao hơn các ngài nữa. Đây là cách xưng tán đối với Phật, Phật là người có đạo đức, có học vấn.

Danh hiệu thứ tám là "*Điều Ngự Trượng Phu*". Danh hiệu này là cách xưng đối với việc giáo hóa chúng sanh của Phật. "*Điều*" là điều tâm, tâm chúng sanh tràn đầy vọng tưởng, phiền não, chấp trước, Phật có thể điều giải, điều hóa họ. "*Ngự*" nghĩa là thống lĩnh, trong đó mang ý nghĩa chỉ đạo. Phật có thể chỉ dạy chúng ta, chỉ thị cho chúng ta con đường nhân sinh hạnh phúc tươi sáng. Lời này là thật, không những có thể dạy chúng ta hiện tiền được hạnh phúc mỹ mãn, quan trọng hơn là Ngài có thể giúp chúng ta vĩnh thoát luân hồi, giúp chúng ta ngay trong đời này liễu sanh tử xuất tam giới. Ngay trong đời này chúng ta có thể chứng được bất sanh bất diệt. Lời nói này nghe có vẻ huyền hoặc giống như thần thoại, kỳ thật đây là sự thật vô cùng chính xác. Con người ai mà không chết, con người đều phải chết, chết rồi thì phải luân hồi, không một ai có thể thoát khỏi luân hồi.

Tuy nhiên, quý vị nên biết chỉ những người tu học Phật pháp là thành công, người tu hành chứng quả thì không còn sanh tử nữa. Đương nhiên đây không phải là công phu tầm thường. Phật nói rõ cho chúng ta sanh tử từ đâu đến? Bạn vì sao lại có sanh tử, vì sao lại có luân hồi? Bởi vì bạn có vọng tưởng, có phiền não. Vọng tưởng và phiền não là nhân duyên của sanh tử luân hồi, là cái gốc của sanh tử luân hồi. Cho nên đoạn hết vọng tưởng, đoạn hết phiền não thì sanh tử luân hồi không còn nữa. Câu này nói thì dễ nhưng làm thì khó. Có mấy người ngay trong đời này có thể đoạn sạch vọng tưởng phiền não? Phật pháp, nhất là Phật Pháp Đại Thừa, vô lượng Pháp môn, "pháp" là phương pháp, "môn" là con đường nhập môn, đều là phương pháp đoạn phiền não, phá vọng tưởng, giống như kinh Hoa Nghiêm nói: "*Tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai*". Đây là lời Phật nói, chúng ta cùng với chư Phật Như Lai vốn không hai không khác, vốn không có sinh tử, vốn không có luân hồi. Vì sao lại biến thành tình trạng như thế này? Phật nói: "*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc*", lời này đã nói toạc ra gốc bệnh của chúng ta. Vì chúng ta có vọng tưởng, có chấp trước, chấp trước tức là phiền não. Có những thứ này khiến chúng ta vốn là Phật nhưng không cách gì chứng đắc quả vị Phật, không cách gì chứng đắc được sự tự tại của Phật, biến thành tình trạng như hiện nay. Bệnh căn tìm được rồi, hễ tiêu trừ cái gốc này thì chúng ta sẽ khôi phục lại bản lai diện mục của mình. Sự giáo học của Phật pháp nói tóm lại đều là giải quyết vấn đề này.

Chúng ta biết vọng tưởng, chấp trước là phiền não, tập khí sanh ra đã có từ vô thủy kiếp đến nay, muốn đoạn trừ đâu phải chuyện dễ dàng. Cho nên người tu hành thì nhiều, kẻ liễu sanh tử thì rất ít. Đặc biệt là hoàn cảnh hiện nay của chúng ta, đối với người tu hành chân chánh thì những chướng ngại đó không biết là tăng thêm bao nhiêu trăm ngàn vạn lần so với người xưa, nguyên nhân gì vậy? Ngày nay sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, nơi nơi đều đang dụ hoặc chúng ta, những gì không để tâm chúng ta được thanh tịnh thì gọi là ma chướng. Ma chướng hiện nay tăng thêm trăm ngàn vạn lần so với thời xưa. Thành tựu đương nhiên càng khó khăn. May thay chúng ta gặp được Pháp môn niệm Phật này. Lợi ích của Pháp môn niệm Phật ở chỗ nào? Là đới nghiệp vãng sanh. Nghiệp là gì? Nghiệp chính là vọng tưởng chấp trước. Không cần phá vọng tưởng chấp trước cũng có thể liễu sanh tử, xuất tam giới, điều này thật phi thường. Trong thời mạt pháp này, chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng gặp được Pháp môn này mới có hy vọng được cứu độ. Chúng ta dùng phương pháp này, dùng câu Phật hiệu Nam-mô A-di-đà Phật để điều tâm, lấy năm khoa mục Tam Phước, Lục Hòa, Tam

Học, Lục Độ, Mười Đại Nguyện Vương để tu chính hành vi trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, đây chính là "*ngự*". "*Ngự*" tức là tu chính hành vi sai trái của chúng ta. Trong bộ kinh này, đối với phàm phu chúng ta Phật thật sự đã làm hai chữ "*điều ngự*" này được rất viên mãn rồi, thật sự đã đạt được hiệu quả rất tốt. Chúng ta phải y giáo phụng hành.

"*Trượng phu*" là xưng tán. Thời xưa xưng tán Phật là đại trượng phu, chữ "đại trượng phu" này giống với ý nghĩa "đại anh hùng" của người Trung Quốc. Người như thế nào mới được gọi là đại trượng phu? Những việc người khác không làm được mà họ có thể làm, đây mới được gọi là đại trượng phu. Những việc gì người khác không làm được? Liễu sanh tử thoát luân hồi, đoạn phiền não phá vọng tưởng đây là điều người khác không thể làm được nhưng họ làm được. Phật, Bồ-tát được gọi là Đại Trượng Phu. Cho nên, Phật điện là nơi chúng ta cúng Phật, trên tấm bảng đều viết "Đại Hùng Bảo Điện", "hùng" là anh hùng - đại anh hùng bảo điện. Ở đây ý nói những việc người thế gian không làm được, Phật làm được, Phật là đại anh hùng, Phật là đại trượng phu, "*điều ngự trượng phu*" là ý nghĩa này. Bốn chữ này hợp lại có thể nói là giáo hóa chúng sanh có thể thuận lợi như ý, tùy tâm mong muốn, là mang ý nghĩa như vậy.

Danh hiệu thứ chín là "*Thiên Nhân Sư*", đây là điều mà chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Phật ở tại thế gian, thân phận Ngài không phải là quốc vương, không phải là Thiên Chúa, không phải Thượng Đế, không phải là Thiên Thần mà là vị thầy của nhân gian. Thiên thần cũng bái Ngài làm thầy, cho nên thân phận của Ngài là vị thầy, như vậy chúng ta là học trò của Phật, thiên thần cũng là học trò của Phật, Thượng Đế cũng là học trò của Phật. Cho nên quan hệ giữa mọi người chúng ta với Phật là quan hệ thầy trò. Phật là thầy của chúng ta. Chúng ta xưng Thích-ca Mâu-ni Phật là Bổn Sư, "Bổn" là căn bản, là người đầu tiên khởi xướng nền giáo dục này, chúng ta xưng Ngài là Bổn Sư, cho nên là "*thiên nhân sư*".

Danh hiệu thứ mười là "*Phật*". Chúng ta thường nói, Phật có nghĩa là giác, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì xưng là Phật. Tự giác mà không giác tha là A-la-hán Thánh giả Tiểu Thừa. Tuy nhiên, quý vị cũng nên biết rõ Thánh Giả Tiểu Thừa nói không giác tha là các ngài không chủ động đi giác tha, nhưng nếu chúng ta cầu họ, bái họ làm thầy thì họ vẫn chịu dạy chúng ta. Chúng ta không bái họ làm thầy, không đi cầu họ thì họ không chủ động đến dạy chúng ta. Đây gọi là tự giác, còn Bồ-tát là tự giác giác tha, các Ngài không giống như vậy. Chúng ta không tìm các Ngài nhưng các Ngài vẫn đến tìm chúng ta, chúng ta không cầu các Ngài, nhưng các Ngài sẽ tìm phương kế để chúng ta đi cầu các Ngài. Các

Ngài có những phương thức như vậy. Các Ngài chủ động giáo hóa chúng sanh, chủ động giúp đỡ tất cả chúng sanh, đây là tự hành hóa tha. Bồ-tát tự hành hóa tha cũng chưa viên mãn, phiền não của chính mình chưa đoạn hết, vô minh cũng là phiền não, phiền não có ba thứ: kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Đại Bồ-tát đã đoạn hết kiến tư phiền não, trần sa phiền não cũng đoạn hết, còn vô minh phiền não chưa đoạn hết. Đẳng Giác Bồ-tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá. Như vậy vẫn chưa viên mãn, đến khi một phẩm sanh tướng vô minh sau cùng đã đoạn xong thì thành Phật mới là viên mãn. Đây là giác hạnh viên mãn mới xưng là Phật. Đây là mười đức hiệu của Phật, hiển thị trí huệ đức năng trên quả địa của Phật.

Sau cùng, "*Thế Tôn*", là người xứng đáng được thế gian tôn kính nhất thì xưng là Thế Tôn. Thế Tôn là tổng kết của mười danh hiệu này, đầy đủ mười đức hạnh này thì là người xứng đáng được người thế gian tôn kính nhất cho nên xưng là Thế Tôn. Như vậy ở đây đã giới thiệu sơ lược mười danh hiệu cho quý vị rồi. Kế tiếp chúng ta xem kinh văn.

"***Tại thế giáo thọ, tứ thập nhị kiếp***".
(Trụ thế hóa độ trong bốn mươi hai kiếp).

Trong câu này chúng ta có thể hiểu rõ người của thời đó có phước báo rất lớn, vì sao? Vì thọ mạng dài, thọ mạng của Phật thị hiện cùng với thọ mạng của nhân dân đương thời nhất định phải tương đương. Như ba ngàn năm trước, Thích-ca Mâu-ni Phật xuất hiện tại Ấn Độ, Ngài trụ thế 80 tuổi, chúng ta thường nói: "tuổi mụ là tám mươi tuổi", trên thực tế, số tuổi này theo cách tính của người ngoại quốc thì Thích-ca Mâu-ni Phật 79 tuổi nhập Niết-bàn (viên tịch). Phật 79 tuổi xấp xỉ với thọ mạng của người thông thường chúng ta, giảng kinh thuyết pháp 49 năm. Thế Gian Tự Tại Vương lúc bấy giờ xuất hiện tại thế gian giảng kinh thuyết pháp cho mọi người 42 kiếp, bạn mới biết thọ mạng của con người lúc đó dài biết bao. Thọ mạng dài thì phước báo lớn. Phật cũng từng nói với chúng ta thế gian này thời vận không giống nhau. Thế giới Ta-bà chúng ta thời gian thọ mạng dài nhất là 84.000 tuổi, 42 kiếp nếu đem so với 84.000 tuổi thì khác biệt rất nhiều. Phật nói với chúng ta mỗi một trăm năm giảm đi một tuổi. Thọ mạng con người dài nhất là 84.000 tuổi, còn ngắn nhất là mười tuổi. Từ 84.000 tuổi, cứ 100 năm giảm đi một tuổi, giảm đến mười tuổi, lại từ mười tuổi, cứ 100 năm tăng thêm một tuổi, tăng đến 84.000 tuổi. Sự tăng và giảm như thế gọi là một kiếp. Cho nên khi Thế Gian Tự Tại Vương Phật ra đời, phước báo của nhân dân thế gian thời đó so với chúng ta lớn hơn quá nhiều, Phật giảng kinh thuyết pháp 42

kiếp. Chư Phật Bồ-tát thị hiện trụ thế hầu như ngang bằng với đại chúng. Vậy ở chỗ này chúng ta phải chú ý đến Phật Bồ-tát trụ thế để làm gì? Để giáo thọ tức là giảng kinh thuyết pháp chỉ dạy mọi người. Đây chính là Phật sự mà trong kinh thường nói. Sự nghiệp của Phật chính là giáo học, giáo hóa chúng sanh.

"***Thời vị chư thiên cập thế nhân dân thuyết kinh giảng đạo***".
(Vì hàng chư Thiên cho đến nhân loại mà thuyết kinh giảng đạo).

Đây là việc mà Phật làm khi còn tại thế. Sau khi Phật diệt độ, đệ tử Phật tại thế gian kế thừa sự nghiệp của Phật. Chúng ta thấy ở Ấn Độ thời xưa, những vị Cao Tăng, Đại Đức, sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, những bậc Cao Tăng, Đại Đức các đời của Trung Quốc cũng giống như Phật, không ngừng vì mọi người mà thuyết kinh giảng đạo. Phật Pháp hưng long, Phật Pháp hưng thịnh tức là nền giáo dục của Phật được phổ cập, nền giáo dục của Phật phổ cập thì tâm người liền hướng thiện. Thế gian người thiện nhiều thì xã hội sẽ hài hòa, quốc thái dân an, chúng sanh tất được phước. Đây là sự thành tựu trong việc đẩy mạnh nền giáo dục của Phật. **Phật chính vì việc này mà đến.** Tất cả những lời giáo huấn mà Phật đã nói, chúng ta tôn xưng là kinh điển. Điển là điển hình, là mô phạm. Kinh là chân lý, vĩnh viễn không thể thay đổi. Cho nên kinh điển có hai nghĩa, ý nghĩa của hai chữ này là quy phạm, quy củ, mô phạm vĩnh viễn không thay đổi. Nó siêu việt thời gian, siêu việt không gian. Bất luận ở khu vực nào cũng thích hợp, đây mới là điều phi thường. Bất luận ở thời đại nào, thời xưa, thời nay đều vẫn thích hợp, cho thấy đích thực là siêu việt thời gian, không gian. Đây cũng là chân lý mà người thời nay chúng ta thường nói. "*Đạo*" là con đường, con đường chính đáng, con đường bình thường, con đường chính xác sẽ mang đến cho chúng ta hạnh phúc mỹ mãn chân chánh. Đây là nói về nội dung giáo học thường xuyên không gián đoạn của Phật.

"***Hữu đại quốc chủ danh Thế Nhiêu Vương***".
(Có vị vua tên là Thế Nhiêu).

Phật giảng kinh, trong hàng thính chúng có một vị quốc vương, thực tế mà nói, Phật giảng kinh, trong thính chúng thường có rất nhiều quốc vương. Như Thích-ca Mâu-ni Phật trong quá khứ, lúc giảng kinh thường có tới mười mấy, hai mươi vị quốc vương ngồi nghe, quốc vương ở đâu mà nhiều như thế? Thời Thích-ca Mâu-ni Phật tại thế, Ấn Độ đều là những nước nhỏ. Nếu đất đai lớn như Singapore này có thể có đến năm, sáu quốc gia. Cho nên Phật vừa giảng kinh thì những quốc vương này đều đến. Bạn xem Trung Quốc các nước lớn được ghi

trong cổ thư, một nước lớn không quá một trăm dặm, gọi là một nước chư hầu lớn là một trăm dặm, chu vi 100 dặm gọi là một nước lớn rồi, còn nước nhỏ chỉ có 50 dặm, hai ba chục dặm… Cho nên lúc bấy giờ là dân tộc bộ lạc. Trong bộ lạc, vị tù trưởng tức là quốc vương. Khi Phật giảng kinh thì có nhiều quốc vương đều đến nghe. Lúc Thế Gian Tự Tại Vương Phật thuyết pháp cũng có tình hình này, và đây là quốc vương của một nước lớn tên là Thế Nhiêu Vương. Danh xưng này quả thật không sai, "Thế" là thế gian, "nhiêu" là phong phú. Từ danh hiệu của Ngài có thể thấy vị quốc vương này trị quốc rất đúng đường lối, nhân dân của quốc gia này có tiêu chuẩn văn hóa rất cao, sản vật phong phú, đời sống nhân dân rất tốt thì Ngài mới có thể gọi là "Nhiêu" được. Cho nên từ trong danh hiệu có thể thấy được thành tích chính trị của vị quốc vương này. Chúng ta có thể thấy được đây là một vị quốc vương tốt, có trí huệ, có đức hạnh và năng lực.

"***Văn Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải***".
(Nghe Phật thuyết pháp, tâm sanh hoan hỷ lãnh ngộ).

Thường xuyên nghe Phật thuyết pháp nghe rất hoan hỷ, đương nhiên ông lãnh ngộ được và còn lãnh ngộ rất sâu sắc. Chữ "*khai*" tức là chúng ta bình thường nói khai ngộ, hoàn toàn có thể hiểu rõ, khai ngộ, tường tận những lời Phật nói. Vậy Phật nói những gì? Điều này chúng ta nhất định phải biết. Những điều mà tất cả chư Phật nói với chúng sanh, tóm lại đều là chư pháp thật tướng, cũng tức là nói rõ với mọi người chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Vị quốc vương này nghe xong hiểu rõ và giác ngộ.

"***Tầm phát vô thượng chân chánh đạo ý***".
(Liền phát tâm vô thượng Bồ-đề).

Đây là phát tâm, phát tâm vô thượng. Chúng ta thường gọi tâm vô thượng này là tâm Bồ-đề. Cũng là nói Ngài thật sự giác ngộ rồi, thật sự có một nguyện vọng, hy vọng chính mình và tất cả mọi người đều có thể giống như Phật, chứng đắc viên mãn Phật đạo vô thượng. Ngài phát cái tâm này, trong thực tế tâm này tức là tứ hoằng thệ nguyện "*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*". Không những tự mình phải thành Phật mà hy vọng tất cả chúng sanh, người người đều thành Phật. Ngài phát cái tâm này, điều này thật phi thường, không phải người bình thường của thế gian có thể phát được. Đây là do nhiều năm nghe kinh, nghe đạo không gián đoạn nên Ngài đã giác ngộ.

"***Khí quốc quyên vương, hành tác Sa-môn***".
(Bèn bỏ ngôi vua, xuất gia làm Sa-môn).

Không làm quốc vương nữa, đem ngôi vua nhường cho người khác, Ngài xuất gia tu hành. Người thế gian cầu danh văn lợi dưỡng. Người bình thường trong xã hội ngày nay truy cầu giàu có, truy cầu quyền lợi. "*Quốc*" là lợi ích, là giàu có, "*quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải*" (thiên tử sang quý, giàu có khắp bốn biển), họ có quyền lợi, có địa vị. Không cần quyền lợi, địa vị nữa, tất cả phú quý cũng không cần, xả bỏ hết để đi xuất gia tu đạo. Quý vị hãy nghĩ xem, Phật đạo nếu không tốt, không chân thật thì người ta làm sao có thể hy sinh ngôi vua để đi tìm cầu? Do đây có thể biết, sự lợi ích của Phật đạo nhất định vượt hơn ngôi vua nên họ mới chịu làm. Thế Nhiêu vương do vậy mà xuất gia. Phật Thích-ca Mâu-ni của chúng ta cũng vì thế mà xuất gia, Thích-ca Mâu-ni Phật lấy thân phận là thái tử để xuất gia, chưa làm quốc vương, còn Ngài đã làm quốc vương rồi xả bỏ ngôi vua để xuất gia. Sau khi Phật diệt độ, người xả bỏ ngôi vua xuất gia cũng không ít. Chúng ta đọc trong kinh, thời kỳ đầu phiên dịch kinh có Đại Sư An Thế Cao. Kinh Bát Đại Nhân Giác mà quý vị thường đọc là do Ngài An Thế Cao phiên dịch. Trước đây chúng tôi có đem đến số băng ghi âm trong đó có kinh A-nan Vấn Sự Phật Kiết Hung cũng là do An Thế Cao phiên dịch. An Thế Cao đã từng làm quốc vương của nước An Tức. Ngài là hoàng thái tử của nước An Tức, sau khi phụ thân qua đời, Ngài kế thừa ngôi vua, nhưng Ngài làm vua chỉ có nửa năm chưa đến một năm thì nhường ngôi vua cho người chú, rồi đi xuất gia học đạo. Ngài có duyên phần rất sâu với người Trung Quốc nên đến Trung Quốc hoằng pháp lợi sanh, viên tịch tại Trung Quốc. Đây đều là những người xả bỏ ngôi vua. An Tức thời Hán Triều là nước Ba Tư thời nhà Đường, bây giờ là Iran, An Thế Cao là Quốc Vương của nước Iran thuở xưa. Ngài xuất gia, việc này rất đáng cho chúng ta nghĩ ngẫm, Ngài thật sự đã giác ngộ.

"*Sa-môn*", ở Ấn Độ thời xưa là lối xưng hô thông thường dành cho người tu hành, không nhất định là học Phật. Tất cả người tu hành của các tôn giáo đều được gọi là sa-môn. Sau khi Phật giáo truyền sang Trung Quốc thì "Sa-môn" đã trở thành lối xưng hô riêng của đệ tử Phật. Ý nghĩa của nó là *Cần Tức*, **là <u>Cần</u> tu Giới Định Huệ, <u>Tức</u> diệt tham sân si (siêng tu Giới Định Huệ, diệt trừ tham sân si)**. Người nào có thể chuyên tu Giới Định Huệ, dập tắt tham sân si thì gọi là sa-môn. Do đây có thể biết, sa-môn không phân biệt tại gia hay xuất gia. Người tại gia siêng tu Giới Định Huệ, dập tắt được tham sân si cũng được gọi là sa-môn. Ngày xưa danh xưng này tại gia xuất gia đều thông dụng, còn bây giờ người tại gia rất ít dùng. Đa số là người xuất gia dùng danh xưng này. Trong Phật giáo có nhiều cách xưng hô mà tại gia xuất gia đều có thể dùng. Chữ "Phật" tại gia xuất

gia đều có thể dùng, "Bồ-tát" cũng là tại gia xuất gia có thể dùng, "A-la-hán" cũng là tại gia xuất gia có thể dùng. Cho đến Hòa Thượng mà chúng ta thường nói, người tại gia cũng có thể xưng là Hòa Thượng, chưa cạo đầu cũng có thể xưng là Hòa Thượng, không hề nói cạo đầu rồi mới được gọi là Hòa Thượng, như vậy bạn đã sai rồi. Ý nghĩa của Hòa Thượng là gì? Là thân giáo sư, chủ trì một đạo tràng, giáo hóa chúng sanh thì người này xưng là Hòa Thượng. Giống như hiệu trưởng trong trường học, trụ trì của tự viện, đạo tràng thì xưng là Hòa Thượng, chỉ có một mình họ có thể xưng là Hòa Thượng, họ chủ trì sự giáo hóa. Như Đạo tràng Cư Sĩ Lâm này của quý vị là đạo tràng của cư sĩ tại gia, vị Lâm Trưởng của Cư Sĩ Lâm tức là Hòa Thượng, ông ấy chủ trì việc giáo hóa. Cho nên "Hòa Thượng" không phân tại gia xuất gia, "A-xà-lê" cũng không phân tại gia xuất gia. Tại gia xuất gia đều có thể xưng hô "Pháp Sư", dùng Phật Pháp chỉ dạy tất cả chúng sanh đều có thể xưng là Pháp Sư. Chỉ có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Sa-di, Sa-di ni bốn cách xưng hô này người tại gia không thể xưng. Ngoài ra người tại gia đều có thể xưng.

Chúng tôi trước kia ở Đài Trung theo lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam học Phật có rất nhiều người tặng thầy Lý những tranh có chữ trên đó đề là "Tuyết Lư Đại Hòa Thượng", "Tuyết Lư" là biệt hiệu của Ngài, Ngài là cư sĩ tại gia, vì sao lại xưng là đại hòa thượng? Đây đều là những người trong nghề viết. Đích thực Ngài ở Đài Trung chủ trì Liên Xã Đài Trung, chủ trì Thư Viện Từ Quang Đài Trung, dùng Phật Pháp chỉ dạy một vùng. Ngài là thầy, là đạo sư của một vùng nên xưng là đại Hòa Thượng, cho nên người tại gia có thể xưng hô Hòa Thượng. Đây là nhân tiện giải thích rõ thêm về cách xưng hô cho quý vị.

"***Hiệu viết Pháp Tạng***".
(Hiệu là Pháp Tạng).

Ngài xuất gia rồi, thầy đặt pháp danh cho Ngài là Pháp Tạng, ý nghĩa của chữ này cũng rất hay. "Tạng" nghĩa là hàm chứa, giống như cái kho, tất cả vạn pháp đều chứa bên trong, ý nghĩa của danh hiệu này rất sâu. Người này tức là A-di-đà Phật sau này, đây là nói rõ về A-di-đà Phật lúc ban sơ xuất gia như thế nào. Nguyên nhân gì xuất gia? Là do nghe kinh khai ngộ, thật sự giác ngộ rồi, phát khởi đại Bồ-đề tâm, đại đạo tâm. Xả bỏ ngôi vua xuất gia với Thế Gian Tự Tại Vương Phật. Sau khi Ngài xuất gia, chúng ta hãy xem Ngài tu trì.

"***Tu Bồ-tát đạo, cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị. Tín giải minh ký, tất giai đệ nhất***".

(Tu Bồ-tát đạo, tài cao hơn người, dũng mãnh tinh tấn, tâm trí sáng tỏ, trỗi lạ hơn đời, tin, hiểu, nhớ rõ đều là bậc nhất).

Một người thật sự giác ngộ, thật sự phát đạo tâm thì không ai không tinh tấn, không ai không dụng công, vì sao vậy? Vì họ theo đuổi một mục tiêu, họ hy vọng có thể sớm được thực hiện, mục tiêu của Tỳ-kheo Pháp Tạng là gì? Là thành Phật, hơn nữa hy vọng tất cả chúng sanh đều thành Phật. Đây là mục tiêu của Ngài. Quả thật Ngài đã đạt được, thật là phi thường. Những điểm này đều đáng cho chúng ta học tập, chúng ta phải nghiêm túc học tập. "*Tu*" là tu chỉnh, Bồ-tát đạo là tiêu chuẩn. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Thiện Tài Đồng Tử tu học. Thiện Tài mỗi lần tham vấn một vị thiện tri thức, sau khi lễ kính tán thán nhất định tự trình bày rõ mục đích đến của mình. Ngài nói: "*Tôi đã phát tâm vô thượng Bồ-đề, không biết học Bồ-tát đạo, tu Bồ-tát hạnh như thế nào?*". Sau khi phát tâm, hai sự việc này là trọng yếu nhất. Chữ "đạo" ở đây bao hàm cả Bồ-tát Hạnh. "Đạo" là gì? Là giữ tâm, Bồ-tát giữ tâm gì? "Hành" là hành vi, trong sinh hoạt hằng ngày, Bồ-tát làm cách nào để xử sự, đối người, tiếp vật? Đi khắp nơi để tham học, nghe lời giáo huấn của thiện tri thức, tu chỉnh tư tưởng kiến giải sai lầm của chính mình, đây là thuộc về đạo. Ngôn ngữ tạo tác là thuộc về hành, tu chỉnh lại tất cả những sai lầm gọi là tu Bồ-tát đạo.

"*Cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị*", bốn câu này là tán thán sự thành tựu tu học của Ngài, người khác không thể sánh kịp. "*Cao*" là nói về đức hạnh, Ngài có đạo đức cao thượng. "*Tài*" là nói về trí huệ. Ngài có trí huệ vượt hơn người, người thông thường không thể sánh bằng Ngài. "*Dũng triết*" là minh triết, Ngài không mê hoặc, rõ ràng minh bạch. "*Dũng*" là tinh tấn, dũng mãnh, cố gắng tinh tấn nỗ lực. "*Dữ thế siêu dị*", người thế gian, những bạn học thông thường đều không sánh bằng Ngài. Trí huệ của Ngài cao, nguyện lực lớn, nguyện của Ngài vượt hơn nguyện của những bạn học khác.

"*Tín giải minh ký*", trong quá trình cầu học cần phải đầy đủ, điều kiện này rất quan trọng. Đối với thầy phải có lòng tin, tôn sư trọng đạo. Nếu đối với thầy không có lòng tin, thì dù thầy có cao minh hơn nữa bạn cũng không thể thành tựu, bạn sẽ không được gì cả. Nếu đối với thầy có lòng tin kiên định, có lòng kính ngưỡng tôn sùng cao thượng, thì dù thầy không cao minh lắm, bạn cũng có thể có thành tựu xuất chúng, điều này trong lịch sử từ xưa đến nay chúng ta đều thấy được. Cho nên trong lúc học tập, tôn sư thì sẽ trọng đạo, trọng đạo thì chẳng có ai không tôn sư. Như vậy, Ngài đối với thầy của Ngài là Tự Tại Vương Phật đương nhiên có lòng tín ngưỡng kiên định, thanh tịnh. Thầy chỉ dạy, Ngài có thể

tiếp nhận, Ngài có thể lý giải rõ ràng minh bạch. "*Minh ký*", và còn ghi nhớ lâu, không hề quên mất. "*Tất giai đệ nhất*", tín đệ nhất, giải đệ nhất, minh ký cũng là đệ nhất, đây là điều mà Thế Gian Tự Tại Vương Phật rất vui mừng, tìm được truyền nhân rồi, người học trò giỏi nhất này có thể truyền pháp của Ngài. Phần tiếp theo nói lại càng đáng quý hơn. Điều này thật không dễ dàng, vô cùng khó được.

"***Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện, cập niệm huệ lực, tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động. Tu hành tinh tấn, vô năng du giả***".

(Lại có hạnh nguyện thù thắng và niệm huệ lực để tăng thượng tâm mình, kiên cố chẳng động, tu hành tinh tấn không ai hơn được).

Mấy câu này là tán thán đặc biệt đối với Ngài, còn phía trước là điều kiện cần phải hội đủ của người học trò. "*Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện*", điều này những bạn học khác không có, dù có cũng không thù thắng bằng. Chỗ thù thắng này là nguyện vọng vô cùng mãnh liệt, đây tức là tứ hoằng thệ nguyện. Bốn mươi tám nguyện phía sau chính là từ chỗ này mà ra. Bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật không phải không có gốc, gốc chính là từ chỗ này. Đây là trước khi xuất gia Ngài đã phát đại nguyện này, phổ độ chúng sanh viên thành Phật đạo. Trong kinh này nói về đại nguyện bình đẳng thành Phật, đại nguyện này quá thù thắng. Tất cả chư Phật độ chúng sanh không có nói bình đẳng thành Phật, bình đẳng thành Phật quả thật là thù thắng. "*Cập niệm huệ lực*", chữ "*niệm huệ*" này là đầy đủ ngũ căn, ngũ lực. Trong kinh Di-đà nói về "Tín, Tịnh, Niệm, Định, Huệ". Tuy chỉ nói có hai thứ, trên thực tế đều hội đủ cả ngũ căn ngũ lực. "*Tăng thượng kỳ tâm*", chữ "*tăng thượng*" là đặc biệt tăng cường, tăng cường cái tâm học tập tu trì của Ngài. "*Kiên cố bất động*", câu này nghĩa là bất thoái chuyển.

"*Tu hành tinh tấn, vô năng du giả*", hai câu này đều là tán thán, chẳng ai có thể sánh với Ngài. Ngài tinh tấn nỗ lực người khác không thể sánh kịp. Đến đây Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta trạng thái học tập trong lúc bình thường của Pháp Tạng Tỳ-kheo khi theo thầy của Ngài là Thế Gian Tự Tại Vương Phật.

"***Vãng nghệ Phật sở, đảnh lễ trường quỵ, hướng Phật hiệp chưởng, tức dĩ Già-tha tán Phật, phát quảng đại nguyện***".

(Đến trước Đức Phật đảnh lễ quỳ gối, chắp tay nói kệ tán thán Phật, phát đại thệ nguyện).

Ngài tu học lúc bình thường Phật đã tán thán hết lời rồi. Ngài Pháp Tạng một hôm đến chỗ của thầy, "*vãng nghệ Phật sở*" tức là đến chỗ của Thế Gian Tự Tại

Vương Phật, khi gặp được thầy, "*đảnh lễ trường quỵ*", đây là lễ tiết, "*hướng Phật hiệp chưởng*", Ngài có việc muốn thỉnh giáo với thầy, sự việc lần này cũng rất đặc biệt, ở trước mặt thầy Ngài nói rõ nguyện vọng của mình, xin thầy chứng minh cho Ngài. "*Già-tha*" là Phạn ngữ, dịch theo nghĩa tiếng Trung Quốc là cô khởi tụng (kệ tụng). Chữ "tụng" này giống như thi ca của Trung Quốc, câu từ rất chỉnh tề, ở đây mỗi câu là bảy chữ (thất ngôn tụng), cứ bốn câu là một bài, có thể xướng tụng, âm vận đều rất hay. Trước tiên dùng kệ này tán Phật, nói rõ nguyện vọng của Ngài. Những điều này đều nằm trong kệ tụng này.

"***Tụng viết***" (nói kệ rằng).

Phần dưới chính là lời mà Ngài Pháp Tạng nói với thầy. Tám câu đầu là tán thán thầy, xưng tán thầy. Chúng ta xem bài thứ nhất, bốn câu:

"***Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm***
Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng
Quang minh vô lượng chiếu thập phương
Nhật nguyệt hỏa châu giai nặc diệu."

(Thân Như Lai vi diệu đoan nghiêm
Thế gian không ai sánh kịp được
Sáng ngời vô lượng khắp mười phương
Nhật nguyệt hỏa châu lu mờ cả.)

Hai câu đầu tiên là khen ngợi tướng hảo của Phật, hai câu sau là khen ngợi quang minh của Phật. "*Đoan*" là đoan chính, trang nghiêm; "*vi diệu*", có thể nói là đoan chính, trang nghiêm không gì bằng. Phía trước đã nói với quý vị tướng tùy tâm chuyển, tướng do đâu mà có? Do tâm biến hiện, *tất cả pháp từ tâm tưởng mà sanh ra*. Tâm của Phật tốt nên hiện tướng tốt. Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp. Tướng là quả báo, quả thì tất sẽ có nhân, nhân tốt thì quả tốt. Trong kinh điển chúng ta thường đọc tướng lưỡi rộng dài, lưỡi của Phật rất mỏng, lưỡi đưa ra có thể che phủ cả mặt, Thích-ca Mâu-ni Phật đã từng biểu diễn qua. Là để chứng minh gì vậy? Chứng minh lời Phật nói là chân thật không lừa dối người. Phật nói: "Một người nếu ba đời không vọng ngữ, không gạt người thì lưỡi của họ đưa ra có thể liếm đến mũi của mình". Lưỡi của chúng ta rất ngắn liếm không tới, tức là chúng ta thường hay vọng ngữ, gạt người. Nhân không tốt thì quả sẽ không tốt. Lưỡi của Phật đưa ra che khắp cả mặt, nói với chúng ta Phật đời đời kiếp kiếp không lừa người, chứng minh lời Phật nói chân thật không hư. Cho nên nhân tốt thì được tướng tốt. Vậy chúng ta muốn tướng của mình tốt thì nhất định phải tu

nhân tốt, phải giữ tâm tốt, phải làm người tốt. Tâm tốt, người tốt thì tướng mạo nhất định tốt, đây là đạo lý nhất định. Nếu tâm hạnh của mình không tốt mà muốn có tướng mạo tốt. Hiện nay đi thẩm mỹ đều là giả, không phải thật, lại còn có nhiều tác dụng phụ. Tôi nghe nói rất nhiều người khi đi thẩm mỹ rồi mang bệnh quái dị đầy thân, thật là lợi bất cập hại. Muốn tướng tốt không khó, trước tiên phải tu tâm tốt, nói lời tốt, làm việc tốt. Nói tóm lại làm người tốt thì tướng sẽ tốt. "*Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng*", điều này người thế gian không thể nào sánh được, nói cách khác, trên tâm hạnh thì người thế gian không cách gì sánh bằng Phật. "*Quang minh vô lượng chiếu thập phương*", quang minh của Phật, từ trên lý mà nói Phật niệm niệm không bỏ tất cả chúng sanh. Có một số chúng sanh được Phật gia trì, một số khác không được Phật gia trì, đây là nguyên nhân gì? Nguyên nhân này không ở nơi Phật, quang minh của Phật là chiếu rộng, là chiếu khắp, không có phân biệt, cũng không có ưa thích hay ghét bỏ. Chúng sanh được lợi ích nhiều ít khác nhau là vì nghiệp chướng của chúng sanh khác nhau. Người nghiệp chướng mỏng thì được lợi ích nhiều, kẻ nghiệp chướng sâu dày thì được lợi ích ít, đây là chân tướng sự thật. Vậy thì xem nghiệp chướng từ đâu? Người đối với Phật cung kính, có thể lý giải kinh pháp của Phật, có thể tiếp thọ thì là người có thiện căn dày, nghiệp chướng ít. Nếu đối với Phật không tin, đối với kinh pháp của Phật nói không lý giải chính xác, không thể tín thọ phụng hành thì họ được lợi ích ít, điều này nói rõ nghiệp chướng của họ nặng. Quang minh của Phật Bồ-tát đích thật là chiếu rộng, chiếu khắp. Câu dưới là so sánh, ánh sáng của thế gian thù thắng nhất là mặt trời, mặt trăng. Nếu so sánh ánh sáng của nhật nguyệt với ánh sáng của Phật thì giống như chúng ta thắp ngọn đèn dưới ánh sáng mặt trời vậy. Đèn rất sáng, nhưng dưới ánh sáng của mặt trời thì không hiển hiện ra được, là "*nặc diệu*", không thể hiển bày ra được. Đây là hình dung ánh quang minh của Phật là vĩ đại, Phật quang viên mãn, cũng là hình dung trí huệ và lòng từ bi của Phật. Bài thứ hai:

"***Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh***
Hữu tình các các tùy loại giải
Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân
Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến."

(Thế Tôn diễn thuyết một âm thanh
Tùy loại hữu tình thảy thông hiểu
Lại hay hiện sắc thân đẹp đẽ
Tùy loại chúng sanh đều thấy rõ.)

Bốn câu này cũng là tán thán Phật, hai câu đầu là tán thán Phật thuyết pháp. Âm thanh của Phật đích thật là vi diệu, vi diệu đến độ chúng ta không thể nghĩ bàn. Phật dùng một âm để thuyết pháp. Tất cả chúng sanh có ngôn ngữ không đồng, tuy nhiên khi mọi người nghe Phật thuyết pháp đều nghe hiểu cả. Giống như chúng ta nghe tiếng Hoa, Phật thuyết pháp chúng ta nghe ra tiếng Hoa, còn người kia nghe tiếng Anh thì Phật thuyết ra tiếng Anh. Mỗi người nghe Phật thuyết pháp đều là ngôn ngữ của chính mình, Phật không cần thông dịch, mọi người nghe đều rất hoan hỷ, đều nghe rất rõ ràng. "*Hữu tình các các tùy loại giải*", người thế gian chúng ta ngôn ngữ bất đồng nhưng Phật thuyết pháp thì ai nghe cũng hiểu. Trong đạo tràng này còn có chư thiên quỷ thần, ngôn ngữ của họ lại càng khác hẳn với ngôn ngữ của chúng ta. Những chư thiên quỷ thần này cũng nghe hiểu, đều giống như nghe ngôn ngữ của họ vậy. Cho nên âm thanh của Phật vi diệu thay. Cổ nhân tán thán là "viên minh cụ đức", nó là mật ngữ. Đạo lý bên trong, nhà khoa học hiện đại quả rất thông minh, họ tin, họ từ trên lý luận để phân tích việc đó, quả thật là có thể. Thế nhưng hiện nay vẫn chưa biết dùng phương pháp gì để đạt được điều đó. Cho nên, với lý luận của khoa học, có nhóm người đích thực đã đem những phần thâm mật của Phật pháp giúp chúng ta giải quyết được nhiều vấn đề.

Hai câu tiếp là nói về thân Phật, thân Phật cũng rất vi diệu, "*hựu năng hiện nhất diệu sắc thân, phổ sử chúng sanh tùy loại kiến*". Bạn muốn nói về thân tướng của Phật, thực tế mà nói thì nói không ra, vì sao vậy? Mỗi người thấy tướng của Phật đều không giống nhau, Phật có thể khiến tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Bạn thích thấy tướng Phật như thế nào thì Phật sẽ là tướng đó, tức là cái tướng mà bạn thích. "*Tùy loại hiện thân*", tùy loại hiện thân hàm nghĩa rất sâu rộng. Tiêu chuẩn thẩm mỹ của mỗi người không giống nhau, tôi nhìn tướng này thấy thích, bạn nhìn tướng đó chưa hẳn đã thích, thế nhưng Phật hiện tướng khiến mỗi người nhìn thấy đều thích cả. Đích thật như trong kinh Lăng-nghiêm nói, "*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*" (thuận theo tâm chúng sanh mà ứng hiện phù hợp với khả năng nhận biết của họ). Kinh Lăng Nghiêm nói cho chúng ta biết, không những thị hiện thân này mà cái thân tướng này là thiên biến vạn hóa, không phải là một tướng cố định. Có một số đồng tu không rõ sự thật này. Tôi thường nghe có người hỏi tôi: Thưa Pháp Sư, Quán Âm Bồ-tát rốt cuộc là nam hay là nữ? Quán Âm Bồ-tát là nam và cũng là nữ, Ngài tùy loại hóa thân. Bạn thích thấy thân nữ thì Ngài liền hiện thân nữ, bạn thích thấy thân nam thì Ngài hiện thân nam, không phải là một hình tướng cố định. Chư Phật Bồ-tát đã vô ngã, vô tướng

rồi. Bạn xem trong kinh Kim Cang chẳng phải đã nói rồi sao? "*Nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ-tát*" (nếu Bồ-tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì không phải là Bồ-tát). Chấp tướng là phàm phu, Ngài không chấp trước, không còn nữa. Bởi vì "vô tướng" cho nên "vô bất tướng", chúng ta hôm nay thua thiệt quá lớn, chấp trước có một cái tướng nhất định, có tướng cho nên không cách gì biến thành tướng thứ hai. Phật Bồ-tát vô tướng, các Ngài có thể tùy theo tất cả chúng sanh mà hiện vô lượng vô biên tướng, đều khiến chúng sanh tùy loại mà thấy. Tám câu này là tán thán Phật.

Phần dưới là nói về nguyện vọng của mình, những điều này chúng ta đều phải học tập. Bạn xem người ta phát tâm, phát nguyện như thế nào? Tu hành ra sao? Chúng ta muốn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, muốn thấy A-di-đà Phật thì chúng ta cần phải học theo A-di-đà Phật. Bắt đầu học từ chỗ A-di-đà Phật phát tâm tu hành, đây là học thật sự.

"***Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh***
Pháp âm phổ cập vô biên giới"

(Nguyện con được tiếng Phật thanh tịnh
Đưa Pháp âm đến vô biên cõi)

Chúng ta phát tâm học Phật rồi, đặc biệt là xuất gia rồi, không làm quốc vương nữa, xuất gia rồi. Xuất gia để làm gì? Xuất gia là muốn thuyết kinh giảng đạo cho tất cả chúng sanh. Thuyết kinh giảng đạo quan trọng nhất là âm thanh. Thế giới Ta-bà chúng ta, Ngài Văn-thù Bồ-tát nói rất hay, "*thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*" (chân giáo thể ở phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Cho nên âm thanh cần phải hay, một số người có được âm thanh hay là do trời phú. Tiền kiếp họ tu nhân tốt như là tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng, tán thán Tam Bảo, tán thán người thiện, việc thiện của thế gian thì âm thanh của họ sẽ hay. Phàm việc gì đều có nhân quả, đây là điều chúng ta phải thường xuyên suy ngẫm. Chúng ta mong mọi thứ đều tốt thì phải tu nhân thiện, ngoài việc tự mình tu hành còn phải cầu Phật gia trì. Quý vị đồng tu phải biết, người phát tâm giảng kinh nói pháp, sau khi lên giảng đài thì tướng và âm thanh của người đó đều khác, không giống như lúc ở dưới giảng đài. Nếu chư vị tỉ mỉ quan sát thì sẽ phát hiện ra, vì sao vậy? Vì trên giảng đài có Phật Bồ-tát gia trì, xuống giảng đài rồi thì không còn nữa. Cho nên tướng mạo trên giảng đài và dưới giảng đài không giống nhau, âm thanh cũng không giống nhau. Âm thanh cũng là do

Phật lực gia trì. Quý vị quen biết tôi thời gian không lâu lắm, ở Đài Bắc có nhiều đồng tu đã quen biết tôi từ rất nhiều năm trước, còn có một số quen biết tôi khi tôi mới xuất gia, mới học Phật. Lúc đó tướng mạo và âm thanh của tôi so với hiện giờ hoàn toàn khác hẳn. Đây là do sau khi tôi học Phật được oai thần gia trì của Tam Bảo. Được thanh tịnh âm của Phật để làm việc lợi ích gì?

"***Tuyên dương giới định tinh tấn môn***
Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp."

(Tuyên dương pháp: giới, định, tinh tấn
Thông đạt rộng sâu pháp nhiệm mầu.)

Tôi được tướng tốt, âm thanh hay không phải để khoe khoang với người thế gian là tôi đẹp hơn anh. Không phải ý này mà là để hoằng pháp lợi sanh, làm lợi ích cho chúng sanh. Làm lợi ích cho chúng sanh, thực tế mà nói, tướng phải đẹp, bởi vì chúng sanh đều yêu thích cái đẹp, tướng mạo mà không đẹp thì pháp duyên sẽ không tốt. Trong kinh Đại Thừa chúng ta đọc thấy chư Phật sau khi thành Phật, các Ngài phải dùng thời gian 100 kiếp để tu tướng hảo, 32 tướng, 80 vẻ đẹp là phước báo do tu mà có. Vì sao? Bởi vì tướng hảo thì có thể nhiếp thọ chúng sanh, chúng sanh vừa nhìn thấy tướng này thì họ liền theo bạn, điều này rất lợi hại, họ sẽ không lỡ rời xa bạn. Một thí dụ rõ rệt nhất, chúng ta thấy trong kinh Lăng-nghiêm, Tôn giả A-nan vì sao xuất gia? Trong hội Lăng-nghiêm Tôn giả A-nan đã nói ra, bởi vì Ngài nhìn thấy tướng của Thích-ca Mâu-ni Phật quá đẹp. Ngài nói tướng này không phải do cha mẹ sanh, nhất định là do Phật tu mà thành, chính vì yêu thích tướng của Thích-ca Mâu-ni Phật mà Ngài xuất gia. Người thế gian chúng ta thường hay nói "tú sắc khả xan (vẻ đẹp làm người ta nhìn không biết đói)", gặp được một người có tướng đẹp thì ngay cả ăn cơm cũng quên mất. Cho nên Phật rất hiểu tâm lý của chúng sanh, nhất định phải thị hiện tướng thật đẹp để thu nhiếp hết thảy chúng sanh, đạo lý là ở chỗ này. Chỉ vì muốn "*tuyên dương giới, định, tinh tấn*", đây là bao gồm toàn bộ Phật pháp. Giới Định Huệ tam học là trung tâm tu học trong pháp Tiểu Thừa. "Tinh tấn" là đệ nhất thiện căn của Bồ-tát, cho nên ba thứ này hợp lại tức là tất cả Phật pháp Đại Tiểu Thừa đều gồm thâu trong đó.

Câu sau đây lại càng đặc biệt hiếm có: "*Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp*". Câu này là chỉ cho cái gì vậy? Lấy Phật pháp bình thường để nói, trong Thiền Tông nói đến Minh Tâm Kiến Tánh, trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói với chúng ta "*tâm thị tâm tác, thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*", đây là thậm thâm

vi diệu pháp vậy. Nếu nghiêm khắc mà nói "chân thật thậm thâm vi diệu pháp" chính là niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật. Pháp môn này đích thực là "thậm thâm vi diệu pháp" vì sao? Tất cả chư Phật đều nói pháp khó tin, Tịnh Độ là "*nan tín chi pháp*" (pháp khó tin), người thông thường nghe rồi không tin, nghe xong còn phản đối, bài xích. Xin thưa quý vị, đây là hiện tượng rất bình thường, điều này không hiếm lạ. Tôi nghe xong gật đầu, không sao, rất bình thường. Người nghe rồi liền hoan hỷ tiếp nhận đó là không bình thường, đó là kỳ quái. Tất cả chư Phật đều nói là Pháp môn khó tin, tại sao họ có thể tin? Bạn có thể tin là không bình thường. Phần sau của bộ kinh này đều có nói đến, bạn có thể tin Pháp môn này là thiện căn trong vô lượng kiếp đời quá khứ của bạn ngày nay được phát hiện. Trong đời quá khứ của bạn không có thiện căn phước đức nhân duyên thật sâu thì bạn làm sao có thể tin được. Pháp môn này vừa được tuyên dương, người ta vừa nghe liền tin tưởng thì sao gọi là pháp khó tin? Nếu rất dễ tin thì không thể gọi là pháp khó tin được. Cho nên một số người nghe xong không thể tiếp nhận, bài xích đó là hiện tượng rất bình thường. Chúng ta hiểu được đó là do họ nhiều đời nhiều kiếp không có thiện căn này, hoặc giả có thiện căn nhưng chưa thành thục. Do đây có thể biết nhất định phải thông đạt trước, sau đó mới có thể tuyên dương một cách thuận lợi, giới thiệu với mọi người. Chúng ta xem bài kệ tiếp theo.

Sáu câu dưới đây rất quan trọng. Mặc dù Pháp Tạng Tỳ-kheo đưa ra báo cáo về tâm đắc trong việc tu học của mình với thầy, đây cũng là điển hình mô phạm trong việc tu học của bản thân chúng ta:

"***Trí huệ quảng đại thâm như hải***"

(Trí huệ rộng lớn như biển cả)

Chỗ mong cầu của Phật pháp là trí huệ, chỗ tu của Thiền Tông Đại Thừa không phải là thiền định mà là *trí huệ*. Lục Tổ Đại Sư trong Đàn Kinh, vừa mở đầu liền nói cùng mọi người tổng niệm "Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa". Ngài không bảo họ tu thiền định mà bảo họ cùng niệm Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa, cho thấy Thiền Tông Trung Quốc là tu Bát-nhã. Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Giáo, Mật Giáo, không có Tông nào không lấy trí huệ để làm mục tiêu, *trí huệ* này từ đâu mà có? Từ trong định mà có. Cho nên định là then chốt, trí huệ là mục tiêu. "Định" tức là tâm thanh tịnh.

"***Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao***"

(Nội tâm thanh tịnh dứt trần lao)

"Trần lao" là ô nhiễm, tức là vọng tưởng phân biệt chấp trước, phải đào thải cho sạch sẽ rốt ráo những thứ này, khôi phục lại tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là chân tâm, tâm thanh tịnh tức là bổn tánh. Lục Tổ Đại Sư lúc thành tựu, Ngài hướng về Ngũ Tổ để trần thuật tâm đắc của Ngài. Ngũ Tổ truyền pháp, đem kinh Kim Cang giảng cho Ngài, giảng đến chỗ "*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*" (nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia) thì Ngài liền khế nhập, Ngài hiểu rõ ngay. Ngài nói ra tâm đắc của mình, câu đầu tiên là: "*Hà kỳ tự tánh bổn lai thanh tịnh*" (nào ngờ tự tánh vốn là thanh tịnh), cho nên tâm thanh tịnh là bổn tâm của chúng ta, là bổn lai diện mục của chúng ta. Tâm của chúng ta hiện nay không thanh tịnh mà bị ô nhiễm, như vậy công việc hiện nay chúng ta phải làm là làm thế nào để từ chỗ ô nhiễm quay về với thanh tịnh. Đây chính là thật sự tu hành, bạn nắm được cương lĩnh tu hành chân chánh đó thì bạn đã thực sự biết dụng công rồi. Làm cách nào khôi phục lại cái tâm ô nhiễm của chúng ta trở thành thanh tịnh? Tám vạn bốn ngàn pháp môn. "Pháp" là phương pháp, "môn" là cửa vào, bất luận pháp môn nào đều là vì mục tiêu này.

Làm thế nào từ nhiễm trở về thanh tịnh? Hôm nay, chúng ta dùng phương pháp niệm Phật. Tịnh Tông dùng chấp trì danh hiệu, tín nguyện trì danh, "*tâm tịnh tức độ tịnh*". Xin thưa với quý vị, tâm đã được thanh tịnh rồi thì bạn cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ được bảo đảm, cảm ứng đạo giao với Tây Phương Tịnh Độ. Lúc đó có thể nói là tự tại vãng sanh, muốn ra đi lúc nào thì sẽ ra đi lúc đó. **Chúng ta hôm nay muốn đi nhưng đi không được, đạo lý là ở đâu? Tâm không thanh tịnh, không tương ưng với Tịnh Độ, nhất định phải niệm đến tâm thanh tịnh.** Phàm là những thứ làm tâm ô nhiễm, chúng ta đều phải cảnh giác, biết đó là sai lầm, cần phải lìa bỏ. Bạn xem, Thế Nhiêu Vương là quốc vương xử lý việc chính trị của quốc gia, dù làm tốt đi nữa thì vẫn làm ô nhiễm tâm thanh tịnh, cho nên Ngài cần phải xả bỏ ngôi vua của mình, xả bỏ phú quý, vì sao? Hy vọng đem tâm ô nhiễm trở về với thanh tịnh, đạo lý chân chánh là ở chỗ này.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 8

"***Siêu quá vô biên ác thú môn***
Tốc đáo Bồ-đề cứu cánh ngạn.
Vô minh tham sân giai vĩnh vô
Hoặc tận quá vong Tam-muội lực."

(Ra hẳn vô biên đường ác đạo
Mau đến Bồ-đề bờ cứu cánh.
Vô minh tham sân đều dứt sạch
Tuyệt hẳn hoặc lỗi, đắc tam-muội.)

Đoạn này cùng với phần trên tổng cộng là sáu câu, gồm bài kệ tụng thứ tư cộng với hai câu đầu của bài thứ năm, hoàn toàn giảng về đức tự lợi của Bồ-tát. Bởi vì có trí huệ sâu rộng, *trí huệ* đã nói ở phần trước rồi, là từ trong tâm thanh tịnh sanh ra, do đây có thể biết, tu hành tâm thanh tịnh quả thật là then chốt của việc tu học. "*Siêu quá vô biên ác thú môn*", "*ác thú*" không những chỉ cho tam ác đạo, trong lục đạo thì tam thiện đạo tốt hơn rất nhiều so với tam ác đạo. Chúng ta gọi tam ác đạo là ác thú. Nếu lấy thập pháp giới mà nhìn thì ngay đến trời người cũng là ác thú, vì sao? Họ không thể thoát ly sinh tử luân hồi. Phật trong kinh thường cảm thán rằng trong lục đạo "*sanh tử bì lao*" (sanh tử nhọc nhằn), đây là hiện tượng chân thật. Ngoài tam giới ra còn có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát. Bồ-tát vẫn chưa phá sạch vô minh, so sánh với Phật thì họ cũng là ác thú. Cho nên ở đây, "*ác thú môn*" bao hàm vô cùng rộng lớn. "*Siêu quá vô biên ác thú môn*", hàm ý chân thật của câu này là siêu việt chín pháp giới, từ câu tiếp theo chúng ta sẽ nhìn thấy rất rõ ràng.

"*Tốc đáo Bồ-đề cứu cánh ngạn*", chữ "*cứu cánh*" là quả địa Như Lai, bởi vì Đẳng Giác Bồ-tát cũng chưa cứu cánh. Do đây có thể biết "*vô biên ác thú môn*" ở phía trước bao gồm chín pháp giới hữu tình chúng sanh. Đây mới hiển thị sự thù thắng không gì sánh bằng của Tây Phương Tịnh Độ. "*Vô minh tham sân giai vĩnh vô*", "*vô minh*" là vọng tưởng, "*tham sân si*" là phiền não, cũng là nói vĩnh viễn đoạn trừ vọng tưởng, chấp trước rồi. "*Hoặc*" là mê hoặc, "*quá*" là lỗi lầm, trong đây ý nói tập khí của tam độc đều hết sạch. Làm cách nào để đoạn dứt sạch? "*Tam-muội lực*", chữ "*Tam-muội*" ở đây, tôi tin rằng mỗi vị đồng tu đều lĩnh hội được là niệm Phật Tam-muội. Quý vị hãy xem cho kỹ, sáu câu này là dùng "*trí huệ*" làm đầu. Vừa mở đầu là "*trí huệ quảng đại thâm như hải*" và lấy "*Tam-muội*" làm kết thúc, đều quay về "*Tam-muội*", ý nghĩa này vô cùng sâu sắc. Đây

là điều chúng ta cần phải biết, phải cẩn thận lĩnh hội thâm ý của nó. Do đây có thể biết hình dáng của Tam-muội chính là tâm thanh tịnh, không những là Tịnh Tông, mà Phật pháp Đại Tiểu Thừa đều tu tâm thanh tịnh. Bởi vì tâm thanh tịnh có cạn sâu, thuần tạp không đồng nhau cho nên mới nói Tam Thừa, mới nói thứ bậc quả vị. Nếu thanh tịnh đạt đến cứu cánh viên mãn, thì là cảnh giới chứng đắc trên quả địa Như Lai. Cho nên, hễ học Phật, bất luận là pháp môn nào, bất luận là Tông phái nào, người biết tu, người có công phu đắc lực đều từ trên tâm thanh tịnh mà dụng công, cũng là nói ra sức tu Tam-muội, như vậy mới là đệ tử Phật chân chánh.

Phần kinh văn tiếp theo là nói cầu trí huệ đức năng trên quả địa Phật, như thế mới có thể giúp người khác giác ngộ, là thuộc về đức giác tha, phần trước là tự giác, tự giác nhất định phải giác tha.

"***Diệc như quá khứ vô lượng Phật***"
(Như vô lượng Phật đời quá khứ).

Câu này chúng ta cũng phải coi trọng. Muốn thành tựu trí huệ trên quả địa Như Lai thì nhất định phải phụng sự vô lượng Phật, vậy mới có thể thành tựu vô lượng trí huệ. Nếu chúng ta không có năng lực, thật tình mà nói, với nghiệp chướng sâu nặng của chúng ta hiện nay, một vị Phật cũng không gặp được thì làm sao có khả năng đi phụng sự vô lượng Phật? May thay, Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta Vô Lượng Thọ Phật, chính là đại biểu của vô lượng Phật. Chúng ta có thể phụng sự Vô Lượng Thọ Phật, tức là A-di-đà Phật thì chắc chắn có cơ hội phụng sự vô lượng Phật, điều này tới phần sau chúng ta sẽ thấy.

"***Vi bỉ quần sanh đại Đạo sư***"
(Làm đại Đạo sư khắp quần sanh).

Chư Phật Bồ-tát ứng hóa tại thế gian dùng thân phận của Phật, thân phận của Bồ-tát giáo hóa tất cả chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh ngay trong một đời vãng sanh bất thoái thành Phật. Đây là đại đạo sư chân thật dắt dẫn chúng sanh liễu sanh tử, xuất tam giới. Vậy nói cách khác, câu nói này là đặc biệt chỉ cho "ngũ trược ác thế đạo quy Cực Lạc" (dẫn dắt chúng sanh trong ngũ trược ác thế quay về Cực Lạc).

"***Năng cứu nhất thiết chư thế gian,***

Sanh lão bệnh tử chúng khổ não”

(Hay cứu tất cả sự khổ não
Sanh già bệnh chết của chúng sanh)

Chúng sanh hữu tình chín pháp giới là “*nhất thiết chư thế gian*”, như vừa rồi nói ngoài lục đạo còn có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát. Bồ-tát nếu không vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì họ rất khó đoạn dứt phiền não vô minh, Bồ-tát cũng cầu vãng sanh. Không những Bồ-tát thông thường cầu vãng sanh, trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Ngài Văn-thù, Phổ Hiền đều cầu vãng sanh Tịnh Độ huống chi những người khác, điều này chúng ta cần phải cảnh giác. A-di-đà Phật chỉ dùng sáu chữ danh hiệu “Nam-mô A-di-đà Phật” thì có thể phổ độ chúng sanh hữu tình chín pháp giới, đây là có thể cứu “*nhất thiết chư thế gian*”. Công đức sáu chữ hồng danh không thể nghĩ bàn. “*Sanh lão bệnh tử*”, đây là việc mà lục đạo phàm phu không một ai có thể tránh khỏi.

Ngoài bốn chữ này ra còn có “*cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, ngũ ấm sí thạnh khổ*”. Thế Tôn trong rất nhiều kinh luận nói với chúng ta về tám thứ khổ. Con người ở trong lục đạo bị tám thứ khổ cùng lúc dày vò bức bách, công đức của danh hiệu có thể cứu, quả thật có thể cứu. Ý nghĩa này tức là chân tướng sự thật. Trong Kinh Vô Lượng Thọ hiển thị rất rõ ràng minh bạch. Quả thật có thể giúp đỡ chúng ta, cái khổ lớn nhất của đời người là tử khổ, pháp môn này có thể dạy cho chúng ta không chết, có thể dạy chúng ta không sanh bệnh, có thể dạy chúng ta không già, chỉ cần bạn thực sự tin, thật sự hiểu rõ được ý thú trong kinh điển, chịu hết lòng y giáo phụng hành. Vì nguyên nhân gì vậy? Bởi vì những thứ khổ não này bao gồm sanh lão bệnh tử, tám khổ, ba khổ. Căn nguyên của nó là vọng tưởng chấp trước. Niệm Phật Tam-muội, tâm thanh tịnh thì có thể nhổ trừ những gốc bệnh này. Bệnh căn đã nhổ hết rồi thì sự tướng của những thứ khổ não này tự nhiên sẽ không còn nữa. Cho nên đây là phương pháp chân chánh để trị tận gốc. Phật đã truyền thọ cho chúng ta rồi, vấn đề là chính chúng ta có chịu chấp nhận hay không, quả thật hoàn toàn chấp nhận rồi, chấp nhận một trăm phần trăm thì xin chúc mừng bạn, bạn không còn bệnh gì nữa. Nếu chấp nhận được tám phần, vậy bạn vẫn còn hai phần khổ não, bạn vẫn chưa hoàn toàn thoát khổ. Do đây có thể biết, Phật hoàn toàn chỉ dạy cho chúng ta, xem chính chúng ta lý giải được bao nhiêu? Chịu chấp nhận được bao nhiêu? Sau đó trong sinh hoạt hằng ngày của chính chúng ta có thể làm được bao nhiêu? Đây đều là việc của chính chúng ta, Phật đã dạy hết rồi.

Phần dưới là nói về hành vi sinh hoạt vô cùng cụ thể. Đây là hành vi sinh hoạt khỏe mạnh, vui tươi, là hành vi sinh hoạt bình thường của chư Phật Bồ-tát. Chúng ta phải biết cách làm, đương nhiên càng phải biết vì sao phải làm.

"***Thường hành Bố Thí cập Giới, Nhẫn***
Tinh Tấn, Định, Huệ, lục Ba-la"

(Thường tu bố thí, giới, nhẫn nhục
Tinh tấn, định, huệ sáu Ba-la)

"*Thường*" là vĩnh viễn không gián đoạn. "*Bố thí*" là gì? Là buông xuống, là xả, bạn phải chịu xả, phải chịu buông xuống. Buông cái gì? Phải buông xuống hết, phải xả bỏ hết tất cả những gì làm ô nhiễm tâm thanh tịnh của chúng ta. *Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn* của thế gian đều là những thứ làm ô nhiễm tâm thanh tịnh, đều là gốc bệnh của sanh tử phiền não. Cho nên phải xả bỏ cho thật sạch sẽ rốt ráo, đó là dạy bạn Bố Thí. Người thế gian nghe đến Phật pháp, biết Phật pháp là hay, Bồ-tát đã tu bố thí Ba-la-mật rồi cũng đều nói ra được điều này. Vì sao tự mình không chịu làm? Vì luyến tiếc. Nói cách khác không buông nổi. Vì sao không thể buông xuống? Cuộc sống của chúng ta quá khổ, khó khăn lắm mới có được. Rất khó mới có được nên bảo bạn phải bỏ đương nhiên cũng khó. Chúng ta không biết nhân quả ở bên trong, không biết đạo lý ở bên trong, cho nên mới có rất nhiều chướng ngại. Bởi thế nhất định phải thường thường đọc tụng kinh điển Đại Thừa, phải lĩnh hội giáo nghĩa trong kinh Đại Thừa, hiểu rõ đạo lý rồi, rõ ràng nhân quả rồi thì tự nhiên bạn sẽ chịu xả, tự nhiên bạn sẽ chịu buông xuống.

Đã hiểu rõ lý, trong tâm khai giải rồi. Chúng ta sở dĩ không chịu xả vì e sợ cuộc sống của mình có khó khăn. Thí dụ nói tiền tài, sau khi xả bỏ rồi thì ngày tháng của tôi sẽ rất khổ sở. Cái này là do chúng ta đang khởi vọng tưởng, nghĩ sai rồi, không phải là chân tướng sự thật. Tiền tài đó càng xả thì cuộc sống của bạn càng tự tại, càng phong phú, hoàn toàn tương phản với sự tưởng tượng của chúng ta. Chúng ta không rõ đạo lý, không biết được chân tướng của sự thật, cho nên trong lòng mới có xan tham. Tham là tham cầu, xan là không nỡ xả, nên mới có nhiều bệnh như vậy. Cho nên xả tài thì tiền tài của bạn nhất định không thiếu thốn. Bạn bố thí pháp thì nhất định được thông minh trí huệ. Bạn có thể giúp đỡ tất cả những người bị khổ nạn thì bạn nhất định sẽ khỏe mạnh trường thọ, nhân duyên quả báo tơ hào không sai. Bồ-tát tu bố thí, đưa bố thí vào cương lĩnh tu hành thứ nhất, cho thấy nó quan trọng vô cùng.

"*Giới*" là trì giới, một trong sáu đại cương lĩnh của Bồ-tát hạnh. Phạm vi của trì giới vô cùng rộng lớn, là nghĩa rộng không phải nghĩa hẹp, nói nghĩa rộng là sao? Tức là thủ pháp, chúng ta phải tuân thủ tất cả những lời giáo huấn của Phật. Không chỉ là ngũ giới, thập giới, Tỳ-kheo giới, Bồ-tát giới, không chỉ là những giới này, phạm vi đó quá nhỏ hẹp, mà chúng ta phải tuân thủ tất cả những lời dạy bảo. Ngoài việc này ra, chúng ta ngày nay sống tại thế gian, chúng ta không thể rời khỏi xã hội, không thể rời khỏi mọi người, chúng ta phải sống chung với mọi người trong xã hội để duy trì xã hội. Quốc gia có hiến pháp, địa phương có luật lệ quy định, đối với những phong tục tập quán, quan niệm đạo đức thông thường không có văn tự ghi chép chúng ta đều có nghĩa vụ phải tuân thủ. Như vậy mới có thể duy trì sự an định phồn vinh của xã hội, điều này là trì giới.

Điều thứ ba là "*nhẫn nhục*", nhẫn nhục tất cả sự việc. Chúng ta phải có lòng nhẫn nại, xử sự đối người tiếp vật đều phải nhẫn nại, còn tu học thì sao? Càng phải nhẫn nại. Trong kinh Kim Cang, Phật nói với chúng ta "*nhất thiết pháp đắc thành ư nhẫn*" (hết thảy các pháp do Nhẫn mà thành tựu) câu nói này đích thực là chân lý. Bất luận là Phật pháp, thế pháp chúng ta đều phải có tâm nhẫn nại, chỉ có tâm nhẫn nại mới có thể đạt được thành tựu viên mãn.

Tiếp theo là "*tinh tấn*", tôi nghĩ câu này người hiện đại có cảm xúc rất sâu. Thời đại này đang tiến bộ không ngừng, đặc biệt là khoa học ngày càng mới lạ, đều đang cầu tiến bộ, "tấn" tức là tiến bộ. Tuy nhiên, Phật dạy chúng ta phải tinh tấn. "Tinh" là thuần mà không tạp, không phải tạp tấn, không phải loạn tấn, mà là tinh tấn. Điều này dùng cho pháp thế gian cũng vô cùng chính xác. Chúng ta học ở trường, khoa hệ mà chúng ta học "một môn tinh tấn" thì sẽ rất dễ thành tựu. Bước vào xã hội, làm bất cứ ngành nghề nào, bạn tinh tấn trong ngành nghề của mình thì cũng rất dễ thành tựu. Cùng một đạo lý như vậy, học Phật pháp cũng không là ngoại lệ. Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, Phật không bắt chúng ta môn nào cũng phải học. Không phải như vậy, mà muốn chúng ta thâm nhập một môn, không phải bảo chúng ta học tất cả các môn. Chỉ có một môn mới vào được, cho nên phải tinh tấn. Hai môn, ba môn sẽ không vào được. Giống như giảng đường của chúng ta đây, ba mặt đều có nhiều cửa, bạn muốn vào thì chỉ có thể đi vào một cửa, bạn muốn cùng một lúc đi vào hai, ba cửa, bạn thử xem có thể vào được hay không? Thế nhưng trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện rõ ràng lại nói "*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*" như vậy nghĩa là sao?

Quý vị phải biết, đó là sau khi đã vào cửa rồi, bạn có thể thông đạt tất cả pháp môn để giúp đỡ tất cả mọi người. Bạn xem họ thuộc căn cơ gì thì bạn chỉ

dẫn họ đi từ cửa đó mà vào, cho nên cửa nào bạn cũng biết. Còn khi mình nhập môn là chỉ một cửa thôi, vào được một môn rồi thì các môn đều thông đạt hết. Trong Phật môn chúng ta thường nói một bộ kinh thông thì tất cả kinh đều thông, là đạo lý như vậy. Nói cách khác, chúng ta muốn thông tất cả kinh, làm cách nào để thông? Một bộ kinh thông rồi thì tất cả kinh đều thông. Phải biết đạo lý này, nếu bạn quả thật hiểu rõ như vậy rồi thì học Phật sẽ không khó, không hiểu rõ thì mới thật là khó.

Cho nên bạn phải thật thông một bộ kinh, rốt cuộc phải thông đến đâu mới được gọi là thông? Phải **thông đến tự tánh,** đó mới là thông. Nhà Thiền nói "Minh Tâm Kiến Tánh" kiến tánh thì thông rồi. Giáo hạ nói "Đại Khai Viên Giải". "Đại Khai Viên Giải" là cùng một cảnh giới với "Minh Tâm Kiến Tánh" của Thiền Tông, là một sự việc, chỉ là cách nói khác, vậy thì thông rồi. Còn Tịnh Độ Tông chúng ta thì gọi là "Nhất Tâm Bất Loạn". Cho nên bạn hễ đạt đến Nhất Tâm Bất Loạn thì bạn thông rồi. Nhất Tâm Bất Loạn, Đại Khai Viên Giải, Minh Tâm Kiến Tánh, danh từ tuy có khác nhưng sự thật chỉ là một việc, cùng một cảnh giới. Vì sao đến cảnh giới này thì tất cả đều thông? Bởi vì Phật nói với chúng ta, đương nhiên đây là sự thật "tất cả các pháp thế xuất thế gian đều là tự tánh lưu xuất ra". Đã kiến tánh rồi, vậy còn pháp nào không thông nữa chứ? Đương nhiên là thông đạt. Đương nhiên hiểu rõ. Tất cả pháp thế xuất thế gian đều có thể thông đạt hiểu rõ. Đây là điều mà người học Phật không thể không biết. Bạn thật sự hiểu rõ thì bạn mới một lòng một dạ, một môn thâm nhập. Trong Tịnh Tông của chúng ta, chúng ta niệm Phật, chúng ta tu hành, mục đích của chúng ta là cầu Niệm Phật Tam-muội, Niệm Phật Tam-muội thành tựu rồi, đó là điều mà chúng ta đã nói ở phía trước: "*Trí huệ quảng đại thâm như hải, nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao*", cảnh giới này sẽ lập tức hiện tiền. Cho nên phải tinh tấn, tối kỵ nhất là tạp tấn, loạn tấn, thì rất khó thành tựu. Bởi thế học điều gì không thể học tạp.

Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát nói với chúng ta: "Niệm Phật tối kỵ là xen tạp". Xen tạp thì rất khó thành tựu. Không những không thể xen tạp pháp thế gian mà Phật pháp cũng không thể xen tạp. Tỉ như chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, công khóa mỗi ngày của chúng ta chỉ niệm Kinh Vô Lượng Thọ hoặc niệm kinh A-di-đà, đây tức là chuyên. Ngoài kinh A-di-đà ra ta còn phải niệm kinh Kim Cang, còn phải niệm Phẩm Phổ Môn, còn phải niệm kinh Dược Sư, rồi lại phải lạy Đại Bi Sám, đây gọi là xen tạp. Vậy cái tấn này gọi là loạn tấn, quá nhiều thì loạn tấn, hỗn loạn lung tung là tạp tấn, việc này rất khó mà thu được hiệu quả. Cho nên phải biết chuyên.

Vậy những người thích bái Sám? Chư Phật Bồ-tát quả có phương tiện, có Tịnh Độ sám. Nói tóm lại, đều không xả bỏ Pháp môn này. Như thế là đúng. Cư sĩ Hạ Liên Cư biên soạn quyển Tịnh Tu Tiệp Yếu, đây là Sám Pháp đơn giản nhất, nếu vẫn còn chê chưa đủ, Ngài còn soạn một bộ Bảo Vương Tam-muội sám, điều này thì được, đều thuộc về Tịnh Tông, cái này dùng cho những người thích bái Sám.

Kỳ thật bất luận là bái Sám gì đều không tốt bằng bái A-di-đà Phật, đây mới gọi là tinh chuyên, thật sự tinh tấn, sau khi tinh tấn tất có định, chúng ta thường gọi là thiền định. Thiền định là cách gọi chung, tuyệt đối không phải chỉ cho việc tĩnh tọa tu thiền trong Thiền Tông. Thiền định trong Lục Độ là tâm có chủ tể, không bị ngoại cảnh bên ngoài cám dỗ gọi là định.

Chúng ta cử một tỉ dụ, trong thế gian pháp, ở nơi chợ búa hiện nay, bất luận là sản phẩm gì, đều rất mới lạ. Bạn xem rồi không động tâm, đây là bạn có định, đã được định rồi thì không bị cám dỗ. Trong việc tu hành có rất nhiều Pháp môn, rất nhiều phương thức, bạn nghe qua rồi, nhìn thấy rồi, tôi vẫn chỉ niệm A-di-đà Phật của tôi, không bị nó lay động. Không phải vừa nhìn thấy thì "Ồ! Có một vị thiền sư mới tới, chúng ta đi học ngồi thiền, đằng kia có một vị Thượng Sư Mật Tông mới đến, tôi phải đi học niệm chú", như thế là sai. Như vậy là bạn không có định, tâm của bạn duyên theo cảnh giới mà chuyển, bạn không làm chủ được. Cho nên định là trong tâm có chủ tể, không bị ngoại cảnh làm lay chuyển, đây gọi là thiền định. Cho đến sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, chúng ta có quy luật của mình, không bị hoàn cảnh làm chuyển biến, những thứ này đều gọi là "Định". "*Huệ*", đơn giản mà nói là có khả năng phân biệt chân giả. Hiện nay, thế gian này đồ giả nhiều lắm, phải có khả năng phân biệt. Ngay đến Phật pháp cũng có chân có giả, có tà có chánh, có thị có phi, có lợi có hại, bạn có khả năng phân biệt thì đây là trí huệ.

Do đây có thể biết trong hành môn của Bồ-tát, **sáu cương lĩnh này hoàn toàn là dạy chúng ta trong sinh hoạt hằng ngày,** cho đến tiêu chuẩn đối người, tiếp vật, xử sự. Chúng ta phải phù hợp với tiêu chuẩn này, gọi là sáu Ba-la-mật. Ba-la là tiếng Phạn, ý nghĩa là viên mãn, công đức viên mãn. Chúng ta hết lòng tu học thì nhất định sẽ đạt được nguyện vọng mong muốn trong việc tu học của chính mình. "*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*" (trong cửa Phật hễ có cầu tất có ứng).

"***Vị độ hữu tình linh đắc độ***

Dĩ độ chi giả sử thành Phật
Giả linh cúng dường hằng sa Thánh
Bất như kiên dũng cầu Chánh Giác."

(Hữu tình chưa độ khiến được độ
Kẻ đã độ rồi khiến thành Phật
Giả sử cúng dường hằng sa Thánh,
Không bằng kiên dũng cầu Chánh Giác).

Trong bài kệ tụng thứ bảy này, đặc biệt là hai câu sau cùng vô cùng quan trọng, cho chúng ta sự khải thị rất lớn, đều là yêu cầu chúng ta phải học tập ngay trong đời sống của mình. Người chưa được độ đang vây quanh bốn phía chúng ta, bà con quyến thuộc trong nhà, hàng xóm, đồng hương, bạn bè, bạn học, đồng nghiệp của chúng ta, rất nhiều người chưa được tiếp xúc với Phật pháp, chưa được độ. Chúng ta quen biết họ, quen biết tức là duyên phần. Ta học Phật rồi, ta biết được cái hay của Phật pháp, ta phải đem Phật pháp giới thiệu cho họ, đây là gì? Đây là trách nhiệm của chúng ta, là nghĩa vụ của chúng ta. Ta quen thân với họ, phải đem Phật pháp giới thiệu cho họ, đây tức là người chưa được độ cần đi độ họ. Còn những người chúng ta chưa quen biết, người xa lạ, chúng ta cũng có tâm độ họ, không thể không có tâm nguyện này, cũng phải có một số phương tiện thiện xảo. Thí dụ chúng ta là người học Phật, bất luận đi đến chỗ nào, nên mang theo vài quyển sách nhỏ về Phật pháp bên mình, vì sao vậy? Biết đâu gặp được người quen thì có thể tặng họ một quyển, nếu không mang theo sách thì chúng ta có thể in nhiều tấm thẻ như vậy mang theo rất dễ dàng. Thường giữ tâm này, thường có ý niệm này, đem Phật pháp đi khắp nơi truyền cho mọi người. Tôi mỗi lần đi máy bay, ở chỗ ngồi của tôi có cái túi ở phía trước mặt, tôi đều bỏ một quyển kinh, khi chúng tôi xuống máy bay, vẫn để quyển kinh ở trên đó cho người sau xem. Chúng tôi có ý niệm như vậy. Chúng tôi in rất nhiều, mọi người lấy tùy ý, lấy hết chúng tôi lại in tiếp, phải có tâm như vậy. Thường xuyên có tâm này để giúp đỡ mọi người, người xa lạ chúng ta cũng giúp đỡ huống hồ là người quen biết.

"*Dĩ độ chi giả*", nghĩa là người đã học Phật, đối với Phật pháp có tín ngưỡng rất sâu. Ta nên khuyên những người này niệm Phật vãng sanh, khiến cho họ thành Phật. Chúng ta biết được trong tất cả Pháp môn, trong một đời nhất định có thể thành Phật thì chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cho nên chúng ta phải đem Pháp môn này giới thiệu cho những người đã học Phật rồi. Họ không thể tiếp nhận, đó là do họ có chướng ngại, có chướng ngại thì chúng ta nhẫn nại từ từ chờ,

đợi khi nghiệp chướng của họ tiêu trừ rồi thì họ sẽ hồi đầu. Cho nên phải có tâm nhẫn nại và phải có thể hoan hỷ giúp đỡ họ. Hai câu dưới đây rất hay:

"*Giả linh cúng dường hằng sa Thánh*", đây là nói về biệt hạnh của chúng ta, nghĩa là tu học những Pháp môn khác. "Thánh" là thánh nhân, "hằng sa" là con số, chư Phật Bồ-tát, La-hán nhiều như số cát của sông Hằng. Bạn cúng dường được nhiều như vậy, phước báo của bạn đương nhiên rất lớn. Phước báo lớn không thể liễu sanh tử, điều này quý vị phải biết. Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng Đại Sư, có nói trong Bảo Đàn Kinh: "Phước đức không thể cứu", "cứu" là nói sanh tử luân hồi. Phước báo dù có lớn hơn cũng không thể cứu được. Câu này là nói về tu phước.

"*Bất như kiên dũng cầu Chánh Giác*". "*Kiên*" là lòng tin kiên định, chí nguyện kiên định, dũng mãnh tinh tấn cầu vãng sanh. "*Chánh Giác*" ở đây là thành Phật, chỉ có vãng sanh mới có thể bất thoái thành Phật. Đây là chúng ta ngay trong một đời y theo pháp môn này nhất định có thể thành tựu. Cũng tức là nói, nguyện làm cho tất cả chúng sanh lão thật niệm Phật. "Chánh Giác" ở đây chúng ta có thể nói thẳng là vãng sanh.

"***Nguyện đương an trụ Tam-ma-địa***
Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết".

(Nguyện an trụ vào Tam-ma-địa
Hằng phóng hào quang chiếu hết thảy).

Cầu thành Phật nhất định phải nhiếp Phật Tịnh Độ, như vậy thì mấy câu này là Pháp Tạng Tỳ-kheo hướng về thầy của Ngài đưa ra báo cáo tâm đắc của Ngài. Đây đều là thuộc về tâm đắc trong sự tu học của Ngài, thành tích của Ngài, thành tựu của Ngài, cũng là trung tâm của bốn mươi tám nguyện sau này.

"*Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết*", tịch mà thường chiếu, trí huệ quang minh nguyện lực không bỏ tất cả chúng sanh. Đức Di-đà đáng được người tán thán, đáng được người bội phục. Trên nhân địa khi vừa phát tâm thì tâm đó rất thù thắng. Quả thật không ai có thể sánh bằng. Ngài không có một ý niệm tự tư tự lợi. Niệm niệm đều vì tất cả chúng sanh, niệm niệm hy vọng tất cả chúng sanh được thành tựu viên mãn rốt ráo. Hôm nay, Ngài đã nhân viên quả mãn cho nên cảm được mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đều tán thán, vì sao? Tâm nguyện ở nhân địa của chư Phật Như Lai không sánh bằng A-di-đà Phật, điều này chúng ta hoàn toàn có thể thấy được trong phần kinh văn này.

"***Cảm đắc quảng đại thanh tịnh cư***
Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân."

(Cảm được chốn thanh tịnh, rộng lớn
Thù thắng trang nghiêm không ai bằng.)

Hai câu này là giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ngài thành tựu rồi. Đây là thế giới Cực Lạc do nguyện lực của đức Di-đà hiện thành. "*Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân*", đây là nói sơ lược về trạng huống thù thắng.

"***Luân hồi chư thú chúng sanh loại***
Tốc sanh ngã sát thọ an lạc"

(Chúng sanh luân hồi trong các cõi
Chóng sanh cõi con hưởng an lạc)

Điều này thật là phi thường. Lúc nãy đã nói luân hồi là "ác thú", là chúng sanh trong lục đạo luân hồi. "*Chư thú*" bao gồm cả những chúng sanh ở địa ngục A-tỳ. Nguyện vọng của Pháp Tạng Tỳ-kheo là mong họ nhanh chóng vãng sanh thế giới Cực Lạc, đến thế giới của Ngài hưởng thọ an lạc, đó là nơi thật sự an lạc, chân thật an lạc. Quay đầu nhìn lại thế giới của chúng ta, thật đúng như lời Phật nói trong kinh Bát Đại Nhân Giác là "*quốc độ nguy thúy* (cõi nước mong manh)" không thể gọi là an cư lạc nghiệp, an cư lạc nghiệp là huyễn tưởng của chúng ta, không phải là sự thật. Những danh từ này đều có quan hệ nhân quả. "Lạc" là quả, "an" là nhân, nếu thân tâm không an thì làm sao có lạc.

Vậy làm thế nào mới được "an"? "Bình" thì "an", bình an mà. Tâm bình thì tự nhiên an, bất bình thì lấy đâu có an? Không có an thì nhất định không có lạc. Vậy làm sao để được bình? Hòa bình. Hòa rất quan trọng. Cho nên Phật dạy chúng ta phải tu Lục Hòa Kính. "Hòa" thì tâm sẽ "bình". "Bình" thì được "an". "An" thì được "lạc" nó là quan hệ nhân quả. Cho nên Lục Hòa Kính vô cùng quan trọng. Lục Hòa Kính là nhân chân thật của an lạc. Đây là nói rõ sau khi đức Di-đà thành Phật đích thực là thù thắng siêu việt.

"***Thường vận từ tâm bạt hữu tình***"
(Thường vận từ tâm cứu hữu tình).

Đây là đại từ đại bi. "*Thường*" là không gián đoạn, là nói trên mặt thời gian, Phật lấy tâm đại từ bi để giúp đỡ chúng sanh hữu tình.

"***Độ tận vô biên khổ chúng sanh***"

(Độ tận vô biên chúng sanh khổ).

Chữ "*vô biên*" này là nói về mặt không gian, chữ "*thường*" là nói về thời gian, nói cách khác, bi nguyện, bi tâm của Ngài là tận hư không khắp pháp giới. Phạm vi này quảng đại không gì sánh bằng, không phải chỉ một khu vực, một quốc gia, một thế giới mà là tận hư không khắp pháp giới, Ngài đều niệm niệm không quên tất cả chúng sanh khổ nạn, tâm lượng này thật lớn biết bao. Cũng giống như Địa Tạng Vương Bồ-tát, "chưa độ hết chúng sanh thề không thành Phật". Chúng ta ở chỗ này thấy được sự vĩ đại của A-di-đà Phật, cũng tức là nói nhất định phải giúp đỡ những chúng sanh khổ não này, giúp họ ngay trong đời này thành Phật, đây là bổn nguyện của đức Di-đà, thực tế mà nói, đó cũng là nguyện vọng chung của tất cả chư Phật. A-di-đà Phật đã làm được, chư Phật Như Lai vẫn chưa làm được, vì sao Ngài làm được? Ngài dùng phương pháp xảo diệu nhất, dễ dàng nhất, dùng sáu chữ hồng danh, cho nên tất cả chư Phật Như Lai đều tán thán A-di-đà Phật, đều hộ niệm A-di-đà Phật, là nguyện vọng chung của các Ngài, Ngài đã thực hiện được. Có vị Phật nào mà không hoan hỷ chứ? Cho nên tất cả chư Phật độ chúng sanh thành Phật bằng cách nào? Đều giới thiệu tất cả chúng sanh này đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều trao cho A-di-đà Phật. Cũng giống như Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta, Ngài thành tựu cho chúng ta bằng cách nào? Khuyên chúng ta niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc. Tất cả chư Phật của mười phương thế giới đều như Thích-ca Mâu-ni Phật, đều khuyên mọi người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đến nơi đó để tiếp nhận sự giáo hóa của Phật A-di-đà, trong một đời bất thoái thành Phật, con đường tắt để thành Phật này không có con đường nào nhanh chóng bằng. Đến chỗ này là Ngài Pháp Tạng đã báo cáo nguyện vọng, sự thành tựu trong việc tu học của Ngài rồi, bài kệ tụng sau cùng là thỉnh Phật chứng minh:

"***Ngã hạnh quyết định kiên cố lực***
Duy Phật thánh trí năng chứng tri"

(Hạnh của con quyết định, kiên cố
Xin Phật thánh trí chứng biết cho)

Chỉ có Phật mới có thể chứng minh cho hoằng thệ của Bồ-tát.

"***Túng sử thân chỉ chư khổ trung***
Như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái."

(Dù cho thân ở trong các khổ
Nguyện tâm như vậy thề không thoái.)

Chúng ta cần phải học tập hai câu này, Bồ-tát tự hành hóa tha. Trong đời quá khứ của chính mình, nghiệp chướng, tập khí từ vô lượng kiếp đến nay tuy có hoằng nguyện tiêu trừ, tuy có chư Phật gia trì, thế nhưng vẫn không tránh khỏi một số chướng nạn.

Từ sự thị hiện của Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật, trong truyện ký, trong Kinh điển chúng ta thấy Thích-ca Mâu-ni Phật thành Phật cũng chịu nhiều thử thách. Giáo hóa chúng sanh, trong số đồ đệ của Ngài cũng có người không vâng lời, cũng có người nghịch ngợm phá phách, lục quần Tỳ-kheo hằng ngày mang đến phiền phức cho Phật. Còn tại Trung Quốc, Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng Đại Sư sau khi đắc pháp tại Hoàng Mai, có nhiều người không phục, muốn tìm Ngài để thanh toán, thậm chí muốn mưu hại Ngài, khiến Ngài phải chạy vào trong đội thợ săn để tránh nạn. Ngài trốn hết mười lăm năm mới ra. Đây đều là Phật Bồ-tát làm gương cho chúng ta xem. Chúng ta sống trong thời đại này, cho dù có thành tâm thành ý, nhiệt tâm hoằng pháp lợi sanh, song nhất định không thể tránh khỏi chướng nạn. Khi gặp những thử thách này phải có tâm nhẫn nại, phải nghĩ đến những lời giáo huấn của Pháp Tạng Tỳ-kheo: "*Túng sử thân chỉ chư khổ trung, như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái*". Nguyện và hành tương hợp nhau thì chúng ta mới có thể thành tựu. Nếu có nguyện mà không có hành thì nguyện này là giả, điều này chúng ta phải biết, rất nhiều người chúng ta có nguyện nhưng không làm nổi. Ngày ngày đều ở trước Phật Bồ-tát phát nguyện nhưng một lần cũng chưa từng làm thì nguyện này gọi là nguyện suông, điều này không thể được. Vậy có hành mà không có nguyện thì cũng không được, vì sao? Vì họ không có mục tiêu, không có phương hướng, giống như người đi đường, chịu đi mà không biết đi đâu, không biết phải đi đến nơi nào, như vậy cũng không thể thành tựu. Cho nên nhất định phải hành và nguyện tương hợp thì mới có thể thành tựu. Mỗi vị đồng tu chúng ta đều phát tâm cầu sanh Tịnh Độ thì nhất định phải có đại nguyện, phải cầu thượng thượng phẩm vãng sanh, đừng học theo cách nói: "Tôi vãng sanh hạ hạ phẩm là được rồi". Người xưa thường nói: cầu thượng thượng phẩm nếu không được còn có thể được trung phẩm vãng sanh, nếu bạn đặt mục tiêu vào hạ phẩm, vậy cơ hội không được vãng sanh sẽ rất nhiều. Đó gọi là chọn mục tiêu cho cao, để rớt xuống còn vừa, nếu chọn mục tiêu thấp thì sẽ không đạt được mục tiêu. Cho nên nguyện vọng của chúng ta phải là thượng thượng phẩm, cố gắng tiến lên phía trên, đây là chính xác. Đương nhiên đối với phẩm vị đừng có so đo, đừng có chấp trước, ta nhất định nỗ lực, ta nhất định hướng thượng như vậy là chính xác. Vậy muốn phẩm vị tăng cao thì nhất định phải y theo lời giáo huấn của Tịnh Độ

Tam Kinh, phải học thuộc Tam Kinh là Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ và Kinh A-di-đà, thuộc làu làu, phải thông hiểu rõ ràng. Không những phải thuộc mà còn phải hiểu rõ, biến những lời giáo hóa trong Kinh thành tư tưởng của chính mình, biến thành nguyện vọng của chính mình, biến thành hành vi của chính mình. Như vậy thì trong sinh hoạt hằng ngày, xử sự đối người tiếp vật đều được tương ưng, không trái ngược với lời giáo huấn trong kinh điển. Đây là đồng tâm, đồng nguyện, đồng giải, đồng hạnh với Di-đà, Thích-ca cho đến mười phương chư Phật, cái duyên này thù thắng không gì sánh bằng. Khi vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì phẩm vị đương nhiên cao, đây là đạo lý nhất định. Cho nên chúng ta phải ghi nhớ: "*như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái*". Xin xem phẩm tiếp theo:

CHÍ TÂM TINH TẤN ĐỆ NGŨ
PHẨM THỨ NĂM: CHÍ TÂM TINH TẤN

Phẩm này giới thiệu giải môn trong hai môn giải hành. "*Chí tâm tinh tấn*" là các thứ tâm hạnh chí thành vô thượng. Trong phẩm này, chúng ta học tập được rất nhiều thứ. Người xưa thường nói *nhập đạo yếu môn* (cửa thiết yếu vào đạo) thì phát tâm là hàng đầu. Cho nên phát Bồ-đề tâm vô cùng quan trọng. Trọng yếu của việc tu hành là trước tiên phải lập nguyện. Chúng ta muốn tu hành thì phải có nguyện trước, nếu không có nguyện thì sự tu hành này không có phương hướng, không có mục tiêu, hành sẽ vô ích. Chúng ta xem phần Kinh văn:

"***Pháp Tạng Tỳ-kheo thuyết thử kệ dĩ, nhi bạch Phật ngôn: "Ngã kim vi Bồ-tát đạo, dĩ phát Vô Thượng Chánh Giác chi tâm, thủ nguyện tác Phật, tất linh như Phật. Nguyện Phật vị ngã, quảng tuyên kinh pháp, ngã đương phụng trì, như pháp tu hành"***"".

(Pháp Tạng Tỳ-kheo nói bài kệ này rồi liền bạch Đức Phật rằng: "Con nay tu đạo Bồ-tát, đã phát tâm Vô Thượng Chánh Giác, giữ nguyện làm Phật, tất được như Phật. Nguyện Đức Phật vì con mà rộng giảng kinh pháp, con xin phụng trì, tu hành đúng như pháp").

Đây là nói rõ Ngài đã thực sự phát nguyện rồi, đích thật phù hợp với lời dạy bảo của Cổ Đức. Ngài nói với thầy của Ngài rằng***: "Ngã kim vi Bồ-tát đạo",*** đây không phải vì mình, Bồ-tát lấy việc độ chúng sanh làm mục tiêu. Chúng ta cũng phải thường phản tỉnh, trong đời này chúng ta rốt cuộc là vì cái gì? Pháp Tạng sau khi đã giác ngộ thì Ngài vì đạo Bồ-tát. Còn chúng ta là vì cái gì? Xin thưa quý vị nếu không phải vì Bồ-tát đạo thì sẽ vì lục đạo luân hồi, đây đều là sự thật

chân chánh. Những gì chúng ta nghĩ, chúng ta làm hoàn toàn là tạo nghiệp lục đạo luân hồi, vậy thì làm sao có thể thoát ly khổ hải chứ? Cho nên ở chỗ này chúng ta phải cảnh giác. Người ta làm quốc vương, việc họ làm là nghiệp luân hồi, xả bỏ ngôi vua xuất gia tu đạo, vì đạo Bồ-tát thì đã siêu việt luân hồi rồi. Cho nên họ sống có mục tiêu, tu học có phương hướng. *Con đã phát tâm Vô Thượng Chánh Giác*, đây chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Như Thiện Tài Đồng Tử đi tham phỏng thiện tri thức, vừa mở miệng là nói: "Tôi đã phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề", hoàn toàn giống với ý nghĩa câu nói này. Vô Thượng Chánh Giác nói ở đây chính là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

"*Thủ nguyện tác Phật*", học Phật rồi, bạn xem, mục tiêu phương hướng của Ngài rất chính xác. Ta học Phật để là gì? **Học Phật tức là phải làm Phật**. Chúng ta thử nghĩ, ngày nay chúng ta học Phật, chúng ta cầu cái gì? Cầu Phật Bồ-tát bảo hộ chúng ta thăng quan phát tài, cầu thân thể mạnh khỏe, người nhà bình yên vui vẻ, là cầu những thứ này, có phải là tệ hại hay không? Chỗ cầu đó vẫn là lục đạo luân hồi. Khẩu khí của các Ngài khác hẳn, các Ngài đến để làm Phật cho nên các Ngài thành Phật. Trong tâm chúng ta không có ý niệm của Phật, cho nên đời đời kiếp kiếp không thể làm Phật. Nguyên nhân là ở chỗ này, chúng ta không thể không biết. Ngày nay chúng ta muốn học Phật, chúng ta hiểu rõ rồi, chúng ta nhất định phải phát nguyện làm Phật giống như A-di-đà Phật. Không những tương lai đến thế giới Tây Phương Cực Lạc giống như A-di-đà Phật mà ngay bây giờ tâm hành của chúng ta cũng phải giống như A-di-đà Phật. Tư tưởng, hành vi của A-di-đà Phật ở ngay trong quyển kinh này, chúng ta ngày ngày tụng kinh này, hy vọng biến những điều nói trong Kinh điển thành tâm nguyện, hành vi của chính mình. Đây gọi là học Phật. Bởi vì Ngài muốn làm Phật cho nên mới yêu cầu thầy dạy cho Ngài phương pháp để làm Phật.

"*Nguyện Phật vị ngã, quảng tuyên kinh pháp*". Đây là cầu pháp, cầu phương pháp "*quảng tuyên kinh pháp*", pháp môn vô lượng thệ nguyện học, "*Ngã đương phụng trì, như pháp tu hành*". Hai câu này vô cùng quan trọng. Đây là thái độ thỉnh pháp của kẻ làm học trò. Nếu không có thái độ này thì thầy giảng cho bạn, giảng rồi cũng như cơn gió qua tai, bạn vẫn không làm được, vậy giảng không phải là uổng công hay sao? Vậy thì thầy sẽ không giảng cho bạn. Còn Ngài là thật, Ngài "*phụng trì như pháp tu hành*". Nói cách khác, Ngài thật sự tu hành, thầy dạy Ngài thế nào thì Ngài làm thế đó, một trăm phần trăm lão thật đi làm. Đây đích thật là một học trò giỏi. Một vị thầy gặp một học trò như vậy thì nhất định rất nghiêm túc, rất dụng tâm để chỉ dạy. Đây là thái độ của kẻ làm học trò.

"***Bạt chư cần khổ, sanh tử căn bản***".

(Dứt sạch gốc khổ sanh tử).

Mục tiêu thứ nhất của việc tu hành là phải thành tựu đức hạnh của chính mình, muốn thành tựu đức hạnh thì phải đoạn dứt phiền não tập khí của chính mình. Những phiền não tập khí này chính là gốc sanh tử từ vô thủy kiếp, cần phải nhổ trừ sạch sẽ gốc rễ, cái gốc đó chính là tham sân si tam độc phiền não. Đây là gốc, thật sự nhổ bỏ cái gốc này thì mới là chân tu, mới là giác ngộ chân chánh. Chúng ta từ trong Thiền Tông Ngữ Lục thường thấy tán thán cách tu hành này là tu từ căn bản. Cái gì là căn bản? Tham sân si là căn bản, phải tẩy trừ hết những thứ này, thật sự giữ tâm nhổ trừ tham sân si thì con người này thật sự giác ngộ, thật sự đang tu hành.

"***Tốc thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác***".

(Mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Câu này là cầu chứng quả, thành Phật đạo vô thượng. Trong tứ hoằng thệ nguyện nói "Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

"***Dục linh ngã tác Phật thời, trí huệ quang minh, sở cư quốc độ, giáo thọ danh tự, giai văn thập phương***".

(Nguyện khi con thành Phật, trí huệ hào quang, tiếng tăm quốc độ, giáo thọ, danh hiệu của con lan khắp mười phương).

Nguyện này rất đặc biệt, chư Phật khác không phát nguyện này, còn Pháp Tạng thì phát nguyện như vậy. Khi Ngài thành Phật, hào quang trí huệ của Ngài, quốc độ cư trú là thế giới Cực Lạc, *giáo thọ danh tự* trong đây có người, có pháp. Người là A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, chúng ta gọi là Tây Phương Tam Thánh. Còn pháp là sáu chữ hồng danh hoặc gọi là Tịnh Độ tam Kinh. Danh hiệu công đức đây là phương pháp. "*Giai văn thập phương*", không phải là một thế giới, hai thế giới, mười thế giới, trăm thế giới mà là tận hư không khắp pháp giới, không một nơi nào mà không biết có A-di-đà Phật, không có một địa phương nào mà không biết có thế giới Cực Lạc. Chúng ta không thể nói đây là Tây Phương, từ chỗ này của chúng ta mà nói thì là thế giới Tây Phương Cực Lạc, nếu từ phương Tây của thế giới Tây Phương Cực Lạc thì sao? Thì người bên đó gọi là Đông Phương thế giới Cực Lạc? Cho nên nói không thể gọi đây là Tây Phương, Tây Phương là chúng ta gọi. Trong chu vi của nó khi nói về phương hướng thì phương hướng không như nhau. Cho nên nói họ đều biết thế giới Cực Lạc của A-di-đà Phật, tất cả chư Phật Như Lai đều giảng Di-đà Tam Kinh. Cho

nên khắp cả mười phương đều nghe đến danh hiệu của Tam Kinh. Lúc ban sơ Phật A-di-đà đã có nguyện này, ngày nay đã thành Phật, quả thật đã hiện thực được rồi. Chư Phật khác lúc còn trong nhân địa không phát nguyện này. Các vị đồng tu thử nghĩ xem, quý vị đã phát nguyện này chưa? Chúng ta chưa từng phát nguyện này, cũng không khởi ý niệm này. Vậy thì quý vị tương lai thành Phật không sánh bằng Phật A-di-đà, Ngài thật là phi thường, thật là thù thắng.

"***Chư thiên nhân dân, cập quyên nhuyễn loại***".
(Trời người cho đến chúng sanh trong ba đường ác).

Câu này là nói lục đạo chúng sanh trong mười phương thế giới, hầu như thế giới của mỗi vị Phật đều có lục đạo. Giống như thế giới Ta-bà này của Thích-ca Mâu-ni Phật cũng có lục đạo, lục đạo chúng sanh rất khổ.

"***Lai sanh ngã quốc, tất tác Bồ-tát***".
(Sanh vào cõi nước con đều là Bồ-tát).

Hai câu này vô cùng quan trọng. Tại sao pháp môn này thù thắng? Tại sao tất cả chư Phật đều tán thán pháp môn này? Thật sự là phi thường. Trong lục đạo, những loại "nhuyễn động" là chỉ cho tam ác đạo súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Khi sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc tất cả đều là Bồ-tát. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có lục đạo, người, trời đều không có, cũng không có Thanh Văn, Duyên Giác, toàn là Bồ-tát. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc chính là Bồ-tát hơn nữa không phải là Bồ-tát hạng thường. Phía trước đã giới thiệu với quý vị rồi, đều là Phổ Hiền Bồ-tát. Bởi vì sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc tất cả đều tuân tu theo đức của Phổ Hiền Đại Sĩ, tất cả đều tu mười đại nguyện vương, tất cả đều là Phổ Hiền Bồ-tát. Phổ Hiền Bồ-tát thù thắng nhất trong tất cả Bồ-tát. Trong Kinh Hoa Nghiêm Phật có nói: "Bồ-tát nếu không tu hạnh Phổ Hiền thì không thể viên thành Phật đạo". Nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc, người người đều tu hạnh Phổ Hiền, cho nên một đời viên mãn thành Phật. Đây chính là vì sao trong vô lượng Pháp môn chúng ta lại chọn pháp môn Tịnh Độ? Tức là hai câu này. Trong các pháp môn khác không có, trong các kinh điển khác cũng không có. Đây là lợi ích chân thật. Xin xem hai câu tiếp theo, càng không thể nghĩ bàn.

"***Ngã lập thị nguyện, đô thắng vô số chư Phật quốc giả***".
(Nguyện con lập đây tất cả đều hơn các cõi Phật khác).

Điều này đích thực là hy hữu. Trước kia tôi đọc kinh, khi mới xem quyển Lục Tổ Đàn Kinh, tôi rất bội phục Lục Tổ Huệ Năng Đại Sư, tâm lượng của Ngài

quả thật là phi phàm. Ngài đến Hoàng Mai để lễ bái Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi Ngài: "Ông đến đây làm gì?" Ngài nói: "Con đến để làm Phật". Khẩu khí này thật là phi thường. Chúng ta chưa từng nghĩ đến, chúng ta cũng chưa từng thấy người nào đến chùa học Phật mà nói tôi đến để làm Phật, chưa từng nghe qua, cũng chưa từng thấy qua. Lục Tổ có khẩu khí lớn như vậy nên sự thành tựu của Ngài quả thật khác hẳn với người. Cho nên nói "học Phật để làm Phật", điều này chúng ta có nghe qua. Còn Ngài Pháp Tạng thì lại khác, không những Ngài phải làm Phật mà còn vượt hơn vô số chư Phật. Ngài phải thù thắng hơn, siêu vượt hơn tất cả chư Phật khác, điều này chưa từng nghe qua. Đích thực trong rất nhiều kinh điển Đại Thừa khác, chúng ta chưa từng thấy ai có khẩu khí như vậy. Chỗ này chúng ta có thể thấy được tâm lượng của Ngài, có thể thấy được nguyện vọng của Ngài. Tại sao làm Phật mà còn phải vượt qua tất cả chư Phật? Mục đích là phải phổ độ tất cả chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh trong thời gian nhanh nhất có thể viên thành Phật đạo, Ngài thật sự đã làm được. Đoạn này là Ngài Pháp Tạng trần thuật đại nguyện của Ngài, hỏi Phật có thể mãn nguyện này được chăng? "***Ninh khả đắc phủ?***" (*có được chăng*?). Ngài phát nguyện này, có thể đạt được chăng? Có thể mãn nguyện này chăng? Chúng ta xem tiếp đoạn sau.

"***Thế Gian Tự Tại Vương Phật, tức vị Pháp Tạng nhi thuyết Kinh ngôn:***".

(Đức Phật Thế Gian Tự Tại Vương liền vì Pháp Tạng mà nói kinh rằng).

Vị thầy gặp được một học trò như vậy, trong sự tưởng tượng của chúng ta, nhất định là vui mừng vô hạn, đích thật đã tìm được người để truyền trao, có thể đem gia nghiệp của Như Lai phó thác cho người này, cho nên nói pháp cho Ngài, "*thuyết kinh*" tức là nói pháp cho Ngài.

"***Thí như đại hải nhất nhân đẩu lượng, kinh lịch kiếp số, thượng khả cùng để***".

(Thí như có người lường nước biển, trải qua nhiều kiếp còn có thể đến đáy).

Trước tiên là dùng tỉ dụ để nói. Phật nói pháp, đích thực có rất nhiều người từ trong tỉ dụ mà hiểu rõ, lĩnh hội được nghĩa chân thật trong lời thuyết pháp của Phật. Cho nên chỗ này cũng dùng tỉ dụ mà nói. Tỉ như biển lớn, biển rất lớn một người dùng cái đấu để đong nước biển, có thể đong hết nước biển chăng? Nếu nói là trải qua kiếp số, cho anh ta thời gian rất dài, dài vô hạn để anh ta từ từ mà đong, cũng có thể đong hết lượng nước biển này. Vậy ý này là nói rõ thiên hạ không có việc gì khó chỉ sợ lòng không bền, ám chỉ Pháp Tạng Tỳ-kheo rằng ông

có thể đạt được nguyện này. Trước tiên cho Ngài một tỉ dụ ám chỉ, sau đó mới dạy Ngài.

"***Nhân hữu chí tâm cầu đạo, tinh tấn bất chỉ, hội đương khắc quả, hà nguyện bất đắc***".

(Người hết lòng cầu đạo tinh tấn không dứt, quyết sẽ được kết quả, nguyện gì mà chẳng thành).

Đây là khẳng định nói với Ngài, nguyện vọng của Ngài có thể được thỏa mãn, chỉ cần Ngài chí tâm cầu đạo, tinh tấn không ngừng. "*Chí tâm*" là chân tâm, thành tâm, cầu bằng tâm chân thành, lại có thể tinh tấn không ngừng thì bạn có thể đắc đạo. Ngày nay chúng ta học Phật, tu đạo, công phu của chúng ta không đắc lực. Niệm Phật, hỏi bạn có nắm chắc vãng sanh hay không? Không chắc chắn. Bệnh là từ đâu sanh ra? Là vì chúng ta không có chí tâm, chúng ta cũng không tinh tấn. Tuy vẫn tụng kinh, niệm Phật nhưng trong tâm vẫn không biết còn bao nhiêu việc hỗn tạp, lộn xộn, bồn chồn, lo lắng. Đây không phải là chí tâm, là tạp tâm niệm Phật, vọng tâm niệm Phật, lại chưa thể tinh tấn không ngừng, cho nên công phu này đương nhiên không đắc lực. Tiền đồ đạo nghiệp tự nhiên sẽ mờ mịt, chúng ta tìm ra nguyên nhân của bệnh rồi, tiêu trừ cái nhân này đi thì công phu của chúng ta tự nhiên sẽ đắc lực. Nguyện này của Ngài Pháp Tạng thật không thể nghĩ bàn, vượt qua hoằng nguyện của tất cả chư Phật. Ngài đều có thể thực hiện, chúng ta ngày nay cầu vãng sanh, nguyện vọng này làm sao có thể không thành tựu chứ. Chúng ta xem phần Kinh văn tiếp theo:

"***Nhữ tự tư duy, tu hà phương tiện, nhi năng thành tựu Phật sát trang nghiêm. Như sở tu hành, nhữ tự đương tri, thanh tịnh Phật quốc, nhữ ưng tự nhiếp***".

(Ông tự suy nghĩ tu phương tiện nào để thành tựu được cõi Phật trang nghiêm. Việc tu hành như thế ông nên tự biết, với việc thanh tịnh cõi Phật, ông nên tự nhiếp).

Câu này là hỏi lại, Phật Tự Tại Vương nói với Ngài, trong đoạn này có ba chữ "*tự*" là: *Nhữ <u>tự</u> tư duy, nhữ <u>tự</u> đương tri, nhữ ưng <u>tự</u> nhiếp*. Ý của câu nói này là: Tự ông đã hiểu rõ tất cả, không cần tôi chỉ dạy nữa. Cho nên bộ kinh điển này phía trước đã giới thiệu với quý vị rồi, phần kinh văn tuy không dài nhưng đã bao quát được tất cả ý thú của Phật pháp Đại Thừa ở trong đó. Ở chỗ này không chỉ là Giáo mà còn có Mật, có Thiền. Cách nói của đoạn này hoàn toàn là ngữ khí của Thiền Tông, dụng ý rất sâu. Ba chữ "*tự*" này là "trực chỉ nhân tâm", không

hai không khác với giáo học của Thiền Tông, hoàn toàn là chỉ cho chân tâm tự tánh của người đương cơ. Bởi vì tất cả pháp đều không rời tự tánh, trong Tịnh Tông gọi là "*thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*". Chúng ta vừa vào cửa Phật thì mong được thọ Tam Quy, Tam Quy gọi là Tam Tự Quy tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng. Ý nghĩa bên trong rất sâu. Phải phát khởi tâm chân thành thì nhất định bao hàm quả địa chân thật của chư Phật, vì nhân quả là đồng thời. Cho nên Phật lấy hoa sen để biểu pháp, hoa sen là nhân quả đồng thời. Nở hoa là nhân, hoa vừa nở thì trong đài sen đã có hạt, hạt sen là quả, cho nên không dùng các loại hoa khác làm đại biểu mà dùng hoa sen đại biểu cho nhân quả đồng thời. Cho nên Bồ-tát vừa phát nguyện thì quả ấy liền âm thầm hàm chứa bên trong rồi. Ý nghĩa này thật sâu, "*nhân triệt quả hải, quả triệt nhân duyên*" (nhân bao trùm biển quả, quả thấu triệt nguồn nhân). Điều này trong Phật pháp Đại Thừa thường giảng đến, hễ bạn chịu tinh tấn thì nguyện vọng nhất định sẽ không luống uổng, nhất định có thể chứng đắc. Vậy thì ba chữ "*Tự*" này là Phật Tự Tại Vương truyền thọ cho Ngài, chỉ dẫn cho Ngài, hiển thị lòng đại từ đại bi, thương yêu bảo hộ Ngài sâu sắc, không phải người thường có thể lĩnh hội được, có ý nghĩa rất sâu trong đó. Trong chú giải Cổ Đức nói với chúng ta trong này ít nhất có ba ý nghĩa:

- Nghĩa thứ nhất là nhân trong quá khứ của Pháp Tạng Tỳ-kheo nhất định vô cùng thâm sâu. Sự việc này chúng ta có thể lĩnh hội được. Trong Kinh này Phật nói rất rõ ràng, vào thời kỳ mạt pháp chúng ta nghe đến danh hiệu của Phật, tiếp xúc đến Kinh Vô Lượng Thọ hoặc là Tịnh Độ Tam Kinh, Ngũ Kinh, có thể tin, có thể nguyện, có thể hành, đều là trong đời quá khứ từ vô lượng kiếp đến nay thiện căn phước đức đã trồng hiện nay đã thành thục. Nếu không phải nhân sâu dày như vậy thì kiếp này cho dù gặp được cũng không thể tín thọ phụng hành. Lấy đây mà suy ra thì cái nhân của Pháp Tạng Tỳ-kheo nhất định là vô cùng sâu dày. Cho nên Thế Tôn vừa mới điểm như vậy thì Ngài liền khai ngộ, giống như trong Thiền Tông gọi là được đại triệt, đại ngộ từ lời nói. Vị thầy này dùng phương pháp này nhưng Ngài không biểu diễn như vậy. Trong này cũng hàm chứa ý nghĩa rất sâu, bởi vì nếu tại chỗ này thầy gợi ý như vậy mà Ngài liền hoát nhiên đại ngộ thì đây không gọi là Tịnh Tông, mà gọi là Thiền Tông. Cho nên thầy dùng phương pháp này nhưng Ngài cố ý giả vờ không hiểu. Đây là tôn trọng nhị lực Pháp môn, chỉ rõ ý thú của Tịnh Tông. Đây là ý nghĩa thứ nhất.

- Ý nghĩa thứ hai là nói *Nhiếp Thủ* quốc độ của chư Phật. Điều này cũng không có định pháp, đều là tùy tâm nguyện của cá nhân. Có người thích ở tịnh độ, có người lại thích ở uế độ như Thích-ca Mâu-ni Phật, Ngài ở uế độ. Còn Địa

Tạng Vương Bồ-tát thì phát nguyện phải độ chúng sanh nơi địa ngục. Địa ngục thì không ai muốn đến nhưng Ngài lại thích đến, đây là tâm nguyện của mỗi cá nhân không giống nhau. Cho nên câu hỏi này cũng hỏi rất đúng lúc, quốc độ thanh tịnh này là do ông tự nhiếp, đây là nguyện vọng của chính ông, cũng không cần Phật đến chỉ định, tùy theo nguyện vọng của chính ông, tùy nguyện đều có thể thành tựu.

- Ý nghĩa thứ ba: Phàm là Tịnh Độ thì có hóa độ, có báo độ, hóa báo cao diệu. Không phải Bồ-tát có thể nhiếp thủ được, nhất định phải là quả địa Như Lai, nhưng nhiếp thủ vẫn phải nhờ vào chính mình. Cho nên Phật nói "*nhữ tự đương tri*". Vậy thì những chỉ thị này trong Thiền Tông gọi là "hướng thượng chi sự". Chữ thượng này tức là trên quả địa Như Lai, không phải là Bồ-tát thông thường tự thấy được, đương nhiên không phải là chỗ phàm phu có thể phỏng đoán được, cũng không phải phàm tình có thể lý giải nổi. Bên trong hàm chưa nhiều thâm ý như vậy. Chúng ta lại xem thái độ của Ngài Pháp Tạng.

Pháp Tạng bạch ngôn: "Tư nghĩa hoằng thâm, phi ngã cảnh giới. Duy nguyện Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, quảng diễn chư Phật vô lượng diệu sát. Nhược ngã đắc văn như thị đẳng pháp, tư duy tu tập, thệ mãn sở nguyện".

(Pháp Tạng bạch rằng: "Nghĩa ấy quá sâu rộng, không phải cảnh giới của con hiểu được. Nguyện Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri rộng nói vô lượng cõi nước vi diệu của chư Phật. Nếu con được nghe các pháp như vậy rồi, suy nghĩ tu tập, thệ nguyện con mới được viên mãn").

Đây là nói Thế Gian Tự Tại Vương Phật vừa mới chỉ dẫn như vậy, ba chữ "*tự*" này, Ngài đều **không** thể bỗng nhiên đại ngộ. Nếu bỗng nhiên đại ngộ thì sẽ không có phía sau nữa, vậy thì biến thành Thiền Tông rồi, Ngài vẫn chưa tiếp thọ được. Trong này cũng chứa ý nghĩa rất sâu, tức là đem chính mình để qua một bên, hoàn toàn nương tựa vào Phật. Tịnh Tông gọi là Pháp môn Nhị Lực, chúng ta phải nương nhờ Phật lực. Thiền Tông hoàn toàn nhờ vào chính mình, không nhờ Phật lực, cho nên sự chỉ thị của ba chữ "*tự*" này là không cần nhờ vào Phật lực, nhưng Ngài vẫn không thể đảm đương mà vẫn phải nhờ vào Phật nên biến thành Tịnh Tông. Tịnh Tông và Thiền Tông khác nhau là ở chỗ này.

"*Tư nghĩa hoằng thâm*", là chỉ cho Ngài thành Phật phải vượt qua chư Phật. Phật quốc của Ngài phải vượt hơn quốc độ của chư Phật, nghĩa này quá sâu. "*Phi ngã cảnh giới*", là cảnh giới không phải Bồ-tát có thể lý giải được, đây là cảnh giới của Phật. Thực tế mà nói, đại nguyện của A Di-đà là Ngũ Thừa bình đẳng

đồng thời nhập vào báo độ, đích thật trong tất cả cõi nước của chư Phật đều không có. Ngũ thừa là gì? Bồ-tát (như Văn-thù, Phổ Hiền), Duyên Giác, Thanh Văn, phía dưới là lục đạo chúng sanh, đây là phàm phu. Phương pháp "Tín, Nguyện, Trì Danh" là giống nhau. Bồ-tát cũng dùng phương pháp này, La-hán cũng dùng phương pháp này, chúng ta cũng dùng phương pháp này, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng vẫn dùng phương pháp này. "Tín, nguyện, trì danh" thì có thể vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Sanh đến thế giới Cực Lạc là bình đẳng, đều là Bồ-tát. Đến bốn mươi tám nguyện ở phía sau, quý vị sẽ thấy tất cả đều là Bồ-tát A-duy-việt-trí, là Bồ-tát viên chứng Tam Bất Thoái. Điều này thì thập phương thế giới không có. Thực tế là vượt hơn tất cả cõi nước của chư Phật. Thế Tôn trong tất cả kinh luận khác đã giới thiệu với chúng ta, chư Phật ở thế giới phương khác chưa từng nói qua, những chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý mới biết được pháp môn này là thù thắng, pháp môn này đối với chúng ta có quan hệ quá mật thiết. Chúng ta có được pháp môn này thật là như được vật quý nhất, thù thắng không gì sánh bằng.

Phần dưới là cầu Phật, "*duy nguyện Như Lai Ứng Chánh Biến Tri*", chữ "*Ứng*" này là Ứng Cúng, "*Chánh Biến Tri*", phía trước đã giới thiệu đức hiệu này. "*Quảng diễn chư Phật vô lượng diệu sát*", đây là cầu Phật giới thiệu cho Ngài vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật, đây tức là chỗ Ngài muốn tu học. Con người, cũng tức là tất cả chúng sanh hiện tiền có thể có được hạnh phúc vui vẻ, gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi thành công, xã hội hài hòa, quốc gia giàu mạnh, thế giới hòa bình cực kỳ tốt đẹp. Đây là mục đích của Phật giáo hóa chúng sanh. Pháp Tạng Tỳ- kheo muốn biết tất cả chư Phật đã tu nhân chứng quả như thế nào? Chúng sanh trong tất cả cõi nước của chư Phật, tướng chân thật của nhân duyên quả báo. Ngài muốn biết những thứ này để làm gì? Vì muốn xây dựng, Ngài muốn vượt hơn bản mẫu nguyên thủy của tất cả thế giới của chư Phật.

Thế giới Cực Lạc thành tựu không phải tưởng tượng không có căn cứ mà thành tựu do tập hợp mọi thứ tốt đẹp của tất cả cõi nước chư Phật. Những thứ tốt đẹp ở mười phương thế giới chư Phật thì A-di-đà Phật đều chọn lấy tất cả, còn những gì không tốt thì đều xả bỏ. Tỉ dụ như trong tất cả thế giới của chư Phật có tam ác đạo, có lục đạo luân hồi, Ngài không cần. Trong tất cả thế giới của chư Phật có những thứ thù thắng nhất, tốt nhất, Ngài đều chọn lấy. Điều này thực tế mà nói là vô cùng hợp tình hợp lý. Tỉ như Singapore của quý vị tuy diện tích không lớn nhưng từ chính phủ đến nhân dân, quý vị đều có trí huệ, đều có nhãn quan, đến các nước khác trên thế giới để tham quan khảo sát. Địa phương nào tốt

chúng ta đều học tập, chỗ nào không tốt chúng ta loại ra, như vậy thì Singapore sẽ trở thành thế giới Cực Lạc trên trái đất này. Điều này phải làm không phải là nằm nhà bỗng không mà tưởng tượng ra. Cho nên thế giới Cực Lạc của A-di-đà Phật thành tựu như vậy quả thật khiến người phải bội phục. Phương thức suy nghĩ khảo sát này hợp tình, hợp lý, hợp pháp, điều này rất phi thường. Cũng cho chúng ta một gương mẫu tốt nhất.

Ngày nay chúng ta tu học nên chọn lấy phương pháp này. Chúng ta nhìn người khác, người ta vì sao sống hạnh phúc như vậy, vui vẻ như vậy, chúng ta học tập họ, tìm ra nguyên nhân không vui vẻ không hạnh phúc, đem nó tiêu trừ thì quả báo của chúng ta hiện tiền ngay. Gia đình của họ tại sao lại viên mãn? Xã hội của họ tại sao yên ổn như vậy? Chúng ta tại chỗ này học được phương pháp rồi, nếu quả thật có thể y giáo phụng hành thì hiện tại có được lợi ích thù thắng không gì sánh bằng. Đây là đồng tâm, đồng nguyện, đồng giải, đồng hành với A-di-đà Phật. Chúng ta lại có một tâm thanh tịnh, tâm chân thành, tâm từ bi cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ thì nhất định được thượng thượng phẩm vãng sanh. Sự lợi ích của kinh điển đích thực là vô lượng vô biên, chúng ta chú tâm đọc tụng, tư duy, đem nó thực hành trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta thì kinh điển này mới hữu dụng. Không phải niệm một cách uổng công, niệm một cách trống rỗng mà đích thật hữu dụng, chắc chắn có thể thay đổi cuộc sống hiện tại của chúng ta, có thể thay đổi cuộc đời của chúng ta, khiến chúng ta đạt được mục đích như nguyện, mãn được nguyện.

Đoạn sau đây thì dễ hiểu hơn, "*nhược ngã đắc văn như thị đẳng pháp, tư duy tu tập, thệ mãn sở nguyện*". Đây là mọi chỗ Ngài đều hướng về thầy để tỏ rõ nhất định sẽ hết lòng thực hành lời dạy bảo của thầy. Hai chữ "*tu tập*" tức là nghiêm túc làm. Cho nên Ngài muốn biết nhiều, hiểu nhiều, hầu tự mình có chỗ chọn lựa ở trong đó.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 9

"***Thế Gian Tự Tại Vương Phật tri kỳ cao minh, chí nguyện thâm quảng, tức vị tuyên thuyết nhị bách nhất thập ức chư Phật sát độ công đức nghiêm tịnh, quảng đại viên mãn chi tướng, ứng kỳ tâm nguyện, tất hiện dữ chi. Thuyết thị pháp thời, kinh thiên ức tuế***".

(Đức Phật Thế Gian Tự Tại Vương biết Pháp Tạng cao minh, chí nguyện sâu rộng, liền nói công đức nghiêm tịnh, tướng rộng lớn viên mãn của hai trăm mười ức cõi Phật, ứng theo tâm nguyện của ông, đều hiện cho thấy. Nói thời pháp ấy trải qua ngàn ức năm).

Pháp Tạng Tỳ-kheo sau khi hướng về thầy của Ngài trần thuật nguyện vọng của mình, tiếp theo đó là thỉnh pháp. Thầy vô cùng từ bi, biết Ngài rất cao minh, "*cao*" là nói đức cao, "*minh*" là nói trí huệ. Người học trò này có phẩm đức cao thượng, trí huệ sâu rộng, càng khó có được chính là chí nguyện sâu rộng của Ngài, hiển thị lòng từ bi chân thật vô tận của Ngài. Vì vậy, nên liền đáp ứng lời khải thỉnh, vì Ngài mà thuyết pháp, vì Ngài mà tuyên thuyết.

Đến chỗ này thì văn tự so ra đơn giản hơn, thời gian giáo học của Phật dài lâu, chỉ vài câu thì lướt qua hết, vì Ngài mà tuyên nói hai trăm mười ức cõi nước của chư Phật. Bởi vì Ngài Pháp Tạng yêu cầu nên Phật mới nói với Ngài về sự trang nghiêm của tất cả cõi nước của chư Phật. Mục đích của Ngài là từ trong đây mà lựa chọn, tập hợp những tinh hoa của các cõi nước chư Phật, để xây dựng một đạo tràng tu học lý tưởng của Ngài. Trí huệ của Ngài thật là khó được, chí nguyện khó được, ý tưởng của Ngài lại càng khó được. Cho nên Thế Gian Tự Tại Vương Phật vô cùng hoan hỉ, nói ra cho Ngài những sự việc này. Phật nói đương nhiên đều là Kinh Pháp. Chỗ này chúng ta nên chú ý là "hai trăm mười ức" theo con số mà nói thì không phải là rất nhiều, không phải con số lớn, nhưng ở chỗ này đừng xem nó là một con số. Vậy gọi nó là gì? Là nghĩa biểu pháp, là biểu pháp trong Mật Tông. *Mười sáu* đại biểu cho viên mãn. Bạn xem, mở đầu bộ kinh này trong đại chúng thượng thủ, chúng cư sĩ tại gia có *mười sáu* vị Chánh Sĩ Hiền Hộ. *Mười sáu* là đại biểu cho viên mãn. Ngoài *mười sáu* ra, *hai mươi mốt* cũng đại biểu cho viên mãn. Ở chỗ này *hai trăm mười ức* là *hai mươi mốt* mở rộng ra. Nó là đại biểu cho nghĩa viên mãn. Nó không phải là con số, nếu là con số thì là quá nhỏ, trong thế giới vô lượng vô biên thì *hai trăm mười ức* này có được là bao! Đây là đại biểu cho tất cả thế giới của chư Phật trong tận hư không khắp pháp giới, một cái

cũng không sót. Trong Kinh Hoa Nghiêm cũng có cách nói này, Kinh này và Kinh Hoa Nghiêm có mối liên quan vô cùng mật thiết. Từ biểu pháp này chúng ta có thể nói Kinh này cùng Kinh Hoa Nghiêm không hai không khác, trong Đại Trí Độ Luận cũng có cách nói như vậy. Cho nên chúng ta phải xem con số hai trăm mười ức là biểu pháp thì ý nghĩa mới viên mãn, chính xác. Đây là Thế Gian Tự Tại Vương Phật đã thuyết minh tường tận cho Pháp Tạng Tỳ-kheo trạng huống nhân quả cùng công đức bên trong tất cả cõi nước của chư Phật trong hư không pháp giới. "*Nghiêm*" là trang nghiêm, "*tịnh*" là thanh tịnh. Nói rõ hết cho Ngài tướng quảng đại viên mãn đó.

"*Ứng kỳ tâm nguyện, tất hiện dữ chi*". Ở đây cũng hiện ra thần lực không thể nghĩ bàn của Phật, Phật không những nói tường tận cho Ngài mà còn dùng thần lực biến hiện ra trước mắt Ngài những cõi nước của chư Phật, để Ngài tự mình nhìn thấy. Đấy chính là người xưa gọi là "đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường". Thầy chỉ dạy, nói với Ngài chính là "đọc vạn quyển sách". Hiện những tướng này cho Ngài thấy là "đi vạn dặm đường", để Ngài đích thân thấy được cảnh giới này. Giống như chúng ta hiện nay du lịch, ngắm cảnh, khảo sát. Chính mình đến nơi đó xem qua thì học vấn kiến thức mới là chân thật, không phải hoàn toàn chỉ nghe truyền thuyết. Đây là chính mình thân hành đến để thấy được cảnh giới này.

"*Thuyết thị pháp thời, kinh thiên ức tuế*", Tự Tại Vương Phật dạy Pháp Tạng Tỳ-kheo được bao lâu? Đã dạy ngàn ức năm, đây là nói thời gian dạy học dài lâu. Ở chỗ này chúng ta nghĩ đến lời của Khổng Tử thường nói: "*Giáo bất yếm, hối bất quyện*" (Dạy học không chán, khuyên răn chẳng mệt), tinh thần dạy học của Khổng Lão Phu Tử là không mệt, không chán. Chúng ta ở chỗ này thấy được ngàn ức năm không phải thời gian ngắn, nếu không có tâm nhẫn nại thì làm sao sự học này có thể thành tựu được. Phật từ bi chỉ dạy không mỏi mệt, Pháp Tạng phận làm học trò cũng rất phi thường, học mà không nhàm chán. Ở đoạn này chúng ta thấy được sự cầu pháp của Ngài Pháp Tạng, quả thật Ngài đã đắc pháp rồi, "*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*", Ngài quả đã đắc pháp. Chúng ta xem tiếp, đoạn thứ ba là nói cách tu hành của Ngài.

"***Nhĩ thời Pháp Tạng văn Phật sở thuyết, giai tất đổ kiến***".

(Bấy giờ Pháp Tạng Tỳ-kheo nghe Phật nói rồi, thảy đều thấy rõ).

Lời dạy bảo của Phật trong ngàn ức năm. Mỗi khi nói đến một vị Phật, một cõi nước Phật, Phật đều đem cái tướng ấy hiện ra cho Ngài xem, Ngài đều trông

thấy cả. Đây là Ngài nhờ vào oai lực của Phật mới có thể nghe được rõ ràng, thấy rõ ràng, trong tâm rõ ràng minh bạch. Vì vậy Ngài mới phát khởi đại nguyện vô thượng thù thắng, thì ra bốn mươi tám nguyện nổi tiếng này là có lai lịch của nó. Nghe nhiều, thấy nhiều, trong tâm cảm xúc nhiều, đây là *văn* (nghe) thành tựu, cũng là căn nguyên của bốn mươi tám lời nguyện.

"***Ư bỉ thiên nhân thiện ác, quốc độ thô diệu, tư duy cứu cánh***".

(Đối với sự thiện ác của trời người, sự thô diệu của các cõi nước ấy, bèn tư duy rốt ráo)

Chỗ này chúng ta nên chú ý. Chỗ này có "*tư*", bạn xem, "văn tư", tiếp theo nhất định có "tu", đây là tam huệ của Bồ-tát. Ngài là chân thật dụng công, thật sự chịu làm. "*Thiên nhân thiện ác*" là nhân, "*quốc độ thô diệu*" là quả báo, "*nhân duyên quả báo tơ hào không sai*", thiện nhân nhất định được thiện quả, ác nhân nhất định bị ác báo. Quả báo của thập pháp giới, Tứ Thánh pháp giới là "*diệu*", vì họ tu là thiện nhân, còn lục đạo là "*thô*", vì lục đạo phàm phu tu nhân bất thiện. So sánh trong lục đạo, nếu thiện nhiều ác ít thì đây chính là tam thiện đạo, so với tam ác đạo tốt hơn rất nhiều. Nếu ác nhiều thiện ít thì sẽ cảm được cảnh giới rất thô, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chúng ta gọi là tam ác đạo, đây là trạng huống trong mười phương cõi nước của chư Phật. Pháp Tạng Tỳ-kheo đều thấy được tất cả, đều hiểu rõ tất cả.

"***Tư duy cứu cánh, tiện nhất kỳ tâm, tuyển trạch sở dục, kết đắc đại nguyện. Tinh cần cầu sách, cung thận bảo trì***".

(Suy nghĩ rốt ráo, nhất tâm chọn lựa lấy điều mình mong muốn, kết thành đại nguyện. Tinh tấn siêng năng tìm kiếm tham cứu, kính cẩn duy trì).

Tại chỗ này, không những chúng ta hiểu rõ làm sao có thế giới Tây Phương Cực Lạc, mà có thể nói đoạn này là nói về lịch sử của thế giới Tây Phương Cực Lạc, đồng thời cũng cho chúng ta một khải thị rất lớn. Ngày nay chúng ta muốn vãng sanh, chúng ta muốn làm đệ tử của Phật. Phật trong đời quá khứ phát tâm, hành trì có thể nói đều là gương mẫu tốt nhất cho việc tu hành của chúng ta, chúng ta phải nên ghi nhớ, phải nên học tập. Trong đoạn kinh văn này, quan trọng nhất là câu "*tư duy cứu cánh, tiện nhất kỳ tâm*" là sau khi hiểu rõ thông đạt, cái nhất tâm này chính là cái nhân chân thật của báo độ vi diệu của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta cũng hiểu rõ, mười phương thế giới của chư Phật nếu so sánh với thế giới Tây Phương Cực Lạc thì sao? Đúng là một sự đối chiếu rất rõ ràng. Mười phương thế giới là do tạp tâm biến hiện ra nên mới có thập pháp giới, còn

thế giới Tây Phương Cực Lạc là do Di-đà nhất tâm bất loạn mà thành tựu. Cho nên thế giới này là thanh tịnh, là vi diệu. Mỗi người vãng sanh cũng phải niệm đến nhất tâm bất loạn mới có thể cảm ứng, mới được vãng sanh.

Giảng đến chỗ này, những bạn đồng tu có lẽ sẽ có nghi vấn, cho là nhất tâm bất loạn thì khó quá. Vậy nếu tôi không được nhất tâm thì đời này tôi không còn hy vọng gì sao? Đây đích thực là một vấn đề nghiêm trọng, một vấn đề thật. May thay, đức A-di-đà đích thật là từ bi, chúng ta không cần phải niệm đến nhất tâm cũng được vãng sanh. Tuy nhiên nếu tâm tạp loạn thì nhất định không được được vãng sanh, tối thiểu cũng phải niệm đến công phu thành phiến, công phu thành phiến là thế nào? Đây là bờ mé của sự nhất tâm bất loạn, chưa đến, chỉ mới đạt đến một chút, chỉ mới có một chút hình bóng thì được vãng sanh. Điều này thì chúng ta có thể làm được, đây không phải thật sự là nhất tâm, chỉ là tương tợ nhất tâm, chỉ giống một chút. Công phu niệm Phật của chúng ta đắc lực, có thể đè vọng tưởng phiền não xuống, người xưa có tỉ dụ là: "đem đá đè cỏ", cái gốc chưa được nhổ hết, đem đá đè lên thì cỏ không mọc được nữa. Có trình độ này thì được vãng sanh, như vậy thì chúng ta mới yên tâm. Cho nên điều kiện vãng sanh của bổn kinh không có nói *nhất tâm bất loạn*. Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh (ba bậc vãng sanh), kinh văn rất rõ ràng, rất minh bạch, dạy chúng ta yếu lĩnh của sự niệm Phật, đó là "*nhất hướng chuyên niệm*", câu phía trước là "*phát Bồ-đề tâm*". Hễ *nhất hướng chuyên niệm* là được, kinh không có nói *nhất tâm bất loạn*. *Nhất hướng chuyên niệm* thì dễ làm hơn. Trong kinh Di-đà nói đến *nhất tâm bất loạn*, cái tiêu chuẩn đó thì cao.

Năm xưa Thế Tôn giảng kinh Di-đà, trong nguyên bản tiếng Phạn không có *nhất tâm bất loạn*, câu *nhất tâm bất loạn* này là do Đại Sư Cưu-ma-la-thập dịch ra. Ngài dịch thành *nhất tâm bất loạn* khiến chúng ta cảm thấy khó khăn. Còn bản dịch của Đại Sư Huyền Trang là trực dịch, hiện nay bản này cũng được lưu thông rồi. Trong phần độc bản của Tịnh Độ Ngũ Kinh, chúng tôi lấy từ trong đó. Quý vị xem bản dịch của Huyền Trang Đại Sư thì sẽ hiểu rõ, trong kinh không có nói *nhất tâm bất loạn* mà nói là "*nhất tâm hệ niệm*". *Nhất tâm hệ niệm* này cùng ý nghĩa với "*nhất hướng chuyên niệm*", vậy thì chúng ta cảm thấy không quá khó. Vậy Đại Sư La-thập có dịch sai không? Nếu Đại Sư La-thập dịch sai kinh thì Đại Sư Huyền Trang (sau Đại Sư La-thập rất nhiều năm) nhất định đã sửa lại cho đúng. Đại Sư Huyền Trang không nói Đại Sư La-thập dịch không đúng, vả lại người học trò đắc ý nhất của Đại Sư Huyền Trang là Ngài Khuy Cơ có viết một bản chú giải cho Kinh Di-đà, vẫn chọn bản của Đại Sư La-thập, không dùng bản

dịch của thầy mình. Do đây có thể biết thầy trò họ vô cùng bội phục bản dịch của Đại Sư La-thập, Ngài dịch không sai.

Vậy thì *nhất tâm bất loạn* là sự việc thế nào? Hễ niệm đến công phu thành phiến, lúc chúng ta vãng sanh, Phật đến tiếp dẫn, trước tiên là lấy ánh sáng chiếu vào chúng ta. Phật quang vừa chiếu thì nghiệp chướng của chúng ta tiêu trừ hết, nâng cao công phu của chúng ta lên. Cho nên chúng ta hễ niệm đến công phu thành phiến, lúc lâm chung vừa thấy được Đức A-di-đà thì địa vị lập tức được nâng cao lên, cao hơn gấp bội, đạt đến sự nhất tâm bất loạn. Cho nên Ngài La-thập dịch *nhất tâm bất loạn* không sai. Nếu chúng ta tự mình thật sự dụng công, thật sự niệm đến *nhất tâm bất loạn* rồi thì lúc lâm chung, khi Phật đến tiếp dẫn, ta lại có thể nâng công phu lên. *Sự nhất tâm* nâng lên đến *Lý nhất tâm*. Cho nên sự gia trì của Phật là gấp bội sự tu trì của chúng ta, điều này nói rõ chúng ta tự mình dụng công là vô cùng quan trọng. "*Tiện nhất kỳ tâm*" (nhất tâm, tâm không có niệm nào khác) vô cùng, vô cùng quan trọng.

Chúng ta ngày nay niệm Phật phải nhất tâm xưng niệm, cũng tức là phải chuyên tâm niệm Phật, tốt nhất đừng có tạp niệm, đừng nên xen tạp. Mới học đương nhiên không tránh khỏi xen tạp, phải đề cao cảnh giác, làm cho sự xen tạp này mỗi năm một ít dần, mỗi tháng một ít dần. Đây tức là tiến bộ, đây tức là công phu đắc lực. Nếu chúng ta niệm Phật đã được nhiều năm rồi mà hiện tượng tạp niệm vẫn y như cũ, không có tiến bộ, đó là công phu của chúng ta không đắc lực, như vậy không nắm chắc vãng sanh, so ra thì tương đối khó khăn. Công phu đắc lực thì chính mình sẽ nắm chắc phần vãng sanh. Đây là sự thọ dụng chân thật. Từ chỗ này chúng ta thấy được bí quyết của thế giới Cực Lạc là ở tại nhất tâm.

"*Tuyển trạch sở dục, kết đắc đại nguyện*", "*đại nguyện*" tức là bốn mươi tám nguyện được nói đến ở phía sau. Bốn mươi tám nguyện thành tựu là do Pháp Tạng Tỳ-kheo tuyển chọn trong tất cả các thế giới của chư Phật. Trong thế giới của chư Phật có những chỗ không thù thắng thì Ngài loại bỏ, như tam ác đạo thì Ngài loại bỏ, những thứ thù thắng, mặt tốt và thiện thì Ngài đều chọn lấy, bốn mươi tám nguyện của Ngài vì vậy mà có. "*Tinh cần cầu sách*", "*tinh*" là chọn lựa, một chút cũng không cẩu thả qua loa, nhất định phải chọn lựa cái tốt nhất, thù thắng nhất. "*Cần*", là cần cù nỗ lực, thật lòng nỗ lực, không giải đãi. "*Cung thận bảo trì*", sau khi đã chọn lựa thì có thể giữ gìn không đánh mất.

Xin xem tiếp:

"***Tu tập công đức mãn túc ngũ kiếp***".

(Tu tập công đức đầy đủ năm kiếp).

Phía trước chúng ta thấy được "*văn* và *tư*", ở đây là "*tu*". Tu bao lâu mới có thể thành tựu được thế giới Tây Phương Cực Lạc? **Tu hết năm kiếp**, năm kiếp này là "*tinh cần cầu sách, cung thận bảo trì*", chữ "*cung thận*" này tức là tâm chân thành, tâm cung kính khiến công đức của mình giữ được không mất. Làm thế nào có thể giữ được công đức? Trong Phật Pháp thường nói "*lửa thiêu rừng công đức*", chúng ta tu công đức không dễ, một đốm lửa thì thiêu sạch hết. Lửa gì vậy? Lửa sân hận, vừa nổi cơn giận thì công đức ấy mất ngay, cho nên cái này khó đấy! Thử nghĩ chúng ta nhiều năm, nhiều kiếp niệm Phật, tụng kinh, làm công đức, vừa nổi giận thì không còn nữa, hết sạch. Chờ sau khi cơn giận tiêu mất, niệm trở lại, tu tập trở lại. Mỗi một trận giận dữ thì hỏng hết công đức của bạn, điều này cần phải biết, cái đáng sợ nhất là sân hận. Chúng ta là những người học Phật, những người thật sự muốn tu công đức thì tâm cảnh giác phải cao, nhất định không nóng giận. Bất luận việc gì khiến tâm chúng ta không vui, muốn nổi nóng thì bạn phải cảnh giác, đó là gì? Là ma chướng, ma thấy bạn có không ít công đức nên khuyên bạn "đốt đi! Đốt đi!", bạn thật đã vâng lời! Liền đốt hết công đức. Nếu bạn không nổi nóng thì sao? Công đức của bạn vẫn còn, bất cứ ai cũng không có cách gì phá trừ công đức của bạn, ma cũng không có biện pháp, ma chỉ là bảo bạn tự hủy diệt công đức của bạn, chứ chúng không có khả năng. Nếu bạn có được tâm cảnh giác "ta không làm, ta tuyệt đối không nóng giận, tuyệt đối không nghe theo chúng" thì mới giữ được công đức này. Công đức và phước đức khác nhau, có nổi nóng thì phước đức cũng không sao, phước báo vẫn còn đó, nhưng công đức thì không thể được. Vừa nóng giận thì công đức không còn nữa. Do đây có thể biết, nếu muốn có thể "*cung thận bảo trì*" thì nhất định phải đoạn dứt hết tham sân si mạn, phiền não, tập khí thì sẽ giữ được công đức. Kinh Kim Cang dạy người sơ học như chúng ta: "*Nhất thiết pháp đắc thành ư nhẫn*" (hết thảy pháp thành tựu do nhẫn nhục), cho nên nhẫn nhục Ba-la-mật có thể giữ được công đức. **Bố thí, trì giới là tu công đức, nhẫn nhục là giữ gìn công đức**. Cho nên nếu không có nhẫn, tuy tu công đức nhưng đều có thể bị thiêu hủy mất hết bất cứ lúc nào. Lục Độ của Bồ-tát, mỗi mắt xích của nó đều liên kết với nhau rất chặt chẽ, đôi bên đều có quan hệ mật thiết, đến lúc tinh tấn, thiền định thì công đức của bạn đã thành tựu. Như vậy mới hiển thị được trí huệ vô lượng. Ở chỗ này chúng ta thấy Ngài đã tu đủ năm kiếp, thời gian dài như vậy.

"***Ư bỉ nhị thập nhất câu-chi Phật độ***".

(Với hai trăm mười ức cõi Phật kia).

"*Câu-chi*" là số đếm ở thời cổ Ấn Độ, tương đương với số đếm ở Trung Quốc là mười triệu. Vậy hai trăm mười câu-chi là hai trăm mười ức cõi Phật, chỗ này dùng câu-chi để hiển thị, đây là cách biểu pháp của Mật Tông. Cho nên trong bộ kinh này của chúng ta có Giáo, có Thiền, có Mật, có Tịnh…, vô lượng vô biên pháp môn đều cô đọng trong bộ kinh này. Cho nên chúng ta đọc tụng, tu học bộ kinh này thì cũng như chúng ta đã tu hết tất cả các Pháp môn, đích thực là ý nghĩa này.

"***Công đức trang nghiêm chi sự, minh liễu thông đạt như nhất Phật sát***".

(Các công đức trang nghiêm [của hai trăm mười ức cõi Phật kia], Ngài hiểu rõ ràng thông suốt như một nước Phật).

Đây là nói về sự thành tựu của Ngài. Sự việc trong một cõi nước Phật thì chúng ta dễ dàng hiểu rõ, còn sự việc trong vô lượng vô biên cõi Phật thì khó. Ngài thì tất cả cõi nước chư Phật tận hư không khắp pháp giới đều thông đạt hiểu rõ giống như quốc độ của chính mình.

"***Sở nhiếp Phật quốc, siêu quá ư bỉ***".

(Cõi nước mà Ngài nhiếp thủ vượt trội các cõi kia).

Nguyện vọng của Ngài thật viên mãn! Ngài xây dựng thế giới Cực Lạc đó đích thực siêu việt hơn thế giới của chư Phật. Kết tập tất cả tinh hoa công đức viên mãn của chư Phật, việc này là nói về "tu thành tựu", sự thành tựu trong việc tu hành của Ngài. Thật tại mà nói, cũng không phải đơn giản, chúng ta phải thấu hiểu rõ ràng sự thật chân tướng này thì chúng ta mới có thể sinh ra lòng tin kiên định đối với Tịnh Tông. Thế giới Cực Lạc tuyệt đối không phải là ngẫu nhiên thành tựu. Phật Tự Tại Vương giảng Kinh thuyết pháp cho Ngài hết ngàn ức năm, Ngài Pháp Tạng hết lòng tu học, "*tinh cần*" tuyển chọn, thời gian là năm kiếp mới đầy đủ, nào phải là chuyện dễ dàng. Cho nên đây là tập hợp tất cả tướng trang nghiêm, thanh tịnh của các cõi Phật mà thành tựu. Lẽ tự nhiên là siêu việt hơn các thế giới của chư Phật, thỏa mãn được nguyện vọng của Ngài. Cho nên ở phần sau, Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật tán thán A-di-đà Phật là "*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*", tất cả chư Phật đều giống như Thích-ca Mâu-ni Phật, đều tán thán Ngài như vậy. Cho nên đây không phải là một việc dễ dàng. Vậy chúng ta thấy được đoạn lịch sử này, sự kiện này, chúng ta tự nhiên sẽ cảm thấy điều này vô cùng hợp tình hợp lý, hợp pháp, đáng được chúng ta tin theo, tin không phải Ngài bỗng không tưởng tượng ra thế giới Tây Phương.

Xưa kia, Ngài Thiên Thai Đại Sư (tức Trí Giả Đại Sư) nói: thông đạt đạo lý cứu cánh viên mãn thì gọi là thiện. Tuy nhiên, nếu chấp tướng thì là bất thiện. Quý vị hãy thử nghĩ, thông đạt nguyên lý mà chấp tướng còn không gọi là thiện huống chi những thứ khác? Từ chỗ này chúng ta có thể lĩnh hội được cái "tinh" trong sự lựa chọn của Ngài Pháp Tạng. Tiêu chuẩn thiện ác của Ngài không phải là tiêu chuẩn của chúng ta.

✓ Trong Kinh Hoa Nghiêm, Phật nói rất hay, "*tất cả chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai nhưng vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc*", cũng nói đến chấp trước, cho thấy trước tướng (chấp trước hình tướng), trước kiến (chấp trước ý niệm) là căn bệnh lớn. Cho nên Thế Tôn trong Kinh Kim Cang mới cật lực phá trừ sự việc này.

✓ Nửa phần trước của Kinh Kim Cang là phá *bốn tướng*, nửa phần sau là phá *bốn kiến*, kiến so với tướng vi tế hơn, "tướng thô, kiến tế". Kiến là ý niệm trong tâm, "*nếu Bồ-tát có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì không phải là Bồ-tát*". Nửa phần sau thì nói càng vi tế hơn, "*nếu Bồ-tát có ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức không phải Bồ-tát*", cho thấy rằng chấp trước là đại bệnh vậy. Chúng ta tu học tất cả pháp Đại Thừa vì sao không thể thành tựu? Vì không có biện pháp đoạn chấp trước.

✓ Vậy Pháp môn này của chúng ta thì sao? Có chấp trước, không sợ. Dạy bạn chấp trì danh hiệu, bạn đừng chấp những thứ khác. Không được chấp trước những thứ khác. Chấp trước danh hiệu này thì được vãng sanh, đây là chấp tướng. Những [pháp] Đại Thừa khác không được chấp tướng. Chúng ta chấp tướng này thì được. Chấp tướng chính là "*đới nghiệp vãng sanh*". Sau khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc gặp A-di-đà Phật, chúng ta mới phá chấp trước, mới lìa tướng. Điều này thật đã mang đến cho chúng ta sự tiện lợi không gì sánh bằng, khiến tất cả chúng sanh vãng sanh bất thoái thành Phật, người người đều có phần. Điều này thật sự không thể nghĩ bàn.

Chúng ta xem tiếp phần Kinh văn:

"***Ký nhiếp thọ dĩ, phục nghệ Thế Tự Tại Vương Như Lai sở***".
(Khi đã nhiếp thọ xong, lại đến chỗ của Như Lai Thế Tự Tại Vương).

"*Ký nhiếp thọ dĩ*" tức là nói Ngài đã tu hành trải qua năm kiếp, đã thành tựu rồi, thế giới Tây Phương Cực Lạc đã được tạo thành rồi. Sau khi xong việc phải hướng về thầy để báo cáo. Đây là việc đại hỷ. Lại đến đạo tràng của Thế Gian Tự

Tại Vương Phật, lúc đó Phật trụ thế giáo hóa chúng sanh bốn mươi hai kiếp, Ngài đã xây dựng xong thế giới Cực Lạc rồi, Phật vẫn còn trụ thế, Ngài lại đi báo cáo với Phật.

"***Khể thủ lễ túc***".
(Cúi đầu lạy sát chân).

Đây là phần lễ tiết.

"***Nhiễu Phật tam táp***".
(Nhiễu Phật ba vòng).

"*Nhiễu Phật*" là lễ kính nhất, biểu thị trò đối với thầy quyến luyến không rời, giống như trẻ con vây quanh người lớn vậy. Dùng ý này để biểu thị sự rất cung kính.

"***Hiệp chưởng nhi trụ, bạch ngôn Thế Tôn: "Ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ, thanh tịnh chi hạnh".***
(Đứng yên chắp tay, bạch Đức Phật rằng: "Con đã thành tựu hạnh trang nghiêm thanh tịnh nước Phật").

Đây là đã kiến lập thành tựu xong thế giới Tây Phương Cực Lạc, không phụ công thầy chỉ dạy trong ngàn ức năm, không phụ công mình tu trì năm kiếp, đây là công đức viên mãn.

Phật ngôn: "Thiện tai! Kim chánh thị thời, nhữ ưng cụ thuyết, linh chúng hoan hỷ, diệc linh đại chúng, văn thị pháp dĩ, đắc đại thiện lợi. Năng ư Phật sát, tu tập nhiếp thọ, mãn túc vô lượng đại nguyện".
(Đức Phật nói: "Lành thay! Nay chính phải lúc ông nên nói rõ để mọi người vui mừng, cũng để mọi người nghe pháp ấy xong được nhiều lợi lớn, có thể ở cõi Phật đó tu tập nhiếp thọ, trọn đủ vô lượng đại nguyện").

Chỗ này chúng ta nên đặc biệt lưu ý, "sư tư chi đạo" (đạo thầy trò). Bạn xem, thầy và trò, thầy rất giống một vị thầy, còn học trò thì sao? Cũng rất giống một học trò. Điều này rất đáng để chúng ta noi gương, chúng ta phải học tập. Thầy vừa nghe xong, liền tán thán "*thiện tai*" tức là rất hay! Cách tán thán này hàm ý bên trong vô cùng thâm sâu. Thực tế là nói phàm phu, chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng cũng có cơ hội làm Phật. Điều này không phải là rất hay hay sao? Thế giới Tây Phương Cực Lạc là giúp đỡ những chúng sanh có nghiệp chướng sâu nặng trong một đời có thể thành Phật. Cho nên thầy của Ngài vui mừng tán thán

Ngài: "Hôm nay thật là đúng lúc, ông nên nói hết, ông hãy nói việc trang nghiêm thù thắng thế giới Tây Phương Cực Lạc của ông với mọi người." Đây là báo cáo với nhóm học trò của Tự Tại Vương Phật, cũng là bạn học của Pháp Tạng Tỳ-kheo, khiến họ hoan hỉ, khiến cho tất cả chúng sanh nghe được đều sanh tâm hoan hỉ.

Hiện nay có một đạo tràng thù thắng như vậy, đến chỗ đó để tu học thì không một ai không thành tựu. "Diệc linh đại chúng" (cũng khiến cho đại chúng), "đại chúng" nói ở chỗ này tức là học trò của Thế Gian Tự Tại Vương, khác với "linh chúng hoan hỷ" (khiến chúng hoan hỉ) nói ở phía trước. "Chúng" này là chỉ tất cả chúng sanh của mười phương thế giới. Khiến đại chúng sau khi nghe pháp này xong được đại thiện lợi, đại thiện lợi này là chỉ cho cái gì? Là chỉ cho "*dục linh thập phương cửu pháp giới chúng sanh đồng nhập Di-đà Nhất Thừa nguyện hải*" (muốn cho chín pháp giới chúng sanh trong mười phương cùng vào biển nguyện Nhất Thừa của Di-đà), tất cả hàm linh đều nhờ vậy mà được độ. Chữ "độ" này là nói thành Phật, đặc biệt là chỉ cho lục đạo chúng sanh, nhờ pháp môn này mà người người được viên mãn thành Phật, đây gọi là "đại thiện lợi", đây là "huệ dữ", tức là ban cho chúng sanh lợi ích chân thật.

Chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, phải hết lòng để học tập. Ngày nay sự thành tựu của Pháp Tạng Tỳ-kheo đã vượt hơn thầy, mười phương vô lượng vô biên thế giới không có một người nào không biết đến A-di-đà Phật, còn những người biết đến Thế Gian Tự Tại Vương, nếu chúng ta không học bộ Kinh này thì làm sao biết được! Mức độ nổi tiếng của học trò còn cao hơn thầy, sự thành tựu của học trò còn cao hơn thầy. Thầy không có đố kỵ. Nhưng thế gian của chúng ta đây thì không thể được, tuy nói thì rất hay, có câu "*thanh xuất ư lam nhi thắng ư lam*" (màu xanh dương từ màu lam mà ra nhưng đẹp hơn màu lam) nhưng người làm thầy thật tình không cảm thấy câu này thú vị. Không giống như vị thầy Thế Gian Tự Tại Vương này, vui sướng cùng cực, thật sự tán thán, thật sự vui mừng cho cậu học trò này.

Trong thế gian chúng ta, thầy có đố kỵ học trò. Triều nhà Hán có một thí dụ rất nổi tiếng: Mã Dung là một nhà nho lớn của Hán Triều, học trò của ông ta là Trịnh Huyền tức Trịnh Khang Thành. Trịnh Khang Thành bái Mã Dung làm thầy, theo ông học ba năm, học hết tất cả [kiến thức] của ông, lại còn vượt hơn ông ấy. Trong lòng Mã Dung không phục, muốn chỉnh lý cậu học trò này, ông dùng phương pháp gì vậy? Vì Trịnh Khang Thành phải về nhà, ông thuê một tay sát thủ mai phục trên đường định giết chết Trịnh Khang Thành, vì không muốn trò

tương lai trội hơn mình. Trịnh Khang Thành rất thông minh, sớm đã dự liệu rồi. Khi Trịnh Khang Thành sắp về nhà, vị thầy dẫn chúng bạn học khác đến để tiễn đưa ông. Tiễn đưa như thế nào? Mọi người kính rượu ông, dụng ý phục rượu cho ông say, nhưng tửu lượng Trịnh Khang Thành rất lớn, mỗi người kính ba ly rượu, ông đã uống hết ba trăm ly. (Điển cố ba trăm ly là từ đây mà có). Ông đã uống hết ba trăm ly, không những không say mà vẫn giữ được những lễ tiết nhỏ nhặt. Ông đi về đến nửa đường thì chuyển sang đường khác, chuồn mất vào đường nhỏ. Làm thầy mà không độ lượng với học trò! Thí dụ này từ xưa đến nay thì rất nhiều. Ở đây chúng ta bội phục vị thầy Thế Gian Tự Tại Vương Phật. Ngài tán thán, hoan hỉ trước sự thành tựu của Pháp Tạng Tỳ-kheo, lại còn bảo tất cả học trò của mình phải theo Pháp Tạng Tỳ-kheo để học, điều này rất hiếm có!

Trong Phật môn chúng ta, vào đời nhà Đường, Lục Tổ Huệ Năng Đại Sư trốn ở trong đội thợ săn hết mười lăm năm. Sau khi trở ra, Ngài gặp được Ngài Ấn Tông tại Quảng Châu, Ấn Tông thật là phi thường. Ấn Tông lúc đó là thủ lãnh Phật Giáo phương Nam, đồ chúng rất đông. Ấn Tông biết được Ngài là Lục Tổ đắc pháp ở Hoàng Mai, đã xuống tóc cho Ngài. Cho nên Ấn Tông là thầy thế độ của Huệ Năng Đại Sư, sau khi Ấn Tông thế độ cho Ngài thì Ngài là đồ đệ của Ấn Tông. Thế nhưng đồ đệ đã khai ngộ, đã minh tâm kiến tánh, đã đắc đạo rồi mà chính thầy vẫn chưa khai ngộ, Ấn Tông quay lại bái Lục Tổ làm thầy. Đây không phải là người bình thường có thể làm nổi. Thân phận của Lục Tổ tức khắc vượt lên cao, hết thảy đồ chúng của Ấn Tông đều quy y Lục Tổ. Bạn xem, tâm lượng của Ngài Ấn Tông nào phải người phàm, người phàm làm sao có được tâm lượng này! Đem đạo tràng nhường cho bạn, tất cả đồ chúng nhường cho bạn, còn mình đi làm học trò. Điều này thực tế mà nói đều là Phật Bồ-tát đến thị hiện, phàm phu không thể có tâm lượng lớn như vậy! Cho nên những chỗ này chúng ta phải chú ý, phải học tập, trong tâm thật sự kính trọng đạo đức, tôn trọng người có đức hạnh tài năng, phải khiêm nhường cầu học thì có thể thành tựu đạo nghiệp của mình. Cho nên chúng ta đọc đến phần kinh văn này cảm xúc sẽ rất nhiều.

"***Năng ư Phật sát***".
(Có thể ở cõi Phật đó).

"*Phật sát*" này tức là Cực Lạc Tịnh Độ.

"***Tu tập nhiếp thọ***".

"*Tu tập*" là chỉ cho tất cả những người niệm Phật vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để tu học. Còn "*nhiếp thọ*" là chỉ Pháp Tạng Tỳ-kheo là A-di-đà Phật hiện nay. A-di-đà Phật từ bi nhiếp thọ những người này.

"***Mãn túc vô lượng đại nguyện***".
(Trọn đủ vô lượng đại nguyện).

Điều này chứng minh tất cả Như Lai đều hoan hỉ gia trì cho Pháp Tạng. Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai cũng vậy, một vị Phật đối đãi với Pháp Tạng Bồ-tát như vậy thì chúng ta có thể liên tưởng đến tất cả chư Phật nhất định giống như Thế Gian Tự Tại Vương Phật, đều xưng tán Pháp Tạng, gia trì cho Pháp Tạng, đều hộ trì Ngài. Cho nên A-di-đà Phật biến thành trung tâm của tất cả chư Phật Như Lai, giống như những vì sao bao quanh mặt trăng, mọi người đều đến để ủng hộ Ngài, đều đến để thành tựu cho Ngài, thành tựu cho Ngài chính là thành tựu chính mình, tự tha không hai.

Xin xem phẩm kinh văn tiếp theo, phẩm kinh văn tiếp theo là trung tâm của toàn kinh, tinh hoa của toàn Kinh, do A-di-đà Phật tự nói ra. Thích-ca Mâu-ni Phật kể lại, thuật lại cũng giống như chính A-di-đà Phật nói.

PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN ĐỆ LỤC
PHẨM THỨ SÁU: PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN

Đây là bốn mươi tám nguyện nổi tiếng. Điều mục của các lời nguyện trong năm loại bản dịch gốc có số lượng nhiều ít khác nhau. Có hai loại bản dịch trong đó là hai mươi bốn nguyện, có hai loại bản dịch trong đó là bốn mươi tám nguyện. Còn có một loại bản dịch trong đó là ba mươi sáu nguyện. Số điều mục nhiều ít khác nhau nhưng nội dung bên trong đại thể không có sai biệt nhiều, cũng tức là có lúc hai nguyện, ba nguyện hợp thành một nguyện, có khi thì một nguyện chia ra thành hai, ba nguyện, cho nên số điều mục khác nhau. Cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập phẩm Kinh này đã tốn nhiều công sức, chúng ta thấy được trong phần tựa của ông Mai Quang Hy. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư và Mai Quang Hy, còn có sư phụ của họ tổng cộng là ba người, đã dùng thời gian là ba tháng để hội tập phẩm Kinh này, do đây có thể biết họ rất đặc biệt coi trọng đoạn Kinh văn này. Có thể nói phẩm Kinh này là chỗ y cứ nguyên thủy của Tịnh Tông, nhất định không thể khinh xuất xem thường. Hội tập phẩm Kinh này lấy hai mươi bốn làm Cương, lấy bốn mươi tám làm Mục. Phía sau mỗi nguyện có phần ghi chú nên tổng cộng là bốn mươi tám. Đây tức là đều giữ lấy con số hai mươi bốn và bốn mươi tám,

khiến cho bản lai diện mục của năm loại bản dịch gốc thảy đều được thể hiện rõ ra. Đây là bản hội tập hay, đích thực là rất dụng tâm.

"***Pháp Tạng bạch ngôn: "Duy nguyện Thế Tôn đại từ thính sát"***".

(Pháp Tạng bạch rằng: "Kính xin Đức Thế Tôn đại từ nghe, xét").

Trên thực tế, lúc này Ngài Pháp Tạng đã thành Phật rồi, tức là A-di-đà Phật đứng trước mặt thầy vẫn là thân phận đệ tử. Ngài nói: "*Duy nguyện Thế Tôn*", đây là lối xưng hô tôn kính đối với thầy. "*Đại từ thính sát*", chữ "*sát*" này tức là quán sát, nếu có chỗ nào sai thì thỉnh thầy chỉ giáo sửa lại.

Sau đây là đoạn thứ nhất, trong đoạn này có hai nguyện:

"***Ngã nhược chứng đắc Vô Thượng Bồ-đề, thành Chánh Giác dĩ, sở cư Phật sát cụ túc vô lượng bất khả tư nghị công đức trang nghiêm***".

(Con nếu chứng được Vô Thượng Bồ-đề, thành Chánh Giác rồi, cõi nước của con ở có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn).

Đoạn này là nói tổng quát, nội dung bao quát toàn bộ bốn mươi tám nguyện. "*Ngã nhược chứng đắc Vô Thượng Bồ-đề*", "*Vô Thượng Bồ-đề*" tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, "*thành Chánh Giác dĩ*", Ngài đã thành Phật viên mãn rồi. "*Sở cư Phật sát*", thế giới của Ngài cư trú tức là thế giới Cực Lạc, "*cụ túc vô lượng bất khả tư nghị công đức trang nghiêm*". Ngài ở trước mặt thầy tỏ rõ nguyện vọng quốc độ của Ngài nhất định phải thù thắng hơn quốc độ của chư Phật. Bởi vì tất cả quốc độ của chư Phật đều có khiếm khuyết, còn quốc độ của Ngài không có khiếm khuyết. Còn công đức trang nghiêm đương nhiên là rất nhiều. Loại công đức nào gọi là trang nghiêm đệ nhất? Đó là **mười niệm tất sanh, bất thoái thành Phật.** Điều này đích thực là công đức trang nghiêm đệ nhất, bởi vì trong tất cả thế giới của chư Phật không có, mà quốc độ của Ngài thì có. Cho nên là công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn. Điều này là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện, chúng ta hãy xem hai nguyện đầu tiên:

❖ Nguyện thứ nhất: **Trong nước không có ác đạo.**

"***Vô hữu địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú, quyên phi nhuyễn động chi loại***".

(Không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, các loại bò bay máy cựa).

Tất cả thế giới của chư Phật đều có ác đạo, còn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không có tam ác đạo. Thông thường mà nói, ác nghiệp chưa dứt sạch mà thiện nghiệp đã thành thục thì có thể sanh vào tam thiện đạo. Như trạng huống

của chúng ta hiện nay đều là như vậy, nhưng hưởng hết phước rồi vẫn phải đọa lạc, cho nên tam thiện đạo không cứu cánh. Vẫn còn một việc chúng ta cần phải cảnh giác, đó là rất nhiều người bởi vì hưởng phước mà tạo ác nghiệp, cái đó thì đọa lạc càng nhanh, đọa càng thê thảm, những thứ này đều là chân tướng sự thật, không thể không đề cao cảnh giác. Người thế gian ai lại không hưởng phước báo, nào có biết trong "phước" chôn giấu cái "họa hại" vô lượng. Những người không có phước báo? Những người rất nghèo khổ cố nhiên là rất phiền não, [nhưng] họ muốn tạo ác nghiệp cũng không tạo được. Nói cách khác, đời này họ chỉ đang thọ báo, họ rất khó tạo tội nghiệp to lớn, vậy thì kiếp sau họ sẽ không bị đọa lạc. Người hưởng phước thì khác hẳn. Chúng ta không cần nói việc khác, tiêu chuẩn cuộc sống của những người nghèo khổ hiện nay được nâng cao. Như cỡ lứa tuổi của tôi lúc còn bé sống ở thôn quê, ăn toàn là rau cải, ăn thịt rất ít, đại khái là mồng một, ngày rằm mới mua được thịt. Vào ngày lễ và Tết mới có được một bữa ăn đàng hoàng, hằng ngày không được ăn ngon. Nói cách khác, sát sanh tạo nghiệp thì rất ít, không có cơ hội. Còn người giàu có, mỗi ngày đều ăn gà vịt, cá thịt, món nghiệp nợ này thì phải trả đấy, trả không hết. Chúng ta nhìn thấy họ thì rất hâm mộ nhưng đến sau này khi tính sổ nợ, khi quả báo hiện tiền mới biết được. Ôi chao! Họ không bằng chúng ta, so với chúng ta kém quá xa! Nhân quả thông ba đời, chúng ta không thể không biết những chân tướng sự thật này. Địa ngục là do tạo tác thượng phẩm thập ác mà cảm lấy ác báo, ngạ quỷ là trung phẩm thập ác, súc sanh là hạ phẩm thập ác.

Kinh Phật nói với chúng ta về sự chiêu cảm của tham sân si là: sân hận đọa địa ngục, bỏn xẻn tham lam là ngạ quỷ, ngu si là súc sanh. Tham sân si tam độc phiền não cảm được là khổ báo tam đồ. Thế giới Tây Phương không có tam ác đạo. Nói cách khác, không có người tạo ác nghiệp, không có phiền não của tham sân si, không có nhân nên họ không có quả báo. Mỗi người vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, công phu niệm Phật đắc lực rồi, có thể đè tham sân si xuống, tuy không đoạn được nhưng có khả năng đè xuống, khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, Phật lực vừa gia trì thì họ đoạn dứt ngay, cho nên họ liền được nhất tâm. Được lợi ích rất lớn. Học các pháp môn khác, việc đoạn phiền não phải hoàn toàn nhờ vào chính mình, hiện nay thì chúng ta chỉ cần đè một nửa, còn nửa kia Phật giúp đỡ thì chúng ta sẽ thành công. Cho nên Pháp môn này gọi là *nhị lực pháp môn*, được rất nhiều sự lợi ích.

❖ Nguyện thứ hai: **Không đọa ba đường ác.**

"***Sở hữu nhất thiết chúng sanh, dĩ cập Diễm-ma-la giới, tam ác đạo trung, lai sanh ngã sát, thọ ngã pháp hóa, tất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, bất phục canh đọa ác thú.***"

(Tất cả chúng sanh cho đến từ địa ngục trong ba đường ác sanh về cõi con, thọ pháp hóa của con, tất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, không đọa lại ba đường ác nữa).

"*Sở hữu nhất thiết chúng sanh*", đây là chỉ chúng sanh trong lục đạo. Dĩ cập Diễm-ma-la giới, Diễm-ma-la tức là vua Diêm-la, chúng ta gọi là Thập Điện Diêm Vương. Vị Diêm Vương ở điện thứ năm rất lợi hại, Diêm-la Vương Đệ Ngũ Điện còn gọi là Bình Đẳng Vương. Trong Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện có giới thiệu, Ngài quản lý địa ngục, trông coi địa ngục. Tam ác đạo là chỉ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ác nghiệp tập khí của chúng sanh trong ác đạo nặng nhất. Nếu họ có thể niệm Phật, nghe đến Pháp môn này, một lòng xưng niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tịnh Độ thì cũng được vãng sanh. Cho nên Pháp môn này hễ đủ ba điều kiện: bạn thật tin, tin có A-di-đà Phật, tin có thế giới Thế giới Tây Phương Cực Lạc, tin niệm Phật nhất định có thể được A-di-đà Phật đến tiếp dẫn vãng sanh, bạn thật tin không hoài nghi. Thật sự muốn đi, đây là nguyện, thật sự muốn đi tức là ở nơi này phải buông xuống tất cả. Một mặt muốn đi mà mặt khác lại không buông được nơi này, thì đó là giả, không phải thật muốn. Thật muốn thì nhất định tất cả đều buông xuống, thân tâm thế giới tất cả buông xuống, trong tâm không còn vướng bận chướng ngại nữa, đây mới gọi là thật muốn đi, thì nhất định được sanh. A-di-đà Phật nhất định sẽ tiếp dẫn bạn. Chúng ta ở đây vừa phát tâm thì Ngài biết ngay, A-di-đà Phật hiểu ngay, cái duyên của chúng ta ở nơi đây chín muồi rồi thì Ngài đến tiếp dẫn. Khi thọ mạng chúng ta đến thì Phật đến tiếp dẫn, đến bên đó tiếp nhận sự giáo hóa của A-di-đà Phật, "*thọ ngã pháp hóa*", "*pháp*" là phương pháp giáo học, hóa trừ hết ác nghiệp tập khí của chúng ta, "*hóa*" thành công đức vô lượng.

"*Tất thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*", đây là thành Phật rồi. Đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc, tiếp nhận sự giáo hóa của A-di-đà Phật, nhất định là thành Phật, thành cứu cánh viên mãn Phật. Trong quá trình tu học này nhất định sẽ không đọa ác đạo nữa. Bởi vì trong đời quá khứ có những tập khí ác này, nếu không ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thì tu hành sẽ có tiến, có thoái, việc thoái chuyển này rất có thể thoái chuyển đến tam ác đạo. Những thí dụ này rất nhiều. Đây là nói ở mười phương thế giới tu hành có khiếm khuyết, có thối đọa, còn ở thế giới Tây Phương không có thoái chuyển, tuyệt đối sẽ không rơi

vào tam ác đạo nữa. Chúng ta đã tạo tội nghiệp cực nặng, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, hãy yên tâm! Nguyện này của A-di-đà Phật là bảo chứng, bảo đảm bạn sẽ không rơi vào ác đạo nữa.

"***Đắc thị nguyện, nãi tác Phật. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Vô Thượng Chánh Giác***".

(Được như vậy con mới làm Phật. Nếu không được như nguyện, thề không thành Vô Thượng Chánh Giác).

Nguyện này của tôi phải viên mãn, thực hiện được rồi thì tôi thành Phật, nếu nguyện này của tôi không thể thực hiện, không thể viên mãn thì tôi thề không thành Phật. Hiện nay Phật A-di-đà thành Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đã mười kiếp rồi, nguyện của Ngài toàn bộ đã được thực hiện rồi, mỗi câu, mỗi chữ đều là chân thật bất hư. Do đây có thể thấy bổn nguyện của A-di-đà Phật, bổn tâm của A-di-đà Phật thật sự là niệm niệm hy vọng tất cả chúng sanh mau thành Phật, nguyện này của Ngài vượt qua chư Phật, và Ngài thật sự đã làm được. Nguyện vọng này thật sự đã được thực hiện. Vấn đề là chúng sanh có tin hay không, có chịu phát nguyện cầu sanh hay không. Không phải Phật A-di-đà không có khả năng. Vấn đề là ở chính chúng ta có chịu hay không? Không chịu thì sao? Đó là chính chúng ta có chướng ngại, không chịu tức là chướng ngại. Nếu bạn hỏi chướng ngại gì? Bạn không mong muốn là chướng ngại. Khi ưng chịu thì chướng ngại không còn nữa. **Ai chịu niệm Phật thì người đó được vãng sanh.** Pháp môn này là Pháp môn bình đẳng, bất luận bạn tu học Đại Thừa, Tiểu Thừa, bất luận là bạn tạo ác, tạo thiện, không thành vấn đề, hễ bạn hồi tâm chuyển ý, thật sự chịu niệm Phật cầu nguyện vãng sanh thì người người đều được sanh, điều này thật không thể nghĩ bàn. Công đức hy hữu đệ nhất, chúng ta lại xem đoạn thứ hai:

❖ Nguyện thứ ba: **Thân có sắc vàng ròng.**

"***Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới, sở hữu chúng sanh, linh sanh ngã sát, giai cụ tử ma chân kim sắc thân***".

(Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh ở mười phương thế giới sanh về cõi con, đều được đầy đủ thân tướng sắc vàng ròng).

Trong chương này có ba nguyện, chúng ta phải xem từng nguyện một, như vậy sẽ rõ ràng hơn.

Chúng ta ở chỗ này phải đặc biệt lưu ý. Nguyện nói về tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới. Tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới đương

nhiên bao gồm chúng ta trong đó, không có nói chúng sanh thế giới Ta-bà là ngoại lệ. Thế giới Hoa Tạng của Phật Tỳ-lô-giá-na cũng ở trong đó. Vậy có thể nói là tất cả thế giới của chư Phật đều bao gồm trong đó. Cho nên Ngài Văn-thù, Phổ Hiền cũng được vãng sanh. Chúng ta phải xem cho rõ ràng, thì mới biết được nguyện của Ngài quả thật là vĩ đại. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, thân tướng có được là bình đẳng, đều đầy đủ, người người đều là "*tử ma chân kim sắc thân*". Chữ "*ma*" này ý nghĩa của thời xưa là chỉ cho vàng ròng, không có một tơ hào tạp chất. Đây là nói về thân thể của chúng ta khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Hãy nhìn xem! Cái thân thể hiện nay của chúng ta vô cùng yếu ớt, nhục thân rất yếu ớt, vừa gặp phải một cơn gió lạnh thì ngã bệnh rồi, không đứng lên nổi, còn người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc ai ai cũng đều là kim sắc thân.

❖ Nguyện thứ tư: **Ba mươi hai tướng tốt.**

"***Tam nhập nhị chủng, đại trượng phu tướng***".
(Ba mươi hai tướng đại trượng phu).

Đây là Thích-ca Mâu-ni Phật nói đến thế giới này của chúng ta, bởi vì ở thế giới này, tâm lượng con người rất nhỏ hẹp, nói ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, những tướng hảo đó là đến chỗ cứu cánh viên mãn rồi, nếu nói nhiều hơn thì vô phương tưởng tượng. Kỳ thật là không chỉ bấy nhiêu đó, trong đại kinh chúng ta thấy được thân Phật có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì tướng mạo của chúng ta cùng với Phật A-di-đà là một khuôn một mẫu vậy.

❖ Nguyện thứ năm: **Thân không có sai biệt.**

"***Đoan chánh tịnh khiết, tất đồng nhất loại***".
(Đoan chánh, tịnh khiết, đồng một dung nhan).

Câu này phải ghi chặt vào lòng, người của thế giới Tây Phương Cực Lạc không có hai tướng mạo. Bạn thử xem, hiện nay đạo tràng chúng ta mọi người ngồi chung một nơi, tướng mạo mỗi người đều khác nhau, còn thế giới Tây Phương Cực Lạc dù người nhiều hơn đi nữa cũng chỉ có một tướng mạo, tuyệt đối không có hai tướng. Tướng mạo đều như nhau, vậy chúng ta có nhận lầm người không? Mọi người đều giống như Phật, vậy ai là A-di-đà Phật? Ai là Quán Thế Âm Bồ-tát đây? Chúng ta đi vãng sanh liệu có phải sẽ không phân biệt rõ ràng không? Việc này bạn hãy an tâm, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta đều có tha tâm thông, quá khứ, hiện tại, vị lai của mỗi người tất cả thảy

đều rõ ràng, nhất định không nhận lầm người. Điều này hàm ý bên trong vô cùng sâu dày. Phía trước không phải đã nói rồi sao! Bốn mươi tám nguyện của Ngài là từ đâu đến? Là vì thấy được rất nhiều thế giới của chư Phật, chuyên tâm lựa chọn ở trong đó mà có. Người của mười phương thế giới có tướng mạo khác nhau, tướng mạo đẹp thì kiêu ngạo, còn tướng mạo xấu thì tự ti mặc cảm, đây là phiền não. Còn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, mọi người đều có tướng mạo giống nhau thì không có kiêu ngạo cũng không có tự ti.

Phật A-di-đà thật là thông minh, Ngài dùng những phương pháp này thì tự nhiên tiêu trừ sạch hết tất cả phiền não của bạn. Hiển thị thế giới của Ngài là pháp giới bình đẳng. Cho nên trên đề Kinh này lấy phương pháp bình đẳng để độ tất cả chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là bình đẳng, không hai không khác với A-di-đà Phật. Chúng sanh trong mười phương thế giới có hình sắc không đồng. Thân tướng đoan chánh trang nghiêm có thể khiến người sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm cung kính. Thế nên, người của thế giới Tây Phương tướng mạo đoan chánh trang nghiêm, trong tất cả thế giới của chư Phật không sánh kịp. Vì thế nên học trò của A-di-đà Phật bất luận đi đến thế giới nào (hằng ngày đều đi đến mười phương thế giới để cúng dường chư Phật, đi độ hóa chúng sanh) đều được sự tôn kính của mọi người ở tất cả thế giới của chư Phật. Mọi người đều nhìn đệ tử của Phật Di-đà bằng ánh mắt kính trọng.

Tôi từng nói điều này với quý vị, ở thế gian này có nhiều người vô cùng ngưỡng mộ Di-lặc Bồ-tát, ưa thích tương lai sinh đến Tịnh Độ của Di-lặc Bồ-tát ở Nội Viện trời Đâu-suất. Tương lai Di-lặc Bồ-tát hạ sanh thành Phật, từng người một theo Ngài xuống đây giống như đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên… theo Phật xuống thị hiện độ hóa chúng sanh. Họ có nguyện này, nguyện này tốt không? Thưa tốt, đáng được tán thán vô cùng. Tuy nhiên, tôi hiểu rất rõ, muốn vãng sanh đến Đâu-suất Nội Viện không phải một việc dễ dàng, vì sao? Tiêu chuẩn chọn học trò của Di-lặc Bồ-tát rất cao. Tôi nghĩ nếu tôi muốn vào nội viện của Ngài thì điểm của tôi không đủ, không có cách gì đi được. Thử xem Tịnh Độ của A-di-đà Phật, Ngài chọn học sinh điểm rất thấp, vô cùng thấp. Tôi nắm chắc có thể đi được. Nếu tôi đi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi, muốn trở về lại thế giới Ta-bà, trong Kinh này nói: "Mười vạn ức Phật độ, trong một sát-na là về đến". Đi thân cận với Di-lặc Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát vừa trông thấy học trò của A-di-đà Phật thì đặc biệt hoan nghênh, dùng ánh mắt khác biệt mà nhìn, so với học trò của Ngài còn tốt hơn rất nhiều. Ta phải biết tính những bài

toán này, chúng ta cũng có thể đến nội viện của Đâu-suất cũng có thể thân cận Di-lặc Bồ-tát, so với học trò của Ngài còn được chiêu đãi đặc biệt hơn.

Chúng ta nghe Di-lặc Bồ-tát giảng kinh, nhất định được ngồi ghế thượng tọa, những hàng ghế phía trước đều nhường cho chúng ta ngồi, còn học trò của Ngài thì ngồi phía sau. Cho nên đây là sự thật không thể không biết, đây là con đường dễ dàng nhất để thân cận Di-lặc Bồ-tát. Xin xem tiếp đoạn thứ ba:

Trong đoạn này bao gồm ba nguyện:

❖ Nguyện thứ sáu: **Có túc mạng thông.**

❖ Nguyện thứ bảy: **Có thiên nhãn thông.**

❖ Nguyện thứ tám: **Có thiên nhĩ thông.**

"***Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, tự tri vô lượng kiếp thời túc mạng, sở tác thiện ác, giai năng đỗng thị, triệt thính, tri thập phương khứ lai hiện tại chi sự. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh Giác***".

(Khi con thành Phật, các chúng sanh sanh về cõi con, tự biết các việc thiện ác đã làm trong vô lượng kiếp trước, có thể thấy rõ, nghe thông, biết tỏ các sự việc khắp mười phương, ba đời khứ lai hiện tại. Nếu không được như nguyện, thề không thành Chánh Giác).

Quý vị nên biết, người thế tục chúng ta gọi đây là thần thông. "Thông" là thông đạt vô ngại, "thần" là thần kỳ khôn sánh. Cái năng lực đặc biệt này hiện nay ở Đại Lục gọi là khả năng kỳ dị, khả năng đặc biệt, cách gọi này rất có đạo lý. Năng lực này của họ siêu việt người thường. Vậy thần thông từ đâu mà có? Là do "báo đức" mà được, do "tu đức" mà được. Chúng ta vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì có thần thông, đây gọi là báo đức, không phải là tu đức. Cái báo đức này là bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì. Nếu sanh đến bên ấy mà không có năng lực này thì A-di-đà Phật đã không thành Phật rồi. Năng lực, thần thông đó lớn cỡ nào? Vượt hơn A-la-hán. Năng lực túc mạng thông và tha tâm thông của A-la-hán chỉ biết được năm trăm đời, trước năm trăm đời và sau năm trăm đời thì họ không biết và cũng không hiểu được. Họ có phạm vi không lớn lắm. Vậy còn như thiên nhãn của Bồ-tát? Tùy vào địa vị của Bồ-tát, Bồ-tát địa vị càng cao thì năng lực của thiên nhãn càng rộng, có thể nhìn thấy một đại thiên thế giới, một trăm đại thiên thế giới, một ngàn đại thiên thế giới… Chỉ có thiên nhãn của Như Lai mới có thể nhìn thấy tận hư không khắp pháp giới tất cả thế giới của chư Phật, không nơi nào không thấy. Những người sanh đến thế giới Tây Phương

Cực Lạc, năng lực thần thông của họ trong Kinh văn này nói là bằng với A-di-đà Phật, cái ưu tiên này đã chiếm khá lớn. Trong khi tu các Pháp môn khác thì phải tu đến Bát Địa Bồ-tát (năng lực của Bát Địa Bồ-tát rất gần với năng lực của Phật), phải tu ba đại a-tăng-kỳ kiếp. Chúng ta chỉ mới niệm Phật có vài năm, khi vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì có năng lực bằng với năng lực của Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa Bồ-tát. Cho nên những vị Bồ-tát đó nhìn thấy chúng ta thì lắc đầu không tin được, nhưng cũng là sự thật. Cho nên hiểu rõ rồi, họ không thể không bội phục reo lên: "Ôi chao! Quý vị thật quá may mắn! Thật quá phi thường! Chỉ tu vài ngày thì được rồi, còn tôi đã tu ba đại a-tăng-kỳ kiếp, tu khổ như thế mới có được, sao bạn chỉ trong chốc lát mà có được, vả lại những thứ bạn có được còn thù thắng hơn tôi! Còn vượt hơn tôi!" Sao có thể không bội phục chứ! Việc này tục ngữ chúng ta gọi là "gặp vận hên, gặp vận xui", Bồ-tát không hên, chúng ta rất hên, trong phút chốc gặp pháp môn này thì thành công. Cho nên chúng ta phải để tâm quan sát cho kỹ lưỡng đoạn nguyện văn này.

"*Sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả*", đây là pháp bình đẳng, không có lựa chọn người của Hoa Tạng thế giới sanh đến, họ đương nhiên là Bồ-tát rồi, địa vị đó cao. Còn chúng ta là phàm phu, làm sao có thể so sánh được! Tất cả chúng sanh, đương nhiên là thập pháp giới, nói cách khác, toàn bộ đều được bao gồm trong đó. "*Tự tri vô lượng kiếp thời túc mạng*". Không giống như A-la-hán chỉ biết được năm trăm đời trước, mà là vô lượng kiếp trước. Vừa vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc cho dù hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là như vậy. Bởi vì trong nguyện văn của Ngài không có nói trừ hạ hạ phẩm ra, cũng không có nói chỉ thượng phẩm thượng sanh mới có năng lực thần thông này. Nói cách khác, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng có năng lực này, đây mới là pháp bình đẳng.

Hiện nay có rất nhiều người muốn biết tiền kiếp, đi tìm những người thông linh (những người giao tiếp được với quỷ thần), lại có người đi tìm cái gọi là thuật thôi miên, muốn biết đời trước, nhiều lắm cũng chỉ biết được một đời, hai đời, ba đời thì không biết được. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì đời quá khứ, đời đời kiếp kiếp, vô lượng kiếp đến nay bạn đều biết hết, hà tất phải đi tìm những thứ phiền phức này! Hiện nay trong xã hội chuyện lừa gạt rất nhiều, những người thông linh cho bạn biết đời trước chưa hẳn là thật, có thể mắc mưu, bị lừa mà mình vẫn không hay biết. Đến được thế giới Tây Phương, tự mình đều biết cả, đời đời, kiếp kiếp, việc thiện bạn làm, việc ác bạn làm đều biết toàn bộ, tự mình biết được đời đời kiếp kiếp trong quá khứ luân hồi tại đâu, từng ở thế giới nào, thảy đều biết hết cả. Bạn thảy đều nhớ hết cả, đều rõ hết bà con quyến thuộc của

chính mình từ vô lượng kiếp đến nay… Một khi đến thế giới Tây Phương thì có năng lực này.

"*Giai năng đỗng thị*", đây là thiên nhãn thông giống như Phật, ở chỗ này không nói giới hạn, bạn đều thấy được mười phương thế giới, vô lượng vô biên thế giới rõ ràng minh bạch. Chúng ta hiện nay rất đáng thương, phía dưới lầu bốn, nghe nói còn có rất nhiều người đang ở đó nghe kinh, chúng ta không nhìn thấy họ, nếu ở thế giới Cực Lạc thì là trong suốt, toàn bộ đều thấy cả, bên kia địa cầu là nước Mỹ cũng nhìn thấy rõ ràng mọi người đang làm gì. Xa hơn nữa, thế giới phương khác, tất cả thế giới của chư Phật đều ở trước mắt, họ có được năng lực này. Có khi trong tâm chúng ta bị tình cảm buộc ràng với người thân, người mà mình ưa thích, đều niệm niệm không quên hy vọng giúp đỡ họ. Chúng ta có cái tâm này, có cái nguyện này nhưng không có năng lực. Bạn phải biết, đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc thì có năng lực này, thân thích, quyến thuộc của chúng ta, bất luận họ sanh vào đường nào, bạn đều thấy họ, họ nói chuyện bạn nghe được, bạn đều rõ ràng minh bạch tình trạng của họ, bạn có thể thường xuyên thị hiện đi giúp đỡ họ. Đó là thật sự có trí huệ, có năng lực. Tâm nguyện của chúng ta mới gọi là chân thật. Không vãng sanh thì tâm nguyện của chúng ta đều không đạt được mục đích vì không có năng lực.

"*Triệt thính*" là thiên nhĩ thông. Tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới họ nói những tiếng gì bạn cũng nghe được rất rõ ràng, dù có nói khe khẽ cũng nghe được rất rõ, thật là thần thông quảng đại! Tôn Ngộ Không trong tiểu thuyết còn kém quá xa, Tôn Ngộ Không mới có bảy mươi hai phép, một cái cân đẩu vân nhào lộn là mười vạn dặm, không biết phải lộn bao nhiêu cái cân đẩu vân mới lên đến được. Còn đây thì không cần nhào lộn, chỉ một niệm là đến ngay, cho nên Tôn Ngộ Không nếu so sánh với người ở thế giới Cực Lạc thì cách nhau một trời một vực, thua kém quá xa! Năng lực đó quá nhỏ, không đáng nói đến. Bên trong này có năng lực thần thông như thế, có sự giúp đỡ vô cùng lớn lao đối với sự tu hành.

Chúng ta biết người thế gian vì sao có tham sân phiền não? Tại sao lại khởi hoặc tạo nghiệp? Thực tế là do mê nơi chân tướng sự thật của nhân quả nên mới khơi dậy những thứ mê hoặc, mới tạo nghiệp. Nếu thông rõ chân tướng sự thật này thì họ làm sao còn khởi phiền não, họ làm sao còn bị mê hoặc, làm sao còn tạo nghiệp nữa chứ? Cho nên A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thiết kế những cách giáo học này thật sự đã khởi tác dụng rất lớn, tập khí phiền não từ vô thủy kiếp của chúng ta khi đến nơi đó thì bị hóa giải hết toàn bộ, tại sao vậy?

Sự việc của quá khứ, hiện tại và vị lai đều biết cả, đều thấy được cả, đều nghe được cả, đều hiểu được cả. Như vậy so với chư Phật Như Lai khác giảng kinh, nói pháp thì đơn giản hơn rất nhiều. Phương pháp đích thực là cao minh. Biết mười phương, đó là về mặt không gian. Quá khứ, hiện tại và vị lai gọi là ba đời, thuộc về thời gian. Chuyện trong mười phương, ba đời, việc gì bạn cũng đều biết cả, đều rõ cả, đều thấu hiểu cả

"*Bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh Giác*", A-di-đà Phật thành Phật rồi thì nguyện này cũng đã được thực hiện. Hiện nay có một số người nói họ có thần thông, có khả năng đặc biệt gì đó… thì bạn có thể nói với họ rằng: "Đây không có gì là phi thường, qua vài năm nữa, bạn làm sao sánh kịp tôi!" Đúng là như vậy. Chúng ta hiểu được chân tướng sự thật này, thì nên nghiêm túc niệm Phật vài năm để vãng sanh thì tất cả đều được hết. Thần thông của Bồ-tát không thể so sánh với thần thông đức năng trên quả địa của Như Lai, tiểu thông của họ thì ăn thua gì! Chúng ta gọi năng lực của những người ở thế giới Cực Lạc là thần thông đức năng. Năng lực này tuyệt đối không phải như trong Kinh Đại Thừa nói tu được bằng thiền định cùng các phương pháp khác. Khi nãy đã nói đây là báo đức, là sự tu học trong ngàn ức năm của A-di-đà Phật, là sự thành tựu viên mãn của năm kiếp, Ngài đã dùng đức năng này mà gia trì cho chúng ta. Cái lý bên trong vô cùng thâm sâu, xét về mặt sự cũng kỳ diệu khôn sánh! Đạo lý vô cùng thâm sâu! Không phải là không có lý luận y cứ, nếu không có lý luận y cứ thì chúng ta xem thấy chỉ là chuyện thần thoại mà thôi. Cho nên Pháp môn này là "*nan tín chi pháp*", đạo lý quá sâu! Ngay cả Đẳng Giác Bồ-tát nếu không được sự gia trì của Như Lai thì họ cũng không rõ, cho nên có thể tin được thì không phải dễ dàng. Phần cuối Kinh có nói người có thể tin là do thiện căn phước đức huân tập được của họ trong vô lượng kiếp đời quá khứ ngày nay đã thành tựu rồi. Nếu không phải là túc căn của vô lượng kiếp thành tựu, cho dù ngày nay bạn có gặp được cũng sẽ xem nó như tiểu thuyết, coi như huyền thoại, bạn sẽ không tin. Cho nên người bình thường không thể tin, không thể tiếp nhận được Pháp môn này. Tôi đã nói rất nhiều lần đó là việc bình thường. Nếu họ vừa mới nghe thì liền tin, liền tiếp nhận mới là việc rất không bình thường. Đây đều là sự thật, cho nên năng lực thông này của họ siêu việt hơn tất cả Bồ-tát, còn Thanh Văn, Duyên Giác thì càng không cần phải nói nữa. Xin xem tiếp đoạn thứ tư:

❖ Nguyện thứ chín: **Có tha tâm thông.**

"***Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh***".
(Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh).

Hãy xem câu từ trong lời nguyện này. "*Sở hữu chúng sanh*" là bình đẳng, không có lựa chọn, hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới đều bình đẳng.

"***Sanh ngã quốc giả, giai đắc tha tâm trí thông***".

(Sanh về cõi con đều được tha tâm trí thông).

Tha tâm thông, "*Tha*" là người khác, người khác khởi tâm động niệm họ đều biết. Cho nên quý vị đồng tu, quý vị phải để ý, phải cẩn thận, đừng tưởng rằng không có người hay biết ý niệm khởi trong tâm bạn, người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc ai nấy đều biết cả. Họ thấy được tất cả cử động của bạn, bạn nói chuyện khe khẽ với người khác, họ nghe được, bạn khởi tâm động niệm họ cũng biết được, đừng tưởng không có người biết. Người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc rất nhiều, đếm không hết, tất thảy đều biết. Đây đều là sự thật, cho nên muốn làm học trò của A-di-đà Phật, là một đệ tử Phật, tương lai là bạn học của họ thì khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của chúng ta, họ đều trông thấy cả, họ đều nghe thấy cả, họ đều hiểu biết cả, không một thứ gì lừa được họ. Chúng ta có đáng mặt tham dự pháp hội của họ không? A-di-đà Phật cho dù có từ bi muốn tiếp dẫn chúng ta nhưng nhóm bạn học kia không tiếp nhận chúng ta thì A-di-đà Phật sẽ không đến tiếp dẫn. Phải nên nghĩ đến những điều này, đức năng tương lai của chính chúng ta, những bạn đồng tu ấy hiện nay đều đầy đủ cả.

Cho nên tâm địa của người niệm Phật phải thanh tịnh, phải chánh đại quang minh, không làm những việc trái với lương tâm. Kẻ khác có lỗi với ta thì được nhưng ta không thể có lỗi với người, kẻ khác gạt ta thì được nhưng ta không gạt người. Vì sao vậy? Họ làm đó là nghiệp luân hồi, còn ta ngày nay tạo tác là phải sanh về Tây Phương. Tất cả những gì của ta phải lấy thế giới Tây Phương Cực Lạc làm tiêu chuẩn, tiêu chuẩn của thế giới Tây Phương là bốn mươi tám nguyện, là Kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta đều phải làm được những gì đã nói trong Kinh Vô Lượng Thọ, như vậy mới có thể sanh về Tây Phương, mới có thể tăng cao phẩm vị.

"***Nhược bất tất tri ức na-do-tha bá thiên Phật sát, chúng sanh tâm niệm giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Nếu không biết được hết tâm niệm của chúng sanh trong trăm ngàn ức na-do-tha cõi Phật, thề không thành Chánh Giác).

Phần nguyện văn này rõ ràng, minh bạch biết mấy! "*Ức na-do-tha*" tức là vô lượng vô biên thế giới của chư Phật, trong đó tâm của tất cả chúng sanh tưởng những gì, niệm những gì, họ thảy đều biết cả. Năng lực này đích thực đã vượt

hơn Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ-tát, cho đến bốn mươi mốt vị pháp thân Đại Sĩ trong hội Hoa Nghiêm, tuyệt đại đa số đều không thể sánh được với họ. Năng lực này là Bát Địa Bồ-tát trở lên, Bát Địa trở xuống đều không thể sánh được với họ. Cho nên thần thông trí huệ của họ, cái đạo lực siêu thắng này, quả thật đã đạt đến chỗ cùng cực! Cũng vì sự thật này mà tất cả chư Phật không thể không tán thán A-di-đà Phật, không thể không bội phục A-di-đà Phật, cũng không thể không đem tất cả học trò của mình thảy đều giới thiệu cho A-di-đà Phật. Cho nên hiện nay chư Phật độ chúng sanh tiện lợi hơn, dùng phương pháp gì? Là đều khuyên họ đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì được phổ độ, đều đưa họ về thế giới Tây Phương Cực Lạc giao cho A-di-đà Phật độ.

Cho nên hiện nay tất cả chư Phật Như Lai ở mười phương thế giới đều là giúp A-di-đà Phật tuyển sinh. Những người không vâng lời thì nói với họ Phật pháp Nhị Thừa, Tam Thừa. Còn họ vâng lời thì đưa về thế giới Cực Lạc là lập tức thành Phật. Chúng ta ở tại chỗ này mới hiểu rõ, mới nhìn ra được sự thật chân tướng này. Những vị Bồ-tát, những người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc có năng lực như vậy, cũng tức là nói "*tri kỷ tri bỉ*" (biết mình biết người). Họ có túc mạng thông là "tự tri", từ vô lượng kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp tự biết rõ mình, tự hiểu rõ mình, "tự tri" là biết mình. Biết kẻ khác là "tri bỉ". "*Tri kỷ tri bỉ*" thì giáo hóa chúng sanh mới khế cơ, chúng sanh mới dễ được độ. Cho nên họ mỗi ngày đến mười phương cõi nước của chư Phật, cúng Phật, nghe pháp, còn tùy duyên độ chúng sanh, họ có năng lực như vậy. Chúng ta tự hỏi, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc bao lâu mới có được năng lực này? Chỗ này không có nói sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc phải một kiếp, hai kiếp mới có được năng lực này. Vậy thì vừa đến thì có năng lực này. Nhất định là ý nghĩa này, vừa đến là có, vừa thấy A-di-đà Phật thì năng lực này được khôi phục ngay. Thật sự mà nói, đây không phải là khôi phục mà là Phật lực gia trì mãi cho đến khi chúng ta ở thế giới Tây Phương Cực Lạc tu hành. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc tu hành mức tiến bộ vô cùng nhanh chóng! Nhất định không thoái chuyển. Bởi vì không chỉ tiếp nhận sự giáo hóa của một mình A-di-đà Phật, mà bạn mỗi ngày đi tham vấn mười phương tất cả chư Phật. Bạn nghĩ thử xem, bạn mỗi ngày nghe bao nhiêu Phật pháp, bao nhiêu vị Phật nói pháp cho bạn, cho nên sự tiến bộ đương nhiên là nhanh chóng. Cho đến khi bạn thật sự chứng được Thập Địa rồi, A-di-đà Phật vẫn gia trì bạn, khiến cho đạo lực, trí huệ, thần thông của bạn so với các vị Thập Địa Bồ-tát khác còn cao minh hơn. Đây là thế giới Tây Phương thù thắng không gì sánh bằng! Vì sao lại không chịu đi? Xưa kia thầy Lý có nói, "người

không chịu vãng sanh thì người đó nếu không ngu si thì là cuồng vọng". Nói cách khác là không bình thường, người bình thường thì chẳng ai không tin, không muốn vãng sanh cả.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 10

Đây là đoạn thứ năm của đại nguyện.

❖ Nguyện thứ mười: **Có thần túc thông.**

❖ Nguyện thứ mười một: **Cúng dường khắp chư Phật.**

"***Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, giai đắc thần thông tự tại Ba-la-mật-đa. Ư nhất niệm khoảnh, bất năng siêu quá ức na-do-tha bá thiên Phật sát châu biến tuần lịch, cúng dường chư Phật giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh sanh về cõi con đều được thần thông tự tại Ba-la-mật-đa. Trong khoảnh khắc nếu không thể đến khắp trăm ngàn vạn ức cõi Phật để cúng dường, thề không thành Chánh Giác).

Nguyện thứ mười này cũng là thuộc về những khả năng đặc biệt mà phía trước đã giới thiệu qua. Mọi người của thế giới Tây Phương đều có đầy đủ túc mạng thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm trí thông. Ở đây, chúng ta thấy đoạn này là thần thông tự tại, tức là thần túc thông. "*Túc*" vốn là nghĩa là viên mãn, "thần túc" nghĩa là biến hóa tự tại.

Đến bờ Niết-bàn bên kia cần có trí huệ của quả địa Phật, muốn được Phật trí thì cần phải phụng sự nhiều vị Phật mới có thể thành tựu trí huệ của Phật quả. Nếu mình không có thần túc thông thì sẽ rất khó làm được, bởi vậy thần túc thông đối với người tu hành là vô cùng quan trọng. Thế giới vô lượng vô biên, chư Phật cũng vô lượng vô biên, chúng ta nếu đi thừa sự cúng dường từng vị Phật một thì có thể nói là vô lượng kiếp cũng cúng dường không hết. Vì vậy nên nhất định phải có bản lĩnh phân thân, có thể cùng một lúc phân ra trăm ngàn ức hóa thân (giống như Thích-ca Mâu-ni Phật nói ở trong Kinh Phạm Võng) đồng thời đi cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, vậy mới có thể làm nổi. Mọi người của thế giới Tây Phương Cực Lạc đích thật có được năng lực này.

Vậy như thân phận của chúng ta đây, một phẩm phiền não còn chưa phá, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì làm sao có được thứ năng lực này? Năng lực này không phải định nhỏ mà có thể đạt được, phải cần có công phu tương đối. Bình thường, người thường tu thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông không khó, túc mạng, tha tâm thì khó hơn, đến biến hóa tự tại thì càng khó hơn nữa. Cho nên ở Tiểu Thừa, có thần túc thông phải là Thánh nhân Tam Quả mới có thể có

được. Sơ Quả, Nhị Quả thì chưa có (Sơ Quả có thiên nhãn thông), cho nên đây là công phu rất sâu. Chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì lập tức năng lực này hầu như bằng với Thập Địa Bồ-tát. Đây hoàn toàn là nhờ vào bổn nguyện gia trì của Phật.

Pháp Tạng nói lúc Ngài làm Phật, Ngài hiện nay đã làm Phật mười kiếp rồi. "*Sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả*", chúng ta phải xem câu nói này cho rõ ràng, "*sở hữu chúng sanh*" này đương nhiên là bao gồm Phàm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm vãng sanh, chúng ta đương nhiên có phần. Sanh đến bên đó đều được "*thần thông tự tại Ba-la-mật-đa*". Thần thông tự tại, khi nãy vừa nói tức là thần túc, thiên biến vạn hóa. "*Ba-la-mật-đa*", câu này là Phạn ngữ, ý nghĩa là "viên mãn", thần thông tự tại viên mãn. Nếu nói một cách nghiêm khắc thì chỉ Phật mới có, năng lực này của Phật mới gọi là chân thật viên mãn, Bồ-tát tuy có vẫn không viên mãn, đây là oai thần của Di-đà gia trì, thật không thể nghĩ bàn. Còn phần dưới không chỉ là nêu một ví dụ nói rõ sự cứu cánh viên mãn của năng lực này mà còn nói cho chúng ta một sự việc không thể nghĩ bàn, đó tức là cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Sự cúng dường này khi nãy đã nói rồi, nhất định là dùng thần lực phân thân biến hóa, đồng thời đi cúng dường.

"*Ư nhất niệm khoảnh*", trong một niệm là có thể đến được, tốc độ không thể nghĩ bàn. Một niệm dài cỡ nào? Trong Kinh Phật nói, một người rất khỏe, rất cường tráng, rất dũng mãnh họ khảy ngón tay (búng tay), (chúng ta thân thể yếu thì khảy rất chậm, người có sức khỏe tốt họ khảy rất nhanh lại còn có sức mạnh) thời gian một cái búng tay có sáu mươi sát-na, một sát-na có chín trăm ý niệm. Có thể thấy ý niệm này rất vi tế, thời gian rất ngắn, trong một niệm tức là thời gian rất ngắn, trong tâm vừa động niệm thì đã đến rồi. Thế giới Cực Lạc cách thế giới Ta-bà của chúng ta mười vạn ức cõi nước Phật, một niệm liền đến ngay. Kỳ thật khoảng cách này rất ngắn. Thế Tôn trong Kinh Hoa Nghiêm nói: "Ta-bà và Cực Lạc đều ở trong Hoa Tạng thế giới, Hoa Tạng thế giới có hai mươi tầng mà hai thế giới này đều ở tầng thứ mười ba, có thể thấy đích thực không xa. Hoa Tạng thế giới, một đại thế giới lớn như vậy, Phật nói ở giữa thái hư không là vô lượng vô biên, khoảng cách đó thì không biết là bao xa, khoảng cách có xa hơn thì cũng chỉ một niệm là đến ngay". Đây là đạo lý gì? Thật tại mà nói, "vô biên cõi nước không ngoài nhất tâm" đều là vật do tự tánh chân tâm biến hiện ra. Cho nên tâm này vừa động niệm thì đến ngay. Ngày nay chúng ta không có năng lực phân thân, chúng ta biết động niệm nhưng không đến được, người thế giới Tây

Phương Cực Lạc có năng lực này, họ vừa động niệm thì thân của họ liền đến ngay, đây là phân thân, là hóa thân.

"*Ư nhất niệm khoảnh bất năng siêu quá ức na-do-tha bá thiên Phật sát*". Đây là năng lực của Ngài trong một niệm, đích thực như trong đại kinh có nói: "*Thập phương bất ly đương xứ, tam thế bất cách đương niệm*" (mười phương chẳng rời khỏi nơi này, ba đời không lìa xa niệm này) những thứ này là lợi ích chân thật mà kinh Đại Thừa nói đến. Vậy đi đến mười phương cõi Phật để làm gì? "*Châu biến tuần lịch cúng dường chư Phật*", đây là nói cõi nước Phật nơi mà chư Bồ-tát du lịch đến [rất] rộng và nhiều. Chỗ cúng dường thừa sự Phật cũng vô cùng nhiều. Bạn đến cúng dường Phật, Phật nhất định sẽ không để bạn cúng dường uổng công, Phật nhất định nói pháp cho bạn. Một vị Phật nói với bạn một câu Phật pháp, trong một ngày bạn cúng dường vô lượng Phật thì bạn nghe vô lượng câu pháp. Các pháp mà bạn nghe được trong một ngày còn nhiều hơn Đại Tạng Kinh của chúng ta không biết bao nhiêu lần. Tiến độ học tập của người ở thế giới Cực Lạc [rất] nhanh. Trong các kinh điển của Tịnh Tông chúng ta quan sát kỹ lưỡng, vãng sanh đến thế giới Tây Phương thành Phật nhanh, ở thế giới phương khác thành Phật phải mất ba đại a-tăng-kỳ kiếp, phải mất vô lượng kiếp. Ở thế giới Tây Phương chúng ta tính kỹ cũng không quá ba kiếp, bốn kiếp thì thành tựu, vì họ học tập như vậy, họ có bản lãnh thân cận tất cả chư Phật.

Đoạn thứ sáu của đại nguyện.

❖ Nguyện thứ mười hai: **Quyết định thành bậc Chánh Giác.**

"***Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, viễn ly phân biệt, chư căn tịch tĩnh. Nhược bất quyết định thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại Niết-bàn giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh sanh về cõi con, xa lìa tâm phân biệt, các căn tịch tĩnh. Nếu chẳng quyết định thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại Niết-bàn, thề không thành Chánh Giác).

Nguyện này là Phật A-di-đà viết ra cho chúng ta một giấy bảo đảm để bảo đảm thành Phật, nguyện này rất quan trọng. "*Sở hữu chúng sanh*" là bao gồm chúng ta trong đó. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, "*viễn ly phân biệt*", đây là "giới" cùng "định", trong "giới" có "định". "*Chư căn tịch tĩnh*", đây là trong "định" có "giới". Do đây có thể biết, ở thế giới Tây Phương, "giới định huệ" là viên dung, một tức là ba, ba tức là một, tùy tiện nói một cái thì nhất định hàm nhiếp hai thứ kia, "viên tu, viên chứng". Phía trước đã nói cúng khắp chư Phật

mà có được trí huệ của Phật, cho nên tu học không có một pháp nào là không viên. Tất cả chư pháp vốn "tịch tĩnh". Hiện nay, cảm xúc của chúng ta rất không tịch tĩnh, thật tại mà nói, nó vốn là tịch tĩnh, vậy hiện nay thì sao? Hiện nay vẫn là tịch tĩnh. Nếu không phải tịch tĩnh thì vì sao chư Phật Như Lai thấy được đó là tướng tịch tĩnh còn chúng ta thì không thấy! Do đây có thể biết, chướng ngại này không phải ở trên cảnh giới mà ở ngay nơi bản thân chúng ta có bệnh, có vấn đề, vấn đề gì? Thân tâm chúng ta đã động, tâm vừa động thì tất cả pháp đều thành đối lập: có sanh có diệt, có đến có đi, có thị có phi (có đúng có sai). Những hiện tượng này vốn là không có.

Ngài Mã Minh Bồ-tát trong Khởi Tín Luận nói với chúng ta: "*Bổn giác bổn hữu, bất giác bổn vô*" (bổn giác vốn có, bất giác vốn không). Nó vốn không có, đây tức là "*Nhất niệm bất giác nhi hữu vô minh*" (một niệm bất giác mà có vô minh), "*vô minh*" tức là tướng "động", vậy thì không "tịch tĩnh" rồi, trái ngược với tánh đức. Trong cảnh giới nhất chân tức là trong cảnh giới chân thật "phi hữu phi vô", không có phân biệt, không có chấp trước, nếu dùng cách nói của chúng ta mà nói là chư căn tịch tĩnh, viễn ly si ám, phân biệt. Người học Phật tu hành trong vô lượng kiếp, tu điều gì? Là tu việc này, sửa đổi sai lầm, sửa đổi tập khí, khôi phục đến chư căn tịch tĩnh. Đó gọi là tu hành. Tịch tĩnh đến trình độ thích đáng thì kiến tánh, bỗng nhiên khai ngộ, kiến tánh thì là gọi thành Phật.

"*Nhược bất quyết định thành Đẳng Chánh Giác*" (Nếu chẳng quyết định thành Đẳng Chánh Giác), nhất định chứng đại Niết-bàn, đây là chứng đắc Phật quả cứu cánh của Viên Giáo, chúng ta nói là thành Phật. Tông Thiên Thai có Tạng Thông Biệt Viên, có bốn loại Phật, bạn thành đó là loại nào? Đó là quả vị Phật Viên Giáo rốt ráo. Do đây có thể biết vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc trong một đời nhất định thành Phật, đây là đại nguyện không thể nghĩ bàn của Di-đà.

Cho nên người xưa gọi pháp môn này là "Phật pháp thành tựu ngay trong đời này". Ngoại trừ pháp môn này ra, tu học bất cứ pháp môn nào đều không thể thành tựu ngay trong một đời, phải đến ba đại a-tăng-kỳ kiếp, phải vô lượng kiếp. Còn pháp môn này thì giúp chúng ta ngay trong một đời là thành tựu. Có lẽ bạn sẽ có nghi vấn: "Vậy chúng ta chết rồi, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc mới thành tựu phải không?". Lời này bạn nói sai rồi, bạn cũng thấy sai rồi, bạn cũng hiểu lầm rồi, nếu bạn chết thì hỏng rồi, bạn còn có thể thành tựu sao? Chết rồi là đi luân hồi, xin thật tình nói với bạn: "Chết rồi thì đáng sợ lắm! Không còn cứu được nữa, không thể chết". Pháp môn này không thể chết, khi thọ mạng chúng ta

đến rồi, lẽ ra phải chết, nhưng không chết, A-di-đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta đến thế giới Cực Lạc.

Cho nên quý vị nên biết, **vãng sanh là sống mà ra đi lúc chưa dứt hơi, lúc lâm chung thấy Phật đến tiếp dẫn, cùng đi với Phật, thân thể này không cần nữa, vứt bỏ đi. Không phải chết rồi mới đi**. Điều này quý vị phải hiểu rõ, phải minh bạch. Cho nên pháp môn này thật sự là "pháp môn bất tử". Cái túi da thối này không phải là đồ tốt, là gánh nặng phiền lụy đấy! Chúng ta bình thường không cách chi vứt bỏ, khi Phật đến, nhờ Phật lực gia trì chúng ta mới có thể vứt bỏ nó, theo Phật mà đi.

Con người không thể không tu phước, phước báo vô cùng quan trọng. Tôi hay khuyến tấn các bạn đồng tu phải tu Tam Phước, phải tu Lục Hòa, phải tu Lục Độ, đây đều là tu phước. **Tu phước nhưng đừng hưởng phước, đừng nên hưởng hết phước, giữ phước báo lại sau cùng mới hưởng**, sau cùng là lúc nào vậy? Là lúc vãng sanh, người thật sự có phước báo không sanh bệnh, biết được ngày giờ ra đi. Khi Phật đến rước bạn, ngồi mà đi cũng được, đứng mà đi cũng được. Bạn xem! Cách đó tự tại biết bao! Đó gọi là có phước báo. Phước báo cả một đời của họ giữ đến lúc đó mới hưởng. Cách này thật tự tại, tự tại mà vãng sanh.

Trước kia, khi tôi thọ giới, vị Hòa Thượng truyền giới của chúng tôi là lão Pháp Sư Đạo Nguyên kể cho chúng tôi nghe một công án. Trong Phật môn gọi là công án, người thường gọi là câu chuyện, nhưng là thật không phải giả. Xưa kia, có một vị xuất gia lúc vãng sanh hỏi mọi người: "Quý vị đã từng thấy người ngồi mà vãng sanh chưa?". Những người ở đó nói: "Có". "Còn đứng mà vãng sanh thì sao?". "Cũng có nghe qua." Ông ta lộn nhào một cái, đầu hướng xuống dưới, chân đưa lên trên trời, ông nói: "Cách vãng sanh như thế này quý vị có nghe qua chưa?". "Chưa". Thì ông qua đời, thật có phước báo. Đây là cách du hí nhân gian. Chúng ta vãng sanh, phải vãng sanh như vậy mới là tự tại, nằm trên giường mang bệnh mà ra đi thì kém rất xa. Đó là không có phước báo.

Không có phước báo, sanh bệnh, lúc lâm chung vãng sanh, chúng ta thường giúp người khác trợ niệm thấy được tướng lành, khi họ sắp ra đi tướng mạo trở thành rất đẹp, miệng vẫn còn đang cử động nhưng không có tiếng, những người niệm Phật chúng ta ngỡ rằng họ đang niệm Phật, kỳ thật không phải. Kỳ thật là họ nói, họ thấy Phật đến tiếp dẫn họ, họ muốn nói với mọi người, từ biệt mọi người, nhưng sức lực họ không đủ nên nói không ra tiếng. Kỳ thật là họ thấy được

Phật, đều là còn sống mà ra đi, không phải là chết rồi mới đi. Cho nên pháp môn này đích thực là "Pháp môn bất tử". Chúng ta sống mà vãng sanh, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là một đời thành Phật, không cần trải qua đời thứ hai, quyết định thành Đẳng Chánh Giác, chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây mới hiển hiện ra bổn tâm và bổn nguyện của A-di-đà Phật, chỉ một kỳ vọng duy nhất là quảng độ vô biên chúng sanh, giúp đỡ mọi người trong một đời chứng được cứu cánh Niết-bàn. Sáu nguyện phía trước đều nói rõ sự vi diệu của báo thân khi sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thật sự không thể nghĩ bàn. Không chỉ là trí huệ thần thông, đạo lực đầy đủ mà Đức Di-đà còn bảo đảm cho chúng ta trong một đời viên mãn thành Phật quả. Chúng ta tụng đến chỗ này làm sao mà không đi cho được! Không có lý do không đi.

Xin xem tiếp đoạn thứ bảy:

❖ Nguyện thứ mười ba: **Ánh sáng vô lượng.**

"***Ngã tác Phật thời, quang minh vô lượng, phổ chiếu thập phương, tuyệt thắng chư Phật, thắng ư nhật nguyệt chi minh, thiên vạn ức bội***".

(Khi con thành Phật, có quang minh vô lượng chiếu khắp mười phương, vượt hơn quang minh của chư Phật, gấp ngàn vạn ức lần ánh sáng của nhật nguyệt).

Đây là nguyện quang minh vô lượng. Trong nhiều Kinh luận nói, thông thường ánh sáng của chư Phật chiếu một hai trăm vạn thế giới, ánh sáng của A-di-đà Phật là vô lượng là nguyên nhân gì vậy? Chúng ta xem thấy trong nhân địa của Di-đà, Ngài tiếp thu lời dạy bảo của thầy Ngài ngàn ức năm, thầy Ngài giới thiệu tất cả các thế giới của chư Phật trong tận hư không khắp pháp giới, vả lại Ngài đều thấy được tất cả. Cái duyên này thật quá thù thắng. Tất cả thế giới của chư Phật, Ngài không bỏ sót một nơi nào, đều đã từng đi ngắm cảnh tham học qua. Do đây Ngài thành Phật rồi thì ánh sáng của Ngài chiếu cùng khắp không phải vài trăm, vài ngàn cõi Phật mà là vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật. Quá khứ có nhân duyên này thì ngày nay có quả báo như vậy.

"*Tuyệt thắng chư Phật*", "*tuyệt*" là tuyệt đối, "*thắng*" là siêu thắng. Ánh sáng của tất cả chư Phật không thể so sánh với ánh sáng của A-di-đà Phật. Cho nên phần sau Thế Tôn tán thán A-di-đà Phật là "*quang trung cực tôn*", tức là cái nguyện này, quang trung cực tôn. "*Thắng ư nhật nguyệt chi minh*" (vượt hơn ánh sáng của nhật nguyệt). Ánh quang minh tột cùng của thế giới này là nhật nguyệt, ánh sáng của nhật nguyệt không thể so sánh với ánh sáng của Phật. Ánh sáng của Phật lớn. Có lẽ có người sẽ hỏi: "Phật quang lớn như vậy sao chúng ta nhìn không

thấy?". Phật quang thật sự là chiếu khắp, chúng ta ngày nay nhìn không thấy là vì nhãn căn của chúng ta có bệnh, không dùng được. Hiện nay khoa học chứng minh cho chúng ta, các nhà khoa học biết được có rất nhiều loại sóng ánh sáng khác nhau trong vũ trụ, nhục nhãn chúng ta chỉ có thể nhìn thấy một đoạn nhỏ trong vô số luồng ánh sáng này mà thôi. So với đoạn nhỏ này, luồng ánh sáng dài hơn thì chúng ta không thấy, luồng ánh sáng ngắn hơn chúng ta cũng không thấy, nhưng lợi dụng công cụ khoa học thì có thể trắc nghiệm ra như: nhục nhãn chúng ta nhìn không thấy tia X, tia tử ngoại, quả thật nó tồn tại. Dụng cụ khoa học có thể hiện ra rất nhiều luồng ánh sáng khác nhau. Ánh sáng của A-di-đà Phật là không nơi nào không chiếu đến, nhưng vì nhãn căn của chúng ta có bệnh, bệnh là từ đâu đến? Phật nói bệnh căn này là do "vọng tưởng, chấp trước". Giả sử chúng ta có thể loại bỏ vọng tưởng chấp trước, khôi phục lại tâm thanh tịnh thì năng lực của chúng ta liền khôi phục ngay.

Phía trước đã nói đến thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông, bản năng đều khôi phục cả thì chúng ta sẽ thấy được ánh sáng của A-di-đà Phật. Thật sự mà nói, chúng ta ban ngày không cần đến ánh sáng của mặt trời, ban đêm cũng không cần nhờ ánh đèn, tại vì sao? Thế giới này là một mảng quang minh, trong kinh Đại Thừa nói đến Đại Quang Minh Tạng.

Thế giới này của chúng ta cũng là như vậy, nếu bạn không tin, bạn cứ thử xem Niên Phổ của lão Hòa Thượng Hư Vân, thư viện của chúng ta ở đây cũng có. Lão Hòa Thượng Hư Vân không thể nói dối, trong quyển Niên Phổ có ghi lại một đoạn công án. "Lão Hòa Thượng có một buổi chiều trở lại căn chòi tranh của mình, có lẽ đường rất xa. Ngài đi được nửa đường thì gặp hai người quen, cũng là người xuất gia, họ cầm đèn lồng, gặp lão Hòa Thượng Hư Vân họ nói: "Ô kìa! Lão Hòa Thượng, trời đã tối như vầy mà Ngài còn thấy được sao?". Họ vừa nói lời này thì trước mắt lão Hòa thượng trở thành một màn đen dày đặc. Khi mới đi, trời còn sáng, Ngài không có phân biệt, Ngài không có ý niệm đối với giờ giấc, cảnh giới ấy vĩnh viễn bảo tồn ở đó. Khi nghe người ta nói: "Trời tối rồi!", Ngài liền khởi phân biệt thì thấy trời tối ngay. Lão Hòa Thượng Hư Vân nếu cứ mãi không có tâm phân biệt, đến ngay ngày hôm sau trời lại sáng, suốt một đêm trong cảnh giới của Ngài thì trời đều sáng cả." Đây là chân tướng của sự thật, một chút cũng không giả. Phàm phu chúng ta vì vọng tưởng phân biệt chấp trước mà tạo ra rất nhiều chướng ngại.

❖ Nguyện thứ mười bốn: **Chạm quang minh được an lạc.**

"***Nhược hữu chúng sanh kiến ngã quang minh, chiếu xúc kỳ thân, mạc bất an lạc, từ tâm tác thiện, lai sanh ngã quốc. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Nếu có chúng sanh nào thấy hay chạm được ánh sáng của con thì được an lạc, khởi từ tâm làm điều lành, sau sanh về nước con. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Cho nên Phật được gọi là Vô Lượng Quang Phật, quang minh biến chiếu. "*Nhược hữu chúng sanh kiến ngã quang minh*", hoặc là thấy được bằng thiên nhãn, thiên nhãn của A-la-hán và Bồ-tát có thể thấy được, hoặc là thấy được trong định, những người chân chánh tu định những người được định, người niệm Phật được Sự nhất tâm, Lý nhất tâm, đắc Nhất tâm bất loạn thì trong định có thể thấy được. Vẫn còn một loại là cơ duyên đặc biệt, do cảm ứng mà thấy được Phật quang. Phật quang có sức mạnh tiêu nghiệp diệt tội rất lớn, dù không thể đoạn tam độc phiền não cũng có thể dập tắt, không khởi tác dụng.

Nếu người có nghiệp chướng nhẹ, Phật quang vừa gia trì thì phiền não thật sự đoạn ngay, tham sân si là phiền não rất thô. Đây là an, khổ không còn nữa, khổ diệt rồi thì vui, thảy đều an lạc. Phiền não nhẹ thì trí huệ tăng trưởng, người này nhất định sẽ sinh khởi tâm từ bi, nhất định không làm ác, nhất định sẽ làm thiện. Tâm từ làm việc thiện tự nhiên sanh khởi, không cần kẻ khác khuyên họ, cũng không phải tự mình miễn cưỡng làm mà là tự nhiên. Mỗi ngày, trừ những việc này ra thì không có việc nào đáng làm. Tức là có tâm đại từ bi giúp đỡ tất cả mọi người "phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui". Nói cụ thể là giúp đỡ tất cả mọi người nhận thức Tịnh Độ, hiểu rõ Tịnh Độ, tu học Tịnh Độ, cầu sanh Tịnh Độ. Đây là "*từ tâm tác thiện*" đạt đến chỗ tối chân thật không có gì chân thật hơn nữa. Cho nên "*lai sanh ngã quốc*".

Xin xem tiếp đoạn thứ tám:

❖ Nguyện thứ mười lăm: **Thọ mạng vô lượng.**

❖ Nguyện thứ mười sáu: **Thanh Văn vô số.**

"***Ngã tác Phật thời, thọ mạng vô lượng***".
(Khi con thành Phật, sống lâu vô lượng).

Đoạn trước là quang minh vô lượng, thật tại mà nói, Đức Di-đà thành Phật là tất cả vô lượng, nhưng ở trong hội Tự Tại Vương Phật, Ngài đề ra báo cáo này, trong bốn mươi tám nguyện chỉ đặc biệt nói đến hai điều này (quang minh và thọ

mạng). Thế Tôn giảng kinh A-di-đà, giới thiệu cho chúng ta, cũng đặc biệt chỉ ra vô lượng quang, vô lượng thọ. Trong tất cả vô lượng thì hai ý nghĩa này là tối viên mãn, quang minh đại biểu cho mười phương, quang minh chiếu khắp không gian. Còn thọ mạng? Quá khứ, hiện tại, vị lai là đại biểu cho thời gian, người hiện nay gọi là thời gian và không gian.

Trong thời gian và không gian có đủ tất cả, không thiếu sót một thứ nào, cho nên vô lượng thọ cùng vô lượng quang là đại biểu cho thời không, rộng lớn không bờ mé, bên trong đó Đức Di-đà thảy đều đầy đủ tất cả mọi thứ vô lượng, không thiếu sót một thứ nào. Tuy nhiên, trong tất cả cái vô lượng, thọ mạng là quan trọng nhất, thọ mạng là đệ nhất đức trong các thứ vô lượng. Quý vị thử nghĩ, nếu thọ mạng không còn nữa, vậy thì bạn có tiền của vô lượng, quyến thuộc vô lượng, ai sẽ thọ dụng đây? Thảy đều vô ích. Có được vô lượng thọ thì tất cả các thứ vô lượng khác bạn mới có thể thọ hưởng được, mới không đến nỗi vô ích, cho nên thọ mạng là vô cùng quan trọng! A-di-đà Phật tại thế giới Tây Phương thị hiện làm Phật, thọ mạng vô lượng nên gọi là Vô Lượng Thọ Phật. Căn bản của Cực Lạc là ở nguyện này, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Thọ.

"***Quốc trung Thanh Văn thiên nhân vô số, thọ mạng diệc giai vô lượng***". (Vô số Thanh Văn và trời người trong nước cũng có thọ mạng vô lượng).

Phàm người sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là A-duy-việt-trí Bồ-tát. Ở đây nói đến Thanh Văn, trời, người, vì sao có Thanh Văn, trời, người? Thế Tôn ở phần sau bản kinh có nói rõ chân tướng sự thật này, danh từ này là tỉ dụ. Chúng ta sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, kiến tư phiền não chưa đoạn hết thì chính là trời người, giống như chúng sanh lục đạo của thế giới phương khác. Đây là nói về mức độ đoạn phiền não, bạn giống với phàm phu lục đạo ở thế giới phương khác, phiền não chưa đoạn hết. Kiến tư phiền não hết rồi, vô minh chưa phá, thì giống như Thanh Văn của thế giới phương khác, là cách nói như vậy. Đây là nói về trình độ thực chất của chính chúng ta. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là A-duy-việt-trí Bồ-tát, đó là do bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, không phải do chúng ta tu được, còn chính chúng ta thì sao? Chúng ta cùng với trời người nơi thế giới phương khác không sai khác, đây là cách nói thứ nhất.

Cách nói thứ hai là nói về thân phận của chúng ta trước khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Như chúng ta từ nhân đạo mà đi thì có trời người. Có người

chứng đến Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, A-la-hán, họ do niệm Phật vãng sanh, vậy là họ thuộc về Thanh Văn, là thân phận trước khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, là có hai cách nói này. Có vô số người như vậy vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. "*Thọ mạng cũng đều là vô lượng*", câu này nói cái gì? Những người mới vãng sanh, thọ mạng đều vô lượng, còn người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc tu rất lâu rồi thì không cần nói nữa. Phàm Thánh Đồng Cư Độ, người hạ hạ phẩm vãng sanh đều là vô lượng thọ. Vậy người phẩm vị cao hơn, còn cần phải nói đến nữa sao? Điều này đã nói rõ người người đều là vô lượng thọ. Thọ mạng của Phật dài, thường trụ tại thế gian, chúng sanh sẽ có nơi nương tựa.

Như thế gian này của chúng ta, chúng sanh phước mỏng, Thích-ca Mâu-ni Phật trụ thế tám mươi năm. Sau khi Phật viên tịch, chúng ta không có nơi nương tựa. Tuy Phật để lại ở thế gian nhiều kinh điển như vậy, chúng ta ngày nay có cơ hội tiếp xúc được, tiếp xúc được nhiều kinh điển như vậy, nhưng vẫn là tu luyện một cách mù quáng, không biết mình nên học pháp môn nào, không biết căn tánh của chính mình. Tuy học Phật, nghi hoặc của chúng ta không đoạn, vẫn giữ cái tâm hoài nghi, đây là chướng ngại rất lớn. Phật từng nói nghi là chướng ngại lớn của Bồ-tát, huống chi là kẻ sơ học? Phật nói nghi hoặc là đại chướng ngại của Bồ-tát, dụng ý đó rất sâu. Trước kia chúng ta không hiểu rõ, bây giờ đã biết được một chút, Bồ-tát nghi điều gì? Hoài nghi Tịnh Độ, tuy gặp kinh điển này, nghe Phật nói pháp, họ không thể tiếp nhận, không tin tưởng.

Năm xưa trên hội Pháp Hoa, những người rút lui cũng rất nhiều, không thể tiếp thọ, những người không thể tiếp nhận pháp môn này lại càng nhiều hơn. Cho nên Bồ-tát phải tu hành trong vô lượng kiếp, không thể trong một đời thành tựu, đây chính là chướng ngại của họ, là sự thiệt thòi lớn của họ. Cho nên Phật tại thế thì mới có chỗ nương tựa. Thế giới của Di-đà đúng là "Thật Báo Trang Nghiêm Độ", là đạo tràng tu hành của Phật và đại Bồ-tát, còn phàm phu chúng ta? Phía trước đã giới thiệu với quý vị rồi, là "Ngũ Thừa khế nhập báo độ". Tổ Sư xưa nay nói Ngũ Thừa gồm Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ-tát Thừa. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là bình đẳng, tất cả đều nhập vào báo độ của Di-đà, điều này không thể nghĩ bàn. Điều này những Bồ-tát bình thường không thể tin, không thể tiếp thọ, làm gì có sự việc này! Thế giới Tây Phương thật sự là vô cùng đặc biệt, khác với thế giới của chư Phật khác. Vị Giáo Chủ Vô Lượng Thọ này là vô lượng chân thật, những người vãng sanh là vô lượng thọ, cũng là vô lượng chân thật, tại sao vậy? Trong một đời họ muốn thành Phật

quả cứu cánh, thành Phật rồi làm gì còn có thọ mạng, tự nhiên là vô lượng đấy mà! Tại thế giới Tây Phương Cực Lạc, Đức Di-đà thị hiện cái vô lượng của hữu lượng. Sau khi chúng ta đến nơi ấy thì thật sự biến thành cái vô lượng chân thật, lý như vậy, sự cũng như vậy.

Tiếp theo, đức Di-đà lại nêu ra một tỉ dụ rất hay:

"***Giả linh tam thiên đại thiên thế giới chúng sanh tất thành Duyên Giác, ư bách thiên kiếp tất cộng kế giáo, nhược năng tri kỳ lượng số giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Nếu chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành bậc Duyên Giác trải qua trăm ngàn kiếp cùng nhau tính đếm, nếu biết được số lượng ấy, thề không thành Chánh Giác).

"*Tam thiên đại thiên thế giới chúng sanh*" thì không biết là bao nhiêu người! Quý vị phải biết, chúng sanh này là chúng sanh trong lục đạo chứ không phải chỉ nói chúng sanh trong nhân đạo. Trên trái đất này chỉ có hơn năm tỷ người, không nhiều so với chúng sanh trong lục đạo. Loài kiến trên trái đất này là bao nhiêu? Loài muỗi bao nhiêu? Những loài động vật là bao nhiêu? Thật không có cách gì tính được. Huống hồ còn có ngạ quỷ, địa ngục, còn có chư thiên…, cho thấy lục đạo chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới là rất nhiều. Phật giả sử những người này đều thành Duyên Giác, trí huệ thần thông của Duyên Giác so với A-la-hán còn cao hơn một bậc. "*Ư bách thiên kiếp*", đây là nói về thời gian dài, không phải một ngày hai ngày, không phải mười năm, hai mươi năm hoặc là vài trăm năm, vài ngàn năm, mà là thời gian dài đến trăm ngàn kiếp. "*Tất cộng kế giáo*", tức là nhóm Duyên Giác này, đây là lời giả thuyết nhóm Bích-chi-Phật (Duyên Giác) nhiều như vậy, dùng thần thông đạo lực trí huệ của họ cùng nhau để tính toán, tính toán cái gì? Tính không ra cái thọ mạng dài ngắn này. "*Nhược năng tri kỳ lượng số giả, bất thủ Chánh Giác*", thọ mạng của những người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc trừ Phật với Phật ra, Đẳng Giác Bồ-tát trở xuống đều không biết, đây chính là vô lượng chân thật.

Xin xem tiếp đoạn thứ chín:

❖ Nguyện thứ mười bảy: **Được chư Phật xưng tán.**

"***Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới, vô lượng sát trung, vô số chư Phật, nhược bất cộng xưng thán ngã danh, thuyết ngã công đức, quốc độ chi thiện giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Khi con thành Phật, vô số chư Phật trong vô lượng cõi ở mười phương thế giới, nếu không cùng khen ngợi tên con, nói công đức và sự tốt lành của quốc độ con, thề không thành Chánh Giác).

Trong nguyện này, điều mà chúng ta phải chú ý là "*thập phương thế giới*", đây tức là chúng ta thường hay nói là "tận hư không khắp pháp giới", một thế giới cũng không bỏ sót. "*Vô số chư Phật*" là một vị Phật cũng không sót, không có một thế giới nào mà Phật không giảng Tịnh Độ Tam Kinh, không một vị Phật nào không khuyên người cầu sanh Tịnh Độ. Trừ khi duyên của bạn chưa chín muồi, giảng cho bạn, bạn không tin, không tin thì bạn sẽ phỉ báng Phật, cho nên Phật không nói. Bởi vì báng Phật thì có tội, Phật rất từ bi không để bạn phỉ báng, không để bạn tạo nghiệp nên không nói với bạn. Cái nguyện này A-di-đà Phật đã thực hiện xong, tất cả chư Phật mười phương đều xưng tán A-di-đà Phật, đều xưng tán thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nói độ chúng sanh, độ được cùng khắp, độ đến rốt ráo (cùng khắp tức là không bỏ sót một chúng sanh nào trong hư không pháp giới), Đức Di-đà độ chúng sanh, trên đến Đẳng Giác Bồ-tát, dưới đến địa ngục A-tỳ đều bình đẳng được độ, đây là phổ biến, vả lại còn rốt ráo, tức có thể khiến tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Đây là chỗ tất cả chư Phật không sánh kịp. Quý vị nên biết, chư Phật mà còn không bằng vậy thì Bồ-tát đương nhiên càng không thể sánh kịp.

Người trong thế gian này tình cảm rất nặng, một số người có duyên với Bồ-tát, không niệm Phật mà muốn niệm Bồ-tát, cảm tình đó khá nặng, xả không nổi thì phải niệm kinh này cho nhiều, phải giác ngộ. Phải biết rằng tất cả chư Phật đều không sánh bằng A-di-đà Phật thì Bồ-tát đương nhiên càng không sánh nổi. Vì sao bạn không niệm A-di-đà Phật mà cứ một mực đòi niệm Bồ-tát? Một là tình chấp quá sâu, hai là không hiểu chân tướng, cho nên mới có sự hiểu lầm này. Có người đã niệm Bồ-tát nhiều năm, bây giờ nếu không niệm Bồ-tát mà đi niệm Phật thì cảm thấy có lỗi với Bồ-tát, bị lương tâm trách móc. Còn có người thì niệm những kinh khác, thí dụ như Kinh Kim Cang, niệm Chú Lăng-nghiêm… Niệm được khá nhiều năm, bây giờ bảo họ niệm A-di-đà Phật, niệm kinh Vô Lượng Thọ thì họ không buông được, "tôi đã niệm rất nhiều năm rồi, trong lòng có nỗi áy náy không an". Đây đều là vọng tưởng, đều là phiền não, không buông xuống được vọng tưởng phiền não.

Ngày nay chúng ta hiểu rõ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta biết có A-di-đà Phật, chúng ta đổi lại niệm Kinh Vô Lượng Thọ, đổi lại niệm A-di-đà Phật là đem sự tu hành của chúng ta hướng lên trên, thăng tiến, nâng cao đẳng cấp, đây là việc

tốt. Làm gì có học sinh nào đang học lớp một tại trường qua năm sau lên lớp nhưng không muốn lên, nói: "tôi có cảm tình rất sâu với lớp một!", làm gì có đạo lý như vậy! Tâm lý hiện nay của quý vị là như thế đó. Thi cử đã đậu rồi, phải lên lớp mà không nỡ, lẽ ra đã tốt nghiệp trường này rồi mà không nỡ rời xa, muốn ở lại trường. Bạn bảo có tệ hại không chứ? Điều này là quá đỗi sai lầm!

Cho nên phải biết, có thể niệm Kinh Vô Lượng Thọ, có thể niệm A-di-đà Phật, đây là thăng cấp, đã thăng đến tột đỉnh rồi, không còn cái gì cao hơn thế nữa. Phật mang đến lợi ích chân thật cho tất cả chúng sanh, hy vọng tất cả chúng sanh sớm thành Phật, trên đường Bồ-đề thuận buồm xuôi gió, không có chướng ngại, dùng phương pháp gì vậy? Là giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc, vãng sanh đến Tịnh Độ rồi thì thuận buồm xuôi gió. Chướng ngại gì cũng đều không còn nữa.

Quý vị nghĩ, nếu A-di-đà Phật không có nguyện này, cái nguyện này nếu không có chư Phật tuyên dương, giới thiệu thì làm sao chúng ta có thể biết được Tây Phương Tịnh Độ? Chúng ta làm sao biết được A-di-đà Phật? Cho nên Thế Tôn vì chúng ta mà tiến cử, giới thiệu. Ngày nay, đọc đến nguyện này mới biết được Thế Tôn cũng là thọ nhận nguyện lực gia trì của A-di-đà Phật, bổn nguyện của A-di-đà Phật khiến tất cả chư Phật Như Lai đều tán thán, đều tiến cử, giới thiệu, ân đức này quá lớn. Ơn Phật khó báo đáp, điều này là thật.

Xin xem tiếp đoạn thứ mười:

❖ Nguyện thứ mười tám: **Mười niệm tất vãng sanh.**

"***Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, chí tâm tín nhạo, sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác. Duy trừ ngũ nghịch, phỉ báng Chánh Pháp***".

(Khi con thành Phật, chúng sanh trong mười phương nghe danh hiệu con, hết lòng tin ưa, tất cả căn lành tâm tâm hồi hướng nguyện sanh cõi nước con, cho đến mười niệm, nếu không được vãng sanh, thề không thành Chánh Giác. Ngoại trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch, phỉ báng Chánh Pháp).

Đây là nguyện thứ mười tám, là tinh tủy của đại nguyện. Trong sách Vô Lượng Thọ Kinh Chú Giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có viết: Vào thời Tùy và Đường, các Đại Đức Nhật Bản, Đại Hàn và Trung Quốc đã làm một cuộc thống kê nói rõ trong tất cả kinh, Kinh Hoa Nghiêm là đệ nhất. Hầu như mọi người đều

công nhận trong tất cả kinh mà Đức Thích-ca Mâu-ni Phật giảng trong bốn mươi chín năm thì Kinh Hoa Nghiêm là đệ nhất. Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa so sánh với Kinh Vô Lượng Thọ thì Kinh Vô Lượng Thọ là đệ nhất Kinh mà Thế Tôn giảng trong bốn mươi chín năm, tại sao? Hoa Nghiêm đến sau cùng, Thập Đại Nguyện Vương của Phổ Hiền Bồ-tát dẫn về Cực Lạc thì Hoa Nghiêm mới viên mãn. Nếu không dẫn về Cực Lạc thì Hoa Nghiêm không thể đạt đến đỉnh tối cao, không thể viên mãn. Do đây có thể biết, Hoa Nghiêm đến sau cùng là trở về Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Thọ là tổng kết của Hoa Nghiêm. Do đây mới biết Vô Lượng Thọ là đệ nhất, Kinh Vô Lượng Thọ là tinh hoa của Kinh Hoa Nghiêm, là tinh tủy của Kinh Hoa Nghiêm.

Cho nên Cổ Đức gọi *Kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm*, tức là Kinh Hoa Nghiêm gồm tám mươi quyển kinh, quá lớn, quá dài, còn phân lượng của Kinh Vô Lượng Thọ thì nhỏ, nên là trung bản.

Trung bản đương nhiên còn có tiểu bản. Tiểu bản của Kinh Hoa Nghiêm là "Kinh Phật thuyết A-di-đà". Kinh A-di-đà ngắn hơn Kinh Vô Lượng. Văn tự tuy có nhiều, ít khác nhau nhưng đạo lý nói bên trong không khác, hoàn toàn giống nhau. Cho nên Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A-di-đà cùng với Hoa Nghiêm có quan hệ vô cùng mật thiết. Đọc Kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy nhiều chỗ nói đến Phổ Hiền hạnh, Phổ Hiền đạo. Liên Trì Đại Sư chú giải tiểu bổn A-di-đà Kinh, gọi là Kinh A-di-đà Sớ Sao, Ngài dùng phương pháp gì để chú giải? Hầu như hoàn toàn dùng Hoa Nghiêm. Cho nên chúng ta đọc quyển Di-đà Kinh Sớ Sao thì như là đọc một bộ kinh Hoa Nghiêm vậy, phân lượng ấy cũng rất khả quan, nghĩa lý cũng hết sức sâu rộng, cho thấy tiểu bổn Di-đà Kinh đích thật là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm, là tâm kinh của Kinh Hoa Nghiêm, điều này không sai. Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, chúng ta đã rõ ràng tính trọng yếu của nó cùng địa vị của nó trong toàn bộ Phật pháp. Kinh Vô Lượng Thọ này có bốn mươi tám phẩm, phẩm nào quan trọng nhất? Chúng ta lại tiếp tục truy tìm, đương nhiên là phẩm thứ sáu, bốn mươi tám nguyện mà chúng tôi hiện đang giảng, bốn mươi tám nguyện là trọng tâm của Kinh Vô Lượng Thọ.

Lại hỏi trong bốn mươi tám nguyện này, nguyện nào là tối trọng yếu? Cổ Đức đã nói rõ với chúng ta, là nguyện này, nguyện thứ mười tám.

Nội dung của nguyện thứ mười tám này là gì? Là *mười niệm ắt vãng sanh*, đã nói rõ công đức của danh hiệu thật không thể nghĩ bàn! Cho nên nguyện này, truy đến đỉnh điểm tối cao nhất tức là câu "Nam-mô A-di-đà Phật". Trước kia

chúng ta thường nghe nói công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn, chúng ta cũng không biết công đức đó vì sao là không thể nghĩ bàn? Nay thì chúng ta đã hiểu rõ. Thì ra toàn bộ Phật pháp, đến cuối cùng muốn leo lên tới đỉnh thì chính là sáu chữ "Nam-mô A-di-đà Phật", sáu chữ này tức là tất cả Phật Pháp, niệm sáu chữ này tức là niệm tất cả Phật Pháp. Không có một bộ kinh nào rời khỏi danh hiệu này, không có một Pháp môn nào rời khỏi danh hiệu này, cũng không có một vị Phật Bồ-tát nào rời khỏi danh hiệu này. Cho nên bạn niệm một câu Nam-mô A-di-đà Phật là niệm được tất cả chư Phật Như Lai, niệm được tất cả Bồ-tát, không cần phải niệm từng vị Bồ-tát, là niệm được tất cả Kinh, bất luận là của Giáo Hạ, của Thiền Tông, của Mật Tông, toàn bộ đều niệm đến cả. Cách này tiện lợi biết chừng nào. "Một" tức là "tất cả", "tất cả" tức là "một". Một tức là "Nam-mô A-di-đà Phật" vậy. Cho nên đầu nhà Thanh, Quán Đảnh Đại Sư có nói: "Chúng sanh tội nghiệp cực trọng, bất luận là kinh gì, là sám gì đều không thể tiêu trừ nổi trọng tội ấy, đến sau cùng vẫn có một câu A-di-đà Phật có thể tiêu trừ nó một cách sạch sẽ rốt ráo."

Hiện nay, người niệm Phật rất nhiều, vì sao không tiêu nổi nghiệp chướng? Quý vị nghĩ, hình như có khác biệt so với những gì trong kinh nói, kỳ thật quý vị vẫn chưa hiểu rõ, thế nào là chưa hiểu rõ? Căn bản là quý vị không có niệm Phật, quý vị chỉ niệm trên miệng: "A-di-đà Phật, A-di-đà Phật…", còn trong tâm không có niệm, trong tâm vẫn là thị phi nhân ngã, tham sân si mạn, cách này không được, cách này không thể cảm ứng với Phật. Vậy cần phải làm gì? Trong tâm phải có Phật, quý vị phải biết chữ niệm này, niệm là từ tâm, không phải trên miệng. Văn tự của Trung Quốc, thật sự mà nói, không có bất cứ quốc gia, dân tộc nào trên toàn thế giới có thể sánh nổi. Văn tự là ký hiệu, tổ tiên sáng tạo ra văn tự này, những ký hiệu này có ý nghĩa vô cùng thâm sâu, tràn đầy trí huệ. Bạn thử xem chữ "niệm (念)", phần trên của chữ "niệm" là chữ kim (今), dưới là chữ tâm (心), (cái tâm hiện tại của bạn). Trong tâm hiện tại thật sự có Phật, đấy gọi là niệm Phật, không phải ở trên miệng, ở trên miệng gọi là gì? Gọi là "xưng". "Niệm" ở tâm không phải ở miệng, trong tâm bạn nếu thật sự có Phật, đấy gọi là niệm Phật, như vậy thì có thể tiêu nghiệp chướng. Miệng có Phật còn trong tâm không có Phật thì không tiêu nổi nghiệp chướng.

Cho nên quý vị nếu muốn tiêu tai, miễn nạn, tiêu nghiệp chướng thì trong tâm thật sự phải có Phật. Có rất nhiều cách niệm Phật, trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy chúng ta: Quán Tưởng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật, phía sau đều có chữ niệm.

1. *Quán tưởng* là trong tâm thường thường nghĩ tưởng đến A-di-đà Phật, tưởng đến ba mươi hai tướng, tám mươi nét đẹp của Ngài. Tưởng đến Ngài từ lúc sơ phát tâm, điều này trong Kinh Vô Lượng Thọ có nói đến, bái lão sư cầu học tu hành, chứng quả hoằng pháp lợi sanh, nghĩ tưởng đến những điều này, đừng nghĩ cái khác. Nghĩ đến thế giới Tây Phương y chánh trang nghiêm, điều này trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ có nói đến, trong tâm bạn thật có. Ngoài A-di-đà Phật ra, ngoài cảnh giới Tây Phương ra, trong tâm không có niệm nào khác, đây gọi là nhất tâm niệm Phật. Cho dù bạn muốn y theo Kinh này niệm rất thuộc, nhưng vẫn nghĩ đến thị phi nhân ngã, vẫn nghĩ đến tham sân si mạn, cách niệm Phật này của bạn gọi là tạp tâm, đa tâm niệm Phật, loạn tâm niệm phật, cách này không có cảm ứng, cách này không thể tiêu nghiệp chướng. Cho nên phải nhất tâm niệm Phật, đây là dùng phương pháp quán tưởng.

2. Còn *quán tượng* niệm Phật thì sao? Bạn phải là người rất có phước báo, trong nhà bạn có Phật đường cúng dường tượng Phật rất trang nghiêm, bạn rất nhàn hạ, không làm việc (có người cúng dường cho bạn), hằng ngày bạn tu hành những gì? Là nhìn tượng Phật "quán tượng niệm Phật", đem tướng hảo của Phật in thật sâu vào trong tâm mình đây là quán tượng niệm Phật. Tuy nhiên, nếu bạn rời khỏi Phật đường, rời khỏi tượng Phật thì công phu của bạn liền bị đoạn mất. Cho nên bạn phải có một Phật đường rất trang nghiêm, tốt nhất là bốn phía đều có tượng Phật. Vì sao thế? Vì bạn xoay hướng nào cũng thấy được tượng Phật, đây là quán tượng niệm Phật.

3. Loại thứ ba gọi là *trì danh*, đây là tiện lợi nhất. "Trì danh": danh hiệu không thể bị gián đoạn, danh hiệu đánh thức chính mình, trong tâm thật có. Cổ Đức dạy chúng ta phương pháp trì danh, một câu Phật hiệu này của chúng ta từ trong tâm sanh ra, trong tâm có nó. Trong miệng niệm ra lại từ tai nghe trở vào, rồi lại trở về trong tâm, đây là người niệm Phật, đích thật là niệm Phật rồi. Không phải câu Phật hiệu này chỉ trên đầu môi, trong tâm không có, tai cũng không có. Phật hiệu như vậy thì vô dụng, đó tức là lời trào phúng của người xưa: "bạn có hét bể cổ họng cũng uổng công" cho dù một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu cũng là vô dụng. Trong tâm nhất định phải có Phật, điều này quan trọng.

Tôi khuyên các vị đồng tu sơ học phải từ đọc Kinh mà hạ thủ, trước tiên niệm Kinh Vô Lượng Thọ ba ngàn biến, yêu cầu của tôi không phải là quá đáng. Một ngày niệm ba bộ, ba năm thì niệm được ba ngàn bộ, mục đích ở chỗ nào? Mục đích là tu định, niệm xong ba ngàn bộ Kinh thì tâm được định, sẽ không suy nghĩ lung tung nữa. Định vào một môn, định nơi một bộ Kinh, vả lại, niệm xong

ba ngàn biến thì có thể tụng thuộc lòng kinh này, điều này rất quan trọng. Bạn phải nhớ được, nếu nhớ không được thì không có sự giúp đỡ đối với sự tu hành của bạn, thực tế kinh này có thể đọc thuộc lòng.

Có hai người tôi rất bội phục, chính tôi đây cũng không có năng lực này. Tôi ở Houston Mỹ, có một bạn đồng tu ở độ tuổi trung niên, ông làm nghề buôn bán, công việc rất bận, trong vòng năm tháng ông có thể học thuộc lòng, chính ông cũng không thể nghĩ đến. Ông nói với tôi ông niệm năm tháng thì ông có thể tụng thuộc lòng. Còn có một vị đồng tu tôi nghe nói (tôi có gặp qua ông một lần ở Đài Bắc) chỉ một tuần là học thuộc lòng. Đây có lẽ là tiền kiếp có túc căn nên mới nhanh như vậy, ông niệm rất siêng năng, ngày đêm không ngừng niệm, niệm được một tuần thì ông có thể niệm thuộc lòng. Hiện nay những người có thể tụng thuộc lòng rất nhiều.

Vậy sau ba năm tụng được ba ngàn biến rồi thì sao? Phải chú trọng cầu hiểu ý nghĩa trong kinh minh bạch rõ ràng. Đã hiểu minh bạch rõ ràng rồi thì phải làm theo, đó mới gọi là tu hành. Đem đạo lý trong kinh điển biến thành tư tưởng kiến giải của chúng ta, những lời giáo huấn trong Kinh biến thành hành vi trong cuộc sống của chúng ta. Trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, cách xử sự đối người tiếp vật nhất định làm theo lời giáo hóa trong kinh Vô Lượng Thọ, nhất định không trái ngược, đây gọi là chân tu hành. Vậy nên, tâm của bạn giống với tâm của A-di-đà Phật, nguyện của bạn cũng giống với nguyện của A-di-đà Phật. Bạn đã đem bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật biến thành bổn nguyện của chính mình rồi. A-di-đà Phật phát cái nguyện này ta cũng phát cái nguyện này, đồng giải đồng hạnh với A-di-đà Phật, thật sự có thể làm được. Bạn chính là hóa thân của A-di-đà Phật, bạn còn không vãng sanh thì ai vãng sanh? Như vậy nhất định sẽ vãng sanh, đây gọi là chân niệm Phật. Cho nên niệm Phật, quý vị phải ghi nhớ, *không phải có miệng mà không tâm*, cách đó không thể được.

Trước kia, khi tôi mới học Phật, chúng tôi có vài người bạn đồng tham, bạn bè học Phật thường ở một nơi để biện luận. Có một bạn học nói: "Trong Phật Pháp nói Phật là vạn đức vạn năng, câu nói này tôi không tin, đây là lời tán thán, không phải là sự thật. Giống như thời xưa, chúng ta thường tán thán hoàng đế là "vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế", kỳ thật vua sống tới một trăm tuổi không nhiều. Làm gì sống đến vạn tuổi. Đó là lời dối trá, không phải là thật. Phật làm gì có được năng lực này. Vạn đức, vạn năng nhất định là nói nghe cho hay mà thôi, để tán thán thôi. Tại sao vậy? Nếu có một người đã tạo thập ác ngũ nghịch rất nặng, sẽ phải bị đọa địa ngục, Phật có năng lực khiến họ lập tức thành Phật được chăng?

Nếu có năng lực này thì là vạn đức vạn năng, chúng ta có thể tin. Nếu không có năng lực này, vậy thì đó là lời ca tụng, tán thán, không phải là thật". Lúc đó đề ra cách nhìn này, rất nhiều bạn học chúng tôi đều lặng câm không nói được lời gì, không trả lời được… Đến sau này chúng tôi đọc đến kinh này, đọc đến nguyện này mới hiểu rõ. Nếu lúc ấy đọc được bộ kinh này thì chúng tôi đã trả lời họ được rồi, quả thật mười niệm, một niệm ắt được sanh. Vừa sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì thành Phật, có thể thấy "vạn đức vạn năng" không phải là lời tán thán mà là sự thật. Vậy thì tại sao chúng sanh không thể thành Phật? Vì chúng sanh không chịu làm, nghiệp chướng của mình nặng, không thể trách Phật được. Thật tại mà nói, dù nghiệp chướng của mình có nặng hơn nhưng chịu vâng lời, chịu tin Phật thì đều có thể lập tức thành Phật. Chỉ vì không tin, hoài nghi, không chịu làm, vậy thì không còn cách gì nữa. Những người chịu làm thì một nguyện này đích thật là không thể nghĩ bàn. Nguyện này là tổng cương lĩnh của toàn bộ Phật pháp, là đỉnh cao trong toàn bộ Phật pháp. Không chỉ là Thích-ca Mâu-ni Phật mà có thể nói là mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai độ chúng sanh thành Phật đạo thì pháp này là đỉnh cao đệ nhất. Công đức của danh hiệu thật sự không thể nghĩ bàn!

Chúng ta lại xem kỹ nguyện này, trong nguyện này, một chữ cũng không được lơ là. "*Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh*", đều bao gồm tất cả chúng sanh, "*văn ngã danh hiệu*", "*văn*" là nghe nói, nghe thấy. Trong chữ "văn" này phải bao gồm **Chân Tín, Thiết Nguyện** thì mới gọi là "văn". Nếu trong "văn" không có tín nguyện thì là "thính" không phải "văn", nghe được rồi nhưng không có văn. "*Chí tâm tín nhạo*", đây là bốn chữ then chốt, có thể vãng sanh hay không đều quyết định ở bốn chữ này. Chí tâm là chân tâm, chân thành đến chỗ cùng cực mới gọi là chí tâm. Tâm như thế nào mới là chân thành đến chỗ cùng cực? Khi nãy đã nói qua với quý vị: "nhất tâm", trong tâm hãy còn một tạp niệm thì không phải là chí tâm. Trong tâm không có một tạp niệm, buông xuống tất cả thân tâm thế giới, trong tâm chỉ có A-di-đà Phật, đây gọi là chí tâm. "*Tín nhạo*" là chân thật tin, một tơ hào hoài nghi đều không có, đây gọi là "tín", "nhạo" là ưa thích, ưa thích A-di-đà Phật, ưa thích thế giới Cực Lạc, thật sự muốn đi, như vậy mới được.

"*Sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng*", trong đời này, một tơ một hào việc thiện, tâm thiện, hạnh thiện đều hồi hướng công đức ấy trang nghiêm Tịnh Độ, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, "*nguyện sanh ngã quốc*". Ngẫu Ích Đại Sư trong Yếu Giải nói với chúng ta: "có thể vãng sanh hay không nhất định ở nơi

có tín nguyện hay không", cũng là từ nguyện này mà nói, phẩm vị cao thấp là do ở công phu trì danh sâu hay cạn. Công phu trì danh sâu thì phẩm vị cao, công phu trì danh cạn thì phẩm vị thấp. Hãy ghi nhớ, công phu trì danh sâu cạn, không có nói trì danh nhiều hay ít, nhiều và ít khác với công phu. Trì danh phải có công phu, cái gì gọi là công phu? Lúc niệm Phật tâm địa thanh tịnh, không hoài nghi, không xen tạp là công phu. Nếu chúng ta niệm Phật mà hoài nghi, xen tạp thì không có công phu, không dễ dàng có được lợi ích. Cho nên Đại Thế Chí Bồ-tát dạy chúng ta: "*Tịnh niệm tiếp nối*", cái niệm đó phải thanh tịnh mới có cảm ứng, mới tương ứng. Ở đây nói với chúng ta không ở nơi nhiều hay ít.

"*Nãi chí thập niệm*", "thập niệm" thì rất ít. Mười niệm này là mười niệm lúc bình thường hay là mười niệm lúc lâm chung? Người xưa đã giải thích điều này: Nói nghiêm khắc, thực tế đây là mười niệm lúc lâm chung, tuy nhiên, mười niệm lúc bình thường cũng nói được thông.

Ngài Từ Vân Quán Đảnh Pháp Sư dạy những người làm việc bận rộn, những người không có thì giờ làm công khóa sáng tối phương pháp Mười Niệm. Phương pháp này là hít đầy một hơi, một hơi này niệm Phật không kể nhiều hay ít, có người hơi dài, có người hơi ngắn, không sao cả, không kể nhiều ít: "A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, A-di-đà Phật…". Một hơi này gọi là một niệm, thời gian này không dài, sáng thức dậy, rửa mặt súc miệng xong, có tượng Phật thì đứng trước tượng Phật chắp tay lễ bái, niệm mười hơi. Nếu không có tượng Phật thì mặt hướng về phương Tây niệm mười hơi Phật hiệu. Sáng một lần, tối một lần, tập thành thói quen, trong cả đời một lần cũng không được thiếu. Đây cũng gọi là tịnh niệm tiếp nối. Họ không niệm thiếu, mỗi ngày cứ đến giờ thì niệm, phương pháp này rất hay, trong mấy trăm năm nay rất nhiều người dùng phương pháp này mà niệm Phật thành tựu.

Tôi còn nhớ hình như là năm ngoái, ở tại đây tôi dạy cho quý vị một phương pháp thập niệm mới khác với phương pháp của Quán Đảnh Pháp Sư, so với pháp của Ngài còn đơn giản hơn. Ngài vẫn còn phải niệm mười hơi còn của tôi thì không cần, tức là mười câu "A-di-đà Phật, A-di-đà Phật…". Niệm mười câu, không kể một hơi hay hai hơi, tức là niệm mười tiếng Phật hiệu. Thời gian tôi nghĩ chỉ cần một phút là đủ, nhưng một ngày phải niệm chín lần, lợi ích nhiều vô cùng! Sáng sớm thức dậy niệm một lần, lúc ăn cơm niệm một lần. Một ngày bạn ăn ba bữa cơm, lúc ăn cơm thường Phật tử đều niệm chú cúng dường (cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng, cúng dường tất cả chúng sanh), trên thực tế là hữu khẩu vô tâm, không bằng lão thật niệm Phật, niệm mười câu A-di-

đà Phật. Chúng tôi dùng Phật hiệu thay thế cho chú cúng dường. Chúng ta niệm mười tiếng A-di-đà Phật, dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính để niệm mười câu Phật hiệu này. Niệm mười câu Phật hiệu rồi ăn cơm, khi thân tâm thanh tịnh, ăn thức ăn thì có thể hấp thụ, giúp cho tiêu hóa, lợi ích nhiều! Đây là sự thật, buổi sáng vào ca, tan ca. Buổi chiều vào ca, tan ca niệm một lần, ban đêm trước khi đi ngủ niệm một lần. Một ngày chín lần, tập thành thói quen, thời gian tuy ngắn nhưng cách không bao lâu lại niệm một lần, một ngày chín lần huân tu, hiệu quả này rất lớn.

Lúc đó tôi đề ra phương pháp này thì hai tuần sau những đồng tu ở Malaysia gọi điện thoại cho tôi, họ nói đều có hiệu quả, họ cảm ơn tôi, họ thật sự làm theo, trong hai ba tuần thì thấy được hiệu quả. Phương pháp hay vô cùng! Những người có công việc dù bận rộn hơn nữa đều có thể tu, đối với việc làm của bạn, đối với cuộc sống của bạn chỉ có giúp ích, tuyệt đối không có trở ngại.

Vậy đây đều là mười niệm, dùng phương pháp này.

Phần cuối nguyện văn nói: "*Duy trừ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp*". Tội "*ngũ nghịch*" nặng vô cùng! Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu.

Năm tội này là cực trọng. Nhưng Phật trong kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy chúng ta: "Tội ngũ nghịch này niệm Phật mười niệm lúc lâm chung vẫn có thể vãng sanh" có thể thấy ở chỗ này, quan trọng là ở điều tiếp theo, nếu phỉ báng chánh pháp (họ vốn không tin, họ đương nhiên không tin, không muốn, không chịu niệm), không phải họ không được cứu mà vì họ không chịu tiếp nhận. Nhưng ý của Phật trong câu nói này là gì? Hàm ý rất sâu! Phần nhiều những người tạo tội nghiệp cực trọng đều rất khó hồi đầu, rất không dễ tin, điều này đều là sự thật. Cho nên chúng ta từ trong nguyện này biết được yếu quyết của sự niệm Phật, giáo nghĩa căn bản của sự vãng sanh: **Niệm Phật niệm được càng nhiều càng tốt, chúng ta phải nhất tâm chuyên tu, điểm này vô cùng quan trọng. Thật sự buông xuống tất cả những thứ khác, phải chuyên tu, chuyên lễ**.

Chúng ta mỗi ngày lễ Phật, chỉ lễ A-di-đà Phật. Chuyên niệm A-di-đà Phật, chuyên tưởng A-di-đà Phật, khi nãy đã nói "tâm nguyện giải hành mọi thứ đều đồng như Phật", tức là trong Quán Kinh nói: "*Thị tâm tác Phật, nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh*" (tâm này làm Phật, tất cả pháp từ tâm tưởng mà sanh ra), tâm này của chúng ta thật sự là đang làm Phật. Trong thập pháp giới chúng ta chuyên vào pháp giới Phật, đây cũng tức là pháp tu học cụ thể nhất của "thị tâm

tác Phật". Tự nhiên ám hợp đạo diệu, "đạo diệu" tức là "thị tâm thị Phật" (tâm này là Phật), tự nhiên tương hợp với Ngài. Trước kia, Thiện Đạo Đại Sư nói trong bốn mươi tám nguyện, thì năm nguyện "***định thành Chánh Giác (n.12), quang minh vô lượng (n.13), thọ mạng vô lượng (n.15), chư Phật xưng thán (n.17), thập niệm tất sanh (n.18)***" là trí huệ chân thật, là tinh hoa của bốn mươi tám nguyện, là trung tâm của bốn mươi tám nguyện. Có thể thấy rằng năm nguyện này là hoằng thệ tinh yếu của A-di-đà Phật, bổn hoài của Di-đà. Chúng ta tại chỗ này có thể thấy được rõ ràng minh bạch, Ngài muốn tất cả chúng sanh nhất định thành Phật, không cần phải nhiều kiếp tu hành, giải quyết vấn đề này ngay trong một đời. Vì để thực hiện đại nguyện này nên mới có nguyện thù thắng là mười niệm ắt sanh này, chúng sanh niệm Phật nhất định thành Phật.

Trước đây, tôi đọc Kinh Quán Vô Lượng Thọ, thấy trong Quán Kinh có một đoạn khai thị về Tam Phước, tôi biết đó là nền tảng chân thật của việc nhập môn tu hành. Tôi rất coi trọng đoạn kinh văn đó, nhưng trong điều thứ ba "*phát Bồ-đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*" thì câu "thâm tín nhân quả" tôi đã suy nghĩ trong nhiều năm mà không hiểu được, không biết ý nghĩa của nó là gì? Vì sao tôi không hiểu câu nói này? Nếu câu này ở trong điều thứ nhất thì tôi không hoài nghi, nhưng nó ở trong điều thứ ba thì tôi hoài nghi. Điều thứ ba là gì? Điều thứ ba là nói về Bồ-tát, điều thứ nhất là nói về nhân thiên, điều thứ hai là nói về Tiểu Thừa. Điều thứ ba là nói về Bồ-tát, Bồ-tát còn phải tin sâu nhân quả! Nhân quả gì? Thông thường chúng ta đều tin nhân duyên quả báo, thiện có thiện báo, ác có ác báo, chúng ta đều tin, lẽ nào Bồ-tát không tin! Cho nên rốt cuộc là nhân quả gì? Tôi hoài nghi nhiều năm mới bỗng nhiên đại ngộ, mới hiểu rõ ràng là nhân quả gì? "**Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả**", tức là Pháp môn Tịnh Độ. Thật sự mà nói, tôi rất ngốc… ở ngay trên quyển Kinh này mà nhìn không ra, phải mất nhiều năm như vậy mới nhìn ra được. Câu đó không có rời khỏi kinh này, tức là trong kinh này nói đến "niệm Phật là cái nhân chân thật, thành Phật là quả chân thật" vậy. Ở triều nhà Đường, Ngài Thiện Đạo Đại Sư, đây là Tổ sư đời thứ hai của Tịnh Tông chúng ta, Ngài có câu danh ngôn: "*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di-đà bổn nguyện hải*" (sở dĩ Đức Như Lai xuất hiện ở thế gian chỉ vì muốn nói đến biển bổn nguyện của Phật Di-đà).

Đây là lời của Tổ sư Tịnh Tông nói, mà trong truyện ký nói Ngài là A-di-đà Phật tái lai. Trong lịch sử, hình như thân phận này đã lộ ra, A-di-đà Phật tái lai có ba người: Người thứ nhất là Thiện Đạo Đại Sư, vị thứ hai là Vĩnh Minh Diên Thọ, vị thứ ba là Phong Can Hòa Thượng ở chùa Quốc Thanh trên núi Thiên Thai, đây

là thân phận đã lộ ra. Vậy nếu là A-di-đà Phật tái lai thì hai câu này là chính A-di-đà Phật nói với chúng ta một sự thật: "Tất cả chư Phật Như Lai thị hiện thân Phật vì chúng sanh mà nói pháp". Như trong ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ-tát, nên dùng thân Phật mà nói pháp thì hiện Phật thân mà nói pháp, nói pháp gì vậy? "Duy thuyết Di-đà bổn nguyện hải". Vậy nói một cách khác, Kinh Vô Lượng Thọ, Tịnh Độ tam Kinh nói những gì? Là nói bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật, một bộ tám mươi quyển Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh vẫn là nói về Di-đà bổn nguyện. Mở rộng ra, Thích-ca Mâu-ni Phật bốn mươi chín năm nói pháp, chúng ta ngày nay tập hợp toàn bộ thành đại tạng kinh, đó là những gì? Cũng là nói bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật, càng nói càng rộng, càng nói càng vi tế. Nói vô lượng vô biên đều là nói cái này. Cho nên bốn mươi tám nguyện là tổng cương lĩnh của tất cả pháp mà chư Phật đã nói. Cái này nắm được rồi thì tất cả Phật pháp đều nắm được hết. Vậy thì nguyện thứ mười tám, mười niệm ắt sanh, là cương lĩnh của cương lĩnh, là đỉnh điểm, tột đỉnh tức là một câu Phật hiệu này.

Chúng ta tới đây mới thấu hiểu rõ ràng giá trị của Phật hiệu này. Nếu bạn không nhận biết rõ ràng, bạn không biết mặt hàng thì bạn làm sao chịu xem món đồ này là của quý chứ! Bạn làm sao chịu hết lòng tu học? Đến lúc bạn thật sự hiểu rõ, nhận thức một cách thấu triệt thì lúc đó bạn tự nhiên xem nó như trân bảo, nhất định không thể xả bỏ, nhất định không thể buông xuống, sau đó mới có thể lão thật niệm Phật. Lão thật niệm Phật không dễ, tuy vậy vẫn có một số người không hiểu rõ, như có một số cụ bà lớn tuổi, họ có thể lão thật niệm Phật, lúc lâm chung đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh. Họ cái gì cũng không biết, đó là thiện căn của họ rất dày, nhiều đời nhiều kiếp tu được thiện căn phước đức, chúng ta làm sao có thể sánh với họ được. Trong tâm họ không có tạp niệm, từ sáng đến tối chỉ có một câu Phật hiệu. Còn chúng ta suốt ngày cứ suy nghĩ lung tung, đây là thiện căn phước đức không bằng họ.

Những người như chúng ta đây, chỉ có một phương pháp, hiểu rõ ràng minh bạch rồi, thật sự nhận thức rõ ràng rồi, hết lòng hết dạ thì mới chịu buông bỏ vọng tưởng tạp niệm, nếu không phải thế thì không chịu buông bỏ. Phàm phu có thể trong đời này *khế nhập thật tướng*, tức là nhà Thiền nói *minh tâm kiến tánh*, chúng ta thì nói khế nhập thật tướng, một đời viên mãn thành tựu, thật sự mà nói, chỉ có lão thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ngoại trừ môn này ra, quý vị thử nghĩ xem, có biện pháp nào tẩy rửa hết thị phi nhân ngã, tham sân si mạn chăng? Nếu cảm thấy không có biện pháp thì hãy gấp rút niệm Phật, chỉ có niệm Phật là đệ nhất.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 11

Xin xem tiếp đoạn thứ mười một:

❖ Nguyện thứ mười chín: **Nghe danh phát tâm.**

❖ Nguyện thứ hai mươi: **Lâm chung tiếp dẫn.**

"***Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, phát Bồ-đề tâm, tu chư công đức, phụng hành lục Ba-la-mật, kiên cố bất thoái. Phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc, nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn. Lâm thọ chung thời, ngã dữ chư Bồ-tát chúng, nghênh hiện kỳ tiền, kinh tu du gian, tức sanh ngã sát, tác A-duy-việt-trí Bồ-tát. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh Giác***".

(Khi con thành Phật, chúng sanh khắp mười phương nghe danh hiệu con, phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, hành sáu Ba-la-mật kiên cố không lùi. Lại đem các căn lành hồi hướng nguyện sanh về cõi nước con, nhất tâm niệm con ngày đêm không dứt. Đến khi mạng chung, con cùng các chúng Bồ-tát hiện đến trước mặt tiếp đón, khoảnh khắc liền sanh về cõi con, thành bậc A-duy-việt-trí Bồ-tát. Nếu không được như nguyện, thề không thành Chánh Giác).

Cổ Đức vô cùng coi trọng nguyện thứ mười chín này, bởi vì trong phẩm Ba Bậc Vãng Sanh, Thế Tôn nói với chúng ta, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, điều kiện tối cần thiết mà ba bậc thượng trung hạ phải có đầy đủ là "*phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*". Nguyện thứ mười tám là mười nguyện ắt sanh, chính là "*nhất hướng chuyên niệm*". Còn niệm này là "*phát Bồ-đề tâm*", có thể thấy hai nguyện này vô cùng quan trọng, chúng ta nhất định phải nhận thức nguyện này cho rõ ràng. Đó tức là phát tâm, "Bồ-đề" là tiếng Phạn, dịch thành tiếng Trung Quốc nghĩa là "giác ngộ", là sự giác ngộ chân thật. Thế Tôn trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói với chúng ta về ba tâm: chí thành tâm (chữ "chí thành" này là chân thành đến chỗ cùng cực), thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm tức là Bồ-đề tâm, cùng với Ngài Mã Minh Bồ-tát trong Khởi Tín Luận nói "trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm" là giống nhau. Cổ Đức giảng giải ba thứ tâm này rất nhiều. Thật sự mà nói, chúng ta rất khó lĩnh hội, không như Ngài Ngẫu Ích Đại Sư trong Di-đà Kinh Yếu Giải đã nói với chúng ta vừa rõ ràng, lại dễ hiểu. Ngài nói với chúng ta: "Tâm thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ chính là vô thượng Bồ-đề tâm", cách nói này chúng ta dễ hiểu. Nói cách khác, hễ chúng ta một lòng một dạ mơ ước hâm mộ Tịnh Độ, cầu sanh Tịnh Độ thì tâm này là vô

thượng Bồ-đề tâm. Trước Ngài Ngẫu Ích Đại Sư chưa có ai nói qua cách nói này. Đây là lối khai sáng đầu tiên của Ngài. Nhưng chúng ta càng nghĩ càng thấy có đạo lý, quả thật phù hợp với bổn nguyện độ sanh của Như Lai, quả thật đây chính là "vô thượng Bồ-đề tâm".

Trong những kinh Đại Thừa thường nói Bồ-đề tâm nhất định bao gồm Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Cho nên có thể nói Tứ Hoằng Thệ Nguyện là sự tu học cụ thể của Bồ-đề tâm, điều này vô cùng quan trọng. Cũng tức là nói, Bồ-đề tâm thực hiện trên việc tu hành tức là Tứ Hoằng Thệ Nguyện: thứ nhất phải phát đại nguyện độ chúng sanh thành Phật đạo, sau khi tâm nguyện này sanh khởi thì có một khối sức mạnh không thể nghĩ bàn thúc đẩy bạn tinh tấn không giải đãi. Chúng ta học Phật vì sao thoái chuyển? Bởi vì học Phật rồi là muốn chính mình thành tựu, nếu sớm một ngày thành tựu thì rất tốt, trễ một ngày cũng không sao, bởi thế nên giải đãi. Giả sử bạn phát tâm là muốn cứu độ tất cả chúng sanh, cái sứ mạng này là trọng yếu, "tôi thành Phật trễ một ngày thì chúng sanh thọ khổ thêm một ngày, tôi thành Phật sớm một ngày thì họ sẽ thọ khổ ít đi một ngày", cái sức mạnh này thì lớn. Không thể giải đãi, không thể để chúng sanh vì ta mà phải chịu thêm một ngày khổ nạn, sức mạnh này đang thúc đẩy. Cho nên họ có thể hết lòng đoạn phiền não, học Pháp môn, thành Phật đạo, quay lại độ vô lượng vô biên chúng sanh thì nguyện này mới có thể đạt được viên mãn. Như vậy thì chúng ta đã hiểu rõ tại sao Bồ-tát tu hành mà không mỏi mệt nhàm chán, họ tinh tấn như vậy chính là đạo lý này.

"*Tu chư công đức*", đây là nói sau khi phát tâm, tu các đại hạnh. "*Phụng hành lục Ba-la-mật*", đây là cương lĩnh tu hành của Bồ-tát. Tu "bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát-nhã", phía trước đã nói qua những điều này. "*Kiên cố bất thoái*", họ vì sao có thể kiên cố bất thoái? Vì có Bồ-đề tâm.

"*Phục dĩ thiện căn hồi hướng*", họ tu tập tất cả thiện căn đều hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. "*Nguyện sanh ngã quốc, nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn*", chỗ này cần phải rõ ràng, nhất tâm niệm Phật không thể gián đoạn. Niệm Phật không phải niệm trên miệng mà là trong tâm thật có, trong tâm chúng ta đích thật có A-di-đà Phật, không những có A-di-đà Phật mà một niệm duy nhất chính là A-di-đà Phật. Nói cách khác, trong tâm ngoài A-di-đà Phật ra, không có hai niệm. Đây gọi là nhất tâm chuyên niệm. Niệm A-di-đà Phật thì phải học A-di-đà Phật, phải noi theo A-di-đà Phật, tâm A-di-đà Phật là tâm gì? A-di-đà Phật có những tâm nguyện gì? A-di-đà Phật trong sinh hoạt hằng ngày sống như thế nào? Những chỗ này chúng ta đều phải học tập tất cả. **A-di-đà Phật trong sinh hoạt hằng ngày,**

tận tâm tận lực giúp đỡ tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, giúp đỡ tất cả chúng sanh tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ. Vậy chúng ta cũng xem sự việc này như đại sự trong đời của chúng ta. Pháp môn niệm Phật này hay vô cùng, thù thắng vô cùng. Tuyệt đối không làm trở ngại pháp thế gian. Bạn ở trong gia đình, niệm Phật không làm trở ngại công việc của bạn. Nếu bạn buôn bán, ở trong ngành nghề, bạn có thể khuyên từ lãnh đạo đến công nhân niệm A-di-đà Phật. Quả thật đã niệm A-di-đà Phật rồi thì công việc của bạn có thể làm được càng thoải mái, càng vui thích, càng viên mãn, không cảm thấy mệt nhọc, không cảm thấy nhàm chán, đây đều là sự thật. Cái hay và lợi ích của việc niệm Phật thật rất nhiều, không hề làm trở ngại công việc, đối với công việc chỉ có lợi ích chứ không có hại. Phàm phu nếu muốn minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, phương pháp nhất tâm chuyên niệm cầu sanh Tịnh Độ thật sự mà nói là con đường vững vàng, yên ổn nhất.

Phật ở chỗ này dạy chúng ta "*nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn*", điều này quý vị biết được trong tâm có, không phải là trong miệng xưng niệm. Đây là "nhân", phát Bồ-đề tâm là nhân chân thật của sự niệm Phật, phần sau đây là nói về "quả đức". "*Lâm thọ chung thời*", thọ mạng của con người trong đời này là có nhất định. Quả báo đời này là do tu nhân ở kiếp trước, khi quả báo của chúng ta báo hết rồi, không còn luân hồi nữa thì lúc đó A-di-đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta. Có người thọ mạng được kéo dài, tại thế gian này thọ mạng dài có tốt không? Thật sự mà nói, sống thêm một ngày là thọ tội thêm một ngày, sớm một ngày vãng sanh thì sẽ gặp Phật sớm hơn một ngày, chứng quả sớm được một ngày. Cho nên tôi nghĩ rằng, những người thật sự giác ngộ nhất định không cầu sống lâu. Tuy nhiên nếu thọ mạng kéo dài là vì họ có nhân duyên, nhân duyên đó là gì? Trong Phật pháp thường nói: "*Phật không độ người vô duyên*", người này có duyên với Phật.

Thế gian này vẫn còn nhiều chúng sanh có duyên với bạn, họ có thể nghe theo lời bạn khuyên, kẻ khác khuyên họ họ không nghe. Người có duyên nhiều như vậy, cơ duyên được độ của họ đến lúc này đã chín muồi. Vậy thọ mạng của bạn đến rồi, bạn cũng không được đi, vẫn phải sống thêm vài năm để giúp đỡ họ, điều này là nên như vậy. Cho nên người niệm Phật chúng ta nếu thọ mạng được kéo dài thì nhất định là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, giúp đỡ thêm nhiều người niệm Phật vãng sanh. Nếu không phải là lý do này, thì thật sự không có lý do để sống thêm một ngày tại thế gian này.

Vào lúc lâm chung, "*ngã dữ chư Bồ-tát chúng nghênh hiện kỳ tiền*". Khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn bạn, vào lúc này xem công phu niệm Phật của bạn, xem duyên phần của bạn. Nếu công phu của bạn tốt, duyên lại thù thắng, thì sẽ có rất nhiều người cùng A-di-đà Phật đến tiếp dẫn. Nếu công phu niệm Phật của bạn cạn, lúc bình thường không muốn kết pháp duyên với người, vậy khi A-di-đà Phật đến tiếp dẫn, những người cùng đi sẽ không nhiều, điều này chúng ta phải hiểu rõ, phải tranh thủ. Lúc bình thường chúng ta một lòng xưng niệm, rộng kết Phật duyên, nói cách khác tức là rộng kết pháp duyên. Khi sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, những người hoan nghênh sẽ rất nhiều. Trong số những người cùng đến với Phật có rất nhiều người là người thân trong gia đình, bạn bè đồng tham trong đời quá khứ. Họ sớm đã vãng sanh rồi, nay nghe được A-di-đà Phật đến tiếp dẫn bạn, họ cùng nhau theo Phật đến hoan nghênh, tiếp dẫn bạn. Vừa gặp nhau thì túc mạng thông của bạn liền hiện tiền (phía trước chúng ta đã biết được oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì), bạn đều nhận ra tất cả những người này, trong đời nào, trong kiếp nào họ có quan hệ gì với ta, bạn đều nhận ra tất cả. Cho nên bạn nhất định phải biết, duy chỉ có ở lục đạo luân hồi là rất cô độc. Con người một khi chết, một khi luân hồi thì người thân trong gia đình liền chia ly ngay, muốn gặp lại nhau thì vô cùng khó khăn, hoàn toàn là cảnh giới xa lạ. Chỉ có đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì người thân bạn tốt rất nhiều, đều là người quen, một chút cũng không xa lạ, điều này là sự thật, muôn ngàn lần chính xác.

"*Kinh tu du gian tức sanh ngã sát*", đây là nói thời gian vãng sanh vô cùng nhanh chóng. Tuy thế giới Ta-bà cách xa thế giới Tây Phương Cực Lạc là mười vạn ức cõi nước Phật nhưng chỉ một niệm thì đến ngay, tốc độ rất nhanh. Sau khi đến nơi đó, câu Kinh văn tiếp theo vô cùng quan trọng, "*tác A-duy-việt-trí Bồ-tát*", trong Kinh Di-đà gọi là A-bệ-bạt-trí. *A-duy-việt-trí Bồ-tát* là tiếng Phạn, nghĩa là *Bồ-tát bất thoái chuyển, viên chứng Tam Bất Thoái*. Cho nên người xưa nói đây là tâm tánh cực chí của A-di-đà Phật. Công đức tâm tánh này lớn đến điểm cùng cực.

"*Trì danh chi kỳ huân*" (sự hun đúc kỳ diệu của pháp trì danh), công lao của phương pháp trì danh này không thể nghĩ bàn. Cũng là hoằng nguyện của A-di-đà Phật, khiến cho mỗi người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có thể viên chứng Tam Bất Thoái. Thật sự mà nói, địa vị này là Bồ-tát Viên Giáo Thất Địa trở lên. Trong kinh Đại Thừa thường nói, ít nhất phải tu hành đầy đủ hai a-tăng-kỳ kiếp mới có thể chứng đắc Tam Bất Thoái. Như phàm phu chúng ta,

vừa sanh đến đó thì được ngay, siêu vượt hai a-tăng-kỳ kiếp, điều này là không thể nghĩ bàn. Cho nên, nguyện này vô cùng quan trọng. Cổ Đức có nói: "Thập niệm tất sanh, văn danh phát tâm", hai nguyện này là tinh tủy trong bốn mươi tám nguyện của A-di-đà. Chúng ta có thể tin được lời này.

Xin xem tiếp đoạn thứ mười hai:

❖ Nguyện thứ hai mươi mốt: **Sám hối được vãng sanh.**

"***Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, hệ niệm ngã quốc, phát Bồ-đề tâm, kiên cố bất thoái, thực chúng đức bổn, chí tâm hồi hướng, dục sanh Cực Lạc, vô bất toại giả***".

(Khi con thành Phật, chúng sanh trong mười phương nghe danh hiệu con, một lòng chuyên niệm nước con, phát tâm Bồ-đề kiên cố không thối lui, trồng các công đức, hết lòng hồi hướng sanh về Cực Lạc, đều được toại ý).

Thập phương chúng sanh đương nhiên bao gồm chúng ta. Trong "*văn danh*" nhất định phải bao gồm "tín, giải". Chúng ta tin sâu, không nghi, hiểu rõ, chữ "*văn*" đã bao hàm ý nghĩa này. Còn "*hệ niệm*" tức là có nguyện, có hành, vô cùng mơ ước hâm mộ thế giới Cực Lạc, trong tâm luôn luôn nghĩ đến Phật, cái niệm này tức là *hệ niệm*. Chúng ta thường gọi là trong tâm luôn luôn mong nhớ. Trong tâm người thế gian việc bồn chồn lo lắng rất nhiều. Nghĩ kỹ lại thì những thứ họ hệ niệm toàn là lục đạo luân hồi, hệ niệm con cái, hệ niệm cha mẹ, hệ niệm người thân trong gia đình, hệ niệm tài sản, hệ niệm quyền lực địa vị…, toàn là lục đạo, không ra khỏi lục đạo luân hồi. Chúng ta ngày nay giác ngộ rồi, minh bạch rồi, chúng ta đổi thành hệ niệm A-di-đà Phật, buông xuống những thứ bồn chồn lo lắng của thế gian, nhất tâm hệ niệm A-di-đà Phật, vậy là chính xác.

"*Thực chúng đức bổn*", "*thực*" là trồng trọt, đây là tỉ dụ, nghĩa là trong tâm thật có. "*Đức bổn*" là gì? Là chỉ cho thánh hiệu Di-đà, trong tâm thật có sáu chữ hồng danh này. "*Chí tâm hồi hướng*", đây là tâm chân thành hồi hướng. "*Dục sanh Cực Lạc, vô bất toại giả*", nguyện này hiển thị chúng sanh mười phương nếu muốn cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì không khó, điều kiện rất dễ dàng. Quý vị nên biết điều kiện này không phải trong kinh thông thường, mà là bốn mươi tám nguyện, do A-di-đà Phật đưa ra, không phải chư Phật nói, đây là bổn nguyện của Phật. Cho nên từ chỗ này mà xem thì vãng sanh không khó.

"***Nhược hữu túc ác, văn ngã danh tự, tức tự hối quá, vi đạo tác thiện, tiện trì kinh giới, nguyện sanh ngã sát, mạng chung bất phục canh tam ác đạo, tức sanh ngã quốc. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Nếu có ác nghiệp đời trước, nghe danh hiệu con liền tự sám hối tội lỗi, tu đạo làm lành, lại trì kinh giữ giới, nguyện sanh về nước con, mạng chung không lạc vào ba đường ác nữa, liền sanh về nước con. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

"*Nhược hữu túc ác*", đây là giả thuyết, thật sự mà nói, đây là thật, có người phàm phu nào mà không tạo tội nghiệp chứ. Chúng ta đều biết nghiệp chướng của mình rất nặng, tội chướng rất nặng nhưng không sợ. "*Văn ngã danh tự, tức tự hối quá*", đây chính là sám hối vãng sanh. "*Vi đạo tác thiện, tiện trì kinh giới, nguyện sanh ngã sát*" điều này rất quan trọng. Công đức sám hối rất lớn. Thật sự mà nói, toàn bộ Phật pháp, bất luận pháp môn nào, nếu luận về tu trì thì toàn là sám hối, đều tu pháp sám hối, công đức sám hối không thể nghĩ bàn. Pháp môn này là nói đới nghiệp vãng sanh, đới nghiệp vãng sanh thì phải chú trọng sám hối, dùng phương pháp gì? Niệm Phật, uy đức Phật hiệu không thể nghĩ bàn, có thể tiêu được tất cả tội chướng của chúng sanh. Tội chướng có nặng đến đâu, Phật hiệu đều có thể tiêu trừ. Từ Vân Quán Đảnh Pháp Sư nói: "Người thế gian tạo trọng tội, tất cả Kinh pháp, tất cả sám pháp đều trừ không nổi những trọng tội này, đến sau cùng niệm A-di-đà Phật thì có thể sám trừ". Điều này nói rõ công đức của Phật hiệu vượt qua pháp sám hối của tất cả kinh giáo. Thật sự mà nói, người biết được không nhiều, cảm thấy nghiệp chướng của mình nặng, không biết niệm Phật mà đi bái Lương Hoàng Sám, bái Thủy sám, bái Đại Bi Sám, lấy những thứ này để sám hối. Tội của chính mình quá nặng, cách này không hiệu quả, sám không nổi. Không biết pháp môn niệm A-di-đà Phật hay như vậy, pháp môn này quả là hữu hiệu, hễ bạn chí tâm sám hối thì không có nghiệp chướng nào mà không diệt trừ được. Đây nghĩa là nói: không cần chờ đến hết mê hoặc cũng có thể vãng sanh, thật sự là công đức không thể nghĩ bàn! Cho nên phải biết sám hối, tự mình phải biết sám hối. Vậy sám hối có cần hình thức không? Không cần thiết.

Tôi trước kia học Phật, trước khi xuất gia, tôi theo học Chương Gia Đại Sư ba năm. Đại Sư vô cùng từ bi, dạy tôi pháp sám hối, sám hối vô cùng quan trọng. Sám hối cách nào? Về sau không làm nữa, điều này vô cùng quan trọng. Biết lỗi, sửa ngay, về sau không làm nữa. Đây là chân sám hối mà không phải là trên hình thức. Trên hình thức thì giống như hát tuồng vậy, là biểu diễn, làm cho những người chưa học Phật xem, là để khuyến dụ mọi người nên phải tu pháp sám hối,

giúp người nhìn thấy pháp sám hối trang nghiêm như thế, long trọng như thế, khiến trong tâm họ khởi lên cảm động, là ý nghĩa này, tác dụng và lợi ích của nó là ở chỗ này. Chúng ta nếu muốn diệt tội, muốn tiêu tai thì tự mình dụng tâm sám hối, từ trong tâm địa mà sám hối, tức là chỗ này nói "*tức tự hối quá*", chú trọng ở chữ "tự".

"*Vi đạo*", chữ "*đạo*" này là nói đến định huệ, chúng ta chú trọng tu định, tu huệ. Định tức là tâm thanh tịnh, tâm không bị danh lợi ngũ dục lục trần của thế gian làm cho ô nhiễm. Còn huệ là đối với tất cả pháp đều có thể thông đạt hiểu rõ mà không bị mê hoặc. Đặc biệt trong thời đại hiện nay, trong Kinh Lăng-nghiêm nói: "*Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*". Đâu là chánh pháp, đâu là tà pháp, bạn phải có khả năng phân biệt thì mới không đến nỗi học sai pháp môn.

Còn "*tác thiện*" là tu phước, phía trước đã nói qua với quý vị, phước rất quan trọng, chúng ta không thể lơ là. Trong Tam Quy Y: Quy y Phật, nhị túc tôn, "nhị" là hai điều, "túc" nghĩa là viên mãn. Hai thứ viên mãn: một thứ là trí huệ viên mãn, một thứ là phước báo viên mãn. Phước báo viên mãn của Phật từ đâu đến? Do tu đấy, cho nên Phật dạy chúng ta phải tu phước, tu huệ. Không thể không có phước báo, không có phước báo thì không thể độ chúng sanh, bạn muốn độ chúng sanh nhất định phải có đại phước báo. Có phước không có huệ, không thể độ chúng sanh, có huệ không có phước cũng không thể độ chúng sanh, cho nên nhất định phải **phước huệ song tu** thì mới có thể giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Chúng ta nhất tâm xưng danh phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ đây là huệ. Chúng ta tu Tam Phước, tu Lục Hòa, tu Lục Độ là phước, trong phước có huệ, trong huệ có phước. Cho nên nhất định phải biết "*tác thiện*". Từ trong kinh chúng ta thấy A-di-đà Phật niệm niệm đều đang làm thiện, giáo hóa tất cả chúng sanh, giúp đỡ tất cả chúng sanh, đây là bố thí pháp. Xây dựng thế giới Tây Phương Cực Lạc để chúng ta đến bên ấy tu học là bố thí tài. Chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là hưởng phước của A-di-đà Phật, Ngài ở bên đó đã xây dựng hoàn tất và có sẵn rồi, chúng ta đến bên đó để hưởng thọ thế giới Cực Lạc mà Ngài đã tu thành trong năm kiếp. Cho nên Ngài thật sự là bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy, ba loại bố thí đều làm được viên mãn.

"*Tiện trì Kinh giới*", chỗ này nói chúng ta nhất định phải đọc tụng, phải khuyên kẻ khác. Điều sau cùng trong Tam phước là "đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả". Ngày nay chúng ta đọc tụng Đại Thừa phải nên từ Kinh Vô Lượng Thọ mà hạ thủ. Trước tiên học thuộc lòng Kinh Vô Lượng Thọ, đến khi thông đạt bộ Kinh này rồi, tự mình nắm chắc phần vãng sanh, nắm vững rồi mới có thể học

qua các kinh Đại Thừa khác, không nắm chắc vãng sanh thì chúng ta không cần xem các kinh điển Đại Thừa khác nữa. Chúng ta một lòng một dạ chuyên cầu vãng sanh, khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, gặp được A-di-đà Phật rồi, chúng ta mới thực hiện "pháp môn vô lượng thệ nguyện học". Gặp được A-di-đà Phật thì không sợ nữa, bảo đảm thọ mạng vô lượng, có đủ thì giờ, kinh giáo có nhiều hơn đi nữa, chúng ta có thể từ từ, yên tâm để học. Bây giờ thì không được, học nhiều thứ, học tạp e rằng việc vãng sanh sẽ có vấn đề, cho nên đây là một việc vô cùng khẩn yếu. Tôi thường hay khuyên các vị đồng tu, hai nguyện đầu của Tứ Hoằng Thệ Nguyện thì làm ngay bây giờ, còn hai nguyện sau: Học pháp môn, thành Phật đạo, đến thế giới Cực Lạc rồi mới làm.

"*Mạng chung bất phục canh tam ác đạo, tức sanh ngã quốc*", đây là những người nghiệp chướng rất nặng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Sau khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, nguyện lực của bạn rất lớn, bạn muốn đến mười phương để hóa độ chúng sanh, giống như Quán Thế Âm Bồ-tát tùy loại ứng hóa, những nghiệp chướng cực trọng trong quá khứ vậy bạn còn bị thọ báo nữa chăng? Nhất định không bị đọa tam ác đạo nữa. Câu này là tông chỉ tối quan trọng của nguyện này, câu này là quan trọng nhất. Không phải giống như Đề-bà-đạt-đa, chúng ta trong kinh Phật thấy được Đề-bà-đạt-đa tạo tội ngũ nghịch, trước phải đọa địa ngục, tội ở địa ngục mãn rồi mới là có thể thoát ra. Chúng ta niệm Phật đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì không thể, tuyệt đối không thể như vậy.

Xin xem tiếp đoạn thứ mười ba:

❖ Nguyện thứ hai mươi hai: **Trong nước không có người nữ.**

❖ Nguyện thứ hai mươi ba: **Nhàm chán thân nữ, chuyển thân nam.**

"***Ngã tác Phật thời, quốc vô phụ nữ. Nhược hữu nữ nhân văn ngã danh tự, đắc thanh tịnh tín, phát Bồ-đề tâm, yếm hoạn nữ thân, nguyện sanh ngã quốc, mạng chung tức hóa nam tử, lai ngã sát độ***".

(Khi con thành Phật, nước con không có phụ nữ. Nếu có nữ nhân nào nghe danh hiệu con, thanh tịnh tin tưởng, phát tâm Bồ-đề, chán ghét nữ thân, nguyện sanh nước con, mạng chung liền hóa thân nam tử, sanh về nước con).

Thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng. Quý vị thử nghĩ, nếu có người nam, người nữ thì không bình đẳng rồi, vậy thì sẽ đánh nhau. A-di-đà Phật rất thông minh, có lẽ Ngài thấy nhiều thế giới có người nam, người nữ, ngày ngày đều cãi nhau đến bất an cho nên Ngài nghĩ thế giới Cực Lạc tất cả đều như nhau,

toàn là người nam, không có người nữ. Tất cả người nữ vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là người nam, vả lại thân tướng đều như nhau, hoàn toàn giống với A-di-đà Phật. Chúng ta thấy được điều này từ trong bổn nguyện của Phật, thật sự là hy hữu đệ nhất. Mười phương thế giới của chư Phật không có việc này, nơi đây của Ngài thật sự đạt đến bình đẳng. Thiện Đạo Đại Sư nói đây là oai thần bổn nguyện của Di-đà, cho nên người nữ ở mười phương thế giới niệm Phật, lúc lâm chung vãng sanh tất cả đều là nam, thảy đều là thân tướng của Phật. Phật vừa đến tiếp dẫn, Phật quang vừa chiếu thì hóa thân liền hiện tiền, chúng ta xả bỏ nhục thân, tự mình có được hóa thân mới giống như Phật. Không phải đến thế giới Cực Lạc thì giống như một đứa trẻ dần dần lớn lên, đó là có sanh có diệt rồi. Còn thế giới Tây Phương Cực Lạc không có sanh diệt, hoàn toàn là hóa thân, thân tướng hiện ra giống như tướng trạng của A-di-đà Phật.

❖ Nguyện thứ hai mươi bốn: **Liên hoa hóa sanh.**

"***Thập phương thế giới chư chúng sanh loại, sanh ngã quốc giả, giai ư thất bảo trì liên hoa trung hóa sanh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Các loại chúng sanh ở thế giới mười phương, sanh về nước con đều hóa sanh trong hoa sen nơi ao thất bảo. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Tất cả quang cảnh của thế giới Tây Phương Cực Lạc là thường trụ, là bất sanh bất diệt, vĩnh viễn không có biến hoại. Không giống như thế gian này của chúng ta thay đổi trong từng sát-na, nó không thể thường trụ, tất cả vạn vật đều đang biến hóa, cho nên gọi là vô thường.

Chúng ta xem cái giảng đài này, nó đang biến đổi rất chậm, chúng ta không dễ phát hiện được. Một giảng đài mới, nếu để đến vài ngàn, vài vạn năm thì nó tan biến mất hoặc là trong một điều kiện nào đó nó sẽ biến thành hóa thạch, sau khi biến thành hóa thạch nó vẫn còn tiếp tục biến đổi, đây gọi là **vô thường**, đây gọi là bất trụ.

Tất cả vạn vật ở thế giới Tây Phương là **chân thường,** nó không biến. Chúng ta thấy chỉ có một vật ở nơi đó có thể biến đổi, đó là những đóa hoa sen trong ao thất bảo. Trong mười phương thế giới có một người thật sự phát tâm niệm Phật, muốn cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì trong ao thất bảo sẽ nở ra một đóa hoa sen. Người ấy tâm rất chân thành niệm Phật, niệm rất chuyên cần thì hoa sen này dần dần lớn lên, cho nên các hoa sen này lớn nhỏ khác nhau: có loại một do-tuần, có loại mười do-tuần, có một trăm do-tuần, có một ngàn do-tuần… Đó

là công phu niệm Phật cạn sâu khác nhau, màu sắc ánh sáng của hoa khác nhau, chỉ có một thứ này hình như là có sanh có diệt. Nếu niệm được vài năm rồi không niệm nữa, đổi ý đi học Thiền, học Mật thì hoa này liền héo tàn không còn nữa. Lúc chúng ta vãng sanh, A-di-đà Phật cầm hoa sen này đến tiếp dẫn, hoa này là niệm lực của chính mình kết hợp với nguyện lực của A-di-đà Phật mà thành, cho nên mới có hiện tượng này. Còn về thế giới Tây Phương Cực Lạc, các thứ trang nghiêm là do nguyện lực của A-di-đà Phật thành tựu được, cho nên nó là **chân thường,** không có biến hóa. Vậy hoa sen có phải là chân thường không? Nếu tâm niệm Phật của chúng ta không thoái chuyển, tịnh niệm tương kế, khi bạn vừa vãng sanh đến bên ấy thì hoa biến thành chân thường, liên hoa hóa sanh vậy. Cho nên cổ đức nói: "*Cử thể giai thị tối thắng mật mật kiết tường*" (chánh báo và y báo đều tốt đẹp thù thắng).

"*Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác*". Từ nguyện thứ mười tám, thập niệm tất sanh, đến chỗ này là "*văn danh đắc thù thắng lợi ích chi thượng thừa*", lợi ích có được ở đây là thù thắng nhất, chân thật nhất, **liên hoa hóa sanh.**

Xin xem tiếp đoạn thứ mười bốn:

❖ Nguyện thứ hai mươi lăm: **Trời, người lễ kính.**

"***Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh văn ngã danh tự, hoan hỉ tín nhạo, lễ bái quy mạng. Dĩ thanh tịnh tâm tu Bồ-tát hạnh, chư thiên thế nhân, mạc bất trí kính***".

(Khi con thành Phật, chúng sanh khắp mười phương nghe danh hiệu con vui mừng tin ưa, lễ bái quy mạng, đem tâm thanh tịnh tu hạnh Bồ-tát, chư thiên và người đời hết lòng tôn kính).

"*Nhạo*" là ưa thích. Trong chữ "*văn*" nhất định có "*tín*", có "*thọ*". Phía trước đã nói qua với quý vị công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn, biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày là "*lễ bái quy mạng*". Chữ "*lễ bái*" này không nhất định là suốt ngày lễ Phật. Có người lấy phương pháp này để tu hành, mỗi ngày lạy Phật lạy ba ngàn lạy hoặc một ngàn lạy. Không phải yêu cầu mỗi người đều làm như vậy, "*lễ bái*" là trong tâm có "kính". Ta cung kính đối với A-di-đà Phật, niệm niệm không quên, bất luận lúc nào cũng có tâm cung kính đối với Phật, đây gọi là *lễ bái*.

Tuổi trung niên trở lên, đặc biệt là ở trong xã hội hiện nay, việc làm của chúng ta đều là ngồi mà ít cử động, vì thế nên thiếu vận động. Người học Phật

chúng ta nếu dùng thời gian này vào những vận động khác thì cũng đáng tiếc, vận động tốt nhất là lạy Phật. Khi chúng ta ngồi lâu thì nên hoạt động, vậy thì chúng ta nhiễu Phật. Nhiễu Phật là đi ra ngoài bách bộ, đi bách bộ mà trong tâm niệm Phật thì cũng như nhiễu Phật ở Niệm Phật Đường. Vẫn còn một phương pháp nữa là lạy Phật, lạy Phật là lối vận động tốt vô cùng. Tâm địa thanh tịnh chân thành, mỗi khớp xương trong thân thể đều vận động, thật là tốt vô cùng, có sự giúp đỡ rất lớn đối với sức khỏe. Vậy thì lạy Phật bao nhiêu lạy? Điều này không có hạn định, bạn có nhiều thì giờ thì lạy nhiều, bạn không có thì giờ thì lạy ít, không sao cả. "*Quy mạng*" tức là nương tựa, toàn tâm toàn lực nương vào A-di-đà Phật, bộ kinh này tức là A-di-đà Phật. Một lòng y theo đạo lý, giáo huấn của kinh điển mà tu học, đây là thật sự *quy mạng*. "*Dĩ thanh tịnh tâm*", thanh tịnh bình đẳng từ bi. "*Tu Bồ-tát hạnh*", Bồ-tát hạnh tức là Tam Học, Lục Độ, tức là tu thiện, tức là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

"*Chư thiên thế nhân, mạc bất trí kính*". Nếu bạn thật sự có thể tu hành như vậy, bất luận bạn đi đến đâu người ta đối với bạn đều rất cung kính, đều rất ủng hộ, đây là sự lợi ích trước mắt mà bạn có được.

❖ Nguyện thứ hai mươi sáu: **Nghe danh hiệu được phước.**

"***Nhược văn ngã danh, thọ chung chi hậu, sanh tôn quý gia, chư căn vô khuyết***".

(Nếu nghe danh hiệu con, sau khi mạng chung được sanh vào nhà tôn quý, các căn đầy đủ).

Đây là người niệm Phật vẫn còn lưu luyến thế gian này, vẫn không xả được để vãng sanh. Vậy thì niệm Phật có lợi ích chăng? Có lợi ích, đời sau sinh vào gia đình tôn quý, vừa sinh ra là hưởng phước, rất có phước báo, cũng khỏe mạnh sống lâu. Đây là quả báo do niệm Phật trong đời quá khứ, tiếc rằng họ không có phát tâm, không có phát nguyện vãng sanh, nên được quả báo này.

❖ Nguyện thứ hai mươi bảy: **Tu hạnh thù thắng.**

"***Thường tu thù thắng phạm hạnh***".

(Thường tu phạm hạnh thù thắng).

"*Phạm hạnh*" tức là hạnh thanh tịnh. Bởi vì họ thiện căn thâm hậu, họ còn có thể tiếp tục học Phật tu hành. Đây cũng là oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, họ không đến nỗi mê mất chính mình, lúc còn ở nhân gian này vẫn còn có thể tiếp tục tu hành. Có lẽ chúng ta thuộc loại này, trong đời quá khứ niệm

Phật nhưng không xả bỏ được thế gian này cho nên chưa được vãng sanh, kiếp này lại gặp được Phật pháp, thật rất giống với cảnh giới hiện nay của chúng ta.

Trong chương này, cả ba nguyện đều là nói rõ công đức của **văn danh** (nghe danh hiệu Phật A-di-đà). Căn cơ của chúng sanh không như nhau, tuy nghe danh nhưng tâm cầu nguyện vãng sanh chưa phát. Miệng thì nói vãng sanh mà trong tâm thì không xả được thế gian này, thân bằng quyến thuộc, lo lắng bồn chồn không buông xuống được thì cái tín nguyện này không sâu, trì niệm cũng không chuyên, cho nên đối với đại nguyện tiếp dẫn của Di-đà vẫn còn có một khoảng cách. Do đó họ chưa thể vãng sanh, nhưng họ có được phước báo nhân thiên. Ở đây cho thấy hễ nghe được danh hiệu Di-đà thì bất luận vãng sanh hay không đều được lợi ích. Vì thế chúng ta cần phải hoằng dương danh hiệu này, cũng tức là tuyên truyền, giới thiệu cho tất cả chúng sanh, lợi ích này rất lớn. Chúng ta cần phải làm, bất kể họ có tin hay không, chúng ta đều luôn luôn giữ tâm nguyện giúp đỡ tất cả chúng sanh, khiến họ có cơ hội nghe được danh hiệu của A-di-đà Phật. Nếu có được cơ hội đem kinh điển này giới thiệu cho họ thì công đức này lại càng lớn.

Sau đây là đoạn thứ mười lăm. Từ đoạn thứ mười lăm đến đoạn thứ mười tám, cũng tức là từ nguyện hai mươi tám đến nguyện ba mươi tám, Phật thuyết minh tình trạng sinh hoạt tu học của những người sau khi vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Điều này có quan hệ rất mật thiết đối với chúng ta, bởi vì chúng ta không bao lâu nữa sẽ đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho nên trước hết nên biết rõ, [điều này] có sự giúp đỡ rất lớn đối với lòng tin của chúng ta.

❖ Nguyện thứ hai mươi tám: **Nước không có danh từ "bất thiện".**

"***Ngã tác Phật thời, quốc trung vô bất thiện danh***".
(Khi con thành Phật, nước con không có danh từ bất thiện).

Chúng ta thấy hiện nay thế gian này việc bất thiện rất nhiều. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không những không có việc bất thiện mà cái tên bất thiện cũng không nghe đến. Ví dụ như: tham sân si mạn…, chúng ta ở đây thật có việc này, còn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, cái gì gọi là tham sân si mạn? Không có ai nghe qua. Bạn mới biết được thế giới đó tốt đẹp như thế nào.

❖ Nguyện thứ hai mươi chín: **Trụ Chánh Định Tụ**.

"***Sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả giai đồng nhất tâm trụ ư Định Tụ***".

(Tất cả chúng sanh sanh vào nước con đều nhất tâm trụ vào Chánh Định Tụ).

Câu này thật không thể nghĩ bàn. Thế gian này tại sao lại tạp loạn như vậy? Vì tất cả chúng sanh **tâm** không đồng, **tưởng** không đồng, **niệm** không đồng, cho nên rất phức tạp. Người xem tướng cũng thường nói rằng: "nhân tâm bất đồng, các như kỳ hiện" (lòng người không như nhau nên mỗi người có diện mạo riêng biệt). Tại sao mỗi người chúng ta đều khác nhau? Vì trong tâm chúng ta nghĩ, tư tưởng, kiến giải khác nhau cho nên diện mạo khác nhau. Còn tướng mạo mỗi người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là giống nhau. Họ vì sao giống nhau? Vì tâm của họ như nhau, tâm gì vậy? Tâm niệm A-di-đà Phật, người người niệm A-di-đà Phật, trong tâm mọi người là A-di-đà Phật, cho nên biến thành thế giới của A-di-đà Phật. Những người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc có cùng diện mạo với A-di-đà Phật, ai ai cũng đều là A-di-đà Phật, "*giai đồng nhất tâm*", điều này quá quan trọng. "*Trụ ư Định Tụ*", chữ "*Định Tụ*" này là Chánh Định Tụ. Trong Phật pháp có nói đến Tam Tụ, Tam Tụ này bao gồm tất cả chúng sanh. Chánh Định Tụ nghĩa là y theo phương pháp này tu hành nhất định thành Phật, phương pháp ấy chính xác, không sai. Loại thứ hai là Tà Định Tụ, bạn y theo phương pháp này tu, bất luận tinh cần đến đâu cũng nhất định không thành tựu thì gọi là Tà Định Tụ. Còn loại thứ ba gọi là Bất Định Tụ, như căn tánh của chúng ta đây gọi là Bất Định Tụ. Nếu gặp được Chánh Định Tụ thì chúng ta thành tựu, còn gặp được Tà Định Tụ thì chúng ta không thành tựu, cho nên chúng ta thuộc về *bất định tánh*.

❖ Nguyện thứ ba mươi: **Vui như Tỳ-kheo dứt sạch các lậu.**

"***Vĩnh ly nhiệt não, tâm đắc thanh lương. Sở thọ khoái lạc do như lậu tận Tỳ-kheo***".

(Vĩnh viễn không còn phiền não, tâm được mát mẻ, hưởng thọ an lạc như Tỳ-kheo lậu tận).

"*Nhiệt não*" tức là phiền não, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc vĩnh viễn không có phiền não, tâm địa đều thanh lương tự tại. "*Tâm đắc thanh lương*", họ đối với tất cả pháp không phân biệt, không chấp trước thì tâm địa của họ được thanh lương tự tại, chúng ta nên học tập họ. Sống trong thế gian này chúng ta phải biết đời người rất ngắn tạm, mấy mươi năm nóng lạnh, vừa khảy ngón tay là qua rồi, chúng ta chung sống với người có gì mà phải khó khăn, nên nghĩ thông một chút, đừng nên xem nó là thật, đừng nên so đo mà tự chuốc khổ vào thân, một cái khảy ngón tay là qua mất rồi. Cái mà chúng ta phải tranh thủ đó là thế giới Tây

Phương Cực Lạc vĩnh hằng, chân thường, đây gọi là thật sự thông minh, thật sự giác ngộ. Ở thế giới Ta-bà này, chúng ta giống như khách qua đường, ở quán trọ này có tốt, xấu, hà tất phải so đo chứ, ngày mai phải lên đường rồi, không thể xem nó là nhà mình được. **Nhà mình ở Tây Phương, thế giới Tây Phương Cực Lạc mới là căn nhà cố hữu của mình,** nơi này không phải, là nhà ở tạm thời, tốt cũng được, không tốt cũng được. Kẻ kia đối với ta tốt thì rất tốt, đối với ta không tốt cũng rất tốt, thì vô sự rồi. Tâm địa rất thanh lương, rất tự tại thì trải qua tháng ngày rất vui vẻ, một chút phiền não cũng không có. Đây là tâm thật sự được thanh lương.

"*Lậu tận Tỳ-kheo*" là A-la-hán. Chỗ này là tỉ dụ, trên thực tế là siêu việt A-la-hán. A-la-hán tuy là phiền não đã đoạn hết (lậu tận), nhưng trí huệ không viên mãn. Người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không những đã đoạn hết phiền não mà trí huệ đã viên mãn, A-la-hán tuyệt đối không thể sánh kịp.

❖ Nguyện thứ ba mươi mốt: **Không tham chấp thân**.

"***Nhược khởi tưởng niệm tham kế thân giả, bất thủ Chánh Giác***".
(Nếu còn khởi tưởng niệm tham chấp thân, thề không thành Chánh Giác).

Có một số người hoài nghi rằng đến thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi có còn ngã chấp, pháp chấp không? Có còn nghĩ đến bản thân nữa không? Chỗ này nói là không có, nhất định là không có. Có bổn nguyện A-di-đà gia trì khiến bạn sẽ không thoái chuyển nữa. Nếu lại còn tham luyến thân tướng này nữa thì đó là chấp trước, là thoái chuyển, nhất định sẽ không thoái chuyển.

Sau đây là đoạn thứ mười sáu:

❖ Nguyện thứ ba mươi hai: **Được Na-la-diên thân**.

"***Ngã tác Phật thời, sanh ngã quốc giả, thiện căn vô lượng, giai đắc Kim Cang Na-la-diên thân, kiên cố chi lực***".
(Khi con thành Phật, chúng sanh sanh vào nước con, được vô lượng căn lành, đều được thân kim cang bất hoại, có sức vững chắc).

"*Thiện căn vô lượng*" là nhân, bởi vì mỗi người đều là niệm Phật, tu thiện, tích đức để đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu e thiện căn mà bạn tu tập đó không đủ, A-di-đà Phật có oai thần gia trì bạn, khiến cho tiểu thiện căn đó biến thành đại thiện căn, học các pháp môn khác không thể có được điều này, không có Phật giúp.

Cho nên không sợ mình không có thiện căn, không có phước đức. Chỉ cần thật sự nỗ lực tu học, đây là nhân. Còn quả báo? Là được thân kim cang bất hoại. Chỗ này đặc biệt chỉ ra "*kim cang Na-la-diên thân*". *Na-la-diên,* trong kinh điển không có giải thích ý nghĩa, chỉ nói rõ đây là một danh tự Kim Cang mà thôi. Có lẽ trong tất cả loại Kim Cang, thân thể của họ là kiên cố nhất, cường tráng nhất. Đây là một vị thần Kim Cang dũng mãnh nhất. Danh tự của vị Kim Cang này, nếu chúng ta từ một góc độ khác để nhìn thì ý nghĩa của nó khác nhau. Trong Mật Tông có lễ bái thần Kim Cang. Thần Kim Cang trong Mật Tông rất nhiều, có rất nhiều Minh Vương, đều hiện ra tướng oai vũ, dũng mãnh khiến người thường nhìn đến đều khiếp đảm. Họ hiện những tướng đó không giống như tướng mạo từ bi hiền hòa của những vị Bồ-tát thông thường. Cho nên ở chỗ này, *Kim Cang Na-la-diên* tượng trưng cho sự thành tựu đại viên mãn của Mật Tông, ở đây có Mật Pháp. Nói cách khác, tức là Kim Cang Tát Đỏa, tức là Kim Cang Thủ Bồ-tát. Kim Cang Tát Đỏa tức là hóa thân của Phổ Hiền Bồ-tát, cũng tức là nói Phổ Hiền Bồ-tát là căn bản trong Mật Giáo. Vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc tức là sự thành tựu đại viên mãn trong Mật Tông. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này rồi thì lão thật mà niệm Phật, không cần thiết phải đi học Mật, đây tức là Mật Tông rồi, Mật Pháp chí cao vô thượng, ý nghĩa này rất hay.

❖ Nguyện thứ ba mươi ba: **Được quang minh trí huệ biện tài**.

"***Thân đảnh giai hữu quang minh chiếu diệu, thành tựu nhất thiết trí huệ, hoạch đắc vô biên biện tài***".

(Thân và đảnh đều có hào quang chiếu sáng, thành tựu hết thảy trí huệ, được biện tài không cùng tận).

Vậy mới có năng lực hóa độ chúng sanh. Nói pháp cần phải có biện tài. "*Thân*", thân có quang minh, "*đảnh*" tức là viên quang. Chúng ta vẽ tượng Phật thì vẽ một vòng ánh sáng, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, trên đảnh Phật có ánh sáng, thân Phật phóng ánh sáng, mỗi người vãng sanh cũng giống như Phật, trên đảnh đều có ánh sáng, trên thân cũng phóng quang, có điều ánh sáng so với ánh sáng của Phật kém hơn một chút, đây là "*quang tuyên diệu pháp*". Ánh sáng cũng là biểu pháp, "pháp" tức là ánh sáng, ánh sáng tức là pháp, không lìa ánh sáng mà nói pháp này, cho nên thành tựu tất cả trí huệ, cái trí huệ viên mãn của tất cả chủng trí. Trí huệ thành tựu rồi thì đương nhiên có được biện tài. Sự vô ngại biện tài của Bồ-tát so với quả địa của Như Lai tương tự nhau.

❖ Nguyện thứ ba mươi bốn: **Khéo nói pháp bí yếu**.

"***Thiện đàm chư pháp bí yếu, thuyết kinh hành đạo, ngữ như chung thanh. Nhược bất nhĩ giả bất thủ Chánh Giác***".

(Khéo nói các pháp bí yếu, thuyết kinh hành đạo, tiếng như chuông vang. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Tất cả pháp thế xuất thế gian không có một pháp nào không thông đạt. "*Thiện đàm*" là nói khế cơ, khế lý. "*Thuyết kinh hành đạo*", "*thuyết kinh*" là ngôn giáo, "*hành đạo*" là thân giáo, Ngài đích thật làm gương mẫu cho chúng ta xem, làm gương mẫu gì? Ở trong ngành nghề nào thì làm gương mẫu của ngành nghề đó. Quý vị xem năm mươi ba tham vấn của Thiện Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi ba vị thiện tri thức đều là tu hạnh Phổ Hiền, họ gồm cả nam nữ già trẻ, các ngành các nghề khác nhau. Họ là Bồ-tát đấy. Chúng ta từ chỗ này mà học tập. Cách hành đạo này bao quát vô cùng rộng lớn. Đem trí huệ của bạn, lòng từ bi của bạn, sự tu trì của bạn ứng dụng vào trong sinh hoạt, dùng vào trong sự nghiệp của bạn. Sinh hoạt của bạn, sự nghiệp của bạn là phổ độ chúng sanh. Cho nên trong bất cứ ngành nghề nào đều có Bồ-tát, bất cứ nơi chốn nào đều là đạo tràng hóa độ chúng sanh của Bồ-tát, không nhất định là tự viện. Nếu xem tự viện là đạo tràng duy nhất của Bồ-tát thì bạn đã nhìn sai rồi. Bồ-tát ở trong gia đình, gia đình tức là đạo tràng, Bồ-tát ở trong trường học, trường học tức là đạo tràng. Nơi nơi chỗ chỗ đều là đạo tràng, chỗ phổ độ chúng sanh.

Đoạn thứ mười bảy:

❖ Nguyện thứ ba mươi lăm: **Nhất Sanh Bổ Xứ**.

"***Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bổ Xứ***".

(Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh sanh vào nước con quyết chắc rốt ráo đến bậc Nhất Sanh Bổ Xứ).

Nguyện này cũng bảo đảm rõ ràng cho chúng ta. Phía trước Phật có nguyện "*tất thành Chánh Giác*" (người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc tất thành Chánh Giác, nhất định chứng đắc Vô Thượng Bồ-đề), chỗ này nói rõ trong một đời nhất định chứng đắc địa vị Bồ-tát "*Nhất Sanh Bổ Xứ*". "Nhất Sanh Bổ Xứ" tức là *tất thành Chánh Giác*. Đây là nói về thứ hạng. Đẳng Giác Bồ-tát là Hậu Bổ Phật. Mọi người của thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là Bồ-tát, họ là viên giải, viên tu, khác với cách tu học của chúng ta. Các Ngài là "*nhất tu, nhất thiết tu, nhất thiết tu, nhất tu*". Họ là "viên dung". Cho nên "*sanh giai Bất Thoái, đốn siêu giai thứ*" (mọi người đều Bất Thoái, đốn siêu thứ bậc). Bồ-tát ở thế giới phương khác

tu hành thì có vị thứ, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, từng đẳng cấp một. Giống như đi học, lớp một, lớp hai, lớp ba dần dần đi lên. Còn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thì không phải vậy, họ *nhất tu, nhất thiết tu*. Tỉ như nói tiểu học, trong lớp một có khóa trình của lớp hai, cũng có khóa trình của lớp trung học, cũng có khóa trình của đại học, cũng có khóa trình của nghiên cứu sinh, khóa trình của lớp tiến sĩ… Họ nhất tu, nhất thiết tu, cách này thì nhanh, bất luận ở thứ hạng nào thảy đều viên giải, viên hành, phương pháp này cực kỳ tuyệt diệu. Cho nên họ viên chứng *Bổ Xứ*, đều là chứng đắc viên mãn, "*cứu cánh tất chí*". Lối nói này vô cùng khẳng định, khiến chúng ta một tơ hào nghi hoặc cũng không có. Tức là nói sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn nhất định thành Phật rất nhanh.

❖ Nguyện thứ ba mươi sáu: **Giáo hóa tùy ý**.

"***Trừ kỳ bổn nguyện vị chúng sanh cố, phi hoằng thệ khải, giáo hóa nhất thiết hữu tình, giai phát tín tâm, tu Bồ-đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo***".

(Ngoại trừ những người phát nguyện vì chúng sanh mà mặc giáp hoằng thệ, giáo hóa hết thảy hữu tình đều phát tín tâm, tu hạnh Bồ-đề, hành nguyện Phổ Hiền).

Ở chỗ này chúng ta lại thấy Phổ Hiền đạo, chúng ta phải coi trọng, từ những chỗ này hiểu rõ được thế giới Tây Phương Cực Lạc là pháp giới của Phổ Hiền Bồ-tát. Những người vãng sanh thảy đều tu hạnh Phổ Hiền, như trong phần trước của Kinh này nói: "*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*".

Nguyện lực của mỗi Bồ-tát khác nhau, có người hy vọng mình mau thành Phật, sau khi thành Phật mới độ chúng sanh, có người cảm thấy chúng sanh quá khổ, "ta chưa thành Phật, ta phải độ chúng sanh trước". Điều này rất hiếm có. Nguyện này cũng thật đáng quý. Tuy nhiên quý vị nên biết, bạn độ chúng sanh phải có bản lãnh, không có bản lãnh thì nguyện của bạn là nguyện suông.

Tỉ như thấy một người rớt xuống nước, sắp chết đuối, mình phải nhảy xuống cứu họ, nhưng chính mình không biết bơi, vừa nhảy xuống thì uổng mất một mạng người. Muốn cứu kẻ chết chìm kia, trước hết tôi phải học thành một tay bơi có bản lãnh, sau khi học xong rồi tôi mới đi cứu người. Vậy thì được. Hiện nay có rất nhiều người phát tâm tôi rất bội phục, nhưng phiền não của họ vẫn chưa đoạn, họ nhất định sẽ rơi vào luân hồi. Họ nói kiếp sau không muốn vãng sanh, kiếp sau vẫn muốn làm Pháp sư, vẫn muốn giảng kinh thuyết pháp. Kiếp sau chưa chắc được thân người, vừa mới chuyển thế thì mê hoặc điên đảo rồi, kiếp trước

đều quên hết sạch. Những hạng người này có nhiệt tâm nhưng trí huệ không đủ. Nhất định phải đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đây là tuyệt đối chính xác. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi, có người hỏi: "Vậy phải chờ bao lâu chúng ta mới có thể rời thế giới Tây Phương Cực Lạc để đi hóa độ chúng sanh?" Chúng ta xem trong Di-đà bổn nguyện, xem trong Kinh Vô Lượng Thọ, Tịnh Độ tam Kinh, đều không có nói phải hạn định ở thế giới Tây Phương Cực Lạc bao lâu. Không có nói thì là dễ làm rồi, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, gặp được A-di-đà Phật, lạy A-di-đà Phật ba lạy rồi nói: "Con muốn đi cứu chúng sanh được chăng?" A-di-đà Phật gật đầu nói: "Được, con có cái nguyện này thì được". Phật sẽ gia trì bạn, bạn sẽ có bản lãnh, về lại thế giới Ta-bà, bạn sẽ không bị thoái chuyển, cũng không bị mê hoặc. Đây mới là người thông minh, mới là phương pháp chính xác. So với việc luân hồi chuyển thế thì thời gian ngắn hơn nhiều. Thấy được A-di-đà Phật thì có thể lập tức trở về.

"*Phi hoằng thệ khải*", chữ "*phi*" này là tỉ dụ, bạn có hoằng nguyện trước độ chúng sanh, sau thành Phật đạo. Tuy nhiên, bạn phải có bản lãnh, A-di-đà Phật gia trì cho bạn, giáo hóa tất cả hữu tình chúng sanh, đều phát tín tâm, đây là giáo hóa tùy ý. Giáo hóa chúng sanh muốn thật sự thu được hiệu quả, việc này không thể không nghiên cứu, giáo hóa như thế nào mới thật sự thu được hiệu quả? Nhất định phải khiến chúng sanh thật sự có tín tâm đối với Tịnh Độ, đối với Di-đà, phải thật sự chịu tu hành, chịu phát nguyện, chịu cầu sanh Tịnh Độ. Bồ-tát đi giới thiệu, giảng kinh, nói pháp là hoằng nguyện của riêng Bồ-tát. A-di-đà Phật, thật sự mà nói, Phật cũng gia trì người nghe, nếu Phật không gia trì thì bạn nghe kinh làm sao sinh được tâm hoan hỉ? Quý vị nhất định phải biết bạn nghe pháp môn này rất hoan hỉ, rất bằng lòng, không phải tôi giảng hay, không liên quan đến những gì tôi giảng, mà là oai thần bổn nguyện của Di-đà đang gia trì cho bạn. Cho nên bạn nghe được rất minh bạch, so với tôi giảng còn hiểu rõ hơn, tôi còn chưa giảng rõ thì bạn đã nghe rõ ràng rồi. Đây là Phật lực gia trì, cho nên bạn có thể sanh được tâm hoan hỉ, thật một chút cũng không sai. Cho nên những người nghe kinh này được viên mãn, họ chuyên niệm lục độ, thập độ, đang tu Bồ-đề hạnh, hành đạo Phổ Hiền thì đó là đang tu Mười Đại Nguyện Vương của Phổ Hiền Bồ-tát, đây là sự tu hành đạt đến khoa mục tối cao.

"***Tuy sanh tha phương thế giới, vĩnh ly ác thú***".
(Tuy sanh vào thế giới khác, hằng lìa ác đạo).

Tức là bất luận bạn đến thế giới nào để thuyết pháp, hoàn cảnh của thế giới ấy dù có tệ hơn, bạn cũng không bị đọa lạc. Đây đều là Phật phù hộ cho bạn, A-di-đà Phật gia trì, chiếu cố bạn, bạn sẽ không bị đọa lạc.

"***Hoặc nhạo thuyết pháp, hoặc nhạo thính pháp, hoặc hiện thần túc, tùy ý tu tập, vô bất viên mãn. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Hoặc thích thuyết pháp, nghe pháp, hay hiện thần túc, tùy ý tu tập, thảy đều viên mãn. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Đây là nêu ra vài thí dụ. Bồ-tát từ thế giới Cực Lạc tái lai thị hiện hoặc là thích giảng kinh thuyết pháp, hoặc là thích nghe pháp. Nghe pháp cũng là Bồ-tát, làm ảnh hưởng mọi người. Người này ở trong xã hội nhất định có thân phận, rất có địa vị, rất có đạo đức, được mọi người kính ngưỡng. Mỗi buổi Pháp sư thuyết pháp, họ đều đến nghe, khiến cho kẻ khác nhìn thấy Pháp sư này giảng có lẽ cũng hay, người kia đều đến nghe mỗi ngày, nghe rất chú tâm…, làm ảnh hưởng người khác. Những ảnh hưởng chúng này đều là Bồ-tát hóa thân, điều này không phải dễ.

Tôi trước đây giảng kinh tại Đài Bắc, thầy của tôi là lão cư sĩ Chu Bang Đạo, ông là thầy tại gia của tôi. Trong thời kỳ kháng chiến, tôi học ở Quý Châu, ông là hiệu trưởng của tôi. Sau khi đến Đài Loan tôi học Phật, thường giảng kinh ở bên ngoài. Ông mỗi ngày đều đến nghe, lại còn ngồi ở hàng đầu. Mỗi lần nghe, ông còn viết bút ký, có vẻ rất dụng công. Chúng tôi nhìn thấy thật rất tôn kính ông, còn thầy Lý thì sao? Thường nêu ông lên như một tấm gương, nói: "Lão tiên sinh này có đạo đức, có học vấn, cũng đã làm không ít sự nghiệp. Tuổi tác đã lớn như vậy, nghe kinh vẫn còn hết lòng như thế". Không kể người nào giảng kinh, người sơ học đến giảng kinh ông cũng hết lòng nghe, ông cũng ghi chép lại, không biết ông ghi những gì. Mãi cho đến năm chín mươi mấy tuổi mới vãng sanh, thật hiếm có! Đây là làm ảnh hưởng mọi người, ưa thích nghe pháp.

"*Hoặc hiện thần túc*", chữ "thần túc" này tức là thị hiện thần thông biến hiện tự tại. Tuy nhiên thảy đều là vì làm ảnh hưởng tiếp dẫn tất cả chúng sanh tin sâu Tịnh Độ, phát nguyện cầu sanh, vậy thì đúng. Nếu thị hiện thần thông, bảo bạn đừng niệm A-di-đà Phật, thì tuyệt đối không phải, đó là ma thị hiện. Nếu Bồ-tát ở thế giới Tây Phương đến thị hiện, nhất định là khuyên bạn tin sâu không nghi pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật cầu sanh. Điều này vừa nhìn, tương ưng với chỗ nói trong kinh. Chúng ta biết được đây là Bồ-tát Tây Phương tái lai. "*Tùy ý tu tập*", tất cả đều vì độ chúng sanh, đều vì thành tựu tất cả chúng sanh, tiếp nhận

sự dạy bảo của A-di-đà Phật và chư Phật, đều ưa thích phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Đoạn thứ mười tám:

❖ Nguyện thứ ba mươi bảy: **Y, thực tự đến.**

"***Ngã tác Phật thời, sanh ngã quốc giả, sở tu ẩm thực, y phục, chủng chủng cúng cụ, tùy ý tức chí, vô bất mãn nguyện***".

(Khi con thành Phật, chúng sanh sanh vào nước con, nếu muốn ăn uống, y phục, các loại cúng dường, tùy ý liền đến, đều được mãn nguyện).

Nguyện này đối với lục đạo chúng sanh của mười phương thế giới có quan hệ rất lớn. Thiên đạo có phước báo lớn, cuộc sống vật chất không cần bận tâm. Tuy nhiên từ cõi người trở xuống, cuộc sống đều rất gian nan, mưu sinh không dễ. Cổ đức thường nói: "*Pháp luân vị chuyển thực luân tiên*" (chuyển bánh xe ẩm thực trước rồi mới chuyển bánh xe Pháp được), chúng ta trước hết phải "ăn cho no, mặc cho ấm" mới có thể nói đến học Phật. Nếu ba bữa cơm đều ăn không no thì còn tâm tư nào mà học Phật chứ! Có thể thấy chúng ta rất xem nặng đời sống vật chất. Phật ở chỗ này vì chúng ta mà giới thiệu cuộc sống vật chất ở thế giới Tây Phương, "*tùy ý tức chí*", không cần bận tâm, không cần tạo tác. "*Y thực*", nhất là việc ăn uống, những người vừa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, tập khí này vẫn chưa quên, đến giờ ăn cứ nghĩ: "Sao lâu vậy mà không ăn cơm?" Kỳ thật, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì không cần ăn cơm nữa. Cái niệm ấy vừa khởi thì cơm nước đã bày ngay trước mặt, không cần phải làm mà có đến cả trăm thứ thức ăn đồ uống. Thức ăn thì giống như hoàng đế trước kia ăn cơm, phải có một trăm món ăn. Trăm món ăn đều hiện tiền, vừa hiện tiền thì liền nghĩ ta bây giờ không còn là phàm phu nữa, không cần nữa. Nhìn thấy thì đánh thức mình, không cần nữa, không cần thì không có nữa, cũng không cần thu dọn, rửa chén dĩa phiền phức, tùy niệm hóa sanh. Bạn mới biết sự tốt đẹp của thế giới Tây Phương thật sự là không thể nghĩ bàn. Cung điện nơi cư trú sạch sẽ, một hạt bụi cũng không có, thảnh thơi sảng khoái, một chút rác cũng không có. Khi có khách đến thăm thì chỗ ngồi lập tức hiện ra, khách đi rồi thì không còn nữa, không cần thu dọn. "*Tùy tâm sở dục*" (tùy tâm mong muốn), tất cả đều là biến hóa ra. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, mọi người đều có thần thông này, năng lực thần thông này là nguyện lực gia trì của A-di-đà Phật.

❖ Nguyện thứ ba mươi tám: **Ứng niệm thọ cúng.**

"***Thập phương chư Phật, ứng niệm thọ kỳ cúng dường. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Mười phương chư Phật ứng niệm thọ nhận các thứ cúng dường của người ấy. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Việc cúng Phật đối với người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là việc trọng yếu trong sinh hoạt hằng ngày. Người ở thế giới Tây Phương không cần phải đi làm, mọi thứ sinh hoạt vô cùng tự tại. Vàng bạc tiền của muốn có bao nhiêu thì có bấy nhiêu, đều hiện ra không cùng tận, cho nên đời sống vật chất phong phú, điều này thì mười phương thế giới không có. Bởi vì mọi thứ đều là tùy niệm mà biến hóa nên chẳng cần thứ gì cả, muốn thứ nào lập tức có thứ đó, không cần bày ra chất đống to ở đó cho phiền phức, mà là tùy niệm tùy tâm mà được. Việc cúng Phật cũng như vậy, trong tâm muốn cúng vị Phật nào thì Phật cảm ứng đạo giao, thì Ngài tiếp nhận sự cúng dường của bạn, cúng Phật là tu đại phước báo. Cúng Phật thì nhất định được nghe pháp, nghe pháp thì thành tựu đại trí huệ. Ở đây chúng ta thấy được từng chi tiết nhỏ về tình trạng sinh hoạt của những người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, từ những điều nhỏ này thì bạn thấy sinh hoạt của họ tự tại biết bao! Mỗi ngày đều là nghe pháp, cúng Phật, đi hóa độ chúng sanh có duyên. Phạm vi hoạt động là tận hư không khắp pháp giới, muốn đến nơi nào thì ứng niệm liền đến ngay, vì mỗi người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có thần túc thông. Thần túc thông thì có thể phân thân biến hóa giống như Phật, "*thiên bá ức hóa thân, sở hóa chi thân, tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng*" (trăm ngàn ức hóa thân, những hóa thân ấy tùy theo tâm của chúng sanh mà ứng hiện ra). Phật trong kinh Lăng-nghiêm nói câu này chính là tùy loại hóa thân, tức là chúng sanh nghĩ đến thân hình như thế nào thì họ hiện thân hình như thế đó, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ-tát, đây là được đại tự tại.

Đoạn thứ mười chín:

❖ Nguyện thứ ba mươi chín: **Trang nghiêm vô lượng**.

"***Ngã tác Phật thời, quốc trung vạn vật, nghiêm tịnh, quang lệ, hình sắc thù đặc, cùng vi cực diệu, vô năng xứng lượng***".

(Khi con thành Phật, vạn vật trong cõi nước con đều trang nghiêm thanh tịnh, sáng chói, xinh đẹp, hình sắc đặc biệt thù thắng, vi diệu cùng cực, không thể tả xiết).

Từ đoạn này đến hết đoạn hai mươi hai là nói tình trạng hoàn cảnh của thế giới Tây Phương. Không thể diễn tả cặn kẽ trạng huống hoàn cảnh này, giới thiệu

sơ lược một hai việc thì bạn có thể nhân đó mà suy ra cái đẹp của hoàn cảnh bên ấy. "*Quốc trung vạn vật*", đây là tổng thuyết, tất cả vạn vật đều trang nghiêm thanh tịnh, bởi vì thể của tất cả vạn vật đều do trân bảo làm thành.

Thế giới Tây Phương so với trái đất của chúng ta không biết lớn hơn bao nhiêu lần. Trái đất của chúng ta là đất cát sỏi đá, mặt đất không sạch, mặt đất ở thế giới Tây Phương bằng lưu ly, lưu ly là gì? Chúng ta gọi là ngọc phỉ thúy, rất là quý báu, người ta gắn lên một chút thương hiệu hoặc gắn vào nhẫn để đeo trên tay, vậy vật này là gì? Là đại địa của thế giới Tây Phương Cực Lạc, đại địa ở đó là lưu ly trong suốt, từ trên mặt đất có thể nhìn thấu dưới đáy. Ngọc ở nơi đó so với ngọc thạch của chúng ta thì đẹp hơn rất nhiều. Ngọc thạch của chúng ta chỉ là trong suốt một nửa, không phải toàn trong suốt, ngọc của thế giới Tây Phương là toàn trong suốt.

Từ trong kinh chúng ta thấy được, vàng dùng để làm gì? Là để lót đường, vàng dùng để lát đường như nhựa đường ở đây của chúng ta. Ở đây chúng ta đeo trên thân mình châu báu rực rỡ, còn người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thấy đó là thô thiển không chịu nổi. Cho nên trang nghiêm thanh tịnh đều là trân bảo, "*quang lệ*" là quang minh, mỹ lệ, đây là quang minh hoa lệ, hình sắc thù đặc không phải thế gian có được. Ở thế gian này của chúng ta không thấy được, ở bên đó của họ đều có. "*Cùng vi cực diệu*", bởi vì là tánh đức trong chân như bản tánh biến hiện ra. "*Vô năng xứng lượng*", chữ "*lượng*" này nghĩa là gì? Số lượng, chủng loại rất nhiều, không có cách nào nói cho hết được.

"***Kỳ chư chúng sanh tuy cụ thiên nhãn, hữu năng biện kỳ hình sắc quang tướng, danh số, cập tổng tuyên thuyết giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Chúng sanh nào dù có thiên nhãn mà có thể phân biệt được hình trạng, màu sắc, tướng trạng hào quang, danh tự, số lượng và nói tổng quát được những sự trang nghiêm ấy thì con không thành Chánh Giác).

Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc rất nhiều, được sự gia trì của A-di-đà Phật, họ có biết không? Họ cũng không biết. Nếu bạn hỏi họ có bao nhiêu chủng loại? Họ không nói được. Hỏi họ có bao nhiêu số lượng? Họ cũng nói không được. Chỉ có Phật với Phật mới có thể biết rốt ráo, từ Đẳng Giác Bồ-tát trở xuống đều không có cách nào nói được. Đây là nói tổng quát về vẻ đẹp thù thắng và hoàn cảnh vật chất của thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Đoạn thứ hai mươi:

❖ Nguyện thứ bốn mươi: **Cây vô lượng sắc**.

"***Ngã tác Phật thời, quốc trung vô lượng sắc thụ, cao hoặc bá thiên do-tuần. Đạo tràng thụ cao tứ bá vạn lý. Chư Bồ-tát trung, tuy hữu thiện căn liệt giả, diệc năng liễu tri***".

(Khi con thành Phật, cây trong cõi nước con có vô lượng sắc, cao trăm ngàn do-tuần. Cây Đạo tràng cao bốn trăm vạn dặm. Trong các Bồ-tát, dù người thiện căn kém cỏi cũng có thể biết rõ).

Đây là trong tất cả tướng này nêu ra một thí dụ. Trong sự tưởng tượng của chúng ta, có lẽ tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới đều ưa thích cây cối hoa cỏ, cho nên Phật ở chỗ này nêu ra một thí dụ. "*Vô lượng sắc*", cho thấy các cây cối đẹp quá, "*cao hoặc bá thiên do-tuần*", các cây cao đến trăm ngàn do-tuần. Do-tuần là đơn vị chiều dài của Ấn Độ thời xưa, do-tuần có lớn vừa nhỏ. Đại do-tuần theo cách ghi chép ngày xưa là tám mươi dặm của Trung Quốc, trung do-tuần là sáu mươi dặm, tiểu do-tuần là bốn mươi dặm. Tám mươi dặm thời xưa so với tám mươi dặm ngày nay thì ngắn hơn, đó là vì thước đo lường thời xưa ngắn hơn thước đo lường ngày nay.

Quý vị đọc trong "Luật Học Tam Thập Tam Chủng" của Hoằng Nhất Đại Sư có một thiên Chu Xích Khảo, trong đó khảo sát về thước đời Chu: một thước lúc ấy đại khái bằng sáu tấc thước hiện thời (thị xích) (tức là chừng 18cm). Cho nên trong kinh ghi chép, người thời xưa thân cao trượng hai, chúng ta thời nay cho là người khổng lồ, hiện nay đều không thấy nữa, kỳ thật là một trăm chín mươi mấy cen-ti-met, đó là trượng hai thời đó. Chúng ta hiểu rõ chân tướng này thì biết ngay, không cảm thấy lạ lùng nữa.

Tuy nhiên, bất luận ngắn thế nào, trăm ngàn do-tuần thì cao vô cùng. Chiếu theo con số này mà nói, nếu cây này mà ở trên trái đất của chúng ta thì ngọn cây có thể đụng đến mặt trăng rồi. Tại sao có cây cao như vậy? Vì người Tây Phương Cực Lạc cao lớn, chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì người ta xem mình như là loài kiến, rất là nhỏ, đây là do chúng ta không có phước báo. Trong kệ tán Phật, chúng ta tán thán A-di-đà Phật:

"***Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-di,***
Cám mục trừng thanh tứ đại hải."

(Lông mày trắng của Đức Phật A-di-đà tỏa ánh sáng soi tỏ khắp một khu vực rộng lớn bằng năm ngọn núi Tu-di. Đôi mắt xanh biếc của Ngài thì trong ngần và lớn bằng bốn biển lớn.)

Tướng Phật lớn như vậy, thân tướng mỗi người bằng với A-di-đà Phật, đều là tướng lớn như thế đó. Cây cối của chúng ta, dù có cao đi nữa, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì quá nhỏ không nhìn thấy, nhất định phải lớn như vậy mới có thể tương xứng.

Cây ở đạo tràng thì càng trang nghiêm, "*đạo tràng thụ cao tứ bá vạn lý*". Đạo tràng là nơi Phật giảng Kinh thuyết pháp, mà nơi Phật giảng kinh thuyết Pháp rất nhiều, nơi nơi đều có hóa thân của Phật, vậy có lẽ đây là nói nơi báo thân Phật thuyết Pháp. Tuy nhiên ở thế giới Tây Phương pháp thân, báo thân, ứng hóa thân đều hợp tại một nơi, đều là dung thông cả, tứ độ cũng ở một nơi. Vậy đây là nói rõ từ khắp nơi đều có thể trông thấy được cái cây nơi Đức Phật thuyết pháp. "*Chư Bồ-tát trung, tuy hữu thiện căn liệt giả, diệc năng liễu tri*", bởi vì sao? Chúng ta chỉ biết được một vài loại, như ở trên địa cầu này, thực vật, động vật có bao nhiêu loại? Chúng ta không biết rõ. Cây cối thì đại khái chúng ta có thể chỉ nói ra một vài loại, tình tình là tương tự như thế. Điều tiếp theo thì càng thù thắng không thể nghĩ bàn.

❖ Nguyện thứ bốn mươi mốt: **Cây hiện cõi Phật**.

"***Dục kiến chư Phật tịnh quốc trang nghiêm, tất ư bảo thụ gian kiến, do như minh kính, đổ kỳ diện tượng. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác***".

(Muốn thấy sự trang nghiêm nơi Tịnh Độ của chư Phật thì đều thấy rõ nơi thân cây ấy, như thấy rõ mặt mình ở trong gương sáng. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Điều này thật là hy hữu. Nếu chúng ta muốn thấy thế giới phương khác, tỉ như nói chúng ta sanh đến thế giới Cực Lạc, chúng ta rất tưởng nhớ trái đất này, mới vừa rời khỏi chỗ này, không biết tình trạng ra sao? Thì tướng đó hiện ra giống như trên truyền hình. Giữa những hàng cây liền hiện ra tướng. Chúng ta hiện nay xem truyền hình là bằng phẳng, còn tướng bên kia là lập thể, thấy được rõ ràng minh bạch, không cần dùng thiên nhãn, cái tướng bên ấy hiện ra trước mặt. Điều này thù thắng biết bao! Tất cả thế giới của chư Phật trong mười phương, muốn xem chỗ nào thì tướng liền hiện ra, công đức của cây không thể nghĩ bàn!

Đoạn thứ hai mươi mốt:

❖ Nguyện thứ bốn mươi hai: **Chiếu khắp mười phương**.

"***Ngã tác Phật thời, sở cư Phật sát, quảng bác nghiêm tịnh.***"
(Khi con thành Phật, cõi nước con ở rộng lớn nghiêm tịnh).

"*Quảng*" là quảng đại, rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh.

"***Quang oánh như kính.***"
(Sáng chói như gương).

Bởi vì thế giới này đều là vô lượng bảo khiết tịnh không nhiễm bụi trần, "bảo" đều phóng quang, cho nên thế giới này là thế giới quang minh.

"***Triệt chiếu thập phương vô lượng vô số bất khả tư nghị chư Phật thế giới.***"
(Chiếu khắp mười phương vô lượng vô số không thể nghĩ bàn thế giới của chư Phật).

Không chỉ là Phật quang chiếu khắp tất cả thế giới mà thế giới Tây Phương cũng phóng quang, ánh sáng của nó cũng chiếu khắp tất cả thế giới của chư Phật.

"***Chúng sanh đổ giả, sanh hy hữu tâm.***"
(Chúng sanh thấy rồi sanh tâm hy hữu).

Chúng sanh nếu nhìn thấy được, sự thấy được này hoặc là do thiên nhãn mà thấy được, hoặc là trong định mà thấy được, hoặc là có nhân duyên đặc biệt cảm ứng mà thấy được, thấy được Phật quang, thấy được ánh sáng của thế giới Tây Phương. Họ nhất định sanh khởi tâm hy hữu ngưỡng mộ.

"***Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.***"
(Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Đoạn thứ hai mươi hai:

❖ Nguyện thứ bốn mươi ba: **Hương báu xông khắp**.

"***Ngã tác Phật thời, hạ tùng địa tế, thượng chí hư không***"
(Khi con thành Phật, dưới từ mặt đất, trên đến hư không).

"*Địa tế*" là mặt đất, đến tận "*hư không*", đây là nói cái gì? Các thứ trang nghiêm ở mặt đất và trên không trung.

"***Cung điện, lâu quán, trì lưu, hoa thụ.***"
(Cung điện, lâu đài, ao nước, hoa cây).

Chỗ này cần nói rõ chữ "*cung điện*". Không thể hình dung đến hình dáng cung điện của Trung Quốc, nếu bạn nghĩ đến hình dáng này thì là sai rồi. Phật nói kinh này là ba ngàn năm về trước tại Ấn Độ, cung điện của Ấn Độ lúc bấy giờ hoàn toàn không giống với cung điện của Trung Quốc. Cho nên vừa nói đến cung điện liền nghĩ đến mái nhà uốn cong, vậy là sai rồi. Bạn phải biết cái gì gọi là "*cung điện*"? "*Cung*" tức là nhà của tư nhân, còn "*điện*" là nơi để mọi người tụ hội giảng kinh, nói pháp và làm việc. Vậy ở chỗ này bạn biết được tất cả chúng sanh mười phương đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, nơi mà chính họ ở, họ ưa thích hình dáng ra sao thì biến ra hình dáng như vậy, không phải là hoàn toàn giống nhau. Mỗi người có ưa thích khác nhau, thích kiểu gì thì là kiểu đó. Còn nơi mọi người tụ hội thì sao? Cũng không hoàn toàn giống nhau. "*Lâu quán*", "*lâu*", hai tầng trở lên gọi là lầu. "*Trì lưu*", đây là nói ao bảy báu, "*hoa thụ*" là cây báu.

"***Quốc độ sở hữu nhất thiết vạn vật, giai dĩ vô lượng bảo hương hợp thành.***"

(Tất cả vạn vật trong nước đều do vô lượng bảo hương hợp thành).

Thật sự mà nói, đây là hương báu vốn sẵn có của tánh đức, là hương báu vốn sẵn có trong chân như bản tánh, không phải đến từ bên ngoài, cho nên tất cả vạn vật không có một thứ nào không tỏa hương.

"***Kỳ hương phổ huân, thập phương thế giới.***"

(Hương ấy xông khắp mười phương thế giới).

Những người được định, những người được thần thông đều ngửi được, người không có định, không có thần thông, nếu có nhân duyên đặc biệt cảm ứng cũng có thể ngửi được. Tôi nghĩ trong những đồng tu chúng ta, lúc niệm Phật hoặc tịnh tọa, lúc có cảm ứng có thể ngửi mùi hương kỳ lạ này. Loại hương này không có ở nhân gian, từ trước đến giờ chưa từng ngửi qua, tôi tin rằng nhất định có một số đồng tu có kinh nghiệm này. Tôi từng có kinh nghiệm này. Tôi còn nghe nói ở hội Phật giáo ở Dallas có vài đồng tu, ban đêm hóng mát ở trong sân, đang thảo luận Phật pháp, bỗng nhiên có một luồng hương thơm rất nồng, thời gian cũng rất dài, đại khái ba bốn phút, mùi hương lạ này chưa từng ngửi qua. Sau này họ đến hỏi tôi, không phải một người mà có đến năm sáu người đều ngửi thấy. Có thể thấy đây không phải là giả, đều là thuộc về loại này, là nhân duyên đặc biệt, Phật lực gia trì làm tăng trưởng lòng tin của bạn, cho nên thật sự là mùi hương vạn đức của pháp giới.

"***Chúng sanh văn giả, giai tu Phật hạnh.***"
(Chúng sanh ngửi được đều tu Phật hạnh).

Người ngửi được mùi hương ấy có loại cảm ứng này, họ có thể tăng trưởng tín tâm, nguyện tâm có thể thêm sức mạnh, điều này vô cùng khó có được.

"***Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.***"
(Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Hai nguyện nói trên là *hương quang trang nghiêm*, Phật lấy hương quang phổ nhiếp mười pháp giới chúng sanh, giới thiệu hoàn cảnh sinh hoạt của mọi người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Trong hai đoạn cuối cùng, A-di-đà Phật vô cùng từ bi, đặc biệt vì Bồ-tát phương khác mà phát nguyện. Bồ-tát phương khác cũng nghe đến danh hiệu của A-di-đà Phật, vô cùng tôn kính, vô cùng hoan hỉ, cung kính tán thán. Tuy họ không phát tâm sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, A-di-đà Phật cũng gia trì cho họ, tại vì sao? Bởi vì họ tuyên dương Tịnh Độ, khuyên mọi người vãng sanh, Phật cũng gia trì họ.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 12

Đây là hai đoạn sau cùng của đại nguyện, hai đoạn này có năm nguyện, là lợi ích của sự gia trì của A-di-đà Phật đối với mười phương Bồ-tát nghe danh. Do đây có thể biết lòng từ bi của A-di-đà Phật đích thật là rộng lớn không có bờ mé. Năm nguyện này hoàn toàn tương ưng với đoạn kinh văn sau cùng trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh. Di-đà Tịnh Độ không phải hoàn toàn hạn chế, nhất định phải niệm A-di-đà Phật, phải đọc Kinh Vô Lượng Thọ, phải trì Kinh Di-đà mới được vãng sanh. Trong Kinh nói với chúng ta, tu học bất cứ một pháp môn Đại Thừa nào, hễ đầy đủ tín nguyện, chí tâm hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ thì đều được sanh. Cho nên bất luận bạn niệm Kinh gì, bạn niệm chú gì, hoặc là niệm danh hiệu của vị Phật Bồ-tát nào, hễ chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ thì tất cả đều được sanh. Do đây có thể biết pháp môn Di-đà đích thật là vô cùng rộng lớn!

Đoạn thứ hai mươi ba:

❖ Nguyện thứ bốn mươi bốn: **Phổ đẳng Tam-muội**.

"***Ngã tác Phật thời, thập phương Phật sát chư Bồ-tát chúng, văn ngã danh dĩ, giai tất đãi đắc thanh tịnh, giải thoát, Phổ đẳng Tam-muội, chư thâm tổng trì, trụ Tam-ma-địa, chí ư thành Phật.***"

(Khi con thành Phật, các bậc Bồ-tát trong mười phương cõi Phật, nghe danh con rồi đều đạt được thanh tịnh, giải thoát, Phổ đẳng Tam-muội, các Tổng trì sâu, trụ Tam-ma-địa, cho đến thành Phật).

Trong kinh văn nói rất rõ ràng, đây là chư Bồ-tát trong mười phương cõi Phật, không phải là chúng sanh bình thường. Bồ-tát cũng phải có thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ mới có thể nghe được sáu chữ hồng danh. Trong lúc giảng chúng tôi đã nói rất nhiều lần, công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn. Họ có thể nghe được, có thể gặp được Kinh Vô Lượng Thọ, đầy đủ tín nguyện, tuy tự mình không phát tâm vãng sanh, các Bồ-tát vẫn phải ở trong tất cả các thế giới phổ độ chúng sanh, dùng phương pháp gì để độ? Khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, vậy thì được oai thần của bổn nguyện Di-đà gia trì. Bổn nguyện này tức là năm nguyện sau cùng. A-di-đà Phật muốn gia trì các Bồ-tát này, khiến cho các Bồ-tát này bất luận ở trong cảnh duyên gì, chữ "cảnh" này là nói về hoàn cảnh vật chất, lục đạo hoặc là tam đồ cũng đều là hoàn cảnh. Còn "duyên" là hoàn cảnh nhân sự**.** Trong bất kỳ hoàn cảnh vật chất, hoàn cảnh nhân sự nào, họ đều

có thể giữ được thân tâm *thanh tịnh,* không bị ngoại cảnh làm ô nhiễm, đây là nhờ A-di-đà Phật phù hộ, gia trì cho họ, bởi vì Bồ-tát vẫn là hữu tình chúng sanh. "*Giải thoát*", nghĩa là tự tại, nhất định sẽ không khởi vọng tưởng chấp trước, sẽ không sanh tham sân si mạn. "*Phổ đẳng*" là phổ biến, bình đẳng, tâm của họ giống như tâm Phật. "*Tam-muội*", đương nhiên là chỉ cho niệm Phật Tam-muội, niệm Phật Tam-muội là vua trong Tam-muội, không có gì thù thắng hơn. Những vị Bồ-tát khác không biết, nhóm Bồ-tát này biết [niệm Phật Tam-muội là vua trong Tam-muội]. Điểm này chúng ta phải nhận thức rõ ràng, Pháp môn này thật sự mà nói là tất cả chư Phật phổ biến, hoằng dương, làm gì có Bồ-tát không biết? Chúng ta nghe được nhất định sẽ cảm thấy lạ lùng. Kỳ thật, những Bồ-tát không biết thì rất nhiều.

Pháp môn Tịnh Tông này, chúng ta cũng phổ biến, hoằng dương trên thế giới, có ai mà không biết đến A-di-đà Phật, những người không niệm Phật cũng biết A-di-đà Phật, Cơ Đốc Giáo, Thiên Chúa Giáo cũng biết A-di-đà Phật. Tuy họ biết nhưng họ không tin, họ không lý giải, họ cũng không có nguyện tâm, như vậy thì biết cũng như không biết. Cho nên có rất nhiều Bồ-tát giống như vậy, chúng ta nói họ không nghe, không thấy, đúng là "*thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn*" (nhìn mà chẳng thấy, nghe như không nghe)**,** họ không có tín nguyện, họ không có lý giải. Đây là nói tình hình như vậy, cho nên họ thật sự hiểu rõ, tín nguyện, thật sự họ tự mình tu niệm Phật Tam-muội cũng cần phải khuyên tất cả chúng sanh cùng tu niệm Phật Tam-muội.

"*Chư thâm tổng trì*", "tổng trì" là "Đà-ra-ni" của tiếng Phạn, có nghĩa là tổng hết cả pháp, trì hết thảy ý, hiện nay chúng ta gọi là "cương lĩnh". Tổng trì nghĩa là nắm lấy cương lĩnh toàn bộ Phật pháp, ở trong hành môn có thể nói là thiện tuyệt đối không thể mất đi. Chúng ta đều biết tu thiện, tu thiện phải có thiện hạnh, phải có thiện nguyện, còn phải có cơ hội cho bạn tu. Nếu không có cơ hội, tuy muốn tu thiện mà tu vẫn không thành. Họ đều có thể nắm lấy mọi cơ hội, đều không để mất, điều này rất khó. Ác không sanh, không những việc ác và lời ác đều không có, mà niệm ác cũng không sanh, điều này ở nơi hành môn "*chư thâm tổng trì*" có thể nói là cương lĩnh vô cùng quan trọng. "*Tam-ma-địa*" là Phạn ngữ, trong Kinh Lăng-nghiêm gọi là Sa-ma-tha, Tam-ma-địa, Thiền-na, đều là danh xưng của thiền định. Vậy chỗ này tức là an trụ trong định. "*Đắc thành Chánh Giác, chí ư thành Phật*", đây đều là oai thần của A-di-đà Phật gia trì, nhóm Bồ-tát này vì nghe tên mà được lợi ích vô cùng thù thắng.

❖ Nguyện thứ bốn mươi lăm: **Trong định cúng Phật**.

"***Định trung thường cúng vô lượng vô biên nhất thiết chư Phật, bất thất định ý. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.***"

(Trong định thường cúng dường vô lượng vô biên chư Phật vẫn không mất định ý. Nếu không được như vậy, thề không thành Chánh Giác).

Phần trước chúng ta thấy được những Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có đầy đủ lợi ích này, những Bồ-tát nghe danh mà không được sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc có thể có được lợi ích này chăng? Cũng được. Địa Thượng Bồ-tát, hoặc như trong Kinh nói với chúng ta về A-duy-việt-trí Bồ-tát Thất Địa trở lên, những vị không được Phật gia trì cũng có năng lực này. Còn những vị Bồ-tát Địa Tiền trở xuống (Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) không có năng lực này, trí huệ, đạo lực, thần thông của họ không lớn như vậy. Vừa được oai thần của A-di-đà Phật gia trì, năng lực của họ liền được nâng cao lên, giống như Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa Bồ-tát. Có năng lực lớn như vậy, có thể trong một niệm phổ biến cúng dường mười phương vô lượng vô biên chư Phật, không khác biệt với những người vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, được lợi ích như nhau. Vậy có thể thấy, tâm Di-đà là bình đẳng, không thể nói "bạn sanh đến thế giới của tôi thì tôi gia trì, bạn không đến thì tôi không đếm xỉa gì đến bạn". Không phải như vậy. Tâm của Di-đà không có phân biệt, không có chấp trước. Cái tâm này thật sự là tâm thanh tịnh, bình đẳng, chúng ta cũng nên học tập, chúng ta học cách nào đây?

Trong xã hội hiện tại, Phật giáo có rất nhiều tông phái, ngoài Tịnh Độ còn có Thiền Tông, Mật Tông, trong Giáo Hạ có tông Thiên Thai, có người học Pháp Tướng Duy Thức. Chúng ta nên dùng thái độ gì đối với những bạn đồng tu này? Nên học A-di-đà Phật. Không thể nói: "Tôi tu Tịnh Độ, Tịnh Độ là đệ nhất, các bạn không bằng tôi", vậy là có phân biệt, có chấp trước, khởi cống cao ngã mạn, điều này không tương ưng với A-di-đà Phật. Di-đà đối với người là bình đẳng. Người khác đối với ta không bình đẳng đó là việc của họ, ta nên yêu cầu chính mình, mình đối với người khác phải bình đẳng. Bất luận họ tu học Pháp môn nào, chúng ta đều hoan hỉ tán thán, nhất định không thể "*tự tán hủy tha*" (khen mình chê người). Trong Du-già Bồ-tát Giới Bổn, "*tự tán hủy tha*" được liệt vào điều đệ nhất trọng giới. Nhất định nên sanh tâm bình đẳng, bởi vì tất cả Phật pháp đều do Phật nói, nếu chúng ta tự tán thán Pháp môn của mình, phỉ báng Pháp môn khác thì tức là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, đó là sai rồi. Cho nên phải đối xử bình đẳng giống như Phật. Đối với pháp môn một đời thành tựu này họ tin được, giải được, là thiện căn trong vô lượng kiếp của họ đã chín muồi. Sau khi

nghe rồi họ không tin, họ không chịu phát nguyện, thậm chí bài xích thì chúng ta biết thiện căn của họ chưa chín muồi, không thể trách họ, Pháp môn này gọi là *Nan Tín Chi Pháp*, vậy là được rồi. Cho nên tâm địa chúng ta phải giữ được thanh tịnh. Đây là *định trung năng cúng Phật* (trong định có thể cúng Phật), cúng Phật mà không mất *định ý*, tức là không bị ngoại cảnh chuyển.

Đoạn thứ hai mươi bốn:

❖ Nguyện thứ bốn mươi sáu: **Được môn Tổng trì**.

"***Ngã tác Phật thời, tha phương thế giới chư Bồ-tát chúng.***"
(Khi con thành Phật, các bậc Bồ-tát ở thế giới khác)

Phía trước nói "mười phương Phật sát chư Bồ-tát chúng", chỗ này thì nói "tha phương thế giới chư Bồ-tát chúng", ý nghĩa hoàn toàn giống nhau, đều là chỉ những Bồ-tát không phải ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

"***Văn ngã danh giả***"
(Nghe danh con).

Trong chữ "*văn*" này nhất định bao gồm tín, giải, vui mừng, ưa thích. Họ có thể sanh tâm cung kính, tôn trọng A-di-đà Phật. Tuy không cầu vãng sanh, họ có thể lấy pháp môn này để tự mình tu học, lấy pháp môn này để giáo hóa chúng sanh, thì nhất định được Di-đà gia trì.

"***Chứng ly sanh pháp, hoạch Đà-ra-ni.***"
(Chứng ly sanh pháp, được các môn Đà-ra-ni)

Chữ "*sanh*" này tức là sanh tử, sanh tử có hai loại: Một loại là phần đoạn sanh tử, một loại là biến dịch sanh tử. Phàm phu chúng ta có đủ hai loại này. "Phần đoạn" là gì? Là từng giai đoạn, chúng ta từ lúc ban sơ nhất mà nhìn, con người chúng ta tại nhân gian, từ sanh đến tử, đây là một giai đoạn. Sau khi chết rồi lại đi đầu thai, lại sanh, sanh rồi lại tử. Phật bảo "*sanh tử bì lao*" (sanh tử mỏi mệt) không có ngừng nghỉ. Sanh sanh tử tử, tử tử sanh sanh, lục đạo phàm phu là làm những việc này. Cho nên Phật thấy những chúng sanh này là kẻ đáng thương, không có cách để chấm dứt, không có cách xuất ly lục đạo luân hồi, đây là nói về "phần đoạn".

Còn "biến dịch" thì sao? Là biến hóa, cái này thì thật vi tế, chúng ta cũng có thể thấy ra được, tỉ như nói chúng ta mỗi năm một già đi, đây tức là biến dịch. Kỳ thật có phải mỗi năm một già đi chăng? Mỗi tháng một già đi, mỗi tuần một già

đi, mỗi ngày một già đi, tôi nghĩ điều này mọi người đều đồng ý, lại nói vi tế thêm một chút, mỗi giây một già đi, đây gọi là "biến dịch sanh tử". Từ A-la-hán trở lên đã liễu phần đoạn sanh tử rồi, tức là chúng ta nói liễu sanh tử, siêu vượt luân hồi rồi, tuy nhiên vẫn còn biến dịch sanh tử, biến dịch sanh tử đến bao giờ mới dứt? Khi thành Phật thì dứt hết. Đẳng Giác Bồ-tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, họ phải phá một phẩm sanh tướng vô minh đó, đó là lần biến dịch sau cùng. Hai loại sanh tử này hoàn toàn không còn nữa, là cảnh giới trên quả địa của Như Lai. Ở đây, A-di-đà Phật giúp đỡ những Bồ-tát này "*chứng ly sanh pháp*", nói một cách cạn cợt là "vĩnh thoát tam giới", nói sâu hơn là nhờ Phật lực gia trì họ đều có thể vĩnh ly hai loại sanh tử.

"*Hoạch Đà-ra-ni*", "*Đà-ra-ni*" tức là Tổng Trì, tâm an trụ tại pháp môn Tổng Trì. Đà-ra-ni, trong kinh Đại Thừa, có ý nghĩa vô cùng rộng lớn! Bởi vì nó nói về cương lĩnh, nói về nguyên tắc, trong kinh nào thì xem nó nói đến cương lĩnh nào, nguyên tắc nào. Trong Kinh điển Tịnh Tông, Đà-ra-ni tức là sáu chữ hồng danh. Bồ-tát ở thế giới phương khác nghe được danh hiệu của Phật, biết được công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn thì tâm an trụ trong sáu chữ hồng danh. Có bạn đồng tu hỏi rằng: "Bồ-tát niệm Phật tại sao không cầu vãng sanh?" Phía trước đã nói qua, nguyện lực của mỗi vị Bồ-tát không giống nhau, có một số Bồ-tát nghe được rồi liền gấp rút cầu vãng sanh, tại sao vậy? Vì muốn mau thành Phật, sau khi thành Phật mới phổ độ chúng sanh. Còn có một số Bồ-tát có nguyện vọng là "ta chỉ muốn được Phật gia trì, ta muốn độ nhiều chúng sanh, chúng sanh thành Phật rồi ta mới thành Phật". Đây là chỉ cho loại người này, quý vị nên biết họ đích thực là Bồ-tát, họ đích thật đã ra khỏi tam giới, có bản lĩnh giúp đỡ chúng sanh.

Chúng ta ngày nay đã thọ Bồ-tát giới rồi, phát nguyện học theo Địa Tạng Bồ-tát, không thể được, vì không có bản lãnh, phiền não chưa đoạn, vẫn tiếp tục sanh tử luân hồi. Như vậy thì không độ được chúng sanh, dù có nguyện này nhưng làm không nổi. Làm không nổi thì nhất định phải vãng sanh thế giới Cực Lạc. Nếu muốn tự mình có thể làm được thì ít nhất phải đoạn kiến tư phiền não, tam giới lục đạo không thể ràng buộc được bạn, bạn niệm A-di-đà Phật cầu Phật lực gia trì, bạn rộng độ chúng sanh mà không cần phải nóng lòng vãng sanh. Cho nên năm nguyện sau cùng này là đối với những người này mà nói, không phải là nói với chúng ta. Chúng ta không phải Bồ-tát, quý vị muôn ngàn lần xin chớ hiểu lầm "thọ Bồ-tát giới rồi chính là Bồ-tát", đó chỉ là Bồ-tát bằng đất, hữu danh vô thực, không phải Bồ-tát thật, phải nhận thức điều này rõ ràng.

❖ Nguyện thứ bốn mươi bảy: **Nghe danh được pháp Nhẫn**.

"***Thanh tịnh hoan hỷ, đắc bình đẳng trụ***".
(Thanh tịnh hoan hỷ, được bình đẳng trụ).

Văn danh tín giải, nguyện tâm hoan hỉ, an trụ nơi công đức bình đẳng, an trụ nơi pháp môn bình đẳng. Quý vị nên biết, pháp môn bình đẳng tức là Kinh Vô Lượng Thọ, tức là sáu chữ hồng danh. Bình đẳng là thể tướng của tất cả pháp, thể của tất cả các pháp là bình đẳng, "thể" là gì? Là pháp tánh, cho nên tướng cũng bình đẳng. Vậy ngày nay chúng ta cảm giác không phải bình đẳng, nguyên nhân này là gì? Vì chính chúng ta có tâm phân biệt, có tâm vọng tưởng, tâm này không bình đẳng, cho nên nhìn cảnh giới bên ngoài cũng không bình đẳng. Chúng ta đem Nhất Chân Pháp Giới xem thành Thập Pháp Giới, việc này cũng từ trên cương lĩnh quy nạp mà nói, kỳ thật là vô lượng vô biên pháp giới, nên lúc này là không bình đẳng. Mười phương Bồ-tát, thật sự mà nói chúng sanh căn tánh thật sự tốt cũng có thể tu Bồ-tát hạnh, cũng có thể học Bồ-tát đạo, cũng có thể được bình đẳng trụ này. Vậy chúng ta đối với A-di-đà Phật, đối với kinh điển của Tịnh Tông, hiện nay Kinh điển của Tịnh Tông là năm Kinh, chúng ta có thể thấy tướng nghe danh, tướng này có tượng Phật, kinh điển cũng là tướng, thấy tướng nghe danh được Phật gia trì đều có thể có được lợi ích của công đức thù thắng. Tâm bình đẳng, niệm bình đẳng đây là nền tảng trong tất cả bình đẳng, chúng ta mới thật sự có được pháp bình đẳng.

Trong quá trình tu học, một câu Phật hiệu này, thật sự mà nói tức là toàn thể pháp giới. Trong phần phía trước báo cáo với quý vị, đặc biệt là trong nguyện thứ mười tám, Cổ Đức nghiên cứu so sánh tất cả kinh, so sánh đến cuối cùng, tức là một câu Phật hiệu này. Chúng ta từ trong sự so sánh này mà lĩnh hội được công đức Phật hiệu không thể nghĩ bàn. Phật hiệu tức là tất cả pháp, tất cả pháp đều quay về danh hiệu, đến chỗ này đã thực sự bình đẳng. Tất cả Pháp môn đến cuối cùng đều quay về một câu danh hiệu này, điều này thù thắng không gì sánh bằng! Dụng công, điều quan trọng là tịnh niệm liên tục, **công phu đạt đến tịnh niệm liên tục rồi thì niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, như vậy là được bình đẳng trụ rồi**. Cái tâm như vậy, hành trì như vậy là Bồ-tát hạnh chân thật.

"***Tu Bồ-tát hạnh, cụ túc đức bổn.***"
(Tu Bồ-tát hạnh, đầy đủ gốc đức).

"*Cụ túc đức bổn*", ở chỗ này đặc biệt chú trọng nơi việc làm lợi ích cho chúng sanh bằng pháp môn này. Chúng ta toàn tâm toàn lực phổ biến rộng ra, bởi

vì chúng ta hiểu rõ rồi, chỉ có Pháp môn này mới có thể khiến cho tất cả chúng sanh trong một đời thật sự được độ. Còn các Pháp môn khác thì người thông thường không thể tu học được. Cứ lấy Thiền Tông mà nói, Lục Tổ Đại Sư trong Kinh Pháp Bảo Đàn có nói, đối tượng hóa độ của Ngài là ai? Là người thượng thượng căn. Vậy người thượng và trung căn trở xuống không có phần. Lời Ngài nói rất có đạo lý. Chúng ta đừng nói gì đến hạng quá cao, chúng ta chỉ nói đến hạng tối thiểu, thấp nhất vẫn chưa ra khỏi tam giới, Sơ Thiền trong Sắc giới, đây là mức thấp nhất trong Thiền Tông, Sơ Thiền là cảnh giới gì? Sơ Thiền đã lìa khỏi dục, không còn ở Dục giới nữa, đã đến Sắc giới rồi. "Dục" là gì vậy? Là ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thùy. Trong tâm không còn những niệm này nữa mới có thể đến Sơ Thiền. Chúng ta tự thử nghĩ năm thứ này có còn làm động tâm ta chăng? Nếu vẫn động tâm thì bạn vẫn còn ở Dục giới, Sơ Thiền không có phần. Vậy mới biết thật là khó. Tôi có thể giảng *khẩu đầu Thiền*[1], tôi đã từng giảng Kinh Kim Cang, giảng Lục Tổ Đàn Kinh, còn giảng qua Vĩnh Gia Thiền Tông Tập, Chứng Đạo Ca… từng giảng qua không ít *khẩu đầu Thiền* của Thiền Tông. Người ta hỏi tôi: "Thầy biết giảng, tại sao không tu theo?" Tôi bèn nói thật: "Tôi chưa đoạn được ý niệm về tài, sắc, danh, thực, thùy, đoạn không nổi". Tôi biết được việc ấy quá khó, cho nên mới quay đầu trở lại, nghe nói không cần đoạn cũng được vãng sanh, tôi tức khắc quay trở lại. Pháp môn Tịnh Độ này cứu được, có phần. Cách này không cần đoạn, đới nghiệp vãng sanh, hễ đè phục là được, không cần đoạn. Có thể thấy Thiền thật sự không phải là dễ dàng.

Trước kia, lão Pháp sư Đàm Hư (là vị Đại Đức của Tông Thiên Thai, Ngài niệm Phật vãng sanh) từng nói: Trong đời Ngài, người tu Thiền đạt "*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*", một người Ngài cũng không nghe qua, đương nhiên càng không thấy qua. Nói tu Thiền được thiền định, có thể sinh Sơ Thiền Thiên, Nhị Thiền Thiên thì Ngài có thấy qua, Ngài có nghe nói. Quý vị nên biết, được Tứ Thiền Định, được Tứ Không Định vẫn chưa ra khỏi tam giới, khi phước báo hết rồi vẫn phải đọa lạc. Vậy có lợi ích gì đâu! Không phải là cứu cánh. Muốn từ trong Thiền mà siêu vượt tam giới thì không phải là việc đơn giản, tuyệt đối không phải người thường có thể làm được. Lục Tổ Đại Sư nói đó là lời chân thật, **người thượng thượng căn**. Trong Lục Tổ Đàn Kinh chúng ta thấy được, trong những học trò của Lục Tổ Đại Sư, số người *minh tâm kiến tánh* được kể như là nhiều nhất. Những người theo học Lục Tổ Đại Sư là bao nhiêu? Có ngàn vạn người mà thật sự thành tựu chỉ có bốn mươi ba người thôi. Đây là trong lịch sử Thiền Tông

[1] Thiền nói ở đầu môi, chót lưỡi chứ không có công phu tu trì chân thật để thâm nhập lý Thiền.

Trung Quốc, những người kiến tánh khai ngộ nhiều nhất rồi đó. Trong hội của những Tổ Sư Đại Đức khác, chỉ có một người, hai người, ba bốn người khai ngộ là nhiều nhất. Chúng ta từ đó biết được chỗ khó khăn.

Còn những người niệm Phật vãng sanh, từ xưa đến nay, những người y theo pháp môn Tịnh Tông tu học được vãng sanh không biết là bao nhiêu, không đếm hết được! Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, chuyện vãng sanh thu thập được, đó chỉ là nghe ngóng thôi, còn rất nhiều người vãng sanh không thông báo cho bạn, cũng không có đăng quảng cáo bên ngoài, cho nên những người thật sự vãng sanh mà chúng ta không biết là rất nhiều. Trong Vãng Sanh Truyện, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ghi chép là số ít, còn số nhiều thì không biết được, do đây thì biết được sự thù thắng của pháp môn này. Cổ Đức nói: "Vạn người tu vạn người đi".

"***Ứng thời bất hoạch nhất nhị tam Nhẫn.***"

(Nếu ngay lập tức chẳng đạt được ba thứ Nhẫn).

Đây là nói về nghe danh được pháp Nhẫn, sự gia trì của A-di-đà Phật đặc biệt hiện rõ. "*Nhất nhị tam Nhẫn*", tức là phần sau của bổn Kinh nói "*Âm Hưởng Nhẫn, Nhu Thuận Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn*", tuy nhiên không nói rõ là Bồ-tát ở địa vị nào thì đạt được ba thứ Nhẫn này. Trong kinh Nhân Vương Bát-nhã, Phật nói rất tường tận, dùng năm thứ Nhẫn làm biểu đạt cho năm mươi vị Bồ-tát, từ đó chúng ta có thể khẳng định *Âm Hưởng Nhẫn* là Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa Bồ-tát, còn *Nhu Thuận Nhẫn* là Tứ Ngũ Lục Địa, *Vô Sanh Pháp Nhẫn* là Thất Bát Cửu Địa, Thập Địa trở lên là *Tịch Diệt Nhẫn*. Tam Hiền vị Bồ-tát (Bồ-tát chưa đăng địa: Thập Trụ, Thập Hạnh và Thập Hồi Hướng) được uy thần của A-di-đà Phật gia trì thì địa vị của họ thăng đến Địa Thượng Bồ-tát, câu này chủ yếu là biểu đạt cho ý nghĩa này.

❖ Nguyện thứ bốn mươi tám: **Chứng Bất Thoái chuyển trong hiện đời**.

"***Ư chư Phật pháp, bất năng hiện chứng Bất Thoái chuyển giả, bất thủ Chánh Giác.***"

(Nơi các Phật pháp mà không chứng ngay được bậc Bất Thoái chuyển, thề không thành Chánh Giác).

Đây là nói rõ những vị Bồ-tát này cũng giống như các vị Bồ-tát ở Thế giới Cực Lạc viên chứng Tam Bất Thoái. Từ câu này khẳng định "*Nhất Nhị Tam Nhẫn Bồ-tát*" nói ở phần trước đích thực là chỉ quả vị của Địa Thượng (từ Sơ Địa cho

đến Thập Địa) Bồ-tát. Đây là công đức, lợi ích của sự nghe danh, tin ưa và sự gia trì của A-di-đà Phật đối với mười phương Bồ-tát.

Chúng tôi xin giới thiệu đơn giản bốn mươi tám nguyện đến đây. Vì sự hạn chế của thời gian, hôm nay là ngày thứ mười hai rồi, chúng tôi phải giảng viên mãn trong ba mươi ngày. Có bạn đồng tu nói với tôi, phía sau vẫn còn dài, vậy làm sao đây? Phần sau chúng ta sẽ giảng mau hơn. Đây là bởi thời gian hạn chế, tuy nhiên, những chỗ quan trọng đều đã báo cáo hết rồi. Chúng ta xem phẩm thứ bảy.

TẤT THÀNH CHÁNH GIÁC ĐỆ THẤT
PHẨM THỨ BẢY: ẮT THÀNH CHÁNH GIÁC

Phẩm dưới đây vẫn là A-di-đà Phật tự tuyên thuyết, cũng tức là tổng kết bốn mươi tám nguyện, lấy kệ tụng này để thuyết minh tâm nguyện của Ngài. "*Chánh Giác*" tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, "*tất thành Chánh Giác*" là gì? Tức là nhất định thành Phật, câu này vô cùng quan trọng. Chúng ta đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc, tương lai chứng được quả vị gì? Nhất định thành Phật, như vậy mới khiến chúng ta nhìn ra đại nguyện này của Di-đà thật sự là cứu cánh viên mãn, sau đây có mười một bài kệ tụng.

"***Phật cáo A-nan: Nhĩ thời Pháp Tạng Tỳ-kheo thuyết thử nguyện dĩ, dĩ kệ tụng viết.***"

(Phật bảo A-nan: Bấy giờ Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện rồi, liền đọc bài tụng).

"Nguyện" này tức là bốn mươi tám nguyện, chúng ta xem bài kệ tụng thứ nhất, đây là ngũ ngôn tụng, một câu năm chữ, bốn câu là một bài:

Ngã kiến siêu thế chí
Tất chí Vô Thượng đạo
Tư nguyện bất mãn túc
Thệ bất thành Đẳng Giác.

(Con lập chí hơn đời,
Tất đến đạo Vô Thượng,
Nguyện này nếu không toại,
Thề không thành Chánh Giác.)

Chúng ta nên biết, bốn mươi tám nguyện của Di-đà, mỗi nguyện đều hàm nhiếp những nguyện khác, các nguyện đều là viên dung vô ngại như vậy. Không

phải mỗi nguyện độc lập, không liên quan. Cho nên một tức là tất cả, tất cả tức là một. "*Siêu thế chí*", nguyện của Di-đà thật sự là siêu việt thế xuất thế gian. "*Tất chí Vô Thượng đạo*", đây là quả mãn, Ngài nhất định thành Phật, không những thành Phật mà chúng ta thấy được Ngài đã vượt qua tất cả chư Phật. Điều này chúng tôi không cần giải thích kỹ nữa, phía trước đã nói rồi, phía sau Thế Tôn còn có văn trường hàng để giới thiệu, Ngài thật sự đã vượt qua. Cho nên Ngài là vô thượng của vô thượng.

"*Tư nguyện bất mãn túc*" là chỉ cho bốn mươi tám nguyện, nguyện nguyện đều mãn túc, cũng tức là nói các nguyện đều đã biến thành sự thật, không có nguyện nào là nguyện rỗng. Ngài đã thành Phật, đây là các nguyện viên mãn, là nhân viên quả mãn, thành Phật rồi. Thành Phật thì là quả mãn, Đức Thích-ca Mâu-ni Phật dạy chúng ta, A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương thành Phật đã mười kiếp rồi, các nguyện đều được thực hiện rồi. Sau khi xây dựng xong thế giới Cực Lạc, những sự tướng làm lợi ích cho chúng sanh này, chúng ta phải nên nghiêm túc học tập, phải lĩnh hội cẩn thận.

Phục vi đại thí chủ
Phổ tế chư cùng khổ
Linh bỉ chư quần sanh
Trường dạ vô ưu não
Xuất sanh chúng thiện căn
Thành tựu Bồ-đề quả.

(Lại làm đại thí chủ
Cứu khắp kẻ cùng khổ,
Khiến các quần sanh kia,
Đêm dài không ưu não
Phát sanh các căn lành,
Thành tựu quả Bồ-đề.)

A-di-đà Phật thật sự đã thành "*đại thí chủ*", bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy, những đối tượng bố thí là tất cả chúng sanh tận hư không khắp pháp giới, tất cả chúng sanh là cửu pháp giới chúng sanh, trên là Đẳng Giác Bồ-tát, dưới là chúng sanh trong địa ngục. Ngài bố thí bình đẳng.

Bố thí tài là gì? Xây dựng thế giới Cực Lạc, hoan nghênh bạn đến hưởng thụ, đây là bố thí tài. Quý vị phải biết, thế giới Tây Phương Cực Lạc không phải Vô Sắc Giới mà là có thân thể, là có sắc thân. Có thân thể là phải có chỗ để cư

trú, có không gian để hoạt động, có tất cả sự hưởng thụ, hưởng thụ viên mãn đầy đủ, tất cả "*tùy tâm sở dục*" (theo tâm mong muốn), cái này là A-di-đà Phật bố thí tài đối với chúng ta. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, không những Phật thuyết pháp, Bồ-tát thuyết pháp, đồng tham đạo hữu thuyết pháp mà lục trần đều thuyết pháp, cây cũng biết thuyết pháp, chim cũng biết thuyết pháp (chim đó không phải là súc sanh mà là A-di-đà Phật biến hóa ra), nước cũng biết thuyết pháp, gió cũng biết thuyết pháp, không có một thứ nào không thuyết pháp. Bạn muốn nghe pháp gì thì họ sẽ nói pháp đó cho bạn, đó là bố thí pháp. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì được vô lượng thọ, thân Kim Cang bất hoại, sáu thứ thần thông, không những các thứ đầy đủ mà sự lớn mạnh của năng lực thần thông gần giống như Đẳng Giác Bồ-tát là bố thí vô úy.

Cho nên ba thứ bố thí của Đức Di-đà đối với tất cả chúng sanh là viên mãn, Ngài là đại thí chủ, tất cả chư Phật Như Lai không thể so sánh với A-di-đà Phật. Cách thuyết pháp này của Ngài một chút cũng không khoa trương. Vị thầy mà ngày nay chúng ta mơ ước ngưỡng mộ, vị thầy mà chúng ta muốn theo là một đại thí chủ. Nếu chúng ta có lòng tham, vẫn còn bỏn xẻn, xả không được thì làm sao có thể theo Ngài được! Điều này nghĩ lại có vấn đề, niệm Ngài cũng không được, vẫn phải có một chút khí phần tương ưng mới được. Vì thế chúng ta phải học bố thí, đương nhiên chúng ta ngày nay không có năng lực lớn như vậy, không thể xây dựng một cái thế giới lớn để làm vừa lòng dục vọng sinh hoạt vật chất của chúng sanh, chúng ta không có đại phước báo này.

Tận tâm tận lực tức là viên mãn. Người niệm Phật chúng ta, những người muốn cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta nên đem phước báo của mình bố thí cùng khắp cho tất cả chúng sanh. Đời sống của mình nên tiết kiệm một chút, cuộc sống qua loa là được rồi, tu đại phước báo, tương ưng với bổn nguyện của A-di-đà Phật, đây là điều bảo đảm chân chánh của việc chúng ta vãng sanh.

Hiện nay, ở Singapore khắp nơi đều giàu có, mức sinh hoạt đều được nâng cao, chúng ta sống với mức bình thường là được rồi, đừng nên xa hoa, đừng nên phung phí thêm nữa, không cần thiết phải tranh giành thể diện với người ta, việc đó gọi là tạo tội nghiệp. Chúng ta mặc chỉnh tề là được rồi, còn ăn thì có vệ sinh, đủ dinh dưỡng là đủ rồi, đừng nên quá đáng. Luôn luôn nghĩ rằng chúng ta tiết kiệm được một chút thì chúng sanh có thể được lợi ích một chút. Tỉ như hiện nay trên tay quý vị đang cầm quyển kinh này, quyển kinh này một cuốn là một đô-la Mỹ, chúng ta bình thường tiêu tiền để dành được một đồng thì thế gian này sẽ có thêm một quyển Kinh Vô Lượng Thọ, thì độ thêm được một chúng sanh. Nếu bạn

thường giữ cái tâm này thì phước báo của bạn sẽ lớn, tâm bạn tương ưng với bổn nguyện của Di-đà.

Chúng ta ngày nay muốn báo ơn Phật, chúng ta ngày ngày đều niệm hồi hướng "*trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ tam đồ*", mỗi ngày niệm khá nhiều lần nhưng có làm theo không? Nếu không làm thì trong lòng mình tự nghĩ cũng cảm thấy áy náy, gạt mình, gạt người khác, lại còn gạt cả Phật Bồ-tát, vậy thì làm sao được? Phải thật sự giữ cái tâm này, có ý niệm này. Trong sinh hoạt hằng ngày tiết kiệm được một chút, chúng ta in kinh sách, đây là công đức chân thật, hiện nay còn có thể làm băng ghi âm, băng ghi hình. Có nhiều đạo tràng xa xôi hẻo lánh không có Pháp sư đến giảng kinh thuyết pháp. Chúng ta đem số băng ghi âm, băng ghi hình này cúng dường cho họ, họ sẽ được lợi ích rất lớn. Những năm gần đây, tôi biết được có rất nhiều người, nhờ vậy mà nghe được danh hiệu Di-đà, nhờ vậy mà biết được Kinh Vô Lượng Thọ, phát nguyện niệm Phật vãng sanh rất nhiều. Chúng tôi không đi nhưng họ từ trong băng ghi âm đã học được, từ trong bản Kinh đã học được, cho nên cách làm này đích thực đã khởi lên tác dụng rất lớn. Đây là chúng ta thật sự báo ân, thật sự giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn, khiến họ trong một đời được sanh về Phật quốc, đó mới thật sự là "*dưới cứu khổ tam đồ*".

"*Phổ tế chư cùng khổ*", đây là tỉ dụ. Mê hoặc, vô tri tức là *cùng*, là *khổ*. Chữ "*cùng*" này không phải chỉ là nghèo tiền của, trong Phật pháp không chỉ là mang ý nghĩa này. **Không có trí huệ là "cùng", không có đạo đức là "cùng", không có thiện hạnh là "cùng",** chúng ta thường không nghĩ đến điều này. Con người không có trí huệ thì không có phương pháp liễu sinh tử xuất tam giới, không có phương pháp đoạn phiền não, không có phương pháp đoạn vọng tưởng. Ở thế gian này sống trong nhiều kiếp dài lâu không nơi nương tựa, đây là thật sự cùng khổ. Niệm Phật, chúng ta ngày nay đã thật sự tìm được nơi nương tựa, chúng ta nương nhờ vào A-di-đà Phật, chúng ta nương nhờ vào Kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta nương nhờ vào Quán Âm, Thế Chí, đây là Tam Bảo của Tịnh Tông chúng ta.

Tôi giảng Tam Quy Y với quý vị, giảng đến cuối cùng thì tôi thực hiện ở Tam Bảo này. **Chúng ta quy y Phật là quy y A-di-đà Phật. Quy y Pháp là quy y Kinh Vô Lượng Thọ. Quy y Tăng là quy y nơi Quán Âm, Thế Chí**. Tôi nghe một số người nói Pháp Sư Tịnh Không có thiên kiến. May mà ở Đại Lục vẫn còn một số vị đại Pháp sư biện hộ giùm tôi: "Pháp Sư Tịnh Không nói như vậy không sai", còn có mấy vị lão Pháp sư này ủng hộ, tôi rất an ủi. Nương tựa Phật và Pháp thì không có vấn đề, điều này mọi người có thể biết, tuy nhiên nương tựa Quán

Âm, Thế Chí bằng cách nào? Phải biết được Quán Âm là lòng từ bi, chúng ta đối với tất cả người, tất cả chúng sanh có thể sanh tâm từ bi tức là Quán Âm. Trí huệ là Thế Chí, chúng ta xử sự đối người tiếp vật phải dùng lý trí, đừng dùng tình cảm, tình cảm là mê, lý trí tức là Đại Thế Chí Bồ-tát, cho nên đây là nơi nương tựa của chúng ta. Chúng ta phải nương nơi lý tánh, phải nương nơi từ bi, đây là quy y Tăng, là nơi quy y chân chánh, không phải quy y người nào đó, điều này phải nên biết. Không có nơi nương tựa là khổ, chúng ta có nơi nương tựa giống như đứa trẻ có cha mẹ, không có cha mẹ là cô nhi, rất đáng thương! Hãy xem số chúng sanh không có nơi nương tựa rất nhiều. Nghĩ lại mình đây thật may mắn.

"*Xuất sanh chúng thiện căn*", câu này là nói trí huệ. Không có trí huệ thì không thể sanh *thiện căn*. "*Thiện căn*", trong Phật Pháp có hai cách nói: Một là thiện căn của thế gian, tất cả thiện pháp của thế gian từ cái gốc này mà sanh ra, thiện căn này là gì? Không tham không sân không si, là ba thiện căn, ba thiện căn này là từ trong trí huệ chân thật mà sanh ra. Người không có trí huệ chân chính đều có tham sân si. Tham sân si gọi là tam độc phiền não, nói một cách khác, tội ác vô lượng vô biên của thế gian đều từ tham sân si mà sanh ra, ngược lại với cái này là ba thiện căn. Thiện căn của xuất thế gian chỉ có một, đó là "tinh tiến", "tinh tiến" không giải đãi thì rất dễ thành tựu đạo nghiệp. Tuy nhiên phải nên chú ý hai chữ "tinh tiến", "tiến" là tiến bộ, không thoái chuyển, "tinh" là thuần mà không tạp, "một môn thâm nhập" vậy thì đúng. Chúng ta thấy trong hàng Cổ Đức, khi họ chưa biết được Tịnh Độ, những thứ họ học vô cùng quảng bác, đến một ngày nào đó họ gặp được pháp môn này, thật sự thấu hiểu, lý giải rồi thì họ nhất định buông hết tất cả, "một môn thâm nhập".

Thời xưa có hai vị Đàm Loan, Đạo Xước là gương mẫu của chúng ta. Đại Sư Đạo Xước một đời chuyên giảng Kinh Di-đà (việc này trong lịch sử có ghi), Ngài thuyết Kinh Di-đà cũng có thể bao quát luôn Kinh Vô Lượng Thọ bởi vì lúc bấy giờ Ngài ở vào thời đại Nam Bắc Triều, vào thời đó Kinh Vô Lượng Thọ cũng gọi là Kinh A-di-đà. Về sau Đại Sư Liên Trì chuyên giảng đại bổn, tiểu bổn, một đời Ngài giảng hơn hai trăm lần, Ngài không giảng Kinh khác, đây gọi là tinh tiến. Cuối triều nhà Minh, Đại Sư Liên Trì nói rất hay (Liên Trì Đại Sư thông Tông thông Giáo, lúc tuổi về chiều chuyên tu Tịnh Độ, tất cả thảy đều buông xuống): "Tam tạng mười hai bộ nhường cho người khác ngộ, tám vạn bốn ngàn hạnh nhường cho kẻ khác hành". Ngài chỉ một quyển Kinh A-di-đà, một câu sáu chữ hồng danh, đây gọi là tinh tiến, đây đều là gương mẫu của chúng ta. "*Xuất sanh chúng thiện căn*", vô lượng vô biên thiện pháp từ chỗ này sanh ra. "*Thành*

tựu Bồ-đề quả”, “*Bồ-đề quả*”, tức là chứng đắc Phật quả Viên Giáo. Chúng ta ở đây thấy vị đại thí chủ A-di-đà Phật này bố thí, những người được lợi ích là cái lợi ích cứu cánh viên mãn. Đây không phải sự bố thí thông thường mà là giúp cho chúng sanh thành Phật. Trong tất cả các loại bố thí, đây là cách bố thí chí cao vô thượng. Chúng ta ngày nay hết lòng tu học pháp môn Tịnh Độ, có được sự lợi ích thù thắng thì nên có trách nhiệm, có nghĩa vụ hoằng dương rộng ra, những ai hễ quen biết với chúng ta thì chúng ta nên đem Pháp môn này giới thiệu cho họ. Chúng ta tự mình không làm nổi thì Kinh điển ở đây, chú giải ở đây, hễ chúng ta có lòng đem quyển Kinh, câu Phật hiệu chuyển tiếp lưu thông, như vậy thì phù hợp với bổn nguyện của Di-đà. Bên ngoài nơi giảng của chúng ta có nhiều Kinh sách đang được biếu tặng để kết duyên, không chỉ là nói bằng miệng mà thật có bằng hành động để hỗ trợ, hy vọng mọi người lúc kết duyên lấy cho nhiều. “Tôi chỉ cần lấy một quyển”, nếu lấy một quyển thì tâm lượng bạn quá nhỏ, lẽ nào bạn không quen được một người nào hay sao? Bạn đều có nghĩa vụ phải tặng cho người bạn quen đó. Kinh sách đó lấy hết cũng không sao, lấy hết chúng tôi lại in nữa để bổ sung vào. Cho nên quý vị đừng khách sáo, “tôi lấy nhiều quá khó coi lắm!”. Không nên có tâm lý này, phải nên lưu thông đại pháp, khiến cho tất cả chúng sanh đều có được lợi ích của công đức thù thắng, bạn mới có thể tương ưng với Phật. Xin xem tiếp phần Kinh văn phía dưới.

Ngã nhược thành Chánh Giác
Lập danh Vô Lượng Thọ
Chúng sanh văn thử hiệu
Câu lai ngã sát trung.

(Con nếu thành Chánh Giác,
Lấy tên Vô Lượng Thọ.
Chúng sanh nghe danh này,
Đều sanh về nước con.)

Bốn câu này thật sự mà nói là trung tâm trong đại nguyện của A-di-đà Phật, là toàn thể đại nguyện của Di-đà, bốn mươi tám nguyện là sự triển khai của bốn câu này. “*Ngã nhược thành Chánh Giác*”, chữ “ngã” là Ngài Pháp Tạng Tỳ-kheo tự xưng. Hiện nay Ngài thành Phật rồi, gọi là A-di-đà Phật. Tiếng Phạn gọi là A-di-đà Phật, chúng ta dịch thành ý nghĩa là Vô Lượng Thọ Phật. Trong tất cả công đức, thọ mạng là đệ nhất đức, trước tiên phải chánh danh, danh bất chánh thì ngôn bất thuận, cái danh hiệu này thật sự mà nói có sức nhiếp thọ rất lớn. Bạn thử xem

có người nào mà không muốn trường thọ? Cho nên chữ Vô Lượng Thọ này có năng lực hấp dẫn, lôi cuốn rất lớn.

Tôi ở Mỹ xây dựng đạo tràng, sau khi đạo tràng được xây dựng xong, ngày đầu mở cửa, làm tiệc trà để chiêu đãi láng giềng của chúng tôi. Nhóm người ngoại quốc là tín đồ Cơ Đốc giáo, tín đồ Thiên Chúa giáo đến đạo tràng chúng tôi, họ cũng rất hoan hỉ. Bởi vì hình thức xây dựng đạo tràng của chúng tôi không phải là chùa của Trung Quốc mà là kiến trúc theo kiểu Mỹ. Tôi giới thiệu đơn giản cho họ ý nghĩa, mục tiêu xây dựng đạo tràng của chúng tôi, khiến họ đối với chúng tôi có được một chút nhận thức và liễu giải, họ cũng vô cùng vui mừng. Khi họ thấy chúng tôi cúng dường những tượng Phật, chúng tôi cúng dường Tây Phương Tam Thánh, họ hỏi chúng tôi "cúng dường đó là Phật gì?" Họ hỏi tôi "tu Pháp môn gì?" (Bởi vì người Mỹ biết trong Phật giáo có Thiền, có Mật, hai pháp môn này rất thịnh hành ở Mỹ.) Họ hỏi tôi học Pháp môn gì? Tôi bèn nói với đồng tu phiên dịch, đừng nói với họ là Tịnh Độ, họ không biết. Bạn càng nói thì càng rắc rối, chúng ta phải tốn rất nhiều lời lẽ để giải thích vẫn không rõ ràng. Tôi nói: "Bạn cứ nói với họ chúng ta học Pháp môn này gọi là Pháp môn A-di-đà Phật". Họ hỏi A-di-đà Phật là nghĩa gì? A-di-đà Phật có ba nghĩa: thứ nhất là trường thọ, họ nói họ muốn trường thọ. Thứ hai là vui vẻ, họ nói cái này họ cũng cần. Thứ ba là trí huệ, họ nói cái này họ cũng cần. Được rồi! Hy vọng về sau mỗi thứ Bảy đến nơi đây với tôi, nơi đây có "trường thọ, có vui vẻ, có trí huệ", họ bèn đến. Bởi vì Chủ Nhật họ phải đến nhà thờ, thứ Bảy có thể đến Phật đường, không xung đột với nhà thờ của họ. Như vậy là tiếp dẫn người ngoại quốc, vừa đơn giản, vừa rõ ràng. Cho họ quan niệm vô cùng rõ ràng. Chúng tôi ở tại địa phương này học "trường thọ, vui vẻ, trí huệ". Lập danh Vô Lượng Thọ rất quan trọng, phải không? Vô cùng quan trọng. Họ là tín đồ Cơ Đốc Giáo, Thiên Chúa Giáo, họ cần trường thọ.

"*Chúng sanh văn thử hiệu*" trong "*văn*" bao gồm tín và hoan hỉ, có tín nhạo thì họ mới phát nguyện tu học. "*Câu lai ngã sát trung*", tất cả đều đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đại thí chủ A-di-đà Phật hoan nghênh cùng khắp. Quả thật là Đại Hội Vô Trạch! Đại hội bình đẳng! Không có tuyển chọn. Cư Sĩ Lâm Singapore mời tôi đến giảng bộ Bình Đẳng Kinh này cũng là có cảm ứng. Tôi thấy ở Cư Sĩ Lâm bữa ăn sáng, ăn tối, ăn trưa cũng là bố thí bình đẳng, điểm này không dễ. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói với tôi: "Một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, chỉ có một ngày không cúng dường đó là mùng một Tết, trừ ngày này ra,

ngày ngày ba bữa đều cúng dường cả!" Điều này không phải dễ, bố thí bình đẳng là tương ưng với giác tha bình đẳng.

Như Phật kim sắc thân
Diệu tướng tất viên mãn

(Thân kim sắc như Phật,
Tướng tốt thảy viên mãn)

Đây là nói thân tướng mỗi người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc hoàn toàn giống với thân tướng của A-di-đà Phật. Thân được diệu tướng trang nghiêm, mỗi người đều đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Diệc dĩ đại bi tâm
Lợi ích chư quần phẩm

(Cũng đem tâm đại bi,
Lợi ích các quần sanh)

Số người vãng sanh này cũng giống như Phật, Phật đại từ đại bi, tâm nguyện, tâm hạnh của mỗi người vãng sanh đều giống như Phật, điểm này vô cùng quan trọng. Chúng ta phải từ trong Kinh điển hết lòng lĩnh hội, học tập. Chúng ta phải học *đại bi tâm, "đại bi",* chữ "*đại*" này tức là bình đẳng, nếu có lựa chọn phân biệt thì đó gọi là từ bi, không phải là *đại* từ bi. Đại từ bi là không có phân biệt, không có chấp trước, dùng tâm bình đẳng để hành từ bi thì gọi là đại từ đại bi. Chúng sanh cũng có từ bi, cái từ bi này người thế gian chúng ta gọi là ái tâm (tâm yêu thương), nhà Phật đổi danh từ này lại là từ bi, tại sao không dùng ái tâm? Chữ "ái" này, thật sự mà nói, đã hại chết rất nhiều chúng sanh. Vì sao vậy? Vì là tình chấp, là tình ái rất sâu của tình cảm. Trong kinh thường nói "*ái bất trọng, bất sanh Ta-bà*" (tâm yêu thương không nặng thì không sanh cõi Ta-bà), nói một cách khác, nếu bạn không có "ái tâm" sâu nặng thì bạn không đọa lục đạo luân hồi. Người thế gian hằng ngày không lìa khỏi "ái", vẫn rất thích "ái", vậy thì đọa luân hồi. Phật pháp đem "ái" đổi thành "từ bi", thật sự mà nói, "ái" của người thế gian là tình cảm, còn "ái" trong Phật Pháp nói đến là lý tánh, không phải là tình cảm, trong Phật pháp gọi là từ bi. Thật sự mà nói, từ bi là "chân ái", còn "ái" của người thế gian là "giả ái", hư tình giả ý. Bạn xem, nam nữ yêu nhau say đắm, rồi kết hôn, qua hai ngày lại ra tòa ly hôn. Đó là giả, không tin cậy được. Cho nên "từ bi" mới tin cậy được, là lý tánh, không phải là tình cảm, không thay đổi. Tình cảm của người thế gian có thể thay đổi thiên biến vạn hóa nên không đáng tin. Những người học Phật chúng ta bình tĩnh hơn một chút. Bạn bảo bạn thích tôi,

yêu tôi… Tôi gật đầu một cái, nhưng tôi không tin bạn, vì sao thế? Vì biết đó là giả, tình ý hư dối. Cho nên trăm ngàn lần đừng cho là thật, nếu bạn cho là thật thì bạn sẽ thiệt thòi, bạn bị lừa. Ngay chính bản thân họ cũng không biết. Cái tâm đó của họ hôm nay yêu thích, ngày mai thì chán bỏ, họ không biết rằng mình cũng không nắm rõ chính mình, cho nên họ lừa dối kẻ khác và cũng lừa dối ngay cả chính mình. "Từ bi" là "chân ái", vĩnh viễn không đổi thay, Phật Bồ-tát đáng tin, người thế gian không đáng tin. Cho nên chúng ta phải học Phật.

"*Lợi ích chư quần phẩm*", giống Phật không khác. Niệm niệm phải làm lợi ích cho chúng sanh, phải giúp đỡ tất cả chúng sanh giác ngộ, giúp đỡ tất cả chúng sanh trong lục đạo luân hồi tỉnh ngộ trở lại, điều này quan trọng. Thường có cái tâm này, có ý niệm này, đây là tâm đức.

Ly dục thâm chánh niệm
Tịnh huệ tu phạm hạnh.

(Lìa dục sâu chánh niệm,
Tịnh huệ tu phạm hạnh)

Chúng ta trong sinh hoạt hằng ngày, xử sự đối người tiếp vật phải làm cách nào? Mười chữ này là cương lĩnh. Phải "*ly dục*", "*dục*" là dục vọng, dục vọng không có cùng tận, dục vọng bao gồm rất nhiều thứ. Phật đem nó quy nạp thành năm loại lớn:

1. **Tài** là tài vật, tất cả phương diện vật chất, kể cả tiền tài.

2. **Sắc** là chỉ cho tình ái nam nữ.

3. **Danh** bao gồm địa vị, quyền lợi, điều mà người thế gian ra sức tranh đoạt.

4. **Thực** là ẩm thực. Rất nhiều người rất để tâm nghiên cứu ẩm thực, chỉ vì chính mình và vì cái lưỡi ba tấc này, sau khi nuốt xuống bụng rồi thì mùi vị gì cũng không biết nữa. Có cả trăm cách để nghiên cứu khẩu vị, sắc hương vị, tức là vì cái lưỡi ba tấc. Vì cái lưỡi ba tấc mà tạo không biết bao nhiêu tội nghiệp, không đáng chút nào, đều phải nên giác ngộ.

5. **Thùy** là ngủ nghỉ.

Tài, sắc, danh, thực, thùy là năm cái gốc của địa ngục, là tạo tội nghiệp, phải nên giác ngộ, phải nên lìa dục. Lìa dục tức là tịnh, Phật vì chúng ta mà chế định rất nhiều giới luật, tinh thần của giới luật là lìa dục, khiến chúng ta khôi phục

lại tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh rồi tức là hành vi của chúng ta thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh.

"*Chánh niệm*", chánh niệm là định, phải sanh chánh niệm, nói một cách khác, tâm chúng ta không những phải có định, phải có định sâu (như trong Kinh Lăng-nghiêm nói đến Thủ-lăng-nghiêm Đại Định). Chúng ta niệm Phật thì tâm định tại sáu chữ hồng danh A-di-đà Phật, so với tu Lăng-nghiêm Đại Định thì tiện lợi hơn nhiều mà quả báo, thật sự mà nói, vượt hơn hẳn Lăng-nghiêm Đại Định, điều này thật sự không thể nghĩ bàn. Có "định" thì đương nhiên có "huệ". Tâm định khởi tác dụng đó là huệ. "*Tịnh huệ tu phạm hạnh*", "hạnh" là hành vi biểu hiện trong sinh hoạt hằng ngày, biểu hiện nơi xử sự, đối người tiếp vật. Phạm hạnh là hạnh thanh tịnh. Hai điều này là hành đức, chúng ta quy nạp cái tổng cương lĩnh này. Còn phương diện "tự lợi" thì sao? Tức là phải tu giới định huệ. Lúc giúp đỡ kẻ khác, "tự lợi lợi tha", giúp đỡ kẻ khác lìa dục, điểm này vô cùng quan trọng.

Trong xã hội hiện nay, điện ảnh, báo chí, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình đều là ở trong năm thứ dục này, dùng các phương pháp để dụ hoặc bạn, chỉ sợ dục vọng của bạn không mãnh liệt. Nói cách khác, tăng tốc mức độ luân hồi lục đạo của bạn, khiến bạn mau đọa tam ác đạo, đấy đúng là ma vậy. Mỗi người trong nhà đều có bàn tay của ma, bạn không thoát khỏi bàn tay của ma. Cái gì là bàn tay của ma? Máy truyền hình là bàn tay của ma, bạn không biết thứ này là đáng sợ. Trẻ con trong gia đình bạn suốt ngày xem cái đó, ghê gớm lắm! Mai sau hậu họa khôn cùng! Đây đích thực là mối âu lo của cả xã hội. Người minh bạch thì hiểu rõ nó vô cùng đáng sợ. Còn báo chí? Tôi đi qua Đại Lục mấy lần, tôi rất thích báo chí Trung Quốc Đại Lục, báo chí chỉ có hai trang, chỉ báo cáo tin tức, không có những thứ ô nhiễm từ "tài sắc danh thực thùy". Chương trình truyền hình xem ra cũng rất sạch sẽ, đây là hiện tượng tốt, cho nên nhân tâm so ra thanh tịnh hơn. Quý vị thường đi tham quan du lịch cảm thấy người ở vùng duyên hải Đại Lục hình như có lòng tham rất nặng. Đó là vì họ sống những ngày cùng khổ đã lâu rồi, nhìn thấy ở nơi đó vật chất phong phú, họ liền khởi tâm tham, bản thân họ trước kia không có tâm tham, thời đại về trước họ đúng là đêm không cần đóng cửa. Hiện nay tại sao tăng trưởng tâm tham? Là vì chúng ta dẫn phát lòng tham của họ. Tôi cảm thấy không phải lỗi của họ, là lỗi của chúng ta.

Chính phủ Singapore là một chính phủ rất có trách nhiệm, quản chế rất là nghiêm khắc, thứ ô nhiễm này so với Mỹ, so với Đài Loan còn nhẹ hơn rất nhiều, ô nhiễm của Mỹ thật là ghê gớm. Truyền hình suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ

không gián đoạn, đài truyền hình thì có mấy mươi cái, rất nhiều đài không thể xem được. Trước kia tiên sinh Phương Đông Mỹ nói: "Nước Mỹ tương lai nếu mất nước, nhân tố thứ nhất chính là truyền hình". Truyền hình là bàn tay của ma, chúng ta phải lưu ý cẩn thận. Phải hạn chế thời gian xem truyền hình của con em chúng ta, chọn tiết mục cho chúng, không thể để chúng xem tùy tiện, đối với thân tâm của chúng có phương hại. Sự ly dục này từ nhỏ là phải lưu ý, phải chiếu cố.

"*Chánh niệm*" và "*tịnh huệ*" này tương ưng với vô lậu học, trong sinh hoạt hằng ngày, xử sự, đối người tiếp vật phải giữ cái tâm này. Phải luôn luôn hết lòng đi giúp đỡ người.

Nguyện ngã trí huệ quang
Phổ chiếu thập phương sát

(Nguyện đem trí huệ sáng,
Chiếu khắp mười phương cõi)

Đây là đại dụng của đức tướng của A-di-đà Phật, điều này cũng thành hiện thực hết cả rồi.

Tiêu trừ tam cấu minh
Minh tế chúng ách nạn.

(Tiêu trừ ba độc tối
Cứu khỏi các ách nạn.)

"*Tam cấu*" tức là tam đồ. "*Cấu*" tức là ô nhiễm, chỉ cho tham sân si, "*minh*" tức là vô minh, là mê hoặc điên đảo. Câu này thông thường chúng ta gọi là tiêu nghiệp. Phật quang phổ chiếu các cõi nước, tiêu trừ tất cả tội chướng của chúng sanh. Chúng ta chưa thấy được Phật quang, tuy nhiên quý vị nên biết, nơi nào có Kinh điển của Phật tức là nơi Phật quang chiếu sáng ngời. Bạn chịu đọc tụng, chịu đi cầu giải thì bạn được lợi ích, bạn sẽ biết nên sống thế nào, nên làm người như thế nào, ta nên xử sự ra sao, nhờ quang minh của Phật gia trì. Ánh sáng này tức là trí huệ, quyển kinh này mỗi chữ đều là Phật quang, mỗi chữ đều là trí huệ của tự tánh, đọc rồi sao có thể không khai ngộ chứ! Sao có thể không tiêu nghiệp chướng chứ! Nhưng thật sự mà nói, cũng có một số người niệm rồi nhưng không thể tiêu trừ nghiệp chướng, họ niệm cách nào vậy? Họ niệm kinh để cầu ngũ dục lục trần. Cầu Phật Bồ-tát, họ không cầu giới định huệ, họ cầu tham sân si. Bạn bảo có tệ hại không chứ? Mỗi ngày niệm vài biến kinh, niệm vài tiếng Phật hiệu cho Phật Bồ-tát nghe, cầu Phật Bồ-tát bảo hộ họ thăng quan phát tài, tài phát càng

nhiều càng tốt, tham mà không chán. Đọc Kinh cách đó thì Phật quang không chiếu đến bạn, cách đọc kinh đó vô dụng, Phật sẽ không giúp bạn tạo tội nghiệp, Phật không thể làm tăng trưởng tâm tham của bạn, không có đạo lý này. Cho nên đọc kinh phải rõ lý, biết "ly dục sanh chánh niệm, tịnh huệ tu phạm hạnh". Như vậy mới có thể "*tiêu trừ tam cấu minh, minh tế chúng ách nạn*". Chữ "*minh*" phía sau tức là trí huệ, chỉ có khai mở trí huệ rồi, thật sự giác ngộ rồi, tâm ý thanh tịnh thì tất cả tai nạn sẽ tự nhiên được tiêu trừ.

Tất xả tam đồ khổ

(Đều bỏ khổ tam đồ)

Đây là nói về quả báo, đã lìa khổ báo rồi.

Diệt chư phiền não ám

(Diệt hết phiền não ám)

Phía trước có hai chữ "*tiêu trừ*", chỗ này là "*diệt*", công phu càng sâu hơn. "*Tiêu*" không phải là "*diệt*", ý nghĩa của chữ "*diệt*" so với chữ "*tiêu*" thì sâu hơn. Đây là nhờ Phật lực gia hộ, diệt nghiệp so với tiêu nghiệp thì công đức lại càng thù thắng.

Khai bỉ trí huệ nhãn
Hoạch đắc quang minh thân.

(Mở được mắt trí huệ
Đạt được thân quang minh.)

Câu "*khai bỉ trí huệ nhãn*", chúng ta thường gọi là khai ngộ rồi. "*Hoạch đắc quang minh thân*", trong Thiền Tông gọi là *minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*, đây là thân nghiệp thanh tịnh chân thật. Chúng ta thấy từ đoạn trước cho đến đoạn này thì tam nghiệp "thân khẩu ý" thanh tịnh rồi.

Bế tắc chư ác đạo

(Đóng hết các đường ác)

"*Bế tắc*" là tỉ dụ. Bởi vì không những không tạo ác nghiệp mà ác niệm cũng không có. Cái nhân ác không có thì đương nhiên quả báo ác cũng không có. Thế xuất thế pháp đều không lìa khỏi nhân quả, "*nhân duyên quả báo tơ hào không sai*", toàn bộ Phật Pháp cũng không lìa khỏi nhân duyên, quả báo. Cho nên thiện

nhân nhất định được thiện quả, ác nhân nhất định có ác báo. Thiện nhân chín muồi, đây là lìa khổ được vui.

Thông đạt thiện thú môn

(Thông đạt các cửa lành)

"*Thiện thú*" là con đường nhập môn của thiện đạo, con đường nhập môn của thiện đạo là gì? Là thiện nhân. Cái gì là "thiện nhân"? Cái gì là thiện nhân chân chánh. Cái gì là thiện nhân cứu cánh? Nếu bạn hoàn toàn hiểu rõ rồi, hoàn toàn thông đạt rồi thì đương nhiên bạn chịu tu thiện, tự nhiên đoạn ác vậy.

Vị chúng khai pháp tạng

(Vì chúng khai pháp tạng)

"*Chúng*" là chúng sanh, tự mình được lợi ích thì nhất định sẽ giúp đỡ kẻ khác. Chủ động đi giúp đỡ người, niệm niệm không xả mà đi giúp đỡ kẻ khác. "*Pháp tạng*", ý nghĩa thông thường là nói pháp tánh, hàm chứa vô lượng công đức. Ở chỗ này là chỉ cho quyển Kinh Vô Lượng Thọ này, quyển Kinh Vô Lượng Thọ này là vô thượng pháp tạng, viên mãn pháp tạng, bí mật pháp tạng. "*Vị chúng khai pháp tạng*", vì tất cả chúng sanh mà giới thiệu, tiến cử, thuyết minh khiến cho họ liễu giải, hoan hỉ, tín thọ phụng hành.

Quảng thí công đức bảo.

(Rộng thí báu công đức.)

Muốn học đại bố thí, bố thí tài pháp vô úy giống như Di-đà, dùng pháp môn này mà bố thí thì chu toàn, viên mãn rồi. Pháp môn này có thể thật sự giúp đỡ tất cả chúng sanh giác ngộ, giúp đỡ tất cả chúng sanh hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh (vũ trụ tức là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta, nhân sanh tức là chính mình). Thật sự mà nói, thật sự giúp đỡ mọi người hiểu rõ chính mình cùng với tình trạng chân thật hoàn cảnh sinh hoạt của mình. Nếu theo Tịnh Tông mà nói thì đó là có thể giúp đỡ người phát Bồ-đề tâm, giúp đỡ người nhất tâm niệm Phật, đây là thí công đức bảo.

Như Phật vô ngại trí

(Trí vô ngại như Phật)

Mấy câu sau đây hy vọng mọi thứ đều có thể có được khí phần của Phật, tương ưng với Phật, cũng tức là nói phải được sự bảo hộ gia trì của Phật. Câu này là hy vọng trí huệ tương ưng với Phật.

Sở hành từ mẫn hạnh

(Làm các hạnh từ mẫn)

Chỗ này chúng ta phải chú ý, trí huệ là đệ nhất rồi, không có trí huệ thì làm không nổi. Khuyên họ, khuyến khích họ đều là vô dụng. Nhất định phải khai trí huệ, nói cách khác, nhất định phải khiến họ hiểu rõ chân tướng sự thật, sau đó bất luận họ làm cách nào đều chính xác cả, đều có thể hướng về sự lợi ích chân thật, tức là vãng sanh Bất Thoái thành Phật. Cho nên họ có thể đại từ đại bi, từ mẫn hành giống như Phật, đối với tất cả chúng sanh không có phân biệt, không có chấp trước, lấy tâm bình đẳng để giúp đỡ tất cả mọi người.

Thường tác thiên nhân sư
Đắc vi tam giới hùng.

(Đạo Sư cả trời người,
Anh hùng khắp ba cõi.)

Phía trước đã từng báo cáo với quý vị, trong Phật môn xưng hô Đại Sư là cách tôn xưng đối với Phật, chỉ có Phật mới được xưng là Đại Sư. Đẳng Giác Bồ-tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền đều xưng là Đại Sĩ. Hiện nay thế giới dân chủ tự do cởi mở rồi, dù bạn xưng hô cách nào cũng không phạm pháp, cũng không ai quản bạn, cho nên đồ đệ đối với sư phụ cung kính đều xưng là Đại Sư. Còn người làm sư phụ cũng không nói rõ, cũng nhận đại. Như vậy điều này có phần quá đáng. Thật sự mà nói là không thể được, từ xưa đến nay chưa có hiện tượng như vậy, hiện nay là thời loạn, hiện tượng quái gở này mọc lên như nấm. Vào thời xưa chỉ có một ngoại lệ là Tổ Sư của Tịnh Độ Tông xưng là Đại Sư, chúng ta nghĩ lại vẫn có chút đạo lý. Bởi vì Phật độ chúng sanh, khiến chúng sanh một đời viên thành Phật đạo đây là Thiên Nhân Sư, Đại Sư. Bồ-tát trở xuống, Tổ Sư Đại Đức độ chúng sanh trong một đời không thể thành Phật, cũng không thể bảo đảm họ Bất Thoái, không có sức mạnh lớn lao như vậy. Chỉ có tổ sư của Tịnh Độ Tông hoàn toàn dùng câu A-di-đà Phật để dẫn dắt tất cả chúng sanh, cùng Phật hóa độ chúng sanh thành Phật đạo không hai không khác. Cho nên người

đời sau tôn xưng Tổ Sư Tịnh Tông là Đại Sư, chỉ có một ngoại lệ như vậy. Như chúng ta ngày nay xưng Ấn Quang Đại Sư bởi vì Ngài là Tổ Sư của Tịnh Độ Tông, cái này thì có thể xưng. Đây là Phật học thường thức mà chúng ta cần nên biết. "*Thường tác thiên nhân sư, đắc vi tam giới hùng*", đây là nói hành, giáo hóa đồng với Phật, đức đồng với Phật.

Thuyết pháp sư tử hống

(Thuyết pháp sư tử hống)

"*Sư tử*" là tỉ dụ. Sư tử vừa mới rống lên thì bầy thú rừng nho nhỏ chạy không nổi, chân đều trở nên mềm nhũn. Đây là tỉ dụ Phật nói pháp, tất cả tà môn ngoại đạo sau khi nghe được trong tâm đều cảm thấy sợ sệt.

Quảng độ chư hữu tình

(Rộng độ các hữu tình)

Nguyện nguyện đều là vì dạy dỗ chúng sanh, tâm tâm đều là giúp đỡ tất cả chúng sanh.

Viên mãn tích sở nguyện
Nhất thiết giai thành Phật.

(Viên mãn lời nguyện xưa
Tất cả đều thành Phật.)

Đây là tổng kết. Phía trước phát bốn mươi tám đại nguyện, "*nhất thiết giai thành Phật*", câu này vô cùng khó được. Nếu từ trên quả đức mà nói, trong bộ Kinh Vô Lượng Thọ này câu nào là quan trọng nhất? Là câu này. Từ trên nhân mà nói, tức là nguyện thứ mười tám (thập niệm tất sanh), đó là câu tu nhân quan trọng nhất. Còn từ trên quả mà nói là bình đẳng thành Phật, "*nhất thiết giai thành Phật*". Văn-thù, Phổ Hiền phát nguyện vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thành Phật rồi. Nhân, thiên, chúng sanh trong ác đạo tín nguyện trì danh sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng thành Phật, "*nhất thiết giai thành Phật*". Đây là "*cứu cánh viên mãn tất đăng bỉ ngạn*". Chúng ta ở phía trước thấy được nào là "ngũ thừa nhân", trình độ này cực kỳ khác biệt. Từ Đẳng Giác Bồ-tát đến chúng sanh trong địa ngục, cực kỳ khác biệt. Vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều nhập vào báo độ của A-di-đà Phật, gọi là "*ngũ Thừa bình đẳng tề nhập báo độ*" (năm Thừa bình đẳng đều nhập báo độ). Nhân bình đẳng, đến chỗ này chúng ta thấy được "quả" bình đẳng, "*nhất thiết giai thành Phật*". Thật sự không thể nghĩ bàn. Đây mới là bản thể của bổn nguyện Di-đà. Cái lý bên trong vô cùng

thâm sâu. Không phải là không có đạo lý mà là lý rất sâu. Chỉ có Phật với Phật mới có thể biết rõ.

Cũng chính vì lẽ này mà pháp môn này được gọi là "*nan tín chi pháp*", rất nhiều vị Bồ-tát, nhiều vị thiện tri thức không thể tiếp thu, không thể tin. Họ cho là gì? Căn bản không thể có việc như vậy. Chúng ta thử mở Kinh Phật ra, Phật giới thiệu cho chúng ta tất cả thế giới của chư Phật mười phương không có sự việc này, trong tất cả Kinh Phật cũng không có nói đến sự việc này, còn bộ Kinh này thì đặc biệt. Kinh này không giống những bộ Kinh khác, cho nên đây là Pháp môn đặc biệt. Xin xem tiếp bài kệ sau cùng.

Tư nguyện nhược khắc quả

(Nguyện này nếu thành tựu)

A-di-đà Phật nói nguyện này của Ngài quả thật là viên mãn rồi.

Đại thiên ưng cảm động

(Đại thiên nên chấn động)

Đây là Ngài cầu chứng minh. Đại thiên thế giới, chư Thánh chúng, chư Phật, đại Bồ-tát nên cảm động.

Hư không chư thiên thần
Đương vũ trân diệu hoa.

(Các thiên thần trên không,
Mưa xuống trân diệu hoa.)

Những vị thiên thần, thần hộ pháp trong hư không phải nên tuôn xuống mưa hoa. Tướng lành này làm chứng minh cho ta, lời ta nói đều là chân thật, không có một câu nào là giả dối. Bài kệ sau cùng là cầu tướng lành, cầu chứng minh.

"***Phật cáo A-nan: "Pháp Tạng Tỳ-kheo thuyết thử tụng dĩ, ứng thời phổ địa lục chủng chấn động".***"

(Phật bảo Ngài A-nan: "Tỳ-kheo Pháp Tạng nói bài tụng này rồi, ngay khi ấy mặt đất chấn động sáu cách").

Đây là đại thiên cảm động rồi, liền hiện tướng lành, chư Phật Như Lai làm chứng minh cho Ngài.

"***Thiên vũ diệu hoa, dĩ tán kỳ thượng***."

(Hoa trời rơi xuống che kín cả pháp hội).

Thần hộ pháp liền hiện tướng lành để trang nghiêm đạo tràng.

"***Tự nhiên âm nhạc không trung tán ngôn, quyết định tất thành Vô Thượng Chánh Giác.***"

(Âm nhạc tự trổi, không trung vang lời khen: "Quyết chắc thành Vô Thượng Chánh Giác").

Chư Phật Bồ-tát, chư thiên thiện thần đều làm chứng minh cho A-di-đà Phật. Chúng ta sau khi đọc xong, hiểu rõ rồi, ở đây có rất nhiều chỗ đáng để chúng ta ghi chặt vào lòng, đáng cho chúng ta trong sinh hoạt hằng ngày phải hết lòng cố gắng để noi theo.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 13

TÍCH CÔNG LŨY ĐỨC ĐỆ BÁT
PHẨM THỨ TÁM: TÍCH CÔNG LŨY ĐỨC

Phần trước, đã giới thiệu đại nguyện đã phát của A-di-đà Phật khi còn ở nhân địa. Có nguyện nhất định phải có hành, nếu không có hành thì nguyện này là nguyện suông, nhất định phải toàn tâm toàn lực đi làm. Trong phẩm kinh này nói với chúng ta, A-di-đà Phật lấy hành để xây dựng nguyện, tích công được dày, lũy đức được cao, tích công lũy đức. Như vậy thì nhân mới có thể viên mãn, "*nhân viên quả mãn*", quả báo thù thắng. Trong phẩm này, những chỗ đáng cho chúng ta học tập, noi gương nhiều vô cùng. Hãy xem Ngài tu hành cách nào. Đây là tấm gương tốt nhất của chúng ta.

"***A-nan! Pháp Tạng Tỳ-kheo ư Thế Tự Tại Vương Như Lai tiền, cập chư thiên nhân đại chúng chi trung, phát tư hoằng thệ nguyện dĩ. Trụ chân thật huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ.***"

(Này A-nan! Pháp Tạng Tỳ-kheo ở trước Như Lai Thế Tự Tại Vương và giữa đại chúng trời người phát hoằng thệ nguyện này rồi, an trụ trong huệ chân thật, dũng mãnh tinh tấn, một hướng chuyên tâm trang nghiêm cõi nước).

Phật gọi A-nan, gọi tên của Ngài là đặc biệt nhắc nhở Ngài phải chú ý. Phần khai thị phía sau vô cùng quan trọng. "*Pháp Tạng Tỳ-kheo*", chúng ta phải chú ý những cách xưng hô này, có lúc gọi là "Tỳ-kheo", có lúc gọi là "Bồ-tát", gọi là "Phật", đây là nói rõ từng giai đoạn Ngài tu hành chứng quả, hoàn thành từng giai đoạn thì danh xưng của Ngài sẽ khác. Ngài ở trước Phật phát nguyện, đây là "*đối Phật phát nguyện*", cầu Phật chứng minh cho Ngài.

"*Cập chư thiên nhân đại chúng chi trung*", đây là phát nguyện trước chúng, không phải chỉ phát nguyện ở trước mỗi một mình Phật. Có thể thấy rằng nguyện này nhất định không phải giả, Phật chứng minh cho Ngài, mọi người cũng làm kiến chứng cho Ngài, nguyện của Ngài phát là chân thật, không hư dối.

"*Phát tư hoằng thệ nguyện dĩ*", đây là đã phát xong đại nguyện rồi, vả lại Ngài đích thật đã thành tựu thế giới Cực Lạc rồi. Thật sự mà nói, đoạn này là Thế Tôn vì chúng ta mà bổ sung nói rõ Ngài xây dựng thế giới Cực Lạc trong năm kiếp tu hành, cách tu hành của Ngài Pháp Tạng như thế nào? Chúng ta ở chỗ này phải chú ý, phải học tập. Ba điều sau đây vô cùng quan trọng:

"*Trụ chân thật huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ*". "*Trang nghiêm diệu độ*" là quán thông ba điều phía trước, không có một thứ nào không phải là "*trang nghiêm diệu độ*".

Trụ chân thật huệ trang nghiêm diệu độ, dũng mãnh tinh tấn trang nghiêm diệu độ, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ.

Vậy phải có đại nguyện mới có thù thắng vi diệu. Dùng đại hạnh của chân như thật tướng, đây là nói về tu hành, còn phát nguyện là nói về tín, "*trụ chân thật huệ*" là nói về trí huệ.

Kế tiếp là "*tinh tấn*", "*nhất hướng chuyên chí*" là niệm. Nếu chúng ta từ chỗ này mà xem cho tỉ mỉ, trong Kinh Di-đà nói với chúng ta về ngũ căn, ngũ lực: "tín, tấn, niệm, định, huệ", căn lực tương ưng, đây là điều kiện cơ bản để công phu tu hành đắc lực, có thành tựu của Ngài. Quay đầu lại chúng ta phản tỉnh. Chúng ta học Phật, chúng ta cũng nghe pháp, cũng đọc kinh, cũng niệm Phật tại sao đã nhiều năm như vậy mà công phu không đắc lực?

Vì sao không đạt được sự thọ dụng chân thật? Nguyên nhân là vì "tín, tấn, niệm, định, huệ" của ngũ căn, ngũ lực đã có vấn đề. Nếu chúng ta muốn công phu tu hành thật sự đắc lực, ngang hàng với những vị Đại Đức xưa, những vị Bồ-tát thì ba điều trên là căn bản. "*Trụ*" là an trụ, trong tâm phải tràn đầy trí huệ mới được, đây là điều kiện thứ nhất. Chúng ta xem Lục Tổ Đàn Kinh của Thiền Tông, Huệ Năng Đại Sư lần đầu tiên gặp Ngũ Tổ (Hòa Thượng Hoằng Nhẫn), Ngài nói với Ngũ Tổ rằng: "Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ". Tôi đọc đến câu này thì thật là hâm mộ, chúng ta ngày nay nếu gặp những vị Đại Đức này thì sao? "Trong tâm đệ tử thường sanh phiền não", chúng ta thường sanh phiền não, còn họ thì thường sanh trí huệ. Đây là nói rõ tâm của người tu hành chân chánh là an trụ trong trí huệ chân thật. Chúng ta thì an trụ trong vọng tưởng, phiền não, hoàn toàn không tương ưng. Cho nên dù hết lòng niệm Phật thế nào đi nữa, ngày ngày lễ Phật, cúng dường Tăng, làm mấy mươi năm vẫn chưa có chút tin tức gì, vẫn khổ não như trước.

Chúng ta cần phải tìm ra nguyên nhân, như tìm gốc bệnh căn. Tìm ra nguyên nhân của bệnh, sau đó tùy bệnh mà cho thuốc, "*thuốc đến thì bệnh hết*", chúng ta mới khôi phục được sức khỏe. Những người học Phật chúng ta hàm hồ đại khái học mấy mươi năm, tự biết mình có bệnh, bệnh rất nặng, tại sao mắc bệnh? Không biết. Gốc bệnh ở chỗ nào? Không biết. Vậy thì bạn làm sao đối trị? Căn nguyên là trong tâm chúng ta không có trí huệ, còn các Ngài tu hành trong tâm có trí huệ.

Không nên lơ là bỏ qua, chúng ta phải "*trụ chân thật huệ*", trụ bằng cách nào? Phía trước đã báo cáo với quý vị rồi. Phải nghe kỹ lưỡng, phải ghi nhớ, phải biết dùng vào cuộc sống thì mới được. Chúng ta xử sự, đối người, tiếp vật, tu trì đều phải lấy lý trí làm chủ tể, không lấy tình cảm mà hành sự. Vậy thì gần gũi với trụ chân thật huệ rồi. Trí huệ của chúng ta không cao như vậy, không viên mãn như vậy, tuy nhiên vẫn phải tương ưng, vẫn phải gần bằng. Đây là bước đầu tiên.

Đã có trí huệ, đã có lý trí, quan trọng là phải thật sự làm, "*dũng mãnh tinh tấn*" tức là thật sự làm. Y theo đạo lý trong Kinh Vô Lượng Thọ, y theo phương pháp trong kinh điển, chúng ta hết lòng nỗ lực phản tỉnh, cải tiến, thực hành, đây gọi là "dũng mãnh tinh tấn".

Phải hết lòng nỗ lực "nhất tâm, nhất ý, nhất hướng", đây tức là chuyên tâm. Nhất tâm nhất ý, chỉ vì một sự việc, đó là "*trang nghiêm diệu độ*". Trong kệ hồi hướng có câu: "*Nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ*", cái gì là công đức? Sự hành trì tràn đầy trí huệ là công đức. Từng chút thiện tâm, thiện hạnh hồi hướng thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ba điều trên là cương lĩnh, tông chỉ của diệu hạnh Phổ Hiền, là cái nhân chân thật của Pháp Tạng Tỳ-kheo xây dựng thế giới Tây Phương Cực Lạc. Vấn đề này chúng ta không thể chỉ đọc lướt qua mà thôi. Đây là việc của A-di-đà Phật, hình như không liên quan đến chúng ta. Như vậy là sai rồi. Công việc của A-di-đà Phật quan hệ rất mật thiết với chúng ta, chính là công việc của chúng ta vậy.

"***Sở tu Phật quốc.***"
(Phật quốc tu được).

Đây là nói sự thành tựu của Ngài, phía trước là nhân, có nhân đương nhiên có quả, quốc độ trang nghiêm thanh tịnh.

"***Khai khuếch quảng đại, siêu thắng độc diệu.***"
(Bao la, rộng lớn, siêu thắng độc diệu).

"*Diệu*" ở chỗ nào? "*siêu*" ở chỗ nào? Người xưa quy nạp thành bảy điều "siêu thắng độc diệu".

Thứ nhất: Pháp thân, báo thân, ứng hóa thân của A-di-đà Phật (Phật có ba thân) đều ở một chỗ. Đây là "diệu". Ba ngàn năm trước Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện tại thế gian này, chúng ta thấy được ứng hóa thân của Thích-ca Mâu-ni Phật, còn báo thân, pháp thân của Phật thì chúng ta không thấy. Báo thân ở tại Thật Báo Trang Nghiêm Độ, pháp thân ở Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Thích-ca Mâu-

ni Phật cũng có bốn loại Tịnh Độ, bốn loại Tịnh Độ không ở một nơi. Bốn loại Tịnh Độ của A-di-đà Phật ở tại một nơi, là thế giới Tây Phương Cực Lạc, nó là viên dung. Cho nên một thân tức là ba thân, ba thân tức là một thân, điều này là diệu, là siêu thắng.

Thứ hai: Quang minh, thọ mạng của A-di-đà Phật vượt hơn tất cả chư Phật Như Lai, Vô Lượng Thọ đấy! Nếu có người hỏi bạn: "A-di-đà Phật tương lai cũng nhập Niết-bàn, Quán Thế Âm Bồ-tát tiếp đó thành Phật, A-di-đà Phật lúc nào nhập Niết-bàn?" Vẫn còn có vô lượng kiếp của vô lượng kiếp. Phía trước, trong nguyện văn, chúng ta đọc được, tất cả chúng sanh trong đại thiên thế giới giả sử thảy đều thành Duyên Giác, cùng nhau tính thọ mạng của Phật thì đều không tính ra được, thọ mạng của Phật rất dài! Phật A-di-đà thành Phật đến nay mới chỉ mười kiếp, tỉ như nói thọ mạng của Phật là một trăm tuổi thì hôm nay mới chỉ có mười ngày, ngày giờ phía sau còn rất dài! Thọ mạng của chúng ta dài được bao nhiêu? Nếu không chịu phát nguyện cầu sanh Tây Phương, muốn dựa vào chính mình tu pháp môn khác mà thành tựu, tôi đến thế giới Tây Phương thành Phật rồi, họ vẫn còn trong lục đạo luân hồi. Đây là đạo lý nhất định. Thọ mạng và tiếng tăm của Ngài vượt hơn tất cả chư Phật.

Thứ ba: Lợi ích của danh hiệu không thể nghĩ bàn. Ngài dùng phương pháp này để nhiếp thọ, tiếp dẫn tất cả chúng sanh. Cách này so với phương pháp mà tất cả chư Phật Như Lai dùng còn đơn giản hơn, dễ dàng, yên ổn và nhanh chóng hơn. Phương pháp độ chúng sanh của tất cả chư Phật không sánh bằng A-di-đà Phật.

Thứ tư: Phía trước đã nói qua: "*Năng linh Ngũ Thừa khế nhập quốc độ*" (khiến cho Ngũ Thừa cùng sanh đến cõi nước). Trên từ Đẳng Giác Bồ-tát, dưới đến chúng sanh trong địa ngục, khiến họ bình đẳng thành Phật, điều này ở thế giới phương khác không có.

Thứ năm: Đối với người Nhị Thừa, người nữ, người căn khuyết, rất không bình đẳng, có chướng ngại nặng nề, A-di-đà Phật có thể khiến họ mau chóng chuyển thành Nhất Thừa, giống như Thập Địa Bồ-tát, điều này ở thế giới phương khác không có.

Thứ sáu: Cách tu hành để được vãng sanh thì dễ dàng đơn giản, cũng tức là nói mọi người đều có thể tu, hễ bạn chịu tu thì không có người nào không vãng sanh.

Điều sau cùng: Quả báo sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc rất lớn! Thành Phật quả viên mãn cứu cánh. Quả báo này rất lớn, rất nhanh. Trong thời gian rất ngắn, chúng ta từ trong kinh điển mà tính thử kỹ lưỡng, nhiều nhất là hai kiếp, ba kiếp, bốn kiếp thì thành Phật rồi, không cần đến năm kiếp. Quá nhanh! Đây là bảy điều mà mười phương thế giới đều không có, trong tất cả kinh điển cũng không có. Cho nên nó đích thực là "*siêu thắng độc diệu*", không một thế giới của vị Phật nào có thể so sánh được.

"***Kiến lập thường nhiên***"
(Kiến lập vĩnh viễn).

"*Thường*" là thường nhiên vĩnh viễn không thay đổi, bất sanh bất diệt. Cổ Đức nói ít nhất là ba việc có thể hiển thị ra. Thứ nhất là *bản tánh thường* (pháp thân), đây là từ trên lý mà nói. Thứ hai là *bất đoạn thường*, đây là chỉ cho báo thân. Thứ ba là *tương tục thường*, là ứng hóa thân. Trong thế gian này của chúng ta ngoài bản tánh ra đều là vô thường. Thế giới Tây Phương mọi thứ đều là chân thường, đây là trong tâm tánh viên mãn của Di-đà hiện ra. Sự thành tựu của Pháp tánh diệu độ không phải là huyễn cảnh của pháp tướng hiển hiện ra như trong thế giới phương khác hư huyễn không thật. Thế giới này của chúng ta là hư huyễn không thật, các nhà khoa học nói rất hay: tất cả vạn vật của thế giới này đều là sự tổ hợp của nhóm nguyên tử, điện tử, lạp tử mà thành, duyên tụ thì hiện tướng, duyên tan thì tướng diệt. Duyên tụ, duyên tan tiếp nối vô thường là cái tướng thế đó. Trong Kinh Kim Cang nói "*nhất hợp tướng*". Thế gian này là nhất hợp tướng, "nhất" tức là chỉ có một thứ vật chất cơ bản tổ hợp mà thành, "hợp" là tác dụng, cùng với điều mà các nhà khoa học hiện nay phát hiện là hoàn toàn giống nhau. Điều mà Thế Tôn vào ba ngàn năm trước nói với chúng ta, các nhà khoa học hiện nay mới phát hiện, khoa học có sự giúp đỡ đối với Phật pháp không ít, chứng minh lời Phật nói một chút đều không sai, chúng ta không thể tưởng tượng nổi năng lực quan sát của Phật. Thế giới Cực Lạc "*kiến lập thường nhiên*", không phải vô thường như cõi nước chúng ta.

"***Vô suy, vô biến.***"
(Không hư hoại, không biến đổi).

Đây là quả báo của thế giới Tây Phương, nhất định không có suy thoái, không có biến hóa, vĩnh viễn là chân thường. Người ở thế giới Tây Phương là vô lượng thọ, chúng ta ngày nay nghe đến thọ mạng dài thì liên tưởng đến những gì? Là già, khổ. Có một số người sợ già khổ: "Tôi không cần trường thọ, sống đến sáu,

bảy mươi là được rồi, tuổi quá lớn thì quá khổ". Người của thế giới Tây Phương tuy là vô lượng thọ, bạn nhìn thấy họ, họ năm nào cũng đều là mười tám, ngày nào cũng đều là mười tám, không già, điều đó thật là vui, thật là tự tại. A-di-đà Phật vô lượng thọ, A-di-đà Phật không có mọc râu, vĩnh viễn trẻ trung, không thay đổi.

"***Ư vô lượng kiếp tích thực đức hạnh.***"
(Trong vô lượng kiếp vun trồng đức hạnh).

Đây là A-di-đà Phật sau khi thành Phật, nhất tâm nhất ý giúp đỡ tất cả chúng sanh mười phương viên thành Phật đạo. "*Tích thực đức hạnh*", theo giáo nghĩa của bổn Tông mà nói, tức là chỉ dạy mọi người nhất tâm chuyên niệm A-di-đà Phật, cầu nguyện vãng sanh Bất Thoái thành Phật, công đức này là công đức chân thật. Câu này là tổng thuyết, phía sau phải nêu ra vài cương lĩnh để chúng ta trong sinh hoạt có chỗ tuân thủ.

"***Bất khởi tham, sân, si, dục chư tưởng.***"
(Không khởi các tưởng tham, sân, si, dục).

Đây là Phật dạy chúng ta làm. Ngài làm như vậy và thành tựu như vậy, đều có thể buông xuống thế pháp và Phật pháp, thân tâm thanh tịnh. Câu này tức là định, tức là niệm Phật Tam-muội, "muội" là như như bất động, chúng ta phải học điều này. Trong đời sống hằng ngày, bất luận là đời sống vật chất hay đời sống tinh thần, chúng ta đều phải học tập, buông xuống các vọng tưởng tham sân si dục. Chúng ta rất muốn buông xuống nhưng không có biện pháp, nó vẫn cứ nổi dậy, đây là nghiệp chướng, là tập khí. Dùng phương pháp gì để đối trị? NIỆM PHẬT. Ý niệm vừa khởi dậy liền đem nó đổi thành "A-di-đà Phật", phải đổi cho nhanh, đổi trong mọi lúc mọi nơi, lâu dần thì công phu này đắc lực, đắc lực rồi thì sao? Câu "A-di-đà Phật" có sức mạnh, các vọng tưởng tham sân si dục dần dần được giảm thiểu, dần dần không còn nữa, đây là công phu niệm Phật đắc lực. Nếu người niệm Phật từ sáng đến tối vẫn còn các tưởng tham sân si dục thì rất tệ hại. Như vậy thì đời này rất khó vãng sanh, chỉ có thể kết duyên với A-di-đà Phật mà thôi, vẫn phải chờ đời sau kiếp sau làm lại. Tuy nhiên đời sau kiếp sau thì rất nguy hiểm, rất khổ sở. Nhất định phải hoàn thành trong đời này, biết những thứ này đều là nghiệp chướng, đều là không nên có. Nói một cách khác, đều là sỉ nhục, tại sao Phật không có? Tại sao Bồ-tát không có? Các Ngài có thể không có thì mình cũng có thể không có. Đoạn những thứ này quả là rất khó, phương pháp của Tịnh Tông rất hay, dùng một câu Phật hiệu này để thay thế nó.

"***Bất trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.***"
(Không bám vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

Đây là bảo chúng ta tuyệt đối không bị cảnh giới bên ngoài dụ hoặc.

"*Ngoại ly tướng, nội bất loạn*" (ngoài lìa tướng, trong không động). "*Ngoại ly tướng*", bạn có bản lĩnh này tức là chân thật huệ, đây là vốn liếng trong sự tu hành của chúng ta. Không có điều kiện này thì tu hành chỉ là nói trên đầu môi, không phải là thật, bạn làm thế nào để đạt được thọ dụng lợi ích chân thật của Phật Pháp đây? Trong Thiền Tông, "*nội bất loạn*" tức là định, "*ngoại ly tướng*" tức là thiền, hai câu này là tổng cương lĩnh của nhà Thiền. Tức là trong Kinh Kim Cang nói: "*Bất thủ ư tướng, như như bất động*". Câu "*Bất khởi tham sân si dục chư tướng*" tức là *như như bất động*. "*Bất trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*" tức là *bất thủ ư tướng*, hoàn toàn giống với chỗ nói trong Kinh Kim Cang.

"***Đãn nhạo ức niệm quá khứ chư Phật sở tu thiện căn.***"
(Chỉ thích nhớ nghĩ các căn lành mà chư Phật thuở quá khứ đã tu).

Chúng ta biết nghĩ, không thể không nghĩ, nếu cái gì cũng không nghĩ thì lại hỏng nữa, tại sao lại hỏng? Là rơi vào trong vô minh. Bạn xem phàm phu thật phiền phức, không phải vọng tưởng thì là vô minh, vọng tưởng và vô minh đều là nghiệp chướng, đều không ra khỏi tam giới. Phương pháp này dạy bạn nghĩ tưởng Phật, tưởng Phật không phải là vọng tưởng, cũng không rơi vào vô minh, cho nên phương pháp này rất hay. **Một câu danh hiệu này không chỉ là danh hiệu của Tây Phương Giáo Chủ mà còn là đức hiệu của chân như bản tánh của chúng ta, cho nên niệm câu Phật hiệu này lâu ngày thì có thể khai ngộ, có thể minh tâm kiến tánh.** Huống chi lại được sự gia trì của oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật, lợi ích rất nhiều, thật không nói hết được. Dạy chúng ta "*đãn nhạo*", "*nhạo*" là hoan hỉ, rất hoan hỉ niệm Phật. Tại sao không nói niệm A-di-đà Phật mà nói "*niệm chư Phật quá khứ*"? Phía trước, trong lời khải thỉnh của Tôn giả A-nan, chúng ta thấy được chư Phật ba đời, Phật Phật niệm lẫn nhau, tất cả chư Phật đều niệm A-di-đà Phật, cho nên chữ "chư Phật" này cũng có thể gọi là A-di-đà Phật. Cổ Đức giảng Kinh Di-đà nói chữ "chư Phật" nói trong Kinh A-di-đà tức là A-di-đà Phật. Cho nên điều này là có lai lịch.

"*Chư Phật sở tu thiện căn*", chỗ này dùng chữ chư Phật mà không dùng chữ A-di-đà Phật, ý nghĩa lại càng viên mãn, ý nghĩa lại càng rộng, tại sao thế? "Các căn lành mà chư Phật thuở quá khứ đã tu", Kinh này chính là tổng cương lĩnh trong sự tu hành của tất cả chư Phật Như Lai. Chúng ta ở trong bộ kinh này, nắm

vững toàn bộ rồi, hễ bạn tỉ mỉ lĩnh hội kỹ, bạn dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính để đọc tụng, để nghiên cứu thì bạn mỗi ngày có thể có những phát hiện mới. Sự phát hiện mới này trong Phật môn chúng ta gọi là chỗ ngộ, ngày ngày có chỗ ngộ. Người này sẽ sanh pháp hỉ, mỗi ngày sanh một chút ngộ, tích tiểu ngộ thì thành đại ngộ, tích đại ngộ thì thành đại triệt đại ngộ. Phải hết lòng để nỗ lực học tập, y theo cương lĩnh này mà làm.

"***Hành tịch tĩnh hạnh, viễn ly hư vọng. Y Chân Đế môn.***"
(Hành hạnh tịch tĩnh, xa lìa hư vọng, y Chân Đế môn).

Tổng cương lĩnh tu hành trong hành môn là giác, chánh, tịnh. Mỗi người đều biết, học Phật nhập môn trước hết phải thọ giới Tam Quy Y trước. Tam Quy Y là gì? Là truyền thọ cho bạn tổng cương lĩnh, phương hướng, nguyên tắc tu học của nhà Phật. Bạn từ nay về sau y theo tổng cương lĩnh này để tu học, đây là học trò của Phật. Tam Quy, quý vị đều biết: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Phật Pháp Tăng là gì? Hiểu Phật là tượng Phật, Pháp là kinh sách, Tăng là người xuất gia thì bạn hoàn toàn sai rồi. Bạn đã hoàn toàn chấp tướng, dựa vào văn tự mà giải nghĩa rồi. Phật đã từng nói "*y văn giải nghĩa tam thế Phật oan*" (y theo văn tự mà giải nghĩa thì oan cho ba đời chư Phật). Bạn đã hiểu sai ý của Phật. Năm xưa Đại Sư Huệ Năng truyền thọ Tam Quy Y Ngài không nói Phật, Pháp, Tăng. Có thể lúc bấy giờ có rất nhiều người chấp tướng hiểu lầm. Chúng ta từ trong Kinh Pháp Bảo Đàn thấy được, Ngài truyền thọ Tam Quy như thế này: **quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh**. Phật tức là giác, Pháp tức là chánh, Tăng tức là tịnh. "Giác chánh tịnh" là tự tánh Tam Bảo của chúng ta, là nơi quy y chân chánh của chúng ta, đây mới là hữu dụng.

Giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm. Thiền Tông là từ "giác" mà nhập môn, Giáo Hạ từ "chánh tri chánh kiến" nhập môn. Tịnh Tông chúng ta là từ "tâm thanh tịnh" mà nhập môn, "*hành tịch tĩnh hạnh*". Chúng ta trong sinh hoạt hằng ngày, khởi tâm động niệm, tất cả hành vi đều có thể làm, nhưng phải giữ được tâm thanh tịnh, vậy là tương ưng, là như pháp. Vậy nếu làm nhiễu loạn, phá hoại tâm thanh tịnh của chúng ta thì chúng ta nên xa lìa, chúng ta không làm, hoặc làm ít, nhất định không thể làm chướng ngại tâm thanh tịnh, đây gọi là chân tu hành. "*Viễn ly hư vọng*", sự việc hư vọng rất nhiều, bạn phải có trí huệ thì mới có thể phân biệt được. Ngày nay có Phật pháp giả, bạn nghe trong Kinh Lăng-nghiêm nói: "*Thời kỳ mạt pháp, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*", đó tức là hư vọng, bạn nên nhận biết rõ ràng, nên xa lìa.

"*Y Chân Đế môn*", "*đế*" là thật, chân thật, tức là không phải giả, không phải hư vọng. Trong bổn Tông, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là chân thật trong chân thật, là đáng quý nhất.

"***Thực chúng đức bổn.***"
(Trồng các gốc đức).

Đây là dạy chúng ta phải giống như Đức Di-đà, tu tất cả thiện. Thánh hiệu Di-đà đầy đủ vạn đức. Chúng ta niệm câu Phật hiệu này cần nên biết A-di-đà Phật phát tâm tu nhân chứng quả để phổ độ chúng sanh. Trong tâm chúng ta rõ ràng minh bạch, nhất tâm nhất ý noi theo A-di-đà Phật, học tập theo A-di-đà Phật, đây gọi là người niệm Phật chân chánh, miệng niệm tâm phải đi làm.

"***Bất kế chúng khổ.***"
(Không nề các khổ).

Chúng ta phải vì đại chúng khổ nạn mà làm một tấm gương. Phật dạy chúng ta đừng nên tu cái khổ hạnh không có lợi ích, không dùng được, khổ hạnh nhất định phải có lợi ích thì khổ hạnh này mới nên tu. Phật lại dạy chúng ta "*lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy*", tại sao vậy? Cuộc sống thường nên khổ một chút thì chúng ta mới không lưu luyến thế gian này, cuộc sống quá thoải mái, quá hưởng thụ thì thế giới này cũng không tệ, vẫn không muốn đi, có thể khiến chúng ta đọa lạc, tâm của chúng ta có thể thoái chuyển. Cuộc sống thanh bần khổ sở một chút là tốt.

Xưa kia vào đời nhà Đường, cư sĩ Bàng Uẩn là một Đại Đức vô cùng nổi tiếng trong Thiền Tông. Nhà ông vô cùng giàu có, ông đem gia nghiệp đổi thành tiền, đại khái bán hết tất cả nhà cửa, mua một chiếc ghe lớn, đem vàng bạc của cải tất cả chở trên ghe, chèo ghe đến giữa sông, đục một lỗ cho ghe chìm…, toàn bộ đều không cần. Có người hỏi ông: "Ông không cần số vàng bạc của cải này, vậy sao không đem nó làm chút việc thiện, cứu tế kẻ khác, không phải tốt hơn hay sao?" Ông ta nói một câu: "*Việc tốt không bằng vô sự*", rất có đạo lý. Về sau ông ở bên Đại Lục hằng ngày đan giày cỏ, mỗi đôi giày cỏ đại khái bán được hai xu, bán vài đôi thì đủ ăn. Ông sống cuộc sống thanh bần. Ông, vợ ông, cùng con gái đều đắc đạo, đều đã thành tựu "lấy khổ làm thầy". "Bất kế chúng khổ", cuộc sống thanh bần một chút là đúng, gặp lúc cần thiết nên nỗ lực giúp đỡ kẻ khác. Khi nãy đã nói với quý vị, đừng nên tu cách khổ hạnh vô ích. Trước kia tôi học Phật với thầy Lý, lúc bấy giờ thật là thanh bần cực khổ. Tôi học thầy Lý, ngày ăn một bữa giữa trưa, thầy rất tán thành, không phản đối. Tôi cũng học ngồi thiền,

học ngủ ngồi. Thầy phản đối, thầy nói: "Anh ngồi mà ngủ sao bằng nằm mà ngủ, thoải mái hơn", điều này có đạo lý. Rất nhiều người học ngủ ngồi, kỳ thật họ không phải ở trong thiền định mà họ đang ngủ gục, ngồi ngủ thì khó chịu biết mấy, làm sao thoải mái bằng nằm ngủ. Cho nên thầy không tán thành, có đạo lý. Vậy thì ngày ăn một bữa trưa - trì ngọ - có cần thiết hay không? Thật sự mà nói là xem nhu cầu của chính bạn, xem hoàn cảnh sinh hoạt của chính bạn, nếu không cần thiết thì đừng nên miễn cưỡng. Có người trì ngọ: ba bữa ăn thành một bữa, ăn một nồi lớn. Tôi thấy nhiều người trì ngọ, tôi hỏi họ: "Bạn có phải mắc bệnh đường ruột hay bao tử không?" Đều có cả. Bạn xem, không những không có ích mà còn mang đến một thân bệnh hoạn, đây là sai. Cho nên điều này không thể miễn cưỡng. Người ta trì ngọ một ngày ăn một bữa, một bữa ăn bình thường, tức là một bữa ăn với lượng cơm bình thường mà không phải đem ba bữa cơm gộp thành một bữa. Cái đó biến thành cách tu khổ hạnh vô ích, điều đó không cần thiết.

"***Thiểu dục tri túc.***"
(Ít muốn biết đủ).

Phải giảm thấp dục vọng xuống. Chúng ta học Phật rồi, hiểu rõ rồi, học Phật tức là người minh bạch, không mê hoặc. Cái thân thể này của chúng ta cần phải được nuôi dưỡng, ăn được no, đủ dinh dưỡng, mặc được ấm, có được một căn nhà nhỏ để che mưa nắng là đủ rồi, một đời này vui sướng biết bao! "Lão thật niệm Phật, tu thiện tích đức", bạn bảo vui sướng biết mấy.

Tôi ở Mỹ, thấy người ta ở nhà lớn, tôi cảm thán, thật là kẻ đáng thương! Ở nhà lớn sao lại là kẻ đáng thương? Phụng sự cho căn nhà, ngày ngày phải quét dọn sửa sang mất rất nhiều thời giờ, làm nô lệ cho cái nhà. Tôi nhìn tình hình này, "không phải người ở trong căn nhà mà là nhà ở người". Cho nên chỗ tôi ở càng nhỏ càng tốt, chỉ là một căn nhà thế đó, chỉ tốn vài phút quét dọn là sạch sẽ rồi, giản tiện. Ở nhà lớn thì khổ lắm! Đó là mê hoặc, điên đảo, không giác ngộ, họ mới làm nhà lớn như vậy, tự tìm lấy phiền phức. Cho nên phải "**tri túc**", phải "**thiểu dục**".

"***Chuyên cầu bạch pháp***"
(Chuyên cầu thiện pháp).

"*Bạch pháp*" là thiện pháp, nhất tâm nhất ý hướng thiện, hành thiện. Thiện đó nhất định là làm lợi ích cho chúng sanh, ban cho chúng sanh lợi ích chân thật.

"***Huệ lợi quần sanh.***"
(Ban bố lợi ích cho quần sanh).

"*Huệ*" tức là bố thí, ban cho kẻ khác lợi ích chân chánh.

"***Chí nguyện vô quyện, nhẫn lực thành tựu.***"
(Chí nguyện không mỏi, thành tựu các nhẫn).

Tích công lũy đức, hành thiện, vui với cái này không mỏi mệt, càng làm càng hoan hỉ, pháp hỉ sung mãn. "*Nhẫn lực thành tựu*", nói một cách đơn giản là công phu thành tựu, Tam-muội thành tựu. Trong Kinh Kim Cang nói: "*Nhất thiết pháp đắc thành ư nhẫn*" (hết thảy các pháp đều do Nhẫn mà thành tựu), người có thể nhẫn mới là người có sức mạnh. "Nhẫn" không chỉ là đối trị sân hận. Có nhẫn, người nhẫn lực thành tựu thì người này sẽ không nổi nóng, sẽ không có tâm sân hận, không những trị được sân hận mà còn có thể đoạn được tam độc, bởi vì bạn nhẫn được thì không tham rồi, nhẫn được thì không ngu si, chữ nhẫn này đối trị được rất nhiều thói xấu. "*Nhẫn lực thành tựu*", nhất định là "*thiểu dục tri túc*". Bạn xem, người ta ham muốn, không biết đủ, họ làm sao nhẫn được? Là việc không thể được. Cho nên phải "*thiểu dục tri túc, chuyên cầu bạch pháp, xả kỷ vị nhân*", làm lợi ích cho chúng sanh, quên mất chính mình, loại người này mới có thể đắc nhẫn.

"***Ư chư hữu tình.***"
(Đối với tất cả chúng sanh hữu tình).

"***Thường hoài từ nhẫn.***"
(Thường có lòng từ nhẫn).

"*Từ*" là từ ái, thương yêu bảo hộ tất cả chúng sanh hữu tình gọi là từ nhẫn. Chúng ta thương yêu bảo hộ có lý trí, không phải là tình cảm, dùng tình cảm là hỏng, là mê rồi. Thương yêu bảo hộ tất cả chúng sanh hữu tình, đối đãi với họ phải có tiết chế, đây tức là nhẫn, sự giúp đỡ đối với họ là vừa đúng mức thì họ mới có thể được lợi ích, đây là lý trí. Tôi trước đây nêu những ví dụ, chúng ta cúng dường người xuất gia vừa đúng mức, họ có thiếu thốn, chúng ta có thể làm cho họ không thiếu thốn là được rồi, không nên thái quá, thái quá thì sao? Họ sẽ sanh tâm tham, cho nên vừa đúng mức tức là nhẫn, không thể thái quá. Cúng dường vật chất thái quá thì họ hưởng thụ, hưởng thụ đến độ quên sạch cả thế giới Tây Phương, không muốn đi nữa. Cho nên trong "từ" phải có "nhẫn", đây là trí huệ chân chánh, là yêu thương chân thật.

"***Hòa nhan, ái ngữ.***"

(Vẻ mặt nhu hòa, lời nói dịu dàng).

Đây là thái độ bình thường tiếp xúc với mọi người. Sắc mặt phải nhu hòa, khiến người nhìn thấy vui mừng. "*Ái ngữ*", chữ "ái ngữ" này không phải lời ngọt ngào, nói lời ngọt ngào chẳng phải biến thành nịnh bợ rồi sao? "*Ái ngữ*" tức là thương yêu bảo hộ, tức là chỉ dạy "khuyến thiện sửa lỗi".

"***Khuyến dụ sách tấn***".

Khuyến khích động viên họ, khai đạo họ, cảnh tỉnh nhắc nhở họ, giúp đỡ họ tiến bộ.

Những lời này đều là nguyên tắc, đều là những điều chúng ta cần phải nghiêm túc học tập, như vậy mới là học Phật. Chúng ta học Phật, phải học giống như Phật, cho dù không thể giống hoàn toàn thì cũng có vài phần tương tợ, nếu hoàn toàn trái ngược thì không thể gọi là học Phật rồi.

"***Cung kính Tam Bảo, phụng sự sư trưởng, vô hữu hư ngụy siểm khúc chi tâm.***"

(Cung kính Tam Bảo, phụng sự sư trưởng, không giả dối nịnh hót).

Ba điều này là then chốt để có thể thành tựu sự cầu học của chúng ta. Nhà Phật thường nói "*sư tư đạo hợp*" (thầy trò đạo hợp). Ba điều này là "*sư tư đạo hợp*". "Sư" là lão sư, "tư" là học sinh, học sinh đối với thầy phải có tâm cung kính chân thành thì mới có thể được lợi ích. Nếu học sinh đối với thầy không có tâm cung kính, đối với thầy có ý nghi ngờ thì kẻ làm học sinh này…, tôi xin thành tâm thành ý khuyên họ nên rời khỏi vị thầy này, tại vì sao? Vì bạn theo vị thầy này không có lợi ích, thời giờ quý báu, tinh lực quý báu của bạn uổng phí rồi, thật quá đáng tiếc! Bạn phải theo vị thầy như thế nào? Trong tâm của bạn thật sự tôn kính vị thầy nào thì bạn theo họ sẽ có được thành tựu, tại vì sao? Vì bạn có thể tiếp thu lời của vị ấy, bạn có thể thật sự phụng hành, có thể làm được thì có lợi ích, không phải vì bởi đức hạnh hoặc sự tu dưỡng cao thấp của thầy. Là bởi nơi sự cung kính của học sinh đối với thầy, cho dù vị thầy ấy không có gì tài giỏi, nhưng bạn đối với họ rất cung kính, họ dạy bạn chánh pháp, bạn thật sự làm được thì tương lai bạn trội hơn thầy, cho nên gọi là "*thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam*" (màu xanh dương từ màu lam mà ra nhưng đẹp hơn màu lam). Thầy thật sự có học vấn, có đạo đức, bạn hoài nghi họ, bạn không tin họ thì bạn theo họ cũng không được gì cả, cho nên chúng ta muốn học thì phải tìm vị thầy như thế nào?

Tìm vị thầy mà mình sùng bái nhất, tôn kính nhất. Vậy thì được. Đây là bí quyết then chốt thành bại của kẻ làm học trò như chúng ta. Chúng ta đối với thầy, đối với Tam Bảo, đối với việc học Pháp, cầu học chân thành, có tâm thanh tịnh, tâm cung kính, lại cộng thêm tâm từ bi, vậy bạn nhất định có thành tựu.

"***Trang nghiêm chúng hạnh, quỹ phạm cụ túc.***"
(Trang nghiêm các hạnh, khuôn phép đầy đủ).

"Hạnh" là hành vi sinh hoạt hằng ngày. Tư tưởng, hành vi của chúng ta tràn đầy trí huệ, tràn đầy đức hạnh, đây là thực sự trang nghiêm, cái này không những là mô phạm trong nhóm bạn học mà cũng là gương mẫu đối với mọi người trong xã hội.

"***Quán pháp như hóa, Tam-muội thường tịch.***"
(Quán pháp như huyễn, tam-muội thường tịch).

Hai điều này là lý, là quan niệm của chúng ta, là nhận thức của chúng ta, cũng tức là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Chân tướng là gì? Trong Kinh Phật thường nói "*vạn pháp vô thường*", trong Kinh Kim Cang nói: "*Nhất thiết hữu vi pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán*" (tất cả pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương cũng như điện, nên như thế mà quán), lại nói: "*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*" (phàm hễ có tướng đều là hư vọng). Tất cả vạn pháp là huyễn hóa. Khoa học hiện nay rất tiến bộ, chứng minh được tất cả vạn pháp, tất cả những hiện tượng là nhất hợp tướng. Kinh Kim Cang chứng minh rằng "nhất hợp tướng" này là cách nói thô, không phải nói vi tế, phần vi tế kia hiện nay đã được chứng minh rồi. Trong Kinh Kim Cang nói "*phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*", cách nói này vi tế, so với nhất hợp tướng còn vi tế hơn, chân thật hơn. Khoa học đã chứng minh được. Hiện nay các nhà khoa học biết được căn bản là không có vật chất tồn tại. "Nhất hợp tướng" vẫn còn có vật chất, vẫn có tồn tại. Hiện nay phát hiện ra không có vật tồn tại. Vậy hiện tượng này làm sao sanh ra? Là do làn sóng động sanh ra. Điều này gần giống lời Phật nói. Phật pháp dạy "vạn tướng sở dĩ phát sanh là từ một niệm bất giác mà có vô minh". Vô minh tức là làn sóng động, "*vô minh bất giác sanh tam tế, lục giới vị duyên trưởng lục thô*" (vô minh bất giác sanh ra tam tế, lục giới do duyên tạo thành lục thô). Đây là nói rõ lai lịch, sự thành hình của vạn vật trong vũ trụ là do bất giác vô minh, điều này rất gần với làn sóng động mà các nhà khoa học nói. Chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này thì tâm sẽ rất thanh tịnh. "*Tam-muội thường tịch*". Ở trong bất cứ cảnh giới nào, tâm của bạn đều là định, tất cả

vạn cảnh ở bên cạnh bạn, bạn sẽ không trước tướng, cũng không thủ tướng, cũng sẽ không khởi tâm động niệm, sẽ không để ý. "Tâm thường tịch tịnh", đối với tất cả hiện tượng này, rõ ràng minh bạch, đó là huệ, "như như bất động" là định. Đây là cảnh giới của chư Phật Bồ-tát.

"***Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá.***"
(Khéo giữ khẩu nghiệp, không chê lỗi người).

Khẩu nghiệp thanh tịnh. Huệ Năng Đại Sư nói: "*Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá*" (người thật sự tu đạo không thấy lỗi thế gian), cùng ý nghĩa với câu kinh văn trên.

"***Thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi.***"
(Khéo giữ thân nghiệp, không mất luật nghi).

Nhất cử nhất động đều hợp với quy củ.

"***Thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm.***"
(Khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh không nhiễm).

Tâm địa thanh tịnh, không có ô nhiễm, nội không sanh phiền não, ngoại không trước các tướng (không dính mắc vào các tướng), đây là nguyên tắc căn bản nhất của sự tu hành, tam nghiệp thanh tịnh.

Phần dưới nêu ra vài thí dụ.

"***Sở hữu quốc thành, tụ lạc.***"
(Tất cả quốc thành, xóm làng).

"*Quốc thành*" ngày nay chúng ta gọi là đô thị, là hoàn cảnh cư trú lớn của chúng ta, "*tụ lạc*" là hoàn cảnh cư trú nhỏ của chúng ta.

"***Quyến thuộc trân bảo, đô vô sở trước.***"
(Quyến thuộc, trân bảo, đều không chấp trước).

Đều không chấp trước. Chúng ta sống trong thế gian này, tất cả đều tùy duyên, tùy cảnh ngộ mà an, vậy thì tự tại, thì vui vẻ. Không nhất thiết phải lựa chọn, so đo từng thứ một, vậy thì rất khổ não. Tất cả đều tùy duyên, hoàn cảnh tốt cũng rất tốt, hoàn cảnh xấu cũng rất tốt, đều tốt cả, như thế mới tự tại, không chấp trước. Sinh hoạt cá nhân như vậy là đúng.

"***Hằng dĩ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, lục độ chi hạnh, giáo hóa an lập chúng sanh.***"

(Luôn dùng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ sáu Ba-la-mật để giáo hóa an lập chúng sanh).

Chúng ta tự mình tu hành sáu đại cương lãnh này của Bồ-tát, cũng khuyên nhủ, dắt dẫn kẻ khác, nhất định chính mình phải làm gương mẫu. Tự mình không chịu bố thí mà đi khuyên người bố thí thì đó là giả, người ta sẽ không tin. Chúng ta tự mình đi làm, như vậy đạt được thọ dụng rất tốt, kẻ khác trông thấy rất hâm mộ, chúng ta khuyên nhủ họ, chỉ dạy cho họ, họ sẽ rất hoan hỉ tiếp thu, sẽ chịu học. Cho nên chúng ta phải dùng Bồ-tát hạnh (tức là sáu điều cương lãnh) và giúp đỡ kẻ khác như vậy là "*giáo hóa an lập chúng sanh*".

"***Trụ ư vô thượng chân chánh chi đạo.***"
(Trụ ở đạo vô thượng chân chánh).

"*Chân*" là không phải giả, "*chánh*" thì không phải tà, "*vô thượng chân chánh chi đạo*" là gì? Là thế giới Tây Phương Cực Lạc, nói cách khác, tức là lấy tín nguyện trì danh, vãng sanh Tịnh Độ để khuyên nhủ dẫn dắt tất cả mọi người, giúp đỡ họ trụ ở đạo vô thượng chân chánh.

"***Do thành như thị chư thiện căn cố, sở sanh chi xứ, vô lượng bảo tạng tự nhiên phát ứng.***"
(Do thành tựu các căn lành như vậy nên sanh đến chỗ nào tự nhiên cảm ứng có vô lượng kho báu).

Do tu "*chân thật diệu hạnh*", công đức chân thật, Ngài nhất định cảm ứng được quả báo thù thắng hiện tiền. Thế giới Tây Phương Cực Lạc làm sao mà có? Không phải A-di-đà Phật cầu được, mà do Ngài tu hành năm kiếp tích công lũy đức mà tự nhiên được cảm ứng. Bạn không có cái nhân chân thật thì làm sao có quả thù thắng? Có nhân chân thật mới có quả thù thắng, điều này nhất định không thể làm giả, nhất định không thể tự gạt. Quả báo chân thật vì nó có nhân duyên chân thật, nhân hư ngụy nhất định sẽ được quả không chân thật. Chúng ta nhìn xem danh văn lợi dưỡng của thế gian, những kẻ sang giàu, trong nháy mắt thì không còn nữa, giữ không nổi. Chúng ta thấy những người đại phú quý, đến tuổi xế chiều già yếu thì bán thân bất toại, mắc phải chứng lú lẫn rất nhiều, đây tức là hiển thị quả báo là hư giả, không phải là quả chân thật, vì sao? Là nhân hư giả, không chân thật, trong nhân nhất định có vấn đề.

Cho nên ở chỗ này nhân chân thật thì quả cũng chân thật. "*Sở sanh chi xứ, vô lượng bảo tạng tự nhiên phát ứng*", "*phát*" là phát minh, "*ứng*" là cảm ứng, tự nhiên mà đến. Phía dưới nêu ra một thí dụ rất rõ ràng:

"***Hoặc vi trưởng giả, cư sĩ.***"
(Hoặc làm trưởng giả, cư sĩ).

Chữ "*trưởng giả cư sĩ*" thời cổ Ấn Độ không phải là cách xưng hô tùy tiện, những bậc có đức hạnh, có học vấn, cũng có tuổi tác, cũng có tiền tài, có địa vị trong xã hội, được mọi người tôn kính mới được gọi là trưởng giả cư sĩ.

"***Hào tánh tôn quý.***"
(Dòng họ tôn quý).

Người Trung Quốc gọi là sanh trong gia đình đại phú (giàu có), "*tôn quý*" là trong xã hội có địa vị hiển hách.

"***Hoặc vi Sát-lợi quốc vương, chuyển luân Thánh đế.***"
(Hoặc làm Sát-lợi quốc vương, Chuyển Luân Thánh Vương).

Đây là nói về vua Chuyển Luân, ở đây chúng ta không cần giới thiệu kỹ, trong phần chú giải thông thường đều có những danh từ này.

"***Hoặc vi Lục Dục thiên chủ, nãi chí Phạm vương.***"
(Hoặc làm vua trời cõi Lục Dục cho đến Phạm vương).

Người có phước báo lớn, sinh lên trời làm Thiên Vương. Các tôn giáo khác thường gọi là Thượng Đế, đều là do tu hành trong nhà Phật tích công lũy đức mà cảm được quả báo thù thắng.

"***Ư chư Phật sở tôn trọng cúng dường vị tằng gián đoạn. Như thị công đức thuyết bất năng tận.***"
(Ở chỗ chư Phật, tôn trọng, cúng dường chưa từng gián đoạn. Những công đức như vậy chẳng thể kể hết).

Họ tuy là giàu có, tôn quý hoặc là quốc vương, thiên vương, họ vẫn tiếp tục hết lòng học Phật, hết lòng tu hành. Chúng ta từ các đế vương, đại thần các đời thấy được không ít, giống với lời nói trong kinh.

"***Thân khẩu thường xuất vô lượng diệu hương, do như Chiên-đàn, Ưu-bát-la hoa. Kỳ hương phổ huân vô lượng thế giới.***"

(Thân, miệng thường tỏa hương thơm như hương Chiên-đàn, hương thơm hoa sen. Hương thơm ấy xông khắp vô lượng thế giới).

Đây là tướng quý, người đó không những có tướng mạo trang nghiêm mà trên thân còn có mùi thơm. Người có nghiệp chướng sâu nặng thì mùi rất khó ngửi, điều này có thể nhận ra nghiệp chướng. Chúng tôi chưa từng gặp lão Hòa Thượng Hư Vân. Tôi ở Hồng Kông giảng kinh, nghe các đồng tu nói lão Hòa Thượng Hư Vân đã từng đến Hồng Kông, có người từng thân cận lão Hòa Thượng. Trên người lão Hòa Thượng có mùi thơm thanh khiết, ở rất xa có thể ngửi thấy. Lão Hòa Thượng một năm cạo đầu một lần, tắm một lần. Trên mình Ngài có mùi thanh hương, vì tâm của Ngài thanh tịnh. Chúng ta hằng ngày đều tắm, trên mình vẫn có mùi hôi khó ngửi, đây là nghiệp chướng sâu nặng. Lão Hòa Thượng Hư Vân cách chúng ta không lâu lắm, chúng ta có được chứng minh: tâm thanh tịnh thì trên người có mùi thanh hương. Hiện nay, người ta dùng đồ giả, đồ gì giả? Là nước hoa, đó là hư giả, không phải thật. Hòa Thượng Hư Vân đó là chân thật, không dùng nước hoa, thân khẩu thường xuất vô lượng diệu hương.

Chúng ta phải đề cao cảnh giác, chúng ta tu hành có công phu hay không? Công phu có đắc lực hay không? Tự mình không hay biết nhưng người tiếp xúc chúng ta thì biết. Xem trên thân chúng ta có mùi gì? Trong miệng chúng ta có mùi gì không? Người ta vừa mở miệng thì chúng ta biết rõ ngay. Chúng ta tự mình tu hành có tiến bộ hay không? Trước kia miệng chúng ta hôi thối, mở miệng nói chuyện rất khó ngửi. Hiện nay mùi này không còn nữa, vậy là có tiến bộ rồi. Nếu trong miệng có mùi thơm, vậy thì công đức này lớn, có cảm ứng lớn. Chúng ta thật sự hết lòng tu Lục Độ, hết lòng tu hạnh Phổ Hiền thì có cảm ứng này. Đây là thật sự không thể nghĩ bàn, là hương trang nghiêm.

"***Tùy sở sanh xứ, sắc tướng đoan nghiêm.***"
(Sanh ra chỗ nào sắc tướng cũng đoan nghiêm).

"*Đoan*" là đoan chính, "*nghiêm*" là trang nghiêm.

"***Tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, tất giai cụ túc.***"
(Ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp thảy đều đầy đủ).

Đây là quang sắc đều đạt đến cảnh giới thù thắng, cực trang nghiêm. Tất cả đều là do tu được, phải hết lòng nỗ lực làm, đừng hâm mộ kẻ khác. Tự mình phải hết lòng tu.

"***Thủ trung thường xuất vô tận chi bảo, trang nghiêm chi cụ, nhất thiết sở tu, tối thượng chi vật, lợi lạc hữu tình.***"

(Trong tay thường hiện ra vô tận các báu, vật dụng trang nghiêm, tất cả đồ cần dùng đẹp đẽ tối thượng để làm lợi lạc cho hữu tình).

Đoạn này là nói các bảo vật trang nghiêm, bạn mới có năng lực cứu độ tất cả chúng sanh khổ nạn. Họ thiếu thốn những gì, bạn đều có thể giúp đỡ họ, bạn đều có thể thỏa mãn họ, thành tựu cho họ…, có được thứ năng lực này. Năng lực này là do đức hạnh của chính mình cảm ứng mà hiện ra, đức lớn thì cảm ứng lớn, đức nhỏ thì cảm ứng nhỏ. Không sợ cảm ứng nhỏ, hễ hết lòng nỗ lực, tinh tấn không giải đãi, tích đức nhỏ thành đức lớn thì có thể giống như chư Phật Bồ-tát Tổ Sư Đại Đức, có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Câu chữ trong Kinh văn hàm chứa vô tận ý, chúng ta phải lĩnh hội kỹ càng.

"***Do thị nhân duyên, năng linh vô lượng chúng sanh giai phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.***"

(Do nhân duyên ấy, khiến vô lượng chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề)".

Đây là sự thành tựu của sự giáo hóa có thể khiến tất cả chúng sanh phát vô thượng đạo tâm, cũng tức là nói có thể phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. Chỉ có cầu sanh Tịnh Độ thì mới có thể chứng đắc viên mãn A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, là mục tiêu học Phật tối hậu của chúng ta, nếu dùng cách nói hiện nay tức là trí huệ cứu cánh viên mãn. Tận hư không khắp pháp giới, quá khứ hiện tại vị lai, không có gì là không biết, không có gì là không thể, câu này là ý nghĩa như vậy.

Từ phẩm thứ tư cho đến hết phẩm thứ tám là thuyết minh cho việc phát ra đại nguyện của Pháp Tạng Tỳ-kheo khi còn ở nhân địa cùng đại hạnh tu hành của Ngài. Phẩm sau đây là nhân tròn quả đầy, Thế Tôn giới thiệu sự thành tựu của Ngài.

VIÊN MÃN THÀNH TỰU ĐỆ CỬU
PHẨM THỨ CHÍN: THÀNH TỰU VIÊN MÃN

Xin quý vị chú ý cách xưng hiệu của Pháp Tạng, Ngài từ Tỳ-kheo lên đến Bồ-tát, sau cùng lên đến A-di-đà. Trong đoạn này chúng ta thấy rất rõ ràng, điều này rất thú vị. Cách tu hành chứng quả của Ngài là từng giai đoạn một.

"***Phật cáo A-nan: "Pháp Tạng Tỳ-kheo tu Bồ-tát hạnh, tích công lũy đức vô lượng vô biên".***

(Phật bảo Ngài A-nan: "Pháp Tạng Tỳ-kheo tu hạnh Bồ-tát, tích công lũy đức vô lượng vô biên").

Đây là Thích-ca Mâu-ni Phật tán thán Pháp Tạng, tán thán Ngài tu nhân được viên mãn.

"***Ư nhất thiết pháp nhi đắc tự tại, phi thị ngữ ngôn phân biệt, chi sở năng tri.***"

(Được tự tại trong tất cả pháp, không thể dùng lời diễn tả, phân biệt để biết được).

Đây là nói đến sự lợi ích và sự thọ dụng mà Ngài có được, kẻ khác không thể biết được, không thể nói ra được. Tôi lúc ban sơ tiếp xúc Phật pháp là do tiên sinh Phương Đông Mỹ của trường đại học Đài Loan giới thiệu. Ông nói với tôi: "Phật học là loại triết học tối cao trên thế giới". Lúc bấy giờ tôi đang theo ông học triết học, ông nói: "**Học Phật là sự hưởng thụ tối cao của đời người**". Tôi bị câu nói này của ông làm cho lay động, nó hay như vậy thì phải nên học Phật cho đàng hoàng. Quả thật không sai. Cho nên tôi vô cùng biết ơn thầy chỉ dạy cho tôi, cuộc đời tôi quả thật có được sự hưởng thụ tối cao.

"*Ư nhất thiết pháp nhi đắc tự tại*", vui sướng không gì sánh bằng, con đường thầy đã chỉ, nếu không có thầy thì chúng ta làm sao biết được. Điều này khi nãy vừa nói, đối với thầy thật sự tôn kính, thật sự bội phục. Thầy chỉ dạy cho chúng ta, chúng ta hết lòng nỗ lực làm thì mới có thể đạt được.

"***Sở phát thệ nguyện viên mãn thành tựu.***"

(Thệ nguyện đã phát đã thành tựu viên mãn).

Bốn mươi tám nguyện đều được thực hiện xong, không có nguyện nào không đạt mục tiêu.

"***Như thật an trụ***".

(An trụ chân như thật tướng).

Là y như những lời Ngài đã nói và mong muốn trong lời nguyện mà an trụ.

"***Cụ túc trang nghiêm, oai đức quảng đại, thanh tịnh Phật độ.***"

(Đầy đủ trang nghiêm, oai đức rộng lớn, cõi Phật thanh tịnh).

Mấy câu này hình dung sự thù thắng trang nghiêm của thế giới Tây Phương, đây là Thế Tôn tán thán Pháp Tạng "nhân tròn quả đầy".

"***A-nan văn Phật sở thuyết, bạch Thế Tôn ngôn: "Pháp Tạng Bồ-tát thành Bồ-đề giả".***

(Tôn giả A-nan nghe Đức Phật nói rồi, bạch Đức Thế Tôn rằng: "Pháp Tạng Bồ-tát chứng Bồ-đề").

Ở đây, Pháp Tạng thành Bồ-tát rồi, không phải là Tỳ-kheo, "*thành Bồ-đề*" là thành tựu viên mãn đại Bồ-đề.

"***Vi thị quá khứ Phật da? Vị lai Phật da? Vi kim hiện tại tha phương thế giới da?***"

(Là thành Phật trong quá khứ hay là Phật trong vị lai, hay là hiện đang ở thế giới phương khác?).

Pháp Tạng Bồ-tát thành Bồ-đề tức là đã thành Phật, Ngài là Phật quá khứ hay là Phật vị lai hay là Phật hiện tại? Phật hiện tại đương nhiên không phải là ở thế gian này của chúng ta, ở thế gian này của chúng ta là Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật, nhất định là ở thế giới phương khác. A-nan hỏi như vậy.

"Thế Tôn cáo ngôn: "Bỉ Phật Như Lai, lai vô sở lai, khứ vô sở khứ, vô sanh vô diệt, phi quá hiện vị lai".

Đức Thế Tôn nói: "Đức Phật Như Lai kia, đến không chỗ đến, đi không chỗ đi, không sanh không diệt, không có quá hiện vị lai").

Câu trả lời này của Thế Tôn nhất định không thể thiếu, đây là gì? Là từ căn bản, từ pháp chân thật mà trả lời. Trong pháp chân thật không có đến đi. "*Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ*" (Như Lai là không từ đâu đến cũng không đi đâu), đây là lời Phật nói trong Kinh Kim Cang, cùng với chỗ này là một nghĩa, Phật làm gì có đến đi, Phật không có sanh diệt, Phật không có quá khứ hiện tại vị lai. Bạn hỏi như vậy là sai rồi. Tuy nhiên quý vị phải ghi nhớ, Phật trong Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Viên Giác đều nói: "Tất cả chúng sanh vốn là Phật". Nói một cách khác, căn bản của chúng ta cùng chư Phật Như Lai là không hai không khác, bây giờ thành ra nông nỗi này, thật là đáng thương! Tại sao thành ra nông nỗi này? Phật cũng đã nói: "Chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc". Bạn không thể khôi phục lại bản lai diện mục bởi vì bạn có vọng tưởng, có chấp trước. Phật dùng một lời đã nói ra bệnh căn của chúng ta. Hễ chúng ta tẩy trừ hết vọng tưởng, chấp trước thì chúng ta sẽ khôi phục lại bổn lai diện mục, khôi phục

đến bất sanh bất diệt, bất lai bất khứ. Chúng ta vốn là như vậy. Ý nghĩa này rất sâu.

Trong Phật Pháp Đại Thừa có câu nói rất hay: "*Thập phương hư không bất ly đương xứ, tam thế cổ kim bất ly đương niệm*" (mười phương hư không không rời xa nơi này, ba đời cổ kim không rời xa niệm này). Bởi vì tận hư không khắp pháp giới "sum la vạn tượng" đều là do một vọng niệm, một làn sóng dao động biến hiện ra. "*Bất ly đương niệm, bất ly đương xứ*", nếu bạn không tin, ban đêm bạn nằm mộng, cảnh giới trong mộng không phải cũng rất trang nghiêm, rộng lớn đó sao? Nó có rời chiếc giường của bạn không? Một tấc một phân cũng không rời khỏi, "*bất ly đương xứ, bất ly đương niệm*". Hiện nay hư không pháp giới của chúng ta tức là chân như bản tánh của chúng ta đang ở trong giấc đại mộng, là sự việc như thế đó, nhất định phải biết chân tướng. Câu này đã nói rõ chân tướng, sau đó từ trên sự mà nói, trên sự tức là ứng hóa.

"***Đãn dĩ thù nguyện độ sanh.***"
(Chỉ vì thực hiện bổn nguyện độ sanh)".

Phật khi ấy phát bốn mươi tám lời nguyện, cũng đã thực hiện các nguyện rồi, không thể nói là trống không, lời trống không là vọng ngữ, Phật sao có thể là vọng ngữ? Đã phát nguyện xong thì phải thực hiện nguyện.

"***Hiện tại Tây Phương.***"
(Hiện ở Tây Phương).

"*Hiện*" là thị hiện, thị hiện tại Tây Phương. Câu nói này có hai nghĩa, cũng có nghĩa là hiện tại. Hiện tại, Ngài ở Tây Phương.

"***Khứ Diêm-phù-đề, bá thiên câu-chi na-do-tha Phật sát.***"
(Cách Diêm-phù-đề này mười vạn ức cõi Phật).

Trong Kinh Di-đà nói mười vạn ức cõi Phật, "bá thiên câu-chi na-do-tha" tức là mười vạn ức, cách thế giới Ta-bà này của chúng ta mười vạn ức cõi nước Phật.

"***Hữu thế giới danh viết Cực Lạc***".

Bên đó có một thế giới, thế giới ấy danh hiệu là Cực Lạc.

"***Pháp Tạng thành Phật***".

Bạn xem, Tỳ-kheo Bồ-tát thành Phật rồi, Pháp Tạng thành Phật rồi.

"***Hiệu A-di-đà, thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp.***"
(Hiệu là A-di-đà, thành Phật đến nay đã mười kiếp).

Chúng ta phải nên ghi chặt câu này vào lòng, thọ mạng của Phật vô lượng kiếp, hiện nay mới mười kiếp. Chúng ta bây giờ đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, quý vị nên biết, trong tương lai ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta đều là bậc có tư cách lão luyện, tại sao vậy? Vì Ngài thành Phật mười kiếp thì chúng ta đã đến. Cơ hội này tốt biết chừng nào, hiếm hoi biết mấy! Tương lai tại thế giới Tây Phương Cực Lạc làm vị Bồ-tát tư cách thâm hậu. Vậy hiện nay không muốn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, lại còn muốn tự học Pháp môn nào đó, tự mình thành tựu. Chúng ta biết người này đoạn không dứt phiền não, hoặc phá không hết vọng tưởng, nhất định vẫn còn luân hồi. Chúng ta đến thế giới Tây Phương sớm đã thành Phật rồi, họ vẫn còn ở trong lục đạo luân hồi, chúng ta có thể tưởng tượng đến điều này. Loại người như vậy tự cho là thông minh, tục ngữ thường nói "*thông minh phản bị thông minh ngộ*" (kẻ thông minh thường bị sự thông minh làm cho lầm lạc) đó mới thật là kẻ đáng thương! Cho nên nhất định không thể bỏ qua cơ hội, cơ hội không dễ gặp được.

"***Kim hiện tại thuyết pháp***".
(Nay thị hiện thuyết pháp).

A-di-đà Phật hiện tại đang ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, đang ở đó nói pháp. Chúng ta nếu muốn học Phật, nếu muốn nghe pháp, nghe một vị Pháp sư nào đó, Tổ Sư Đại Đức hay Bồ-tát nào đó nói pháp cũng không bằng nghe Phật nói pháp. Nghe tất cả chư Phật nói pháp không bằng nghe A-di-đà Phật nói pháp, A-di-đà Phật là "quang trung cực tôn, Phật trung chi vương".

"***Hữu vô lượng vô số Bồ-tát, Thanh Văn chi chúng cung kính vi nhiễu.***"
(Có vô lượng vô số chúng Bồ-tát, Thanh Văn cung kính vây quanh).

Những người này đều là những người từ mười phương thế giới vãng sanh trong mười kiếp này. Ở phần trước chúng ta đã đọc qua, chúng ta cũng hiểu rõ, những người sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc cho dù là hạ hạ phẩm vãng sanh cũng đều là A-duy-việt-trí Bồ-tát, bởi vì đây là bổn nguyện của Phật, đều là Bồ-tát viên chứng Tam Bất Thoái, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng vậy. Tại sao Thế Tôn ở đây còn giới thiệu có Thanh Văn? May thay, sau đây Thế Tôn vẫn còn thuyết minh bổ sung, chúng ta bây giờ chưa thấy phần kinh văn đó. Ở đây tôi cũng tiết lộ một chút tin tức với quý vị, nhất định không được hoài nghi. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là A-duy-việt-trí Bồ-tát, là không phải là chính

mình tu được, mà là sự gia trì của oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật. Tự mình là thân phận gì? Tự mình vẫn còn là người, trời, người Tiểu Thừa vãng sanh là Thanh Văn. Cho nên nói: "Thanh Văn nhân thiên đại chúng" là nói đến thân phận của chính chúng ta, không phải là nói sự gia trì của A-di-đà Phật. Nếu nói Di-đà gia trì thì mọi người đều như nhau, thế giới Tây Phương bình đẳng là vì sự gia trì.

Trong Cửu Phẩm của Quán Kinh nói: Phàm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm vãng sanh phải trải qua mười hai đại kiếp mới hoa nở thấy Phật, đó là nói thời gian và năng lực tu trì của chính chúng ta, không nói đến sự gia trì. Có sự gia trì thì đều như nhau, đều là A-duy-việt-trí Bồ-tát. Vậy thì hạ phẩm trung sanh thì sao? Là sáu kiếp, thời gian rút bớt hết một nửa, phẩm vị càng cao thì thời gian càng ngắn, sự thành tựu càng nhanh. Đây là nói ở bên đó tu hành, **là tự mình tu hành, không phải là Phật gia trì, Phật gia trì thì tất cả chúng ta đều như nhau**. Đến khi công phu tu hành của chúng ta đạt đến cảnh giới này thì Phật còn gia trì hay không? Phật vẫn cứ gia trì như vậy. Điều này thật sự không thể nghĩ bàn. Bởi vì trong lời nguyện của Di-đà không có nói: "Đến lúc con tu hành chứng đắc Bát Địa Bồ-tát rồi thì ta không gia trì cho con nữa". Vậy nhất định là vĩnh viễn gia trì, cho dù chúng ta ở nơi đó tương lai thành Phật rồi, A-di-đà Phật vẫn cứ gia trì cho chúng ta, đây là thật sự không thể nghĩ bàn. Cho nên phải rất lưu tâm quán sát phần kinh văn này để lĩnh hội ý nghĩa chân thật của Như Lai.

Trong kệ khai Kinh nói: "*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*", muôn ngàn xin chớ hiểu sai ý nghĩa của Phật! Hiện nay, người học Phật, nghe Kinh, đọc tụng rất nhiều nhưng thật sự lãnh hội được nghĩa chân thật của Như Lai thì không nhiều. Rất nhiều người nghe Kinh rồi giải sai nghĩa chân thật của Như Lai. Chúng ta phải tự mình để tâm cẩn thận, chớ nên hiểu sai, điều này vô cùng quan trọng, có thể tạo thành chướng ngại lớn đối với việc vãng sanh của chính mình. Cho nên phải để tâm để lĩnh hội, có nghi phải hỏi, "đoạn nghi" mới có thể "sanh tín". Chúng ta xem phẩm tiếp theo, phẩm này không dài nhưng ý nghĩa rất sâu.

GIAI NGUYỆN TÁC PHẬT ĐỆ THẬP
PHẨM THỨ MƯỜI: ĐỀU NGUYỆN LÀM PHẬT

"***Phật thuyết A-di-đà Phật vi Bồ-tát cầu đắc thị nguyện thời.***"

(Lúc Đức Phật nói Phật A-di-đà khi làm Bồ-tát cầu được nguyện này).

Phật đây là Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta. Người kết tập kinh ghi chép rằng lúc Phật giảng kinh đến đoạn này, trong nhóm Thánh chúng có một

số người có phản ứng. Thích-ca Mâu-ni Phật giới thiệu A-di-đà Phật khi còn là Bồ-tát cầu được nguyện này, tức là nói lúc ấy mọi người đang ngồi nghe kinh, từ lúc mở đầu cho đến hết phẩm thứ chín.

"***A-xà Vương tử, dữ ngũ bá đại trưởng giả.***"

(Vương tử A-xà-thế cùng với năm trăm trưởng giả).

Lúc ấy nhóm người của Vương tử A-xà-thế cũng tham gia pháp hội. Họ là một đoàn thể nhỏ, chí đồng đạo hợp, bình thường ở một nơi tu hành, hôm nay nghe Phật giảng Kinh Vô Lượng Thọ.

"***Văn chi giai đại hoan hỷ, các trì nhất kim hoa cái, câu đáo Phật tiền tác lễ. Dĩ hoa cái thướng Phật dĩ, khước tọa nhất diện thính kinh.***"

(Nghe được đều rất vui mừng, mỗi người cầm một lọng hoa bằng vàng đến trước Phật đảnh lễ. Dâng lọng hoa lên Phật xong, ngồi về một phía nghe kinh).

Sau khi nghe xong, hoan hỉ rồi cúng dường Phật, năm trăm người, mỗi người cầm một lọng hoa bằng vàng cúng dường Thích-ca Mâu-ni Phật. Sau khi cúng dường xong lại trở về chỗ ngồi để tiếp tục nghe kinh.

"***Tâm trung nguyện ngôn: "Linh ngã đẳng tác Phật thời, giai như A-di-đà Phật".***

(Họ đồng tâm nguyện rằng: "Khi chúng tôi thành Phật, đều như Đức Phật A-di-đà").

Trong tâm họ đều có ý niệm này, đều đang có vọng tưởng: "A-di-đà Phật cũng được - tốt lắm! Chúng ta tương lai phải làm Phật giống như A-di-đà Phật không khác". Họ khởi ý niệm này, niệm này khó có được. Hy vọng các đồng tu của chúng ta ngồi ở đây cũng có ý niệm này, đây gọi là không uổng công nghe, nhưng phải thế nào đây? **Không được học nhóm những người này**. Chúng ta xem phần Kinh văn tiếp theo.

"***Phật tức tri chi.***"

(Đức Phật biết tâm nguyện của họ).

Phật có tha tâm thông nên những người này động niệm thì Phật biết ngay.

"***Cáo chư Tỳ-kheo.***"

(Bảo các Tỳ-kheo rằng).

Nói với mọi người nghe kinh:

"***Thị vương tử đẳng.***"
(Các vương tử này).

Là nhóm Vương tử A-xà-thế cùng năm trăm trưởng giả, nhóm người này đời đời kiếp kiếp đều có nhân duyên với nhau.

"***Hậu đương tác Phật.***"
(Sau sẽ thành Phật).

Tức là thọ ký cho họ sau này sẽ thành Phật.

"***Bỉ ư tiền thế trụ Bồ-tát đạo, vô số kiếp lai, cúng dường tứ bá ức Phật.***"
(Họ, đời trước khi còn tu hạnh Bồ-tát, trải qua vô số kiếp đã cúng dường bốn trăm ức Đức Phật).

Một vị Phật ra đời phải mất ba đại a-tăng-kỳ kiếp, cúng dường bốn trăm ức Phật, bạn thử nghĩ thời gian này dài biết mấy, họ đã tu được bao lâu?

"***Ca-diếp Phật thời.***"
(Thời Phật Ca-diếp).

Ca-diếp Phật là vị Phật trước Thích-ca Mâu-ni Phật. Đại kiếp này gọi là Hiền kiếp, trong đại kiếp này có một ngàn vị Phật ra đời. Vị thứ nhất là Câu-lưu-tôn Phật, vị thứ hai là Câu-na-hàm Mâu-ni Phật, vị thứ ba là Ca-diếp Phật, Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta là vị thứ tư, Di-lặc Phật tương lai hạ sanh làm Phật là vị thứ năm. Lúc Ca-diếp Phật là vị Phật thứ ba trong Hiền kiếp thì Thích-ca Mâu-ni Phật là bổ xứ Bồ-tát, giống như Di-lặc Bồ-tát hiện nay.

"***Bỉ đẳng vi ngã đệ tử.***"
(Họ là đệ tử ta).

Vào lúc đó - thời kỳ Ca-diếp Phật - thì Thích-ca Mâu-ni Phật là Bồ-tát, họ là đệ tử của Bồ-tát, có duyên rất sâu với Phật.

"***Kim cúng dường ngã, phục tương trị dã.***"
(Nay đến cúng dường ta, lại gặp nhau).

Bây giờ ta là Phật rồi, họ lại đến nghe Kinh, lại làm đệ tử của ta, đến cúng dường, lại gặp nhau rồi, rất vui mừng.

"***Thời chư Tỳ-kheo văn Phật ngôn giả, mạc bất đại chi hoan hỷ.***"
(Các Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói đều rất vui mừng).

Thích-ca Mâu-ni Phật nói ra nhân duyên của đời quá khứ, như vậy mới biết được người học Phật không phải đơn giản, làm bạn đồng tham đạo hữu cũng không phải dễ dàng. Trong đời quá khứ không có duyên thì gặp mặt là chán ghét, không vui mừng, phải vậy không? Trong đời quá khứ có duyên thì gặp nhau mới hoan hỉ, mới làm bạn đạo đồng tham, không phải là việc dễ dàng, có duyên rất sâu. Chúng ta không có tha tâm thông, không biết được. Để đoạn kinh văn này vào chỗ này có dụng ý gì vậy? Dụng ý vô cùng thâm sâu.

Ý nghĩa thứ nhất: Trong quá khứ, đời đời kiếp kiếp tu hành và cúng dường bốn trăm ức Phật, phước báo này lớn biết bao. Nghe Phật giảng Kinh Vô Lượng Thọ, khởi niệm ta tương lai thành Phật giống như A-di-đà Phật, nhưng không phát tâm vãng sanh, không phát nguyện vãng sanh. Nay chúng ta nghe được Kinh này, có thể tin, có thể phát nguyện vãng sanh thì thiện căn phước đức nhân duyên của chúng ta vượt hơn họ. Nếu đời đời kiếp kiếp quá khứ của bạn tu hành cúng dường bốn trăm ức Phật giống như họ thì thiện căn phước đức nhân duyên của bạn vẫn chưa đủ. Trong kinh A-di-đà nói: "*Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*" (không thể dùng chút ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh nước kia), chữ "thiểu" này là tiêu chuẩn gì vậy? Chỗ này là tiêu chuẩn. Hôm nay, chúng ta nghe được bộ Kinh này, hoan hỉ phát nguyện muốn trong đời này vãng sanh thế giới Cực Lạc, chúng ta trong đời quá khứ cúng dường hơn bốn trăm ức chư Phật, vượt hơn bốn trăm ức. Bởi vì trong thời gian bốn trăm ức đó bạn vẫn không có ý niệm muốn vãng sanh, chỉ có ý niệm là ta tương lai thành Phật giống như A-di-đà Phật mà thôi thì bạn mới biết việc này khó rồi! Chúng ta ngày nay đem Pháp môn này khuyên người, bảo người ta tin, nếu người ta trong đời quá khứ không có thiện căn thì Phật cũng không giúp được. Chúng ta dựa vào cái gì để giúp họ? Thì bạn biết, người nghe thật sự hoan hỷ tín thọ phụng hành thì thiện căn của họ chín muồi rồi, thật sự không thể nghĩ bàn. Người này không phải là người phàm. Bộ kinh này có ý nghĩa sâu như vậy.

Ý nghĩa thứ hai: Tuy tương lai họ có thể thành Phật, họ không phát nguyện vãng sanh nên họ không được vãng sanh, vẫn tiếp tục tạo lục đạo luân hồi, vẫn phải thọ khổ não vô tận.

Ý nghĩa thứ ba: Thầy Lý nói: "Chúng ta hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng của sự thật này rồi, trong đời này bạn gặp được pháp môn này, nếu không phát tâm cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì bạn nếu không phải là ngu si thì cũng là cuồng vọng". Đầu óc của bạn không bình thường, nếu là người bình thường, thấy được chỗ này thì làm sao không cố gắng phấn đấu, làm sao không

nỗ lực? Chúng ta vừa phát tâm thì biết được thiện căn của chính mình chín muồi rồi. Chúng ta thấy một số người, nghe được pháp môn này rồi mà vẫn không chịu tiếp nhận, vẫn cứ dùng dằng do dự, hoặc là học các pháp môn khác thì biết được thiện căn của họ còn kém rất xa. Như năm trăm người này, trong đời quá khứ cúng dường bốn trăm ức Phật mà thiện căn vẫn chưa đủ. Tuy họ học Phật, chúng ta biết duyên của họ chưa chín muồi. Chúng ta đem pháp môn này giới thiệu cho họ thì được, trong lòng họ sanh tâm hoan hỉ, trồng chủng tử vào A-lại-da thức của họ. Chờ đến lúc họ luân hồi tiếp, sau khi luân hồi rồi lại luân hồi, thiện căn của họ phát hiện rồi thì từ từ tính tiếp. Đến lúc đó chúng ta ở thế giới Tây Phương, dù chưa thành Phật thì cũng là đại Bồ-tát rồi, nhìn thấy họ vẫn còn trôi lăn trong lục đạo, chờ đến khi nào họ chịu chấp nhận, cũng tức là lúc thiện căn phước đức nhân duyên của họ chín muồi rồi, chúng ta thừa nguyện trở lại, lại giúp đỡ họ, lại đi độ họ, như vậy là đúng.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 14

QUỐC GIỚI NGHIÊM TỊNH ĐỆ THẬP NHẤT
PHẨM MƯỜI MỘT: CÕI NƯỚC NGHIÊM TỊNH

Từ chỗ này trở đi, Thế Tôn giới thiệu trạng huống của thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng tức là các thứ trang nghiêm. Phẩm này là nói về quốc độ thanh tịnh, trang nghiêm, cũng tức là nguyện thứ nhất: trong nước không có ác đạo, nguyện thứ ba mươi chín: trang nghiêm vô tận. Do đây có thể biết, Thế Tôn giảng bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, trên thực tế tức là giới thiệu cho chúng ta bổn nguyện của A-di-đà Phật một cách rộng rãi mà thôi. Bốn mươi tám nguyện đích thực là trung tâm, là tổng cương lĩnh của Tịnh Tông. Xin xem phần kinh văn:

"***Phật cáo A-nan: "Bỉ Cực Lạc giới vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm. Vĩnh vô chúng khổ, chư nạn, ác thú, ma não chi danh.""***

(Đức Phật bảo Ngài A-nan: Cõi Cực Lạc kia có vô lượng công đức, đầy đủ trang nghiêm, vĩnh viễn không có các danh từ khổ, nạn, ác đạo, ma não).

Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có ác đạo. Ác đạo là quả. Nước đó vì sao không có ác đạo? Vì không có người tạo nghiệp tam ác đạo, không có người tạo nhân thì đương nhiên không thể có quả báo này. Từ chỗ này chúng ta có thể lĩnh hội được sự trang nghiêm chân thật của nó. Hai câu này là nói thế giới Cực Lạc có vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm, hai câu này là tổng cương lĩnh. Trang nghiêm như thế nào? Phần sau vẫn là nói sơ lược, nếu nói kỹ thì nói không hết, không những là người thường chúng ta nói không hết mà ngay cả chư Phật cũng nói không hết. Vừa mở đầu, Phật giới thiệu vài nét về thế giới Cực Lạc không có các khổ. Ở trong kinh Thế Tôn thường nói rõ thế giới này của chúng ta rất khổ, việc khổ rất nhiều nói không hết. Phật thuyết pháp thường dùng phương pháp quy nạp, đem cái khổ vô lượng của chúng ta quy nạp thành ba loại lớn, tám loại lớn: Tam khổ, bát khổ (tam khổ là nói phạm vi lớn, bát khổ là nói phạm vi nhỏ).

Tam khổ là nói tam giới: Dục Giới khổ, Sắc Giới khổ, Vô Sắc Giới khổ, ba giới cùng khổ. Trong Kinh Pháp Hoa có một tỉ dụ: Tam giới giống như một căn nhà lớn, trong căn nhà lớn này lửa đã bốc cháy, tuy vẫn chưa cháy đến, nhưng nhất định sẽ cháy đến.

Còn bát khổ thì sao? Đây là chuyên nói về Dục giới, cũng tức là nơi chúng ta hiện đang thọ nhận. Tám thứ khổ gì? Chúng ta không thể nói kỹ, chỉ có thể giới

thiệu danh mục mà thôi. Đầu tiên là bốn thứ Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Chúng sanh của Dục giới, bất cứ người nào đều không có biện pháp tránh được bốn thứ khổ này. Ngoài ra còn những thứ ngoài thân, cũng tức là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta: Cầu Bất Đắc Khổ, chúng ta đều có dục vọng, có người dục vọng rất lớn, có người dục vọng rất nhỏ, bất kể dục vọng lớn nhỏ, cầu không được mãn nguyện thì rất khổ não. Loại thứ sáu gọi là Ái Biệt Ly Khổ, bạn thường không được đoàn tụ với người mà bạn ưa thích, đây là việc khổ. Bạn cũng không thể thường trú, không thể hưởng thụ nơi hoàn cảnh mà bạn ưa thích, cũng là khổ. Loại thứ bảy gọi là Oán Tắng Hội Khổ (oan gia đối đầu), không thích sống chung một nơi mà vẫn phải gặp mặt nhau, vẫn không thể xa lìa, đây là khổ. Hoàn cảnh không ưa thích mà không có biện pháp thoát ly, đều thuộc về Oán Tắng Hội Khổ. Điều sau cùng là Ngũ Ấm Xí Thạnh Khổ, điều này so ra khó hiểu hơn, nói một cách cạn cợt, tức là vọng tưởng phiền não ở trong tâm rất nhiều. Phật nói pháp đều không rời khỏi nhân quả, *bảy thứ khổ phía trước là quả báo, còn điều này là nhân khổ***.** Tại sao chúng ta có nhiều cái khổ như vậy? Vì vọng tưởng phiền não của chúng ta rất nhiều, cho thấy gốc bệnh đều không rời khỏi vọng tưởng chấp trước. Ở thế giới Tây Phương không có các thứ khổ này, tại sao không có? Vì chúng ta sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là liên hoa hóa sanh, không phải cái thân do cha mẹ sanh, cho nên không có bát khổ. Thế giới Tây Phương là nhất chân pháp giới, không những không có lục đạo mà thập pháp giới cũng không có. Vậy thì làm sao có tam khổ? Tam khổ, bát khổ, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không những không có sự việc này mà cái tên cũng không nghe nói đến.

"*Vĩnh vô chúng khổ, chư nạn*", chữ "*nạn*" này là tai nạn, thiên tai, nhân họa. Đây là những thứ mà thế gian của chúng ta vô phương tránh khỏi. Hiện nay công cụ truyền thông phát triển, hầu như chúng ta mỗi ngày đều nghe thấy có rất nhiều tai nạn xảy ra, như là động đất, tại vùng duyên hải Đông Nam Á có gió bão…, những thứ này đều thuộc về thiên tai. Còn nhân họa? Lớn là chiến tranh, còn tai nạn nhỏ thì rất nhiều, thường thấy nhất là tai nạn xe cộ, đều thuộc về một trong các thứ tai nạn.

"*Ác thú*", là ác đạo, chúng ta mỗi ngày khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác là tham sân si, sát, đạo, dâm, vọng thì có quả báo của tam đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cái này gọi là ác thú.

"*Ma não chi danh*", trong Kinh Bát Đại Nhân Giác nói đến bốn thứ ma: Ngũ Ấm Ma, Phiền Não Ma, Thiên Ma, Tử Ma. Ma có nghĩa là dày vò, khiến cho thân

tâm chúng ta khó chịu đựng. Thời xưa chữ "ma (魔)" này phần dưới không phải là chữ "quỷ" (鬼), mà là chữ "thạch" (石: nghĩa là hòn đá), là chữ ma trong từ chiết ma (折磨: dày vò). Sau vua Lương Võ Đế bỏ chữ "thạch" đi, đổi thành chữ "quỷ". Vua Lương Võ Đế nói: "Sự dày vò này rất khó chịu, giống như việc gặp ma quỷ", cho nên đem chữ "thạch" đổi thành chữ "quỷ". Từ đó về sau trong kinh điển mới có chữ này. Ma đến não hại, trong Kinh Lăng-nghiêm giảng càng tường tận hơn, giảng đến năm mươi thứ ấm ma. Ở thế giới Tây Phương, cái tên của những việc ác này còn không có thì làm gì có sự việc này! Cho thấy thế giới Tây Phương là vui, không có khổ.

"***Diệc vô tứ thời, hàn, thử, vũ, minh chi dị.***"
(Cũng không có bốn mùa, nóng, lạnh, mưa, tối).

Đây là nói rõ nơi ấy có thời tiết tốt. Thế gian chúng ta có bốn mùa, khí hậu thay đổi rất lớn, khí không hòa, tượng cũng không tốt. Ngày nay chúng ta gọi là khí tượng, khí tượng đều không hòa. Singapore này cách xích đạo chỉ có một độ, trong bốn mùa chỉ có một mùa. Singapore chỉ có mùa hè, tuy nhiên thỉnh thoảng trời mưa thì cũng trở thành mùa xuân, mùa thu, vậy là vẫn có thay đổi. Không giống như thế giới Tây Phương vĩnh viễn là hòa mục, nơi đó không có sự thay đổi của khí hậu, vì vậy tất cả vạn vật đều là thường trụ bất biến. Thế gian này của chúng ta có rất nhiều vật chất theo khí hậu mà sanh ra biến hóa, biến dịch, còn nơi đó thì không có.

"***Phục vô đại tiểu giang, hải.***"
(Không có sông, biển lớn nhỏ).

Địa phương này của chúng ta có sông ngòi, có sông lớn, có biển cả, sóng to cuộn trào. Thời xưa đi biển đều là dùng thuyền buồm, thuyền không lớn, sự nguy hiểm rất cao, trên biển cả gặp sóng lớn, gặp phải bão tố thì thuyền bị chìm, cho nên có nhiều tai nạn. Hiện nay có thuyền lớn, so ra an toàn hơn một chút.

"***Khâu lăng, khanh khảm.***"
(Gò đống, hầm hố).

Đất không bằng phẳng, đi bộ rất khó khăn.

"***Kinh kỷ, sa, lịch.***"
(Gai góc, cát, sỏi).

Đất không bằng phẳng đã khó đi rồi, còn có thêm nhiều chướng ngại. Vật chướng ngại này là "*kinh kỷ*", là loại thực vật có gai, chúng ta không lưu ý thì bị nó chích bị thương. Trong phạm vi lớn thì có núi "Thiết Vi", núi "Tu-di" cùng những núi non đất đá trên địa cầu chúng ta, đủ các thứ chướng ngại vật không bằng phẳng, cư ngụ nơi hoàn cảnh này không phải là lý tưởng. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không có những thứ này, nơi đó là:

"***Duy dĩ tự nhiên thất bảo.***"
(Chỉ là tự nhiên bằng bảy báu).

Điều này thì không thể nghĩ bàn. "*Thất*" là nghĩa biểu pháp, không phải là con số, chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng. Nếu bạn cho là thế giới Tây Phương chỉ có bảy thứ báu thì là quá ít, vậy thế giới đó không thể xưng là Cực Lạc được, trân bảo là vô lượng vô biên, "thất" là đại biểu cho viên mãn. Chúng ta thường nói bốn phương, trên, dưới, chính giữa, đây là viên mãn, là đại biểu cho nghĩa này, tất cả đầy đủ. Thế giới Tây Phương thảy đều có đầy đủ trân bảo của mười phương thế giới chư Phật, một thứ cũng không thiếu, chữ "*thất*" là đại biểu cho ý nghĩa này, đều là trân bảo thành tựu.

"***Hoàng kim vi địa.***"
(Vàng ròng làm đất).

Phía trước đã nói với quý vị rồi, thế giới Tây Phương lấy vàng để lót đường.

"***Khoan quảng bình chánh.***"
(Rộng rãi bằng phẳng).

Đường lộ thì rộng. "*Bình*" là bằng phẳng, *"chánh"* tức là chánh trực, rất ít có đường cong quẹo, đều là đường thẳng. Trong Kinh Đại Thừa thường nói: "*Cảnh do tâm sanh*", tâm thanh tịnh thì thế giới thanh tịnh. Mỗi người vãng sanh đến thế giới Tây Phương đều là tu tịnh nghiệp, nói cách khác, đều là tu tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì thân khẩu tự nhiên không tạo ác nghiệp, thì tam nghiệp thanh tịnh. Mỗi người được vãng sanh đều tu tịnh nghiệp, cảnh giới này do nguyện lực của Di-đà cùng cộng nghiệp thanh tịnh của mọi người mà thành tựu nên thế giới này.

"***Bất khả hạn cực. Vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm.***"
(Không có hạn lượng. Kỳ diệu tú lệ, thanh tịnh trang nghiêm).

"*Vi diệu*" là nói cái thể của nó, nhất định không giống với mười phương thế giới chư Phật. Như thế giới chúng ta đây, tất cả vạn vật, giống như phía trước đã nói, đất đai, cát sỏi, vật chất đều vô cùng thô, vả lại đều là vô thường. "*Kỳ lệ*", cũng tức là chúng ta thường nói, rực rỡ xán lạn, đẹp không thể tả.

"***Siêu du thập phương nhất thiết thế giới.***"

(Thù thắng hơn tất cả thế giới khắp mười phương).

Mười phương tất cả thế giới chư Phật đều không thể so sánh với thế giới Cực Lạc được. Đây là Thế Tôn đơn giản nói ra sự trang nghiêm đẹp đẽ của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ngài hướng về A-nan nói (A-nan là đại biểu cho chúng ta, tức là hướng về mọi người chúng ta mà giới thiệu).

"***A-nan văn dĩ.***"

(Tôn giả A-nan nghe nói xong).

"***Bạch Thế Tôn ngôn: "Nhược bỉ quốc độ vô Tu-di sơn, kỳ Tứ Thiên vương thiên, cập Đao-lợi thiên y hà nhi trụ?"***"

(Bạch Đức Thế Tôn rằng: "Nếu cõi đó không có núi Tu-di thì trời Tứ Thiên Vương và trời Đao-lợi nương tựa vào đâu?").

A-nan hoàn toàn đại biểu cho cảnh giới phàm phu của chúng ta, thảy đều không xả bỏ vọng tưởng chấp trước, khi vừa nghe lời này thì liền khởi vọng tưởng chấp trước. Tất cả thế giới của chư Phật đều có mười pháp giới, đều có lục đạo, sự thành hình của thế giới, đều có tiểu thế giới, tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới, đại thiên thế giới, hầu như tất cả thế giới của chư Phật đều là hình thức này. A-nan không biết được thế giới Tây Phương là thế giới đặc biệt, không có những thứ này nên mới khởi vọng tưởng. Vậy Thế Tôn thì sao? Thế Tôn nói pháp vô cùng tuyệt diệu, không nói với A-nan thế giới Tây Phương là nhất chân pháp giới, không có thập pháp giới, không có lục đạo, Ngài không nói như vậy, cách nói pháp này mang đến cho chúng ta sự khải thị rất lớn.

"***Phật cáo A-nan: "Dạ-ma, Đâu-suất, nãi chí Sắc, Vô Sắc giới, nhất thiết chư thiên y hà nhi trụ?"***"

(Phật bảo A-nan: "Trời Dạ-ma, trời Đâu-suất cho đến chư thiên cõi Sắc và Vô Sắc nương vào đâu?").

Phật hỏi ngược lại Tôn giả A-nan, trời Tứ Thiên Vương, trời Đao-lợi ở trên mặt đất (gọi là Địa Cư Thiên), nhưng từ trời Dạ-ma trở lên cùng với trời Sắc Giới, trời Vô Sắc Giới là Không Cư Thiên (không ở trên mặt đất). Chúng ta rất khó

tưởng tượng Không Cư Thiên, nếu chúng ta nghĩ rằng: Người xưa nói đến người trời có thể là người của tinh cầu ngoài không gian đến nơi đây của chúng ta (họ là từ trên trời đến). Trong Phật Pháp thì họ vẫn là người, vì sao? Vì hễ là tinh cầu thì nó có đất, nó vẫn là địa cư, nó không phải ở trong không trung, bất cứ chúng sanh cư trú trong tinh cầu nào đều là địa cư vì nó có đất đai. Cho nên chữ "địa cư" không phải chuyên chỉ địa cầu của chúng ta, ngoài địa cầu đều là trên trời, không phải vậy, hễ có đất đai thì tinh cầu đều là địa cư thiên. Chữ "không cư" này thì rất khó tưởng tượng nổi, kỳ thật hiện nay khoa học có thể giúp chúng ta giải thích hiện tượng này trong kinh Phật. Hiện nay các nhà khoa học nói không gian này có số chiều vô hạn. Thế gian này của chúng ta có không gian ba chiều, không gian bốn chiều, nếu nâng lên đến năm chiều, sáu chiều, bảy chiều, đến vô hạn chiều thì cảnh giới ấy không thể nghĩ bàn. Điều này có thể giúp kinh Phật làm chú giải về các cảnh giới không giống nhau.

"***A-nan bạch ngôn: "Bất khả tư nghị nghiệp lực sở trí".***"
(A-nan bạch rằng: "Nương vào nghiệp lực không thể nghĩ bàn").

A-nan đáp rất hay! Do nghiệp lực không thể nghĩ bàn đưa đến, A-nan thuộc hạng thông minh, trả lời không sai, Ngài lĩnh hội được chỗ này.

"***Phật ngữ A-nan: "Bất tư nghì nghiệp, nhữ khả tri da?"***"
(Đức Phật bảo A-nan: "Bất tư nghì nghiệp ông có thể biết chăng?").

Trong đây quan trọng nhất tức là vì chúng ta mà nói những lời này. Bất tư nghì nghiệp ông có biết không?

"***Nhữ thân quả báo, bất khả tư nghì.***"
(Quả báo thân ông không thể nghĩ bàn).

Thân thể hiện nay của chúng ta, quả báo của chúng ta không thể nghĩ bàn, đây là thật, không phải giả.

"***Chúng sanh nghiệp báo, diệc bất khả tư nghì.***"
(Nghiệp báo chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn).

Chúng ta thấy được nghiệp báo của tất cả hữu tình chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn, thiện căn của chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn.

"***Chư Phật thánh lực, chư Phật thế giới, diệc bất khả tư nghì.***"
(Thánh lực chư Phật, thế giới chư Phật cũng không thể nghĩ bàn).

Nói tóm lại là nghiệp lực không thể nghĩ bàn. Nếu chúng ta bình thường có thể lĩnh hội được cảnh giới ấy, cảnh giới không thể nghĩ bàn, cảnh giới trong mộng, thử hỏi cảnh giới trong mộng của chúng ta là trụ trong hư không hay là trụ trên mặt đất? Mỗi người đều nằm mộng, trong mộng có cảnh giới, thử hỏi khi bạn nằm mộng, bạn là trụ trên địa cầu hay là trụ trong hư không? Trong định cũng có cảnh giới, niệm Phật hoặc là tham thiền, khi ngồi thiền nhập định, trong định có cảnh giới. Cảnh giới trong định này, rốt cuộc là ở trên mặt đất hay là ở trên hư không? Thật sự mà nói, thời gian, không gian ấy đã khác nhau, đã chuyển đến một thời gian, không gian khác rồi, đây tức là chỗ này nói "*bất tư nghì nghiệp lực*".

Thiện căn của chúng sanh như trong đoạn kinh văn nói phía trước, Vương tử A-xà-thế cùng năm trăm vị trưởng giả trong đời quá khứ vô lượng kiếp đến nay đều học Phật, cúng dường chư Phật Như Lai, đây là "nghiệp lực bất tư nghì". Chúng ta ngày nay có duyên gặp được pháp môn thù thắng thế này có lẽ nghiệp lực của chúng ta cùng họ không khác biệt nhiều. Không phải nghiệp lực như vậy thì bạn không gặp được pháp môn này. Bạn có thể gặp được pháp môn này thì có thể nói thiện căn trong đời quá khứ của bạn so với Vương tử A-xà-thế không khác biệt bao nhiêu. Nếu thiện căn của bạn so với ông nhiều hơn một chút thì tình hình khác hẳn. Bạn nghe xong rất ưa thích lại còn phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, điều này chứng minh thiện căn trong đời quá khứ của bạn vượt hơn Vương tử A-xà-thế cùng năm trăm vị trưởng giả. Trong đời này bạn nhất định thành tựu.

"*Chư Phật thánh lực*", ở chỗ này đặc biệt chỉ cho oai thần bổn nguyện của đức Di-đà gia trì, người niệm Phật chúng ta lúc lâm chung Phật đến tiếp dẫn, điều này không thể nghĩ bàn. Thế giới của chư Phật, đặc biệt là thế giới Cực Lạc, Hoa Tạng thế giới của Tỳ-lô-giá-na Phật, báo độ của chư Phật, "thật báo trang nghiêm độ", cùng với "thường tịch quang tịnh độ" thật là không thể nghĩ bàn.

"***Kỳ quốc chúng sanh, công đức thiện lực, trụ hạnh nghiệp địa, cập Phật thần lực, cố năng nhĩ nhĩ.***"

(Thiện lực, công đức của chúng sanh cõi Cực Lạc, do an trụ vào hạnh nghiệp địa và thần lực của Phật A-di-đà nên mới được như thế đó).

Đến chỗ này Phật mới trả lời Tôn giả A-nan. "*Trụ hạnh nghiệp địa*", thấy Phật thì được bình đẳng thân nghiệp, theo Tịnh Tông mà nói, việc này rất khó được. Khi bạn sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi, nghe tên thì được bình đẳng khẩu nghiệp, điều này không sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng có

được. Còn việc thấy Phật thì nhất định phải đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, thân tướng của mọi người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là bình đẳng, còn nghe tên thì sao? Chúng ta ở trong nhân địa là được rồi, chúng ta nghe được "Nam-mô A-di-đà Phật", La-hán, chư Bồ-tát nghe được cũng là "Nam-mô A-di-đà Phật", là bình đẳng khẩu nghiệp. Gặp được Phật quang, hiểu rõ Phật Pháp là được bình đẳng ý nghiệp.

Đây tức là vào nhà Như Lai, trụ ở hạnh nghiệp Di-đà, "*trụ hạnh nghiệp địa, cập Phật thần lực*", oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật biến hiện ra cảnh giới này, chúng sanh bình đẳng nghiệp lực, cho nên nó là tự nhiên. Chúng ta thường nói "*pháp nhĩ như thị*", tự nhiên hiện ra quốc độ quảng đại nghiêm tịnh này, có cái nhân như vậy thì tất có cái quả như vậy, chỉ là nhân duyên quả báo.

"***A-nan bạch ngôn: "Nghiệp nhân quả báo bất khả tư nghì"***".
(A-nan thưa rằng: "Nghiệp nhân quả báo thật không thể nghĩ bàn.")

Đây là câu tán thán của A-nan. Trong kinh có nói "bất tư nghì nghiệp lực", cho dù rất xa nhưng nhất định vẫn có sự ràng buộc. Khi quả báo chín muồi thì nhất định không thể tránh khỏi, đây là chân tướng sự thật. Nếu chúng ta hiểu rõ thì chúng ta khởi tâm động niệm, tất cả tạo tác, không thể không cẩn thận, chư vị đồng tu nhất định phải ghi nhớ! Phật không phải là một quốc vương, cũng không phải là một vị giáo chủ, tâm Phật thanh tịnh, một hạt bụi không nhiễm, Phật đối với chúng ta không có một tơ hào kỳ vọng nào.

Phật nói những lời này lẽ nào lừa gạt bạn sao? Lừa gạt người phải có lý do, không có lý do mà lừa gạt người thì đó là thần kinh có vấn đề. Phật có giống người thần kinh có vấn đề không? Giảng nhiều kinh như vậy, giảng có trình tự lớp lang, thứ tự phân minh như vậy, Ngài không giống người đầu óc có vấn đề. Ngài vì sao lại lừa gạt bạn? Nếu Ngài là quốc vương, Ngài vì chính trị, phải thống trị bá tánh, khiến bạn lúc nào cũng phải nghe lời Ngài, không thể tạo phản, Ngài nói những đạo lý như phải mà không phải, có thể gạt gẫm bạn. Nếu là một giáo chủ, Ngài muốn lôi kéo tín đồ, không để tín đồ chạy mất, Ngài cũng có thể lừa gạt bạn. Phật không là quốc vương nên không có mục đích chính trị, Ngài cũng không phải là giáo chủ nên không có mục đích tôn giáo. Ngài thành tâm thành ý chỉ dạy chúng ta, cá nhân chúng ta có được lợi ích, thật tình mà nói, Ngài không có liên can. Chúng ta gặp họa hay được phước không liên can với Phật, điểm này quý vị nên nhớ rõ ràng. Ngài thật sự là một người tốt, chúng ta trong đời này khó gặp được, gặp được người tốt như vậy chỉ dạy chúng ta làm thế nào lìa họa được

phước. Cho nên Phật dùng thân phận vị thầy để xuất hiện, gọi thầy là chúng ta tôn kính đối với Ngài, còn Ngài không có ý niệm này. Nếu Ngài có ý niệm này vậy thì Ngài vẫn có mục đích, Ngài không có niệm này, điều này chúng ta nhất định phải rõ. Cho nên nhân quả báo ứng là chân tướng sự thật của thế và xuất thế gian.

Sự tạo tác của thân thể chúng ta là thân tạo nghiệp, ngôn ngữ của chúng ta và thái độ biểu hiện là khẩu nghiệp, thân nghiệp. Trong tâm khởi tâm động niệm là ý nghiệp. Chúng ta tạo nghiệp thiện nhất định được thiện báo, chúng ta tạo nghiệp ác nhất định bị ác báo. Quả báo thông ba đời, không nhất định hiện tại ta tạo thì hiện tại liền được báo. Trong kinh luận thường nói "*dục tri tiền thế nhân*", bạn muốn biết đời trước tạo nhân gì? Phật nói "*kim sanh thọ giả thị*", là cái mà chúng ta đời này thọ nhận. Cái thọ đó là quả, chúng ta trong đời này rất vui sướng, rất hạnh phúc vậy là đời trước nhất định đã tạo thiện nghiệp, chúng ta được thiện quả. Đời này đời sống rất cực khổ, rất khó chịu đựng, vì đời trước chúng ta tạo nghiệp bất thiện, đời này được quả báo không tốt, là đạo lý như vậy. Cho nên quả báo là ba đời, muốn biết đời sau quả báo như thế nào, Phật dạy chúng ta "*kim sanh tác giả thị*", những gì bạn tạo tác trong đời này sẽ là quả báo của kiếp sau. Nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý này, thật sự hiểu rõ, khẳng định rồi **thì đời này chúng ta chịu bất cứ hoàn cảnh gì, "thôi vậy, cứ cắn chặt răng cho qua là được".** Là vì sao? Vì tự làm, tự chịu, là cái nghiệp trước kia do vô tri mà tạo nên, nhưng đời sau tôi nhất định phải tốt hơn đời này. Tôi biết hiện nay tôi phải tạo nhiều thiện nghiệp thì quả báo đời sau sẽ thù thắng.

Vậy đời sau dù là hạnh phúc mỹ mãn, một đời đều xứng tâm như ý, bạn có bảo đảm đời đời kiếp kiếp đều hạnh phúc vui vẻ không? Có thể bảo đảm bạn đều không bị mê hoặc không? Điều này thì khó. Hiện nay trên thế gian này có rất nhiều người thật sự hạnh phúc vui vẻ, họ không học Phật, họ hằng ngày ở trong chốn hoan lạc sống qua tháng ngày như là vui chơi, khiêu vũ. Đời trước học Phật, tu những thiện nghiệp được quả báo này, đời này họ không chịu học Phật nữa, khi hưởng hết phước báo rồi thì ác báo nghiệp hiện tiền, phải đọa lạc, đó mới là khổ. Cho nên chúng ta mặc dầu tu thiện được thiện báo, nhưng không thể bảo đảm lại gặp được Phật pháp, không thể bảo đảm tiếp tục tu thiện nghiệp, sự việc này thì phiền phức rồi. Cho nên người chân chánh thông minh, thật sự hiểu rõ thì phải nghe lời của Phật cầu sanh Tịnh Độ, cầu sanh Tịnh Độ có lợi ích ở chỗ nào? Là vĩnh viễn không bị mê hoặc, vĩnh viễn không tạo ác nghiệp, từ nay về sau đời đời kiếp kiếp tích công lũy đức, kết quả nhất định giống như A-di-đà Phật. Điều

này không thể không biết, nghiệp nhân quả báo không thể nghĩ bàn, chúng ta phải hết sức coi trọng câu này.

"***Ngã ư thử pháp, thật vô sở hoặc.***"
(Đối với pháp này thật con không hoài nghi).

A-nan ở chỗ này đã nói lên lời chân thật. A-nan rất rõ ràng sự việc này, vậy tại sao phải hỏi như vậy? Là hỏi thay chúng ta, không phải là Ngài không hiểu.

"***Đãn vị đương lai chúng sanh phá trừ nghi võng, cố phát tư vấn.***"
(Vì muốn phá trừ sự nghi ngờ của chúng sanh đời sau nên thưa hỏi lời này).

Đây là A-nan từ bi hỏi thay chúng ta, Ngài vừa hỏi, Phật vừa nói thì chúng ta liền hiểu ngay. Không phải A-nan không hiểu, đây là đại từ đại bi, cách tu học này làm lợi ích cho chúng sanh, làm lợi ích cho chúng sanh là thiện nghiệp, chúng ta phải học. Thật sự mà nói, chúng ta rời khỏi kinh sách, rời khỏi giảng đường thì quên sạch hết, tật xấu, tập khí cũ lại hiện tiền. Không biết học, không biết tu.

Tôi xin nêu một ví dụ, chúng ta ở nơi công cộng như ở trong tiệm ăn, có những đồng tu quen biết, gặp tôi, liền nói: "Thưa Pháp sư, hôm nay Ngài ăn gì, ăn thấy có ngon không?" Hỏi những lời vô ích này! Họ không ở nơi đó hỏi một ít Phật pháp như "Thưa Pháp sư, thế nào là Phật pháp?". Tuy họ biết nhưng rất nhiều người ở bên cạnh không biết. Một khi tôi giảng cho bạn nghe thì bao nhiêu người cũng được nghe, được biết. Đây là học theo Ngài A-nan. Không biết hỏi những điều này, đây là kẻ đáng thương!

Tôi có một lần đến chùa Ngọc Phật ở Thượng Hải để thăm Pháp sư Chân Thiền, đi đến Điện Thiên Vương. Tượng Tứ Đại Thiên Vương trong Điện Thiên Vương rất trang nghiêm, có rất nhiều đoàn du lịch đang ở đó. Đi cùng tôi cũng có một vài vị cư sĩ ở Thượng Hải, tôi liền đem sự biểu pháp của bốn vị Thiên Vương này, giảng tường tận cho họ nghe, tuy là giảng cho họ nghe nhưng các đoàn du lịch đều chú ý nghe. Đây gọi là cơ hội giáo dục, nhất định phải nắm lấy, chớ nên lơ là bỏ qua. Có thể giúp cho họ hiểu rõ biểu pháp nghệ thuật trong Phật pháp, ý nghĩa chân chánh của sự tạo tượng trong Phật môn, họ mới không đến nỗi mê tín.

Ngài A-nan biết được **cơ hội giáo dục**, rõ biết nên mới hỏi, hỏi cho mọi người nghe. Đức Thế Tôn cùng A-nan đang đóng kịch, một hỏi, một đáp, chúng ta được lợi ích, bởi chúng ta vô tri, không biết hỏi. Chỗ này phải nên học tập, cho nên ở bất cứ nơi công cộng nào, nếu bạn gặp được Pháp Sư, gặp được Đại Đức

cư sĩ thì bạn hỏi họ Phật pháp để cho kẻ khác nghe, chớ nên hỏi quá sâu, hỏi sâu thì sao? Người ta nghe không hiểu, nên hỏi cạn cợt một chút, để cho những người không học Phật pháp nghe, tiếp dẫn họ, vậy thì đúng. Chúng ta xem phẩm tiếp theo.

QUANG MINH BIẾN CHIẾU ĐỆ THẬP NHỊ
PHẨM MƯỜI HAI: ÁNH SÁNG CHIẾU KHẮP

"***Phật cáo A-nan: "A-di-đà Phật oai thần quang minh tối tôn đệ nhất. Thập phương chư Phật sở bất năng cập***"".

(Đức Phật bảo Ngài A-nan: "Oai thần và quang minh của Phật A-di-đà tối tôn đệ nhất, quang minh của chư Phật khác chẳng sánh kịp").

Hai phẩm mười hai và mười ba này hiển thị chánh báo trang nghiêm. Chánh báo là A-di-đà Phật (Phật thân, chánh báo trang nghiêm), chúng ta thường niệm "*quang trung hóa Phật vô số ức*" (trong hào quang hóa vô số Phật). Nơi mà Phật quang chiếu khắp tức là có Phật, gọi là "*quang trung hóa Phật*". Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười ba nói: "*Ngã tác Phật thời quang minh vô lượng, tuyệt thắng chư Phật*" (khi con thành Phật, có quang minh vô lượng, vượt hơn quang minh của chư Phật). Điều này quả thật không sai, Thế Tôn giới thiệu oai thần quang minh, oai đức thần thông của A-di-đà Phật, quang minh đều là tối tôn đệ nhất. Chữ "*tối tôn đệ nhất*" là so sánh với tất cả mười phương chư Phật.

"***Biến chiếu Đông phương hằng sa Phật sát.***"

(Quang minh ấy chiếu khắp hằng sa cõi Phật ở phương Đông).

Chữ "*hằng sa*" tức là cát sông Hằng, đây là dùng để tỉ dụ cát sông Hằng rất nhiều không cách gì tính được, hình dung số lượng các cõi Phật rất nhiều.

"***Nam Tây Bắc phương, tứ duy thượng hạ.***"

(Nam, Tây, Bắc, trên dưới và bốn phương phụ).

Hợp lại tức là mười phương. Phương Đông được nói rất rõ ràng, còn chín phương kia thì rút gọn lại, chín phương kia thảy đều như nhau, các phương đều là hằng hà sa số cõi Phật.

"***Diệc phục như thị.***"

(Cũng lại như vậy).

Đây là ánh sáng của A-di-đà Phật, tất cả chư Phật đều không thể sánh kịp.

"***Nhược hóa đảnh thượng viên quang.***"

(Hào quang trên đảnh).

Đây là thường quang của Phật, trên đỉnh đầu của Phật có ánh sáng tròn.

"***Hoặc nhất nhị tam tứ do-tuần, hoặc bá thiên vạn ức do-tuần.***"
(Chiếu xa một hai ba bốn do-tuần, hoặc trăm ngàn vạn ức do-tuần).

Thường quang của chánh báo cũng là không thể nghĩ bàn. Thích-ca Mâu-ni Phật năm xưa ở tại thế gian này, trong Kinh ghi chép ánh sáng của Phật là một do-tuần, một do-tuần là bao lớn? Tám thước là một do-tuần, vòng ánh sáng của Phật là tám thước. Thật sự mà nói, trên thân Phật có ánh sáng, ánh sáng của Phật rất rõ ràng. Trên thân mỗi người chúng ta đều có ánh sáng, những người luyện khí công họ nhìn thấy được, họ gọi là khí, Phật pháp gọi là quang. Ánh sáng của mỗi người lớn nhỏ khác nhau, màu sắc cũng khác nhau. Người luyện khí công từ trên đây mà xem người, xem tình trạng thân thể của người. Vậy người học khí công trước hết phải tu tâm thanh tịnh, tâm không thanh tịnh thì họ không thấy được, cho nên người có tâm thanh tịnh thì thấy được. Nếu màu sắc ánh sáng của bạn không tốt, là xám hoặc tối thì thân thể bạn có bệnh, nếu thân thể của bạn cường tráng thì ánh sáng rất rõ ràng, rất sáng sủa. Cho nên họ có thể thấy thân thể của bạn, vả lại mỗi bộ phận có ánh sáng khác nhau, nên họ biết được bạn có bệnh chỗ nào, đây không phải là mê tín. Ánh sáng của A-di-đà Phật là trăm ngàn vạn do-tuần, điều này thì không thể nghĩ bàn. Điều này đích thật không phải chư Phật khác có thể sánh được. Quý vị từ trong kinh có thể thấy được những vị Phật khác có Phật quang một hoặc hai ba bốn do-tuần.

"***Chư Phật quang minh, hoặc chiếu nhất nhị Phật sát.***"
(Hào quang các Đức Phật khác hoặc chiếu đến một hai cõi Phật).

Câu "*chiếu nhất nhị Phật sát*" này tức là bổn thổ của Ngài, một vị Phật giáo hóa chúng sanh là một tam thiên đại thiên thế giới, gọi là một cõi Phật, ánh sáng của Ngài nhất định chiếu đến.

"***Hoặc chiếu bá thiên Phật sát.***"
(Hoặc trăm ngàn cõi Phật).

Nguyện lực của Phật rộng lớn, không những Ngài phải độ chúng sanh trong quốc độ của mình mà Ngài cũng độ chúng sanh thế giới phương khác. Vậy thì ánh sáng của Ngài lớn rồi, có thể chiếu đến trăm ngàn cõi Phật.

"***Duy A-di-đà Phật***".

Chỉ có A-di-đà Phật.

"***Quang minh phổ chiếu, vô lượng vô biên vô số Phật sát.***"
(Hào quang chiếu khắp vô lượng vô số vô biên cõi Phật).

Quý vị phải nghi nhớ, khi Phật tại nhân địa, Thế Gian Tự Tại Vương Phật đã từng nói với Ngài về sự thanh tịnh trang nghiêm của hai trăm mười ức thế giới của chư Phật, và Ngài đã thấy qua. Hai trăm mười ức là biểu pháp, đại biểu cho cứu cánh viên mãn. Nói một cách khác, A-di-đà Phật đã từng đến tất cả thế giới của chư Phật tận hư không khắp pháp giới. Đương nhiên Ngài cũng đã đến thế giới này của chúng ta. Ngài đã từng đến thì ánh sáng của Ngài nhất định cũng chiếu đến. Chỉ có ánh sáng của Di-đà là chiếu đến tận hư không khắp pháp giới, một cõi Phật cũng không bị bỏ sót.

"***Chư Phật quang minh sở chiếu viễn cận, bổn kỳ tiền thế cầu đạo, sở nguyện công đức đại tiểu bất đồng.***"
(Hào quang chư Phật chiếu ra có xa có gần vì bổn nguyện, công đức đời trước khi cầu đạo có lớn nhỏ không đồng).

Phật ở chỗ này nói rõ tại sao Phật quang có lớn nhỏ khác nhau. Khi đã thành Phật rồi thì Phật Phật đạo đồng, trí huệ thần thông năng lực của Phật thảy đều bình đẳng. Tại sao Phật quang khác nhau, chúng ta thấy được Phật quang không bình đẳng, điều này có nguyên nhân. Là lúc đầu Ngài mới học Phật, các Ngài phát nguyện khác nhau, có những vị Phật ở nhân địa phát nguyện không lớn: Thấy cái tam thiên đại thiên thế giới này, ta chỉ muốn giúp nhóm chúng sanh này, chỉ muốn độ họ, thì sau khi thành Phật ánh sáng của Ngài chỉ lớn cỡ đó. Chúng ta từ trong kinh thấy được, nhân địa của A-di-đà Phật, nguyện của Ngài và người khác không giống nhau, nguyện của Ngài lớn. Ngài nguyện phổ độ tất cả chúng sanh tận hư không khắp pháp giới, không phải là một thế giới, hai thế giới, một cõi Phật, hai cõi Phật, một ngàn cõi Phật, một vạn cõi Phật … Ngài không phát như vậy, cho nên nguyện này là hy hữu!

"***Chí tác Phật thời, các tự đắc chi, tự tại sở tác, bất vi dự kế.***"
(Đến khi thành Phật, mỗi vị tự nhiên đạt được thành tựu tự tại khác nhau, không phải là do dự trù trước).

Cho nên sau khi thành Phật, cảnh giới của Ngài tự nhiên hiện ra, không phải trong tâm Ngài nghĩ tưởng, không phải Ngài thích làm như vậy, mà là tự nhiên thành tựu. Quả ấy nhất định ứng với nhân này, nhân quả nhất định tương ưng. Tất

cả chư Phật đều có năng lực phóng quang chiếu khắp pháp giới, nếu không có năng lực này thì đạo của Phật đều không đồng. Nếu Ngài không có ý định phóng quang, vậy thì ánh sáng của Ngài tự nhiên hiển lộ ra tương ưng với nhân địa của Ngài. Nhân địa của Di-đà cùng nhân địa của chư Phật khác nhau, cho nên quả địa tự nhiên hiển hiện khác nhau.

"***A-di-đà Phật quang minh thiện hảo, thắng ư nhật nguyệt chi minh thiên ức vạn bội.***"

(Quang minh của Đức Phật A-di-đà tốt lành, hơn cả trăm ngàn vạn lần ánh sáng nhật nguyệt).

Trong câu này chúng ta phải đặc biệt chú ý, "*Phật quang thiện hảo*". Ánh sáng của nhật nguyệt tuy là tốt nhưng bất thiện. Bạn xem, ban ngày, mặt trời lớn như vậy, rọi lên trên thân khá nóng, tuy có ánh sáng nhưng bất thiện, có thể đem đến cho chúng ta rất nhiều phiền não. Mắt chúng ta nhìn mặt trời như bị chích vào mắt, mắt có thể bị tổn thương. Tuy có ánh sáng mà bất thiện, vậy còn Phật quang thì sao? Là thiện. Khi bạn tiếp xúc, không những thấy thanh lương thoải mái, vui vẻ mà còn có thể tiêu nghiệp chướng, khai trí huệ, cho nên đây mới là thiện.

Tiếp theo, chúng ta thấy Thế Tôn tán thán A-di-đà Phật quả thật đến chỗ cùng cực:

"***Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương.***"

(Tôn quý nhất trong các quang minh, là vua trong các Đức Phật).

Nếu bạn có thể ghi hai câu nói này của Đức Thích-ca Mâu-ni Phật vào tâm, nếu bạn niệm A-di-đà Phật, người ta hỏi vì sao niệm A-di-đà Phật mà không học thứ khác? Tại sao không niệm Phật Bồ-tát khác? Bạn chỉ cười thôi. A-di-đà Phật là *quang trung cực tôn, Phật trung chi vương.* Theo sự thật này thì tôi hết lòng niệm A-di-đà Phật, tôi không cần niệm các vị Phật khác nữa. Tôi niệm *Phật trung chi vương,* còn quý vị niệm đó là "Phật trung lão bá tánh" (vị Phật thông thường), điều này phải biết. Đây là sự siêu thắng của Tịnh Độ, thật sự không thể nghĩ bàn, chúng ta phải nói ra được.

"***Thị cố Vô Lượng Thọ Phật, diệc hiệu Vô Lượng Quang Phật, diệc hiệu Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đẳng Quang Phật, diệc hiệu Trí Huệ Quang, Thường Chiếu Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang,***

Giải Thoát Quang, An Ổn Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang, Bất Tư Nghị Quang."

(Nên Phật Vô Lượng Thọ cũng hiệu là Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang, Phật Vô Đẳng Quang, Phật Trí Huệ Quang, Phật Thường Chiếu Quang, Phật Thanh Tịnh Quang, Phật Hoan Hỷ Quang, Phật Giải Thoát Quang, Phật An Ổn Quang, Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang, Phật Bất Tư Nghị Quang).

Đây đều là biệt hiệu của A-di-đà Phật, tại sao nhiều như vậy? Là để hiển thị "**quang trung chi đức**" (đức của quang minh). Phía trên nói "*quang minh thiện hảo*", chữ "*thiện*" đó là nói chung, chưa giảng kỹ cho bạn. Rốt cuộc chữ "*thiện hảo*" thì "*hảo*" đến cỡ nào? Mười hai danh hiệu này hiển thị ra chữ "*thiện*". Do đây có thể biết Thế Tôn tán thán A-di-đà Phật là *quang trung cực tôn* không phải là nói tùy tiện. Mười hai danh hiệu này hiển thị ánh sáng của Đức Di-đà đích thực là *cực tôn*, chư Phật khác không thể sánh được.

✓ ***Vô Lượng Quang***, chữ "*lượng*" là hạn lượng, ánh sáng của A-di-đà Phật không có hạn lượng, không giống như chư Phật, Phật quang chỉ chiếu một hai cõi Phật, chiếu trăm ngàn cõi Phật, là có hạn lượng. Ánh sáng của A-di-đà Phật thì không có hạn lượng, tận hư không khắp pháp giới, không nơi nào không chiếu đến, đây là *vô lượng*. Ngoài ra, "*quang*" còn tượng trưng cho trí huệ. Vô Lượng Quang cũng tức là nói rõ trí huệ của đức Di-đà là *vô lượng*.

✓ ***Vô Biên Quang***, "*biên*" là biên giới. Tâm Phật bình đẳng, từ bi bình đẳng, lấy pháp bình đẳng giáo hóa tất cả chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Không có tất cả giới hạn, giải thoát bình đẳng, vạn pháp nhất như, ý nghĩa của *Vô Biên Quang* là không có bờ mé, không có giới tuyến. Chư Phật Như Lai khác cũng như Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta giáo hóa chúng sanh, chúng ta chứng quả là có đẳng cấp, có người chứng Tiểu Thừa Sơ Quả, Tứ Quả La-hán, Bích-chi-Phật quả, còn có Tạng Thông Biệt Viên (Tông Thiên Thai). Tông Hiền Thủ thì có "Tiểu Thủy Chung Đốn Viên", đây đều là có giới tuyến. Khi thành Phật rồi còn có Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật, Biệt Giáo Phật, Viên Giáo Phật, đều không giống nhau. Chỉ có Di-đà là thành tựu bình đẳng, Tứ Quả, Tứ Tướng của Tiểu Thừa, năm mươi mốt giai cấp của Đại Thừa đều không còn nữa. Phương pháp ấy của Ngài, quả báo ấy của Ngài, một là tất cả, tất cả là một, cái này là *vô biên tế quang*.

✓ ***Vô Ngại Quang Phật***, "*ngại*" là chướng ngại, nhất định không có chướng ngại. Chướng ngại từ đâu mà có? Có phân biệt có chấp trước thì có chướng ngại, lìa khỏi tất cả phân biệt chấp trước thì tâm được tự tại, thì không có chướng ngại. Trong tâm không có giới tuyến, đây là *Vô Ngại Quang*, nếu lấy Thiền Tông mà nói thì đây đã đạt đến chỗ cùng cực.

✓ ***Vô Đẳng Quang Phật***, "*đẳng*" là bằng với Ngài. Tất cả chư Phật đều không thể bằng Ngài, bất luận là nhân hành, quả hải đều vượt qua chư Phật, trong phần kinh văn phía trước chúng ta thảy đều thấy cả.

✓ ***Trí Huệ Quang, Thường Chiếu Quang***, điều này dễ hiểu, chư Phật đều là quyền thực nhị trí, nhị trí của Di-đà so với chư Phật lại càng viên mãn hơn, càng cứu cánh hơn. *Thường Chiếu Quang*, là tịch mà thường chiếu.

✓ ***Thanh Tịnh Quang*** là chiếu mà thường tịch, thanh tịnh bình đẳng. Trong Phật pháp Đại Thừa, chữ "*chiếu*" và "*tịch*" là cương lĩnh tu hành của Bồ-tát. Chúng ta phải lĩnh hội cho thật sâu. "*Chiếu*" là dụng. Lục căn của chúng ta đối với cảnh giới lục trần bên ngoài đây là chiếu, tại sao không dùng chữ "kiến", không dùng chữ "thính"? Bởi vì nói "kiến", nói "thính", nói "văn" đều rơi vào tâm ý thức, bạn có phân biệt, có chấp trước. Chữ "chiếu" này giống như tấm kính soi chiếu bên ngoài, bên trong nó chiếu rất rõ ràng, nó không có phân biệt, không có chấp trước. Phật dạy chúng ta dụng tâm phải giống như tấm kính, "*dụng tâm như kính*". Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài, quán chiếu, không có phân biệt, không có chấp trước, rõ ràng minh bạch. Cái tâm này là định, tâm là thanh tịnh, tâm thanh tịnh là tịch, tịch tức là công phu, còn chữ "chiếu" tức là trí huệ. Người chân chính biết tu hành, trong cuộc sống hằng ngày trên sự thì là Lục Độ, sáu điều cương lĩnh, trên lý là tự mình được thanh tịnh tâm, được trí huệ Bát-nhã, trên lý tức là Thiền Định Bát-nhã. Chúng ta phải đạt được thọ dụng này. Tâm đã thanh tịnh rồi, đã định rồi, đây thật là đáng quý! Bạn muốn độ chúng sanh, bạn muốn giúp đỡ tất cả chúng sanh, phải từ tịch rồi đến chiếu, rồi khởi dậy tác dụng. Đó là Bồ-tát. Nếu "*quang*" chỉ tịch mà không chiếu thì thành Tiểu Thừa A-la-hán, tự giác ngộ mà không giúp đỡ kẻ khác. Cho nên tịch mà thường chiếu là Phật Bồ-tát, chiếu mà thường tịch là chúng ta hiện nay phải dụng công, chúng ta phải học tập, đây đều là từ trên cương lĩnh tu học mà nói.

✓ ***Hoan Hỉ Quang***, Phật quang có thể khiến tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỉ. Không những sanh hoan hỉ mà còn sanh tín tâm, sanh nguyện tâm, thì quang này mới thiện.

✓ ***Giải Thoát Quang***, "*quang*" này có thể tiêu nghiệp, có thể tiêu tội, có thể khiến tất cả chúng sanh được đại tự tại.

✓ ***An Ổn Quang***, đây cũng là chỗ hy vọng mong cầu, mơ ước, hâm mộ của tất cả chúng sanh. Làm thế nào mới có được sự an ổn chân chánh? Thật sự mà nói, trong tam giới này không có được, trong lục đạo không có, Phật nói "*tam giới vô an*" (tam giới không an), không có được. Ở trong tam giới muốn được an ổn thì nhất định phải khế nhập cảnh giới Bát-nhã. Trong Kinh Kim Cang nói, bạn đích thật lìa được bốn tướng, lìa bốn kiến thì ở trong tam giới cũng được an ổn. **Tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả,** tất cả thảy đều lìa khỏi hết, đều không còn nữa thì được. Trong bốn tướng, hễ chưa lìa khỏi một tướng thì cái an ổn đó là hữu danh vô thực, nhất định không có được.

✓ ***Siêu Nhật Nguyệt Quang***. Điều này dễ hiểu, phía trước nói: thù thắng hơn ánh sáng của nhật nguyệt ngàn ức vạn lần.

✓ ***Bất Tư Nghị Quang***. Đây là tổng kết, thần quang của Di-đà là không thể nghĩ bàn.

"***Như thị quang minh, phổ chiếu thập phương nhất thiết thế giới.***"
(Quang minh ấy chiếu khắp mười phương tất cả thế giới).

Câu nói này không sai, một thế giới cũng không sót, là tận hư không khắp pháp giới. Điều này chứng minh cho phần phía trước nói, hai trăm mười ức là biểu pháp, không phải con số, nếu là con số thì hai trăm mười ức không nhiều. Từ thế giới Tây Phương Cực Lạc đến nơi chúng ta đây, khoảng giữa có mười vạn ức cõi Phật, nếu ánh sáng của Phật chỉ có hai trăm mười ức thì so với mười vạn ức ít hơn rất nhiều, như vậy thì Phật quang không tới được nơi chúng ta. Hai trăm mười ức đó là biểu pháp, không phải là con số, chỗ này đã hiển thị ra rồi, chứng minh phổ chiếu mười phương tất cả thế giới, một thế giới cũng không sót.

"***Kỳ hữu chúng sanh ngộ tư quang giả.***"
(Chúng sanh nào gặp được quang minh ấy).

Đây là nói chúng sanh ở mười phương thế giới, nếu gặp ánh sáng của A-di-đà Phật thì:

"***Cấu diệt thiện sanh***".

"*Cấu*" là phiền não ô nhiễm, đều bị tiêu diệt, *thiện căn* sanh trưởng. Chúng ta hỏi: "Tận hư không khắp pháp giới đều ở trong ánh sáng của A-di-đà Phật, tại

sao tôi không thấy? Phật ngày ngày đều chiếu soi tôi, phiền não tội nghiệp của tôi cứ từng ngày gia tăng không giảm thiểu, đây là nguyên nhân gì vậy?" Thật sự mà nói, Phật quang là đang chiếu soi nhưng chúng ta không tiếp nhận, chúng ta không cần. Ánh mặt trời chiếu rọi bạn, bạn nhất định lấy cái chiếc dù để che, không để cho nó chiếu vào. Tình trạng chúng ta là như thế, không phải Phật quang không chiếu rọi bạn mà là bạn không chịu tiếp nhận. Vậy thì Phật quang ở đâu? Phía trước đã từng nói với quý vị, "**chỗ nào có Phật hiệu, có kinh điển tức là chỗ Phật quang chiếu rọi, tức là có Phật**". Nghe được một câu A-di-đà Phật này không để trong tâm, coi như cơn gió thoảng qua tai, bạn không chịu tiếp nhận. Chỗ có kinh điển, không chịu đọc tụng, không chịu thâm nhập nghiên cứu thì là tự mình làm chướng ngại chính mình. Không phải Phật quang không chiếu đến bạn, mà là chính mình có nghiệp chướng rất sâu, rất sâu dày, kháng cự lại ánh sáng của Phật.

Trong Phật Pháp thường nói: "*Tâm, Phật, chúng sanh tam vô sai biệt*" (tâm, Phật và chúng sanh, ba thứ này không khác biệt) là nói về sức mạnh này. Sức mạnh của Phật, nghiệp lực của chúng sanh và tâm lực của chúng sanh là bằng nhau, tam vô sai biệt, có thể thấy được nghiệp lực này không thể nghĩ bàn. Phía trước nói đến nghiệp lực không thể nghĩ bàn, chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu được chân tướng sự thật này, chúng ta có thể đem tâm lực của chính mình cùng sức mạnh của Phật quang kết hợp lại thì có thể chống lại nghiệp lực. Hai lực lượng kết hợp lại thì có thế chống cự một nghiệp lực. Tâm lực của chúng ta cùng nghiệp lực của chúng ta kết hợp lại thì kháng lại lực lượng của Phật, là đạo lý như vậy. Chúng ta ngày nay gặp được A-di-đà Phật, gặp được Kinh Vô Lượng Thọ, sanh được tâm hoan hỉ, có thể lý giải được, dù rằng không thể hoàn toàn lý giải, nhưng thật chịu y giáo phụng hành thì nhất định là "*cấu diệt thiện sanh, thân ý nhu nhuyễn*", biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày là nhu hòa, từ bi, không giống như trước kia "*cang cường khó giáo hóa*". Cho nên thân tâm thật có chuyển biến.

"***Nhược tại tam đồ, cực khổ chi xứ.***"
(Nếu ở tam đồ chịu khổ cùng cực).

Đây là một thí dụ, thật sự mà nói, cũng đều là sự thật, nếu đọa lạc vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, "*cực khổ*" tức là địa ngục đạo.

"***Kiến thử quang minh, giai đắc hưu tức.***"
(Thấy được quang minh này liền được dừng khổ).

Chúng sanh ở địa ngục có thể thấy được Phật quang chăng? Có thể thấy. Địa ngục là chỗ thọ báo của tội nghiệp cực trọng, loại chúng sanh nào ở trong địa ngục có thể gặp được Phật pháp? Là người trong đời quá khứ niệm Phật, trong đời quá khứ cũng học Phật, cũng có thiện căn rất sâu dày, trong đời này mê hoặc điên đảo, làm sai rất nhiều việc nên bất hạnh mà đọa địa ngục. Địa Tạng Bồ-tát ở tại địa ngục độ chúng sanh (độ loại chúng sanh này), nếu họ không có thiện căn, trong đời quá khứ không có học Phật thì Địa Tạng Bồ-tát đối với họ cũng không làm gì được. Tuy Địa Tạng Bồ-tát ở trong địa ngục, những người này nhìn không thấy Địa Tạng Bồ-tát. Chỉ có người niệm Phật với thiện căn thâm hậu, vì một niệm sai lầm mà đọa vào địa ngục, khi họ ở trong địa ngục, một niệm hồi tâm, biết được mình làm sai rồi, hễ họ có ý niệm này thì họ sẽ thấy được Địa Tạng Bồ-tát. Địa Tạng Bồ-tát dạy họ niệm Phật, họ liền tiếp xúc với ánh sáng của A-di-đà Phật thì cái khổ của họ có thể chấm dứt.

"***Mạng chung giai đắc giải thoát.***"
(Mạng chung được giải thoát)".

Nhóm chúng sanh ác đạo này và người ác ở nhân gian vãng sanh đều là thuộc về sám hối vãng sanh, họ thật sự biết mình đã sai rồi, thật lòng sám hối, sửa lỗi tu thiện, cầu sanh Tịnh Độ. Họ lấy công đức gì vậy? Là cái tâm sám hối, cái tâm sửa lỗi, đó tức là công đức, đem công đức này hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. Một niệm mười niệm cũng nhất định được sanh. Đây tức là nguyện thứ mười tám của A-di-đà Phật. Những người này sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì có phẩm vị gì? Trong Quán Kinh nói, Phàm Thánh Đồng Cư Độ, vãng sanh hạ hạ phẩm. Nếu họ tạo tội cực trọng, tương lai nhất định đọa địa ngục A-tỳ. Tuy nhiên, hiện nay phước của họ vẫn chưa hết, vẫn chưa đọa, lúc lâm chung gặp được thiện tri thức, thật sự hối lỗi, sám hối vãng sanh thì phẩm vị ấy không nhất định.

Trong Quán Kinh, chúng ta thấy vua A-xà-thế giết cha, hại mẹ, cấu kết với Đề-bà-đạt-đa phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu, tạo tội thập ác ngũ nghịch. Quả báo của ông tất phải đọa địa ngục A-tỳ, Đề-bà-đạt-đa đời đời đọa địa ngục. Vua A-xà-thế lúc lâm chung biết mình đã sai, sám hối thống thiết cầu nguyện vãng sanh, ông ta rất may mắn, ông không đọa địa ngục, ông ta vãng sanh thế giới Cực Lạc, được phẩm vị gì? Thật sự không thể nghĩ bàn, Phật nói với chúng ta, ông là thượng trung phẩm vãng sanh. Ở đây cho chúng ta một khải thị rất lớn, chúng ta không thể coi thường những người làm ác, tại vì sao? Chúng ta thật lòng niệm Phật, tương lai vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, họ tuy tạo tội nghiệp, lúc lâm chung, tâm sám hối nếu mạnh thì phẩm vị ở trên chúng ta,

chúng ta vẫn không bằng họ, cho nên điều này không thể coi nhẹ. Cho nên chúng ta biết được có hai loại vãng sanh: Một loại là bình thường niệm Phật tích công lũy đức, loại kia là tạo tội nghiệp, lúc lâm chung sám hối mà vãng sanh. Cho nên sức sám hối này cũng không thể nghĩ bàn!

"***Nhược hữu chúng sanh văn kỳ quang minh, oai thần, công đức, nhật dạ xưng thuyết, chí tâm bất đoạn. Tùy ý sở nguyện, đắc sanh kỳ quốc.***"

(Chúng sanh nào nghe được công đức oai thần của quang minh này rồi ngày đêm khen nói, chí tâm không nghỉ, tùy theo ý nguyện được sanh về Cực Lạc).

Đây là thuộc về niệm Phật. Có thể thấy "niệm" và "xưng" khác nhau. "Xưng" là miệng nói, xưng danh. Còn chúng ta niệm "Nam-mô A-di-đà Phật", niệm là trong tâm thật có. "*Nhược hữu chúng sanh*", nếu có người. "*Văn kỳ quang minh, oai thần, công đức*", ba thứ này đều ở trong Kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ và Phật thuyết A-di-đà Kinh. Nội dung ba kinh này nói đến chính là điều này, "*văn*" tức là văn kinh, sau khi nghe rồi đương nhiên bạn được lòng tin, nếu bạn không tin thì bạn không tu hành, bạn nhất định phải tin. Sau khi tin rồi bạn nhất định phải chịu học, chịu tu, đây mới gọi là niệm Phật, vì sao vậy? Vì trong tâm thật có, sau đó mới "*xưng thuyết*".

"*Xưng thuyết*" tức là nói cho người khác nghe. Phần sau của Tam Phước là "*đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*", khuyên kẻ khác, tự hành hóa tha, là ý nghĩa của "*xưng thuyết*". "*Chí tâm bất đoạn*", "*chí tâm*" là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm từ bi. "*Bất đoạn*" là liên tục không dứt, tất cả thời, tất cả chỗ. Chúng ta thường nói phải biết cơ hội giáo dục, nắm lấy cơ hội này, đem Phật pháp giới thiệu cho tất cả mọi người, chúng ta quả thật làm được như vậy thì cầu nguyện vãng sanh nhất định được sanh, "*đắc sanh kỳ quốc*". Cho nên chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa trong kinh văn, phải biết cách để làm, bởi vì văn tự vô cùng đơn giản mà ý nghĩa vô cùng viên mãn. Chúng ta lại xem phẩm tiếp theo.

THỌ CHÚNG VÔ LƯỢNG ĐỆ THẬP TAM
PHẨM MƯỜI BA: THỌ MẠNG VÀ ĐẠI CHÚNG VÔ LƯỢNG

Tuổi thọ của Phật vô lượng, chúng sanh có phước, chúng sanh có nơi nương tựa có thể thường theo bên Phật, nguyện lực của Phật cũng là vô lượng vô biên, cho nên có thể rộng nhiếp tất cả chúng sanh trong pháp giới, chúng ta xem kinh văn.

"***Phật ngữ A-nan: "Vô Lượng Thọ Phật thọ mạng trường cửu, bất khả xưng kể.""***

(Đức Phật bảo A-nan: "Đức Phật Vô Lượng Thọ có thọ mạng trường cửu không thể tính được").

Ý nghĩa của đoạn kinh văn này rất rõ ràng, rất dễ hiểu. Tuy nhiên nó có dụng ý rất sâu. Chúng ta phải từ phương diện này mà lĩnh hội thì tự nhiên có thể sanh khởi cái tâm hâm mộ mơ ước, chỉ mong chính mình nhanh chóng được chứng đắc.

"*Thọ mạng trường cửu bất khả xưng kể*", Thích-ca Mâu-ni Phật nói với chúng ta, A-di-đà Phật lần này ở tại thế giới Tây Phương Cực Lạc làm Phật là ứng hóa, giống như Thích-ca Mâu-ni Phật ba ngàn năm trước đến thế gian này của chúng ta là ứng hóa. Ứng hóa thân thì có thọ mạng, ứng hóa thân của Thích-ca Mâu-ni Phật tại thế gian này của chúng ta là tám mươi năm, trụ thế tám mươi năm. A-di-đà Phật tại thế giới Cực Lạc cũng là ứng hóa, tuy nhiên, sự ứng hóa của Ngài khác với sự ứng hóa của tất cả chư Phật. Ngay cả quốc độ của Ngài cũng là ứng hóa, thế giới Tây Phương Cực Lạc vốn là không có, là do Ngài biến hiện ra, chư Phật khác thì không có cách biến hiện này. Tất cả chư Phật khác tùy theo nghiệp lực của chúng sanh mà biến hiện, lại thêm vào nguyện lực của Phật. Trước tiên có nghiệp lực của chúng sanh, sau mới có nguyện lực của Phật. Thế giới Tây Phương là trước tiên do nguyện lực của A-di-đà Phật, sau đó do tịnh nghiệp của chúng sanh mà có. Cho nên tình hình này là hoàn toàn khác nhau. Nguyện của Phật lớn như vậy, phải độ tận chúng sanh có duyên trong tận hư không khắp pháp giới, nếu chưa độ tận chúng sanh thì Phật không thể đi. Điểm này quý vị đồng tu nhất định phải biết, Phật chưa độ hết số chúng sanh này thì Phật chưa thể đi. Vậy thế nào gọi là "độ hết" chúng sanh? Những ai có duyên thì được độ (những ai không có duyên thì không tính). Vậy thì những người nào có duyên với A-di-đà Phật vậy? Phàm là ai nghe được danh hiệu của A-di-đà Phật đều là có duyên, vậy là độ rồi. Bạn xem, hiện nay tín đồ Thiên Chúa Giáo, Cơ Đốc Giáo đều nghe được cả, phải không? Cho nên A-di-đà Phật phải trụ thế rất lâu, chờ đến khi họ hồi tâm chuyển ý, người người được độ thì Ngài mới thị hiện nhập Niết-bàn. Tận hư không khắp pháp giới hết thảy chư Phật Bồ-tát trong mười phương đều đang ở đó tuyên dương, đều đang giới thiệu cho mọi người, càng giới thiệu nhiều thì thọ mạng của A-di-đà Phật càng lúc càng dài, là đạo lý như vậy. Một người niệm Phật chưa vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thành Phật thì A-di-đà Phật không thể nhập Niết-bàn. Chúng ta niệm Phật nên yên tâm, dù kiếp này không thể vãng

Sanh, song đời đời, kiếp kiếp chủng tử kim cang này vô lượng vô biên kiếp sau vẫn phải chín muồi, chín muồi thì A-di-đà Phật vẫn phải chờ ta đi.

Điều này là quý vị có duyên với A-di-đà Phật, bạn đã từng niệm một câu A-di-đà Phật thì bạn có duyên với Ngài. Còn chưa niệm thì sao? Hễ nhìn thấy sáu chữ Nam-mô A-di-đà Phật thì cũng là có duyên. Cho nên ở ngoài cửa, hàng chữ Nam-mô A-di-đà Phật lớn như vậy, những ai đi ngang qua đều nhìn một cái thì có duyên rồi, cho nên những ai có duyên đều phải được độ. Thọ mạng này trường cửu thì thật sự không thể tính đếm được, chúng ta từ trên sự và lý này mà quán sát thì biết được thọ mạng của Ngài là thật sự không có cách gì tính toán được.

"***Hựu hữu vô số Thanh Văn chi chúng.***"
(Lại có vô số chúng Thanh Văn).

Học trò của A-di-đà Phật rất nhiều, trong số học trò này chỉ nêu ra một loại Thanh Văn. Tây Phương không có Thanh Văn, loại Thanh Văn này trên thực tế tức là nói nhóm học trò tại thế giới Tây Phương đoạn kiến tư phiền não rồi, vẫn chưa phá trần sa vô minh (không bao gồm những Bồ-tát đã phá vô minh, cũng không bao gồm những phàm phu vẫn chưa đoạn kiến tư phiền não, trong ba loại này chỉ nói một loại). Chúng Thanh Văn này nhiều vô số.

"***Thần trí đỗng đạt, oai lực tự tại, năng ư chưởng trung trì nhất thiết thế giới.***"
(Thần trí thông đạt, năng lực tự tại, có thể nắm tất cả thế giới trong bàn tay).

Làm sao để hình dung thần thông đạo lực này? Cũng nêu ra một thí dụ, bàn tay của A-di-đà Phật có thể nắm giữ mười phương tất cả thế giới của chư Phật. Chúng ta thường biết Quán thế Âm Bồ-tát ngàn tay ngàn mắt, năng lực ấy quá rộng lớn. Ngàn tay ngàn mắt nếu nắm giữ tất cả thế giới của chư Phật thì Ngài không làm được, một tay nắm giữ một cái thì chỉ có thể giữ một ngàn cõi nước Phật, vẫn không đạt đến tất cả thế giới, thì bạn mới biết được thần lực của A-di-đà Phật vĩ đại biết mấy! Phía dưới có một tỉ dụ hiển thị thọ mạng lâu dài và số người ở thế giới Tây Phương nhiều.

"***Ngã đệ tử trung, Đại Mục-kiền-liên thần thông đệ nhất.***"
(Trong hàng đệ tử ta, Đại Mục-kiền-liên có thần thông bậc nhất).

Chữ "*ngã*" là Thích-ca Mâu-ni Phật tự xưng, Thích-ca Mâu-ni Phật nói trong số học trò của Ngài thì Mục-kiền-liên là thần thông đệ nhất, đây là một trong mười đại đệ tử của Phật. Kỳ thật nhóm đệ tử này đều là cổ Phật và đại Bồ-tát tái

lai, thị hiện đến để diễn kịch. Thích-ca Mâu-ni Phật đến để đóng vai chánh còn họ đến đóng vai phụ, giúp đỡ Thích-ca Mâu-ni Phật hoàn thành nhiệm vụ hóa độ chúng sanh. Kỳ thật đức năng của mỗi vị đều là bình đẳng. Xá-lợi-phất trí huệ đệ nhất, Xá-lợi-phất thần thông không bằng Mục-kiền-liên sao? Không phải vậy, là như nhau. Một vị chỉ có thể đại biểu cho một thứ thì dễ dàng biểu pháp, kỳ thật trí huệ đức năng của họ đều là viên mãn. Nhất là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là cổ Phật tái lai, sớm đã thành Phật rồi. Hiện tại Thích-ca Mâu-ni Phật dùng thân Phật để hóa độ chúng sanh, họ đến làm đệ tử của Phật, giống như A-nan, là cố ý "một hỏi một đáp" để đóng kịch, là ý nghĩa này.

"***Tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu nhất thiết tinh tú chúng sanh.***"
(Tất cả chúng sanh cùng tinh tú trong tam thiên đại thiên thế giới).

"*Tinh tú*", ngày nay chúng ta gọi là tinh cầu. Trong ba ngàn đại thiên thế giới, tất cả tinh cầu và chúng sanh trong tinh cầu là bao nhiêu?

"***Ư nhất trú dạ, tất tri kỳ số.***"
(Trong một ngày đêm biết hết số lượng).

Tôn giả Mục-kiền-liên dùng hai mươi bốn giờ thì tính ra được. Đại thiên thế giới lớn cỡ nào? Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói dải Ngân Hà của chúng ta là một đơn vị thế giới, vậy ba ngàn đại thiên thế giới có bao nhiêu dải ngân hà? Một tỷ dải ngân hà, khoa học ngày nay vẫn chưa có biện pháp để đạt đến. Ngày nay nhà khoa học dùng phương pháp khoa học để quan sát trắc nghiệm, đại khái chúng ta biết được có đến mấy mươi dải ngân hà, một hai trăm dải ngân hà…, còn xa hơn nữa thì không biết. Một tỷ dải ngân hà là một cái tam thiên đại thiên thế giới. Bên trong đó, tất cả những tinh cầu và tất cả những chúng sanh trong tinh cầu, Mục-kiền-liên trong hai mươi bốn giờ thì tính ra được, thật là phi thường! Ngày nay máy tính điện tử cũng không tính ra được. Thần thông của Đại Mục-kiền-liên đích thật vượt hơn các nhà khoa học, dụng cụ khoa học không làm được như Ngài, lấy đây làm thí dụ. Chúng ta lại xem tiếp.

"***Giả sử thập phương chúng sanh.***"
(Giả sử chúng sanh trong mười phương).

Điều này thật là phi thường! Mười phương vô lượng vô biên thế giới, trong các thế giới này, tất cả chúng sanh "***tất thành Duyên Giác***" (đều thành Duyên Giác) (đây là giả thiết, không phải thật, đều thành Bích-chi-Phật, sánh với A-la-hán còn cao cấp hơn).

"***Nhất nhất Duyên Giác***".

(Mỗi vị Duyên Giác).

Mỗi Bích-chi-Phật "***thọ vạn ức tuế***" (thọ vạn ức năm). Thọ mạng không giống như Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên thị hiện thọ mạng rất ngắn, giống như Thích-ca Mâu-ni Phật. Nếu thọ mạng của họ đều là vạn ức tuổi.

"***Thần thông giai như Đại Mục-kiền-liên.***"

(Đều có thần thông như Đại Mục-kiền-liên).

Năng lực thần thông thì giống như Đại Mục-kiền-liên. Mục-kiền-liên có thể trong 24 giờ tính ra được tất cả chúng sanh và tinh cầu trong một tỷ dải ngân hà, có năng lực lớn như vậy!

"***Tận kỳ thọ mạng.***"

(Suốt đời).

Thọ mạng của mỗi một người là vạn ức tuổi, không phải là một ngày một đêm.

"***Tận kỳ thọ mạng, kiệt kỳ trí lực tất cộng suy toán.***"

(Đem hết trí lực suốt đời cùng nhau tính toán).

Cùng nhau tính toán, một người tính không ra thì tất cả cùng nhau tính.

"***Bỉ Phật hội trung Thanh văn chi số, thiên vạn phần trung bất cập nhất phần.***"

(Trong ngàn vạn phần, chưa được một phần số lượng Thanh Văn trong Phật hội kia).

Số lượng Thanh Văn trong thế giới Cực Lạc của A-di-đà Phật **trong ngàn vạn phần chưa đầy một phần**, một phần của ngàn vạn vẫn chưa đến… Chúng ta biết được số đệ tử của A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc nhiều đến không thể tính ra được. Chúng ta không thể tưởng tượng ra con số lớn đó rốt cuộc không thể tính tới trình độ nào! Nói như thế này thì chúng ta hiểu rằng thật sự không thể tính được.

"***Thí như đại hải thâm quảng vô biên.***"

(Ví như biển lớn sâu rộng vô biên).

Tiếp theo lại nêu ra một tỉ dụ. Bên ngoài đảo Singapore là biển lớn, cách tỉ dụ này rất gần gũi, biển lớn thì rất lớn.

"***Thiết thủ nhất mao***".
(Nếu lấy một sợi lông).

Chữ "*nhất mao*" này là lông trên thân chúng ta, chúng ta nhổ một sợi lông, lông rất nhỏ, lại đem sợi lông chẻ thành một trăm phần, cái đó có thể phải dùng kính hiển vi để xem phải không? Nhục nhãn chúng ta nhìn không thấy.

"***Toái như vi trần***".
(Tán ra thành bụi).

Đây là đem một sợi lông chẻ thành một trăm sợi, vậy thật giống như là vi trần.

"***Dĩ nhất mao trần, chiêm hải nhất trích.***"
(Lấy một hạt bụi ấy thấm vào nước biển, một giọt nước biển).

Đem hạt bụi lông đó nhúng vào trong nước biển một cái thì trên hạt bụi có một giọt nước, giọt nước này e rằng nhục nhãn chúng ta không nhìn thấy được, phải dùng kính hiển vi để xem. Phật nói giọt nước này so sánh với nước biển, cái nào nhiều hơn? Dĩ nhiên là biển nhiều rồi.

"***A-nan! Bỉ Mục-kiền-liên đẳng sở tri số giả.***"
(A-nan, đó chính là con số mà các vị "Mục-kiền-liên" kia có thể tính được).

Câu "Bỉ Mục-kiền-liên" là thí dụ, tức là mười phương chúng sanh đều thành Duyên Giác, năng lực đều giống như Mục-kiền-liên, thọ mạng là vạn ức tuổi, mọi người cùng nhau để tính đếm số người của thế giới Tây Phương Cực Lạc, **số người có thể tính ra được thì giống như nước trên hạt bụi lông, còn số người chưa đếm được thì giống như nước trong biển lớn**. Đây là tỉ dụ thứ hai. Đây là trong ba hạng người của Thế giới Tây Phương Cực Lạc chỉ nêu ra hạng Thanh Văn, tại sao vậy? Vì trong ba hạng người này thì Thanh Văn là ít nhất, số Bồ-tát và số người đới nghiệp vãng sanh là nhiều nhất. Nêu ra cái tỉ dụ tối thiểu, rồi lại thêm vào số người đới nghiệp vãng sanh, thêm vào số Bồ-tát chúng, vậy họ làm sao có thể tính ra được! Điều này thật là không thể nghĩ bàn!

Đoạn sau đây, thọ mạng thảy đều bao gồm trong đó:

"***Bỉ Phật thọ lượng.***"
(Thọ mạng của Phật).

Cũng là dài lâu, không thể tính được.

"***Cập chư Bồ-tát, Thanh Văn, thiên, nhân.***"

(Và chúng Bồ-tát, Thanh Văn, thiên, nhân).

Vừa rồi nêu ra thí dụ Bồ-tát, Thanh Văn, thiên, nhân, chỉ nói Thanh Văn (không có nói Bồ-tát và thiên, nhân bởi vì Bồ-tát, thiên, nhân thì nhiều, Thanh Văn ít nhất, giống như tỉ dụ phía trước).

"***Thọ lượng diệc nhĩ.***"

(Thọ mạng cũng vậy).

Đây là vô lượng thọ, tuy nói là vô lượng của hữu lượng, nhưng đối với khả năng đo lường của chúng ta thì thật sự là vô lượng. Ai có thể tính ra được cái hữu lượng này? Chỉ có chư Phật có thể biết, Bồ-tát trở xuống đều không biết, chúng ta phải biết điều này. Chớ nghĩ rằng A-di-đà Phật tương lai nhập Niết-bàn, chúng ta niệm Phật đến lúc chúng ta mạng chung thì A-di-đà Phật đã nhập Niết-bàn rồi, vậy thì hỏng cả phải không? Ai đến tiếp dẫn chúng ta, điều này mới là buồn cười! Người này thật là, thế sao gọi là Vô Lượng Thọ được? Họ ngỡ rằng A-di-đà Phật chẳng qua chỉ là mấy mươi tuổi, một trăm tuổi mà thôi, đây gọi là phỉ báng Phật, không biết ý nghĩa hai chữ "vô lượng", đây là chuyện đại buồn cười!

"***Phi dĩ toán kế, thí dụ chi sở năng tri.***"

(Không thể lấy toán số, thí dụ mà biết được).

Sự "*toán kế*", khi nãy đã nói rồi, mười phương chúng sanh đều thành Duyên Giác, năng lực đều giống như Mục-kiền-liên, cũng tính không ra được. "*Thí dụ*" là như nước biển so với nước trên lông mao trần cũng tỉ dụ không ra được, không phải toán số, tỉ dụ mà có thể biết được, đây là thọ mạng trường cửu không thể tính được.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 15

BẢO THỤ BIẾN QUỐC ĐỆ THẬP TỨ
PHẨM MƯỜI BỐN: CÂY BÁU KHẮP NƯỚC

Chương này Thế Tôn giới thiệu y báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương, cũng là sự thực hiện của bổn nguyện Di-đà.

"***Bỉ Như Lai quốc.***"
(Cõi nước của Đức Như Lai kia).

Đây là gọi thế giới Tây Phương Cực Lạc, quốc độ của A-di-đà Phật.

"***Đa chư bảo thụ, hoặc thuần kim thụ, thuần bạch ngân thụ, lưu ly thụ, thủy tinh thụ, hổ phách thụ, mỹ ngọc thụ, mã não thụ. Duy nhất bảo thành, bất tạp dư bảo.***"
(Có nhiều cây báu, có cây thuần bằng vàng, hoặc thuần bạc, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, mỹ ngọc, mã não, chỉ do một thứ báu mà thành, không xen lẫn báu khác).

Đây cũng là nêu vài tỉ dụ. Mấy loại báu vật này thế giới của chúng ta cũng có, chúng ta đều có khái niệm. Thế gian của chúng ta nếu không có những loại trân bảo này thì Phật không nói, nói ra chúng ta cũng không biết, cũng vô phương tưởng tượng, cho nên đã rút gọn lại. Mặc dù Phật ở trong kinh nói đến những thứ báu này, trên thực tế những thứ báu này của thế gian chúng ta là tương tợ với thế giới Tây Phương, tức là chỉ giống một chút thôi. Bảo vật của thế giới Tây Phương so với chúng ta nơi đây còn thuần hơn nhiều, không những có ánh sáng mà lại còn có mùi thơm. Bảo vật của chúng ta nơi đây nhìn thì rất đẹp nhưng không thể phóng quang, vậy có loại có ánh sáng màu thì sao? Như đá quý, kim cương nó là ánh sáng phản xạ, bản thân nó không thể phóng quang. Bản thân bảo vật của Tây Phương đều tỏa ra ánh sáng, đều có mùi thơm, báu vật tương tợ của thế giới phương khác đều không thể so sánh được.

"***Hoặc hữu nhị bảo tam bảo, nãi chí thất bảo, chuyển cộng hợp thành.***"
(Hoặc do hai, ba cho đến bảy báu xen nhau hợp thành).

Đây là nói rõ, cũng có không ít những cây do nhiều thứ báu hợp thành, có những thứ đơn thuần, có những thứ hợp thành. Cho nên cảnh giới này thật sự mà nói là đẹp không kể xiết! Tiếp theo nêu ra vài tỉ dụ để nói:

"***Căn, hành, chi, cán, thử bảo sở thành.***"
(Gốc thân cành nhánh do báu này thành).

Đây là một loại báu.

"***Hoa, diệp, quả thực, tha bảo hóa tác.***"
(Hoa, lá, quả do báu khác thành)

Còn hoa, lá và quả là loại trân bảo khác biến hóa mà thành.

"***Hoặc hữu bảo thụ, hoàng kim vi căn, bạch ngân vi thân, lưu ly vi chi, thủy tinh vi sao.***"
(Có cây gốc bằng vàng, thân bằng bạc, lưu ly làm cành, thủy tinh làm ngọn).

"*Sao*" là phần chót ngọn cây, rất mảnh dẻ.

"***Hổ phách vi diệp, mỹ ngọc vi hoa, mã não vi quả.***"
(Hổ phách làm lá, mỹ ngọc làm hoa, mã não làm quả)

Đây là nói rõ cây báu là do nhiều thứ trân bảo làm thành.

"***Kỳ dư chư thụ, phục hữu thất bảo, hỗ vi căn cán, chi diệp hoa quả, chủng chủng cộng thành.***"
(Các cây khác cũng do bảy báu hợp lẫn nhau làm gốc thân cành lá hoa quả).

Chúng ta nhận thấy cảnh giới này đích thực là vô cùng trang nghiêm! Thế gian chúng ta hình dung cái đẹp của hoàn cảnh này, gọi là "rực rỡ xán lạn", đó chỉ là hình dung mà thôi. Nếu dùng bốn chữ này để khen ngợi thế giới Tây Phương thì đích thực là "*danh phù kỳ thực*" (danh hợp với thực) chẳng chút quá đáng. Đây là thuộc về quả báo.

Từ quả báo thù thắng này chúng ta phải liên tưởng đến nhân duyên của nó. Thế giới đó tại sao có quả báo thù thắng như vậy? Phật dạy rằng thế xuất thế gian pháp đều không lìa khỏi nhân quả, có nhân thì nhất định có quả, có quả đương nhiên có nhân. Tâm của người ở thế giới Tây Phương thanh tịnh bình đẳng, cảm được "*đại địa quảng bác kỳ bình như thường*" (mặt đất luôn rộng rãi, bằng phẳng), có thể nói đây là cảm ứng. Những thứ cây báu đó thật sự mà nói là vô lượng công đức trang nghiêm. Di-đà từ lúc sơ phát tâm tu nhân chứng quả, quảng độ chúng sanh, công đức vời vợi. Mỗi người vãng sanh, tạo ác sám hối vãng sanh vẫn là thiểu số, công đức ấy cũng không thể nghĩ bàn, chúng ta không có cách gì tưởng tượng được. Thông thường, cửu phẩm vãng sanh, tín nguyện trì danh cũng

là tu tích vô lượng công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ, cho nên có quả đức thù thắng như vậy.

Chúng ta thấy được tình hình này, nhất định phải biết tu nhân, Phật pháp từ đầu đến cuối đều chú trọng tu hành, tức là phải thật làm. Tam huệ của Bồ-tát là "văn tư tu". "Văn tư tu" là một lần hoàn thành, không phải chia làm ba giai đoạn. Điều này quý vị nhất định phải biết. **"Văn" nghĩa là tiếp xúc**, dùng chữ này để đại biểu. Chúng ta mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, sự tiếp xúc này gọi là "văn". **"Tư" là hiểu rõ**, mỗi người chúng ta thường đối với bất cứ sự việc gì, "Ồ! Để tôi suy nghĩ", suy nghĩ thì hiểu rõ, còn Bồ-tát có cần suy nghĩ không? Nếu suy nghĩ thì họ đã trở thành phàm phu mất rồi! Tại sao vậy? Vì đã rơi vào thức thứ sáu (ý thức), Bồ-tát vừa tiếp xúc thì hiểu rõ ngay. Lấy chữ "tư" này làm đại biểu. Hiểu rõ thì đương nhiên không mê, không rõ thì mê. Từ **chỗ không mê, chúng ta gọi đó là "tu".** Do đây có thể biết "văn tư tu" tam huệ là một lần hoàn thành, một mà ba, ba mà một. Nói "văn" thì trong đó đồng thời đã có "tư, tu" còn nói "tu" thì đồng thời đầy đủ "văn, tư". Đây là Bồ-tát Hạnh, không giống như chúng ta. Năng lực này là từ đâu đến? Từ "Giới Định Huệ" mà đến. **Cho nên chỗ tu của Tiểu Thừa là Giới Định Huệ Tam Học, còn chỗ tu của Đại Thừa là Văn Tư Tu Tam Huệ** - Văn Huệ, Tư Huệ, Tu Huệ đều là huệ, huệ đó là huệ nào? Là chữ Huệ của Giới Định Huệ. Có thể thấy Bồ-tát Hạnh là lấy Giới Định Huệ Tam Học làm nền tảng. Giới Định Huệ Tam Học lại lấy "Tam Phước, Lục Hòa" làm nền tảng, Tam Phước, Lục Hòa là nền tảng của nền tảng, phải làm mới được, không làm thì không được. Chúng ta bình thường niệm câu A-di-đà Phật, trong câu Phật hiệu này đầy đủ cả **Tam Huệ, Tam Học, Lục Hòa, Tam Phước**. Trong câu Phật hiệu này thảy đều đầy đủ thì niệm câu Phật hiệu này mới tương ưng. Cổ đức có nói "*nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật*". Thế nào gọi là tương ưng? Tức là chúng ta thật sự làm được, thật sự y giáo phụng hành. Cho nên mới có quả thù thắng trang nghiêm như vậy.

Lại xem phần kinh văn tiếp theo:

"***Các tự dị hàng, hàng hàng tương trị.***"
(Mỗi loại một hàng, hàng hàng thẳng lối).

"*Các tự*" tức là những cây này cũng có phân chủng loại, từng loại từng loại ngay ngắn chỉnh tề, một chút cũng không tạp, không loạn. "*Các tự dị hàng*", nó được chia rất rõ ràng thì trở nên vô cùng xinh đẹp, hàng hàng thẳng lối chỉnh tề.

Nó không phải là do nhân công trồng, mà là tự nhiên chỉnh tề ngay thẳng như vậy.

"***Hành hành tương vọng, chi diệp tương hướng, hoa thực tương đương, vinh sắc quang diệu, bất khả thắng thị.***"

(Thân cây ngang nhau, cành lá hướng nhau, hoa quả xứng nhau, màu sắc rực rỡ tươi đẹp không thể thấy hết được).

Những cây này không những được phân chia chủng loại rất rõ ràng mà hình dáng của cây, thật giống như nhà nghệ thuật vẽ ra, an bài đẹp đẽ, khiến bạn thấy vô cùng đẹp, đẹp không thể tả! Cây không phải mọc rất tạp loạn. Cây cối của thế giới chúng ta đều rất tạp loạn. Bạn xem, vẫn phải sửa sang cắt tỉa mà vẫn không ngay, nguyên nhân là gì? Là do tâm chúng ta rất loạn, ý niệm rất loạn, điều này có quan hệ mật thiết với cảnh giới bên ngoài. Trong pháp Đại Thừa thường nói "*y báo chuyển theo chánh báo*". "Y báo" là hoàn cảnh của chúng ta, "chánh báo" là nhân tâm, nhân tâm thanh tịnh thì hoàn cảnh cũng thanh tịnh, nhân tâm tạp loạn thì cảnh giới bên ngoài cũng tạp cũng loạn, là đạo lý như vậy.

"***Thanh phong thời phát, xuất ngũ âm thanh.***"

(Khi gió mát thổi, cây phát ra tiếng ngũ âm).

Thế giới Cực Lạc có gió mát, không có gió bão, gió mát thổi lên trên thân rất thoải mái. Những làn gió này thổi đến lá cây hoa quả, những lá cây hoa quả này đều là trân bảo, gió thổi những trân bảo này đụng vào nhau thì âm thanh ấy hay vô cùng. Thế gian chúng ta có chuông gió, cây cối hoa cỏ của Tây Phương so với chuông gió của chúng ta còn đẹp hơn. "*Xuất ngũ âm thanh*", năm thứ âm thanh này, dùng cách nói hiện nay mà nói là nhạc giao hưởng. Trung Quốc ngày xưa dùng loại đàn như là đàn tranh có ngũ âm (Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ). Còn nhạc khí Tây phương hiện nay là bảy âm (đô rê mi fa son la si), ngũ âm này là chỉ cho bảy âm này vậy. Đây tức là nói gió thổi vào cây báu thì giống như hòa tấu nhạc giao hưởng vậy.

"***Vi diệu cung thương, tự nhiên tương hòa. Thị chư bảo thụ, châu biến kỳ quốc.***"

(Cung bậc vi diệu, tự nhiên hòa hợp. Các cây báu này cùng khắp trong cõi nước).

Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, có thể thấy được những thứ cây báu này khắp các nơi.

Lại xem phẩm tiếp theo:

BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG ĐỆ THẬP NGŨ
PHẨM MƯỜI LĂM: BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG

"***Hựu kỳ đạo tràng, hữu Bồ-đề thọ, cao tứ bá vạn lý, kỳ bổn chu vi ngũ thiên do-tuần, chi diệp tứ bố nhị thập vạn lý.***"

(Nơi đạo tràng có cây Bồ-đề cao bốn trăm vạn dặm, chu vi gốc cây rộng năm ngàn do-tuần, cành lá xòe ra bốn phía đến hai mươi vạn dặm).

Trong Phật pháp có mấy cách nói về "đạo tràng", nơi Đức Phật thành đạo chúng ta gọi là đạo tràng, như nơi Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện thành đạo. Cách nói thứ hai là nơi tu hành gọi là đạo tràng, bất luận là nơi một cá nhân tu hành hay là nơi mọi người cộng tu đều gọi là đạo tràng. Cách nói thứ ba là nơi giảng kinh thuyết pháp gọi là đạo tràng. Chữ "đạo tràng" ở đây là chỉ cho chỗ giảng kinh thuyết pháp của A-di-đà Phật. Đạo tràng của Phật giảng kinh thì cảm ứng tự nhiên lại càng không thể nghĩ bàn! Cho nên cây của đạo tràng sánh với cây thường lại càng cao hơn, lớn hơn, trang nghiêm hơn.

"***Nhất thiết chúng bảo tự nhiên hợp thành, hoa quả phu vinh, quang huy biến chiếu.***"

(Do các báu tự nhiên hợp thành, hoa quả sum suê chói sáng cùng khắp).

Đây là hình dung hoàn cảnh chung quanh nơi đạo tràng thuyết pháp của Đức Di-đà.

"***Phục hữu hồng lục thanh bạch, chư ma-ni bảo, chúng bảo chi vương, dĩ vi anh lạc, Vân Tụ bảo tỏa, sức chư bảo trụ.***"

(Lại có các ngọc ma-ni hồng lục xanh trắng, là các báu quý nhất, dùng làm anh lạc, khóa báu Vân Tụ trang hoàng các cột báu)".

Không chỉ là cây báu thành hàng mà giữa hàng cây còn có rất nhiều sự trang nghiêm. Giống như mấy ngày này chúng ta thấy con đường Orchard này, đặc biệt là ban đêm, khi ánh đèn mở lên. Bạn xem, những cây trên đường phố đều được trang hoàng rất nhiều, ánh đèn này đẹp không kể xiết. Thế giới Tây Phương giữa những hàng cây đó cũng có, so với đây còn đẹp hơn trên đường Orchard. Ở đây chúng ta dùng ánh đèn nhỏ để làm, còn người ta thì dùng ngọc ma-ni (là vua của các báu). Hột xoàn của thế giới này lớn tí ti thì giá trị cao vô cùng, còn hột xoàn nhỏ nhất của thế giới Tây Phương, so với cái mõ này còn lớn hơn nhiều, những thứ này vô cùng quý giá, rất nhiều! Có rất nhiều màu sắc: xanh đỏ lục trắng…

"*Ma-ni*" là tiếng Phạn, ý nghĩa của nó là như ý bảo. Chúng ta được thứ bảo này thì giống như trong truyện thần thoại "Cây Đèn Thần" của ngoại quốc vậy, chúng ta muốn gì thì nó biến ra thứ đó, ma-ni bảo của Thế giới Tây Phương là như vậy, là vua của các thứ báu.

"*Dĩ vi anh lạc*", "*anh lạc*" là đồ trang trí trên cây, trang trí giữa các nhánh cây. Làm sao biết được ở giữa có những nhánh cây? Vì giữa các nhánh có cột trụ. Phía dưới nói "*Vân Tụ bảo tỏa, sức chư bảo trụ*". Những cây trụ này cũng là bảy báu, giữa những hàng cây được sắp bày vô cùng chỉnh tề. Những thứ này không phải là nhân tạo, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không có người đi làm những việc này, đều là tự nhiên biến hiện ra. "*Vân Tụ bảo tỏa*", tại những cung điện kiểu xưa ở Trung Quốc, nơi tiếp nối giữa cây xà và trụ có cái khóa giống hình tam giác, gọi là "*Vân Tụ bảo tỏa*", dùng để khóa chỗ nối giữa cây xà và cột trụ, làm cho nó kiên cố, nó cũng là tác phẩm nghệ thuật cao cấp, điêu khắc vô cùng tinh vi, xinh đẹp. Đây là vật trang sức trên cây xà và trụ.

"***Kim châu linh đạc***".
(Chuông làm bằng vàng ngọc).

Linh châu ở đây chúng ta gọi là cái chuông reo.

"***Châu táp điều gian***".
(Treo khắp các cành cây).

Là chuông reo buộc vào ở giữa các màng lưới, khi gió thổi đến phát ra âm thanh lại càng hay, âm thanh rất vi diệu.

"***Trân diệu bảo võng, la phú kỳ thượng.***"
(Lưới võng quý đẹp giăng mắc trên không).

Trên những cột trụ là lưới báu, những thứ lưới này đều thuộc về vật trang sức. Thế giới Tây Phương rất thanh tịnh không thể có bụi bặm, không có ô nhiễm, cho nên loại lưới này là dùng để trang sức.

"***Bá thiên vạn sắc, hỗ tương ánh sức, vô lượng quang viêm, chiếu diệu vô cực. Nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện.***"
(Vô lượng tia sáng phản chiếu lẫn nhau rất vi diệu. Tất cả trang nghiêm tùy vào tâm niệm của mỗi người mà ứng hiện).

Ở đây, điều mà chúng ta lưu ý là câu "*nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện*". Cảnh đã đẹp như vậy rồi, nếu chỉ là quang cảnh đẹp đẽ thì không được kể

là hiếm lạ, điều hiếm lạ là "*nhất thiết trang nghiêm tùy ứng nhi hiện*", "hiện" cái gì? Trong tâm chúng ta muốn xem một thế giới nào, muốn xem một địa phương nào thì cảnh tượng ấy liền hiện ra, giống như chúng ta xem truyền hình vậy, truyền hình còn phải ấn nút, chuyển kênh, còn bên đó không cần, vừa động niệm thì cảnh giới ấy liền hiển hiện ngay trong đó. Chúng ta vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bỗng nhiên nghĩ đến Cư Sĩ Lâm Singapore thì quang cảnh Cư Sĩ Lâm lập tức hiện ra ngay trước mắt, bạn đều thấy cả. Cho nên mười phương thế giới, quá khứ hiện tại vị lai đều thấy được cả, đây là "*nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện*". Vậy lợi ích trong đây quá lớn, nếu chúng ta đối với quá khứ, hiện tại, vị lai thảy đều hiểu rõ, nhân quá khứ, quả hiện tại, nhân hiện tại và quả vị lai, bạn triệt để minh bạch rõ ràng những nhân quả này, thì bạn một tơ hào đều không mê hoặc. Phật nói "*nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định*" (một miếng ăn, một ngụm nước đều được định sẵn), chúng ta là đệ tử Phật, nghe rồi đương nhiên cũng tiếp nhận. Sự tiếp nhận này không phải là thật sự tiếp nhận, bởi vì đã nghe nhiều rồi nên tiếp nhận một cách chết cứng, hồ đồ cẩu thả mà tiếp nhận. Rốt cuộc là sự việc như thế nào? Bên trong có rất nhiều dấu hỏi, nếu quả thật đã hiểu rõ, thật sự chấp nhận thì bạn đã trở thành Bồ-tát rồi, bạn không phải là phàm phu, khởi tâm động niệm của bạn, tất cả hành trì, tự nhiên khác với phàm phu thông thường. Hạng phàm phu thông thường tạo nghiệp thọ báo còn bạn thì không. Bạn thật đã rõ ràng chân tướng sự thật rồi, vừa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, những thứ này Phật không cần nói, bạn hoàn toàn đều thấy cả, chính mắt thấy những sự thật này, đừng nói là kẻ khác, nhìn chính mình, việc tạo nhân thọ báo của chính mình từ vô lượng kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp đều biết rất rõ ràng.

"***Vi phong từ động, xuy chư chi diệp, diễn xuất vô lượng diệu pháp âm thanh. Kỳ thanh lưu bố, biến chư Phật quốc, thanh sướng ai lượng, vi diệu hòa nhã. Thập phương thế giới, âm thanh chi trung, tối vi đệ nhất.***"

(Gió nhẹ thổi đến lay động cành lá phát ra vô lượng âm thanh diệu pháp, vang khắp các cõi Phật. Âm thanh thanh tịnh sảng khoái vi diệu hòa nhã, tối thắng bậc nhất trong các âm thanh ở mười phương thế giới).

Gió thổi vào, cành lá của cây phát ra âm thanh mỹ miều tuyệt diệu, nó còn có thể nói pháp. Ở thế gian này của chúng ta, cho dù có nhiều chuông gió đi nữa thì nó cũng không thể nói pháp, chỉ là vui tai mà thôi. Diệu âm này ở thế giới Tây Phương có thể nói pháp, nói Pháp môn mà bạn thích nghe. Lại còn có việc kỳ diệu: Tôi thích nghe A-di-đà Phật nói pháp thì nghe được âm thanh của A-di-đà Phật, người khác thích nghe Thích-ca Mâu-ni Phật nói pháp thì quả thật là Thích-

ca Mâu-ni Phật đang nói pháp, điều này cực kỳ tuyệt diệu! Tất cả cảnh giới tùy tâm biến hóa. Cho nên tôi thường khuyên các bạn đồng tu, "*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*", đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để học, giản tiện, vững vàng! Còn bây giờ thì sao? Chúng ta phải hết lòng hết sức cầu vãng sanh, những việc khác không làm, chuyên cầu vãng sanh. Chúng ta biết được sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì tất cả nguyện vọng của chúng ta đều được viên mãn. Nếu không sanh đến thế giới Tây Phương, thật sự mà nói, những nguyện vọng đó thảy đều thất bại, nhất định không thể trở thành sự thật được. Cho nên câu "*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*", nhất định là phải đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để được viên mãn.

Âm thanh thuyết pháp của Phật cùng khắp pháp giới, chỗ này là nói lục trần thuyết pháp. Thế giới Tây Phương lục trần thuyết pháp, Pháp âm ấy cũng cùng khắp pháp giới. Do đây có thể biết lục trần của thế giới Tây Phương Cực Lạc đích thực là sự lưu lộ của tự tánh công đức của Như Lai, không phải là nghiệp báo thiện ác của phàm phu chúng ta. Cho nên âm thanh của Ngài cùng khắp pháp giới. Câu sau cùng chúng ta phải chú ý là, "*thập phương thế giới âm thanh chi trung, tối vi đệ nhất*", tất cả âm thanh của mười phương thế giới không thể sánh bằng. Vậy thì chữ "*đệ nhất*" có nghĩa là gì? Nghiêm khắc thật sự mà nói tức là diệu âm của sáu chữ hồng danh "Nam-mô A-di-đà Phật".

"***Nhược hữu chúng sanh đổ Bồ-đề thụ.***"
(Nếu chúng sanh nào thấy được cây Bồ-đề).

Đương nhiên khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì có thể nhìn thấy được cây này, trong bổn nguyện đã nói, cho dù là kẻ thiện căn kém cỏi cũng có thể thấy được rõ ràng.

"***Văn thanh***".
(Nghe tiếng).

Nghe được âm thanh của cây báu nói pháp.

"***Khứu hương***".
(Ngửi mùi).

Cây báu này có mùi thơm.

"***Thường kỳ quả vị***".
(Nếm trái).

Cây này có trái, bạn có thể thưởng thức mùi vị của nó.

"***Xúc kỳ quang ảnh***".
(Chạm được ánh sáng).

Đây là không thể nghĩ bàn! Cây phóng quang, thân bạn chạm đến bóng cây.

"***Niệm thụ công đức.***"
(Nghĩ đến công đức của cây).

Công đức của cây thật sự không thể nghĩ bàn! Có thể nói pháp, có thể hiển hiện mười phương ba đời tất cả cảnh giới.

"***Giai đắc lục căn thanh triệt, vô chư não hoạn, trụ Bất Thoái chuyển, chí thành Phật đạo.***"
(Đều được sáu căn thanh tịnh, không có não loạn, trụ vào Bất Thoái chuyển cho đến khi thành Phật).

Công đức của cây thật sự quá lớn, thật là không thể nghĩ bàn, bạn thấy được cây, nghe được âm thanh của cây, âm thanh thuyết pháp, ngửi được mùi hương của cây, cho đến chạm được ánh sáng hoặc bóng cây đều có thể giúp bạn tiêu nghiệp chướng, có thể giúp bạn diệt tội, đoạn phiền não, giúp bạn khai ngộ, được sáu căn thanh tịnh không còn các thứ não hoạn, "*vô chư não hoạn*" tức là đoạn phiền não, tiêu nghiệp chướng. "*Trụ Bất Thoái chuyển*", "*Bất Thoái*" đương nhiên là tinh tấn rồi, tinh tấn bất thoái mãi cho đến thành Phật. Cái trợ duyên của hoàn cảnh này đối với chúng ta là vô cùng quan trọng! Không những đối với chúng ta, mà đối với Bồ-tát đều vô cùng quan trọng! Nếu không có hoàn cảnh trợ duyên tốt thì rất dễ thoái chuyển. Ở trong hoàn cảnh này tại sao lại không thoái chuyển? Bởi vì bạn có thể thấy được thế giới của mười phương chư Phật, bạn có thể thấy được các thứ hiện tượng của quá khứ, hiện tại, vị lai. Bạn có thể thấy được mười phương chư Phật thuyết pháp, bạn làm sao có thể thoái chuyển? Đây là cái cái nhân chân thật của sự bất thoái chuyển.

"***Phục do kiến bỉ thụ cố, hoạch tam chủng Nhẫn.***"
(Lại nếu thấy được cây ấy thì được ba Nhẫn).

Đây là sự gia trì của bổn nguyện Di-đà, chúng ta đã đọc được ở trong bốn mươi tám nguyện.

"***Nhất Âm Hưởng Nhẫn, nhị Nhu Thuận Nhẫn, tam giả Vô Sanh Pháp Nhẫn.***"

(Một là Âm Hưởng Nhẫn, hai là Nhu Thuận Nhẫn, ba là Vô Sanh Pháp Nhẫn).

"*Âm Hưởng*", "*âm*" là âm thanh thuyết pháp, "*hưởng*" là chỉ cho chỗ nói phía trước: "*Vi phong từ động*", đây là cung thương vi diệu, những loại âm nhạc giao hưởng này, nghe đến những thứ hưởng này. Khi nghe pháp, chúng ta có thể lĩnh hội được pháp lạc, giảng kinh nói pháp tại giảng đường này, có rất nhiều người nghe cảm thấy rất khô khan, vô vị. Nếu đem lời giảng kinh phối thành âm nhạc để xướng lên. Ôi chao! Cách đó hay quá, số thính chúng so với hiện tại còn vượt hơn, không chỉ là mười lần, một trăm lần mà còn có thể bán vé nữa. Nếu lại còn có phần biểu diễn ở trên sân khấu nữa thì càng thù thắng. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc nghe pháp không phải là khô khan vô vị như vậy, nó là diễn tấu nhạc giao hưởng vả lại còn thêm phần biểu diễn, cho nên sau khi nghe giảng xong, con người rất dễ khai ngộ. Sau khi khai ngộ, đối với tất cả pháp thảy đều minh bạch, tự nhiên có thể "nhẫn" được, không còn so đo nữa. Như trong Kinh Kim Cang nói "*phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*" (hễ có hình tướng đều là hư vọng), còn cái gì đáng để so đo nữa chứ! "*Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh*", chúng ta ở đây niệm vài câu kinh văn thì rất khó nghĩ đến cảnh giới bên trong, còn tại thế giới Tây Phương Cực Lạc, "*mộng huyễn bào ảnh*" này đều là hư vọng, chính mắt bạn nhìn thấy, chính bản thân bạn tiếp xúc đến, vì sao thế? Quá khứ, hiện tại, vị lai cả thảy đều ở trước mắt bạn, bạn quả thật thấy rõ ràng, bạn mới biết được chân tướng của sự thật này. Phật vừa nói, bạn xem lại thì trong tâm đã hiểu rõ, đã định rồi, từ chỗ này lại nâng cao lên.

"*Nhu Thuận Nhẫn*", "*nhu*" là tâm ý nhu hòa, là hằng thuận chúng sanh. Phổ Hiền Bồ-tát hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Lại hướng lên cao nữa, "*Vô Sanh Pháp Nhẫn*", đích thực chứng được: tất cả pháp vốn tự không sanh thì làm gì có diệt? Tất cả pháp không sanh, không diệt thì giống như Lục Tổ lúc khai ngộ nói: "*Hà kỳ tự tánh bổn lai thanh tịnh, hà kỳ tự tánh bổn vô sanh diệt*", không những không sanh diệt mà cũng không lay động, "*vốn là đầy đủ nên có thể sanh ra vạn pháp*". Ngài nói năm câu này. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, tự bạn đều chứng được, đây tức là đã nhập vào cảnh giới *Vô Sanh Pháp Nhẫn* rồi.

Ba loại nhẫn này ở trên địa vị Bồ-tát mà nói: *Âm Hưởng Nhẫn* là Biệt Giáo Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa, không phải là Viên Giáo. *Nhu Thuận Nhẫn* là Tứ Ngũ Lục Địa. *Vô Sanh Pháp Nhẫn* là Thất Bát Cửu Địa. Cảnh giới của Địa Thượng Bồ-tát, chúng ta tuy vốn là phàm phu, ở trong hoàn cảnh này tu học đích thật rất dễ dàng khiến chúng ta thật sự chứng được quả vị của Bồ-tát. Ở phía trước đã nói

qua, trí huệ, thần thông đạo lực của chúng ta đều là A-di-đà Phật gia trì, hình như đều là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa Bồ-tát. Đó là Phật lực gia trì, không phải tự mình tu thành. Đến chỗ này đích thực là tự mình nâng lên, tự mình đích thực chứng được cảnh giới này.

"***Phật cáo A-nan: "Như thị Phật sát, hoa quả thụ mộc, dữ chư chúng sanh nhi tác Phật sự.***""

(Phật bảo A-nan: "Hoa quả cây cối và các chúng sanh cõi Phật ấy làm các Phật sự").

"*Phật sự*" mà trong Phật pháp nói là giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. **Còn hiện nay thì sao? Thời gian tiếp xúc với kinh điển ít hơn, trong cửa Phật phần nhiều đều lấy Phật sự kinh sám siêu độ người chết cho là Phật sự, cho nên nghe đến "Phật sự" rất dễ dẫn đến hiểu lầm.**

Việc siêu độ vong linh trong Phật giáo xuất hiện rất trễ. Thời xưa ở Ấn Độ không có, khi Phật giáo được truyền đến Trung Quốc, lúc ban đầu cũng không có. Sự việc này xảy ra như thế nào? Chúng ta cũng không có cách gì để khảo chứng.

Năm xưa, tại buổi Phật Học Giảng Tòa tại trường Đại Học Đài Loan do Pháp Sư Đạo An chủ trì đã từng có học sinh nêu ra vấn đề này. Vừa đúng hôm đó, tôi cũng có mặt để nghe lão Pháp Sư nói. Ngài nói sự việc này có thể là bắt nguồn từ năm Khai Nguyên triều nhà Đường. Năm đó quốc gia xảy ra tai nạn rất lớn, An Lộc Sơn tạo phản, nhờ có Quách Tử Nghi bình định được nội loạn. Sau này nhà nước xây một ngôi chùa tại mỗi chiến trường lớn, gọi là Khai Nguyên tự. Cho nên trong những chiến trường xưa đều xây chùa Khai Nguyên. Về sau, những nơi không phải là chiến trường hình như cũng có Khai Nguyên tự, ngay cả ở Đài Bắc và Đài Loan đều có Khai Nguyên tự, Khai Nguyên tự là từ như vậy mà có. Lúc đó là nhà nước đề xướng, mở lễ truy điệu, thỉnh các vị Cao Tăng Đại Đức tụng kinh siêu độ. Truy điệu có thể là bắt nguồn từ đây. Nhà nước đã làm như vậy để siêu độ những quân nhân tử nạn. Về sau trong dân gian, trong nhà có người chết cũng thỉnh Pháp sư đến siêu độ, có thể là từ đây mà có. Trong Phật Pháp đây đích thực là công việc phụ thêm, không phải công tác chủ yếu của Phật môn. Nhưng hiện nay thì sao? Đã trở thành việc chính rồi. Hiện nay tại Đài Loan, rất nhiều đạo tràng lấy việc siêu độ làm chủ yếu, cho dù có giảng kinh, trong một năm thời gian giảng kinh cũng rất ngắn, rất ít. Có những chùa trong một năm giảng kinh chỉ có bốn lần, vào bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông, một lần giảng một tuần, một

năm giảng bốn tuần lễ. Cho nên giảng kinh đã biến thành việc phụ, còn công việc siêu độ đã biến thành Phật sự chủ yếu. Điều này chúng ta phải nhận thức cho rõ ràng. Trước đây, Phật sự là giảng kinh thuyết pháp.

"***Thử giai Vô Lượng Thọ Phật, oai thần lực cố, bổn nguyện lực cố, mãn túc nguyện cố, minh liễu, kiên cố, cứu cánh nguyện cố.***"

(Là do sức oai thần, sức bản nguyện, mãn túc nguyện, do nguyện rõ ràng, kiên cố, rốt ráo của Phật Vô Lượng Thọ vậy).

Đoạn này vô cùng quan trọng! Phía trước đều là nói về quả đức, sau cùng, Thích-ca Mâu-ni Phật nói ra nhân duyên này. Đây là sự biến hóa của oai đức thần thông của A-di-đà Phật, là bổn nguyện lực của A-di-đà Phật. Ngài ở nhân địa phát đại nguyện này, hiện nay đã thành Phật rồi, thế giới của Ngài và các thứ trang nghiêm thật sự đã được hoàn toàn thực hiện. "*Mãn túc nguyện*", "*mãn*" là viên mãn, không có một tơ hào khiếm khuyết. Do đây có thể biết tu nhân của Phật là viên mãn, nhân viên mãn thì quả mới viên mãn. Chúng ta thấy các thứ trang nghiêm đích thật là vượt qua tất cả cõi nước của chư Phật, nhân viên quả mãn. "*Minh liễu*" là trí huệ, thế giới đó không chỉ là Phật, Bồ-tát mà tất cả mọi người, tất cả vạn vật, vạn sự đều tràn đầy trí huệ. Cho nên đến nơi đó thì phá mê khai ngộ không khó. Chúng ta ở nơi đây rất khó! Đến nơi đó một chút đều không khó. Nguyên nhân là tại nơi đó hoàn cảnh tràn đầy trí huệ, vạn vật đều tràn đầy trí huệ. "*Kiên cố*" là không thoái chuyển. Ở trong hoàn cảnh đó nhất định không có cái duyên thoái chuyển, tất cả trợ duyên đều là giúp bạn tinh tấn, không có thoái chuyển, không có chướng ngại. "*Cứu cánh*" là nói cứu cánh viên mãn thành Phật, là như vậy mà thành tựu. Đây là nói ra nhân và duyên, chúng ta thấy được "*nhân viên quả mãn*" của Di-đà Thế Tôn. Điều quan trọng là chúng ta ở chỗ này phải học tập, chúng ta ở trong đời sống hiện thực phải làm sao để tu học, điểm này rất quan trọng!

ĐƯỜNG XÁ LÂU QUÁN ĐỆ THẬP LỤC
PHẨM MƯỜI SÁU: NHÀ CỬA LẦU GÁC

"*Đường*" là giảng đường, là nơi chốn tụ hội của mọi người, đường cũng là điện, điện và đường là một nghĩa. Còn "*xá*" là chỗ nghỉ ngơi cư ngụ của tư nhân. Thời xưa gọi là "cung", là ý nghĩa này, cung và xá là giống nhau. "*Lâu quán*", hai tầng trở lên gọi là lâu (lầu). Đây giống như đình đài lâu các của Trung Quốc, là một loại nơi chốn để nghỉ ngơi.

"***Hựu Vô Lượng Thọ Phật giảng đường, tinh xá, lâu quán, lan thuẫn, diệc giai thất bảo tự nhiên hóa thành.***"

(Giảng đường, tinh xá, lầu, quán, lan can nơi cõi Phật Vô Lượng Thọ cũng do bảy báu tự nhiên hóa thành).

Ở nơi đó, tất cả những kiến trúc không cần nhân công xây dựng, là do biến hóa làm ra. Ở thế gian chúng ta, phước báo lớn cũng không cần đi xây dựng. Như tầng trời thứ năm của Dục Giới gọi là Hóa Lạc Thiên, phước báo lớn, nếu họ muốn ở trong cung điện thì tùy niệm biến hóa là thành tựu. Còn tầng trời thứ sáu Tha Hóa Tự Tại Thiên thì phước báo lại càng lớn, không cần tự mình biến hóa, là do tầng trời thứ năm biến hóa rồi cúng dường cho họ, chính họ không cần biến hóa. Hai tầng trời cao nhất của Dục Giới cũng có loại thần thông năng lực này. Cho nên chúng ta có thể tin tưởng ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, tất cả đều là do biến hóa làm ra, biến hóa một cách tự nhiên, giống như Tha Hóa Tự Tại Thiên.

"***Phục hữu bạch châu ma-ni dĩ vi giao lạc.***"

(Lại có bạch châu ma-ni đan xen nhau)".

Đây là loại châu ma-ni cực kỳ trân quý, màu trắng, trong suốt.

"***Minh diệu vô tỷ. Chư Bồ-tát chúng, sở cư cung điện, diệc phục như thị.***"

(Sáng chói không bì được. Cung điện của Bồ-tát ở cũng lại như vậy).

Ở đây hiển thị hoàn cảnh sinh hoạt vật chất ở thế giới Tây Phương là bình đẳng, không khác với A-di-đà Phật, là thế giới thật sự bình đẳng. Sự thọ dụng của Phật đương nhiên không cần nói nữa, là sự thành tựu công đức trong vô lượng kiếp của Phật. Bồ-tát, đặc biệt là những vị Bồ-tát mới vãng sanh đến Tây Phương, kiến tư phiền não vẫn chưa đoạn, tất cả sự thọ dụng của họ cũng giống như A-di-đà Phật, điều này là không thể nghĩ bàn! Tuyệt đối không phải là do công đức của những người này biến hiện ra mà là bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, nguyện lực của Phật gia trì. Điều này ở thế giới phương khác không có, chỉ có ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Điều này vượt hơn tất cả mười phương thế giới của chư Phật.

"***Trung, hữu tại địa giảng kinh, tụng kinh giả, hữu tại địa thọ kinh, thính kinh giả. Hữu tại địa kinh hành giả, tư đạo cập tọa thiền giả.***"

(Nơi đó có chỗ giảng kinh, tụng kinh, thọ kinh, nghe kinh, đi kinh hành, tư đạo và tọa thiền trên đất).

Đoạn kinh văn này miêu tả tình hình sinh hoạt hằng ngày của mọi người ở thế giới Tây Phương. Vãng sanh đến Tây Phương để làm gì? Chúng ta ở tại thế gian này đều phải có việc để làm, con người không thể không làm việc. Ở Tây Phương cũng có việc, việc gì? "Nghe kinh tu đạo", ngoài ra không có việc khác. Cho nên có giảng kinh ở trên mặt đất, có tụng kinh, thích tụng kinh thì tụng kinh, thích giảng kinh thì giảng kinh. Có thọ kinh, thọ là y theo lời giáo huấn trong kinh điển để làm, để thực hành. Có nghe kinh, ngoài ra có người đang tư đạo, đang dụng công tư duy, có người đang ngồi thiền. Mấy câu này đại biểu cho vô lượng vô biên pháp môn của Phật pháp, bạn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bất luận thích tu Pháp môn nào đều không có chướng ngại. Chúng ta phải đặc biệt chú ý! Bởi vì căn tánh của chúng ta khác nhau, ưa thích khác nhau. Tỉ dụ nói: "Tôi thích Thiền, bạn thích Mật", hai thứ này hiện nay ở thế gian đều rất khó tu. Chúng ta đổi chỗ để tu, đến thế giới Cực Lạc để tu. Niệm A-di-đà Phật trước, niệm đến thế giới Tây Phương Cực Lạc tôi mới đi tham Thiền, mới đi học Mật. Ở thế giới Tây Phương pháp môn nào cũng có cả. A-di-đà Phật **không** có nói: "Bạn không niệm Phật thì không được, thế giới Tây Phương này của ta là chuyên niệm Phật, ngoài việc niệm Phật ra những thứ khác đều không nhận". Phật không có nói như vậy. Trong phần sau của phẩm Tam Bối Vãng Sanh đã nói rất rõ ràng minh bạch. Phần trước, phần thượng bối, trung bối, hạ bối là tu Tịnh Độ niệm Phật mà vãng sanh. Phần sau là chỉ cho tu học tất cả pháp Đại Thừa, không phải tu Tịnh Độ, hễ hồi hướng cầu nguyện vãng sanh thì đều được sanh. Sau khi sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn thích học pháp môn nào thì học pháp môn đó.

"***Hữu tại hư không giảng, tụng, thọ, thính giả, kinh hành, tư đạo cập tọa thiền giả.***"

(Có chỗ giảng, tụng, thọ, nghe kinh, đi kinh hành, tư đạo và tọa thiền trên không trung).

Bạn thích ở trên mặt đất thì ở trên mặt đất, thích ở tại không trung thì ở tại không trung. Bạn xem, tự tại biết bao! Khi ở tại không trung thì cung điện lầu gác họ cư trú đều ở tại không trung. Người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đến thế giới phương khác để tu học, để cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sanh thì cung điện cùng đi theo với họ, cung điện đó liền biến thành công cụ phi hành, chúng ta không có cách gì tưởng tượng được tốc độ nhanh chóng đó, thật là tự tại! Hiện nay nhà cửa của bạn rất đẹp, bạn muốn đến một địa phương khác thì không mang theo được. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thì bất luận đến nơi nào bạn đều có thể mang đi, vả lại cung điện này đều là thích kiểu gì thì biến ra kiểu

đó, hình thức lớn nhỏ đều tùy tâm ý của mình. Đây là nói rõ tình hình sinh hoạt hằng ngày của mọi người ở thế giới Cực Lạc, họ là toàn tâm đều ở trên đạo nghiệp, cách này thì thành Phật mới nhanh.

"***Hoặc đắc Tu-đà-hoàn, hoặc đắc Tư-đà-hàm, hoặc đắc A-na-hàm, A-la-hán.***"

(Hoặc chứng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, hoặc A-la-hán).

Đây là nói về sự thành tựu của công phu chính mình, không phải là sự gia trì của Phật. Bạn đến nơi đó tu trì, đoạn hết kiến tư phiền não rồi thì bằng với Sơ Quả Tu-đà-hoàn của thế giới phương khác. Trên thực tế, ở thế giới Tây Phương đều không có các danh xưng, đây là Thích-ca Mâu-ni Phật nói với chúng ta, là bằng Sơ Quả Tu-đà-hoàn của thế giới chúng ta. Họ ở bên ấy đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc rồi, vậy thì bằng với A-la-hán của thế giới chúng ta. Tư Hoặc gồm tám mươi mốt phẩm, đoạn ba phẩm thô Hoặc đầu tiên thì chứng được Nhị Quả Tư-đà-hàm. Lại đoạn tiếp sáu phẩm phía sau thì chứng Tam Quả A-na-hàm. Vẫn sót lại bảy mươi hai phẩm Tư Hoặc, họ ở Tứ Thiền Thiên, Ngũ Bất Hoàn Thiên để đoạn, đoạn hết rồi thì chứng Tứ Quả A-la-hán. Đây là nói về việc đoạn Kiến Tư phiền não của bản thân, không nói về oai thần gia trì của Di-đà. Nếu nói bổn nguyện của A-di-đà gia trì thì mọi người đều bình đẳng, đều như nhau, không có sự sai biệt về giai cấp. Đây là nói về tự mình nâng cao công phu.

"***Vị đắc A-duy-việt-trí giả, tắc đắc A-duy-việt-trí.***"

(Người chưa chứng A-duy-việt-trí thì sẽ chứng A-duy-việt-trí).

Đây là nói được Di-đà gia trì, được oai thần bổn nguyện của Di-đà gia trì khiến người chưa chứng được A-duy-việt-trí thì sẽ chứng A-duy-việt-trí. A-duy-việt-trí là viên chứng Tam Bất Thoái.

"***Các tự niệm đạo, thuyết đạo, hành đạo, mạc bất hoan hỷ.***"

(Các vị ấy tự niệm đạo, thuyết đạo, hành đạo, không ai chẳng hoan hỷ).

Thế giới Tây Phương Cực Lạc, xin thưa với quý vị, là nơi chốn tu học điển hình, tiêu chuẩn mô phạm viên tu viên chứng của **Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ và Thập Đại Nguyện Vương**. Chúng ta thật sự hiểu rõ ràng minh bạch việc này thì bạn một lòng một dạ thật sự chịu vãng sanh, thật sự vui lòng đi vãng sanh, cái tâm này tuyệt đối không bị dao động. Bạn đã rõ ràng, minh bạch đây mới là hoàn cảnh thật sự lý tưởng tốt đẹp cho sự tu hành. Xin xem phẩm tiếp theo.

TUYỀN TRÌ CÔNG ĐỨC ĐỆ THẬP THẤT
PHẨM MƯỜI BẢY: SUỐI AO CÔNG ĐỨC

Vẫn là giới thiệu hoàn cảnh của thế giới Tây Phương Cực Lạc:

"***Hựu kỳ giảng đường tả hữu, tuyền trì giao lưu.***"
(Hai bên giảng đường có suối ao chảy quanh).

Câu này là tổng thuyết, thế giới Tây Phương có rất nhiều ao báu.

"***Tung quảng thâm thiển, giai các nhất đẳng.***"
(Ngang dọc sâu cạn bằng nhau).

"*Tung quảng thâm thiển*" là nói diện tích của ao báu. "*Giai các nhất đẳng*" là chỉ cho suối ao ở trên, chữ "*nhất đẳng*" này là như ý.

"***Hoặc thập do-tuần, nhị thập do-tuần, nãi chí bá thiên do-tuần.***"
(Hoặc mười, hai mươi hoặc trăm ngàn do-tuần).

Đây là nói về sự rộng lớn. Rộng lớn một do-tuần này theo trong kinh là chỉ cho đại do-tuần, bằng với tám mươi dặm Trung Quốc thời xưa, mười do-tuần là tám trăm dặm. Người Trung Quốc xưa kia thường nói: Trung Quốc có cái hồ lớn là hồ Động Đình, diện tích hồ Động Đình bao lớn? Tám trăm dặm. Bằng cái ao nhỏ thất bảo của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu là ao lớn thì trăm ngàn do-tuần, thế giới rất lớn. Do đây có thể biết, ao báu lớn nhỏ cũng tùy ý của con người. Đương nhiên hình dáng đó cũng là như ý, cạn sâu cũng là như ý, phần sau cũng sẽ nói đến, cạn sâu cũng rất như ý.

"***Trạm nhiên hương khiết, cụ bát công đức.***"
(Nước trong lặng thơm sạch, đủ tám công đức).

Nước trong ao gọi là bát công đức thủy (nước có tám công đức), trong Quán Kinh nói rõ:

✓ **Thứ nhất** là **trong sạch**, từ trên mặt nước có thể nhìn thấy đáy ao rất rõ ràng, nước giống như một mặt kính không nhiễm một hạt bụi.

✓ **Thứ hai** là **tinh khiết**, nước rất trong, rất mát, giống như nước suối của thế gian chúng ta.

✓ **Thứ ba** là **ngọt ngào**, nước này là ngọt, thế gian chúng ta nước suối ngọt rất ít.

✓ **Thứ tư** là **nhẹ, mềm**. Nước của Thế giới Tây Phương Cực Lạc rất nhẹ, rất nhu nhuyễn, không giống như chất nước của chúng ta.

✓ **Thứ năm** là **nhuận trạch**, nước ở đây có chức năng này, nó có thể thấm nhuần, cho nên tắm trong nước này có thể thấm mát thân thể, bản thân nước là phần dinh dưỡng tốt nhất.

✓ **Thứ sáu** là **an hòa**, nước của chúng ta không có điều này, cũng tức là nói bơi lội trong nước này, hoặc tắm rửa nhất định an toàn, không có chuyện bị nước nhận chìm chết. Thế giới Tây Phương từ trước đến nay chưa từng nghe qua sự việc này, rất an toàn.

✓ **Thứ bảy** là **trừ được đói khát và các thứ bệnh**, nước ở thế gian chúng ta không có điều này, nước của thế gian chúng ta có thể giải khát, tuy nhiên, khi bụng đói không thể khiến cho hết đói. Nước ở thế giới Tây Phương không những có thể giải khát mà cũng có thể trị cơn đói, khi bụng đói uống vài hớp nước thì no ngay, trừ được tất cả họa hoạn, cũng tức là nói người của thế giới Tây Phương đều là thân kim cang bất hoại, làm gì có bệnh, đây là tỉ dụ. Ở thế giới chúng ta có rất nhiều bệnh, nếu tắm trong ao đó một lần thì bệnh gì cũng không còn nữa, hay hơn tất cả thuốc men.

✓ **Thứ tám** là **trưởng dưỡng các căn**, nước này là nguồn dinh dưỡng phong phú nhất, bất luận bạn tắm hoặc là uống nước này đều là nguồn dinh dưỡng thù thắng nhất, nó có tám thứ công đức, cho nên gọi là bát công đức thủy.

"***Ngạn biên vô số chiên đàn hương thụ.***"
(Trên bờ có vô số cây chiên đàn hương).

Đây cũng là tỉ dụ. Thế gian chúng ta cũng có cây chiên đàn, đàn hương, thật sự mà nói, đàn hương của chúng ta làm sao sánh với nó được.

"***Kiết tường quả thụ, hoa quả hằng phương.***"
(Cây trái cát tường, hoa quả luôn thơm tho).

Xin lưu ý chữ "*hằng*" này, "*hằng*" là vĩnh viễn. Không giống như thế gian của chúng ta, hoa cỏ cây cối đều thay đổi theo bốn mùa. Mùa thu lá cây đều rụng cả, phải đến mùa xuân mới đâm chồi. Thế giới Tây Phương không như vậy, là vĩnh viễn. Phía trước chúng tôi đã nói qua, thế giới Tây Phương không có bốn mùa cho nên những hoa quả, cỏ cây đều là vô lượng thọ. Phật vô lượng thọ, mọi người vô lượng thọ, tất cả vạn vật đều là vô lượng thọ, gọi là Vô Lượng Thọ quốc.

"***Quang minh chiếu diệu, tu điều, mật diệp***".
(Ánh sáng rực rỡ, cành dài, lá dày).

Chữ "*tu*" là dài, cành cây rất dài, lá rất rậm, rất sum suê.

"***Giao phú ư trì***".
(Che kín cả mặt ao).

Cây ở bốn bên bờ cũng rất lớn, hầu như che lấp cả cái ao này, trong ao vô cùng xinh đẹp.

"***Xuất chủng chủng hương, thế vô năng dụ. Tùy phong tán phức, duyên thủy lưu phần.***"
(Tỏa ra các mùi thơm, thế gian không ví được. Hương thơm thoảng trong gió, theo nước lan xa).

Mùi thơm này theo gió đưa đi thật xa. Thật sự mà nói, đức tướng của hoa quả cây cối và ao nước cũng là châu biến pháp giới.

"***Hựu phục trì sức thất bảo***".
(Các ao được trang sức bằng bảy báu).

Các ao được trang sức bằng bảy báu, đương nhiên không phải nhân tạo, là tự nhiên mà có.

"***Địa bố kim sa***".
(Đáy bằng cát vàng).

Chữ "*địa*" đây là chỉ cho đáy ao, đáy ao bằng cát vàng, không giống như đáy ao của chúng ta là bằng chất bùn.

"***Ưu-bát-la hoa, bát-đàm-ma hoa, câu-mâu-đầu hoa, phần-đà-lợi hoa***".

"*Ưu-bát-la hoa*" là màu xanh, "*bát-đàm-ma hoa*" là màu đỏ, đây tức là trong kinh A-di-đà nói hoa sen bốn màu. Màu đỏ này là xích sắc. "*Câu-mâu-đầu*" là màu vàng. "*Phần-đà-lợi*" là màu trắng. Trong kinh Di-đà chỉ nói bốn sắc, phía sau vẫn còn:

"***Tạp sắc quang mậu, di phú thủy thượng.***"
(Nhiều màu rực rỡ che khắp mặt nước).

Từ câu này thì chúng ta biết được hoa sen trong ao bảy báu không những chỉ có bốn màu mà màu sắc nhiều vô cùng. Dưới đáy có "*tạp sắc quang mậu*", không

phải chỉ có bốn màu. Những người từ mười phương thế giới vãng sanh, liên hoa hóa sanh, đều là hóa sanh trong hoa sen ở ao thất bảo.

"***Nhược bỉ chúng sanh, quá dục thử thủy.***"
(Nếu những chúng sanh kia tắm trong nước ấy).

Người ở thế giới Tây Phương thường đến ao báu để tắm, để bơi lội. "*Quá dục*", người hiện nay gọi là bơi lội, đến ao để bơi lội.

"***Dục chí túc giả, dục chí tất giả, dục chí yêu dịch giả, dục chí cảnh giả.***"
(Muốn nước đến chân, đến gối, đến lưng, đến cổ).

Đây là nói độ sâu của nước trong ao có thể tùy theo ý người "tôi muốn nước cạn một chút thì nó liền cạn, muốn sâu một chút thì nó sâu", điều này không dễ, nước rất nghe lời. Thế gian của chúng ta hiện nay cho dù có dùng cơ giới hóa thì vẫn không được tiện lợi như thế, không có thứ nào có thể thuận theo tâm ý của mình mà tự nhiên thành tựu.

"***Hoặc dục quán thân.***"
(Hoặc muốn rưới khắp thân).

Chữ "*quán thân*" này tức là nước từ bên trên tưới xuống, giống như chúng ta tắm dùng vòi hoa sen. Ở thế giới Tây Phương không cần dùng loại thiết bị này, hễ động niệm là nước tự động vọt lên rồi tự nhiên chảy xuống.

"***Hoặc dục lãnh giả, ôn giả, cấp lưu giả, hoãn lưu giả. Kỳ thủy nhất nhất tùy chúng sanh ý.***"
(Muốn lạnh, muốn ấm, chảy mạnh hay từ từ, nhất nhất theo ý muốn).

Điều tốt đẹp của nước ở thế giới Tây Phương đích thật thế giới phương khác không có.

"***Khai thần duyệt thể, tịnh nhược vô hình.***"
(Khai hiển thần thức, thân thể vui sướng, nước sạch như vô hình).

Bạn bơi lội trong ao báu này, "*khai thần*" chúng ta thường gọi là khai ngộ. Bơi lội trong nước có thể khai ngộ. "*Duyệt thể*" là thân tâm khoái lạc. "*Tịnh nhược vô hình*", bởi vì nước trong ao thanh tịnh sạch sẽ, hoàn toàn là trong suốt. Không khí của chúng ta bên đây là vô hình, còn nước bên ấy cũng vô hình.

"***Bảo sa ánh triệt, vô thâm bất chiếu.***"
(Cát báu chiếu rực lên, dẫu sâu cách mấy cũng chiếu thấu).

Dưới đáy ao là cát vàng, cát vàng chỉ là nói tỉ lệ nhiều một chút, lẫn lộn với cát vàng là các loại báu, là ao báu, các loại báu đều phóng ánh quang minh, không có chỗ sâu nào không chiếu đến, nước ao đều phát ra ánh sáng.

"***Vi lan từ hồi***".
(Sóng gợn lăn tăn).

Đây là vô cùng đẹp đẽ. "*Lan*" là sóng nước rất nhỏ có thể thấy rất đẹp, "*Từ*" là chậm, lại quay quanh chuyển động.

"***Chuyển tương quán chú***".

Nước này có thể tưới rót lẫn nhau.

"***Ba dương vô lượng vi diệu âm thanh***".
(Sóng vỗ vang ra vô lượng âm thanh vi diệu).

Nước đã là tưới rót lẫn nhau thì có âm thanh, nước của ao bên đây tưới vào ao bên kia, nước của ao bên kia lại tưới qua ao bên kia nữa, không những rất đẹp mà nó lại có âm thanh, âm thanh này nói pháp, là nhạc giao hưởng, không có thứ nào mà không thuyết pháp.

"***Hoặc văn Phật Pháp Tăng thanh***".
(Hoặc nghe tiếng Phật, Pháp, Tăng).

Âm thanh Tam Bảo này, chữ "*thanh*" này là đại biểu cho toàn bộ Phật pháp. Đại Tiểu Thừa Phật pháp đều không ngoài Tam Bảo, Tam Bảo tức là **giác, chánh, tịnh** (giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm), đây là đã bao quát tất cả Phật pháp, là tổng thuyết.

"***Ba-la-mật thanh***".
(Tiếng Ba-la-mật).

"*Ba-la-mật*" là tiếng Phạn, dịch thành nghĩa Trung Quốc là "*đến bờ bên kia*", dùng cách nói hiện nay là "*cứu cánh viên mãn*". Tất cả pháp đều chứng đến cứu cánh viên mãn, đây gọi là âm thanh Ba-la-mật.

"***Chỉ tức tịch tĩnh thanh***".
(Tiếng chỉ tức tịch tĩnh).

Câu này là đối với Thiền môn mà nói, "*chỉ tức tịch tĩnh*" là thuộc về thiền định.

"***Vô sanh vô diệt thanh***".
(Tiếng vô sanh vô diệt).

Câu này không những bao gồm pháp Đại Thừa mà đặc biệt là chỉ chỗ đề xướng trong Mật Tông. Cho nên bổn kinh có Hiển, có Mật, có Tông, có Giáo, tuy là Vô Thượng Thừa mà bên trong cũng bao gồm Tiểu Thừa, đích thật là Phật pháp cứu cánh viên mãn được hàm nhiếp một cách viên mãn trong bộ kinh này.

"***Thập lực vô úy thanh***".
(Tiếng thập lực vô úy).

Mười thứ năng lực đặc thù trên quả địa của Như Lai, Bồ-tát không có. "*Vô úy*" là mười thứ vô úy của Như Lai.

"***Hoặc văn vô tánh vô tác vô ngã thanh***".
(Hoặc nghe tiếng vô tánh, vô tác, vô ngã).

Cái này là thông pháp Đại Tiểu Thừa.

"***Đại từ đại bi hỷ xả thanh***".
Cái này là thuận pháp Đại Thừa.

"***Cam lộ quán đảnh thọ vị thanh***".
(Tiếng cam lộ quán đảnh thọ vị)

Đây là Mật Tông. Vậy chúng ta đều có thể nghe hiểu vô lượng vô biên pháp môn trong tiếng hỗ tương chảy rót của nước công đức trong ao báu. Cái đức này của nước không chỉ là tám thứ công đức ở phía trước mà thật sự là vô lượng công đức.

"***Đắc văn như thị chủng chủng thanh dĩ, kỳ tâm thanh tịnh, vô chư phân biệt, chánh trực bình đẳng, thành thục thiện căn.***"
(Nghe được các thứ âm thanh như vậy rồi, tâm liền thanh tịnh, không còn phân biệt, chánh trực bình đẳng, thành thục căn lành).

Bốn điều này là nói về cảnh giới trên quả địa của Như Lai, cũng là mục tiêu tu học của chúng ta. Chúng ta tu những gì? Điều này chính mình không thể không biết. Đề kinh của bổn kinh nêu ra ba đại cương lĩnh của sự tu hành cho chúng ta: "Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác". Ba câu này tức là Tam Bảo, là Tam Học. Thanh tịnh là Tăng Bảo. Bình đẳng là Pháp Bảo, Giác là Phật Bảo. Tam Học là Giới Định Huệ, Thanh tịnh là Giới. Bình đẳng là Định. Giác là Huệ. Cho nên tổng cương lĩnh trong sự tu học của chúng ta là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Đã bình

đẳng rồi thì tâm thanh tịnh, có được tâm thanh tịnh rồi thì đương nhiên không có phân biệt. "*Chánh trực, bình đẳng, thành thục thiện căn*", vô lượng vô biên thiện căn trên quả địa của Như Lai đều từ chỗ này mà sanh ra, đây là thành thục thiện căn.

"***Tùy kỳ sở văn, dữ pháp tương ưng.***"
(Điều gì nghe được cũng tương ứng với pháp).

Chúng ta phải lưu ý câu này. Tương ưng với pháp, khế cơ khế lý thì tương ưng. Tại giai đoạn hiện tiền của chúng ta, chúng ta không thể không biết điều này. Thế Tôn đã để lại cho chúng ta rất nhiều kinh điển, người sau phân loại, biên tập lại. Ở Trung Quốc gọi là Đại Tạng Kinh, đây là trân bảo vô giá mà Phật để lại cho chúng ta. Trong số kinh luận này có một số khế hợp với căn cơ chúng ta, có một số không khế cơ, những cái không khế cơ với chúng ta, chúng ta miễn cưỡng tu học thì không tương ưng. Nói cách khác, chúng ta không được lợi ích. Những cái vô cùng thích hợp với căn cơ chúng ta thì rất tương ưng, chúng ta lập tức có được thọ dụng, được lợi ích, điều này phải biết.

Người thời nay mở miệng hoặc ngậm miệng đều nói đến hiện thực, thật sự mà nói, Phật pháp là nói đến hiện thực nhất, người thế gian nói đến hiện thực so sánh với Phật Pháp vẫn kém rất xa! Cái gì là hiện thực nhất? Lìa khổ được vui là hiện thực nhất, cái mà Phật pháp cầu đó tức là phải lìa khổ, là phải được vui, phải gấp rút lìa khổ, phải gấp rút được vui, phải được cái vui cứu cánh, cái vui viên mãn. Đây là cái mà Phật pháp cầu. Có điều gì còn hiện thực hơn điều này? Chúng ta có thể thật sự đạt được không? Thật sự có được, hễ chỗ tu của bạn tương ưng với pháp thì bạn có được. Cho nên chúng ta học Phật phải cầu cái pháp tương ưng, tương ưng với căn tánh của mình, tương ưng với trình độ của mình, tương ưng với hoàn cảnh sinh hoạt của chính mình, tương ưng với nguyện vọng của chính mình. Phải chọn lựa pháp môn như vậy thì bạn học rồi liền vui vẻ ngay, đến thế giới Tây Phương vẫn là như vậy, đều là học những pháp môn tương ưng với chính mình.

"***Kỳ nguyện văn giả, triếp độc văn chi, sở bất dục văn, liễu vô sở văn***".
(Muốn nghe pháp nào chỉ có pháp đó phát ra, nếu không muốn nghe nữa liền im lặng).

Điều này rất hay! Bạn xem, hoa cây nói pháp, nước công đức cũng nói pháp. Nếu tôi không muốn nghe những thứ pháp đó mà nó cứ khăng khăng nói, bạn bảo điều này khó chịu biết mấy! Không muốn nghe thì rất yên tịnh, tiếng gì cũng

không có. Còn muốn nghe? Muốn nghe Hoa Nghiêm thì nó nói Hoa Nghiêm, muốn nghe Pháp Hoa thì nó nói Pháp Hoa, hai người nắm tay nhau, phần ai nấy nghe, một chút đều không trở ngại, điều này hiếm có! A-di-đà Phật giáo hóa chúng sanh, Ngài nghĩ rất chu đáo, khiến người ta phải bội phục đến năm vóc sát đất. Ngày nay khoa học kỹ thuật của chúng ta phát triển vẫn không thể đạt đến trình độ này. Trước kia tôi từng nghĩ rằng: nếu chúng ta có được một đài phát thanh có rất nhiều tần số, một tần số giảng Hoa Nghiêm, một tần số giảng kinh Kim Cang, một tần số giảng kinh A-di-đà, còn có tần số để niệm Phật… bạn cầm chiếc máy thu thanh muốn nghe tần số nào thì nghe tần số đó, tuy nhiên so sánh với thế giới Tây Phương Cực Lạc vẫn kém xa! Chúng ta vẫn cần phải có một cái đài truyền thanh, trên tay vẫn phải cầm cái máy này mới được. Người ta thì cái gì cũng không cần.

Thật sự mà nói, đạo tràng hiện đại hóa phải là đạo tràng như vậy, không phải là xây cất nhà cao lầu lớn, điều này không có ý nghĩa. Mời Pháp sư đến giảng kinh cũng rất nhọc, mời mọi người đến nghe kinh cũng rất cực khổ. Nếu có một đạo tràng như vậy được xây cất ở bất cứ địa phương nào, bạn mở máy lên thì có thể nghe được Phật pháp mà bạn thích nghe, mọi thứ đều tương ưng với chính bạn. Đó là về sau này, tôi thì không có phước báo, tôi thường hay nói hy vọng những người có phước báo sẽ xây cất đạo tràng như thế, đạo tràng hiện đại hóa, đạo tràng của thế kỷ hai mươi mốt, khác với đạo tràng này của chúng ta.

"***Vĩnh bất thoái ư A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm.***"
(Vĩnh viễn không thoái tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Với hoàn cảnh tu học như thế, những gì sáu căn của bạn tiếp xúc đều là Phật pháp tương ưng với bạn, như vậy thì làm sao có thoái chuyển! Nhất định không thể thoái chuyển Vô thượng Bồ-đề. Trong thời đại hiện nay, chúng ta từng đi qua rất nhiều quốc gia, địa phương, gần như khắp nơi đều có tình trạng người hoằng pháp quá ít, hình như mỗi địa phương đều rất cần nhân tài hoằng pháp. Bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp là vô cùng khó khăn, đặc biệt là trong xã hội ngày nay thì thật là rất khó. Điều thứ nhất là cần phải có thời gian dài, phải học ít nhất là mười năm. Hoàn cảnh tu học, điều này cũng không phải là khó, vẫn có thể tìm được. Cái khó nhất là tìm thầy. Các Đại Đức lớn tuổi phần nhiều đều đã vãng sanh, cho dù chưa vãng sanh, đại khái đều đã trên tám mươi tuổi rồi. Bạn yêu cầu họ đến dạy bạn mỗi ngày vài tiếng là việc không thể được. Nói cách khác đều là đến tuổi hưu trí rồi, điều này rất khó.

Cái khó hơn nữa là không có học sinh. Có vẻ như có rất nhiều học sinh muốn học, không phải đơn giản như vậy. Học trò học đạo phải có đủ điều kiện gì? Phải buông hết tham sân si thì mới có thể học đạo. Ngày nay, cái thế giới phồn hoa này, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần luôn luôn lôi cuốn bạn, bạn có thể không động tâm thì mới có thể học được thành công. Tâm vừa động lên một chút thì bị người lôi đi mất, điều này khó, cho nên tìm học sinh rất khó. Tìm thầy đã khó, tìm học sinh lại càng khó hơn. Cho nên chúng tôi nghĩ chỉ có một phương pháp mà tôi vừa nói đến, đó là một đạo tràng mới của thế kỷ hai mươi mốt này, là đài truyền hình phát thanh. Phương tiện này khởi được tác dụng, vì sao thế? Vì hễ tìm được một ít nhân tài hoằng pháp thì có thể phổ biến Phật pháp khắp thế giới, khiến cho mỗi người ở trong gia đình có thể mở xem, đều có thể bắt sóng để nghe, như vậy mới được. Thật sự có thể vì lợi ích của tất cả chúng sanh, hy sinh chính mình, buông xuống danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tất cả sự hưởng thụ vật chất, người như thế không nhiều. Chỉ vài người cũng được, cũng có thể hoằng dương Phật pháp cùng khắp, như vậy là đúng. Nhất định phải vận dụng công cụ khoa học để phổ biến Phật pháp. Chúng ta xem đoạn sau cùng.

"***Thập phương thế giới chư vãng sanh giả, giai ư thất bảo trì liên hoa trung, tự nhiên hóa sanh.***"

(Những người trong mười phương thế giới được vãng sanh, đều tự nhiên hóa sanh từ trong hoa sen ở ao thất bảo).

Kinh văn vô cùng rõ ràng, vãng sanh thế giới Tây Phương không phải là thai sanh của cha mẹ mà là liên hoa hóa sanh. Đây cũng là A-di-đà Phật lựa chọn tại nhân địa. Tại sao không chọn thai sanh? Thứ nhất là không thanh tịnh, thứ hai là có tình chấp, như mẹ con có tình cảm, tình cảm đó rất khó đoạn, điều này rất phiền phức, đó là gốc rễ của lục đạo luân hồi. Cho nên A-di-đà Phật loại bỏ cái chấp thủ đó, chọn lấy liên hoa hóa sanh, hoa sen thanh tịnh, mọc từ bùn nhơ mà không nhiễm, cho nên không có tình chấp ở bên trong, tâm dễ được bình đẳng, dễ được thanh tịnh.

"***Tất thọ thanh hư chi thân, vô cực chi thể.***"

(Đều thọ thân thanh hư, thể vô cực).

Câu này hay lắm! Phải cùng với thân kim cang bất hoại phía trước thì bạn mới biết được "*thanh hư chi thân, vô cực chi thể*" của người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Cho nên đây là vô lượng thọ, vô lượng thọ là không suy, không thay đổi, đạo lý là ở chỗ này. Khác hoàn toàn với nhục thể của chúng ta. Nhục

thể của chúng ta là do những tế bào tổ hợp mà thành, những tế bào này không thanh tịnh, bản thân là không thanh tịnh, vả lại còn vô thường, thời gian tồn tại của tế bào không dài, quá trình bỏ cũ đổi mới này cũng là biến hóa, còn ở thế giới Tây Phương là không biến đổi.

"***Bất văn tam đồ ác não, khổ nạn chi danh.***"
(Không nghe tên phiền não, khổ nạn của tam đồ).

Ở thế giới Tây Phương, tam đồ tức là tam ác đạo, tam khổ bát khổ, các thứ tai nạn này, ngay cái tên đều không nghe đến thì làm sao lại có thật chứ.

"***Thượng vô giả thiết, hà huống thật khổ.***"
(Giả dụ còn không có, huống là có khổ).

Việc khổ thật sự thì nhất định không thể có, không những không có những việc này mà ngay cả những danh xưng của những khổ này đều không nghe đến.

"***Đãn hữu tự nhiên khoái lạc chi âm.***"
(Chỉ có âm thanh vui thích tự nhiên).

Tất cả sự hưởng thụ đều là tự nhiên, sinh hoạt mỗi ngày đều là đang tinh tấn, đều là đang dụng công. Trong đoạn này, Thế Tôn giới thiệu tình trạng sinh hoạt hằng ngày của mọi người ở thế giới Tây Phương, cùng với vẻ đẹp của hoàn cảnh y báo của họ. Họ ngoại trừ những thứ này ra cũng có nhiều hoạt động, sự rộng lớn của không gian hoạt động, phần kinh văn phía sau sẽ nói rõ, tận hư không khắp pháp giới là không gian hoạt động của họ. Họ thường đi cúng Phật, đến các thế giới của chư Phật khác để tham phỏng. Như chúng ta nói đi du lịch, đi ngắm cảnh, đi khảo sát, họ thường đi làm những việc này, trên cúng dường chư Phật, dưới giáo hóa chúng sanh. Cho nên đời sống của họ là đa dạng nhiều màu sắc, không có chết cứng, vui sướng không gì bằng, không có công việc nặng nhọc, không có áp lực của công việc, không có áp lực của cuộc sống. Ở thế giới Cực Lạc chỉ có âm thanh tự nhiên khoái lạc.

"***Thị cố bỉ quốc danh vi Cực Lạc***".
(Do vậy nước đó gọi là Cực Lạc).

Đây là thật, một chút cũng không giả.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 16

SIÊU THẾ HY HỮU ĐỆ THẬP BÁT
PHẨM MƯỜI TÁM: HIẾM CÓ, SIÊU VƯỢT THẾ GIAN

Trong phẩm kinh này, Thế Tôn muốn giới thiệu cho chúng ta về chánh báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương. "*Chánh báo*" tức là giới thiệu Đạo sư A-di-đà Phật cùng với nhóm đệ tử của Phật.

"***Bỉ Cực Lạc quốc, sở hữu chúng sanh, dung sắc vi diệu, siêu thế hy hữu. Hàm đồng nhất loại, vô sai biệt tướng. Đãn nhân thuận dư phương tục, cố hữu thiên nhân chi danh***".

(Dung sắc tất cả chúng sanh ở nước Cực Lạc vi diệu, hiếm có, hơn hẳn thế gian, đồng một hình thể, không có tướng sai biệt, chỉ vì thuận theo tập tục các phương khác mà có tên trời, người).

Đoạn kinh văn này rất quan trọng, có thể giải trừ rất nhiều sự hiểu lầm của chúng ta. Trong bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật, chúng ta thấy được thế giới Tây Phương là pháp giới bình đẳng. Phàm những người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, bất luận là Bồ-tát, Thanh Văn, trời, người cho đến chúng sanh trong ác đạo bao gồm cả địa ngục sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là A-duy-việt-trí Bồ-tát. Vì sao lúc Thế Tôn thuyết kinh vẫn thường nói thế giới Tây Phương có Thanh Văn, có trời, người, đại chúng? Chỗ này nói cho chúng ta biết Thanh Văn, trời, người, đại chúng không phải là thật. "*Thuận dư phương tục*", tức là nói trong thế giới của chư Phật khác có trời, người, có Thanh Văn, là tùy thuận theo thế giới phương khác mà nói. Trong đây có hai ý nghĩa:

✓ Một là đoạn phiền não. Như chúng ta đới nghiệp vãng sanh, sanh đến thế giới Tây Phương tuy đều là A-duy-việt-trí Bồ-tát nhưng A-duy-việt-trí Bồ-tát đó không phải do chúng ta tu được, không phải công phu của chính chúng ta mà do Phật lực gia trì, nâng chúng ta lên đến cảnh giới đó. Trên thực tế một phẩm phiền não chúng ta cũng chưa đoạn. Thực chất chúng ta là thân phận trời, người, được Phật gia trì nên chúng ta cũng làm được A-duy-việt-trí Bồ-tát, sự việc là như vậy.

✓ Ý nghĩa thứ hai là nói đến thân phận trước khi chúng ta chưa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta đến từ cõi người thì Phật gọi là người, đến từ thiên đạo thì Phật gọi là trời, đến từ Thanh Văn, Duyên Giác thì Phật gọi là Thanh

Văn, Duyên Giác. Là ý như vậy chứ không phải là cách xưng hô ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Ở chỗ này chúng ta thấy được rất rõ ràng, rất minh bạch. Thế giới Tây Phương là thế giới bình đẳng. "*Sở hữu chúng sanh*", đây tức là chúng ta thường nói chúng sanh chín pháp giới. Tất cả chúng sanh này sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bất luận là vãng sanh Đồng Cư Độ, vãng sanh Hữu Dư Độ, vãng sanh Thật Báo Độ [thì đều] "*Dung sắc vi diệu, siêu thế hy hữu. Hàm đồng nhất loại, vô sai biệt tướng*" (dung sắc vi diệu, hiếm có, hơn hẳn thế gian, đồng một hình thể, không có tướng sai biệt). Tướng mạo này là bình đẳng, không có sai biệt, cùng một hình tướng với A-di-đà Phật. Điều này chúng ta nhất định phải ghi nhớ, hoàn toàn tương ưng với bổn nguyện của Phật. Phật không nói dối, đại nguyện của Phật, các nguyện đều làm được rồi, các nguyện đều thực hiện được rồi. "*Siêu thế hy hữu*" (hiếm có, hơn hẳn thế gian), ý nghĩa rất sâu, rốt cuộc hy hữu đến mức độ nào? Phía sau Phật dùng một phương pháp so sánh khiến chúng ta lĩnh hội được.

"***Phật cáo A-nan: "Thí như thế gian bần khổ khất nhân, tại đế vương biên, diện mạo hình trạng, ninh khả loại hồ?"***"

(Phật bảo A-nan: "Ví như ở thế gian, kẻ nghèo khổ ăn xin đứng bên đế vương, diện mạo hình trạng há có thể sánh bằng không?")

Đây là dùng người thế gian để làm tỉ dụ: Một người là ăn mày, còn một người là đế vương, hai người này đứng cùng nhau. Quý vị xem họ có thể so sánh với nhau được không? Ở thế gian đế vương là người phú quý nhất. Người phú quý thì có tướng phú quý, kẻ bần tiện thì có tướng bần tiện, tướng mạo ấy không giống nhau, phong thái tuyệt đối khác hẳn. Tỉ dụ này rất hay, Phật bảo chúng ta lĩnh hội từ chỗ này.

"***Đế vương nhược tỷ Chuyển Luân Thánh Vương, tắc vi bỉ lậu***".

(Đế vương nếu so với Chuyển Luân Thánh Vương thì xấu xí).

Đế vương của nhân gian nếu so sánh với Chuyển Luân Thánh Vương thì không khác gì kẻ ăn mày so với đế vương. Ở thế gian của chúng ta không có Chuyển Luân Thánh Vương. Trong kinh Phật nói Chuyển Luân Thánh Vương có bốn loại: Kim Luân Vương, Ngân Luân Vương, Đồng Luân Vương, Thiết Luân Vương. Phạm vi thống trị của họ rất lớn.

Kim Luân Vương thống trị một tứ thiên hạ, đây là một hệ tinh cầu, không phải một địa cầu. Phía sau sách Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có một bài văn là dùng nhãn quan khoa học để nhìn thế giới quan của nhà Phật thì tinh cầu tức là hệ ngân hà mà ngày nay chúng ta nói. Ngài làm vua của cả hệ ngân hà, vậy địa cầu này của chúng ta làm sao có thể so sánh với Ngài được. Tại sao gọi là Luân Vương? Vì Ngài có một bảo bối gọi là Luân Bảo. Bảo bối này là binh khí của Ngài, nơi nào thế lực của Ngài có thể kiểm soát được thì nơi đó là phạm vi thống trị của Ngài, nếu Ngài không kiểm soát được thì làm sao có thể thống trị được? Luân bảo này là vũ khí của Ngài giống như không quân của chúng ta hiện nay. Trước kia chiến tranh là lấy lục quân làm chủ, về sau chiến tranh đã phát triển đến dùng không quân làm chủ, nếu không có quyền làm chủ trên không thì bạn nhất định không thắng nổi trận chiến đó. Luân bảo cũng là công cụ giao thông của Ngài. Thứ này rất giống đĩa bay mà những năm gần đây chúng ta phát hiện thấy, có thể là Luân Vương hoặc sứ giả của Luân Vương phái đến nơi này để tuần tra, xem xét. Chúng ta không thấy Luân Vương, thế nên đế vương của thế gian này không thể so sánh được với phước báo của Luân Vương.

"***Do bỉ khất nhân, tại đế vương biên dã***".
(Giống như kẻ ăn xin đứng cạnh đế vương).

Phước báo của Chuyển Luân Thánh Vương lớn, Ngài thống trị một hệ ngân hà.

"***Chuyển Luân Thánh Vương, uy tướng đệ nhất***".
(Chuyển Luân Thánh Vương oai tướng bậc nhất).

Chúng ta xem uy đức tướng mạo của Ngài thật sự là đệ nhất.

"***Tỷ chi Đao-lợi thiên vương, hựu phục xú liệt***".
(So với vua cung trời Đao-lợi lại càng xấu tệ).

Nếu so sánh với Thiên vương thì Ngài kém xa. Ngài không sánh bằng Thiên vương. Chuyển Luân Thánh Vương nếu đứng cùng Đao-lợi Thiên vương thì giống như đế vương của nhân gian đứng cùng gã ăn mày, Ngài kém quá xa, không thể sánh nổi. Trời Đao-lợi chính là trời Đế Thích. Phía sau nói:

"***Giả linh Đế-thích***".
(Nếu đem Đế-thích).

"*Đế-thích*" chính là Đao-lợi Thiên vương. Hiện nay trong rất nhiều tôn giáo tín ngưỡng thượng đế, thiên chúa, có thể đều là chỉ Đao-lợi Thiên vương. Bởi vì chúng ta thấy cảnh giới trong kinh điển của họ rất giống Đao-lợi Thiên mà kinh Phật nói.

"***Tỷ đệ Lục thiên***".
(So với Trời thứ sáu).

Đây là tầng trời thứ sáu của Dục giới, Đao-lợi thiên là tầng trời thứ hai. Hướng lên trên tầng trời thứ sáu chính là trời Tha Hóa Tự Tại. Nếu đem Đế-thích so sánh với Thiên chủ của trời Tha Hóa Tự Tại thì sao?

"***Tuy bá thiên bội bất tương loại dã***".
(Thì chẳng bằng được một phần trăm ngàn lần).

So sánh cách nào cũng không bằng. Bạn mới biết được các tầng trời này càng đi lên thì tướng mạo càng trang nghiêm, phước đức càng lớn. Không tu đại phước đức thì làm sao có thể sanh lên trời chứ? Sanh lên trời thì phải tu đại phước đức.

"***Đệ Lục thiên vương***".

Thiên vương của trời thứ sáu là nói về Tha Hóa Tự Tại Thiên vương.

"***Nhược tỷ Cực Lạc quốc trung, Bồ-tát, Thanh Văn***".
(Nếu so với Bồ-tát, Thanh Văn ở cõi Cực Lạc).

Đây là so sánh với những người đã vãng sanh đến thế giới Cực Lạc.

"***Quang nhan dung sắc***".
(Hào quang dung mạo).

Hào quang của họ, hoặc là quang minh của họ chính là hào quang dung mạo

"***Tuy vạn ức bội, bất tương cập đãi***".
(Tuy dung mạo xinh đẹp vạn ức lần, cũng không sánh bằng).

Quý vị nghĩ xem, vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, tướng mạo thật không thể nghĩ bàn. Vượt hơn Thiên vương trời thứ sáu vạn ức lần. Chúng ta ở thế gian này tu hành một đời, một kiếp cũng không dễ sanh lên trời Đao-lợi làm một thiên nhân thông thường. Điều kiện đến trời Đao-lợi là phải tu thượng phẩm thập thiện nghiệp đạo. Nghiệp nhân như vậy mới có thể sanh lên trời Đao-lợi, nhưng vẫn chưa thể làm Thiên vương. Phước báo của Thiên vương rất lớn. [Chúng ta] không thể làm thiên vương mà chỉ có thể sanh lên đó làm một thiên

nhân thông thường. Nếu chúng ta dùng công phu này để niệm Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì nhất định được sanh. Sanh đến thế giới Tây Phương, nhờ oai đức bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì khiến trí huệ, đạo lực, thần thông của chúng ta vượt hơn Thiên vương trời thứ sáu không biết bao nhiêu lần, không cách gì tính được, chỗ này nói "*tuy vạn ức bội bất tương cập đãi*" (tuy dung mạo xinh đẹp vạn ức lần, cũng không sánh bằng*)*. Vậy mới biết được lợi ích của sự niệm Phật vãng sanh là siêu thắng. Phật nếu không dùng các tỷ dụ này thì chúng ta rất khó lĩnh hội được siêu thắng đến mức độ nào, cũng không biết hy hữu đến mức độ nào. So sánh như vậy thì trong tâm chúng ta sẽ có một khái niệm, thật sự là siêu thắng hy hữu. Tiếp theo nói với chúng ta y báo siêu thắng hy hữu, y báo là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta.

"***Sở xử cung điện***".
(Cung điện cư trú).

Là hoàn cảnh cư trú.

"***Y phục ẩm thực, do như Tha Hóa Tự Tại thiên vương***".
(Y phục, ăn uống giống như vua cõi trời Tha Hóa Tự Tại).

Phước báo to lớn này hy hữu siêu thắng không thể nghĩ bàn. Tha Hóa Tự Tại thiên tức là cõi trời thứ sáu được nói ở phía trước. Rất giống cõi trời thứ sáu, còn thù thắng hơn cõi trời thứ sáu rất nhiều. Cõi trời thứ sáu làm sao có thể so sánh được. Chỗ nào giống Tha Hóa Tự Tại thiên? Tất cả đều là tự nhiên. Tầng trời thứ năm của Dục giới gọi là Hóa Lạc thiên. Thọ dụng ở cõi trời thứ năm đã được tự tại rồi, toàn là biến hóa ra. Cung điện nơi họ cư trú, những thứ cần thiết trong đời sống không cần đi mưu cầu, tìm kiếm, chế tạo xây dựng mà hoàn toàn là biến hóa ra. Cõi trời thứ sáu chính là trời Tha Hóa Tự Tại không cần tự mình biến hóa. Thiên nhân trời Hóa Lạc ở cõi trời thứ năm biến hóa ra mang đến cúng dường họ, họ không cần tự biến hóa. Chúng ta đến thế giới Tây Phương, tất cả thọ dụng không cần tự mình biến hóa. Vậy ai biến hóa ra cúng dường chúng ta? Không phải trời Hóa Lạc, những thứ trời Hóa Lạc biến hóa ra rất thô, mà A-di-đà Phật biến hóa ra cho chúng ta thọ dụng. Thiên vương của Hóa Lạc thiên làm sao sánh bằng A-di-đà Phật được.

Cho nên, phía trước chúng ta đã đọc qua A-di-đà Phật của thế giới Tây Phương là đại thí chủ. Ngài biến hóa ra cúng dường cho chúng ta hưởng thụ. Chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc hưởng thụ phước báo của A-di-đà Phật. Tất cả nhu cầu sinh hoạt toàn là A-di-đà Phật biến hóa ra để cúng dường

cho chúng ta. Những người vãng sanh thật là phi thường, A-di-đà Phật đều cúng dường cho bạn. Bạn xem phước báo của bạn lớn biết mấy. **Phước báo từ đâu mà có? Là niệm Phật mà được, cho nên đối với chúng ta hiện nay mà nói thì niệm Phật là đệ nhất đức, đệ nhất đại phước báo.** Người không biết niệm Phật là có nghiệp chướng nặng, **phải niệm từ trong tâm, thành tâm thành ý mà niệm, phước báo này không thể nghĩ bàn.** Nếu bạn cảm được thọ dụng y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc thì bạn mới biết được phước báo to lớn này. Bạn nhìn từ trên quả thì sẽ biết ngay. Niệm Phật - niệm câu A-di-đà Phật này, mọi người đều biết niệm, làm gì có phước báo lớn như vậy? Người thường đều hoài nghi, đều không tin nhưng bạn phải xem sự thọ dụng khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đó là quả hiện tiền, quả siêu thắng hy hữu như vậy. Bạn mới biết được ngày nay chúng ta niệm câu Phật hiệu này là nhân, nhân này siêu thắng hy hữu. Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Tiếp theo lại nói uy đức siêu thắng.

"***Chí ư uy đức, giai vị, thần thông biến hóa***".
(Còn như oai đức, phẩm vị, thần thông biến hóa).

Từ mấy điều này mà nói, trong uy đức bao hàm trí huệ, bao gồm cả phẩm đức, đạo đức mà chúng ta thường nói. "Giai vị", ngày nay chúng ta gọi là địa vị, hoặc ở thế giới Tây Phương Cực Lạc chúng ta gọi là phẩm vị trong tứ độ, cửu phẩm. Ở thế giới phương khác, Thanh Văn có Tứ Quả, Tứ Tướng, tám phẩm vị, tám giai cấp. Bồ-tát từ Thập Tín đến Đẳng Giác có năm mươi mốt phẩm vị. Các phẩm vị ở Tây Phương là bình đẳng, tại sao? Vì sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì viên chứng Tam Bất Thoái. Phàm phu trong ác đạo vãng sanh cũng là viên chứng Tam Bất Thoái, cũng đều là địa vị Đẳng Giác. Đây đều do bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật gia trì. Vừa rồi nói không phải do chúng ta tự làm được mà nhờ sức gia trì. A-di-đà Phật gia trì nên chúng ta thật có được thọ dụng. Chúng ta biểu hiện ra năng lực uy đức này đích thực là giống như Đẳng Giác Bồ-tát. Cho nên Cổ Đức thường nói: Vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì cùng Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Văn-thù, Phổ Hiền nắm tay đồng hành, tay nắm tay, cùng địa vị, là bạn học, là bằng hữu mà. Bạn xem trong chốc lát đã đưa địa vị lên cao như vậy. Chúng ta chỉ mới niệm Phật vài ngày, như vậy mới biết công đức của danh hiệu đích thực là siêu thắng không thể nghĩ bàn. Đây đều là chân tướng sự thật, thần thông biến hóa đều không khác biệt với những vị đại Bồ-tát này.

"***Nhất thiết thiên nhân bất khả vi tỉ***".
(Tất cả thiên nhân không thể sánh nổi).

Thiên nhân ở trời Tha Hóa Tự Tại, hướng lên trên là Tứ Thiền thiên, Tứ Không thiên, so sánh cách nào cũng không so sánh nổi.

"***Bá thiên vạn ức, bất khả kế bội***".

(Gấp trăm ngàn vạn ức lần, chẳng thể tính nổi).

Đây là nói không cách gì so sánh được số lượng. Phẩm kinh văn này nói với chúng ta khi vãng sanh đến nơi đó, chánh báo của chúng ta, hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta, oai đức, phẩm vị, những năng lực mà chúng ta biểu hiện ra đều giống như Đẳng Giác Bồ-tát.

"***A-nan ưng tri: Vô Lượng Thọ Phật Cực Lạc quốc độ, như thị công đức trang nghiêm, bất khả tư nghị***".

(A-nan nên biết: Cõi nước Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ có công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn như thế).

Đây là tổng kết. Phật nói với A-nan chính là nói với chúng ta. Ý nghĩa của kinh văn là cực lực khuyến tấn chúng ta phải biết chân tướng sự thật này. Phải biết lợi ích chân thật này để mau chóng cầu nguyện vãng sanh. Hà tất phải ở tại thế gian này ngày ngày chịu tội, ngày ngày chịu nhục. **Thế giới này có nghĩa gì đâu! Không phải không thể đi, nếu không thể đi thì không cần nói, có thể đi vậy tại sao bạn không đi? Vẫn muốn ở đây chịu tội, vẫn muốn ở đây chịu nhục, bạn không phải là kẻ đáng thương sao? Thật rất đáng thương!**

THỌ DỤNG CỤ TÚC ĐỆ THẬP CỬU
PHẨM MƯỜI CHÍN: THỌ DỤNG ĐẦY ĐỦ

Chương này nói rõ khi sanh đến thế giới Tây Phương thì phước đức vô lượng. Như vừa rồi đã nói, tất cả thọ dụng đều do A-di-đà Phật biến hóa tạo ra. Phật là đại thí chủ, Ngài cúng dường cho chúng ta thảy đều đầy đủ, muốn gì có nấy, nghĩ gì có nấy, không một tơ hào thiếu khuyết. Mời xem phần kinh văn.

"***Phục thứ Cực Lạc thế giới, sở hữu chúng sanh, hoặc dĩ sanh***".

(Lại nữa, tất cả chúng sanh ở thế giới Cực Lạc, hoặc đã sanh).

"*Dĩ sanh*" là những người đã vãng sanh. A-di-đà Phật thành Phật đã mười kiếp rồi, trong mười kiếp này số người vãng sanh rất đông.

"***Hoặc hiện sanh***".

(Hoặc hiện tại vãng sanh).

Hiện tại vãng sanh chính là chúng ta nhìn thấy rất nhiều người niệm Phật đã vãng sanh rồi.

"***Hoặc đương sanh***".

(Hoặc tương lai vãng sanh).

"*Đương sanh*" là chúng ta hiện nay đang niệm Phật muốn đi nhưng vẫn chưa đi. Đương sanh cũng phải rất giỏi, tuy chưa đi nhưng nhất định phải đi. Bạn đã ghi danh, đã đăng ký ở thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi, nhất định phải đi, sớm muộn gì cũng nhất định phải đi, đây là đương sanh. Đương sanh là chỉ những người này. Vậy làm sao để ghi danh đăng ký đây? Điều này rất quan trọng. **Chúng ta có lòng tin kiên định, không chút tơ hào hoài nghi, một đời này ta nhất định phải sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất định phải gặp A-di-đà Phật. Bạn có tâm kiên định như vậy là đã báo danh rồi**. Có thể buông xuống tất cả mọi duyên, không còn chút tơ hào lưu luyến nào đối với thế gian này nữa, cả thảy buông xuống hết, một lòng một dạ chỉ nghĩ đến A-di-đà Phật, chỉ nghĩ đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, vậy là bạn đã ghi danh rồi. Sớm muộn gì họ cũng nhất định phải đi. Hiện giờ tuy vẫn ở nhân gian, nếu người có thần thông nhìn thấy bạn sẽ nói: "Ồ! Họ là đệ tử A-di-đà Phật, họ là người của thế giới Tây Phương Cực Lạc, không phải người của thế giới Ta-bà, không bao lâu nữa họ sẽ đến đó". Đây là "*đương sanh*".

"***Giai đắc như thị chư diệu sắc thân***".

(Đều có sắc thân vi diệu như vầy).

Trong bổn nguyện nói đến "*sắc thân*" đều là "*tử ma chân kim sắc thân*" (thân tướng sắc vàng ròng).

"***Hình mạo đoan nghiêm***".

(Dung mạo đoan chánh trang nghiêm).

"*Hình*" là hình trạng, dung mạo đoan chánh, trang nghiêm giống như A-di-đà Phật. Chúng ta ngày nay tạo tượng Phật, vẽ tượng Phật nhưng vẽ không ra. Tướng mà chúng ta tạo đó kém rất xa so với tướng chân thật của A-di-đà Phật, chúng ta tạo không nổi.

"***Phước đức vô lượng***".

(Có vô lượng phước đức).

Đây là có "*phước*" có "*đức*". Phước đức vô lượng, trong phước đức bao hàm vô cùng rộng lớn. Người Trung Quốc quy nạp "*phước*" thành năm loại lớn, thường gọi là Ngũ Phước Lâm Môn (trường thọ, phú quý, khang ninh, hiếu đức và thiện chung). Phước đức ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là vô lượng vô biên, không chỉ có năm loại lớn này.

"***Trí huệ minh liễu***".

(Trí huệ sáng suốt).

Nhìn thấy phước, chỗ này lại nhìn thấy trí. Trí huệ viên mãn, hiểu rõ thông đạt tất cả pháp thế và xuất thế gian, không những đối với hiện tại, mà đối với quá khứ, vị lai đều có thể hiểu rõ.

"***Thần thông tự tại***".

Câu này là bổ sung cho ý nghĩa phía trước, khiến chúng ta thấy càng rõ ràng hơn, càng tường tận hơn.

"***Thọ dụng chủng chủng nhất thiết phong túc***".

(Hết thảy mọi thứ thọ dụng đều đầy đủ).

"*Phong*" là phong phú, "*túc*" là đầy đủ, tất cả sự thọ dụng đều vô cùng đầy đủ, không thiếu thốn. Điều này vừa rồi đã nói, đều là A-di-đà Phật biến hóa tạo ra để cung cấp cho chúng ta. Tiếp theo nêu ra vài ví dụ.

"***Cung điện***" là nơi chốn để cư trú. Ngày nay chúng ta gọi là phòng ốc, nhà cửa cư trú.

"***Phục sức***", "*phục*" là y phục, "*sức*" là trang sức. Bồ-tát cũng có trang sức. Bạn xem, trên chiếc mão có gắn rất nhiều hoa, trước ngực có chuỗi anh lạc, những thứ trang sức này đều là trân bảo vô lượng.

"***Hương hoa***" chúng ta ưa thích dùng hương hoa để trang hoàng khung cảnh trong và ngoài nhà.

"***Phan cái, trang nghiêm chi cụ***".

(Cờ, lọng, những vật trang nghiêm).

"*Phan cái*" là gì? Chúng ta hiện nay gọi là cờ xí, cờ để treo, dây lụa màu đều là thuộc về loại này. Những thứ này bất luận là trong hay ngoài nhà cũng đều là dụng cụ để trang nghiêm.

"***Tùy ý sở tu, tất giai như niệm***".

(Các sự cần dùng đều theo ý muốn).

Ở đây có sinh hoạt hằng ngày, lớn là nhà cửa cư trú, nhỏ là đồ trang sức như hương hoa, phan lọng…, tất cả đều bao gồm trong đó, không cần giảng kỹ từng thứ. Nói tóm lại, "*y thực trú hành*" (quần áo, ăn uống, chỗ ở) chẳng thứ nào không tự tại, không phong túc.

"***Nhược dục thực thời***".
(Khi muốn ăn).

Đây là nói ăn uống tự tại. Việc ăn uống đối với người thế gian chúng ta rất quan trọng. Bạn thử nghĩ xem, mọi người mỗi ngày tốn bao nhiêu thời gian và tinh thần vào việc ăn uống? Đặc biệt là những gia đình giàu có, họ vô cùng coi trọng ăn uống, lãng phí thì giờ và tinh lực còn nhiều hơn. Còn người của thế giới Tây Phương Cực Lạc khi muốn ăn thì:

"***Thất bảo bát khí tự nhiên tại tiền***".
(Chén bát bằng bảy báu tự nhiên hiện ra).

Chữ "*bát khí*" này theo cách nói hiện nay là dụng cụ ăn uống, những dụng cụ đó có rất nhiều hình thức, chất liệu đều là bảy báu. Ở thế gian chúng ta, dụng cụ ăn uống cao cấp nhất là bằng bạc. Những thứ này rất quý báu, cái này chúng ta còn thấy qua. Chỉ có bằng vàng thì chỉ nghe chứ chưa thấy qua. Các bậc vua chúa thời xưa có đại phước báo, trong cung đình, dụng cụ ăn uống là bằng vàng. Người hiện nay không có phước báo lớn như vậy, bằng bạc thì có, bằng vàng thì không có, còn các loại trân bảo khác cũng không có. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, dụng cụ ăn uống đều làm bằng bảy báu. "*Tự nhiên tại tiền*", không cần tự mình biến hóa, trong tâm vừa nghĩ thì thức ăn liền ra trước mặt, ai biến hóa ra? A-di-đà Phật biến ra để tặng cho bạn. Ân đức của Di-đà đối với chúng ta thật quá lớn, chăm sóc tỉ mỉ chu đáo, giống như cha mẹ chăm sóc con nhỏ vậy, hết lòng hết dạ chăm sóc bạn. Bạn vừa động niệm thì Ngài biết ngay, Ngài liền biến hóa tặng đến trước mặt bạn.

"***Bá vị ẩm thực tự nhiên doanh mãn***".
(Trăm thứ thức ăn tự nhiên đầy đủ).

Khi bạn thích ăn thì các món ngon liền được đựng đầy trong những dụng cụ ăn uống. Đĩa bát không phải rỗng không mà đều đầy ắp.

"***Tuy hữu thử thực, thật vô thực giả***".

(Tuy có đồ ăn nhưng không phải ăn).

Những thức ăn này hiện trước mặt nhưng họ không ăn. Hiện tượng này là do khi chúng ta mới đến thế giới Tây Phương Cực Lạc vẫn chưa quên tập khí mỗi ngày ăn cơm, thường nghĩ: "Sao lâu quá mà chưa ăn cơm?". Ý niệm này vừa động thì hiện tượng này liền hiện ra trước mặt. Đến khi những thức ăn này bày ra trước mặt, trong tâm chợt nghĩ: "Ta nay không phải là phàm phu nữa, ta là thân thể kim cang bất hoại, là thân thanh hư vô cực, làm gì còn dùng đến những thứ này nữa". Vừa động niệm thì hiện tượng này tự nhiên tan mất. Cho nên nói "*thật vô thực giả*".

"***Đãn kiến sắc văn hương, dĩ ý vi thực***".
(Chỉ nhìn hình sắc, ngửi mùi hương, ăn bằng ý tưởng).

Nhìn thấy sắc hương này thì trong lòng rất đầy đủ, không cần nữa.

"***Sắc lực tăng trưởng, nhi vô tiện uế***".
(Sắc lực tăng trưởng, không có đại tiểu tiện).

Chúng ta ở thế gian này vì có ăn uống cho nên mới có bài tiết, ở thế giới Tây Phương không có, thân thể đều trong suốt. Mặc dù là tử ma chân kim, nhưng thể chất là trong suốt.

"***Thân tâm nhu nhuyễn, vô sở vị trước***".
(Thân tâm nhẹ nhàng, không tham đắm hương vị).

"*Trước*" là trước tướng, tâm tham. Tâm không khởi niệm tham trước đối với ăn uống.

"***Sự dĩ hóa khứ***".
(Ăn xong liền biến mất).

Đến khi khởi niệm này hiểu rõ rồi, bây giờ không cần ăn nữa thì [đồ ăn] liền biến mất, không còn nữa.

"***Thời chí phục hiện***".
(Đến giờ ăn lại hiện ra).

Nếu bạn lại khởi vọng tưởng, lại nghĩ muốn ăn thì cảnh giới này lại hiện ra, ở đây có được sự tự tại đó. Đoạn dưới đây nói đến sự tự tại về y phục.

"***Phục hữu chúng bảo diệu y***".
(Lại có nhiều y phục báu đẹp).

Ở thế giới Tây Phương có vô lượng trân bảo. Những vật báu ấy đều mềm mại, không giống như thế gian chúng ta bảy báu đều rất cứng, chỉ có thể làm đồ trang sức, không thể làm quần áo để mặc. Báu vật của thế giới Tây Phương Cực Lạc mềm mại, những thứ vàng bạc, mã não, lưu ly giống như vải sô mềm mại của chúng ta, có thể làm quần áo để mặc, cho nên y phục của họ đều là bảo y. "*Chúng bảo diệu y*", các vật báu ở đó rất mềm mại, có thể biến thành rất mỏng, giống như sợi bông vậy.

"***Quan đới***", "*quan*" là chiếc mũ, "*đới*" là sợi dây thắt lưng.

"***Anh lạc***", đây là đồ trang sức đeo trên thân, cánh tay và cổ tay đều có thể đeo những thứ này.

"***Vô lượng quang minh***", vật báu phóng quang.

"***Bá thiên diệu sắc, tất giai cụ túc, tự nhiên tại thân***".
(Trăm ngàn màu sắc, thảy đều đầy đủ, tự nhiên mặc vào thân).

Bạn muốn mặc y phục gì thì nó thành y phục đó, muốn màu sắc gì thì nó biến màu sắc ấy, tất cả tùy tâm mong muốn. Tâm bạn hễ vừa động niệm thì nó tự nhiên liền biến hóa ra. Chẳng những không cần may vá phiền phức, mà mặc quần áo cũng phiền phức. Không cần mặc mà vừa nghĩ thì y phục tự nhiên đã ở trên thân rồi, chúng ta mặc còn phải cài vài nút áo, phiền phức biết mấy. Y phục của người thế giới Tây Phương không có nút áo, họ không cần mà. Bạn mới biết sự lợi ích "*tự nhiên tại thân*".

"***Sở cư xá trạch xứng kỳ hình sắc***".
(Nhà cửa xứng với hình sắc).

Đoạn này là nói chỗ ở tự tại, không có thứ nào không tự tại, "*xá trạch*" chính là nhà để ở, "*xứng kỳ hình sắc*", *xứng* là được như ý nguyện. Nhà cửa muốn kiểu gì thì thành kiểu ấy, muốn màu gì thì có màu ấy, muốn trân bảo gì thì do trân bảo đó tạo thành, tất cả đều là theo tâm mong muốn.

"***Bảo võng di phú, huyền chư bảo linh***".
(Lưới báu giăng trên không, linh báu treo khắp).

Muốn có lưới báu trang nghiêm ở bên ngoài nhà thì bên ngoài liền có, còn muốn cột kèo trong nhà có lưới báu trang nghiêm thì bên trong liền có. Tất cả đều là tùy tâm như ý, biến hóa ra trước mặt.

"***Kỳ diệu trân dị, châu biến hiệu sức***".

(Kỳ diệu, quý lạ, trang hoàng trọn khắp).

Đây là hình dung, không phải sự thật. Chữ "*hiệu*" này, dùng lời hiện đại mà nói là thiết kế tỉ mỉ. Kỳ thật ở nơi ấy không có người thiết kế, nhưng lại giống như được thiết kế tỉ mỉ vậy, đẹp đẽ, trang nghiêm như vậy.

"***Quang sắc hoảng diệu, tận cực nghiêm lệ***".
(Bóng loáng sáng ngời, trang nghiêm đẹp đẽ đến cùng cực).

Màu sắc của ánh sáng vô cùng sáng tỏ, vô cùng lóa mắt, trang nghiêm đẹp đẽ đạt đến cùng cực.

"***Lâu, quán, lan thuẫn***".
(Lầu, quán, lan can).

"*Lan thuẫn*" là lan can. Trên các bậc tam cấp có lan can.

"***Đường vũ, phòng, các***".
(Điện đường, nhà cửa).

"*Đường*" là điện đường, "*phòng, các*" là chỗ cư trú.

"***Quảng hiệp phương viên, hoặc đại hoặc tiểu***".
(Rộng hẹp, vuông tròn, hoặc lớn hoặc nhỏ).

Bạn thích lớn thì phòng ốc liền lớn, thích nhỏ thì nó liền nhỏ, đều được như ý.

"***Hoặc tại hư không, hoặc tại bình địa. Thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc, ứng niệm hiện tiền, vô bất cụ túc***".
(Hoặc giữa không trung, hoặc trên đất bằng, thanh tịnh yên ổn, vi diệu an vui, tùy ý hiện đến đầy đủ).

Chúng ta thấy người ở thế giới Tây Phương hưởng thụ đời sống như vậy, chúng ta có cảm tưởng gì? Chúng ta ở thế gian này sống quá khổ sở, mua một căn nhà cũng không dễ dàng, cho dù đã mua được nhà rồi, nhưng hằng năm vẫn phải tu sửa. Bạn bảo phiền phức biết mấy! Mất bao nhiêu tinh thần để chăm lo nhưng vẫn không thể theo ý muốn. Tôi muốn ở trong một căn nhà lớn, ở trong có vườn hoa, ở nơi đây không có được khả năng này. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thì tiện lợi rồi, chẳng thứ nào không được như ý. Hoàn cảnh tốt như vậy đang chờ bạn đến. Nếu bạn không đi, bạn thử nghĩ xem, trong kinh Phật thường nói là kẻ đáng thương. Chúng ta nghe xong câu này mới biết được thế nào là đáng

thương, đây thật là đáng thương. Đáng thương đến mức nào thì chúng ta cũng có thể lĩnh hội được mấy phần. [Tây Phương] đang chờ chúng ta đi, đây hoàn toàn là chân tướng sự thật.

ĐỨC PHONG HOA VŨ ĐỆ NHỊ THẬP
PHẨM HAI MƯƠI: GIÓ ĐỨC MƯA HOA

Từ phẩm thứ mười bốn "Bảo Thụ Biến Quốc" cho đến phẩm này là giới thiệu hoàn cảnh y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương, đồng thời cũng nói với chúng ta "lục trần thuyết pháp" mà lục trần thuyết pháp ở đoạn này lại càng rõ ràng hơn. Xin xem kinh văn:

"***Kỳ Phật quốc độ, mỗi ư thực thời, tự nhiên đức phong từ khởi, xuy chư la võng, cập chúng bảo thụ***".

(Cõi nước Đức Phật đó, đến giờ ăn, tự nhiên gió đức thoảng nhẹ làm lay động lưới giăng và các cây báu).

Sự việc này không nhất định là lúc ăn cơm, bởi vì chúng ta biết người của thế giới Tây Phương không có thói quen ăn uống. Vừa rồi đã nói đó đều là chúng sanh lúc mới đến thế giới Tây Phương Cực Lạc có tập khí này, vậy sự việc này giải thích thế nào? Tức là vào một lúc nhất định, giống như chúng ta ăn ba bữa cơm có thời gian nhất định. Đây gọi là thời gian nhất định, xem đó là giờ quy định. Đến giờ quy định thì nó sẽ có một bầu khí tượng mới mẻ. Khí tượng này chính là "*tự nhiên đức phong từ khởi*" (tự nhiên gió đức thoảng nhẹ). Gió cũng có đức, đức của gió ở đâu? Gió này thổi đến thân bạn, không những bạn cảm giác rất thoải mái mà cũng có thể tẩy trừ cấu uế, diệt tội, giúp bạn khai ngộ. Gió này có lợi ích như vậy. Cho nên tất cả hoàn cảnh của thế giới Tây Phương Cực Lạc đều giúp chúng ta tiêu tai diệt tội, minh tâm kiến tánh, cho nên chữ "*đức*" là nói những điều này. "*Từ khởi*" là gió nhẹ, cách một khoảng thời gian lại có một cơn gió nhẹ. Chữ "*thực thời*" tức là có một thời gian nhất định, mỗi khi đến giờ này thì có một cơn gió nhẹ.

"*Xuy chư la võng, cập chúng bảo thụ*" (làm lay động lưới giăng và các cây báu), chỗ đan xen giữa lưới với lưới đều có buộc một chiếc chuông báu. Cây, cành, hoa, quả, lá đều do các loại báu mà thành. Lúc gió thổi thì chúng va chạm vào nhau, phát ra âm thanh. Cho nên tiếp theo nói:

"***Xuất vi diệu âm***".

(Phát ra âm thanh vi diệu).

Giống như nhạc giao hưởng của thế gian chúng ta, nó có tiết tấu vô cùng vui tai. Âm thanh này không loạn, không những hay mà nó còn biết thuyết pháp. Pháp mà nó thuyết có thể nói là không có một pháp nào mà không thuyết. Không những tất cả pháp mà Thích-ca Mâu-ni Phật nói trong bốn mươi chín năm, thực tế pháp mà vô lượng vô biên chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới thuyết cho tất cả chúng sanh thì thế giới Tây Phương thảy đều đầy đủ. Nói cách khác, chúng ta ở thế giới Ta-bà này, Phật Pháp mà bạn nghe được chỉ là đại tạng kinh của Thích-ca Mâu-ni Phật để lại mà thôi. Chúng sanh ở mười phương thế giới nếu không sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì pháp âm mà họ nghe được đều giới hạn ở một bộ phận, không cách gì nghe được toàn thể. Chỉ có sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì mới có thể nghe được, thấy được, tiếp xúc được vô lượng vô biên pháp môn mà tất cả chư Phật nói. Vả lại được oai đức bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, bạn có trí huệ, có năng lực, có thần thông để tiếp nhận. Ngày nay, đại tạng kinh có bày trước mặt, bạn cũng không thể tiêu hóa, không thể tiếp nhận, [vì] không có trí huệ, không có năng lực này. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì có năng lực này, có trí huệ này, bạn có thể tiếp nhận pháp của tất cả chư Phật nói. Cho nên đến nơi đó thành Phật nhanh, không có chút chướng ngại nào.

"***Diễn thuyết khổ không, vô thường, vô ngã***".
(Diễn nói pháp Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã).

Mấy câu này là bao quát các pháp Tiểu Thừa, pháp Tiểu Thừa phá ngã chấp.

"***Chư Ba-la-mật***".
(Các Ba-la-mật).

Câu này là bao quát Phật Pháp Đại Thừa, đây chính là toàn bộ Phật Pháp. Phật pháp Đại Thừa phá pháp chấp. Phá ngã chấp rồi thì chứng Tứ Quả A-la-hán của Tiểu Thừa, phá xong pháp chấp của Đại Thừa thì thành Phật rồi.

"***Lưu bố vạn chủng ôn nhã đức hương***".
(Lan tỏa vạn thứ hương đức ôn hòa, thanh nhã).

Bốn câu dưới này nói rõ gió đưa mùi diệu hương. Cây có mùi hương, hoa cũng có mùi hương, tất cả vật trân bảo thảy đều tỏa ra mùi hương, gió vừa thổi thì ở xa cũng ngửi được mùi hương này.

"***Kỳ hữu văn giả, trần lao cấu tập tự nhiên bất khởi***".
(Ai ngửi được rồi thì phiền não, tập khí tự nhiên không khởi).

Đây là đức của gió, đức của hương không phải đều đã hiển thị ra rồi sao! Gọi đó là "*đức phong*" bởi vì tất cả chúng sanh ngửi được, tiếp xúc được thì nghiệp chướng liền được tiêu trừ. "*Trần lao*" là phiền não, "*cấu tập*" là tập khí. Ở nơi đây phiền não, tập khí từ vô thủy kiếp đến nay tự nhiên được tiêu trừ hết, tiêu trừ từng giờ từng phút. Cho nên tiêu nghiệp chướng, đoạn phiền não, phá vô minh, họ có tiến không thoái, họ không thoái chuyển nữa. Cách này thì nhanh chóng.

"***Phong xúc kỳ thân, an hòa điều thích***".
(Gió chạm vào thân an hòa dễ chịu).

Đây là nói chỗ diệu của gió, "*xúc thân*" là gió thổi vào thân mình thì thân tâm an hòa. "*Điều thích*" là nói về tâm, trong tâm bạn có cảm giác vô cùng vui sướng, phiền não, tạp niệm, tập khí không khởi.

"***Do như Tỳ-kheo đắc Diệt Tận Định***".
(Như vị Tỳ-kheo chứng được Diệt Tận Định).

"*Đắc Diệt Tận Định*" tức là chứng Tứ Quả A-la-hán. Đắc Diệt Tận Định thì kiến tư phiền não thảy đều đoạn trừ hết, vui sướng giống như vậy. Phiền não vĩnh viễn không sanh nữa.

"***Phục xuy thất bảo lâm thọ***".
(Lại thổi qua rừng cây bảy báu).

Gió này thổi qua rừng cây báu, ở thế giới Tây Phương có rất nhiều cây báu.

"***Phiêu hoa thành tụ***".
(Thổi hoa tụ lại).

Hoa trên cây bị gió thổi bay lên không trung vô cùng đẹp đẽ, giữa không trung như đang rải hoa vậy. Điều càng không thể nghĩ bàn là hoa này ở trên không có thể tụ lại, phía sau nói nó có thể trở thành một lọng hoa, ở trên không tự nhiên có thể sắp thành hình dạng như vậy.

"***Chủng chủng sắc quang, biến mãn Phật độ***".
(Các loại màu sắc trải khắp cõi Phật).

Lọng hoa ấy có rất nhiều hình dáng, chủng loại, màu sắc ánh sáng khác nhau. Đây là nét trang nghiêm trên không trung của thế giới Tây Phương. Lúc gió thổi, những cánh hoa này tô điểm trên không trung, sự trang nghiêm này nói không cùng tận.

"***Tùy sắc thứ đệ, nhi bất tạp loạn***".
(Thứ lớp theo sắc, không có tạp loạn).

Hoa sắp thành các hình dạng rất có thứ tự, không phải sức người thiết kế, cũng không cần người sắp đặt, mà nó tự nhiên hợp thành. Hợp thành vô cùng xinh đẹp.

"***Nhu nhuyễn quang khiết, như Đâu-la-miên***".
(Mềm mại, sáng sạch như Đâu-la-miên).

Lọng hoa này sẽ rơi xuống. Sau khi rơi xuống thì giống như chúng ta hiện nay trải thảm trên mặt đất vậy. Những hoa này sau khi rơi xuống thì trải thành thảm trên mặt đất. Khi trải thành thảm cũng vô cùng tuyệt đẹp, có thứ lớp không tạp loạn chút nào. "*Nhu nhuyễn quang khiết*" (mềm mại, sáng sạch), "*khiết*" là sạch sẽ. Ở nơi này hoa của chúng ta cho dù tạo thành hình dáng, sắp thành luống hoa thì những hoa này cũng không thanh tịnh, còn hoa ở thế giới Tây Phương thì thanh tịnh, đích thật là không nhiễm mảy trần. "*Đâu-la-miên*" là một loại thực vật của Ấn Độ, giống như tơ liễu của Trung Quốc, rất mềm, rất nhỏ.

"***Túc lý kỳ thượng, một thâm tứ chỉ***".
(Chân đi lên lún sâu bốn lóng tay).

Người đi lên trên, vì mềm nên nó lún xuống bốn lóng tay.

"***Tùy túc cử dĩ, hoàn phục như sơ***".
(Khi nhấc chân lên lại bằng phẳng như cũ).

Nó có tính co giãn, chúng ta vừa nhấc chân lên thì nó liền khôi phục như cũ.

"***Quá thực thời hậu, kỳ hoa tự một***".
(Qua khỏi giờ ăn hoa ấy tự mất).

Đây là nói có thời gian nhất định. Mỗi khi đến thời gian quy định thì đều có hiện tượng này. Sau khi thời gian này qua rồi thì hoa không còn nữa.

"***Đại địa thanh tịnh, cánh vũ tân hoa***".
(Mặt đất sạch sẽ, lại mưa hoa mới).

Trải qua một thời gian lại trổ hoa mới. Ở thế giới Tây Phương có một chu kỳ nhất định. Hiện nay chúng ta gọi là tính chu kỳ nhất định. Cho nên không trung, mặt đất đều là sự trang nghiêm của mưa hoa. Tựa đề của phẩm này là "đức phong hoa vũ", đây là nói mưa hoa rơi xuống.

"***Tùy kỳ thời tiết, hoàn phục châu biến, dữ tiền vô dị, như thị lục phản***".

(Tùy theo thời tiết rơi cùng khắp như trước không khác, như vậy sáu lần mỗi ngày đêm).

Chữ "*lục phản*" này là tỉ dụ. Bởi vì Thế Tôn ở thế gian này thuyết pháp, ở Ấn Độ xưa, một ngày chia làm sáu thời, ngày ba thời, đêm ba thời. Một thời của Ấn Độ là bốn tiếng đồng hồ hiện nay, bốn giờ là một chu kỳ, cứ bốn giờ lại mưa hoa một lần, thời gian này không quá dài cũng không quá ngắn. Đây là quang cảnh vô cùng tuyệt đẹp. Thế giới đó quả thật là đẹp không kể xiết!

BẢO LIÊN PHẬT QUANG ĐỆ NHỊ THẬP NHẤT
PHẨM HAI MƯƠI MỐT: SEN BÁU PHẬT QUANG

Trong phẩm kinh này, Phật nói rõ hoa sen báu và quang minh hiện ra tướng Phật thuyết pháp, cảnh giới trùng trùng vô tận, không thể nghĩ bàn, xin xem kinh văn:

"***Hựu chúng bảo liên hoa châu mãn thế giới***".

(Lại có nhiều hoa sen báu cùng khắp cả nước).

Cho nên thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng được gọi là thế giới hoa sen. Hoa sen của thế giới Tây Phương đặc biệt nhiều. Hoa sen nhiều khắp cả cõi nước.

"***Nhất nhất bảo hoa bá thiên ức diệp***".

(Mỗi hoa báu có trăm ngàn ức cánh).

Hoa sen của thế giới Tây Phương khác với hoa sen của chúng ta nơi đây. Hoa sen nơi đây của chúng ta có cánh hoa rất lớn lại không nhiều. Trong kinh điển thường tán thán mắt của Phật đẹp, mắt của Phật giống như hoa sen xanh, giống như cánh hoa sen. Quý vị nghĩ xem, nếu giống như cánh hoa sen ở thế gian này của chúng ta thì mắt đó không đẹp lắm phải không? Hoa sen của thế giới Tây Phương giống như bông cúc của chúng ta vậy: nhỏ, dài mà lại nhiều cánh, giống như hoa cúc của thế gian chúng ta, cho nên mắt đó rất đẹp. Hoa sen của họ có trăm ngàn ức cánh hoa.

"***Kỳ hoa quang minh, vô lượng chủng sắc***".

(Ánh sáng mỗi hoa có vô lượng màu sắc).

Đây là Phật nói lời thật với chúng ta, hoa sen có vô lượng màu sắc, không phải chỉ có bốn màu xanh, đỏ, vàng, trắng như trong kinh Di-đà nói.

"***Thanh sắc thanh quang, bạch sắc bạch quang, huyền, hoàng, châu, tử, quang sắc diệc nhiên***".

(Hoa xanh thì ánh sáng xanh, hoa trắng ánh sáng trắng, vàng đỏ tía huyền, màu sắc ánh sáng cũng lại như vậy).

Hoa màu gì thì tỏa ra ánh sáng màu đó, hoa sen phóng quang.

"***Phục hữu vô lượng diệu bảo bá thiên ma-ni, ánh sức trân kỳ, minh diệu nhật nguyệt***".

(Lại có vô lượng diệu bảo, trăm ngàn ma-ni lấp lánh kỳ lạ, sáng chiếu như nhật nguyệt).

Câu này là nói hoa sen trang nghiêm bằng diệu bảo, hoa đã đẹp vô cùng rồi, giữa những đóa hoa lại có vô lượng diệu bảo trang nghiêm, đây là ma-ni, ma-ni là bảo châu như ý. Hoa sen phóng quang, diệu bảo cũng phóng quang nên "*minh diệu nhật nguyệt*" (sáng chiếu như nhật nguyệt), ánh sáng của chúng vượt hơn mặt trời, mặt trăng. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không cần đến ánh sáng mặt trời, mặt trăng, mà tất cả vạn vật tự chúng đều phóng quang, cho nên thế giới đó gọi là thế giới quang minh. Trong kinh Phật thường gọi là Đại Quang Minh Tạng tức là chỉ thế giới Tây Phương Cực Lạc.

"***Bỉ liên hoa lượng***".

(Kích cỡ của hoa sen).

Đây là độ lớn nhỏ của hoa sen.

"***Hoặc bán do-tuần***".

(Hoặc nửa do-tuần).

Hoa nhỏ cỡ nửa do-tuần.

"***Hoặc nhất nhị tam tứ do-tuần, nãi chí bá thiên do-tuần***".

(Hoặc một, hai, ba, bốn do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần).

Hoa sen trong ao bảy báu lớn nhỏ khác nhau nhưng công năng của nó là như nhau, công năng không hề khác biệt, chỉ có lớn nhỏ khác nhau. Vì sao có lớn nhỏ? A-di-đà Phật chỉ biến ra hoa sen cung cấp cho chúng ta, còn hoa sen lớn nhỏ là do tâm lượng của chính chúng ta, là do công đức niệm Phật của chính chúng ta. Công phu niệm Phật của bạn càng sâu thì hoa sen ở thế giới Tây Phương càng lớn. Công phu niệm Phật của bạn rất cạn, khi bạn vãng sanh thì hoa sen của bạn sẽ nhỏ hơn hoa sen của người khác. [Hoa lớn nhỏ] tỉ lệ thuận với công phu niệm

Phật sâu cạn của bạn. Cho nên quý vị nên biết, chúng ta hiện nay sống ở thế gian này, mọi thứ đều là giả, không có được thứ gì, cũng không mang đi được thứ gì. Gọi là "*sanh không mang đến, chết không mang đi*", là một mảng trống không, một giấc mộng. Chỉ có tranh thủ cho được hoa sen lớn nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc mới là thật phải không? Cái đó vĩnh viễn sẽ không tiêu mất, sẽ không diệt mất. Cho nên điểm này chúng ta phải thật sự nghiêm túc nỗ lực, công phu niệm Phật nhất định phải sâu, cái này thì chúng ta có thể mang đi được, những thứ khác không thể mang đi được, mang đi được là thật, không mang đi được là giả. Chỉ có niệm Phật là thật, chúng ta nhất định phải ghi nhớ, nhất định phải hết lòng nỗ lực.

"***Nhất nhất hoa trung, xuất tam thập lục bá thiên ức quang***".
(Mỗi hoa sen phát ra ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng).

Đây là hoa sen phóng quang. Vừa rồi đã nói, phóng quang không liên quan với độ lớn nhỏ. Hoa sen lớn phóng ra ánh sáng cũng nhiều như vậy, hoa sen nhỏ cũng phóng ra ánh sáng nhiều như vậy, công năng là như nhau. "*Quang*" đều có ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng, ánh sáng lớn nhỏ này chắc chắn cũng tỉ lệ thuận với độ lớn nhỏ của hoa sen. Hoa sen lớn thì ánh sáng lớn, hoa sen nhỏ thì ánh sáng nhỏ nhưng số lượng của ánh sáng nhất định là như nhau, như vậy mới hợp tình hợp lý.

"***Nhất nhất quang trung, xuất tam thập lục bá thiên ức Phật***".
(Trong mỗi ánh sáng có ba mươi sáu trăm ngàn ức Đức Phật).

Chúng ta ở chỗ này thấy được, trong bài kệ tán Phật có câu "*quang trung hóa Phật vô số ức*", "*quang*" gì đây? Ánh sáng của hoa sen phát ra, trong hào quang hóa ra [vô số ức] Phật. Điều này thật không thể nghĩ bàn.

"***Thân sắc tử kim, tướng hảo thù đặc***".
(Sắc thân tử kim, tướng tốt thù đặc).

Tất cả đều là hóa thân của A-di-đà Phật. Quý vị nghĩ xem mỗi đóa hoa sen đều hóa ra vô số ức hóa thân của A-di-đà Phật, Đẳng Giác Bồ-tát cũng không tính ra số hoa sen của thế giới Tây Phương Cực Lạc, vậy A-di-đà Phật hóa ra bao nhiêu thân? Thế giới vô biên, chúng sanh vô biên. Phật nếu không có năng lực này thì làm sao có thể rộng độ chúng sanh, làm sao có thể khiến tất cả chúng sanh một đời viên thành Phật đạo? Chúng ta ở chỗ này thấy được đức năng của A-di-đà Phật đích thật là siêu việt tất cả chư Phật Như Lai.

"***Nhất nhất chư Phật, hựu phóng bá thiên quang minh***".
(Mỗi Đức Phật lại phóng ra trăm ngàn hào quang).

Hoa sen phóng quang, trong ánh sáng hóa ra vô số Phật, Phật lại phóng quang.

"***Phổ vị thập phương, thuyết vi diệu pháp***".
(Chiếu khắp mười phương, nói pháp vi diệu).

Hóa Phật vì tất cả chúng sanh trong mười phương vô lượng vô biên thế giới mà thuyết pháp vi diệu.

"***Như thị chư Phật***".
(Các vị Phật ấy).

"*Như thị chư Phật*" là nói các hóa Phật trong ánh sáng.

"***Các các an lập vô lượng chúng sanh ư Phật chánh đạo***".
(Mỗi vị Phật lại độ vô lượng chúng sanh đến nơi Phật chánh đạo).

Mỗi vị Phật đều hóa độ vô lượng chúng sanh. Hóa Phật trong ánh hào quang thật sự là vô lượng vô biên. Mỗi vị hóa Phật lại độ vô lượng vô biên chúng sanh, an trụ nơi Phật chánh đạo. Quý vị phải biết chữ "*chánh đạo*" này là chỉ Tây Phương Tịnh Độ. Nói cách khác, không có một vị Phật nào mà không dạy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Cầu sanh Tịnh Độ là con đường chánh đạo để thành Phật. Trong phẩm kinh này đã hiển thị rõ ràng sâu sắc pháp giới được nói đến trong Kinh Hoa Nghiêm: "*sự sự vô ngại, trùng trùng vô tận, bất tư nghị*". Trong đoạn kinh văn này chúng ta thấy được "*trùng trùng vô tận, sự sự vô ngại*". Tây phương Tịnh Độ lấy hoa sen làm Phật sự, ở chỗ này chúng ta cũng đã thấy được, cũng nhìn ra được. Bình thường chúng ta nghe nói Liên Hoa Tạng thế giới, chúng ta rất khó thấu hiểu ý nghĩa đó, đọc đến đoạn kinh văn này thì chúng ta hiểu rõ, lĩnh hội được một chút sự thù thắng không thể nghĩ bàn của Liên Hoa Tạng thế giới. Xin xem đoạn kinh văn tiếp theo.

QUYẾT CHỨNG CỰC QUẢ ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ
PHẨM HAI MƯƠI HAI: QUYẾT CHỨNG CỰC QUẢ

Phẩm kinh này, "*quyết*" nghĩa là quyết định, ngữ khí hoàn toàn khẳng định. "*Cực quả*" là Viên Giáo Phật, nhất định chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây chính là nói rõ nguyện thứ hai mươi chín "*trụ Chánh Định Tụ*" và nguyện thứ mười hai "*định thành Chánh Giác*" trong bốn mươi tám nguyện.

[Chúng ta] thấy được Ngài đã viên mãn hai nguyện này. Kinh văn trong phẩm này không dài, tổng kết sự thanh tịnh trang nghiêm, tập hợp viên dung cảnh giới trí huệ. Thực tế mà nói là trí cảnh nhất như, nhân quả như như, những người vãng sanh sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc "*trong không lấy bỏ, trụ Chánh Định Tụ*", quyết chứng cực quả. Xin xem kinh văn.

"***Phục thứ A-nan! Bỉ Phật quốc độ, vô hữu hôn ám, hỏa quang, nhật nguyệt tinh diệu, trú dạ chi tượng***".

(Lại này A-nan! Cõi nước Đức Phật đó không có cảnh tối tăm, đèn đuốc, nhật nguyệt, tinh tú, ngày đêm).

Thế giới của chúng ta có hiện tượng hoàng hôn, có đêm, đêm là tối, có ánh lửa, có nhật nguyệt, có tinh tú có ngày đêm. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không có những hiện tượng này, thế giới Tây Phương là thế giới quang minh, một bầu quang minh.

"***Diệc vô tuế nguyệt, kiếp số chi danh***".

(Cũng không có tên năm, tháng, kiếp số).

Thế gian chúng ta đây, năm nay là năm nào? Tháng nào, ngày nào? Thứ mấy? Có những thứ này. Ở thế giới Tây Phương không có tất cả thứ này. Ở thế giới này của chúng ta mỗi người có tên gì, họ gì? Thế giới Tây Phương chưa nghe qua. Bạn cư ngụ tại thành phố nào? Đường nào? Số nhà bao nhiêu? Ở thế giới Tây Phương cũng không có. Thật kỳ lạ! Cho nên có một số người sau khi nghe xong thì nghi ngờ âu lo rất nhiều. Nếu hai người chúng ta sau khi đến thế giới Tây Phương, tôi muốn tìm bạn thì đến đâu để tìm? Thế giới Tây Phương rất tuyệt diệu. So với máy tính hiện nay của chúng ta còn tuyệt diệu hơn, bất luận là láng giềng hay thân thích gần xa, sanh đến thế giới Tây Phương, khi tâm bạn vừa động niệm muốn gặp họ thì người đó đã đứng trước mặt bạn rồi, đâu cần phải hỏi số nhà để tìm, phải không? Việc đó quá mất công! Nơi đó vì sao không có những sự việc này? Quý vị hãy tỉ mỉ mà suy nghĩ, những sự việc này đều từ trong tâm phân biệt chấp trước mà biến hiện ra. Người của thế giới Tây Phương thanh tịnh, không có phân biệt, chấp trước nên không có những việc này. Có nhân thì có quả, có quả đương nhiên sẽ có nhân, người của thế giới Tây Phương không có phân biệt, chấp trước cho nên cảnh giới của họ tuyệt đẹp tốt lành như vậy. Tâm địa thanh tịnh quang minh cho nên cảm được tướng thế giới quang minh, không có đen tối.

Ở thế gian này, tâm người có niệm tốt, cũng có niệm ác, niệm tốt thì là quang minh, niệm ác thì gọi là đen tối, chúng ta thường gọi là lòng dạ đen tối. Tâm

không tốt thì chính là lòng dạ đen tối nên cảm được là đen tối. Người của thế giới Tây Phương đều là tâm thuần thiện, tâm thanh tịnh, cho nên cảm được là một màn quang minh, không có đen tối. Do đây có thể biết, Thế Tôn nói kiếp số, những con số này đều là tùy thuận theo những tập khí phân biệt chấp trước của chúng ta mà nói. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không có. Tỉ như Phật nói với chúng ta A-di-đà Phật thành Phật tại thế giới Tây Phương đã mười kiếp rồi, mười kiếp này là nói theo nơi đây của chúng ta, không phải nói theo thế giới Tây Phương, thế giới Tây Phương không có những sự việc này. Biết được đạo lý này, sự thật này, chúng ta cũng rất vui vẻ, rất yên tâm, tại sao vậy? Ví dụ trong Quán Kinh nói, người hạ phẩm hạ sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc mười hai kiếp thì hoa nở thấy Phật. Mười hai kiếp này là thời gian bên đây của chúng ta, không phải thời gian của thế giới Tây Phương. Số kiếp này là [tính theo] nơi này của chúng ta, thời gian này không dài. Lại nói nếu có tâm hoài nghi thì khi sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ sanh vào biên địa nghi thành, sau năm trăm năm mới có thể thấy Phật nghe pháp. Năm trăm năm đó cũng là thời gian ở thế giới này của chúng ta, không phải của thế giới Tây Phương Cực Lạc, thế giới Tây Phương Cực Lạc làm gì có năm trăm năm. Năm trăm năm là ở thế gian chúng ta, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc là vô lượng thọ, đâu có là bao! Do vậy dù cho là nghi tâm sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì cũng rất phi thường, cũng rất đáng để người bội phục. Vấn đề này để đến phần sau chúng ta sẽ thảo luận tiếp.

"***Phục vô trụ trước gia thất. Ư nhất thiết xứ, ký vô tiêu thức, danh hiệu, diệc vô thủ xả phân biệt***".

(Lại không có sự tham đắm nhà cửa. Mọi nơi không có tiêu thức, danh hiệu, cũng không có phân biệt lấy bỏ).

Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không có "*trụ trước gia thất*" (tham đắm nhà cửa). Chữ "*vô*" này không phải là bạn không có cung điện, không có cư trú, không có thân thể. Có cư trú, có cung điện, phía trước đã nói ăn uống, sinh hoạt mọi thứ đều tự tại. Chữ "*vô*" này là không có chấp trước, không có phân biệt. Vì không phân biệt chấp trước nên thế giới đó thật sự bình đẳng, thật sự thanh tịnh, tốt đẹp đến chỗ cùng cực! "*Nhất thiết xứ*" (mọi nơi) đây là nói chung. "*Ký vô tiêu thức danh hiệu*" (không có tiêu thức, danh hiệu), như tôi vừa thí dụ, mọi người sống chung nhưng không có tên đường, cũng không có số nhà, không có những ký hiệu này. "*Diệc vô thủ xả phân biệt*" (cũng không có phân biệt lấy bỏ), giống như trong kinh Kim Cang nói, điều này thật phù hợp với câu: "*Vĩnh ly tứ tướng, tứ kiến*" (lìa xa bốn tướng, bốn kiến).

Phật trong kinh Kim Cang nói tiêu chuẩn thấp nhất của Bồ-tát là phải lìa bốn tướng: "*Nhược Bồ-tát thủ ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ-tát*" (nếu Bồ-tát còn ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì không phải là Bồ-tát). Phật không thừa nhận họ là Bồ-tát vì họ còn chấp tướng, còn phân biệt chấp trước. Không giống như nhân gian chúng ta, thọ xong Bồ-tát giới trở về, tự cho mình là Bồ-tát rồi, kẻ khác cũng xưng là Bồ-tát. Bạn nên biết, Phật không thừa nhận, Phật vừa thấy thì biết đây không phải Bồ-tát, vì sao? Vì còn bốn tướng, chưa lìa khỏi phân biệt chấp trước, đó là Bồ-tát giả, giả làm Bồ-tát, không phải Bồ-tát thật. Bồ-tát bậc cao còn phải phá bốn kiến. Cảnh giới nửa bộ sau kinh Kim Cang còn cao hơn nửa bộ phía trước. Nửa bộ sau nói "*nhược Bồ-tát hữu ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức phi Bồ-tát*" (nếu Bồ-tát có ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến thì không phải là Bồ-tát). Chỗ này nói: "*Diệc vô thủ xả phân biệt*", bốn tướng, bốn kiến đều không còn nữa. Đây là Bồ-tát thật, không phải Bồ-tát giả. Những người đới nghiệp vãng sanh như chúng ta thường vẫn còn những tập khí này. Thực tế mà nói, là nhờ oai thần bổn nguyện của Phật gia trì, chúng ta đến đó rồi thì Bồ-tát giả cũng biến thành Bồ-tát thật, mười phương thế giới chư Phật Như Lai không thể coi thường: "Đây là đệ tử của A-di-đà Phật, phải đối xử đặc biệt, những người này khác với mọi người".

Nếu bạn không vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì phá bốn tướng, bốn kiến rất khó. Nói ra thì dễ nhưng bạn nghĩ thử xem bạn có thể phá nổi không? Điều này quả thật không dễ dàng. Nghĩ lại đến thế giới Tây Phương, các thứ trang nghiêm thù thắng không thể nghĩ bàn, thật là khó được. Cảnh giới này thường gọi là: "*tâm trí nhất như, tâm tịnh nhất như*", nội tâm cùng cảnh giới bên ngoài nhất như, tất cả phân biệt chấp trước thảy đều không còn nữa. Điều này cũng chính là Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong bốn độ. Trong kinh văn tuy không viết như vậy nhưng cảnh giới này là cảnh giới của Thường Tịch Quang Tịnh Độ rồi.

"***Duy thọ thanh tịnh tối thượng khoái lạc***".

(Chỉ có sự hưởng thọ thanh tịnh an lạc tối thượng).

Cái "lạc" này chúng ta không nghĩ đến được, chúng ta không cách gì lĩnh hội được. Tại sao chúng ta không cách gì lĩnh hội được? Vì chúng ta có phân biệt, có chấp trước. Chúng ta ngày nay nói đến chữ "lạc" này đều là cái lạc trong phân biệt chấp trước của chúng ta, còn cái lạc lìa khỏi phân biệt chấp trước thì bạn làm sao có thể lĩnh hội được? Phía trước Phật cho chúng ta một tỉ dụ: tỉ như *lậu tận*

Tỳ-kheo, vui như Tỳ-kheo dứt sạch các lậu. Chúng ta cũng không thể lĩnh hội được niềm khoái lạc của Tỳ-kheo dứt sạch các lậu, đây là nói những gì? Là nói cạn không phải sâu. Trong phiền não chỉ có đoạn dứt kiến tư phiền não, chứng được cảnh giới của Tiểu Thừa Tứ Quả La-hán, nhưng chúng ta cũng không thể thể lĩnh hội được niềm an lạc đó. Vậy ở đây là Bồ-tát Đại Thừa, cho dù là người đới nghiệp vãng sanh, được oai thần bổn nguyện của Phật gia trì, mỗi người đều là A-duy-việt-trí Bồ-tát. A-duy-việt-trí Bồ-tát là Thất Địa trở lên, vượt qua Tứ Quả La-hán rất nhiều. Vậy niềm vui đó của họ chúng ta làm sao có thể tưởng tượng được? Chúng ta thường hay nghe "*tâm tịnh độ tịnh*", độ tịnh tức là hoàn cảnh bên ngoài thanh tịnh. Cảnh giới trên thực tế chúng ta cũng không thể tưởng tượng đến được, không cách gì lĩnh hội được. Đây là chân lạc, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

"***Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược dĩ sanh, nhược đương sanh, giai tất trụ ư Chánh Định chi tụ***".

(Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào hoặc đã sanh hoặc sẽ sanh đều an trụ nơi Chánh Định Tụ).

Chúng ta đã đọc qua điều này ở nguyện thứ hai mươi chín trong bốn mươi tám nguyện, tuy nhiên chúng ta có thể khẳng định chánh định ở chỗ này là "*phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*". Tâm này định trên danh hiệu A-di-đà Phật, định tại thế giới Tây Phương y chánh trang nghiêm. Đặc biệt là nói về "*nhược đương sanh*", "*đương sanh*" là chỉ chúng ta. Chúng ta hiện tại niệm Phật phát nguyện vẫn chưa đi, là sắp đi, gọi là đương sanh. Tâm của chúng ta hiện nay trụ ở Chánh Định Tụ. "*Chánh Định Tụ*" này là nhất tâm nhất ý niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tâm định trên điều này, tuyệt đối không bị tất cả pháp trên thế gian dụ hoặc, làm dao động. Tâm chúng ta định rồi không bị các Pháp môn, Tông phái khác của Phật Pháp làm cho lay động thì tâm chúng ta định rồi. Đương nhiên càng không bị các tôn giáo ngoại đạo khác làm cho lay động. Đó là chúng ta hiện nay đang "trụ Chánh Định Tụ", tâm định rồi thì tương lai nhất định chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đây là nguyện thứ mười hai "Định Thành Chánh Giác". Bởi vì hiện nay tâm chúng ta đã định thì nhất định sẽ vãng sanh, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì nhất định là Tam Bất Thoái, nhất định thành Phật.

"***Hà dĩ cố? Nhược Tà Định Tụ, cập Bất Định Tụ, bất năng liễu tri kiến lập bỉ nhân cố***".

(Tại sao vậy? Nếu là Tà Định Tụ hay Bất Định Tụ thì không thể biết rõ đạo lý nhân quả để sanh về Cực Lạc được).

Chúng ta phải rõ ràng, phải thấu hiểu sự thật này. "*Tà Định Tụ*" là bạn một lòng một dạ đi học các Pháp môn khác hoặc học các thứ ngoại đạo khác. Bạn rất chuyên tâm học những thứ này, "Tà Định Tụ" thì không thể vãng sanh. Còn "*Bất Định Tụ*" thì càng tệ hại hơn, cái này cũng muốn học, cái kia cũng muốn học, gọi là tạp tu. Tạp tu, loạn tu là "Bất Định Tụ", cái này không thể thành tựu. "*Bất năng liễu tri*" (không thể biết rõ), A-di-đà Phật "*kiến lập bỉ nhân cố*" là chỉ thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng chính là chánh nhân vãng sanh Bất Thoái thành Phật. Bạn không biết, không hiểu rõ tình trạng thực sự của thế giới Tây Phương, người trụ Chánh Định Tụ thì liễu giải rõ ràng minh bạch.

THẬP PHƯƠNG PHẬT TÁN ĐỆ NHỊ THẬP TAM
PHẨM HAI MƯƠI BA: MƯỜI PHƯƠNG CHƯ PHẬT TÁN THÁN

Đây là sự thực hiện của nguyện thứ mười bảy trong bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật.

"***Phục thứ A-nan! Đông phương hằng hà sa số thế giới, nhất nhất giới trung như hằng sa Phật***".

(Lại nữa A-nan, hằng hà sa số thế giới ở phương Đông, trong mỗi thế giới có hằng sa Đức Phật).

Đây là cử ra một phương, cử ra Đông phương thế giới vô lượng vô biên giống như cát sông Hằng không thể tính được, cát sông Hằng là tỉ dụ. Mỗi một thế giới đều có vô số chư Phật như cát sông Hằng, mỗi vị Phật đều:

"***Các xuất quảng trường thiệt tướng, phóng vô lượng quang, thuyết thành thật ngôn***".

(Mỗi vị Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng quang minh, nói lời thành thật).

"*Thành thật*" là một chút cũng không giả.

"***Xưng tán Vô Lượng Thọ Phật bất khả tư nghị công đức***".

(Khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ).

Đông phương nói rất tường tận, rất rõ ràng, còn các phương khác có thể lược bớt.

"***Nam Tây Bắc phương hằng sa thế giới, chư Phật xưng tán diệc phục như thị***".

(Chư Phật trong hằng sa thế giới ở phương Nam, Tây, Bắc cũng khen ngợi như thế).

Là giống như phương Đông không khác.

"***Tứ duy thượng hạ hằng sa thế giới, chư Phật xưng tán diệc phục như thị***".

(Chư Phật trong hằng sa thế giới ở bốn phương phụ, trên, dưới cũng khen ngợi như vậy).

"*Tứ duy thượng hạ*" tức là chỉ mười phương, Đông, Nam, Tây, Bắc là bốn phương. "Tứ Duy" là bốn hướng Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam, gọi là Tứ Duy. Tám phương và phương trên, phương dưới là mười phương thế giới. Tất cả chư Phật trong mười phương thế giới không có vị Phật nào không tán thán A-di-đà Phật, không có một vị Phật nào không khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Cho nên chúng ta nhất định phải biết, ngày nay chúng ta đã nghe được lời của Thích-ca Mâu-ni Phật, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, không chỉ là Thích-ca Mâu-ni Phật khuyên nhủ mà thực tế mười phương tất cả chư Phật đều khuyên nhủ như vậy. Chúng ta quả thật y giáo phụng hành thì tất cả chư Phật đều hoan hỉ, Phật hộ niệm, Phật thường sẽ nhớ nghĩ đến bạn, giúp đỡ bạn. Trong lúc bạn niệm Phật sẽ giúp bạn không bị trở ngại, giúp bạn trong đời này vãng sanh một cách thuận lợi. Hễ tâm chúng ta định, phía trước nói chúng ta phải "trụ Chánh Định Tụ" thì được tất cả chư Phật hộ niệm, con đường vãng sanh của chúng ta sẽ thuận lợi, không có chút chướng ngại nào. Nếu bạn nói bạn niệm Phật vãng sanh có chướng ngại, nói cách khác, nếu bạn không phải là "Tà Định Tụ" thì chính là "Bất Định Tụ". Chướng ngại là ở nơi chính mình, không phải ở nơi Phật, điều này nhất định phải rõ ràng. Biết được Pháp môn này thật sự là không thể nghĩ bàn.

Có một số đồng tu trước kia tu các Pháp môn khác, nay nghe nói kinh này hay, muốn tu Pháp môn này, trong lòng thấy lo âu nghi hoặc, sợ có lỗi với các vị Phật Bồ-tát trước kia. Ví dụ trước kia niệm Địa Tạng Bồ-tát, bây giờ tôi niệm A-di-đà Phật, làm sao không có lỗi với Địa Tạng Bồ-tát được chứ? Trước kia niệm kinh Địa Tạng, bây giờ không niệm nữa, trong tâm rất áy náy. Đây là quan niệm rất sai lầm. Bất luận trước kia bạn niệm vị Phật nào, niệm vị Bồ-tát nào, niệm kinh điển gì, nay quay lại niệm Kinh Vô Lượng Thọ, niệm A-di-đà Phật thì chư Phật Bồ-tát đó đều vỗ tay, hoan hỷ bảo: "Ồ! Con làm đúng rồi. Cuối cùng con đã

làm đúng rồi". Cho nên đừng hoài nghi. Bạn đọc xong đoạn kinh văn này thì còn gì hoài nghi nữa chứ, rõ ràng minh bạch rồi.

"***Hà dĩ cố? Dục linh tha phương sở hữu chúng sanh***".

(Tại sao vậy? Vì muốn tất cả chúng sanh ở các phương khác).

Tất cả chư Phật đều có nguyện này:

"***Dục linh tha phương sở hữu chúng sanh, văn bỉ Phật danh, phát thanh tịnh tâm, ức niệm thọ trì, quy y cúng dường***".

(Nghe đến danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ mà phát tâm thanh tịnh, nhớ nghĩ, thọ trì, quy y, cúng dường).

Tất cả chư Phật đều hy vọng chúng ta quy y A-di-đà Phật, đều hy vọng chúng ta cúng dường A-di-đà Phật.

"***Nãi chí năng phát nhất niệm tịnh tín, sở hữu thiện căn, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc***".

(Cho đến phát được một niệm tịnh tín, đem tất cả căn lành chí tâm hồi hướng, nguyện sanh về cõi Cực Lạc kia).

Đây là kỳ vọng của tất cả chư Phật đối với chúng ta, từ mê, tà, nhiễm mà quay đầu. Trước kia chúng ta không hay biết, không biết chân tướng sự thật, hoặc là bái quỷ thần (bái quỷ thần là việc rất bình thường) hoặc là học ngoại đạo, hoặc là học các Pháp môn khác trong Phật môn … không như pháp, không biết được đó đều là mê, đều là tà, đều là nhiễm. Nếu so sánh với Pháp môn này thì đó đều là mê tà nhiễm, chúng ta từ đây mà hồi đầu. Lấy "đại giác", lấy "chí chánh", lấy "chân tịnh", lấy Giác Chánh Tịnh. Mười phương chư Phật tán thán, thế giới Tây Phương Cực Lạc, A-di-đà Phật là chỗ quy y chân chánh của chúng ta. Đây là mười phương tất cả Như Lai nói cho chúng ta, chỉ đạo chúng ta, dạy chúng ta phát thanh tịnh tâm, ức niệm thọ trì quy y. Chúng ta không quy y A-di-đà Phật thì quy y ai chứ? Quy y A-di-đà Phật, bạn có thể nói sai được sao? Nếu bạn nói sai vậy thì bạn thật sự phỉ báng Phật rồi, không chỉ phỉ báng một vị Phật mà phỉ báng tất cả chư Phật, vậy thật đáng sợ. Tội lỗi này rất lớn. Có người phê bình tôi, nói tôi nói Tam Quy y cuối cùng đều phải quy y A-di-đà Phật, quy y kinh Vô Lượng Thọ, họ nói tôi đã nói quá lời, nói không đúng, nói không như pháp. Tôi có căn cứ, tôi căn cứ trên kinh này mà nói, đây là tất cả chư Phật nói thì làm sao sai được? Tức là bảo chúng ta quy y A-di-đà Phật, quy y Kinh Vô Lượng Thọ, quy y Quán Âm, Thế Chí vậy sao có thể sai được? Tất cả chư Phật đều dạy chúng

ta như vậy. Cho nên chúng ta từ biển pháp vô lượng mà hồi đầu, quy y Kinh Vô Lượng Thọ.

Nhất tâm ức niệm thì đời này chúng ta nhất định thành tựu. Phổ Hiền Bồ-tát nói với chúng ta: Trong tất cả cúng dường, cúng dường Pháp là cao nhất. Mười phương tất cả chư Phật Như Lai lấy phương pháp gì để cúng dường A-di-đà Phật? Như phía trước đã nói cực lực tán thán, tuyên dương, khuyên tất cả chúng sanh vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây tức là tất cả chư Phật chân thật cúng dường A-di-đà Phật. Chúng ta hiểu rõ rồi, chúng ta cũng học chư Phật Như Lai, tán thán tuyên dương đến tận hư không khắp pháp giới, khuyên người niệm A-di-đà Phật. Họ tin thì rất tốt, không tin cũng tốt, không tin thì sao? Họ đã nghe câu A-di-đà Phật rồi, hạt giống ấy đã trồng vào ruộng thức thứ tám rồi. Đời này không tin không được vãng sanh, nhưng một ngày nào đó hạt giống mọc lên, duyên của họ thành thục rồi, nhờ sức mạnh của hạt giống này giúp đỡ họ phát nguyện niệm Phật, được sanh Tịnh Độ. Tương lai họ vãng sanh, cái nhân ấy là do chúng ta trồng giúp họ, cho nên phải đến khắp nơi khuyên người niệm Phật, khuyên người cầu sanh Tịnh Độ. Tự mình phải làm một tấm gương thật tốt, tương lai tự tại vãng sanh, biết trước giờ đi, không có bệnh khổ. Lúc vãng sanh tốt nhất mở một đại hội vãng sanh để tiếp đón phóng viên, như vậy chẳng phải mọi người đều tin rồi sao? Phương pháp rất nhiều, đây là đều học theo chư Phật làm thế nào để cúng dường A-di-đà Phật? Đây là "*nguyện sanh bỉ quốc*".

"***Tùy nguyện giai sanh, đắc Bất Thoái Chuyển***".
(Tùy nguyện đều được sanh, được Bất Thoái Chuyển).

Vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì viên chứng Tam Bất Thoái, cho nên pháp môn này không thể nghĩ bàn, là Phật pháp một đời thành tựu, thành tựu ngay trong đời này. Phía trước đã báo cáo với quý vị rồi, chúng ta sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc là sống mà đi, một đời không đến đời thứ hai. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng là một đời thành Phật, cho nên tất cả đều là một đời, không có chuyển thế, không có trở lại đời thứ hai. Nền Phật Pháp thành tựu trong một đời, chúng ta nhất định phải trân quý nó, nhất định phải nắm cho thật chặt cơ hội này. Thế gian này việc gì cũng đều là hư vọng không thật, cho nên phải xem việc này là việc lớn duy nhất cần phải làm trong đời này của chúng ta, những việc khác thật sự đều là việc nhỏ nhặt không đáng nói đến, không cần phải đeo mang trong lòng.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 17

TAM BỐI VÃNG SANH ĐỆ NHỊ THẬP TỨ
PHẨM HAI MƯƠI BỐN: BA BẬC VÃNG SANH

Hai phẩm sau đây cũng là bộ phận rất quan trọng của kinh này. Phật muốn nói rõ cho chúng ta về phương pháp vãng sanh. Thực tế toàn kinh thường nhắc nhở chúng ta, nhưng hai phẩm này là chuyên giảng về cái nhân để có thể vãng sanh, tức là ba điều kiện **Tín, Nguyện, Trì Danh**. Trong phẩm này nói rõ cho chúng ta về ba bậc thượng, trung, hạ. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói tường tận hơn, nói thành chín phẩm. Chúng ta thường nói: "Ba bậc chín phẩm" chính là gộp kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ lại để nói, gọi là ba bậc chín phẩm. Phẩm Vãng Sanh Chánh Nhân phía sau là đặc biệt chú trọng đến phương diện tu hành, chúng ta phải đặc biệt lưu ý phẩm này, xin xem kinh văn.

"***Phật cáo A-nan: "Thập phương thế giới chư thiên nhân dân, kỳ hữu chí tâm nguyện sanh bỉ quốc, phàm hữu tam bối".***"

(Đức Phật bảo Ngài A-nan: Chư thiên, nhân dân ở mười phương thế giới chí tâm nguyện sanh về cõi ấy nói chung có ba bậc).

Đoạn này là nói chung. "*Thập phương thế giới chư thiên nhân dân*", đương nhiên bao gồm chúng ta ở trong đó. Tất cả cõi nước của chư Phật tận hư không khắp pháp giới thảy đều được bao gồm trong đó. Từ chỗ này chúng ta lĩnh hội được nguyện lực rộng lớn thâm sâu, thần thông đạo lực của A-di-đà Phật, đích thật không thể nghĩ bàn. Ngài không phải độ một đại thiên thế giới, trăm ngàn đại thiên thế giới, mà là **phổ độ**. Chư Phật Như Lai xưng tán Ngài là Phật Trung Chi Vương (vua trong các Phật), đích thật không phải quá đáng. Dưới đây giảng về duyên thành thục của sự vãng sanh. Cơ duyên này đã thành thục rồi. "*Chí tâm*", chân tâm là tín đầy đủ. Tín trong tín nguyện hạnh của chúng ta đã đầy đủ rồi. "*Nguyện sanh bỉ quốc*", nguyện này cũng đầy đủ rồi. Ngẫu Ích Đại Sư nói: "Có thể vãng sanh hay không là do có tín nguyện hay không. Nếu có chân tín, thiết nguyện thì nhất định được sanh". Vậy sanh đến thế giới Tây Phương, xem công phu tu hành của họ có ba bậc. Ba bậc này chính là ba hạng. Đây là chia thành phần lớn, còn chia nhỏ chính là chín phẩm, nếu chín phẩm lại chia nhỏ ra nữa, thì trong mỗi một phẩm lại có ba bậc [thành] chín phẩm, càng chia thì càng nhỏ. Thật ra, chúng ta biết thế giới Tây Phương là thế giới bình đẳng, không cần phiền phức như vậy, không cần phân biệt chấp trước như vậy.

"***Kỳ thượng bối giả, xả gia khí dục, nhi tác Sa-môn***".

(Bậc thượng phẩm là những người xuất gia, lìa tham dục, làm Sa-môn).

"*Thượng bối*" này là xuất gia cầu sanh Tịnh Độ. Có không ít đồng tu đọc xong kinh này đến hỏi tôi: "Thưa pháp sư, chúng con không có hy vọng được vãng sanh thượng phẩm rồi". Thượng phẩm tức là thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm trong chín phẩm. Họ nói nhất định phải xuất gia mới được, không xuất gia thì không có hy vọng rồi. Tuy nhiên quý vị nhất định đừng quên rằng mở đầu kinh này, mở đầu phẩm thứ hai, Phật nói cho chúng ta mười sáu vị Chánh Sĩ: "**Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ**" (mười sáu vị Bồ-tát tại gia thuộc nhóm Ngài Hiền Hộ). Đó đều là Bồ-tát tại gia, đều là người tại gia hơn nữa đều là người thượng thượng phẩm vãng sanh, đâu có nói người tại gia không có phần. Người tại gia vãng sanh thượng phẩm rất nhiều.

Người xuất gia ở chỗ này lại có cách nói khác. Chữ "**gia**" này trong Phật pháp Đại Thừa có rất nhiều loại, không phải là một loại. Chúng ta hiện nay thường cho rằng chữ "gia" này là tài sản nhà đất, bạn có gia đình, người thân, quyến thuộc… đây là gia của gia đình. Hiện nay người thường đều thấy hình thức này. Phật dạy chúng ta điều này không vấn đề gì, không có trở ngại. Vậy còn "gia" nào nghiêm trọng hơn so với cái này? Phật dạy chúng ta phiền não là gia, phải ra khỏi ngôi nhà phiền não mới được. Tam giới là gia, tam giới tức là lục đạo luân hồi, cái này là gia. Có thể thấy ngoài chữ "gia" của gia đình ra, còn có gia của tam giới, có gia của sanh tử, có gia của phiền não, còn có ba thứ nữa. Vậy xuất gia, ra khỏi những cái đó mới quan trọng, gia đình không quan trọng. Còn chữ xuất thì sao? Cũng có bốn cách nói:

1. Một loại là thân đã xuất gia, còn tâm chưa xuất, "**thân xuất, tâm không xuất**", cách này vô dụng. Có nhiều người xuất gia đã xuống tóc, thọ đại giới rồi, thân xuất gia rồi, còn tâm thì sao? Trong tâm vẫn còn tham danh văn lợi dưỡng, vẫn tham đắm ngũ dục lục trần. Tâm chưa xuất. **Thân xuất rồi, còn tâm chưa xuất**, như vậy không có tác dụng.

2. Loại thứ hai là "**tâm xuất, thân không xuất**". Đây là Bồ-tát tại gia, "*Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ*" (mười sáu vị Bồ-tát tại gia thuộc nhóm Ngài Hiền Hộ) tức là tâm xuất, thân chưa xuất. Ở đây là nói về hạng người này, "*Xả gia khí dục*" (xuất gia lìa tham dục) là nói về loại này.

3. Loại thứ ba là "**thân, tâm đều xuất**", đây là đệ tử xuất gia chân chánh, còn hoằng pháp lợi sanh, đây là đệ tử Phật chân chánh.

4. Loại thứ tư là "**thân, tâm đều không xuất**", thân tâm đều không xuất có phải là chỉ người thường bên ngoài không? Không phải, là chỉ cư sĩ tại gia các vị, thân chưa xuất, tâm cũng không muốn xuất. Vậy thân tâm đều không xuất thì sao? Hạng này thì không có phần thượng phẩm thượng bối. Nếu nói tôi thân không xuất mà tâm xuất thì có phần thượng phẩm, cho nên ba phẩm thượng sẽ có phần.

Trước tiên chúng ta phải nhận thức rõ ràng hai chữ "*xuất*" và "*gia*". "*Xả gia khí dục*" (xuất gia lìa tham dục), "*dục*" là ngũ dục lục trần. Không còn lưu luyến các thứ trong tam giới, lục đạo hồng trần nữa, hết thảy đều đã buông xuống. Đây là thật sự xuất gia, ra khỏi nhà tam giới, ra khỏi nhà phiền não, ra khỏi nhà sanh tử, đây là chân xuất gia.

"*Nhi tác Sa-môn*" (làm Sa-môn), *"Sa-môn"* vốn là cách xưng hô thông thường của người tu đạo thời xưa ở Ấn Độ. Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, hầu như "*Sa-môn*" đã biến thành tên chuyên gọi của người xuất gia. Nhưng ở chỗ này không phải là tên chuyên gọi của người xuất gia. Bởi vì Phật giảng kinh tại Ấn Độ, nên "*Sa-môn*" đương nhiên vẫn là ý nghĩa của Ấn Độ, tức là người tu đạo, không thể lấy ý nghĩa của Trung Quốc để nói được. Ý nghĩa của nó là "*cần tu giới định huệ, tức diệt tham sân si*" (chuyên cần tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si). Cư sĩ tại gia có thể cần tu giới định huệ, tức diệt tham sân si thì cũng được gọi là Sa-môn, cho nên đây là cách gọi chung cho người xuất gia và tại gia. Tuy nhiên người thượng phẩm vãng sanh nhất định là tâm địa thanh tịnh, họ đã buông xả hết tất cả pháp thế gian, ý nghĩa xuất gia là ở chỗ này. Nó không liên quan với thân xuất gia hay không xuất gia. Chúng ta trước tiên nên nhận thức cho rõ ràng.

Về cương lĩnh tu hành, xin xem câu sau đây:

"***Phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật***".
(Phát tâm Bồ-đề, chuyên tâm niệm Phật A-di-đà).

Trong kinh chỉ ra rõ ràng minh bạch, chúng ta cần phải nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, không phải bảo chúng ta niệm Phật Bồ-tát khác. Bạn xem, thật là rõ ràng minh bạch, vậy phát Bồ-đề tâm là gì? "*Bồ-đề*" là tiếng Phạn, ý nghĩa là **giác ngộ**, phát Bồ-đề tâm là chân chánh giác ngộ, thật sự giác ngộ rồi, cũng có thể nói là triệt để giác ngộ rồi, giác ngộ cứu cánh viên mãn rồi. Hạng người như vậy mới chắc chắn buông bỏ muôn duyên, nhất tâm chuyên niệm A-di-đà Phật. Nếu họ chưa giác ngộ thì họ làm sao chịu buông xuống, chưa giác ngộ thì họ làm sao chịu chuyên niệm, giác ngộ tức là minh bạch rồi. Tình trạng bên

trong thế giới Ta-bà này họ đã hiểu rõ rồi, tình hình bên trong mười phương thế giới của chư Phật cơ bản cũng hiểu rõ rồi, các thứ trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng đã rõ ràng, vậy người này đã giác ngộ rồi, họ biết lựa chọn, họ lựa chọn một chút cũng không sai. Một người có thể chọn thế giới Tây Phương Cực Lạc, một đời vãng sanh Bất Thoái thành Phật độ sanh, đây không phải là sự triệt ngộ cứu cánh viên mãn thì là gì? Tôi nói những lời này, người khác nghe được [cảm thấy] hình như tôi quá độc đoán, không nên khẳng định như vậy. Sự thật là như vậy, tôi cũng không nói quá đáng, sự thật thế nào thì tôi nói như vậy. Quý vị hãy tỉ mỉ quan sát kinh văn, kinh là Thích-ca Mâu-ni nói. Nếu bảo tôi nói quá đáng thì chính là bảo Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói quá đáng, tất cả chư Phật Như Lai đã nói quá đáng, không phải tôi nói quá đáng. Chúng ta nên biết sự thật này là muôn ngàn chân thật, đời này nếu luống qua thì quá đáng tiếc!

"***Tu chư công đức***".

(Tu các công đức).

Trong câu này bao gồm rất nhiều ý nghĩa. Trong bộ kinh này nói rất nhiều, dạy chúng ta tu học như thế nào? Nói một cách đơn giản là phải đọc tụng, không đọc tụng kinh thì không được. Hằng ngày phải đọc tụng, phải hiểu rõ, phải tùy thời tùy chỗ khuyến tấn dẫn dắt kẻ khác, đây chính là "khuyến tấn hành giả". Tu pháp bố thí, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, đây là công đức chân thật, chúng ta đem công đức này hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ.

"***Thử đẳng chúng sanh, lâm thọ chung thời, A-di-đà Phật, dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền***".

(Những chúng sanh này khi mạng chung, Đức Phật A-di-đà cùng Thánh chúng hiện đến trước mặt).

Đây là đắc quả, Phật đến tiếp dẫn vãng sanh.

"***Kinh tu du gian***".

(Trong khoảnh khắc).

"*Tu du*" là nói thời gian ngắn tạm, rất nhanh.

"***Tức tùy bỉ Phật vãng sanh kỳ quốc, tiện ư thất bảo hoa trung tự nhiên hóa sanh***".

(Liền theo Đức Phật sanh về cõi đó, tự nhiên hóa sanh trong hoa sen bảy báu).

Đây là thượng thượng phẩm vãng sanh, hoa khai kiến Phật, vừa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì hoa nở thấy Phật.

"***Trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại***".

Việc này là Phật lực gia trì, cũng là công đức tu trì của mình đã thành thục. Đây là nói cho chúng ta biết việc tu nhân đắc quả.

Đoạn sau đây, Thích-ca Mâu-ni Phật vô cùng từ bi, nhiều lần khuyên nhủ chúng ta.

"***Thị cố A-nan***".
(Thế nên A-nan).

"*Thị cố*" tức là: "Ông xem phía trước nói về tu nhân đắc quả, lợi ích này thù thắng không gì sánh bằng", cho nên Thế Tôn dặn đi dặn lại.

"***Kỳ hữu chúng sanh, dục ư kim thế kiến A-di-đà Phật giả***".
(Nếu có chúng sanh nào muốn đời này thấy Phật A-di-đà)".

Đây là thượng thượng phẩm vãng sanh, trước khi vãng sanh đã thấy được A-di-đà Phật, cho nên nói "*kim thế*" (đời này).

Chúng ta xem truyện ký của Tổ Sư, Sơ Tổ Tịnh Tông chúng ta là Huệ Viễn Đại Sư, trong đời Ngài thấy được Tây Phương Tịnh Độ ba lần. Ngài chưa từng nói với ai, khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn, cảnh giới này lại hiện ra, Ngài mới nói với học trò: "Ta phải đi đây, Phật đến tiếp dẫn ta rồi". Ngài nói trước đây đã từng thấy cảnh giới Tây Phương ba lần. Lúc này Ngài mới tuyên bố, mới nói ra cảnh giới. Ngài thấy được cảnh giới đó hoàn toàn giống những gì kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Vào thời Viễn Công Đại Sư, kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh A-di-đà đều chưa được phiên dịch. Cho nên lúc bấy giờ, Viễn Công Đại Sư xây dựng đạo tràng ở Lư Sơn, việc niệm Phật vãng sanh là căn cứ vào kinh Vô Lượng Thọ. Đó là Tịnh Độ Nhất Kinh, chưa có Tam Kinh, sau này mới có Tam Kinh. Lúc đó bộ kinh này đã được phiên dịch ra, Ngài bèn y theo bộ kinh này mà tu hành. Cho nên người xưa gọi bộ kinh này là Tịnh Tông Đệ Nhất Kinh là có đạo lý của nó.

Năm xưa, Sơ Tổ chính là y theo bộ kinh này, cảnh giới thấy được hoàn toàn giống với những gì trong kinh đã nói, điều này nhất định không sai. Cho nên những người thượng bối vãng sanh thường thấy được cảnh giới trong định hoặc trong mộng. Tuy nhiên quý vị nên biết, cảnh giới thấy được nhất định phải tương ưng với chỗ nói trong kinh, đây là cảnh giới tốt. Nếu không tương ưng với lời

trong kinh thì đó nhất định không phải là Tịnh Độ chân chánh. Khoảng bảy tám năm trước, tôi giảng kinh tại Hồng Kông, Pháp Sư Thường Hoài đưa cho tôi xem một quyển sách nhỏ, nói rằng có một Pháp Sư đã từng đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, sau khi trở về thì viết quyển sách nhỏ này, cũng rất chấn động, quyển sách này được lưu thông khắp nơi. Pháp Sư Thường Hoài sau khi xem qua thì hoài nghi, bèn đưa cho tôi xem. Ông ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thấy có rất nhiều người nữ, đây là giả, chắc chắn là giả! Trong bổn nguyện kinh này không có, trong kinh này cũng không có. Tại sao ông ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc còn thấy nhiều người nữ như vậy? Điều này không phải thật, ông ta nói không tương ưng với kinh, điều này chúng ta nhất định phải biết.

Chúng ta có tiêu chuẩn để kiểm tra, nhất định phải tương ưng với lời trong kinh nói. Nếu đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thấy người có dáng vóc cao thấp khác nhau, đó cũng là giả. Thế giới Tây Phương là thế giới bình đẳng, diện mạo của mỗi người đều hoàn toàn giống với Phật, đây mới là thật. Người người đều là thân kim sắc, ai ai cũng phóng ánh sáng, đó là thật. Ở đây Phật đã nói nếu có chúng sanh muốn đời này thấy được A-di-đà Phật, việc này không phải không làm được mà là có thể làm được.

"***Ưng phát Vô Thượng Bồ-đề chi tâm***".
(Phải phát tâm Vô Thượng Bồ-đề).

Đây là phát hoằng nguyện trước.

"***Phục đương chuyên niệm Cực Lạc quốc độ***".
(Lại nên chuyên nghĩ đến cõi nước Cực Lạc).

Đây chính là niệm Phật, "*ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*" (nhớ Phật niệm Phật, hiện tại tương lai nhất định thấy Phật)

"***Tích tập thiện căn***".
(Nhóm chứa được căn lành).

Chuyên niệm là chánh hạnh, phía trước có Nguyện, có Tín, có Nguyện, có Hạnh. "*Tích tập thiện căn*", là trợ hạnh, "*chánh trợ song tu*".

"***Ưng trì hồi hướng***".
(Nên đem hồi hướng).

Lấy công đức này để hồi hướng về Tây Phương Tịnh Độ.

"***Do thử kiến Phật, sanh bỉ quốc trung, đắc Bất Thoái Chuyển, nãi chí Vô Thượng Bồ-đề***".

(Do đó được thấy Phật, sanh về nước kia, được bậc Bất Thoái Chuyển cho đến quả Vô Thượng Bồ-đề).

Đây là Phật đặc biệt khuyến khích chúng ta. Nếu chúng ta hiểu rõ, thật sự chịu nghe lời của Thích-ca Mâu-ni Phật thì chúng ta sẽ có phần thượng bối vãng sanh. Đừng nên tự cam chịu đọa lạc, nghĩ rằng mình nghiệp chướng rất nặng, khắp thân đầy tội nghiệp, mình niệm Phật được hạ hạ phẩm vãng sanh thì đã mãn nguyện rồi. Thực tế mà nói, chúng ta phải cố gắng nỗ lực, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc phải nâng cao phẩm vị của chính mình lên, mau chóng thành Phật. Những người thượng thượng phẩm vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thành Phật rất nhanh.

"***Kỳ trung bối giả, tuy bất năng hành tác Sa-môn, đại tu công đức***".

(Bậc trung là những người tuy không thể làm Sa-môn, tu các công đức lớn).

"*Trung bối*" là chính mình căn tánh thấp, phước báo cạn, chướng duyên rất nhiều, chướng ngại của bạn rất nhiều, muốn tu thì có người cản trở, bạn không thể tu công đức lớn, không thể buông xuống tất cả, tình hình này cũng rất nhiều. Đồng tu thông thường gánh nặng gia đình rất lớn, con đàn cháu đống, gia nghiệp rất lớn, việc này rất phiền phức. Bạn muốn buông xuống nhưng người nhà của bạn đều nhờ vào bạn để sống, cho nên trong tình hình này thì không có cách gì để tu, tức là tu để cầu trung bối vãng sanh.

"***Đương phát Vô Thượng Bồ-đề chi tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật***".

(Phải phát tâm Vô Thượng Bồ-đề, chuyên tâm niệm Phật A-di-đà).

Bạn xem, trên mặt tu nhân không có sai khác. Kỳ thật mọi người đều có thể cầu thượng thượng phẩm vãng sanh, dù có chướng duyên, nhưng nếu bạn có trí huệ thì có thể đột phá. Cho nên trong Phật pháp Cổ Đức nói không sai: "Phẩm vị sai biệt ở thế giới Tây Phương đều ở nơi duyên", chúng sanh chúng ta gặp duyên không đồng. Trong các duyên, quan trọng nhất là thiện tri thức, gặp được thiện tri thức cao minh, họ vừa chỉ điểm cho bạn thì chướng ngại gì cũng không còn nữa, nếu không gặp được chân thiện tri thức thì rất khó xả lìa chướng duyên. Cho nên đây là gặp duyên khác nhau. Câu này nói vô cùng viên mãn. Không có được duyên phần tốt.

"***Tùy kỷ tu hành chư thiện công đức***".
(Tùy sức mình tu các công đức lành).

Không thể đại tu thì cũng nên tùy duyên mà tu. Phía dưới cử vài thí dụ, những thí dụ này là tùy duyên tu. Chúng ta đừng thấy chỗ này thì nói thượng bối vãng sanh không nói điều này. Thượng bối vãng sanh có, nhưng đã lược bỏ rồi, đến chỗ này bổ sung thêm, thượng bối đều có. Thượng bối tu đó là đại tu công đức, chỗ này là tùy duyên. Tỉ như "*phụng trì trai giới*", "*phụng*" là phụng hành, "*trì*" là thọ trì, "*trai*" là không ăn quá ngọ, "*giới*" là giới luật. "Phụng trai, trì giới", công đức của trai giới là thân tâm thanh tịnh. Chúng ta trì giới thì thân thanh tịnh, trì trai có thể giúp tâm chúng ta thanh tịnh, điều này phía trước đã nói qua rồi. "*Trai*" là trai tâm, tâm thanh tịnh gọi là trai. Người xưa thường nói, buổi sáng phải ăn cho đàng hoàng, phải chú ý đến dinh dưỡng, buổi trưa phải ăn no, buổi tối phải ăn ít, đây là đạo dưỡng sinh. Buổi tối ăn ít bạn nhất định sẽ ngủ ngon, buổi tối ăn no thì sẽ gặp ác mộng, sẽ hôn trầm, tâm không thanh tịnh.

Cho nên Phật năm xưa khi còn tại thế ngày chỉ ăn một bữa giữa trưa. Hiện nay chúng ta cũng học ăn một bữa giữa trưa có được không? Không được! Nghiệp chướng của chúng ta sâu nặng hơn người xưa, người xưa phiền não nhẹ, họ tiêu hao năng lượng ít, họ ăn một bữa là đủ. Chúng ta hiện nay nghiệp chướng rất nặng, tiêu hao năng lượng nhiều, nếu bạn không bổ sung thì thân thể bạn sẽ có bệnh, việc này không thể miễn cưỡng học theo được. Không thể vì thích thể diện, thích cho dễ nhìn: "Bạn xem tôi đây chỉ ăn một bữa giữa trưa, tôi trì giới, các bạn đều không bằng tôi", là cống cao ngã mạn, chẳng phải là sanh phiền não rồi sao? Họ ăn một bữa như thế nào? Đem ba bữa dồn lại thành một bữa để ăn, chưa đầy nửa năm thì mắc bệnh ruột, bao tử, bệnh gì cũng đều mắc cả! Đây là sai lầm quá đỗi. Chúng ta trước tiên hiểu rõ, thân thể là bộ máy, ăn uống là bổ sung năng lượng, giống như xe hơi vậy, nếu không có xăng thì nó sẽ không chạy được. Đổ xăng tức là cho nó ăn cơm, bổ sung năng lượng cho nó, sự tiêu hao năng lượng, chín mươi lăm phần trăm là tiêu hao trên vọng tưởng, chúng ta suốt ngày khởi vọng tưởng, là tiêu hao trên cái này. Xưa kia tâm người tu đạo thanh tịnh, vọng tưởng ít, phiền não ít thì họ tiêu hao ít. Cho nên đây là một hiện tượng rất tự nhiên, chúng ta thấy người mỗi ngày ăn một bữa thì biết tâm họ rất thanh tịnh. Cho nên trước tiên chúng ta phải tu tâm thanh tịnh, phải buông xả phiền não phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, sau đó lượng nhu cầu của bạn tự nhiên sẽ ít đi. Điều này cũng cần một chút công phu, không có công phu thì cưỡng cầu không được. Cần phải biết rõ đạo lý này, điều này giúp đỡ rất lớn đối với sự tu hành.

"***Khởi lập tháp tượng, phạn tự Sa-môn***".

(Xây dựng tháp tượng, cúng dường Sa-môn).

Việc này đều tùy duyên mà làm. Những người có đại phước đức họ có thể đại tu, họ có thể xây một tháp tượng, xây một đạo tràng, một mình họ có đủ khả năng đó. Chúng ta không có phước báo lớn như vậy, nhìn thấy người khác tu, chúng ta tùy hỷ làm một chút công đức, cái này gọi là tùy phần, ra tiền, ra sức tùy phận, không giống như phía trước, người nói ở phía trước là đại tu. Một mình họ có đủ sức để làm rất nhiều công đức. "*Phạn tự Sa-môn*", giống như chúng ta thường nghe nói là "cúng trai", hiện nay ở Đài Loan rất thịnh hành. "Thiên tăng trai" tức là mời khách cúng dường, mời Pháp sư ăn cơm. Mời một ngàn người xuất gia. Thiên tăng trai là tu phước, đồng thời cũng là tuyên truyền, tuyên dương Phật Pháp.

Tuy nhiên, hiện nay trong lễ thiên tăng trai có lẽ là tu phước nhiều. Trong lễ thiên tăng trai, người xuất gia sau khi thọ nhận cúng dường xong nhất định phải thuyết pháp. Người xuất gia lấy pháp bố thí có thể làm lợi ích cho mọi người. Hiện nay có hình thức này nhưng thực chất thì khác xa, không sánh bằng thời xưa. Thời xưa lễ thiên tăng trai có dụng ý rất lớn, là tượng trưng lục hòa kính trong Phật môn. Dùng cách nói bây giờ tức là một cơ duyên tốt để người xuất gia dung thông ý kiến với nhau, đôi bên cùng xây dựng một nhận thức chung. Lúc bình thường mỗi người đều ở tại tu viện của mình, mỗi người giáo hóa một phương, nay có được cơ hội tụ tập tại một nơi, nghe vị trưởng lão khai thị chỉ đạo: Trong thời đại này chúng ta nên dùng thái độ gì, phương pháp gì, pháp môn gì để chỉ dẫn tất cả chúng sanh, để đối trị một số căn bệnh trước mắt, đều là khai thị những thứ này. Cho nên xây dựng nhận thức chung, chia sẻ ý kiến, có được công đức lợi ích như vậy. Cách "*phạn thực sa-môn*" này rất có đạo lý, thật sự có công đức.

"***Huyền tăng nhiên đăng, tán hoa thiêu hương***".

(Treo phan đốt đèn, rải hoa thắp hương).

Việc này không chỉ làm trên hình thức. Nếu mọi người đều nhìn trên hình thức thì Phật cũng rơi lệ, lắc đầu mà nói: "Con đã hiểu sai ý của ta rồi", phải có thực chất. Chữ "*tăng*" này là gì? Là tràng phan, tràng phan dùng để làm gì? Là ý nghĩa hoằng pháp lợi sanh, cũng tức là nói tùy duyên, tùy phận mà thỉnh Pháp sư, Đại Đức hoằng pháp lợi sanh. *Pháp tràng cao thụ* (treo pháp tràng lên) là ý nghĩa này. Bản thân chúng ta không có khả năng thì chúng ta tập hợp nhiều người để

thỉnh, đây là tùy phận. Người có đức lớn, người có đại phước báo thì một mình họ là có khả năng thỉnh. Chúng ta không có khả năng lớn như vậy, nơi khác thỉnh thì chúng ta tùy hỉ. Phương pháp này là tu trung bối vãng sanh. Phải biết tùy hỉ mời những vị Pháp sư, Đại Đức đến hoằng pháp lợi sanh.

"*Nhiên đăng*", "*đăng*" đại biểu cho trí huệ, đại biểu tâm địa quang minh, tượng trưng cho ý nghĩa này. "*Tán hoa thiêu hương*" (rải hoa thắp hương) ý nghĩa chân chánh của nó tức là truyền bá Phật pháp cho tất cả chúng sanh. Đây mới là rải hoa thắp hương chân thật. "*Hoa*" đại biểu cho tu nhân, giới thiệu phương pháp tu hành cho người khác đây gọi là "*tán hoa*" (rải hoa). Khuyên người khác có thể tin tưởng và ngưỡng mộ Phật pháp thì đây là "*thiêu hương*" (thắp hương), "*hương*" đại biểu cho tín. Ngày ngày đứng trước mặt Phật thắp hương, ngày ngày đều cúng Phật hương, hoa, trái cây, nhưng không biết làm những việc này thì bạn cúng hương thơm, hoa quả suốt đời Phật cũng không thấy, không ngửi được. Bạn xem, có phải đã uổng phí cả một đời rồi không? Cho nên phải hiểu rõ ý nghĩa này. Trong đạo tràng những thứ trang nghiêm đó là để đánh thức chúng ta.

Nhìn thấy hoa, hoa đại biểu cho Lục Độ. Chúng ta thường gọi là Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ, Thập Nguyện, đây đều là tu nhân của Bồ-tát, đại biểu điều này là hoa. Ở trước Phật chúng ta cúng "*Quả*", quả của Tịnh Tông chúng ta chính là vãng sanh Bất Thoái thành Phật, bày ra nơi đây là thường xuyên nhắc nhở chúng ta, là ý nghĩa như vậy. Không phải dâng quả cho Phật ăn, hoa là để cho Phật ngắm, vậy là bạn đã hoàn toàn hiểu sai rồi! Là dùng nó để tượng trưng, đánh thức chúng ta.

"***Dĩ thử hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc***".

(Đem những việc ấy hồi hướng nguyện sanh cõi kia).

Đây là nói họ không thể tu công đức lớn, thì cũng nên tùy phận để tu, cử ra vài thí dụ.

"***Kỳ nhân lâm chung, A-di-đà Phật hóa hiện kỳ thân, quang minh tướng hảo, cụ như chân Phật***".

(Khi người đó mạng chung, hóa thân Đức Phật A-di-đà hiện ra đầy đủ tướng tốt, quang minh như chính Đức Phật).

Trung bối vãng sanh thì hóa Phật sẽ đến rước. Quý vị chớ nên ở chỗ này khởi phân biệt chấp trước rằng hóa Phật chứ không phải chân Phật. Kỳ thật Phật không có thân tướng, vô tướng mới là chân thân của Phật, hễ có tướng đều là hóa

thân của Phật. Bạn thử nghĩ xem, A-di-đà Phật không phải mỗi ngày, mỗi giờ, mà có thể nói là mỗi giây, Ngài phải đi tiếp dẫn vô lượng vô biên chúng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, nếu không hóa thân, chỉ có một thân thì mệt chết. Làm gì có đạo lý này. Tất cả đều là hóa thân đi, hóa thân là chân Phật, không khác với chân Phật. Cho nên ở Tây Phương pháp thân, báo thân, ứng hóa thân là một thể, một tức là ba, ba tức là một, khác với hóa Phật của thế giới phương khác.

"***Dữ chư đại chúng tiền hậu vi nhiễu, hiện kỳ nhân tiền, nhiếp thọ đạo dẫn***".

(Cùng với đại chúng vây quanh hiện trước người đó, nhiếp thọ tiếp dẫn).

Phật đến tiếp dẫn cũng có rất nhiều người cùng Phật đến nghênh tiếp. Những người cùng đến nhất định có mối quan hệ với bạn, nếu không có quan hệ thì sẽ không cùng Phật đến tiếp dẫn, đều là trong đời quá khứ vô lượng kiếp đến nay, họ đã vãng sanh, là bạn học, bạn bè, người nhà, quyến thuộc, họ niệm Phật vãng sanh rồi. Lúc đó họ khuyên chúng ta niệm Phật, chúng ta không tin, không ưa thích vãng sanh, cho nên chưa đi, đến bây giờ muốn đi rồi họ biết được nên vô cùng vui mừng, cùng Phật đến đón tiếp. Tôi thường nói, ở thế giới Tây Phương bạn bè thân thiết, người quen của chúng ta rất nhiều, cho nên đến nơi đó sẽ không thấy xa lạ.

"***Tức tùy hóa Phật vãng sanh kỳ quốc, trụ Bất Thoái Chuyển Vô Thượng Bồ-đề, công đức trí huệ thứ như thượng bối giả dã***".

(Liền theo hóa Phật sanh về cõi Cực Lạc, ở bậc Bất Thoái Chuyển Vô Thượng Bồ-đề, công đức trí huệ kém hơn bậc thượng phẩm).

Sau khi vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, công đức trí huệ kém hơn một bậc so với thượng bối vãng sanh. Đây là bản thân chúng ta tu hành. Tuy nhiên quý vị nên biết, đến bên ấy nhờ Phật lực gia trì, thì chúng ta đều bình đẳng. Nếu không được Phật lực gia trì thì chín phẩm là không bình đẳng, Phật lực vừa gia trì thì cả thảy đều bình đẳng, điều này phải biết. Tây Phương thù thắng bậc nhất không gì sánh bằng là bổn nguyện của Phật gia trì khiến chúng ta có thể bình đẳng thành Phật, bình đẳng thành tựu. Điều này thật sự không thể nghĩ bàn. Chỗ này nói là không có sự gia trì, mà là công phu của chính chúng ta, đến nơi đó thì có khác biệt.

"***Kỳ hạ bối giả, giả sử bất năng tác chư công đức***".

(Bậc hạ phẩm là những người giả sử không thể làm các công đức).

Nghiệp chướng của "*hạ bối*" thật sự là nặng, phước đức rất ít, muốn làm công đức cũng không có cơ hội, không có khả năng, cuộc sống rất thanh bần khổ sở, tiền kiếm được hằng tháng không đủ sống, làm sao có thể quyên tiền để làm công đức được? Áp lực công việc hằng ngày rất lớn, ngày nào không làm thì ngày đó không có cơm ăn, làm gì có thì giờ đi làm công đức? Cho nên thảy đều không thể ra tiền, ra sức. Thế giới này quả thật có không ít những người như vậy, đây là họ không thể làm các công đức, nhưng họ có thể vãng sanh không? Có thể, chỉ cần nhất tâm, nhất ý.

"***Đương phát Vô Thượng Bồ-đề chi tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật***".

(Thì phải nên phát tâm Vô Thượng Bồ-đề, chuyên tâm niệm Phật A-di-đà).

Như vậy thì được rồi.

Quý vị nên biết, không phải họ không chịu làm công đức mà là họ không có khả năng, không có cơ duyên. Nếu họ có cơ hội, có năng lực thì họ sẽ làm, họ không phải không làm mà không có cơ hội, không có duyên phận, nhưng họ thật sự phát tâm niệm Phật thì được. Bạn xem chánh nhân của ba bậc này là giống nhau, đều là "*phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật*", như vậy thì vãng sanh rồi. Cho nên sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, được oai thần bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật gia trì thì bình đẳng được độ. Điều này có đạo lý, nhân bình đẳng thì quả đương nhiên bình đẳng.

"***Hoan hỷ tín nhạo, bất sanh nghi hoặc, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc***".

(Hoan hỷ tin ưa, không sanh nghi hoặc, dùng tâm chí thành nguyện sanh nước kia).

Công đức của những người này là ở đây. Họ đối với Tây Phương Tịnh Độ, đối với A-di-đà Phật vô cùng hoan hỉ, tin sâu không nghi, không có nghi hoặc, dùng tâm chân thành cầu sanh Tịnh Độ thì được.

"***Thử nhân lâm chung, mộng kiến bỉ Phật, diệc đắc vãng sanh. Công đức trí huệ thứ như trung bối giả dã***".

(Người này mạng chung mộng thấy Đức Phật, cũng được vãng sanh, công đức trí huệ kém hơn bậc trung).

Đây là nói công đức của bản thân họ lại kém hơn một bậc so với Trung Bối. Trong Quán Kinh giảng ba bậc này rất tường tận, nhân quả trong ba bậc đều nói

vô cùng rõ ràng. Chúng tôi trước kia từng đem ý nghĩa đoạn này trong Quán Kinh thu thành một bộ băng ghi âm, chính là phần chuyên giảng về Chín Phẩm Vãng Sanh trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, có một bộ băng ghi âm về ba bậc vãng sanh. Bộ băng này không dài lắm, quý vị có thể tỉ mỉ để nghe.

Đoạn sau cùng dưới đây, trước kia lão Pháp Sư Từ Châu gọi nó là "nhất tâm tam bối", cách nói này hay vô cùng! Đoạn này là nói về tu học các pháp môn Đại Thừa khác, không phải chuyên tu Tịnh Độ. Đem công đức tu học của họ hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, cũng có thể được sanh, do đây mới thấy rõ pháp môn Tịnh Độ quả là quảng đại vô biên. Chúng ta xem phần kinh văn:

"***Nhược hữu chúng sanh trụ Đại Thừa giả***".
(Nếu có chúng sanh tu pháp Đại Thừa).

Đây tức là tu pháp Đại Thừa. Đại Thừa bao gồm rất nhiều pháp môn. Tại Trung Quốc, Đại Thừa có tám Tông phái. Ngoài Tịnh Độ ra, Giáo Hạ có bốn Tông là Thiên Thai Tông, Hiền Thủ Tông (còn gọi là Hoa Nghiêm Tông), Tam Luận Tông, Pháp Tướng Tông, đây đều là Đại Thừa. Ngoài ra còn có Luật Tông, Luật Tông là thông cả Đại Tiểu Thừa. Tuy nhiên ở Trung Quốc thì đây là Luật Tông của Đại Thừa. Còn có Thiền Tông, Mật Tông, thêm Tịnh Độ nữa tổng cộng là tám Tông phái. Ngoại trừ Tịnh Độ ra, tu tập các pháp môn Đại Thừa khác, tâm trụ tại pháp môn Đại Thừa. Chữ "*trụ*" này rất quan trọng. Trụ là trong tâm thật có, cũng tức là nói họ thật có công phu tu hành, người như vậy thì được. Nếu trong tâm không có thì vô dụng.

"***Dĩ thanh tịnh tâm***".
(Đem tâm thanh tịnh).

"*Thanh tịnh tâm*" là tin tưởng, không hoài nghi A-di-đà Phật và Tây Phương Tịnh Độ.

"***Hướng Vô Lượng Thọ***".
(Hướng về Phật Vô Lượng Thọ).

Một lòng ngưỡng mộ A-di-đà Phật, tôn kính A-di-đà Phật. Ngưỡng mộ A-di-đà Phật tức là có **tín**, có **nguyện**.

"***Nãi chí thập niệm***".
(Cho đến mười niệm).

"*Thập niệm*" là **hạnh.** Bạn xem, có tín nguyện hạnh. Tiếp theo là

"***Nguyện sanh kỳ quốc***".

(Nguyện sanh nước kia).

Chữ "*nguyện*" này rất rõ ràng. Đầy đủ ba điều kiện tín nguyện hạnh rồi. Họ niệm Phật là mười niệm. Chúng ta nói bình thường rất nhiều người sáng tối niệm mười niệm. Thiền Tông khóa tối niệm kinh Di-đà, cũng niệm vài câu Phật hiệu. Trong Thiền Môn Nhật Tụng chúng ta thấy trong quyển khóa tụng của Thiền Tông, cho nên có rất nhiều người tu học Pháp môn khác, trong khóa tụng sáng tối họ đều niệm vài câu A-di-đà Phật, đây chính là hướng về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu họ thật sự muốn vãng sanh thì sẽ được.

"***Văn thậm thâm pháp, tức sanh tín giải***".

(Nghe pháp rất sâu liền sanh tin hiểu).

"*Thậm thâm pháp*" tức là kinh này, trong tất cả các kinh đích thật kinh này là "*thậm thâm pháp*". Không những là kinh giáo cả đời Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói mà biển giáo vô lượng vô biên mười phương tất cả chư Phật đã nói đều không ra ngoài kinh này. Cho nên bổn kinh là tổng cương lĩnh của tất cả pháp mà chư Phật đã nói, quả là *thậm thâm pháp tạng*! Sau khi nghe xong Kinh Vô Lượng Thọ hoặc là Tịnh Độ tam kinh, Quán Kinh cũng được, Di-đà kinh cũng được, sau khi nghe xong họ liền lý giải, họ liền tin tưởng.

"***Nãi chí hoạch đắc nhất niệm tịnh tâm***".

(Cho đến đạt được một niệm thanh tịnh).

Họ tu học Pháp môn khác, ngẫu nhiên nghe được, thấy rất hoan hỉ, rất bội phục, rất tán thán. Lâm chung mười niệm, một niệm cũng có thể vãng sanh. Lúc bình thường, khóa sáng tối thêm mười niệm này thì đương nhiên càng tốt. Lâm chung mười niệm, một niệm đều có thể vãng sanh.

"***Phát nhất niệm tâm niệm ư bỉ Phật***".

(Phát nhất tâm niệm Đức Phật đó).

Tức là niệm A-di-đà Phật.

"***Thử nhân lâm mạng chung thời, như tại mộng trung, kiến A-di- đà Phật, định sanh bỉ quốc, đắc Bất Thoái Chuyển Vô Thượng Bồ-đề***".

(Người này mạng chung thấy Phật A-di-đà như trong chiêm bao, nhất định được sanh về nước Cực Lạc, được Bất Thoái Chuyển Vô Thượng Bồ-đề).

Đây là nói những người tu học những pháp môn khác. Nếu chúng ta gặp một số đồng tham đạo hữu tu pháp môn khác, hơn nữa đã tu rất nhiều năm, đã rất thâm nhập rồi thì không cần khuyên họ đổi pháp môn tu, chỉ khuyên họ hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. Ví dụ có người niệm Quán Âm Bồ-tát, khóa sáng tối niệm Phẩm Phổ Môn, niệm Chú Đại Bi, họ đã niệm mấy mươi năm rồi thì không cần bảo họ phải niệm Kinh Vô Lượng Thọ, chỉ bảo họ hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ thì được rồi. Còn có người niệm Địa Tạng Bồ-tát, niệm Kinh Địa Tạng đã nhiều năm rồi cũng không cần phải đổi. Đoạn kinh văn này đã giảng rất rõ ràng rồi, thậm chí những người học Mật, tham Thiền thật sự có được công phu, thật sự đã thành tập quán rồi, thì không cần đổi, chỉ cần sáng tối trì thêm Phật hiệu, mười niệm là được rồi, phát nguyện hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ thảy đều được sanh. Phẩm vị cao thấp thì hoàn toàn xem công phu tu hành sâu cạn của họ. Thực tế mà nói, phẩm vị cao thấp thật không quan trọng. Bởi vì sanh đến nơi đó được bổn nguyện của Di-đà gia trì thì bình đẳng rồi, đều trở thành A-duy-việt-trí Bồ-tát, bạn còn bận tâm phẩm vị cao thấp làm gì nữa?

Tuy nhiên chúng ta hiểu rõ đạo lý này, chúng ta có khả năng, có cơ duyên thì nhất định phải đại tu công đức, vì sao? Vì báo ân Phật, Phật có ân đức với chúng ta lớn như vậy, chúng ta lấy gì để báo đáp? Việc báo đáp này chỉ có y giáo tu hành, hoằng dương Phật Pháp, làm lợi ích cho chúng sanh, ngoài những điều này ra, chúng ta không có khả năng báo ân Phật. Kỳ thực chính là câu "*thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*" (trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ tam đồ) trong kệ hồi hướng, chúng ta phải toàn tâm toàn lực tu tích công đức. Là ý như vậy.

Chúng ta xem phẩm tiếp theo. Phẩm tiếp theo là phần bổ sung nói rõ cho phẩm trước, vô cùng quan trọng. Phẩm trước chú trọng ở **vị thứ**, không nói kỹ phần nhân hạnh. Phẩm sau rộng nói nhân hạnh. Quả của nó tức là ba bậc vãng sanh nói ở phía trước.

VÃNG SANH CHÁNH NHÂN ĐỆ NHỊ THẬP NGŨ
PHẨM HAI MƯƠI LĂM: CHÁNH NHÂN VÃNG SANH

"***Phục thứ A-nan! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thử kinh điển, thọ trì, độc tụng, thư tả, cúng dường, trú dạ tương tục cầu sanh bỉ sát***".

(Lại này A-nan! Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào nghe kinh này, thọ trì đọc tụng biên chép cúng dường, ngày đêm liên tục cầu sanh về cõi Cực Lạc).

Mở đầu đoạn này chúng ta phải chú ý đến "*thiện nam tử, thiện nữ nhân*". Bạn phải chú ý chữ thiện này, quay đầu nghĩ lại chính chúng ta có "*thiện*" hay không? Kinh Luận của Tịnh Tông có ba kinh, một luận, đây là kinh điển căn bản của Tịnh Độ Tông. Bên trong nói đến "*thiện nam tử, thiện nữ nhân*", tiêu chuẩn của chữ **thiện** đó là **Tam Phước** của **Kinh Quán Vô Lượng Thọ**.

1. Thứ nhất là **Hiếu Dưỡng Phụ Mẫu, Phụng Sự Sư Trưởng, Từ Tâm Bất Sát, Tu Thập Thiện Nghiệp.** Nếu bạn có thể làm được bốn điều này thì bạn là thiện nam tử, thiện nữ nhân, tuy nhiên quý vị nên biết đây là tiểu thiện, tiểu thiện cũng được. Đây là hạ bối vãng sanh, còn thiện của trung bối thì sao?

2. Còn phải thêm **Thọ Trì Tam Quy, Cụ Túc Chúng Giới, Bất Phạm Oai Nghi**, đây là cái thiện của trung bối.

3. Thiện của thượng bối còn phải thêm bốn điều: **Phát Bồ-đề Tâm, Thâm Tín Nhân Quả, Đọc Tụng Đại Thừa, Khuyến Tấn Hành Giả**.

Đây là đại tu công đức mà phía trước nói đến, đó là đại thiện, cho nên trình độ thấp nhất là phải làm được tiểu thiện thì mới là thiện nam tử, thiện nữ nhân như trên kinh nói. Tiêu chuẩn này rất rõ ràng rất minh bạch. "*Văn thử kinh điển*" tức là nói Kinh Vô Lượng Thọ, sau khi nghe rồi họ có thể thọ trì kinh này, họ có thể tiếp nhận. Phía dưới nói "*thọ trì*", "*thọ*" là tiếp nhận, tiếp nhận đạo lý nói trong kinh này, tiếp nhận phương pháp tu hành nói trong kinh này, tiếp nhận tất cả, giữ gìn không để mất. "*Bảo*" là gì? Là bạn thật sự làm, y theo kinh điển này mà làm. "*Bảo trì bất thất*" (bảo trì chẳng mất) câu này nói "thọ trì" là nói chung. Phía dưới là giải thích hai chữ "thọ trì" này. Cách "thọ trì" như thế nào? Là đọc tụng. Đối trước quyển kinh thì gọi là đọc, không đối trước quyển kinh thì gọi là tụng. Tụng là tụng thuộc lòng, bạn niệm được rất thuộc, tất cả đều có thể học thuộc được, học thuộc gọi là tụng. Cầm quyển kinh nhìn mà niệm thì gọi là đọc, đây là bước thứ nhất của sự thọ trì. Trước hết phải niệm kinh cho thuộc, ngày ngày phải đọc.

"*Thư tả*", xưa kia sách kinh rất ít, muốn phát nguyện lưu thông thì chỉ có sao chép. Hiện nay không cần sao chép, kỹ thuật in ấn rất phát triển, bạn có thể in kinh. Xưa kia, Ngài Thiện Đạo Đại Sư được tín đồ cúng dường tiền, Ngài đều nhận, Ngài lấy số tiền này dùng vào việc gì? Là mời người viết kinh. Trong truyện ký ghi chép viết kinh A-di-đà, viết mười ngàn bộ. Hiện nay dùng phương pháp in tiện lợi hơn. Bạn xem, Kinh này là do các đồng tu bên đây phát tâm in, một quyển chỉ cần một đồng Mỹ kim, một vạn quyển chỉ cần một vạn đồng. Hiện nay không

cần viết kinh nữa, hiện nay in ấn lưu thông vô cùng thuận tiện có lợi ích tiết kiệm và thực tế. Chúng ta nên biết đạo lý này. Hiện nay viết kinh thì nhất định là những nhà thư pháp, chữ viết vô cùng đẹp. Đó là thuộc về tác phẩm nghệ thuật cao. Cách viết kinh này có giá trị, có thể lưu truyền cho hậu thế, cũng có thể làm bản mẫu để in, công đức này rất lớn. Còn những người chữ viết không đẹp như chúng ta viết ra thì không ai xem, chẳng ai muốn xem nên phát tâm in kinh cúng dường cho mọi người thì tốt hơn.

Còn phần dưới là "*cúng dường*". Đây là nêu ra mấy ví dụ. Trong cúng dường bao gồm rất nhiều ý nghĩa. Phổ Hiền Bồ-tát trong Hạnh Nguyện Phẩm dạy chúng ta "*chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối*", tức là trong tất cả sự cúng dường, thì cúng dường pháp là thù thắng nhất. Hàng Phật tử chúng ta, đặc biệt là những người phát tâm cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất định phải biết tu pháp cúng dường. Phổ Hiền Bồ-tát nêu lên bảy điều:

Điều thứ nhất: **Như Thuyết Tu Hành Cúng Dường**. Phật ở trong kinh này chỉ dạy chúng ta thế nào, chúng ta thảy đều làm theo, đây là chúng ta chân chánh cúng dường Phật, làm học trò tốt của Phật.

Điều thứ hai: **Lợi Ích Chúng Sanh Cúng Dường**. Y giáo phụng hành là tự lợi, tự lợi nhất định phải lợi tha. Như phía trước nói viết chép lưu thông tức là lợi tha, làm lợi ích cho chúng sanh. Chúng ta ấn tống kinh sách làm lợi ích cho chúng sanh, người ta xem kinh sách không hiểu thì không được lợi ích, phải thỉnh Pháp sư đến giảng kinh thuyết pháp thì mọi người đều hiểu rõ, mới biết tu như thế nào. Đây đều thuộc về làm lợi ích cho chúng sanh. Hiện nay không mời được Pháp sư thì ở đây có băng ghi âm, băng ghi hình, có thể lưu thông giúp những người sơ học đọc kinh không lý giải được nhiều, chúng ta dùng phương pháp này làm lợi ích cho chúng sanh.

Điều thứ ba: **Nhiếp Thọ Chúng Sanh Cúng Dường**. Đó là tiến thêm một bước, chúng ta tự mình tu hành có công phu, có thành tựu có thể cảm hóa tất cả chúng sanh, khiến chúng sanh tiếp xúc với chúng ta thì tự nhiên họ học theo, có thể phát khởi tín tâm, nguyện tâm, đây là thuộc về nhiếp thọ.

Điều thứ tư: **Đại Chúng Sanh Khổ Cúng Dường** (cúng dường bằng cách chịu khổ thay cho chúng sanh). Phật Pháp nói nhân quả, ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, nhân duyên quả báo tơ hào không sai. Chúng sanh khổ, chúng ta làm sao chịu khổ thay được? Không những chúng ta không thể chịu khổ thay mà Phật Bồ-tát cũng không thể chịu khổ thay. Chúng ta rất khổ, nếu Phật Bồ-tát có thể thay

được mà các Ngài không chịu thay, vậy thì lòng từ bi của Phật ở đâu? Ở đây nói chịu khổ thay cho chúng sanh, nhân quả thì không có cách gì, nhưng chúng ta có tâm này, có nguyện này thì cũng có phương pháp, giảm vài phần phước báo của chúng ta, lấy cái này đi giúp đỡ tất cả chúng sanh, đây là chịu khổ thay cho chúng sanh. Ta vốn không phải chịu khổ mà hiện nay ta đang chịu khổ rồi. Ví dụ lấy việc in kinh mà nói, chúng ta mỗi năm, mỗi tháng, đem thu nhập của mình trừ đi số chi tiêu cho cuộc sống gia đình, còn lại chúng ta đem đi làm công đức này, đây là chịu khổ thay cho chúng sanh. Nếu không làm như vậy thì tôi có thể sống sung túc hơn một chút, tốt hơn một chút. Chúng ta có thể ở trong ngôi nhà lớn hơn nhưng chúng ta mua một căn nhà nhỏ, tiết kiệm được một số tiền để làm lợi ích cho chúng sanh, đây là chịu khổ thay cho chúng sanh. Cuộc sống chúng ta có thể rất sung túc, chúng ta giảm thiểu một chút, cơm canh đạm bạc là đủ rồi. Đây cũng là chịu khổ thay cho chúng sanh. Xưa kia, ông Phạm Trọng Yêm triều nhà Tống, ông có thể sống một cuộc sống rất thoải mái, quyền hành rất lớn, nhưng ông sống một cuộc sống rất thanh bần cực khổ, đem thu nhập của mình đi cứu tế những người nghèo khổ. Trong quyển Nghĩa Điền Ký kể rằng: một mình ông nuôi ba trăm gia đình, ba trăm gia đình dựa vào ông để sống. Đây là chịu khổ thay cho chúng sanh. Ông đã làm được công đức lớn. Con cháu đều tốt cả, đều noi theo Phạm lão tiên sinh. Cho nên Ấn Quang Đại Sư tán thán ông. Trong lịch sử Trung Quốc có ba nhà gia đạo đời đời đều không suy. Vị thứ nhất là Khổng lão Phu Tử, con cháu của Khổng lão Phu Tử là Khổng Đức Thành đi đến đâu đều được mọi người tôn kính. Vị thứ hai là nhà họ Phạm ở Tô Châu. Mãi cho đến cuối đời nhà Thanh, Ấn Quang Đại Sư nói tám trăm năm không suy. Gia đình ông đời đời đều hưng vượng, tại sao? Đã làm quá nhiều việc thiện. Ông quả thật có thể chịu khổ thay cho chúng sanh. Còn vị thứ ba là Diệp Trạng nguyên, từ đầu nhà Thanh cho đến cuối đời nhà Thanh, ba trăm năm gia đạo không suy, đây là Ấn Quang Đại Sư nói. Trong lịch sử Trung Quốc, ba người này từng đời từng đời đều biết hành thiện tích đức chịu khổ thay cho chúng sanh, giảm thiểu sự hưởng thụ của chính mình, đem đi giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn.

Điều thứ năm: **Khuyến Tu Thiện Căn Cúng Dường**. Khuyên người tu thiện, khuyên người bằng miệng, hiệu quả không rộng. Cho nên người xưa nói *khuyên người trăm đời* thì nên viết thành sách, lưu thông những loại sách thiện khuyên người làm thiện. Đặc biệt ở trong xã hội hiện nay, chúng ta nhất định phải đề xướng đạo lý nhân quả báo ứng cùng chân tướng sự thật. Chớ nên nói đây là mê tín, nó là sự thật. Nếu mọi người đều có thể hiểu rõ đạo lý và sự thật này thì

khởi tâm động niệm tự nhiên sẽ được kiềm chế, không dám làm việc xấu, làm việc xấu sẽ có ác báo, không phải không báo mà nhất định có báo ứng. Cho nên phải biết khuyến tu thiện căn. **Trong tất cả thiện, thiện đệ nhất là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, không có gì thiện hơn điều này.** Sanh đến Tịnh Độ, bạn chỉ một đời là thành Phật, làm gì có cái nào thiện hơn so với việc thành Phật. Sự việc này chúng ta phải hiểu rõ.

Trên thế gian này, cho đến Phật pháp cũng không ngoại lệ, cư sĩ Viên Liễu Phàm nói rất hay: "Chúng ta nên mở đôi mắt lớn ra, trong thiện có thật có giả", bạn phải có khả năng phân biệt tà, chánh. Có cái thiện tưởng như đúng mà lại là sai, không phải chân thiện. Trong kinh Lăng-nghiêm nói "năm mươi thứ ấm ma". Cảnh giới của ma bậc cao hầu như gần giống với Phật Bồ-tát, chúng ta không có khả năng phân biệt. Nếu bạn không đọc Lăng-nghiêm thì bạn làm sao biết được. Đọc Lăng-nghiêm rồi, thực tế mà nói, cảnh giới hiện tiền e rằng bạn cũng không có biện pháp phân biệt. Cho nên nếu bạn không có công phu thì không được.

Công phu này tức là có định lực, có trí huệ, có định có huệ thì tự nhiên bạn có thể phân biệt. Trong thiện có đại thiện, có tiểu thiện, có cái thiện viên mãn, có cái thiện lệch một bên… không giống nhau.

Điều thứ sáu: **Bất Xả Bồ-tát Nghiệp Cúng Dường**, sự nghiệp của Phật Bồ-tát là hoằng pháp lợi sanh, Phật lấy việc làm lợi ích cho chúng sanh làm sự nghiệp. Sự nghiệp của Phật Bồ-tát là xây dựng đạo tràng, truyền bá Phật pháp, tiếp nối huệ mạng Phật. Phía trước tôi đã nói với quý vị, sau thế kỷ này, chúng ta lợi dụng công cụ khoa học, đem Phật pháp, nền giáo dục Phật-đà bước vào hiện đại hóa, lợi dụng công cụ truyền bá cho mọi người. Tự mình có khả năng thì mở kênh đài truyền thanh, đài truyền hình, mình không có khả năng thì chúng ta mua giờ trên đài của người khác để phát sóng giảng kinh, phát sóng niệm Phật. Hiện nay ở Đài Loan đã bắt đầu rồi. Có một số Pháp sư mua giờ của đài truyền hình. Bây giờ còn có Đài Số Bốn, đại khái hiện nay rất nhiều, họ có nhiều thời gian nhưng không có tiết mục, không có chương trình để phát, cho nên tìm những băng ghi hình của Phật giáo, cũng có nhiều người cung cấp cho họ. Đây là việc rất hay. Chúng ta không có khả năng mở đài truyền hình thì chúng ta có thể mua tiết mục của người khác, đây đều là sự nghiệp của Bồ-tát. Trong sự nghiệp của Bồ-tát, việc bồi dưỡng giáo dục nhân tài là căn bản nhất. Như là xây Phật học viện, mở lớp bồi huấn để bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp lợi sanh, đây là đại căn đại bổn.

Điều thứ bảy: **Bất Ly Bồ-đề Tâm Cúng Dường**. Điều này vô cùng quan trọng. Niệm niệm giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm. Phổ Hiền Bồ-tát nói: "*Hà dĩ cố, diệc chư Như Lai tôn trọng pháp cố?*" (Vì sao? Vì các Đức Như Lai tôn trọng pháp). Họ tại sao tôn trọng pháp? Trong kinh này chúng ta đã giảng rất thấu triệt rồi. Bởi vì "*như thuyết tu hành, tài năng xuất thân chư Phật cố, nhược chư Bồ-tát hành pháp cúng dường tắc đắc thành tựu cúng dường chư Như Lai, như thị tu hành thị chân cúng dường*" (vì theo đúng như lời Phật dạy mà tu hành thì mới có thể sanh ra các Đức Phật. Nếu chư Bồ-tát thực hành pháp cúng dường là đã thành tựu việc cúng dường các Đức Như Lai rồi. Tu hành như vậy là chân cúng dường). Đây là một đoạn khai thị của Phổ Hiền Bồ-tát trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm.

"***Trú dạ tương tục***".

(Ngày đêm liên tục).

Đây tức là ý nghĩa của chữ "*trì*", "*đọc tụng thư tả cúng dường*" ở phía trước đều là "*thọ*". Ngày đêm không ngừng tức là "*trì*", cho nên câu này giải thích cho chữ "thọ trì". Cái gì gọi là thọ trì? Phải thọ trì kinh này.

"***Cầu sanh bỉ sát, Phát Bồ-đề tâm, trì chư cấm giới, kiên thủ bất phạm***".

(Cầu sanh về cõi kia, phát tâm Bồ-đề, giữ các giới cấm, bền vững không phạm).

Trong "*cấm giới*" này, mức độ thấp nhất là Ngũ Giới. Ngũ Giới là giới căn bản, chúng ta phải tiếp thọ. Nếu muốn phát tâm xuất gia thì tối thiểu phải giữ mười giới Sa-di, kỳ thật mười giới cũng rất khó giữ, hiện nay người xuất gia làm không nổi. Sa-di còn không làm nổi, vậy Tỳ-kheo càng không cần nói nữa. Cho nên hiện nay, thực tế mà nói, chỉ có thể học theo Pháp sư Thành Thời, Pháp sư Hoằng Nhất lão thật mà làm một vị xuất gia Ưu-bà-tắc. Tức là tôi xuất gia rồi tôi giữ giới gì đây? Giữ năm giới. Tại gia Ưu-bà-tắc giữ năm giới, chúng ta là thân phận xuất gia, thân phận thật sự là xuất gia Ưu-bà-tắc, nếu có thể làm tốt năm giới thập thiện thì trong thời đại này sẽ nắm chắc phần vãng sanh, đây là "*trì chư cấm giới, kiên thủ bất phạm*".

"***Nhiêu ích hữu tình***".

(Làm lợi ích cho hữu tình).

Muốn "*nhiêu ích hữu tình*" (làm lợi ích cho hữu tình) thì nhất định phải tu pháp cúng dường, phải tu bố thí, phải hiểu được bố thí cúng dường. Bố thí cúng

dường nhất định là làm lợi ích cho chúng sanh, khiến chúng sanh được lợi ích gì? Điều này phải biết: Giúp đỡ chúng sanh khai trí huệ, giúp đỡ chúng sanh hiểu rõ Phật pháp đây là làm lợi ích chân chánh. Nếu chúng ta ở cửa Phật tu cái phước ấy mà không thể giúp chúng sanh khai trí huệ, không thể giúp chúng sanh hiểu rõ Phật pháp thì chúng ta nên xem xét lại. Đặc biệt chúng ta là người không có phước báo rất lớn, chúng ta nên dùng tiền bạc một cách thật thích đáng. Người rất giàu có thì không sao, họ phung phí một chút tiền không hề gì, còn chúng ta là người không có tiền thì một đồng phải coi là mười đồng để dùng. Không thể phung phí một xu, mỗi xu, mỗi đồng đều nên dùng vào phước điền chân thật thì chúng ta mới trồng được phước, điều này phải biết, có phải là có lợi ích chân chánh cho chúng sanh chăng?

Thiện Đạo Đại sư mời người viết kinh A-di-đà, lưu thông Phật Pháp. Cả đời Ấn Quang Đại sư người ta cúng dường Ngài tiền bạc, Ngài không hưởng thụ. Ngài không sửa sang lại phòng ốc để ở cho thoải mái, không mua loại quần áo tốt để mặc cho thoải mái. Ngài không dùng để cải thiện cuộc sống của chính mình. Mấy mươi năm đều như vậy, tiền đi đâu hết cả vậy? Ngài lập một Hoằng Pháp Xã, chuyên môn in kinh, bố thí. Một đời Ngài làm gương mẫu cho chúng ta, cho chúng ta một điển hình in kinh bố thí. Việc này không có lỗi lầm, có thể khiến chúng sanh được lợi ích chân chánh. Bạn nói xây cất một đạo tràng tốn kém không ít. Trước kia cũng có nhiều người từng khuyên tôi, còn hiến đất cho tôi, khuyên tôi cất đạo tràng, tôi lắc đầu nói: "Tôi không có phước báo". Thời kỳ mạt pháp đấu tranh kiên cố. Trước kia thầy Lý giảng kinh thuyết pháp thường nhắc nhở chúng tôi, lấy việc xây cất đạo tràng làm tỉ dụ. Ông nói trong lúc xây dựng đạo tràng, mỗi người đều vô cùng nhiệt tình, ra tiền ra sức, người người đều là Bồ-tát. Sau khi xây xong đạo tràng, thì người người liền biến thành La-sát. Tại sao vậy? Ở trong đạo tràng tranh quyền đoạt lợi, tôi đã bỏ ra bao nhiêu công đức, tôi phải làm trụ trì, làm chủ, làm Duy-na, làm tri khách, ngày ngày cãi nhau, tranh giành chức vị. Cho nên không xây cất đạo tràng thì mọi người còn tâm bình khí hòa, vừa xây xong đạo tràng thì tranh giành lẫn nhau. Đó là tạo tội nghiệp. Số tiền đó không những không có công đức mà còn tạo tội nghiệp, không tốt bằng in kinh. Đem phân phát cho mọi người thì sẽ không có tệ đoan này.

"***Sở tác thiện căn tất thí dữ chi, linh đắc an lạc***".

(Các thiện căn đã làm đều bố thí cho họ, khiến họ được an vui).

Những thiện căn chúng ta đã làm thảy đều bố thí cho tất cả chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh đều được an lạc. An lạc chân chánh là khai trí huệ, trí huệ khai

mở rồi, hiểu rõ đạo lý rồi, lý đã đắc thì tâm an, tâm an lý đắc, tâm vì sao được an? Vì đã hiểu rõ đạo lý rồi thì tâm an. Cho dù chúng ta là người nghèo khổ, chúng ta ở thế gian này mọi thứ đều không được như ý, nhưng chúng ta hiểu rõ đạo lý, tường tận đạo lý của nhân quả rồi, hiểu rõ chân tướng sự thật rồi thì tâm sẽ an. Vì sao? Vì tự làm tự chịu, đời trước không trồng nhân tốt, hiện nay nhận lấy quả báo này là đương nhiên, nhìn thấy người khác thăng quan phát tài vì đời trước họ trồng nhân tốt. Như vậy thì tâm được an, họ sẽ không làm loạn, xã hội sẽ được an định, thiên hạ được thái bình, rất quan trọng. Cho nên "*linh đắc an lạc*", tâm an rồi thì họ vui vẻ, nghèo khổ có cái vui của kẻ nghèo khổ, thật sự là vui sướng.

"***Ức niệm Tây phương A-di-đà Phật***".
(Nhớ nghĩ đến Đức Phật A-di-đà ở phương Tây).

Đây là niệm Phật.

"***Cập bỉ quốc độ***".
(Và cõi nước Cực Lạc).

"Quốc độ" là nhớ y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây là niệm Phật.

"***Thị nhân mạng chung, như Phật sắc tướng, chủng chủng trang nghiêm, sanh bảo sát trung***".
(Người ấy khi mạng chung có sắc tướng, các thứ trang nghiêm như Phật, sanh về cõi báu).

"*Bảo sát*" tức là thế giới Tây Phương Cực Lạc.

"***Tốc đắc văn pháp, vĩnh Bất Thoái chuyển***".
(Mau được nghe pháp, vĩnh viễn không thoái chuyển).

Đây là nói thượng bối vãng sanh ở phẩm trước, trong phần tu nhân nói rất đơn giản, ở đây bổ sung nói rõ thêm. Chúng ta làm một kết luận, trong hạng vãng sanh thứ nhất có sáu sự việc:

1. Thứ nhất là **thọ trì bổn Kinh**, việc thọ trì này gồm việc đọc tụng, biên chép, cúng dường, ngày đêm liên tục.

2. Thứ hai là **cầu sanh Tịnh Độ**.

3. Thứ ba là **phát Bồ-đề tâm**.

4. Thứ tư là **nghiêm trì giới luật**.

5. Thứ năm là **làm lợi ích cho hữu tình**.

6. Thứ sáu là **nhớ Phật niệm Phật**.

Ở đây nói tường tận hơn nhiều so với những gì đã nói phía trước. Đây là thượng bối thì phải làm những việc này, cho nên gọi là đại tu công đức. Chúng ta xem đoạn thư hai, đoạn thứ hai là trung bối.

"***Phục thứ A-nan! Nhược hữu chúng sanh dục sanh bỉ quốc, tuy bất năng đại tinh tấn thiền định, tận trì kinh giới***".

(Lại nữa A-nan! Nếu có chúng sanh muốn sanh về nước kia, tuy không thể đại tinh tấn thiền định, hết lòng trì kinh giữ giới).

Đây là những người không thể tu đại công đức. Phía trước nói không thể tu đại công đức, thì phải tùy duyên, tùy phận mà tu. Phía trước tuy đã nói rất tường tận, chỗ này lại bổ sung thêm một chút, điều thứ nhất dạy chúng ta phải **tu Thập Thiện**, thứ hai là phải **ngày đêm niệm Phật**, thứ ba là phải biết **quy y cúng dường**.

"***Yếu đương tác thiện***".

(Thì phải nên làm điều lành).

Bạn phải tùy duyên, tùy phận mà tu thiện. Phía sau là nói cho chúng ta về tiêu chuẩn của thiện:

✓ "***Sở vị nhất bất sát sanh, nhị bất thâu đạo, tam bất dâm dục***".

(Nghĩa là: một là không giết hại sanh vật, hai là không trộm cướp, ba là không dâm dục).

Đây là ba điều thiện của thân.

✓ "***Tứ bất vọng ngôn, ngũ bất ỷ ngữ, lục bất ác khẩu, thất bất lưỡng thiệt***".

(Bốn là không nói dối, năm là không nói thêu dệt, sáu là không nói lời hung dữ, bảy là không nói đâm thọc).

Đây là bốn điều thiện của khẩu.

✓ "***Bát bất tham, cửu bất sân, thập bất si***".

(Tám là không tham lam, chín là không giận hờn, mười là không si mê).

Đây là ba điều thiện của ý.

Chúng ta không cần giảng kỹ mười điều thiện này, nếu giảng kỹ thì hai giờ đồng hồ cũng giảng không hết, may là các bạn đồng tu đều rất quen thuộc Thập Thiện, trong Phật môn thường nói đến.

"***Như thị trú dạ tư duy, thế giới Cực Lạc, A-di-đà Phật, chủng chủng công đức, chủng chủng trang nghiêm***".

(Ngày đêm nhớ nghĩ Đức Phật A-di-đà và thế giới Cực Lạc có nhiều công đức, nhiều sự trang nghiêm).

Đây là nhớ Phật, niệm Phật, phải thường để vào trong tâm. Xử sự đối người tiếp vật phải lấy Thập Thiện làm tiêu chuẩn, đây mới là thiện nam tử thiện nữ nhân.

"***Chí tâm quy y, đảnh lễ cúng dường***".

Phải dùng tâm chân thành, "*quy*" là hồi đầu, "*y*" là nương tựa, phía trước đã nói kỹ rồi, chỗ này không cần nói nhiều nữa. Phải thật sự hồi đầu, nương tựa A-di-đà Phật, nương tựa Kinh Vô Lượng Thọ.

"***Thị nhân lâm chung, bất kinh, bất bố, tâm bất điên đảo***".

(Người ấy khi mạng chung không kinh không sợ, tâm không rối loạn).

"*Bất kinh, bất bố*" là không có sợ hãi, ra đi rất hoan hỉ, rất tự tại, trong tâm rõ ràng, minh bạch, được Phật đến tiếp dẫn.

"***Tức đắc vãng sanh bỉ Phật quốc độ***".

(Liền được vãng sanh về cõi Cực Lạc).

Đây là vãng sanh bậc trung. Phía sau là vãng sanh bậc hạ, chánh nhân của vãng sanh bậc hạ là tu hành việc thiện của thế gian, tranh thủ lúc rảnh làm việc thiện, nếu thật có chánh niệm cũng có thể được sanh.

"***Nhược đa sự vật, bất năng ly gia, bất hạ đại tu trai giới, nhất tâm thanh tịnh***".

(Nếu người quá nhiều việc không thể xuất gia, không rảnh để tu trai giới, nhất tâm thanh tịnh).

Phía trước có giảng qua, họ có các thứ chướng nạn, gặp nhiều chướng duyên, không cách gì tu học, cũng không có thời gian niệm Phật đọc kinh, nhưng phải nhất tâm thanh tịnh, đây là then chốt, tâm tịnh thì độ tịnh. Nói cách khác, tâm ham muốn ngũ dục lục trần rất mỏng, có thể buông xuống được, nhưng chướng

duyên của họ rất nhiều, trong tâm thì buông được còn thân của họ thì không thể rời bỏ được.

"***Hữu không nhàn thời, đoan chánh thân tâm, tuyệt dục khử ưu, từ tâm tinh tấn***".

(Lúc rảnh rỗi liền đoan chánh thân tâm, tuyệt dục bỏ lo lắng, từ tâm tinh tấn).

Tranh thủ thời gian rảnh rỗi, khi có được chút thời giờ nhàn rỗi, họ không bỏ qua, họ nghiêm túc niệm Phật, nghiêm túc tu hành.

"***Bất đương sân nộ, tật đố***".

(Không hờn giận, ganh ghét).

Nhất định phải sửa đổi những tập khí tật xấu này, sân giận đố kỵ là nghiệp nhân của địa ngục. Nếu trong tâm thường bất bình, phẫn nộ, thường có những thứ phiền não này hiện hành, điều này nhất định không phải là việc tốt, không những làm chướng đạo mà tương lai còn rất đáng lo, đây là sự thật.

"***Bất đắc tham thiết, xan tích***".

(Không tham ăn, keo kiệt).

"*Tham thiết*" là tham ăn, rất chú trọng và rất ham ăn uống. Đây cũng là thường tình của con người. Chúng ta nhìn xã hội ngày nay, điều này đích thật đã tạo không ít ác nghiệp, giết hại chúng sanh để ăn thịt. "*Xan tích*" là keo kiệt bỏn xẻn, tiền bạc của mình không nỡ đem bố thí, không chịu bố thí, không chịu làm lợi ích cho chúng sanh.

"***Bất đắc trung hối***".

(Không nên giữa chừng hối hận).

"*Hối*" là hối hận, chúng ta ngày nay chọn pháp môn Tịnh Độ, y theo Kinh Vô Lượng Thọ mà tu học nhất định không hối hận.

"***Bất đắc hồ nghi***".

(Không nên hồ nghi)".

Phàm là hối hận thì nhất định sẽ hồ nghi, Pháp môn này rốt cuộc là thật hay là giả, so sánh với Thiền Tông, với Mật Tông, rốt cuộc pháp môn nào cao? Sự hoài nghi và hối hận của họ từ đây mà sanh ra. Thật sự rõ ràng, minh bạch thì sẽ không hối hận, hoài nghi nữa. Cho dù chúng ta có chịu nhiều khổ nạn một chút, giúp đỡ chúng sanh nhiều hơn một chút, chúng ta cũng rất vui vẻ, cũng không hối

hận. Như bố thí tài, làm công đức, làm việc tốt, thật sự hiểu rõ ràng minh bạch rồi thì sẽ không hối hận. Việc này rất khó.

Tôi ở Đài Loan, cư sĩ Giản Phong Văn đã phát tâm rất lớn cúng dường cho tôi một đạo tràng. Tôi xưa nay không dám tiếp nhận người cúng dường, tại sao? Cúng dường đạo tràng rồi, đạo tràng này có những khoản chi tiêu hay không? Đương nhiên phải chi tiêu. Tôi phải đi hóa duyên với người khác để có khoản chi phí đó, vậy tội này tôi phải lãnh đủ. Tôi nói: "Ông đã hại tôi rồi, tôi không bị mắc lừa ông đâu. Ông đang gài bẫy để tôi nhảy vào, tôi không bị lừa đâu". Tôi hỏi ông: "Cần phải chi tiêu không?". Ông nói: "Cần chứ". Tôi hỏi: "Mỗi tháng chi tiêu bao nhiêu?". Ông tính toán rồi nói: "Mỗi tháng khoảng sáu chục ngàn tệ". Tôi nói: "Mỗi tháng ông đem sáu chục ngàn tệ đến đây thì tôi sẽ tiếp nhận, ông không đem đến thì tôi không nhận, tôi không bị ông hại đâu". Kết quả, ông quả nhiên phát tâm mỗi tháng đem đến sáu chục ngàn, đem được ba năm. Đến sau này đạo tràng thu nhập đủ để chi tiêu rồi nên tôi nói: "Ông Giản Phong Văn, ông có thể không cần đem tiền đến nữa". Bạn phải biết đây là cạm bẫy, nếu trí huệ bạn hơi kém một chút thì bị mắc lừa ngay. Tôi thì thấy rất rõ ràng, tuyệt đối không bị lừa. Hiện nay tuổi tác tôi lớn rồi, không muốn làm nữa, nếu như trước kia tôi còn trẻ, người ta tặng đất cho tôi, muốn tôi xây đạo tràng. Tặng đất cũng được, bạn cứ xây đạo tràng xong, hằng tháng mang tất cả tiền chi tiêu đến thì tôi có thể tiếp nhận. Nếu chỉ cho đất, buộc tôi phải đi hóa duyên để xây đạo tràng, thì đây là hầm lửa lớn này, cái bẫy lớn. Việc này không thể làm. Điều này thì người phải thông minh, đầu óc phải minh mẫn, không được mê hoặc điên đảo. Sau khi ông Giản Phong Văn cúng dường, có một lần ông nói với tôi: "Thầy ơi! Con rất hối hận". Ông nói: "Cứ nửa đêm thức giấc lại tự hỏi tại sao vô duyên vô cớ đem số tiền lớn như vậy tặng cho Thầy, vị Thầy này không có giao tình gì với mình. Trước kia cũng không quen biết lắm, tại sao vô duyên vô cớ tặng cho ông ta?". Ông nói ông hối hận rất nhiều lần. Trải qua một năm thì ông không hối hận nữa. Ông nói: "Bây giờ con không hối hận nữa".

Qua một năm ông mới không hối hận, không dễ! "*Bất đắc trung hối*" (giữa chừng không hối hận) rất khó! Lúc đó ông cúng dường đạo tràng này, ông nói không phải là ý của ông. Ông cúng dường một cách hồ đồ, người thế gian gọi là bị ma ám. Ông ngược lại không phải bị ma ám, có lẽ là Phật Bồ-tát gia trì, không phải là ý của ông, ông rất ngay thẳng, rất thành khẩn. Đây là ý của Phật Bồ-tát, Phật Bồ-tát cúng dường, không phải là ý của ông, nếu ý của ông phát ra thì sẽ không hối hận, ông còn hối hận hơn một năm. Ông cũng rất có duyên phần làm

nhiều việc thiện như vậy. Hội Gây Quỹ sau khi thành lập xong, in kinh bố thí cúng dường cho toàn thế giới, mười mấy năm nay số lượng cúng dường rất khả quan. Pháp duyên kết đến toàn thế giới, ông có được duyên phần này.

"***Yếu đương hiếu thuận***".
(Phải nên hiếu thuận).

Hiếu thuận với cha mẹ, đây chính là một điều trong Tam Phước phía trước.

"***Chí thành trung tín***".

"*Chí thành*", là đối với Tam Bảo, đối với Phật Bồ-tát phải dùng tâm chân thành. "*Trung tín*" là đối với đại chúng, xử sự đối người tiếp vật, đối với mọi người phải "*trung tín*".

"***Đương tín Phật kinh ngữ thâm, đương tín tác thiện đắc phước***".
(Nên tin lời kinh Phật sâu xa, nên tin làm lành được phước).

Nhất định phải tin, bạn tu thiện nhất định được phước báo, bạn làm ác nhất định có ác báo, thiện ác nhân quả này nhất định không hề sai.

"***Phụng trì như thị đẳng pháp, bất đắc khuy thất***".
(Phụng trì các pháp như vậy không được thiếu sót).

Phải nghiêm túc đi làm.

"***Tư duy thục kế, dục đắc độ thoát***".
(Suy nghĩ chín chắn, muốn được độ thoát).

Chúng sanh bình thường suy nghĩ, so đo, kế hoạch, dự định. Việc thế gian và xuất thế gian phải tính toán rất rõ ràng. Thế gian này là vô thường, thế gian thật rất khổ, nhất tâm nhất ý phải cầu giải thoát, muốn cầu ra khỏi tam giới, liễu sanh tử, đây là nêu ra vài thí dụ cần phải tu học như vậy.

"***Trú dạ thường niệm, nguyện dục vãng sanh A-di-đà Phật thanh tịnh Phật quốc***".
(Ngày đêm thường niệm, nguyện muốn vãng sanh về cõi thanh tịnh của Phật A-di-đà).

Đây tức là tín nguyện trì danh.

"***Thập nhật thập dạ, nãi chí nhất nhật nhất dạ***".
(Trong mười ngày mười đêm, cho đến một ngày một đêm).

Đây là lúc bình thường không có thì giờ tu hành. Tôi ở Mỹ, gặp một đồng tu công việc vô cùng bận rộn. Mỗi tháng ông có ba ngày nghỉ, ba ngày nghỉ này coi như là bế quan niệm Phật, niệm ba ngày ba đêm. Bình thường không có công khóa, cũng không xem kinh, cũng không niệm Phật, không có thì giờ, hết lòng hết sức làm việc, mỗi tháng niệm ba ngày, ông dùng phương pháp này. Bạn mỗi năm lấy một kỳ nghỉ dài hạn, niệm mười ngày mười đêm, mỗi năm một lần, hoặc một ngày một đêm, thì một tháng một lần bạn dùng phương pháp này. Đây là bình thường. Phật dạy cho chúng ta phương pháp này, không cần phải mỗi ngày niệm, mỗi ngày không có thì giờ, lợi dụng ngày nghỉ để làm việc này, phương pháp này rất hay.

"***Bất đoạn tuyệt giả, thọ chung giai đắc vãng sanh kỳ quốc***".
(Không ngừng nghỉ, khi mạng chung đều được vãng sanh về nước kia)".

Làm cách này lúc mạng chung cũng có thể vãng sanh. Phật thật là từ bi, mở rất nhiều cửa phương tiện, mở rất rộng, thật sự là hy vọng mỗi người đều được độ, mỗi người đều được vãng sanh, đây mới gọi là xứng với lòng mong muốn của Phật.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 18

"***Hành Bồ-tát đạo, chư vãng sanh giả, giai đắc A-duy-việt-trí, giai cụ kim sắc, tam thập nhị tướng, giai đương tác Phật***".

(Hành đạo Bồ-tát, những người vãng sanh đều được Bất Thoái Chuyển, đều đủ sắc vàng ba mươi hai tướng tốt, đều sẽ thành Phật).

Đoạn sau cùng này tức là loại vãng sanh thứ tư, là tu học pháp môn Đại Thừa khác mà không phải là những người chuyên tu Tịnh Độ vãng sanh. Điều này ở phía trước đã báo cáo với quý vị rồi. Chỗ này bổ sung thêm một chút giúp chúng ta rõ ràng, minh bạch hơn. "*Hành Bồ-tát đạo*", tức là tu học tất cả pháp môn Đại Thừa. Pháp Đại Thừa là Bồ-tát đạo, bao gồm Hiển giáo, Mật giáo, Tông Môn, Giáo Hạ. Chỉ cần đối với A-di-đà Phật, thế giới Tây Phương Cực Lạc họ có thể tin, có thể nguyện thì đều có thể vãng sanh, mười niệm, một niệm cũng có thể thành tựu. Những người này vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bình đẳng với người chuyên tu Tịnh Tông vãng sanh. Điều này là vô cùng hy hữu, khó được. Đều chứng được "*A-duy-việt-trí*". Đây có thể coi như chứng quả rồi. Trong giai vị của Bồ-tát đều là bậc Thất Địa, Bát Địa trở lên.

"*Giai cụ kim sắc, tam thập nhị tướng*" (đều đủ sắc vàng ba mươi hai tướng tốt), đây là từ trong tất cả pháp bình đẳng cử ra một thí dụ. Vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là tử ma chân kim sắc thân, đều đầy đủ tướng hảo quang minh như Phật A-di-đà không khác, thế giới đó đích thật là thế giới bình đẳng. Còn một câu phía dưới, phía trước chưa có nói qua, câu này quá thù thắng. Chư vị cần phải biết tu học tất cả Phật pháp Đại Thừa hồi hướng vãng sanh sẽ có được thành tựu thù thắng như vậy. Những người chuyên tu Tịnh Độ chúng ta vãng sanh đương nhiên cũng không ngoại lệ, cho nên những điều trong kinh nói chúng ta đều có phần.

"*Giai đương tác Phật*" (đều sẽ thành Phật). Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn nhất định một đời sẽ làm Phật. Đến nơi đó tu hành thành tựu rồi, xem xét thế giới phương khác, xem chúng sanh ở thế giới nào có duyên phận với mình, như vậy mới có thể độ được. Điều này trong Phật Pháp thường nói "*Phật không độ người vô duyên*". Cho nên khi chưa thành Phật chúng ta nên rộng kết pháp duyên với chúng sanh, kết duyên càng nhiều, thì tương lai bạn thành Phật độ chúng sanh cũng nhiều, đạo tràng quốc độ được trang nghiêm, cho nên phải rộng kết pháp duyên.

"***Dục ư hà phương Phật quốc tác Phật, tùng tâm sở nguyện***".

(Nếu muốn thành Phật ở một phương cõi nào khác đều như sở nguyện).

Duyên của chúng sanh ở phương nào đã thành thục rồi, những người cần dùng thân Phật để được độ thì Bồ-tát liền hiện thân Phật. Giống như "Tám Tướng Thành Đạo" nói ở phía trước. Ngài đến thế gian ấy để làm Phật, độ chúng sanh.

"***Tùy kỳ tinh tấn tảo vãn, cầu đạo bất hưu, hội đương đắc chi, bất thất kỳ sở nguyện đã***".

(Tùy sự chuyên cần sớm muộn, cầu đạo không ngừng nghỉ, thì sẽ được toại nguyện).

Điểm này rất quan trọng, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc nhất định không thoái chuyển, tuy nhiên việc thành Phật sớm hay muộn có thể không nhất định, tại sao? Vì người đặc biệt tinh tấn thì họ thành Phật sớm, còn người qua loa một chút, hễ không thoái là được rồi, vậy thì thời gian thành Phật của họ tương đối chậm một chút. Người đặc biệt dụng công, đặc biệt tinh tấn thì thành Phật vượt trước, sớm hơn. Sớm và trễ không giống nhau, nhưng nhất định đạt được, trễ họ cũng sẽ thành Phật, không mất sở nguyện. Điều này cũng là A-di-đà Phật bảo đảm cho chúng ta.

"***A-nan! Dĩ thử nghĩa lợi cố***".

(Này A-nan! Do nghĩa lợi này).

"*Nghĩa*" là đạo lý, "*lợi*" là lợi ích. Bởi vì đạo lý này, lợi ích này nên:

"***Vô lượng vô số bất khả tư nghị vô hữu đẳng đẳng, vô biên thế giới, chư Phật Như Lai***".

(Vô lượng vô số bất khả tư nghị tất cả chư Phật Như Lai trong vô biên thế giới).

Đây là nói hết tất cả chư Phật Như Lai ở tận hư không khắp pháp giới, một vị cũng không bỏ sót.

Chư Phật Như Lai "***giai cộng xưng tán Vô Lượng Thọ Phật sở hữu công đức***".

(Chư Phật Như Lai đều xưng dương tán thán tất cả công đức của Phật Vô Lượng Thọ).

Đích thật công đức của A-di-đà Phật siêu việt hơn chư Phật. Sau khi đọc xong mấy phẩm kinh này thì chúng ta đã rõ ràng minh bạch những ý nghĩa chân

tướng sự thật này rồi. Thảo nào chư Phật tán thán Di-đà là "*Quang Trung Cực Tôn, Phật Trung Chi Vương*" (tôn quý nhất trong các ánh sáng, vua trong các Phật).

LỄ CÚNG THÍNH PHÁP ĐỆ NHỊ THẬP LỤC
PHẨM HAI MƯƠI SÁU: LỄ CÚNG NGHE PHÁP

Phía trước nói về Bồ-tát của thế giới Cực Lạc, đoạn này là nói về Bồ-tát phương khác đến cúng dường A-di-đà Phật.

"***Phục thứ A-nan! Thập phương thế giới chư Bồ-tát chúng***".
(Lại nữa A-nan! Chúng Bồ-tát ở mười phương thế giới).

Đây là chỉ rõ cho chúng ta, mười phương thế giới tất cả những vị Bồ-tát hữu duyên. Chúng ta phải làm cho rõ ràng ai là hữu duyên, ai không có duyên? Tất cả chư Phật đều nói pháp môn này là pháp khó tin, vị Bồ-tát nào nghe rồi chịu tin tức là có duyên, Bồ-tát nghe rồi không tin thì chính là không có duyên, duyên chưa thành thục. Đây là Bồ-tát duyên đã thành thục, nghe rồi đều vô cùng hoan hỉ tiếp nhận.

"***Vị dục chiêm lễ Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Phật***".
(Muốn chiêm lễ Phật Vô Lượng Thọ ở thế giới Cực Lạc).

Nghe đến công đức của A-di-đà Phật trang nghiêm như vậy, Bồ-tát đương nhiên đều muốn thân cận A-di-đà Phật, đến thế giới Tây Phương để tham phỏng, cúng Phật, nghe pháp. Họ có năng lực này, A-di-đà Phật cũng vô cùng hoan nghênh. Đây là Bồ-tát đi cúng dường Phật, họ không phải đi vãng sanh, nên không cần A-di-đà Phật tiếp dẫn, các Bồ-tát đều tự mình đến.

"***Các dĩ hương hoa, tràng phan, bảo cái***".
(Đem hương hoa, tràng phan, bảo cái).

Đây là cử ra thí dụ, đi gặp Phật thì phải đem theo một chút lễ vật để cúng dường, không thể đi tay không, thế gian chúng ta cũng đều như vậy. Đến nơi nào đó ít nhiều cũng mang một chút lễ vật theo, chẳng thể đi tay không. Bồ-tát đi gặp Phật cũng không ngoại lệ, cũng phải mang một chút lễ vật. Đây là lấy một ví dụ. Có các loại như "*Hương hoa, tràng phan, bảo cái*" đều thuộc về lễ vật.

"***Vãng nghệ Phật sở, cung kính cúng dường, thính thọ kinh pháp***".
(Đến chỗ Phật cung kính cúng dường, nghe nhận kinh pháp).

Đến đó trước hết cúng dường Phật, cúng Phật xong thì ngồi xuống nghe A-di-đà Phật giảng kinh thuyết pháp. Sau đó lại trở về quốc độ của mình, tuyên dương truyền bá những gì A-di-đà Phật đã nói.

"***Tuyên bố đạo hóa***".

(Tuyên dương, truyền bá dùng chánh đạo để giáo hóa chúng sanh).

"*Tuyên bố*" tức là tuyên truyền, phổ biến, đây chính là chuyển pháp luân. Sau khi nghe xong thì trở về nói lại cho người khác. "*Đạo*" tức là đạo đức của A-di-đà Phật, A-di-đà Phật giáo hóa chúng sanh như thế nào, nói lại để tuyên dương phổ biến.

"***Xưng tán Phật độ công đức trang nghiêm***".

(Ca ngợi công đức trang nghiêm của cõi Phật).

Xưng tán thế giới Tây Phương Cực Lạc, những Bồ-tát này đã đích thân đi đến, đều thấy được tất cả, đương nhiên họ sẽ cực lực tuyên dương.

"***Nhĩ thời, Thế Tôn tức thuyết tụng viết:***".

(Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:).

Sau đây là tám bài kệ Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật tán thán hành vi của những vị Bồ-tát trong mười phương. Những vị Bồ-tát này đều là Bồ-tát không thể nghĩ bàn.

"***Đông phương chư Phật sát***
Số như hằng hà sa,"

(Đông phương các cõi Phật
Số nhiều như hằng sa,)

Vô lượng vô biên thế giới, trong mỗi thế giới:

"***Hằng sa Bồ-tát chúng***
Vãng lễ Vô Lượng Thọ."

(Hằng sa chúng Bồ-tát,
Đến lễ Vô Lượng Thọ.)

Chúng ta biết được, thế giới Tây Phương lúc nào cũng tấp nập như nước chảy không ngừng. Người vãng sanh nhiều, đệ tử của A-di-đà Phật nhiều, những người từ bên ngoài đến tham học cũng nhiều. Thế giới Tây Phương Cực Lạc thật là náo nhiệt. Quý vị thấy rồi đấy, quả thật rất náo nhiệt. Có một số người sợ buồn

tẻ, Thế giới Tây Phương Cực Lạc tốt, bạn xem vui biết mấy. Chúng ta đọc kinh này thì [cảm thấy] hình như cảnh giới đó đang ở trước mặt chúng ta, giống như chúng ta tận mắt thấy được vậy. Đây là nói về phương Đông, vậy các phương khác thì sao?

"***Nam Tây Bắc tứ duy***
Thượng hạ diệc phục nhiên,"

(Nam Tây Bắc bốn phương
Thượng hạ cũng như vậy,)

Đây là nói về chín phương kia, hợp lại thành mười phương, cũng giống như phương Đông. Vô lượng vô biên Bồ-tát tấp nập không ngừng đến thế giới Tây Phương để tham học, nghe A-di-đà Phật thuyết kinh. Đương nhiên cũng sẽ cùng học trò của A-di-đà Phật và những người mới vãng sanh trao đổi ý kiến, thảo luận Phật pháp. Trong sự tưởng tượng của chúng ta thì đôi bên sẽ tiếp nhận lời mời của nhau. Như Di-lặc Bồ-tát cũng thường đến thế giới Cực Lạc. Di-lặc Bồ-tát cũng có thể mời những người mới vãng sanh đến Đâu-suất nội viện của Ngài để tham quan, đây chẳng phải là đã đến trời Đâu-suất rồi sao? Cho nên không cần phải tu Duy Tâm Thức Định, cái đó phiền phức lắm, niệm A-di-đà Phật cũng đến được Đâu-suất nội viện, đi con đường gần hơn.

"***Hàm dĩ tôn trọng tâm***
Phụng chư trân diệu cúng."

(Thảy chí tâm tôn trọng
Dâng cúng các trân diệu.)

Họ dùng tâm chân thành cung kính nhất để đến thế giới Cực Lạc cúng dường Phật.

"***Sướng phát hòa nhã âm***
Ca thán Tối Thắng Tôn,"

(Phát những lời hòa nhã,
Ca ngợi đấng Tối Thắng,)

"*Sướng*" là dễ chịu, khoan khoái, bởi vì từ lâu đã ngưỡng mộ Vô Lượng Thọ Phật, nhưng chưa có duyên đi gặp mặt, tham phỏng. Hôm nay cơ duyên đã thành thục, nên tâm trạng vô cùng vui sướng. Cho nên sau khi gặp Phật, lễ bái xong, liền tán thán A-di-đà Phật. "*Tối Thắng Tôn*" tức là A-di-đà Phật, A-di-đà Phật là siêu thắng đệ nhất trong chư Phật.

"***Cứu đạt thần thông huệ***"

(Cứu cánh thần thông huệ)

Là thông đạt rốt ráo trí huệ thần thông viên mãn.

"***Du nhập thâm pháp môn.***
Văn Phật thánh đức danh"

(Chứng nhập sâu pháp môn.
Nghe được thánh hiệu Phật)

Nghĩa là công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn. Chúng sanh của mười phương thế giới nghe đến thánh hiệu "Nam-mô A-di-đà Phật" đều an ổn, đắc đại lợi.

"***An ổn đắc đại lợi.***"

(An lành được lợi lớn.)

"*An*" là an toàn, "*ổn*" là vững vàng ổn thỏa. "*Đắc đại lợi*", là một đời Bất Thoái thành Phật. Thế, xuất thế gian không có lợi ích nào lớn hơn so với việc này. Chúng ta gặp được pháp môn này, tâm phải an trụ trong pháp môn này, thân cũng phải an trụ, không vọng động nữa, không cần học pháp môn khác nữa, hết lòng hết dạ niệm một câu "A-di-đà Phật" đến cùng. **Thân cung kính, khẩu xưng danh, ý quán tưởng thì đời này chúng ta nhất định được sanh**.

"***Chủng chủng cúng dường trung***
Cần tu vô giải quyện."

(Trong các sự cúng dường
Siêng tu không biếng trễ.)

Cúng dường, phía trước đã nói rất rõ ràng rồi. Siêng tu cúng dường, trên cúng dường chư Phật, dưới cúng dường chúng sanh, Bồ-tát đều là tu hạnh Phổ Hiền.

"***Quán bỉ thù thắng sát***"

(Quán cõi thù thắng kia)

Đi tham quan thế giới Tây Phương Cực Lạc thù thắng.

"***Vi diệu nan tư nghị***

Công đức phổ trang nghiêm”

(Vi diệu khó nghĩ bàn
Công đức trang nghiêm khắp)

“*Công đức*” là nói đại nguyện của A-di-đà Phật. Mỗi vị Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, sự huân tu của họ là công đức. “*Công đức phổ trang nghiêm*”, không có một pháp nào mà không trang nghiêm. Trang nghiêm này tức là y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương.

“***Chư Phật quốc nan tỷ.***”

(Cõi Phật khác khó bằng.)

Tất cả thế giới của chư Phật không cách gì so sánh với thế giới Tây Phương Cực Lạc.

“***Nhân phát vô thượng tâm***
Nguyện tốc thành Bồ-đề”

(Nhân phát tâm vô thượng
Nguyện mau thành Bồ-đề)

Những Bồ-tát này thấy được cảnh náo nhiệt này cũng đã phát tâm vô thượng. Tâm vô thượng này tức là học theo A-di-đà Phật, làm học trò của Di-đà. Họ có năng lực đến thế giới Tây Phương Cực Lạc không cần tiếp dẫn. Những Bồ-tát này tự đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để thân cận A-di-đà Phật. Như chúng ta đây nghiệp chướng sâu nặng, không có cách nào, phải nương nhờ A-di-đà Phật đến tiếp dẫn. Họ thì được, bản thân họ có năng lực. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì được bảo đảm nhanh chóng thành Phật, cho nên mười phương tất cả Bồ-tát không ai không vãng sanh. Sau đây là A-di-đà Phật giảng khai thị cho những Bồ-tát này. Thích-ca Mâu-ni Phật đích thân nghe được kể lại cho chúng ta, Thế Tôn kể lại cũng như chính Di-đà nói, không hề sai khác.

“***Ứng thời Vô Lượng Tôn***
Vi tiếu hiện kim dung”

(Bấy giờ Vô Lượng Thọ
Kim dung hiện mỉm cười)

Trước hết họ nhìn thấy tướng lành, những Bồ-tát này đến thế giới Tây Phương gặp A-di-đà Phật, cúng Phật tán thán, A-di-đà Phật mỉm cười. “*Ứng thời*”

là ngay lúc đó, Phật thấy mười phương Bồ-tát đến rồi, nét mặt tươi cười, tỏ vẻ hoan nghênh.

"***Quang minh tùng khẩu xuất***"

(Hào quang từ miệng ra)

Miệng Phật phóng quang, quang cũng tức là thuyết pháp.

"***Biến chiếu thập phương quốc***
Hồi quang hoàn nhiễu Phật
Tam táp tùng đảnh nhập."

(Chiếu khắp mười phương cõi,
Rồi xoay chiếu thân Ngài
Ba vòng vào đảnh Phật.)

Phật trước tiên dùng ánh sáng để nhiếp thọ những Bồ-tát này, đây là thuộc về Mật ý. Phàm phu chúng ta nhìn thấy ánh sáng này, Ồ! Là từ miệng Phật tỏa ra, chiếu khắp mười phương thế giới, sau đó ánh sánh này lại trở về nhập vào đảnh Phật (vô kiến đảnh tướng). Chúng ta nhìn thấy thật rất thích thú, nhưng không biết ý nghĩa gì, Bồ-tát thì hiểu được.

"***Bồ-tát kiến thử quang***
Tức chứng Bất Thoái vị"

(Bồ-tát thấy quang này
Liền chứng Bất Thoái Chuyển)

Bồ-tát nếu cũng không biết như chúng ta, nhìn thấy ánh sáng thích thú, thì làm sao có thể chứng quả Bất Thoái được. Cho nên Bồ-tát đều hiểu rõ tất cả hàm nghĩa trong "*quang minh*". Thực tế điều này cũng không khó hiểu. Tỉ như chúng ta sống tại đô thị, mỗi người đều có kiến thức về giao thông, khi đến ngã tư, vừa nhìn thấy đèn đỏ sáng thì chúng ta biết không thể qua đường. Nếu là người dưới quê, xưa nay chưa từng nhìn thấy thành phố, nhìn thấy phút chốc lại đèn đỏ, phút chốc lại đèn xanh rất thích thú, họ cũng không biết là chuyện gì, chúng ta thì hiểu được. Bồ-tát hiểu được, thì họ được lợi ích, là ý nghĩa như vậy.

"***Thời hội nhất thiết chúng***

Hỗ khánh sanh hoan hỷ.”

(Tất cả chúng trong hội
Đều vui mừng hớn hở.)

Đây là Phật phóng quang, Mật thuyết, quang tức là thuyết pháp, Bồ-tát đều chứng đắc Tam Bất Thoái, cho nên mọi người đều chúc mừng lẫn nhau.

“***Phật ngữ phạm lôi chấn***”

(Lời Phật như sấm vang)

“Phật” này là A-di-đà Phật.

“***Bát âm sướng diệu thanh***”

(Tiếng bát âm vi diệu)

Hai câu này là Thích-ca Mâu-ni tán thán A-di-đà Phật thuyết pháp âm thanh tròn đầy. Chữ “*Phật ngữ*” này là A-di-đà Phật nói chuyện. “*Phạm*” là thanh tịnh. Chữ “*lôi chấn*” nghĩa là nghe từ xa, mười phương thế giới của chư Phật đều nghe được âm thanh thuyết pháp của A-di-đà Phật. “*Bát âm sướng diệu thanh*”, chữ “*bát*” này là âm thanh của Phật có đầy đủ tám tướng viên mãn cực tốt. Điều này ở đây tôi không nói kỹ, nói kỹ sẽ trễ thì giờ. Phía dưới là A-di-đà Phật thuyết pháp.

“***Thập phương lai Chánh Sĩ***
Ngô tất tri bỉ nguyện
Chí cầu nghiêm Tịnh Độ
Thọ ký đương tác Phật.”

(Bồ-tát mười phương đến
Ta đều thấu rõ tâm
Chí cầu cõi nghiêm tịnh
Thọ ký sẽ thành Phật.)

Đây là A-di-đà Phật nói pháp cho những Bồ-tát này. “*Chánh Sĩ*” là cách xưng hô đối với Bồ-tát, tức là người chánh giác. “*Ngô*” là A-di-đà Phật tự xưng, A-di-đà Phật nói: “Tâm nguyện của các ông, ta đều biết cả”. Tâm nguyện gì? Là “*chí cầu nghiêm Tịnh Độ*”, “*nghiêm*” là trang nghiêm, chữ này rất quan trọng. Hoằng nguyện của Bồ-tát là cầu trang nghiêm Tịnh Độ, không chỉ là trang nghiêm Tịnh Độ của A-di-đà Phật, đây là đối với thầy. “Thượng báo tứ trọng ân”, là trang nghiêm Tịnh Độ của Di-đà. Rời khỏi thế giới Cực Lạc, trở về bổn quốc của mình

là "hạ tế tam đồ khổ", phải trang nghiêm Tịnh Độ của cõi mình, cho nên ý nghĩa của chữ "*nghiêm*" này rất dài. A-di-đà Phật thỏa mãn nguyện vọng của họ, *"Thọ ký đương tác Phật"*, A-di-đà Phật thọ ký cho họ làm Phật. Phía dưới có bốn câu kệ khai thị, rất quan trọng.

"***Giác liễu nhất thiết pháp***
Do như mộng, huyễn, hưởng."

(Biết rõ tất cả pháp
Như mộng, huyễn, tiếng vang)

Tức là chân chánh giác ngộ, triệt để minh bạch "thể" của tất cả pháp là không, "tướng" là "có". "*Tướng do tâm tạo, không vô tự tánh*", không vô tự tánh tức là thể là không, tướng là do tâm biến hiện ra, cho nên nói "*Giác liễu nhất thiết pháp, Do như mộng huyễn hưởng*". "*Mộng huyễn*" thì dễ hiểu, "*hưởng*" là gì? Là tiếng vang, chúng ta ở khe núi kêu lên một tiếng dài thì có tiếng vang vọng lại. "*Hưởng*" là tiếng vang vọng lại, cũng là bất khả đắc. Tướng có, thể không, không thể có được. Câu nói này giống với câu nói của Thế Tôn trong kinh Kim Cang: "*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*" (phàm những gì có tướng đều là hư vọng), "*nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh*" (hết thảy pháp hữu vi như mộng huyễn, bọt, bóng), ý nghĩa hoàn toàn giống nhau. A-di-đà Phật cũng khai thị cho Bồ-tát mười phương như vậy.

"***Mãn túc chư diệu nguyện***
Tất thành như thị sát."

(Trọn đầy các diệu nguyện
Quyết thành như Cực Lạc.)

Hai câu phía trước là KHÔNG, còn hai câu này là CÓ, hợp chung lại mà xem thì đây chính là trung đạo. "*Biết rõ tất cả pháp Không, vẫn cứ sẵn lòng tu Tịnh Độ*", đây là Bồ-tát pháp, đây chính là nói không rơi vào hai bên, "*diệu khế trung đạo*" (diệu hợp với trung đạo), đây là tông chỉ của Tịnh Tông. "Không, Hữu" hai bên đều không rơi vào, được thọ dụng chân thật, cho nên "*mãn túc chư diệu nguyện*". "*Chư diệu nguyện*" nói một cách đơn giản tức là Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Tất cả nguyện của chư Bồ-tát mười phương, quy nạp lại đều không rời Tứ Hoằng Thệ Nguyện, hoặc là chỉ bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật đều nói được thông. "*Tất thành như thị sát*", đây là A-di-đà Phật dặn dò những Bồ-tát này có thể y giáo phụng hành, thì tương lai quốc độ của các ông cũng trang nghiêm giống như thế giới Tây Phương của ta.

"***Tri độ như ảnh tượng***
Hằng phát hoằng thệ tâm"

(Biết cõi như bóng, ảnh
Phát tâm thệ nguyện lớn)

Mười phương thế giới là mộng huyễn bào ảnh, thế giới Tây Phương cũng không thể chấp trước. Tuy so sánh với thế giới mười phương, nó đích thật hiển thị ra chân thường, nhưng cũng không thể chấp trước, chấp trước thì sai rồi. Cho nên "*tri độ như ảnh tượng*", đây là trí huệ chân thật. "*Hằng phát hoằng thệ tâm*", giống như Bồ-tát không khác, nhất định phát tứ hoằng thệ nguyện, phát bốn mươi tám nguyện.

"***Cứu cánh Bồ-tát đạo***
Cụ chư công đức bổn"

(Rốt ráo hạnh Bồ-tát,
Đầy đủ gốc công đức)

Chữ "*công đức bổn*" là chỉ "các diệu nguyện và Bồ-tát đạo" ở phía trước. Đây là công đức chân thật, "*đạo*" là thật sự thực hiện, thật sự đi làm, có nguyện mà không hành thì đó là nguyện rỗng, nhất định phải thực hành được tất cả nguyện của mình giống như A-di-đà Phật. Bốn mươi tám nguyện, mọi nguyện đều làm được rồi thì gọi là "cứu cánh Bồ-đề đạo".

"***Tu thắng Bồ-đề hạnh***"

(Tu hạnh Bồ-đề thù thắng)

"*Thắng*" là thù thắng, "*Bồ-đề*" là giác ngộ, tức là không mê, không tà, không nhiễm. Trong Tam Quy Y đã hiển thị rõ ý nghĩa này rồi. Đây chính là Bồ-đề tâm.

"***Thọ ký đương tác Phật.***"

(Thọ ký sẽ thành Phật.)

Đây là nói thành tựu. Nếu bạn tu Bồ-đề tâm thù thắng đệ nhất không gì sánh bằng, thực tế mà nói, đây không phải là Bồ-tát đạo, Bồ-tát hạnh thông thường. Chuyên học Tịnh Tông, chuyên y theo Di-đà, nói cách khác, chuyên y theo Kinh Vô Lượng Thọ, bạn có thể thông hiểu đạo lý nói trong Kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đều làm được tất cả lời giáo huấn trong Kinh Vô Lượng Thọ. Phật dạy chúng ta những gì không nên làm, chúng ta nhất định không làm, những gì nên làm chúng ta y giáo phụng hành, đây chính là tu hạnh Bồ-đề thù thắng. Chúng ta

chưa cần đến thế giới Tây Phương, nhưng hiện tại đã được "*thọ ký sẽ thành Phật*" rồi, Phật thật sự đã thọ ký cho chúng ta rồi.

"***Thông đạt chư pháp tánh***
Nhất thiết không vô ngã"

(Thông đạt các pháp tánh
Hết thảy không, vô ngã)

Trong đoạn nhỏ này đã lặp lại ý nghĩa này ba lần, bảo chúng ta lìa tất cả tướng thì trí huệ Bát-nhã trong bổn tánh sẽ hiện tiền, lìa tất cả tướng tức là tất cả pháp.

"***Chuyên cầu tịnh Phật độ***
Tất thành như thị sát."

(Chuyên cầu cõi Phật tịnh
Ắt thành như Cực Lạc)

Chỉ dạy chúng ta tu thiện, "*chuyên cầu tịnh Phật độ*" thì nhất định phải cầu từ trong tự tâm, "*tâm tịnh thì độ tịnh*". Chúng ta niệm câu Phật hiệu này, có nhiều đồng tu thường hỏi: "Tuy niệm Phật song vọng tưởng vẫn còn rất nhiều, vẫn không hàng phục nổi, đây là nguyên nhân gì?". Vì công phu không đắc lực, khi công phu đắc lực rồi thì vọng tưởng tự nhiên ít đi. Cho nên bạn không thể hoài nghi, phải hết lòng nỗ lực để niệm, **bạn niệm quá ít cho nên đè không nổi phiền não, nhất định phải niệm cho nhiều, phải khiến trong tâm mình thật sự có Phật, A-di-đà Phật là mạng sống đệ nhất của chúng ta, trong tâm bạn thật có mới được**. Miệng niệm Phật mà trong tâm không có Phật, trong tâm vẫn khởi vọng tưởng thì làm sao thành công được. Niệm Phật cách đó người xưa nói rằng: "**Hét bể cổ họng cũng uổng công**". Bạn không thể đắc lực, không thể vãng sanh, **nhất định phải niệm đến công phu đắc lực. Phải xem việc niệm Phật là việc lớn nhất trong đời này của chúng ta. Chúng ta không ăn cơm không sao, không ngủ nghỉ không sao, không làm việc không sao, nhưng không niệm Phật thì không thể được, phải như vậy mới được.** Công phu của bạn mới có thể đắc lực, đây là "*chuyên cầu tịnh Phật độ, tất thành như thị sát*". Đến chỗ này là Di-đà nói pháp. Phía dưới là Thích-ca Mâu-ni Phật nói.

"***Văn pháp nhạo thọ hành***
Đắc chí thanh tịnh xứ
Tất ư Vô Lượng Tôn

Thọ ký thành Đẳng Giác.”

(Nghe pháp vâng phụng hành
Đạt đến chốn thanh tịnh
Tất được Vô Lượng Tôn
Thọ ký thành Chánh Giác.)

Thích-ca Mâu-ni Phật tán thán nhóm Bồ-tát này. Sau khi nghe A-di-đà Phật thuyết pháp xong họ rất hoan hỉ, y giáo phụng hành là “*nhạo thọ hành*”. “*Thanh tịnh*” là tâm thanh tịnh, nghe được A-di-đà Phật thuyết pháp thì tâm thanh tịnh rồi. Hai câu cuối là tán thán, cũng là chúc mừng họ, tương lai họ nhất định được A-di-đà Phật thọ ký thành Phật.

“***Vô biên thù thắng sát***”

(Cõi thù thắng vô biên)

Là cõi nước Cực Lạc thù thắng vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn.

“***Kỳ Phật bổn nguyện lực***
Văn danh dục vãng sanh
Tự trí Bất Thoái Chuyển.”

(Do nguyện lực Di-đà
Nghe danh cầu vãng sanh
Tự đạt Bất Thoái Chuyển.)

Bài kệ này là nói với chúng ta lợi ích chân thật của sự viên chứng Tam Bất Thoái. Không chỉ là bổn nguyện của A-di-đà Phật mà cũng là bổn nguyện của vô lượng vô biên chư Phật. “*Văn danh dục vãng sanh*”, tất cả chư Phật đều hoằng dương Tịnh Độ, tất cả chư Phật đều niệm A-di-đà Phật, tất cả chư Phật đều khuyên tất cả chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. “*Tự trí Bất Thoái Chuyển*”, “*Tam Bất Thoái*” này tuy là A-di-đà Phật gia trì cho bạn, nhưng nếu bạn không niệm, không cầu vãng sanh thì bạn vẫn không đạt được. Bản thân chúng ta tin sâu nguyện thiết cầu sanh Tịnh Độ, khi vừa sanh đến thế giới Cực Lạc thì được Tam Bất Thoái.

“***Bồ-tát hưng chí nguyện***”

(Bồ-tát phát chí nguyện)

“*Hưng*” là phát khởi, Bồ-tát đã phát đại nguyện.

"***Nguyện kỷ quốc vô dị***"

(Nguyện cõi mình không khác)

Nguyện cõi nước của mình, thế giới của mình, hy vọng giống với thế giới Tây Phương Cực Lạc. Bồ-tát có nguyện này.

"***Phổ niệm độ nhất thiết***
Các phát Bồ-đề tâm"

(Phổ niệm độ hết thảy
Đều phát tâm Bồ-đề)

"*Bồ-đề tâm*" đích thực tương ưng với bổn nguyện của A-di-đà Phật, họ đã phát Bồ-đề tâm rồi.

"***Xả bỉ luân hồi thân***
Câu linh đăng bỉ ngạn"

(Bỏ thân luân hồi rồi
Đều được lên bờ giác)

Bồ-tát làm thế nào khiến tất cả chúng sanh cũng giống như mình, trong thời gian ngắn ngủi, trong một đời có thể thành tựu công đức lợi ích như vậy? Không có phương pháp thứ hai. Vẫn là khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đem pháp môn này tiếp tục lưu hành giáo hóa tất cả chúng sanh. Quả thật đây là pháp môn đệ nhất để tất cả chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo. Trên quyển kinh có đóng một dấu ấn nhỏ, dấu ấn này là tôi bảo người ta khắc mấy chữ "*Như Lai Sở Thuyết Đệ Nhất Kinh*" (Kinh Như Lai thuyết đệ nhất). Chúng ta phải nhận thức rõ ràng, gặp được không dễ! Bạn gặp được quả là có phước. Phước báo thế xuất thế gian của bạn là lớn nhất thì bạn mới gặp được bộ kinh này, nếu không bạn sẽ không gặp được. Trong kinh A-di-đà nói: "*Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*" (không thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy). Bạn có thể gặp được, chứng tỏ thiện căn phước đức nhân duyên của bạn là đệ nhất nên bạn mới gặp được bộ Kinh đệ nhất này.

"***Phụng sự vạn ức Phật***
Phi hóa biến chư sát
Cung kính hoan hỷ khứ

Hoàn đáo An Dưỡng quốc”

(Phụng sự vạn ức Phật,
Phi hóa khắp các cõi
Kính vui mừng trở về
Cõi An Dưỡng Cực Lạc.)

Đây là nói những người niệm Phật vãng sanh từ mười phương thế giới, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì có được năng lực phụng sự vạn ức Phật, mọi lúc mọi nơi đều có thể đến thế giới phương khác. Hễ họ vừa động niệm muốn đến thế giới phương khác để lễ Phật, để cúng Phật, nghe pháp thì đều có thể mãn nguyện. “*Phi*” là bay, “*hóa*” là hóa thân, bạn muốn đi cúng dường vô lượng vô biên chư Phật thì phải hóa rất nhiều thân cùng lúc đi [cúng dường], cung kính hoan hỉ mà đi, đến nơi đó cúng Phật nghe pháp. Sau khi nghe xong lại trở về thế giới Tây Phương Cực Lạc, “*hoàn đáo An Dưỡng quốc*”. Đây là bài kệ sau cùng, tuy kinh văn rất ngắn, nhưng đã miêu tả được hết cuộc sống vui vẻ của những người vãng sanh đến thế giới Tây Phương.

CA THÁN PHẬT ĐỨC ĐỆ NHỊ THẬP THẤT
PHẨM HAI MƯƠI BẢY: CA THÁN PHẬT ĐỨC

“***Phật ngữ A-nan: “Bỉ quốc Bồ-tát”***”.
(“Đức Phật bảo Ngài A-nan: “Bồ-tát cõi ấy”).

Phẩm này hoàn toàn nói về Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Phẩm trước là nói về Bồ-tát của thế giới phương khác.

“***Thừa Phật oai thần***”.
(Nhờ oai thần của Phật).

Nhờ oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì.

“***Ư nhất thực khoảnh, phục vãng***”.
(Trong khoảng bữa ăn đi lại).

“*Phục vãng*” là đi và về.

“***Thập phương vô biên tịnh sát, cúng dường chư Phật***”.
(Vô biên Tịnh Độ khắp mười phương để cúng dường chư Phật).

Trong kinh này nói giống với chỗ nói trong kinh Di-đà tiểu bổn: “*Kỳ độ chúng sanh thường dĩ thanh đán, các dĩ y kích*” (Chúng sanh trong cõi đó thường

vào lúc sáng sớm lấy đãy hoa), "y kích" là đồ để đựng hoa, đem hoa đi cúng Phật. "*Cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đáo bổn quốc, phạn thực kinh hành*" (cúng dường mười vạn ức Đức Phật ở phương khác, đến giờ ăn liền trở về bổn quốc, ăn cơm xong đi kinh hành). Chỗ này cùng ý nghĩa với đoạn văn trong kinh Di-đà. Bạn thấy tình trạng đời sống của thế giới Tây Phương Cực Lạc đẹp và tự tại biết bao!

Thế giới của chúng ta đây, một số người Âu Mỹ giàu có không có duyên nghe được Phật pháp, về mặt hưởng thụ vật chất kể cũng tạm được nhưng tinh thần rất đau khổ. Khi có một ít ngày nghỉ thì họ đều sang nước ngoài để du lịch. Đây là cách xả hơi duy nhất của họ, cảm thấy đó là việc rất vui. Ở thế giới này của chúng ta, bất luận bạn đến nơi nào để du lịch thì cũng rất mệt, rất khổ. Tôi thường đi du lịch, cũng rất khổ. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn xem họ đi du lịch tận hư không khắp các cõi Phật, không như chúng ta đến địa cầu nhỏ bé này, cũng không ra khỏi địa cầu. Không gian du lịch của họ là mười phương Phật sát, không gian đó thật quá lớn! Chúng ta quả thật là không thể nghĩ bàn! Bạn xem họ sống vui sướng biết mấy, rất tiếc người Phương Tây chưa nghe đến, nếu họ nghe được thì nhất định vô cùng hâm mộ, họ cũng muốn đi.

"***Hoa hương, tràng phan, cúng dường chi cụ, ứng niệm tức chí, giai hiện thủ trung, trân diệu thù đặc, phi thế sở hữu***".

(Những hoa hương, tràng phan, đồ cúng dường, khởi tâm liền hiện đủ các thứ trân bảo thù thắng trên tay, thế gian không thể có).

Đây là giới thiệu những vị Bồ-tát của thế giới Cực Lạc, họ mang lễ vật đến thế giới phương khác để cúng Phật đều vô cùng trân diệu, thế gian chúng ta không có.

"***Kỳ sở tán hoa, tức ư không trung, hiệp vi nhất hoa. Hoa giai hướng hạ, đoan viên châu táp, hóa thành hoa cái***".

(Hoa được rải lên liền ở trên không trung hợp thành một hoa. Các hoa đều hướng xuống phía dưới, tròn trịa đều đặn, hóa thành lọng hoa).

Đạo tràng của chư Phật trang nghiêm thanh tịnh không chi sánh bằng, công đức cao vời. Mười phương Bồ-tát này đến để tham học, cúng dường, nghe pháp, đây là chuyện thường, hơn nữa tấp nập không ngừng, số người đông đảo cũng là không thể nghĩ bàn. Mỗi người đều rải hoa cúng dường, hoa thì quá nhiều. Tuy nhiên những hoa này không tạp loạn, chư Bồ-tát rải hoa trên không trung, hoa này tự nhiên bện thành một lọng hoa, giống như một cái lọng báu. Lọng hoa này

lơ lửng trên không trung, hoa đều hướng xuống, vậy khi nhìn lên mới đẹp, nếu hoa hướng lên trên thì không thấy được, hoa đều hướng xuống. Cho nên bạn thấy vô cùng đẹp, vô cùng trang nghiêm. Đều là tự nhiên biến hiện ra, không phải do người thiết kế chế tạo ra.

"***Bá thiên quang sắc, sắc sắc dị hương, hương khí phổ huân***".

(Có trăm ngàn sắc sáng, mỗi sắc có hương thơm khác nhau tỏa ngát khắp nơi).

Hoa có mùi hương, có ánh sáng, vô lượng tia sáng rực rỡ, vô lượng hương báu.

"***Cái chi tiểu giả, mãn thập do-tuần, như thị chuyển bội, nãi chí biến phú tam thiên đại thiên thế giới***".

(Lọng hoa nhỏ nhất cũng mười do tuần, cứ như vậy lớn dần cho đến che kín cả tam thiên đại thiên thế giới).

Hoa này ở trên không trung có thể biến hóa, từ nhỏ càng biến càng lớn, giống như mây màu rực rỡ ở thế giới này của chúng ta vậy. Chúng ta ở thế gian này nhìn thấy mây màu, nét trang nghiêm của không trung cũng vô cùng xinh đẹp, mây màu đó cũng càng lan càng rộng. Thế giới Phật này nhìn thấy lọng hoa.

"***Tùy kỳ tiền hậu, dĩ thứ hóa một***".

(Thứ tự lần lượt biến mất).

Những Bồ-tát này cúng dường xong, đi rồi thì các lọng hoa này cũng tan mất giống như mây màu. Sau đó lại có những Bồ-tát khác đến cúng dường thì lọng hoa lại hình thành.

"***Nhược bất cánh dĩ, tân hoa trùng tán, tiền sở tán hoa, chung bất phục lạc***".

(Nếu không rải hoa mới lên thì hoa cũ không rơi xuống).

Tức là lọng hoa là thường có, nếu lại có Bồ-tát đến rải hoa thì một lọng hoa mới lại hình thành. Nếu không có Bồ-tát khác đến tham học thì lọng hoa cũ không tan, cho nên không trung vĩnh viễn trang nghiêm như vậy. Có hoa, có ánh sáng, có hương… những thứ hoa, ánh sáng, hương này đều có thể giúp người tiêu nghiệp chướng, khai trí huệ, đây đều là công đức vô lượng.

"***Ư hư không trung, cộng tấu thiên nhạc, dĩ vi diệu âm, ca thán Phật đức***".

(Ở trên hư không cùng tấu nhạc trời, dùng âm thanh vi diệu tán thán Phật đức).

Không những có mùi hương, có ánh sáng, có hoa… lại còn có nhạc trời tán thán đức của Phật.

"***Kinh tu du gian, hoàn kỳ bổn quốc***".
(Trong khoảnh khắc trở về bổn quốc).

"*Tu du*" là chỉ thời gian ngắn tạm. Sau khi họ đến cúng Phật, nghe pháp thì trở về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây là nói về người của thế giới Tây Phương Cực Lạc thường đến thế giới của chư Phật khác để tham phỏng. Xin thưa với quý vị, đời sống ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đích thực là nhiều màu sắc nhiều hình thái, vô cùng khoái lạc. Cho nên nơi đó gọi là thế giới Cực Lạc. Sau khi trở về thì:

"***Đô tất tập hội thất bảo giảng đường***".
(Đều tụ họp tại giảng đường thất bảo).

Trở về nhất định phải đi bái thầy, nói với thầy con đã đi đâu để tham phỏng, những vị Phật đó nói pháp gì cho con, báo cáo với thầy, thầy là A-di-đà Phật.

"***Vô Lượng Thọ Phật, tắc vị quảng tuyên đại giáo, diễn sướng diệu pháp, mạc bất hoan hỷ, tâm giải đắc đạo***".
(Đức Phật Vô Lượng Thọ liền vì họ mà rộng tuyên đại giáo, diễn nói diệu pháp, không ai chẳng hoan hỷ, tâm khai ý giải, chứng nhập Thánh đạo).

Sau khi trở về, mỗi người nói về tâm đắc của riêng mình, A-di-đà Phật đem tâm đắc của từng người, tổng hợp lại, làm một bài tổng khai thị. A-di-đà Phật ngày ngày đều vì mọi người giảng tổng khai thị, đó là "*diễn sướng diệu pháp*". Sau khi nghe xong, "*tâm giải*" tức là khai ngộ, đại khai viên giải, "*đắc đạo*" tức là chứng quả.

"***Tức thời hương phong xuy thất bảo thọ, xuất ngũ âm thanh. Vô lượng diệu hoa, tùy phong tứ tán, tự nhiên cúng dường, như thị bất tuyệt. Nhất thiết chư thiên giai tê bá thiên hoa hương, vạn chủng kỹ nhạc cúng dường bỉ Phật***".
(Lúc đó gió thơm thổi hàng cây bảy báu, phát ra tiếng ngũ âm, vô lượng hoa đẹp theo gió bay khắp bốn phương, tự nhiên cúng dường không dứt. Tất cả chư Thiên đem trăm ngàn hoa hương, vạn thứ kỹ nhạc đến cúng dường Phật).

Đây là chư thiên, chư thiên là phàm phu, thế giới Tây Phương Cực Lạc là Nhất Chân Pháp Giới, làm sao có chư thiên xuất hiện được? Chư thiên ở trong lục đạo. Tuy nhiên quý vị nên biết, ở thế giới Tây Phương còn có nhiều loài chim bạch hạc, khổng tước, anh vũ… đều có thể giảng kinh thuyết pháp, là do A-di-đà Phật biến hóa ra. Chư thiên này cũng là do A-di-đà Phật biến hóa ra, ở trên không trung rải hoa, diễn tấu âm nhạc cúng Phật.

"***Cập chư Bồ-tát, Thanh Văn chi chúng. Tiền hậu vãng lai, hy di khoái lạc***".

(Và chúng Bồ-tát, Thanh Văn trước sau qua lại, hớn hở vui mừng).

Chúng ta biết đời sống ở đây đích thật vui sướng không gì sánh bằng. Đây là đời sống của những người chân chánh giác ngộ. Quay đầu nghĩ lại những người mê hoặc như chúng ta sống trong lục đạo luân hồi thật quá khổ. Đối chiếu hai bên mới biết được thế gian của chúng ta là thế gian cực khổ. Chẳng có việc gì mà không khổ, cho dù được một chút niềm vui rất ngắn tạm, thì cũng phải trả một cái giá rất đắt mới có được một chút. Nghĩ lại, thật sự là được không bằng mất, nghĩ thông rồi thì nhất định phải cầu sanh Tịnh Độ, không hoài nghi, không do dự nữa.

"***Thử giai Vô Lượng Thọ Phật bổn nguyện gia oai***".

(Đó là do sức oai thần bổn nguyện của Phật Vô Lượng Thọ gia trì).

Đây là nói những người vãng sanh như chúng ta đều là đới nghiệp vãng sanh, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, nhưng hưởng thụ niềm vui sướng ấy hoàn toàn giống như trong kinh nói. Cho nên điều này thật sự rất khó khiến người ta tin tưởng, không những người thường không tin mà rất nhiều vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát cũng không tin, nguyên nhân là gì vậy? Là do oai thần bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật gia trì cho bạn khiến bạn đạt được như vậy.

"***Cập tằng cúng dường Như Lai, thiện căn tương tục, vô khuyết giảm cố***"

(Và do có căn lành từng cúng dường các Đức Như Lai liên tục không giảm thiếu).

Chỗ này rất có đạo lý, đây là gì? Là giống như phía trước A-xà-thế Vương Tử cùng với năm trăm người. Chúng ta trong đời quá khứ, hiện nay chúng ta không biết, nếu Phật không nói cho chúng ta thì chúng ta làm sao biết được? Trong đời quá khứ, chúng ta cũng đã tu hành vô lượng kiếp, đã từng cúng dường vô lượng vô biên Như Lai, thiện căn này liên tục, thành thục, và được bốn mươi

tám nguyện của A-di-đà Phật gia trì, chúng ta mới có thể đạt được quả báo này. Được quả báo này thực tế cũng không phải là ngẫu nhiên.

"***Thiện tu tập cố, thiện nhiếp thủ cố, thiện thành tựu cố***".

(Và do khéo tu tập, khéo nhiếp thủ, khéo thành tựu vậy).

Không có cái nào không thiện. Chỗ này cần phải bổ sung một chút, chữ "*thiện*" này là chữ then chốt, hoàn toàn dùng pháp môn Tịnh Tông thì đó là thiện. "*Thiện tu tập*", là chuyên tu Tịnh Tông. "*Thiện nhiếp thủ*" là nhiếp thủ chúng sanh, dẫn dắt chúng sanh, cũng là dùng pháp môn Tịnh Tông, tất cả thành tựu cả thảy đều vậy, đặc biệt là chỉ cho một câu danh hiệu, công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn! Cái này là ý nghĩa chân chánh của chữ "*thiện*".

ĐẠI SĨ THẦN QUANG ĐỆ NHỊ THẬP BÁT
PHẨM HAI MƯƠI TÁM: ĐẠI SĨ THẦN QUANG

"***Phật cáo A-nan: Bỉ Phật quốc trung chư Bồ-tát chúng, tất giai đỗng thị, triệt thính bát phương, thượng hạ, khứ lai, hiện tại chi sự***".

(Phật bảo A-nan: Chúng Bồ-tát tại cõi Phật đó đều thấy suốt, nghe thấu mọi việc trong mười phương, ba đời quá hiện vị lai).

"*Bỉ Phật quốc trung chư Bồ-tát chúng*" (Chúng Bồ-tát tại cõi Phật đó), phàm là người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là A-duy-việt-trí Bồ-tát. Đây là chỉ người vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc được oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, mỗi người đều có năng lực này. Năng lực này hầu như giống với Phật. "*Đỗng thị*" là thiên nhãn thông, thấy được rõ ràng. "*Triệt thính*" là thiên nhĩ thông, nghe được minh bạch, phạm vi lớn cỡ nào? Là mười phương. "*Khứ*" là quá khứ, "*lai*" là vị lai, hiện tại. Mười phương vô lượng vô biên cõi nước, quá khứ hiện tại vị lai, họ đều nhìn thấy rõ ràng, nghe được rõ ràng.

Chúng ta đọc phần kinh văn này rồi có cảm xúc gì? Tôi cảm thấy sợ dựng tóc gáy, quá đáng sợ. Tại sao vậy? Nếu chúng ta khởi lên một niệm xấu ác thì họ biết ngay, chúng ta làm một việc xấu, họ thấy được, nghe được, đây là thật. Mỗi người ở thế giới Tây Phương đều có năng lực này, huống chi là Quán Âm, Thế Chí và A-di-đà Phật? Chớ tưởng rằng chúng ta làm một việc xấu, gạt được người thì không ai hay biết, Phật cũng không biết, vậy là bạn đã tự lừa mình lừa người rồi. Người ở thế giới Tây Phương là vô lượng vô biên, người nào cũng đều biết cả. Chúng ta nếu muốn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để nhập vào đội ngũ

của họ thì phải giống như họ. Người ta đều là "*chư thượng thiện nhân*", chúng ta hiện nay vẫn đang khởi vọng tưởng, vẫn đang tham sân si mạn, vậy thì bạn niệm cách nào cũng không thành được. A-di-đà Phật cho dù rất từ bi hoan nghênh bạn, nhưng đại chúng nói: "Người này tâm không tốt, chúng ta không cùng một loại với họ". A-di-đà Phật cũng hết cách không thể đến tiếp dẫn bạn được. Cho nên bạn biết được người niệm Phật thì nhiều, người vãng sanh thì ít, tại sao không đi được? Cái ác ẩn tàng trong nội tâm của chúng ta, người ta đều biết hết. Quý vị nói thì thầm, người thứ ba chưa nghe được thì người Tây Phương Cực Lạc đã nghe hết rồi, đây là sự thật. Đọc đoạn kinh văn này mà tôi sợ dựng cả tóc gáy. Muôn ngàn xin chớ cho rằng chúng ta làm việc gì, họ không thấy được, không nghe được, vậy thì bạn sai lầm lớn rồi.

"***Chư thiên nhân dân***", đây là nói người trong mười phương thế giới như chúng ta.

"***Dĩ cập quyên phi, nhuyễn động chi loại***".

(Cho đến các loại bò bay máy cựa).

"*Quyên phi, nhuyễn động*" là súc sanh đạo. Tức là họ không những thấy nghe rõ ràng nhất cử nhất động của con người chúng ta, mà súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, tất cả các loại chúng sanh, thật sự từng cử chỉ động tác, từng lời nói nụ cười, trong tâm khởi một ý niệm họ đều biết hết.

"***Tâm ý thiện ác, khẩu sở dục ngôn, hà thời độ thoát, đắc đạo vãng sanh, giai dự tri chi***".

(Tâm ý thiện ác, muốn nói điều gì, khi nào được độ thoát, được đắc đạo, được vãng sanh, các vị Bồ-tát ấy đều biết trước cả).

Họ thảy đều biết cả, không có một thứ nào không biết. Người của thế giới Tây Phương thần thông quảng đại. Chúng ta xem tiểu thuyết đều cho rằng Tôn Ngộ Không thật phi thường, nhưng Tôn Ngộ Không làm sao sánh nổi, kém rất xa. Chỗ này có một câu có lẽ quý vị nghe rồi sẽ có nghi hoặc, "*đắc đạo, vãng sanh, giai dự tri chi*". Họ đều biết trước rồi, như vậy xem ra việc vãng sanh của chúng ta có lẽ đã được định trước rồi, đã định trước vậy thì hà tất phải nhất định niệm Phật? Đến lúc thì vãng sanh thôi, họ đều biết trước rồi, chữ định trước này có thể nói là đã được định trước, có thể nói như vậy, tại sao? Vì một câu danh hiệu A-di-đà Phật này vừa lọt vào nhĩ căn thì kể như đã được định trước rồi, bạn tương lai nhất định được sanh, đây là đã được định trước. Tuy nhiên thời gian vãng sanh này có thể sớm hơn, có thể sớm hơn thì đương nhiên càng nhanh càng

tốt. Chúng ta ở trong lục đạo cõi nước chư Phật này bớt chịu tội, nên đi càng nhanh càng tốt! Tuy là nhất định vãng sanh, nhưng nếu chúng ta tinh tấn không giải đãi, khiến duyên của chúng ta ngay đời này thành thục. Nếu chúng ta giải đãi, xem đến câu này "*đắc đạo vãng sanh, giai dự tri chi*", thôi, có thể không cần niệm Phật nữa, ham muốn phú quý nhân gian cũng không vấn đề gì, dù sao vẫn sẽ vãng sanh. Điều này không sai, nhưng bạn phải lãnh đủ mọi khổ nạn trong lục đạo. Vậy chúng ta tinh tấn nỗ lực thì duyên của chúng ta thành thục sớm hơn, họ cũng biết, bạn giải đãi lười biếng, đọa lạc họ cũng biết, không có thứ nào không biết.

"***Hựu bỉ Phật sát chư Thanh văn chúng, thân quang nhất tầm, Bồ-tát quang minh, chiếu bá do-tuần***".

(Chúng Thanh Văn ở cõi Phật kia có thân sáng tám thước, ánh sáng của Bồ-tát chiếu xa một trăm do-tuần).

Đây là nói về năng lực của chính mình, không nói Phật gia trì. Nếu nói Phật gia trì thì đều như nhau, là bình đẳng. Chỗ này nói có thiên nhân, Thanh Văn, Bồ-tát, đó là nói tự mình, không có sự gia trì. Một khi được gia trì thì đều bình đẳng, sẽ không có việc này, sẽ không hiển thị ra nữa. Ở đây là nói về năng lực của chính mình. Nhưng lại có hai vị Bồ-tát rất đặc biệt, năng lực của chính họ không thể nghĩ bàn, thực tế mà nói, hai vị Bồ-tát này đều là cổ Phật tái lai nên đương nhiên phải khác.

"***Hữu nhị Bồ-tát, tối tôn đệ nhất, oai thần quang minh, phổ chiếu tam thiên đại thiên thế giới. A-nan bạch Phật: "Bỉ nhị Bồ-tát, kỳ hiệu vân hà?" Phật ngôn: "Nhất danh Quán Thế Âm, nhất danh Đại Thế Chí"***".

(Có hai vị Bồ-tát tôn quý bậc nhất, oai thần và ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Tôn giả A-nan thưa Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Danh hiệu hai vị Bồ-tát ấy là gì?". Phật nói: "Một vị tên là Quán Thế Âm, vị thứ hai tên là Đại Thế Chí").

Quán Âm, Thế Chí, hai vị đại Bồ-tát này ở thế giới Tây Phương Cực Lạc giúp đỡ A-di-đà Phật giáo hóa chúng sanh. Người với người đều có duyên phận, không có duyên phận thì không tụ họp được. Chư Phật Bồ-tát ở một nơi độ hóa chúng sanh cũng phải có duyên phận. Như mối quan hệ của A-di-đà Phật cùng Thích-ca Mâu-ni Phật, từ trong nhiều kinh điển Đại Thừa chúng ta thấy được họ ở trong đời quá khứ đã từng là huynh đệ, từng là thầy trò, từng là đồng tham đạo hữu, cho nên trong đời quá khứ họ có quan hệ vô cùng mật thiết. Nếu trong đời

quá khứ không có duyên, không có quan hệ, mà đời này vừa gặp mặt liền có duyên phận tốt thì không có đạo lý này, nói cách nào cũng nói không thông. Những sự việc này, nếu chúng ta bình tĩnh quan sát, thể nghiệm thì có thể chứng minh được. Tỉ dụ như chúng ta lần đầu tiên đến một địa phương để du lịch, thực sự bạn chưa từng đến đó, đây là lần đầu tiên đến, đột nhiên cảm thấy nơi đây rất quen thuộc, hình như đã từng đến rồi, nhưng trong đời này quả thật là lần đầu tiên đến, vậy tại sao có cảm giác này? Vì trong đời quá khứ đã từng đến nơi đây, hoặc đã từng ở tại nơi đây. Có những người chúng ta vừa gặp mặt thì rất vui mừng, rất hợp nhau, tại sao không phải ai gặp mặt cũng đều hợp nhau mà chỉ có một hai người ấy là đặc biệt? Là duyên phận kiếp trước, trong đời quá khứ có mối quan hệ này. Quán Âm, Thế Chí cùng A-di-đà Phật cũng là đời đời kiếp kiếp có quan hệ, họ nhất định phải giúp đỡ lẫn nhau. Quán Âm thành Phật rồi thì A-di-đà Phật cũng phải làm Bồ-tát để giúp đỡ Ngài, cho nên nhân duyên này vô cùng sâu xa.

"***Thử nhị Bồ-tát ư Ta-bà giới tu Bồ-tát hạnh, vãng sanh bỉ quốc thường tại A-di-đà Phật tả hữu***".

(Hai vị Bồ-tát này khi còn ở cõi Ta-bà tu hạnh Bồ-tát, vãng sanh về cõi Cực Lạc, thường ở hai bên tả hữu Phật A-di-đà).

Đây là hai vị đại Bồ-tát giúp đỡ Phật giáo hóa chúng sanh.

"***Dục chí thập phương vô lượng Phật sở, tùy tâm tắc đáo***".

(Muốn đến mười phương vô lượng cõi Phật thì liền đến)

Phạm vi giáo hóa của hai vị Bồ-tát này giống như A-di-đà Phật, tận hư không khắp pháp giới, chỗ nào có danh hiệu Di-đà thì danh hiệu của Quán Âm, Thế Chí cũng đến đó. Thật là nơi nào cũng có Quán Thế Âm, cõi nước nào cũng có A-di-đà Phật.

"***Hiện cư thử giới, tác đại lợi lạc***".

(Hiện ở thế giới này làm nhiều sự lợi lạc).

Hai vị Bồ-tát này ở thế giới Ta-bà chúng ta, quý vị phải biết đương nhiên đó là hóa thân, tại sao? Họ đều ở tận hư không khắp pháp giới. Bạn nói cái nào là chân thân? Có thể nói mỗi thân đều là chân thân, mỗi thân đều là hóa thân, đến để giúp đỡ chúng ta, để thành tựu cho chúng ta.

"***Thế gian thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu cấp nạn khủng bố, đãn tự quy mạng Quán Thế Âm Bồ-tát, vô bất đắc giải thoát giả***".

(Người thiện nam, thiện nữ ở thế gian nếu có tai nạn ngặt nghèo hoảng sợ, hễ một lòng quy y xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm thì không ai mà không được cứu thoát).

Câu này tức là chỗ nói trong Phẩm Phổ Môn của Kinh Pháp Hoa, ở đây nói lại câu này, nói rõ Bồ-tát ở tại thế gian này "*tác đại lợi lạc*" (làm nhiều sự lợi lạc lớn), "*lợi*" là làm lợi ích cho chúng sanh. "*Lạc*" là ban niềm vui cho tất cả chúng sanh, giúp đỡ tất cả chúng sanh lìa khổ được vui.

NGUYỆN LỰC HOẰNG THÂM ĐỆ NHỊ THẬP CỬU
PHẨM HAI MƯƠI CHÍN: NGUYỆN LỰC RỘNG SÂU

Trong phẩm này hiển thị nguyện lực rộng sâu của các đại Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất định thành tựu Nhất Sanh Bổ Xứ. Nói cách khác, tức là một đời thành Phật. Tuy ở thế giới Cực Lạc nhưng không quên lục đạo chúng sanh ở thế giới phương khác. Ngược lại thường quan tâm, tận hết tâm lực để giúp đỡ, giáo hóa vô cùng vô tận.

"***Phục thứ A-nan! Bỉ Phật sát trung, sở hữu hiện tại, vị lai nhất thiết Bồ-tát***".

(Lại này A-nan! Tất cả Bồ-tát ở cõi Phật ấy hoặc hiện tại hay vị lai).

Hiện tại là những vị Bồ-tát này đã ở tại thế giới Cực Lạc, vị lai là những người sắp vãng sanh, hiện nay vẫn chưa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Những vị Bồ-tát này:

"***Giai đương cứu cánh Nhất Sanh Bổ Xứ***".

(Đều sẽ rốt ráo được Nhất Sanh Bổ Xứ).

Câu này nói rất hay! Bởi vì vị lai là bao gồm những người chúng ta, chúng ta hiện nay chưa đi. Đây là thuộc về vị lai. Mặc dù là vị lai nhưng bởi vì bạn nhất định vãng sanh nên đây mới là Bồ-tát của vị lai, khẳng định sẽ vãng sanh. **Chúng ta tự hỏi, chúng ta có thể khẳng định vãng sanh không? Có chắc chắn một trăm phần trăm không? Nhất định phải khẳng định, nhất định được. Dựa vào gì vậy? Dựa vào A-di-đà Phật. Thích-ca Mâu-ni Phật phát cho chúng ta giấy bảo đảm rồi, đây là khẳng định. Giấy bảo đảm ở đâu? Quyển sách mà quý vị cầm trên tay là giấy bảo đảm. Hễ bạn y giáo phụng hành thì khẳng định đời này vãng sanh. Khi nãy vừa nói, bạn có thể dung hội lý luận của bộ kinh này ở trong tâm. Những lời dạy bảo bạn đều làm được, đều y giáo phụng hành thì nhất định được sanh, cho nên quyển sách này chính là giấy bảo**

đảm. Lấy được giấy bảo đảm rồi thì làm gì có đạo lý không vãng sanh chứ! Nhưng phải nhớ kỹ, đã cầm sách trên tay rồi mà không y giáo phụng hành thì không được, không thể vãng sanh.

"***Duy trừ đại nguyện, nhập sanh tử giới, vị độ quần sanh, tác sư tử hống, hoàn đại giáp trụ, dĩ hoằng thệ công đức nhi tự trang nghiêm. Tuy sanh ngũ trược ác thế, thị hiện đồng bỉ, trực chí thành Phật, bất thọ ác thú. Sanh sanh chi xứ, thường thức túc mạng***".

(Chỉ trừ người phát đại nguyện vào trong sanh tử để độ quần sanh, làm sư tử hống, mặc áo giáp, dùng công đức hoằng thệ để tự trang nghiêm. Tuy sanh trong đời ác ngũ trược, thị hiện giống như chúng sanh, cho đến khi thành Phật, không thọ ác đạo, sanh ở nơi nào đều biết rõ túc mạng).

Đây là người tái lai của thế giới Tây Phương, họ không nôn nóng thành Phật, bởi vì họ có nguyện phải giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn, tâm từ bi lớn! Những người này đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, sau khi gặp được A-di-đà Phật, thường trở lại lục đạo luân hồi, vào trong sanh tử. Về lại lục đạo để làm gì? Để thuyết pháp độ sanh, "*vị độ quần sanh, tác sư tử hống*", thuyết pháp độ sanh, đây là từ bi. "*Hoàn đại giáp trụ*", là tỉ dụ họ dũng mãnh tinh tấn. Thời xưa khi võ sĩ đi đánh trận phải mang áo giáp để phòng ngự. Hiện nay chiến tranh khác với thời xưa, nhưng phòng ngự là giống nhau. Bạn xem chiến tranh hiện nay trên tiền tuyến là xe tăng, xe thiết giáp xông pha chiến đấu. Đây chính là mặc áo giáp biểu thị họ rất dũng mãnh, không sợ tất cả ma chướng khổ nạn, họ phải giúp đỡ tất cả chúng sanh. Thệ nguyện của họ đã phát, "*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*", họ phải đi làm, nên dùng những thứ này để trang nghiêm cho bản thân. Ở trong lục đạo hoằng pháp lợi sanh để trang nghiêm chính mình. Những vị Bồ-tát này tuy sống trong ngũ trược ác thế giống như hoàn cảnh của chúng ta hiện nay, "*thị hiện đồng bỉ*", trong đời ác ngũ trược họ thị hiện giống như người thường, tuy nhiên họ được oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì mãi cho đến tương lai thành Phật, họ đều không bị đọa vào đường ác. Họ cũng có thể đến tam ác đạo, cũng biến thành ngạ quỷ, biến thành súc sanh để độ những chúng sanh này. Tuy nhiên, họ không phải thật sự thọ nhận cái khổ trong ác đạo, họ không phải chịu nhưng họ cũng làm ra vẻ thọ nhận, như mọi người không khác. Như Thích-ca Mâu-ni Phật xuất hiện ở thế gian này của chúng ta chẳng phải đã chịu rất nhiều dày vò khổ nạn hay sao? Bạn hỏi Thích-ca Mâu-ni Phật có thọ nhận không? Thích-ca Mâu-ni Phật không có, nhưng giả vờ như là thọ nhận, khiến chúng ta nhìn thấy rất cảm động. Ôi chao! Phật Bồ-tát vì chúng ta mà thọ nhận nhiều khổ nạn như

vậy! Chúng ta đối với Phật, Bồ-tát sanh tâm cảm kích, trên thực tế Ngài không phải thật sự thọ nhận. Ngài rất rõ ràng minh bạch, Ngài đang đóng kịch, không phải thật, chúng ta rất đáng thương cho là thật nên thọ nhận thật.

"***Sanh sanh chi xứ, thường thức túc mạng***".
(Sanh ở nơi nào đều biết rõ túc mạng).

Họ bất luận ở trong cõi nào, bất luận biến hóa [thành loại] gì, họ đều biết rõ cả, không mê hoặc, "*thường thức túc mạng*", đời đời kiếp kiếp họ rất rõ ràng, rất minh bạch.

"***Vô lượng Thọ Phật ý dục độ thoát, thập phương thế giới chư chúng sanh loại***".
(Ý của Đức Phật Vô Lượng Thọ muốn độ thoát các loài chúng sanh khắp mười phương thế giới).

Cho nên thọ mạng của A-di-đà Phật rất dài, không có cách chi tính được. Tại sao vậy? Nguyện vọng của Phật là phải độ hết tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới. Nếu thời gian không dài thì Ngài làm sao độ hết được, vô lượng thọ là từ chỗ này mà có. Thọ mạng chúng ta vì sao rất ngắn? Vì nguyện rất nhỏ, chỉ một chút xíu, một chút là thấy đủ rồi, cho nên thọ mạng liền đến. Bạn bảo người thế gian thường vì cái gì? Trước là vì mình, sau là vì con cái, con cái trưởng thành rồi, hết việc thì ra đi, nguyện này xong rồi, họ không có nguyện đời đời kiếp kiếp. Nguyện của Di-đà rất lớn, rất phi thường, Ngài muốn độ hết tất cả chúng sanh khổ nạn.

"***Giai sử vãng sanh kỳ quốc***".
(Đều được sanh về cõi Cực Lạc).

Thế giới Cực Lạc của Ngài phải thường trụ, nếu không thường trụ thì phải làm sao đây? Ngài muốn tất cả chúng sanh phải vãng sanh thế giới Cực Lạc, cho nên quốc độ này cũng vô lượng thọ. Phật vô lượng thọ, quốc độ cũng vô lượng thọ.

"***Tất linh đắc Nê-hoàn đạo***".
(Khiến cho đạt đến Niết-bàn).

Chữ "*Nê-hoàn*" tức là đại Niết-bàn, đây là dạy họ thành Phật rồi, khiến tất cả chúng sanh sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để thành Phật.

"***Tác Bồ-tát giả, linh tất tác Phật***".

(Kẻ đã là Bồ-tát thì khiến được thành Phật).

Thành Phật mới là cứu cánh viên mãn, không thành Phật thì không viên mãn.

"***Ký tác Phật dĩ***".
(Người đã thành Phật rồi).

Những người này ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều thành Phật rồi.

Sau khi thành Phật,

"***Chuyển tương giáo thọ, chuyển tương độ thoát. Như thị triển chuyển, bất khả phục kế***".
(Sẽ tiếp nối giáo hóa độ thoát người khác, xoay vần như thế chẳng thể tính kể).

Đây nghĩa là chuyển pháp luân. Những người này sau khi thành Phật lại độ một số chúng sanh thành Phật, rồi những người thành Phật kia lại độ những chúng sanh khác, lần lượt như thế không có cùng tận, chẳng thể tính được.

"***Thập phương thế giới, Thanh Văn, Bồ-tát, chư chúng sanh loại, sanh bỉ Phật quốc, đắc Nê-hoàn đạo, đương tác Phật giả, bất khả thắng số***".
(Thanh Văn, Bồ-tát, các loài chúng sanh trong mười phương thế giới sanh về cõi Phật đó đạt đến Niết-bàn, chứng quả Phật, số nhiều không thể tính được).

Sanh đến thế giới Tây Phương, bất luận là trời, người, bất luận là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát đến bên ấy để thành Phật số lượng ấy không có cách gì tính được.

"***Bỉ Phật quốc trung, thường như nhất pháp***".
(Trong cõi Phật đó thường như một pháp).

Đoạn cuối này hay vô cùng! Bởi vì có người vọng tưởng nhiều, chấp trước nặng. Tất cả những người này đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, vậy thế giới Tây Phương Cực Lạc có thể dung nạp nổi chăng? Bạn xem, họ chưa đi mà đã lo dùm cho A-di-đà Phật rồi. Họ không biết được trạng huống của thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho rằng thế giới Tây Phương giống như quả địa cầu này của chúng ta, người quá nhiều thì dung nạp không nổi, bùng phát dân số. Thế giới Tây Phương không có trạng huống này, "*bỉ Phật quốc trung thường như nhất pháp*", "*thường nhất*", "*nhất*" tức là không tăng không giảm. Người nhiều hơn đi nữa cũng không thấy nhiều, huống chi ở phía trước chúng ta đã thấy, thế giới Tây Phương tấp nập không ngừng, giống như một trường học vậy. Mỗi năm đều

có tuyển sinh, mỗi năm đều có tốt nghiệp. Thành Phật là tốt nghiệp rồi, lại đến thế giới phương khác tiếp tục độ hóa [chúng sanh]. Cho nên mỗi ngày đều có người đến, mỗi ngày đều có người thành Phật, mỗi ngày đều có người đến thế giới phương khác để độ hóa chúng sanh. Bạn hiểu rõ đạo lý này, có đến có đi, cho dù không có đi thì thế giới Tây Phương cũng nhất định có thể dung nạp được, không cần bạn bận tâm. Sau đây có tỉ dụ.

"***Bất vi tăng đa. Sở dĩ giả hà? Do như đại hải, vi thủy trung vương, chư thủy lưu hành, đô nhập hải trung. Thị đại hải thủy, ninh vi tăng giảm***".

(Không có tăng thêm. Vì sao vậy? Ví như biển lớn là vua của nước, các dòng nước đều chảy vào biển cả, nước trong biển ấy cũng không tăng giảm).

Đây là Thế Tôn cử ra tỉ dụ. Nước của tất cả sông ngòi trên lục địa đều chảy về biển cả, suốt ngày cứ chảy mãi chưa bao giờ ngừng nghỉ, biển có đầy không? Chưa từng nghe qua. Tình hình ở thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng giống như vậy. Hiện nay chúng ta cũng hiểu rõ nước biển vì sao không đầy? Là vì tuần hoàn, nước biển bốc hơi thành hơi nước, biến thành mưa, mưa rơi xuống lục địa, lại từ sông ngòi chảy ra biển. Tình hình của thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng như vậy. Cho nên bên ấy tuyệt đối không có tình trạng người quá đông. Hiện nay trên địa cầu chúng ta, nhất là ở các đô thị người quá đông nên gây ra nhiều rắc rối, đi ra đường nhìn thấy toàn là người. Chúng ta đọc sách xưa, thời xưa núi sông thanh tú, phong cảnh diễm lệ, con người sống trong cảnh tình thơ ý họa. Bây giờ không thấy nữa, cho dù nơi danh lam thắng cảnh tôi cũng không muốn đi. Vì sao? Đến đó để làm gì? Để nhìn đầu người à! Người ta nói chỗ đó vui lắm, tôi đến một lần tuyệt đối không đi nữa, có nơi chưa đi qua tôi cũng không đi. Vì sao? Đến nơi đó chỉ để xem đầu người, người quá đông. Người quá đông thì phong thủy bị phá hoại hết, những cảnh quan tú lệ liền bị phá hoại mất không còn nữa. Cho nên bây giờ nghĩ lại vẫn là ở nhà lão thật niệm A-di-đà Phật, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đến quốc độ phương khác du lịch ngắm cảnh có lẽ không giống như thế này.

"***Bát phương thượng hạ***".

(Tám phương, trên, dưới).

Đây là nói mười phương thế giới.

"***Phật quốc vô số***".

(Vô số cõi nước chư Phật).

Thế giới vô biên, chư Phật cũng vô lượng.

"***A-di-đà quốc trường cửu, quảng đại***".
(Cõi Phật A-di-đà trường cửu, rộng lớn).

Trong tất cả cõi nước của chư Phật, quốc độ của A-di-đà Phật là trường cửu nhất, rộng lớn nhất.

"***Minh, hảo, khoái lạc***".
(Sáng, đẹp, khoái lạc).

"*Minh*" là quang minh, tốt đẹp, khoái lạc.

"***Tối vi độc thắng***".
(Thù thắng độc nhất).

Tất cả thế giới của chư Phật đều không thể sánh bằng, tại sao?

"***Bổn kỳ vi Bồ-tát thời, cầu đạo sở nguyện, lũy đức sở trí***".
(Ấy là do sự phát nguyện cầu đạo, tích công lũy đức khi Phật còn làm Bồ-tát tạo thành).

Điều này chúng ta đã đọc qua ở phía trước, A-di-đà Phật tại nhân địa phát nguyện cầu đạo tu hành, tích công lũy đức không giống với chư Phật khác.

"***Vô Lượng Thọ Phật, ân đức bố thí, bát phương thượng hạ, vô cùng vô cực, thâm đại vô lượng, bất khả thắng ngôn***".
(Ân đức bố thí của Phật Vô Lượng Thọ khắp mười phương không cùng cực, sâu rộng không lường, không thể nói hết được).

Nếu nói đến ân đức thì ân đức lớn nhất chính là A-di-đà Phật. A-di-đà Phật chăm sóc chúng ta, quan tâm chúng ta, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn không gián đoạn. Chúng ta luôn được Ngài chăm sóc. Sự việc này, chúng ta thấy được trong phẩm A-xà-thế Vương Tử. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay tu tích công đức, cúng dường chư Phật, ngày nay thiện căn thành thục. Từ vô lượng kiếp đến nay đều do A-di-đà Phật chiếu cố. Nếu Phật không nói ra chân tướng sự thật này thì chúng ta làm sao biết được có một người như vậy đang ở đó quan tâm chúng ta, thương yêu bảo hộ chúng ta. Chúng ta đều không biết. Phẩm tiếp theo rất quan trọng.

BỒ TÁT TU TRÌ ĐỆ TAM THẬP
PHẨM BA MƯƠI: BỒ TÁT TU TRÌ

Trong phẩm này, rất nhiều chỗ đáng để chúng ta học tập. Đây là tình trạng "*tu trì*" của Bồ-tát cõi Cực Lạc. Từ phẩm hai mươi tám, hai mươi chín, cho đến phẩm ba mươi hai đều là nói rõ tình trạng đời sống của Bồ-tát nơi thế giới Cực Lạc, những công đức không thể nghĩ bàn của họ. Riêng phẩm kinh này giới thiệu họ tu hành như thế nào, cho nên rất là trọng yếu.

"***Phục thứ A-nan! Bỉ Phật sát trung nhất thiết Bồ-tát***".
(Lại này A-nan! Hết thảy Bồ-tát trong cõi Phật đó).

Đây là bao quát cả bốn độ, chín phẩm.

"***Thiền định, trí huệ, thần thông, oai đức, vô bất viên mãn***".
(Thiền định, trí huệ, thần thông, oai đức của hết thảy Bồ-tát kia không thứ gì chẳng viên mãn).

Chúng ta cho dù đới nghiệp vãng sanh, hạ hạ phẩm, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc [thì thiền định, trí huệ, thần thông, oai đức] đều viên mãn cả, đây là Phật lực gia trì, là A-di-đà Phật cho chúng ta.

"***Chư Phật mật tạng, cứu cánh minh liễu***".
(Họ đều rốt ráo sáng tỏ mật tạng của chư Phật).

"*Mật*" là thâm mật. Chư vị phải biết, trong Phật pháp không có bí mật, bí mật tức là sự việc không thể nói với người. Sự việc không thể nói với người có thể là việc tốt hay sao? Việc tốt làm sao lại không thể nói với người? Việc không thể nói với người không phải là việc tốt. Cho nên trong Phật Pháp không có bí mật, mật là thâm mật, rất sâu! Những người có trí huệ cạn thường không cách gì lý giải nổi, có giảng họ cũng không hiểu. "*Tạng*" tức là chứa ở bên trong, thâm mật của tất cả chư Phật là gì? Xin thưa cùng chư vị đồng tu! Đó tức là Kinh Vô Lượng Thọ, tức là sáu chữ hồng danh "Nam-mô A-di-đà Phật". Công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn, chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu rốt ráo, Đẳng Giác Bồ-tát nếu không được Phật gia trì thì không biết được. Vậy chúng ta sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều được A-di-đà Phật và tất cả chư Phật Như Lai gia trì, cho nên sẽ hiểu tường tận triệt để công đức danh hiệu và Kinh Vô Lượng Thọ.

"***Điều phục chư căn***".
(Điều phục các căn).

Chư căn là sáu căn. Điều phục các căn giống như Đại Thế Chí Bồ-tát nói: "*Đô nhiếp lục căn*" (nhiếp trọn sáu căn), nhiếp trọn chính là điều phục.

"***Thân tâm nhu nhuyễn, thâm nhập chánh huệ, vô phục dư tập***".
(Thân tâm nhu nhuyễn, thâm nhập chánh huệ, không còn sót các tập khí).

"*Tập*" là tập khí. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, Phật quang vừa chiếu, Phật nguyện vừa gia trì thì phiền não tập khí của chúng ta thảy đều tiêu mất, đều không còn khởi tác dụng nữa. Cho nên ở thế giới Tây Phương thành tựu nhanh chóng. Tất cả Bồ-tát này hiểu rõ rồi, không có vị Bồ-tát nào mà không mơ ước hâm mộ, người người đều muốn đến thế giới Cực Lạc, đều muốn đi gặp Đức Phật A-di-đà.

"***Y Phật sở hành, Thất Giác Thánh Đạo***".
(Nương theo Thất Giác, Thánh Đạo mà Đức Phật đã hành).

Đây là "Thất Bồ-Đề Phần, Bát Thánh Đạo" mà kinh A-di-đà nói.

"***Tu hành ngũ nhãn***".
(Tu ngũ nhãn).

Trong kinh Kim Cang nói Như Lai có ngũ nhãn.

"***Chiếu Chân, đạt Tục***".
(Rõ biết Chân Đế đạt cả Tục Đế).

"*Chiếu Chân*" tức là kiến tánh, minh tâm kiến tánh, "*đạt tục*" là thông đạt pháp tướng, họ hiểu rõ thập pháp giới y chánh trang nghiêm, như phía trước đã nói: "*đổng thị, triệt thính*" (thấy thấu suốt, nghe tường tận), đó là chỉ cho *đạt tục*.

"***Nhục nhãn giản trạch***".
(Nhục nhãn thì phân biệt, chọn lựa).

Là phân biệt, chọn lựa.

"***Thiên nhãn thông đạt, pháp nhãn thanh tịnh, huệ nhãn kiến chân, Phật nhãn cụ túc***".
(Thiên nhãn thấy thông suốt, pháp nhãn thấy biết thanh tịnh, huệ nhãn biết rõ chân không, Phật nhãn đầy đủ khả năng).

Ở đây đã nói ra tên của ngũ nhãn, tuy nhiên không thể nói kỹ, nếu nói kỹ thì chúng ta không đủ thời gian. Cho nên có rất nhiều chỗ không thể giảng kỹ nhưng nắm vững đại ý thì chúng ta sẽ được lợi ích. Chúng ta hiện nay không có đủ ngũ

nhãn, chỉ có nhục nhãn. Nhục nhãn thì phân biệt, chọn lựa, chúng ta có thể lựa chọn pháp môn Tịnh Độ, lựa chọn Kinh Vô Lượng Thọ, lựa chọn A-di-đà Phật, điều này thật phi thường, đây là đại trí huệ, không khác biệt với Văn-thù, Phổ Hiền, các Ngài cũng lựa chọn như vậy.

"***Giác liễu pháp tánh***".
(Biết rõ pháp tánh).

"*Giác*" là giác ngộ, hiểu rõ thể tánh của chư pháp.

"***Biện tài tổng trì, tự tại vô ngại. Thiện giải thế gian vô biên phương tiện***".
(Biện tài tổng trì tự tại vô ngại, hiểu rõ vô biên phương tiện thế gian).

Những gì Phật dạy, những gì Phật nói đều gọi là cửa phương tiện. Vì Phật khéo dùng phương tiện nên tất cả chúng sanh có thể khế nhập chân thật tướng. Khế nhập tức là chứng đắc, chứng đắc tướng chân thật, chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

"***Sở ngôn thành đế, thâm nhập nghĩa vị***".
(Nói lời thành khẩn, chân thật, hiểu sâu nghĩa lý).

Câu nói này rất quan trọng. Phật nói từng chữ từng câu đều là chân thành, chữ "*đế*" là "đế thật" (lời chân thật) nhất định không phải hư giả. Người thế gian không biết, xem đó là tôn giáo, xem đó là lời lừa gạt chúng sanh, đây là đại tội lỗi, "Phật nói lời chân thật". "*Thâm nhập nghĩa vị*", "*nghĩa*" là nghĩa lý, "*vị*" là pháp vị. Bên trong có ý vị vô cùng, không có cùng tận, Phật pháp đích thực là như vậy. Có người mới học Phật hỏi: "Tôi mới học Phật, phải học từ bộ kinh nào?". Là từ Kinh Vô Lượng Thọ.

Không sai! Học xong hai năm tôi lại học gì đây? Vẫn học Kinh Vô Lượng Thọ, học đến già vẫn học Kinh Vô Lượng Thọ, tương lai bạn thành Phật, thành Bồ-tát rồi vẫn còn học Kinh Vô Lượng Thọ, ý nghĩa không cùng tận! Bạn đọc tụng Kinh này từng biến, từng biến mùi vị đều khác nhau, cảnh giới từng năm đều khác nhau, đây tức là *ý vị*, thâm nhập ý vị thì mới có sức mạnh này.

"***Độ chư hữu tình, diễn thuyết chánh pháp***".
(Cứu độ các hữu tình, diễn nói chánh pháp).

"*Độ*" là giúp đỡ tất cả chúng sanh hữu tình. Độ ngày nay gọi là giúp đỡ mọi người. "*Diễn thuyết chánh pháp*", "*diễn*" là biểu diễn, là làm cho mọi người xem, người ta mới tin được. "*Thuyết*" là nói rõ, Phật pháp không phải chỉ nói trên đầu

môi, chỉ niệm, cách đó không có lợi ích, mà phải làm được. Dốc sức làm, cũng tức là bảo chúng ta ngày nay học Tịnh Độ. Chúng ta nương nơi Kinh Vô Lượng Thọ, phải đem đạo lý của Kinh Vô Lượng Thọ biến thành tư tưởng kiến giải của chúng ta, đem lời giáo huấn của Kinh Vô Lượng Thọ biến thành hành vi trong cuộc sống của chúng ta. Chúng ta biểu diễn bộ kinh này trong cuộc sống hằng ngày, đều làm được, đây gọi là *diễn***.** Sau khi làm xong, bạn nhất định là người vui sướng, hạnh phúc không gì sánh bằng trên thế gian này, kẻ khác nhìn thấy hâm mộ: "Sao bạn vui sướng, hạnh phúc như vậy?" Bạn hãy nói với họ, đó gọi là diễn thuyết, sau đó khuyên họ thì họ đương nhiên tiếp nhận, họ sẽ tin tưởng. Nếu bạn học Phật, học đến suốt ngày mặt mày ủ dột, khổ quá chừng, người ta vừa trông thấy, "không nên học Phật nữa. Bạn xem! Người kia học Phật như vậy…" Bạn còn có thể diễn thuyết, còn có thể khuyên người được sao? Cho nên chính mình nhất định phải vô cùng vui sướng, vô cùng viên mãn! Bạn xem tướng mạo của Thích-ca Mâu-ni Phật, Bồ-tát viên mãn biết mấy, khiến người hâm mộ biết mấy! Người ta vừa nhìn sẽ hỏi tướng mạo của Ngài sao tốt đẹp như vậy? Phật có thể nói với họ: "Tướng là quả báo, phải tu nhân, nhân tốt thì quả tốt", họ liền tin tưởng. Nếu tướng mạo của chư Phật Bồ-tát xấu như ma lem thì làm sao độ chúng sanh. Cho nên "*diễn*" rất quan trọng. Chúng ta đọc kinh thường thấy diễn thuyết mà không hiểu rõ ý nghĩa của chữ "*diễn*", "*diễn*" tức là làm được, làm cho người ta xem, *diễn thuyết chánh pháp***.**

"***Vô tướng vô vi, vô phược vô thoát***".

(Vô tướng, vô vi, không trói buộc, không giải thoát).

Chữ "*vô*" này là không chấp trước. "*Tướng*" có hay không? "*Tướng*" đương nhiên là có. "*Vi*" là tạo tác. Phật, Bồ-tát mỗi ngày vì chúng sanh mà giảng kinh thuyết pháp, đó cũng là "*vi*". Họ cũng làm việc nhưng không chấp trước. Làm mà không làm, không làm mà làm, tâm địa thanh tịnh, không nhiễm một hạt bụi, tùy duyên mà làm, đây tức là "*vô tướng vô vi*", không trước tướng. "*Vô phược vô thoát*", chữ "*phược*" này là phiền não. "*Thoát*" là giải thoát, tâm địa của bạn thanh tịnh, không phân biệt chấp trước thì làm sao có phiền não, thì làm gì có giải thoát? "*Phược*" và "*thoát*" là đối lập, một bên không có thì bên kia đương nhiên cũng không có, giải thoát vậy.

"***Vô chư phân biệt, viễn ly điên đảo***".

(Không có các loại phân biệt, xa lìa điên đảo).

Bốn điều phía trước, "*vô tướng vô vi, vô phược vô thoát*", hai chữ là một câu, là từ trên cảnh giới mà nói. Hai điều này, "*vô chư phân biệt, viễn ly điên đảo*", là từ trên công phu, từ trên tu hành mà nói. Bạn tu hạnh này, dùng công phu này thì sẽ đạt được cảnh giới phía trước. Đó là cảnh giới của chư Phật và đại Bồ-tát, là tổng cương lĩnh tu hành của Bồ-tát, Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc đều dùng cương lĩnh này.

"***Ư sở thọ dụng***".
(Với những thứ thọ dụng).

Điều này chúng ta quay đầu lại, trong sinh hoạt thực tế, dùng lời hiện nay mà nói là áp dụng vào trong cuộc sống hiện thực của chúng ta, đối với tất cả thọ dụng, vẫn có thọ dụng.

"***Giai vô nhiếp thủ***".
(Đều không chấp trước).

Chữ "*nhiếp thủ*" này là trong tâm không chấp trước, trong tâm sạch sẽ thanh tịnh, trên tất cả sự tướng có hay không? Có! Tất cả đều có, một thứ cũng không thiếu, nhưng trong tâm không chấp trước. Thọ dụng tốt không tham ái, thọ dụng không tốt vẫn không chê bỏ. Thực tế mà nói, tốt hay xấu là từ trong tâm phân biệt mới có, lìa xa tất cả phân biệt thì làm gì có tốt xấu? Không có. Chúng ta đều có tâm phân biệt: "cái này tốt cái kia xấu". Bạn xem, trẻ nhỏ mấy tháng tuổi, trẻ khoảng năm, sáu tháng vẫn chưa có phân biệt, vẫn chưa có chấp trước. Bạn cho nó cục kẹo ăn, nó cười. Bạn cho cục phân ăn, nó cũng cười, chính là cảnh giới này, vì nó không có phân biệt, tâm nó là bình đẳng, không có tốt xấu. Bạn từ đây mà quan sát. Chúng ta ngày nay bị ô nhiễm rồi, khởi tâm phân biệt chấp trước. Trong Bồ-tát hạnh có một điều gọi là "*Anh Nhi Hạnh* (hạnh của trẻ hài nhi)", học trẻ nhỏ không phân biệt, không chấp trước thì người đó vui biết mấy! Trong tâm không có ưu tư, không có lo lắng, không có khủng bố, không có chi cả. Là chân khoái lạc, chân hạnh phúc. Cho nên con người nói hiểu chuyện. Hiểu chuyện gì chứ? Khổ, chịu khổ, chịu nạn, vừa hiểu chuyện là bắt đầu chịu khổ, chịu nạn rồi thật đáng thương! Nào phải hạnh phúc chứ!

"***Biến du Phật sát, vô ái vô yếm***".
(Dạo khắp cõi Phật không ưa, không chán).

Trong tất cả thế giới của chư Phật có tịnh độ, có uế độ. Trong tịnh độ không có tâm yêu thích, luyến tiếc. Trong uế độ, như tam ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc

sanh… vào trong đó cũng không chán bỏ, tâm là bình đẳng. Những chúng sanh trong địa ngục kia đang chịu khổ, Bồ-tát vào đó nhưng không chịu khổ. Họ tại sao không thọ khổ? Nếu họ có phân biệt chấp trước thì họ thọ khổ, họ không có phân biệt chấp trước thì họ không thọ khổ. Họ ở trong đó chịu cái khổ ấy là gì? Đó là biểu diễn, là đồng tình với những kẻ khổ nạn kia. Hình như các bạn khổ, tôi cũng giống các bạn, đó là giả không phải thật.

"***Diệc vô hy cầu, bất hy cầu tưởng***".
(Cũng không có ý tưởng mong cầu hay không mong cầu).

Con người có hy vọng thì có thất vọng, đây là nhất định. Nếu bạn vĩnh viễn không có hy vọng thì không có thất vọng, đó là chính xác. Cho nên chúng ta đối với thế xuất thế gian pháp, không mong cầu, một thứ cũng không cầu, việc gì cũng đều tùy duyên, tùy phận.

Hôm nay, tôi đã điện thoại cho Hội Gây Quỹ Đài Bắc, cư sĩ Giản Phong Văn than nghèo với tôi, nói: "Hiện nay hội gây quỹ của tôi rất nghèo, không thể in kinh". Tôi liền nói với ông: "Sao ông không giữ lấy nguyên tắc: tiền nhiều in nhiều, tiền ít in ít, không tiền không in, vui sướng biết mấy". Không cần mong cầu mà. "Tôi nhất định phải in bao nhiêu?" vậy thì khổ chết. Học Phật là phải học khai ngộ, là phải học vui vẻ.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 19

"***Diệc vô bỉ ngã, vi oán chi tưởng. Hà dĩ cố? Bỉ chư Bồ-tát, ư nhất thiết chúng sanh, hữu đại từ bi lợi ích tâm cố***".

(Cũng không có ý tưởng ta, người, oán hận. Vì sao vậy? Các vị Bồ-tát đó đối với hết thảy chúng sanh có tâm đại từ bi lợi ích).

Những đoạn Kinh văn này đều là nguyên tắc tu hành của chư Bồ-tát ở thế giới Tây Phương. Chúng ta nên học tập, cho dù chúng ta làm không nổi nhưng cũng phải biết chân tướng sự thật này. Tâm phải thường nghĩ đến, có thể làm được bao nhiêu thì làm bấy nhiêu, tận tâm tận lực đi làm, như vậy là tương ưng. Đoạn này nói làm lợi ích cho chúng sanh. Phía trước là thuộc về *tự lợi*, chỗ này là thuộc về *lợi tha*. Trong *lợi tha*, quan trọng nhất là tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh và tâm đại từ bi. Cho nên Phật nói với chúng ta "*diệc vô bỉ ngã*" (cũng không có ý tưởng ta, người), đây là bình đẳng trên nhân sự, không phân ta-người, chúng sanh và Phật là một thể, tự tha không hai. Đây là nguyên tắc vô cùng quan trọng để làm lợi ích cho chúng sanh.

"*Vi oán*", chúng ta thường nói "thích ác", không đề cập đến "thích", chỉ nói chữ "ác", "*vi*" là trái ngược với thường tình thường lý, "*oán*" là không những trái ngược mà còn oán hại, thậm chí là oán hận. Khi gặp cảnh giới bất như ý, rất dễ sanh khởi những ý niệm này, những ý niệm này đều là phiền não tập khí từ vô thủy đến nay, cảnh giới bên ngoài vừa hiện tiền thì tập khí này liền bị nó dẫn dụ ra. Nói "*diệc vô*"(cũng không), do đây có thể biết định công của Bồ-tát rất sâu, không bị ngoại cảnh làm cho lay động, định công của Bồ-tát sâu, công phu sâu, trí huệ của Bồ-tát sâu rộng, nhìn tất cả chúng sanh vô cùng thấu triệt. Từ trên tự tánh mà xem, tất cả chúng sanh đều là bình đẳng, đều là thiện lương, chỉ là từ vô thủy kiếp đến nay bị mê tà nhiễm nên họ biến thành nông nỗi này. Giống như một người tỉnh táo, một người rất có lý trí, một người rất có tâm yêu thương, ở chung với một đám người say rượu. Kẻ say rượu kia buông lời bậy bạ, thậm chí động tay động chân, một chút lễ độ cũng không có. Người tỉnh táo này [nói]: "họ vốn rất tốt, rất dễ thương, uống say rồi, say rồi thì có thể tha thứ cho họ". Bồ-tát nhìn chúng sanh chúng ta mê hoặc điên đảo, giống như dáng điệu của kẻ say bí tỉ, nghiêng ngả xiêu vẹo. Bồ-tát tỉnh táo, họ có trí huệ rất sâu, tuyệt đối không trách cứ những chúng sanh này. Chúng sanh làm sao có thể không làm việc ác được chứ? Nếu họ không làm việc ác thì họ sớm thành Bồ-tát, thành Phật rồi. Chỉ vì tập khí xấu rất nặng, lúc nào cũng có ác niệm, lúc nào cũng có hành vi ác, Phật

Bồ-tát nhất định không trách cứ, tâm họ tịnh, họ bình đẳng. "*Hà dĩ cố?*", tại sao Bồ-tát không trách cứ những chúng sanh *oán hận* này,

"*Bỉ chư Bồ-tát, ư nhất thiết chúng sanh, hữu đại từ bi lợi ích tâm cố*" (các vị Bồ-tát đó đối với hết thảy chúng sanh có tâm đại từ bi lợi ích). Đây là nói ra nguyên nhân, những Bồ-tát này đại từ bi. Từ bi thêm chữ *đại*, tức là từ bi bình đẳng, từ bi không có phân biệt, không có chấp trước gọi là đại từ bi. Người thế gian chúng ta cũng có từ bi, Phật Pháp gọi đó là "ái duyên từ bi". Tôi yêu thích họ, đối với họ rất từ bi, không thích họ không thương họ thì không từ bi, đây gọi là ái duyên từ bi. Không sánh được với Phật và đại Bồ-tát, họ là "vô duyên từ bi". "Vô duyên" là không có điều kiện, từ bi không có điều kiện là đại từ bi. Không những đại từ bi mà còn "*hữu lợi ích tâm cố*", khiến tất cả chúng sanh được lợi ích chân thật. Những Bồ-tát này thường giữ tâm như vậy, luôn hy vọng chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh được lợi ích chân thật.

"***Xả ly nhất thiết chấp trước, thành tựu vô lượng công đức***".
(Lìa bỏ hết thảy chấp trước, thành tựu vô lượng công đức).

Chúng ta thường gọi đó là phá chấp trước. "*Chấp trước*" có hai loại: nhân ngã chấp, pháp ngã chấp, chấp trước là gốc rễ của phiền não. Phật trong kinh Hoa Nghiêm nói: "*Tất cả chúng sanh chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc*", chữ "chứng đắc" này là không thể thành Phật. Nếu lìa xa, xả bỏ được nhân ngã chấp thì sẽ đoạn được kiến tư phiền não. Nói cách khác là vượt khỏi luân hồi tam giới rồi. Do đây có thể biết, hễ bạn có nhân ngã chấp trước thì bạn không ra khỏi lục đạo luân hồi được. Chúng ta thường nói: "có **tôi**, có **họ**, có **bạn**". Bạn hễ có quan niệm này, không đoạn ý niệm này thì bạn không ra khỏi luân hồi được. Đến một ngày nào đó **tôi, bạn, họ** không còn nữa thì chứng A-la-hán, thì ra khỏi tam giới. Đến ngày ấy bạn có thể nói **tôi, bạn, họ** không còn nữa, ngã chấp phá rồi. Câu này là phá ngã chấp "*xả lìa tất cả chấp trước, thành tựu vô lượng công đức*". Con người cần phải đến chỗ vô ngã thì cái tâm đó là đại công vô tư, không có lòng riêng tư. Con người có ngã, bạn bảo họ không có lòng riêng tư là việc không thể. Có ngã thì có lòng riêng tư, vô ngã mới không có lòng riêng tư. Từ A-la-hán trở lên không có lòng riêng tư, trước khi chứng A-la-hán đều có lòng riêng tư, chỉ là mức độ của lòng riêng tư này khác nhau mà thôi. Chấp trước cạn sâu khác nhau, nhất định là có lòng riêng tư. Bồ-tát ở cõi Cực Lạc không có. Vậy những người đới nghiệp vãng sanh như chúng ta có hay không? Thực tế mà nói, chúng ta một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, đến bên đó rồi thì sẽ không có nữa. Tại sao không có? Nhờ bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì. Nếu không

được bổn nguyện của Phật gia trì thì chúng ta vẫn có, điều này thật sự không thể nghĩ bàn.

"***Dĩ vô ngại huệ, giải pháp như như. Thiện tri Tập Diệt âm thanh phương tiện, bất hân thế ngữ, nhạo tại chánh luận***".

(Dùng trí huệ không chướng ngại thấu rõ các pháp là như như. Khéo biết âm thanh phương tiện giảng giải về Tứ Đế, không thích nói chuyện thế gian, thích luận chánh pháp).

Đây là y theo trí huệ vô chướng ngại. "*Giải pháp như như*", là pháp chấp cũng phá rồi, phía trước là phá ngã chấp, câu này là phá pháp chấp. Pháp chấp phá xong thì thành Phật. Nếu chúng ta hạ thấp tiêu chuẩn này xuống, hạ đến thấp nhất, thì cũng là Đẳng Giác Bồ-tát và Pháp Vân Địa Bồ-tát. "*Giải pháp như như*", pháp là chỉ cho tất cả vạn pháp, "*pháp tướng như kỳ pháp tánh, pháp tánh như kỳ pháp tướng, tánh tướng nhất như*" (pháp tướng như pháp tánh, pháp tánh cũng như pháp tướng, tánh tướng nhất như). Hai chữ "*như*", một chữ là từ trên tánh mà nói, một chữ là từ trên tướng mà nói, tánh tướng như như. Nếu đối với cách nói này vẫn rất khó lĩnh hội thì Cổ Đức có một tỉ dụ, đem vàng và đồ dùng để làm tỉ dụ.

Vàng ví làm tánh, đồ dùng ví làm tướng, đồ dùng chính là dụng cụ. Dùng kim khí, dùng vàng để làm vòng đeo tay, hoặc làm dây chuyền, hoặc làm cái ly, cái chén… đều là bằng vàng. Tướng không giống nhau, tướng thì hoàn toàn khác nhau. Còn thể của nó là một thứ, đều là bằng vàng ròng làm ra. Vậy thì chúng ta có thể nói vàng tức là đồ dùng, đồ dùng tức là vàng, vàng và đồ dùng là một, không phải hai, cách này dễ hiểu. Lấy vàng làm đồ dùng, cái nào cũng đều là vàng, cách tỉ dụ này thì bạn có thể hiểu được. Bạn dần dần lĩnh hội lời Phật nói: "Vũ trụ nhân sinh sâm la vạn tượng (sâm la vạn tượng: Muôn tượng la liệt trong vũ trụ giống như cây cối trong rừng mọc um tùm) từ đâu mà có?" Đều là từ tự tánh biến hiện ra. Cái tánh này ví như vàng, còn sâm la vạn tượng thì ví như đồ dùng. Tánh tức là tướng, tướng tức là tánh, tánh tướng nhất như, tánh tướng bất nhị. Họ đã hiểu rõ rồi thì tâm của họ được đại tự tại, tự tại gì vậy? Ở trong tất cả vạn pháp sẽ không còn phân biệt chấp trước nữa. Họ hiểu được vạn pháp bình đẳng, vạn pháp nhất như, đây là phá pháp chấp rồi, đây tức là cảnh giới của đại Bồ-tát.

"*Thiện tri Tập Diệt âm thanh phương tiện*", đây hoàn toàn là từ trên ngôn ngữ mà nói. Trong ngôn ngữ của chúng ta bao gồm nghị luận. Nghị luận này cũng

nói rõ tư tưởng, kiến giải của tất cả chúng sanh. "*Thiện tri*", chữ "*thiện*" này rất tuyệt diệu! "*Thiện*" có nghĩa là gì? Là có không bất nhị. Có tức là không. Không tức là có. Từ trên thể mà nói là không, từ trên tướng mà nói là có. Tánh tướng đã là nhất như thì sự lý đương nhiên không có chướng ngại. Không những sự lý không có chướng ngại mà sự sự đều vô ngại. Đây là thật. Đích thật là sự sự vô ngại. Tất cả chướng ngại từ đâu sinh ra? Đều là từ vọng tưởng chấp trước sanh ra, lìa khỏi tất cả vọng tưởng chấp trước thì vô ngại rồi, nhập vào pháp giới vô chướng ngại rồi. Cho nên cần phải "*thiện tri*"(khéo biết), triệt để hiểu rõ những sự lý nhân quả này thì gọi là thiện tri.

"*Bất hân thế ngữ, nhạo tại chánh luận*" (không thích nói chuyện thế gian, thích luận chánh pháp), chữ "*thiện*" đó hiển thị tại chỗ này, tất cả bình đẳng rồi thì còn có gì mà ưa thích hay không ưa thích nữa! Đương nhiên là không có. Tuy nhiên họ có, tại sao họ lại có? Vì "*Hữu đại từ bi lợi ích tâm cố* (có tâm đại từ bi lợi ích)". Ở nơi họ thì không có, họ thanh tịnh bình đẳng, nhưng vô số chúng sanh mê hoặc điên đảo, khổ sở, cho nên phải chỉ dạy chúng sanh làm thế nào lìa khổ được vui. Từ thế gian pháp mà nói, tức là từ trên hiện tượng mà nói, những thứ nghị luận của thế gian là "*bất hân*" tức là không ưa thích, ưa thích cái gì? Ưa thích chánh luận, chánh luận tức là chánh pháp. Lời dạy bảo của chư Phật Bồ-tát đối với chúng ta là chánh luận. Tiêu chuẩn của tà chánh ở chỗ nào? Chánh pháp là tương ưng với tánh, tà pháp trái ngược với tự tánh, đây là tiêu chuẩn tuyệt đối. Chúng ta lĩnh hội được điểm này mới biết được Thế Tôn nói pháp bốn mươi chín năm là có tiêu chuẩn, không phải là nói tùy tiện, đích thực giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Mê là trái ngược với tự tánh, ngộ là tương ưng với tự tánh.

"***Tri nhất thiết pháp, tất giai không tịch, sanh thân phiền não, nhị dư câu tận***".

(Biết tất cả pháp đều là không tịch. Nhị dư: sanh thân và phiền não cùng hết sạch).

"*Dư*", là tập khí, dư tập. Cả thảy đều đoạn được sạch sẽ rốt ráo! "*Sanh thân phiền não*" tức là sanh tử phiền não. Biết được tất cả pháp "*giai tất không tịch*" (đều là không tịch). Không những thể là không tịch, thực tế tướng cũng không tịch. Chỉ vì chúng ta bị vọng tưởng chấp trước chướng ngại nghiêm trọng, nên không thấy được chân tướng. Chư Phật Bồ-tát tâm địa thanh tịnh, nên tướng chân thật này [đều] bày ở trước mặt họ, thật sự là không tịch, tướng cũng là không tịch, cho nên mới là lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Tướng nếu không là không thì đương nhiên có chướng ngại, tướng là không. Điều này rất khó hiểu, không hiểu cũng

không sao, không quan trọng, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc hiểu là được rồi. Bây giờ chúng ta lão thật niệm Phật là được, bây giờ có thể hiểu thì càng tốt, không hiểu cũng không trở ngại việc vãng sanh, điều này chư vị phải biết.

"***Ư tam giới trung, bình đẳng cần tu cứu cánh Nhất Thừa***".
(Ở trong ba cõi bình đẳng siêng tu cứu cánh Nhất Thừa).

Đây là nét đặc biệt trong sự tu hành của Tịnh Tông. Tam giới gồm Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Tam giới cực kỳ không bình đẳng, khác biệt vô cùng lớn. Bồ-tát ở trong đó có thể thị hiện tu học bình đẳng, có thể chỉ dạy tất cả chúng sanh tu hành bình đẳng. "*Cứu cánh Nhất Thừa*" tức là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

"***Chí ư bỉ ngạn***".
(Đạt đến bờ kia).

"*Bỉ ngạn*" là thành Phật, tu hành pháp môn này nhất định một đời viên mãn thành Phật.

"***Quyết đoạn nghi võng, chứng vô sở đắc***".
(Quyết dứt lưới nghi, chứng vô sở đắc).

Hai câu này là thành tựu trí huệ Bát-nhã cứu cánh viên mãn. Thế Tôn xuất hiện ở thế gian vì chúng ta mà giảng kinh thuyết pháp, giảng Bát-nhã trong hai mươi hai năm. Trong đại tạng kinh mà chúng ta hiện nay giữ lại, bộ kinh lớn nhất là Kinh Đại Bát-nhã, có đến sáu trăm quyển, sáu trăm quyển Đại Bát-nhã nói những gì? Trong Tâm Kinh nói "*vô trí diệc vô đắc*", Thế Tôn đã giảng năm chữ này hết hai mươi hai năm, sáu trăm quyển Đại Bát-nhã là nói cái này, "*vô trí, vô đắc*". "*Quyết đoạn nghi võng, chứng vô sở đắc*", chứng đắc trí huệ Bát-nhã viên mãn, đối với điều này không còn hoài nghi nữa.

"***Dĩ phương tiện trí tăng trưởng liễu tri***".
(Dùng phương tiện trí để tăng trưởng hiểu biết).

Chữ "*dĩ phương tiện trí*" là dụng. Chữ "*vô sở đắc*" phía trước là căn bản trí, là trí huệ chân thật. "*Phương tiện trí*" là dùng để giáo hóa chúng sanh, là dùng cho người khác. Còn căn bản trí, thật trí là tự thọ dụng, tự mình thọ dụng, giáo hóa chúng sanh. "*Tăng trưởng liễu tri*", "*liễu tri*" là hậu đắc trí, tức là "*vô sở bất tri* (không gì không biết)". "*Vô sở đắc*" phía trước là Bát-nhã vô tri, khi nó khởi tác dụng thì là "*vô sở bất tri*".

"***Tùng bổn dĩ lai, an trụ thần thông, đắc Nhất Thừa đạo, bất do tha ngộ***".

(Từ xưa đến nay an trụ trong thần thông, đắc đạo Nhất Thừa, chẳng do cái gì khác mà khai ngộ).

"*Bổn*", là nguyên bổn, căn bổn. "*Tùng bổn dĩ lai, an trụ thần thông*", năng lực này của Bồ-tát ở cõi Cực Lạc đều do oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì. Bổn nguyện tức là bốn mươi tám nguyện, trong bốn mươi tám nguyện, bất cứ một nguyện nào cũng đều hàm nhiếp bốn mươi bảy nguyện kia, nguyện nguyện viên dung. Cho nên sức mạnh này không thể nghĩ bàn. "*Đắc Nhất Thừa đạo, bất do tha ngộ*", Pháp môn này của chúng ta, Pháp Tạng Tỳ-kheo vừa mới mở đầu liền biểu hiện toàn nhờ vào Phật lực. Hoàn toàn nhờ vào Di-đà nguyện lực gia trì cho chúng ta, khiến chúng ta trên đường Bồ-đề, trong thời gian cực ngắn, viên mãn thành tựu.

Phẩm tiếp theo cũng rất quan trọng, tiếp tục thuyết minh diệu hạnh tự lợi, lợi tha.

CHÂN THẬT CÔNG ĐỨC ĐỆ TAM THẬP NHẤT
PHẨM BA MƯƠI MỐT: CÔNG ĐỨC CHÂN THẬT

Đây đều là nói về tình trạng của thế giới Cực Lạc, nói cách khác, có quan hệ mật thiết với chúng ta, nguyện vọng của chúng ta là hy vọng có thể nhanh chóng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc.

"***Kỳ trí hoằng thâm, thí như cự hải (1). Bồ-đề cao quảng, dụ nhược Tu-di (2)***".

(Trí huệ họ sâu rộng như biển cả. Bồ-đề cao rộng như Tu-di).

Ở đây tổng cộng có mười lăm tỉ dụ. Trước tiên từ trên tỉ dụ để nói ra trí huệ, đức năng của Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Câu thứ nhất nói trí huệ của họ sâu rộng giống như biển cả. Kỳ thật nếu so sánh biển cả với trí huệ của Bồ-tát thì biển cả kém rất xa. Phàm là tỉ dụ, thì chỉ có thể tỉ dụ một cách tương tự, không có cách gì ví được vừa đúng. Chỉ so sánh được một cách tương tự, khiến chúng ta từ chỗ này mà lĩnh hội. "*Bồ-đề*" là giác ngộ, giác ngộ tất cả, không có thứ nào không giác. Không giác là mê. Tại sao họ giác ngộ cao độ như vậy? Điều thứ nhất, trí huệ quả thật là căn bản, không có trí huệ thì bạn làm sao không mê. Tại sao mê? Vì không có trí huệ, trí huệ được đặt ở câu đầu tiên rất có đạo lý. Những phần sau đều phải nhờ vào trí huệ, không có trí huệ thì không làm được. Cho nên giác ngộ của họ cao rộng. "*Dụ nhược Tu-di*" là

giống như núi Tu-di. Núi Tu-di, Phật nói là ngọn núi cao nhất trên thế giới này của chúng ta. Tu-di là tiếng Phạn, ý nghĩa là diệu cao, "diệu" là do các thứ báu tạo thành, đây là núi báu cao vô cùng.

"Tự thân oai quang, siêu ư nhật nguyệt" (3).

(Oai quang nơi thân vượt xa nhật nguyệt).

Trên thân Bồ-tát đều có ánh sáng, ở phía trước chúng ta đã đọc qua, ánh sáng của họ sáng hơn nhật nguyệt, đây là hiển thị ra đức cao.

"Kỳ tâm khiết bạch, do như tuyết sơn" (4).

(Tâm trong trắng như tuyết sơn).

Thế Tôn thường lấy tuyết sơn làm ví dụ, đó chính là núi Hy Mã Lạp Sơn quanh năm tuyết phủ, tuyết không tan chảy. Chúng ta nhìn thấy một màn trắng xóa, trông rất sạch sẽ, dùng cái này để tỉ dụ cho tâm của Bồ-tát thanh tịnh, mảy trần không nhiễm. Giống như Lục Tổ nói: "*Bổn lai vô nhất vật* (xưa nay không có một vật)".

"Nhẫn nhục như địa, nhất thiết bình đẳng" (5).

(Nhẫn nhục như đất, hết thảy bình đẳng).

Những chỗ này chúng ta thảy đều phải học tập. Chư Phật Bồ-tát đều có thể "*nhẫn*", thì chúng ta tại sao không thể "nhẫn"? "*Nhẫn nhục*" thì phải học đại địa. Bạn xem đại địa, đem nước hoa đổ lên nó, nó cũng không cảm thấy bạn đối với tôi rất tốt, ngày ngày đổ nước hoa cho tôi. Bạn mỗi ngày đem phân đổ lên nó, nó cũng không chê bỏ, nó cũng không nói ngươi thật đáng ghét, ngày ngày khinh rẻ ta. Cả thảy đều có thể nhẫn được. Chúng ta phải nhẫn nhục như đại địa vậy, chẳng có thứ gì không thể bao dung, chẳng có thứ gì không thể nhẫn chịu, hết thảy bình đẳng.

"Thanh tịnh như thủy, tẩy chư trần cấu" (6).

(Thanh tịnh như nước, rửa sạch trần cấu).

Đây là nói tâm địa *thanh tịnh*, phải tu hạnh thanh tịnh, đem ô nhiễm của chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay tẩy rửa cho sạch sẽ. Phật trong kinh này dạy chúng ta "*sái tâm dịch hạnh* (rửa lòng, đổi hạnh)".

"Xí thạnh như hỏa, thiêu phiền não tân" (7).

(Hừng hực như lửa, đốt củi phiền não).

"*Hỏa*" là tỉ dụ cho trí huệ. Trí huệ phải thường hiện tiền, trí huệ hiện tiền thì có thể diệt phiền não. Phiền não giống như "củi", lửa vừa đốt thì thiêu rụi củi. Ví phiền não như củi, ví trí huệ như lửa. Dùng trí huệ mới thật sự diệt được phiền não. Định không thể diệt được phiền não, định là phục phiền não. "Nhẫn, định" là phục phiền não, không thể diệt phiền não. **Huệ** khai mở rồi thì phiền não không còn nữa, hiểu rõ chân tướng sự thật rồi thì sẽ không sanh phiền não nữa.

"Bất trước như phong, vô chư chướng ngại" (8).
(Không chấp trước như gió, không có chướng ngại).

"*Bất trước*" tức là không trước tướng, "*trong không trước tướng của thân tâm, ngoài không trước tướng của chư pháp*". Vậy thì tự tại, không có chướng ngại rồi. Tất cả chướng ngại đều từ chấp trước mà sinh ra. Bạn "*trước*" thì có chướng ngại, không "*trước*" thì không có chướng ngại. Cho nên không "*trước*" giống như gió vậy. Gió vừa "*trước*" thì không còn nữa, gió đã ngưng rồi, dính mắc rồi, dùng điều này để làm tỉ dụ.

"Pháp âm lôi chấn, giác vị giác cố" (9).
(Pháp âm như sấm vang, thức tỉnh kẻ chưa giác).

Đây là nói Bồ-tát giáo hóa chúng sanh, âm thanh thuyết pháp giống như tiếng sấm, nghe rất xa, cảnh giác những kẻ chưa giác ngộ.

"Vũ cam lồ pháp, nhuận chúng sanh cố" (10).
(Mưa pháp cam lồ để thấm nhuần chúng sanh).

Nước mưa từ trên trời rơi xuống, cây cối cỏ hoa đều được thấm nhuần. Đây là tỉ dụ cho Phật pháp, Phật pháp có thể làm tươi nhuần thiện căn của tất cả chúng sanh.

"Khoáng nhược hư không, đại từ đẳng cố" (11).
(Thênh thang như hư không vì đại từ bình đẳng).

Chữ "*khoáng*" này là hình dung tâm lượng lớn như hư không, đối với tất cả chúng sanh là từ bi bình đẳng, đại từ bi.

"Như tịnh liên hoa, ly nhiễm ô cố" (12).
(Thanh tịnh như hoa sen, lìa xa ô nhiễm).

Phật môn dùng hoa sen để biểu pháp, sen mọc từ bùn nhơ mà không bị ô nhiễm. Bùn nhơ là tỉ dụ cho hoàn cảnh của lục đạo, chúng ta có thể ở trong lục đạo mà không nhiễm các thứ tập khí trong lục đạo, giống như hoa sen lìa ô nhiễm.

"Như Ni-câu thụ, phú ấm đại cố" (13).

(Như cây Ni-câu tỏa bóng che rộng rãi).

Chữ "*Ni-câu*" là tiếng Phạn, là một loại cây lớn ở Ấn độ, bóng cây này rất rộng lớn, ngồi dưới cây này rất mát. Thời xưa phiên dịch thành cây vô kết, có lẽ cây này mọc rất cao rất lớn, rất ít cành nhánh. Ví dụ này là nói lấy Phật Pháp Đại Thừa để che mát, làm lợi ích cho chúng sanh rộng lớn, đặc biệt là chỉ cho Pháp môn niệm Phật của Tịnh Tông. Chín giới hữu tình chúng sanh có duyên tiếp xúc đến đều được lợi ích thù thắng. Nếu tin được, nguyện được, hành được thì đều là một đời Bất Thoái thành Phật, quả thật như một bóng cây khổng lồ vậy.

"Như kim cang xử, phá tà chấp cố" (14).

(Như chùy kim cang phá tan tà chấp).

Đây cũng là tỉ dụ, như kim cang lực sĩ trên tay cầm chùy kim cang. Vào thời xưa, loại vũ khí này là bén nhọn nhất, tất cả khí giới đụng đến nó đều bị hư hoại, không có vật gì có thể làm hư hoại chùy kim cang. Chùy kim cang tỉ dụ cho vũ khí bén nhọn nhất, có thể phá tà chấp.

"Như Thiết-vi sơn, chúng ma ngoại đạo bất năng động cố" (15).

(Như núi Thiết-vi, tà ma ngoại đạo không lay động được).

Đây là tỉ dụ tín tâm, nguyện tâm kiên định. Tất cả tà ma ngoại đạo, tất cả tri kiến đều không thể lay động, người này nhất định vãng sanh Tịnh Độ.

Mười lăm câu phía trên đều là tỉ dụ, chúng ta từ những tỉ dụ này để lĩnh hội đức năng của Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Trí huệ đức năng vô cùng quảng đại. Chúng ta sanh đến thế giới Tây Phương đều như vậy, đây đều là được Phật lực gia trì.

"***Kỳ tâm chánh trực, thiện xảo quyết định, luận pháp vô yếm***".

(Tâm họ chánh trực, khéo giỏi quyết định, luận pháp không chán).

Dưới đây là nói rõ đức lớn hoằng pháp lợi sanh của Bồ-tát. "*Tâm chánh trực*", chân thành đến chỗ cùng cực. Đây là tâm Bồ-tát, Bồ-tát Mã Minh trong Khởi Tín Luận nói: "Trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm". "Trực tâm" là thể của tâm Bồ-đề. Thế Tôn trong Quán Kinh nói "chí thành tâm". Cho nên "*chánh trực*", chính là chí thành, chân thành đến chỗ cùng cực. "*Thiện xảo quyết định*", đây là trí huệ, quán cơ, ứng cơ mà thuyết pháp. Người này căn cơ gì thì nói cho họ pháp đó, từ từ dẫn dắt họ vào Tịnh Độ. Cho nên ngàn kinh muôn luận, thảy đều có cùng

chỗ quy nhất, đến sau cùng nhất định quy nhất về Tịnh Độ. "*Luận pháp vô yếm*", đây là giác tha, là giảng kinh thuyết pháp cho tất cả chúng sanh, cùng mọi người thảo luận không mỏi không mệt không chán.

"***Cầu pháp bất quyện***".
(Cầu pháp không mỏi mệt).

Đây là tự tánh, Bồ-tát không ngừng đi cầu pháp. Thực tế giáo hóa chúng sanh cũng là đang cầu pháp. Cổ nhân thường nói "*giáo học tương trưởng*" (dạy và học trợ giúp lẫn nhau), đặc biệt là trong lúc vấn đáp, có rất nhiều vấn đề tự chúng ta không nghĩ đến, có người vừa hỏi thì chúng ta hiểu rõ ngay, thì trí huệ liền hiện tiền. Bởi thế nên "**Bồ-tát không độ chúng sanh thì không thể viên thành Phật đạo**". Tại sao vậy? Vì trí huệ không thể viên mãn, nhất định phải tiếp xúc với quảng đại quần chúng thì mới có được trí huệ viên mãn.

"***Giới nhược lưu ly, nội ngoại minh khiết***".
(Giới như lưu ly, trong ngoài sáng sạch).

Hai câu này là nói nghiêm trì giới luật. Nói cách khác, Bồ-tát bất luận ở trong hoàn cảnh nào, họ nhất định phải giữ pháp, nhất định không phạm pháp. Trì giới tức là giữ pháp, điều này chúng ta nên rõ ràng. Nếu tách rời giới và pháp thì quá đỗi sai lầm! Chữ "giới" này tức là pháp luật, trong đó bao gồm đạo đức, phong tục, tập quán. Phải tuân thủ mọi thứ, nhất định không vi phạm, đây là Bồ-tát hạnh, họ giữ được rất nghiêm, rất như pháp. "*Nội ngoại minh khiết*", "*ngoại*" là thân hình, "*nội*" là tâm địa, tâm thanh tịnh.

"***Kỳ sở ngôn thuyết, linh chúng duyệt phục***".
(Nói ra điều gì đều làm cho người vui tín phục).

Bồ-tát nói ra những gì, chúng sanh nghe rồi đều rất hoan hỉ, đều rất vui lòng tiếp nhận.

"***Kích pháp cổ, kiến pháp tràng, diệu huệ nhật, phá si ám***".
(Đánh trống pháp, lập pháp tràng, sáng huệ nhật, phá si ám).

Bốn câu này là hình dung, cũng là tỉ dụ. "*Cổ*" tức là trống, âm thanh nghe rất xa, Thời xưa, khi chiến tranh thì đánh trống trận, đánh trống xung phong lâm trận. Đánh trống có thể khiến lòng người phấn chấn, nghe được rất xa, đây là tỉ dụ cho giảng kinh thuyết pháp. Dùng "*kích pháp cổ*" cùng "*chuyển pháp luân*" đều là tỉ dụ cho giảng kinh thuyết pháp. "*Kiến pháp tràng*" là tỉ dụ cho xây dựng

đạo tràng. Nếu không có đạo tràng thì sự tu học Phật pháp không có trung tâm, hoằng dương không có cơ sở. Cho nên đạo tràng là vô cùng quan trọng. Nếu không có đạo tràng thì pháp môn này xem như không được xây dựng tại thế gian này. Tại Trung Quốc, nhiều Tông phái Đại Thừa đều gọi là Tổ Đình. Tổ Đình tức là đạo tràng đầu tiên của họ, năm xưa do Tổ Sư xây dựng. Như Tịnh Độ Tông của chúng ta, đạo tràng đầu tiên là do Huệ Viễn Đại Sư xây dựng tại Lô Sơn, tức là Lô Sơn Đông Lâm Tự hiện nay. Về sau có Huyền Trung Tự bên Ngũ Đài Sơn là đạo tràng phục hưng Tịnh Độ. Đến năm đầu Dân Quốc, Ấn Quang Đại Sư ở tại Linh Nham Sơn, Tô Châu, ở thời gian rất lâu, Ngài ở đó chuyên hoằng Tịnh Độ. Cho nên Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu cũng trở thành đạo tràng chủ yếu của Tịnh Tông. Cho nên hiện nay đạo tràng chủ yếu của Tịnh Tông có ba cái, đây là ý nghĩa của "*kiến pháp tràng*". "*Diệu huệ nhật*", có được pháp tràng, có đạo tràng rồi thì mới có thể đem trí huệ của Như Lai, cũng tức là trí huệ vốn sẵn có của tất cả chúng sanh hiển hiện ra. Điều này phải nhờ đến sự chỉ dạy, tu học trong Phật pháp, thì trí huệ của chúng ta mới có thể hiện tiền. "*Phá si ám*", "*si ám*" là ví cho vô minh phiền não, ý nghĩa bên trong rất sâu.

"***Thuần tịnh ôn hòa, tịch định minh sát***".
(Thuần tịnh ôn hòa, tịch định sáng suốt).

Đây là nói về phong độ xử thế đối người tiếp vật của Bồ-tát. Bên trong thuần phác mộc mạc, thuần chánh, ngoài thì "*ôn hòa*". Bên trong là *thuần tịnh,* thanh tịnh, "thuần phác thanh tịnh", bên ngoài ôn hòa "ôn lương, hòa mục". "*Tịch định minh sát*", "*tịch định*" nhất định phải làm được biết liêm sỉ, biết đủ. Người biết liêm sỉ, biết đủ thì tâm tự nhiên được định. Sau khi định rồi thì sanh trí huệ, nhìn thấy hết thảy vạn sự vạn vật rất rõ ràng. Người thông thường tại sao không nhìn thấy được? Người thông thường mê trong cảnh giới này, họ có được mất, có lợi hại, những thứ này là mê. Tục ngữ thường nói: "*đương cục giả mê, bàng quang giả thanh*" (người trong mê, người ngoài tỉnh), "bàng quang" gì vậy? Họ bên trong không có lợi hại, không có được mất, họ nhìn thấy rõ ràng. Khi có được mất, có lợi hại thì họ đều đặt những thứ này lên phía trước, lấy cái này làm tiêu chuẩn, cho nên thường không thấy được chân tướng sự thật. Bồ-tát nội tâm thuần tịnh, "*tịch định*", cho nên họ quan sát rất chính xác, "*minh sát*".

"***Vi đại đạo sư***".
(Làm đại đạo sư).

Đại đạo sư là Phật. Bồ-tát có thể gọi như vậy. Bởi vì Bồ-tát có năng lực này. Nên lấy thân Phật mà độ được thì Bồ-tát liền hiện thân Phật đến để độ hóa chúng sanh. Các Ngài quả thực có năng lực này, có bản lãnh này. Đương nhiên đây là một ứng thân trong ba mươi hai ứng thân của Bồ-tát, họ cũng có thể lấy thân Bồ-tát, cũng có thể lấy thân đồng nam đồng nữ, cũng có thể lấy bất cứ loại thân phận nào, đây hoàn toàn là quán căn cơ. Chúng sanh ưa thích thân phận gì thì họ liền thị hiện thân đó.

"***Điều phục tự tha***".
(Điều phục cả mình lẫn người).

Câu này bên trong có chữ "*tự*" tức là Bồ-tát độ hóa chúng sanh là "tự lợi lợi tha".

"***Dẫn đạo quần sanh, xả chư ái trước***".
(Dẫn dắt quần sanh, xả bỏ ái trước).

Đây là nguyên tắc Phật Bồ-tát chỉ dạy tất cả chúng sanh, điều này quý vị phải ghi nhớ. **Nếu Bồ-tát giáo hóa chúng sanh, dạy bạn ái, dạy bạn tham luyến thì đây không phải là Phật pháp, đây nhất định là ma. Phật Bồ-tát dạy bạn, nhất định là dạy bạn xả lìa ái dục, đây là tương ưng với giáo pháp của Phật. Nếu dùng ái dục để độ bạn, nói: "Cái này cũng có thể thành tựu" thì đây không phải lời Phật nói.**

"***Vĩnh ly tam cấu, du hý thần thông***".
(Vĩnh viễn xa hẳn ba độc, thần thông tự tại).

"*Tam cấu*" là tham sân si, vĩnh ly tham sân si. Ở thế gian này, chúng ta là thân nghiệp báo, tự mình không làm chủ được, còn họ là "*du hý thần thông*", họ có thể làm chủ được, thích đến là đến, thích đi là đi, "*lai khứ tự như*", chúng ta ở phía trước đã đọc qua điều này.

"***Nhân duyên nguyện lực, xuất sanh thiện căn***".
(Nhân duyên nguyện lực phát sanh thiện căn).

Phật Pháp từ đầu đến cuối không lìa khỏi nhân duyên, không những Phật Pháp không lìa nhân duyên mà thế gian pháp cũng không lìa nhân duyên. Phật đặc biệt coi trọng chữ "*duyên*", "*xuất sanh thiện căn*", đây là nhân duyên của Phật pháp có thể khiến chúng ta sanh ra thiện căn.

"***Tồi phục nhất thiết ma quân***".

(Phá dẹp hết thảy ma quân).

"*Ma quân*", là tỉ dụ tất cả tà ma ngoại đạo. Ở đây chúng ta cần phải nhận rõ ma là gì? Nếu bạn không nhận biết được ma thì bạn sẽ rơi vào cạm bẫy của ma. Chúng ta thường nói, bạn không thoát khỏi bàn tay của ma. Nếu bạn muốn thoát khỏi bàn tay của ma thì bạn nhất định phải biết được ma. Ma là gì? Chúng ta phải nhớ thật kỹ. Trong kinh Bát Đại Nhân Giác quy nạp thành bốn loại lớn. Ngũ Ấm là ma, ngũ ấm là gì? "*Sắc, thọ, tưởng, hành, thức*". "*Sắc*" là gì? Là sắc thân, thân thể này của chúng ta chính là ma. Bạn xem, hằng ngày phải ăn ba bữa cơm, làm việc cực khổ để nuôi dưỡng nó, ma đấy! Đây không phải là việc tốt. Còn chữ "*tưởng*" tức là vọng tưởng, vọng tưởng là ma. Phiền não là ma, sanh tử là ma. Còn có các thứ cảnh giới ở bên ngoài, hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất, đều đang dụ hoặc bạn, đó đều là ma, gọi là thiên ma. Cho nên thiên ma không phải loại mặt xanh nhe răng nanh ở trên trời. Chữ "*thiên*" là nói trừ ba loại này ra, phàm những gì có thể dụ hoặc bạn, khiến thân tâm bạn không thể định được, không thể khai trí huệ, cả thảy đều là ma, ma quái quá nhiều. Giống như quân đội vậy, quân đội nhiều nên tỉ dụ nó là "ma quân". Nhất định phải có định, có huệ, thì bạn mới có thể hàng phục nó.

"***Tôn trọng phụng sự chư Phật***".

Chúng ta có thể hàng ma, tức là nói, trong không động tâm, ngoài không bị dụ hoặc. Đây chính là hàng ma. Sau đó nhất tâm nhất ý học Phật, theo chư Phật Bồ-tát học tập. Chúng ta ngày nay theo A-di-đà Phật học tập, A-di-đà Phật ở ngay trong bộ kinh điển này, chiếu theo kinh điển này mà học tập tức là học tập theo A-di-đà Phật vậy.

"***Vi thế minh đăng, tối thắng phước điền***".
(Làm đèn sáng cho thế gian, ruộng phước tối thắng).

Người có thể tu học như vậy thì họ là ngọn đèn sáng của thế gian này. Người thế gian đều mê hoặc điên đảo còn họ thì không mê, không nhiễm, không tà, không điên đảo, có thể làm gương mẫu cho người thế gian, chỉ dẫn cho người đời một con đường quang minh hạnh phúc, đây chính là đèn sáng cho thế gian, phước điền thù thắng nhất.

"***Thù thắng cát tường, kham thọ cúng dường***".
(An lành tột bậc, đáng được cúng dường).

Câu "*kham thọ cúng dường*" này bên trong có ý nghĩa rất sâu. Vì sao? Bởi vì họ là phước điền thù thắng nhất. Chúng ta muốn trồng phước, muốn tu phước, thực tế mà nói, [chúng ta] không biết đâu là phước điền. Chúng ta thường phát lòng tốt, muốn đi tu phước, kết quả lại làm việc xấu mà không hay biết.

Trước kia lão Hòa thượng Đạo Nguyên có kể cho chúng tôi một câu chuyện, tức là lấy ví dụ, người ngu si tu phước, trồng sai phước điền. Ngài dùng tỉ dụ để kể rằng: Có một người chủ nuôi một con khỉ, chủ nhân rất ưa thích nó, vô cùng thương yêu bảo hộ nó. Chú khỉ này đối với chủ nhân cũng vô cùng tốt, cũng rất hiểu ý của chủ nhân. Một hôm, người chủ đang ngủ trưa, có một con ruồi đậu ngay trên mũi của chủ nhân. Chú khỉ thấy được, vô cùng tức giận, liền lấy hòn đá để đập con ruồi kia. Chú khỉ có lòng tốt, lấy đá để đuổi con ruồi, nào ngờ ruồi chưa kịp đuổi thì đã đập vỡ mũi của chủ nhân mình. Đây là ví cho ngu si không có trí huệ, đã trồng sai phước điền.

Cho thấy trồng phước điền không phải là một việc dễ dàng. Bồ-tát có trí huệ, có đức lớn như vậy, chúng ta nương tựa họ, chúng ta cúng dường họ. Họ trồng phước thay chúng ta. Tự chúng ta không biết trồng phước, họ sẽ trồng thay chúng ta, ý nghĩa là ở chỗ này. Họ là thù thắng nhất, kiết tường nhất. "*Kham thọ cúng dường*", Phật ở chỗ này khích lệ chúng ta nên cúng dường những Bồ-tát này. Họ làm các sự nghiệp, chúng ta đều được thơm lây, chúng ta đều có một phần công đức lợi ích chân thật.

"***Hách diệc hoan hỷ***".

(Hiển hách hoan hỷ).

"*Hách diệc*" là vẻ sáng bừng, là hình dung dũng mãnh, không sợ hãi.

"***Thân sắc tướng hảo, công đức biện tài, cụ túc trang nghiêm, vô dữ đẳng giả***".

(Thân tướng đẹp đẽ, công đức biện tài đầy đủ trang nghiêm, không ai sánh được).

Không ai có thể sánh bằng họ. Thực tế không những những Bồ-tát này tự mình tu hành tinh tấn dũng mãnh mà còn được oai thần của Di-đà gia trì, mười phương Như Lai hộ niệm. Nếu so với những Bồ-tát thông thường đương nhiên là siêu thắng hơn. A-di-đà Phật siêu thắng hơn chư Phật thì Bồ-tát của thế giới Tây Phương nhất định cũng siêu thắng hơn các Bồ-tát của thế giới phương khác.

"***Thường vi chư Phật sở cộng xưng tán, cứu cánh Bồ-tát chư Ba-la-mật***".

(Thường được chư Phật cùng khen ngợi, Bồ-tát rốt ráo các Ba-la-mật).

Bồ-tát của thế giới Cực Lạc thường được mười phương tất cả chư Phật Như Lai tán thán. Trong Bồ-tát đạo, họ đích thật là thành tựu viên mãn. Chữ "*chư Ba-la-mật*" tức là thành tựu viên mãn. Nếu nghiêm khắc chỉ cho Bồ-tát hạnh thì chính là Lục Độ. Từ bố thí, trì giới cho đến Bát-nhã đều làm được rất viên mãn.

"***Nhi thường an trụ bất sanh bất diệt chư Tam-ma-địa. Hạnh biến đạo tràng, viễn Nhị Thừa cảnh***".

(Nhưng thường an trụ vào Tam-ma-địa bất sanh bất diệt. Đến khắp đạo tràng, xa lìa cảnh Nhị Thừa).

Đây là sự thành tựu chứng quả của Bồ-tát. "*Thường*" là không phải tập trung nhập định như thông thường. Người có định công cạn cần phải nhập định thì họ mới có thể nhập vào cảnh giới định. Người có định công sâu, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định, không cần phải nhập định. "*Thường*" là ý nghĩa này, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định. "*Trụ Tam-ma-địa*", tức là ở trong định. "*Hạnh biến đạo tràng*", đạo tràng là mười phương tất cả cõi Phật, Bồ-tát thường đi du lịch không ngừng. "*Viễn Nhị Thừa cảnh*", họ tuyệt đối không đọa vào Nhị Thừa. Nhị Thừa là chỉ người Tiểu Thừa, chỉ tự lợi không chịu lợi tha. **Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc không có ý niệm này, niệm niệm đều làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, niệm niệm đều khuyên người vãng sanh Tịnh Độ, chỉ có vãng sanh Tịnh Độ mới là lợi ích chân thật rốt ráo, lập tức đạt được lợi ích, điều này phải biết.**

"***A-nan! Ngã kim lược thuyết***".

(A-nan! Ta nay lược nói).

Phật gọi Tôn giả A-nan, trong đại hội này chỉ giới thiệu sơ lược mà thôi.

"***Bỉ Cực Lạc giới sở sanh Bồ-tát chân thật công đức, tất giai như thị***".

(Công đức chân thật của các Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc kia, tất cả đều như vậy).

Đây là nói với chúng ta, công đức chân thật của Bồ-tát sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc giống như Phật nói:

"***Nhược quảng thuyết giả, bá thiên vạn kiếp bất năng cùng tận***".

(Nếu nói rộng ra, trải trăm ngàn vạn kiếp cũng không hết được).

Phật chỉ giới thiệu đơn giản, nếu nói kỹ thì trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp cũng nói không hết! Sự thù thắng của thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta từ

chỗ này cũng có thể lĩnh hội được một chút. Phẩm sau đây cũng là một đoạn khai thị rất quan trọng của kinh này. Ở đây là Phật muốn đặc biệt dặn dò. Từ phía trước cho đến phẩm thứ ba mươi mốt, Tôn giả A-nan làm đương cơ, Phật đều gọi "A-nan, A-nan". Bắt đầu từ phẩm này Di-lặc Bồ-tát làm đương cơ.

THỌ LẠC VÔ CỰC ĐỆ TAM THẬP NHỊ
PHẨM BA MƯƠI HAI: THỌ LẠC KHÔNG CÙNG TẬN

Từ phẩm này đến hết phẩm ba mươi bảy, có thể nói đối với mỗi người muốn cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta phải làm thế nào, phải tu trì cách nào, đây là cương lĩnh chân thật, là lời giáo huấn quan trọng. Cho nên đồng học Tịnh Tông chúng ta chọn đoạn kinh văn này làm khóa tối, vì chúng ta không có thời giờ mỗi ngày niệm toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ. Khóa sáng chúng ta niệm phẩm thứ sáu, còn khóa tối niệm từ phẩm ba mươi hai đến ba mươi bảy, niệm sáu phẩm này. Đây là dạy chúng ta tu trì như thế nào, lời giáo huấn trong đó, những việc gì Phật cấm chúng ta làm thì chúng ta không nên làm, những việc gì Phật dạy chúng ta nhất định phải làm thì chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực làm, vậy là đúng.

"***Phật cáo Di-lặc Bồ-tát, chư thiên nhân đẳng:***".
(Phật bảo Di-lặc Bồ-tát và các hàng trời người:).

Di-lặc là thượng thủ. Lúc bấy giờ số người tham gia pháp hội rất đông. Nói về chư thiên thì Di-lặc Bồ-tát là đại Bồ-tát của trời Đâu-suất, cho nên phía sau nói có các hàng trời, người.

"***Vô Lượng Thọ quốc, Thanh văn Bồ-tát, công đức trí huệ, bất khả xưng thuyết***".
(Công đức trí huệ của Thanh Văn, Bồ-tát ở cõi Đức Phật Vô Lượng Thọ không thể nói hết được).

Điều này chúng ta không cần nói kỹ, phía trước đã giảng rất nhiều rồi.

"***Hựu kỳ quốc độ, vi diệu an lạc, thanh tịnh nhược thử***".
(Cõi nước kia lại vi diệu an lạc thanh tịnh như vậy).

Tại sao Phật không gọi A-nan mà gọi Di-lặc Bồ-tát? Từ câu nói phía sau của Thế Tôn thì chúng ta liền hiểu rõ ngay. Nói đến công đức trí huệ của Thanh Văn Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, lại nói đến thế giới Tây Phương là quốc độ vi diệu an lạc thanh tịnh như vậy. Bởi vì Di-lặc Bồ-tát thường đến đó, nên

[Thế Tôn] vừa nhắc đến thì [Ngài Di-lặc] cảm thấy rất thân thuộc. Tôn giả A-nan vẫn chưa thấy được, nói với Ngài như thế nào Ngài cũng không lĩnh hội được. Di-lặc Bồ-tát thường đi, nên nói với Di-lặc Bồ-tát. Điều này vô cùng thân thiết. Đây là nói Di-lặc Bồ-tát: "Ông biết, còn người khác không biết, ông đã từng đến, thường đi, nên ông phải rất rõ ràng minh bạch". Ý nghĩa là ở chỗ này.

"***Hà bất lực vi thiện, niệm đạo chi tự nhiên***".

(Sao không ra sức làm lành, niệm Phật sẽ hồi phục được tự tánh thanh tịnh?).

Câu nói này là khích lệ Di-lặc Bồ-tát, đồng thời cũng khích lệ đại chúng dự hội, vì sao không nỗ lực tu thiện? Tại sao không niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Thực tế mà nói, "*niệm đạo chi tự nhiên*" tức là khuyên chúng ta phải tin sâu phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Cầu sanh Tịnh Độ mới là *niệm đạo chi tự nhiên*. Nếu nghiêm khắc mà nói, niệm "Nam-mô A-di-đà Phật" chính là *đại đạo tự nhiên*. Bởi vì trong kinh này, Phật nói với chúng ta, câu Phật hiệu này chính là đức hiệu của tự tánh chúng ta. Đức hiệu của tự tánh không phải là tự nhiên thì là gì? Đồng thời là danh hiệu của vị Đạo Sư ở Tây Phương, cũng là tên gọi tánh đức của chính mình.

"***Xuất nhập cúng dường, quán kinh hành đạo, hỷ nhạo cửu tập, tài mãnh trí huệ, tâm bất trung hồi, ý vô giải thời. Ngoại nhược trì hoãn, nội độc sử cấp, dung dung hư không, thích đắc kỳ trung, trung biểu tương ưng***".

(Xuất nhập cúng dường, quán kinh hành đạo, ưa thích tu tập lâu dài. Trí huệ sáng suốt, tâm không thoái chuyển, ý không giải đãi. Ngoài hiện an nhàn, trong lại tinh tấn. Tâm như hư không, đạt đến trung đạo. Trong ngoài tương ưng).

Đoạn này hình dung Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Phật không nói những lời này với A-nan mà nói với Di-lặc. Phía trước nói với A-nan thì nói cạn, chúng ta nghe rồi cũng có thể tiếp nhận, có thể nghe hiểu được. Còn nói với Di-lặc Bồ-tát thì nói sâu, chúng ta không dễ lĩnh hội. Tuy nhiên không thể không nói, tại sao vậy? Nói ra rồi chúng ta mới biết Tây Phương quả thật là thù thắng đệ nhất, không gì sánh bằng. Chúng ta có thể lĩnh hội được những điều tốt đẹp và lợi ích [khi sanh] đến thế giới Tây Phương Cực Lạc ở phẩm kinh này thì làm gì có đạo lý không phát tâm cầu sanh chứ.

"*Xuất nhập cúng dường*", "*xuất*" là đến thế giới phương khác cúng dường chư Phật Như Lai. "*Nhập*" là trở về, cúng dường bổn sư A-di-đà Phật Như Lai. "*Xuất nhập cúng dường*" là cúng dường tu phước. "*Quán kinh hành đạo*" là tu huệ. "*Quán kinh*", không nói là đọc kinh, không nói là nghiên cứu kinh. Đọc,

nghiên cứu sẽ không hiểu tường tận ý kinh, "*quán*" là hiểu tường tận, "*quán*" là quán chiếu, hoàn toàn dùng Bát-nhã, không dùng tâm ý thức. "*Hành đạo*" là hạnh của ba nghiệp thân ngữ ý hoàn toàn tương ưng với tâm tánh, hoàn toàn tương ưng với Bát-nhã, đây là hành đạo, đây là thuộc về tu huệ. Phước huệ song tu. "*Hỷ nhạo cửu tập*", là hoan hỉ khoái lạc, vĩnh viễn tu học, thâm nhập sâu hơn.

"*Tài mãnh trí huệ*", giống như tán thán A-di-đà Phật "*cao tài dũng triết*" ở phía trước vậy. A-di-đà Phật ở nhân địa thị hiện "*cao tài dũng triết*", không ngu si như chúng ta. Tuy nhiên chúng ta sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc được oai thần của Phật gia trì thì chúng ta cũng trở thành "*cao tài dũng triết*". Vừa đến thế giới Cực Lạc thì thay đổi ngay, Phật lực gia trì, sức mạnh này không thể nghĩ bàn.

"*Tâm bất trung hồi*", "*hồi*" là nghĩa thoái chuyển. "*Tâm bất trung hồi*" là nói tín tâm kiên định, nhất định không thoái chuyển. Chư vị đồng tu nên biết, chỗ này là nói Bồ-tát ở Cực Lạc. Chư Phật Như Lai Ở mười phương thế giới thành Phật tu học các pháp môn khác nhau. Như chúng ta hiện nay biết có người học Thiền, có người học Mật, có người học Giới luật, có người học Giáo… Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc ngày ngày đều đi ra ngoài tham phỏng, đi tiếp xúc, nghe họ giảng kinh nói pháp, nhưng các Ngài vẫn lão thật niệm A-di-đà Phật, không bị họ ảnh hưởng. Theo vị Bồ-tát này: "Ô! Thiền được lắm! Mình theo họ học tham thiền". Theo vị Bồ-tát kia: "Mật cũng hay! Mình theo họ niệm chú". Vậy thì tâm này bị thoái chuyển rồi.

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử năm mươi ba tham, Thiện Tài Đồng Tử tu pháp môn gì? Là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, năm mươi ba vị thiện tri thức, trừ hai vị Tỳ-kheo Đức Vân và Phổ Hiền Bồ-tát tu pháp môn niệm Phật ra, còn năm mươi mốt vị thiện tri thức kia đều tu học các pháp môn khác nhau. Thiện Tài Đồng Tử đi tham phỏng, mọi thứ đều rõ ràng, đều thấu hiểu, xong vẫn lão thật niệm Phật không thay đổi. Chúng ta làm sao biết được Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Vì thầy của Ngài niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta đừng quên thầy của Ngài là Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát. Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát ở trong kinh Hoa Nghiêm là phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Thầy cầu sanh Tịnh Độ thì môn sinh đắc ý nhất của thầy còn có thể tu pháp môn khác được sao? Đương nhiên là đem pháp môn thù thắng đệ nhất không gì sánh bằng để truyền cho học trò rồi. Cho nên học trò nhất định là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bạn xem, vừa tham phỏng, người đầu tiên là Tỳ-kheo Đức Vân khuyên Ngài niệm Phật, "tiên nhập vi chủ" (cái nào vào trước thì làm chủ), đến sau cùng

Phổ Hiền Bồ-tát mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc từ đầu đến cuối, một câu Phật hiệu niệm Phật vãng sanh. "*Tâm bất trung hồi*", Bồ-tát của thế giới Tây Phương, chỗ tu hằng ngày đều là năm mươi ba tham, đó không phải là thiện tri thức thông thường, họ tham phỏng là mười phương chư Phật Như Lai, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Hoàn toàn giống như Đại Thế Chí Bồ-tát.

"*Ý vô giải thời*", là một mực tinh tấn, chỉ một mục tiêu, một phương hướng, đúng như trong ba bậc vãng sanh nói "nhất hướng chuyên niệm". "*Ngoại nhược trì hoãn*", "*trì hoãn*" dường như rất an nhàn, rất vô sự. Từ sáng đến tối không có việc gì, tiêu dao tự tại. Bạn nhìn thấy những vị Bồ-tát này dường như đều không có việc gì hết, tiêu dao tự tại. Trên thực tế thì "*nội độc sử cấp*", họ bên trong quả đang dụng công, từ trước đến nay chưa hề giải đãi, họ dụng công gì? Là nhất tâm chuyên niệm A-di-đà Phật, trong tâm niệm không gián đoạn. Cho nên bạn thấy dáng vẻ của họ rất nhàn hạ rất tự tại, rất vui vẻ, giống như từ sáng đến tối không có việc gì làm vậy, nhưng câu Phật hiệu của họ thì miên mật, từ trước đến nay không có gián đoạn.

"*Dung dung hư không, thích đắc kỳ trung*", "*dung dung*" nghĩa là hòa kính, trong Phật môn chúng ta đây cũng là giới điều rất quan trọng. Lục Hòa Kính: kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân. "*Dung dung*" tức là đại chúng ở thế giới Tây Phương Cực Lạc sống chung vô cùng hòa mục. Nhiều người như thế sống chung giống như cha con anh em vậy, vô cùng thân ái, không có chút ý kiến nào, hòa mục biết bao! "*Hư không*" là gì? Tâm của mỗi người đều thanh tịnh, trong hư không một vật cũng không có, tâm thanh tịnh, tâm quảng đại, người người đều là như vậy. "*Dung dung hư không*" nghĩa là tâm lượng quảng đại, thanh tịnh không gì bằng. "*Thích đắc kỳ trung*", chữ "*trung*" là trung đạo. Phật dạy chúng ta dùng "*trung*". Khổng lão Phu Tử cũng dạy chúng ta dùng "*trung*", Phật giảng **Trung Đạo**, nhà Nho giảng **Trung Dung**. Đại thánh nhân của thế xuất thế gian đều hiểu được dùng "trung". "Trung" tức là không thiên lệch, "viên dung trung đạo". Biết được dùng "*trung*" thì có thể đạt được lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, vì nó không thiên lệch, "*trung*" thì bình đẳng rồi. Còn "*thiên*"? Tâm lệch rồi thì không bình đẳng, họ có sự ưa chuộng hơn, có sự thiên lệch, trung thì không có thiên lệch, phải biết dùng trung. Mọi Bồ-tát của thế giới Tây Phương đều biết dùng "*trung*", "*trung biểu tương ưng*". Bên dưới chữ "*trung*" này là "tâm". "*Biểu*" là biểu hiện ở bên ngoài. Hai chữ "*trung*" này, chữ "*trung*" phía sau ý nghĩa hoàn toàn khác với chữ "*trung*" phía trước. Chữ "*trung*" phía trước nghĩa là trung đạo, chữ "*trung*" phía

sau là trung tâm, là bên trong. Tức là trong ngoài nhất như, tuyệt đối không có hư giả, trong ngoài hoàn toàn như nhau. Tâm của bạn hoàn toàn tương ưng với động tác, hành vi mà bạn biểu hiện ra bên ngoài. Đây là trong ngoài nhất như, chúng ta thường gọi cảnh giới này là "vạn pháp viên dung, sự sự vô ngại", họ đều đạt đến cảnh giới này.

"***Tự nhiên nghiêm chỉnh***", là *tự nhiên* nghiêm trang, chỉnh tề, bất luận sự việc gì đều là tự nhiên trang nghiêm chỉnh tề.

"***Kiểm liễm đoan trực. Thân tâm khiết tịnh, vô hữu ái tham***".

(Kiểm điểm, kiềm chế, đoan nghiêm, chánh trực. Thân tâm khiết tịnh, không tham nhiễm ái).

Chỗ này nói về nội đức là tâm địa của Bồ-tát. Thế Tôn nói lời này ý nghĩa chân thật là chỉ dạy chúng ta, chúng ta phải học tập. "*Kiểm*" là kiểm điểm, chúng ta thường nói là phản tỉnh. "*Liễm*" là thu liễm (kiềm chế chính mình). Chúng ta nói đến tu hành chân chánh, hai thời công khóa sáng tối, khóa sáng là nhắc nhở chúng ta đừng quên. Chúng ta cả ngày hôm nay phải tuân thủ lời giáo huấn của Phật, tu sửa tư tưởng kiến giải hành vi của chính mình cho đúng. Khóa tối là phản tỉnh, khóa tối nghiêm túc suy xét lại cả ngày hôm nay Phật chỉ dạy chúng ta, chúng ta có làm được không? Nếu chưa làm, ngày mai phải gấp rút làm, những gì đã làm được phải cố gắng giữ gìn, đừng để mất. Đây là thật sự tu khóa sáng tối, là chân chánh tu hành. Tuyệt đối không phải buổi sáng niệm một biến kinh cho Phật, Bồ-tát nghe: "Ngài xem con rất ngoan, con đã niệm cho Ngài nghe rồi". Đến tối lại niệm một biến cho Ngài nghe, cái này gọi là làm qua loa cho xong chuyện. Phật, Bồ-tát đâu cần nghe những thứ này của bạn. Chúng ta ở trước hình tượng của Phật Bồ-tát, niệm kinh là cầu Phật chứng minh cho chúng ta, con nhất định phải tuân thủ lời dạy của Phật, phải nghiêm túc nỗ lực làm, tu hành. Tu là tu sửa cho đúng, cách nghĩ, cách nhìn, lời nói, cách làm của chúng ta sai rồi, ta theo lời giáo huấn của Phật, sửa lại cho đúng, đây gọi là tu hành. Cho nên khóa sáng là nhắc nhở chính mình, khóa tối là phản tỉnh. "*Kiểm liễm đoan trực*", "*đoan*" là đoan chính, "*trực*" là chánh trực, đều là từ trên tâm hành mà nói.

"*Thân tâm khiết tịnh*", tâm thanh tịnh thì thân đương nhiên thanh tịnh, cho nên thân sẽ không sanh bệnh. Nhiều đồng tu rất lo lắng: "nếu sanh bệnh thì làm sao đây?" Quý vị nghĩ xem phải làm sao? Họ thật sẽ sanh bệnh, họ nhất định không có biện pháp gì, tại sao? Vì tất cả pháp đều từ tâm tưởng sanh. Họ bây giờ không có bệnh nhưng ngày ngày muốn sanh bệnh thì họ làm sao không sanh bệnh

chứ. Họ nhất định sẽ sanh bệnh. Đây là sai lầm. Cách nghĩ sai lầm. Nên đem nó tu sửa lại cho đúng, tu sửa cách nào? Niệm A-di-đà Phật thì không sanh bệnh. Quý vị đã bao giờ thấy A-di-đà Phật sanh bệnh chưa? Cho nên chúng ta ngày ngày niệm A-di-đà Phật thì sẽ không sanh bệnh, tâm lý phải khỏe mạnh. Họ không khởi chánh niệm mà hằng ngày cứ sanh tà niệm, nghĩ đến bệnh tức là tà niệm, trong tâm không thanh tịnh. Chúng ta niệm Phật, tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì thân thanh tịnh, thân không thanh tịnh sẽ sanh bệnh. Thân thanh tịnh thì làm sao sanh bệnh được? Không tu tâm thanh tịnh, không tu thân thanh tịnh, ngày ngày ở đó ô nhiễm, tưởng bệnh, tưởng khổ, tưởng chết đều là ô nhiễm. Ô nhiễm nghiêm trọng. Trong kinh Phật không dạy chúng ta những việc này.

"*Vô hữu ái tham*", "*ái tham*" là ô nhiễm nặng nhất, tâm có tham ái thì thân không thanh tịnh, sẽ thường sanh bệnh. Nếu người không tham ái mà có bệnh thì hầu như không thể. Nếu bạn gặp những người sanh bệnh, bạn hỏi họ: "có phải bạn có ái, có tham không?" Họ nhất định sẽ nói "Có!".

Tôi ở Đài Loan, ở nước ngoài cũng gặp nhiều người trẻ tuổi bị ma quỷ nhập thân, bị nó khống chế, rất không tự tại. Chúng ta thường nói bị "ma nhập". Bản thân họ rất rõ ràng, họ thường bị ma đến quấy nhiễu, hoặc thấy tướng quái lạ hoặc nghe âm thanh [kỳ lạ], thân không làm chủ được, bị sức mạnh bên ngoài khống chế. Có những người bị một hai năm, thời gian rất lâu rồi, họ đến hỏi tôi: "Có biện pháp gì để thoát khỏi cảnh ma này không?". Đầu tiên tôi hỏi họ: "Có phải bạn rất thích thần thông không?" Họ nói: "Phải!", tức là ham thích thần thông, cho nên ma đến nhập vào thân. Nếu bạn đối với chuyện thần thông cảm ứng hoàn toàn không đếm xỉa đến thì cả đời bạn tuyệt đối không bị những ma chướng này. Đều do yêu thích thần thông, ưa thích cảm ứng. Tuổi họ còn trẻ, đều tốt nghiệp đại học, học hành rất giỏi, mắc phải phiền phức này, thật là đáng thương! Cuối cùng họ vào bệnh viện tâm thần, bác sĩ không gọi là "ma nhập" mà gọi là chứng thần kinh phân liệt. Thật đáng thương. Nguyên nhân là gì? Là tham ái thần thông nên gây ra phiền phức này.

Cho nên "*vô hữu ái tham*" là Phật dạy bảo chúng ta, không những chúng ta không tham ái thế gian pháp mà cũng không tham ái Phật Pháp. **Chúng ta ngày nay chỉ lão thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cũng không tham ái các thứ trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc thì mới có thể đi được. Dùng tâm tham ái thì không thể sanh về Tịnh Độ được.** Phật nói với chúng ta tình hình đời sống ở bên đó tất cả đều là tự nhiên nghiêm chỉnh, nếu có tham ái thì là

không tự nhiên rồi! Tham ái thì phải đi thiết kế, đi tiến hành. Không tham ái là tự nhiên nghiêm chỉnh, không phải do con người thiết kế, điều hành.

"***Chí nguyện an định, vô tăng khuyết giảm***".
(Chí nguyện an định, không tăng chẳng giảm).

Không có tăng thêm, cũng không có giảm thiểu, đây là hình dung chí nguyện an định. "*Định*" là nhất, chuyên niệm A-di-đà Phật, lấy việc này để trang nghiêm Tịnh Độ. Đối với tất cả cả pháp thế và xuất thế gian, chúng ta biết đủ, chúng ta biết dừng.

"***Cầu đạo hòa chánh***".

"*Hòa*" là bình hòa, công bình.

"***Bất ngộ khuynh tà***".
(Không lầm theo tà).

Không theo tà môn ngoại đạo, không đầu cơ mưu lợi, cái đó là sai lầm, đó là "*khuynh tà*". "*Khuynh*" là té ngã, "*tà*" là bất chánh.

"***Tùy kinh ước lệnh***".
(Tuân theo những lý luận, lời dạy trong kinh).

Câu này vô cùng quan trọng, dạy chúng ta phải y giáo tu hành, phải thuận theo lời dạy bảo trong kinh điển. "*Ước lệnh*" tức là giáo huấn. "*Ước*" là Phật quy định điều khoản cho chúng ta, "*lệnh*" là mệnh lệnh của chư Phật đối với chúng ta, tức là chỉ lời giáo huấn trong kinh điển.

"***Bất cảm tha điệt***".
(Không dám trái phạm).

Nghĩa là nhất định phải tuân thủ, nhất định không dám trái ngược.

"***Nhược ư thằng mặc***".
(Như giữ dây mực).

"*Thằng mặc*" là tỉ dụ chánh tâm, chánh hạnh. "*Thằng mặc*" tức là dây mực, hiện nay không còn thấy nữa. Lớp người già, những người trạc tuổi tôi, bạn nói dây mực có thể họ vẫn còn ấn tượng. Ngày xưa, người thợ mộc muốn cưa gỗ không như bây giờ dùng thước để vẽ đường thẳng. Họ dùng một mảnh gỗ và một sợi dây, tức là dùng thước gỗ ghim lại, một đầu dùng đinh đóng xuống, kéo một sợi dây thẳng rồi búng sợi dây đó để căng thành một đường thẳng, theo đường

này mà cưa, đó gọi là "thẳng mặc". Hiện nay không còn dùng nữa, hiện nay dùng máy móc để vẽ, vẽ rất thẳng. Máy cưa cũng là cơ giới, căn bản không cần vẽ đường thẳng nữa, quy cách của nó tiến bộ hơn xưa kia rất nhiều. Chữ "thằng mặc" ở chỗ này là tỉ dụ "tâm chánh, hạnh chánh", giống với "*bất cảm tha điệt*" (không dám trái ngược) ở phía trước, có nghĩa là y giáo phụng hành. Phật dạy chúng ta làm thế nào thì chúng ta làm thế đó.

"***Hàm vi đạo mộ, khoáng vô tha niệm, vô hữu ưu tư***".

(Đều vì mộ đạo, rỗng rang vô niệm, không có ưu tư).

Ý nói chỗ suy tư, chỗ ngưỡng mộ của Bồ-tát. "*Mộ*" là gì? Là ngưỡng mộ, ngưỡng mộ đại đạo vô thượng Bồ-đề, trong tâm chúng ta chỉ hâm mộ cái này. Ngoài đại đạo vô thượng Bồ-đề ra, không có gì đáng được hâm mộ. "*Khoáng vô tha niệm*", *khoáng* là trong tâm sạch sẽ, trống trải thênh thang, không có vọng tưởng. Họ không có vọng tưởng. "*Vô hữu ưu tư*", ưu là lo lắng, bận tâm. Ở đây nói không có ưu tư, không có lo lắng, cho nên tâm họ thanh tịnh.

"***Tự nhiên vô vi, hư không vô lập. Đạm an vô dục, tác đắc thiện nguyện. Tận tâm cầu sách, hàm ai từ mẫn, lễ nghĩa đô hợp. Bao la biểu lý, quá độ giải thoát***".

(Tự nhiên vô vi, tâm rỗng như hư không, không lập một pháp. Đạm bạc, an tịnh, vô dục, tạo thành thiện nguyện. Dốc lòng tìm cầu [phương tiện độ sanh], từ bi thương xót, lễ nghĩa gồm đủ. Sự lý viên dung, đạt đến giải thoát)".

"*Tự nhiên vô vi*", là tâm này tự nhiên an trụ trong pháp vô vi, vô vi là gì? Phàm những gì có sanh diệt đều là hữu vi, những gì không có sanh diệt là vô vi. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận Thiên Thân Bồ-tát đem tất cả pháp quy nạp thành một trăm loại lớn. Trong một trăm loại lớn này, chín mươi bốn loại đầu tiên là pháp hữu vi, sáu loại sau cùng là pháp vô vi. Trong pháp hữu vi, cái thứ nhất là tâm pháp, cái thứ hai là tâm sở hữu pháp. Tâm pháp tức là tám thức. Chỗ này nói "tự nhiên vô vi". Bạn xem, tâm và tâm sở họ đều không trụ, điều này cao minh đến cực độ. Trong phần chú giải kinh Lăng-nghiêm, Giao Quang Pháp Sư nói "**xả thức dụng căn**", thức là gì? Tâm và tâm sở đều xả bỏ rồi, dùng căn, dùng tánh trong căn. Chúng ta thấy, không dùng nhãn thức để thấy mà dùng tánh thấy để thấy. Chúng ta nghe, không dùng nhĩ thức để nghe mà dùng tánh nghe để nghe, đây gọi là "trụ vô vi pháp". Cái này chính là "*tự nhiên vô vi*". Họ được A-di-đà Phật gia trì cho nên tự nhiên vô vi. Kỳ thật pháp vô vi thật sự là tự nhiên. Nếu cố ý làm như vậy thì bạn đã rơi vào tâm ý thức rồi. Bạn không phải là pháp vô vi mà

là pháp sanh diệt. Cho nên cái này đích thực là công phu chân thật. Đây là Phật lực gia trì.

"*Hư không vô lập*" (tâm rỗng như hư không, không lập một pháp), tâm này nhất định phải giống như "*hư không*", không "*lập*" một pháp thì mới có thể đạt đến cảnh giới này. Phải làm đến "*đạm an vô dục*", đạm bạc, an nhiên, không có tất cả âu lo. Ngũ dục lục trần của thế gian không còn nữa, cái "dục" trong sự tu hành chứng quả trong Phật pháp cũng không còn thì bạn mới có thể đạt đến. Trong kinh Phật nói với bạn làm sao để tu hành chứng quả vị Bồ-tát? Đó là cách nói đối với hạng người trung hạ, còn đối với hạng người tu hành cao cấp thì những thứ này đều không có. Nếu còn những thứ này thì bạn vẫn còn phân biệt chấp trước, vậy bạn làm sao có thể thành tựu? Trong Phật pháp cao cấp không có những thứ này. Trong đoạn này là thuần túy nói về Phật pháp cao cấp, không phải là nói với những người trung hạ. Cho nên Phật gọi Di-lặc Bồ-tát để nói mà không gọi A-nan, ý nghĩa này rất sâu.

"*Tác đắc thiện nguyện, tận tâm cầu sách*", "*cầu sách*" tức là thiện xảo phương tiện. "*Thiện nguyện*", chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo, đây chính là "*thiện nguyện*". Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, "*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*". Bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật trong kinh này là thiện nguyện chân thật. Chúng ta ngày nay làm đệ tử của Phật, những vị Bồ-tát này cũng là đệ tử của Phật, nhất định là toàn tâm toàn lực giúp đỡ Phật phổ độ chúng sanh. Đây chính là "*tác đắc thiện nguyện, tận tâm cầu sách*", là tìm những phương pháp thiện xảo phương tiện, chúng ta phải chú trọng đến phương pháp. Ngày nay, thời đại này là thời đại khoa học kỹ thuật phát triển nhanh chóng. Chúng ta lợi dụng công cụ khoa học kỹ thuật, đem Phật Pháp phát dương quang đại, đem Phật Pháp truyền bá cho quảng đại quần chúng, đây chính là "*tận tâm cầu sách*". Chúng ta phải lợi dụng công cụ khoa học giúp Phật hoằng pháp lợi sanh.

"*Hàm ai từ mẫn*", "*ai*" là tâm đại bi. "*Từ mẫn*" là đại từ. "*Hàm ai từ mẫn*", trên thực tế chính là đại từ đại bi. "Bi" là thấy chúng sanh khổ, chúng ta sanh tâm lân mẫn giúp đỡ họ lìa khổ. "Từ" là ban cho chúng sanh niềm vui, chúng ta phải giúp đỡ họ có được niềm vui. **Trong niềm vui này, thực tế nhất, cứu cánh viên mãn nhất là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.** Y theo phương pháp của Kinh Vô Lượng Thọ để tu học, không chỉ tương lai có được lợi ích chân thật viên mãn mà hiện tại sẽ có được niềm vui chân chánh. Hiện tại có được thì gọi là hoa báo, vãng sanh Bất Thoái thành Phật là quả báo, hoa quả đều thù thắng không gì sánh bằng! Biểu hiện ở bên ngoài là "*lễ nghĩa đô hợp*", hằng thuận chúng sanh, tùy hỉ công

đức, tuyệt đối không phá hoại thế gian pháp. Lễ của thế gian, nghĩa của thế gian, mọi thứ của thế gian pháp đều phải chú trọng, tuân thủ. Tức là chúng ta thường nói, chúng ta học Phật phải biết hiện đại hóa và bổn thổ hóa. Tỉ như chúng ta sống tại Singapore, chúng ta nhất định phải tuân thủ pháp luật của Singapore. Pháp luật của mỗi quốc gia địa phương có rất nhiều sự khác biệt. Đến địa phương nào thì nhất định phải tuân thủ pháp luật, phong tục tập quán của địa phương đó. Vậy mới có thể được người địa phương hoan nghênh, ưa thích, họ sẽ hoan hỉ tiếp nhận. Cho nên nhất định phải biết được hiện đại hóa và bổn thổ hóa. "*Lễ nghĩa đô hợp*" (lễ nghĩa gồm đủ) tức là hiện đại hóa và bổn thổ hóa. "*Bao la biểu lý*" (sự lý viên dung), "*biểu*" là sự, "*lý*" là đạo lý. Tất cả sự lý đều bao gồm ở trong đó.

"*Quá độ giải thoát*" (đạt đến giải thoát), *"quá"* là vượt qua, "*độ*" là độ thoát, có thể khiến tất cả chúng sanh giống Phật Bồ-tát, siêu việt thù thắng. Trong một đời đạt được giải thoát bằng pháp môn này, đích thật là "vượt qua", siêu việt hơn các pháp môn khác, thù thắng hơn so với các pháp môn khác. "*Giải thoát*", ở chỗ này là nói quả đức của sự tu hành.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 20

"***Tự nhiên bảo thủ, chân chân khiết bạch, chí nguyện vô thượng, tịnh định an lạc. Nhất đán khai đạt minh triệt, tự nhiên trung tự nhiên tướng, tự nhiên chi hữu căn bản, tự nhiên quang sắc tham hồi, chuyển biến tối thắng***".

(Tự nhiên gìn giữ, chân thật trong trắng, chí nguyện vô thượng, tịnh định an lạc. Hốt nhiên khai ngộ, hiểu rõ, thông suốt tướng tự nhiên của tự nhiên, bản thể tự tánh của vũ trụ, tự nhiên quang sắc xoay chuyển nhập lẫn vào nhau, chuyển biến tối thắng).

Đoạn này nói rõ tình hình đời sống, cảnh giới tu học, công đức chân thật của Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều không thể nghĩ bàn. Trong đoạn này, Thế Tôn đã nói *tám điều tự nhiên.* Ý nghĩa này thật sự sâu rộng vô hạn. Nói cách khác, đều là cảnh giới của đại Bồ-tát, thấp nhất đều là cảnh giới của Biệt Giáo Sơ Địa, Viên [Giáo] Sơ Trụ trở lên. Chúng ta ở địa vị phàm phu, trí huệ chưa khai mở, nên những cảnh giới này rất khó lĩnh hội. Tuy nhiên, chúng ta phải biết có sự việc như vậy.

"*Tự nhiên bảo thủ (1)*", "*tự nhiên*" tức là không thêm một tơ hào tạo tác nào. Chúng ta thường nói "hữu tu hữu chứng", hữu là không tự nhiên rồi, so với cảnh giới này thì "vô tu vô chứng" cao hơn một tầng. Chúng ta hiện nay cũng không tu không chứng, vậy đó có phải là cảnh giới của chúng ta không? Không phải là cảnh giới của chúng ta. Đó là cảnh giới cao hơn một tầng so với "hữu tu hữu chứng". "Hữu tu hữu chứng", họ vẫn còn trước tướng, vẫn còn chấp trước. Cho nên cái tu chứng của họ không phải là chân chánh viên mãn. Phải lên thêm một tầng nữa, thì cảnh giới ấy mới là chân thật, mới là viên mãn. Vậy thì "hữu tu hữu chứng" là ở phạm vi nào? Chúng ta thường nói thập pháp giới, lục đạo đi lên thì có pháp giới Thanh Văn, pháp giới Duyên Giác, pháp giới Bồ-tát, pháp giới Phật, đây là thập pháp giới, đều là "hữu tu hữu chứng". Cho nên "hữu tu hữu chứng" có thể thành Phật trong thập pháp giới. Vậy bên ngoài thập pháp giới thì sao? Bên ngoài gọi là "nhất chân pháp giới" đó là thật. Do đây có thể biết thập pháp giới không phải là thật, "mười" có thật không? Một tức là thật, trong một thì không có phân biệt chấp trước, vừa có phân biệt chấp trước thì không phải là một, cũng tức là bảo không "tự nhiên". Đến nhất chân thì tự nhiên rồi. Cảnh giới này là trong nhất chân pháp giới, không phải thập pháp giới, cho nên khó hiểu. Đó là tự nhiên, tự tự nhiên nhiên.

"*Bảo thủ*", "*bảo*", trong Thiền Tông gọi là "bảo nhậm". "Bảo nhậm" nghĩa là gì? Chữ "nhậm" là nghĩa nhậm vận (tùy thuận theo tự nhiên), cũng là tự nhiên, nhậm vận không thêm một tơ hào dụng ý nào, tự nhiên vĩnh viễn giữ gìn trong cảnh giới này. Đây gọi là "tự nhiên bảo thủ", hoàn toàn là thể dụng của chân như tự tánh. Chúng ta nói "thể, tướng, dụng", nói "thể dụng" bên trong nhất định phải bao hàm một cái tướng, "thể tướng dụng". "Tự nhiên bảo thủ", Phật thấy được cảnh giới này, kỳ thật cảnh giới này cũng ở trước mắt của chúng ta nhưng chúng ta mê mất cảnh giới này rồi. Đây cũng tức là nói thập pháp giới cùng nhất chân pháp giới là không hai không khác. Giác rồi thì là nhất chân pháp giới, không giác mới có thập pháp giới. Phật của thập pháp giới cũng chưa giác. Tông Thiên Thai gọi đây là "Tạng Thông Biệt Viên", Phật của Tạng Giáo, Phật của Thông Giáo đều là Phật của thập pháp giới, không tự nhiên. Cho nên đến "tự nhiên bảo thủ", thật tại mà nói là Phật của Viên Giáo, Biệt Giáo cũng có thể giảng được thông, tuy nhiên Tạng Giáo, Thông giáo thì không được. Cho nên vấn đề thành Phật, cần phải hỏi thành Phật gì? Điều này rất quan trọng. Muốn thành một vị Tạng Giáo Phật thì điều này không hiếm lạ.

"*Chân chân khiết bạch*", đây là hình dung tự tánh của chúng ta, tự tánh thanh tịnh. Lục Tổ Đại Sư, xưa kia lúc Ngài khai ngộ, câu đầu tiên Ngài nói: "*Hà kỳ tự tánh bổn lai thanh tịnh*" (nào ngờ tự tánh vốn sẵn thanh tịnh). "*Chân chân khiết bạch*" là bổn lai thanh tịnh, mà cái thanh tịnh này có thể giữ gìn vĩnh viễn. Đây gọi là "tự nhiên bảo thủ". "*Chí nguyện vô thượng*", những vị Bồ-tát này quả thật khác với những người tu hành thông thường. Họ có nguyện vọng chí cao vô thượng, nguyện vọng này là gì? "*Thượng thành Phật đạo, hạ hóa chúng sanh*"(trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh), nguyện vọng này là chí cao vô thượng, cùng mười phương tất cả chư Phật Như Lai không hai không khác. Những vị Bồ-tát này cầu những gì? Đối với chính mình là cầu giác ngộ viên mãn. Đây chính là Phật đạo, Phật đạo tức là giác ngộ cứu cánh viên mãn. Danh từ trong kinh Phật là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, họ cầu cái này, còn nguyện của họ là nguyện độ tất cả chúng sanh đồng thành Phật đạo, đây là chí nguyện vô thượng.

"*Tịnh định an lạc*", "*tịnh*" là thanh tịnh, "*định*" là bất động. Tâm của họ, chí của họ đều không dao động, kiên định. Ý nghĩa của "*tịnh*" là nhất định không có xen tạp. Xen tạp thì không thanh tịnh rồi. Họ không xen tạp, không dao động tức là định. Bởi thế nên họ đạt được an lạc. Sự an lạc này tức là pháp hỉ sung mãn.

Đây là hai chữ hình dung Bồ-tát tu học chứng quả, độ hóa chúng sanh đều là khoái lạc không gì sánh bằng.

"*Nhất đán khai đạt minh triệt*", sự khai ngộ này là không có định trước kỳ hạn, không có nói là khi nào, việc này là không nhất định. Đây là vấn đề cơ duyên. Tự mình dụng công, công phu miên mật, liên tục không gián đoạn, bỗng nhiên có một ngày khai ngộ. "*Nhất đán*" tức là thình lình có một ngày khai ngộ. Cơ duyên khai ngộ của mỗi người không giống nhau, có người nghe kinh mà khai ngộ, có người tham thiền tức là lúc nhập định mà khai ngộ, có người không biết gặp được cảnh giới gì, trong phút chốc đập vỡ cánh cửa mê hoặc bỗng nhiên khai ngộ. "*Nhất đán*" nghĩa là bỗng nhiên."*Khai*" tức là khai ngộ, tâm khai rồi. "*Đạt*" tức là liễu đạt, thông đạt. Tất cả pháp thế xuất thế gian, tất cả pháp quá khứ vị lai đều thông đạt, đều minh bạch cả. "*Minh triệt*" là hiểu rõ, không những hiểu rõ mà còn hiểu rõ triệt để. Đây gọi là khai ngộ. Trong thiền Tông gọi là "đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh", tại sao? Thế xuất thế gian pháp thảy đều thông đạt hiểu rõ, quá khứ hiện tại vị lai cũng đều thông đạt hiểu rõ, duyên cớ gì vậy? Chư vị nên biết, tất cả pháp đều do tâm tánh biến hiện ra. Trong kinh Hoa Nghiêm nói "*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*". Một người minh tâm kiến tánh, tất cả pháp đều do tâm tánh biến hiện ra thì họ làm sao không hiểu rõ, sao không thông đạt chứ? Người không thấy tánh, thì không cách gì thông đạt, phải học từng thứ từng thứ, nghiêm túc nỗ lực mà học cũng chưa chắc đã thật sự hiểu rõ. Lắm lúc rất dụng công học, học rồi nhưng hiểu sai ý nghĩa, không phải chân tướng. Trường hợp hiểu sai này rất nhiều. Cho nên nhất định phải kiến tánh thì mới thật sự "thông đạt minh liễu", nhất định sẽ không hiểu sai, hiểu lầm. Vậy thì "*khai đạt minh triệt*" chính là minh tâm kiến tánh của Thiền Tông, cũng tức là Tịnh Độ Tông chúng ta gọi là "lý nhất tâm bất loạn". Vậy sau khi đạt đến cảnh giới này thì diện mạo thế giới này sẽ ra sao?

Tiếp theo là nói với chúng ta về chân tướng của vũ trụ nhân sinh, chân tướng này là "*tự nhiên trung tự nhiên tướng* (2), *tự nhiên chi hữu căn bản* (3), *tự nhiên quang sắc tham hồi* (4), *chuyển biến tối thắng*". Bốn điều này là nói rõ sau khi đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Chúng ta không hiểu bốn điều này, tại sao? Vì chúng ta chưa thấy tánh, chưa minh tâm kiến tánh. Cho nên bốn câu này rất khó hiểu. Nếu bạn minh tâm kiến tánh rồi mà nghe được bốn điều này thì bạn sẽ gật đầu nói: "Đúng! Đúng! Nói rất đúng". Bạn sẽ hiểu được ý nghĩa bên trong, ý nghĩa bên trong đích thực vô cùng sâu rộng. Chúng ta bắt chước những câu thuật ngữ thường dùng trong kinh Phật,

như câu "*tự nhiên trung tự nhiên tướng*", chính là "*đương tướng tức đạo, tức sự nhi chân*" (ngay nơi tướng chính là đạo, ngay nơi sự chính là chân) như nhà Thiền thường nói. Ý nghĩa chính là như vậy. Tuy nhiên, hai câu nói này vẫn không dễ hiểu. Nếu chúng ta dùng tỉ dụ của cổ đức: lấy vàng làm đồ vật, vật nào cũng là vàng, cũng là tỉ dụ cho sự việc này. Những người thật sự đã thấy tánh, minh tâm kiến tánh tức là chứng quả, Biệt Giáo là Sơ Địa Bồ-tát, Viên Giáo là Sơ Trụ Bồ-tát, đây là thấp nhất. Một người học trò đã minh tâm kiến tánh rồi, nếu thầy hỏi "chân như bản tánh" ở đâu? Chúng ta ở trong Thiền Tông thấy được lối dạy học này. Học trò tùy tiện nói một câu, tùy tiện nhặt lấy [một thứ gì đó], thì vị thầy gật đầu ấn khả làm chứng minh cho họ. Có pháp nào mà không phải chân như bản tánh đâu! Ví dụ như khi nãy nói lấy vàng làm đồ vật, thì mọi vật đều là vàng, vậy vàng ở đâu? Tùy tiện nhặt một chiếc vòng đeo tay cũng được, nhặt một chiếc bông tai cũng được, nhặt một sợi dây chuyền cũng được. Vàng ở đâu? Nó ở đây. Không sai. Thập pháp giới đã là y chánh trang nghiêm, đều là chân như bổn tánh biến hiện ra thì có cái nào không phải chứ! Nhặt lấy một ngọn cỏ cũng được, nhặt lấy một chiếc lá cũng được, không có một thứ nào mà không phải. Cho nên nói "đầu đầu thị đạo, pháp pháp viên thông" (chỗ nào cũng là đạo, mọi pháp đều viên thông), khi bạn chưa thấy tánh thì mọi chỗ đều là chướng ngại. Khi hỏi người không thấy tánh vàng ở chỗ nào thì họ không thấy. Ở đây có vòng đeo tay, có dây chuyền…, bạn hỏi vàng thì họ không biết. Hỏi vòng đeo tay ở đâu? Vòng đeo tay ở đây, dây chuyền ở đâu? Dây chuyền ở đây, còn vàng? Vàng thì không biết ở đâu. Chúng ta hiện nay chính là như vậy, chấp tướng nên không thấy tánh, còn họ thấy tánh rồi nên không trước tướng, tùy tiện lấy một cái thì đều đúng.

"*Tự nhiên trung tự nhiên tướng*" (2)**,** tánh là tự nhiên, tướng cũng là tự nhiên. Chúng ta từ chỗ này tỉ mỉ mà lĩnh hội ý nghĩa này, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, nếu liễu giải được một hai phần chân tướng thì sự tu hành của chúng ta sẽ có lợi ích rất lớn, lợi ích ở đâu? Sẽ không chấp trước, không vọng tưởng nữa. Tại sao lại có nhiều vọng tưởng, chấp trước kiên cố như vậy? Vì trước tướng sẽ không thấy tánh, vì không hiểu rõ chân tướng sự thật nên họ mới trước tướng. Hễ không trước tướng thì được đại tự tại, thật sự giải thoát rồi. Cho nên nhà Thiền nói "*đương tướng tức đạo*" (ngay nơi tướng chính là đạo), đạo chính là tánh, ở trên tướng, tướng tức là tánh, tánh tức là tướng, tánh tướng bất nhị, tánh tướng nhất như, "*tức sự nhi chân* (ngay nơi sự tướng mà thấy thật tướng)", bất cứ sự việc gì, sự tức là lý, lý tức là sự, lý sự không hai, lý sự nhất như, trên sự thì thấy lý, trên tướng thì thấy tánh. Đây tức là "*tự nhiên trung tự nhiên tướng*".

"*Tự nhiên chi hữu căn bản*" (3). Chữ "tự nhiên" này là nói tướng, là nói sự. Tất cả hiện tượng, tất cả sự vật đều có căn bản, căn bản tức là tánh. Tất cả chúng sanh hữu tình, ngày nay chúng ta gọi là động vật. Thuật ngữ ngày nay gọi là động vật, thực vật, khoáng vật, trong Phật pháp gọi là hữu tình, vô tình. Động vật là hữu tình, thực vật, khoáng vật là vô tình, đều là chúng sanh. Ý nghĩa của chữ "chúng sanh" là chúng duyên hòa hợp mà sanh ra. Tuyệt đối không phải đơn thuần. Nếu dùng cách nói hiện nay tức là có rất nhiều điều kiện thì nó mới xuất hiện, không phải rất đơn thuần. Người hiện nay gọi là điều kiện, trong Phật Pháp gọi là chúng sanh, là chúng, "chúng" là nhiều, rất nhiều điều kiện thì hiện tượng này mới xuất hiện. Vì vậy nó có căn bản, tức là ở nơi động vật chúng ta gọi nói là Phật tánh. Căn bản của nó là tánh, tánh gọi là Phật tánh. Còn ở nơi thực vật, khoáng vật thì chúng ta gọi là Pháp tánh. Kỳ thật Phật tánh và pháp tánh là một tánh, không phải hai tánh. Tại sao gọi nó là Phật tánh? Vì nó có thể giác ngộ. Nó có thể giác cho nên chúng ta gọi là động vật, động vật có thể giác. Thực vật, khoáng vật không thể giác. Tuy là đồng một tánh nhưng cái tánh này có thể giác, cái tánh kia vẫn chưa thể giác ngộ. Sau khi tánh giác ngộ rồi thì cái chưa giác ngộ kia sẽ cùng giác ngộ theo, thường nói là "y báo chuyển theo chánh báo". Chánh báo này tức là động vật, chúng sanh hữu tình. Hữu tình mê rồi thì cái pháp tánh kia cũng mê, [những thứ] liên đới với nhau đều mê. Hữu tình chúng sanh giác ngộ rồi thì pháp tánh vô tình kia cũng giác ngộ. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: "*Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí*", "đồng" là chung, "viên" là viên mãn, "chủng trí" tức là giác ngộ. Tuy nhiên phải biết, chỉ hữu tình mới có thể giác ngộ, còn vô tình là liên đới giác ngộ theo, cùng giác ngộ. Cùng giác ngộ tức là câu thứ nhất ở phía trước "*tự nhiên trung tự nhiên tướng*". Điều này là cùng giác ngộ. Cho nên "*tự nhiên chi hữu căn bản*", "*căn bản*" là có bản tánh. Hiện nay triết học nói đến "bản thể của vũ trụ vạn hữu", tất cả vạn sự vạn pháp trong vũ trụ đều là từ nó sanh ra. Những nhà triết học tuy biết có một cái bản thể, nhưng bản thể là gì thì không nói rõ ràng được. Thực tế mà nói, họ vẫn chưa phát hiện ra. Tuy nhiên trong Phật pháp đã nói rất rõ ràng minh bạch rồi.

"*Tự nhiên quang sắc tham hồi*" (4), "*quang*" là quang minh, "*sắc*" là sắc tướng. Câu này tức là "*duy tâm sở hiện*" nói trong kinh Hoa Nghiêm, là hiện ra tướng cảnh giới của thập pháp giới, tướng cảnh giới của pháp giới nhất chân, "*tự nhiên quang sắc tham hồi*". Giống như Kinh Vô Lượng Thọ giới thiệu thế giới Tây Phương Cực Lạc y chánh trang nghiêm. Chúng ta từ trong kinh thấy được đây là "*tự nhiên quang sắc tham hồi*", "*tham*" là đan xen.

"*Chuyển biến tối thắng*", chuyển biến tức là thập pháp giới, "*duy thức sở hiện*", rơi vào trong thức thì nó sẽ biến ra những cảnh giới: lục đạo, nhân thiên, tam ác đạo. Cho nên đây là chuyển biến. Chuyển biến là thức khởi tác dụng. Thức là gì? Là phân biệt chấp trước. Cho nên chư vị phải biết, nếu không có phân biệt chấp trước thì pháp giới là nhất chân. Đây là tự nhiên quang sắc tham hồi, đó là trang nghiêm vi diệu, không thể nghĩ bàn! Vừa khởi phân biệt chấp trước thì chuyển biến rồi, tác dụng của chuyển biến, tướng mà nó hiện ra cũng không thể nghĩ bàn! Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, "*chuyển biến tối thắng*".

"***Uất-đơn thành thất bảo*** (5)***, hoành lãm thành vạn vật***".

(Uất-đơn-việt thành thất bảo, tự nhiên từ hư không hiện ra vạn vật).

Câu này là hình dung tướng dụng không thể nghĩ bàn. "*Uất-đơn*" là Bắc Câu-lô-châu trong bốn đại châu. Người của châu này phước báo lớn nhất, ăn mặc, hưởng thụ đều là tự nhiên. Còn thọ mạng là một ngàn tuổi, không có chết yểu. Vì vậy chỉ có ba châu có Phật pháp. Người của Bắc Câu-lô-châu không muốn học Phật, bởi vì họ không có khổ. Cho nên Phật đến nơi đó hoằng pháp, giảng kinh thuyết pháp thì không có người nghe, phước báo của họ quá lớn. Cho nên phú quý học đạo khó, bạn xem trên bức hoành viết, Vi-đà Bồ-tát cảm ứng với ba châu, tức là không có Bắc Câu-lô-châu. Ngài không có cách, [nơi đó] không có Phật Pháp. Phước báo lớn, tất cả [đều là] tự nhiên: thức ăn mà họ ăn giống như mọc sẵn trên cây, muốn ăn thứ gì thì trên cây rớt xuống, không phải bận tâm chút nào. Ăn, mặc, ở, đi đều là tự nhiên. Sự phú quý của nhân gian đã đạt đến chỗ cùng cực rồi. Chỗ này là lấy ý nghĩa tự nhiên của nó, "*Uất-đơn thành thất bảo*", cũng tức là bảy báu tự nhiên tuôn ra vậy. "*Hoành lãm thành vạn vật*", "*hoành lãm*" *"hoành"* là châu biến thập phương. Cho nên trước kia có người nói "*Uất-đơn*" nghĩa là ba đời, phối hợp với chỗ này là ba đời mười phương. Tuy nhiên nói ba đời không dễ giảng lắm. Vậy chữ "*Uất-đơn*" giảng là "*tự nhiên*" thì hay hơn, không cần phải liên hệ đến ba đời. Bởi vì từ trên chỉnh thể mà quan sát chân tướng của sự thật là "*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*" thì ý nghĩa của hai chữ "tự nhiên" viên mãn hơn, không cần phải miễn cưỡng nói đến ba đời. Vậy hai câu này nói rõ thập pháp giới y chánh trang nghiêm là tự nhiên từ trong chân như bổn tánh lưu lộ ra. Hai câu này chính là ý nghĩa như vậy. Thực tế giống như câu "nguyên thị Bồ-đề diệu tịnh minh thể" (vốn là cái thể vi diệu tịnh khiết sáng sạch của Bồ-đề) nói trong kinh Lăng-nghiêm, "thập giới y chánh" tức là thập pháp giới y chánh trang nghiêm, đều từ tự tánh tự nhiên lưu xuất ra, giống với câu này. Tức là trong Hoa Nghiêm nói "tâm hiện thức biến".

"***Quang tinh minh câu xuất*** (6)***, thiện hảo thù vô tỉ*** (7)".

(Quang minh tinh diệu sáng sạch cùng xuất hiện, tốt lành thật không gì sánh được).

"*Quang*" là quang minh, thực tế mà nói, mọi thứ đều có quang minh, tại sao? Bởi vì tự tánh là quang minh, cái thể năng biến năng hiện ấy là quang minh thì cái được hiện ra có lý nào không phóng quang minh chứ! Cho nên chư Phật Bồ-tát có ánh sáng, mỗi người chúng ta cũng có ánh sáng, tất cả động vật đều có ánh sáng, cho đến cả thực vật khoáng vật đều có ánh sáng. Thế giới Tây Phương mọi thứ đều phóng ánh sáng, là có đạo lý của nó, có lý luận y cứ của nó. Ở thế giới Ta-bà, tất cả vạn vật cũng phóng quang, tuy nó phóng quang, nhưng tại sao chúng ta không thấy? Vì tâm nhãn của chúng ta bị ô nhiễm, bị vọng tưởng chấp trước, thất tình, ngũ dục làm ô nhiễm nên không thấy được. Người thế gian này khi tâm càng thanh tịnh thì họ sẽ nhìn thấy những hiện tượng này, tâm thanh tịnh một phần thì họ thấy một phần, tâm thanh tịnh mười phần thì họ thấy được mười phần. Những điều này cũng là tự nhiên, không phải là thần thông hay khả năng đặc biệt. Chúng ta biết được đạo lý này, biết được chân tướng sự thật này, nó có quang minh, tinh đẹp, trong suốt, sạch sẽ cùng xuất hiện. Chân tướng của thập pháp giới là như vậy.

"*Thiện hảo thù vô tỉ*" (7). Chư Phật Bồ-tát trong thập pháp giới độ chúng sanh, chúng ta cảm thấy có tướng uế, các Ngài không thấy có tướng uế, chúng ta cảm thấy có ô nhiễm, các Ngài không cảm thấy có ô nhiễm. Chúng ta ở trong lục đạo, các Ngài cùng chúng ta tay nắm tay ngồi ngang hàng nhưng các Ngài trụ trong nhất chân pháp giới. Cảnh giới không giống nhau, các Ngài trụ trong nhất chân pháp giới là tự nhiên. Chúng ta trụ trong lục đạo cũng là tự nhiên. Cho nên điều này không thể nghĩ bàn.

"***Trứ ư vô thượng hạ, đỗng đạt vô biên tế***".

(Sáng tỏ không trên dưới, thông suốt không ngằn mé).

"*Trước*" nghĩa là sáng tỏ, rõ ràng. "*Vô thượng hạ*", câu này là nói cái lý như như, không có quá khứ, không có vị lai. Chữ "*thượng hạ*" là chỉ quá khứ vị lai, cái lý như như cũng hiện rõ là: không có xưa nay, không có ba đời. "*Đỗng đạt vô biên tế*", "*biên tế*" là nói mười phương, cũng không có mười phương. Không có mười phương, không có ba đời, đây mới là nhất chân. Do đây có thể biết, mười phương ba đời là từ đâu mà đến? Từ vọng tưởng phân biệt chấp trước mà đến, lìa khỏi tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước thì không còn nữa, pháp giới này vốn

là nhất chân. Cái lý này sâu, cảnh giới cũng sâu, tuy nhiên nó đích thật là cảnh giới chân thật của người thấy tánh. Cũng tức là chúng ta nói: "*chư pháp thật tướng*" (thật tướng của các pháp), chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Chúng ta ở tại thế gian này, muốn thấy được chân tướng này thì khó. Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ đoạn không nổi vọng tưởng phân biệt chấp trước. Nếu thật sự đoạn được rồi thì không khó. Chính vì cái này khó đoạn nên chúng ta không cách gì chứng đắc thật tướng của các pháp. Vì vậy mới phải niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc chúng ta được oai thần bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, [thì dù] phiền não của chúng ta vẫn chưa đoạn, vọng tưởng phân biệt chấp trước vẫn chưa đoạn, nhưng chúng ta được Phật lực gia trì thì cũng có thể thấy được. Thế Tôn nói rõ ràng những sự việc này với Di-lặc Bồ-tát. Thực tế nói với Di-lặc Bồ-tát cũng chính là nói với chúng ta, phía trước nói với A-nan cũng là nói với chúng ta. Chỗ này đổi thành Di-lặc Bồ-tát bởi vì Di-lặc Bồ-tát là Đẳng Giác Bồ-tát, Ngài rất quen thuộc cảnh giới Tây Phương, Phật vừa nói như vậy thì Ngài đương nhiên gật đầu, hoàn toàn khẳng định. Còn đối với kẻ sơ học như chúng ta thì tăng thêm lòng tin kiên định. Tuy không phải cảnh giới của chúng ta, nhưng chúng ta nghe rồi cũng sẽ không hoài nghi, cũng có thể tiếp nhận, có thể tin tưởng. Tiếp theo là lời Thế Tôn khuyến khích chúng ta.

"***Nghi các cần tinh tấn, nỗ lực tự cầu chi***".

(Vậy mỗi người phải nên siêng năng tinh tấn, nỗ lực tự cầu lấy).

"*Nghi*" là "phải". Mỗi người đều phải chăm chỉ, phải tinh tấn. "*Nỗ lực tự cầu*", điều này không phải không cầu được. Trong các Pháp môn khác, cho dù có nỗ lực tinh tấn, thực tế mà nói, chưa hẳn có thể cầu được. Bởi vì phải đoạn phiền não, phải đoạn Hoặc, điều này khó. Trong Pháp môn này, chúng ta chỉ cầu vãng sanh. Cho dù đã tạo tội nghiệp rất nặng, nhưng nếu có thể chân chánh sám hối thì một niệm, mười niệm cũng có thể vãng sanh. Điều này nói rõ mọi người chúng ta đều có phần vãng sanh. Bất luận người như thế nào, người thiện, người ác cả thảy đều có phần. Hễ bạn chịu tin tưởng, bạn chịu đi, bạn bằng lòng đi, bạn hết lòng lão thật niệm Phật là được.

"***Tất đắc siêu tuyệt khứ, vãng sanh vô lượng thanh tịnh A-di-đà Phật quốc***".

(Thì ắt được siêu tuyệt, vãng sanh về cõi vô lượng thanh tịnh Phật A-di-đà).

Đây là chỉ thị rõ ràng minh bạch, khiến chúng ta không còn chút tơ hào hoài nghi. "*Tất đắc*", ngữ khí này vô cùng khẳng định, bạn nhất định đi được, "*siêu*

tuyệt” mà đi. “*Siêu tuyệt*” là siêu việt những người tu hành thông thường, họ phải tu ba đại a-tăng-kỳ kiếp, còn bạn không cần, bạn vượt hơn rồi, khoảnh khắc thì siêu việt. Vượt qua năm mươi mốt giai cấp của Bồ-tát. Các Bồ-tát đó phải trải qua Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Bạn không cần phiền phức như vậy, chỉ trong khoảnh khắc thì vượt qua rồi, “*siêu tuyệt*”, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Là như vậy mà vượt qua, cho nên đây là pháp khó tin. Phật ở chỗ này khuyến tấn khích lệ chúng ta, nhất định không phải là giả, mỗi câu đều chân thật. Chúng ta thực tế mà nói là may mắn không gì sánh bằng! Trong đời này gặp được pháp môn này, nếu bạn không gặp được pháp môn này, dù bạn có khổ tu đến mấy cũng không có biện pháp thoát khỏi lục đạo luân hồi. Không thoát khỏi luân hồi thì công đức đã tu đó biến thành phước báo đời sau, bạn sẽ đi hưởng phước, điều này không cứu cánh. Gặp được pháp môn này thì hay lắm! Trong một đời bảo đảm có thể xuất ly lục đạo luân hồi, vãng sanh thì một đời Bất Thoái thành Phật.

“***Hoành tiệt ư ngũ thú***”.
(Cắt ngang năm đường).

“*Ngũ thú*” tức là lục đạo. Pháp môn này của chúng ta là “*hoành siêu*” (vượt ngang), tu học pháp môn khác không được thành tựu như vậy, phải từ cõi người tu đến cõi trời. Như thiền định, phải từ Sơ Thiền tu đến Nhị Thiền, Nhị Thiền đến Tam Thiền, Tam Thiền đến Tứ Thiền, Tứ Thiền đến Tứ Không, như vậy mới ra khỏi lục đạo luân hồi. Họ phải trải qua các thứ bậc như vậy, còn pháp môn của chúng ta thì không cần, chúng ta từ nhân đạo, từ bên cạnh mà thoát ra, không cần phiền phức như vậy. Cách kia tu rất khổ, rất không dễ dàng! Cho nên [pháp môn này] cắt ngang, vượt ngang, không cần trải qua nhiều giai đoạn như vậy.

“***Ác đạo tự bế tắc***”.
(Ác đạo tự nhiên đóng kín)

Ra khỏi lục đạo luân hồi rồi thì cho dù chúng ta có ác nghiệp cũng không phải thọ báo, vì sao? Vì thế giới Tây Phương không có tam ác đạo. Chúng ta cho dù có nghiệp nhân của tam ác đạo, song không có chỗ để thọ báo thì ác đạo đó tự nhiên đóng kín, huống chi nhờ Phật lực gia trì, chúng ta chỉ có tiến bộ không có thoái chuyển.

“***Vô cực chi thắng đạo***”.
(Đạo thù thắng vô cực).

"Vô cực" là tán thán đến chỗ tột đỉnh rồi, đạo này là tối thù thắng, đại đạo vô cực thù thắng, một đời viên mãn thành Phật, đây là chỉ cho niệm Phật vãng sanh.

"***Dị vãng nhi vô nhân***".
(Dễ đi mà không có người theo).

Rất dễ đi. Thế giới Tây Phương Cực Lạc rất dễ đi, nhưng rất tiếc không có ai đi, tại sao không có người đi? Vì bạn không tin, vậy thì không có cách gì, bạn không tin, bạn không chịu phát nguyện, nơi đó tốt lành như vậy, bạn nghĩ xem điều này đáng tiếc biết mấy!

"***Kỳ quốc bất nghịch vi, tự nhiên sở khiên tùy (8)***".
(Cõi kia không trái lẽ, tự nhiên bị kéo theo).

"*Bất nghịch vi*", tức là nói rất dễ vãng sanh. Vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc rất dễ dàng! Tuyệt đối không phải là việc khó khăn. "*Tự nhiên sở khiên tùy*", cũng là hình dung sự dễ dàng, tùy niệm thì mãn nguyện. Một đời là được địa vị Bất Thoái chuyển. Đây là pháp dễ hành mà khó tin, cho nên chư Phật cảm thán là pháp khó tin. Nếu bạn giới thiệu Tịnh Tông cho người khác, khuyên người ta mà người ta không tin thì bạn nên cười thôi, điều này rất bình thường, nếu họ tin ngay thì thật lạ lùng. Đây là pháp khó tin, sao họ có thể tin? Họ tin được thì nhất định là do có nhân duyên không thể nghĩ bàn. Như Phật nói trong kinh này, họ không phải người thường. Mấy câu phía dưới là khuyến khích chúng ta vãng sanh. Thật sự phát tâm vãng sanh, trong đời này muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc thì phải ghi nhớ lời giáo huấn này của Phật.

"***Quyên chí nhược hư không***".
(Rỗng lặng như hư không).

"*Quyên*" là xả bỏ, giống như chúng ta quyên góp tiền bạc, tiền đã xả bỏ rồi, quyên góp rồi. Còn "*chí*" là gì? Là những dục vọng của thế gian, phải xả bỏ nó. Người thế gian hiện nay lập chí gì? Có người lập chí kiếm nhiều tiền, có người lập chí làm quan lớn, phải có quyền, có thế, đều là tạo danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, theo đuổi tìm cầu những thứ hưởng thụ này. Phật dạy chúng ta phải xả bỏ những thứ này, khiến tâm giống như hư không. Danh văn lợi dưỡng ngũ dục lục trần cả thảy đều xả bỏ sạch sẽ, tâm địa thanh tịnh, không nhiễm.

"***Cần hành cầu đạo đức***".
(Siêng hành cầu đạo đức).

Xả bỏ hết thế gian pháp rồi, chúng ta cầu gì đây? Cầu "đạo đức", cầu con đường thành Phật, cầu cái đức độ sanh. Chữ "*đức*" này là năng lực, chúng ta phải cầu năng lực thật sự có thể phổ độ chúng sanh. Chỉ có đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, thân cận A-di-đà Phật để học tập thì chúng ta mới có thể thành tựu được đạo đức chí cao vô thượng.

"***Khả đắc cực trường sanh, thọ lạc vô hữu cực***".
(Được sanh về cõi Cực Lạc, thọ mạng và an vui không cùng tận).

Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thọ mạng dài, cực trường thọ, cực khoái lạc, thọ mạng và an lạc đều là vô cùng tận. Cho nên thế giới này gọi là thế giới Cực Lạc, A-di-đà Phật xưng là "Trường Thọ Phật". Sanh đến thế giới Tây Phương đều là trường thọ Bồ-tát, thọ mạng bằng với A-di-đà Phật. Hai câu sau là Phật cảm thán đối với chúng ta.

"***Hà vi trước thế sự, nao nao ưu vô thường?***".
(Sao lại tham đắm sự đời, nhọc lòng lo nghĩ chuyện vô thường?).

Nơi tốt lành như vậy, dễ đi như vậy mà bạn không đi. Tại sao lại chấp trước việc ngũ dục lục trần của thế gian? Từ sáng đến tối mãi ở đó làm chuyện vô thường, điều này thật là đáng thương! Không nên như vậy. Đây là đánh thức chúng ta, muốn kêu gọi chúng ta phải chân chánh giác ngộ. Trong các phẩm, chỉ có nghĩa kinh trong phẩm này là sâu nhất, khó hiểu nhất! Vì sao? Vì nói cảnh giới sau khi minh tâm kiến tánh của Bồ-tát, chúng ta xem thì rất khó hiểu. Chỉ có đoạn này, đoạn này cũng cần phải nói, đó là điều mà chúng ta thật sự hướng đến, thật sự mơ ước ngưỡng mộ. Người Đại Thừa học Thiền, học Giáo, học Mật đều hy vọng đạt đến cảnh giới này, đều cho rằng người niệm Phật không thể đạt được đến cảnh giới này. Phật nói như vậy thì hóa ra người niệm Phật sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng đạt đến cảnh giới này. Vậy hà tất phải chuốc lấy phiền phức, những pháp môn khác khó tu, pháp môn này dễ tu. Tại sao không "bỏ khó" để "theo dễ". Pháp môn này tuy dễ dàng song thành công cao, thành tựu là thù thắng không gì bằng!

KHUYẾN DỤ SÁCH TẤN ĐỆ TAM THẬP TAM
PHẨM BA MƯƠI BA: KHUYẾN DỤ SÁCH TẤN

Chúng tôi chọn những phần kinh văn này để làm khóa tối cho chúng ta mỗi ngày đọc tụng, mỗi ngày phản tỉnh, kiểm điểm, y giáo tu hành.

"***Thế nhân cộng tranh bất cấp chi vụ***".

(Người đời tranh nhau những việc không gấp rút).

"*Bất cấp*" tức là những việc không quan trọng, "*vụ*" là sự việc. Người thế gian từ sáng đến tối hấp tấp bận rộn làm những gì? Đều là những việc không quan trọng. Việc gì cần gấp rút? Là liễu sanh tử, xuất tam giới. Việc gì không quan trọng? Việc tạo lục đạo luân hồi có gì quan trọng đâu! Người thế gian hằng ngày làm những gì? Bận từ sáng đến tối, đều là tạo lục đạo luân hồi. Chúng ta phải thật sự giác ngộ. Bồ-tát tuy có thể tùy loại hóa sanh, có thể ứng hóa trong các ngành các nghề, song phải giác ngộ, không giác ngộ thì đó là phàm phu. Giác ngộ không phải đơn giản, không phải dễ dàng. Nếu không có thời gian dài huân tập sâu rộng Đại Thừa thì thật sự rất khó giác ngộ. Chúng ta có thể gặp được duyên phận này cũng không phải là ngẫu nhiên. Thật sự trong đời quá khứ có tu thiện căn, phước đức nhân duyên thì mới có thể gặp được. Sau khi gặp được, không ngừng huân tập trong thời gian dài, dần dần hiểu rõ được, có một chút giác ngộ rồi, thì sự hành trì của mình mới có một chút giống người tu hành, có một chút giống người tu Bồ-tát hạnh, như vậy niệm Phật cầu vãng sanh mới gọi là thật sự có bảo đảm.

"***Ư thử kịch ác cực khổ chi trung***".
(Ở trong cảnh ác khổ cùng cực).

Đây là nói thế gian này của chúng ta, chúng ta ở trong lục đạo cực khổ. "*Kịch ác*" là đại ác, trong thập ác nghiệp: sát đạo, dâm vọng, tham sân si mạn là đại ác. Vì tạo đại ác nên quả báo là khổ, trong hoàn cảnh sinh hoạt chúng ta thọ nhận [là những điều] cực khổ. Trong hoàn cảnh này:

"***Cần thân doanh vụ***".
(Nhọc thân làm lụng).

Như phía trước gọi là "*cộng tranh*", mọi người đều tranh nhau. "*Doanh*" là kinh doanh. "*Cần*" tức là rất chăm chỉ, bạn đang ở đó gây dựng, đang ở đó tạo tác, "*vụ*" tức là tạo tác.

"***Dĩ tự cấp tế***".
(Để tự nuôi thân).

Đây là nói rõ những việc không cấp bách, lấy vài ví dụ để nói. Hằng ngày đều tạo những thứ này. Để tự nuôi thân là thỏa mãn dục vọng của mình.

"***Tôn ty, bần phú, thiếu trưởng, nam nữ***".
(Tôn quý, ti tiện, nghèo giàu, già trẻ, trai gái).

Đây là nói chung người thế gian.

"***Lũy niệm tích lự, vi tâm tẩu sử***".
(Nhớ nghĩ chất chồng, bị tâm sai khiến).

"*Lũy niệm*", niệm là ý niệm, nhiều ý niệm chất chồng lại. "*Lự*" là toan tính, nghĩa là hằng ngày đều nghĩ tưởng, hằng ngày đều toan tính. Nghĩ những gì? Toan tính những gì? Đều là nghĩ hại người, lợi mình. Người hiện nay nghĩ làm thế nào để lấy tiền trong túi của kẻ khác về túi của mình, hằng ngày đều nghĩ việc này. "*Vi tâm tẩu sử*", "*tâm*" này là vọng tâm, tham tâm. Tâm tham sân si này đang ở đó sai khiến bạn nên thân của bạn liền nghe theo tâm này chỉ huy đi tạo tội nghiệp. Trong tâm tràn đầy tham sân si thì thân liền giúp cho cái vọng tâm này, muốn làm thỏa mãn nguyện vọng của nó, kết quả ra sao? Là một mảng trống không! "*Tâm*" là giả không phải thật. Bận rộn vội vàng cả một đời, đến lúc lâm chung, nếu bạn giác ngộ hồi đầu nghĩ lại cả đời bạn đã làm những gì? Toàn làm những việc hư vọng, không có việc gì là chân thật, cả đời đều là tạo tội nghiệp "lợi mình hại người". Tiếp theo lại nêu lên vài tỉ dụ để nói rõ.

"***Vô điền ưu điền, vô trạch ưu trạch***".
(Không ruộng lo ruộng, không nhà lo nhà).

Hiện nay người thông thường gọi đó là tài sản, của cải. Những người không có thì ngày ngày âu lo, làm cách nào để có được? Những thứ này nếu bảo là lo lắng mà có thể đạt được thì chư Phật đều bái bạn làm thầy. Vì sao? Vì Phật, Bồ-tát không làm được, dùng thủ đoạn gì cũng không đạt được, thông minh trí huệ thế nào cũng không đạt được. Vậy thì tiền tài của người thế gian từ đâu mà có? Từ quả báo mà được. Trong mạng bạn có, dù có vứt đi cũng không mất, đến lúc thì nó sẽ đến. Nếu trong mạng bạn không có, thì cầu thế nào cũng không cầu được. Điều này cần phải biết.

Cho nên tôi dạy các đồng tu mới học, nếu bạn muốn học Phật, thì trước hết bạn nên đọc quyển Liễu Phàm Tứ Huấn ba trăm lần, tại sao? Tâm của người học Phật phải thanh tịnh thì mới có thể nếm được vị của Phật pháp. Tâm không thanh tịnh thì nghe kinh vô dụng, không vào được. Tâm tại sao không thanh tịnh? Vì tham sân si mạn không xả bỏ được. Đọc Liễu Phàm Tứ Huấn ba trăm lần thì bạn sẽ biết nhân quả báo ứng, bạn sẽ không tham nữa. Vì sao? Vì tham cũng không được, "*nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định*" (miếng ăn, miếng uống đều do tiền định). Trong mạng bạn năm nào phát tài, đi đoán mạng không phải thầy bói đã bói ra cho bạn rồi sao? Vì sao bói ra được? Vì trong mạng bạn có sẵn, trong mạng

bạn nếu không có thì không bói ra được. Cho nên bạn có bao nhiêu tiền của là trong mạng bạn đã có sẵn. Bạn mỗi ngày ăn bao nhiêu hạt gạo cũng là trong mạng bạn đã định sẵn, ăn ít một hạt cũng không được, ăn nhiều một hạt cũng không được, do trong mạng đã định sẵn rồi. Bạn sống bao nhiêu tuổi cũng đã được quy định, vậy bạn [lo nghĩ] còn có ý nghĩa gì chứ! Cho nên sau khi ông Viên Liễu Phàm hiểu rõ rồi thì ông không có ý niệm gì nữa. Tại sao vậy? Ông biết tất cả ý niệm đều là vọng tưởng, không giúp được gì. Tâm ông thanh tịnh, tâm định lại, Vân Cốc Thiền Sư khai thị cho ông, ông nghe mới hiểu rõ, ông mới có thể ngộ đạo. Người thế gian không biết miếng ăn hớp nước đều do tiền định, nên vẫn muốn đi tranh, cả đời tạo tội nghiệp, kết quả vẫn là bấy nhiêu đó thôi. Bạn bảo có oan uổng hay không?

Vậy bạn muốn có tiền của thì phải tu nhân. Phật dạy chúng ta bố thí tài thì được tiền của. Trong đời này bạn có thể phát tài là do trong đời quá khứ bạn bố thí tài nhiều nên đời này tiền của nhiều. Trong đời quá khứ bạn không bố thí thì đời này bạn cũng nghèo như tôi, không có tiền của. Bạn muốn được thông minh trí huệ thì bạn phải tu bố thí pháp. Bạn muốn được khỏe mạnh sống lâu thì bạn phải tu bố thí vô úy. Đó là quả báo, quả thì nhất định có nhân. Bạn tu nhân nhất định sau này sẽ được quả báo. Đây là đạo lý nhất định. Không tu nhân, hằng ngày cứ vọng tưởng cầu quả báo, thì không có đạo lý này. Chỉ là tạo tội nghiệp mà thôi, khi minh bạch rồi thì có gì đáng lo nghĩ nữa chứ. Họ không lo nghĩ nữa. Người mê không hiểu rõ thì ngày ngày khởi vọng tưởng.

"***Quyến thuộc tài vật, hữu vô đồng ưu***".
(Quyến thuộc, tài vật, có hoặc không cũng lo).

Không có thì lo buồn, rất khổ, muốn có được, hằng ngày khởi vọng tưởng muốn có được, sau khi có rồi cũng lo buồn, lo buồn việc gì? Sợ mất đi! Bạn có nhiều tiền thì sợ tiền mất giá, sợ người ta đến cướp, lại sợ người ta lấy trộm. Những việc lo lắng quá nhiều! Thật là chuyện đáng thương! Có cũng khổ mà không có cũng khổ. Chớ tưởng rằng người giàu rất vui sướng, người giàu không vui. Giàu có cái khổ của giàu, nghèo có cái khổ của nghèo, nghèo giàu đều khổ cả. Đây là thế giới khổ mà!

"***Hữu nhất thiểu nhất, tư dục tề đẳng***".
(Có cái này rồi lại thấy thiếu cái kia, lo muốn cho bằng người).

Đây là cái khổ não lớn nhất của người thế gian, họ muốn so bì với người khác, phải chạy đua với người có mức sống cao, vậy thì quá khổ!

Có một lần tôi đi xe taxi ở Đài Bắc, chú tài xế taxi than thở với tôi rằng: "Cuộc sống quá khổ!", "Tại sao quá khổ?" "Vì người láng giềng vừa mua được cái tủ lạnh mới". Anh ta nhìn thấy rất thèm muốn, rất khó chịu trong lòng. Tôi liền nói với anh: "Một cái tủ lạnh nếu giữ gìn tốt thì có thể dùng mười năm, một chiếc áo nếu mặc cẩn thận, thì mặc được hai mươi năm không hư. Mọi thứ anh đều có thể tiết kiệm một chút thì cuộc sống chẳng phải rất tốt hay sao?". Anh nghe qua cũng cảm thấy rất đúng. Tôi nói: "Anh chạy taxi tiền kiếm được cũng không ít, mỗi tháng anh chạy mười ngày là đủ rồi, còn hai mươi ngày nằm đó để hưởng thụ, không cần chạy đua với người ta. Nếu anh chạy đua với họ, anh tiêu một ngày bằng hai ngày thì anh vẫn khổ, anh vĩnh viễn theo không kịp mức sống xa hoa này, anh theo không kịp đâu! Ta không đuổi theo thì ta được tự tại, "*biết đủ thường vui*" mà". Anh lại nói: "Lời này không sai, nhưng đồ chúng tôi dùng và mặc đều cũ rách, người ta nhìn thấy sẽ cười chết". Tôi nói: "Việc này dễ giải quyết, cười chết là họ chết, ta không chết, có phải không? Ta tự tại là được rồi".

Quan niệm của người hiện nay không chuyển lại được, chuyển lại được thì tự tại rồi. Hiện nay ở Đài Loan kiếm tiền không khó, ngày tháng dễ sống, "biết đủ thường vui", không biết đủ thì bạn phải chịu khổ, đáng đời bạn! Người giàu có tại sao lại khổ? Vì họ không biết đủ, nỗi khổ không biết đủ của họ giống với nỗi khổ của anh tài xế taxi. Họ không biết đủ thì vĩnh viễn ở trong khổ. Vừa biết đủ thì liền vui, "tâm khai ý giải" thì liền vui. "*Hữu nhất thiểu nhất, tư dục tề đẳng*", đây là tự chuốc khổ vào thân, căn nguyên là ở tại chỗ này.

"***Thích tiểu cụ hữu, hựu ưu phi thường***".

(Vừa được chút ít lại lo sợ vô thường).

Là vừa mới có một chút ít thì lại sợ bị mất, lo được lo mất.

"***Thủy hỏa đạo tặc, oan gia trái chủ, phần phiêu kiếp đoạt, tiêu tán ma diệt***".

(Nước lửa, trộm cướp, oán gia trái chủ, lửa thiêu nước chìm, tiêu tan sạch sẽ).

Sợ những thứ này: lửa có thể thiêu rụi, nước lớn có thể nhận chìm, còn có đạo tặc có thể trộm, cướp tiền tài của bạn. Thường thường lo lắng. Những người không có tiền thì không lo lắng những việc này, họ không bận tâm chút nào. Người có tiền thì hằng ngày lo những thứ này. Họ rất khổ, dù cuộc sống vật chất họ được hưởng thụ một chút, nhưng cuộc sống tinh thần thì vô cùng đau khổ, cuộc sống của họ áp lực rất nặng.

"***Tâm xan ý cố, vô năng túng xả***".

(Tâm keo kiệt kiên cố, không chịu buông xả).

Những người có của rồi thì lại bỏn xẻn, không xả được. Thực tế mà nói, đạo trời quả là rất công bằng. Người có tiền không chịu bố thí, bỏn xẻn thì đời sau làm người nghèo. Còn người nghèo rất rộng rãi, chịu bố thí thì đời sau làm người giàu có, điều này rất công bằng. Bạn xem, những người đến đạo tràng để bố thí đều không phải là người có tiền. Người có tiền thì rất khó bố thí, họ càng có lại càng muốn có, một xu cũng không chịu bỏ ra. Người không có tiền thì rất khẳng khái rộng rãi, dù sao tôi cũng không có, xả bỏ rất vui, rất tự tại. Người có tiền không chịu bố thí thì đời sau sẽ nghèo vì hưởng hết phước báo rồi, họ không trồng nhân nữa. Còn người không có tiền thì hằng ngày trồng nhân, cho nên đời sau họ sẽ giàu. Chúng ta thường nói phong thủy luân phiên chuyển đổi. Rốt cuộc thì vì sao lại luân phiên chuyển đổi? Chư vị biết đạo lý này thì biết là chuyển cách đó. Người giàu nếu chịu bố thí thì đời sau được đại phú, còn người bần cùng không chịu bố thí thì đời sau lại càng bần cùng. Vậy thì khổ rồi. Cho nên phải biết đây là gốc bệnh, đây là rất chấp trước, "*vô năng túng xả*".

"***Mạng chung khí quyên, mạc thùy tùy giả. Bần phú đồng nhiên, ưu khổ vạn đoan***".

(Mạng chung mất hết, không mang theo được gì. Nghèo giàu đều như vậy, sầu khổ trăm mối).

"*Mạng chung khí quyên*", khi thọ mạng của bạn đến rồi, một hơi thở không còn nữa, bình thường bạn rất keo kiệt, không xả được, đến lúc này phải bỏ hết tất cả, một thứ cũng không mang theo được. Cho nên "*sanh không mang đến, chết không mang đi*", câu nói này mọi người đều biết, nhưng mọi người đều không làm được. Tại sao không làm được? Vì mê hoặc điên đảo, họ không biết được, đây là chân tướng sự thật. Thật sự hiểu rõ "*sanh không mang đến, chết không mang đi*" thì người này giác ngộ rồi, vì sao? Thì ra tất cả những thứ tiền tài phú quý, những sản nghiệp này, bày ra trước mặt cho ta xem, song không phải của ta, là cho ta xem thôi. Trong giai đoạn hiện nay ta có quyền chi phối nó.

Chư vị phải biết, bạn có quyền chi phối nhưng tuyệt đối không có quyền có được. Chi phối được thỏa đáng thì tích công lũy đức. Chi phối không thỏa đáng thì tạo tội nghiệp, tội phước là ở trong một niệm này. Chi phối được thỏa đáng, như tôi lấy tiền của làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, đây là tích công lũy đức. Chi phối không thỏa đáng chiếm làm của riêng, một tơ hào cũng không chịu làm

lợi ích cho kẻ khác thì đây là tạo tội nghiệp. Cho nên tiền tài từ xưa đến nay vẫn gọi là lưu thông, tức là bảo bạn phải lưu thông, lưu thông giống như nước vậy. Nó không lưu thông thì biến thành nước chết, đồng tiền đó gọi là đồng tiền thối. Nước chết không lưu thông thì nước đó sẽ bị thối. Cho nên nhất định phải lưu thông, ở trước mặt chúng ta, chúng ta phải giúp đỡ nó lưu thông, khiến nó lưu thông một cách vô cùng thuận lợi. Làm lợi ích cho tất cả chúng sanh thì việc này đúng rồi. Cho nên "*xả đắc*", mọi người thường gắn trên đầu môi nhưng không biết ý nghĩa. **Ý nghĩa là bạn xả thì có đắc**, bạn không xả thì không đắc. Bạn xả được nhiều thì bạn đắc nhiều, xả ít thì đắc sẽ ít, đây là đạo lý nhất định. Đến lúc mạng chung một thứ cũng không mang đi được, "*bần phú đồng nhiên*", nghèo cùng và phú quý đều như nhau.

"*Ưu khổ vạn đoan*", thế gian này không có gì là không khổ. Người làm quan lớn có nỗi khổ của kẻ làm quan lớn. Tôi nhìn thấy những người làm quan lớn, tôi cảm thấy tôi không dám làm. Vì sao mà không dám? Hằng ngày phải cùng người ta bắt tay, việc này nhọc lắm. Không thích bắt tay với họ cũng phải bắt tay, việc này quá phiền phức. Hội họp thì quá khổ! Hội họp rất khổ, bắt tay rất khổ. Nhìn hai việc này thì tôi không làm. Đây không phải là việc mà người tự tại chịu làm, chúng ta thích tự do tự tại, không có ràng buộc.

Chúng ta xem tiếp đoạn hai. Phật khuyên chúng ta giữa người với người phải tôn trọng lẫn nhau, phải hòa mục, không nên đố kỵ, sân hận. Đoạn phía trước là nói với chúng ta về keo kiệt tham lam, bạn xả không được, không thể bố thí, điều này làm tổn hại chính mình vô cùng lớn! Sự tổn hại trước mắt là bạn khổ, thân khổ, tâm cũng khổ. Còn sự tổn hại xa là bạn không có cách gì tiếp xúc được với Phật pháp. Cho dù tiếp xúc được, bạn cũng không nghe lọt tai, dù có nghe bạn cũng không khai ngộ. Tại sao vậy? Vì bỏn xẻn tham lam làm chướng ngại tánh giác ngộ của bạn, nên bạn sẽ không khai ngộ, nhất định phải xả bỏ nó.

"***Thế gian nhân dân, phụ tử huynh đệ, phu phụ, thân thuộc, đương tương kính ái, vô tương tăng tật***".

(Thế nên ở đời cha con anh em, vợ chồng thân thuộc nên thương kính nhau, không nên ganh ghét nhau).

"*Tăng*" là ghét hận, đây là Phật chỉ dạy chúng ta, chư vị muôn ngàn lần phải nên ghi nhớ. Trong tam phước, câu thứ nhất Phật khuyên chúng ta phải hiếu dưỡng phụ mẫu. Ở thế gian, cha con anh em chồng vợ thân thuộc đều là trong đời quá khứ có nhân duyên rất sâu, nếu không có duyên thì không thể trở thành người

một nhà. Những thứ duyên này rất phức tạp, chúng ta phải hiểu rõ. Duyên có thể thiên biến vạn hóa, duyên tốt có thể biến thành duyên ác, duyên ác cũng có thể biến thành duyên tốt. Điều này phải xem lực lượng nội ngoại. Nội là phải nhờ vào giác ngộ, ngoại thì phải nhờ vào thiện tri thức, bạn lành.

Phật nói với chúng ta, sanh làm người trong một nhà có bốn loại quan hệ, **Báo Ân, Báo Oán, Đòi Nợ, Trả Nợ**. Nếu không có mối quan hệ này thì không thể vào cùng một nhà. Kẻ báo ân đến là tốt, đều là con hiếu cháu hiền, cha hiền con hiếu đều là báo ân không cần người dạy, là tự nhiên. Còn kẻ báo oán đến tức là con phá của, có thể khiến cả nhà bạn bất an, nếu nghiêm trọng thì có thể khiến cho nhà tan người chết. Còn kẻ đến đòi nợ, đòi xong thì nó đi mất, tùy bạn thiếu nó bao nhiêu, thiếu ít thì nó sẽ ra đi lúc còn rất nhỏ. Thiếu nhiều có thể nuôi nó đến tốt nghiệp đại học, sắp sửa đi làm thì nó ra đi. Còn kẻ đến để trả nợ thì đứa bé này đối với cha mẹ không có tâm cung kính, không tôn kính, tuy nhiên nó sẽ cúng dường, nó sẽ cung cấp cho bạn nhu cầu sinh hoạt. Nếu thiếu nhiều, nó chăm lo rất đầy đủ, cho bạn rất nhiều tiền bạc. Nếu thiếu ít, nó sẽ rất tính toán, mỗi tháng nó có thể chu cấp cho bạn vài đồng phí sinh hoạt, nó không cho nhiều. Trong xã hội thường thấy được những điều này. Người thế gian không biết nhưng chúng ta biết, hiểu được mối quan hệ này. Cho nên đòi nợ, trả nợ, báo ân, báo oán là quan hệ như vậy. Duyên mỏng hơn một chút thì trở thành bạn bè thân thích. Bất luận là thiện duyên hay ác duyên, gặp được thiện tri thức thì thiện duyên sẽ càng thiện hơn, ác duyên cũng trở thành thiện, vậy thì tốt rồi, đừng nên tính toán cái ác của quá khứ.

Cho nên Phật dạy chúng ta "*đương tương kính ái*" hai bên phải có thể bao dung lẫn nhau, phải có thể tôn trọng tương thân tương ái. "*Vô tương tăng tật*", con người không phải là thánh hiền, không tránh khỏi có lỗi lầm, phải biết bao dung lỗi lầm của người khác, đừng nên ghét hận, đừng nên đố kỵ, điều này vô cùng quan trọng. Nuôi dưỡng cái đức của chính mình. Hóa giải những mối oan kết này, người và người trong đời quá khứ có những oán thù, những oán thù này có thể hóa giải được.

"***Hữu vô tương thông***".

(Người có giúp đỡ người không có).

"*Hữu vô tương thông*" này có hai ý, một là vật chất, ta có, còn họ thiếu thốn, thì ta phải giúp họ, phải tặng cho họ, giúp họ cũng có thể sống được. Thứ hai là tinh thần, cũng phải giúp đỡ, an ủi lẫn nhau. Ta có tài nghệ, họ không có, ta phải

chỉ dạy cho họ, hay là một phương diện của trí huệ, phải hết lòng giúp đỡ, chỉ dạy cho họ.

"***Vô đắc tham tích***".
(Không nên tham tiếc).

Đừng nên có tâm tham, đừng nên keo kiệt, giúp đỡ người phải toàn tâm toàn lực. Tận tâm tận lực giúp đỡ người nhất định sẽ có lợi ích, điều này không dễ.

Lúc tôi mới học Phật, vị thầy đầu tiên của tôi là Đại sư Chương Gia, lúc đó tôi học Phật mới được một tháng. Ngày thứ nhất mới quen biết Ngài, tôi thỉnh giáo Ngài: "Con biết Phật Pháp hay, Phật Pháp vô cùng thù thắng! Con rất muốn học, [vậy con] phải nhập môn từ đâu?". Tôi đưa ra vấn đề này với Ngài, thỉnh pháp với Ngài. Ngài nhìn tôi, nhìn nửa tiếng đồng hồ, một câu cũng không nói. Tôi cũng nhìn Ngài, chúng tôi bốn mắt nhìn nhau. Tôi chờ đợi nửa giờ đồng hồ, tâm định lại, quả thật một vọng niệm cũng không có, tôi tập trung tinh thần chờ Ngài trả lời. Phương pháp dạy học của Ngài rất đặc biệt, trước tiên dạy bạn tập trung tinh thần định tâm lại, sau đó mới nói với tôi một chữ "Có!". Chỉ nói một chữ, sau đó không nói nữa. Ngài nói có, nên tôi liền đặc biệt chú ý, tinh thần phấn chấn lên. Đại khái lại đợi khoảng năm phút nữa Ngài mới nói sáu chữ: "**Nhìn được thấu, buông được xuống**". Ngài nói rất chậm không nói nhanh như tôi. Nghe xong sáu chữ này, tôi hình như cũng hiểu được một chút, "phải nhìn thấu, phải buông xuống". Tôi hỏi tiếp: "Hạ thủ từ đâu?" Phản ứng của tôi rất nhanh. Lần này Ngài lại nhìn tôi, đại khái nhìn tôi khoảng mười phút thì nói với tôi hai chữ "**Bố Thí**". Ngày đầu tiên gặp mặt hơn hai giờ thì nói mấy câu như vậy. Tôi được lợi ích rất lớn. Khi tôi cáo từ, Ngài tiễn tôi đến tận cửa, vỗ vai tôi nói: "Hôm nay tôi nói cho anh sáu chữ, anh phải nghiêm túc làm sáu năm nhé!".

Lúc đó tôi bị Ngài làm cho rất cảm động, tôi trở về thật sự làm theo. Trước đó tôi rất keo kiệt, lúc đó tiền tôi kiếm được rất ít, một xu cũng không tiêu bừa bãi thì nói gì đến bố thí, vô cùng keo kiệt. Nghe thầy dạy bố thí xong, tôi không tiêu tiền bừa bãi, tiền của tôi đều đem mua sách cả. Từ nhỏ tôi yêu thích đọc sách, có bao nhiêu tiền đều đi mua sách hết. Tôi không chịu cho ai mượn sách cả. Bạn xem, keo kiệt biết mấy! Vì sao? Cho họ mượn họ có thể làm bẩn sách của tôi, vậy thì tôi không thích. Cho nên tôi không chịu cho người khác mượn sách. Nghe thầy nói phải bố thí thì tôi có thể cho người mượn sách, cho mượn sách gì? Là số sách cũ tôi đã xem qua, không cho mượn sách mới. Thật không phải dễ! Thật sự phải nhiều năm sau, dần dần tôi mới có thể bố thí sách mới. Dù là sách mới mua

chưa xem qua, người khác muốn xem? Được! Lấy đi! Lấy đi không trả cũng không sao. Cả mấy năm mới bồi dưỡng được, không quá so đo nữa. Là thầy mở đầu dạy cho tôi. Tôi cũng thật chịu học, dần dần giảm nhẹ rồi trừ bỏ cái tánh bỏn xẻn này. Thật không phải dễ dàng. Nếu không phải thật sự dụng công phu từ trên đây thì rất khó. Đây là ngày đầu thỉnh pháp nơi Đại sư Chương Gia, tôi có được lợi ích chân thật. Cho nên hiện nay tôi vẫn còn một chút phước báo, chính là bắt đầu từ ngày Đại sư Chương Gia dạy tôi tu nhân bố thí, nên hiện nay được quả báo này. Nếu Ngài không dạy tôi thì đời này tôi khổ rồi, quả thật là nghèo vô cùng!

Tu học bao nhiêu năm nay, chính bản thân tôi thể nghiệm được, cũng hoàn toàn là sự thật, "càng xả thì càng được nhiều". Hình như xả hết tất cả, sau vài ngày nó lại đến, còn đến nhiều hơn so với trước kia một chút, hình như có lợi tức vậy. "Càng xả thì càng được nhiều". Cho nên một chút phước báo của tôi là trong đời này tu được. Sau khi gặp Đại sư Chương Gia mới đạt được. Không có thầy chỉ dạy như vậy, không có thầy dùng phương pháp như vậy thì chúng tôi cũng rất khó. Phương pháp của Ngài khác với người thường. Chúng ta hỏi người khác, vừa hỏi thì họ đáp ngay tràng giang đại hải, nói rất nhiều, đến lúc ra về thì không biết họ nói những gì? Không giống Đại sư Chương Gia trong hai giờ chỉ nói vài câu mà vài câu này từng chữ đều in sâu vào đầu óc của bạn. Bạn vĩnh viễn không thể quên được, cho nên đây là cách dạy bảo chân thật. Tôi đã thân cận nhiều vị thiện tri thức, từ trước đến giờ chưa có vị nào giống như Đại sư Chương Gia, có định công như vậy, trầm tĩnh như vậy, không gặp được người thứ hai. Đây là một vị đại thiện tri thức phi thường.

"***Ngôn sắc thường hòa***".

(Lời nói, vẻ mặt thường hòa nhã).

"*Ngôn*" là lời nói, "*sắc*" là vẻ mặt. Đối đãi với người phải hòa mục, lời nói phải êm dịu, hòa mục. Đặc biệt là thời đại này, người ta thường hay vội vàng nóng nảy, rất dễ bị kích động. Chúng ta nói chuyện hơi không cẩn thận đắc tội với họ, thì liền có rắc rối ngay, cho nên phải đặc biệt cẩn thận, phải thận trọng. Trước kia, còn có quan hệ về luân lý, hiện nay mọi người đều không chú trọng nữa, chúng ta cũng đừng quá quan trọng việc này. Cha đối với con phải khách sáo, thời đại này đã khác rồi, phải đối xử với con như bạn bè. Sư phụ đối với đồ đệ cũng phải khách sáo, cũng phải xem đồ đệ như bạn bè, xem như đồng tham, không thể dùng thái độ của luân lý xưa để đối xử được, nguyên nhân ở đâu? Vì người thời nay không được nhận nền luân lý giáo dục thời xưa, thời của chúng tôi thì có, hiện nay thì không có. Chúng ta không thể đem tiêu chuẩn của mình để

nhìn họ được. [Nếu không] bên trong sẽ có va chạm, sẽ có sự ngăn cách của thế hệ, sẽ có vấn đề. Cho nên chúng ta nhất định phải nhìn vào hiện thực, phải nhìn vào xã hội hiện tại, phải nhìn vào quan niệm của nhóm người trẻ tuổi, xem cách nhìn cách nghĩ của họ. Chúng ta phải thuận theo họ, cùng giống với họ, vậy mới được! Đây là cách độ chúng sanh trong Phật pháp, Phật ở chỗ này giáo huấn vô cùng quan trọng.

"***Mạc tương vi lệ***".

(Đừng chống đối nhau).

Như tôi vừa nói, chúng ta cần phải hạ thấp tiêu chuẩn xuống. Trước kia khi tôi đi cầu học, thầy Lý thường dạy chúng tôi, chúng tôi học Phật thật sự phải chắp tay dập đầu lễ bái cầu Phật pháp thì mới cầu được. Mai sau nếu quý vị đem Phật pháp giới thiệu cho chúng sanh, nếu chờ người ta chắp tay dập đầu lễ bái bạn để cầu thì một người cũng không có. Vậy phải làm sao? Chúng ta quay ngược lại, dập đầu lễ bái để biếu tặng, người ta vẫn chưa chắc đã cần, đúng là như vậy! Tịnh Độ Tông ngày nay, chúng ta chắp tay lễ bái để tặng Phật Pháp cho người. Nhất định phải hiểu rõ chúng sanh thời nay thì bạn mới có thể giới thiệu Phật Pháp cho họ, mới có thể khiến họ từ từ giác ngộ, họ sẽ đạt được lợi ích chân thật từ Phật pháp. "*Mạc tương vi lệ*", ý nghĩa của câu nói này rất sâu.

"***Hoặc thời tâm tránh, hữu sở khuể nộ, hậu thế chuyển kịch, chí thành đại oán***".

(Hoặc có lúc tranh cãi hoặc là giận dữ, đến đời sau sẽ chuyển nặng, thậm chí thành đại oán).

Người sống chung với người là việc khó nhất. Làm việc khó, làm người càng khó hơn. Người và người sống chung với nhau không tránh khỏi lắm lúc bất đồng ý kiến, cách nhìn không nhất trí. Lúc đó nếu một bên không chịu nhẫn nhường thì trong tâm hai bên đều không vui. Sự bất hòa này trở thành oán, nếu không giải trừ được oán, tích lũy lâu rồi thì biến thành hận, vậy việc này rắc rối rồi. "*Hữu sở khuể nộ*", trong bản của Khang Tăng Khải, sau câu này còn có câu "*kim thế hận ý, vi tương tăng tật*" (đời này có ý oán hận, đôi bên có chút ghét giận nhau). Trong đời này chúng ta chỉ có mối oán hận nho nhỏ, có một chút việc không vui nhưng đến đời sau thì biến thành nặng. Nếu bạn không thể hóa giải thì trở thành việc rắc rối, mối oán hận này càng tích lũy càng nghiêm trọng, biến thành mối thù hận lớn, "*chí thành đại oán*". Cho nên gọi là oan oan tương báo, không ngày ngừng dứt.

Chúng ta sống trong thế gian này, tỉ mỉ mà quan sát, giữa người với người, "báo ân thì ít, báo oán thì nhiều", người nhà, cha con đều không ngoại lệ, báo oán nhiều, còn vợ chồng? Hiện nay, ở Trung Quốc và ngoại quốc, bạn thấy tỷ lệ ly hôn cao biết mấy! Ban đầu chẳng phải rất tốt hay sao! Qua vài ngày thì trở mặt thành oan gia đối đầu. Cho nên chúng ta phải nhìn cho rõ, "giả" đấy! Không phải thật, đừng quá tha thiết! Đời người ở thế gian này, mấy mươi năm giống như người lữ khách vậy, qua hai ngày thì đi rồi, hà tất phải thiết tha với nơi này như vậy! Kết oán cừu với họ như vậy không có ý nghĩa gì cả, đây là lỗi lầm lớn nhất! Hãy thường nghĩ rằng ta là kẻ lữ hành, là khách, chỉ vài ngày là lại đi rồi, hoan hỉ sống chung với mọi người thì tốt biết mấy. Bất cứ việc gì, việc khó khăn đều tha thứ cho họ, đừng để ở trong lòng. Như vậy thì tốt, thì tự tại.

"***Thế gian chi sự, cánh tương hoạn hại, tuy bất lâm thời, ưng cấp tưởng phá***".

(Sự việc ở đời gây nhiều họa hại cho nhau, tuy chưa gặp phải, phải gấp có ý tưởng phá trừ).

Đây là nói với chúng ta những việc trên thế gian này đều là báo đền lẫn nhau. Nếu hiểu rõ đạo lý này, biết được chân tướng sự thật này thì tâm bạn tự nhiên sẽ định. Tỉ như chúng ta ngày nay sống trong xã hội này bị kẻ khác lừa gạt, bị kẻ khác làm cho thiệt thòi, kỳ thật không có sự việc này, tại sao? Nó có "báo đền". Bởi thế nhất định không có một người nào thật sự bị thiệt thòi, cũng không có một người nào thật sự chiếm lợi ích của kẻ khác. Bạn chiếm đoạt tiền bạc của người ta thì tương lai phải trả nợ, bạn hại mạng người ta thì tương lai phải đền mạng, "*thiếu mạng phải trả mạng, thiếu tiền phải trả tiền*", nhân quả thông ba đời. Không ai thiếu ai được cả. Nếu quả thật thông đạt chân tướng sự thật này rồi thì tiền tài của tôi bày ra nơi đó, tôi tuyệt đối nhìn cũng không thèm nhìn. Người ta lấy đi, tùy ai lấy cũng được, nếu là của tôi thì tương lai bạn vẫn sẽ cúng dường cho tôi. Nếu không phải của tôi, vậy thì bạn nên lấy đi, phải không? Cho nên bạn sẽ không để ý, không để ý thì tâm an rồi, thì vui vẻ rồi, sẽ không vì những sự việc này mà u sầu, đây đều là chân lý, chân tướng sự thật.

Vậy chúng ta xử thế đối người tiếp vật thì tâm địa tự nhiên thanh tịnh, tự nhiên chánh trực, không khởi tâm tham, chiếm tiện nghi của người ta. Tôi chiếm tiện nghi của người ta, kiếp sau phải trả nợ, việc này rắc rối biết mấy. Họ thiếu tôi, thì bỏ đi, không cần nữa, bỏ hết tất cả, tôi không cần họ trả nữa, trả cũng rắc rối, món nợ này trả xong rồi. Ta thiếu họ thì phải trả, họ thiếu ta thì không cần, vậy là tự tại. Cho nên "*ưng cấp tưởng phá*", phải mau mau có ý tưởng phá trừ.

"*Tưởng phá*" tức là nhìn thấu, nhìn thấu rồi thì đương nhiên có thể buông xuống. Người ta tại sao không thể buông xuống được? Vì chưa nhìn thấu, nhìn thấu thì có thể buông xuống.

"***Nhân tại ái dục chi trung, độc sanh độc tử, độc khứ độc lai, khổ lạc tự đương, vô hữu đại giả***".

(Con người ở trong ái dục, sanh một mình, chết một mình, đến đi một mình, tự chịu khổ vui, không ai thay thế được).

Đây là chân tướng sự thật, cần phải hiểu rõ. Một người ở tại thế gian này, ở trong lục đạo, đều là chính mình tạo nghiệp, chính mình thọ báo. Chúng ta ở trong đời này rất hạnh phúc hoặc rất khổ não, đều là tự làm tự chịu, nhất định không được oán trời trách người. Đều là tự mình tạo nghiệp, tự mình thọ báo, cho nên "*độc sanh độc tử, độc khứ độc lai*", không có người làm bạn. Vợ chồng ân ái đến mấy, lúc mệnh chung đều phải phân ly, sẽ không nhận ra nhau nữa, cũng không gặp mặt nhau nữa, đây là sự thật cần phải biết. Tại sao vậy? Hai người tạo nghiệp khác nhau thì họ làm sao có thể đi cùng một đường được. Cho nên "*khổ lạc tự đương*", "*tự đương*" tức là tự mình thọ lãnh, tự làm tự chịu, không ai có thể thay thế được.

"***Thiện ác biến hóa, truy trục sở sanh, đạo lộ bất đồng, hội kiến vô kỳ***".

(Lành dữ biến hóa, theo đó đi thọ sanh không đồng, không dịp gặp gỡ).

Đây là nói một người sau khi chết thì đi luân hồi. Mỗi người tùy theo nghiệp của họ, thiện ác biến hóa: thiện có thiện quả, ác có ác báo. "*Truy trục*", tức là nghiệp lực này đang chi phối bạn, khiến bạn đi đến đó đầu thai. "*Đạo lộ bất đồng, hội kiến vô kỳ*", hiểu rõ sự thật này bạn mới biết được cái đáng quý của thế giới Tây Phương. Người thân, bạn lành, đồng tham của chúng ta trong đời quá khứ niệm Phật đã vãng sanh thế giới Tây Phương. Chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì mới thường tụ hội một nơi. Nếu không sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, muốn đời sau lại tụ hội một chỗ thì đó là vọng tưởng, không phải là sự thật. Sự thật là "*hội kiến vô kỳ*".

"***Hà bất ư cường kiện thời, nỗ lực tu thiện, dục hà đãi hồ?***".

(Lúc còn cường tráng sao không nỗ lực tu thiện, còn đợi đến lúc nào?).

Phật khuyên chúng ta, hiện tại thân thể chúng ta rất khỏe mạnh, tại sao không nhân dịp này nỗ lực niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Chỗ này nói đến vấn đề tu thiện, tức là chỉ cho niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tuân thủ giáo giới của Phật

"*đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện*". Đồng tu Tịnh Tông chúng ta lúc bình thường tu thiện đặc biệt đề ra năm khoa mục:

Khoa mục thứ nhất là Tam Phước, Tam Phước là đại căn đại bổn:

✓ Điều thứ nhất là: Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp.

✓ Điều thứ hai là: Thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi.

✓ Điều thứ ba: Phát Bồ-đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả.

Khoa mục thứ hai là Lục Hòa:

✓ Kiến hòa đồng giải
✓ Giới hòa đồng tu
✓ Thân hòa đồng trụ
✓ Khẩu hòa vô tranh
✓ Ý hòa đồng duyệt
✓ Lợi hòa đồng quân

Những giới điều căn bản này nhất định phải tuân thủ. Từ trên cơ sở Lục Hòa lại tu Tam Học:

✓ Giới Học
✓ Định Học
✓ Huệ Học.

Lại học cách giữ nguyên tắc xử thế của Bồ-tát: Lục Ba-la-mật:

✓ Bố thí
✓ Trì giới
✓ Nhẫn nhục
✓ Tinh tấn
✓ Thiền định
✓ Bát-nhã

Sau cùng là tu Thập Đại Nguyện Vương của Bồ-tát Phổ Hiền:

✓ Lễ kính chư Phật (1)

✓ Xưng tán Như Lai (2)
✓ Quảng tu cúng dường (3)
✓ Sám hối nghiệp chướng (4)
✓ Tùy hỉ công đức (5)
✓ Thỉnh chuyển pháp luân (6)
✓ Thỉnh Phật trụ thế (7)
✓ Thường tùy Phật học (8)
✓ Hằng thuận chúng sanh (9)
✓ Phổ Giai Hồi Hướng (10)

Đây là trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, xử thế đối người tiếp vật phải tuân theo những lời giáo huấn này, đây chính là "*nỗ lực tu thiện*" vậy.

Sau đó lại **Phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ**. Như vậy thì cái thiện của bạn đã viên mãn rồi, thiện này của bạn sẽ không thoái chuyển, đó mới gọi là chân thiện. Nếu không cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì đời sau cái thiện của bạn có thể được đại phước báo của cõi trời người. Khi hưởng hết phước báo rồi lại phải đọa lạc, cho nên cái thiện đó không rốt ráo. Chúng ta nhất định phải tu cái thiện chân thật rốt ráo tròn đầy, tức là nhất định phải cầu sanh Tịnh Độ.

"*Dục hà đãi hồ*", tức là không thể chờ đợi thêm nữa, bạn còn đợi đến lúc nào nữa? Phải làm ngay bây giờ, không thể đợi thêm nữa. Trước đây khi mới xuất gia không bao lâu, tôi có quen một vị trưởng lão ở Đài Loan, lúc đó ông đã nghỉ hưu rồi. Tôi nói sự lợi ích của Phật pháp với ông, ông cũng tán thành, ông cũng rất tán thành việc tôi xuất gia, ông nói: "Con đường của thầy đi rất chính xác". Tôi khuyên ông niệm Phật, ông nói: "Phải chờ thêm vài năm nữa, bây giờ có vài việc cần phải làm, vẫn chưa được, tôi phải đợi thêm mấy năm nữa". Mới có hai năm thì ông qua đời, lại phải đi luân hồi nữa. ***Không thể chờ! Chờ không được!*** Xin chớ tưởng rằng hiện nay bạn còn trẻ, bạn còn có sự nghiệp, còn phải lo cho gia đình, chờ thêm vài năm nữa mới tu. Bạn có ký hợp đồng với Diêm Vương không? Bạn biết bạn còn trụ thế bao nhiêu năm nữa không? Nên biết rằng một hơi thở không hít vào nữa thì là đời sau rồi, không thể nói: "Hãy còn trẻ!". "*Hoàng tuyền lộ thượng vô lão thiếu*" (trên đường đến suối vàng không phân biệt già trẻ), chúng ta nhìn xem những ngôi mộ nơi nghĩa trang kia, nhìn xem những bài vị siêu độ có bao nhiêu người còn trẻ. Cho nên nhất định không thể chần chờ, chúng

ta nghe được rồi, hiểu rõ rồi thì lập tức đi làm, phải hết lòng nỗ lực tu hành, lão thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 21

"***Thế nhân thiện ác tự bất năng kiến, cát hung họa phước, cạnh các tác chi***".

(Người đời không phân biệt được tốt xấu, cát hung họa phước, tranh nhau gây tạo).

Đây là đoạn thứ tư trong phẩm này, Thế Tôn nói với chúng ta: "*mê hoặc điên đảo là một việc rất đáng buồn!*", đây là nói về si độc, phía trước đã giảng qua tham độc, sân độc, chúng ta thường gọi là tam độc phiền não. Người thế gian không thể phân biệt được cái gì là thiện, cái gì là ác, "*tự bất năng kiến*", cho nên thường hay hiểu sai, tự cho là thiện. Nào ngờ phía sau đó kết quả lại là ác. Thường tự mình thấy là ác, xong hậu quả của nó đích thật lại là rất thiện, việc này phải có trí huệ, không có trí huệ thì không thể nào phân biệt được. Tiêu chuẩn của thiện ác, tiêu chuẩn tối cao, tiêu chuẩn tuyệt đối là tự tánh, chân tâm. Tương ưng với chân tâm tự tánh, đây là thiện, trái ngược với tự tánh, đây là ác. Tiêu chuẩn cao như thế, thông thường Bồ-tát đã minh tâm kiến tánh mới biết được. Cho dù Phật đã vì chúng ta mà nói ra rất rõ ràng, rất minh bạch, song trong sinh hoạt hằng ngày chúng ta vẫn không thấy được. Do đó Phật rất từ bi, thương xót chúng sanh, bèn ở trong cảnh giới của chính chúng ta, trong sinh hoạt hằng ngày, vì chúng ta mà chỉ ra những gì là thiện những gì là ác.

Tam độc tham sân si là ác. Ngược lại, không tham, không sân, không si tức là thiện. Sát đạo dâm là ác, không sát, không đạo, không dâm là thiện. Vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ là ác, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ỷ ngữ, không ác khẩu là thiện. Thế Tôn dạy cho chúng ta tiêu chuẩn này là "Thập Thiện nghiệp đạo", chúng ta đã học Phật rồi, cái Thập Thiện này tôi nghĩ mọi người có thể nói ra được, nhưng mà thường thường là "*tự bất năng kiến*", rồi lại đi tạo ác, cảnh giới này hiện tiền, lại mê hoặc điên đảo, thật không dễ dàng! Phật nói cho chúng ta rõ ràng như vậy, nhưng chúng ta vẫn luôn mê hoặc, vẫn tạo ác như cũ, không biết tu thiện.

"*Cát hung họa phước, cạnh các tác chi*", những người thật sự minh bạch, những người đã giác ngộ, chúng ta không nói là đại giác, mà là giác ngộ nho nhỏ, có thể nghe hiểu lời Phật nói, tin lời giáo huấn của Phật, y giáo phụng hành thì đây là giác ngộ. Nghe hiểu rồi nhưng chưa làm được thì không kể là giác ngộ. Giác ngộ là nhất định có thể làm được, vì sao? Bởi làm thiện thì được điều lành,

được phước. Còn tạo thập ác thì bị hung họa. Cho nên cát hung, họa phước là nhân do mình tạo, quả báo chính mình thọ lãnh, không phải từ bên ngoài, tự làm tự chịu. Tiếc thay, người thế gian đối với nhân duyên của thiện ác vẫn cứ mê hoặc điên đảo.

"***Thân ngu thần ám***".

(Thân ngu dốt, tinh thần tối tăm).

"*Ngu*" là ngu xuẩn, "*thần*" là tâm thần, chúng ta gọi là tâm tư, tâm tư mê hoặc. Còn chữ "*ám*" này tức là không có trí huệ, trong tâm không có trí huệ, thân thể tạo tác ngu si.

"***Chuyển thọ dư giáo, điên đảo tương tục, vô thường căn bản***".

(Chuyển sang thọ giáo pháp khác, liên tiếp điên đảo nên luân hồi sanh tử không dứt).

Đây là câu khai thị tối quan trọng trong đoạn kinh văn này. Bởi vì thân ngu si, không có trí huệ, nên nghe theo ngoại giáo, "*dư giáo*" tức là không phải lời dạy của Phật. Xưa kia, lúc Thế Tôn còn tại thế, Ấn Độ có chín mươi sáu thứ ngoại đạo, việc này trong kinh có ghi chép. Đi tiếp nhận những loại giáo hóa này, những cách dạy dỗ, chỉ dẫn này đều không thể liễu sanh tử, không thể xuất tam giới. Nếu loại giáo hóa này là thiện, là hay thì đời sau chỉ có thể được phước báo cõi nhân thiên. Nếu giáo môn này là tà, là ác thì đời sau nhất định đọa ba đường ác. Đây tức là "*điên đảo tương tục*", nhân điên đảo rồi, duyên điên đảo rồi, quả báo điên đảo rồi.

"*Vô thường căn bản*", chữ "*vô thường*" này là chỉ cho lục đạo luân hồi, sanh tử không dứt, câu này nói vô cùng có đạo lý, vô cùng sâu sắc! Từ chỗ thiển cận mà nhìn, một người trong đời có thể có được hạnh phúc khoái lạc, gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi thành công đều phải nhờ vào nền giáo dục hay, tốt. Cho nên thời xưa, phàm là người lãnh đạo quốc gia, vào lúc đó xưng là Hoàng Đế, Đế Vương, ông phụ trách việc giáo dục nhân dân toàn quốc. Ở Trung Quốc trước kia, người thay mặt vua để lo việc chính trị, chúng ta ngày nay gọi là quan chánh vụ, cấp thấp nhất là Huyện Thị Trưởng. Huyện Thị Trưởng được gọi là quan phụ mẫu, họ phải thương dân như con. Chức trách của họ có ba thứ là "**Tác chi quân**" (1), "quân" là người lãnh đạo, người lãnh đạo của một huyện thị. "**Tác chi thân**" (2), họ là phụ mẫu, đối với con dân phải chăm sóc vô cùng chu đáo, phải thương yêu bảo hộ con cái của mình. "**Tác chi sư**" (3), họ là thầy của dân, phải dạy dỗ dắt dẫn họ đàng hoàng. Xưa kia quan chánh vụ là vậy, đều là thân phận quân thân

sư. Hiện nay thời dân chủ đã khác rồi, quan viên thời dân chủ là công bộc của nhân dân. Chư vị hãy thử nghĩ "người ở" của nhà bạn tốt hay cha mẹ bạn đối với bạn tốt? Người ở của bạn chăm sóc bạn chu đáo hay cha mẹ bạn chăm sóc bạn chu đáo? Đây là giáo dục.

Những bậc Thánh Hiền thời xưa dạy những kẻ thống trị. Nói rất hay! "Kiến quốc quân dân", xây dựng một chánh quyền, bạn muốn thống trị dân chúng, việc nào là tối quan trọng? Là Giáo Dục. Giáo dục dạy những gì? Dạy nhân dân toàn quốc hiểu rõ mối quan hệ giữa người với người, đây tức là "luân thường, luân lý". Hiểu rõ mối quan hệ giữa người với người, chức trách nghĩa vụ giữa người với người, mối quan hệ giữa người với trời đất, mối quan hệ giữa người với hoàn cảnh đại tự nhiên, đây là giáo dục, đây là căn bản. Vậy hiện nay có giáo dục không? Không có nữa, không còn chú trọng đến những phương diện này nữa. Nền giáo dục hiện nay là nền giáo dục khoa học kỹ thuật, không dạy sự quan hệ giữa người với người. Cho nên nước không ra nước, nhà không ra nhà, xã hội đại loạn, thế giới đại loạn, nguyên nhân là ở chỗ này, sự giáo dục thật rất quan trọng! Phật pháp là nền giáo dục chí thiện mỹ mãn.

Sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc thì được triều đình và nhân gian hoan nghênh tiếp thụ, được những vị Đế Vương các đời dốc sức đẩy mạnh, tại vì sao? Nó đích thật là nền giáo dục hoàn hảo nhất, không giống với nền giáo dục khác. Phật pháp không những có thể giải quyết tất cả vấn đề hiện thực trong xã hội hiện nay của chúng ta mà nó còn có thể giúp chúng ta giải quyết những vấn đề căn bản "liễu sanh tử, xuất tam giới", điều này thì những đạo khác làm không nổi. Cho nên chúng ta nhất định phải coi trọng giáo dục, đặc biệt phải coi trọng nền giáo dục của Phật-đà.

Bất cứ một việc tốt nào, nếu nó được lưu truyền lâu dài tại thế gian thì đều có thể biến chất, Phật pháp cũng không là ngoại lệ. Phật pháp được lưu truyền đến ngày nay, nếu y cứ theo lịch sử Trung Quốc, đã có đến ba ngàn năm rồi. Ba ngàn năm truyền qua nhiều đời thì không tránh khỏi có chỗ truyền sai, có chỗ truyền bậy, thậm chí còn có người có ý bỡn cợt Phật pháp, lợi dụng Phật pháp. Ma vương, ngoại đạo muốn phá hoại Phật pháp thì nghĩ cách lợi dụng Phật pháp để phá hoại Phật pháp. Thế Tôn năm xưa khi còn tại thế, giảng kinh thuyết pháp, Ma Vương Ba-tuần cũng thường đến nghe kinh, nghe pháp, cũng hoan hỉ. Tuy nhiên Ma Vương rất chấp trước, Thích-ca Mâu-ni Phật độ chúng sanh, từng người, từng người đều khiến họ "liễu sanh tử, xuất tam giới". Ma Vương thấy vậy trong lòng rất khó chịu, Ma Vương (tất cả chúng sanh ở thế gian đều do hắn thống

trị) nhìn thấy từng người, từng người hình như đều sang nước ngoài, đều không trở về nữa, hắn nhìn thấy rất khó chịu. Một hôm hắn bèn nói với Thích-ca Mâu-ni Phật rằng: "Tôi phải tìm cách phá hoại Phật pháp". Thế Tôn nói: "Pháp của ta là chánh pháp, tà không thể thắng chánh, ngươi không có khả năng phá hoại Phật Pháp của ta". Ma Vương bèn nói: "Chờ đến thời kỳ mạt pháp của ông, tôi bảo ma con ma cháu của tôi cả thảy đều xuất gia, đều khoác áo Cà-sa để phá hoại Phật pháp của ông". Thích-ca Mâu-ni Phật nghe xong một câu cũng không nói, nước mắt tuôn chảy… Có câu: "*Tỉ như sư tử trùng, hoàn thực sư tử nhục*" (ví như trùng trên thân sư tử lại ăn thịt sư tử). Trong Kinh Lăng-nghiêm, Thế Tôn nói: "Đến thời kỳ mạt pháp, tà sư nói pháp nhiều như cát sông Hằng". "Tà sư" này không phải ở bên ngoài Phật giáo, mà là ở trong Phật môn, tức là con cháu của Ma Vương Ba-tuần đã xuất gia, đều thọ giới, đều khoác áo Cà-sa, việc này làm cho Thế Tôn đau lòng, chúng ta phải phân biệt được.

Trong kinh nói "*chuyển thọ dư giáo*", chúng ta phải đặc biệt lưu ý điểm này. Vậy thì bộ kinh này, chúng ta phải tin nó cho thật sâu! Nó nhất định là chân, nhất định là chánh, nhất định không sai. Vì sao? Vì nó được truyền đến Trung Quốc sớm nhất, (trong lịch sử có ghi chép rõ ràng), được phiên dịch nhiều nhất. Từ triều Hán cho đến triều Tống, thời gian tám trăm năm, đã từng được phiên dịch mười hai lần. Cho nên người xưa nói: "truyền đến sớm nhất, được phiên dịch nhiều nhất, có đến mười hai loại bản dịch". Xưa kia bản kinh đều được sao chép bằng tay, không có ấn loát, cho nên số lượng ít, rất dễ bị thất truyền. Truyền đến ngày nay, trong Đại Tạng Kinh còn giữ lại chỉ có năm loại bản dịch. Tuy nhiên, trong mục lục tàng kinh thời cổ còn thấy được đề kinh và mục lục, nhưng sách thì không còn. Còn bản hội tập này? Lần hội tập thứ nhất là cư sĩ Vương Long Thư (triều nhà Tống), ông đã làm một bản hội tập. Còn lần thứ hai là triều nhà Thanh (giữa đời vua Càn Long), cư sĩ Bành Thiệu Thăng có một tiết bản, ông không phải hội tập mà là tiết lục. Lần thứ ba là cư sĩ Ngụy Nguyên có một bản hội tập. Đại sư Ấn Quang đều đã xem qua những bản này, cũng rất tán thán! Tuy nhiên không đủ viên mãn, cho nên Tổ Ấn Quang không chủ trương lưu thông.

Vào năm đầu Dân Quốc, chúng ta có phước, cảm được cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập lần nữa, tức là bản của chúng ta đây. Ông đã dùng hết thời gian ba năm trường để hoàn thành bản thảo đầu tiên, sau đó không ngừng tu sửa. Đến bản này mà chúng ta hiện đang dùng là mười năm mới hoàn thành, thời gian mười năm dần dần tu sửa, cho nên đã trở thành một bản Kinh Vô Lượng Thọ vô cùng hoàn thiện. Rất đáng tiếc là Đại sư Ấn Quang đã vãng sanh nên Ngài chưa xem qua, nếu Ngài

xem qua, chúng tôi tin chắc Ngài sẽ vô cùng tán thán, nhất định khuyến khích chúng ta dốc sức để hoằng dương lưu thông. Đây là chánh pháp, chúng ta y theo bản này mà tu hành thì nhất định sẽ không sai lầm. Do không có phước báo, không có trí huệ, gặp phải tà sư, họ truyền thọ những pháp môn không có cách liễu sanh tử, xuất tam giới. Điều này thật đáng tiếc!

"***Mông minh để đột, bất tín kinh pháp, tâm vô viễn lự, các dục khoái ý. Mê ư sân khuể, tham ư tài sắc, chung bất hưu chỉ, ai tai khả thương!***".

(Ngu muội, cố chấp, không tin kinh pháp, tâm chẳng lo xa, chỉ muốn khoái ý. Say mê nóng giận, tham muốn tài sắc, trọn chẳng ngừng nghỉ, thật đáng thương thay!)

Thế Tôn thấy được người của thế gian này tham trước dục độc. "*Mông minh*", chúng ta ngày nay gọi là hồ đồ, ngu si, mông muội, không có trí huệ để phân biệt chân vọng, không có khả năng phân biệt tà chánh thị phi. "*Để đột*", chúng ta hiện nay gọi là cố chấp. Họ không nghe người khuyến cáo, vào trước làm chủ, cố chấp, không tin kinh pháp, không thể tiếp thọ kinh điển Đại Thừa. Còn về phương pháp tu hành thì họ cũng không cho là đúng, đặc biệt là Tịnh Tông, họ nói một câu Phật hiệu có thể "liễu sanh tử, xuất tam giới!" làm gì có việc dễ dàng như vậy! Nghe rồi họ cũng không tiếp nhận, những người như vậy rất nhiều.

"*Tâm vô viễn lự*", "*viễn lự*" là gì? Là lo nghĩ đến kiếp sau. Một đời người đích thật rất ngắn tạm, mấy mươi năm ấm lạnh, một cái khảy ngón tay thì qua rồi. Người học Phật có lẽ đều tin ba đời, đều tin luân hồi. Chúng ta còn có đời sau, đời sau phải làm sao đây? Đời sau so với bây giờ còn khẩn yếu hơn. Có câu: "*Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu*" (người không lo xa ắt có buồn gần). Chúng ta phải nghĩ đến kiếp sau, kiếp sau cho dù sanh đến cõi nhân thiên để hưởng phước vẫn không thể ra khỏi luân hồi, vậy vấn đề vẫn còn nghiêm trọng, không thể giải quyết được vấn đề. Phải siêu việt tam giới, đó mới là thật sự giải quyết vấn đề. Hiện nay chúng ta gặp được pháp môn này, pháp môn này đích thật giúp chúng ta một đời có thể thoát ly luân hồi, có thể ra khỏi tam giới, không những thế mà còn bảo đảm bạn trong một đời này viên thành Phật đạo. Cái cơ hội này đến đâu để tìm? Cho nên người xưa nói: "Vô lượng kiếp đến nay, hi hữu khó gặp". Chúng ta ngày nay gặp được rồi, điều này so với trúng số độc đắc còn khó hơn. Đáng tiếc thay, những người nghiệp chướng sâu nặng họ không tin, họ không nghĩ đến kiếp sau, đời sau, không nghĩ đến vấn đề này. "*Các dục khoái ý*", tham muốn sự hưởng thụ trước mắt, đây thật sự là tê liệt mất cảm giác.

"*Mê ư sân khuể*", đây là thật. Hiện nay cái xã hội này, những sự kiện bạo lực, việc sân nộ so với quá khứ nhiều hơn rất nhiều. Quý vị nếu bình tâm suy nghĩ, hai mươi, ba mươi năm trước đây, trong xã hội rất ít thấy người nổi giận, đặc biệt là ở những nơi công cộng. Còn hiện nay, bất cứ lúc nào, chỗ nào, bạn đều có thể thấy cả. Chúng ta ở nơi công cộng, nhất cử nhất động đều phải lưu tâm cẩn thận. Người ta nhìn không vừa ý thì rắc rối liền đến với bạn, vô duyên vô cớ, tôi không đắc tội với họ, nhưng họ cảm thấy không vừa ý thì họ liền gây rắc rối. Những việc bạo lực quá nhiều! Trong kinh gọi điều này là "*mê ư sân khuể*", chữ "*mê*" này là tâm mê, động một chút là đánh nhau. Trước kia chúng ta đọc phần kinh văn này không nghĩ ra ý nghĩa này. Hiện nay trong xã hội thường có tình hình này. Cho nên vừa đọc đoạn kinh văn này, thật không sai. Thích-ca Mâu-ni Phật thật là phi thường! Ba ngàn năm trước Ngài đã nhìn thấy rõ ràng cái xã hội hiện nay của chúng ta.

"*Tham ư tài sắc*", hiện nay chúng ta từ trên báo chí, tạp chí, truyền thanh, truyền hình để nhìn xem người hiện đại, cuộc sống của người hiện đại. Đích thật hai câu nói này của Thế Tôn miêu tả được hết sức thấu triệt. Hiện nay là xã hội gì vậy? Là xã hội "*mê ư sân khuể, tham ư tài sắc*". "*Chung bất hưu chỉ*", hiện nay tốc độ càng gia tăng, nó không dừng lại, việc này rắc rối rồi! Quả báo thì không thể nghĩ tưởng được. Thời loạn là do đây mà hình thành. Phật nói rất hàm xúc: "*Ai tai khả thương!*", trong đây có nỗi cảm thán vô cùng tận! Tại sao người thế gian lại biến thành nông nỗi này? Là vì không tin kinh pháp, là vì "*chuyển thọ dư giáo*" đó mà. Nguyên nhân là ở chỗ này. Ngày nay hiện tượng toàn thế giới động loạn, căn nguyên của sự động loạn, là bốn câu mười sáu chữ trong kinh này, chúng ta không thể không bội phục, nói nhân quả được rõ ràng như vậy.

"***Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã!***".

(Người đời trước không thiện, không biết đạo đức, không ai chỉ bảo, không thể trách họ!).

Đây là chỉ cho lúc ban sơ, ngu muội vô tri, việc này có thể tha thứ, đây là chỉ cho lúc nào? Lúc Phật chưa ra đời. Phật chưa ra đời, thế gian này không có Phật pháp, có thể tha thứ. Hoặc giả khu vực này không có Phật giáo, điều này cũng có thể tha thứ. Như ngày nay, thế giới chúng ta đây, quả thật vẫn còn nhiều nơi mà Phật pháp vẫn chưa được truyền đến, từ trước đến nay chưa nghe qua tên của Phật, chưa thấy được kinh điển của Phật. Vậy thì họ ngu muội vô tri, điều này không thể trách họ.

"*Bất thức đạo đức*", chữ "*đạo*" này là đạo thành Phật, là đức lợi sanh. Họ không biết, không có ai dạy họ. "*Vô hữu ngữ giả*", không có ai nói với họ, điều này có thể tha thứ, không trách họ, ý nghĩa này là nói: "Chúng ta ở nơi đây có Phật pháp, có kinh điển, mọi người đều tiếp nhận Phật Pháp, nếu vẫn ngu si mông muội thì không thể tha thứ được, đặc biệt là gặp được chánh pháp".

"***Tử sanh chi thú, thiện ác chi đạo, đô bất chi tín, vị vô hữu thị***".
(Nẻo sanh tử, đường thiện ác đều chẳng tin tưởng, cho là không có).

Phía trên tuy nói về những nơi Phật pháp chưa đến được, khu vực Phật pháp được hoằng dương thì lại càng nghiêm trọng. Tức là khi nãy đã nói, điều này không thể tha thứ. "*Tử sanh chi thú*", tức là lục đạo, "*thiện ác chi đạo*", đây là nghiệp nhân của lục đạo. "*Tử sanh chi thú*", chữ "*thú*" tức là năm đường luân hồi, đó là quả báo, đối với nhân quả của thiện ác luân hồi, họ đều cho rằng điều này không có, là giả, đây là gạt người, không thể tin, không thể tiếp nhận.

"***Cánh tương chiêm thị, thả tự kiến chi***".
(Hãy quan sát để tự thấy biết).

Trong miệng không tin, trong tâm nghi hoặc, tại vì sao? Những hiện tượng này lắm lúc bày ở trước mặt, bạn có thể nhìn thấy được. Thế gian này đích thật cũng có một số ít người biết những việc đời trước, kiểm điểm đối chiếu thử, quả nhiên không sai, chúng ta bèn truyền tin này ra ngoài. Những sự việc này, thời xưa, thời nay, ở Trung Quốc, ở ngoại quốc đều có xảy ra. Không thừa nhận có ma, mà vẫn có nhà ma, vẫn thường thấy ma, vậy còn cách chi nữa đâu.

Khi tôi ở Los Angeles, có một vị đồng tu mua được một căn nhà, trước đó không hay biết, sau khi mua xong, dọn vào ở mới biết là căn nhà ma. Trước kia ở căn nhà này là nữ chủ nhân, sau khi chết rồi hồn ma ấy vẫn ở trong nhà. Ở trong nhà này, cửa không có người động đến mà tự mở, cửa sổ cũng tự mở, rèm cửa sổ cử động, sợ đến chết người! Một hôm nọ, vị lão cư sĩ đang tắm, nghe thấy ở bên ngoài có tiếng động, ông bèn hỏi: "Bạn tên là gì?" Người ấy bất chợt đáp lại một tiếng, nói ra tên của họ. Ông ta giật mình, chưa kịp mặc quần áo, liền chạy ra ngoài… Bạn xem, quả thật có ma! Đây không phải là giả, bà ấy bất chợt nói tên ra. Việc này ở ngoại quốc có rất nhiều. Việc này là "*cánh tương chiêm thị, thả tự kiến chi*" (hãy quan sát để tự thấy biết). Tuy nhiên, ông ta vẫn cố chấp, vẫn cứ không tin, vẫn cứ nói không có, vậy thì còn cách chi nữa đâu!

Đến lúc sanh ly tử biệt, "***hoặc phụ khốc tử, hoặc tử khốc phụ, huynh đệ phu phụ, cánh tương khốc khấp***".

(Nào cha khóc con, con khóc cha, anh em vợ chồng thương khóc lẫn nhau).

Có ích gì đâu! Phải sanh tử như thế nào thì vẫn phải sanh tử như thế đó.

"***Nhất tử nhất sanh, điệt tương cố luyến, ưu ái kết phược, vô hữu giải thời. Tư tưởng ân hảo, bất ly tình dục***".

(Kẻ sống người chết quyến luyến nhau, lo lắng, yêu thương trói buộc, không sao cởi được. Nghĩ tưởng ân sâu, không lìa tình dục).

Đây tức là căn bản của lục đạo sanh tử luân hồi, cũng là cách nói rộng của hai câu phía trước, "*mê tư sân khuể, tham tư tài sắc*", nêu ra vài ví dụ để cho bạn suy nghĩ. Hai câu phía trước là nói chung, bạn "*bất tín kinh pháp, chuyển thọ dư giáo*", tự mang đến rắc rối cho chính mình. Không ai có thể thay bạn giải quyết những thứ rắc rối này, không ai có thể gánh vác thay bạn, tự làm thì tự chịu vậy.

"***Bất năng thâm tư thục kế, chuyên tinh hành đạo***".

(Không biết suy cùng xét kỹ, chuyên tâm hành đạo).

Phật tại chỗ này dạy bảo khuyến khích chúng ta, những người này họ không thể "*thâm tư*", không thể "*thục kế*". "*Kế*" là tính toán, không có tính toán đàng hoàng, sống tại thế gian này, ngày giờ không dài. Cho dù thọ khổ, cũng rất có hạn, nếu kiếp sau đọa vào tam đồ thì thời gian là rất dài, địa ngục thì không cần nói nữa. Ngạ quỷ, người chết làm quỷ là chuyện rất bình thường, vả lại đa số người chết rồi đều đi đến đường quỷ, cho nên thế gian thường nói người chết rồi thì làm quỷ, không nhất định như vậy. Lục đạo luân hồi chẳng lẽ cứ chết là đọa vào đường quỷ hay sao? Nhưng người ta nói người chết rồi đều làm quỷ thì không thể bảo là vô lý, tại sao vậy? Đại đa số đều đi đến đường quỷ, vì sao? Loài quỷ tâm tham nặng, người có tâm tham nặng, tâm tham ái nặng, quỷ quyệt gian trá, sau khi chết đều đi làm quỷ. Làm quỷ phiền phức lắm! Một ngày ở trong đường quỷ là một tháng ở trên nhân gian chúng ta, thọ mạng của quỷ rất dài, đoản mạng cũng phải một ngàn tuổi. Quý vị thử nghĩ, một tháng là một ngày, một năm ba trăm sáu mươi ngày, phải sống đến một ngàn tuổi, thì cái khổ đó quá dài! Tính như vậy thì không thể đi vào đường quỷ, lại càng không thể đi vào địa ngục. Địa ngục, trước kia thầy Lý nói với chúng tôi, một ngày ở địa ngục là hai ngàn bảy trăm năm ở nhân gian chúng ta. Trung Quốc xưng là năm ngàn năm lịch sử, tại địa ngục mới chỉ là hai ngày mà thôi, thọ mạng ngắn cũng một vạn tuổi, còn dài thì vạn vạn tuổi, bạn bảo làm sao có thể đi được chứ? Điều này khiến bạn phải

"*thâm tư thục kế*", thật quá đáng sợ! Nếu bạn suy nghĩ việc này nhiều một chút thì bạn sẽ chuyên tâm hành đạo, bạn mới biết được cái đáng quý của pháp môn này, sự khó được của cơ hội này. Chúng ta thật sự nắm vững rồi, nhân thời tiết nhân duyên tốt lành này, thân thể còn đang tráng kiện khỏe mạnh, hãy gấp rút đi làm công việc này.

"***Niên thọ toàn tận, vô khả nại hà!***".
(Khi tuổi già mạng hết thì biết làm sao!).

Nếu bạn không sớm làm việc này, đến khi thọ mạng đến rồi, bạn muốn làm cũng không kịp nữa, lúc đó thì than trách cũng uổng công! Tu hành phải nhân lúc còn trẻ, càng trẻ càng tốt, tuổi trẻ niệm Phật, làm việc đạo có tinh thần, có thể lực. Tỉ như làm một Phật thất họ không mệt, niệm một ngày một đêm, hai ngày hai đêm, không sao. Còn bảy tám mươi tuổi thì không được, rất muốn niệm Phật, niệm vài tiếng Phật hiệu thì mệt đừ, muốn đi nghỉ ngơi giây lát, bạn bảo như vậy thì làm sao được! Cả thảy đều phải nhân lúc tuổi trẻ, lúc thân thể cường tráng, thật sự nỗ lực đi làm.

"***Hoặc đạo giả chúng, ngộ đạo giả thiểu***".
(Kẻ mê thì nhiều, người ngộ đạo thì ít).

"*Hoặc*" là mê hoặc đối với đại đạo chân thật, người mê hoặc nhiều, người giác ngộ thì ít. Cho dù là người niệm Phật, chúng ta thường nói, người niệm Phật nhiều, người vãng sanh ít, nguyên nhân gì vậy? Người niệm Phật cũng mê hoặc, ngu si, tối tăm, tham ái. Họ không đoạn những thứ này thì niệm Phật không thể vãng sanh. Có nhiều người niệm Phật, mục đích của họ là cầu phước báo cõi trời người, họ không nghĩ đến cái đáng sợ của sanh tử luân hồi, vẫn cứ tham muốn sự hưởng thụ hiện tại, điều này thì khó, ít người thật sự giác ngộ.

"***Các hoài sát độc***".
(Ai nấy ôm lòng giết hại).

Chúng ta thường thấy, mọi người ba bữa ăn còn phải ăn thịt, không những ăn thịt mà còn ăn sống, ăn sống thì phải sát sanh, tại sao phải ăn? Là do tham, tham độc. Họ không phải hận nó, muốn ăn nó mà là họ thích nó nên muốn ăn nó. Quý vị thử nghĩ thử xem, rất thích nó nên muốn ăn nó, việc này không phải việc tốt. Trong sân có sát, trong tham ái cũng có sát.

"***Ác khí minh minh***".
(Ác khí tối tăm).

Thật tại mà nói, những người ngu si chúng ta, những người tâm không thanh tịnh nhìn không ra được. Những người có định công, những người tâm địa thanh tịnh thì thấy được, chúng ta gọi là sát khí. "*Ác khí minh minh*", tức là sát khí, địa phương này có sát khí thì địa phương này làm sao có thể tốt được, làm sao có thể thái bình. Đây là người, quỷ, súc sanh oan oan tương báo.

"***Vi vọng hưng sự***".
(Làm điều sai quấy).

"*Vọng*" là vọng tưởng, cả thảy đều là do vọng tưởng tạo tác.

"***Vi nghịch thiên địa***".
(Trái ngược trời đất).

Chữ "*thiên địa*" này là nói đại tự nhiên. Chúng ta ngày nay nói môi trường sống tự nhiên, môi trường sống tự nhiên nó có trật tự, "*vi nghịch thiên địa*" tức là trái ngược lại với môi trường sống, với đại tự nhiên, vậy thì tội này rất nặng. Chúng ta dùng môi trường sống tự nhiên để giải thích câu nói này thì ấn tượng của mọi người sẽ rất rõ ràng. Thời nay khoa học kỹ thuật phát triển, mọi người đều không tin nhân luân thiên địa, đều không quan tâm, cho nên việc phá hoại môi trường sống là vô cùng nghiêm trọng. Các nhà khoa học làm một cuộc thống kê, làm bản báo cáo cũng đề ra cảnh báo nghiêm trọng, trên trái đất này nếu không nỗ lực thật sự cải thiện môi trường sống tự nhiên, bảo vệ môi trường thì năm mươi năm sau trái đất này sẽ không thích hợp cho loài người sanh tồn. Nguyên nhân là gì? Là nước có độc, con người cần phải uống nước, nước có độc, không khí có độc, có thể là nhân loại sẽ giống như khủng long trước kia, ở trên thế giới này đột nhiên mất tích, việc này rất có thể xảy ra. Hiện nay tầng ozone đang bị phá hoại, quả thật là trời bị ô nhiễm, đất bị ô nhiễm, nước bị ô nhiễm, có phương pháp cải thiện chăng? Theo cách nhìn của tôi thì không thể có, tôi căn cứ vào điều gì?

Căn cứ vào Phật pháp, Phật dạy chúng ta "*y báo chuyển theo chánh báo*", hoàn cảnh là thuộc về y báo, hiện nay y báo đã bị ô nhiễm nghiêm trọng như vậy, bắt nguồn từ đâu? Bắt nguồn từ sự ô nhiễm của tâm tánh con người. Cho nên phải cải cách từ căn bản, trước tiên mọi người cần tu tâm thanh tịnh, sau đó thì sự ô nhiễm có thể cải thiện. Nếu con người không tu tâm thanh tịnh, tâm địa ô nhiễm, từng ngày, từng ngày vẫn đang tăng trưởng, mà muốn cải thiện hoàn cảnh thì không thể được! Vấn đề này nghiêm trọng rồi, sau năm mươi năm thì không thể sanh tồn trên trái đất này, hãy gấp rút di dân đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta nắm được giấy bảo đảm (visa), chúng ta có biện pháp đi, đáng thương

thay, còn rất nhiều người vẫn chưa lấy được giấy bảo đảm, họ không đi được, đây là sự thật đang bày ra trước mắt chúng ta.

"***Tứ ý tội cực***".
(Mặc tình phóng túng, tạo tội cùng cực).

Cái này là chúng ta tự tạo lấy tội nghiệp.

"***Đốn đoạt kỳ thọ***".
(Mạng sống chợt hết).

Vốn thọ mạng bạn được một trăm tuổi, sau năm mươi tuổi, trái đất này không thể sống được nữa thì thọ mạng của bạn liền bị giảm ngắn đi, sẽ bị đoạt mất.

"***Hạ nhập ác đạo, vô hữu xuất kỳ***".
(Đọa vào ác đạo không biết ngày ra).

Nếu không thể vãng sanh thì ba thứ độc còn ở trong tâm, không có việc ác nào mà không làm, tương lai nhất định đọa vào tam ác đạo. Những lời này của Phật nói ra ba ngàn năm trước, chúng ta ngày nay đối chiếu với xã hội hiện thực này thì giống như nói với chúng ta ngày nay vậy. Hoàn cảnh của chúng ta ngày nay, lời Ngài nói đều ứng nghiệm cả.

Đoạn sau cùng, Thế Tôn khuyến khích chúng ta:

"***Nhược tào đương thục tư kế***".
(Các ngươi hãy nên suy nghĩ kỹ).

Chữ "*nhược tào*" là câu khẩu ngữ vào triều nhà Hán, tức là mọi người các ông. Mọi người các ông phải nên suy nghĩ chín chắn.

"***Viễn ly chúng ác***".
(Xa lìa các điều ác).

Phật nói với chúng ta, thứ nào là ác hạnh, ác sự, chúng ta quyết không thể làm. Những thiện hạnh, thiện sự, chúng ta phải hết lòng nỗ lực làm.

"***Trạch kỳ thiện giả, cần nhi hành chi***".
(Chọn lấy điều thiện, siêng năng mà làm).

Chúng ta phải đoạn ác tu thiện.

"***Ái dục vinh hoa***".

Đây là chỗ theo đuổi tìm cầu của con người, nhưng bạn phải giác ngộ.

"***Bất khả thường bảo***".
(Không thể giữ mãi)

Không giữ được.

"***Giai đương biệt ly, vô khả lạc giả***".
(Đều sẽ ly biệt, chẳng thể vui được).

Phải nhìn thấu điều này. "*Ái dục vinh hoa*", phải nhìn thấu được, phải buông xuống được, sau đó biết tiết kiệm, đi làm thật nhiều việc tốt, giúp đỡ thật nhiều người giác ngộ, đây là việc tốt đệ nhất trong tất cả việc tốt, giúp đỡ người giác ngộ, gọi người thức tỉnh hồi đầu, đây là đệ nhất thiện hạnh.

"***Đương cần tinh tấn, sanh An Lạc quốc***".
(Nên phải siêng năng tinh tấn cầu sanh về cõi An Lạc).

Chúng ta phải tinh tấn nỗ lực cầu sanh Tây phương Tịnh Độ, "*An Lạc quốc*" tức là Tây Phương Tịnh Độ.

"***Trí huệ minh đạt, công đức thù thắng***".
(Trí huệ sáng suốt, công đức thù thắng).

Chúng ta có cái tâm này, có cái nguyện này, thiết tha nỗ lực tu để giúp đỡ kẻ khác, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đây tức là có "*trí huệ minh đạt*", tức là công đức thù thắng.

"***Vật đắc tùy tâm sở dục, khuy phụ kinh giới, tại nhân hậu dã***".
(Đừng theo tâm tham dục, phụ kinh bỏ giới, phải đứng sau người khác).

Đây là khuyên chúng ta muôn ngàn lần chớ nên tùy theo tâm tham, tâm sân hận, tâm ngu si mà đi tạo tác thì sai rồi. Phật giảng kinh, dạy giới bạn đều không tin, bạn đều xem nó như gió thoảng bên tai. Bạn lần này nghe đến Phật pháp, nghe đến danh hiệu Di-đà, đương nhiên đây là chủng tử Kim Cang, song bạn tránh không khỏi luân hồi thọ khổ. Các bạn đồng tham của bạn đều đã vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc làm Bồ-tát làm Phật rồi, bạn còn ở trong lục đạo luân hồi, tương lai cũng có thể đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, ở phía sau của người ta, bạn rơi lại ở phía sau người ta quá xa!

TÂM ĐẮC KHAI MINH ĐỆ TAM THẬP TỨ
PHẨM BA MƯƠI BỐN: TÂM ĐƯỢC MỞ SÁNG

Trong phẩm này, Di-lặc Bồ-tát nghe lời dạy của Phật ở phía trước, Ngài đã hiểu rõ, đã giác ngộ.

"***Di-lặc bạch ngôn: "Phật ngữ giáo giới, thậm thâm thậm thiện"***".
(Ngài Di-lặc Bồ-tát bạch rằng: "Lời Phật răn dạy rất sâu rất khéo").

Phần mở đầu là tán thán Thế Tôn. Lời dạy bảo của Phật, nếu nói theo nghĩa rộng là tất cả kinh pháp mà Thế Tôn nói trong bốn mươi chín năm. Nếu nói theo nghĩa hẹp là chỉ Kinh Vô Lượng Thọ, tức là những lời giáo giới ban cho chúng ta trong hội này. "*Thậm thâm*" là nói về lý, lý rất sâu. "*Thậm thiện*" là nói về phương pháp, phương pháp là tín nguyện trì danh thì được vãng sanh, phương pháp này quá hay, đơn giản, dễ dàng, vững vàng, nhanh chóng, không phiền phức. Người nào cũng đều biết niệm câu A-di-đà Phật, hễ nhất tâm nhất ý niệm, thật sự tin, thật sự ưng chịu thì được vãng sanh, phương pháp này là "*thậm thiện*".

"***Giai mông từ ân, giải thoát ưu khổ***".
([Chúng con] đều nhờ ơn đức từ bi giải thoát ưu khổ).

"*Ưu khổ*" là ba cõi sáu đường. Từ vô thủy kiếp đến nay, "*ưu*" là tâm lo buồn, "*khổ*" là thân thọ khổ, không có biện pháp giải thoát. Lần này có được lời răn dạy của Phật, tín nguyện trì danh vãng sanh Tịnh Độ thì vấn đề này được giải quyết rồi, thì giải thoát rồi.

"***Phật vi Pháp Vương, tôn siêu quần Thánh***".
(Phật là đấng Pháp Vương tôn quý siêu việt trong hàng Thánh).

Phật đích thật là Pháp Vương, chữ "Pháp Vương" là tỉ dụ, trong tất cả pháp Phật đều không mê hoặc, đều triệt để hiểu rõ thấu suốt, tự tại với pháp nên xưng là Pháp Vương. "*Tôn siêu quần Thánh*", chữ "*quần Thánh*" thông thường mà nói là Thập Địa Bồ-tát, chúng ta thường nói "*Tam Hiền Thập Thánh*". Di-lặc Bồ-tát tán thán Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật là "tôn siêu Thập Thánh", song chúng ta cũng có thể hướng lên trên để lĩnh hội, Thích-ca Mâu-ni Phật giảng pháp môn này không khác nào là A-di-đà Phật, thật sự mà nói là không hai không khác. Vậy A-di-đà Phật thì sao? Là "*tôn siêu quần Thánh*", tức là siêu thắng tất cả chư Phật Như Lai. Chúng ta có thể lĩnh hội như vậy, nhất định là không sai. Tất cả chư Phật, nếu giảng Kinh Vô Lượng Thọ, giảng Kinh A-di-đà thì công đức của các Ngài siêu việt tất cả chư Phật, tương đương với A-di-đà Phật, câu "*tôn siêu quần Thánh*" ở chỗ này có ý nghĩa thật sâu.

"***Quang minh triệt chiếu, đỗng đạt vô cực***".

(Quang minh vô tận, trí huệ không cùng).

"*Quang minh*" là trí huệ, hơn nữa, Thế Tôn giảng pháp môn này, chúng ta ở phía trước đã từng xem qua, trong phần Phát Khởi, Thế Tôn Ngài hôm đó quang minh thù thắng tốt lành, siêu việt lúc bình thường, nguyên nhân gì vậy? Vì Ngài sắp giảng Kinh Vô Lượng Thọ, muốn giới thiệu pháp môn Tịnh Độ nên được A-di-đà Phật gia trì, đồng thời được mười phương tất cả chư Phật Như Lai gia trì, cho nên ngày đó quang minh tướng hảo của Phật cực kỳ đặc biệt. "*Quang minh triệt chiếu, đỗng đạt vô cực*", chúng ta nghĩ lại đoạn kinh văn phía trước, trước sau chiếu ứng lẫn nhau.

"***Phổ vi nhất thiết thiên nhân chi sư***".
(Đạo sư khắp cả trời người)

"*Nhất thiết thiên nhân*" tức là tam thiên đại thiên thế giới.

"***Kim đắc trị Phật, phục văn Vô Lượng Thọ thanh, mị bất hoan hỷ, tâm đắc khai minh***".
(Ngày nay được gặp Phật lại được nghe hồng danh Vô Lượng Thọ, không ai không hoan hỷ, tâm được mở sáng).

Ngày nay có duyên gặp được Phật, gặp được Phật không dễ, chúng tôi thường nói, "*nhân thân nan đắc, Phật Pháp nan văn*", được thân người khó đấy. Được thân người rồi lại gặp được Phật thì càng khó hơn, gặp được Phật vừa đúng lúc nghe Phật giảng Kinh Vô Lượng Thọ là khó trong khó. Đây quả thật là từ vô lượng kiếp đến nay hy hữu khó gặp. Trong bài khai kinh kệ có nói, "*bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ*", chúng ta ngày nay gặp được rồi, sao lại không hoan hỉ chứ! Họ vì sao hoan hỉ, sau khi nghe Phật khai thị thì "*tâm đắc khai minh*", họ đã khai ngộ, giác ngộ rồi. "*Minh*" là minh bạch, "*khai*" là khai ngộ. Tục ngữ chúng ta thường nói, "*mao tắc đốn khai*" (cái nút bấc được mở ra nhanh chóng, ý nói đột nhiên khai ngộ), từ trước đến nay không hiểu, hôm nay vừa nghe Phật thuyết pháp thì hiểu rõ ngay. Đây là Di-lặc Bồ-tát tán Phật, đồng thời nêu ra tâm đắc nghe pháp của Ngài, Ngài nghe hiểu rõ ràng.

"***Phật cáo Di-lặc:***".
(Phật bảo Di-lặc Bồ-tát:).

Đây là Phật dặn đi dặn lại phó chúc. Thật sự mà nói, Di-lặc Bồ-tát làm gì mà không hiểu, nói với Di-lặc Bồ-tát tức là nói với chúng ta, mọi người chúng ta phải hết lòng học tập.

"***Kính ư Phật giả, thị vi đại thiện***".
(Tôn kính Phật là người đại thiện).

Phải kính ngưỡng Phật, Phật là thầy của chúng ta, câu nói này dùng lời thế tục của chúng ta mà nói, tức là "*tôn sư trọng đạo*", đó là đại thiện. Tôi truyền thọ Tam Quy Y cho quý vị, cách truyền thọ của tôi rất đặc biệt, có nhiều người nói cách truyền thọ của tôi không đúng, nói cách truyền quá hẹp nghĩa. Tuy nhiên, tôi nghe nói bên Đại Lục có nhiều vị lão Pháp Sư tán thành cách truyền của tôi, nói cách truyền của tôi không sai, tôi cũng rất an ủi. Cách truyền của tôi: quy y Phật là quy y A-di-đà Phật, quy y Pháp là quy y Kinh Vô Lượng Thọ, quy y Tăng là quy y Quán Âm, Thế Chí. Quán Âm, Thế Chí là Bồ-tát là Tăng. Tam Bảo này tuyệt đối có thể tin cậy được, nếu quy y một người xuất gia nào đó, người xuất gia này không tu hành đàng hoàng (Bồ-tát bằng đất qua sông thân còn khó giữ), nếu nương tựa họ thì sẽ có vấn đề. Cho nên chúng ta tìm ba ngôi Tam Bảo này thì nhất định tin cậy được, tuyệt đối không xảy ra vấn đề.

Quy y "*Phật, Pháp, Tăng*", tôi thực hiện trên Tây Phương Tam Thánh và Kinh Vô Lượng Thọ, khiến mọi người thật sự có nơi nương tựa. Thông thường nói quy y Phật, Pháp, Tăng, Phật quá nhiều, Pháp cũng quá nhiều, Tăng cũng quá nhiều, cuối cùng là quy y ở đâu? Thật sự mà nói, cách quy y đó thật là mù mịt, giống như chiếc thuyền đi trên biển cả không có phương hướng. Khi tôi chỉ điểm như vậy thì họ có một con đường, có một phương hướng, một tí đều không mê hoặc, đây là "*Kính ư Phật giả, thị vi đại thiện*". Có thể tôn sư trọng đạo, tôn kính A-di-đà Phật, tôn trọng Kinh Vô Lượng Thọ, tôn trọng thì phải y giáo phụng hành, không thể y giáo phụng hành thì không phải là tôn trọng. Lời của thầy từng câu từng câu ghi chặt vào lòng, đây là "*kính ư Phật giả*", không ghi vào lòng thì sao có thể gọi là "kính"!

"***Thật đương niệm Phật***".
(Nên thành thật niệm Phật).

Câu này là sao? Tức là dạy chúng ta phải chân thật lão thật niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, không phải niệm các vị Phật khác mà niệm A-di-đà Phật.

"***Tiệt đoạn hồ nghi***".
(Cắt đứt hồ nghi).

Nhất định không hoài nghi Tây Phương Tịnh Độ.

"***Bạt chư ái dục, đỗ chúng ác nguyên***".

(Nhổ trừ ái dục, lấp các nguồn ác).

Đây là nhất định không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn thì công phu của chúng ta được thành tựu. Ở chỗ này nói về ái dục, là bao gồm thế gian pháp và xuất thế gian pháp. Danh văn lợi dưỡng ngũ dục lục trần của thế gian là tham ái, chúng ta xả bỏ. Xuất thế gian pháp, tất cả các pháp môn Đại Thừa, kinh luận Đại Thừa khác, chúng ta cũng buông xuống, chuyên nương nhờ vào bộ kinh này, chuyên nương nhờ một vị Phật. "*Đỗ chúng ác nguyên*", chữ "*ác nguyên*" này là tham sân si. Không thể tham sân si thế gian pháp, mà cũng không thể tham sân si Phật pháp, cách này mới đoạn mất "*ác nguyên*".

Sau đó, "***Du bộ tam giới, vô sở quái ngại, khai thị chánh đạo, độ vị độ giả***".

(Đi khắp ba cõi không bị chướng ngại, khai thị chánh đạo, độ người chưa được độ).

Đây là có thể giống như đại Bồ-tát, tùy duyên, tùy xứ, tùy cơ mà giáo hóa tất cả chúng sanh không có chướng ngại. "*Chánh đạo*" của chánh đạo chính là vãng sanh Tịnh Độ, chúng ta nhất định phải phát tâm giúp đỡ những người chưa được độ, họ vẫn chưa biết sự lợi ích của pháp môn này. Chúng ta ngày nay đem Phật Pháp giới thiệu cho người, có hai giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất, đối với những người chưa biết Phật pháp, chúng ta phải giúp họ nhận thức Phật pháp. Người thời nay ưa thích đơn giản, bởi vì công việc của họ bận rộn, thời giờ có hạn, áp lực của cuộc sống nặng nề, nhìn đến những thứ dài dòng thì họ không muốn xem, cho nên càng tinh yếu đơn giản thì càng được hoan nghênh. Chúng ta có quyển sách nhỏ, "Nhận Thức Phật Giáo", giúp tất cả mọi người hiểu rõ Phật Pháp là gì. Khi họ có hứng thú đối với Phật Pháp, muốn tu học thì chúng ta đem Kinh Vô Lượng Thọ giới thiệu cho họ, đây là "*khai thị chánh đạo, độ vị độ giả*".

"***Nhược tào đương tri, thập phương nhân dân, vĩnh kiếp dĩ lai, triển chuyển ngũ đạo, ưu khổ bất tuyệt***".

(Các ngươi phải biết, chúng sanh mười phương nhiều kiếp đến nay luân chuyển trong năm đường, sầu khổ không dứt).

Phật ở chỗ này quả là buốt lòng rát miệng, lập lại nhiều lần, khuyến cáo chúng ta. "*Thập phương nhân dân*", đó là không giới hạn thế giới Ta-bà chúng ta, lục đạo chúng sanh trong mười phương tất cả thế giới của chư Phật đều là tình trạng như vậy. "*Vĩnh kiếp dĩ lai*", là từ vô lượng kiếp đến nay đều đang tạo sanh

tử luân hồi. "*Triển chuyển ngũ đạo*", nói "*ngũ đạo*" thì không nói A-tu-la đạo, nếu nói "lục đạo" thì là thêm A-tu-la đạo, cho nên ý nghĩa ngũ đạo và lục đạo hoàn toàn giống nhau. Vậy sao không thêm A-tu-la? Thế Tôn trong kinh Lăng-nghiêm nói với chúng ta rất rõ ràng: Trên trời có A-tu-la, nhân gian có A-tu-la, trong súc sanh, ngạ quỷ cũng có A-tu-la. A-tu-la ở đạo nào thì kể chúng ở đạo đó, cho nên gọi là ngũ đạo. Trong địa ngục đạo không có A-tu-la, vậy nếu nói lục đạo là chuyên nói A-tu-la của thiên đạo. Những loại này đều ở lục đạo luân hồi. "*Ưu khổ bất tuyệt*", chữ "ưu" và "khổ" này nói không hết được. Quý vị muốn biết nhiều thêm một chút thì trong Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện nói nhiều hơn, trong Kinh Lăng-nghiêm cũng có phần kinh văn rất dài, nói rất tường tận nhân quả của lục đạo luân hồi, đặc biệt đã nói rất tường tận về địa ngục đạo.

"***Sanh thời khổ thống***".
(Lúc sanh ra đau khổ).

Lúc đến thì là rất khổ.

"***Lão diệc khổ thống***".
(Già cũng khổ đau).

Con người ưa thích sống lâu, sống lâu thì phải nhận chịu sự khảo nghiệm của cái già, nói cách khác, phải nhận lấy cái già khổ, không ưa thích già khổ, vậy là đoản mạng rồi, bạn phải nhận chịu.

"***Bệnh cực khổ thống, tử cực khổ thống***".
(Bệnh càng khổ hơn, chết rất là đau khổ).

"Sanh, lão, bệnh, tử" chúng sanh trong lục đạo không một ai có thể tránh khỏi được, tất cả đều phải tiếp nhận, là nói với bạn cái thế gian này không có vui chỉ có khổ. Khổ là thật, còn vui là giả, bạn cứ ngỡ rằng thân thể này rất khỏe mạnh, rất vui vẻ, kỳ thật là một thân bệnh hoạn. Vui ở chỗ nào đâu? Ba bữa ăn là ba bữa thuốc. Bạn xem, không ăn thì đói khổ, cái khổ này lập tức đến liền, đến lúc phải cho bạn một chút thuốc để điều trị, không điều trị thì bệnh đói lại bộc phát. Bạn mới biết được cái thân này không phải là đồ tốt.

Ngoài "sanh lão bệnh tử" ra còn có:

"***Ác xú bất tịnh***".
(Xấu xa hôi thối bất tịnh).

Singapore ở vùng nhiệt đới, một ngày không tắm thì mùi hôi thối toàn thân tỏa ra, có gì là đáng yêu đâu!

"***Vô khả lạc giả***".
(Không có gì vui).

Những chân tướng của sự thật này, chúng ta làm sao có thể không cẩn thận chú ý chứ! Người mắt sáng thấy được rõ ràng minh bạch, thế gian này không có một thứ nào là đáng yêu cả, đều là giả, không có một thứ nào là thật cả. Cho nên ta đừng nên tự mê, kẻ khác không thể làm bạn mê, tự mình làm mình mê, tự mình hồ đồ, tự mình tạo tội nghiệp. Cái hiện tượng mê này, chúng tôi nêu một thí dụ, người thế gian mê tiền của, hiện tượng này rất phổ biến, bạn thử nghĩ xem, có phải là tự mình đã mê rồi không? Tiền của là của bạn à? Ở Singapore nền chính trị thanh minh, lòng người mộc mạc, trị an rất tốt, đây là một nơi rất hiếm có trên thế giới ngày nay.

Trước kia tôi giảng kinh tại Hồng Kông, trong số đồng tu có rất nhiều người giàu có. Lúc tôi không giảng kinh, họ đưa tôi đi dạo phố, đi xem nơi cất giữ vàng bạc châu báu của họ. Cất giữ ở đâu? Ở trong tủ két dưới hầm của ngân hàng. Họ không dám để ở nhà, để ở nhà sợ bị ăn trộm, cũng không dám đeo trên thân, sợ bị cướp mất, tay còn bị chúng chặt nữa. Tôi xem rồi rất cảm thán, tôi nói: "Đây là của bạn à?". "Dạ phải". "Bạn có một tí này còn tôi có hơn bạn quá nhiều! Một tí này của bạn có gì lạ lùng mà mời tôi đi xem". Anh ta cảm thấy rất kinh ngạc, nói: "Pháp sư, Ngài có à?" Tôi nói: "Rất nhiều! Rất nhiều!" "Thầy để ở đâu?" Tôi nói: "Tôi không để trong tủ két, tôi để ở các tiệm vàng. Bạn đến đây nhìn và sờ thì cho là của mình, không dám đem về nhà, lại không dám đeo trên tay thì để trong tiệm vàng cũng vậy. Trong tiệm vàng, tôi cũng không dám đem về nhà, cũng không dám đeo trên tay, tôi muốn xem thì đi xem, lấy ra sờ một tí cũng được, họ sẽ ngoan ngoãn đem ra." Như vậy mà cho là của tôi thì tiệm vàng khắp trong thiên hạ đều là của tôi rồi. Con người mê đến cỡ đó! Ngu si đến thế đó! Không biết đem những thứ này đi làm việc thiện, không biết đem số của cải này đi tích công lũy đức, cất giấu ở đó mà cho là của mình. Bạn bảo có ngu ngốc hay không chứ? Chao ôi! Ngu si đến thế đó! Khi bạn thấy rõ ràng rồi thì là giả, không phải thật, "*vô khả lạc giả*". Khi nhìn thấy rõ ràng minh bạch rồi thì rất vui vẻ. Bạn có, tôi có nhiều hơn bạn, nhiều hơn bạn rất nhiều, thì rất vui vẻ rồi.

"***Nghi tự quyết đoạn***".
(Nên quyết cắt đứt).

Trong tâm mình phải hiểu rõ, phải có quyết tâm đoạn dứt.

"***Tẩy trừ tâm cấu***".
(Tẩy trừ tâm nhơ).

Chữ "*cấu*" này là ô nhiễm, ô nhiễm gì? Là tham sân si mạn, phải tẩy rửa cho sạch sẽ những độc tố này ở trong tâm.

"***Ngôn hành trung tín, biểu lý tương ưng***".
(Nói năng hành động thành tín, trong ngoài hợp nhất).

Tiêu chuẩn của ngôn ngữ hành vi là trung tín, không tự coi thường mình, không coi thường người, trong ngoài là một, "trong chân thành, ngoài trung tín".

"***Nhân năng tự độ, chuyển tương chẩn tế***".
(Trước tự độ mình, lại ra độ người).

Câu thứ nhất là nói tự mình tu hành, tự mình độ mình. Câu thứ hai là hóa tha, ngoại trừ tự độ ra, phải giúp đỡ kẻ khác, "*chuyển tương chẩn tế*".

"***Chí tâm cầu nguyện, tích lũy thiện bổn***".
(Hết lòng cầu nguyện, chứa nhóm gốc lành).

"*Chí tâm*" là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm từ bi. Nguyện mong cầu, một là nguyện thành Phật đạo, hai là nguyện độ chúng sanh, đây là đại nguyện chân thật. Có tâm nguyện này thì phải đi làm, phải thật sự thực hành, đó là "*tích lũy thiện bổn*", nếu bạn hỏi "*thiện bổn*" là gì? Những gì trong kinh này giảng đều là căn bản của thiện.

"***Tuy nhất thế tinh tấn cần khổ, tu du gian nhĩ***".
(Tuy một đời tinh tấn chịu khổ, cũng chỉ như khoảnh khắc mà thôi).

Chúng ta phải suy nghĩ chín chắn, một đời này của chúng ta tinh tấn chịu khổ, thời gian không dài, Phật ở chỗ này nói "*tu du gian*", trong thời gian rất ngắn, cái khổ này là đáng giá, sự nỗ lực này có thể thu hoạch được giá trị rất lớn, đáng cho chúng ta đi làm.

"***Hậu sinh Vô Lượng Thọ quốc, khoái lạc vô cực***".
(Về sau được sanh về cõi Vô Lượng Thọ, an vui vô cùng).

Chúng ta ngày nay không chịu thọ cái khổ này thì sẽ không có được cái khoái lạc vô cực. Chúng ta muốn được vô lượng thọ, muốn được cái khoái lạc chân thật thì một tí khổ trước mắt này có đáng là bao! Cho nên phải tính toán cho kỹ lưỡng,

chúng ta trong cuộc sống có thể tiết kiệm nhiều một chút, tôi không phải đã nói với quý vị rồi sao? Bạn có thể tiết kiệm được một đồng thì thế gian này có thêm một quyển Kinh Vô Lượng Thọ, thêm được một người có cơ hội được độ, chúng ta phải hướng về mặt này mà tính toán. Phật dạy chúng ta làm như vậy, chúng ta tiết kiệm một tí thì thế gian được phước vậy. Đặc biệt là bộ kinh điển này, đích thật có thể giúp cho chúng sanh trong một đời giải quyết sanh tử đại sự, được bất thoái vãng sanh thành Phật, công đức lợi ích này là vô lượng vô biên. Chúng ta hãy thường để sự việc này vào trong lòng, đi làm việc này.

"***Vĩnh bạt sanh tử chi bổn***".
(Vĩnh viễn nhổ được cái gốc sanh tử).

Vĩnh viễn xa lìa lục đạo luân hồi, sanh sanh tử tử, vĩnh viễn không làm nữa.

"***Vô phục khổ não chi hoạn***".
(Không còn nạn khổ não).

Đoạn hết tất cả kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não, sẽ không còn bị những thứ khổ não này nữa.

"***Thọ thiên vạn kiếp, tự tại tùy ý***".
(Thọ mạng ngàn vạn kiếp, tự tại tùy ý).

Cái hay, cái lợi ích này đến đâu để tìm? Chúng ta tại sao không suy nghĩ cho kỹ lưỡng. "*Tự tại tùy ý*", bốn chữ này bao gồm sự hạnh phúc vô tận, niềm khoái lạc viên mãn, không có một sự việc nào mà không xứng tâm như ý. Như phía trước đã nói, không gian sinh hoạt của chúng ta là tận hư không khắp pháp giới. Người khác muốn thân cận, muốn thấy chư Phật Như Lai mà không được, chúng ta có thể thấy được bất cứ lúc nào, tùy niệm là thấy được. Sự tự tại khoái lạc này thật không thể nghĩ bàn! Hễ chúng ta có thể y giáo tu hành thì chúng ta một đời này có thể chứng đắc.

Tiếp theo, Phật dặn dò chúng ta:

"***Nghi các tinh tấn***".
(Ai nấy phải nên tinh tấn).

"*Nghi*" là phải nên, mỗi người phải nên tinh tấn. Đặc biệt phải chú ý chữ "*tinh*", "*tinh*" là thuần nhất, xen tạp thì không tinh, phải chuyên tu, phải tinh tấn.

"***Cầu tâm sở nguyện***".
(Cầu điều tâm nguyện).

Không cầu thứ khác, tâm nguyện duy nhất của chúng ta là chỉ cầu vãng sanh Tịnh Độ, gặp A-di-đà Phật, nhất tâm nhất ý trang nghiêm cõi nước Phật.

"***Vô đắc nghi hối, tự vi quá cữu***".
(Chớ nên nghi hối, tự gây lỗi lầm).

Đây là khuyên chúng ta nhất định không nên hoài nghi pháp môn Tịnh Tông, y theo pháp môn này tu học, bạn nhất định đừng hối hận. Thấy người ta học Mật, học Thiền, hình như họ đều *tức thân thành Phật*, cao hơn so với chúng ta, pháp môn này của chúng ta không bằng họ. Sau khi học rồi thì hối hận, như vậy thì sai rồi. Đây là quá đỗi sai lầm, đây là bạn tự mình tạo ra lầm lỗi.

"***Sanh bỉ biên địa, thất bảo thành trung, ư ngũ bá tuế thọ chư ách dã***".
(Sanh về cung điện bảy báu ở biên địa của nước Cực Lạc, chịu các tai ách trong năm trăm năm).

Nghi hối cũng có người được vãng sanh, rốt cuộc sự việc ra làm sao? Họ có hoài nghi: "Rốt cuộc thế giới Tây Phương có hay không? Chúng ta vẫn hết lòng nỗ lực mà niệm. Có thì ta vãng sanh, không có thì thôi". Thái độ như vậy. Bởi vì họ thiết tha nỗ lực niệm Phật nên họ cũng được vãng sanh, sanh đến đâu? Sanh đến biên địa, chữ "biên địa" này về sau còn có giải thích. "*Thất bảo thành trung*", biên địa cũng là thành bảy báu. "*Ư ngũ bá tuế thọ chư ách dã*", tức là trong năm trăm năm họ không thấy Phật, không được nghe pháp. Bởi vì họ có hoài nghi, cho nên họ phải thọ cái tội này. Năm trăm năm đây là năm trăm năm của thế gian chúng ta, không phải là của thế giới Cực Lạc.

"***Di-lặc bạch ngôn: "Thọ Phật minh hối"***".
(Ngài Di-lặc bạch Phật: "Chúng con xin vâng lời dạy bảo rõ ràng của Thế Tôn").

"*Minh*" là lời dạy bảo rõ ràng minh bạch.

"***Chuyên tinh tu học, như giáo phụng hành, bất cảm hữu nghi***".
(Tinh tấn tu học, y giáo phụng hành, không dám có lòng nghi ngờ).

Di-lặc Bồ-tát đã làm một tấm gương tốt, một học sinh tốt. Đối với lời dạy bảo của Phật nghe một cách rõ ràng minh bạch, phải hết lòng chuyên tinh tu học, chuyên tinh rất khó, chuyên tinh là vô cùng đáng quý. "*Như giáo phụng hành*", Phật dạy thế nào thì ta làm thế đó. "*Bất cảm hữu nghi*", nhất định không có hoài nghi.

TRƯỢC THẾ ÁC KHỔ ĐỆ TAM THẬP NGŨ
PHẨM BA MƯƠI LĂM: TRƯỢC THẾ ÁC KHỔ

Phẩm này khuyên chúng ta "đoạn ác tu thiện". "Đoạn ác tu thiện" mới có thể lìa khổ được vui, cái nào là ác, cái nào là thiện, Phật ở chỗ này chỉ ra rất rõ ràng.

"***Phật cáo Di-lặc: "Nhữ đẳng năng ư thử thế, đoan tâm chánh ý, bất vi chúng ác, thậm vi đại đức"***"

(Phật bảo Di-lặc: "Các ông có thể trong đời này đoan tâm chánh ý, không làm các điều ác, đó là có đức hạnh lớn").

Đây là Phật nói với các hành giả là người tu hành thuộc nhóm Di-lặc Bồ-tát, Ngài tán thán họ. Các ông có thể ở trong thế gian này, thế gian này là ngũ trược ác thế, đây là một hoàn cảnh rất xấu, trong hoàn cảnh xấu ác như vậy mà các ông có thể tu thiện, có thể hướng thiện, không tạo ác, điều này thật hiếm có. Đây quả thật là "*đại đức*", chữ "*đức*" này không phải là đức hạnh thông thường, là thật sự có đại đức hạnh. Trong câu nói này, tổng cương lĩnh là "*đoan tâm chánh ý*", câu này tức là tâm chân thành, nhà Nho gọi là "thành ý chánh tâm". "*Đoan tâm*", tức là chánh tâm, còn "*chánh ý*" tức là thành ý, tâm địa chân thành, dùng tâm chân thành để xử thế đối người tiếp vật thì gọi là đoan tâm. Cho nên ý thành thì sau đó tâm mới chánh. Cái tâm đó là nói tác dụng của tâm, thành là cái thể của tâm, cái này trong Phật pháp Đại Thừa gọi là đại Bồ-đề tâm.

"***Sở dĩ giả hà?***".

(Vì sao như vậy?).

Vì sao Thế Tôn tán thán nhóm người này? Sự tán thán này nhất định là có đạo lý, "*sở dĩ giả hà?*" là tại sao tán thán như vậy.

"***Thập phương thế giới, thiện đa ác thiểu, dị khả khai hóa***".

(Mười phương thế giới thiện nhiều ác ít, dễ bề khai hóa).

Trong mười phương thế giới của chư Phật, người thiện nhiều, người ác ít, Phật ở nơi đó giáo hóa chúng sanh dễ dàng. "*Dị khả khai hóa*", "*khai*" là khai thị, là Phật giảng kinh thuyết pháp. Người thiện nhiều, đều ưa thích nghe thì giảng kinh thuyết pháp dễ dàng, người nghe kinh giác ngộ nhiều. Chữ "*hóa*" này là thay đổi khí chất, sau khi nghe xong họ liền biến hóa. Mục đích của nền giáo dục thế gian của chúng ta trước kia là để thay đổi khí chất. Phật giáo hóa chúng sanh, mục đích là chuyển phàm thành Thánh, tức là hóa phàm thành Thánh, cho nên chữ "*hóa*" này là sự thành tựu của giáo học, "*khai*" là nhân, "*hóa*" là quả. Phật thuyết

pháp đều không rời khỏi quan niệm và sự thật của nhân quả. Vậy thì mười phương thế giới cũng bao gồm thế giới Ta-bà chúng ta. Thế giới Ta-bà cũng có lúc tốt, hiện nay là lúc xấu, phong thủy lưu chuyển, có lúc gặp vận tốt, có lúc gặp vận xấu. Hiện nay trái đất đang gặp vận xấu, cả trái đất bị cộng nghiệp chiêu cảm. Mười phương thế giới lúc này họ đang gặp vận tốt, còn chúng ta thì gặp vận xấu. Không phải toàn là "*ngũ trược ác thế*", chỉ có thế giới này của chúng ta có mà thế giới phương khác cũng có, tuy nhiên không phải là lúc này.

"***Duy thử ngũ ác thế gian, tối vi kịch khổ***".
(Chỉ có thế gian năm ác trược này rất là cực khổ).

Đây là Phật cảm thán thế giới này của chúng ta, thế gian của chúng ta là ngũ ác, tất cả chúng sanh đang tạo tác ngũ ác, mà ngũ ác tại thế gian này là vô cùng phổ biến, vô cùng nghiêm trọng. Ngũ ác là gì? Là "sát, đạo, dâm, vọng, tửu", là mặt trái của ngũ giới. Phần kinh văn này là nói về ngũ giới, vậy nói một cách khác, bạn có thể trì ngũ giới, đây tức là thiện, ngược lại, lúc tạo tác tức là ác, "*tối vi kịch khổ*". Chúng sanh đích thật không có trí huệ, không có đạo nhãn nên không thấy được nhân duyên quả báo, mê hoặc điên đảo, cho nên mặc tình tạo tác, đến lúc quả báo hiện tiền thì hối hận cũng không kịp, cho nên chúng ta phải hết lòng đọc tụng đoạn kinh văn này.

"***Ngã kim ư thử tác Phật, giáo hóa quần sanh, linh xả ngũ ác, khử ngũ thống, ly ngũ thiêu, hàng hóa kỳ ý, linh trì ngũ thiện, hoạch kỳ phước đức***".
(Ta nay làm Phật ở đây để giáo hóa quần sanh bỏ năm điều ác, trừ năm sự thống khổ, lìa năm sự thiêu đốt, hàng phục chuyển hóa tâm ý chúng sanh, khiến họ thọ trì năm điều lành, đạt được phước đức).

Đoạn kinh văn này là nói chung, là tổng cương lĩnh của phẩm kinh này. Dưới đây chia thành từng đoạn để nói kỹ. "*Ngã*" là Thích-ca Mâu-ni Phật tự xưng. "*Ư thử*" là tại thế gian này của chúng ta, ba ngàn năm trước tại thế gian này thị hiện làm Phật để giáo hóa chúng sanh. Phật dạy dỗ cơ bản là dạy chúng ta xả bỏ *ngũ ác*, đây là nhân. Chữ "*thống*" và "*thiêu*" là quả báo. Bạn tạo nhân, tương lai bạn nhất định phải thọ nhận quả báo. "*Thống*" là sự đau khổ mang đến cho cuộc sống của bạn trong đời này. Sự đau khổ này là hoa báo, giống như hoa nở, hoa nở sau đó thì kết quả. "*Thiêu*" là địa ngục, sau khi chết thì đọa địa ngục, địa ngục là quả báo.

Cho nên trong đời này của chúng ta, cuộc sống rất là đau khổ thì cái quả sau đó không thể tốt được. Hoa nở không tốt thì quả làm sao có thể tốt được! Nếu

trong đời này thật sự tâm khai ý giải, rất vui sướng thì quả báo tương lai sẽ tốt, cho dù không học Phật cũng không đọa ba đường ác. Một người tâm địa thiện lương, xử thế với người chánh đại quang minh, tâm thanh tịnh quang minh thì cuộc sống của họ rất vui sướng, sẽ rất tự tại. Nếu hằng ngày tự tư tự lợi, đều là hại người lợi mình, đây là tạo tác tội nghiệp đấy. Cho dù có được một chút lợi ích, song trong tâm họ không an, lương tâm cắn rứt, ban đêm đều gặp ác mộng, sống trong thế gian này thường buồn lo, sợ người ta khám phá ra chỗ yếu của mình, sợ kẻ khác ám hại, lúc nào cũng phập phồng lo sợ, nằm ngồi không an, cuộc sống như vậy là thống khổ. Cho nên năm thứ nhân xấu này mang đến cho cuộc sống của bạn năm thứ đau khổ, tương lai cảm đến khổ báo của địa ngục. Phật giáo hóa chúng sanh, nền giáo học cơ bản tức là điểm này, khiến cho chúng ta minh bạch, khiến cho chúng ta hiểu rõ chân tướng của sự thật này.

"*Hàng hóa kỳ ý*", chữ "*ý*" này tức là vọng tưởng, tham si. Chúng ta hiểu rõ rồi thì tự nhiên hàng phục được cái tâm tham, sân giận, biết được việc này không thể làm, sau khi làm rồi thì hậu quả không thể lường được, ít làm, không làm thì hay hơn. Trong Kinh Kim Cang, Tôn giả Tu-bồ-đề nêu ra hai vấn đề. Tôi nghĩ rất nhiều người đã niệm Kinh Kim Cang, Kinh Kim Cang nói những gì? Nói hai vấn đề. Tôn giả Tu-bồ-đề thỉnh giáo Thích-ca Mâu-ni Phật "*vân hà hàng phục kỳ tâm?*" (làm thế nào để hàng phục tâm), tâm của chúng ta từ sáng đến tối vọng tưởng tạp niệm, phiền não lăng xăng, làm thế nào có thể hàng phục nó? Điều này là một vấn đề. Vấn đề thứ hai là "*vân hà ưng trụ*" (làm thế nào để an trụ tâm), tâm của chúng ta rốt ráo phải an trụ ở đâu? Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói hết một bộ Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật để giải đáp hai vấn đề này. Tôi tin tưởng có nhiều đồng tu đọc Kinh Kim Cang, thậm chí đều đã nghe qua Kinh Kim Cang. Bạn biết được làm thế nào để hàng phục tâm không? Tâm bạn an trụ ở đâu? Nếu vẫn không biết thì niệm Kinh Kim Cang cũng uổng công. Kinh Kim Cang là nói với Tu-bồ-đề, do đây có thể biết Kinh Kim Cang đối với chúng ta là không khế cơ.

Chúng ta có hai vấn đề chưa được giải quyết, những lời Phật nói với chúng ta, chúng ta không hiểu, không biết làm thế nào, không biết Ngài nói những gì. Pháp môn Tịnh Độ hay, "*vân hà hàng phục kỳ tâm?*" (làm thế nào để hàng phục tâm). Nam-mô A-di-đà Phật. Bạn xem, khi trong tâm có vọng tưởng thì Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật… thì đoạn vọng tưởng rồi, thì hàng phục rồi. "*Vân hà ưng trụ*", tâm bạn an trụ ở đâu? Nam-mô A-di-đà Phật, an trụ tại danh hiệu A-di-đà Phật, bạn xem không phải vấn đề đã được giải quyết rồi sao!

Một câu Nam-mô A-di-đà Phật đã giải quyết triệt để vấn đề của Tu Bồ-đề, đâu cần dùng đến Kinh Kim Cang phiền phức như vậy. Bạn mới biết được pháp môn này tại sao được gọi là đệ nhất, đạo lý là ở chỗ này. Cho nên đích thật một câu Nam-mô A-di-đà Phật đã "*hàng hóa kỳ ý*", là cực kỳ cao minh, cực kỳ thỏa đáng, vả lại còn mau chóng.

"*Linh trì ngũ thiện*", tâm ý hàng phục rồi, có nơi an trụ rồi, bạn khuyên họ hành thiện thì dễ dàng, họ tự nhiên hướng thiện. Bạn không dạy họ, họ cũng muốn học thiện, vừa dạy thì lại càng tốt hơn nữa. "*Hoạch kỳ phước đức*", con người như vậy thì họ tự nhiên có phước đức rồi, vì sao? Vì hành thiện, tâm thiện, hành thiện, quả báo là phước, là đức. Chữ "đức" này, cùng với chữ "đắc" của "đắc thất" là cùng một nghĩa. Bạn đã được phước báo chân chánh rồi, bạn tu như vậy mới có được phước báo chân chánh. Cho nên cát hung họa phước là mỗi người tự mình cảm vời mà đến, không phải kẻ khác cho bạn. Người ngu cầu Phật Bồ-tát ban phước, đó là ngu si. Phật, Bồ-tát đâu có quyền lực ban phước cho bạn, tự mình đã tạo một thân tội nghiệp rồi hướng về Phật, Bồ-tát sám hối, cầu Phật, Bồ-tát tha thứ. Tội nghiệp đó của bạn tạo không liên quan với Phật, Bồ-tát. Phật, Bồ-tát cũng không có quyền lực tha thứ cho bạn. Đây là thật. Phật, Bồ-tát giảng đạo lý cho bạn, giảng chân tướng sự thật cho bạn. Bạn minh bạch đạo lý rồi, hiểu chân tướng sự thật rõ ràng rồi thì bạn biết được phải nên làm cách nào. Đây là Phật Bồ-tát chỉ dạy cho chúng ta, Phật Bồ-tát không phải là thần minh, thần minh cũng không thể giúp đỡ bảo hộ bạn được, cũng không thể ban phước cho bạn. Nếu bạn không có phước báo, nếu họ thật sự giúp đỡ bạn, ban phước cho bạn thì họ tạo tội nghiệp rồi. Phước báo nhất định phải tự mình tu. "*Linh trì ngũ thiện*", tức là bảo bạn tu nhân, tu thiện nhân, bạn chắc chắn được thiện quả. Đây là chánh thuyết, đây là chánh giáo. Sau đây Phật nói rõ năm thứ ác này. Ngược lại với năm thứ ác là năm thứ thiện. Cái thứ nhất là sát sanh ác, thứ hai là thâu đạo ác, thứ ba là dâm dục ác, vọng ngữ ác, sau cùng là ẩm tửu (uống rượu) ác, năm thứ này là năm đoạn trong bổn kinh.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 22

"***Hà đẳng vi ngũ? - Kỳ nhất giả, thế gian chư chúng sanh loại, dục vi chúng ác, cường giả phục nhược, chuyển tương khắc tặc, tàn hại sát thương, điệt tương thôn đạm***".

(Những gì là năm? Điều thứ nhất: Các loài chúng sanh ở thế gian thích làm điều ác, mạnh hiếp yếu, chèn ép nhau, tàn sát tổn hại, ăn nuốt lẫn nhau).

Phẩm kinh này trên thực tế là **chánh thọ của ngũ giới**. Có nhiều đồng tu yêu cầu thọ Tam Quy Ngũ Giới ở trong pháp hội. Chúng tôi có tập sách nhỏ về truyền thọ Tam Quy, Ngũ Giới là một phần khai đạo tối thù thắng! Nếu chúng ta xem tỉ mỉ minh bạch rồi y giáo phụng hành thì tức là đệ tử Ngũ Giới chân thật của Thế Tôn. Phần phía trước đã nói vô cùng rõ ràng, Thế Tôn thị hiện tại thế gian này làm Phật, chỉ dạy chúng ta nhất định phải xả bỏ ngũ ác. Nói cách khác, tức là chỉ dạy chúng ta phải nghiêm trì ngũ thiện, ngũ thiện nói ở chỗ này tức là Ngũ Giới. Như vậy mới có thể có được phước báo chân thật. Loại phước báo này, trong cuộc sống hiện thực, nó có thể mang đến sự yên ổn cho chúng ta, thân tâm yên ổn, hạnh phúc vui vẻ, cũng là nền tảng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ của chúng ta.

Thế giới Tây Phương, trong phần kinh văn đại tiểu bản đều nói là nơi "*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*". Nếu ngũ giới của chúng ta không thể thanh tịnh thì cho dù bạn niệm Phật được hết lòng đi nữa cũng rất khó tham dự được pháp hội của "chư thượng thiện nhân" ở Tây Phương. Người ta đều là người thiện còn chúng ta là bất thiện thì làm sao có thể tham dự được? Vì vậy phẩm kinh này là căn bản của căn bản, nền tảng của nền tảng, nhất định không thể thấp hơn mức độ này, nếu vậy thì chúng ta trong đời này không có hy vọng vãng sanh, cho nên các bạn đồng tu phải đặc biệt lưu ý. Hôm nay, chúng tôi bắt đầu giới thiệu từng đoạn một.

Đoạn thứ nhất là **sát sanh ác**, sát sanh là đại ác, không sát tức là thiện. Đoạn văn này rất dài, đây là Thế Tôn từ bi vô tận vì chúng ta mà nói ra chân tướng sự thật của nhân duyên quả báo. "*Kỳ nhất giả*". Đây là đoạn thứ nhất, "*thế gian chư chúng sanh loại*", câu này bao gồm phạm vi vô cùng rộng lớn. Nếu nói rộng thì chúng sanh chín pháp giới đều là hữu tình chúng sanh. Tuy nhiên, pháp giới Tứ Thánh, họ là giác mà không mê, họ sẽ không tạo ác. Trong pháp giới lục phàm, cũng tức là lục đạo, thiên nhân có trí huệ cao, phước báo lớn, cũng không sát sanh. Điều kiện sanh thiên là thượng phẩm của Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trong

Thập Thiện Nghiệp Đạo, điều thứ nhất là "không sát sanh", đương nhiên họ sẽ không làm ác, người làm ác sao có thể sanh thiên được! Vậy thì chúng ta minh bạch rồi: Có tạo ác nghiệp là từ cõi người trở xuống: người, súc sanh, ngạ quỷ. Còn địa ngục, thật sự mà nói là đang thọ khổ báo, sẽ không tạo tội nghiệp.

"*Dục vi chúng ác*", tạo ác vì có dục vọng. Cái dục vọng này, tóm lại mà nói, đều là tự tư tự lợi, hại người lợi mình, nếu không phải là nhân tố này thì là do ngu si nghiêm trọng, cũng có thể tạo tội nghiệp.

"*Cường giả phục nhược*", đều là kẻ mạnh hiếp đáp kẻ yếu. Chúng ta thấy các em nhỏ bắt chuồn chuồn, bươm bướm để chơi, đem nó chơi đùa cho đến chết mới thôi, đây là sát hại. Bạn bảo chúng có dục vọng gì đâu? Chúng chỉ là chơi đùa mà thôi. Các em bé lớn hơn các động vật nhỏ, có thể hiếp đáp chúng, đây tức là "*cường giả phục nhược*". Các em không có tâm tham, cũng không có tâm sân hận, mà là do ngu si mà tạo ác nghiệp, chúng ta thấy các em nhỏ thường tạo thứ ác nghiệp này. Nghĩ lại, chúng ta lúc còn nhỏ cũng đã làm những việc này, không biết đã làm bao nhiêu lần rồi. Có tội nghiệp hay không? Đương nhiên là có tội nghiệp. Con vật nhỏ cũng là một mạng sống, chúng ta đã học Phật rồi, hiểu rõ chân tướng sự thật rồi mới biết được nhân quả lợi hại. Thiếu mạng phải trả mạng, thiếu tiền phải trả nợ, gọi là báo ân báo oán, đòi nợ trả nợ không dứt. Chúng ta không phải cố ý mà là vô ý. Không sai. Tạo nghiệp vô ý thì tương lai vẫn phải là vô ý mà đền trả. Nhân gì thì có quả báo nấy, điều này chúng ta không thể không biết, những gì Phật nói đó đều là chân tướng sự thật.

"*Chuyển tương khắc tặc*", đây tức là đền trả lẫn nhau. Đời này bạn hiếp đáp họ, đời sau họ hiếp đáp bạn, đáp đền qua lại, "*tàn hại sát thương*", điều này là tàn khốc nhất trong khổ báo. "*Điệt tương thôn đạm*", câu này là nói về nghiệp nặng nơi việc ăn uống. Nhà Phật thường nói: "*Ta đời này ăn nó nửa cân, kiếp sau phải trả nó tám lạng*". Ngày nay bạn thích ăn thịt, đến kiếp sau thì bị súc sanh kia ăn lại, bị nó giết lại. Cho nên nói người chết làm dê, dê chết làm người. Ăn qua ăn lại, sự việc này oan oan tương báo vô cùng đáng sợ! Phật pháp tuy trong giới luật không bảo chúng ta ăn trường chay, chỉ dạy chúng ta ăn "tam tịnh nhục". Tam tịnh nhục tức là **không thấy giết, không nghe giết, không vì ta mà giết**. Hiện nay những đồ đông lạnh bày bán trên thị trường đều là thuộc về tam tịnh nhục. Tại sao Phật nói như vậy? Quý vị phải biết, Thế Tôn năm xưa khi còn tại thế, trong Tăng đoàn không có nấu nướng, hằng ngày đều đi ra ngoài khất thực. Trong lúc khất thực, nếu bạn nhất định buộc người ta phải nấu đồ chay cúng dường cho bạn thì không phải khiến người ta phiền phức lắm sao! Cho nên Phật "lấy từ bi

làm gốc, phương tiện làm cửa". Đi khất thực người ta cho gì thì ăn nấy, là phương thức sinh hoạt lúc bấy giờ.

Sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc mới có việc nấu nướng trong Tăng đoàn. Tập quán của người Trung Quốc, nếu nhìn thấy người đi ra ngoài khất thực thì xem họ là kẻ ăn mày. Người Trung Quốc không tôn trọng. Tuy nhiên, thời xưa ở Ấn Độ và hiện nay ở Sri Lanka, Thái Lan, người xuất gia ra ngoài khất thực, mọi người trong xã hội đều vô cùng tôn trọng họ. Tại Trung Quốc, nếu ra ngoài khất thực xin cơm là kẻ ăn xin, không ai tôn trọng cả, ngược lại khiến người ta tạo nghiệp. Hơn nữa, Phật giáo truyền đến Trung Quốc là bậc Đế vương Trung Quốc phái đặc sứ đi nghênh thỉnh về, đến Trung Quốc với thân phận là thầy của vua. Vậy Hoàng Đế sao lại để thầy mình ra ngoài xin cơm chứ! Làm gì có đạo lý này. Cho nên ở trong chùa có sự cúng dường rất tốt, phương thức sinh hoạt sau khi đến Trung Quốc thì hoàn toàn thay đổi, hoàn toàn Trung Quốc hóa. Y phục mặc đều là y phục Trung Quốc, chúng ta mặc loại áo tay rộng là lễ phục thời nhà Hán gọi là Hải Thanh, là lễ phục của người đi học mặc. Còn người tại gia thì sao? Trên y phục có thêu rất nhiều hoa văn, hoa văn đó đại biểu cho thân phận của họ, không được thêu tùy tiện. Y phục của người xuất gia không có hoa văn, màu sắc thì đơn sơ mộc mạc hơn, khác biệt là ở chỗ này. Cho nên khi đến Trung Quốc thì hoàn toàn là Trung Quốc hóa, ở Trung Quốc thành bổn thổ hóa rồi.

Còn **việc ăn chay của Trung Quốc là do Lương Võ Đế đề xướng**. Vua Lương Võ Đế đọc kinh Lăng-già thấy Phật nói Bồ-tát đại từ đại bi không ăn thịt chúng sanh. Vua Lương Võ Đế sau khi đọc xong rất cảm động, tự mình từ đó ăn trường chay. Ông là vị đại hộ pháp của Phật môn chúng ta. Lấy thân phân quốc vương để hộ trì Phật pháp. Đương nhiên việc vận động ăn chay ở trong Phật giáo lập tức có tiếng vang rất tốt. Học Phật ăn chay trong Phật môn là nét đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc. Hiện nay chúng ta đi khắp nơi trên thế giới, Phật giáo ở bất cứ một quốc gia nào đều không có ăn chay. Không những Tiểu Thừa khất thực không ăn chay mà chúng tôi đến Nhật Bản, Phật giáo Nhật Bản không ăn chay. Đại Hàn cũng không ăn chay. Chỉ có Phật giáo Trung Quốc ăn chay, chúng tôi đi thăm viếng các quốc gia Phật giáo khác, chúng tôi thấy họ ăn thịt lại còn uống rượu, cảm thấy rất lạ lùng!

Bạn xem Phật giáo Nhật Bản bày trước bàn Phật Bồ-tát những thứ rượu ngon để cúng, đó đều là rượu ngon rất nổi tiếng. Họ đem cúng Phật rồi lấy tự uống, chúng tôi nhìn thấy rất lạ lùng. Họ thấy chúng tôi không uống rượu cũng không ăn thịt cũng cảm thấy rất khó chịu. Chúng ta biết được những tình hình lịch sử

này thì chúng ta hiểu được việc không ăn thịt chúng sanh nhất định là chính xác! Vả lại đối với sức khỏe có lợi ích rất lớn. Hiện nay ở Mỹ có rất nhiều người Mỹ ăn chay, họ không phải học Phật, họ là vì sức khỏe của thân thể, ăn chay đối với sức khỏe có lợi ích rất lớn. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này cho nên mới áp dụng phương thức sinh hoạt này.

Tôi hai mươi sáu tuổi học Phật, học Phật được nửa năm thì ăn trường chay. Tôi bèn tiếp thu quan niệm này, cảm thấy việc ăn chay đối với chúng ta đích thật là một cách chọn lựa rất hay. Mối oán thù đời đời kiếp kiếp với chúng sanh, chúng ta từ nay trừ bỏ sạch hết. Không kết oán với chúng sanh nữa. Không những không sát sanh mà càng tích cực phóng sanh, hộ sanh, không ăn thịt chúng sanh. Nếu bạn nói không ăn thịt sẽ có trở ngại đối với sức khỏe thì bạn xem tôi nay đã bảy mươi rồi, đâu có kém hơn quý vị. Tôi hai mươi sáu tuổi học Phật, lúc đó tôi cảm thấy học Phật quá trễ! Thật tại mà nói, càng sớm càng tốt. Ý nghĩa của hai câu kinh văn này vô cùng sâu xa, nhất định phải rõ lý, phải biết chân tướng sự thật thì sự lựa chọn của chúng ta là chính xác.

"***Bất tri vi thiện***".
(Không biết làm lành).

Chữ "*vi thiện*" ở chỗ này tức là nói giới sát. "Trường trai" tức là ăn chay trường, điều này là thiện hạnh, không biết hành thiện.

"***Hậu thọ ương phạt***".
(Sau chịu tai ương trừng phạt).

"*Hậu*" là đời sau, quả báo ấy rất đáng sợ, Phật ở chỗ này nêu lên vài tỉ dụ rất rõ ràng.

"***Cố hữu cùng khất***".
(Thế nên có kẻ nghèo cùng, ăn mày).

Đây tức là kẻ ăn xin, họ vì sao thọ quả báo này? Vì đời trước tạo sát nghiệp quá nặng.

"***Cô độc***".

Phàm là phá hoại gia đình của chúng sanh thì không thể không thọ báo ứng này. Những cái chúng ta thường thấy nhất: chim nhỏ cũng có gia đình, bạn đi bắt chim, lấy trứng trong tổ, bạn đã phá hoại gia đình người ta, bạn làm cho gia đình người ta nhà tan người chết. Đời sau bạn sanh làm người cũng phải thọ báo ứng

nhà tan người chết như vậy. Nhân thế nào thì quả báo thế ấy, quả báo thế nào thì trong đời trước nhất định có nhân duyên, cho nên thành ra cô độc.

"***Lung manh, ám á, si ác***".
(Điếc mù câm ngọng, si ác).

"*Si*" là ngu si, chúng ta thường gọi là đần độn.

"***Uông cuồng***".
(Điên cuồng).

Hiện nay chúng ta gọi là thần kinh thất thường, thời nay thường gọi là chứng lú lẫn của người già, đều là thuộc về loại này. Đây đều có quả báo, trong đời quá khứ chúng ta đã tạo ác nghiệp này, trong đời này có thể miễn trừ quả báo này được chăng? Có thể được. Nếu bạn biết đạo lý biết phương pháp, hết lòng tu học, sức mạnh thiện của bạn vượt qua sức mạnh của ác nghiệp thì thiện nghiệp được báo trước, còn ác nghiệp này không phải không báo mà là báo sau. Còn thiện nhất là chúng ta sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, cái ác phía sau đó thì vĩnh viễn không báo lại nữa. Đây là phương pháp bảo đảm nhất, an toàn nhất, ra khỏi tam giới. Nếu không ra khỏi tam giới, khi nhân duyên tụ hội thì quả báo vẫn không thể tránh miễn được, đó vẫn là một sự việc rắc rối. Tức là tránh được nhất thời mà không thể tránh được lâu dài, điều này phải biết.

"***Giai nhân tiền thế bất tín đạo đức, bất khẳng vi thiện***".
(Đều là do đời trước không tin đạo đức, không chịu làm lành).

Đời trước họ không tin đạo đức, chữ "*đạo đức*" này nếu nói theo nghĩa rộng là bao gồm luân lý đạo đức trong đó. Nói theo nghĩa hẹp tức là chỉ cho Ngũ Giới Thập Thiện của Phật nói. Ngũ Giới Thập Thiện là đạo, bạn tu được cái đạo này thì tương lai bạn được thiện quả, đó tức là đức. Bạn "*bất khẳng vi thiện*" nên mới có quả báo này hiện tiền.

"***Kỳ hữu tôn quý***".
(Những hạng tôn quý).

Hiện nay, chữ "*tôn quý*" này là nói người có địa vị, được mọi người tôn kính.

"***Hào phú***".
(Giàu có).

Thế gian có những doanh nghiệp phát tài lớn, giàu có.

"***Hiền minh***".

Những bậc trưởng giả có trí huệ, có đức hạnh, có đạo đức đều là hạng này.

Ở Ấn Độ, xưng là "*trưởng giả*" không những là cao tuổi mà còn phải có học vấn, có địa vị, có tiền bạc.

"***Trí dũng, tài đạt***".

Bốn chữ này ngày nay gọi là "văn tài võ lược". Ở thế gian gọi những quan võ là hạng "*trí dũng*". Còn "*tài đạt*" là văn tài, văn học. Những thứ này đều là quả báo tốt, người thế gian chúng ta ước mơ và mong cầu những loại quả báo này.

"***Giai do túc thế từ hiếu, tu thiện tích đức sở trí***".
(Đều là do từ ái hiếu thuận, tu thiện tích đức từ đời trước mà được như vậy).

Nó có nguyên do, không phải vô duyên vô cớ mà có được. "*Túc thế*" là không chỉ có một đời, điều này chúng ta có thể tin, phải nên biết quả báo tốt của đời này có lẽ là do mấy đời trước tu được. "Tu tâm từ bi, tu tâm hiếu kính", Phật dạy chúng ta, không chỉ là phải hiếu thuận cha mẹ, trong Kinh Đại Thừa Bồ-tát Giới nói, phải đem tâm hiếu thuận cha mẹ mở rộng ra để **hiếu thuận tất cả chúng sanh**, đây mới là tận hiếu. Cho nên Phật pháp Đại Thừa là xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo, chúng ta phải đặc biệt coi trọng điều này. Nếu có người hỏi toàn thể Phật pháp là nói những gì? Có thể nói toàn thể Phật pháp tức là nói một chữ "***Hiếu***". Cái đẹp, cái hay của văn tự Trung Quốc thì trên toàn thế giới, bất cứ một quốc gia dân tộc nào đều không thể sánh nổi. Văn tự Trung Quốc là phù hiệu, phù hiệu này tràn đầy trí huệ, khiến người thoạt nhìn liền có thể lĩnh ngộ, điều này trong văn tự ngoại quốc đều không có. Chữ "*Hiếu*" (孝) là thuộc về chữ hội ý. Bạn xem, chữ này phần trên là chữ "lão" (老), phần dưới là chữ "tử" (子), ý nói **đời trên và đời dưới là một thể.** Người Tây Phương gọi là có sự ngăn cách của thế hệ, có sự ngăn cách của thế hệ thì không có hiếu. Đời trên vẫn còn đời trên nữa, quá khứ vô thủy. Đời dưới vẫn còn đời dưới nữa, là vị lai vô chung, triệt thủy triệt chung thì là một chỉnh thể, chỉnh thể của sanh mạng. Đây là từ trên chiều **dọc** mà nói, dọc đã hiểu rồi thì **ngang** tức là khắp pháp giới.

Cho nên phù hiệu này đại biểu điều gì? Là đại biểu tận hư không khắp pháp giới là một thể, trong Phật pháp đó là gì? Đó là pháp thân. Cái phù hiệu này đã hiển thị ra pháp thân của mỗi người. "Mười phương ba đời Phật cùng đồng một pháp thân", nếu bạn nói là tận hiếu thì thật không dễ dàng! Người nào mới có thể

làm được viên mãn đạo hiếu? Thành Phật thì đạo hiếu mới được viên mãn. Đẳng Giác Bồ-tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá thì đạo hiếu kia vẫn còn một phần thiếu sót, chưa viên mãn. Chữ này quả thật là đại đạo, đại đạo vô cực. Bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu làm từ hiếu với cha mẹ, sau đó dần dần mở rộng đến tôn trưởng của bạn, thầy của bạn, lại mở rộng đến người thân bạn bè của bạn, lại mở rộng đến tất cả chúng sanh.

Lấy đại từ đại bi để thực hiện đạo hiếu, đây là căn bản của đạo đức.

"*Tu thiện tích đức*", cái gì là thiện? Cái gì là ác? Thế Tôn trong bộ kinh này chỉ thị cho chúng ta vô cùng tường tận rõ ràng. Chúng ta từ trên cương lĩnh mà nói, Tịnh Độ Tông là dễ tu nhất trong tất cả Tông phái, phương pháp của nó đơn giản nhất, kinh điển ít nhất, rất thích hợp cho người thời đại hiện nay tu học. Ngoại trừ "Tín, Nguyện, Trì Danh" ra, tín nguyện trì danh là chánh tín, chúng ta trước khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, vẫn còn ở nhân gian này, chúng ta không thể rời khỏi xã hội, không thể rời khỏi quần chúng, người niệm Phật chúng ta phải nên sống chung với mọi người như thế nào?

Phật dạy cho chúng ta vài nguyên tắc, những nguyên tắc này được gọi là trợ hạnh, "chánh trợ song tu", như đôi cánh của chim, hai bánh của cái xe, như vậy mới có thể đạt được nguyện vọng của chúng ta. Trong trợ tu, quan trọng nhất là Tam Phước trong Quán Kinh. Tam Phước, điều thứ nhất là **hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp**. Bạn xem, tiêu chuẩn này không phải nói rõ ràng minh bạch rồi sao! Chúng ta phải tin, phải hiểu, phải hết lòng đi làm. Tam Phước thành tựu nền tảng tu hành của chính mình. Sống chung với đoàn thể, đặc biệt là Tăng đoàn, mọi người khi quy y đã từng niệm qua: "Quy y Tăng, chúng trung tôn". Bạn biết niệm thì nhất định phải biết câu này có ý nghĩa gì. "Chúng" tức là chúng ta gọi là đoàn thể. Tăng đoàn là đoàn thể tôn quý nhất trong thế xuất thế gian, là đoàn thể đáng được người tôn kính nhất, tại vì sao? Bởi vì họ tu **Lục Hòa Kính**, tức là Thế Tôn dạy chúng ta làm sao sống chung với mọi người, đây là giới điều trọng yếu. Sáu điều này là:

"**Kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân**".

Đây là chúng ta nhập chúng. Một đoàn thể có thể làm được sáu điều này thì đoàn thể này có chư Phật Bồ-tát hộ niệm, long thiên ủng hộ.

Khoa mục thứ ba là **Tam Học**, "**giới học, định học, huệ học**". Khoa mục thứ tư là **Lục Độ**. Khoa mục thứ năm là **Phổ Hiền Thập Nguyện**. Chúng ta trong sinh hoạt hằng ngày, sống chung với mọi người, xử thế đối người tiếp vật phải tuân thủ năm khoa mục này, đây tức là "*tu thiện tích đức*". Thế Tôn ở chỗ này khai thị một cách rõ ràng những nhân quả này.

"***Thế gian hữu thử mục tiền hiện sự. Thọ chung chi hậu, nhập kỳ u minh, chuyển sinh thọ thân, cải hình dịch đạo. Cố hữu Nê-lê, cầm thú, quyên phi nhuyễn động chi thuộc***".

(Thế gian có những chuyện rành rành trước mắt như thế. Sau khi mạng chung, vào chốn u minh, thay đổi thân hình, sanh vào các nẻo, nên mới có địa ngục, cầm thú, các loài bò bay máy cựa).

"*Thế gian hữu thử mục tiền hiện sự*". Đây là chúng ta mắt thấy, tai nghe, thân tiếp xúc với những sự việc của nhân duyên quả báo này. Hễ chúng ta bình tĩnh lưu ý, quan sát, không cần Phật nói nhiều thêm nữa, rõ ràng minh bạch. Người tạo ác nhân, tạo ác duyên, sau khi mạng chung phải đọa tam đồ. "*Nhập kỳ u minh*", "*u minh*" là chỉ cho tam đồ.

"*Chuyển sinh thọ thân, cải hình dịch đạo*". Sau khi đã mất đi thân người thì xem những tạo tác của chúng ta trong đời này, nếu là thiện nghiệp thì thọ thân trong ba đường thiện, nếu là ác nghiệp thì đi thọ báo trong ba đường ác. "*Chuyển sinh thọ thân*", cái thân thọ đó có khác. "*Cải hình dịch đạo*", thay đổi trong lục đạo, tức là người tạo ác nghiệp đọa súc sanh, thân người đổi thành thân súc sanh, đây là đã thay hình đổi nẻo.

Sự việc này thường có trong thế gian chúng ta. Mấy năm trước, có lẽ khoảng hai mươi năm trước, tại Cao Hùng ở Đài Loan xảy ra một chuyện thật lạ lùng. Tiểu Cảng ở Cao Hùng là một thị trấn nhỏ, có ngôi miếu nhỏ. Trong miếu nhỏ có nuôi một con chó, chú chó này rất hộ trì ngôi miếu này, công khóa sáng tối nó đều tham gia. Nhưng lạ lùng thay, vừa mới làm lễ Tam Quy thì nó bỏ đi mất, đây là giống cái gì? Giống như thái độ của lão Hòa Thượng cao ngạo rất lớn. Về sau người ta phát hiện chú chó này rất lạ lùng! Có một vị Pháp sư nói pháp với nó, biết được có lẽ trong miếu này trước kia vị lão Hòa Thượng ấy chết rồi đầu thai, tức là nó. Ông nói với nó rằng: "Ngươi bây giờ không phải là trụ trì nữa rồi, ngươi là súc sanh, công khóa sáng tối phải làm xong mới được đi, không thể lúc làm lễ Tam Quy rồi bỏ đi nhé!" Nó quả nhiên nghe lời. Từ đó về sau nó đều làm xong công khóa sáng tối, sau cùng mới rời đi, nhưng chỉ hai ba tháng sau thì nó chết.

Linh tánh của nó vẫn còn, đời quá khứ là lão Hòa Thượng của ngôi miếu này. Quả thật là "*chuyển sinh thọ thân, cải hình dịch đạo*", may thay thiện căn của nó vẫn chưa hoàn toàn diệt mất, vẫn có thể nghe Pháp sư khai thị, vẫn có thể tiếp tục niệm Phật, điều này vẫn không tệ. Tôi nghĩ sau khi thoát khỏi thân chó rồi có thể nó sẽ có quả báo tốt hơn. Tuy nhiên nếu lại mê thì rất khổ.

"*Cố hữu Nê-lê*", tức là địa ngục. "*Cầm thú, quyên phi nhuyễn động*", là súc sanh, đây tức là có những báo ứng như ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh. Phía dưới là tỉ dụ.

"***Thí như thế pháp lao ngục, kịch khổ cực hình***".
(Ví như lao ngục ở thế gian có cực hình kịch khổ).

Đây là tỉ như bạn tạo tác tội nghiệp thì bạn nhất định phải chịu sự chế tài của pháp luật, ba đường ác giống như lao ngục của thế gian vậy, cực khổ cực hình, hình phạt rất nhiều, rất là tàn khốc, vô cùng đau khổ.

"***Hồn thần mạng tinh, tùy tội thú hướng, sở thọ thọ mạng, hoặc trường hoặc đoản***".
(Thần hồn tùy tội đã tạo mà có thọ mạng dài ngắn khác nhau).

Bạn đi đầu thai, không phải cái thân này đi đầu thai, tục ngữ chúng ta có câu là "linh hồn đi đầu thai", trong Phật môn gọi đó là "thần thức", người thế gian gọi là linh hồn. Điều này đều là quan niệm sai lầm, cái "hồn" đó nhất định không "linh", nếu linh thì chúng sao lại biến thành súc sanh, biến thành ngạ quỷ? Chúng không linh, cái hồn đó rất mê hoặc điên đảo, gọi là mê hồn mới đúng. Chúng không biết chọn lựa. Khổng Lão Phu Tử của Trung Quốc vào hai ngàn năm trăm năm về trước, trong Kinh Dịch, Ngài gọi (cũng rất có đạo lý) là "du hồn". Cách nói này gần giống với Phật pháp. Cái hồn này có tốc độ rất lớn, nó chạy lung tung, đích thật là du hồn, đại ý nói "du hồn vi biến, tinh khí vi vật", rất giống với cách giải thích trong kinh điển của nhà Phật về chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Nó đi đầu thai, "*tùy tội thú hướng*", tùy theo tội nghiệp của nó mà đến một đường nào đó để đầu thai.

Thọ mạng dài ngắn khác nhau, tỉ như trong súc sanh, có những súc sanh có thọ mạng rất dài, có những súc sanh thọ mạng rất ngắn. Chúng ta thấy loại phù du trên mặt nước "sáng sanh tối chết", thọ mạng của nó chỉ có mấy tiếng đồng hồ, nhưng cũng có loại thọ mạng rất dài. Trong đường ngạ quỷ, địa ngục cũng khác nhau: trong địa ngục có căn bản địa ngục, có vô gián địa ngục, thì thọ mạng

rất dài, dài đến quá kinh khiếp! Tuy nhiên, cũng có những thứ "du tăng địa ngục" là biên địa của địa ngục, cái tiểu địa ngục này thì thọ mạng không dài lắm. Đây là tùy tội nghiệp nặng nhẹ mà thọ báo của họ khác nhau.

"***Tương tùng cộng sanh, cánh tương báo thường***".

(Theo nhau cùng sanh để trả báo cho nhau).

Đây là nói tất cả chúng sanh, một cái là mạng, một cái là nợ, báo đền lẫn nhau, quả là không ngừng không dứt. Đây là một việc thật đáng sợ! Chúng ta không học Phật thì không rõ đạo lý này, không biết chân tướng sự thật. Ngày nay minh bạch, rõ ràng rồi, những gì chúng ta thiếu của người thì nhất định phải đền trả, những gì người ta thiếu mình thì không cần nữa, đoạn dứt từ trong tâm, không cần nữa. Đòi qua đòi lại rất là khổ não, không ngừng không dứt. Chúng ta hi vọng trong đời này đều thanh toán dứt điểm hết, sau đó mới dễ đi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhẹ nhàng thoải mái mà đi vãng sanh, không có một tơ hào chướng ngại, vậy là đúng.

"***Ương ác vị tận, chung bất đắc ly, triển chuyển kỳ trung, lũy kiếp nan xuất, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn***".

(Tội ác chưa hết thì chẳng thoát được, xoay vần trong đó nhiều kiếp không thôi, khó được giải thoát, khổ đau không thể nói hết được).

"*Ương*" là mối họa ương của bạn, cái ác nghiệp mà bạn tạo tác chưa báo hết, bạn còn món nợ mạng chưa trả xong thì làm sao có thể thoát ly lục đạo! Bạn ngỡ rằng những oan gia trái chủ gây rắc rối cho bạn, còn với người tu hành thì không được [gây rắc rối]. Không biết ở đây quý vị có bái Tam-muội Thủy Sám hay không? Nếu bạn có bái Tam-muội Thủy Sám, bạn xem, quốc sư Ngộ Đạt mười đời là cao tăng, vẫn có oan gia trái chủ chờ đợi trước mặt ông. Ngày nào đó bạn phá giới, ngày nào đó bạn tạo ác nghiệp thì lập tức báo thù ngay trên thân bạn, bạn mới biết được việc này là đáng sợ. Quốc sư Ngộ Đạt, thực tế mà nói, không có duyên phần tốt như chúng ta, không gặp được pháp môn Tịnh Độ, gặp được pháp môn Tịnh Độ thì không phải ông đã sớm vãng sanh rồi sao? Oan gia trái chủ không tìm đến ông. Ông chưa thể vãng sanh, cho nên oan gia trái chủ vẫn cứ ở mãi bên mình, kiên nhẫn chờ đợi, chờ đến khi đạo tâm ông vừa thoái thì rắc rối liền đến. Trường hợp này được kể như là ông có tu hành [nên] gặp được Tôn Giả Ca-nặc-ca giúp ông điều giải, Tam-muội Thủy Sám là do nhân duyên như vậy mà có. Cho nên nói, "*ương ác vị tận, chung bất đắc ly*", muốn thoát ly lục đạo luân hồi, đích thật không phải là việc dễ dàng.

"*Triển chuyển kỳ trung*", "*triển chuyển*" tức là tạo luân hồi, ở trong lục đạo luân hồi. "*Lũy kiếp nan xuất*", thời gian là lấy kiếp để tính, vô lượng kiếp. Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đều không có cách gì ra khỏi. Tu hành muốn ra khỏi tam giới, ít nhất phải đoạn kiến tư phiền não. Không đoạn kiến tư phiền não thì không ra khỏi tam giới, khó được giải thoát. Tứ quả A-la-hán mới ra khỏi tam giới. Cho nên ở trong lục đạo luân hồi là "*thống bất khả ngôn*". Ở trong đó thì quá khổ!

"***Thiên địa chi gian, tự nhiên hữu thị, tuy bất tức thời bạo ứng, thiện ác hội đương quy chi***".

(Giữa trời đất, mọi việc tự nhiên có báo ứng như vậy, tuy không báo ứng tức thời, nhưng thiện ác chung quy vẫn phải chịu quả báo).

Câu nói này, nói đơn giản tức là "*nhân quả bất hư, tất thọ kỳ báo*" (nhân quả không phải là không có, đều phải chịu báo ứng). Không phải có người đang làm chủ sự việc này, không phải Vua Diêm-la làm chủ, cũng không phải Thượng Đế làm chủ, Phật Bồ-tát càng không quản những việc này. Nhân duyên quả báo là hiện tượng tự nhiên. Tỉ dụ người đã làm một việc xấu, tự mình cảm thấy tâm bất an, ban đêm có thể nằm ngủ thấy ác mộng. Vậy ban đêm nằm mộng là ai đang ở đó làm chủ, bảo bạn nằm ngủ thấy ác mộng? Không có ai làm chủ cả, "*tự nhiên hữu thị*". Cho nên ban ngày có suy nghĩ đến thì ban đêm sẽ nằm mộng, "*tự nhiên hữu thị*", không có thần minh, quỷ thần nào làm chủ cho bạn.

Hiện tượng lục đạo luân hồi cũng là như vậy. Vua Diêm-la, tiểu quỷ là người chấp pháp, giống như thế gian chúng ta: cảnh sát, quan tòa là để phán tội, bạn không phạm pháp thì họ không dám bắt bạn, khi bạn phạm pháp thì họ mới chấp pháp, họ mới đến làm việc. Vua Diêm-la và tiểu quỷ là người chấp pháp trong đường ngạ quỷ mà thôi, bạn không phạm pháp thì họ không làm gì được bạn. Họ cũng không dám tùy tiện trêu chọc bạn, trêu chọc bạn thì họ phạm pháp, phải biết đây là định luật tự nhiên.

"*Tuy bất tức thời bạo ứng*", quả báo thông ba đời, có báo trong đời này, có báo trong đời sau, có báo trong đời sau nữa. Đời sau nữa không nhất định thời gian dài ngắn, cho nên tạo tác ác nghiệp, cho dù chúng ta hiện tại không thấy được báo ứng, phải biết "*thiện ác hội đương quy chi*", tức là khi nhân duyên tụ hội thì quả báo nhất định hiện tiền.

Đến đây là đoạn thứ nhất, Thế Tôn nói về quả báo của việc sát sanh, chúng ta phải biết, phải hiểu rõ thì mới thật sự đề cao tâm cảnh giác. Không những không

sát sanh mà từ nay về sau, chúng ta nhất định không ăn thịt chúng sanh, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Trong đời quá khứ thiếu món nợ mạng với chúng sanh, trong đời này thiếu món nợ mạng với chúng sanh, tính đến không hết, trả không hết. Những oan gia trái chủ này lẽ nào họ chịu tha cho bạn sao? Đâu có đơn giản như vậy. Cho nên người niệm Phật chúng ta mỗi ngày tại sao phải tụng kinh, phải niệm Phật, tại sao hết lòng tu hành, còn phải hết lòng hồi hướng?

Trong kệ hồi hướng "*trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ tam đồ*", đem công đức chính mình tu tập đó cùng hưởng với họ, đây tức là báo đáp họ, hi vọng họ có thể tiếp nhận, đừng đến gây rắc rối nữa, tôi thành Phật đối với quý vị đều có lợi ích. Trước kia sai rồi, là chúng tôi ngu si, ngu muội, vô tri mà tạo ra ác nghiệp. Đây là phương pháp điều giải. Nếu bạn không hết lòng tu hành, họ nhìn thấy bạn là giả, họ nhất định không chịu tha cho bạn đâu. Nhìn thấy bạn chân thật tu hành, họ bội phục bạn, họ cũng nở mặt, khi bạn thành tựu họ cũng được thơm lây. Cho nên bạn phải thật tu, những oan gia trái chủ này sẽ không tìm đến bạn, nếu tu giả thì không tránh được. Lại xem đoạn thứ hai, đoạn thứ hai là nói về ác nghiệp và ác báo của sự trộm cướp.

"***Kỳ nhị giả, thế gian nhân dân, bất thuận pháp độ***".
(Điều thứ hai, người trong thế gian không theo pháp luật).

"*Pháp*" là pháp luật, "*độ*" là chế độ, trái với pháp luật, trái với chế độ, đây gọi là "*bất thuận pháp độ*".

"***Xa dâm kiêu túng, nhậm tâm tự tứ***".
(Xa xỉ, dâm dật, kiêu căng, phóng túng, mặc tình thỏa ý).

Cái này là thuận theo tham sân si mạn của họ, mặc tình tạo tác tội nghiệp, chạy theo cái vui nhất thời.

"***Cư thượng bất minh, tại vị bất chánh***".
(Người trên thì bất minh, kẻ tại vị bất chính).

Đây là nói những người có quyền lực, có địa vị, trong xã hội thời nay, chúng ta gọi là "bẻ cong pháp luật để nhận của hối lộ", tức là lạm dụng luật pháp để nhận hối lộ. "*Bất minh*", tức là không phân biệt phải trái, không điều tra rõ sự lý. "*Tại vị bất chánh*", lợi dụng quyền lực địa vị của họ để tác oai tác quái.

"***Hãm nhân oan uổng***".
(Hãm hại người oan uổng).

Vì tự tư tự lợi mà hại kẻ khác.

"***Tổn hại trung lương***".

Tại vì sao? Những bậc chánh nhân quân tử này đối với họ bất lợi, có hại đối với họ, họ muốn thực hiện dục vọng của riêng họ, phàm là có chướng ngại với họ, họ thảy đều nhổ trừ hết, cho nên lợi dục đã che mờ tâm.

"*Tổn hại trung lương*". Trong lịch sử Trung Quốc có một tấm gương rõ rệt, đó là Tống Cao Tông giết chết Nhạc Phi. Nhạc Phi có tội gì? Tống Cao Tông có biết ông là trung thần không? Thừa biết. Biết trung nhưng tại sao phải giết ông? Lý do là: Nhạc Phi nếu còn sống, sau khi đánh bại người Kim, đón hai vị hoàng đế Huy, Khâm về. Vua Cao Tông nghĩ: "Huy Tông là cha mình, đương nhiên thoái vị rồi". Lúc đó hoàng đế là Khâm Tông, Khâm Tông là anh ông ta, anh ông ta trở về rồi, ông ta muốn làm vua, liệu anh của ông có nhường ngôi hay không? Ông ta nghĩ: "Không cần hai người này thì tốt hơn, ta tự làm hoàng đế". Còn Nhạc Phi? Ngu si, ông nhất định đi đánh người Kim, rước hai vị hoàng đế về, đó là cái gai trong mắt Tống Cao Tông. Ông ta sao không giết Nhạc Phi chứ! Cho nên Nhạc Phi rất ngu si. Nếu thông minh, Nhạc Phi nếu hiểu được tâm lý của Tống Cao Tông thì tốt nhất là về hưu, phải không? Rút về hưu thì vô sự, cho nên đây là ngu trung.

Tần Cối làm Tể tướng, sau khi hai vị vua Huy, Khâm trở về, chức Tể tướng nhất định phải nhường cho Nhạc Phi, chức hoàng đế của Tống Cao Tông phải nhường cho Khâm Tông. Hai người này sao có thể cam tâm tình nguyện được chứ! Thôi được giết quách hắn đi! Trung cũng không thể được, trung cũng bị giết. Vì quyền lợi dục vọng của mình, "*tổn hại trung lương*". Sự việc như vậy, từ xưa đến nay, trong nước ngoài nước có quá nhiều! Chư vị nếu đầu óc hơi định tỉnh một chút thì có thể nhìn thấy rất rõ ràng minh bạch.

"***Tâm khẩu các dị***".
(Tâm miệng khác biệt).

Trong tâm nghĩ tưởng với lời từ miệng thốt ra khác nhau.

"***Cơ ngụy đa đoan***".
(Dối trá nhiều bề).

"*Cơ*" là nói "cơ trá", tâm tự lừa mình, lừa người. "*Ngụy*" là hư ngụy.

"***Tôn ti trung ngoại, cánh tương khi cuống***".

(Trên dưới thân sơ đều lừa dối lẫn nhau).

"*Tôn*" là đối với bậc trên của mình. "*Ti*" là đối với thuộc hạ của mình đều không nói lời thật thà, đều là dùng thủ đoạn, gạt gẫm.

"***Sân khuể ngu si, dục tự hậu kỷ, dục tham đa hữu, lợi hại thắng phụ, kết phẫn thành thù, phá gia vong thân, bất cố tiền hậu***".

(Giận dỗi ngu si, muốn lợi về mình, tham muốn có nhiều, lợi hại được thua, kết giận thành thù, tan nhà mất mạng, không xét trước sau).

Những thứ này đều thuộc về **tâm trộm cướp**. Như tôi khi nãy vừa nói, Tống Cao Tông là tâm trộm cướp, đoạt lấy ngôi vua của anh mình. Chữ "*đạo*" này, bất luận bạn dùng thủ đoạn gì, không phải đồ của người ta tình nguyện cho bạn, bạn lấy nó đều gọi là "đạo", tức là trộm cướp. Tống Huy Tông không truyền ngôi cho Cao Tông, khi Cao Tông làm Hoàng đế, đã không để Huy Tông về nước, đây là tâm trộm cướp. Chư vị từ thí dụ này mà hiểu rõ phạm vi của chữ "*đạo*" vô cùng rộng lớn.

Trong kinh điển, Phật giải thích ý nghĩa của chữ "*đạo*" là "bất dữ thủ" (không cho mà lấy). Vật ấy có chủ, họ chưa bằng lòng cho bạn mà bạn lấy về, bất luận dùng thủ đoạn gì, phía trước có nói là "*cư thượng bất minh, tại vị bất chánh*", họ ở địa vị có quyền lực, muốn nhờ họ làm một việc gì, họ muốn nhận hối lộ thì bạn tình nguyện đem tiền tặng cho họ. Trên thực tế nào phải cam tâm tình nguyện đâu, bất đắc dĩ mà cho họ, đó cũng là lấy trộm, tại vì sao? Vì người ta không tình nguyện cúng dường cho bạn, bạn lấy quyền thế bức bách họ, họ không thể không tặng lễ vật cho bạn, cách này đều là tâm trộm cướp, đây đều là đã phạm cái gọi là đạo ác (tội ác do trộm cướp).

"*Sân khuể ngu si, dục tự hậu kỷ*", mong muốn chính mình có được lợi ích dồi dào, "*dục tham đa hữu*", đối với thế gian này, "danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần" tham mà không chán. "*Lợi hại thắng phụ*", đây là nói họ có được, có lợi, có hại, có thắng có thua, trước mắt là họ có lợi, có thắng. Tuy nhiên, đã kết oán thù rồi thì quả báo không thể tránh khỏi, "*kết phẫn thành thù*". Đến lúc quả báo hiện tiền, "*phá gia vong thân*", đây gọi là hiện thế báo (báo trong đời này). Những sự việc này trước mắt đều có. Lúc họ đắc chí, không được một đời. Đến lúc họ rớt xuống đài rồi, những người họ đắc tội trước kia, đều đến để gây rắc rối, đều muốn đến để trả thù.

Lịch sử là một tấm gương, trong lịch sử chúng ta thấy được những nhân vật uy thế cực thịnh một thời, có mấy ai có thể truyền được ba đời? Phần nhiều đến tuổi về chiều thì không đảm bảo, một đời đều không giữ được, con cháu càng không cần nói nữa, quá nhiều, quá nhiều! Không biết tu thiện tích đức. Tự mình lúc còn có quyền có thế, vào lúc này người có trí huệ, người thông minh đại tu thiện đức thì quả báo của họ sẽ thù thắng. Nếu tác oai tác thế, khinh khi hiếp đáp kẻ khác, vậy thì tội ác ghê gớm lắm! Đến cuối cùng thì là "*phá gia vong thân, bất cố tiền hậu*", chữ "*tiền hậu*" này là nói nhân quả, "tiền nhân hậu quả". Bạn tạo nhân gì thì theo sau đó là quả báo, quả báo là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đang chờ đợi bạn.

"***Phú hữu xan tích, bất khẳng thí dữ***".

(Giàu có keo kiệt không chịu bố thí).

"*Phú hữu*" là quả báo của đời trước tu bố thí. Tại sao họ có được quả báo tốt lành này lại không chịu tu nhân nữa? Là vì ngu si. Lời Phật nói: tu phước không tu huệ, có được đại phú, họ ngu si, không biết tiếp tục tu thiện nữa thì cái phước báo ấy trong đời này sẽ hưởng hết. Họ đời này tạo ác nghiệp, ác nghiệp chín muồi rồi, lại phải đọa lạc xuống. Nhà Phật gọi là "*Tam Thế Oán*", đời thứ nhất tu phước, đời thứ hai hưởng phước, trong lúc hưởng phước lại tạo nghiệp, hưởng phước hết rồi, ác nghiệp thành rồi, đời thứ ba đọa lạc, thật là oan uổng. Nếu thật sự biết được những chân tướng sự thật này rồi, ta trong đời này giàu có, hy vọng đời đời đều giàu có thì bạn cứ bố thí tài đi, bố thí tài thì được giàu có. Thí tài là tu nhân, được giàu có là quả báo.

Trong nhóm đồng tu chúng ta có nhiều người rất giàu có, tôi nói với họ: "Bạn cứ tưởng rằng bạn tài giỏi, bạn kiếm được tiền. Sai rồi! Những người tài giỏi hơn bạn khá nhiều, những người có cơ hội tốt hơn bạn cũng khá nhiều, tại sao những người đó không phát tài mà chỉ mình bạn phát tài? Là nhờ bạn đời trước tu đó, bạn đời trước tu bố thí tài, bạn đời này được giàu có, là có đạo lý nhất định. Bạn trước kia tu được nhiều thì đời này có được nhiều. Trước kia tu được ít thì đời này có được ít. Trước kia, khi bố thí thì hoan hỉ, vui vẻ thì đời này bạn kiếm được tiền một cách hoan hỉ vui vẻ, một chút cũng không nhọc tâm. Quá khứ bố thí rất khó khăn, như cắt thịt mình vậy, đời này bạn kiếm được tiền rất là cực khổ, "nhân duyên quả báo tơ hào không sai", điều này phải biết.

Bố thí pháp là nhân, thông minh trí huệ là quả, chúng ta muốn được thông minh trí huệ, phải tu pháp bố thí. Khỏe mạnh sống lâu là quả báo, phải tu bố thí

vô úy. Chư vị biết được, trì giới tức là bố thí vô úy, ví như nói bạn giữ giới không sát sanh, những loại động vật nhìn thấy bạn thì không sợ hãi, vì sao thế? Vì bạn không làm hại chúng, chúng nó không sợ hãi. Bạn giữ giới không trộm cướp thì tiền bạc của người khác để sờ sờ trước mắt: "người này giữ giới không trộm cướp, không sao cả, họ sẽ không trộm của tôi". Họ không có cái tâm sợ hãi, lìa xa. Cho nên bố thí vô úy thì được khỏe mạnh sống lâu, quả báo thế nào thì có cái nhân thế đó. "*Xan lận*" là không xả được để giúp đỡ kẻ khác, không chịu bố thí, đây là quả báo bần cùng ở đời sau.

"***Ái bảo tham trọng, tâm lao thân khổ***".

(Tham tiếc của cải sâu nặng, nhọc tâm khổ thân).

Chữ "*ái*" này là tham ái, tham ái vàng bạc của cải của thế gian, tâm tham rất nặng, họ muốn có thể giữ lấy, kỳ thật không được gì cả, đều là ngu si, đều là ở đó khởi vọng tưởng. Người thế gian thường nói "*sanh không mang đến, chết không mang đi*", họ vẫn chưa chết cho nên họ vẫn muốn giữ lấy. Kỳ thật mỗi người chúng ta mỗi đêm đều phải chết một lần, lúc bạn ngủ, thật tại mà nói, thân thể của bạn bị người ta khiêng đi bạn đều không hay biết, huống chi là vàng bạc của cải ư? Bạn thử nghĩ xem, khi bạn ngủ đang nằm mơ, cái nào là của bạn? Không có một thứ nào là của bạn cả. Phải giác ngộ, phải thật sự biết tu thiện tích đức. Vật của thế gian này không có một thứ nào có thể được cả, bao gồm cả thân thể của chính bạn, đều không thể được.

Thân thể nếu có thể được, vậy bạn có muốn già không? Bạn có muốn bệnh không? Mọi người đều muốn năm nào cũng đều là mười tám cả, tuổi thanh xuân giữ không nổi tức là thân thể không thể có được, không có một thứ nào có thể có được. Thân thể còn không thể có được, huống chi là vật ngoài thân ư! Cho nên nhất định phải nhìn cho thông, nhìn cho thấu, thật sự có thể buông xuống rồi thì người này được đại tự tại, đó thật là hạnh phúc khoái lạc đấy. Cho nên việc buông xuống là phải nên buông xuống. Vì sao? Là vì không thể được, không thể được thì tại sao không buông xuống? Quả thật đạt được rồi, nếu bạn không buông xuống thì Phật cũng gật đầu, cũng tán thán. Thế nhưng bạn có nghĩ như thế nào cũng đều là không, đều không thể được, một mảng trống không, cho nên Phật dạy chúng ta buông xuống là tuyệt đối chính xác. Kẻ ngu si, mê hoặc kia thật là đáng thương, "*tâm lao thân khổ*", không được gì cả mà họ nằng nặc muốn được thì đây là khổ, thân tâm đều khổ cả.

"***Như thị chí cánh, vô nhất tùy giả***".

(Cứ như vậy cho đến khi mạng chung, không đem theo được gì).

Đến sau cùng, một hơi thở không hít vào nữa thì không có một thứ nào mang theo được.

"***Thiện ác họa phước, truy mạng sở sanh***".
(Thiện ác họa phước theo nghiệp mà sanh).

Có một thứ có thể mang đi, đó là nghiệp lực thiện ác đi theo bạn, trong đời này bạn hành thiện thì phước sẽ đi theo bạn, bạn có phước báo. Trong đời này bạn làm ác thì tai họa đi theo bạn, bạn tránh không khỏi phải thọ khổ thọ nạn, thiện ác, họa phước. "*Truy mạng sở sanh*", bất luận bạn đến đường nào nó cũng đi theo bạn.

"***Hoặc tại lạc xứ, hoặc nhập khổ độc***".
(Hoặc sanh vào nơi vui sướng hay vào chốn khổ độc).

Nếu là thiện, là phước thì bạn sẽ sanh nơi vui sướng, bạn hưởng phước. Nếu bạn tạo tác ác nghiệp, vậy tương lai bạn vào ba đường ác mà thọ khổ.

"***Hựu hoặc kiến thiện tăng báng, bất tư mộ cập. Thường hoài đạo tâm, hy vọng tha lợi, dụng tự cung cấp, tiêu tán phục thủ***".
(Thấy người làm lành lại ganh ghét, hủy báng, không chịu bắt chước, thường nghĩ trộm cướp, muốn lấy cái lợi của người để mình sử dụng, tiêu phá hết rồi lại trộm cướp tiếp).

Đây là hiển thị tâm và hành vi trộm cướp vô cùng rõ ràng. Nhìn thấy kẻ khác có thiện hạnh, thiện sự, thiện phước… họ khó chịu trong lòng, đố kỵ thành thù hận, muốn tìm cách phá hoại, muốn lấy lợi ích của kẻ khác về làm của mình, đây là tâm trộm cướp. Thấy thiện thì ghét, hận, phỉ báng, đây là tạo nghiệp rồi. "*Bất tư mộ cập*", họ không biết, không hiểu được, gặp người thiện, việc thiện phải nên hân hoan ngưỡng mộ, phải nên biết tùy hỉ. Thấy người khác thiện, thấy người ta có chỗ hay, chúng ta sanh tâm hoan hỉ, đây tức là tu phước, đây tức là tích đức. Nếu sau khi nhìn thấy thì sanh tâm đố kỵ, sân hận, còn muốn tìm cách phá hoại thì tội nghiệp này rất nặng. Họ không biết "*mộ cập*", không biết tu tùy hỉ công đức. "*Thường hoài đạo tâm*", trong mỗi niệm đều có ý muốn trộm cướp. "*Hy vọng tha lợi, dụng tự cung cấp*", đây tức là muốn tìm cách đoạt lấy lợi ích của người khác. Chúng tôi ở phía trước có nói đến Tống Cao Tông là làm như vậy. Tống Cao Tông cùng Tần Cối đem công lao lợi ích lúc bấy giờ của Nhạc Phi

chiếm làm của riêng mình. "*Tiêu tán phục thủ*". Dùng hết rồi, hưởng hết rồi thì lại đi đoạt lấy của kẻ khác, đã tạo tội nghiệp rất nặng.

"***Thần minh khắc chí, chung nhập ác đạo, tự hữu tam đồ, vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung, lũy kiếp nan xuất, thống bất khả ngôn***".

(Thần minh ghi chép rõ. Chết đọa vào ba đường ác, tự chịu vô lượng khổ, xoay vần trong đó nhiều kiếp khó ra khỏi, đau khổ vô cùng).

Họ không có nghĩ đến quả báo theo sau thật quá đáng sợ! "*Thần minh khắc chí*", chữ "*chí*" này nghĩa là ghi chép, tức là có trời đất quỷ thần, bạn tạo tội nghiệp thì họ đều ghi vào trong sổ sanh tử. Chỗ gọi là "bên cạnh vua Diêm Vương có vị phán quan", thần minh chỗ này tức là những vị phán quan, họ ghi chép tất cả việc thiện ác, một việc cũng không sót, đây là từ trên sự mà nói, nếu từ trên lý mà nói thì sao? Trong lương tâm của bạn không có cách gì tiêu diệt cái tội nghiệp này. "*Chung nhập ác đạo*", kết quả là bạn nhất định đọa ba đường ác. "*Tự hữu tam đồ*", ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, cứ xem tội nghiệp bạn tạo đó là nhẹ hay là nặng, tương lai bạn phải đến đường nào để thọ tội?

Chúng ta phải cảnh giác, phải thật sự bừng tỉnh. Tại thế gian này, cho dù chúng ta đang hưởng phước, hưởng được mấy ngày? Của cải bất nghĩa là thứ không nên có được, chúng ta dùng thủ đoạn không chính đáng để đoạt lấy, cho dù hưởng thụ được một trăm năm, người sống đến một trăm tuổi không nhiều, bạn phải đọa lạc vào tam đồ, quả báo đó là ngàn vạn tuổi, thật là không đáng. Tại sao không chịu cắn chặt răng sống cho qua ngày tháng, cực nhọc vài năm, tương lai vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc được vô lượng thọ, khoái lạc không gì sánh bằng. Hà tất phải tạo tội nghiệp này. Thế Tôn ở trong kinh này nhiều lần bảo chúng ta phải "*thâm tư thục kế*", phải suy nghĩ tính toán cho đàng hoàng, kỹ lưỡng. Đây quả là cái "được" không đủ bù cái "mất", nhất định không được làm, lợi ích quá ít ỏi, nhưng hậu quả thì quá khổ. Trên đây là nói về cái ác của sự trộm cướp, nhân quả báo ứng đều nói ra hết. Đoạn thứ ba là nói về **cái ác của dâm dục**.

"***Kỳ tam giả, thế gian nhân dân, tương nhân ký sanh, thọ mạng kỷ hà***".

(Điều thứ ba, người đời nương theo các nhân mà sanh, thọ mạng chẳng được là bao).

Đây là Thế Tôn nói ra chân tướng của người đời. "*Thế gian nhân dân, tương nhân ký sanh*", chữ "*tương nhân*" là nương tựa lẫn nhau. Con người đích thật không thể sinh tồn độc lập tại thế gian này. Bạn xem ba bữa ăn của chúng ta, có

bao nhiêu người làm ra, cung cấp cho chúng ta? Người nông phu canh tác chúng ta mới có lúa thóc, họ trồng rau cải chúng ta mới có rau để ăn, những thứ dầu, muối, tương, giấm, bột ngọt… bao nhiêu công nhân đang làm việc? Còn quần áo chúng ta mặc, bất luận là bông, là tơ, bất luận là thành phần hóa học hiện đại, bao nhiêu công nhân đang ở đó đổ mồ hôi? Phật hiểu rõ ràng minh bạch, chúng ta sống trong thế gian này, bao nhiêu người có ân đức đối với chúng ta, chúng ta làm cách nào để báo đáp họ? "*Tương nhân ký sanh*", giúp đỡ lẫn nhau, thiếu một ngành nghề nào cũng không được. Điều này giống như sinh thái tự nhiên vậy, thiếu một ngành nghề nào cũng không được. "*Thọ mạng kỷ hà*", chúng ta ở thế gian này có thể sống được mấy năm? Thật sự là chúng ta đâu có ký khế ước với vua Diêm-la. Một hơi thở không còn nữa thì qua một đời rồi. Trong kinh, Phật nói với chúng ta "*mạng sống ở trong hơi thở*", đây là nói lời thật. Cho nên nhất định phải biết cảnh giác, dùng thời gian có hạn của chúng ta để cố gắng tu tích công đức. Nhất là gặp được pháp môn này, pháp môn này thật sự rất khó gặp được. Gặp được pháp môn này, nói một cách khác, bạn có cơ hội siêu vượt lục đạo luân hồi, bạn có cơ hội một đời thành Phật làm Tổ. Không gặp được pháp môn này, không gặp được kinh điển này thì bạn không có được cơ hội này, tạo lục đạo luân hồi, về tình thì có thể tha thứ được. Nếu gặp được cơ hội này mà vẫn đi tạo lục đạo luân hồi thì không thể tha thứ, cho nên nhất định phải đề cao cảnh giác.

"***Bất lương chi nhân***".
(Kẻ bất lương).

"*Bất lương*" tức là bất thiện, chúng ta thường gọi là người ác, Phật nói chuyện rất tế nhị, không nói người ác mà nói "*bất lương chi nhân*".

"***Thân tâm bất chánh, thường hoài tà ác***".
(Thân tâm bất chánh, thường ôm lòng tà ác).

Chữ "*tà*" này tức là nói tà dâm. Trong xã hội ngày nay, mọi người không nói đến luân lý đạo đức. Xã hội xưa kia bảo thủ, mọi người đều giữ lễ. Hiện nay tự do cởi mở, thế nên hiện tượng này vô cùng phổ biến trong xã hội, so với trước kia không biết tăng lên bao nhiêu lần! Nên thế gian này làm sao mà không loạn được chứ! Điều này có thể nói là nguồn gốc của sự động loạn trong xã hội.

"***Thường niệm dâm dật, phiền mãn hung trung, tà thái ngoại dật***".
(Luôn nghĩ dâm dục, phiền não tràn hông, thái độ tà ngụy buông lung).

Hai câu này là hình dung tâm dâm rất mạnh, đây là phiền não, dục vọng như lửa thiêu không khác.

"***Phí tổn gia tài***".
(Tiêu phí tài sản).

Đây là nói kẻ lãng tử ăn uống chơi bời cờ bạc, là đứa con phá của.

"***Sự vi phi pháp***".
(Làm điều phi pháp).

Sự việc này nhất định là phạm pháp, nhất định là trái với lễ nghi, không hợp lý, trái với luân lý đạo đức.

"***Sở đương cầu giả, nhi bất khẳng vi***".
(Việc cần nên làm lại chẳng chịu làm).

"*Đương cầu*" là chúng ta giữ lễ, giữ pháp, họ không chịu làm, họ vẫn làm những việc xấu xa, tà ác.

"***Hựu hoặc giao kết tụ hội, hưng binh tương phạt, công kiếp sát lục, cưỡng đoạt bức hiếp, quy cấp thê tử, cực thân tác lạc. Chúng cộng tăng yếm, hoạn nhi khổ chi***".
(Lại còn tụ bè kết đảng, hưng binh đánh nhau, đánh cướp giết hại, chiếm đoạt bức hiếp để chu cấp cho vợ con, lấy cực thân làm điều vui. Mọi người chán ghét, gặp phải tai ương khổ nạn).

Có lẽ các đồng tu thông thường không dễ lý giải đoạn kinh văn này. Đọc lịch sử thì bạn sẽ hiểu rõ ý của Phật nói. Vào thời xưa, ở Trung Quốc có nhiều cuộc chiến tranh bởi tham nữ sắc mà dẫn đến "nước mất nhà tan", vua Trụ, Chu U vương là những thí dụ. Hễ đã phạm sự việc này, nếu không mất nước thì có lẽ cũng gần như vậy. Đường Minh Hoàng vì sủng ái Dương Quý Phi mà gần mất nước, nếu không có Quách Tử Nghi bình định được An Lộc Sơn thì triều nhà Đường sẽ không còn, là vì cái gì? Vì Dương Quý Phi. Khi Mãn Thanh nhập quan ải, Ngô Tam Quế tiếp dẫn quân Thanh vì điều gì? Không phải vì bảo vệ quốc gia, mà vì yêu Trần Viên Viên, đều là vì đàn bà.

Đoạn kinh văn này là nói những sự việc này. "*Giao kết tụ hội, hưng binh tương phạt, công kiếp sát lục, cưỡng đoạt bức hiếp, quy cấp thê tử*". Là đi làm những sự việc này, trong lịch sử Trung Quốc có, lịch sử ngoại quốc cũng có. Hiện nay trong xã hội, loại tình hình này có rất nhiều, tuy nhiên họ không có uy quyền

cao như vậy, không có tổn hại lớn như vậy. Hằng ngày chúng ta từ trong tin tức báo chí thấy được, mang đến sự bất an cho xã hội. Hễ phạm rồi, cho dù không phải là nhà tan người chết thì cũng làm hại chính họ và làm hại rất nhiều người, người bị hại còn có cha mẹ, thậm chí còn có con cái, gia đình của họ. Trong xã hội ngày nay, chúng ta đích thật thấy điều này vô cùng phổ biến.

"*Chúng cộng tăng yếm*". "*Chúng cộng*" là mọi người trong xã hội thấy được những hành vi này đều chán ghét họ. "*Hoạn nhi khổ chi*", mang đến cho xã hội sự bất an, mang đến cho mọi người sự lo lắng, mang đến đau khổ, tội nghiệp do gây ra những tổn hại này thì nặng rồi. Những người tạo tội nghiệp này có thể không nghĩ đến mức tổn hại lớn như vậy, có thể sâu như vậy, đây là họ ngu si mông muội, không có trí huệ.

"***Như thị chi ác***" (những điều ác như thế), đây là chỉ cho tà dâm. Tà dâm có thể dẫn đến trộm cướp, có thể dẫn đến sát hại, tuy nhiên nguyên nhân căn bản là vì tà dâm, cho nên tất cả đều quy ở "dâm ác". Vì động cơ này mà tạo tội nghiệp vô lượng vô biên.

"***Trứ ư nhân quỷ***".
(Người quỷ thấy rõ).

Chữ "*trứ*" này là thấy rõ, người nhìn thấy rõ ràng minh bạch, quỷ thần cũng nhìn thấy rõ ràng minh bạch.

"***Thần minh ký chí, tự nhập tam đồ***".
(Thần minh ghi lại, tự vào tam đồ).

Đây là nói quả báo ở tương lai, nhất định chịu cái báo ứng của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

"***Vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung, lũy kiếp nan xuất, thống bất khả ngôn***".
(Chịu vô lượng khổ, qua lại nhiều kiếp trong đó, khó được ra khỏi, khổ đau khôn xiết).

Quả báo cùng với cái ác sát sanh, trộm cướp ở phía trước không khác nhau, rất là nghiêm trọng. Xin xem tiếp đoạn thứ tư, đoạn thư tư là nói về cái **ác của vọng ngữ**, cùng với sự báo ứng của nó.

"***Kỳ tứ giả, thế gian nhân dân bất niệm tu thiện***".
(Điều thứ tư, người ta ở đời không nghĩ tu thiện).

Chữ "*thiện*" này là chỉ cho thiện nghiệp của miệng.

"***Lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ***".
(Nói đâm thọc, nói lời hung dữ, nói dối, nói thêu dệt).

"*Lưỡng thiệt*" là khiêu khích thị phi. "*Ác khẩu*" là lời nói thô lỗ làm tổn thương sự tôn nghiêm của người ta. "*Vọng ngôn*" là nói dối, có tâm lừa gạt người. "*Ỷ ngữ*" cũng là lừa gạt người, tuy nhiên ngôn ngữ dùng đó là "*hoa ngôn xảo ngữ*" (lời hoa tiếng khéo - lời đường mật giả dối), họ nói rất hay, nếu bạn không có trí huệ, không có khả năng phân biệt thì thường bị mắc lừa, phạm vi của ỷ ngữ rất rộng. Hiện nay trên nhiều quảng cáo, chúng ta gọi là quảng cáo sắc tình, quảng cáo bạo lực, những loại âm nhạc, điện ảnh, ca kịch… hễ nội dung dẫn dụ người ta làm sát đạo dâm vọng thì đều gọi là ỷ ngữ. Tạo tội nghiệp vô cùng nặng, vì nó ảnh hưởng đến mọi người trong xã hội.

"***Tăng tật thiện nhân, bại hoại hiền minh***".
(Ganh ghét người lành, hãm hại người hiền).

Những người vọng ngữ này, đối với người hiền, thiện họ không những không tôn kính mà còn đố kỵ, nghĩ cách làm hại người ta.

"***Bất hiếu phụ mẫu, khinh mạn sư trưởng***".

Đây là đạo lý nhất định, nếu họ hiếu thuận với cha mẹ, tôn sư trọng đạo thì họ sẽ không vọng ngữ, tại vì sao? Vì họ tiếp nhận sự chỉ dạy của cha mẹ, sư trưởng, làm gì có cha mẹ sư trưởng dạy họ đi gạt người! Không có việc này.

"***Bằng hữu vô tín***".
(Bất tín với bạn bè).

Những hạng người này, trong tâm của họ chỉ có lợi hại, đối với họ có lợi thì không có việc ác nào mà không làm, nếu không có lợi thì họ hoàn toàn bài xích, cho dù là cha mẹ sư trưởng, người thân quyến thuộc, họ cũng không nhìn. Họ chỉ biết hưởng thụ, tham lợi nhỏ trước mắt.

"***Nan đắc thành thật***".
(Khó được thành thật)

Họ không biết thành thật là gì.

"***Tôn quý tự đại, vị kỷ hữu đạo***".
(Tự cao tự đại, nói mình có đạo).

Đây tức là kiêu mạn, cái ngạo mạn sanh ra từ việc nói dối lừa gạt kẻ khác. Loại "mạn" này trong Phật pháp gọi là "ti mạn", thật tại mà nói, từ trong tự ti mặc cảm mà sanh ra ngạo mạn rất mãnh liệt. "*Vị kỷ hữu đạo*", câu này trong Phật pháp gọi là đại vọng ngữ. Trong giới kinh, Phật nói quả báo của đại vọng ngữ là đọa địa ngục A-tỳ, tại vì sao? Bởi vì họ phá hoại Tam Bảo, người học Phật bất luận là tại gia hay xuất gia, phải trì giới, phải chân thành, lấy Phật pháp để lừa người thì tội ấy lớn đấy, lừa những người nào vậy? Lừa những tín đồ rất thật thà, rất cung kính thành thật, tín đồ không có hoài nghi, xem bạn là đại thiện tri thức, là đại Pháp sư, là đại đức cư sĩ trưởng giả. Họ tin tưởng bạn, nếu bạn có tâm trộm cướp, có tâm lừa gạt thì tội bạn nặng rồi. **Những hạng người này tuyên bố ra sao? Họ tuyên bố chính họ đã đắc đạo rồi. Hiện nay trong xã hội, chúng ta thường nghe thấy, tôi cũng thường nghe thấy. Có người cho tôi hay, người nào đó nói họ là Bồ-tát gì đó tái lai, họ là Phật gì đó tái lai. Ồ! Người tái lai sao nhiều quá như vậy!**

Trong Phật môn chúng ta đích thật có người tái lai, tuy nhiên một khi thân phận vừa bị lộ thì người tái lai đó liền đi ngay. Nếu thân phận lộ ra rồi mà vẫn chưa đi thì là điều quái lạ! Trong Phật môn, chư vị biết được Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ là A-di-đà Phật tái lai, trong lịch sử có ghi chép điều này, tuy nhiên khi thân phận vừa lộ ra thì Ngài liền đi mất. Xưa kia ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai có Phong Can, Hàn Sơn, Thập Đắc là người tái lai, các Ngài vừa lộ ra thân phận thì cũng đi ngay. Từ trước đến nay chưa từng nghe nói một người nào lộ ra thân phận rồi mà không chịu đi. Nhưng bây giờ thì nhiều lắm, rốt cuộc là thật hay là giả? Chúng tôi không cần nói nữa, tự bạn phân biệt đi.

"*Vị kỷ hữu đạo*", đây là đại vọng ngữ, chưa được thiền định nói đã được thiền định, chưa khai trí huệ nói đã khai trí huệ. Mấy năm về trước tôi có giảng kinh ở Los Angeles. Có năm thanh niên, tôi nghe người ta nói năm người thanh niên này đều khai ngộ cả. Có một số Lạt-ma Rinpoche Tây Tạng ở bên ấy hoằng pháp thọ ký chứng minh năm người này đã khai ngộ. Tôi ở bên đó giảng kinh, sau khi giảng xong, họ đến tìm tôi hỏi họ có khai ngộ không? Tôi nói lời thật: "Các bạn chưa khai ngộ". Họ liền rất tức giận, nói: "Lạt-ma Rinpoche đều nói tôi đã khai ngộ, sao thầy nói tôi chưa khai ngộ?". Tôi bèn nói: "Tôi chưa khai ngộ, bạn đến hỏi tôi thì bạn nhất định chưa khai ngộ rồi! Bạn đã khai ngộ mà còn đến hỏi tôi sao?" Thế gian có những chuyện quái gở như vậy. Tôi không nói dối, đây là tự lừa gạt mình, lừa gạt người.

"***Hoành hành uy thế, xâm dịch ư nhân***".

(Hoành hành ỷ thế, lấn hiếp mọi người).

Hoành hành bá đạo, xâm phạm kẻ khác.

"***Dục nhân úy kính, bất tự tàm cụ***".
(Muốn người kính sợ, không biết tự hổ thẹn, kiêng sợ).

Mục đích của họ, thật sự mà nói, rất là đơn giản, hy vọng kẻ khác cung kính họ, cầu danh văn lợi dưỡng. Họ bất kể thủ đoạn, đề cao sự nổi tiếng. Đây đều là cái ác của việc nói dối, không biết hổ thẹn, không sợ nhân quả báo ứng.

"***Nan khả hàng hóa***".
(Khó thể hàng phục, giáo hóa).

Phật Bồ-tát cũng không có biện pháp dạy dỗ, dẫn dắt những người này, tại vì sao? Vì họ không chịu tiếp nhận, không chịu học cái tốt.

"***Thường hoài kiêu mạn. Lại kỳ tiền thế phước đức doanh hộ***".
(Thường ôm lòng kiêu mạn. Nhờ phước đức đời trước che chở).

Hiện nay cuộc sống của họ không tệ, hình như có vẻ rất có phước báo, nguyên nhân gì vậy? Trong đời quá khứ họ tu được phước báo lớn, cho nên đời này quả báo ác chưa hiện tiền. Hiện nay họ hưởng thọ phước báo của đời trước tu được. Nhà Phật thường nói "*dục tri quá khứ nhân, kim sanh thọ giả thị*" (muốn biết nhân đời trước, xem quả hưởng đời này), trong đời này họ hưởng thụ đó là do trong đời quá khứ đã tu đại phước, cho nên họ hiện nay hưởng phước. "*Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*" (muốn biết quả tương lai, xét nhân gieo hiện tại), họ đời này làm việc ác như vậy, đại ác, quả báo chưa hiện tiền, quả báo là ở đời sau. Hiện nay rất nhiều người không tin nhân quả báo ứng. "Xem kìa! Hình như không đúng. Người thiện làm việc tốt mà họ đáng thương như vậy, nghèo khó như vậy, không có báo tốt. Còn kẻ kia làm ác lại đại phú đại quý, diễu võ dương oai (phô trương uy thế và sức mạnh để khoe khoang hoặc đe dọa). Hình như nhân quả báo ứng trong nhà Phật nói không đúng". Thật ra, họ không biết được quả báo của nhân quả là ba đời, họ không biết được đạo lý này.

"***Kim thế vi ác, phước đức tận diệt***".
(Đời này làm ác, phước đức mất hết).

Phước báo của đời trước họ tu, bởi vì đời này làm ác nên phước báo của họ hưởng hết sạch.

"***Thọ mạng chung tận, chư ác nhiễu quy***".

(Thọ mạng hết rồi, các điều ác bao vây).

Đến khi thọ mạng của họ hết rồi, phước báo hưởng hết rồi, nghiệp lực của ác hiện tiền thì họ đọa lạc, lúc đó thì khổ không thể nói nổi. "*Chư ác nhiễu quy*", họ nhất định không được miễn trừ.

"***Hựu kỳ danh tịch***".
(Tên tuổi họ).

Tên tuổi của họ, những tội ác mà họ đã tích lũy nhiều vô cùng.

"***Ký tại thần minh, ương cữu khiên dẫn, vô tùng xả ly***".
(Được ghi nơi thần minh, tai họa dẫn dắt, không cách nào xả bỏ được).

Họ nhất định không thể thoát khỏi, họ nhất định phải nhận chịu quả báo.

"***Đãn đắc tiền hành, nhập ư hỏa hoạch***".
(Chỉ vì việc làm trước kia mà vào vạc lửa).

"*Hỏa hoạch*" tức là vạc dầu, trong địa ngục có vạc dầu (chảo dầu).

"***Thân tâm tồi toái, thần hình khổ cực. Đương tư chi thời, hối phục hà cập?***".
(Thân thể tan nát, tâm thần thống khổ. Lúc bấy giờ hối hận thì đã muộn rồi!).

Đến địa ngục để thọ những thứ khổ báo này, núi đao, rừng kiếm, vạc dầu. Lúc đó hối hận không còn kịp nữa.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 23

"***Kỳ ngũ giả, thế gian nhân dân tỷ ỷ giải đãi, bất khẳng tác thiện, trị thân tu nghiệp. Phụ mẫu giáo hối, vi lệ phản nghịch, thí như oán gia, bất như vô tử, phụ ân vi nghĩa, vô hữu báo thường***".

(Điều thứ năm, người đời do dự, lười biếng, không chịu làm lành, sửa thân, tu nghiệp. Cha mẹ dạy bảo thì chống đối, trái nghịch như là oán gia, chẳng bằng không con. Phụ bạc ân nghĩa, không chút báo đền).

Đoạn văn này nói với chúng ta **cái lỗi của uống rượu**, đồng thời trong đoạn văn này, ý nghĩa rất rộng, cũng đề cập đến tham sân si, đây là tam ác của ý nghiệp. Do đây có thể biết, trong phẩm kinh này, không những nói đến ngũ giới mà cũng bao gồm luôn thập thiện. Tỉ như chúng ta đọc đến "vọng ngữ ác". Trong vọng ngữ, Phật cũng nói đến bốn cái lỗi của miệng: ác khẩu, lưỡng thiệt, vọng ngữ, ỷ ngữ. Trên thực tế, kinh văn này rất viên mãn, đã bao gồm ngũ giới cùng với thập thiện nghiệp đạo. Khi chúng ta đọc đến phần kinh văn, vừa nêu ra một chút thì quý vị hiểu rõ ngay. Vừa mở đầu là nói về tạo nhân.

"*Thế gian nhân dân tỷ ỷ giải đãi*", "*tỷ ỷ*" tức là tâm bất định, do dự không nhất định. "*Giải đãi*" là biếng nhác, bốn chữ này hình dung con người ở thế gian này, không có mục tiêu, không có phương hướng, do dự không dứt khoát, biếng nhác. "*Bất khẳng tác thiện, trị thân tu nghiệp*", câu này tức là tục ngữ chúng ta thường nói "*bất vụ chánh nghiệp*" (bỏ việc chính làm việc phụ), *"cẩu thả phóng dật"* (cẩu thả phóng túng), không chịu làm những công việc chính đáng để mưu sinh. Đối với lời dạy bảo của cha mẹ thì "*vi lệ*", tức là không muốn tiếp nhận. "*Phản nghịch*" thì càng nghiêm trọng, không những không tiếp nhận mà còn phản kháng. "*Thí như oán gia, bất như vô tử*", khiến cho cha mẹ đối với con cái thật là thất vọng, bận tâm, âu lo vì con cái, không bằng không có con cái.

Từ chỗ này thấy được nỗi thất vọng của cha mẹ đối với con cái đã đạt đến mức độ đau lòng rồi. "*Phụ ân vi nghĩa, vô hữu báo thường*", phụ cái ân cha mẹ dạy dỗ, dưỡng dục. Họ không biết hiếu dưỡng cha mẹ, việc hiếu dưỡng cha mẹ là "*nghĩa*", "*nghĩa*" là điều phải nên làm. Ngay cả động vật có những loài còn biết báo ân, chúng ta từ trong sách vở thấy được, loài quạ còn đút mồi lại cho cha mẹ, quạ kia đã già rồi thì quạ con ra ngoài tìm thức ăn về đút lại cho quạ già. Còn loài dê thì có "quỳ nhũ chi ân", bạn xem, chú dê con khi bú sữa đều phải quỳ

trước mặt mẹ nó. Còn con người thì như vậy, thật sự mà nói, không bằng cả loài vật.

"***Phóng tứ du tán, đam tửu thị mỹ, lỗ hỗ để đột, bất thức nhân tình***".

(Phóng túng lêu lổng, thích uống rượu ăn ngon, lỗ mãng huênh hoang, càn quấy xung đột, không biết tình người).

Đoạn này là nói về tham, "*phóng tứ du tán*", ham chơi đùa, "du thủ háo nhàn" (chơi bời lêu lổng). "*Đam tửu thị mỹ*", đây là tham ăn, chữ "*mỹ*" ở chỗ này là chỉ cho mỹ vị, ưa thích uống rượu, ưa thích ăn ngon, đây là thuộc về tham sân si (tham ác), là ba nghiệp của ý. "*Lỗ hỗ để đột*", chữ "*lỗ*" là thô lỗ, "*hỗ*" là ngang ngược hống hách, "*để đột*" là không thuận theo nhân tình, tức là sự chống đối khi nói chuyện, hoặc giả là trên ngôn ngữ, hoặc giả là trên thái độ. "*Bất thức nhân tình*", không thông tình đạt lý.

"***Vô nghĩa vô lễ, bất khả gián hiểu***".

(Chẳng chút lễ nghĩa, không thể khuyên can).

Nếu có thể tiếp nhận sự khuyên lơn của kẻ khác thì vẫn là khá, vẫn có thể hồi đầu, xong bạn khuyên những người này, họ không những không tiếp nhận mà còn chống đối, tức là họ dùng lời nói ác, thái độ xấu để đáp lại. Trong Phật pháp gọi là ngu si, nghiệp chướng rất nặng, không thể nghe người khuyến cáo.

"***Lục thân quyến thuộc, tư dụng hữu vô, bất năng ưu niệm***".

(Lục thân, quyến thuộc dù no hay đói, chẳng thèm lo nghĩ).

Một người bình thường sẽ biết hiếu thuận với cha mẹ, đối với bạn bè thân thiết, biết thường quan tâm, họ thường nghĩ: "Cuộc sống của những người này hiện nay ra sao?". "*Lục thân quyến thuộc, tư dụng hữu vô, bất năng ưu niệm*", đối với người thân bạn bè, đều không có một chút quan tâm.

"***Bất duy phụ mẫu chi ân***".

(Không nhớ ơn cha mẹ).

Chữ "*duy*" là tư duy, họ không nghĩ đến ơn dưỡng dục của cha mẹ.

"***Bất tồn sư hữu chi nghĩa***".

(Không đoái nghĩa thầy trò bằng hữu).

"*Tồn*" là tồn niệm, "*sư hữu chi nghĩa*" (nghĩa của thầy trò bằng hữu), họ cũng không nhớ nghĩ đến lời thầy dạy dỗ như thế nào, trong tâm họ hoàn toàn không nhớ đến những lời khuyên chân thành của bạn bè tốt đối với họ.

"***Ý niệm thân khẩu, tằng vô nhất thiện***".
(Thân khẩu ý chưa từng có một điều lành).

Đây là nói về ba nghiệp Ý, Thân, Khẩu, không có một nghiệp nào là thiện cả, nói một cách khác, đây thật sự là "*tạo ác đa đoan*". Họ không có được một việc tốt nào đáng cho người tán thán. Trong đoạn này chúng ta thấy được **Tham Ác**.

"***Bất tín chư Phật kinh pháp, bất tín sanh tử thiện ác***".
(Không tin Phật pháp, không tin sanh tử thiện ác).

Hai câu này là nói về ngu si, Phật là Đạo sư của hàng trời, người, đại thánh nhân của thế và xuất thế gian, Phật là bậc giác ngộ viên mãn. Ngài đều minh bạch, đều giác ngộ tất cả thật tướng của các pháp thế xuất thế gian. Ngài vì sao có thể giác ngộ cứu cánh viên mãn? Phật nói với chúng ta, vì tâm địa của Ngài thanh tịnh. Đối với mỗi chúng sanh, việc hiểu rõ giác ngộ tất cả pháp thế xuất thế gian là việc của bản năng, vốn nó là sự việc như vậy. Chúng sanh vì sao không giác, tại sao mê? Vì có vọng tưởng chấp trước, Phật đã buông xuống vọng tưởng chấp trước rồi, đoạn trừ hết rồi, cho nên bản năng này của Ngài tự nhiên khôi phục, không phải học được từ bên ngoài. Phật đem kinh nghiệm của Ngài nói với chúng ta, đem chân tướng sự thật nói với chúng ta. Hy vọng chúng ta cũng có thể nhanh chóng khôi phục lại bản năng của chính mình, hễ buông xuống vọng tưởng phân biệt chấp trước thì năng lực này của chúng ta khôi phục rất nhanh. Phật pháp giáo hóa chúng sanh chỉ là như vậy mà thôi. Cho nên chúng ta phải tin những kinh mà Phật đã nói, phải tin phương pháp Phật đã chỉ dạy cho chúng ta, những lý luận cảnh giới mà kinh điển nói nhất định là chân thật, kinh điển truyền phương pháp tu học cho chúng ta nhất định là chính xác. Không tin thì đó là ngu si. Trước kia Thầy Lý có nói: "Không là ngu si thì là cuồng vọng", cuồng vọng cũng là ngu si.

"*Bất tín sanh tử thiện ác*", "*sanh tử thiện ác*" là sự thật đang bày ra trước mặt chúng ta, cái này tức là quả báo của lục đạo luân hồi. Thiện nhân, thiện hạnh nhất định có thiện quả, ác nhân, ác hạnh nhất định có ác báo của tam ác đạo, nhất định không thể tránh miễn được, điều này phải tin. Thật sự tin rồi, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tự nhiên sẽ có "thu liễm" (bớt phóng túng), không dám tạo ác, tại vì sao? Tạo ác nhân thì ác báo theo sau đó thọ không nổi, đây tức là người thông minh, người có trí huệ. Người không thể tin, không thể tiếp thọ, đây là ngu si đến chỗ cùng cực!

"***Dục hại chân nhân, đấu loạn Tăng chúng***".

(Muốn hại chân nhân, phá hòa hợp Tăng).

Hai câu này là **Sân khuể.** Từ tâm đố kỵ sanh ra sân khuể. "*Chân nhân*" là người có đạo đức, có tu hành. Họ nhìn không thuận mắt, muốn hại họ, phỉ báng họ. Tăng đoàn là đoàn thể truyền thừa và giữ gìn Phật pháp, Phật pháp ở tại thế gian, nhất định là lợi ích cho một phương này. Phần kinh văn phía sau nói rõ, địa phương nào không có Phật pháp thì chúng sanh sẽ khổ. Cho nên trong kinh điển thường đem Phật pháp tỉ dụ cho cây đèn sáng, ở trong tăm tối có một ngọn đèn sáng có thể chỉ dẫn phương hướng cho chúng ta. Họ muốn phá hòa hợp Tăng đoàn, đấu loạn Tăng chúng tức là phá hòa hợp Tăng đoàn, là sân khuể. Cho nên trong đoạn này nói về ba ác tham sân si.

"***Ngu si mông muội***".

Đây là nói về nỗi đau của **si ác**.

"***Tự vi trí huệ***".
(Tự cho là trí huệ).

Họ tự cho là thông minh, rất có trí huệ, đây là chúng ta thường nói "*thế trí biện thông*", tự cho là đúng.

"***Bất tri sanh sở tùng lai, tử sở thú hướng***".
(Không biết từ đâu sanh đến, chết sẽ đi về đâu).

Câu nói này của Phật rất hay! Bạn tự cho là thông minh, tự cho là đúng, bạn từ đâu sanh đến, sau khi chết đi đến nơi nào? Có biết hay không? Không biết, không biết tức là không phải chân trí huệ. Người thật sự có trí huệ biết được, chúng ta sanh từ đâu đến, sau khi chết đi đến nơi nào, rõ ràng minh bạch. Học Phật pháp, hơi có một chút tu dưỡng, thật sự có được một chút tâm đắc, đều sẽ không mê hoặc, đều phải rất rõ ràng. Vậy hiện nay chúng ta học Phật đã nhiều năm rồi, xem thấy câu này ta cũng không biết, ta cũng hồ đồ ngớ ngẩn. Nếu là tình hình này, vậy mấy năm nay chúng ta học đó là hồ đồ học Phật, tại sao học Phật rồi lại càng mê hoặc? Vì chưa rõ ràng. Điều này không những đồng tu chúng ta ngồi ở đây, những người học Phật một cách hồ đồ ngớ ngẩn quá nhiều mà người chân chánh học Phật có được mấy ai hiểu Phật Pháp rõ ràng? Những người hiểu rõ ràng không nhiều, nếu có nhiều người hiểu rõ ràng thì xã hội này không thể nói người học Phật chúng ta là mê tín. Hiện nay chúng ta ra ngoài đường rất nhiều người tuổi trẻ, phần tử trí thức gặp chúng ta thì nói mê tín, **chúng ta gặp phải nỗi oan không thể minh bạch được,** đây là lý do gì? Người thật sự hiểu rõ

ràng, thật sự minh bạch rồi, không phải số nhiều, là số ít. Chúng ta phải cật lực hoằng dương, cũng tức là bảo chúng ta phải tận tâm tận lực vì mọi người trong xã hội mà nói rõ công đức lợi ích chân thật của Phật pháp. Chúng ta đều muốn sống rất khoái lạc, sống rất hạnh phúc, Phật pháp đích thật có thể giúp chúng ta đạt được điều này.

"***Bất nhân, bất thuận, hy vọng trường sanh***".
(Bất nhân bất thuận lại muốn trường thọ).

"*Nhân*" là nhân từ, không có lòng nhân từ, họ cũng không thể tùy thuận mọi người, lại còn hy vọng trường thọ. Cho nên hạng người như vậy thì trong tâm là tràn đầy tham sân si. Hy vọng trường sanh là tâm tham đấy.

"***Từ tâm giáo hối, nhi bất khẳng tín***".
(Thương xót khuyên bảo lại không chịu tin).

Ai dạy bảo họ? Là cha mẹ, sư trưởng. Đứa con dù hư hỏng đi nữa, cha mẹ vẫn quan tâm đến nó, vẫn thương yêu bảo hộ nó, vẫn chỉ dạy nó, tuy nhiên nó không tin, nó không tiếp nhận, thầy cũng như vậy. Hiện nay, ở thế gian này, sư đạo không còn nữa. Hiện nay ở nhà trường, quan hệ giữa thầy giáo và học trò so với quan hệ giữa thầy giáo và học trò trước kia có sự khác biệt rất lớn. Xưa kia, thầy quan tâm thương yêu bảo hộ học trò còn hơn cha mẹ. Vì sao? Vì muốn tìm một người để truyền thọ, tìm một truyền nhân [để truyền thừa] đạo đức học vấn của thầy. Không nhất định truyền cho con, nhưng lại truyền cho học trò, cho nên vô cùng xem trọng đạo học. Người học trò có thể truyền đạo thì [người thầy] nhất định còn quan tâm thương yêu bảo hộ hơn cả con cái của chính mình. Cho nên thầy trò như cha con vậy, có mối quan hệ sâu dày như vậy, tuyệt đối không phải là mối giao hảo thông thường. Người hiện nay không có phước báo này, hiện nay thầy giáo đến giờ thì vào lớp, hết giờ thì tan học, thầy giáo và học sinh không có tiếp xúc gì. Thầy giáo dạy học vì lý do gì? Là vì đồng lương. Vì sao học sinh đến cầu học? Vì điểm, vì thi cử, mỗi người có mục đích của riêng mình. Hai bên không hề quan tâm lẫn nhau.

Như tuổi của tôi đây thật kể như là rất có phước. Lúc nhỏ đi học, trong thời kỳ kháng chiến, chúng tôi rời xa quê nhà, không có cha mẹ chăm lo, nhà trường thu nhận thì thầy giáo thay thế cho cha mẹ, thầy chăm sóc đời sống của chúng tôi, cùng ở chung một nơi, trường học là một mái ấm gia đình. Chúng tôi đối với thầy, sự cảm niệm ân đức, nhớ nghĩ… thì người hiện nay không có cách nào tưởng tượng được. Thầy thảy đều chăm lo đến sinh hoạt hằng ngày [của chúng tôi]. Đêm

đến thầy hai lần phải xách đèn lồng đến phòng ngủ của chúng tôi để xem, sợ học trò ngủ cựa quậy, đạp mền ra, thầy còn phải đắp lại mền cho bạn. Cho nên chúng tôi đối với thầy rất hoài niệm, rất cảm kích. Đây là "*từ tâm giáo hối*", nếu không tin thì không tiếp nhận, việc này thì không còn cách chi nữa.

"***Khổ khẩu dữ ngữ, vô ích kỳ nhân***".
(Đắng miệng nhọc lời cũng thành vô ích).

Cha mẹ và sư trưởng buốt lòng rát miệng nhiều lần dạy bảo, nhưng đối với họ không có lợi ích, tại sao không có lợi ích? Vì họ không tiếp nhận.

"***Tâm trung bế tắc, ý bất khai giải***".
(Tâm ý bế tắc, không chịu thấu hiểu).

Trong tâm của họ hình như có vật gì nghẹt cứng, bế tắc, không thể khai ngộ, không thể minh bạch, người này ngu si đến mức độ như vậy. Đây gọi là **nỗi đau của Si Ác**.

Phía trước là nói về nhân. Còn trong đoạn này có "*phóng tứ du tán, đam tửu*", ở trong năm giới, đây là thuộc về **ẩm tửu ác** (tội lỗi do uống rượu), nhưng trong toàn bộ kinh văn lại nói đến **tham sân si ác**, cho nên bao gồm thập ác nghiệp. Ngược với thập ác là thập thiện. Chúng ta xem **quả báo**:

"***Đại mạng tương chung, hối cụ giao chí***".
(Mạng chung cận kề, hối hận sợ sệt).

Đến lúc mạng chung, ác báo hiện tiền, nhất định thấy cảnh giới rất xấu, thấy quỷ vô thường, thấy đầu trâu mặt ngựa…, lúc này sợ sệt hối hận thì đã vô dụng, không kịp nữa.

"***Bất dự tu thiện***".
(Trước không tu thiện).

"*Dự*" là dự phòng trước, không biết tu thiện sớm hơn.

"***Lâm thời nãi hối, hối chi ư hậu, tương hà cập hồ!***".
(Đến lúc nhắm mắt mới hối hận, sao còn kịp nữa!).

Hối hận cũng vô dụng, không kịp nữa rồi, vẫn phải nhận lấy ác báo. Phần kinh văn phía dưới là Thế Tôn khuyên chúng ta, phía trước là những ác nhân, ác duyên, ác quả, đều nói rất rõ ràng minh bạch, chúng ta phải luôn luôn phản tỉnh,

kiểm điểm xem có phạm những lỗi lầm này không? Nếu có những lỗi lầm này thì phải mau mau sửa đổi.

"***Thiên địa chi gian, ngũ đạo phân minh, thiện ác báo ứng, họa phước tương thừa, thân tự đương chi, vô thùy đại giả***".

(Trong trời đất, năm đường phân minh, thiện ác báo ứng, họa phước nối nhau, thân tự chịu lấy, không ai thay được).

Giữa trời đất tức là giữa vũ trụ, "*ngũ đạo*" là: thiên đạo, nhân đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thật có đấy! Không phải giả. "*Phân minh*" là rõ ràng minh bạch, tại sao có những sự việc này? Những sự việc này là thiện ác báo ứng, những người tu thiện đến cõi nhân thiên hưởng phước, những người tạo ác thì đi thọ báo nơi ba đường ác, có phước có họa. "*Họa phước tương thừa*", "*tương thừa*" ý nghĩa là nói rõ trong phước có họa, trong họa có phước. Họa hưởng hết rồi thì một chút thiện mà họ đã tu đó liền hiện tiền. Người hưởng phước rất dễ tạo tội nghiệp, bạn xem, hai chữ họa với phước rất giống nhau đấy! Không có khác biệt bao nhiêu, phải quan sát kỹ lưỡng. Cuối cùng là phước hay là họa? Ồ! Rất không dễ phân biệt! Người ngu si thường đem họa cho là phước, đem phước cho là họa, ngu si làm sai mất. Cho nên "*thân tự đương chi, vô thùy đại giả*", không có ai có thể thay thế được. Cái quả báo thiện ác này, thật là tự làm tự chịu, không ai có thể thay thế được.

"***Thiện nhân hành thiện, tùng lạc nhập lạc***".

(Người thiện làm lành thì từ cảnh sướng đến cõi sướng).

Thiện nhân, **thiện duyên**, **thiện quả**, đây là chân chánh được "*lạc*", chỉ có hành thiện mới có thể được "*lạc*".

"***Tùng minh nhập minh***".

(Từ sáng vào sáng).

"*Minh*" là có trí huệ thông minh, càng ngày càng có trí huệ, càng ngày càng thông minh.

"***Ác nhân hành ác, tùng khổ nhập khổ***".

(Người ác làm ác thì từ cảnh khổ vào cõi khổ).

Đây gọi là thân khổ, càng ngày càng khổ, thân người trong đời này rất khổ, đời sau phải biến thành súc sanh, ngạ quỷ, thân ấy lại càng khổ.

"***Tùng minh nhập minh***".

(Từ tối vào chỗ tối).

"*Minh*" là ngu si hồ đồ, càng ngày càng hồ đồ, càng ngày càng ngu si. Đây là chỗ hiển hiện ra của thiện ác.

"***Thùy năng tri giả? Độc Phật tri nhĩ***".
(Ai hay biết được? Chỉ có Đức Phật biết rõ).

Người nào hiểu được rõ ràng minh bạch sự việc này? Phật biết. Vậy thì lời Phật nói chúng ta sao không chịu tin? Phật chỉ dạy đó sao chúng ta không phụng hành chứ!

"***Giáo ngữ khai thị, tín hành giả thiểu***".
(Khai thị chỉ dạy, người tin làm theo rất ít).

Phật hiểu được rõ ràng minh bạch, Phật khai thị chỉ dạy cho chúng ta. Tuy nhiên, người nghe, người tin không nhiều. Người tin không nhiều, Phật vẫn phải nói, vì sao? Vì tất cả chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay sanh tử luân hồi, tập khí ngu si rất nặng. Làm sao nghe một lần khai thị mà khai ngộ được? Cho nên nhất định phải nghe lâu dài, huân tập lâu dài thì họ bỗng nhiên khai ngộ, minh bạch. Điểm này chúng ta nhất định phải rõ ràng, thấu hiểu. Nghe kinh không thể nghe một lần mà minh bạch mà tỉnh ngộ được, nhất định phải nghe nhiều lần.

Trước kia, cái duyên này rất khó, chỉ có cách là Pháp sư ở một nơi quanh năm không ngừng giảng kinh, bạn thường nghe giảng kinh, nghe một năm, hai năm, ba năm thì giác ngộ, hồi đầu rồi. Phải cần một thời gian dài như vậy để huân tập mới có hiệu quả. Hiện nay, Pháp sư, Đại Đức giảng kinh rất ít, thỉnh thoảng mới có Pháp sư đến giảng một ngày, hoặc vài ngày. Giảng kinh xong thì họ đi mất, "một ngày ấm mười ngày lạnh". Chư vị ở đây nghe một tháng, một năm mới nghe được một tháng, còn mười một tháng kia thì khởi vọng tưởng, như vậy có lợi ích gì đâu! Cho nên không có hiệu quả.

Hiện nay Pháp sư giảng kinh tuy ít, song công cụ khoa học so với trước kia tiến bộ, chúng ta có thể lợi dụng. Không có Pháp Sư giảng kinh, chúng ta ở đây có băng ghi âm, băng ghi hình, nghe đi nghe lại bộ kinh này. Nếu nghe được ba mươi lần, năm mươi lần thì hiệu quả đó khác hẳn. Không nghe ba mươi, năm mươi lần thì không được, không có lợi ích. Nếu quý vị thật sự muốn có được sự thụ dụng trong Phật pháp thì nhất định phải huân tập trong thời gian dài. Từ xưa đến nay, chư vị Tổ Sư Đại Đức của Trung Quốc cũng không là ngoại lệ.

Chúng ta từ trong lịch sử thấy được: Đời Đường, Luật Sư Đạo Tuyên ở núi Chung Nam, Ngài chuyên công Tứ Phần Luật. Nơi nào có Pháp sư giảng Tứ Phần Luật thì Ngài nhất định đi nghe. Ngài đã nghe hết hai mươi lần bộ Tứ Phần Luật. Đương nhiên không phải là một người giảng, cũng không phải là ở một nơi, ở đâu giảng thì Ngài đến nơi đó để thảo kinh đơn. Hồi xưa gọi là "thảo kinh đơn", tức là tôi muốn nghe một bộ kinh, tôi muốn ở chỗ của bạn, bạn cho tôi một chút việc làm, tôi làm việc cho bạn, giống như là nửa làm, nửa học vậy. Ở tại chùa này thảo kinh đơn. Nghe hết bộ kinh này thì Ngài đi, nghe hai mươi lần tương đối cực nhọc! Tứ Phần Luật cũng khá dài, giảng một biến cũng mất mấy tháng, lúc đó cầu học khổ lắm. Còn hiện nay mang băng ghi hình về nhà, mở tivi lên, ngã mình trên ghế nệm, sướng biết mấy! Pha một bình trà ngon, điều này khác hẳn, người xưa khổ biết bao! Người hiện nay là hưởng thụ, hy vọng mọi người hết lòng hưởng thụ…

Không có thời gian hai ba năm thì Phật Pháp rốt cuộc hay ra sao? Rốt cuộc có lợi ích ra sao? Bạn không đạt được, nhất định phải thật sự hạ thủ công phu. Công phu ba năm, năm năm, chúng ta mới có thể nếm được pháp vị. Nếm được pháp vị rồi thì pháp hỉ sung mãn. Bạn mới thật sự nhập vào được. Cho nên trong kinh văn nói "*tùng lạc nhập lạc*", bạn mới nhập vào được. "*Tùng minh nhập minh*", bạn thật sự đã nhập vào rồi, "*nhập minh*" là khai ngộ rồi, "*nhập lạc*" là được pháp hỉ, chân khoái lạc. Sau đó bạn mới biết được đời người là thật sự hạnh phúc, thật sự khoái lạc, bạn nếm được rồi. Còn bây giờ nói với bạn đời người thật sự khoái lạc, thật sự hạnh phúc thì bạn không lĩnh hội được. Vì sao? Vì bạn chưa hưởng thụ qua, chỉ có ở trên đây hạ thủ công phu thì bạn sẽ đạt được.

"***Sanh tử bất hưu, ác đạo bất tuyệt***".
(Nên sanh tử không thôi, ác đạo không dứt).

Câu này là nói về luân hồi, ở trong luân hồi "xả thân thọ thân", sanh sanh tử tử, tử tử sanh sanh, không dứt, không hết. Nghiệp lực chi phối bạn, người này thật là đáng thương, thật khổ!

"***Như thị thế nhân, nan khả cụ tận***".
(Người đời như thế khó thể hết sạch).

Người thế gian giống như loại người này thì là quá nhiều, kể không hết.

"***Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung***".
(Nên tự nhiên có ba đường ác, chịu vô lượng khổ, xoay vần trong đó).

Lục đạo luân hồi không phải do Phật tạo, cũng không phải do Thượng Đế an bài, là từ đâu đến? Là do nghiệp lực của chính mình biến hiện ra, giống như nằm mộng, cảnh giới trong mộng là từ đâu đến? Là từ nghiệp lực thiện ác của chính mình biến ra. Cho nên nói là "*tự nhiên tam đồ*", không có ai chế tạo ra, bên trong có vô lượng nỗi khổ. Bạn phải ở trong đó thọ cái báo ứng này. Hễ không ra khỏi luân hồi, quý vị nhất định phải ghi nhớ, thời gian ở trong ác đạo dài, thời gian ở trong thiện đạo ngắn, đây là đạo lý nhất định. Nếu bạn hỏi, rốt ráo là tại sao vậy? Bạn thử nghĩ thì rõ ngay. Chúng ta từ sáng đến tối trong một ngày, niệm ác nhiều hay niệm thiện nhiều? Từ việc này thì hiểu rõ ngay. **Ác niệm tức là vì chính mình**, ý niệm tự tư tự lợi là ác niệm, vào tam ác đạo thọ báo. **Luôn biết nghĩ đến người khác**, niệm này **là thiện niệm**. Đem hai cái so sánh thì biết ngay, ác niệm nhiều thì thời gian ở trong ác đạo dài lâu, thiện niệm ít thì thời gian ở trong thiện đạo là ngắn tạm. Chúng ta được thân người, thân người là thiện đạo, sống được bao nhiêu năm? Nhiều lắm là một trăm tuổi, tuy nhiên tam ác đạo thì thời gian dài lâu, đọa vào tam ác đạo thì mạng ấy nhất định không chỉ một trăm tuổi. Cho nên nói là:

"***Vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung, thế thế lũy kiếp, vô hữu xuất kỳ***".

(Chịu vô lượng khổ, xoay vần trong đó đời đời kiếp kiếp, không có hạn kỳ ra khỏi).

Lời này đều là thật. Chúng ta ở trong lục đạo là vô lượng kiếp của vô lượng kiếp rồi, không có biện pháp ra khỏi.

"***Nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn***".

(Khó được giải thoát, đau đớn không thể nói được).

Không có cách gì giải thoát, không có biện pháp vượt khỏi, đời đời kiếp kiếp tu hành cũng không thành công, tại sao tu hành không thành công? Phía trước Phật nói những lỗi lầm mà chúng ta đã phạm, cố ý, vô ý phạm, đều tạo thành chướng ngại cho sự giải thoát, cũng tạo thành chướng ngại cho sự vãng sanh, niệm Phật không được vãng sanh.

"***Như thị ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu, thí như đại hỏa, phần thiêu nhân thân***".

(Những ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu này như lò lửa lớn thiêu đốt thân người).

Đây là tỉ dụ, "*ngũ ác*" tức là sát, đạo, dâm, vọng, tửu. Bên trong còn bao gồm tham sân si, đây là ác. Tạo ngũ ác, bạn trong đời này không có khoái lạc hạnh phúc, có thể nói cuộc sống của bạn rất là đau khổ. "*Thống*" là hoa báo, bạn sống những ngày tháng không vui. Chư vị phải hiểu rõ, những người phú quý trong thế gian, tuy họ là đại phú, đại quý, giống như thời cổ không khác, "*quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải*", nhưng ngày tháng của họ không vui sướng. Chúng ta từ trên lịch sử thấy được, có bao nhiêu đế vương có được cuộc sống rất tự tại, rất vui sướng? Quá ít! Cho nên chúng ta thấy được "*quý*" mà không vui, "*phú*" mà không vui. Tại sao phú quý mà không vui? Vì họ tạo cái nhân không tốt, họ tạo *ngũ ác*.

"*Ngũ thiêu*" là quả báo của đời sau, tức là tam đồ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). "*Thí như đại hỏa, phần thiêu nhân thân*", tạo ác nghiệp này giống như lửa đốt, thọ quả báo giống như thân thể bị lửa thiêu đốt, đau đớn như vậy. Sau cùng, Phật mới truyền thọ ngũ giới thập thiện cho chúng ta, nói nhiều như vậy đến chỗ này mới chánh thức truyền thọ.

"***Nhược năng tự ư kỳ trung, nhất tâm chế ý, đoan thân chánh niệm, ngôn hành tương phó, sở tác chí thành***".

(Nếu từ trong đó nhất tâm giữ ý, đoan thân chánh niệm, ngôn hành tương xứng, việc làm chí thành).

"*Nhược*" là giả thuyết, giả thuyết bạn có thể ở trong ngũ trược ác thế này, chữ "*kỳ trung*", là nói ngũ trược ác thế, có thể "*nhất tâm chế ý*", tức là có thể khống chế được tạp niệm của chính mình, những niệm không chính đáng, như những niệm sát đạo dâm vọng tham sân si, chữ "*chế*" tức là chế phục, khắc chế, chế phục được những vọng tưởng phiền não này**.** "*Đoan thân chánh niệm*", nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hành đều tuân theo lời dạy của Phật, tuân theo pháp luật, quy định của thế gian. "*Ngôn hành tương phó*", trong tâm nghĩ tưởng, cùng với lời nói, việc làm nhất định là tương ưng, không phải khẩu thị tâm phi. "*Sở tác chí thành*", dùng tâm chân thành đối với mình, cũng dùng tâm chân thành đối với người, đối sự, đây tức là một tấm chân thành.

"***Độc tác chư thiện***".

(Chỉ làm việc thiện).

Chữ "*chư thiện*" này tức là **không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không uống rượu, không vọng ngữ,** cho đến **không tham, không sân, không si.** "*Chư thiện*" này tức là ngũ giới thập thiện. Bạn làm được, người khác

làm được hay không không có liên quan gì với ta. Ta phải làm, ta là đệ tử của Phật, ta nhất định tuân thủ lời dạy của Phật, tiêu chuẩn làm đệ tử của Phật, đây là tiêu chuẩn tối thiểu, nhất định phải tuân thủ Ngũ Giới Thập Thiện.

"***Bất vi chúng ác***".
(Không làm việc ác).

Những việc ác mà phía trước đã nói, nhất định không làm.

"***Thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, khả đắc trường thọ Nê-hoàn chi đạo. Thị vi ngũ đại thiện dã***".
(Thân được độ thoát, đạt được phước đức, được đạo Niết-bàn trường thọ. Đây là năm điều đại thiện).

Ngược với "*ngũ ác*" là "ngũ đại thiện". Người khác không có biện pháp siêu việt lục đạo luân hồi nhưng thân của chúng ta có thể, đời này ta siêu việt lục đạo luân hồi rồi. Chữ "*thoát*" này là thoát ly tam giới, thoát ly luân hồi, thoát ly lục đạo. Đương nhiên đây là trì giới niệm Phật. Đoạn này là nói trì ngũ giới thập thiện, trì giới niệm Phật, vậy mới có thể liễu sanh tử, xuất tam giới, có thể được trường thọ vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, thọ mạng vô cực. Vậy thì được Vô Lượng Thọ đấy. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc một đời bất thoái thành Phật.

"*Nê-hoàn chi đạo*" là đại bát Niết-bàn, tức là thành Phật. Trong đời này thoát ly lục đạo luân hồi, vãng sanh bất thoái thành Phật, năm thứ thiện này đã giúp đỡ lớn lao đáng kể, cho nên gọi là ngũ đại thiện. Kinh văn chúng ta giảng đến chỗ này là chân truyền chánh thọ của "ngũ giới thập thiện". Mọi người ngày nay đều đã thọ ngũ giới rồi, đều đã thọ thập thiện nghiệp đạo rồi.

TRÙNG TRÙNG HỐI MIỄN ĐỆ TAM THẬP LỤC
PHẨM BA MƯƠI SÁU: BAO LƯỢT KHUYÊN LƠN

Phật nơi phẩm kinh này nói rõ nhân ác, quả ác, nên phải luôn có tâm sợ hãi, điều này không thể không sợ, không thể không cảnh giác. Lại khuyên chúng ta phải chánh tâm thành ý, không quên công phu để khỏi phải hối hận.

"***Phật cáo Di-lặc: "Ngô ngữ nhữ đẳng"***".
(Đức Phật bảo Di-lặc Bồ-tát: "Ta bảo các ông").

Phật vẫn gọi Di-lặc Bồ-tát, những lời phía dưới vô cùng quan trọng. Gọi Di-lặc Bồ-tát là đánh thức sự chú ý của mọi người.

"***Như thị ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu***".
(Những ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu này).

Trong phẩm trước đã nói rồi.

"***Triển chuyển tương sanh***".
(Chuyển tiếp sanh lẫn nhau).

"*Triển chuyển tương sanh*" như thế nào? Người tạo ngũ ác thì bị cái quả báo thiêu đốt đau đớn, lúc thọ báo họ lại mê hoặc điên đảo, lại tạo ngũ ác nữa, bởi thế nên nhân quả tuần hoàn, điều này rắc rối lớn đấy! Họ không giác ngộ. Tỉ như ở thế gian, người thọ ác báo không cam tâm, họ cho rằng: "Ông trời không công bằng, tại sao đối với tôi xấu như vậy?" Vì thế nên càng tạo tội nghiệp. Quả báo đời sau thì lại càng khổ, họ không biết quay đầu. Cho nên sự luân hồi này rất đáng sợ, trong các buổi giảng tập, tôi thường khuyên bảo các bạn đồng tu, việc luân hồi này là đời sau khổ hơn đời trước. Bạn nói đời sau có thể tốt hơn đời này là quá ít! Đó là hạng người nào? Là người học Phật hết lòng tu hành mà chưa được vãng sanh, chỉ có loại người này thì đời sau sẽ tốt hơn đời này một chút. Ngoại trừ điều này ra, khi đọa lạc xuống thì nhất định là đời sau không bằng đời trước, đây là sự thật, rất đáng sợ!

"***Cảm hữu phạm thử, đương lịch ác thú***".
(Nếu phạm các điều ác tất phải vào ác đạo).

Nếu bạn dám làm, vậy bạn nhất định phải vào ác đạo, chịu sự hành hạ.

"***Hoặc kỳ kim thế, tiên bị bệnh ương, tử sanh bất đắc, thị chúng kiến chi***".
(Hoặc hiện đời sẽ bị bệnh hoạn tai ương, cầu sống không được cầu chết không xong, để làm gương cho kẻ khác thấy).

Phật tại trong kinh nói câu này, dễ thấy nhất là chúng ta gọi là bệnh người già. Bác sĩ chẩn đoán cho họ cũng đoán không ra bệnh gì. Họ vẫn nằm trên giường bệnh, cựa quậy không được, mơ mơ màng màng, mỗi ngày phải cử y tá đến chăm sóc cho họ, họ cũng không chết. Cho nên gọi là "cầu sống không được, cầu chết không xong", mang chứng bệnh quái lạ như vậy. Đây là do ác nghiệp chiêu cảm đấy! "*Thống*", đây là chữ thống của ngũ thống. Đời sau, nhất định đi vào ác đạo. "*Tử sanh bất đắc, thị chúng kiến chi*", khiến cho mọi người nhìn vào, người có trí huệ, có tính cảnh giác cao, vừa nhìn thấy thì giác ngộ ngay, hiểu rõ ngay, còn người ngu si vẫn không giác ngộ, họ vẫn không hiểu.

"***Hoặc ư thọ chung, nhập tam ác đạo, sầu thống khốc độc, tự tương tiêu nhiên***".

(Hoặc mạng chung đọa vào ba đường ác, thống khổ tàn khốc, tự bị thiêu đốt).

Người vào lúc lâm chung, chúng ta nhìn những hiện tượng lâm chung rất đáng sợ, có thể khiến người giác ngộ, tại sao họ ra đi với cái tướng khó coi, đáng sợ như vậy? Phàm là ra đi như vậy, thì nhất định là đọa vào tam ác đạo. Nếu lúc còn sống họ có tạo thiện nhân thì lúc họ ra đi, cái tướng đó nhất định rất đẹp. Lúc họ ra đi giống như đang ngủ vậy, tướng mạo rất từ bi an tường, sắc diện rất đẹp, đây là tướng tốt. Loại người này dù cho không niệm Phật, họ cũng không đọa tam ác đạo. Cho nên chúng ta từ trên tướng này có thể nhìn ra được, có thể phán đoán, một người đến thiện đạo hay là ác đạo.

"***Cộng kỳ oán gia, cánh tương sát thương, tùng tiểu vi khởi, thành đại khốn kịch***".

(Cùng với oán gia giết hại lẫn nhau, từ một việc nhỏ trở thành họa lớn).

Đoạn này là từ trên nhân để dạy chúng ta, buốt lòng rát miệng, nhiều lần chỉ dạy, "*Cộng kỳ oán gia, cánh tương sát thương*", đây là nói về oan oan tương báo. Oan oan tương báo thường từ nguyên nhân rất nhỏ, "*tùng tiểu vi khởi*", lại biến thành kết cục thảm khốc, trở thành đại khốn kịch. "*Kịch*", là kịch liệt, kịch khổ, có quan hệ với oan nghiệp đời trước. Vì vậy người giác ngộ, người học Phật phải biết nhẫn nhường, đừng nên so đo, mọi chỗ đều nhẫn nhường, thường xuyên đề cao cảnh giác. Đặc biệt là trong xã hội này, ở thời đại này chịu thiệt thòi một chút, bị lừa một chút, thật sự mà nói, là tiêu tai miễn nạn, đừng nên đi so đo.

"***Giai do tham trước tài sắc***".

(Đều do tham đắm tài sắc).

Đây là nói rõ nguyên do sự tranh chấp giữa người với người đều không ngoài việc tham tài tham sắc, hai bên không nhường nhau nên mới tạo nên cái đại họa sát thân.

"***Bất khẳng thí huệ***".

(Không chịu bố thí).

Không chịu bố thí, giúp đỡ kẻ khác. Những người giàu có phải biết bố thí thì mới hưởng thụ được phước báo lâu dài. Nếu bạn giàu có mà không chịu bố thí, chỉ biết một mình hưởng thụ, người Trung Quốc thường nói "*một nhà no ấm ngàn nhà oán*", kẻ khác nhìn thấy bạn, họ đố kỵ, sân hận. Đố kỵ sân hận lâu rồi thì rắc

rồi sẽ đến với bạn. Tỉ như bạn bị cháy nhà, người bên cạnh nói: "Cháy tốt lắm! Phú quý bất nhân đó mà". Nhà bạn bị cướp, bị mất cắp, họ ở bên cạnh trông thấy cũng không báo cảnh sát. "Ồ! Cướp hay lắm!", đây là lòng người bất bình, điều này phải biết. Nếu bạn giàu có, đối với láng giềng, người cùng quê cùng làng với bạn, bạn thường chiếu cố họ, dịp tết, ngày lễ đều có lễ vật nhỏ để biếu họ. Họ sẽ cảm ơn, mong bạn phát tài, tại sao vậy? Vì bạn phát tài thì mọi người đều được lợi, bạn phát được càng nhiều thì họ đều vui mừng. Trong nhà bạn có việc gì thì mọi người đều đến giúp đỡ. Có khác đấy! Cho nên đây thật sự là người có trí huệ, có thể bảo toàn. Một nhà như vậy, quý vị thử nghĩ, một nước cũng như vậy, quốc gia bạn giàu có rồi, bạn có thể giúp đỡ quốc gia khác, thường có ân huệ đối với người ta thì mọi người sẽ ủng hộ bạn, coi bạn như một lãnh đạo của nhiều quốc gia, tôn trọng bạn. Nếu bạn là hạng giàu có mà bất nhân, thường bóc lột tiền bạc kẻ khác, ức hiếp kẻ khác thì các quốc gia khác sẽ đối địch lại bạn, xem bạn như kẻ thù, oán chồng chất lâu ngày đối với bạn không có lợi chi cả, là cùng một đạo lý. Cho nên lúc có được phước báo phải biết tu thêm phước, muôn ngàn xin chớ hưởng hết phước báo của mình vậy thì đáng thương lắm! Nghiệp "quả" của ác nghiệp sẽ hiện tiền, đây quả thật là ngu si!

Cho nên loại người này là tham đắm tài sắc không chịu bố thí.

"***Các dục tự khoái, vô phục khúc trực***".
(Chỉ muốn bản thân khoái lạc, không biết phải quấy).

Chỉ ham muốn sự hưởng thụ của riêng mình, chỉ mưu cầu khoái lạc của riêng mình, họ đâu biết được bên trong phước báo này ẩn giấu mầm họa. Cho nên người xưa nói: "*phước khởi họa sở y*" (trong phước có họa theo đó), trong khi bạn hưởng phước thì mầm họa đã ẩn tàng ở phía dưới rồi, đây là không có trí huệ. "*Vô phục khúc trực*", "*khúc trực*" ý nói đạo lý, cho nên gọi là hoành hành bá đạo, không nói lý.

"***Si dục sở bách***".
(Si ám thúc dục).

Đây là nguyên nhân gì? Là do ngu si, dục vọng. Ngu si dục vọng khiến họ tạo những tội nghiệp này.

"***Hậu kỷ tranh lợi***".
(Tranh lợi về mình).

Hy vọng mình chiếm tất cả ưu thế. Thật sự mà nói, đó là thiệt thòi lớn, làm gì có thể tranh được những mối lợi này! Tranh không được đâu! Những gì tranh được đó vẫn là trong mạng sẵn có, bạn mới tranh được. Không tranh cũng được. Vậy hà tất phải đi tranh. Tại sao họ đi tranh? Vì ngu si không rõ lý, người rõ lý thì không đi tranh. Trong mạng có thì nhất định là có, trong mạng không có, có tranh cũng không được.

"***Phú quý vinh hoa, đương thời khoái ý***".
(Phú quý vinh hoa đương thời vừa ý).

Thật sự mà nói, phú quý vinh hoa của nhân gian là vô cùng ngắn tạm. Thật vậy, người xưa nói: "*Đàm hoa nhất hiện, thạch hỏa điện quang*". *Đàm hoa nhất hiện*: hoa quỳnh vừa mới nở đã héo úa ngay. *Thạch hỏa* là đá lửa. *Điện quang* là tia chớp. Ý nói hiện ra rồi biến mất ngay, trong một chốc lát thì hết ngay.

"***Bất năng nhẫn nhục, bất vụ tu thiện***".
(Không chịu nhẫn nhịn, không lo tu thiện).

"*Nhẫn nhục*" tức là nhẫn nại, tự mình có thể nhẫn được một chút thì có thể hoan hỉ giúp đỡ người khác. Người thông minh nhất, người có trí huệ nhất có thể đem của cải của họ, lấy đủ nhu cầu cho cuộc sống của mình, số còn lại thì họ bố thí hết cả. Đây là người đại trí huệ, đại thông minh.

Ấn Quang Đại Sư tán thán nhất là nhà họ Phạm ở Tô Châu, Phạm Trọng Yêm của đời Tống. Cả nhà họ từng đời, từng thế hệ đều làm như vậy. Cho nên Phạm gia ở Tô Châu từ thời Phạm tiên sinh đến nay gần ngàn năm mà gia đạo không suy, từng đời đều có hiền nhân xuất hiện, đều có con cháu tốt. Nguyên nhân gì vậy? Nhờ tích đức tu thiện đấy, mình có thể ăn được no, có thể mặc được ấm là đủ rồi. Số còn dư đem giúp đỡ xã hội, giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn, họ làm như vậy.

Chúng ta đọc truyện ký của Phạm tiên sinh, khi ông còn đi học, gia cảnh vô cùng thanh bần, đi học thì ở trong chùa, hằng ngày không có cơm ăn, có lẽ là nấu cháo đặc một chút. Mỗi nồi cháo cắt thành bốn miếng, mỗi bữa ăn một miếng, sống những ngày cực khổ như vậy. Tuy nhiên ông không nghĩ đến sự bần khổ của mình, ông chỉ nghĩ đến sự khổ nạn của chúng sanh, ông không nghĩ đến mình, một đời đều không đổi ý niệm này. Có một lần ông đi coi bói, ông hỏi ông thầy bói rằng: "Ông xem tôi tương lai có thể làm Tể tướng không?" Thầy bói cười nói: "Giọng điệu của ông lớn quá!" Ông ta lập tức đổi giọng: "Ông xem tôi có thể làm

thầy thuốc không?". Người xem tướng thấy lạ lùng nói: "Sao ông vừa mới rơi thì rơi xuống tận dưới đáy vậy?" Ông nói: "Làm Tể tướng có thể cứu thiên hạ nhưng tôi làm không được thì tôi làm thầy thuốc cũng có thể cứu người vậy". Người xem tướng rất bội phục nói: "Tâm của ông quả là Tể tướng thật". Sau này quả nhiên ông làm Tể tướng. Ông từ nhỏ đã có ý niệm không phải vì mình mà vì cứu chúng sanh trong thiên hạ. Đến lúc ông đã thật làm Tể tướng, bạn xem trong Nghĩa Điền Ký của ông, bổng lộc của ông, tức là lương nhà nước cấp cho ông, ông đã đem đi nuôi dưỡng hơn ba trăm gia đình, không hưởng thụ, không cải thiện cuộc sống của chính mình, tự mình không muốn ăn ngon một chút, mặc đàng hoàng một chút, nhà cửa đẹp một chút. Vẫn sống cuộc sống với mức thấp nhất, đem tiền của ông có được đi cứu tế những người bần cùng khổ nạn. Đây là tấm gương tốt của chúng ta.

Nếu nói là tích thiện tu đức thì ông Phạm Trọng Yêm đã làm được rồi, còn chúng ta tích đó là cái thiện gì? Tu đó là cái đức gì? Có một vạn đồng lấy ra hai ba đồng đi bố thí, nói: "Tôi đã làm được rất nhiều việc tốt, tôi đã làm việc thiện rồi…". So với người một sợi lông không xả thì tốt hơn nhiều! Kể như bạn đã xả một sợi vậy! Điều này không được! Như vậy tương lai phải đọa lạc như thế nào thì vẫn phải đọa lạc như thế đó, không có cách nào khác. Cho nên bạn phải thật sự tu thiện, thật sự tích đức, đó mới là hữu dụng. Điều này chúng ta nhất định phải biết, phải nhẫn được. Như Phạm tiên sinh, ông nhẫn được, nhẫn chịu được cuộc sống gian nan khốn khổ ấy. Đây tức là trong Phật pháp chúng ta gọi là "chịu khổ thay cho chúng sanh". Ông có thể sống được giàu sang một tí, tuy nhiên ông không làm như vậy, tự mình vẫn sống những ngày tháng cực khổ, hy vọng kẻ khác có thể sống sung sướng hơn một chút. Đây là tấm lòng của Bồ-tát, quả là đại từ đại bi. Cho nên người sáng suốt thấy được. Thời gian hưởng phú quý vinh hoa quá ngắn ngủi! Không đáng. Phải nên chắt chiu tiết kiệm, đi giúp đỡ kẻ khác. Người mê hoặc điên đảo họ không biết, họ không nhẫn chịu được, họ tham hưởng thụ.

"*Bất vụ tu thiện*", không phải hết lòng nỗ lực tu thiện.

"***Uy thế vô kỷ, tùy dĩ ma diệt***".
(Không bao lâu uy thế theo đó tiêu diệt).

"*Uy*", chúng ta thường nói, người nào đó rất oai phong, rất có thế lực, cái oai phong thế lực đó không được mấy ngày, thời gian rất ngắn ngủi thì là báo hết. Họ chỉ có phước báo lớn cỡ đó vì họ không có tiếp tục tu thiện, cái phước báo ấy

của họ hưởng rất nhanh, hơn nữa, lúc hưởng phước thì lại tạo tội nghiệp, phạm vào năm thứ ác, thập ác nói phía trước, phước báo sẽ nhanh chóng bị hết.

"***Thiên đạo thi trương, tự nhiên củ cử, quỳnh quỳnh chung chung, đương nhập kỳ trung. Cổ kim hữu thị, thống tai khả thương!***".

(Đạo trời tự nhiên lập bày như thế, dù có lo lắng hoảng hốt cũng phải vào ba ác đạo. Xưa nay đều như vậy, đau khổ đáng thương!).

"*Thiên đạo*" tức là cái lý của tự nhiên, là nhân duyên quả báo, tự làm tự chịu, cho nên là "*tự nhiên củ cử*". Không phải kẻ khác đến chỉnh sửa kiểm điểm, cử chỉ hành vi. Tự nhiên khi phước báo của bạn hết rồi thì ác nghiệp hiện tiền, nhất định phải chịu ác báo. "*Quỳnh quỳnh chung chung*", đây là hình dung trong tâm người này không có chủ tể, kinh hoàng, lúng túng thất thường, không nơi nương tựa, thân tâm bất an. "*Đương nhập kỳ trung*", chữ "*trung*" này là ba ác đạo, bạn nhất định phải đọa vào ác đạo, nhất định phải chịu cái khổ của luân hồi. "*Cổ kim hữu thị*", từ xưa đến nay, trong nước ngoài nước, định luật của nhân duyên quả báo là thật. Đến lúc đó thì là "*thống tai khả thương!*", quả báo này là vô cùng khổ! Khổ báo của địa ngục, trong Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện nói rất nhiều, nói rất rõ ràng.

Sau đây là lời giáo huấn của Thế Tôn đối với chúng ta:

"***Nhữ đẳng đắc Phật kinh ngữ, thục tư duy chi***".

(Các ông được nghe lời kinh Phật thì phải suy nghĩ chín chắn).

Chữ "*nhữ đẳng*" tức là mọi người trong hội cùng với Di-lặc Bồ-tát. Chúng ta ngày nay học kinh Phật đương nhiên cũng được bao gồm trong đó. Chúng ta ngày nay có được kinh Phật, đọc được lời giáo huấn của Phật, đương nhiên phải "*thục tư duy chi*", sau khi đọc rồi phải đi suy nghĩ cặn kẽ, suy nghĩ lời Phật nói, đạo lý của Phật nói, phải suy nghĩ cho nhiều, suy nghĩ cặn kẽ, khi bạn nghĩ minh bạch rồi, nghĩ thông rồi thì bạn tự nhiên sẽ tuân thủ, sẽ tiếp nhận.

"***Các tự đoan thủ, chung thân bất đãi***".

(Giữ đúng theo lời Phật dạy, trọn đời không được biếng trễ).

Chữ "*đãi*" là giải đãi, chúng ta mỗi người đều phải nên hết lòng. "*Đoan thủ*", chữ "*đoan*" là nghĩa cung kính, cung kính tuân thủ lời dạy bảo của Phật, dùng tâm chân thành cung kính, suốt đời không lười biếng, thường xuyên đề cao cảnh giác, không thể giải đãi.

"***Tôn thánh kính thiện, nhân từ bác ái***".

Phật đề ra vài cương lĩnh trọng yếu, nhất định phải tôn trọng Thánh Hiền nhân, kỳ thật chữ này tức là "tôn sư trọng đạo". "*Kính thiện*", phía trước nói về thiện nhân, hiền nhân, thiện sự, ngũ giới, thập thiện, chúng ta phải kính trọng. "*Nhân từ bác ái*", là dạy chúng ta đối người, đối đãi tất cả chúng sanh chúng ta nên dùng tâm gì? Dùng thái độ gì? Nên dùng "nhân từ bác ái" để đối đãi với tất cả chúng sanh. Nếu quả thật "nhân từ bác ái" thì tự nhiên giống như ông Phạm Trọng Yêm, có thể "xả mình vì người" thì "nhân từ bác ái" mới thật sự biểu hiện, không phải chỉ hô to khẩu hiệu, chúng ta phải thật sự giúp đỡ người.

"***Đương cầu độ thế, bạt đoạn sanh tử chúng ác chi bổn, đương ly tam đồ, ưu bố khổ thống chi đạo***".

(Phải cầu cứu đời, nhổ dứt gốc các ác sanh tử, lìa hẳn đau khổ lo sợ tam đồ).

Câu này là dạy chúng ta phải lập chí, phải lấy vĩnh thoát luân hồi làm mục tiêu, đừng nên có ý niệm ta còn phải ở lại thế gian này, có ý niệm này thì không thể ra khỏi luân hồi, đây là tâm luân hồi. Niệm niệm cầu độ thế, siêu việt thế gian, tức là vượt thoát luân hồi đấy. Vậy muốn siêu việt luân hồi tất phải "*bạt đoạn sanh tử chúng ác chi bổn*". Phải đoạn ác. "*Sanh tử chúng ác chi bổn*" tức là tham sân si, đây là căn bản. Phẩm trước nói đến ngũ ác, thập ác đều là "*sanh tử chúng ác chi bổn*", chúng ta phải nhổ trừ nó từ gốc. Không những không tạo ác mà trong tâm cũng không có ác niệm, đây gọi là "nhổ trừ", ý niệm ác cũng không có thì mới được. "*Đương ly tam đồ*", tam đồ là tam ác đạo, tam ác đạo là ưu buồn, tâm buồn lo, sự hãi, thân khổ đau. Đây là hình dung cái khổ của tam ác đạo, chúng ta nhất định phải có ý niệm "xuất ly lục đạo luân hồi" của tam giới.

"***Nhược tào tác thiện, vân hà đệ nhất?***".

(Các ông làm lành như thế nào thì là bậc nhất?).

Đây là Phật dạy chúng ta tu thiện, chữ "*nhược tào*" là mọi người các ông, mọi người các ông phải làm thiện (phía trước nói đoạn ác, ác phải đoạn, còn thiện phải tu), tu cách nào? Phật nói với chúng ta đây là đệ nhất thiện.

"***Đương tự đoan tâm***".

(Phải tự đoan chánh cái tâm).

"*Tâm*" là căn bản, không chỉ là các vị Đại Đức của Thiền Tông nói đến tu hành là tu từ trên căn bản, cái gì là căn bản? Tâm là căn bản, điều này chúng ta phải biết. Pháp Đại Thừa không giống với pháp Tiểu Thừa: Người tu Tiểu Thừa

chú trọng trên sự tướng, giới luật của Tiểu Thừa, tiêu chuẩn kết tội là "*luận sự không luận tâm*". Tỉ như sát sanh, bạn đã động ý niệm muốn sát sanh, nhưng bạn chưa làm, trong giới Tiểu Thừa thì không phạm giới. "Tôi chưa giết nó…". Trong giới Đại Thừa thì "*luận tâm không luận sự*". Bạn trên sự không có giết nó, nhưng trong tâm động niệm muốn giết nó thì đã phá giới rồi. Cho nên giới điều Đại Thừa ít nhưng khó giữ, giới điều Tiểu Thừa tuy nhiều nhưng dễ giữ, giống với pháp luật của thế gian. Cho nên tâm Đại Thừa thanh tịnh. Còn người Tiểu Thừa giới luật thì giữ được rất nghiêm mà tâm chưa chắc thanh tịnh. Họ không kết tội trên khởi tâm động niệm. Bồ-tát giới thì kết tội trên khởi tâm động niệm. Nếu Bồ-tát, tỉ như tuyệt đối không khởi tâm động niệm mà đã ngộ sát một chúng sanh thì có tính là phạm giới chăng? Không tính! Tại sao? Vì trong tâm họ không có ý niệm này, cho nên nó không kết tội nơi sự mà là kết tội nơi tâm. Tuy người Tiểu Thừa nói "tôi không khởi tâm động niệm", nhưng bạn đã giết người thì bạn đã bị kết tội rồi, người Tiểu Thừa thì bị kết tội, còn người Đại Thừa thì vô tội. Cho nên cách kết tội không giống nhau, tiêu chuẩn khác nhau. Điều này chúng ta phải nên biết.

Chữ "*đoan tâm*" này là trong kinh Đại Thừa, là lấy tiêu chuẩn của Bồ-tát giới. Tâm phải làm sao mới là thật sự đoan chánh? Dùng Nho gia để nói, tức là "*chánh tâm thành ý*", "*đoan tâm*" tức là chánh tâm thành ý. Bên trong cũng có nhiều tiêu chuẩn của trình độ khác nhau. Nếu lấy tiêu chuẩn của thế gian mà nói, tâm Ngũ Giới Thập Thiện tức là "*đoan tâm*". Nếu lấy tâm của Bồ-tát thì "*Lục Độ vạn hạnh, tự lợi lợi tha*" là "*đoan tâm*" của Bồ-tát. Trong Tịnh Tông chúng ta, "*đoan tâm*" tức là "*phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật*" trong phẩm Ba Bậc Vãng Sanh của bổn kinh, đây là đệ nhất. Chúng ta phải đem tâm an trụ trong câu A-di-đà Phật, phải định tại thế giới Tây Phương Cực Lạc thì đúng rồi.

"***Đương tự đoan thân, nhĩ mục khẩu tỵ, giai đương tự đoan***".
(Phải tự đoan chánh thân, tai mắt mũi miệng đều phải đoan chánh).

Đây là dạy chúng ta trong sinh hoạt hằng ngày "*thủ khẩu nhiếp ý, thân mạc phạm*" (gìn lời giữ ý, thân chớ phạm). Phật vì chúng ta mà chế định giới luật, nhất định không thể vi phạm, mọi thứ đều hợp với quy củ, hợp với lễ pháp. Tuy nhiên, thời nay thì rất phiền phức, lễ không còn nữa, pháp cũng không còn nữa, bạn bảo quy củ nào là đúng? Thật sự mà nói, vì không có tiêu chuẩn, nên đều đúng cả.

Tôi có một lần ở Đài Loan, thấy người già lúc qua đời, trong tang lễ có một số con cái mặc áo gai để tang, mặc y phục trắng, đội mão gai. Có một số mặc áo dài đen… Có bạn đồng tu đến hỏi tôi: "Thưa Pháp sư, lễ này ai đúng ai sai vậy?" Tôi bèn nói: "Đều đúng cả!" Thế nào là đều đúng? Bởi vì không có **lễ**, bạn làm cách nào cũng đều đúng cả. Mặc y phục màu trắng, đội mão gai là lễ phục thời Mãn Thanh, từ khi Dân Quốc thành lập đến nay, không có chế lễ làm nhạc, đó là lễ của Mãn Thanh. Còn mặc áo dài đen là lễ của ngoại quốc, là lễ của người phương Tây. Không có lễ chi cả! Bạn dùng cái lễ đó, tôi cảm thấy đều đúng, đây là thời loạn, là đáng buồn! Không có tiêu chuẩn!

Chỗ này nói "*đoan thân, nhĩ, tỵ, khẩu*", điều này thì là khó, chúng ta nhất định phải biết "*tâm chánh thì hạnh liền chánh*", tất cả phải từ chỗ này mà lĩnh hội. Tâm chúng ta đoan chánh, trong tâm không nghĩ tà, không nhớ tà. Thân khẩu tạo tác, phải biết lúc này, chỗ này, chúng ta phải tuân thủ những phong tục tập quán của mọi người thì không phạm lỗi lầm, thì không có lầm lỗi lớn. Lời răn dạy của Phật là tinh thần cơ bản. Ứng dụng vào trong cuộc sống thực tế, phải biết lúc này, chỗ này, chúng ta chớ nên trái ngược tập tục của mọi người, chúng ta mọi thứ đều tuân thủ thì là được rồi.

"***Thân tâm tịnh khiết, dữ thiện tương ưng***".
(Thân tâm thanh tịnh tương ưng với thiện).

Đây là một tiêu chuẩn rất tốt. Trong thời đại mà lễ nhạc đều băng hoại này, chúng ta vẫn có thể giữ lấy nguyên tắc này thì là khá lắm rồi! Thân tâm của chúng ta thanh tịnh, chữ "*thanh tịnh*" này, chư vị nên biết, không phải là nói bạn tắm rửa thân thể cho thật sạch sẽ, tắm rửa sạch sẽ đương nhiên cũng là quan trọng. Tuy nhiên ý của Phật không phải ở chỗ này, ý là **đoạn trừ tất cả ô nhiễm thì bạn được thanh tịnh**. Trong tâm chúng ta xa lìa tham sân si mạn, tham sân si mạn là ô nhiễm, danh văn lợi dưỡng là ô nhiễm, ngũ dục lục trần cũng là ô nhiễm, chúng ta phải xa lìa những thứ này. Đối với lời dạy bảo của Thánh Hiền nhân, nếu chúng ta hoài nghi không tin thì đó cũng là ô nhiễm, là ngu si, vô minh! Xa lìa hết thảy những thứ ô nhiễm này thì tâm chúng ta sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh rồi, còn thân chúng ta thanh tịnh như thế nào? Tất cả tạo tác đều tự nhiên như pháp như lý, tức là có thể tuân thủ ngũ giới thập thiện: Thân không tạo sát đạo dâm, thân thanh tịnh. Khẩu không có vọng ngữ, ác khẩu, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, khẩu thanh tịnh. "*Thân thanh tịnh*" là ý nghĩa này, không phải bảo bạn tắm rửa cái thân này cho thật sạch sẽ, ăn mặc cho chỉnh tề. "*Dữ thiện tương ưng*", điều này có

cùng ý nghĩa với điều vừa nói phía trước, tương ưng với ngũ giới thập thiện. Ngũ giới thập thiện bạn đều làm được cả.

"***Vật tùy thị dục***".
(Đừng theo tham dục).

Đây là nói về tâm, muôn ngàn xin chớ chạy theo tâm tham và dục vọng ngu si của mình.

"***Bất phạm chư ác***".
(Không phạm điều ác).

Đây là nói về thân, nhất định phải giữ giới, nhất định phải hành thiện. Người thế gian tạo ác đều là vì trong tâm có ác niệm, có dục vọng. Cái này là căn bản của tất cả ác. Phật dạy chúng ta phải xả bỏ dục vọng, phải biết nó là độc tố trong tâm của chúng ta. Trong tâm chúng ta có độc, không những chúng ta phải xả dục vọng thế gian mà dục vọng trong Phật pháp cũng phải xả. Bởi vì xả đó là "dục" chứ không phải đối tượng, không phải đổi đối tượng, đổi đối tượng thế gian lấy đối tượng Phật pháp, đó vẫn không thể được, bạn vẫn còn tồn tại dục vọng, dục vọng tức là tâm tham là tâm si. Cho nên nhất định phải xả cho được sạch sẽ rốt ráo. Sau đó thì thân khẩu của chúng ta tự nhiên khiết tịnh, sẽ không phạm lỗi lầm nữa.

"***Ngôn sắc đương hòa***".
(Ngôn sắc hòa nhã).

Khi chúng ta xử thế đối người, ngôn ngữ của chúng ta, dung mạo của chúng ta, thái độ của chúng ta phải ôn hòa, ngôn ngữ phải mềm mỏng nhu hòa, thái độ phải hòa mục.

"***Thân hành đương chuyên***".
(Thân hành chuyên cần).

Câu này hàm ý rất sâu, trong sinh hoạt, ý nghĩa của chữ "*chuyên*" là tinh, "*chuyên*" là chuyên nhất. Chuyên nhất là đại biểu cho **kính**, chúng ta kính người, kính sự, kính vật. Trong việc học Phật, cầu học, "*chuyên*" tức là một môn thâm nhập, bạn mới có được thành tựu. "*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*" (cách giáo dục là lấy chuyên làm trọng), sự cầu học của thế gian, đây cũng là một ngành học, bạn học đại học, bạn học một ngành, bạn không thể học rất nhiều ngành, nếu học rất nhiều ngành thì suốt đời bạn sẽ không tốt nghiệp nổi, bạn học tạp. Nếu bạn

chuyên tâm một ngành, bốn năm thì hoàn thành, bốn năm thì tốt nghiệp rồi. Trong xã hội, làm các ngành nghề cũng phải chuyên, chuyên tâm nỗ lực nơi một ngành nghề thì dễ thành công. Có rất nhiều chủ doanh nghiệp lớn, họ kinh doanh nhiều sự nghiệp, họ nhất định là sau khi thành tựu một ngành rồi mới có thể mở rộng ra khắp tất cả. Là đạo lý như vậy. Phật pháp cũng thường nói học kinh, một bộ kinh thông đạt rồi sau đó mới có thể thông đạt tất cả kinh, thành tựu một pháp môn rồi thì tất cả pháp môn đều thành tựu, là cái đạo lý như vậy. Lúc bắt đầu học nhất định phải chuyên, chuyên ở một môn, như vậy mới có được sự thọ dụng chân thật. Cho nên chữ "*chuyên*" này bao gồm ý nghĩa rất sâu rất rộng, chúng ta phải để tâm lĩnh hội, thường thường nhấm nháp cái mùi vị của nó.

"***Động tác chiêm thị, an định từ vi***".
(Hành vi cử chỉ bình tĩnh từ tốn).

Đây là nói về sự tu dưỡng. Một người thật sự có đại phước đức, đại trí huệ thì cử chỉ của họ nhất định vô cùng an tường, không nóng nảy. Phàm là người nóng tánh thì thành tựu sẽ rất có hạn. Người thật sự lập đại công, đại nghiệp, từ xưa đến nay thái độ đều là rất đoan trang, họ thật sự làm được những chữ này. Tâm an, thân an, tâm định. "*Từ*" là chậm rãi, một chút hiện tượng nóng nảy vội vàng cũng không có, vô cùng an tường. Phật ở chỗ này chỉ dạy, chúng ta nhất định phải học.

Trước kia, chúng tôi trong phần Gia Thư Gia Huấn của ông Tăng Quốc Phiên thấy được cách dạy con em của ông. Tăng tiên sinh vô cùng coi trọng bốn chữ "*an định từ vi*". Nói năng phải chậm rãi, đi đường phải chậm rãi, không để bạn nóng nảy vội vàng, làm việc cũng yêu cầu bạn chậm chậm mà làm, mọi việc đều phải làm đến chắc thật. Tối kỵ nhất là nông nổi, cách này không thể thành đại công, lập đại nghiệp. Thành đại công, lập đại nghiệp nhất định là phải "*an định từ vi*".

"***Tác sự thảng thốt***".
(Làm việc vội vàng hấp tấp, không suy xét chín chắn).

Đây là hoàn toàn tương phản, là nóng nảy vội vàng.

"***Bại hối tại hậu***".
(Sẽ thất bại hối hận về sau).

Hiện nay hình như có được thành tựu, nhưng tương lai bạn có thể thất bại, việc nhỏ còn là như vậy, sự nghiệp càng lớn, càng là đại sự thì càng phải kỹ lưỡng,

cần phải trông lo chu đáo, tường tận. Khi nóng nảy vội vàng, việc nhỏ nóng nảy không sao, nhưng xử lý việc lớn nóng nảy vội vàng thường sẽ có sơ suất cẩu thả. Sự sơ suất cẩu thả sẽ có thể tạo thành khó khăn rất lớn, thậm chí tạo thành sự thất bại rất lớn, lúc đó hối hận cũng không kịp nữa. Cho nên là "*bại hối tại hậu*" vậy. Thế xuất thế gian đều không thể trái ngược nguyên tắc này, tu hành càng về sau càng thấy công hiệu, càng về sau càng thấy khó khăn, điều này cũng là đạo lý nhất định.

Cho nên Phật dạy chúng ta tu Nhẫn Nhục Ba-la-mật, bạn **nhẫn** được mới có thể **an,** mới có thể **định**, bạn không nhẫn được thì bạn không có được **an** và **định**. Cho nên Bồ-tát tu Lục Độ Nhẫn Nhục mới có thể tiến bộ, mới có thể tinh tiến. Tinh tiến mới có thể được định, nếu là tạp tiến, loạn tiến thì không thể được định. "Tinh" phía trước gọi là chuyên, "*thân tâm đương chuyên*", nên họ được định. Điều này rất quan trọng. Trong an định thì có được trí huệ chân chánh, mới có thể nhìn được rõ ràng tất cả sự việc, bạn chỉ huy, bạn kinh doanh sẽ không phát sinh hỗn loạn. Từ xưa đến nay, trong nước ngoài nước đều không lìa khỏi nguyên tắc này. Tuy hiện nay hình thái xã hội khác với quá khứ nhưng nguyên tắc này vẫn hiệu quả, vẫn không thể trái ngược được.

"***Vi chi bất đế, vong kỳ công phu***".

(Làm việc không thận trọng sẽ uổng phí công phu của mình).

"*Đế*" là chân thật, nếu bạn làm việc không cẩn thận, không chắc thật, chữ "*bất đế*" tức là không chắc thật không cẩn thận, công phu của bạn có thể sẽ đổ sông đổ biển hết, vậy thì rất là đáng tiếc. Ở nước Mỹ, chúng tôi thấy được một việc, Công ty máy tính Vương An (Wang Laboratories) vô cùng nổi tiếng, ông Vương An qua đời chưa đến một năm thì tan tành, đây tức là "*vi chi bất đế, vong kỳ công phu*", việc này là một điển hình. Những sự việc lớn lao, khi nó thất bại thì tan tành rất nhanh. Những sự thật này, chư vị nếu hơi bình tĩnh một tí, tùy thời, tùy chỗ đều thấy được. Khi nhìn thấy, bạn hãy suy nghĩ cặn kẽ, trong kinh nói "*tác sự thảng thốt, bại hối tại hậu*", cùng với Phật dạy hoàn toàn như nhau. Phật nói nguyên nhân tại sao nó thất bại nhanh như vậy. "Tiền nhân hậu quả" nói được rõ ràng như vậy. Chúng ta nghĩ lại điều này hoàn toàn chính xác, điều này cho chúng ta một sự cảnh tỉnh rất cao, chúng ta nhất định phải tuân thủ lời dạy của Phật. Tuân theo sự giáo huấn của Phật thì công phu của chúng ta sẽ không đến nỗi bị mất mát.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 24

NHƯ BẦN ĐẮC BẢO ĐỆ TAM THẬP THẤT
PHẨM BA MƯƠI BẢY: NHƯ NGHÈO ĐƯỢC CỦA BÁU

Trong phẩm kinh này Phật muốn nói với chúng ta thiện nhân, thiện quả, khuyến khích chúng ta tinh tấn, nỗ lực tu thiện đoạn ác. Ở chỗ này chúng ta có thể thấy được lòng từ bi khuyên lơn của Phật.

"***Nhữ đẳng quảng thực đức bổn, vật phạm đạo cấm, nhẫn nhục tinh tấn, từ tâm chuyên nhất***".

(Các ông đã trồng nhiều gốc đức, đừng phạm đạo cấm, phải nhẫn nhục tinh tấn, từ tâm chuyên nhất).

Đoạn nhỏ này là nói chung. Chữ "*quảng*" này nghĩa là nhiều. "*Đức bổn*" theo cách nói của bổn Tông tức là **Tín, Nguyện, Trì Danh**, đây là cái gốc của đại đức chân thật. Nếu tu hành mà không đặt mục tiêu là thành Phật thì sự tu hành này không rốt ráo, không viên mãn, điều này nhất định phải biết. Mục tiêu đặt tại việc thành Phật, theo những kinh luận thông thường mà nói, "thành Phật phải ba đại a-tăng-kỳ kiếp", trong Kinh Hoa Nghiêm nói: "Thành Phật phải vô lượng kiếp". Dường như muốn đạt được cái mục tiêu này là quá xa vời. Cách nghĩ cách nói này đều không phải là vô lý. Tuy nhiên nơi pháp môn này thì có khác, trong một đời này nhất định có thể đạt được nguyện vọng cứu cánh viên mãn. Cho nên Tín, Nguyện, Trì Danh là cái gốc của đại đức chân thật. "*Vật phạm đạo cấm*", câu này rất quan trọng, chúng ta quyết tâm chọn lấy Tịnh Độ, đời này có thể thật sự vãng sanh được hay không?

Phải xem cách tu trì của bạn. Trong việc tu trì, chướng ngại lớn nhất là tạo ác nghiệp. Ở chỗ này gọi là "*đạo cấm*", nói một cách rốt ráo tức là phía trước nói về "ngũ giới thập thiện", nhất định không thể trái ngược. Cũng tức là nhất định phải lấy tâm thanh tịnh để thọ trì, trì giới niệm Phật. Đây là nghĩa hẹp, còn nói theo nghĩa rộng, chúng ta cũng không cần nói quá rộng, tức là những gì Thế Tôn nói trong bổn kinh, thậm chí nói đến trong Tịnh Độ tam kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh và A-di-đà Kinh. Nếu mở rộng thêm một chút, hiện nay chúng ta thấy Tịnh Độ Ngũ Kinh bao gồm Phổ Hiền Bồ-tát Hạnh Nguyện Phẩm, Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông Chương, chúng ta không thể trái ngược những lời giáo huấn ở trong hai kinh này. Kỳ thật những gì Phật nói ở trong Tịnh Độ Ngũ Kinh Nhất Luận, trong Kinh Vô Lượng Thọ thảy đều đầy đủ cả. Phần mở đầu của

kinh, phẩm thứ hai Đức Tuân Phổ Hiền đã đem tinh yếu của Hạnh Nguyện Phẩm vào trong bổn kinh rồi. Do đây có thể biết nền giáo học của Kinh Vô Lượng Thọ là vô cùng viên mãn, đây là lời giáo huấn trong kinh điển, chúng ta đều phải hết lòng nỗ lực.

✓ Điều thứ nhất là phải ghi nhớ, phải học thuộc.

✓ Điều thứ hai là phải cầu giải, chúng ta phải thật sự hiểu rõ ý nghĩa lời Phật giảng, không thể hiểu sai nghĩa kinh, không thể hiểu lầm, việc này rất nguy hại.

✓ Tiến thêm một bước, phải làm được những lời giáo huấn này trong đời sống sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, đây mới gọi là học Phật, học làm giống như Phật, cái này gọi là học Phật.

Nếu làm không được, chỉ niệm kinh, chỉ giảng giải, nghiên cứu thảo luận mà không nghiêm túc đi làm, cho dù một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu cũng rất khó vãng sanh. Tại sao vậy? Bạn đã vi phạm "*đạo cấm*" rồi. Ba điều dưới đây đều là phá trừ chướng ngại vãng sanh của chúng ta, đây thật là khẩn yếu.

✓ Quan trọng nhất là phải trì giới, phải làm cho bằng được lời giáo huấn của Phật-đà. "Nhẫn nhục, tinh tấn", nhẫn nhục là nói bạn tu học phải có tánh nhẫn nại.

Năm xưa nhóm Pháp sư dịch kinh đem chữ "nhẫn nại" dịch thành "nhẫn nhục" là có đạo lý, bởi vì người Trung Quốc xưa (không phải người Trung Quốc hiện nay) đối với sỉ nhục coi rất nặng. Có câu "sĩ khả sát, bất khả nhục", chặt đầu không hề gì, nhưng làm nhục thì không thể được, nhục thì không thể nhẫn chịu. Những vị Pháp sư dịch kinh nói, quý vị coi trọng chữ "nhục" như vậy, "nhục" còn có thể "nhẫn" được thì không có việc gì mà không thể không nhẫn được. Cho nên phải có tâm nhẫn nại rất lớn. Trong Kinh Kim Cang Phật nói rất hay, "*nhất thiết pháp đắc thành ư nhẫn*", thế gian pháp xuất thế gian pháp, sự việc lớn phải có tâm nhẫn nại lớn, sự việc nhỏ phải có tâm nhẫn nại nhỏ, không có tâm nhẫn nại thì không thể thành tựu. Cho nên cầu đạo phải nhẫn nại, còn công phu niệm Phật thì không thể thiếu. Tỉ như mỗi ngày thời khóa tụng sáng tối, ta không thiếu một khóa nào, đây tức là tâm nhẫn nại rất lớn, nếu chúng ta có thì giờ thì thời khóa của chúng ta phải thêm nhiều. Chữ "nhiều" này là không phải "nhiều chủng loại" mà là tăng số lượng lên. Tỉ như tôi hiện nay công việc vô cùng bận rộn, sáng tối chỉ niệm mấy mươi tiếng Phật hiệu, khi có thì giờ thì tăng Phật hiệu nhiều lên, tăng lên một ngàn tiếng, tăng lên một vạn tiếng, tăng lên hai vạn, ba vạn, niệm

nhiều lên, điều này gọi là tinh tiến. "**Tiến**" là tiến bộ, không thể thụt lùi. Người mới học Phật, đạo tâm rất dũng mãnh, thường thường định công khóa rất nhiều, làm được vài ngày thì không có thì giờ, rồi thì giảm thiểu chút ít, tướng này là tướng suy, là đi xuống dốc. Tướng suy, cái này không tốt. Cho nên người mới học, công khóa phải nên định rất ít, làm được rất như pháp, làm được rất hoan hỉ, sau đó lại thêm một chút, làm như vậy mới chính xác. Trong tiến bộ phải thuần mà không tạp, gọi là tinh tiến.

"*Từ tâm chuyên nhất*", điều này cũng vô cùng quan trọng! A-di-đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, đều là đại từ đại bi, lòng đại từ đại bi của các Ngài đích thật vượt hơn chư Phật rất xa. Chư Phật không sánh kịp, chúng ta ngày nay muốn làm học trò của A-di-đà Phật mà không có tâm từ bi thì làm sao được!

✓ Phải bồi dưỡng tâm từ bi, phải có thể thường tha thứ cho chúng sanh, tất cả chúng sanh đối với ta có lỗi lầm, đừng đem nó để trong lòng, không cần phải so đo, hoan hỉ sống chung với chúng sanh.

✓ Tu đạo phải chuyên nhất, phía trước nói tinh tiến, nhất định phải chuyên nhất, chỉ có chuyên thì thành tựu mới vững vàng, mới nhanh chóng, đơn giản, dễ dàng, nhất định không được làm cho phức tạp. Tạp tu, loạn tu, cho dù rất dụng công cũng không dễ vãng sanh.

Điều kiện vãng sanh, trong kinh nói rất rõ ràng, trong kinh A-di-đà là "nhất tâm bất loạn". Trong kinh này không nói "nhất tâm bất loạn" mà nói "nhất hướng chuyên niệm" (chuyên tâm niệm A-di-đà Phật), một phương hướng một mục tiêu, phải chuyên niệm mới được. Chúng ta muốn trong đời này thoát ly lục đạo luân hồi, vãng sanh bất thoái thành Phật thì nhất định phải tuân thủ, nhất định không thể sơ suất, phải chuyên. Tổ Sư Đại Đức thuở xưa là tấm gương tốt cho người chuyên tu Tịnh Độ chúng ta: Họ một mình dụng công trong một Phật đường nhỏ, một mình thanh tu, Phật đường này giống như Phật đường của Ấn Quang Đại Sư, chùa Linh Nham Sơn ở Tô Châu, là quan phòng của Ngài. Quý vị có cơ hội đi Tô Châu thì hãy đến xem Phật đường của Ngài, trong Phật đường của Ngài chỉ có một tượng Phật A-di-đà, phía trên tượng Phật, Ngài viết một chữ "**Tử**" thật lớn, ngày ngày nhìn đến chữ "tử" (ta sắp chết rồi), niệm Phật cầu Phật đến tiếp dẫn. Ngoại trừ cái này ra, những tượng Phật Bồ-tát khác đều không thờ, vì sao? Vì nhất tâm chuyên niệm, sợ phức tạp, phải chuyên, phải tinh. Chuyên nhất vậy là đúng. Còn kinh chỉ tụng một bộ, Tổ Ấn Quang chỉ niệm Kinh A-di-đà, thờ một tượng A-di-đà Phật, thêm nữa là Phật hiệu Di-đà, ngoài ra không có chi cả. Đúng

là tinh chuyên. Chỗ biểu hiện của "*từ tâm*" là Văn Sao của Tổ Ấn Quang. Ngài không thường giảng kinh, có lẽ vì giọng miền Bắc của Ngài, Ngài nói chuyện người ta nghe không hiểu. Vào thời kỳ đó đi tìm người phiên dịch không tiện, cho nên Ngài rất ít giảng kinh. Chỉ có một lần tại Thượng Hải, trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai, Ngài giảng khai thị một tuần, ngày cuối cùng Ngài làm lễ quy y cho mọi người. Việc này có văn tự ghi chép lưu truyền, còn những việc khác phần nhiều là những người học Phật, hoặc là học giả đối với Phật pháp có những nghi vấn, viết thư cho Ngài thì Ngài dùng văn tự để phúc đáp, sau này hội tập thành Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Bạn xem trong Văn Sao thấy được từ tâm độ chúng của Ngài. Xem Văn Sao mà được độ thì không biết là bao nhiêu người. Những năm về già, tín đồ quy y đông, người ngưỡng mộ Ngài đông, cúng dường cũng nhiều, Ngài đem số tiền cúng dường này lập được một nơi lưu thông kinh Phật. Nơi lưu thông kinh Phật này tên gọi là Hoằng Hóa Xã, ở chùa Linh Nham Sơn ở Tô Châu. Cái quỹ đó là số tiền tín đồ cúng dường cho lão Pháp Sư, từ chỗ này thấy được từ tâm chuyên nhất, Ngài quả thật là chuyên.

"***Trai giới thanh tịnh, nhất nhật nhất dạ, thắng tại Vô Lượng Thọ quốc vi thiện bá tuế***".

(Thanh tịnh trai giới, tu một ngày một đêm ở cõi Ta-bà hơn làm lành ở cõi Vô Lượng Thọ cả trăm năm).

Có một số người thấy câu kinh văn này thì họ không muốn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc nữa, vì sao? Vì tôi ở nơi đây tu hành một ngày một đêm, hơn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc tu hành một trăm năm, một trăm năm này là cách tính ở nơi này của chúng ta. Bởi vì thế giới Tây Phương Cực Lạc không có năm, tháng, tuổi, giờ. Chỉ ở nơi này của chúng ta mới có, phàm là nói đến con số, thảy đều là lấy nơi chúng ta để tính. Nói một cách khác, chúng ta ở nơi này tu hành đích thật rất có công đức, rất không dễ, đúng là siêu việt thế giới Tây Phương Cực Lạc. Tuy nhiên bạn phải biết Phật tại sao lại nói như vậy? Nơi này rất khó tu. Đây là hình dung "*nan năng khả quý*" (khó nên mới đáng quý). Ở thế giới Tây Phương tu hành rất dễ dàng, bạn thử nghĩ xem là dễ tốt hay là khó tốt? Ý nghĩa là ở chỗ này. Bạn không thể hiểu sai nghĩa chân thật của Như Lai. Chỗ này khó tu. Một vạn người tu hành khó có được một người thành tựu. Còn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, một vạn người tu hành là một vạn người thành tựu. Bên ấy dễ, bên này khó. "Khó" cho nên mới đáng quý! Chúng ta ở bên này tu hành là "*đại khởi đại lạc*" (thành công và thất bại đều lớn). Thành công thì trong đời này vãng sanh là bất thoái thành Phật, còn những người không thành công thì đọa tam ác đạo, vẫn

cứ trôi lăn trong lục đạo luân hồi. Ý nghĩa của câu nói này là ở chỗ này, không thể hiểu sai.

Vậy thì duyên ở thế giới Tây Phương Cực Lạc tốt! A-di-đà Phật là thầy, A-di-đà Phật là vua của các vị Phật, không có một vị Phật nào có thể sánh được với A-di-đà Phật. Một vị thầy giỏi như vậy, mười phương chư Phật đều giúp A-di-đà Phật giáo hóa chúng sanh, những vị Bồ-tát khác thì không cần nói nữa. Chúng ta sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì địa vị là khác hẳn. Hiện tại ở đây thấy Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền Bồ-tát ở tận trên cao, chúng ta thì thấp lè tè sát đất, còn khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì những người này là bạn đồng học, "đứng ngồi ngang hàng", họ là học trò của A-di-đà Phật, chúng ta cũng là học trò của A-di-đà Phật, đó thì khác hẳn! Cho nên Cổ Đức thường nói: "Đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc, cùng Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí nắm tay cùng đi", ra bên ngoài du ngoạn, tay trong tay cùng đi chơi, là tình hình như vậy. Câu này là hình dung sự "khó, dễ".

"*Trai giới thanh tịnh*", đây là nói rõ việc "*trai giới thanh tịnh*" không phải dễ. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc mọi người đều thanh tịnh. Chữ "*trai*" nghĩa là thân tâm thanh tịnh. Người hiện nay đem việc ăn "trai" gọi là ăn chay, điều này là sai lầm. Từ trên sinh hoạt mà nói, chữ "*trai*" này là ăn một bữa giữa trưa. Chúng ta hiện nay thường gọi là trì **ngọ**, đó là sai. Bởi vì trì ngọ là từ mười một giờ đến một giờ là giờ ngọ, còn giữa trưa là mười hai giờ, quá mười hai giờ thì đã quá trai rồi. Nếu trì ngọ đến một giờ vẫn còn là giờ ngọ, cho nên trì ngọ là sai, phải là ăn một bữa giữa trưa. Tuy nhiên giữa trưa, chúng ta nên biết, cái địa cầu này là tự nó xoay, nó có sự khác biệt về thời gian, giữa trưa mỗi ngày ở các nơi đều khác nhau. Cho nên người chân chánh trì trai đại khái đều là buổi sáng mười một giờ ăn cơm, nhất định không thể quá ngọ. Thời xưa dùng bóng của mặt trời để định thời gian, trời râm thì không có cách gì. Hiện nay tiện lợi hơn so với trước kia. Hiện nay đài thiên văn có lịch thiên văn, tôi không biết ở Singapore có phát hành hay không? Ở Đài Loan có phát hành lịch thiên văn, vào các tiệm sách đều có thể mua được. Lịch này mỗi ngày ghi rõ cho bạn: giữa trưa là mấy giờ, mấy phút, mấy giây, ghi chép rất là rõ ràng. Chúng ta muốn thật sự trì trai, muốn phát tâm trì trai, dùng loại lịch thiên văn này thì tiện lợi rất nhiều. Tuy nhiên vẫn còn có phiền phức. Nếu thường đi du lịch thì sao? Thời giờ ở mỗi địa phương khác nhau rất xa, tỉ như chúng ta bây giờ là ban đêm, ở bên Mỹ là ban ngày.

Dụng ý của chữ "trai" ở chỗ nào? Dụng ý là giúp đỡ tâm thanh tịnh. Không thể không có ăn uống, chúng ta phải nhờ ăn uống để duy trì mạng sống. Tuy nhiên

người xưa nói "bệnh từ miệng vào", do đây có thể biết, không thể không chú trọng việc ăn uống, phải chú trọng dinh dưỡng, phải chú trọng vệ sinh, phải chú trọng đúng lượng, tức là phân lượng phải vừa đủ. Đừng nên tham ăn. Ăn quá nhiều thì sẽ dễ sanh bệnh. Hệ thống tiêu hóa, ruột, bao tử của bạn chịu đựng không nổi thì vấn đề sẽ nghiêm trọng. Mỗi người có năng lực khác nhau, cũng tức là tình trạng sức khỏe của mỗi người khác nhau, năng lượng tiêu hao cũng khác nhau. Giống như chiếc xe, có xe ít hao xăng, có xe hao xăng, xe ít hao xăng thì vài ngày đổ xăng một lần là được, còn xe hao xăng một ngày có lẽ đổ một hai lần. Vậy thân thể chúng ta tiêu hao năng lượng rốt cuộc là bao nhiêu? Điều này không thể không biết. Tiêu hao nhiều thì phải bạn bổ sung nhiều, bạn không bổ sung thì thân thể suy yếu, làm việc gì cũng không nổi, làm việc đạo cũng không được. Bạn ngồi niệm Phật cũng không nổi, bụng đói khó chịu lắm! Làm gì còn lòng dạ đâu để niệm Phật. Sự tiêu hao năng lượng 95% là tiêu hao trên vọng tưởng, điều này quý vị phải biết, cho nên người tu hành tại sao ăn một bữa giữa trưa? Họ vọng tưởng ít, tạp niệm ít, phiền não ít, họ tiêu hao năng lượng ít. Mỗi ngày họ bổ sung một lần thì là đủ rồi. Còn chúng ta, suốt ngày cứ suy nghĩ lung tung, bổ sung ba bữa vẫn không đủ, còn phải ăn điểm tâm, ăn khuya mới duy trì được. Hiện tượng này là bình thường, họ tiêu hao nhiều như vậy thì nhất định phải bổ sung nhiều như vậy.

Xưa kia, lúc Phật còn tại thế, Phật không có ý đề xướng ăn một bữa giữa trưa, Phật không coi trọng vấn đề này. Khi Phật-đà còn tại thế, Ấn Độ đích thật là quốc gia của tôn giáo. Tôn giáo của Ấn Độ vô cùng nhiều. Trong kinh Phật ghi chép có đến chín mươi sáu thứ. Những nhóm tôn giáo này họ đều ngày ăn một bữa, Phật đi ra ngoài giáo hóa chúng sanh, người ta nhìn thấy "Thích-ca Mâu-ni Phật mỗi ngày ăn ba bữa!" thì mọi người đối với Ngài sẽ có ấn tượng không tốt, không bằng các tôn giáo kia. Vì thế mà Phật cũng áp dụng phương thức sinh hoạt của họ là "ngày ăn một bữa". Tâm Phật thanh tịnh, thân tâm của các đệ tử của Ngài thanh tịnh, một bữa ăn này đích thật là đầy đủ rồi. Vậy thì một bữa ăn, phân lượng so với một bữa ăn bình thường bằng nhau, không phải đem ba bữa ăn dồn thành một bữa để ăn. Tôi thấy không ít người trì ngọ, cái bát của họ khá lớn, lượng của một bát cơm đó, chúng ta chia ra ba bữa cũng ăn không hết, họ thì có thể ăn hết sạch. Cho nên những người trì ngọ, hầu như một trăm người trì ngọ thì có chín mươi người đều mang bệnh ruột bao tử. Điều này chúng ta phải biết, đừng nên đi học cái này.

Trong kinh điển Tịnh Độ, vãng sanh là Tín, Nguyện, Trì Danh, không có nói nhất định phải trì ngọ mới được vãng sanh, không trì ngọ thì không được vãng sanh. Cho nên, về phương diện ăn uống, quý vị nên yên tâm, tu hành phải có một thân thể khỏe mạnh, một tinh thần no đầy. Bạn ăn quá nhiều có thể bị hôn trầm, tinh thần nâng lên không nổi, khi bụng bạn trống đói cũng không được, cũng không có cách gì làm việc đạo. Thiền Tông, họ đối với vấn đề này thì không chú trọng lắm, Trong thiền đường (trước kia lão Pháp sư nói với chúng tôi), họ ngoài ba bữa ăn ra còn có ba món điểm tâm, bởi vì sao? Vì tham thiền, tịnh tọa trong thiền đường phải giữ cho được "không đói, không no". Cho nên họ áp dụng cách này, ăn ít mà nhiều lần. Bởi vì bạn ăn no rồi, ngồi nơi đó ngủ gục là hôn trầm rồi, còn không ăn thì trong tâm bồn chồn, ngồi không được. Cho nên họ nhất định phải duy trì tình trạng không đói, không no, đây là rất chính xác. Thật sự mà nói, trong niệm Phật đường cớ sao không như vậy chứ? Điều này chúng ta nhất định phải biết. Cho nên có thể giảm thiểu việc ăn uống, đích thật là một việc tốt, đơn giản. Nếu bạn tối ngày bận rộn với ba bữa cơm, mất nhiều thì giờ để lo liệu sắp xếp, thật sự mà nói, là không có ý nghĩa gì cả, quả thật là rất lãng phí!

Tôi trước kia ở Đài Trung, lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, ông ngày ăn một bữa giữa trưa, nhưng ông không chú trọng ăn quá ngọ, vì sao? Vì giản tiện, nấu ba bữa ăn phiền phức biết mấy! Vì để giản tiện nên ăn một bữa, lượng ông ăn rất ít. Thầy Lý quả thật là vô cùng hiếm có! Mãi vẫn chỉ có một mình ở trong căn nhà nhỏ, nấu cơm giặt giũ đều một mình ông, không có ai chăm sóc. Mãi cho đến chín mươi mấy tuổi mới có một cậu học trò đến chăm sóc ông. Trước chín mươi tuổi, ông không để ai chăm sóc cả, ông đều tự mình làm lấy. Chúng tôi biết ông rất rõ, cũng học theo cách sống của ông, ông ăn cơm, chỉ là một cái nồi nhỏ có quai, nồi cũng là nó, chén cũng là nó. Ông nấu chung cơm và thức ăn một nồi, bạn xem, giản tiện biết mấy, khi rửa thì chỉ rửa một cái phải không? Thật là vô cùng đơn giản! Người khác nhìn thấy thì "Ôi chao! Thật khổ quá chừng!" Riêng ông thì là vui sướng quá chừng! Niềm vui này ở bên trong, nhờ vậy mà ông có được nhiều thì giờ, có nhiều thì giờ thì ông đi làm công việc hoằng pháp lợi sanh. Tín đồ mời ông đi ăn cơm tối ông cũng không từ chối, cũng xã giao một chút. Đây là pháp Đại Thừa Bồ-tát, ông không có gượng ép việc này. Không phải ông muốn ăn tối, cố ý bảo người ta mời ông, không phải như vậy, như vậy là sai, đó gọi là "phạm giới phá trai".

Cho nên ý nghĩa của chữ "trai" là giúp cho thân tâm thanh tịnh, "*trai*" tức là tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh, giới luật thanh tịnh. Giới luật gọi là hành vi, sự

tạo tác của thân và ý, tu thiện đoạn ác là giới thanh tịnh, còn "*trai*" là thân tâm thanh tịnh. Chúng ta ở thế gian này muốn thật sự làm được tâm thân hành vi đều được thanh tịnh thật là khó khăn. Vì chúng ta bên trong có phiền não, tập khí, bên trong bất tịnh. Còn bên ngoài có danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần dụ hoặc, có mấy ai có thể chịu đựng nổi sự dụ hoặc này? Tu tâm [rất] khó! Cho nên thân tâm hành trì phải thanh tịnh, rất không dễ!

Nếu bạn có thể làm được một ngày một đêm (hai mươi bốn giờ) thanh tịnh thì Phật nói bạn vượt hơn thế giới Cực Lạc "*vi thiện bá tuế*" (làm thiện trăm năm) rồi đấy. Kỳ thật Phật đã nhìn thấu rồi, bạn trong hai mươi bốn giờ nhất định là làm không nổi. Cho nên Phật mới nói như vậy. Chúng ta đừng nói đến một ngày một đêm mà chỉ mười phút cũng làm không nổi, đây là lời nói thật, ở chỗ này chúng ta hiểu rõ thâm ý của Phật có ý nghĩa thật sâu, đó tức là khuyên chúng ta nhất định phải cầu sanh thế giới Cực Lạc, đến được thế giới Cực Lạc thì việc trai giới thanh tịnh, có thể nói "mọi người đều là đủ điểm", đủ điểm một trăm phần trăm.

Sau đây Phật nói ra nguyên nhân:

"***Sở dĩ giả hà?***".

Tại sao vậy?

Bởi "***Bỉ Phật quốc độ, giai tích đức chúng thiện, vô hào phát chi ác***".

(Cõi nước của Đức Phật đó đều là do các đức, các thiện tích tụ, không có một chút ác).

Đây là nói rõ hoàn cảnh tốt của thế giới Tây Phương Cực Lạc, mỗi người vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là thành tựu tịnh nghiệp cho chính mình. Chúng ta niệm Phật vãng sanh là đang tu tịnh nghiệp, không phải là thiện nghiệp, không phải là ác nghiệp mà là tịnh nghiệp. Đây là tu thân tâm thanh tịnh, hành vi cũng thanh tịnh. Trong hành vi "đoạn ác tu thiện" mà không chấp trước cái tướng của "đoạn ác tu thiện" thì cái hành này là thanh tịnh rồi. Nếu chúng ta làm xong việc tốt mà vẫn còn thường nhớ nghĩ đến: "Ồ! Ta đã làm bao nhiêu việc tốt", nhớ mãi mọi thứ trong lòng, đều không thể xả bỏ thì đây là việc thiện, không phải là tịnh nghiệp, tâm không thanh tịnh, còn có nhớ nghĩ. Cho nên đoạn ác tu thiện đều không để nó ở trong lòng, chúng ta phải hết lòng nỗ lực đi làm, tùy thời, tùy chỗ đi làm mà đừng để ở trong tâm thì cái tâm này sẽ thanh tịnh. Trong tâm

chỉ có A-di-đà Phật, chỉ có thế giới Tây Phương y chánh trang nghiêm, đây gọi là tịnh nghiệp, đây là nói chỗ lợi ích ở bên đó.

"***Ư thử tu thiện***".

(Tu thiện ở Ta-bà).

Chữ "*thử*" là thế giới này của chúng ta, mười ngày mười đêm, điều này thì càng khó.

"***Thập nhật thập dạ, thắng ư tha phương chư Phật quốc trung, vi thiện thiên tuế***".

(Mười ngày đêm hơn làm lành ngàn năm ở các cõi Phật khác).

Đây là tỉ dụ thứ hai, tỉ dụ thứ nhất là dùng thế giới Tây Phương Cực Lạc, còn đây là dùng các cõi Phật khác.

"***Sở dĩ giả hà?***".

Tại sao vậy?

"***Tha phương Phật quốc, phước đức tự nhiên, vô tạo ác chi địa***".

(Cõi nước Phật ở phương khác thì phước đức tự nhiên có, không có chỗ để làm ác).

Đây là nói rõ cõi nước Phật ở phương khác, tại một thời kiếp nhân duyên, trong cùng một thời gian với chúng ta, hoàn cảnh hiện nay của họ tốt hơn chúng ta. Chúng ta hiện nay là ngũ trược ác thế, tạo ác nghiệp dễ dàng, hầu như không thể không tạo ác nghiệp. Còn thế giới phương khác, người thiện nhiều, không có những ác hạnh này, cho nên cơ hội tạo ác không có, cũng tức là duyên tạo ác không có. Vậy thì hoàn cảnh so với chúng ta bên này tốt hơn rồi. Đây là chuyên nói về: "*trai giới thanh tịnh, tích đức chúng thiện*" (trai giới thanh tịnh, các đức, các thiện tích tụ).

"***Duy thử thế gian, thiện thiểu ác đa, ẩm khổ thực độc, vị thường ninh tức***".

(Chỉ có thế giới Ta-bà này thiện ít ác nhiều, uống đắng ăn độc, chưa từng ngừng nghỉ).

Câu nói này, trước kia những vị Đại Đức nghe Phật nói như vậy, chúng ta không biết họ lĩnh hội ra sao? Còn chúng ta ngày nay đọc đoạn Phật kinh này, đích thật có sự lĩnh hội rất sâu! Chúng ta ngày nay **uống đó là đắng, ăn đó là độc**, điều này một tí cũng không sai. Hiện nay trong các loại thịt đều có độc, mà

ngay trong thức ăn chay cũng có độc. Bạn xem, trong các loại rau có thuốc hóa học. Xưa kia chưa có phát minh thuốc hóa học, mùi vị của rau lúc đó khác với rau bây giờ. Các loại rau bây giờ có vẻ đẹp hơn trước kia, bạn xem, rau của Đài Loan chúng ta đem so với rau của Đại Lục thì rau của Đài Loan đẹp hơn nhưng mùi vị thì rau của Đại Lục tươi ngon hơn. Rau của Đài Loan có độc, có thuốc hóa học. Gạo cũng như vậy, gạo của Đài Loan xem ra đẹp hơn, bên trong nghe nói có loại bột hóa thạch (bột talcum) đều là đồ hóa học bỏ vào trong đó. Cho nên hiện nay con người mỗi ngày ba bữa cơm là ăn chất độc đấy. Còn nước chúng ta uống quả thật cũng có độc… Quả là "*ẩm khổ thực độc, vị thường ninh tức*". Còn vấn đề ăn thịt thì càng không cần nói nữa, trong sự tưởng tượng của chúng ta thì chúng nhất định là có vấn đề.

Trước kia có một lần tôi đi thăm vợ của thầy Phương, tôi thỉnh giáo bà một vấn đề, tôi nói tôi học Phật rất lâu rồi, đã bỏ ăn thịt rất lâu rồi, tôi nói: "Thưa sư mẫu, bà thử nghĩ xem, bà hai ba mươi năm trước ăn thịt, mùi vị của thịt lúc đó cùng với mùi vị thịt bây giờ, bà thấy có giống nhau không?" Bà suy nghĩ rất lâu, nói với tôi: "Không giống nhau". "Tại sao không giống nhau?" "Nói về heo, trước kia loại heo để ăn thịt là được nuôi ở ngoài, trước khi bị giết, nó rất tự do chạy rong khắp nơi, thân tâm nó vui vẻ, cái cảm giác đó khác hẳn! Hiện nay heo được nuôi trong chuồng, sau khi sanh ra là kể như bắt nó ngồi tù, suốt đời trong lao ngục, đến lúc đem giết nó, tâm tình của nó buồn khổ biết bao, thịt nó còn ngon hay sao?" Bạn xem, gà được nuôi trong trại gà, gà cũng ngồi tù, từng con từng con ép chặt lấy nhau, cử động không được, tâm tình của chúng nó là thế nào? Gà được nuôi ở nông thôn thì khác hẳn, không giống nhau. Tôi từ chỗ này mà tưởng tượng, mùi vị của thịt đó tuyệt đối khác nhau. Đây cũng tức là nói rõ những thứ hiện nay không thể ăn, những thứ thịt hiện nay không thể ăn. Đồ biển so ra tốt hơn một chút. Tuy nhiên, hiện nay biển cũng bị ô nhiễm, cũng không được. Biển đã bị ô nhiễm, nước bị ô nhiễm, nói một cách khác những sinh vật thuộc loài thủy tộc có lẽ mùi vị cũng đã thay đổi. Đây là một thế giới khổ, chúng ta ngày ngày đang chịu khổ, điều này phải giác ngộ.

Thế gian này thiện ít ác nhiều, đây là nói người tạo ác nghiệp nhiều, người tu thiện thì ít, xã hội này làm sao mà không có vấn đề chứ? Chúng ta muốn cứu vãn cái xã hội này, nguyện tâm này đáng ca ngợi, đáng được kính trọng bội phục. Nhưng năng lực làm không nổi, không những chúng ta làm không nổi, mà chư Phật Bồ-tát, thần tiên có đến cũng làm không nổi, bạn sẽ hỏi tại sao? Vì cộng nghiệp sở cảm. Trong kinh Phật thường nói: "*Tâm, Phật, chúng sanh tam vô sai*

biệt" (tâm, Phật và chúng sanh, ba thứ này không khác biệt), sức mạnh là tương đương. Nghiệp lực của chúng sanh rất lớn, trong Kinh Địa Tạng có nói: "*Nghiệp lực chi đại, năng địch Tu-di*" (sức nghiệp rất lớn, có thể sánh với núi Tu-di), nghiệp lực này không thể nghĩ bàn. Vậy chỉ có một phương pháp, tức là trong cộng nghiệp còn có biệt nghiệp, chúng ta tự mình hiểu rõ, tự mình nhận thức rõ ràng, ở trong cộng nghiệp, chúng ta có thể tự bảo toàn. Tuy nhiên, nhất định phải phân biệt rõ ràng thiện ác, phải biết đoạn ác tu thiện, chúng ta mới có thể tránh miễn được cộng nghiệp, nhất định phải cầu sanh Tịnh Độ mới có thể vĩnh viễn giữ lấy sự hạnh phúc khoái lạc của chúng ta. Đây là Phật vì chúng ta mà nói ra cái nguyên nhân này.

"***Ngô ai nhữ đẳng, khổ tâm hối dụ, thọ dữ kinh pháp, tất trì tư chi, tất phụng hành chi***".

(Ta vì thương các ông nên đã hết lòng chỉ dạy, trao cho kinh pháp, vậy phải thọ trì, quán chiếu, phụng hành).

Phật dạy chúng ta phải thọ trì kinh pháp. Nỗi khổ tâm của Phật đã hoàn toàn lưu lộ ra. "*Thọ dữ*" là ban cho chúng ta, kinh điển đã nói rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, khiến cho chúng ta giác ngộ. "*Pháp*" là phương pháp tu học, nói với chúng ta phương pháp tu học, chúng ta làm theo phương pháp này thì cũng có thể như Phật không khác, "phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui", thành tựu viên mãn. Ngày nay chúng ta có được kinh pháp rồi, kinh này là đệ nhất kinh trong tất cả kinh. Cổ Đại Đức đã làm một cuộc so sánh tường tận, để chúng ta nhận thức trong tất cả kinh giáo mà Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào là đệ nhất. Những vị cao Tăng Đại Đức thời Tùy, Đường của Trung Quốc, Đại Hàn, Nhận Bản đã làm một cuộc so sánh. Kết quả mọi người đều công nhận Kinh Hoa Nghiêm là đệ nhất. Hoa Nghiêm là pháp luân căn bản, Kinh Hoa Nghiêm cũng đích thật là Phật học khái luận của một đời dạy học của Thích-ca Mâu-ni Phật. Pháp luân viên mãn, toàn bộ Phật pháp đều được bao gồm ở trong đó. Bất luận là Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Giáo, Mật Giáo, toàn bộ đều nằm trong Hoa Nghiêm. Phần sau cùng của Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ-tát Thập Đại Nguyện Vương dẫn đường về Cực Lạc thì Hoa Nghiêm mới đạt đến cứu cánh viên mãn, viên mãn cách nào vậy? Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là viên mãn. Điều này phải hiểu rõ.

Kinh Hoa Nghiêm so sánh với Kinh Vô Lượng Thọ thì Kinh Vô Lượng Thọ là đệ nhất, tại vì sao? Bởi vì chỗ quy về của Kinh Hoa Nghiêm, tổng kết của Kinh Hoa Nghiêm là Kinh Vô Lượng Thọ. Hoa Nghiêm là quy về Vô Lượng Thọ, Kinh

Vô Lượng Thọ là đệ nhất. Trong bản Kinh Vô Lượng Thọ này của chúng ta có bốn mươi tám phẩm, phẩm nào là đệ nhất? Chúng ta tiếp tục truy tầm, **phẩm thứ sáu là đệ nhất**. Phẩm thứ sáu là bốn mươi tám nguyện, là căn bản của Tịnh Tông. Thế Tôn giảng bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, có một câu một chữ nào rời khỏi bốn mươi tám nguyện đâu? Đều là sự thuyết minh tường tận của bốn mươi tám nguyện mà thôi. Cho nên chúng tôi chọn bốn mươi tám nguyện làm phần kinh văn tụng niệm trong khóa sáng, đạo lý là ở chỗ này. Đây là vì các vị đồng học Tịnh Tông chúng ta mà biên soạn ra bản khóa tụng này.

Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện nào là là đệ nhất? Cổ đức hầu như công nhận nguyện thứ mười tám là đệ nhất, nguyện mười tám là gì? Là **Thập Niệm Tất Sanh**, đây tức là công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn. Nguyện thứ mười tám tức là sáu chữ hồng danh Nam-mô A-di-đà Phật. Cho nên toàn bộ Phật pháp quy nạp đến sau cùng tức là một câu Phật hiệu. Một câu Phật hiệu này triển khai là bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện triển khai là Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ mở lớn ra tức là Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm mở lớn ra tức là tất cả pháp mà Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, là tột đỉnh đấy! Chúng ta phải nhận thức rõ ràng. Tôi trước kia đặc biệt ưa thích Hoa Nghiêm. Vừa xuất gia là ưa thích Kinh Hoa Nghiêm, trước kia giảng Hoa Nghiêm hết mười bảy năm, hiện nay không giảng nữa, chỉ giảng Vô Lượng Thọ. Đây là tôi "tinh tiến", tôi tiến bộ không phải thoái bộ. Cho nên chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng.

Chúng tôi chọn từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy để làm kinh văn của thời khóa tối, vì sao? Là để trì giới niệm Phật, tự mình sửa lỗi. Sáu phẩm kinh này nói rõ cho chúng ta đâu là ác, đâu là thiện, chúng ta mỗi ngày đọc tụng, trong tâm rõ ràng rồi. **Ác nhất định phải đoạn, nhất định không được làm, thiện nhất định phải tu, biết làm thế nào để đoạn ác tu thiện**. Cho nên đặc biệt chọn hai đoạn kinh văn này làm khóa tụng sáng tối của chúng ta. Nhiều đồng tu dùng quyển khóa tụng này đã có được lợi ích, đến cho chúng tôi hay. Chúng ta học xong quả thật dùng được, lối tu hành này mới có lợi ích chân thật. Cho nên phải "*tất trì tư chi*", "*trì*" là thọ trì, chúng ta phải tiếp nhận, tiếp nhận rồi thì phải giữ gìn, không thể bỏ mất, phải thường thường suy nghĩ đạo lý mà Phật đã nói, tư duy phương pháp Phật dạy cho chúng ta.

"*Tất phụng hành chi*", sau khi tư duy hiểu rõ rồi thì phải đi làm, phải làm cho bằng được, đây gọi là học Phật. Học cho đến khi tâm của chúng ta giống như tâm của A-di-đà Phật, nguyện của chúng ta giống như nguyện của A-di-đà Phật.

Chúng ta khóa sáng niệm bốn mươi tám nguyện, không có mục đích gì khác, tâm nguyện của chúng ta giống như tâm nguyện của Phật. Khóa tối niệm từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy, mục đích của chúng ta là hy vọng giải hành của chúng ta cũng giống như giải hành của A-di-đà Phật. Tâm, Nguyện, Giải, Hành đều đồng với Phật thì bạn làm sao không thể vãng sanh chứ? Nhất định vãng sanh! Bạn sẽ không đến nơi nào khác, tự nhiên cảm ứng đạo giao "*tất định đắc sanh*" (nhất định được sanh), cách này là phương pháp tu hành nhất định được sanh về Tịnh Độ. Cho nên nhất định phải phụng hành, phải hết lòng làm.

"***Tôn ti, nam nữ, quyến thuộc, bằng hữu, chuyển tương giáo ngữ***".
(Tôn ti nam nữ quyến thuộc bằng hữu dạy bảo lẫn nhau).

Đây là Phật dạy chúng ta, không những tự chúng ta phải hết lòng làm, như vậy bạn học lòng từ bi của Phật, Phật **phải độ tất cả**. Việc phải độ tất cả này là trước phải độ người nhà đã, "*tôn*" là người lớn tuổi hơn mình, "*ti*" là người nhỏ tuổi hơn mình, "*nam nữ, quyến thuộc*", đây là nói về quyến thuộc, bằng hữu. Nói một cách khác, phàm những người quen biết, bạn đều có nghĩa vụ khuyên họ học Phật, bạn đều phải nên giúp đỡ họ học Phật. "*Chuyển tương giáo hóa, chuyển tương giáo ngữ*", bạn phải dạy họ, phải đem đạo lý Phật pháp, chỗ lợi ích của Phật pháp, lợi ích chân chánh nói rõ cho họ. Cách truyền thọ Phật pháp, phải biết "quán cơ". Bạn xem Phật Bồ-tát tiếp dẫn chúng sanh cũng có vài nguyên tắc, những nguyên tắc này gọi là "Tứ tất-đàn". Tứ tất-đàn, cái thứ nhất là thế giới tất-đàn, "tất-đàn" là tiếng Ấn Độ (Phạn ngữ), dịch thành tiếng Trung Quốc là "biến thí" tức là **phổ biến bố thí**. Bốn loại bố thí phổ biến.

Nội dung của loại thứ nhất là gì? Là khiến cho tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỉ, chớ nên đề ra chủ trương trái ngược với người. Khi chúng ta muốn khuyên họ học Phật thì nên xem họ thích những gì, thuận theo sự ưa thích của họ thì họ sẽ thích nghe. Tỉ như họ ưa thích đánh bài thì bạn nói với họ là nếu bạn muốn đánh bài giỏi, đánh bài hay nhất thì tôi chỉ cho bạn một phương pháp, phương pháp gì vậy? Là Phật pháp đấy. Thì họ tiếp nhận rất dễ dàng. "Trong Phật pháp có cái này sao?" "Có!" Phật pháp cái gì cũng có. Họ ưa thích những gì thì bạn nói với họ những cái đó, vì sao? Họ sẽ hoan hỉ, họ cảm thấy điều này đối với họ có lợi ích thì họ rất dễ dàng tiếp nhận, đây đều là chân thật, không phải giả. Trong Phật pháp khai trí huệ, đã có trí huệ thì là cao minh rồi, bất cứ làm việc gì đều là đệ nhất cả, không có đệ nhị. Cho nên bạn thích ca hát, thích khiêu vũ, học Phật là đệ nhất. Nếu bạn không biết thì cho đó là tạo tội, điều đó không được. Người ta sẽ quay đầu đi mất, bạn làm sao khuyên người được? Cách đó không

thể được, nhất định phải biết, trong lợi hành nhất định phải hiểu biết tâm lý của họ, tuân thủ nguyên tắc tiếp dẫn chúng sanh của Phật. Dần dần khiến họ hiểu rõ đạo lý "Phật pháp tại thế gian, không lìa thế gian mà giác ngộ, Phật pháp tại thế gian không phá hoại pháp thế gian". Nhất định phải dẫn pháp thế gian vào đường chánh, nói một cách khác, trong tất cả trường hợp hoan lạc bạn có thể bồi dưỡng được tâm thanh tịnh, bồi dưỡng được trí huệ chân thật, vậy không phải là đệ nhất thì là thứ gì? Phật pháp Tiểu Thừa là bảo thủ, cho nên giới luật rất nghiêm, thích hợp cho thời đại xưa kia. Thời đại nông nghiệp xưa kia là thời đại bảo thủ, mọi người ưa thích hình thức đó. Hiện nay là thời đại mở cửa, loại bảo thủ đó thì rất khó khiến người ta chấp nhận.

Phật pháp Đại Thừa là cởi mở. Chúng ta thấy Thích-ca Mâu-ni Phật giảng kinh, trong Bích Họa ở Đôn Hoàng, chúng ta thấy Phật lúc thăng tòa giảng kinh có rất nhiều người nghe, trên không trung có rất nhiều thiên nữ xướng ca tấu nhạc, vừa ca vừa múa, hiện trường đó đẹp đẽ biết bao, đây là pháp Đại Thừa. Còn Tiểu Thừa vừa nhìn thấy thì quay đầu bỏ đi, cho nên Thích-ca Mâu-ni Phật giảng kinh Pháp Hoa có đến năm ngàn người rút lui bỏ đi, họ nhìn không quen thì họ rời khỏi. Đại, Tiểu Thừa có khác, bạn nên biết làm lợi ích cho chúng sanh, phải biết gián tiếp giáo hóa.

"***Tự tương ước kiểm, hòa thuận nghĩa lý, hoan lạc từ hiếu***".
(Tự kiềm chế, kiểm điểm lẫn nhau, hòa thuận đạo nghĩa, hoan hỷ từ hiếu).

Đây là nói chúng ta tự mình tu hành phải biết "*ước kiểm*", "*ước*" là ước thúc, không thể buông lung phóng dật. Phải biết "*thu liễm*" (bớt phóng túng), phải biết "*ước thúc*" (giới hạn), phải biết "*kiểm điểm*" thì thân tâm mới được thanh tịnh. "*Hòa thuận nghĩa lý*", sống chung cùng chúng sanh thì phải hòa mục, phải tùy thuận. Phổ Hiền Bồ-tát dạy chúng ta: "*Hằng thuận chúng sanh, tùy hỉ công đức*" là nghĩa hòa thuận. Phải hiểu rõ chữ "*nghĩa*" tức là nên làm, "*lý*" là hợp lý. Nói cách khác là hợp tình hợp lý. "*Hoan lạc từ hiếu*", nghĩa của chữ "*hiếu*" này thì bao hàm rất rộng rất sâu. Bao hàm đó là chân thật viên mãn. Chúng ta nói hạnh phúc mỹ mãn, chữ "*hiếu*" này là bao hàm viên mãn, thật sự là cứu cánh viên mãn, đều ở trong chữ này. "*Hoan lạc từ*" đều là khởi dụng của chữ hiếu kia, đều là "*hiếu*" biểu hiện tại trong hành vi sinh hoạt.

"***Sở tác như phạm, tắc tự hối quá***".
(Nếu có sai phạm phải tự hối lỗi).

Nếu ngôn ngữ tạo tác của chúng ta đã vi phạm giáo giới của Phật thì phải nên đi sám hối. Chư vị nên nhớ, sám hối là một khoa mục tối quan trọng trong việc tu hành. Sám hối không phải là cầu Phật Bồ-tát tha lỗi cho chúng ta. Rất nhiều người sám hối là mang tâm trạng này thì sai mất rồi. Ý nghĩa chân chánh của sám hối là sửa lỗi làm mới, về sau không làm nữa, tức là Khổng lão Phu Tử nói "*không phạm lỗi hai lần*", tôi biết lỗi lầm rồi, lần sau tôi không phạm lỗi lầm như thế nữa.

Đây gọi là chân chánh sám hối. Trong việc sám hối, điều thường thấy nhất là "trách tâm sám hối", lương tâm chúng ta trách móc, chúng ta không làm việc ác này nữa.

"***Khứ ác tựu thiện***".
(Bỏ ác làm lành).

Tức là "đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện".

"***Triêu văn tịch cải***".
(Sáng nghe tối sửa).

Buổi sáng nghe được một số đạo lý, sau khi nghe rồi thì phải nghĩ sửa lỗi làm mới, đây gọi là chân chánh tu hành.

"***Phụng trì kinh giới, như bần đắc bảo, cải vãng tu lai, sái tâm dịch hạnh, tự nhiên cảm giáng, sở nguyện triếp đắc***".
(Phụng trì kinh giới, như nghèo được của báu, sửa xưa tu nay, rửa tâm đổi hạnh, tự nhiên cảm ứng, được như sở nguyện).

Khi tôi mới học Phật, lúc bấy giờ tôi học Phật chưa đầy nửa năm. Thầy của tôi là Đại sư Chương Gia có một hôm nói với tôi, tôi lúc đó hướng về ông thỉnh giáo một vấn đề, bởi vì cảm thấy Phật pháp đích thật là hay, tuy nhiên lúc đó tôi có việc làm không thể chuyên tâm để tu học. Chuyên tâm tu học, lý tưởng nhất là xuất gia, tất cả đều buông bỏ hết để chuyên tâm tu học. Tôi hướng về Đại sư Chương Gia thỉnh giáo, có thể thành tựu nguyện vọng này chăng? Đại sư Chương Gia nói với tôi: "*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*" (trong cửa Phật, có cầu ắt có ứng), sau đó ông giải thích cho tôi nghe. Ông nói: "Có rất nhiều người cầu mà không có ứng. Không phải không ứng, vì họ cầu không được như pháp. Như lý như pháp mà cầu thì nhất định có cảm ứng, không như lý như pháp thì không thể có cảm ứng". Đoạn kinh văn này tức là ý nghĩa này, tức là "hữu cầu tất ứng".

"*Phụng trì kinh giới, như bần đắc bảo*". Đây là nói thái độ của chúng ta đối với kinh Phật, phải xem kinh Phật như là trân bảo chân thật. Chư vị phải biết, bất cứ trân bảo gì ở thế gian đều là giả, có ích lợi gì đâu! Không thể giải quyết vấn đề sanh tử. Bạn có nhiều trân bảo nhưng vua Diêm-la không nhận hối lộ, bạn cũng không thể sống thêm được một ngày, không thể mua được mạng sống, không thể tránh được ác đạo. Do đây có thể biết trân bảo đó là vô dụng, tôi thấy người ta đeo những thứ đó tôi đều gọi đó là viên gạch miếng ngói, đồng bể, sắt vụn đấy thôi, không thể giải quyết vấn đề. Bạn nói nó giúp cho bạn sống được giàu có một tí, nói một cách khác là tạo tội đấy.

Thầy Lý ngày ăn một bữa vui sướng không gì bằng, tôi đích thật học theo thầy, tôi học phương thức sinh hoạt của ông, tôi học hết năm năm, tôi cũng mỗi ngày ăn một bữa. Tôi ăn đến tháng thứ tám, tôi mới cho ông hay. Ông hỏi: "Con đã ăn được tám tháng rồi à?" Tôi nói: "Dạ phải!". Ông nói: "Con cảm thấy thế nào?". Tôi nói: "Thân thể khỏe lắm!". Ông đập bàn một cái nói: "Cứ vĩnh viễn như thế mà làm". Một đời không cầu cạnh ai cả, người đã đến lúc không cầu thì phẩm hạnh tự nhiên cao, tri túc tức là giàu có. Bạn tuy giàu có nhưng bạn vẫn không tri túc. Quý vị nghe đây, như tôi đây là vô sự, tất cả của cải giàu sang đối với tôi đều không khởi tác dụng, tri túc mới gọi là chân lạc, thường lạc đấy. Cuộc sống đơn giản, chi tiêu rất ít, ngày tháng rất dễ sống. Cách này vui sướng biết mấy! Cái vui chân chánh, người có trí huệ biết được, người thế gian thông thường không biết, người thường chỉ biết có tiền, có tài sản cho nhiều, họ mới thấy vui, những thứ đó nặng nề vô dụng biết mấy! Tỉ như bạn có nhà cửa, nhà dột thì phải tìm người đến sửa, việc này phiền phức biết mấy, còn phải nạp thuế, tiền đơn, cùng những việc tùm lum… Những việc này đều là việc phiền phức, như tôi đây thì việc gì cũng không có, bạn xem tự tại biết bao! Việc gì cũng không có, thế gian này bất cứ một việc gì đều không có quan hệ với tôi, không có liên can gì cả, đây mới gọi là chân chánh tự tại!

Cái gì là "*bảo*"? Kinh điển là "*bảo*", đặc biệt là Kinh Vô Lượng Thọ này, đây là của báu đệ nhất trong các thứ của báu. Chúng ta được nó thì có thể dứt sanh tử, có thể ra khỏi lục đạo luân hồi, có thể trong một đời vãng sanh bất thoái thành Phật, có vật gì có thể so sánh với nó? Tiếc thay người thế gian không nhận thức được, cầm trên tay mà vẫn coi rẻ, không biết được giá trị của nó. Phật ở chỗ này nhắc nhở chúng ta là giống như kẻ bần cùng được của quý, vui mừng như thế đó, quý trọng mến tiếc như thế đó, thì chúng ta lĩnh hội được điểm này. Sau khi có được rồi thì nhờ vào vật quý này để sửa đổi dĩ vãng, tu sửa tương lai. Trước

kia cách nghĩ, cách làm cùng với những gì nói trong kinh đều tương phản thì mới biết rõ trước kia đã sai rồi, y theo tiêu chuẩn của kinh điển mà sửa đổi trở lại, "*đổi dĩ vãng sửa vị lai*". Không cần hối hận việc quá khứ, quá khứ thì đã qua rồi, chỉ cần đem tật xấu tập khí sửa đổi trở lại là được rồi.

"*Sái tâm dịch hạnh*", chữ "*sái*" này cùng với chữ tẩy rửa là một nghĩa, **đem vọng tưởng chấp trước, phiền não, tập khí trong tâm tẩy rửa cho thật sạch sẽ, dùng vật gì để tẩy rửa? Dùng phương pháp đọc kinh niệm Phật, đem những thứ dơ bẩn trong tâm tẩy rửa cho sạch sẽ.** "*Hạnh*" là hành vi, hành vi quá khứ có sai lầm, bây giờ cả thảy đều đổi trở lại. Chữ "*dịch*" này là sửa đổi trở lại, trước kia là ác hạnh, bây giờ đổi lại thành thiện hạnh, trước kia ta là nhiễm ô, bây giờ đổi thành thanh tịnh hạnh. Vậy là được rồi, làm được như vậy thì "hữu cầu tất ứng".

"*Cảm giáng*", "*cảm*" là cảm ứng, cảm ứng xuất hiện, tự nhiên cảm ứng, Vì sao? Vì chúng ta thiện tâm, thiện nguyện, thiện hạnh, tất cả chư Phật Bồ-tát đều thiện, thiện cảm ứng với thiện. Cảm được chư Phật hộ niệm, thiện thần ủng hộ. Nếu tâm của chúng ta ác niệm nhiều, tâm ác, hạnh ác, nó cũng có cảm ứng, cảm ứng với cái gì? Trong vũ trụ này có rất nhiều ác quỷ ác thần, chí đồng đạo hợp với chúng, chúng cảm ứng đến rồi, chúng cũng đến gia trì bạn, gia trì cho bạn cái gì? Khiến bạn làm ác càng nặng hơn, càng lớn hơn, tương lai đọa vào địa ngục càng khổ hơn, chúng đến giúp bạn làm việc này. Cho nên loại cảm ứng này là tự nhiên, thiện cảm ứng với thiện, ác cảm ứng với ác. "*Sở nguyện triếp đắc*", "*hữu cầu tất ứng*", chúng ta cầu vãng sanh Tây Phương thì sao lại có thể không được chứ! Nhất định có thể được. Chúng ta nhất định phải nhớ kỹ đoạn kinh văn này, là lời giáo huấn vô cùng quý báu.

"***Phật sở hành xứ, quốc ấp khâu tụ, mị bất mông hóa***".

(Nơi có Phật pháp lưu hành thì quốc ấp thôn trang đều được hóa độ).

Đây là nói về thành quả cụ thể của sự giáo hóa của Phật. "*Phật sở hành xứ*", ý nói nơi chốn mà Phật pháp, nền giáo dục của Phật được thực hành hoằng dương rộng rãi, không phải là nơi Phật đi qua, cũng không phải là nói ở nơi đó thờ một tượng Phật, cái đó không có ích gì cả. Ý nói sự giáo dục của Phật được hoằng dương ở tại nơi đó. Chữ "*quốc*" là quốc gia, "*ấp*" là thành thị. Thế Tôn năm xưa khi còn tại thế còn là thời kỳ thượng cổ, trên trái đất này vẫn chưa có quốc gia thống nhất lớn xuất hiện. Trung Quốc lúc thống nhất là ở vào thời đại Tần Thủy Hoàng. Thời gian trước đó đều là chư hầu, đều là những nước nhỏ, giống như bộ

lạc. Vậy chữ "*quốc ấp*" tức là một đô thành của một quốc gia. Thật sự mà nói, lúc bấy giờ một quốc gia chỉ có một thành thị, nhiều lắm là hai ba thành thị thì là một nước rất lớn rồi. "*Khâu tụ*" tức là hương thôn (xóm làng), đây là nói đô thị và hương thôn. Không có nơi nào không nhờ Phật-đà giáo hóa, hễ nền giáo dục của Phật được xây dựng tại một địa phương thì nơi đó thì nhất định được sự giáo hóa của Phật.

"***Thiên hạ hòa thuận***".

Đây là nói nhân hòa. Phật dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, Phật dạy chúng ta phải từ bi, phải hòa mục, đặc biệt là dạy chúng ta tam phước, lục hòa, mọi người đều tuân thủ thì thiên hạ sao có thể không hòa thuận? Người hễ hòa thì "phong điều vũ thuận" (mưa thuận gió hòa), tại vì sao? Vì hoàn cảnh chuyển theo tâm người, tâm người lương thiện thì hoàn cảnh sẽ vô cùng đẹp đẽ, "y báo chuyển theo chánh báo". Bởi vì "y báo" là một phần do "chánh báo" biến hiện ra. Mối quan hệ mật thiết đó, chỉ có Phật nói được tường tận, rõ ràng trong kinh. Cho nên thiên hạ hòa thuận, đây là mọi người khi chung sống đều có thể tùy thuận nhau, người người đều có thể hằng thuận chúng sanh, đều có thể sống chung hòa mục. Tự nhiên có được cảm ứng đó là:

"***Nhật nguyệt thanh minh, phong vũ dĩ thời, tai lệ bất khởi***".
(Nhật nguyệt trong sáng, mưa thuận gió hòa, tai dịch không khởi).

"*Nhật nguyệt thanh minh, phong vũ dĩ thời*" là gì? Là thiên hòa, lúc nên mưa thì có mưa, lúc nên tạnh thì trên không trời xanh vạn dặm. "*Tai lệ bất khởi*", đây là thời hòa, không có gió mạnh. Thế gian chúng ta có giông tố gió bão, đều mang đến tai hại, mưa lớn cũng có thể mang đến tai hại. Trên địa cầu này còn có động đất, còn có sóng thần, những thứ tai hại này thảy đều không có, đây là do thiện tâm cảm được.

"***Quốc phong dân an***".
(Nước giàu dân yên).

"*Phong*" là phong phú. Phong phú có hai loại, một là sản vật phong phú, mọi người ở trong sinh hoạt hưởng thụ vật chất được nâng cao, ngoài ra là văn hóa đạo đức phong phú, cuộc sống tinh thần mỹ mãn, cuộc sống vật chất, cuộc sống tinh thần đều tốt đẹp cả. "*Dân an*", người người đều an cư lạc nghiệp, thân tâm an ổn, đây là sự thành tựu của Phật giáo hóa.

"***Binh qua vô dụng***".

(Binh đao vô dụng).

Ý nói quốc gia không có ngoại xâm, không cần nuôi nhiều quân đội để bảo vệ vì nước không có ngoại xâm, không có người hiếp đáp, không có chỗ dụng võ.

"***Sùng đức hưng nhân***".
(Nhân đức hưng vượng).

Nền giáo dục của Phật là sùng kính đạo đức, trong tâm mỗi người đều giữ lòng nhân ái, nghĩ về mình cũng nghĩ đến kẻ khác.

"***Vụ tu lễ nhượng***".
(Chăm tu lễ nhượng).

Mọi người biết lễ, mọi người đều có thể nhẫn nhường thì quốc gia từ trên xuống dưới không có tranh chấp. Hiện nay sự cạnh tranh quá kịch liệt, cạnh tranh sẽ mang đến sự động loạn bất an của cả xã hội. Nền giáo dục của Phật đề xướng "*lễ nhượng*", mỗi người đều giữ lễ, đều nhẫn nhường.

"***Quốc vô đạo tặc, vô hữu oan uổng, cường bất lăng nhược, các đắc kỳ sở***".
(Nước không trộm cướp, không có oan uổng, mạnh không hiếp yếu, ai nấy đều được an lành).

Câu "*các đắc kỳ sở*" này hay lắm! Bạn xem, chánh trị, kinh tế văn hóa, xã hội an toàn, phúc lợi, chỉ vỏn vẹn mấy câu kinh văn đã nói hết rồi. Đoạn kinh văn này thật sự cũng nói rõ Phật pháp là chỗ cần thiết tất yếu của đời nay vậy. Ông Âu Vương Cánh Vô trước kia tại trường Đại Học Trung Sơn đã một lần diễn giảng: "Phật pháp không phải là tôn giáo, không phải là triết học, Phật pháp là chỗ cần yếu của đời nay". Chúng ta đọc đoạn văn này mới biết được đích thật là cần yếu, nó mang đến cho chúng ta đích thật là hạnh phúc, là mỹ mãn, sự nghiệp thành tựu, xã hội an toàn, quốc gia phú cường, thế giới hòa bình. Nền giáo dục của Phật đích thật là giúp cho chúng ta làm được. Hiện nay có rất nhiều người đã hiểu lầm, cho rằng Phật giáo là tôn giáo, cho rằng Phật giáo là mê tín, vì vậy nên họ không tiếp xúc, họ không có cách gì nhận thức được cái trân bảo này, họ không được thọ dụng. Sự mê tín này thật sự là sự chướng ngại vô cùng to lớn. Chúng tôi trước kia, lúc còn trẻ, cũng xem Phật giáo là mê tín, bởi nó là mê tín cho nên không có ý nguyện tiếp xúc với nó, cho rằng Phật giáo kém rất xa, không bằng các tôn giáo khác.

Phật pháp là do tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu cho tôi. Tôi học triết học với ông, ông xem Phật pháp như là một khoa mục triết học để giảng cho tôi, xem như một đơn vị bài học, gọi là triết học kinh Phật. Tôi sau khi nghe xong mới biết Phật giáo hay như vậy, mới biết được đích thật đúng như Phật đã nói trong Kinh Hoa Nghiêm, trong Đại Trí Độ Luận: "*Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạc năng giải*" (Phật pháp không ai nói, dẫu là người có trí huệ cũng chẳng thể hiểu được). Chúng ta đã biết rồi, hiểu rõ rồi thì có trách nhiệm, có nghĩa vụ đi hoằng dương rộng rãi, trong kinh nói "*chuyển tương giáo ngữ*", chúng ta phải làm cho được. Hiện nay công cụ khoa học giúp đỡ rất nhiều, chúng ta có băng ghi âm, có băng ghi hình, đã cho in số lượng lớn kinh sách, đích thật so với mấy năm trước kia có tiến triển rất lớn. Tuy nhiên còn phải nỗ lực, nhiều người hiểu rõ chân tướng của Phật pháp, biết sự lợi ích của Phật pháp, xã hội này có thể tiếp nhận sự chỉ dạy của Phật pháp thì chúng ta sẽ có được quả báo thù thắng, đều có thể sống cuộc sống mỹ mãn.

"***Ngã ai nhữ đẳng, thậm ư phụ mẫu niệm tử***".

(Ta thương các ông còn hơn cha mẹ thương con).

Thích-ca Mâu-ni Phật tự xưng, Phật đối với chúng ta quả thật vượt hơn lòng yêu thương bảo hộ của cha mẹ đối với chúng ta.

"***Ngã ư thử thế tác Phật, dĩ thiện công ác, bạt sanh tử chi khổ, linh hoạch ngũ đức, thăng vô vi chi an***".

(Ta nay làm Phật ở đời này, lấy thiện dẹp ác, dứt khổ sanh tử, khiến được năm đức, an lạc vô vi).

Thế Tôn tại thế gian này thị hiện làm Phật, vào lúc bấy giờ có một số người duyên đã chín muồi, như trong Phẩm Phổ Môn nói: nên dùng thân Phật để được độ thì đức Thích-ca Mâu-ni Phật liền hiện thân Phật để độ những chúng sanh này. Đây là đến để thị hiện thành Phật. Những gì Phật đã dạy chúng ta là "*dĩ thiện công ác*", khiến chúng ta tu thiện để đối trị làm ác, ác đây là nghiệp nhân của tam giới lục đạo, sanh tử lưu chuyển, thiện thì có thể liễu sanh tử, xuất tam giới, "*dĩ thiện công ác, bạt sanh tử chi khổ*", lục đạo luân hồi đã quá khổ. Điều này chúng ta phải nhất định giác ngộ. Cho nên Ngài nói chữ thiện này, không phải cái thiện thông thường, không phải cái thiện của tam thiện đạo trong lục đạo, mà là siêu vượt lục đạo, phải liễu sanh tử xuất tam giới. "*Linh hoạch ngũ đức*", chữ "*ngũ đức*" này tức là phía trước nói về ngũ giới. "*Thăng vô vi chi an*", là nâng cao lên đạt được "*vô vi chi an*". "*Vô vi*" tức là bất sanh bất diệt, cũng tức là thông thường

chúng ta nói đến liễu sanh tử xuất tam giới. "Hữu vi" tức là hữu sanh hữu diệt. Vãng sanh đến thế giới Tây Phương tức là "*vô vi chi an*", không còn luân hồi nữa, sanh tử cũng không còn nữa. Đến được thế giới Tây Phương là vô lượng thọ, thật sự mà nói là vĩnh viễn vô lượng thọ, chân thật vô lượng thọ, mà không phải cái vô lượng của hữu lượng. Vô lượng của hữu lượng đó là ứng hóa của A-di-đà Phật, bạn đến nơi đó thì đã thành Phật rồi, thành Phật là cái vô lượng chân thật, không phải cái vô lượng của hữu lượng.

"***Ngô bát-nê-hoàn, kinh đạo tiệm diệt, nhân dân siểm ngụy, phục vi chúng ác, ngũ thiêu ngũ thống, cửu hậu chuyển kịch***".

(Khi Ta nhập Niết-bàn, kinh điển lần lần diệt mất, nhân dân gian trá, lại làm các điều ác, ngũ thiêu ngũ thống, càng về lâu sau càng nhiều thêm lên).

Đoạn kinh văn này, nhìn theo hiện tại thì là lời tiên đoán của Thích-ca Mâu-ni Phật. Lời tiên đoán này đều đã thành hiện thực rồi. "*Ngô bát-nê-hoàn*", sau khi đức Thích-ca Mâu-ni Phật viên tịch, người thế tục chúng ta nói sau khi Phật chết rồi. "*Kinh đạo tiệm diệt*", sự giáo hóa của Phật sau khi truyền trong một thời gian dài thì dần dần biến chất, đến cuối cùng cũng đoạn diệt. Pháp vận của Phật là một vạn hai ngàn năm. Một ngàn năm đầu gọi là **chánh pháp**, được truyền xuống rất là thuần chánh, nếu y theo phương pháp này tu hành, hầu như đều được chứng quả. Một ngàn năm thứ hai gọi là **tượng pháp**, đã dần dần biến chất, không thuần như trước kia, "tượng" tức là tương tợ, tuy không thuần nhưng rất giống. Người tu hành chứng quả ít đi. Tuy nhiên những người khai ngộ được định sanh lên cõi trời rất nhiều. Thời kỳ **mạt pháp** tổng cộng có một vạn năm, chúng ta hiện nay là ở thời kỳ mạt pháp một ngàn năm đầu, là theo cách tính của người ngoại quốc. Nếu theo cách tính của người Trung Quốc là mở đầu của một ngàn năm thứ hai. Lão Hòa Thượng Hư Vân, Ấn Quang Đại Sư, quý Ngài áp dụng cách tính truyền thống của Trung Quốc, năm nay là sau Thích-ca Mâu-ni Phật diệt độ đại khái ba ngàn lẻ hai mươi mốt năm, tức là một ngàn năm thứ hai mới vừa bắt đầu. Càng truyền thì càng tệ, có đồ giả lẫn lộn bên trong, Phật pháp không còn thuần nữa.

"*Kinh đạo tiệm diệt, nhân dân siểm ngụy*", người dân không tôn trọng Phật pháp, cũng không thiết tha như trước kia. Cho dù họ tin Phật nhưng bên trong có rất nhiều hoài nghi. "*Phục vi chúng ác*", đây là bệnh cũ, tập khí cũ lại tái phát. Câu nói này có ý rất sâu! Lại phạm nữa, bạn thử nghĩ xem đây là ý gì? Lúc Phật còn tại thế, có thể chúng ta cũng học Phật, chúng ta tiếp nhận Phật pháp, sửa hết tật xấu tập khí của chúng ta. Ở trong luân hồi xoay chuyển mấy vòng, hiện nay bệnh cũ lại tái phát, là cái ý nghĩa này. Vì sao lại gặp khó khăn như vậy? Thật sự

mà nói, lúc Phật-đà còn tại thế giảng kinh này cho chúng ta, chúng ta không tha thiết muốn vãng sanh. Nếu đã vãng sanh thì là vô sự rồi, hiện nay đều là Bồ-tát cả rồi, không còn là phàm phu nữa. Đây là một sai lầm lớn, do không cầu vãng sanh. Bạn xem, người học Phật thì nhiều, có mấy người cầu vãng sanh? Những người không cầu vãng sanh, vừa mới chuyển sang đời sau thì bệnh cũ lại phát, vi phạm không phải nhẹ, lại đi tạo ác, phía trước nói đến ngũ ác, thập ác đều phạm cả. "*Ngũ thiêu ngũ thống, cửu hậu chuyển kịch*", cái khổ này nhất định là đời sau nặng hơn đời trước, đời sau khổ hơn đời trước. Đây toàn là sự thật, Phật nhìn thấy rõ ràng minh bạch, chúng ta sao lại không cảnh giác chứ!

"***Nhữ đẳng chuyển tương giáo giới***".

(Các ông nên khuyên bảo nhau).

Phật tại chỗ này lại khuyên bảo hướng dẫn chúng ta. Chúng ta ngày nay hiểu rõ rồi, đây là điều rất may mắn, quả thật đã hiểu rõ Phật pháp rồi, minh bạch rồi thì chúng ta được độ. Tuy nhiên, nhìn thấy rất nhiều người vẫn đang mê hoặc điên đảo. Những người chưa biết đến Phật pháp thì có thể tha thứ, đã biết được Phật pháp, hiện đang hết lòng nỗ lực tu học Phật pháp, mà tu đó là điên đảo, tu đó mà trong đời này không giải quyết được vấn đề thì đời sau đó căn bệnh tập khí vẫn lại sanh ra, đó là không rốt ráo, nhất định phải giúp đỡ họ.

"***Như Phật kinh pháp, vô đắc phạm dã***".

(Như lời Phật dạy trong kinh, không được sai phạm).

Nhất định phải y giáo phụng hành, nhất định không thể vi phạm, tâm của Phật sánh với tâm của cha mẹ chúng ta còn từ bi hơn. Phật luôn luôn hy vọng chúng ta tốt, hy vọng chúng ta phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Chúng ta phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui rồi, đối với Ngài có lợi ích gì? Thật sự mà nói, không có liên quan với Ngài, Phật không cầu nơi chúng ta. Chúng ta, thật sự mà nói, đối với Phật không thể báo đáp được, Phật cái gì cũng đều không cần, vậy lấy cái gì để báo đáp? Không có cách gì báo đáp, cách duy nhất để báo đáp đó là y giáo phụng hành. "*Chuyển tương giáo giới*", chúng ta có thể dạy bảo nhau, đây tức là phù hợp nguyện vọng của Phật, đây mới có thể báo Phật ân mà thôi.

"***Di-lặc Bồ-tát hiệp chưởng bạch ngôn: "Thế nhân ác khổ, như thị như thị"***".

(Ngài Di-lặc Bồ-tát chắp tay thưa rằng: "Người đời ác khổ đúng là như vậy").

Di-lặc Bồ-tát, từ phẩm ba mươi hai đến chỗ này, sau khi nghe xong lời dạy bảo của Phật nhiều như vậy, Di-lặc Bồ-tát bèn nói, người thế gian làm ác, thọ quả báo đúng như lời Phật nói. Phật đều thấy hết cả, Phật đều nói ra hết, nói rõ ràng minh bạch. Di-lặc Bồ-tát ở chỗ này cũng có thể nói là làm chứng cho chúng ta, Di-lặc là Đẳng Giác Bồ-tát, là người hậu bổ của Thích-ca Mâu-ni Phật. Ngài đã đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, chỗ lục đạo luân hồi này Ngài cũng rõ ràng, Ngài đến để làm chứng cho chúng ta, chứng minh lời Phật nói hoàn toàn là sự thật, hoàn toàn là chân tướng.

"***Phật giai từ ai, tất độ thoát chi***".
(Phật đều từ bi thương xót độ thoát tất cả).

Đây là tán thán Phật, Phật đối với những chúng sanh thế gian là từ bi bình đẳng. Chữ "*giai*" này là bình đẳng, không có khác biệt, từ bi bình đẳng. "*Ai*" là thương xót, nguyện vọng của Phật là "*tất độ thoát chi*", là hy vọng mọi người đều thành Phật, vả lại còn hy vọng mọi người mau chóng thành Phật, không hy vọng bạn ở trong lục đạo này. Vậy mau mau thành Phật, ngoài pháp môn này ra thì không có pháp môn thứ hai nữa. Cho nên Cổ Đức gọi pháp môn Tịnh Độ là "*môn dư đại đạo*", nghĩa là ngoài vô lượng pháp môn còn có một đại đạo thành Phật. Cho nên kinh này tức là con đường thành Phật. Chúng ta phải nhận thức rõ ràng, phải phân biệt rõ ràng thì tâm của chúng ta sẽ được định, định tại một bộ kinh này, trong đời này không có hoài nghi, không có âu lo, nhất định thành tựu.

"***Thọ Phật trọng hối***".
(Con xin nghe lời ân cần dạy bảo của Phật).

Phật ở chỗ này dặn đi dặn lại, khuyên nhủ chúng ta, dạy dỗ chúng ta, đây là từ bi đến chỗ cùng cực.

"***Bất cảm vi thất***".
(Không dám sai trái).

Chúng ta cũng phải nên giống như Di-lặc Bồ-tát vậy, không dám trái ngược, không dám làm trái, bỏ qua lời dạy bảo của Phật. "*Thất*" tức là bỏ qua. Ngày ngày đọc tụng kinh điển, không hiểu ý nghĩa thì phải nghe kinh, chỉ có thật sự rõ ràng minh bạch thì mới biết được tự mình phải nên làm cách nào, làm tức là tu.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 25

LỄ PHẬT HIỆN QUANG ĐỆ TAM THẬP BÁT
PHẨM BA MƯƠI TÁM: LỄ PHẬT HIỆN ÁNH SÁNG

Trong phẩm kinh này, hai vị đạo sư của thế giới Tây Phương và thế giới Ta-bà chúng ta gia trì cho mọi người dự hội, khiến mọi người đều có thể thấy được y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây tức là **tác chứng chuyển** trong lần Tam Chuyển Pháp Luân này. Đây là đem chứng cứ ra cho chúng ta xem, khiến cho chúng ta biết thế giới Tây Phương đích thật tồn tại, không phải là hư vọng. Tuy sự việc xảy ra cách đây ba ngàn năm rồi theo sự ghi chép của kinh điển, sự truyền thừa nhất định là có căn cứ, nhất định không phải là hư vọng, chúng ta phải tin sự ghi chép của kinh điển, tin tưởng lịch sử.

"***Phật cáo A-nan: "Nhược tào dục kiến Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, cập chư Bồ-tát, A-la-hán đẳng sở cư quốc độ"***".

(Đức Phật bảo tôn giả A-nan: "Nếu các ông muốn thấy Đức Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng và cõi nước mà các Bồ-tát, A-la-hán v.v… đang ở").

Đây là Thế Tôn ban cho mọi người trong hội lúc đó một sự khải thị, chúng ta hiện nay gọi là một đề nghị. Mọi người có muốn thấy "*Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác*" không? Tại chỗ này chúng ta biết được một biệt hiệu khác của A-di-đà Phật là ***Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác***. Biệt hiệu này cũng được hiển thị ra trong đề kinh, đây tức là A-di-đà Phật. "*Cùng chư Bồ-tát, A-la-hán*", đây là học sinh của Di-đà ở thế giới Tây Phương. Trong hàng học sinh có những vị gọi như vậy đều là năng lực của bản thân họ, không nói Phật gia trì. Nếu nói Phật gia trì thì phàm là vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, tất cả đều bình đẳng. Nếu nói tự mình công phu tu chứng, nếu đã phá xong vô minh, "phá một phẩm vô minh chứng một phần pháp thân" thì đây là Bồ-tát. Nếu chỉ phá kiến tư, vẫn chưa đoạn vô minh thì bằng với A-la-hán của thế giới phương khác. Cho nên danh từ này là gọi theo [công phu tu chứng] của chính họ. Nếu là Phật lực gia trì thì thảy đều bình đẳng cả, chỗ này chúng ta cần phải liễu giải, phải rõ ràng. "*Cho đến cõi nước cư ngụ của các Ngài, tức là thế giới Tây Phương Cực Lạc*"

"***Ưng khởi Tây hướng, đương nhật một xứ, cung kính đảnh lễ, xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật***".

(Nên đứng dậy quay mặt về phương Tây, hướng mặt trời lặn, cung kính đảnh lễ xưng niệm: Nam-mô A-di-đà Phật).

Đây là phương pháp Phật dạy cho mọi người, Phật giảng kinh mọi người đều ngồi đó nghe. Nếu bạn muốn thấy y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương thì bạn phải đứng dậy, mặt hướng về phương Tây nơi mặt trời lặn, cung kính, đảnh lễ, xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật. Hai câu này đã nói rõ tam nghiệp thanh tịnh, tam nghiệp chân thành, tam nghiệp cung kính. Tam nghiệp này tức là **thân khẩu ý**, cái này thì có thể khởi tác dụng cảm ứng đạo giao. A-nan ở trong đại hội vô cùng lanh lợi, vừa nghe Phật nói như vậy thì Ngài lập tức từ chúng đứng dậy, động tác của Ngài nhanh hơn người khác.

"***A-nan tức tùng tọa khởi, diện Tây hiệp chưởng, đảnh lễ bạch ngôn: "Ngã kim nguyện kiến Cực Lạc thế giới A-di-đà Phật, cúng dường phụng sự, chủng chư thiện căn"***".

(Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, mặt hướng về phương Tây, chắp tay đảnh lễ bạch rằng: "Con nay nguyện được thấy Đức Phật A-di-đà ở thế giới Cực Lạc để cúng dường phụng sự, trồng các căn lành").

Tôn giả A-nan ở phía trước đã từng nghe Thế Tôn giảng về thế giới Tây Phương Cực Lạc, đã giới thiệu tường tận cho mọi người, cho nên Ngài vô cùng hoan hỉ muốn gặp Phật-đà, muốn thấy tình hình thù thắng của Tây Phương, lại còn phát nguyện cúng dường phụng sự, trồng các căn lành.

"***Đảnh lễ chi gian, hốt kiến A-di-đà Phật, dung nhan quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm, như huỳnh kim sơn, cao xuất nhất thiết, chư thế giới thượng***".

(Trong khi đảnh lễ, Tôn giả bỗng thấy Đức Phật A-di-đà có thân tướng cao lớn, sắc tướng đoan nghiêm như núi vàng ròng, cao vượt hơn tất cả thế giới).

Từ chỗ này chúng ta thấy được cảm ứng rất nhanh, cảm ứng không thể nghĩ bàn. Bạn xem, A-nan vừa mới lạy xuống, còn chưa đứng dậy thì A-di-đà Phật nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc đã hiện ra trước mặt Ngài, Ngài thấy được A-di-đà Phật. "*Dung nhan*" là dung mạo, nhan sắc đã rộng lại lớn. Trong bài kệ tán Phật, "*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-di, cám mục trừng thanh tứ đại hải*", tán thán báo thân của Phật. Thân tướng của Phật hiện ra thì giống "*như huỳnh kim sơn*" ở giữa hư không. Thân Phật hiện ra sắc vàng, "*cao xuất nhất thiết chư thế giới thượng*". Đương nhiên tất cả chư Phật trong mười phương thế giới lúc bấy giờ cũng hiện ra, không những thấy được thế giới Tây Phương Cực Lạc mà cũng thấy được cả mười phương thế giới của chư Phật. Chúng ta xem phần dưới thì sẽ rõ.

"***Hựu văn thập phương thế giới, chư Phật Như Lai, xưng dương tán thán A-di-đà Phật chủng chủng công đức, vô ngại vô đoạn***".

(Lại nghe chư Phật Như Lai khắp mười phương thế giới xưng dương tán thán các thứ công đức của Đức Phật A-di-đà, vô ngại vô cùng).

Do đây có thể biết Thế Tôn trong lần hội này giới thiệu cho chúng ta đó là không sai, mười phương chư Phật quả thật đã đến làm chứng minh, tất cả chư Phật đều tán thán, giống như Đức Bổn Sư tán thán A-di-đà Phật không khác. Đức Bổn Sư tán thán thế nào? Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật giảng Tịnh Độ tam kinh, trong Tịnh Độ tam kinh tán thán A-di-đà Phật, tất cả chư Phật Như Lai cũng tán thán như vậy. Trong đây có một câu tán thán tối thù thắng, chúng ta phải ghi nhớ thật kỹ, đó là "*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*" (tôn quý nhất trong các quang minh, là vua trong các Đức Phật), đây là tán thán A-di-đà Phật đến cực điểm rồi. Chư vị có thể lưu tâm để lĩnh hội ý nghĩa này: A-di-đà Phật là vua trong các Đức Phật, vậy thì Kinh Vô Lượng Thọ cũng nhất định là vua trong các kinh, là cùng một đạo lý. Danh hiệu Di-đà là danh hiệu của mười phương tất cả chư Phật Như Lai, bạn phải biết được ý nghĩa này. Khổng lão Phu Tử nói: "Nêu một điều", chúng ta phải suy ra được ba điều còn lại thì bạn mới thấy được bộ kinh điển này là pháp môn thù thắng không gì sánh bằng! Sau đó chúng ta mới bỗng nhiên đại ngộ, tại sao từ xưa đến nay rất nhiều vị Đại Đức đến tuổi xế chiều tiếp xúc đến pháp môn này thì tất cả thảy đều buông xuống hết? Chuyên niệm Kinh A-di-đà, chuyên niệm A-di-đà Phật? Đạo lý là ở chỗ này vậy. Họ đã thật sự minh bạch, thật sự rõ ràng rồi. Nếu họ không rõ ràng thì làm gì chịu buông xuống! Chúng ta nói làm sao xả được, buông xuống? Khi thật sự rõ ràng minh bạch rồi thì ra là vua trong các kinh, vua trong các Đức Phật, chúng ta không quy y Ngài thì quy y ai đây?

Câu này thật hiếm có, "*vô ngại vô đoạn*", "*vô ngại*" là không có chướng ngại, tức là tất cả sự tán thán của chư Phật, tận hư không khắp pháp giới đều nghe được rõ ràng minh bạch, đây là vô ngại. Còn "*vô đoạn*" tức là chư Phật Như Lai tán thán A-di-đà Phật từ trước đến nay không có gián đoạn. Do đây có thể biết, tất cả Như Lai ở tận hư không khắp pháp giới diễn thuyết Kinh Vô Lượng Thọ chưa từng gián đoạn. Phật giảng tại nơi đây, đến một địa phương khác cũng giảng, bất luận đến địa phương nào cũng không gián đoạn. Cứ lấy Thích-ca Mâu-ni Phật mà nói, khu giáo hóa của Thích-ca Mâu-ni Phật là ba ngàn đại thiên thế giới, nếu theo ý kiến của ông Hoàng Niệm Tổ thì ba ngàn đại thiên thế giới lớn cỡ nào? Là

một tỉ hệ ngân hà. Phật ở nơi chúng ta đây đã giảng rồi, có thể Ngài đã lần lượt đến các tinh cầu khác để giảng chưa từng gián đoạn.

"***A-nan bạch ngôn:***".
(Tôn giả A-nan bạch Phật:).

Tôn giả A-nan thấy được bèn thưa với Thế Tôn rằng:

"***Bỉ Phật tịnh sát đắc vị tằng hữu***".
(Cõi Phật thanh tịnh kia thật là chưa từng có).

Ngài cũng đã thấy cõi nước của mười phương chư Phật, tất cả đều không sánh bằng thế giới Cực Lạc trang nghiêm. Thế giới Cực Lạc tối thù thắng, tối trang nghiêm là gì? Chúng ta phải rõ ràng, tuyệt đối không phải cái trang nghiêm trên sự thọ dụng của vật chất. Nếu nói trên vật chất, đây là theo sự thọ dụng của lục trần mà nói, Thế Tôn nói với chúng ta, những Phật quốc trang nghiêm hơn thế giới Tây Phương Cực Lạc rất nhiều. Thế giới Tây Phương không bằng. Vậy thì nó trang nghiêm như thế nào mà khiến tất cả chư Phật tán thán như vậy? Đó là **trang nghiêm của giáo học, trang nghiêm của chứng quả**, thế giới của chư Phật không có. Bạn xem hết thảy người vãng sanh, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều thành A-duy-việt-trí Bồ-tát, điều này không dễ. A-duy-việt-trí là Thất Địa trở lên. Như phàm phu chúng ta đây, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc liền làm Thất Địa Bồ-tát, điều này không thể nghĩ bàn! Tất cả thế giới của chư Phật đều không có. Ở quốc độ phương khác, tu hành thành Phật phải mất ba đại a-tăng-kỳ kiếp, vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, còn thế giới Tây Phương Cực Lạc? Chúng ta thử tính xem, đại khái chỉ cần ba kiếp, bốn kiếp thì thành Phật rồi. Ba kiếp, bốn kiếp cùng ba a-tăng-kỳ kiếp, vô lượng kiếp thì không thể sánh nổi. Tỉ như muốn học một môn nào đó, người ta phải học hai ba trăm năm không xong, còn nơi A-di-đà Phật kia hai ba giờ là học xong, là ví cho sự nhanh chóng như vậy. Tất cả thế giới của chư Phật đều không có, cho nên chư Phật tán thán.

A-nan thấy được nên "***ngã diệc nguyện nhạo sanh ư bỉ độ***".
(Con cũng nguyện thích sanh về cõi đó).

Vậy bây giờ chúng ta hỏi: "Tôn giả A-nan hiện nay đang ở đâu?" "Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc". Vì sao? Ở chỗ này thấy được Ngài phát nguyện cầu sanh. A-nan là người truyền thừa Giáo Hạ của Thế Tôn, chúng ta được biết tam tạng kinh điển là do Ngài kết tập, là do Ngài truyền xuống. Ngài lại là người truyền

thừa của Thiền Tông, Ngài là tổ thứ hai của Thiền Tông. Thiền Tông là Thế Tôn truyền cho Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-diếp truyền cho A-nan, cho nên A-nan cũng là người truyền thừa của Thiền Tông. "Ngài hiện nay đang ở đâu?" "Ngài ở thế giới Tây Phương Cực Lạc". "Làm sao bạn biết được?" "Trong Kinh Vô Lượng Thọ có nói Ngài phát nguyện cầu sanh Tây Phương, cho nên đây là chứng minh".

"***Thế Tôn cáo ngôn: "Kỳ trung sanh giả, dĩ tằng thân cận vô lượng chư Phật, thực chúng đức bổn"***".

(Đức Thế Tôn nói: "Những người sanh về cõi đó đã từng thân cận vô lượng Đức Phật, trồng nhiều gốc công đức").

Chúng ta phải ghi chặt đoạn kinh văn này vào lòng, hạng người nào được vãng sanh? Trong đời quá khứ "*dĩ tằng thân cận vô lượng chư Phật, thực chúng đức bổn*". Chúng ta ở phía trước thấy được A-xà vương tử cùng năm trăm trưởng giả, họ ở trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật. Chư vị thử nghĩ, đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, nghe Đức Thích-ca Mâu-ni Phật giảng Kinh Vô Lượng Thọ, vẫn chưa phát tâm muốn vãng sanh, chỉ khởi một niệm hy vọng họ tương lai thành Phật giống như A-di-đà Phật, vẫn không có ý muốn vãng sanh. Vậy thì thiện căn của Tôn giả A-nan vượt hơn họ, A-nan có ý muốn vãng sanh, vừa mới nghe qua là Ngài khởi niệm muốn vãng sanh. Chúng ta ngày nay có duyên, duyên chín muồi rồi, duyên gì vậy? "*Dĩ tằng thân cận vô lượng chư Phật, thực chúng đức bổn*", làm sao biết được cái duyên này chín muồi? Chúng ta cũng đã phát ý niệm vãng sanh, đặc biệt hơn nữa là một niệm vãng sanh mạnh mẽ, quyết liệt, muôn duyên đều buông xuống, nhất tâm niệm Phật. Đây tức là bạn từ vô lượng kiếp đến nay đã từng cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai, cái thiện căn trong đời này đã chín muồi. Trong Kinh Di-đà nói rất hay: "*Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*" (không thể với ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về nước kia). Chúng ta trước kia niệm Kinh Di-đà, không biết trong kinh nói "*thiểu thiện căn*", "*thiểu*" đến trình độ nào? Nói đến con số tương đương, con số tương đương này cuối cùng là bao nhiêu? Chúng ta không biết. Vừa niệm Kinh Vô Lượng Thọ thì biết được. Vậy chúng ta biết được ít nhất phải vượt hơn bốn trăm ức Phật. Bạn trong đời quá khứ đã cúng dường hơn bốn trăm ức Phật, bạn mới hơn A-xà-thế vương tử, bạn mới có cái ý niệm vãng sanh này. Cho nên pháp môn này, chúng ta khuyên người, người ta không tiếp nhận, không hết lòng tu hành, chúng ta gật đầu. Vì sao? Vì rất bình thường, không lạ lùng chút nào, nếu họ nghe rồi đều tin, muốn phát nguyện vãng sanh. Ôi chao! Người này phi thường lắm, vì sao? Chúng ta

biết thiện căn của họ chín muồi rồi, vả lại là thiện căn không thể nghĩ bàn. Nếu thiện căn không chín muồi thì không khởi tâm ấy được. Đây là thiện căn số một của thế gian, tôi thường nói phước báo số một của thế gian, nếu không có thiện căn phước báo số một thì họ không thể động niệm, động tâm đối với pháp môn này. Có mấy người có được thiện căn phước báo số một? Đây là đạo lý nhất định. Cho nên pháp môn này là pháp môn khó tin, chúng ta phải trân quý nhân duyên này.

"*Thực chúng đức bổn*", chữ "*đức bổn*" này tức là kết duyên với A-di-đà Phật rồi, bạn mới có thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

"***Nhữ dục sanh bỉ, ưng đương nhất tâm quy y chiêm ngưỡng***".
(Ông muốn sanh về cõi đó thì phải nhất tâm quy y, chiêm ngưỡng).

Câu này quan trọng, đây là Thích-ca Mâu-ni Phật dạy Tôn giả A-nan phương pháp vãng sanh. A-nan muốn vãng sanh, phía trước Thế Tôn chứng minh cho Ngài, Ngài trước kia đã từng thân cận vô lượng chư Phật, thiện căn đã chín muồi, vậy làm sao đi đây? Phương pháp nói ở đây đơn giản hơn Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Kinh Quán Vô Lượng Thọ có thể nói là sự thuyết minh tường tận của câu này, phải nên nhất tâm quy y. "Quy" là gì? "Y" là gì? Buổi chiều hôm nay, đạo tràng chúng ta đã cử hành lễ quy y, tôi thấy có đến hơn ba trăm vị đồng tu, thật là phi thường. Quý vị nhất tâm quy y chiêm ngưỡng A-di-đà Phật, tương lai hơn ba trăm người này đều vãng sanh, hơn ba trăm vị Phật xuất thế, việc này thật là phi thường. Chúng ta quy y, có một cuốn băng ghi âm, trước kia các đồng tu bên này phát tâm làm thành đĩa CD, hy vọng mọi người có thể nghe thêm nhiều lần. Trước kia có vài đồng tu nghe từ băng ghi âm rồi viết ra, tốt nhất là nghe băng ghi âm, tại đây có băng ghi âm. Chữ "*chiêm ngưỡng*" tức là niệm Phật. Bởi vì trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói về phương pháp niệm Phật có ba cách: Quán tưởng niệm Phật, quán tượng niệm Phật và trì danh niệm Phật. Cách quán tưởng và quán tượng đều thuộc về *chiêm ngưỡng*. Ở đây Thế Tôn không dùng niệm Phật mà dùng chiêm ngưỡng, dụng ý này sâu vô cùng! Có thể kết hợp với niệm Phật, chúng ta phải liễu giải nghĩa chân thật của nó. Ý nghĩa này tức là: **Niệm Phật thì trong tâm nhất định phải có Phật, miệng niệm Phật mà trong tâm không có Phật thì cách ấy không có lợi ích chi cả. Người xưa chế giễu những hạng người này, nói rằng: "Hét bể cuống họng cũng uổng công". Tại sao vậy? Là vì không tương ưng. Nhất định Tâm, Nguyện, Giải, Hành phải tương ưng với Phật. Như vậy mới là chân chánh niệm Phật, đây mới là thật sự chiêm ngưỡng.**

"***Tác thị ngữ thời, A-di-đà Phật, tức ư chưởng trung phóng vô lượng quang, phổ chiếu nhất thiết chư Phật thế giới. Thời chư Phật quốc, giai tất minh hiện, như xứ nhất tầm***".

(Lúc Đức Phật Thích-ca đang nói lời ấy, trên tay Đức Phật A-di-đà liền phóng ra vô lượng tia sáng chiếu khắp thế giới chư Phật, cõi nước chư Phật thảy đều hiện rõ như ở trước mắt).

Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta cùng A-di-đà Phật câu thông (kết nối) nhanh biết mấy! Thế Tôn vẫn chưa nói hết lời thì A-di-đà Phật liền phóng quang. Các Ngài câu thông phối hợp vô cùng ngầm hợp ý, rất đầy đủ. Sự phóng quang này chứng minh những gì Thế Tôn nói là không sai, phương pháp của Phật dạy cũng không sai. "*Phổ chiếu nhất thiết chư Phật thế giới*", đồng thời trong Phật quang cũng xuất hiện vô lượng vô biên thế giới chư Phật. "*Giai tất minh hiện*", "*minh*" là rõ ràng minh bạch, hiện rõ ở trước mắt. "*Như xứ nhất tầm*", đây là khoảng cách rất ngắn, nói cách khác, là ngay trước mắt, bạn có thể thấy được rất rõ ràng minh bạch. Chữ "*nhất tầm*" là dài bao nhiêu? Nó là đơn vị của độ dài thời xưa. Cách đo lường, tám thước gọi là *nhất tầm*, mười thước gọi là *nhất trượng*. Cự ly chỉ xa cách có tám thước, vậy đương nhiên bạn thấy rất rõ ràng minh bạch.

"***Dĩ A-di-đà Phật thù thắng quang minh, cực thanh tịnh cố***".

(Do quang minh thù thắng của Đức Phật A-di-đà vô cùng thanh tịnh).

Phật quang chiếu rọi vào. Chúng ta bình thường thấy ánh sáng là từ mặt trời, mặt trăng, ánh đèn… phát ra những làn sóng ánh sáng. Những làn sóng ánh sáng có độ dài dài hơn hoặc ngắn hơn những làn sóng ánh sáng kể trên thì chúng ta không nhìn thấy. Điều đó cho thấy rằng nhục nhãn của chúng ta có năng lực vô cùng có hạn, vật thấy được không nhiều, còn Phật quang thì không thể nghĩ bàn! Hiện nay nhờ vào dụng cụ khoa học, chúng ta biết được có quang tuyến X, có tia hồng ngoại …, chúng có độ dài làn sóng khác nhau. Những làn sóng ánh sáng này có thể chiếu xuyên qua vật chất, có thể xuyên qua thân người. Làn sóng ánh sáng của Phật thì kỳ diệu hơn, ánh sáng này vừa chiếu, chúng ta không cần dùng dụng cụ cũng thấy được tất cả tình trạng bên trong lục đạo luân hồi của thế gian này. Phật tại trong kinh nói với chúng ta, thế gian này có Hắc Sơn, Tuyết Sơn, Kim Cang, Thiết Vi, chúng ta cũng đều không thấy được, ánh sáng của Phật vừa chiếu vào thì tất cả thảy đều hiện rõ.

"***Ư thử thế giới, sở hữu Hắc sơn, Tuyết sơn, Kim cang, Thiết vi đại tiểu chư sơn, giang hà, tòng lâm, thiên nhân cung điện***".

(Ở thế giới này, tất cả Hắc sơn, Tuyết sơn, Kim Cang, Thiết-vi, các núi lớn nhỏ… sông suối, rừng cây, cung điện của trời, người).

Đây là cung điện của chư thiên Sắc Giới và Dục Giới.

"***Nhất thiết cảnh giới, vô bất chiếu kiến***".
(Tất cả cảnh giới đều sáng rõ).

Bao gồm cả ngạ quỷ đạo và địa ngục đạo, tất cả đều xuất hiện ở trong Phật quang. Phật nói không sai, A-nan cùng mọi người đến dự hội đều đích thân thấy được. Cho nên đoạn này kể như là bằng chứng của lịch sử, ngày nay chúng ta xem thấy bằng chứng của lịch sử thì sao lại không tin chứ! Tiếp theo là tỉ dụ.

"***Thí như nhật xuất***".
(Như mặt trời mọc).

Đây là đem Phật quang tỉ dụ cho mặt trời mọc.

"***Minh chiếu thế gian***".
(Chiếu sáng khắp thế gian).

Trong đêm tối chúng ta nhìn không thấy các cảnh giới, khi mặt trời mọc lên thì chúng ta nhìn thấy, đây giống như Phật quang xuất hiện thì chúng ta đều thấy được thế giới của chư Phật và lục đạo luân hồi.

Tiếp theo bổ sung,

"***Nãi chí Nê-lê***".
(Cho đến địa ngục).

"*Nê-lê*" tức là địa ngục, chúng ta cũng nhìn thấy được địa ngục.

"***Khê cốc u minh chi xứ***".
(Khe hang, chỗ tối tăm).

Chữ "*u minh*" là chỉ cho ngạ quỷ đạo. Còn bên trong "*khê cốc*" là gì? Là chỗ cư trú của loài rồng, rồng ở trong súc sanh đạo. Có rất nhiều chúng sanh mà nhục nhãn chúng ta không thấy, nhờ Phật quang mà chúng ta cũng nhìn thấy được.

"***Tất đại khai tịch, giai đồng nhất sắc***".
(Thảy đều sáng rõ, đồng một màu sắc).

Phật quang chiếu rọi đến, đều được ánh sáng của Phật gia trì, tất cả chúng sanh đều được lợi ích thù thắng.

"***Do như kiếp thủy di mãn thế giới, kỳ trung vạn vật, trầm một bất hiện***".

(Như thời kiếp thủy tai nước tràn đầy cả thế giới, vạn vật trong đó chìm ngập).

Đây là tỉ dụ, giống như thế giới động vật, thực vật của thế gian này, chủng loại rất nhiều, nếu bị chìm trong nước thì chỉ thấy màu sắc của nước, ngoài ra đều không thấy. Ở trên nói "*giai đồng nhất sắc*", dưới ánh kim quang của Phật chiếu rọi, tất cả cảnh giới đều biến thành sắc vàng. Tỉ dụ này chúng ta không khó hiểu lắm, chúng ta đeo kính râm màu đỏ thì cảnh giới hiện ra giống như mạ lên màu đỏ, đeo kính màu xanh đều nhìn thấy là màu xanh, mắt kính màu lục nhìn thấy đều là màu lục. Ánh kim quang của Phật chiếu ra, tất cả cảnh giới đều hiện thành sắc vàng, đây là nghĩa này.

"***Hoảng dạng hạo hãn, duy kiến đại thủy***".

(Thăm thẳm mênh mông, chỉ thấy toàn là nước).

Dùng nước để làm tỉ dụ.

"***Bỉ Phật quang minh, diệc phục như thị***".

(Quang minh của Phật kia cũng chiếu khắp như vậy).

Phật quang cũng giống như vậy, nhìn thấy tất cả cảnh giới đều là sắc vàng. Nói đến chỗ này Phật phóng quang, Bồ-tát phóng quang, La-hán cũng phóng quang, ánh sáng lớn nhỏ đương nhiên khác nhau, tuy nhiên nhãn quan của phàm phu chúng ta rất cạn, phàm phu nhìn thấy đại khái đều như nhau, bởi vì tâm lượng chúng ta không rộng lớn. Yêu quỷ ma quái cũng biết phóng quang, ánh sáng của ma cũng là kim sắc, ma cũng có tu trì, cũng có đại phước báo, ánh sáng của chúng cũng là sắc vàng. Quang minh của ma khác với Phật quang ở chỗ là khi bạn tiếp xúc đến kim quang của Phật, trên thân cảm giác vô cùng vui sướng, vô cùng thoải mái, ánh sáng nhu nhuyễn, không làm xốn mắt. Còn ánh sáng sắc vàng của ma làm xốn mắt như ánh mặt trời vậy, khi tiếp xúc đến trên thân thấy khó chịu, cảm giác không thoải mái. Giống như những ngày nóng bức đứng dưới mặt trời không thấy thoải mái, ánh sáng làm xốn mắt, dù cùng là sắc vàng. Từ chỗ này có thể phân biệt, ánh sáng cũng có sự phân biệt tà chánh, bên trong ý nghĩa rất sâu, rất rộng, chư vị phải rất bình tĩnh để quan sát, bạn có thể khai trí huệ.

"***Thanh Văn, Bồ-tát nhất thiết quang minh, tất giai ẩn tế, duy kiến Phật quang, minh diệu hiển hách***".

(Tất cả quang minh của Thanh Văn, Bồ-tát đều bị lu mờ, chỉ thấy hào quang sáng ngời rực rỡ của Đức Phật).

Đoạn này cũng là một cuộc so sánh, Thanh Văn là A-la-hán, Bồ-tát thì bao gồm Đẳng Giác Bồ-tát, rất gần với quả vị Phật. Tuy nhiên ánh sáng của Bồ-tát, ánh sáng của Thanh Văn, Duyên Giác, dưới ánh Phật quang của Di-đà thì hoàn toàn không còn nữa, không hiển hiện ra. Tỉ như ánh đèn rất sáng nhưng dưới ánh mặt trời thì ánh đèn không còn nữa, vì sao thế? Ánh thái dương quá mạnh, ánh sáng của đèn không hiện ra. Cũng vậy, ánh sáng của Bồ-tát dưới ánh Phật quang thì giống như ánh sáng con đom đóm sánh với mặt trời.

"***Thử hội tứ chúng, thiên long bát bộ, nhân phi nhân đẳng, giai kiến Cực Lạc thế giới chủng chủng trang nghiêm***".

(Hàng tứ chúng trong pháp hội, thiên long bát bộ, người và phi nhân v.v… đồng thấy các sự trang nghiêm của thế giới Cực Lạc).

Cho nên hội này thật sự là không thể nghĩ bàn! Thế Tôn không những đã làm một báo cáo tường tận về y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc, nào ngờ tại chỗ này, A-di-đà Phật đã xuất hiện, làm một chứng minh khiến cho mọi người đều thấy được điều Thế Tôn đã nói. Điều này là được sự gia trì của Thế Tôn hai cõi, A-di-đà Phật gia trì đại chúng, Thích-ca Mâu-ni Phật gia trì đại chúng.

"*Thử hội tứ chúng*", "*tứ chúng*" là nói hai chúng xuất gia: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni và hai chúng tại gia: Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di (chúng ta gọi là nam cư sĩ, nữ cư sĩ). Trừ bốn loại này ra, đạo tràng nơi Phật giảng kinh đều có thiên long bát bộ tham dự, họ không chỉ là hộ pháp mà cũng đến nghe kinh. Đạo tràng này của chúng ta cũng không ngoại lệ, cũng có Bồ-tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ. Nhục nhãn chúng ta không thấy được họ nhưng họ thấy được chúng ta. Tất cả đều đã thấy được A-di-đà Phật cùng với thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho đến nhóm đệ tử của Di-đà, những hoạt động của họ, thảy đều thấy được hết những trạng huống này, giống như Thế Tôn đã nói ở phía trước.

"***A-di-đà Phật, ư bỉ cao tọa***".

(Đức Phật A-di-đà ở trên tòa cao).

A-di-đà Phật ngồi trên giảng đài.

"***Oai đức nguy nguy, tướng hảo quang minh, Thanh Văn, Bồ-tát vi nhiễu cung kính***".

(Oai đức lồng lộng, tướng hảo quang minh, các hàng Thanh Văn, Bồ-tát cung kính vây quanh).

Thấy được Thế Tôn nói pháp, đây cũng tức là tình hình của pháp hội, "*Bồ-tát cung kính vi nhiễu*", đây cũng là chỗ chư Phật tán thán, cũng là siêu thắng đệ nhất, nói rõ "thầy trò hợp đạo". A-di-đà Phật là thầy, ngoài ra là học trò, thầy chân thành từ bi nhiệt tâm chỉ dạy, còn học trò chân thành thân cận, cung kính học tập, đối với thầy không có tơ hào hoài nghi, một trăm phần trăm thuận theo, có thể y giáo phụng hành. Tình hình này cũng là ít thấy trong thế giới của chư Phật. Năm xưa, Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta, trong pháp hội giảng kinh vẫn có một số đệ tử hoài nghi, phản đối. Người cầm đầu là Đề-bà-đạt-đa, Đề-bà-đạt-đa cũng quy y Thích-ca Mâu-ni Phật, cũng là đệ tử thế độ thọ giới của Thích-ca Mâu-ni Phật. Ông dẫn đầu một nhóm kẻ gây rối, chuyên môn phá phách gây rắc rối cho Phật, chuyên môn ở ngoài làm những việc xấu, làm bại hoại vinh dự của tăng đoàn. Bạn xem, vẫn còn hạng đệ tử này. Thích-ca như vậy thì chư Phật khác cũng không ngoại lệ. Duy nhất A-di-đà Phật thì không có loại học trò này, mọi người đều là học trò tốt, cho nên đây cũng là sự trang nghiêm, thù thắng không gì sánh bằng của A-di-đà Phật.

"***Thí như Tu-di sơn vương, xuất ư hải diện, minh hiện chiếu diệu, thanh tịnh bình chánh, vô hữu tạp uế, cập dị hình loại, duy thị chúng bảo trang nghiêm, Thánh Hiền cộng trú***".

(Như núi Tu-di chúa đứng giữa biển cả. Thân Phật chiếu rõ sáng ngời, thanh tịnh bình chánh, không có tạp uế và hình loại quái dị, chỉ có các thứ báu trang nghiêm, Thánh Hiền chung ở).

Đây là tỉ dụ giống như núi Tu-di, nó không phải là núi Tu-di thông thường, nó là núi Tu-di chúa. Chúng ta được biết, Phật ở trong kinh nói một đơn vị thế giới có một núi Tu-di, tam thiên đại thiên thế giới có một tỉ đơn vị thế giới. Nói cách khác thì có một tỉ ngọn núi Tu-di, đương nhiên mỗi núi Tu-di có độ cao không thể nào hoàn toàn là như nhau. Chúng ta ở thế giới này có tâm khác nhau, cho nên hoàn cảnh y báo khác nhau, nhân tâm ở thế giới Tây Phương Cực Lạc như nhau, sao lại như nhau? Trong tâm của mỗi người là A-di-đà Phật, ngoài A-di-đà Phật không có niệm thứ hai, không có niệm bồn chồn lo lắng. Cho nên tâm của mỗi người đều thanh tịnh, hiện ra thế giới thanh tịnh bình đẳng. Vậy thì ở trong tình hình không bình đẳng, các núi Tu-di ấy nhất định cũng lớn nhỏ khác nhau. Còn núi Tu-di chúa, trong một tỉ ngọn núi Tu-di, nó là lớn nhất, nêu ra cái tỉ dụ này. Núi Tu-di vượt khỏi mặt biển. Núi Tu-di không có trên địa cầu này của

chúng ta, cho nên chúng ta không thể đem núi Hy Mã Lạp Sơn cho là núi Tu-di. Nếu bạn cho núi này là núi Tu-di thì có rất nhiều chỗ giảng không thông. Phật nói với chúng ta, phía bắc của núi Tu-di là Bắc Câu-lư-châu là một nơi có phước báo lớn nhất của thế gian này. Bắc Câu-lư-châu ăn mặc đều tự nhiên, con người không cần lao động, làm lụng, ăn mặc đều tự nhiên. Còn thọ mạng là một ngàn tuổi, không có đoản mạng. Chúng ta hiện nay xem ngọn núi cao nhất trên địa cầu này là Hy Mã Lạp Sơn, phía bắc của Hy Mã Lạp Sơn là Tây Tạng, người Tây Tạng không sống đến một ngàn tuổi, điều này chứng minh núi Tu-di không ở trên địa cầu này của chúng ta. Có thể núi Tu-di là trung tâm của dải ngân hà của chúng ta, đây là cách nói của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, nói cũng rất có đạo lý. Những gì trong kinh Phật nói đều là cảnh giới hiện lượng của Phật, hạn lượng là chính mắt thấy được, không phải là suy đoán, không phải là trong mơ. Năng lực của nhục nhãn của phàm phu chúng ta quá nhỏ bé. Khi nãy đã nói, trong vô lượng làn sóng ánh sáng, chúng ta chỉ thấy được một đoạn nhỏ, ngoài đoạn nhỏ này, dài hơn thì không thấy, ngắn hơn cũng không thấy. Mắt của Phật thì thấy được rõ ràng minh bạch tất cả vô lượng làn sóng ánh sáng.

Cho nên thế giới mà Ngài nhìn thấy với thế giới chúng ta nhìn thấy là khác nhau. Nếu y theo cái thấy của chúng ta, y theo tâm lượng của chúng ta mà suy đoán cảnh giới của Phật thì quá đỗi sai lầm, vậy Phật có thể gạt chúng ta chăng? Phật không gạt chúng ta, tại sao vậy? Vì chúng ta có thể chứng minh cảnh giới của Phật, tức là chúng ta phải làm cách nào để đột phá năng lượng của lục căn của chúng ta. Tỉ như ngày nay mắt của chúng ta có thể thấy được làn sóng ánh sáng này, làm cách nào đột phá khiến cho chúng ta cũng có thể thấy được làn sóng dài hơn và ngắn hơn làn sóng này. Chúng ta với Phật hoàn toàn như nhau, chúng ta có thể đột phá được chăng? Được. Dùng phương pháp gì để đột phá? Phật nói với chúng ta là dùng **định,** dùng định công. Phật nói năng lực của chúng ta đã mất, nguyên nhân nào làm mất nó?

Vốn năng lực của chúng ta hoàn toàn như Phật, bây giờ đã mất rồi, vì sao bị mất? Phật trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng: "*Tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc*". Đây là nói toạc ra gốc bệnh của chúng ta, chúng ta bởi vì có vọng tưởng, có chấp trước, cho nên năng lượng của chúng ta biến thành nhỏ bé như thế, thật là đáng thương! Giả sử chúng ta đoạn dứt tất cả vọng tưởng, chấp trước thì năng lực liền được khôi phục. Lời chỉ dạy của Phật đối với tất cả chúng sanh không có gì khác, không ngoài phá vọng tưởng, chấp trước mà thôi.

Chư vị nhất định phải hiểu rõ, đã là phá vọng tưởng chấp trước, tại sao Phật trong nhiều kinh điển lại dạy chúng ta chấp trước, dạy chúng ta vọng tưởng? Đây là Phật nói với người sơ học. Điều này phải biết, đối với người sơ học gọi là "lấy độc công độc"! Cho nên "*trạch thiện cố chấp*" (chọn việc thiện rồi giữ vững việc thiện ấy). Phật giáo chế định nhiều giới luật, bảo bạn tuân thủ, đó là chấp trước, đó là lấy độc công độc, phía trước không phải đã nói rồi sao? "*Dĩ thiện công ác*". Bạn biết được nghĩa này là tầng thứ nhất trong giáo học, tương lai lại hướng lên trên, càng hướng lên trên thì cái chấp trước, vọng tưởng kia càng ngày càng trở nên thoáng hơn.

Đến hội Hoa Nghiêm thì hoàn toàn bung mở. Trong hội Hoa Nghiêm thì "*lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*", là pháp giới vô chướng ngại. Hơi có một tí chấp trước thì đây là chướng ngại. Hoa Nghiêm đến pháp giới vô chướng ngại, đó là cách tu hành cao cấp nhất. Khổng lão Phu Tử nói, ông đến lúc bảy mươi tuổi thì "*tùy tâm sở dục*" (tùy lòng ưa muốn) nhưng không vượt quy củ, cái "tùy tâm sở dục" ấy thì giống như "sự sự vô ngại". Tuy là "sự sự vô ngại" mà mọi việc đều hợp quy tắc, mọi việc đều như pháp độ, không phá hoại pháp luật, phá hoại chế độ, mọi việc đều tự tại, đã nhập vào cảnh giới này rồi vậy. Cho nên tầng thứ là phải hướng lên trên, không ngừng thăng tiến là đúng, không thể ngưng lại chấp trước vào một giai đoạn. Giống như chúng ta đi học, năm nay học lớp một, lớp một cũng không tệ, thầy cũng rất tốt, học trò cũng rất tốt, không muốn lên lớp nữa, có hạng người này hay không? Hy vọng sang năm vẫn học lớp một, năm tới nữa vẫn học lớp một, đó tức là ngu si! Đó là sai rồi. Sang năm phải học lớp hai, sang năm nữa thì học lớp ba, hướng lên trên mà đi thì phía dưới xả bỏ hết. Phần dưới không chịu xả, cứ mãi không chịu buông xuống, vậy nói một cách khác, bạn sẽ dậm chân tại giai đoạn này, cảnh giới của bạn không thể thăng tiến. Chúng ta phải hiểu rõ điều này, phải biết lý luận của việc Phật dạy học, ý thú của giáo học, phương pháp của giáo học.

Phật nói với chúng ta núi Tu-di là do tứ bảo làm thành, cho nên núi này có thể phóng ra ánh sáng. "*Vô hữu tạp uế, cập dị hình loại*", không có hình loại tạp khác, nó rất trang nghiêm, rất chỉnh tề. "*Duy thị chúng bảo trang nghiêm, Thánh Hiền cộng trú*", ở lưng chừng núi Tu-di là nơi cư trú của Tứ Thiên Vương, trên đỉnh núi Tu-di là nơi cư trú của Đao-lợi Thiên vương, còn gọi là trời ba mươi ba. Trong đó có Thánh, có Hiền, có Bồ-tát, có chư Phật hóa hiện, cho nên nói là *Thánh hiền cộng trú*.

"***A-nan cập chư Bồ-tát chúng đẳng, giai đại hoan hỷ, dũng dược tác lễ***".

(Tôn giả A-nan và các chúng Bồ-tát v.v… đều rất vui mừng hớn hở làm lễ).

Đoạn lớn phía trước là Tôn giả A-nan ghi lại cảnh tượng long trọng lúc Đức Di-đà hiện thân phóng quang. "*A-nan cập chư Bồ-tát chúng đẳng, giai đại hoan hỷ*", Ngài A-nan thấy được cảnh giới này vô cùng hoan hỉ.

"***Dĩ đầu trước địa, xưng niệm Nam-mô A-di-đà Tam-miệu Tam Phật-đà***".
(Cúi đầu sát đất, xưng niệm Nam-mô A-di-đà Tam-miệu Tam-Phật-đà).

Đây là xưng niệm danh hiệu của A-di-đà Phật. "*Tam-miệu Tam-Phật-đà*" là Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là Nam-mô A-di-đà Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu chúng phiên dịch sang tiếng Hoa thì là như vậy, đây là cung kính, lễ bái xưng niệm.

"***Chư thiên nhân dân, dĩ chí quyên phi nhuyễn động, đổ tư quang giả, sở hữu tật khổ, mạc bất hưu chỉ. Nhất thiết ưu não, mạc bất giải thoát, tất giai từ tâm tác thiện, hoan hỉ khoái lạc***".
(Chư thiên nhân dân cho đến các loài bò bay máy cựa thấy được hào quang ấy thì tất cả bệnh khổ đều ngưng dứt, mọi sầu lo phiền não đều được giải thoát, thảy đều có từ tâm làm lành, vui mừng sung sướng).

Chữ "*chư thiên*" bao gồm sáu tầng trời Dục giới và mười tám tầng trời Sắc giới, đều thấy được ánh sáng. "*Quyên phi nhuyễn động*", súc sanh, đây là những động vật nhỏ như muỗi, kiến… Phàm được Phật quang chiếu thẳng vào, chúng đều có được lợi ích. Dưới ánh sáng của Phật, nỗi đau khổ của chúng được dừng lại nửa chừng, sanh tâm hoan hỉ. "*Ưu não*", tức là ưu bi, khổ não, dưới ánh Phật quang cũng dừng lại. "*Mạc bất giải thoát*", chữ "*giải*" này là cởi mở tâm niệm, gọi là cởi mở nút thắt trong tâm, phiền não tiêu trừ rồi, đây gọi là "giải". Còn "*thoát*" là lìa xa khổ não. "*Tất giai từ tâm tác thiện*", lìa khổ được vui, phá mê khai ngộ, đều có thể sanh khởi tâm từ bi, đều muốn làm việc tốt, hoan hỉ khoái lạc. Người được lợi ích cạn hay sâu đương nhiên không giống nhau, nguyên nhân không giống nhau ở chỗ nào? Mỗi chúng sanh có nghiệp lực, tập khí khác nhau, người có nghiệp lực nhẹ, tập khí mỏng thì có được lợi ích lớn. Ngược lại, người có phiền não nặng, tập khí sâu, thì được lợi ích nhỏ. Tóm lại, không có ai không có được lợi ích.

Đoạn dưới đây là nói về sự cúng dường thiên nhạc.

"***Chung, khánh, cầm, sắt, không hầu nhạc khí, bất cổ tự nhiên giai tác ngũ âm***".

(Những nhạc khí như chuông, khánh, cầm, sắt, không hầu không đánh đều tự nhiên phát ra ngũ âm).

Chữ "*cổ*" là cổ động, chúng ta ngày nay gọi là diễn tấu, không có người diễn tấu, tự nhiên có âm nhạc tại không trung. "*Ngũ âm*", nói theo bây giờ tức là nhạc giao hưởng, bởi vì nó có nhiều thứ nhạc khí. Đây là cúng dường thiên nhạc.

"***Chư Phật quốc trung, chư thiên nhân dân, các trì hoa hương, lai ư hư không, tán tác cúng dường***".

(Chư thiên và nhân dân trong các cõi Phật khác đều đem hoa hương đến giữa hư không rải xuống cúng dường).

Đây là thiên nhân của các Phật quốc khác rải hoa cúng Phật, mọi người cũng thấy được thế giới Tây Phương, thấy được các cõi Phật khác, là một bức họa vô cùng sống động. Tất cả thảy đều thấy được Phật, Bồ-tát, tất cả mọi người cùng tình hình sinh hoạt của họ.

"***Nhĩ thời Cực Lạc thế giới, quá ư Tây Phương bá thiên câu-chi na-do-tha quốc, dĩ Phật oai lực, như đối mục tiền***".

(Bấy giờ thế giới Cực Lạc ở phương Tây cách xa cả trăm ngàn vô lượng ức cõi nước, nhờ oai lực của Phật mà thấy rõ như ở trước mắt).

Thế giới Tây Phương Cực Lạc cách thế giới Ta-bà chúng ta mười vạn ức Phật quốc độ, "*bá thiên câu-chi na-do-tha*", tức là mười vạn ức Phật quốc độ, khoảng cách xa như thế đó. Thích-ca Mâu-ni Phật dùng thần lực của Ngài khiến cho chúng ta thấy được thế giới Tây Phương Cực Lạc, như đang ở trước mắt chúng ta.

"***Như tịnh thiên nhãn, quán nhất tầm địa***".

(Như được tịnh thiên nhãn, thấy như khoảng tám thước).

"*Thiên nhãn*" vô cùng rõ ràng thanh tịnh, mắt chúng ta nhìn khoảng cách tám thước cũng nhìn thấy rất rõ ràng, không cần đến tịnh thiên nhãn, đây tức là nói nhìn được vô cùng kỹ lưỡng, rõ ràng.

"***Bỉ kiến thử độ, diệc phục như thị***".

(Đại chúng ở cõi Cực Lạc cũng lại như vậy).

Chúng ta thấy họ, họ có thấy chúng ta hay không? Họ cũng thấy chúng ta giống như chúng ta thấy họ. Hai bên có thể đối thoại, đây quả thật là không thể nghĩ bàn!

"***Tất đổ Ta-bà thế giới Thích-ca Như Lai cập Tỳ-kheo chúng, vi nhiễu thuyết pháp***".

(Đều thấy Đức Thích-ca Như Lai ở thế giới Ta-bà này và chúng Tỳ-kheo vây quanh nghe pháp).

Họ cũng thấy được Thích-ca Mâu-ni Phật giảng Kinh Vô Lượng Thọ, mọi người đang vây quanh để nghe. Người của thế giới Cực Lạc thấy được tình hình hoan hỉ này, những người của mười phương thế giới chư Phật cũng đều thấy được. Vậy chúng ta hỏi, hiện tại họ có thấy được hội này của chúng ta hay không? Đương nhiên là thấy được, nhất định là như vậy. Phật và người trời nơi quốc độ ấy thấy được đạo tràng này của chúng ta, nghe được đạo tràng này của chúng ta, biết được chúng ta hiện tại đang làm gì. Không chỉ như vậy mà cũng biết được trong tâm mỗi người đang nghĩ gì. Cho nên không thể suy nghĩ bậy bạ, tôi nói với quý vị đó đều là lời thật. Chúng ta có thể xem đoạn kinh văn này như là kiến chứng lịch sử, hiển thị thế giới Tây Phương Cực Lạc mà Thế Tôn nói đó là chân thật bất hư. Tôn giả A-nan vừa trông thấy thì liền muốn đi, chúng ta hiện nay không muốn đi, cho nên không thấy được, không nghe được. Ngày nay xem đến đoạn kinh văn này thì như là thấy được rồi, Ngài A-nan thấy được rồi, chúng ta cũng thấy được rồi.

TỪ THỊ THUẬT KIẾN ĐỆ TAM THẬP CỬU
PHẨM BA MƯƠI CHÍN: TỪ THỊ THUẬT CHỖ THẤY

Di-lặc Bồ-tát đến làm chứng, chứng minh lời Thích-ca Mâu-ni Phật đều chân thật, giúp cho chúng ta đoạn nghi sanh tín.

"***Nhĩ thời Phật cáo A-nan, cập Từ Thị Bồ-tát***".

(Bấy giờ Đức Phật bảo tôn giả A-nan và Từ Thị Bồ-tát).

Hai vị này đều là người đương cơ của pháp hội.

"***Nhữ kiến Cực Lạc thế giới, cung điện, lâu các, tuyền trì, lâm thụ, cụ túc vi diệu, thanh tịnh trang nghiêm phủ?***".

(Các ông có thấy cung điện, lầu gác, ao hồ, rừng cây đầy đủ vi diệu, thanh tịnh trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc không?).

Hỏi họ, các ông có nhìn thấy rõ ràng thế giới Tây Phương Cực Lạc, cung điện, lầu gác, chỗ cư trú của Phật, cung điện lầu gác, chỗ cư trú của mọi người, ao bảy báu, nước tám công đức, bảy tầng hàng cây, bảy tầng lưới báu không? Đây là sự trang nghiêm trên mặt đất.

"***Nhữ kiến Dục giới chư thiên, thượng chí Sắc Cứu Cánh thiên, vũ chư hương hoa, biến Phật sát phủ?***".

(Các ông có thấy chư thiên ở cõi Dục cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh rải các hoa hương khắp cõi Phật không?).

Đây là sự trang nghiêm trên không trung. Trên không trung có người trời Dục giới, người trời Sắc giới rải hoa để cúng dường Phật cùng mọi người. Chỗ này tôi sợ mọi người hoài nghi, chúng ta không phải đã nói rồi sao? Thế giới Tây Phương là Đại Thừa trong Đại Thừa, Nhất Thừa trong Nhất Thừa, sao lại có trời Dục giới, Sắc giới? Nếu có trời Dục giới, Sắc giới thì không phải đã biến thành lục đạo rồi sao? Câu hỏi này rất hay! Những người trời này đều là do A-di-đà Phật biến hóa ra, không phải thật là người trời trong lục đạo đến rải hoa. Người trời của lục đạo sao có thể đến thế giới Tây Phương Cực Lạc được? Thế giới Tây Phương Cực Lạc có nhiều loại chim, như trong Kinh Di-đà nói: bạch hạc, khổng tước, anh vũ… đều có thể nói chuyện, đó đều là A-di-đà Phật biến hiện ra, không phải là súc sanh đạo. Thật là do A-di-đà Phật biến hóa ra, nhóm người trời này cũng đều như vậy, đây là trang nghiêm của không trung.

"***A-nan đối viết: "Dụ nhiên dĩ kiến"***".

(Tôn giả A-nan bạch rằng: "Thưa phải! Chúng con nhìn thấy").

"*Dụ nhiên*" là đáp một cách rất cung kính, Phật vừa hỏi thì trả lời, "Thưa phải! Đã thấy rồi".

"***Nhữ văn A-di-đà Phật đại âm tuyên bố nhất thiết thế giới, hóa chúng sanh phủ?***".

(Các ông có nghe tiếng lớn của Đức Phật A-di-đà truyền khắp tất cả thế giới để giáo hóa chúng sanh không?).

Ở trên là thấy sắc tướng, còn đây là nghe âm thanh, "A-di-đà Phật ở đó giảng kinh thuyết pháp các ông có nghe thấy hay không?". A-di-đà Phật đang giáo hóa chúng sanh đấy! Những chúng sanh ở đây tức là đại chúng vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bởi vì ngoại trừ Phật ra, đều xưng là chúng sanh, hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới. Thế giới Tây Phương chỉ có Bồ-tát, Bồ-tát cũng là chúng sanh.

"***A-nan đối viết: "Dụ nhiên dĩ văn"***".

(Tôn giả A-nan bạch rằng: "Thưa phải! Chúng con có nghe").

A-di-đà Phật giảng kinh thuyết pháp, mọi người trong khi nghe kinh nhất định cũng nêu lên câu hỏi, cũng có thảo luận, điều này không cần nói kỹ, tình hình này chúng ta có thể liên tưởng đến được, A-nan đều nghe được cả, A-nan biểu thị mọi người đều nghe được cả, mọi người đều thấy được cả.

"***Phật ngôn: "Nhữ kiến bỉ quốc tịnh hạnh chi chúng, du xử hư không, cung điện tùy thân, sở vô chướng ngại, biến chí thập phương cúng dường chư Phật phủ?"***"".

(Đức Phật bảo: "Các ông có thấy chúng tịnh hạnh ở cõi Cực Lạc dạo trong hư không, cung điện tùy thân, không bị chướng ngại, đến khắp mười phương cúng dường chư Phật không?").

Đây là bổn nguyện của Di-đà, Phật nói ở trong Kinh Di-đà, ở đây lại làm chứng minh cho chúng ta: "Ông có thấy mọi người của thế giới Tây Phương Cực Lạc không? Họ được xưng là "*tịnh hạnh*"". Phàm người sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là tu hành tịnh nghiệp, điều này chúng ta phải biết rõ ràng minh bạch. Chúng ta tu tịnh nghiệp mới có thể vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu bạn ở thế gian này tu thiện nghiệp mà không phải là tịnh nghiệp, tương lai chỉ có thể ở tại ba đường thiện hưởng phước, niệm Phật cũng không thể vãng sanh, tại vì sao? Vì nghiệp của bạn không tịnh. Thế giới Tây Phương được xưng là Tịnh Độ, điều này phải rất rõ ràng, rất minh bạch! "Tịnh" như thế nào? Tâm thanh tịnh, tâm làm sao thanh tịnh? Đối với thế gian này không có một tơ hào nhiễm ô thì tâm bạn sẽ thanh tịnh. Chúng ta hằng ngày niệm Phật, ở trước mặt Phật Bồ-tát phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, hằng ngày đều niệm kệ hồi hướng "nguyện sanh Cực Lạc quốc", tuy nhiên tâm không thanh tịnh, thân không thanh tịnh thì không thể vãng sanh. Trong kinh có nói, chúng ta trong đời quá khứ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, tại sao không thể vãng sanh? **Vì tâm không thanh tịnh, hạnh không thanh tịnh, hạnh là hành vi sinh hoạt biểu hiện ở bên ngoài, tâm là bên trong, trong ngoài đều không thanh tịnh, niệm Phật hồi hướng chỉ có thể kết cái duyên với A-di-đà Phật mà thôi!** Đi không được.

Nếu trong đời này nhất định muốn đi thì nhất định trong ngoài đều thanh tịnh. Thanh tịnh của bên trong là đối với thế gian này, thế xuất thế gian pháp, Phật pháp thảy đều phải buông xuống. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát trong phần mở đầu của Tây Phương Xác Chỉ, Ngài nói với chúng ta, niệm Phật tối kỵ nhất là xen tạp, trong xen tạp bao gồm tụng kinh… Tỉ như chúng ta một lòng muốn cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta mỗi ngày niệm Kinh Kim Cang, niệm phẩm Phổ Môn, niệm Kinh Địa Tạng… niệm một đống lớn kinh, đây là xen tạp, không thể vãng sanh.

Khi xen tạp thì tâm không thanh tịnh, vì sao không thanh tịnh? Quý vị tự mình bình tĩnh nghĩ lại thì biết ngay, không cần tôi phải nói nhiều. Trong thế gian pháp, những việc lo lắng bồn chồn rất nhiều, trong tâm buông không được, cái tâm này không thanh tịnh. Thế xuất thế gian pháp đều đã bị nhiễm ô. Nếu muốn đạt đến chỗ thanh tịnh thì thế xuất thế gian pháp thảy đều buông xuống, thân tâm thế giới tất cả đều buông xuống thì tâm của chúng ta mới có thể thanh tịnh. Buông xuống! Hãy nghe cho kỹ! Là bảo bạn buông xuống trong tâm, không phải bảo bạn buông xuống trên sự, sự vẫn cứ làm, nên làm gì để sống thì vẫn cứ làm việc đó. Sự vẫn làm mà trong tâm không tiêm nhiễm, vậy thì bạn làm những việc này, "đoạn tất cả ác" là làm việc đấy! "Tu tất cả thiện" cũng là làm việc đấy!

Tâm thanh tịnh rồi không nhiễm trước nữa thì việc này không gọi là thiện nghiệp mà gọi là tịnh nghiệp, đoạn ác tu thiện đều gọi là tịnh nghiệp. Làm được việc thiện rồi, trong tâm cứ khư khư nhớ mãi. Tôi đã quyên bao nhiêu tiền, làm bao nhiêu công đức, suốt đời suốt kiếp đều không quên, đó là thiện, không phải là tịnh, tâm bị ô nhiễm rồi. Phật dạy chúng ta, đặc biệt là trong Kinh Bát-nhã nói "tam luân thể không". Khi làm phải hết lòng nỗ lực mà làm, nhất định không trước tướng, không chấp trước, tâm sạch sẽ, được vậy thì tâm thanh tịnh, hạnh cũng thanh tịnh, đây gọi là Bồ-tát đấy. Không phải đã thọ Bồ-tát giới thì là Bồ-tát, bạn không thọ Bồ-tát giới, chư Phật Bồ-tát nhìn thấy bạn đều cung kính, đều thừa nhận bạn là Bồ-tát. Thọ xong Bồ-tát giới mà thân tâm không thanh tịnh, người khác gọi bạn là Bồ-tát, tự mình cũng thấy là Bồ-tát, nhưng chư Phật Bồ-tát không thừa nhận, ngay đến quỷ thần cũng không thừa nhận bạn là Bồ-tát. Đây là giả, là mạo xưng Bồ-tát, không phải là thật. Không những không có lợi ích mà còn có tội lỗi. Không phải là Bồ-tát mà mạo xưng là Bồ-tát thì điều này kham không nổi đâu! Cho nên nhất định phải biết, phải tu thanh tịnh tâm.

Quyển kinh này hay lắm, trên đề kinh là **thanh tịnh bình đẳng giác**. Bạn thấy tiêu đề này rõ ràng, minh bạch biết mấy! Đơn giản, toát yếu, đây là ưu điểm lớn nhất của bộ kinh này. Vì sao chúng ta không đọc Hoa Nghiêm, không giảng Hoa Nghiêm? Nếu tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm với tốc độ như tôi giảng kinh này thì giảng bộ Kinh Hoa Nghiêm phải mất năm ngàn giờ. Người hiện nay có mấy ai có thời gian dài đến năm ngàn giờ để nghe một bộ Kinh Hoa Nghiêm. Cho dù không cần giảng kỹ, giảng đơn giản tóm tắt, muốn giảng Kinh Hoa Nghiêm viên mãn ít nhất cũng phải mất ba ngàn giờ. Hoa Nghiêm rườm rà lắm! Tường tận thì có tường tận, nhưng có vẻ quá dài dòng! Nắm không được cương lĩnh. Còn bộ kinh này hay lắm! Là cô đọng của Kinh Hoa Nghiêm, toàn bộ Kinh Hoa Nghiêm

tức là Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Hoa Nghiêm là cách nói chi tiết của Kinh Vô Lượng Thọ, nói tường tận hơn một tí, tuy nhiên, nếu quá tường tận thì nắm không được cương lĩnh. Tâm chúng ta quá thô, người thông minh, người tâm tinh tế thì được. Chúng ta tâm ý hời hợt như vậy thì không nắm được cương lĩnh của Kinh Hoa Nghiêm. Kinh này không quá dài, nếu còn chưa nắm được cương lĩnh của kinh này thì niệm Kinh A-di-đà tiểu bổn, Kinh A-di-đà so với kinh này thì dễ hơn, đơn giản hơn, mới có thể được thọ dụng. Điều này không thể không biết, một đời này của chúng ta có thành tựu được không? Then chốt là ở chỗ này, cho nên tịnh hạnh rất là quan trọng. Trong sinh hoạt hằng ngày, từ sáng thức dậy cho đến tối đi ngủ, xử thế đối người tiếp vật, ở trong đây tu hành tâm thanh tịnh, tu hạnh thanh tịnh. Bạn quả thật làm được rồi thì bạn trong đời này được vãng sanh nhất định là thượng phẩm, không phải trung hạ.

Tịnh hạnh là hạnh tu của Phổ Hiền Bồ-tát, không phải là Bồ-tát thông thường. Bất luận làm việc gì, thân tâm thanh tịnh, sự sự thanh tịnh, tâm thanh tịnh, ngữ thanh tịnh, hạnh thanh tịnh, không có một thứ gì không thanh tịnh, đây gọi là "tịnh hạnh chi chúng". Tại thế giới Tây Phương Cực Lạc họ đều là Phổ Hiền Bồ-tát, họ đều tu Phổ Hiền hạnh, Phổ Hiền là cao cấp, Phổ Hiền hạnh là tối cao cấp. Chúng ta cũng đưa nó vào trong năm khoa mục tu hành. Giống như năm tầng lầu lớn, Phổ Hiền hạnh là tầng lầu cao nhất, ở phía dưới nó có nền móng. Vậy chúng ta phải nên tu cách nào? Chúng ta trước tiên tu tầng thứ nhất, tầng thứ nhất là gì? Là tam phước, chúng ta bắt đầu từ chỗ này mà tu.

Trong tam phước có mười một điều, phước thứ nhất có bốn điều: **Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp.** Trong Kinh Vô Lượng Thọ từ phẩm 33 đến phẩm 37 là phước thứ nhất. Phước thứ nhì có ba điều: **Thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi**. Có thể thấy rằng phẩm 33 đến phẩm 37 bao gồm cả hai phần của tam phước. Tam Quy Y là gì? Nên hiểu rõ ràng minh bạch, nền tảng của Tam Quy Y là xây dựng trên nền tảng của hiếu thân tôn sư và Thập Thiện Nghiệp Đạo mà xây dựng nên Tam Quy Ngũ Giới, nếu không có cơ sở nền móng này (hiếu thân tôn sư và Thập Thiện Nghiệp Đạo) thì Tam Quy Ngũ Giới đều không có chỗ dựa. Giống như xây nhà lầu, không có tầng thứ nhất thì làm sao có thể xây tầng thứ hai? Điều này không thể không biết. Phước thứ ba là: **Phát Bồ-đề tâm, đọc tụng Đại Thừa, thâm tín nhân quả**, **khuyến tấn hành giả.**

Tầng thứ hai là tu **Lục Hòa**, sống chung với người như thế nào? Sống chung với mọi người, cái khó khăn nhất là sự câu thông ý kiến (trao đổi khơi thông ý

kiến), việc này khó nhất. "Kiến hòa đồng giải" điều này khó nhất! Làm cách nào để chúng ta có thể kiến hòa đồng giải với mọi người? Người thông thường sau khi nghe rồi nhất định làm không nổi, có phải quả thật làm không nổi không? Quả thật làm không nổi! Phật dạy chúng ta cách nào để làm được? Tâm thanh tịnh thì làm được. Họ tranh ta không tranh thì ta liền hòa với họ ngay. Thanh tịnh có thể bao dung không thanh tịnh, không thanh tịnh không thể bao dung thanh tịnh. Lục Tổ nói: "*Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá*", thế gian có lỗi không? Lỗi rất nhiều! "Bất kiến" là gì? Không phải mắt bạn không thấy, không phải tai bạn không nghe, mắt cũng thấy, tai cũng nghe, tại sao không thấy? Vì tâm thanh tịnh không để ở trong tâm thì "kiến hòa đồng giải" rồi. Đồng với chư Phật Bồ-tát, không phải bảo bạn "đồng" với mọi người, "đồng" với chân tâm pháp tánh, bảo bạn "đồng" ở chỗ này, không bảo đồng với chúng sanh, không phải đồng với vọng tưởng, không phải đồng nơi phân biệt chấp trước… cái đó là vọng, không thể đồng được. Chúng ta phải "đồng" với "chân", đồng với chân tâm, đồng với bản tánh… thì là được "đồng" rồi. Hễ cái này "đồng" thì năm cái sau liền được giải quyết, một tơ hào khó khăn đều không còn nữa.

"Giải đồng tu" thì sẽ thủ pháp, tất cả tự nhiên tuân thủ pháp tắc. "Thân đồng trụ", đồng tại quốc độ này, đồng tại xã hội này. "Khẩu vô tranh" họ tranh, ta không tranh thì không có tranh. Khi gặp tranh luận, phương pháp này rất hay, họ nhìn bạn thấy trái mắt, mắng bạn thì bạn ngoan ngoãn nghe, họ mắng hai tiếng đồng hồ, mắng mệt rồi thì không mắng nữa, phải không? Vô sự! Vô sự! Cười thôi, vô sự! Phương pháp này thật hay! Người ta muốn đánh bạn, bạn đừng đánh trả, nhường cho họ đánh, đánh vài cái thì họ không đánh nữa. Bạn xem, đánh mà người ta không đánh trả thì sao? Không tiếp tục nữa. Hai người chửi nhau, hai người đánh nhau thì trình độ cao như nhau. Nếu một người cao một người thấp thì tuyệt đối vô sự! Có bao giờ bạn thấy một người già đánh lộn với em bé ba tuổi không? Chắc không thấy qua. Một người cao, một người thấp đánh cũng không được, mắng cũng không được. Một người tâm thanh tịnh, một người tâm ô nhiễm đánh cũng không được, cãi nhau cũng không được. "**Khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân**", khó nhất là "**kiến hòa đồng giải**", kiến giải phải giống nhau.

Hôm nay cách giảng của tôi với quý vị là đã thâm nhập thêm một tầng, điều này hoàn toàn đều là chân thật, lại hướng lên trên mới có thể thật sự học Phật, học Tam Học: **Giới, Định, Huệ**, lại học thêm Lục Độ của Bồ-tát, cấp cao nhất là Phổ Hiền Thập Nguyện. Phổ Hiền Thập Nguyện hoàn toàn từ thanh tịnh bình

đẳng giác mà tu. Nếu không có thanh tịnh bình đẳng giác thì đâu có Phổ Hiền Thập Nguyện. Cho nên đó là cách tu hành tối cao cấp! Chúng ta mơ ước mong mỏi, chúng ta hiểu rõ, chúng ta làm từ tầng cơ bản nhất, hướng về mục tiêu này thì là đúng. Mọi bước đều chắc thật, cảm ứng của họ không thể nghĩ bàn!

"*Du xử hư không*", tại sao họ có thể du hành trong hư không? Đạo lý ở chỗ nào? Vì họ vô tâm nên tự tại rồi. Chúng ta vì sao không thể du hành trong hư không? Vì trong tâm chúng ta có áp lực rất nặng nề ép xuống đất, phải không? Nặng thêm một tí nữa thì đi trở xuống rồi. Vậy làm sao có thể bay lên trên được? Không có áp lực thì thân nhẹ nhàng. Nếu bạn muốn thí nghiệm thì leo thang lầu sẽ biết ngay. Bạn từng bước từng bước lên tới lầu năm, bạn cảm thấy một thân nhẹ nhõm, giống như đang đi trên đất bằng thì chứng minh trong tâm bạn không có áp lực, tâm bạn khá thanh tịnh. Nếu khi đi lên, bước sau mệt hơn bước trước, lên tới phía trên thì thở hổn hển không đi nổi nữa thì biết phiền não của bạn rất nhiều, áp lực rất nặng. Nếu phải leo núi thì càng rõ ràng hơn, đây là thật, không phải giả. Chúng tôi trước kia ở Đài Trung khi lập Đại Chuyên Phật Học giảng tòa. Có một hôm thầy dẫn một số học sinh đi du ngoạn, lúc đó nơi du ngoạn gần nhất là núi Bát Quái Sơn ở Chương Hóa. Vào ba mươi năm về trước, Bát Quái Sơn chỉ có một con đường rất hẹp để lên phía trên, nhà cửa không nhiều. Thầy Lý dẫn đám đại học sinh trẻ tuổi leo núi, thầy Lý là người thứ nhất leo đến đỉnh núi, thầy đã ngoài 70 tuổi. Học sinh khi leo lên người nào cũng thở hổn hển. Thầy nói: "Xem kìa! Các bạn là đám trẻ con vô dụng, ta 70 tuổi rồi, lên đến đỉnh núi không thấy mệt, không thở hổn hển". Tâm thanh tịnh, thân thể nhẹ, thân thể thanh tịnh leo núi như đi trên đất bằng.

Chúng ta thấy được chỗ này là quả, vậy bạn nghĩ xem đó là cái nhân gì? Là "tịnh hạnh" đấy! Thân tâm thanh tịnh, không có mảy may ô nhiễm, cảm thấy như "*du xử hư không*". "*Cung điện tùy thân*" là chứng minh "y báo chuyển theo chánh báo", đây là sự chứng minh một trăm phần trăm. "*Vô sở chướng ngại, biến chí thập phương cúng dường chư Phật phủ?*". Đây là nói về sự to lớn của không gian hoạt động, là mười phương thế giới, tận hư không khắp pháp giới là hoàn cảnh sinh hoạt của mọi người ở Thế giới Cực Lạc. Chúng ta đọc đến chỗ này đích thực là vô cùng hâm mộ, hâm mộ thì phải gấp rút mà đi. Chúng tôi từ Đài Loan bay đến đây hơn bốn tiếng đồng hồ, người ta không cần, chỉ trong một niệm liền đến ngay mười phương thế giới của chư Phật.

"***Cập kiến bỉ đẳng niệm Phật tương tục phủ?***".
(Và thấy họ liên tục niệm Phật không?).

Câu này là "tịnh niệm nối nhau". Bạn xem, nhóm Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc vẫn niệm A-di-đà Phật, không có nói: "Chúng tôi niệm Phật sanh đến thế giới Cực Lạc thì không cần niệm A-di-đà Phật nữa". Đã đến thế giới Cực Lạc mà vẫn niệm A-di-đà Phật, điều này thật là lạ lùng! "A-di-đà Phật nghe chúng ta luôn niệm Ngài, Ngài không thấy phiền sao?" Đây là một thứ vọng niệm của thế gian chúng ta. Kỳ thật câu "A-di-đà Phật" khi chúng ta thêm vào chữ "Nam-mô", ý nghĩa của câu Nam-mô A-di-đà Phật là Quy Y Vô Lượng Giác. A-di-đà là vô lượng, Phật là giác, là Quy Y Vô Lượng Giác đấy! A-di-đà Phật nghe được cũng gật đầu, chính xác đấy! Niệm niệm không quên Quy Y Vô Lượng Giác. Chúng ta tất cả thời, tất cả chỗ phải giác mà không mê, A-di-đà Phật là ý nghĩa này, Ngài sao lại chán ghét chứ! Niệm đến thành Phật rồi, thành Phật vẫn niệm Phật hiệu này là vì sao? Là vì giáo hóa chúng sanh, chúng ta là nhờ pháp môn này mà thành tựu, mà thành Phật, vẫn lấy pháp môn này để độ chúng sanh, "tịnh niệm nối tiếp".

"***Phục hữu chúng điểu trụ hư không giới, xuất chủng chủng âm, giai thị hóa tác, nhữ tất kiến phủ?***".

(Lại có các loài chim bay giữa hư không hót lên các thứ tiếng, đó là do Đức Phật biến hóa ra, ông có thấy hết hay không?).

Đều là A-di-đà Phật biến hóa ra, bạn có thấy không?

"***Từ Thị bạch ngôn: "Như Phật sở thuyết, nhất nhất giai kiến"***".

(Ngài Từ Thị Bồ-tát bạch rằng: "Như lời Đức Thế Tôn nói, chúng con đều thấy tất cả").

Di-lặc Bồ-tát ở chỗ này trả lời giống như Phật đã nói: "Từng việc từng việc chúng con đều thấy cả!" Không những thấy những thứ này, Di-lặc Bồ-tát còn thấy được ở thế giới Tây Phương Cực Lạc có một số người vẫn còn thọ khổ.

"***Phật cáo Di-lặc: "Bỉ quốc nhân dân hữu thai sanh giả, nhữ phục kiến phủ?"***".

(Đức Phật bảo Di-lặc: "Nhân dân ở nước đó có thai sanh nữa, ông có thấy chăng?").

Thế giới Tây Phương Cực Lạc có "*thai sanh*", các ông có thấy không? Thai sanh này không phải thật, vẫn là liên hoa hóa sanh, chữ "*thai*" là hình dung chỗ khổ, *thai sanh* là khổ. Thế giới Tây Phương Cực Lạc có một số người vẫn đang sống trong những ngày tháng đau khổ. Thế Tôn đem nó tỉ dụ cho thai sanh, hỏi

Di-lặc Bồ-tát: "Các ông có thấy chăng?" "Thấy rồi!" Di-lặc Bồ-tát cũng thấy được rồi.

"***Di-lặc bạch ngôn: "Thế Tôn! Ngã kiến Cực Lạc thế giới nhân trụ thai giả, như Dạ-ma thiên, xử ư cung điện"***".

(Ngài Di-lặc bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con thấy người thế giới Cực Lạc ở trong thai như ở trong cung điện cõi trời Dạ-ma").

Những người ấy vui sướng biết bao! Tuy là thọ khổ, thọ cái khổ gì vậy? Vì chưa thấy Phật, chưa được nghe pháp. Ngoại trừ chưa được thấy Phật nghe pháp ra, tình trạng sinh hoạt của họ thì vui sướng giống như người cõi trời Dạ-ma vậy (cõi trời Dạ-ma còn cao hơn một cấp so với cõi trời Đao-lợi). Vậy họ khổ ở chỗ nào? Không thấy Phật, khổ. Không nghe pháp, khổ. Không thấy Phật, không được nghe pháp thì họ không thể *dạo trong hư không, cung điện tùy thân, không bị chướng ngại, đến khắp mười phương cúng dường chư Phật*. Họ không làm nổi! Đây là ý nghĩa tỉ dụ cho thai sanh. Tại sao có tình trạng này? Phẩm phía sau thuyết minh tường tận. Thế Tôn vô cùng từ bi, hy vọng chúng ta chớ làm những loại chúng sanh này. Kỳ thật không thấy Phật, không được nghe pháp cũng chỉ là năm trăm năm mà thôi, năm trăm năm là năm trăm năm ở thế gian này của chúng ta, còn ở thế giới Cực Lạc thọ mạng của người là vô lượng, năm trăm năm đó có là bao! Cho nên cho dù có ở biên địa cũng rất là hạnh phúc, ta cũng chúc mừng họ, cũng thật hiếm có, cũng kể như là siêu việt lục đạo luân hồi rồi. Chẳng qua so với người chín phẩm vãng sanh kia thì trễ nải thêm một chút thời gian mà thôi.

"***Hựu kiến chúng sanh, ư liên hoa nội kết già-phu tọa, tự nhiên hóa sanh***".

(Lại thấy chúng sanh ngồi kiết-già ở trong hoa sen, tự nhiên hóa sanh).

Đoạn này là Di-lặc Bồ-tát thấy được những người niệm Phật thông thường được chín phẩm vãng sanh. Chín phẩm vãng sanh đều là liên hoa hóa sanh.

"***Hà nhân duyên cố, bỉ quốc nhân dân, hữu thai sanh giả, hữu hóa sanh giả?***".

(Do nhân duyên gì nhân dân ở cõi đó có hạng thai sanh, hạng hóa sanh?).

Kỳ thật, thai sanh vẫn là hóa sanh, xin chớ hiểu lầm, vì duyên cớ gì vậy? Vì duyên cớ gì mà có số người sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì thấy Phật thì nghe pháp, còn có một số người sanh đến thế giới Cực Lạc không thể lập tức thấy Phật nghe pháp?

Phẩm kinh phía sau nói rõ nguyên nhân, ở đây chúng tôi xin nêu lên sơ lược. Tâm họ chưa đoạn hết nghi hoặc, nếu chưa đoạn hết nghi thì họ làm sao có thể vãng sanh chứ? Họ không giống như kẻ khác. Họ có tâm thử thăm dò, "nghe nói Tây Phương tốt đẹp như vậy thì ta cứ cố gắng hết sức niệm Phật vãng sanh, không vãng sanh được thì thôi, vãng sanh được thì càng tốt!" Nếu tâm hoàn toàn khẳng định, không có một tơ hào hoài nghi thì họ là chín phẩm vãng sanh. Họ chưa đoạn nghi đối với chính mình hoặc đối với A-di-đà Phật, thế nên có một chút chướng ngại. Cho nên sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, họ không thể lập tức thấy Phật nghe pháp. Phật dùng thai sanh làm tỉ dụ. Nếu nói một cách nghiêm khắc: Tất cả những người vãng sanh bao gồm "thai sanh biên địa" đều là liên hoa hóa sanh. Thế Tôn nói rất rõ ràng, Thế giới Tây Phương là thế giới bình đẳng. Chúng tôi ngày đầu tiên lúc giới thiệu đề kinh đã nói rõ rồi. A-di-đà Phật sở dĩ được xưng là vua của các vị Phật là vì những công đức, trang nghiêm của Ngài mà mười phương chư Phật không có, tức là dùng pháp bình đẳng độ tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh, trên từ Bồ-tát dưới đến địa ngục, chúng sanh chín pháp giới làm sao có thể bình đẳng được chứ? Trong một pháp giới cũng có vô lượng khác biệt rồi, huống hồ là chín pháp giới, nhất định là không bình đẳng. Ngài dùng một pháp bình đẳng. Điều này trong thế giới của chư Phật không có.

Pháp bình đẳng gì? Là **Tín, Nguyện, Trì Danh.** Văn-thù, Phổ Hiền cũng là **Tín, Nguyện, Trì Danh** cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta ngày nay vẫn là dùng **Tín, Nguyện, Trì Danh** mà vãng sanh. Chúng ta với Văn-thù, Phổ Hiền khác biệt quá lớn! Tuy nhiên phương pháp vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc của chúng ta vẫn là giống nhau. Điều này là không thể nghĩ bàn! Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì quả bình đẳng. Ngài lấy pháp bình đẳng khiến tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Nhân bình đẳng, quả bình đẳng, trong tất cả kinh không có, trong tất cả thế giới không có. Cho nên Ngài được xưng là vua trong các vị Phật chính là do nguyên nhân này. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật gia trì cho người này khiến cho người này lập tức bằng với Thất Địa Bồ-tát trở lên. Hạng phàm phu nghiệp chướng sâu nặng phút chốc được kéo đến cảnh giới Bồ-tát Thất Địa, hiển hiện ra trí huệ, thần thông đạo lực không có sai khác với nhóm Đại Bồ-tát Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa. Đây là vì sao? Vì oai thần của bổn nguyện A-di-đà Phật gia trì, cho nên không thể nghĩ bàn! Những người còn có tâm nghi mà vãng sanh, họ vẫn là **Tín, Nguyện, Trì Danh,** tức là trong tín có một tí hoài nghi: "Tôi cố gắng hết lòng nỗ lực niệm Phật, thiết tha cầu A-di-đà Phật", tuyệt đối không hề thua kém

những người nơi chín phẩm. Nhưng họ có một ý niệm đó là: "Được thì tốt, thì tôi được vãng sanh, không được thì thôi cũng không sao cả". Chính vì một niệm như vậy, một vọng tưởng như vậy chưa đoạn mà họ sanh đến biên địa. A-di-đà Phật bình đẳng gia trì, tại sao họ không được? Vì họ có một niệm nghi tình này chưa đoạn, là nghiệp chướng của họ, làm chướng ngại sự gia trì của Phật lực. Nếu họ là người giác ngộ, đoạn niệm này rồi thì lập tức nhập phẩm. Năm trăm năm là thời gian dài nhất, có một số người đến bên ấy vài ngày thì họ giác ngộ, không còn hoài nghi, thì lập tức nhập phẩm rồi. Có một số người phải chờ đến vài năm, mấy mươi năm không chừng, dài nhất là năm trăm năm. Ngày mai chúng ta thảo luận đến đoạn này, đoạn này cũng rất lý thú.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 26

BIÊN ĐỊA NGHI THÀNH ĐỆ TỨ THẬP
PHẨM BỐN MƯƠI: BIÊN ĐỊA, NGHI THÀNH

"***Phật cáo Từ Thị: "Nhược hữu chúng sanh, dĩ nghi hoặc tâm tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc. Bất liễu Phật Trí, Bất Tư Nghị Trí, Bất Khả Xưng Trí, Đại Thừa Quảng Trí, Vô Đẳng Vô Luân Tối Thượng Thắng Trí. Ư thử chư trí, nghi hoặc bất tín, do tín tội phước, tu tập thiện bổn, nguyện sanh kỳ quốc"***"".

(Đức Phật bảo Ngài Từ Thị: "Nếu có chúng sanh dùng tâm nghi hoặc mà tu các công đức, nguyện sanh về Cực Lạc, không rõ Phật Trí, Bất Tư Nghị Trí, Bất Khả Xứng Trí, Đại Thừa Quảng Trí, Vô Đẳng Vô Luân Tối Thượng Thắng Trí. Đối với các trí này nghi ngờ không tin, nhưng tin tội phước mà tu tập gốc lành, nguyện sanh về Cực Lạc").

Đây là loại thứ nhất, những chỗ này chúng ta phải lưu ý. Trong đoạn khai thị này Thế Tôn chủ yếu là thức tỉnh chúng ta, vãng sanh tốt nhất đừng nên sanh vào biên địa. Sanh vào biên địa, thấy Phật nghe pháp phải trễ mất năm trăm năm, thời gian dài như thế đó. Tuy ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, trong thọ mạng của vô lượng thọ, năm trăm tuổi đích thực là vô cùng ngắn tạm. Tuy nhiên, chúng ta thử nghĩ, nếu ở thế gian này phải rớt lại phía sau năm trăm năm, chúng ta nhất định phải biết có rất nhiều đồng tu ở phía sau sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc vượt qua chúng ta rất nhiều. Chúng ta tuy sanh Tây Phương nhưng rớt ở phía sau họ, là tình trạng này. Phật ở chỗ này rất từ bi mà thức tỉnh chúng ta. Trong trường hợp này là không thể liễu giải trí huệ không thể nghĩ bàn của Phật mà khởi nghi hoặc, "*nghi hoặc tâm*". Tuy là nghi hoặc, họ vẫn "*tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc*". Hai điều này rất quan trọng, tuy họ có nghi hoặc, tại sao lại vãng sanh? Có thể thấy rằng họ tu hành đích thật không có rớt sau người ta. **"Tu chư công đức" tối quan trọng là Tín, Nguyện, Trì Danh, đây là công đức đấy!** Cho nên họ được sanh Tây Phương Tịnh Độ. Tại sao họ không thể nhập phẩm. Chữ "phẩm" này tức là "chín phẩm". Tại vì họ "*bất liễu Phật Trí*". "*Phật Trí*" nào vậy? Tiếp theo Phật nói bốn thứ trí, "Phật Trí" là nói chung.

"*Bất Tư Nghị Trí*", Phật có trí huệ không thể nghĩ bàn. Cổ Đại Đức đem đoạn kinh văn này phối vào trong "tứ trí" mà thuyết minh thì chúng ta dễ hiểu được. Trong Pháp Tướng Duy Thức nói **tứ trí** này là: ***Thành Sở Tác Trí***, ***Diệu***

Quán Sát Trí, ***Bình Đẳng Tánh Trí*** và ***Đại Viên Kính Trí***. Chúng ta cũng gọi nó là "**tứ trí Bồ-đề**", Bồ-đề nghĩa là giác ngộ. "Tứ trí Bồ-đề" là đối với mê tình phàm phu mà nói. Bởi vì phàm phu đã mê mất tự tánh, đem tự tánh biến thành "tám thức", tám thức này không phải là giác ngộ, tám thức là do mê hoặc mà có, còn giác ngộ thì đem tám thức chuyển đổi thành bốn trí. Cho nên Giáo Hạ thì nói tu hành quý tại "**chuyển thức thành trí**". Câu nói này đích thực nói không sai. Thành tựu của việc tu hành là gì? Là chuyển thức thành trí, chuyển "bát thức" thành "tứ trí". Tuy nhiên phải thực sự biết chuyển, đích thực rất không dễ dàng!

Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng-nghiêm rất nổi tiếng trong giới Phật giáo Trung Quốc, hầu như không ai không biết đến bộ kinh điển này. Từ xưa đến nay, chú giải Kinh Lăng-nghiêm có trên một trăm loại, có thể thấy sự yêu chuộng của mọi người đối với bộ kinh này, có nhiều người chú giải như vậy. Trong đó, phần chú giải thuộc hạng quyền uy, tức là mọi người đều công nhận chú giải hay, ít nhất có đến mười mấy loại. Vào cuối đời nhà Minh có Giao Quang Đại Sư, Ngài cùng một thời đại với Liên Trì Đại Sư. Giao Quang Đại Sư cũng là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nơi phần chú giải Kinh Lăng-nghiêm của Ngài gọi là Chánh Mạch Sớ, trong phần tựa Ngài viết về nhân duyên Ngài chú giải kinh. Lúc Ngài sắp vãng sanh, cũng tức là thọ mạng đã đến, A-di-đà Phật đến tiếp dẫn, Ngài hốt nhiên chợt nghĩ, Kinh Lăng-nghiêm từ xưa đến nay tuy có rất nhiều chú giải nhưng vẫn chưa nói rõ ràng ý của Phật, đều chỉ ở đó suy đoán mò mẫm. Ngài muốn phát tâm làm phần chú giải cho Kinh Lăng-nghiêm. A-di-đà Phật đến tiếp dẫn Ngài, Ngài hướng về A-di-đà Phật xin nghỉ phép, thưa rằng: "Cho con chú giải xong kinh này rồi mới vãng sanh". A-di-đà Phật gật đầu đồng ý rồi đi mất, bệnh của Ngài cũng lành hẳn. Sau khi lành bệnh, Ngài làm chú giải của Kinh Lăng-nghiêm. Phần chú giải của Ngài khác với phần chú giải xưa, kiến giải đích thực không giống nhau. Chú giải xưa phần nhiều là phối hợp tam chỉ, tam quán của Thiên Thai để giải thích Lăng-nghiêm. Còn kiến giải của Giao Quang Đại Sư là đã thoát ly Thiên Thai, hoàn toàn theo ý thú trong kinh điển đã nói để giải kinh, giải thích về xa-ma-tha, tam-ma, thiền-na. Người xưa đã đem ba thứ này phối hợp với Tam Chỉ Tam Quán của tông Thiên Thai. Trong đó cái quan trọng nhất là Ngài đề xướng "xả thức dụng căn". Bởi vì chú giải xưa đều không rời khỏi "bát thức", cách nhìn của Ngài về xa-ma-tha, tam-ma, thiền-na trong Lăng-nghiêm là lìa khỏi tám thức, nhất định không dùng tám thức, 51 tâm sở. Cách nói này thật là cao minh, đích thực khác với cách nhìn của Cổ Đức.

Cách giải thích không sai. Tuy nhiên, có được mấy người có thể "xả thức mà dụng căn" chứ! Chữ "căn" này là cái tánh trong căn. Tỉ như nói nhãn căn: Chúng ta thấy sắc là dùng nhãn thức để thấy sắc. Thức là phân biệt, thức thứ sáu phân biệt. Chúng ta thấy đây là hoa, là lá, đây là đỏ đây là vàng… phân biệt đấy! Cái phân biệt này là thức thứ sáu, ý thức đang khởi tác dụng. Không những phân biệt mà lại còn chấp trước, chấp trước là thức thứ bảy, vẫn lưu lại ấn tượng rất sâu, vĩnh viễn không thể quên, cái ấn tượng này tức là thức thứ tám.

Giao Quang Đại Sư giảng trong Kinh Lăng-nghiêm, tu xa-ma-tha, tam-ma, thiền-na, không dùng thức mà dùng tánh trong căn, cũng tức là bảo: mắt thấy sắc phải dùng tánh thấy để thấy, tai nghe tiếng phải dùng tánh nghe để nghe, không dùng thức thứ sáu, dùng căn tánh của sáu căn, tánh là chân tánh là bản tánh vậy. Người biết dùng tánh thì minh tâm kiến tánh rồi! Kiến tánh thì thành Phật rồi. Đích thật phù hợp với giáo nghĩa của Phật nói trong Kinh Lăng-nghiêm, ý thú này Ngài giải thích không sai, tuy nhiên rất khó. Nếu y theo sự giải thích trong kinh điển, kinh văn cũng dài, cũng khó hiểu, rất khó lĩnh hội.

Đã từng có một số đồng tu hỏi tôi: Dùng lời đơn giản nhất để nói "cái gì gọi là thức, cái gì gọi là căn, cái gì gọi là xả thức dụng căn?", lời hỏi này rất hay! Cái đơn giản nhất mà chúng ta lĩnh hội được là: Từ trên sự tác dụng của thức mà phân biệt, tác dụng của thức thứ sáu là phân biệt. Tác dụng của thức thứ bảy, Mạt-na, là chấp trước. Tác dụng của A-lại-da là chứa đựng. A-lại-da giống như cái kho chứa. Tất cả những hình bóng của ngũ trần gá vào đều được chứa ở A-lại-da thức. Chúng ta gọi tác dụng của nó là ký ức, bạn vì sao nhớ được? Bởi vì bạn chứa ở trong A-lại-da thức. Làm sao "xả thức dụng căn"? Thực tại mà nói xả thức, vậy khởi tác dụng tức là căn, không cần phải suy nghĩ cái gì gọi là căn nữa. Khi nghĩ những thứ này thì lại rơi vào trong ý thức. Cổ Đức gọi là "chỉ cần lìa vọng, không cần cầu chân", lìa khỏi vọng thì tự nhiên là chân. Nếu bạn lại đi cầu chân thì lại biến thành vọng rồi, bạn có cái tâm cầu thì đó tức là vọng tâm, không phải là chân tâm.

Chỉ cần xả bỏ hết vọng, chỉ cần xả bỏ hết thức, chỗ bạn khởi tác dụng đó đương nhiên là tự tánh vậy. Vậy thì chúng ta thấy sắc, phải "thấy" cách nào? Không có phân biệt, không có phân biệt cũng thấy được rất rõ ràng. Không phải không có phân biệt thì thấy không rõ. Giống như một tấm kính, kính chiếu vào cảnh vật bên ngoài không phải chiếu rất rõ ràng đó sao? Nó có phân biệt không? Nó không có phân biệt. Chúng ta dùng tâm phải giống như tấm kính. Thấy sắc không phân biệt sắc tướng. Sắc tướng rõ ràng minh bạch. Không dùng tâm phân

biệt, cũng đừng chấp trước, không có phân biệt, không có chấp trước, xin thưa quý vị, sắc tướng mà bạn thấy đó, tất cả sắc tướng nhất định là bình đẳng. Tại sao không bình đẳng? Bởi vì bạn có chấp trước, có phân biệt thì nó không bình đẳng, lìa khỏi phân biệt chấp trước thì là bình đẳng, nhất định không rơi vào ấn tượng, điều này rất khó. Không lưu lại ấn tượng tức là không dùng A-lại-da thức, không chấp trước tức là không dùng Mạt-na thức, không phân biệt tức là không dùng thức thứ sáu, đây gọi là xả thức. Tác dụng sau khi xả thức là chúng ta mắt thấy sắc là cái thấy của tánh thấy, tai nghe tiếng là cái nghe của tánh nghe, nhà thiền gọi đó là minh tâm kiến tánh, cảnh giới là như vậy. Nói sơ lược thì chúng ta mới có thể lĩnh hội được một chút ý nghĩa này, nói sâu nói rộng thì không thể nghĩ bàn!

Chỗ này thêm vào *Bất Tư Nghị Trí,* tức là *Thành Sở Tác Trí* là năm thức đầu, *Thành Sở Tác Trí* có thể thành tựu tất cả Phật pháp. Phật pháp là pháp giác ngộ. Chư vị phải ghi nhớ, Phật nghĩa là giác ngộ, nói **Phật pháp** tức là pháp giác ngộ, nói **Phật học** là môn học của giác ngộ, phải biết điều này. Trong tất cả cảnh giới đều có thể giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm. Phật cùng chư đại Bồ-tát ở trong chín pháp giới, trong lục đạo, đặc biệt trong tam đồ độ hóa tất cả chúng sanh, bản thân các Ngài không mê. Nói một cách khác, các Ngài không phân biệt, không chấp trước, không lưu giữ ấn tượng. Đây là không mê, không tà, không nhiễm, có thể khiến tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ. Nghiệp chướng tập khí của chúng sanh dù nặng đến đâu, các Ngài đều có thiện xảo phương tiện giúp đỡ chúng sanh. Việc khai ngộ này không phải trong một, hai ngày thì khai ngộ, những người nghiệp chướng nặng thì phải mất nhiều đời nhiều kiếp.

Chúng ta trong phần kinh văn phía trước đã đọc qua, người có thể niệm Phật phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta vốn không biết được, ngỡ rằng bảo người này niệm Phật thì họ liền niệm Phật, rất vâng lời, đâu có biết người này trong đời quá khứ đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật, thiện căn sâu dày của họ đã hiện tiền. Cho nên họ nghe rồi mới chịu tiếp nhận, mới hoan hỉ, không phải là việc dễ dàng. Chúng ta nhìn thấy phàm phu thì chỉ thấy một đời này, không nhìn thấy đời trước. Phật và Đại Bồ-tát nhìn được sự việc trong đời quá khứ của người này rất rõ ràng, rất minh bạch! Cho nên các Ngài biết được thiện căn của người này chín muồi, quả thật là không dễ dàng, thật là rất hiếm có! Trong một thời gian dài như vậy, A-di-đà Phật, chư Phật Bồ-tát không xả bỏ chúng ta một lần nào. Nói một cách khác, đời đời kiếp kiếp thường xuyên chiếu cố chúng ta, giúp đỡ

chúng ta, đời này duyên này đã thành tựu viên mãn. Chúng ta đột nhiên phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, "tín nguyện trì danh", quả thật là trí huệ không thể nghĩ bàn, đây là "*Thành Sở Tác Trí*". Thích-ca Mâu-ni Phật không nói thì chúng ta làm sao biết được, cho nên một số người hoài nghi vấn đề này cũng không lạ, đích thực là khiến người ta phải hoài nghi.

Trí thứ hai là *Bất Khả Xưng Trí,* "*xưng*" là xưng dương, bao gồm tán thán, không có cách gì tán thán. Nói về *Diệu Quán Sát Trí*, "*quán*" là một nguyên tắc tu hành quan trọng trong Phật môn. Trong Phật môn, có thể nói Bát-nhã Tâm Kinh được lưu thông phổ biến nhất. Không có ai không biết, không có người nào chưa niệm qua Bát-nhã Tâm Kinh. Trong Bát-nhã Tâm Kinh, chữ thứ nhất là "quán", bạn quán được thì bạn liền tự tại. Bạn không biết quán thì bạn không tự tại. Quán là gì? Là lúc nãy vừa nói, không dùng thức thứ sáu, không dùng thức thứ bảy, không dùng thức thứ tám, đó gọi là quán. Nếu dùng tâm ý thức thì không gọi là quán mà gọi là tình. Cho nên bạn thấy gọi là "tình kiến". Kiến giải của bạn mang theo tình cảm, chúng ta gọi là tình cảm, Phật pháp gọi là mê tình. Phàm là tình đều là mê cả, đều không phải là trí huệ, không phải là thứ tốt. Tình kiến tức là mê hoặc điên đảo. Còn quán là lý tánh, lý trí. Lìa khỏi tâm ý thức, không dùng tâm ý thức thì gọi là quán, quán mới có thể thấy được chân tướng sự thật. Nếu có tình bên trong thì không thấy được chân tướng sự thật, tại vì sao? Bởi vì bạn sanh ra "thiên kiến", ưa thích thiên vị, không thấy được chân tướng sự thật.

Tục ngữ chúng ta thường nói "*đương cuộc giả mê, bàng quan giả tỉnh*" (người trong cuộc thì mê, người bên cạnh thì tỉnh). "Bàng quan" là đối với chính họ không có quan hệ lợi hại, họ nhìn được rất rõ ràng. Còn đối với kẻ trong cuộc kia thì họ có quan hệ lợi hại được mất. Sự lợi hại được mất này liền che lấp trí huệ của họ, họ quan sát mọi sự việc trước hết từ trên sự lợi hại được mất của chính mình. Từ góc độ này mà nhìn thì chúng ta gọi đó là chủ quan mà không phải khách quan. *Bất Khả Xưng Trí* tức là *Diệu Quán Sát Trí,* chuyển ý thức thứ sáu. Ý thức thứ sáu không có phân biệt thì cái quán sát đó là diệu. *Đại Thừa Quảng Trí*, tức là chuyển Mạt-na thức thành *Bình Đẳng Tánh Trí*, bình đẳng thì rộng rồi. Trí huệ của người thế gian chúng ta rất nhỏ, nguyên nhân ở đâu? Bởi vì tâm của mình không bình đẳng. Nó vốn là bình đẳng, vốn tâm lượng này là vô lượng vô biên, hiện nay tâm lượng này biến thành rất nhỏ, tự tư tự lợi, đối với ai cũng chia cách ra giới tuyến. Chia cách rất nhiều giới tuyến thì giống như con tằm "làm kén tự trói mình lại". Vốn là biển trời thênh thang bao la mà tự mình làm cái kén đem nhốt mình vào trong đó. Bạn bảo việc này khổ biết bao! Đây tức

là chấp trước, "pháp chấp, ngã chấp", lìa khỏi tất cả chấp trước thì tâm bình đẳng liền hiện tiền, tâm bình đẳng rộng lớn không có bờ mé.

"*Vô Đẳng Vô Luân Tối Thượng Thắng Trí*", "*vô đẳng*" là không có gì bằng với nó, "*vô luân*" là không có gì đồng loại với nó, đây là nói đến chỗ cùng cực rồi, cái trí huệ tối thượng thù thắng, đây là *Đại Viên Kính Trí*. "Đại viên kính" này là tỉ dụ quảng đại viên mãn. Giống như một tấm kính, tận hư không khắp pháp giới, quá khứ, hiện tại, vị lai đều chiếu cả trong đó, chiếu được rõ ràng minh bạch. Năm loại trí này (Phật Trí, Bất Tư Nghị Trí, Bất Khả Xưng Trí, Đại Thừa Quảng Trí, Vô Đẳng Vô Luân Tối Thượng Thắng Trí) đều là chân tâm bản tánh của chúng ta. Câu sau cùng là nói về cái thể của chân tâm bản tánh, bốn câu phía trước đều là nói về tác dụng.

"*Ư thử chư trí*", đây là chỉ cho năm loại trí huệ không thể nghĩ bàn của Phật. Họ có hoài nghi, những người hoài nghi trí huệ của Phật, chúng ta có thể thông cảm cho họ được, chân chánh "đoạn nghi sanh tín" thực tế không phải là một việc dễ dàng, ngược lại thì những người lão thật niệm Phật không hoài nghi. Hạng người nào hoài nghi? Những người nghiên cứu giáo hoài nghi, Pháp Sư giảng kinh thuyết pháp hoài nghi. Tại vì sao? Vì họ đọc kinh quá nhiều, họ hiểu Phật pháp quá nhiều. Họ suy nghĩ, Phật thật sự có trí huệ lớn như vậy sao? Có thể đây chỉ là lời tán thán Phật, không phải là thật. Giống như chúng ta thường hay nói: Phật vạn đức vạn năng, "vô sở bất tri, vô sở bất năng", đây là lời của các nhà tôn giáo tán thán Thượng Đế, chúng ta tán thán Phật cũng tán thán như vậy. Xưa kia người dân tán thán hoàng đế "vạn tuế! Vạn tuế! Vạn vạn tuế!", có vị hoàng đế nào sống được vạn tuổi đâu? Còn người làm hoàng đế cũng rất dại dột! Bạn xem, nói lời vọng ngữ ngay trước mặt họ, họ không cản ngăn mà còn mỉm cười tiếp nhận… Lừa ngay trước mặt, "Vạn tuế! Vạn tuế! Vạn vạn tuế!" Là giả!

Trong Giáo Hạ có rất nhiều Pháp sư, đại Pháp sư, lão Pháp sư, nếu bạn thỉnh giáo họ rằng: "Trí huệ của Phật có phải là viên mãn không?" Họ sẽ nói: "Phật đích thật là đại trí huệ, tuy nhiên không phải là viên mãn thật sự". Họ hoài nghi, vì sao? Vì Phật còn có chỗ "bất năng" (không thể làm được). Vậy thì trí huệ của Phật không viên mãn rồi. Kỳ thật, trí huệ của Phật là viên mãn, Phật không có gì là "bất năng". Chúng ta thấy vẫn còn nhiều chúng sanh không thể được độ, đó không phải là Phật không có khả năng độ, không phải là Phật không có trí huệ, không phải là Phật không có phương pháp để độ, mà là chúng sanh không tiếp nhận để Ngài độ, điều này thì không còn cách nào nữa. Cho nên Phật nói rất hay: "*Phật không độ người vô duyên*", thế nào gọi là vô duyên? Là không chịu tiếp

nhận. "Tôi muốn giúp bạn, quả thật có khả năng giúp bạn, nhưng bạn không chịu không tiếp nhận". Vậy là vô phương! Phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, không phải là trí huệ của Phật có vấn đề, khả năng của Phật có vấn đề. Đặc biệt là sau khi chúng ta đọc xong bộ kinh này thì nghi vấn này có thể nói là đã được giải quyết rồi.

Trước kia, khi chúng tôi mới học Phật cũng đã từng khởi vọng tưởng như vậy. Nếu một người đã tạo ngũ nghịch thập ác, tội nghiệp cực nặng lập tức phải đọa địa ngục, Phật có khả năng khiến họ lập tức thành Phật chăng? Nếu có thể khiến họ lập tức thành Phật thì chúng tôi thừa nhận, không có lời nói nữa, trí huệ của Phật là viên mãn, năng lực của Phật là viên mãn. Quả đúng là "vạn đức vạn năng". Nếu Phật không thể khiến người này lập tức thành Phật thì trí huệ của Phật không viên mãn. Chúng ta ở trong kinh này thấy được đích thật chúng sanh "ngũ nghịch thập ác" lúc lâm chung hối cải lỗi lầm, một niệm mười niệm thì được vãng sanh bất thoái thành Phật. Đáp án tại trong kinh này khiến cho chúng ta hiểu được trí huệ của Phật đích thực là viên mãn. Chúng ta hoài nghi trí huệ của Phật, tạo thành chướng ngại cho chính mình.

Loại người thứ nhất này tuy hoài nghi trí huệ của Phật nhưng họ vẫn có nguyện vọng kiên định cầu sanh Tịnh Độ. Họ cũng niệm Phật, cũng tu thiện, cũng tích đức. Lúc họ lâm chung, Phật vẫn đến tiếp dẫn, nếu Phật không tiếp dẫn thì họ làm sao biết được Tây Phương ở đâu! Phật vẫn đến tiếp dẫn họ, họ ở lại biên địa, trên thực tế, biên địa hóa thành đều là tỉ dụ, tiếp dẫn họ vẫn là hoa sen hóa sanh, tuy nhiên họ ở trong hoa sen thì không thấy được Phật, không nghe được Phật nói pháp. Như phía trước đã nói, ở trong hoa sen rất là sung sướng, giống như ở tại cung trời Dạ-ma vậy, đợi đến khi nào họ giác ngộ, biết được "Ồ! Ta sai rồi, ta không nên hoài nghi trí huệ của Phật". Họ khởi được một niệm này rồi thì họ liền nhập phẩm, liền thấy Phật nghe pháp.

Tuy họ nghi hoặc trí huệ của Phật, "*do tín tội phước*", họ vẫn tin nhân quả báo ứng, những đạo lý, lợi ích, công đức thù thắng của việc vãng sanh, cho nên họ "*tu tập thiện bổn, nguyện sanh kỳ quốc*". **Chữ "*thiện bổn*" nói ở chỗ này tức là niệm Phật, niệm Phật là chí thiện, vượt hơn tất cả thiện pháp thế xuất thế gian, không có gì thiện hơn việc này.** Điều này chư vị phải biết, người không niệm Phật đúng như trong kinh đã nói, là kẻ đáng thương, vì sao họ không niệm Phật? Vì thiện căn của họ chưa chín muồi. Dù bạn nói với họ, họ vẫn không tin, không chịu tiếp nhận. Họ không chịu niệm, bạn vẫn cứ nói với họ, về sau họ hồi đầu, chịu niệm rồi thì điều này rất hiếm có! Đây là tại sao? Thiện căn của họ chưa

chín muồi, chỉ còn thiếu một tí ti, bên ngoài có tăng thượng duyên tốt giúp đỡ thì thiện căn của họ liền chín muồi. Là sự việc như vậy. Cho nên thiện hữu, thiện duyên là hoàn cảnh niệm Phật rất tốt! Họ thường tiếp xúc với các đồng tu niệm Phật, được bồi dưỡng hun đúc, dần dần họ cũng hiểu rõ, hồi đầu rồi, đây là thiện tri thức chân chánh! Đây là nói về **nguyên nhân thứ nhất sanh nơi biên địa.**

"***Phục hữu chúng sanh, tích tập thiện căn, hy cầu Phật Trí, Phổ Biến Trí, Vô Đẳng Trí, Uy Đức Quảng Đại Bất Tư Nghị Trí. Ư tự thiện căn bất năng sanh tín, cố ư vãng sanh thanh tịnh Phật quốc, ý chí do dự, vô sở chuyên cứ. Nhiên do tục niệm bất tuyệt, kết kỳ thiện nguyện vi bổn, tục đắc vãng sanh***".

(Lại có chúng sanh chứa nhóm thiện căn, mong cầu Phật Trí, Phổ Biến Trí, Vô Đẳng Trí, Uy Đức Quảng Đại Bất Tư Nghị Trí, đối với căn lành của mình không sanh lòng tin, ý chí còn do dự đối với sự vãng sanh cõi Phật thanh tịnh, không có tinh chuyên, nhưng vì liên tục niệm Phật không thôi, kết với thiện nguyện thành căn bản nên cũng được vãng sanh).

Đây là loại người thứ hai sanh đến biên địa. Loại người này có thể tin trí huệ của Phật. Họ biết "*tích tập thiện căn, hy cầu Phật trí*". Chỗ này nói về *Phổ Biến Trí, Vô Đẳng Trí, Uy Đức Quảng Đại Bất Tư Nghị Trí.*

✓ ***Phổ Biến Trí*** tức là **Diệu Quán Sát Trí, Thành Sở Tác Trí**.

✓ ***Vô Đẳng Trí*** tức là **Bình Đẳng Tánh Trí**.

✓ ***Uy Đức Quảng Đại Bất Tư Nghị Trí*** tức là **Đại Viên Kính Trí**.

Họ không hoài nghi trí huệ không thể nghĩ bàn của Phật, nhưng họ tự hoài nghi mình, tự mình tạo nghiệp chướng quá nặng. Tạo tội nghiệp quá sâu. Đã làm nhiều việc xấu "sát đạo dâm vọng". "Hạng người xấu như tôi đây vãng sanh được chăng?" Họ lo âu vấn đề này, tuy gặp được thiện hữu tri thức khuyên bảo, hễ sám hối thì vẫn được sanh. Họ vẫn bán tín bán nghi, "nghe nói Phật từ bi thì tôi niệm, tôi nhất định cầu vãng sanh". Tuy nhiên đối với chính mình vẫn là nghi tình không dứt, không đoạn được sạch sẽ rốt ráo, vẫn cho rằng nghiệp chướng của mình rất nặng, tội nghiệp quá sâu… Cho nên "*ư tự thiện căn bất năng sanh tín*". "*Cố ư vãng sanh thanh tịnh Phật quốc*", vãng sanh cõi Phật thanh tịnh tức là thế giới Tây Phương Cực Lạc. "*Ý chí do dự, vô sở chuyên cứ*", chúng ta không thể theo kinh văn mà giải nghĩa câu nói này. Theo kinh văn mà giải nghĩa thì biến thành chướng ngại nghiêm trọng, không thể vãng sanh. Hiện tượng này thì vô cùng nhẹ yếu, nếu nặng thì họ không thể vãng sanh. "*Nhiên do tục niệm bất tuyệt*", họ

không gián đoạn Phật hiệu, họ có ý nguyện cầu sanh. Do đây có thể biết họ đích thực là có lòng tin với chính mình, nhưng so với người cầu nguyện vãng sanh thông thường thì không có chuyên, không mạnh mẽ, không kiên định. So với những người kia thì họ kém hơn một bậc. Cho nên "*tục đắc vãng sanh*", họ cũng được vãng sanh.

Trên đây là thuyết minh hai loại người. Trong hai loại này, phạm vi nặng nhẹ rộng hẹp là vô cùng sâu rộng. Do đây có thể biết pháp môn niệm Phật này nhất định phải "tin sâu không nghi". Trong việc "tin sâu" nhất định phải bao gồm tin sâu trí huệ của Phật. Bởi vì thế giới Tây Phương Cực Lạc là do trí huệ của A-di-đà Phật xây dựng nên. Do Phật trí lập nên!

- ✓ Là do ***Phật Bất Tư Nghị Trí*** lập nên.
- ✓ Là do ***Bất Khả Xưng Trí*** thành tựu.
- ✓ Là do ***Đại Thừa Quảng Trí*** cảm ứng.
- ✓ Là do ***Vô Đẳng Vô Luân Tối Thượng Thắng Trí*** phát hiện.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói "*duy tâm sở hiện*", là từ cái tâm này mà hiện ra, cũng tức là bảo trong **Đại Viên Kính Trí** hiện ra thế giới Tây Phương Cực Lạc. Do đây có thể biết, y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc là sự thành tựu của **năm thứ trí** của A-di-đà Phật. Chúng ta đối với việc này tin sâu không nghi, cần phải hiểu rõ Phật trí cho đến năm thứ trí huệ trong **thắng trí,** đây mới gọi là **Chân Tín**, có thể sanh đến thế giới Tây Phương, thấy Phật, nghe pháp.

Từ loại người thứ hai này mà chúng ta hiểu rõ chúng ta nhất định phải tin nơi tự tánh vốn có đầy đủ tất cả trí huệ, "phàm thánh nhất như, vốn là thành Phật", đây là Phật ở trong kinh Đại Thừa thường khai thị. Chúng ta không thể tự ti, không được cam chịu đọa lạc. Tuy tạo nhiều tội nghiệp, tại sao lại tạo nghiệp? Là bởi vì mê mà không giác nên mới phạm phải lỗi lầm, vừa quay đầu lại là giác ngộ rồi, đó gọi là chân sám hối. Sám hối là gì? Sám hối là chân thật giác ngộ, giác ngộ cái gì? Giác ngộ "phàm thánh nhất như", giác ngộ tất cả chúng sanh vốn là thành Phật, điều này vô cùng quan trọng. Đây là chuyển cái tâm của chúng ta trở lại, chuyển cái niệm của chúng ta trở lại. Do đây có thể biết, nhất định phải có trí huệ thì mới có được tín tâm kiên định, sau đó mới nhất định vãng sanh. Đây là chúng ta có được lời giáo huấn từ hai đoạn kinh văn trên.

"***Thị chư nhân đẳng, dĩ thử nhân duyên, tuy sanh bỉ quốc, bất năng tiền chí Vô Lượng Thọ sở. Đạo chỉ Phật quốc giới biên, thất bảo thành trung***".

(Do những nhân duyên đó, những hạng người này tuy được sanh về Cực Lạc, nhưng không thể đến thẳng cõi Đức Phật Vô Lượng Thọ được, chỉ ở trong thành thất bảo nơi biên giới cõi Phật).

Đây là lúc vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc không thấy được Phật, hình như không thể đến thẳng nơi đó. "*Đạo chỉ Phật quốc giới biên*", thế giới Tây Phương Cực Lạc có biên giới không? Thực tế mà nói là không có biên giới. Hóa sanh trong hoa sen ở ao thất bảo. Tuy ở trong hoa sen, hoa cũng không nở, trong hoa cũng không có Phật, biên giới đó là tỉ dụ, "*biên giới, nghi thành*", "*thai sanh*", hết thảy đều là tỉ dụ. Không phải nói bên ngoài thế giới Tây Phương Cực Lạc có biên địa. Vậy là không phải pháp giới bình đẳng rồi. Thế giới Tây Phương là thế giới bình đẳng, cho nên hết thảy đều là tỉ dụ. "*Thất bảo thành trung*" cũng là tỉ dụ, "*thành*" là bị nhốt ở trong đó không thể ra được, là biểu thị sự không tự do.

"***Phật bất sử nhĩ, thân hành sở tác, tâm tự thú hướng***".

(Không phải Đức Phật khiến như vậy, là do những nhân đã tạo mà tâm họ tự hướng đến nơi đó).

Có phải là A-di-đà Phật cố ý trừng phạt chăng? Không phải. Tâm Phật là bình đẳng, không phải Phật làm chướng ngại, là tự họ "*tâm tự thú hướng*", tức là trong tâm họ vẫn còn một chút hoài nghi nên biến thành chướng ngại. Chúng ta mới hiểu rõ Thế Tôn ở trong kinh Đại Thừa thường nói: "Nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ-tát". Chúng ta nghe lời nói này nhưng không biết chướng ngại lớn đến mức nào. Ở chỗ này thấy được vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc bị chướng ngại không thể thấy Phật nghe pháp, thế mới biết được cái nghi này đích thực là một vấn đề rất nghiêm trọng. Đây là một trong những phiền não căn bản **tham sân si mạn nghi,** có thể khởi lên tác dụng lớn như vậy.

"***Diệc hữu bảo trì liên hoa***".

(Ở đó cũng có ao sen báu).

Họ cũng ở trong ao sen báu.

"***Tự nhiên thọ thân***".

Họ là hóa thân, tự nhiên thọ thân, không phải là thai thân, vẫn là hoa sen hóa thân.

"***Ẩm thực khoái lạc như Đao-lợi thiên***".
(Ăn uống sung sướng như cõi trời Đao-lợi).

Phía trước nói Dạ-ma thiên, chỗ này nói Đao-lợi thiên.

"***Ư kỳ thành trung bất năng đắc xuất***".
(Ở trong thành đó không thể ra khỏi).

Họ không có cách gì rời khỏi phạm vi của họ, không giống như những người vãng sanh chín phẩm, tuy ở trong hoa sen, nhờ có Phật lực gia trì, những người này có thể tùy ý đến mười phương thế giới cúng Phật, nghe pháp, còn họ thì không được, họ không thể ra ngoài.

"***Sở cư xá trạch tại địa, bất năng tùy ý cao đại***".
(Nhà ở trên đất, không thể cao lớn tùy ý).

Cung điện họ cư trú là ở trên mặt đất, không thể ở trên không trung, không thể lớn nhỏ tùy ý, muốn chỗ ở lớn thì nó lớn, muốn nhỏ một tí thì nó nhỏ.

"***Ư ngũ bá tuế thường bất kiến Phật, bất văn kinh pháp, bất kiến Bồ-tát, Thanh Văn Thánh chúng***".
(Trong năm trăm năm không thấy Phật, không được nghe pháp, không thấy Thánh chúng Bồ-tát, Thanh Văn).

Sự khổ não của họ tức là những điều này, đem nó ví cho thai sanh, ví cho biên địa, biên địa là gì? Nơi nào không có Phật pháp thì được gọi là biên địa. Tuy họ cũng ở trong ao thất bảo, cũng là hoa sen hóa sanh, nhưng không thể thấy Phật, nghe pháp. Đây là do họ chưa đoạn dứt nghi tình nên sanh ra chướng ngại. Chúng ta ngày nay niệm Phật, trong Kinh Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát nói: "*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai tất định kiến Phật*" (nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tại, tương lai nhất định thấy Phật), hiện tiền là hiện nay, hiện nay chúng ta có mấy người thấy được Phật? Bạn tại sao không thấy Phật? Bạn thử xem có hai thứ nghi hoặc này hay không? Nếu có thì không thấy Phật, điều này không có gì lạ lùng. Nếu hai chướng ngại này đích thật không còn nữa thì hiện tại bạn cũng có thể thấy Phật, có cảm ứng.

Trước kia chúng tôi đọc truyện ký Huệ Viễn Đại Sư ở Lô Sơn, Ngài trong đời đã từng ba lần thấy thế giới Tây Phương Cực Lạc, tại sao Ngài thấy được còn người khác không thấy? Vì Ngài không có hoài nghi, không có chướng ngại nên cảm ứng đạo giao. Tuy thấy ba lần nhưng Ngài chưa từng nói qua với một người

nào cả, bạn thấy tâm của Ngài thanh tịnh biết chừng nào. Thực tế mà nói, chúng ta ngày nay khi vừa thấy Phật thì tâm đã phát cuồng, nhất định đi khắp nơi reo lên: "Tôi thấy Phật rồi! Tôi thấy Phật rồi!". Vậy thì tâm thanh tịnh của bạn không còn nữa. A-di-đà Phật biết rõ biết trình độ của chúng ta không đủ, không chịu đựng nổi, cho nên Phật không hiện thân cho chúng ta thấy. Còn người như Viễn Công thì Phật hiện thân ba lần. Viễn Công như như bất động, tâm địa vẫn thanh tịnh, không nhiễm, có tư cách tiếp nhận sự cảm ứng của Phật. Chúng ta ngày nay không có tư cách, không phải Phật không từ bi. Không trách Phật mà phải trách chính mình, mối nghi của chúng ta chưa đoạn, tâm của chúng ta rất yếu ớt, chịu không nổi sự khảo nghiệm của cảnh giới, là nguyên nhân như vậy. Viễn Công đến lúc sắp vãng sanh, cảnh giới thế giới Tây Phương Cực Lạc hiện tiền, Ngài mới nói với mọi người: "Duyên chín muồi rồi, tôi phải vãng sanh, cảnh giới này trước kia đã từng thấy qua ba lần", khi sắp đi Ngài mới nói ra. Cho nên thấy Phật nghe pháp là thù thắng không gì bằng, không thấy Phật, không được nghe pháp tức là biên địa, tức là thai sanh, ý nghĩa là ở chỗ này. Mọi người đừng nên nghĩ thế giới Cực Lạc có một nơi biên địa, rốt cuộc là ở nơi đâu? Vậy thì nghi vấn này lại còn lớn hơn, e rằng đi không được, vấn đề của bạn lại càng nhiều.

"***Kỳ nhân trí huệ bất minh, tri kinh phục thiểu, tâm bất khai giải, ý bất hoan lạc, thị cố ư bỉ vị chi thai sanh***".

(Trí huệ những người đó không sáng suốt, biết kinh pháp lại ít, tâm không mở mang, ý không vui vẻ, nên gọi đó là thai sanh).

Câu này hay lắm! Thích-ca Mâu-ni Phật giải thích việc này không phải thực sự là thai sanh, là tỉ dụ, tức là giả danh thai sanh. Những người này có trí huệ không sáng suốt, vì họ có nghi hoặc. Mối nghi tình này đích thực là rất yếu ớt, không phải là nghiêm trọng, nghiêm trọng thì không thể vãng sanh. Họ vãng sanh nhưng chỉ trễ nải một quãng thời gian không thể thấy Phật, ở đây nói họ "*trí huệ bất minh, tri kinh phục thiểu*", chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Như chúng ta hiện nay niệm một bộ kinh, thậm chí có rất nhiều cụ già một đời chỉ niệm một câu A-di-đà Phật, không biết niệm kinh, họ cũng được vãng sanh. Vậy có phải họ sanh đến biên địa nghi thành không? Không hẳn vậy! Có rất nhiều cụ già vãng sanh tướng lành vô cùng tốt đẹp, biết trước ngày giờ ra đi, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh đều có cả, sao họ lại sanh tại nghi thành được chứ! Chỗ này nói "*tri kinh phục thiểu*", "*thiểu*" là gì? "*Thiểu*" là nói họ hiểu quá ít, rất cạn cợt, chưa đủ sâu rộng. Bạn phải hiểu sâu rộng nghĩa kinh thì bạn mới đoạn được mối nghi. Chúng ta giảng kinh, nghe pháp, nghe kinh, dụng ý ở chỗ nào? Là vì kinh pháp

nói rõ ràng đạo lý, chân tướng sự thật, nói rõ ràng phương pháp tu hành, nói rõ ràng cảnh giới của hai thế giới, cả thảy đều rõ ràng rồi thì "đoạn nghi sanh tín". Thật sự tin rồi, một tơ hào hoài nghi đều không còn nữa thì nghe kinh này hay không không còn quan trọng, quan trọng là lão thật niệm Phật. Tất cả kinh mà bạn chưa được nghe, đến thế giới Cực Lạc, thấy được A-di-đà Phật rồi, nghe cũng không muộn. Có nghi, mối nghi này phải đoạn dứt, sức mạnh của kinh này giúp cho chúng ta đoạn nghi sanh tín.

"*Tín tâm thanh tịnh, tắc sanh thật tướng*", đây là lời Phật nói trong Kinh Kim Cang. Quả thật "tín tâm thanh tịnh" rồi thì kinh này không cần nữa. Trong Kinh Kim Cang có nói "*pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*" (pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp), chữ "pháp" này tức là Phật pháp. Đến khi tín tâm của bạn thanh tịnh rồi thì có thể xả bỏ kinh này, nhất tâm chuyên niệm nhất định được sanh. Pháp môn này thù thắng biết dường nào! Hiếm có biết bao! Đích thực là đơn giản, dễ dàng, vững vàng, nhanh chóng, đâu cần rườm rà phiền phức như vậy! Những điểm thù thắng này tức là đạo lý mà tất cả chư Phật xưng tán A-di-đà Phật là vua của các vị Phật. Phật Phật đạo đồng, Phật Phật đều bình đẳng, tại sao lại xưng A-di-đà Phật là vua của các vị Phật? Bởi vì phương pháp tiếp dẫn chúng sanh của A-di-đà Phật quá ư thiện xảo thần diệu vậy!

"***Nhược hữu chúng sanh minh tín Phật Trí, nãi chí Thắng Trí***".
(Nếu có chúng sanh tin rõ Phật Trí cho đến Thắng Trí).

Nếu có chúng sanh hiểu rõ, tin sâu không nghi "*Phật Trí, nãi chí Thắng Trí*", tức là năm loại trí huệ của Phật mà phía trước nói đến. Tại sao chúng ta hoài nghi trí huệ của Phật, để sanh ra trở ngại lớn như vậy? Bên trong có cái đạo lý của nó. Chúng ta phải biết năm loại trí huệ này tức là cái trí huệ vốn sẵn có của tự tánh chúng ta. Bạn không tin trí huệ của Phật, tức là không tin trong tự tánh có cái trí huệ này thì sức mạnh của chướng ngại này rất lớn! "*Sanh Phật bất nhị, phàm Thánh nhất như*" (chúng sanh và Phật không hai, phàm Thánh là một), đạo lý chân chánh là ở chỗ này. Cho nên Phật giảng rất rõ ràng, Phật không phải muốn làm như vậy, cũng không phải Phật cố ý làm như vậy, mà là tự nhiên trở thành một thứ chướng ngại.

Ngẫu Ích Đại Sư trong Yếu Giải nói với chúng ta tín nguyện hạnh. Ngài nói có sáu thứ tín, thứ nhất tức là "**tín tự**", thứ hai là "**tín tha**", chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa này. Niệm Phật thành Phật, phải có lòng tự tin nhất định: "Ta niệm Phật thì có thể thành Phật". Ta tin A-di-đà Phật, tin Thích-ca Mâu-ni Phật là tin những

phương pháp mà các Ngài ban cho chúng ta nhất định sẽ giúp cho ta thành Phật, đây là "Tín tha". "Tự" là "chủ", còn "tha" là "giúp đỡ", tự mình không có tín tâm nơi mình thì Phật không giúp được. Bạn có một phần tín tâm thì Phật giúp bạn một phần, bạn có mười phần tín tâm thì Phật giúp mười phần. Bạn có chín phần tín, thiếu một phần thì Phật cũng chỉ có thể giúp chín phần, còn một phần kia để cho bạn tự làm lấy, là đạo lý như vậy.

"*Đoạn trừ nghi hoặc*", phía trước là "*minh tín Phật Trí, nãi chí Thắng Trí*" tức là tin chính mình, đoạn trừ nghi hoặc là tin Phật lực, tin trí huệ của Phật.

"***Tín kỷ thiện căn, tác chư công đức, chí tâm hồi hướng***".
(Tin vào thiện căn của mình, làm các công đức, chí tâm hồi hướng).

Phải tin vào thiện căn của chính mình. Đặc biệt là Phật trong bổn kinh có nói với chúng ta, chúng ta đối với Tịnh Tông, đối với A-di-đà Phật, đối với Kinh Vô Lượng Thọ tin sâu không nghi, đó tức là trong kinh có nói từ vô lượng kiếp đến nay bạn đã cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, cái thiện căn này đã chín muồi rồi. Bạn phải tin thiện căn của chính mình, nếu không có thiện căn thâm hậu như vậy thì khi tiếp xúc với pháp môn vô thượng đệ nhất này bạn không thể không hoài nghi. Cho nên một người chân chánh không hoài nghi thì quả thật thiện căn đã chín muồi rồi. "*Tác chư công đức*". Lúc bấy giờ làm công đức tuyệt đối không cần người khuyên bạn, không cần người cổ vũ khích lệ, nhất định là tự động tự phát, cản cũng không cản được, làm công đức gì vậy? Là "đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện", trong việc tu thiện nhất định là toàn tâm toàn lực giới thiệu pháp môn này cho tất cả mọi người.

"*Chí tâm hồi hướng*", "*chí tâm*" là chân tâm, không có một chút hư giả, có một tơ hào việc thiện nhỏ nhặt đều đem trang nghiêm Phật Tịnh Độ, trang nghiêm cách nào? Quý vị phải biết tận hư không khắp pháp giới đều là Phật Tịnh Độ, chúng ta khuyên một người đổi ác hướng thiện tức là trang nghiêm Phật Tịnh Độ, chúng ta khuyên một người trường chay niệm Phật tức là trang nghiêm Phật Tịnh Độ, xã hội này có thêm được một người tốt, thêm được một người không làm ác, thêm được một người niệm Phật, niệm Phật là người tối thiện. Trang nghiêm xã hội này, trang nghiêm quốc gia này, trang nghiêm thế giới này tức là trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Một người hồi đầu, một người đoạn ác hướng thiện sẽ làm ảnh hưởng đến một nhà, cả nhà bị cảm động, cả nhà hành thiện có thể ảnh hưởng đến bạn bè thân thích, láng giềng đồng hương của họ thì là ảnh hưởng đến xã hội. Đây tức là Phật ở phía trước dạy chúng ta phải đẩy mạnh mở rộng nền giáo dục của

Phật, "*Phật sở hành xứ*" là khiến chúng ta đẩy mạnh mở rộng nền giáo học của Phật-đà. Khiến cho tất cả chúng sanh đều có được sự lợi ích chân thật của Phật pháp, tức là "*chí tâm hồi hướng*".

"***Giai ư thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh, già-phu nhi tọa, tu du chi khoảnh, thân tướng quang minh, trí huệ công đức, như chư Bồ-tát, cụ túc thành tựu***".

(Đều tự nhiên ngồi kiết-già hóa sanh trong hoa thất bảo, trong khoảnh khắc được thân tướng quang minh, công đức, trí huệ thành tựu đầy đủ như các Bồ-tát vậy).

Đây là nói về **chín phẩm vãng sanh**. Những người không có nghi hoặc, họ tin vào thiện căn của mình, "*tác chư công đức, chí tâm hồi hướng*", như vậy mà vãng sanh trong chín phẩm. Chín phẩm vãng sanh thảy đều là liên hoa hóa sanh, trong kinh văn này nói rõ ràng minh bạch đều là liên hoa hóa sanh. "*Tu du chi khoảnh*" là nói tốc độ nhanh, chúng ta thường nói là một sát-na. Trong một niệm sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì thân tướng, ánh sáng, trí huệ, công đức của họ giống với những vị đại Bồ-tát kia, không có sai khác. Bởi vì Di-đà Thế Tôn trong hoằng nguyện của Ngài nói rằng: "Sanh đến Tây Phương Tịnh Độ đều làm A-duy-việt-trí Bồ-tát". A-duy-việt-trí đều là Bồ-tát Thất Địa trở lên, đây là nói nguyện lực của Phật gia trì, không phải là tự thân [tu chứng]. Trong kinh nói đến Bồ-tát, Thanh Văn, trời, người, đó là nói công phu của chúng ta có sai biệt, Phật lực vừa gia trì thì là như nhau, nhất định bạn không phân biệt được. Chúng ta ở nơi đây vì có phân biệt, có chấp trước, có vọng tưởng nên Thế Tôn tùy theo sự phân biệt vọng tưởng của chúng ta mà nói có Bồ-tát, có Thanh Văn, có trời, người. Khi đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc, mọi người không có ý niệm này, tại sao không có ý niệm này? Vì là pháp giới bình đẳng, ở thế giới bình đẳng nhất định không có ý niệm này. Cho nên quan niệm của người ở bên đó khác với quan niệm của chúng ta. Chúng ta đều rơi vào trong ý thức, tâm ý thức làm chủ, người bên đó không dùng tâm ý thức, hoàn toàn là tương ưng với Tứ Trí Bồ-đề trên quả địa của Như Lai.

"***Di-lặc đương tri, bỉ hóa sanh giả, trí huệ thắng cố***".

(Di-lặc Bồ-tát phải biết, hạng hóa sanh đó là do trí huệ thù thắng).

Họ có trí huệ, họ không có phân biệt, không có chấp trước, không có hoài nghi. Đây tức là trí huệ thù thắng. Trí huệ khác với thông minh, không thể đem thông minh của thế gian cho là trí huệ, cái đó chúng ta gọi là "thế trí biện thông",

nó không phải là trí huệ. Những cụ già kia không biết chữ, cũng chưa nghe kinh, hỏi họ cái gì cũng không biết, chỉ "A-di-đà Phật, A-di-đà Phật…", là chân trí huệ, đại trí huệ đấy! Chúng ta giảng kinh, nói pháp dường như nói cả pháp thế xuất thế gian, [nhưng] không có trí huệ, vì sao? Là vì không tin, không chịu lão thật niệm Phật. Cho nên trí huệ và thông minh khác nhau. Đó mới gọi là trí huệ chân chánh, cho nên nói "*trí huệ thắng cố*".

"***Kỳ thai sanh giả, ngũ bá tuế trung, bất kiến Tam Bảo, bất tri Bồ-tát pháp thức***".

(Hạng thai sanh kia trong năm trăm năm không thấy Tam Bảo, không biết cách tu học của Bồ-tát).

Chữ "*pháp thức*" là nói tu học. Họ không biết cách tu học của Bồ-tát của thế giới Tây Phương Cực Lạc, không biết Bồ-tát trong sinh hoạt hằng ngày tu hành cách nào.

"***Bất đắc tu tập công đức, vô nhân phụng sự Vô Lượng Thọ Phật***".

(Không được tu tập công đức, không có nhân duyên cúng dường Phật Vô Lượng Thọ).

Bởi vì họ không thấy Phật, không được nghe pháp, cũng không thấy được mọi người trong hải hội. Họ chỉ ở trong hoa sen ấy để hưởng lạc thanh tịnh.

"***Đương tri thử nhân, túc thế chi thời, vô hữu trí huệ, nghi hoặc sở trí***".

(Phải biết hạng người này do đời trước không có trí huệ, sanh tâm nghi hoặc mà ra).

Nói cái nguyên nhân của họ, trong quá khứ, trước khi họ đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu chúng ta ở nhân đạo thì chúng ta có cái nghi hoặc này, hoặc là nghi Phật, hoặc là nghi chính mình, đều tạo thành chướng ngại. Phẩm sau vẫn tiếp tục giải thích, đoạn này còn một số ý vẫn chưa nói hết nên phải giải thích thêm. Rốt cuộc có nhất định là cần phải năm trăm năm không? Năm trăm năm này là năm trăm năm của thế gian chúng ta hay là năm trăm năm của thế giới Tây Phương Cực Lạc?

HOẶC TẬN KIẾN PHẬT ĐỆ TỨ THẬP NHẤT
PHẨM BỐN MƯƠI MỐT: HOẶC TẬN KIẾN PHẬT

"*Hoặc*" tức là mê hoặc, tức là nghi hoặc, phải đoạn dứt nghi thì họ mới thấy Phật, được nghe pháp, thấy được mọi người trong hải hội.

"***Thí như Chuyển Luân Thánh Vương hữu thất bảo ngục. Vương tử đắc tội, cấm bế kỳ trung. Tằng lâu ỷ điện, bảo trướng kim sàng, lan song tháp tọa, diệu sức kỳ trân. Ẩm thực y phục như Chuyển Luân Vương. Nhi dĩ kim tỏa hệ kỳ lưỡng túc. Chư tiểu vương tử ninh nhạo thử phủ?***".

(Thí như Chuyển Luân Thánh Vương có ngục bảy báu để giam những vương tử có tội. Trong đó cũng có lầu gác, cung điện, màn báu, giường báu, lan can cửa sổ, giường ghế trang hoàng quý báu. Ăn uống y phục được cấp dưỡng như Chuyển Luân Thánh Vương, nhưng bị trói chân bằng xích vàng, các tiểu vương tử này có thích ở nơi ấy không?).

Cuộc sống như vậy họ có vui sướng hay không? Dùng cái tỉ dụ này để tỉ dụ những người sanh tại biên địa. "*Chuyển Luân Thánh Vương*", hiện nay thế gian của chúng ta không có, trong kinh có nói, khi thọ mạng con người đến hai vạn tuổi thì Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện tại thế gian. Thọ mạng con người dài tức là phước báo lớn, nhân tâm thuần thiện, làm ác rất ít, điều này đích thật hợp với Phật thường nói trong kinh, "phước báo, trí huệ, thọ mạng của con người đều là có nhân quả", thọ mạng tại sao dài, tại sao ngắn? Dài, ngắn là quả, phía trước có nhân. Là vì sát hại chúng sanh, ăn thịt chúng sanh nên thọ mạng không thể dài, điều này quý vị phải hiểu, đây không phải cái nhân của trường thọ.

Phật nói: bố thí tài là nhân, được giàu có là quả báo. Bố thí pháp là nhân, hôm nay quý vị in kinh bố thí, đây là bố thí pháp, quả báo là thông minh trí huệ. Bố thí vô úy là nhân, quả báo là mạnh khỏe sống lâu. Do đây có thể biết thọ mạng con người hai vạn tuổi thì tâm địa của họ nhất định vô cùng từ bi, biết thương yêu bảo hộ tất cả động vật, không những thương yêu bảo hộ động vật, đối với thực vật cũng đều thương yêu bảo hộ. Họ có tâm đó thì thọ mạng họ dài. Cho nên nói nhân gì thì được quả đó, thế xuất thế gian đều không ngoài định luật của nhân quả. Có một số người phát tài nói: "Tôi rất có khả năng, tôi kiếm rất nhiều rất nhiều tiền". Chúng ta xem bạn có khả năng gì? Sao bạn kiếm được nhiều tiền như vậy? Vì đời trước bạn tu bố thí tài, trong đời này được quả báo đấy! Người thông minh có khả năng nhiều hơn bạn, người có cơ hội nhiều hơn bạn, tại sao người ta không phát tài? Vì đời trước không chịu tu. "*Nhất ẩm nhất trác mạc phi tiền định*" (mỗi miếng ăn, miếng uống đều đã được định trước), một tơ hào đều không thể miễn cưỡng. Phật đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch đạo lý, chân tướng sự thật này. Chúng ta để tâm suy nghĩ lời của Phật rất có đạo lý, chúng ta có thể tin được, nhưng bên trong vẫn còn một chút nghi hoặc, đây gọi là sơ học. Thật sự hiểu rõ rồi thì nhất định tin, một tơ hào đều không có nghi hoặc.

Chuyển Luân Vương không ở trên thế gian chúng ta, vậy Chuyển Luân Vương ở đâu? Có thể trong hư không có các tinh cầu có thọ mạng rất dài, phước báo của con người rất lớn, Chuyển Luân Thánh Vương ở nơi đó. Tuy nhiên Chuyển Luân Thánh Vương cũng thường đi tuần tra xem xét khu vực mà ông cai quản, cho nên tôi nghĩ, thường có vật thể phi hành trong không gian (UFO), đĩa bay gì đó… có lẽ là Chuyển Luân Thánh Vương đến thị sát. Nếu không phải Chuyển Luân Thánh Vương tự đến thị sát thì nhất định ông phái đại biểu đến thị sát. Tại sao gọi là Luân Vương? Vì công cụ giao thông của ông giống như một bánh xe hình tròn, tốc độ nhanh vô cùng. Trong kinh Phật nói: Trong một ngày một đêm ông có thể đi tuần xem tứ đại bộ châu. Tứ đại bộ châu này nếu theo lời của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ tức là một hệ ngân hà. Ông có thể trong hai mươi bốn giờ đi quanh một vòng hệ ngân hà, đều nhìn thấy rất rõ ràng, điều này giống như hiện nay chúng ta xem thấy đĩa bay vậy, vật ấy hình tròn, đó tức là công cụ giao thông của Luân Vương. Tất cả tinh cầu đều thuộc phạm vi của ông cai quản. Cái này là luân bảo.

Đây là tỉ dụ, ông có cái nhà giam thất bảo, người nào phạm tội vậy? Là hoàng tử phạm tội, người niệm Phật là đệ tử của A-di-đà, đệ tử của A-di-đà Phật phạm tội rồi phải đem họ nhốt vào trong nhà giam, đây là tỉ dụ, không phải thật. "*Cấm bế kỳ trung*", trong cái ngục báu này tất cả sự hưởng thụ giống như trong cung điện, là tỉ dụ sự hưởng thụ ở trong biên địa nghi thành giống như sự hưởng thụ của cung trời Đao-lợi, cung trời Dạ-ma, ăn uống, ở, nghỉ đều như vậy.

"*Nhi dĩ kim tỏa*", đem xiềng xích làm bằng vàng xiềng bạn lại, bạn thấy thoải mái, tự tại hay không? Phật dùng tỉ dụ này nói với Di-lặc Bồ-tát.

"***Từ thị bạch ngôn: "Bất dã, Thế Tôn! Bỉ u trập thời, tâm bất tự tại"***".

(Ngài Từ Thị Bồ-tát bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Dĩ nhiên không vui thích! Khi họ bị giam cầm không được tự tại").

Di-lặc Bồ-tát nói, người đó nhất định không thể vui được. Vì sao? Vì bị giam cầm, huống chi tay chân còn mang gông xiềng, họ làm sao tự tại, vui sướng được!

"***Đãn dĩ chủng chủng phương tiện, dục cầu xuất ly***".

(Chỉ muốn tìm đủ mọi cách để được ra khỏi ngục).

Những tiểu vương đang bị nhốt trong lao ngục này nhất định luôn luôn nghĩ phương cách để mau ra khỏi ngục tù, nhất định là có niệm này, sao có thể ở trong lao tù hưởng phước được!

"***Cầu chư cận thần, chung bất tùng tâm***".

(Lại cầu mọi thế lực cận thần giúp xin nhưng cũng không toại ý).

Cầu những vị đại thần để giúp đỡ, đại thần tâm có dư nhưng lực không đủ, không có biện pháp giúp đỡ.

"***Luân Vương hoan hỷ, phương đắc giải thoát***".

(Bao giờ Chuyển Luân Thánh Vương vui lòng mới được giải thoát).

Chuyển Luân Thánh Vương vui lòng thì mới được thả ra, nếu Luân Vương không chịu thì những đại thần phía dưới không làm chủ được. Vậy thì ở chỗ này ví Luân Vương với ai đây? Luân Vương là ví cho tâm thanh tịnh của bạn, tâm bạn thật sự giác ngộ rồi, hồi đầu rồi, nghi hoặc dứt hết rồi thì bạn liền thấy Phật, nghe được pháp.

"***Phật cáo Di-lặc: "Thử chư chúng sanh diệc phục như thị"***".

(Phật bảo Di-lặc Bồ-tát: - Các chúng sanh này cũng lại như vậy).

Việc vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, những người bị đọa lạc trong nghi thành thì giống như tỉ dụ nói ở trên.

"***Nhược hữu đọa ư nghi hối, hy cầu Phật Trí, chí Quảng Đại Trí, ư tự thiện căn, bất năng sanh tín. Do văn Phật danh khởi tín tâm cố, tuy sanh bỉ quốc, ư liên hoa trung, bất đắc xuất hiện***".

(Nếu có kẻ có tâm nghi ngờ hối hận đối với việc cầu được Phật Trí, cho đến Quảng Đại Trí, đối với thiện căn của mình thiếu lòng tin sâu, do nghe danh hiệu Phật mà phát tâm tin thôi. Tuy sanh về cõi Cực Lạc, ở trong hoa sen, nhưng không được ra khỏi).

Đây tức là giống như vị hoàng tử bị nhốt ở trong ngục báu, người này bị đọa vào nghi hoặc, trong tâm của họ có "*nghi*" có "*hối*", "*hối*" là hối hận, "*hối*" cũng là phiền não. Có một số đồng tu đã tạo tội nghiệp, thật sự muốn cầu sám hối, đến hỏi tôi: "Thưa Pháp Sư, con phải dùng phương pháp gì để sám hối tội lỗi của con?" Tôi hỏi họ: "Bạn có phải thường có tâm hối hận phải không?" Họ nói: "Có". Tôi nói: "Vậy thì hỏng rồi". Họ hỏi: "Tại sao vậy?". "Bạn mỗi lần hối hận thì lại tạo thêm một lần, vậy thì tội nghiệp của bạn đến ngày nào mới sám hối cho hết được?" Quý vị thử nghĩ có đúng không? Mỗi lần trong tâm nghĩ tưởng là lại tạo thêm một lần. "Con đã làm việc xấu." Đứng trước Phật Bồ-tát nói một lần là lại tạo thêm một lần, ngày mai ở trước Phật Bồ-tát lại tạo thêm một lần. Có phải

là tệ hại không chứ? Đây đâu gọi là sám hối. Phật Bồ-tát không có biện pháp tha thứ cho bạn. Bạn đang tạo tội không ngừng. Đây không gọi là sám hối được.

Sám hối là về sau không làm nữa, thân thì không tạo nhưng tâm vẫn còn đang tạo, vậy thì làm sao được? Phải nên làm cách nào để sám hối? Chỉ có lão thật niệm Phật mà thôi. Trong tâm thảy đều là A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, A-di-đà Phật… thì tội nghiệp gì cũng hết sạch, tiêu được một cách sạch sẽ rốt ráo! Tôi nói thì họ bán tín, bán nghi, vậy không có cách gì nữa đâu. Quý vị nhất định phải nghĩ cho rõ ràng, trong tâm chỉ có Phật, một phiến Phật hiệu. Đến khi **công phu thành phiến** thì tội nghiệp tiêu được sạch sẽ rốt ráo, cái gì cũng không còn nữa. Cho nên người ta niệm Phật vãng sanh thù thắng thế đó! Đạo lý là ở chỗ này. Khi bạn tạo tội nghiệp, mỗi ngày hướng về Phật Bồ-tát cầu sám hối: "Con đã làm việc xấu gì đó", bạn lại tạo thêm một lần nữa, ngày mai lại sám hối, rồi lại tạo thêm một lần nữa, thì tội nghiệp này của bạn vĩnh viễn không dứt, ấn tượng càng ngày càng sâu trong A-lại-da thức. Tội nghiệp ấy đến ngày nào mới tiêu hết! Rất muốn cầu sám hối nhưng không biết cách sám hối, ngày ngày đang tạo nghiệp mà cho là sám hối. Bạn bảo có oan uổng không chứ! Cho nên điều này phải hiểu, **sám hối đệ nhất thù thắng tức là niệm Phật**, rất ít người biết được.

Trước kia tôi học Phật, học Kinh Quán Vô Lượng Thọ, trong phần chú giải của Từ Vân Quán Đảnh Pháp Sư viết rất hay: "**Người thế gian tạo tội nghiệp cực trọng, tất cả kinh, sám pháp đều tiêu diệt không nổi tội nghiệp này, niệm Phật có thể tiêu trừ được, có thể tiêu trừ nó một cách sạch sẽ rốt ráo!**" Có đạo lý, vô cùng có đạo lý! Điều này chúng ta phải hiểu rõ. Vậy lợi ích của nó tức là vẫn phải "*do văn Phật danh khởi tín tâm cố*", nghe được sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ, công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn. Họ vẫn thật sự niệm Phật cầu vãng sanh, họ sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, ở trong hoa sen không được ra khỏi, đây tức là đọa tại biên địa nghi thành, dùng cách này để tỉ dụ.

"***Bỉ xử hoa thai***".
(Kẻ ấy ở trong thai hoa).

Họ ở trong hoa sen.

"***Do như viên uyển, cung điện chi tưởng***".
(Mà tưởng như đang ở trong vườn hoa, cung điện).

Giống như ở trong hoa viên, cung điện.

"***Hà dĩ cố? Bỉ trung thanh tịnh vô chư uế ác***".

(Vì sao vậy? Trong thai hoa đó thanh tịnh không có uế ác).

Thế giới Tây Phương là Tịnh Độ, trong hoa sen cũng là Tịnh Độ, nhất định không có ô nhiễm, nhất định không có tạo tội nghiệp.

"***Nhiên ư ngũ bá tuế trung, bất kiến Tam Bảo***".
(Nhưng trong năm trăm năm không thấy Tam Bảo).

Năm trăm năm này là năm trăm năm của thế gian chúng ta, tại vì sao? Vì thế giới Tây Phương Cực Lạc không có năm, tháng, ngày, giờ… phía trước đã nói rất rõ ràng, nói với bạn bao nhiêu kiếp số, bao nhiêu thời gian… toàn bộ đều là cách nói của nơi chúng ta đây, không phải của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có năm, tháng, ngày, cũng không có bao nhiêu kiếp… Thành Phật mười kiếp là ở nơi của chúng ta đây nói, bạn biết được người Tây Phương thật là thanh tịnh. Họ không có phân biệt, không có chấp trước, năm tháng ngày giờ là từ trong phân biệt chấp trước mà kiến lập lên. Lìa khỏi phân biệt chấp trước thì làm gì có năm tháng ngày giờ! Cho nên điều này chúng ta phải rõ ràng. Không thấy Tam Bảo, không thấy A-di-đà Phật, không thấy mọi người trong hải hội. Mọi người trong hải hội là ai? Là Tăng Bảo, không thể nghe Phật nói pháp, đây là Pháp Bảo. Cho nên họ không có cách gì tham dự các hoạt động thù thắng này của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây là cái khổ của họ. Họ không thể cúng dường phụng sự chư Phật. Ở thế giới Tây Phương, mỗi người đều có thể tùy theo ý niệm của chính mình đến mười phương thế giới của chư Phật, cúng Phật, nghe pháp, cũng giúp Phật giáo hóa chúng sanh hữu duyên. Chúng ta từ trong kinh Vô Lượng Thọ, trong kinh A-di-đà đều thấy được, Phật đã nói với chúng ta những sự việc này.

"***Viễn ly nhất thiết thù thắng thiện căn***".
(Xa lìa tất cả thiện căn thù thắng).

"*Thù thắng thiện căn*" là chỉ cho: Thấy Phật, nghe pháp, cúng Phật. Đây là thiện căn thù thắng không gì sánh bằng. Họ lúc đó không có được.

"***Dĩ thử vi khổ, bất sanh hân nhạo***".
(Nên coi đó là khổ, chẳng sanh lòng vui thích).

Đây là tỉ dụ cho thai sanh, tỉ dụ cho biên địa.

"***Nhược thử chúng sanh***".
(Nếu những chúng sanh này).

Tức là chỉ cho những người này.

"***Thức kỳ tội bổn, thâm tự hối trách, cầu ly bỉ xứ. Vãng tích thế trung, quá thất tận dĩ, nhiên hậu nãi xuất***".

(Biết được gốc tội của mình, hết lòng sám hối tự trách, cầu được ra khỏi thai hoa. Khi những lỗi lầm trong đời trước đã hết sạch rồi, sau đó mới được ra khỏi).

Đây là giống như Luân Vương đã hoan hỉ rồi, thả họ ra. Đoạn này là nói về sám hối, biết được lỗi lầm của mình, căn bệnh phát sanh tại chỗ nào? Chữ "*tội bổn*" tức là hoài nghi đấy. Một là hoài nghi Phật Trí, một là hoài nghi thiện căn của mình. "*Thâm tự hối trách*", tức là lúc này "nhất tâm nhất ý niệm Phật", dùng tâm thanh tịnh, tâm chân thành niệm Phật, một tơ hào hoài nghi đều không có. Lúc bấy giờ họ liền thấy được Phật, nghe được pháp, họ đều có được hoạt động như mọi người ở cửu phẩm.

"***Tức đắc vãng nghệ Vô Lượng Thọ sở***".

(Liền được đến chỗ của Đức Phật Vô Lượng Thọ).

Hễ họ vừa giác ngộ thì lỗi lầm họ không còn nữa, thì họ thấy được A-di-đà Phật.

"***Thính văn kinh pháp, cửu cửu diệc đương khai giải, hoan hỷ***".

(Được nghe kinh pháp, lâu sau cũng được giải ngộ, hoan hỷ).

Họ vẫn cần phải nghe Phật giảng Kinh nói pháp một thời gian, tại sao vậy? Vì họ mới vừa giác ngộ trở lại, khả năng lãnh ngộ chưa cao, vẫn còn một ít chướng ngại, vì vậy họ cần phải trải qua một thời gian, dần dần khôi phục lại năng lực của mình. Có được Phật lực gia trì thì là rất mau, không cần đến thời gian rất lâu dài thì họ có thể hoan hỉ, có thể khai giải, Phật thuyết pháp hiểu được ý của Phật.

"***Diệc đắc biến cúng vô số vô lượng chư Phật, tu chư công đức***".

(Cũng được đi khắp cúng dường vô số vô lượng chư Phật, tu các công đức).

Họ giống như người chín phẩm vãng sanh, có thể phi hành biến hóa phân thân đến mười phương cõi Phật cúng dường chư Phật, nghe Phật pháp, tu tích công đức… Những việc này đều là chân tướng sự thật. Phật không gạt gẫm chúng ta, chúng ta phải tin Phật. Từng câu nói đều là sự thật, nơi thù thắng như thế đó, chúng ta tại sao không đi chứ? Trừ khi bạn không biết, nếu bạn thực sự biết được có một nơi như vậy thì bất cứ sức mạnh nào đều không cản trở được, nhất định phải đi. Chúng ta hiểu rõ ràng thế giới Tây Phương, đối với thế giới này chúng ta

cũng hiểu rõ ràng, minh bạch. Thế giới này là giả, tình yêu giữa người với người dù có nặng đến đâu, xin hãy nhớ kỹ là tình ý hư giả đấy! Làm gì có thật! Nếu bạn cho là thật thì bạn là kẻ đáng thương, bạn sẽ phải nhận chịu mọi sự đau khổ. Vì sao biết được nó là giả? Vì họ dùng tâm giả, đó là tâm ý thức. Tâm ý thức là vọng tưởng, vọng tâm, họ không phải dùng *Tứ Trí, Tứ Trí* là chân tâm. Cho nên người thế gian đều là tâm giả cả, họ dùng tâm giả, ta cũng dùng tâm giả, hai bên đều rõ ràng minh bạch thì dễ sống qua ngày. Xin chớ tưởng rằng họ là thật, ta là thật, vậy thì khổ chết, cái đó gọi là mê hoặc điên đảo. Bạn quả thật giác ngộ rồi, "Ồ! Ta dùng tâm giả, họ dùng tâm giả", vậy thì rõ ràng cả. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là chân tâm, Phật Bồ-tát đều là chân tâm. Chúng ta đều dùng chân tâm. Chân tâm vĩnh viễn bất biến. Tâm giả thì sáng tối nóng lạnh khác nhau, điều này phải biết. Cho nên mình không thể lừa dối chính mình, không thể gạt gẫm chính mình. Điều này vô cùng quan trọng!

"***Nhữ A-dật-đa!***".

(Này A-dật-đa)

A-dật-đa là tên của Di-lặc Bồ-tát, "Từ Thị" là họ của Ngài. Có một số kinh nói A-dật-đa là họ của Ngài, Từ Thị là tên của Ngài, tất cả đều có căn cứ, đây tức là chỉ Di-lặc Bồ-tát.

"***Đương tri nghi hoặc ư chư Bồ-tát vi đại tổn hại, vi thất đại lợi. Thị cố ưng đương minh tín chư Phật vô thượng trí huệ***".

(Phải biết rằng đối với các vị Bồ-tát, tâm nghi hoặc tổn hại rất lớn, mất lợi ích lớn. Thế nên phải tin tưởng minh bạch trí huệ vô thượng của chư Phật).

Câu nói này rất quan trọng! Chúng ta phải ghi nhớ cho thật kỹ, "*nghi hoặc*" vì sao có thể tạo thành việc tổn hại lớn, mất đi lợi ích lớn nhất? Vì họ có "nghi hoặc", không muốn vãng sanh Tịnh Độ, nếu không có "nghi hoặc", rõ ràng minh bạch, thì không có một vị Bồ-tát nào mà không muốn cầu sanh Tịnh Độ, tại vì sao? Bởi vì sanh Tịnh Độ, thấy được A-di-đà Phật, bạn tự tu hành và độ hóa chúng sanh có được tăng thiện duyên viên mãn. Tôi muốn tu hành thì có A-di-đà Phật giúp đỡ, điều này quá dễ dàng! Trên con đường Bồ-tát đạo được thuận buồm xuôi gió, tất cả chướng ngại đều không còn nữa! Giáo hóa chúng sanh, trí huệ thần thông và thiện xảo phương tiện của bạn được oai thần của A-di-đà Phật gia trì thì không khác với chư Phật, đại Bồ-tát giáo hóa chúng sanh. Có vị Bồ-tát nào không muốn sanh Tịnh Độ? Có vị Bồ-tát nào không muốn thấy A-di-đà Phật? Chỉ có những người hoài nghi thế giới Tây Phương, hoài nghi Kinh Vô Lượng Thọ. Cho

nên sự tổn hại của họ quá lớn! Đã mất đi lợi ích rất lớn! Cho nên Phật ở chỗ này khuyên bảo chúng ta "*ưng đương minh tín*", có thể thấy rằng không phải là mê tín. Phật không bảo chúng ta mê tín, tại sao tin được? Vì tất cả thảy đều rõ ràng minh bạch rồi. Chúng ta tin trí huệ vô thượng của chư Phật thì đương nhiên sẽ tin sự gia trì của oai thần bốn mươi tám bổn nguyện của A-di-đà Phật, tin trí huệ của Phật thì tin nguyện lực gia trì của Phật. Bổn nguyện gia trì của Phật hiện tại là gia trì, chưa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc tín tâm của tôi vừa sanh thì đều được Phật lực gia trì rồi, liền được oai thần không thể nghĩ bàn!

"***Từ Thị bạch ngôn:***".

(Ngài Từ Thị Bồ-tát bạch rằng:).

Di-lặc Bồ-tát bèn nói.

"***Vân hà thử giới nhất loại chúng sanh, tuy diệc tu thiện, nhi bất cầu sanh***".

(Tại sao có một hạng chúng sanh ở thế giới này tuy cũng tu thiện mà không cầu vãng sanh?).

Di-lặc Bồ-tát hỏi thay cho chúng ta, Ngài sao không biết chứ! Thế gian này có không ít người tu thiện, ý tu thiện này là chỉ cho học Phật, tu học các pháp môn khác, tu học các môn phái khác không cầu sanh Tịnh Độ.

"***Phật cáo Từ Thị: "Thử đẳng chúng sanh, trí huệ vi thiển, phân biệt Tây Phương, bất cập thiên giới, thị dĩ phi nhạo, bất cầu sanh bỉ".***"

(Đức Phật bảo Ngài Từ Thị: "Những chúng sanh này trí huệ cạn cợt, phân biệt Tây phương không bằng cõi trời, do vậy không thích cầu sanh về cõi Cực Lạc").

Phật nói ra nguyên nhân, những người tu hành này vì nguyên nhân gì vậy? Vì "*trí huệ vi thiển*", không có trí huệ, trong Kinh Di-đà đã nói: "*Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*". Thiện căn của họ ít, phước đức ít, tuy là có duyên gặp được rồi, vì không có thiện căn, không có phước đức, đây tức là không có trí huệ, nên họ vọng tưởng, họ phân biệt chấp trước. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không sánh bằng "*thiên giới*". "*Thiên giới*" này là chỉ cho *thiên giới* nào? Chư vị đồng tu, quý vị nhất định rất rõ ràng, đó tức là *thiên giới* của Di-lặc Bồ-tát, là trời Đâu-suất. Có nhiều người muốn cầu sanh Di-lặc Tịnh Độ. Bao nhiêu người tham thiền, mục tiêu của họ đều là ở trời Đâu-suất. "*Thị dĩ phi nhạo*", chữ "*phi nhạo*" này là không ưa thích, không ưa thích thế giới Tây

Phương Cực Lạc, không ưa thích vãng sanh Tịnh Độ. "*Bất cầu sanh bỉ*", họ không có cái tâm cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

"***Từ thị bạch ngôn: "Thử đẳng chúng sanh, hư vọng phân biệt, bất cầu Phật sát, hà miễn luân hồi?"***".

(Ngài Từ Thị bạch rằng: "Những chúng sanh này luống dối phân biệt, không cầu sanh về cõi Phật, làm sao thoát khỏi luân hồi?").

Di-lặc Bồ-tát nói đó là lời thật, tại vì sao? Thực tế mà nói, muốn vãng sanh đến Đâu-suất Nội Viện của Di-lặc Bồ-tát không phải dễ dàng, khó lắm! Đến không được nội viện thì phải vào lục đạo luân hồi, vậy thì sự tổn thất này quá lớn! Sanh lên Đâu-suất Nội Viện so với vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì khó hơn rất nhiều! Chỗ của Di-lặc Bồ-tát có tiêu chuẩn rất cao, nếu không đạt được tiêu chuẩn ấy thì không vào được, không giống như thế giới Tây Phương, tiêu chuẩn của thế giới Tây Phương thấp nhất, mỗi người đều có phần. Chỗ của Di-lặc Bồ-tát có tiêu chuẩn rất cao, phải tu Duy Tâm Thức Định, nếu không có công phu này thì bạn làm sao đến được trời Đâu-suất? Thật tình mà nói, người thế gian chúng ta thường tu phước, những người sanh được lên trời Đao-lợi thì không nhiều. Trời Đao-lợi phải có "thượng phẩm thập thiện nghiệp đạo", "thập thiện nghiệp đạo" đó ít nhất phải đạt được 95 điểm trở lên thì sanh lên trời Đao-lợi. Bạn mới biết được khó đến dường nào. Còn muốn được lên trời Dạ-ma, trời Đâu-suất thì phải tu định, không có công phu thiền định thì không đến được cảnh giới ấy. Muốn đến được Nội Viện thì công phu lại càng cao. Ngoại Viện là trời của hạng phàm phu, định công đó so với Nội Viện kém rất nhiều. Nội viện cần công phu thiền định rất cao. Cho nên mấy câu nói này của Di-lặc Bồ-tát hay vô cùng! Cũng là một gậy đánh thức chúng ta, đây là "*hư vọng phân biệt bất cầu Phật sát*", chữ "*Phật sát*" này tức là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Bạn nếu không cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, "*hà miễn luân hồi?*", bạn làm sao có thể tránh được lục đạo luân hồi?

"***Phật ngôn: "Bỉ đẳng sở chủng thiện căn, bất năng ly tướng, bất cầu Phật huệ, thâm trước thế lạc, nhân gian phước báo. Tuy phục tu phước, cầu nhân thiên quả, đắc báo chi thời, nhất thiết phong túc, nhi vị năng xuất tam giới ngục trung"***".

(Đức Phật nói rằng: "Các chúng sanh ấy trồng nhiều căn lành, nhưng không lìa tướng, không cầu Phật huệ, tham đắm phước báo, vui thú thế gian. Tuy cũng tu phước, nhưng chỉ cầu quả báo nhân thiên. Tuy được quả báo đầy đủ phong túc, nhưng chưa ra khỏi ngục tù tam giới").

Đoạn này nói được rất rõ ràng, rất hiện thực! Những người học Phật chúng ta hiện nay có rất nhiều người học Phật theo kiểu này. Họ học Phật, tu gì? Tu phước báo nhân thiên. Thiện căn họ trồng đó không thể lìa tướng, chấp trước một cách sâu nặng. Ngày ngày đều tính toán "ta đã làm được nhiều công đức, làm được nhiều việc tốt", hình như còn có quyển sổ tay để ghi chép, sợ quên mất. "*Thâm trước thế lạc*", chấp trước sâu nặng sự hưởng thụ của thế gian, ham muốn phước báo của nhân gian. Tuy đang ở trong cửa Phật tu phước nhưng họ cầu quả báo nhân thiên, cầu phú quý của nhân gian. Đương nhiên có thể được.

"*Đắc báo chi thời, nhất thiết phong túc*", tu nhân nhất định đắc quả, bạn tu được nhiều thì bạn được nhiều, phía trước đã nói qua: Bạn bố thí tài nhiều thì trong đời này bạn được nhiều tiền của. Cho nên nói "*phú khả địch quốc*", gia tài của họ có thể bằng một quốc gia, điều này là có thật. Hiện nay trên thế giới này, người đại phú quý, tài sản riêng tư của họ đạt đến mấy mươi ức là có, đấy là do đời trước tu được nhiều thì đời này có được nhiều. Đời trước tu bố thí pháp nhiều thì đời này thông minh trí huệ vượt hơn kẻ khác. Đời trước tu bố thí vô úy thì đời này được khỏe mạnh sống lâu. Tuy nhiên, đều là phước báo cõi trời người. Tất cả đều đầy đủ, đều mãn nguyện vọng của bạn, tu nhân đắc quả không phải là do Bồ-tát hay thiên thần ban phước. Chư vị phải biết là do tự mình tu tự mình được, trồng dưa thì được dưa, trồng đậu thì được đậu. Phật, Bồ-tát bảo hộ cách nào? Phật, Bồ-tát nói rõ đạo lý này cho chúng ta, nói rõ phương pháp cho chúng ta, đây tức là Phật, Bồ-tát bảo hộ chúng ta. Muôn ngàn lần xin chớ tưởng rằng đây là Phật, Bồ-tát ban cho chúng ta. Tôi ngày ngày đều lễ lạy Ngài, ngày ngày cúng dường hoa thơm trái cây, vậy thì hiểu lầm rồi. Tưởng rằng: "xả một mà được vạn báo". Ngày nay tôi cúng dường Phật Bồ-tát một vạn đồng, ngày mai sẽ có được một trăm vạn. Nào có biết tiền tài của bạn đó là do đời trước bạn tu được, không phải Bồ-tát ban phước cho bạn, trong cửa Phật không có mê tín.

Tuy "*nhất thiết phong túc*", bạn phải ghi nhớ, bạn chưa có siêu việt tam giới, chưa có thoát ly luân hồi. Khi phước báo của bạn đã hưởng hết thì làm sao đây? Đây là một vấn đề rất thực tế, có được mấy gia đình đang khi có được đại phước báo mà vẫn chịu tiếp tục tu phước? Cho nên người có đại phước báo thì ngược lại tu phước ít. Họ có tài sản một trăm vạn, lấy ra một vạn đồng để tu phước thì cảm thấy đau lòng, cảm thấy đau đớn như là đang cắt thịt mình vậy, nên không chịu tu phước, là mê đấy! Cho dù có tu phước, xin thưa thật, vì họ không có trí huệ, không có phước đức nên đã không trồng đúng phước điền chân chánh. Bị người lừa mất ngỡ rằng mình đang tu phước, bị người lừa mất là phước điền giả

đấy mà! Trong Kinh Lăng-nghiêm đã nói: "*Thời kỳ mạt pháp tà sư thuyết pháp như hằng hà sa*", phước điền giả nhiều như cát sông Hằng, còn phước điền thật thì rất ít, bạn làm sao nhận thức được! Bạn trồng phước, mà trồng trên đá, trồng trên sỏi… thì tất cả vốn liếng đều lỗ sạch hết phải không? Không những không có phước mà còn tạo phiền phức đủ điều, điều này phải nên biết, rất không dễ gặp phước điền chân chánh. Ngược lại thì người bần cùng dễ gặp được, cái phước của người bần cùng trồng đó so với người đại phước báo trồng thì nhiều hơn.

Trồng phước trong Phật môn, không tính theo tiền tài nhiều hay ít mà tính theo tỷ lệ. Mỗi tháng bạn chỉ có một ngàn đồng thu nhập, bạn có thể lấy ra năm trăm đồng để làm việc thiện, bạn đã lấy ra 50%, tỷ lệ này lớn biết mấy, rất lớn! Bạn mỗi tháng thu nhập mười vạn đồng, bạn lấy ra một vạn đồng là 10%, còn người ta là 50%. Tương lai được quả báo thì quả báo của họ vượt hơn bạn, vượt hơn rất nhiều. Bạn hiểu rõ đạo lý này thì biết được ông trời vốn rất công bằng, người giàu thì đời sau nghèo, kẻ nghèo thì đời sau lại giàu… không phải là giàu thì vĩnh viễn giàu, nghèo thì vĩnh viễn nghèo, rất là công bằng! Đặc biệt hơn cả là những kẻ ăn xin, rất nghèo khổ, họ xin được một đồng, vài xu, họ đều đem toàn bộ để cúng Phật, cúng dường cả 100% thì kiếp sau phước báo họ được đó là viên mãn, không có ai có thể sánh bằng họ, tại vì sao? Vì toàn bộ tài sản của họ đều bố thí hết cả, khó ai có thể sánh bằng. Phật trong kinh nói, không thể có sai lầm.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 27

"***Giả sử phụ mẫu, thê tử, nam nữ quyến thuộc, dục tương cứu miễn, tà kiến nghiệp vương, vị năng xả ly, thường xử luân hồi, nhi bất tự tại***".

(Giả sử cha mẹ, vợ con, nam nữ quyến thuộc muốn cứu họ thoát khỏi luân hồi, nhưng vì họ chưa thể lìa bỏ tà kiến nghiệp vương nên thường ở trong vòng luân hồi, không được tự tại).

Trong đoạn khai thị này, Phật nói đến sự thật của luân hồi, chỉ đơn độc nương nhờ sự tu phước thì không có biện pháp xuất ly luân hồi. Những sự giáo huấn trong kinh hoàn toàn giống với chỗ nói của Lục Tổ Đại Sư trong Đàn Kinh. Do đây có thể biết thực tế tu huệ sánh với tu phước lại càng quan trọng hơn. Mà "*trụ chân thật huệ*" tức là cầu sanh Tịnh Độ. Phía trước đã nói, tuy tu phước có thể được phước báo cõi trời người, nhưng không thể ra khỏi tam giới.

Ở đây lại nói, cho dù cha mẹ, vợ con, nam nữ quyến thuộc muốn giúp đỡ bạn, cách giúp đỡ này, một loại là tu trì rồi hồi hướng cho bà con quyến thuộc, còn một loại kia là sau khi bà con quyến thuộc qua đời, chúng ta tụng kinh bái sám siêu độ cho họ, có thể thật sự giúp được chăng? Đương nhiên là có thể giúp được. Tuy nhiên không có biện pháp giúp họ thoát ly luân hồi, chỉ có thể giúp họ giảm thiểu khổ đau ở trong lục đạo, giúp họ được phước báo. Nếu là giúp họ "liễu sanh tử, xuất tam giới" thành Phật làm Tổ thì sự giúp đỡ này không làm được, nhất định phải rõ ràng, nhất định phải minh bạch, tại sao không giúp được? Ở đây đã nói ra nguyên nhân, do "*tà kiến nghiệp vương*", "*nghiệp*", chúng ta thường nói "tà kiến nghiệp lực" tức là ác nghiệp, sao lại gọi ác nghiệp là "*vương*"? "*Vương*" là tỉ dụ, sức mạnh của nghiệp lực quá lớn, có thể sánh bằng núi Tu-di, sâu như biển cả, trong Kinh Địa Tạng hình dung nghiệp lực như vậy, nguyên nhân là ở chỗ nào?

"*Vị năng xả ly*", nghiệp chưa tiêu thì phước không thể cứu, quý vị phải biết, **huệ mới có thể tiêu nghiệp, định có thể phục được nghiệp**, định công sâu đè nghiệp xuống, khiến nó không khởi tác dụng, chúng ta mới có thể tạm thời được tự tại. Sau khi huệ sanh ra rồi thì nghiệp lực liền chuyển biến, "chuyển phiền não thành Bồ-đề". Huệ rất quan trọng, chỉ có huệ mới có thể thật sự giải quyết vấn đề, người không có trí huệ, không có định lực, chỉ riêng nhờ vào phước thì không thể cứu họ được. Đây tức là "*tà kiến nghiệp vương, vị năng xả ly*", ác nghiệp của họ chưa tiêu mất, là nguyên nhân như vậy. "*Thường xử luân hồi, nhi bất tự tại*",

luân hồi trong lục đạo, xả thân, thọ thân là do nghiệp lực làm chủ, tự bạn không có biện pháp. Muốn đi đến đâu thì đến đó, muốn đầu thai sanh đến đường nào thì sanh đến đường đó, điều này bạn không làm nổi, vì nghiệp lực đang chi phối bạn.

"***Nhữ kiến ngu si chi nhân, bất chủng thiện căn, đãn dĩ thế trí biện thông, tăng ích tà tâm. Vân hà xuất ly sanh tử đại nạn!***".

(Các ông hãy xem những người ngu si không gieo căn lành, chỉ dùng thế trí biện thông để tăng thêm tà kiến thì sao ra khỏi đại nạn sanh tử được!).

Những lời giáo huấn này của Phật giúp chúng ta có được sự lợi ích thù thắng, biết cách tu hành, đồng thời khiến cho huệ nhãn của chúng ta phát khởi. Huệ nhãn đã phát khởi làm cho chúng ta có thể quan sát tà chánh thị phi, chúng ta không mê trong thế gian pháp nữa. Trong Phật pháp cũng có chân vọng, cũng có tà chánh thị phi, chúng ta không có huệ nhãn, đem Phật pháp giả cho là thật, đem tà pháp cho là chánh pháp. Không chỉ như vậy, vì chúng ta không có trí huệ, ngay đến thiện ác cũng không thể phân biệt, không thể hiểu rõ lợi hại, đây gọi là ngu si. Chúng ta phải niệm đoạn kinh văn này nhiều lần, phải nhớ cho thật kỹ. Phật nói với Di-lặc, A-nan: "Các ông thấy người ngu si thế gian", người ngu si này có thể là chính chúng ta, điều này một tí cũng không giả, chúng ta có khả năng phân biệt thị phi, thiện ác, chân giả không? Phải bình tĩnh, đừng nên dùng tình cảm, phải dùng lý trí, tỉ mỉ mà quan sát thì không khó lĩnh hội được, bởi vì chỗ này có tiêu chuẩn.

"*Đãn dĩ thế trí biện thông*", họ dùng cái thông minh trí huệ của thế gian, đây không phải là chân trí huệ, thế nào gọi là thế gian thông minh trí huệ? Thế nào gọi là Phật Pháp chân trí huệ? Xem ở bề ngoài thì là biện tài vô ngại, thật không dễ nhìn ra được, tuy nhiên nếu quan sát kỹ lưỡng thì không khó nhìn ra, từ chỗ nào để nhìn ra chân trí huệ? Là từ trong tâm thanh tịnh sanh ra vô ngại biện tài. Tâm địa thanh tịnh thì nhất định không có những thứ phiền não **Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi**, đây là chân trí huệ. Nếu tham sân si mạn vẫn tiếp tục tăng trưởng, "*tăng ích*" tức là tăng trưởng, vậy đây nhất định là "*thế trí biện thông*". Thế trí biện thông không phải là việc tốt, trong Phật môn thường nói *tám nạn*, trong tám nạn này có thế trí biện thông, người này sẽ gặp nạn, gặp nạn gì vậy? Là không thể học Phật, không thể khai ngộ, cũng tức là bảo họ không thể được định. Từ chỗ này mà bình tĩnh quan sát thì không khó phân biệt tà chánh thị phi. Sau khi hiểu rõ rồi thì tâm chúng ta tự nhiên thanh tịnh.

Nếu không phải là Phật pháp chân chánh thì thái độ chúng ta đối với họ là "*kính nhi viễn chi*" (tuy kính trọng nhưng tránh xa). Bởi vì chúng ta học hạnh Phổ Hiền, đối với tà môn ngoại đạo, đối với yêu ma quỷ quái, đều cung kính giống như Phật, nhưng không tán thán, không theo họ học, tức là "*viễn chi*". "*Kính*" là lễ kính, nhất định lấy tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi để cung kính. Chánh pháp, tà pháp là từ chỗ này mà phân biệt. Phật ở chỗ này dạy chúng ta, tâm không thanh tịnh, không bình đẳng, trong tâm có những thứ phiền não tham sân si mạn, vẫn chưa đoạn hết tập khí thì "*vân hà xuất ly sanh tử đại nạn!*", đây tức là họ nhất định không thể vượt qua lục đạo luân hồi.

"***Phục hữu chúng sanh, tuy chủng thiện căn, tác đại phước điền***".
(Lại có chúng sanh tuy có gieo căn lành, tạo phước điền lớn).

Ở thế gian có rất nhiều những hạng người này, chúng ta thường thấy. Đặc biệt là tại thế gian này, những nhà đại phú đại quý trong xã hội có địa vị cao, có nhiều tiền tài, họ tu bố thí, họ ở trong Phật môn "tác chư công đức, tác đại phước điền".

"***Thủ tướng phân biệt, tình chấp thâm trọng***".
(Nhưng vẫn chấp tướng phân biệt, tình chấp sâu nặng).

Có hai điều này là không được rồi.

Trong lịch sử có một ví dụ rất nổi tiếng, xưa kia vua Lương Võ Đế khi còn tại thế, địa vị của ông là quốc vương, ông có tài phú, trong Phật môn ông đã làm không ít việc thiện, tu phước. Ông đã xây cất bốn trăm tám mươi ngôi tự viện, độ được mấy mươi vạn người xuất gia, ông làm vị đại hộ pháp. Lúc đó Đạt-ma Tổ Sư đến Trung Quốc, Lương Võ Đế nghe nói có một vị cao tăng từ Ấn Độ là truyền nhân của Thích-ca Mâu-ni Phật, vua rất tôn trọng, mời vào trong cung đình để cúng dường. Lương Võ Đế hướng về Đạt-ma Tổ Sư thỉnh giáo: "Trẫm ở trong Phật môn đã làm nhiều việc thiện như vậy, công đức của trẫm có lớn chăng?" Đạt-ma đã thốt lên một câu nói chân thật, Ngài nói: "Không có công đức". Lương Võ Đế như bị tưới nước lạnh lên đầu, hứng thú tiêu tan mất, cho nên nghe xong không vui, còn Đạt-ma dùng cơm xong thì đi ngay, từ đó về sau không quan tâm đến ông nữa. Đạt-ma từ đó không có người hộ pháp bèn đi đến Thiếu Lâm Tự để diện bích hết chín năm mới chờ được một Huệ Khả nhận biết được Ngài.

Trong Phật môn không nói vọng ngữ, không tâng bốc người. Nếu lúc đó Đạt-ma tán thán: "Ồ! Công đức của Ngài rất lớn, thật rất phi thường!" thì Lương Võ

Đế nhất định sẽ là người đại hộ pháp cho Ngài, tuy nhiên trong Phật môn không thể làm như vậy. Lương Võ Đế làm đó là gì? Là phước, bạn xem Lương Võ Đế trong tâm và miệng biểu hiện ra là "*thủ tướng phân biệt, tình chấp thâm trọng*", công đức liền mất hết. Nếu ông hỏi: "Phước báo của trẫm có lớn không?" Thì Đạt-ma Tổ Sư sẽ nói: "Lớn lắm! Lớn lắm!". Ông ta tu đó là phước, không phải là công đức, công đức và phước đức khác nhau. Công đức có thể liễu sanh tử, xuất tam giới, còn phước đức thì không thể được, phước đức chỉ có thể được phước báo nhân thiên. Điều này chúng ta nhất định phân biệt cho thật rõ ràng, hy vọng chúng ta phải biết tu công đức mà không tu phước đức.

"*Thủ tướng*", tức là trước tướng (dính tướng), làm được ít việc thiện thì niệm niệm không quên. Trong Phật môn có rất nhiều người làm việc thiện, xây cất một đạo tràng, nhất định phải treo tên tuổi lên trên, bỏ tiền ra để làm một cây cột, trên cột phải khắc tên, cái này là của đệ tử gì đó… phụng hiến. Đây là trước tướng, sợ rằng Phật quên mất công đức của họ, khắc tên cho Phật thường nhìn thấy, cách này biến thành phước đức rồi. Công đức là gì? **Công là công phu, đức là sự thu hoạch của bạn**. Trì giới là công, được định là đức. Tu định là công, khai trí huệ là đức. Công là nhân, đức là quả báo. **Cho nên kẻ khác không thể tu thế công đức, còn phước đức thì được**. Tôi có phước có thể cho bạn được, tôi có tiền có thể tặng cho bạn dùng, tôi có nhà cửa có thể tặng cho bạn ở, còn công đức thì sao? Tôi có trí huệ, tôi không có biện pháp tặng trí huệ của tôi cho bạn. Tôi có khả năng, tôi không có biện pháp tặng khả năng của tôi cho bạn. Cho nên phước báo có thể hưởng chung với người, còn công đức thì không có biện pháp chia cho người, một tơ hào đều không có cách gì chia cho người khác, nhất định phải tự mình tu. **Cho nên ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu thì không đắc**, phải biết cách tu học.

Chúng ta phải đoạn ác tu thiện, chớ nên trước tướng, chớ nên phân biệt, phải xả bỏ tình chấp, tình là gì? Là tình cảm, là xử sự theo tình cảm, phải nên xả bỏ tình, vậy thì dùng cái gì? Dùng trí huệ, phải dùng lý trí. Thực tế mà nói, tình và trí có tác dụng biểu hiện bên ngoài giống nhau. Điều này rất khó phân biệt, biểu hiện bên ngoài là gì? Tức là ái, Phật pháp chúng ta gọi là từ bi, người thế gian gọi là ái. Nếu cái ái này có phân biệt, có chấp trước thì tức là tình, lìa khỏi tất cả các phân biệt chấp trước cái ái bình đẳng, cái ái chân thành đó tức là trí huệ. Cho nên trí và tình là hai mặt của một thể, cái tình của giác ngộ thì gọi là trí, nếu trí đã mê thì gọi là tình. Mê ngộ khác nhau, nói hai danh từ nhưng là một sự việc, mê rồi gọi là tình, ngộ rồi gọi là trí. Chư Phật Bồ-tát ngộ rồi, các Ngài có trí, thực tế mà

nói là tình cảm chân thật, là chân tình. Cái tình của kẻ mê, phía trước đã nói qua với quý vị là "hư tình giả ý" không phải thật. Giác ngộ là chân, vì sao? Vì vĩnh viễn không thay đổi. Cái tình mê đó thì không tin tưởng được, thường xuyên biến hóa, cho nên cái này là "*cầu xuất luân hồi, chung bất năng đắc*". Tu phước như vậy, dù tu được phước lớn hơn đi nữa, giống như cách của Lương Võ Đế, muốn vượt khỏi lục đạo luân hồi đều không làm nổi. Điều này chư vị phải biết.

"***Nhược dĩ vô tướng trí huệ, thực chúng đức bổn, thân tâm thanh tịnh, viễn ly phân biệt, cầu sanh Tịnh sát, thú Phật Bồ-đề, đương sanh Phật sát, vĩnh đắc giải thoát***".

(Nếu đem cái trí huệ vô tướng mà trồng các gốc đức, thân tâm thanh tịnh, xa lìa tâm phân biệt, cầu sanh về Tịnh Độ hướng đến quả Bồ-đề của Phật, quyết được sanh về cõi Phật, vĩnh viễn giải thoát).

Đoạn sau cùng này Phật dạy chúng ta phải nên tu cách nào mới như pháp. Phật dạy chúng ta phải lìa tướng, đừng nên trước tướng, đừng nên phân biệt, đừng nên chấp trước. Không phân biệt tức là không dùng ý thức thứ sáu. Không chấp trước tức là không dùng ý thức thứ bảy (mạt-na thức). **Đây tức là chuyển thức thành trí, không dùng thức thứ sáu, tức là Diệu Quán Sát Trí, không dùng thức thứ bảy, tức là Bình Đẳng Tánh Trí. Chuyển thức thành trí, thức thứ sáu và bảy chuyển trước, nhân địa chuyển rồi thì trên quả năm thức đầu và thức thứ tám tự nhiên chuyển theo. Cho nên tu hành quý ở chỗ chuyển thức thành trí.**

Nếu không thể chuyển thức thành trí thì chỗ bạn tu đó là phước báo, không thể liễu sanh tử, không thể ra khỏi tam giới. Chúng ta phải luyện tập trong sinh hoạt hằng ngày, xử thế đối người tiếp vật phải học không phân biệt, phải học không chấp trước. Nếu cái phân biệt chấp trước của chúng ta năm nay so với năm trước đã nhạt đi thì bạn có tiến bộ, năm sau nhẹ hơn năm trước, đây là công phu của bạn đắc lực, có tiến bộ. Nếu phiền não phân biệt chấp trước vọng tưởng của bạn vẫn còn nhiều, thậm chí còn nhiều hơn so với trước. Khi chưa học Phật thì không có phiền não mà khi học Phật thì phiền não càng ngày càng nhiều, vậy thì bạn đã đi sai đường lối, nhất định trên phương pháp bạn đã có vấn đề, hoặc là trên lý luận có vấn đề. Bởi vì kết quả việc học của bạn hoàn toàn tương phản với những gì đã nói trong Phật pháp.

Nếu là chân chánh học Phật thì tâm của bạn nhất định là năm sau thanh tịnh hơn năm trước, vọng tưởng phiền não năm sau ít hơn năm trước, năm sau vui vẻ

hơn năm trước, năm sau có trí huệ hơn năm trước. Trí huệ là gì? Là xử thế, đối người, tiếp vật rõ ràng minh bạch. Trước kia nhìn việc, nhìn người không rõ, nhìn sai. Bây giờ không sai nữa, bây giờ nhìn rất chuẩn, vậy thì trí huệ đã hiện tiền rồi. Cho nên lợi ích của sự học Phật có thể nghiệm ra được ở trong cuộc sống, điểm này là sự thọ dụng chân thật của Phật pháp.

"*Thực chúng đức bổn*", "*đức bổn*" tức là nhất tâm chuyên niệm A-di-đà Phật, đây là gốc đức vô thượng. "*Đức*" tức là cái mà bạn có được, "*bổn*" tức là chân như bổn tánh, tức là thành Phật cứu cánh viên mãn. Chỉ có pháp môn này khiến cho chúng ta một đời này nhất định không uổng phí, nhất định đạt được. Thân tâm thanh tịnh, nếu đã xa lìa phân biệt thì hiện thời được thân tâm thanh tịnh. Khi nãy nói với quý vị, năm sau thanh tịnh hơn năm trước, đến giai đoạn tháng sau thanh tịnh hơn tháng trước thì có thể nói việc bạn vãng sanh đã có bảo đảm chắc chắn. Bạn có thể mỗi tháng đều có tiến bộ, mỗi tháng đều khác nhau thì bạn vãng sanh nhất định là chắc chắn. Nếu mỗi tuần lễ đều khác nhau, tuần sau thanh tịnh hơn tuần trước, vậy thì "Xin chúc mừng bạn! Bạn đã có thể tự tại vãng sanh rồi, muốn đi lúc nào thì đi lúc đó", điều đó thật là phi thường. Nhất định có thể tự tại vãng sanh, muốn ở thêm vài năm cũng không có trở ngại, tùy thời có thể ra đi, "sanh tử tự tại" rồi.

"*Viễn ly phân biệt*", có một số đồng tu nghe rồi hỏi: "Tôi đối với việc gì cũng không phân biệt, không chấp trước thì không phải tôi đã trở thành ngu ngốc rồi sao?". "Người ta hỏi tôi đây là gì?" "Không biết!" Không phân biệt, vậy thì pháp này tu cách nào đây? Phật dạy chúng ta không phân biệt, không chấp trước là từ trong tâm, trong tâm không thể phân biệt, chấp trước, không phải nói trên sự, trên sự là gì? Quý vị phân biệt chấp trước, gọi nó là cái khăn lông, tôi cũng gọi nó là cái khăn lông, tôi không có chấp trước cũng không phân biệt nó là cái khăn lông. Quý vị phân biệt chấp trước nên nói như vậy, "hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức", tôi là theo quý vị mà nói, nhưng trong tâm tôi tuyệt đối không chấp trước, nó là cái khăn lông, không chấp trước nó là màu vàng, là bạn phân biệt. Phải học cách này. Cho nên ứng dụng thì là quyền trí, thiện xảo phương tiện, "hằng thuận chúng sanh". Tự mình thọ dụng là thực chất, là chân trí huệ, trong chân trí huệ không có phân biệt chấp trước, thân tâm thanh tịnh. Hôm nay là ngày mấy, tháng mấy? Là quý vị phân biệt tháng mấy, ngày mấy. Còn tôi thì không phân biệt tháng mấy, ngày mấy. Quý vị hỏi tôi, tôi tùy thuận sự phân biệt của quý vị, hôm nay là ngày 28 tháng 11, đây là quý vị phân biệt còn tôi không có phân biệt. Bây giờ là mấy giờ? Là 8 giờ 30, là 8 giờ 30 của quý vị, còn tôi không có 8

giờ 30. Làm như vậy là đúng, thì không sai. Cho nên đây là xa lìa phân biệt, là xa lìa cách này, không phải là trên sự, trên sự thì tùy chúng sanh, còn trên tâm nhất định là thanh tịnh, đây gọi là chân chánh tu.

"*Cầu sanh tịnh sát*", "*tịnh sát*" đây tức là Tịnh Độ của A-di-đà Phật, chúng ta nhất định phải có nguyện vọng mãnh liệt cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. "*Thú Phật Bồ-đề*", "*thú*" là hướng đến, mục đích của chúng ta, phương hướng của chúng ta là Vô Thượng Bồ-đề, đến Tây Phương Cực Lạc để làm gì? Để thành tựu Vô Thượng Bồ-đề, để chứng Phật quả cứu cánh viên mãn. Phật nói người như vậy thì "*đương sanh Phật sát*", họ nhất định có thể sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, vĩnh viễn được giải thoát. Thế Tôn dạy chúng ta cương lĩnh tu hành chính xác. Trong phẩm kinh này, chúng ta phải ghi nhớ, Phật nói với chúng ta ba loại người không thể vãng sanh được.

✓ Loại người thứ nhất là tham trước sự hưởng thụ của thế gian, cầu phước báo nhân thiên, loại người này không thể sanh Tịnh Độ được, niệm Phật cũng không thể đến Tịnh Độ.

✓ Loại người thứ hai là thế trí biện thông, tà kiến sâu nặng. Đối với loại người này chúng ta phải có trí huệ tương đối, đầu óc bạn rất tỉnh táo mới có thể xét biết được. Nếu qua loa sơ suất, bạn thường cho họ là chánh pháp, xem họ là thiện tri thức chân chánh, vậy thì sai rồi.

✓ Loại người thứ ba là chấp tướng phân biệt, tình chấp sâu nặng. Loại người thứ ba này không có cách gì vãng sanh, chỗ họ tu đó thảy đều là phước báo.

BỒ-TÁT VÃNG SANH ĐỆ TỨ THẬP NHỊ
PHẨM BỐN MƯƠI HAI: BỒ-TÁT VÃNG SANH

Trong phẩm kinh này, Phật nói với chúng ta tình trạng của Bồ-tát trong mười phương cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Chúng ta nghe rồi có cảm tưởng gì? Nếu là người có đầy đủ thiện căn thì nhất định sẽ cảm động sâu sắc, kích thích nguyện vọng cầu sanh của chúng ta. Đây cũng là dụng ý của Phật.

"***Di-lặc Bồ-tát bạch Phật ngôn: "Kim thử Ta-bà thế giới"***".
(Ngài Di-lặc Bồ-tát bạch Phật rằng: "Hiện nay ở cõi Ta-bà này").

"*Ta-bà thế giới*" là khu vực giáo hóa của Thế Tôn, là cái thế giới rất lớn.

"***Cập chư Phật sát***".
(Và các cõi Phật khác).

Ngoại trừ thế giới Ta-bà chúng ta ra còn có mười phương thế giới của chư Phật.

"***Bất Thoái Bồ-tát đương sanh Cực Lạc quốc giả, kỳ số kỷ hà?***".

(Có bao nhiêu các bậc Bất Thoái Bồ-tát sẽ sanh về nước Cực Lạc?).

Những vị Bồ-tát đã chứng ngôi Bất Thoái, Ngài không có nói rõ ràng. "Bất Thoái" có ba loại, vậy rốt cuộc là loại nào?

Loại thấp nhất là Vị Bất Thoái, địa vị này đích thực không cao, là ngôi Sơ Tín Bồ-tát của Viên Giáo. Còn Biệt Giáo thì sao? Là Bồ-tát của ngôi Sơ Trụ, Biệt Giáo Sơ Trụ ngang với ngôi Sơ Tín của Viên Giáo. Vị Bất Thoái đã đoạn kiến tư phiền não. Ở Tiểu Thừa là Tứ Quả La-hán, Bích-chi-Phật. Số người vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc có bao nhiêu? Nếu là Niệm Bất Thoái thì địa vị ấy cao, Niệm Bất Thoái ở Biệt Giáo là Sơ Địa Bồ-tát, ở Viên giáo là Sơ Trụ Bồ-tát, địa vị này thì cao. Tuy nhiên ở chỗ này không có nói rõ ràng. Vị Bất Thoái này trong nhãn quang phàm phu chúng ta nhất định là Thánh nhân Tiểu Thừa Tứ Quả La-hán, là Thánh nhân, không phải là phàm phu. Công phu đoạn chứng của Đại Thừa Bồ-tát tương đương với A-la-hán, kiến tư phiền não đều đoạn rồi, còn trí huệ của Bồ-tát nhất định cao hơn A-la-hán, A-la-hán không thể sánh bằng. Những người như vậy, "*đương sanh Cực Lạc quốc giả*", là bao nhiêu? Di-lặc Bồ-tát thay mặt chúng ta nêu ra vấn đề này.

"***Phật cáo Di-lặc: "Ư thử thế giới hữu thất bá nhị thập ức Bồ-tát"***".

(Đức Phật bảo Ngài Di-lặc: "Ở thế giới Ta-bà này có bảy trăm hai mươi ức Bồ-tát").

"*Thử thế giới*" tức là thế giới Ta-bà. Thế giới này của chúng ta, chư vị nên nhớ không chỉ là địa cầu này của chúng ta, đây là chỉ ba ngàn đại thiên thế giới. Theo cách nói của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng ta ngày nay nói đến hệ ngân hà, đây là hệ tinh cầu rất lớn, một tỉ hệ ngân hà là phạm vi giáo hóa của Thích-ca Mâu-ni Phật. Địa cầu chúng ta ở trong hệ tinh cầu lớn này. Cho nên đây là nói cái đại thế giới này. Bồ-tát Bất Thoái có bảy trăm hai mươi ức, từ con số này mà nhìn thì có lẽ là Niệm Bất Thoái Bồ-tát, chứ không phải Vị Bất Thoái. Nếu là Vị Bất Thoái thì con số phải lớn, không chỉ có bấy nhiêu đó.

"***Dĩ tằng cúng dường vô số chư Phật***".

(Đã từng cúng dường vô số chư Phật).

Chúng ta phải ghi nhớ câu này. Trước đây, hoàng tử A-xà-thế cùng năm trăm trưởng giả trong đời quá khứ đã cúng dường 400 ức chư Phật vẫn không thể vãng sanh được, phải cúng dường vô số chư Phật, thiện căn này đã rất sâu dày.

"***Thực chúng đức bổn***".

(Trồng các gốc đức).

Từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp đều niệm A-di-đà Phật. Có lẽ bạn sẽ hỏi: "Tại sao đời đời kiếp kiếp niệm A-di-đà Phật mà đều không vãng sanh?" Vì ba thứ nguyên nhân phía trước, là tham phước báo của thế gian, cầu nhân thiên phước báo. Nếu không tin thì bạn cứ nghe ngóng những người niệm Phật, có người nào mà không vì tham cầu phước báo thế gian mà niệm A-di-đà Phật, vậy thì không thể vãng sanh được, đời này không đi được**.**

Loại thứ hai là thế trí biện thông tà tri tà kiến, loại thứ ba là tình chấp rất nặng, không có cách gì lìa khỏi. Nếu chúng ta trong đời này thật sự có thể không phân biệt, không chấp trước, không gián đoạn, không xen tạp, vậy thì một đời này thành công rồi, một đời này thì công đức viên mãn! Đây là điều kiện chân chánh vãng sanh. "*Đương sanh bỉ quốc*", tức là có bảy trăm hai mươi ức vị Bồ-tát, cơ duyên vãng sanh của họ đã chín muồi rồi, họ có thể vãng sanh.

"***Chư tiểu hạnh Bồ-tát, tu tập công đức, đương vãng sanh giả, bất khả xưng kế***".

(Các bậc Bồ-tát tiểu hạnh, tu tập công đức sẽ được vãng sanh, số lượng không thể tính được).

Còn một số "*tiểu hạnh Bồ-tát*", tức là Bồ-tát chưa chứng đắc Vị Bất Thoái. *Tiểu hạnh Bồ-tát* này là ai? Tất cả chư vị có mặt tại đây đều là tiểu hạnh Bồ-tát. Bởi vì quý vị ở trong lục đạo tiến tiến thoái thoái, chưa chứng được Vị Bất Thoái, cũng được vãng sanh, tại vì sao? Bởi vì trong đời quá khứ đã từng cúng dường vô số chư Phật, "*thực chúng đức bổn*", cái nhân là như nhau. Trong đời này duyên chín muồi rồi, bạn có thể không phân biệt, không chấp trước, công phu không xen tạp, không hoài nghi, không gián đoạn… bạn trong đời này là "*đương vãng sanh giả*", số người này nhiều "*bất khả xưng kế*", con số này không có cách chi tính đếm được. Đây là chỉ cho số người chúng ta đây, "*tiểu hạnh Bồ-tát*". Đoạn này là Phật nói về thế giới Ta-bà. Di-lặc Bồ-tát còn hỏi về "thế giới của chư Phật thì sao?"

"***Bất đãn ngã sát chư Bồ-tát đẳng, vãng sanh bỉ quốc, tha phương Phật độ, diệc phục như thị***".

(Không những các bậc Bồ-tát ở cõi này được vãng sanh về Cực Lạc, mà các cõi Phật khác cũng lại như vậy).

Ngoài thế giới Ta-bà của chúng ta ra, "*tha phương Phật độ*", tức là chỉ cho mười phương thế giới. Thế giới vô lượng vô biên, số người vãng sanh cũng là vô lượng vô biên, không biết được là bao nhiêu. Phật ở đây nêu ra vài thí dụ để nói rõ.

"***Tùng Viễn Chiếu Phật sát, hữu thập bát câu-chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát, sanh bỉ quốc độ***".

(Cõi nước của Đức Phật Viễn Chiếu có mười tám câu-chi na-do-tha Đại Bồ-tát sanh về cõi Cực Lạc).

Câu trả lời phía dưới nói với chư vị toàn là Bất Thoái Bồ-tát, làm sao biết được? Bồ-tát Ma-ha-tát là Đại Bồ-tát minh tâm kiến tánh, không phải Bồ-tát thông thường. Cho nên đây là chỉ cho Bất Thoái Bồ-tát, số tiểu hạnh Bồ-tát thì rất nhiều, không đề cập nữa.

"***Đông Bắc phương Bảo Tạng Phật sát, hữu cửu thập ức Bất Thoái Bồ-tát, đương sanh bỉ quốc. Tùng Vô Lượng Âm Phật sát, Quang Minh Phật sát, Long Thiên Phật sát, Thắng Lực Phật sát, Sư Tử Phật sát, Ly Trần Phật sát, Đức Thủ Phật sát, Nhân Vương Phật sát, Hoa Tràng Phật sát, Bất Thoái Bồ-tát đương vãng sanh giả, hoặc số thập bá ức, hoặc số bá thiên ức, nãi chí vạn ức***".

(Cõi nước Đức Phật Bảo Tạng ở phương Đông Bắc có chín mươi ức Bất Thoái Bồ-tát sẽ sanh về cõi Cực Lạc. Các bậc Bất Thoái Bồ-tát ở những cõi nước Đức Phật Vô Lượng Âm, Đức Phật Quang Minh, Đức Phật Long Thiên, Đức Phật Thắng Lực, Đức Phật Sư Tử, Đức Phật Ly Trần, Đức Phật Đức Thủ, Đức Phật Nhân Vương, Đức Phật Hoa Tràng sẽ vãng sanh số lượng mười trăm ức, hoặc trăm ngàn ức cho đến vạn ức vị).

Phật chỉ nói chung, không thể nói từng vị một, nói từng vị một thì nói không hết. Trong kinh nói về công đức của Bất Thoái Bồ-tát là từ vô lượng kiếp đến nay cúng dường vô số chư Phật. Như vậy ngày nay chúng ta phải làm sao đây? Phật không còn ở thế gian, chúng ta làm sao cúng dường chư Phật? Chúng ta có biện pháp chăng? Có nghĩ ra một biện pháp tốt chăng? Quý vị thật sự nghĩ không ra thì tôi sẽ chỉ cho quý vị. **Niệm Kinh Vô Lượng Thọ, niệm A-di-đà Phật tức là**

cúng dường vô lượng chư Phật, tại vì sao? Vì tất cả chư Phật đều giảng Kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta niệm Kinh Vô Lượng Thọ, tất cả chư Phật nghe được đều hoan hỉ thì là cúng dường các Ngài. Tất cả chư Phật đều khuyên chúng ta niệm A-di-đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta tiếp nhận lời dạy của Phật hết lòng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì không có một vị Phật nào không hoan hỉ, không có một vị Phật nào không hộ niệm, đây là cúng dường tất cả chư Phật.

Phổ Hiền Bồ-tát dạy chúng ta: "*Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối*" (trong các cúng dường, cúng dường pháp là hơn hết). Pháp cúng dường đã nói có bảy điều.

Điều thứ nhất là *như thuyết tu hành cúng dường* (cúng dường bằng cách tu hành đúng như lời Phật dạy), chúng ta dùng câu *như thuyết tu hành cúng dường* này để cúng dường tất cả chư Phật. Chúng ta làm được, không phải làm không được. Mọi người chúng ta ngày ngày đang làm mà không biết, bạn bảo có oan uổng hay không chứ! Hỏi bạn có phương pháp gì thì nói không ra. Trên thực tế là đang làm đấy, bạn đều không biết, mỗi ngày đều đang cúng dường vô lượng chư Phật mà tự mình không hay biết. Ngoài việc này ra, chúng ta phải toàn tâm toàn lực đem kinh này, đem pháp môn này giới thiệu cho tất cả chúng sanh, dùng các thứ thiện xảo phương tiện khiến cho tất cả chúng sanh trên quả địa cầu này đều biết, đều tiếp xúc đến, đây là cúng dường vô số chư Phật.

Thứ hai là phải *thực chúng đức bổn* (trồng các gốc đức), câu *thực chúng đức bổn* này tức là nhất tâm chuyên niệm A-di-đà Phật.

Thứ ba là *đắc Bất Thoái Chuyển* (được Bất Thoái Chuyển). Chúng ta có tín tâm kiên định cầu sanh Tịnh Độ, tuyệt đối không bị các pháp môn khác, các tôn giáo khác làm ảnh hưởng, làm thay đổi, vậy là bất thoái chuyển. Nghe tham Thiền thì muốn đi học Thiền, nghe học Mật thì muốn đi niệm chú. Vậy thì bạn đã thoái chuyển. Bất luận nghe một pháp môn nào, bất luận tiếp xúc với người nào, tuyệt đối không bị ngoại cảnh làm cho dao động. Tín tâm thanh tịnh, tín tâm kiên định, một lòng mơ ước thế giới Cực Lạc, đây là bất thoái chuyển thì một đời này chúng ta sẽ thành công. Có nhiều người không thể thành tựu Bất Thoái Chuyển, thấy có người tu theo các pháp môn khác, biểu diễn một tí cảm ứng, biểu diễn một tí thần thông, "Ồ! Thật là phi thường!" thì họ lập đi theo, không cần A-di-đà Phật nữa. Hạng người như vậy là đã thoái chuyển, không thể vãng sanh. Họ không biết được những thứ thần thông, cảm ứng đó là chướng ngại của bạn, tức là đến phá hoại bạn, không để cho bạn trong một đời vãng sanh, không để bạn thành Phật,

kéo bạn trở lại, đưa bạn đến lục đạo luân hồi, vẫn đi trong tam ác đạo. Họ ngu si, họ không có trí huệ, không có phước báo. Họ bị lôi đi mất. Điều này chúng ta thấy rất nhiều.

Điều kiện thứ tư *là phải có trí huệ dũng mãnh*, điều này có thể bảo chứng cho chúng ta bất thoái. Chúng ta có lý trí, không phải là làm việc theo tình cảm, nên mới không bị ngoại cảnh lay chuyển.

Còn có một điều kiện, nhất định là phải *thú hướng Nhất Thừa*, tức là chúng ta có một phương hướng, một mục tiêu là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thiện Đạo Đại sư trong chú giải Kinh Quán Vô Lượng Thọ (Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ), ở chương Thượng Phẩm Thượng Sanh, tôi đã từng đặc biệt giảng qua chương ấy một lần, có giữ lại băng ghi âm. Thiện Đạo Đại sư đã nói rất nhiều tỉ dụ, giảng rất hay. Ngày nay chúng ta gặp được pháp môn Tịnh Độ, bạn đã quyết tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu bạn gặp được một vị cao Tăng thật sự đắc đạo đến khuyên bạn rằng: "Tịnh Độ không cứu cánh, ta còn có pháp môn khác hay hơn pháp môn này, thành Phật nhanh hơn" thì bạn có động tâm chăng? Bạn không động tâm thì tín tâm rất hiếm có. Bạn gặp một người chứng quả A-la-hán đến nói với bạn, bạn có động tâm chăng? Vẫn không động tâm, là người Tiểu Thừa nói mà bạn không động tâm. Lại gặp một vị Đại Bồ-tát minh tâm kiến tánh, bạn vẫn không động tâm sao? Việc này thì khó nói. Hoặc gặp vị Đẳng Giác Bồ-tát, địa vị ngang với Quán Âm, Đại Thế Chí đến khuyên bạn đi tham Thiền, đi học Mật, bạn có động tâm chăng? Một người tín tâm kiên định thì tuyệt đối không bị dao động. Vậy nếu Phật đến khuyên bạn: "Ta còn có một pháp môn hay hơn pháp môn Tịnh Độ này" thì bạn làm sao? Thích-ca Mâu-ni Phật đến, bạn cũng không động tâm, vậy thì mới được. Thiện Đạo Đại sư nêu ra rất nhiều thí dụ. Tín tâm kiên định đến trình độ nào? Mười phương chư Phật đến khuyên, bạn đều không động tâm, đều không thay đổi ý niệm, vẫn quyết tâm cầu sanh Tịnh Độ, vẫn quyết tâm phải gặp A-di-đà Phật thì bạn mới là thật sự tin, tin chính mình, thật sự tin A-di-đà Phật, tin Thích-ca Mâu-ni Phật nên mới có được tín nguyện mãnh liệt như thế. Y theo lý luận của bổn kinh tu hành thì nhất định có được công đức lợi ích không thể nghĩ bàn!

"***Kỳ đệ thập nhị Phật danh Vô Thượng Hoa***".

(Đức Phật thứ mười hai hiệu là Vô Thượng Hoa).

Câu này nói được tường tận hơn, "*đệ thập nhị Phật danh*". Cổ Đức từ phần kinh văn phía trước mà xem đến chỗ này phải nên là "*đệ thập nhị Phật sát*". Phía

trước đã nói mười một Phật sát rồi, Hoa Tràng Phật Sát là thứ mười một, chiếu theo thứ tự thì Vô Thượng Hoa Phật Sát phải nên là thứ mười hai. Cho nên nói là "*kỳ đệ thập nhị Phật sát*", thêm chữ "*Phật sát*" thì ý nghĩa càng rõ ràng hơn.

"***Bỉ hữu vô số chư Bồ-tát chúng, giai Bất Thoái Chuyển. Trí huệ dũng mãnh, dĩ tằng cúng dường vô lượng chư Phật, cụ đại tinh tấn, phát thú Nhất Thừa. Ư thất nhật trung, tức năng nhiếp thủ bá thiên ức kiếp, Đại sĩ sở tu kiên cố chi pháp***".

(Có vô số chúng Bồ-tát ở cõi Phật đó đều ở bậc Bất Thoái Chuyển. Các vị ấy có trí huệ dũng mãnh, từng cúng dường vô lượng chư Phật, rất mực tinh tấn, thẳng đến Nhất Thừa, trong bảy ngày đêm có thể nhiếp thủ những pháp của bậc Đại sĩ tu hành kiên cố trong trăm ngàn ức kiếp).

Đoạn này tức là tôi đã tổng hợp báo cáo với quý vị, đây là những điều kiện cần phải có đủ của Bất Thoái Bồ-tát. Chúng ta nhất định phải học tập. **Niệm Phật phải hết lòng, không có việc gì khẩn yếu hơn, không có việc gì lớn hơn việc niệm Phật. Chúng ta phải nên xem việc niệm Phật này như sự nghiệp lớn trong đời chúng ta để làm. Những việc khác có thể chậm hoãn nhưng việc này nhất định không thể hoãn được, việc này một giờ một khắc cũng không thể ngưng.** "*Ư thất nhật trung*", chúng ta kết thất niệm Phật trong bảy ngày là từ đây mà có. Kinh Di-đà nói: "*Hoặc một ngày, hai ngày ... cho đến hoặc bảy ngày*" cho nên Phật thất từ đây mà có. Trong bảy ngày này, buông xuống tất cả thân tâm thế giới. Vậy thì chúng ta hôm nay làm Phật thất này, là pháp hội Phật thất, là làm một thứ nghi thức, mọi người ở cùng một nơi cộng tu niệm Phật, phải nên niệm cách nào đây? Đề xướng niệm Phật, cử hành một mô hình niệm Phật để cho mọi người tham khảo.

Còn làm Phật thất chân chánh thì không phải là hình thức này. Phật thất chân chánh là một câu Phật hiệu ngày đêm không thể ngưng, tức là niệm bảy ngày bảy đêm không gián đoạn. Niệm bảy ngày bảy đêm, chư vị thử nghĩ xem, người có sức khỏe kém thì không được, người lớn tuổi cũng không được. Cho nên tu hành phải còn trẻ, phải ít tuổi, bảy ngày bảy đêm không ngủ, tinh thần vẫn còn có thể chống đỡ nổi. Còn số người tham gia Phật thất là bao nhiêu? Không thể quá mười người, vì sao? Trên mười người thì tinh thần của vị Chủ Thất Sư (Hòa Thượng Chủ Thất) chuyên chú không nổi, ông chiếu cố không nổi. Cho nên thật sự làm Phật thất, số người không thể vượt hơn mười người. Tuy nhiên cách làm Phật thất như vậy tôi vẫn không hy vọng mọi người học theo qua loa, vì sao? Vì có sự nguy hiểm. Nếu không như pháp thì có thể bị ma nhập. Hiện nay pháp hội Phật thất

này của chúng ta vô cùng vững vàng, tuyệt đối không bị ma nhập. Trong Phật thất chân chánh, vị Chủ Thất Sư thật sự có bản lãnh hàng ma, rõ ràng minh bạch tình trạng, cảnh giới của mỗi người đồng tu niệm Phật. Hơi có một tí sai thì lập tức chỉnh đốn. Nếu số người đông thì không có cách gì, chuyên chú không nổi. Chúng ta hiện nay đề xướng niệm Phật là có tác dụng tuyên truyền, mọi người đến để đóng kịch, đến để biểu diễn, để cho nhóm đồng tu rộng lớn chưa học Phật xem. "Ồ! Đông thế đó, niệm Phật trang nghiêm như vậy, có lẽ khá lắm!" Vậy thì họ đều đến, là ý nghĩa như vậy. Cho nên mục tiêu, tính chất không giống nhau. Chân chánh kết Phật thất, cái duyên bảy ngày bảy đêm này nhất định là vô cùng thù thắng!

"*Ư thất nhật trung, tức năng nhiếp thủ bá thiên ức kiếp, Đại Sĩ sở tu kiên cố chi pháp*", "*Đại Sĩ*" là Bồ-tát hạng nào? Chúng ta thường niệm Bồ-tát Ma-ha-tát, Ma-ha-tát tức là Đại Sĩ. Trong cách xưng hô thông thường nhất định là Sơ Địa Bồ-tát trở lên, không phải Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng của Tam Hiền Vị. Cho nên Đại Sĩ là cách tôn xưng đối với Ma-ha-tát. Họ trăm ngàn ức kiếp tu kiên cố, người niệm Phật bảy ngày thì tu thành công, bạn có thể tin được chăng? Là pháp khó tin, chúng ta chỉ tu có bảy ngày mà vượt qua họ trăm ngàn ức kiếp. Xin thưa với quý vị đây là thật. Bạn trong đời này niệm Phật vài năm thì có thể đến thế giới Tây Phương Cực Lạc làm A-duy-việt-trí Bồ-tát. Người ta tu trăm ngàn ức kiếp vẫn chưa thấy được A-di-đà Phật, vẫn không biết có Tây Phương Tịnh Độ, thật sự là siêu việt, cho nên bạn mới biết được pháp môn này là không thể nghĩ bàn. Tất cả chư Phật tán thán thì tuyệt đối không phải là ngẫu nhiên. Những Bất Thoái Bồ-tát này thảy đều cầu sanh Tịnh Độ.

"***Kỳ đệ thập tam Phật danh viết Vô Úy***".
(Đức Phật thứ mười ba hiệu là Vô Úy).

Đây là cõi Phật thứ mười ba, Phật danh là "*Vô Úy*".

"***Bỉ hữu thất bá cửu thập ức Đại Bồ-tát chúng***".
(Có bảy trăm chín mươi ức Đại Bồ-tát).

"*Đại Bồ-tát chúng*" này tức là nói Bất Thoái Bồ-tát.

"***Chư tiểu Bồ-tát cập Tỳ-kheo đẳng***".
(Các vị Bồ-tát tiểu hạnh và chúng Tỳ-kheo v.v…).

Đây là nói về Bồ-tát tiểu hạnh.

Những người vãng sanh "***bất khả xưng kể, giai đương vãng sanh***".

(Sẽ sanh về cõi Cực Lạc không đếm kể được).

Thế Tôn tại chỗ này sơ lược nêu ra mười ba cõi nước Phật, phía sau là câu tổng kết.

"***Thập phương thế giới chư Phật danh hiệu, cập Bồ-tát chúng đương vãng sanh giả, đãn thuyết kỳ danh, cùng kiếp bất tận***".

(Danh hiệu của chư Phật trong mười phương thế giới và chúng Bồ-tát sẽ vãng sanh, chỉ nói tên thôi mãn kiếp cũng không hết).

Không cần nói cái khác, chỉ cần nói tên của cõi Phật, tên của Phật, những vị Bồ-tát vãng sanh nói một kiếp cũng nói không hết thì bạn biết được nhóm Bất Thoái Bồ-tát vãng sanh Tây Phương Cực Lạc có bao nhiêu người? Tại sao có nhiều người như vậy muốn cầu sanh Tịnh Độ? Tất nhiên có đạo lý, nhất định có đại lợi ích, có lợi ích chân chánh thì họ mới chịu đi, chúng ta nhìn thấy mà không động tâm được sao? Nhìn thấy vẫn không động tâm, vậy thì nghiệp chướng của người này sâu nặng, vì nghiệp chướng làm chướng ngại khiến cho họ không động tâm. Nếu người có chướng ngại hơi cạn một chút, thấy tình trạng này nhất định sẽ động tâm, nhất định đi hỏi tại vì sao? Họ cũng muốn cầu vãng sanh, điều này đều là chân tướng sự thật. Thích-ca Mâu-ni Phật khuyên chúng ta vãng sanh thế giới Tây Phương, mười phương tất cả chư Phật khuyên chúng ta vãng sanh, đây là chứng minh, điều này trong Tam Chuyển Pháp Luân gọi là "tác chứng chuyển", đem chứng cứ ra cho bạn xem. Người vãng sanh nhiều thế đó. Cho nên bổn kinh là Tam Chuyển Pháp Luân có lý luận, có tỉ dụ, có chứng minh.

Phần **chánh tông** của bổn kinh là đến chỗ này. Phần chánh tông đã giảng xong. Từ phẩm 43 trở xuống là phần **lưu thông** của bổn kinh. Kinh văn của Kinh Vô Lượng Thọ đích thực không dài, chỉ một quyển sách nhỏ, nhưng kết cấu của nó quả là kết cấu của một đại kinh, giống như Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa không khác, tại vì sao? Vì phần tựa và phần lưu thông dài. Những kinh điển thông thường, phần tựa và phần lưu thông chỉ có vài hàng kinh văn, còn Kinh Vô Lượng Thọ thì rất dài, cho nên đây là kết cấu của đại kinh.

Có nhiều người hiểu lầm, cho là chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là tự liễu hán (chỉ độ chính mình), là người Tiểu Thừa. Nếu chúng ta không có nghiên cứu Tịnh Tông, nghe người ta phê bình như vậy, nghĩ lại cũng đúng: "Họ học Đại Thừa còn mình học Tiểu Thừa, mình không bằng họ, thôi mình không học Tịnh Độ nữa, không niệm Phật nữa, theo họ đi học Đại Thừa". Đây là không hiểu rõ

Tịnh Tông, không nhận thức, phạm phải lỗi lầm, tự mình tạo thành chướng ngại, tạo thành sự tổn thất nghiêm trọng. Cho nên ở đây Phật nói rõ với chúng ta pháp môn này không phải là Tiểu Thừa.

PHI THỊ TIỂU THỪA ĐỆ TỨ THẬP TAM
PHẨM BỐN MƯƠI BA: CHẲNG PHẢI LÀ TIỂU THỪA

"***Phật cáo Từ Thị:***".

(Đức Phật bảo Ngài Từ Thị:).

Gọi Di-lặc Bồ-tát, nói với Ngài. Gọi tên Ngài thì tiếp theo sẽ có đoạn khai thị quan trọng, đánh thức sự chú ý của Ngài.

"***Nhữ quán bỉ chư Bồ-tát Ma-ha-tát, thiện hoạch lợi ích***".

(Ông thấy các bậc Bồ-tát Ma-ha-tát kia khéo đạt lợi ích).

Câu này là tổng kết phẩm phía trước. "Ông hãy xem những vị Bồ-tát Ma-ha-tát ở mười phương thế giới vãng sanh thế giới Cực Lạc "*thiện hoạch lợi ích*"". Chữ then chốt là chữ "*thiện*", "*thiện hoạch*" cái gì? Họ biết đạt được lợi ích, phương pháp này là tối thiện xảo, tối thù thắng! Chữ "thiện" này, thiện đến mức độ nào? Chư vị có thể trả lời được chăng? Đáp án đều ở trong kinh văn, tức là "*trong bảy ngày đêm có thể nhiếp thủ những pháp của bậc Đại Sĩ tu hành kiên cố trong trăm ngàn ức kiếp*", đây không phải là thiện hay sao? Điều này quả thật là không thể nghĩ bàn!

"***Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân***".

(Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào).

Đây là Phật nói giả sử có "*thiện nam tử thiện nữ nhân*".

"***Đắc văn A-di-đà Phật danh hiệu, năng sanh nhất niệm hỷ ái chi tâm***".

(Được nghe danh hiệu Đức Phật A-di-đà rồi sanh tâm vui mừng ưa thích chừng một niệm).

Bạn nghe đến danh hiệu của A-di-đà Phật, tâm sanh được một niệm rất hoan hỉ.

"***Quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành. Đương tri thử nhân vi đắc đại lợi***".

(Quy y chiêm lễ, tu hành đúng như lời Phật dạy, phải biết người này được lợi ích rất lớn).

Chữ "*đại*" này không có cách gì hình dung được. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay không thể thoát ly sanh tử luân hồi, từ vô lượng kiếp đến nay cúng dường vô lượng chư Phật, trồng các thiện căn nhưng ngày nay vẫn còn mang hình dạng này, niệm Phật vừa được vãng sanh thì địa vị phàm phu của chúng ta phút chốc đạt đến Thất Địa, Bát Địa Bồ-tát, còn nhanh hơn ngồi phi cơ trực thăng. Lợi ích này còn gì lớn lao hơn nữa! Theo cách giảng thông thường, phàm phu chúng ta thật sự đã đoạn hết kiến tư phiền não, rồi "*như pháp tu hành*", tu đến Thất Địa Bồ-tát phải cần đến hai a-tăng-kỳ kiếp, còn chúng ta vài ngày thì là thành công, bạn bảo lợi ích này lớn đến trình độ nào! Trong kinh nói đến "*lớn*", rốt cuộc lớn đến cỡ nào? Trong tâm chúng ta phải có cái khái niệm, không thể hàm hồ khái quát thì mới có thể biết được lợi ích chân thật của nó. Hai điều này là vô cùng quan trọng: "*quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành*". Bạn có thể được lợi ích lớn như vậy chăng? Từ địa vị phàm phu trong khoảnh khắc vượt lên làm Thất Địa Bồ-tát, then chốt là ở hai điều này. Chỉ cần hiểu rõ ràng hai điều này và làm được rồi thì chư Phật Như Lai thấy được lợi ích của bạn đều hoan hỉ, tất cả Bồ-tát thấy bạn đều bội phục. Bạn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, những vị đại Bồ-tát kia gặp được bạn đều vỗ lên vai bạn mà nói: "Bạn quả là phi thường!" Tại vì sao? Họ tu đã ba đại a-tăng-kỳ kiếp mới được địa vị này, còn bạn sau một khoảnh khắc thì được liền. Họ sao có thể không bội phục chứ! Giống như ngôi nhà lầu lớn năm tầng, họ là leo thang lầu từng bước từng bước khổ nhọc lắm mới lên đến tầng năm, còn bạn thì ngồi thang máy, phút chốc thì lên đến rồi, họ sao không bội phục được chứ! Thật sự bội phục, tốc độ của bạn quá nhanh! Đây gọi là "*nhất bộ đăng thiên*" (một bước lên trời).

Cho nên "*quy y*" là điều kiện thứ nhất. "*Quy*" là quay đầu, quay đầu từ lục đạo luân hồi. "Y" là nương vào thế giới Tây Phương Cực Lạc. "Tôi không làm việc của lục đạo luân hồi, tôi hết lòng xả bỏ hết, nhất tâm hâm mộ thế giới Tây Phương Cực Lạc, tôi nương tựa thế giới Tây Phương Cực Lạc". Tôi từ tất cả chư Phật Bồ-tát mà quay đầu trở lại. Trước kia tôi hay lạy Phật, lạy Bồ-tát, đã lạy rất nhiều, bây giờ tôi quay đầu chuyên lạy A-di-đà Phật, tôi phải nương tựa A-di-đà Phật, nương tựa một vị Phật. Trước kia tôi đã niệm nhiều kinh điển, nào là Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Kim Cang… một đống lớn! Bây giờ tôi đều không niệm nữa, chuyên môn nương vào Kinh Vô Lượng Thọ. Bạn phải biết quy y cái gì. Bạn phải biết rõ đạo lý này. Chúng ta từ thế xuất thế gian mà quay đầu, không những thế gian pháp mà xuất thế gian pháp thảy đều quay đầu, chuyên nương vào Phật Vô Lượng Thọ, chuyên nương vào Kinh Vô Lượng Thọ, đây gọi

là quy y. Tôi niệm A-di-đà Phật, vẫn không thể quên được Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật vì cảm tình sâu dày, lại không thể quên Quán Thế Âm Bồ-tát, nghĩ rằng khi tôi gặp nạn thì Ngài không đến cứu tôi. Tôi cũng phải niệm Dược Sư Như Lai, vì gặp lúc đau bệnh, còn có biện pháp, còn có người đến giúp đỡ… Bạn xem chư Phật Bồ-tát mỗi người chuyên làm một sự việc, đắc tội một vị cũng không được, vì vị nào cũng liên quan đến cuộc sống của bạn. Tất cả đều phải niệm là niệm tạp rồi, niệm loạn rồi, đây tức là không có quy, cũng không có y, cách này không được.

Chư vị phải biết là bạn niệm A-di-đà Phật thì tất cả chư Phật đều tôn kính bạn, nếu bạn có bệnh thì Phật Dược Sư làm sao không đến chứ? "Người này là học trò của A-di-đà Phật, hãy mau đến". Bạn niệm Ngài, ngược lại, chưa chắc Ngài đến. Ngài nói: "Ngươi nịnh ta, thôi đi, ta không nhận sự nịnh bợ của ngươi", Ngài vẫn không giúp bạn. Còn bạn niệm A-di-đà Phật thì Ngài không thể không giúp học trò của A-di-đà Phật. Tất cả chư Phật Như Lai đều tôn trọng, tất cả chư Phật Như Lai đều hộ niệm, học trò của A-di-đà Phật thật là phi thường! Chư Phật hộ niệm, thiên long ủng hộ. Cho nên bạn phải biết được "quy y".

"*Chiêm lễ*" tức là niệm Phật, thân lễ kính A-di-đà Phật. Lễ kính này phía trước tôi cũng đã từng nói qua với quý vị rồi, không nhất định là mỗi ngày phải lạy bao nhiêu lạy, không phải nghĩa này. Bạn có thì giờ lạy Phật, đương nhiên là rất tốt, không có thì giờ cũng không sao. "Lễ kính" là bạn có tâm chân thành cung kính đối với A-di-đà Phật, đối với thế giới Tây Phương Cực Lạc, đây tức là lễ bái, đây tức là "*lễ*". "*Chiêm*" tức là niệm, **miệng xưng danh, trong tâm quán tưởng, trong tâm nghĩ tưởng A-di-đà Phật, miệng niệm danh hiệu của A-di-đà Phật, thân lễ kính A-di-đà Phật, tam nghiệp cung kính.**

"*Như thuyết tu hành*" (tu hành đúng như lời Phật dạy), "*như thuyết*" tức là Thích-ca Mâu-ni Phật giảng bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, y theo lý luận, phương pháp lời dạy của bộ kinh này mà tu hành. Lấy tiêu chuẩn của Kinh Vô Lượng Thọ để tu chính các tư tưởng, hành vi sai quấy của chúng ta, đây gọi là "*như thuyết tu hành*". Làm được như vậy thì *tâm* của chúng ta, *nguyện* của chúng ta, *giải* của chúng ta, *hành* của chúng ta đều giống như A-di-đà Phật, đây gọi là chân chánh học Phật, học vị Phật nào vậy? Học A-di-đà Phật là vua trong các Phật, lấy A-di-đà Phật làm gương mẫu, lấy A-di-đà Phật làm điển hình. Chúng ta y theo mẫu mực này để tu, để tự mình tu được giống y như A-di-đà Phật. Vậy thì làm sao không thành Phật chứ? Làm sao không vãng sanh chứ? Người này đã được lợi ích lớn, lớn đến nỗi cả Phật cũng không nói ra hết được.

"***Đương hoạch như thượng sở thuyết công đức***".
(Sẽ được nhiều công đức như đã nói ở trên).

Họ nhất định có được công đức, lợi ích như phía trước đã nói.

"***Tâm vô hạ liệt, diệc bất cống cao***".
(Tâm không tự ti, cũng không cống cao).

"*Hạ liệt*", người hiện nay thường gọi là tự ti mặc cảm, họ không có tự ti, họ cũng không ngạo mạn, tâm của họ thanh tịnh. Bởi vì họ hiểu rõ đạo lý Phật nói, biết được "*sanh Phật bình đẳng*" (chúng sanh và Phật là bình đẳng), biết được "*tánh tướng nhất như*" (tánh và tướng là một). Cho nên họ đối với tất cả pháp đều không phân biệt, không chấp trước, tâm của họ là bình, **thanh tịnh, bình đẳng, giác.** Cho nên không còn tự ti và ngạo mạn.

"***Thành tựu thiện căn, tất giai tăng thượng***".
(Thành tựu thiện căn được thêm tăng trưởng).

"*Thiện căn*" mà họ thành tựu đó tăng trưởng mỗi ngày. "*Tăng thượng*" nghĩa là tăng trưởng, do đây có thể biết họ không thoái chuyển, mỗi ngày đang tiến bộ.

"***Đương tri thử nhân phi thị Tiểu Thừa, ư ngã pháp trung, đắc danh đệ nhất đệ tử***".
(Phải biết người này không phải là Tiểu thừa, ở trong pháp của ta được gọi là đệ tử bậc nhất).

Chúng ta đọc xong câu kinh văn này cảm thấy hân hoan, an ủi không gì bằng! Chúng ta không những là đang học Phật, mà còn là đệ tử bậc nhất của A-di-đà Phật. Thế Tôn tại nơi đây đã thọ ký cho chúng ta, hễ bạn làm được "*Quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành*" thì bạn là đệ tử bậc nhất của A-di-đà Phật, là "*đệ nhất đệ tử*" của Như Lai. Nếu bạn thật sự rõ ràng rồi, thật sự minh bạch rồi, bạn có thể không làm hay sao? Đệ tử bậc nhất của Di-đà, bạn nghĩ thử xem có vị Phật nào không hộ niệm cho bạn? Có vị thần hộ pháp nào không bảo hộ phò trợ bạn? Bạn hiện nay ở thế gian này vẫn chưa vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, tôi tin tưởng sâu sắc rằng bạn đã có được tự tại vô ngại rồi, đó là "sự sự như ý" rồi. Tất cả chư Phật, thiện thần đều bảo hộ, phò trợ bạn, bạn làm sao không như ý, không tự tại chứ?

Trong phẩm thứ nhất, phần Chánh Tín Tự của bổn kinh, người đầu tiên được liệt vào hàng thượng thủ là Tôn giả Kiều-trần-như. Kiều-trần-như là người đầu

tiên chứng quả A-la-hán sau khi Đức Thích-ca Mâu-ni Phật thành Phật. Đem người chứng quả đầu tiên đặt tại vị trí trước nhất trong kinh điển, còn chỗ này nói: "*Đương tri thử nhân phi thị Tiểu Thừa, ư ngã pháp trung, đắc danh đệ nhất đệ tử*". Ta thấy trước sau ăn ý với nhau, do đây có thể biết bộ kinh này tức là đệ nhất kinh mà Như Lai nói, làm sao có thể sai lệch được! Lúc chúng tôi in kinh sách này, tôi có khắc một con dấu với chữ "*Như Lai Sở Thuyết Đệ Nhất Kinh*" (kinh đệ nhất mà Như Lai đã nói), in nơi phía trên, tức là căn cứ vào câu kinh văn này.

Mất hết bao nhiêu năm mới biết giá trị của món hàng, trước kia không biết giá trị của nó, kinh điển nhiều như vậy mà không biết bộ nào là đệ nhất, giờ đây mới nhận ra kinh này là kinh đệ nhất, pháp môn này là pháp môn đệ nhất, người y theo pháp môn này là đệ tử đệ nhất của Như Lai. Vị Như Lai nào nhận bạn là đệ tử đệ nhất? Đương nhiên là bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật và A-di-đà Phật. Không những hai vị này thừa nhận, mà tất cả chư Phật Như Lai đều thừa nhận bạn là "đệ tử đệ nhất" của họ, đệ tử đệ nhất là học trò vâng lời nhất, là học trò ưa thích nhất, tại sao ưa thích nhất? Bởi vì bạn sắp trở thành Phật rồi, họ sao không ưa thích chứ! Vừa vãng sanh thì là thành Phật, nhất định một đời thành Phật, là đạo lý như vậy. Chư vị thử nghĩ xem, còn có bộ kinh điển nào, còn có pháp môn nào có sự thù thắng như vậy.

Trong thế pháp, trong Phật pháp, tôi là người rất biết chọn lọc, cái gì không tốt thì tôi nhất định không cần, tôi nhất định phải chọn cái tốt nhất. Chọn được thứ khác tốt hơn thì lập tức bỏ đi cái phía trước. Tôi trước kia nghiên cứu Lăng-nghiêm, nghiên cứu Pháp Hoa, đến khi tiếp xúc với Kinh Vô Lượng Thọ thì tất cả thảy đều bỏ hết, đều không cần nữa, tôi đã rõ ràng, tôi rất biết lựa chọn. Câu này vô cùng quan trọng! Thực tế là câu kinh không thể nghĩ bàn! Chúng ta phải hết lòng, phải trân quý. Sau này người ta nói bạn là hạng tu Tiểu Thừa, tu Tự Liễu Hán (chỉ tự độ chính mình) thì bạn đem đoạn kinh văn này niệm cho họ nghe.

"***Thị cố cáo nhữ thiên nhân thế gian A-tu-la đẳng, ưng đương ái nhạo tu tập, sanh hy hữu tâm***".

(Cho nên ta bảo trời, người, A-tu-la… các ông ở thế gian này nên phải yêu thích tu tập, sanh tâm hy hữu).

Đoạn kinh văn này là Thế Tôn khuyến khích mọi người y giáo tu hành, không nên nghi hoặc. "*Thị cố*", là vì phía trước nói đến cái duyên cớ này nên Phật mới nói với nhóm trời, người dự hội. Trời, người ngu si, mê hoặc không biết giá trị

món hàng, không biết pháp môn này là đệ nhất. "*A-tu-la*", khi đề cập đến A-tu-la thì biết trong số đại chúng dự hội có tám bộ quỷ thần, những người này đều là lục đạo phàm phu, cho nên Phật ở chỗ này đặc biệt khuyến khích. Họ phải nên yêu thích tu tập, phải nên ưa thích bộ kinh điển này, chữ "*nhạo*" là ưa thích pháp môn này, giống như Phật nói ở phía trước, "*quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành*". "*Sanh hy hữu tâm*", câu nói này hay vô cùng! Cổ Đức thường nói: "Từ vô lượng kiếp đến nay, hi hữu khó gặp", bộ kinh điển này đích thật là như vậy, từ vô lượng kiếp đến nay hi hữu khó gặp, bạn chớ xem thường, chúng ta hiện nay không phải đã gặp rồi sao! Không phải rất dễ gặp được, Kinh Vô Lượng Thọ đã được in nhiều như vậy, phân phát đến khắp nơi, không phải rất dễ gặp được sao? Không dễ dàng, rất khó rất khó! Trong vô lượng kiếp khó gặp được một lần, cho nên phải sanh tâm hy hữu.

"***Ư thử kinh trung, sanh đạo sư tưởng***".
(Nên lấy kinh này làm thầy hướng dẫn).

"*Đạo sư*" là Phật, dẫn đường cho chúng ta đoạn phiền não, chứng Bồ-đề, dẫn đường cho chúng ta liễu sanh tử, xuất tam giới, dẫn đường cho chúng ta phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, dẫn đường cho chúng ta vãng sanh Tịnh Độ, chứng cứu cánh Phật quả. Vị thầy này là ai vậy? Tức là Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ tức là *đạo sư* của chúng ta, Kinh Vô Lượng Thọ tức là thiện tri thức của chúng ta, là thiện hữu của chúng ta. Chúng ta mỗi ngày niệm một biến, tức là tiếp thọ sự chỉ dạy của thầy, thầy từ bi chỉ dạy, chúng ta phải tín thọ phụng hành, chúng ta phải tin không hoài nghi, phải như thuyết tu hành, phụng hành tức là như thuyết tu hành, đây là tự lợi.

"***Dục linh vô lượng chúng sanh, tốc tật an trụ, đắc Bất Thoái Chuyển***".
(Nếu muốn cho vô lượng chúng sanh mau được an trụ, vào bậc Bất Thoái Chuyển).

Chúng ta có tâm từ bi, ta có được lợi ích rồi, có được chỗ tốt rồi, nhìn thấy còn rất nhiều chúng sanh, bao gồm người thân quyến thuộc và bạn bè của chúng ta trong đó, họ vẫn chưa có được, chúng ta hy vọng họ thảy đều có được. "*Tốc*" tức là nhanh, đều có thể giống như chúng ta. "*An trụ, đắc Bất Thoái Chuyển*", chúng ta thân tâm an ổn, trụ tại Bất Thoái Chuyển địa. Câu "*Bất Thoái Chuyển địa*" này, phía trước đã nói rất tường tận, rất minh bạch, nhất định không bị dao động bởi danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, không bị bất cứ một bộ kinh điển

nào, bất cứ một pháp môn nào trong Phật pháp làm cho dao động, cương quyết một lòng, chuyên cầu Tịnh Độ, đây là an trụ Bất Thoái Chuyển địa.

"***Cập dục kiến bỉ, quảng đại trang nghiêm, nhiếp thọ thù thắng Phật sát, viên mãn công đức giả, đương khởi tinh tiến, thính thử pháp môn***".

(Và muốn thấy cõi Cực Lạc rộng lớn trang nghiêm, nhiếp thọ thù thắng, viên mãn công đức thì nên phải tinh tấn, nghe pháp môn này).

Đây là chúng ta muốn giúp đỡ chúng sanh, giúp đỡ họ thì làm thế nào? Phải khuyên họ nghe pháp môn này, khuyên họ đọc Kinh Vô Lượng Thọ, khuyên họ nghe Kinh Vô Lượng Thọ. Trong câu thứ hai này, lợi ích lại càng thù thắng! Vì sao? Muốn thấy thế giới Tây Phương Cực Lạc, quảng đại trang nghiêm, nhiếp thọ thù thắng. "*Nhiếp thọ thù thắng*", bốn chữ này chúng ta đọc rồi, có được một chút ấn tượng, có một chút khái niệm, vậy thù thắng đến trình độ nào? Phía trước Phật nói, mười phương vô lượng vô biên cõi nước Phật, trong mỗi cõi Phật có vô lượng vô biên Bồ-tát, hết thảy đều vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, đây là thù thắng của sự *nhiếp thọ*, đều là Bất Thoái Bồ-tát đi vãng sanh. "*Viên mãn công đức*", mười phương thế giới tu hành, tuy có vô lượng công đức, nhưng chưa *viên mãn*, nếu đã *viên mãn* rồi thì hà tất phải đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta đọc Kinh Hoa Nghiêm thấy được: Văn-thù, Phổ Hiền, bốn mươi mốt vị Pháp thân Đại Sĩ vẫn phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, vì sao? Nếu trong hội của Phật Tỳ-lô-giá-na ở thế giới Hoa Tạng cũng có thể được viên mãn công đức thì nhóm người này không cần phải phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Họ vẫn cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, điều này nói rõ Tây Phương Tịnh Độ là viên mãn công đức, cứu cánh viên mãn. Ngay cả hai vị đại Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền ở hai bên Phật Tỳ-lô-giá-na còn cầu sanh thế giới Cực Lạc, đạo lý là ở chỗ này. Chúng ta thấy được sự thật này rồi mà còn không cầu sanh hay sao! Không muốn thấy A-di-đà Phật hay sao? Nhất định là hiểu rõ ràng đạo lý rồi, chân tướng sự thật thảy đều hiểu minh bạch thì tự nhiên sẽ sanh tâm tinh tấn, muốn nghiên cứu pháp môn này, nghiên cứu kinh điển này, muốn thâm nhập. Chỉ có đoạn nghi thì tâm thanh tịnh của chúng ta mới sanh ra được, bạn mới có thể chân tâm niệm Phật, chân tâm cầu sanh. Tại sao người niệm Phật thì nhiều, người vãng sanh thì ít? Vì người niệm Phật không phải là chân tâm, tại sao không phải là chân tâm? Vì chưa thấu rõ đạo lý, chưa rõ ràng chân tướng sự thật.

Họ niệm Phật tuy là cầu sanh, song tâm nguyện của họ không khẩn thiết. Nếu bây giờ có những lợi ích khác hiện tiền thì họ sẽ lập tức đi mất. Tối nay có thể kiếm được mười triệu Mỹ Kim thì bạn sẽ đến nghe kinh chăng? Không nghe.

Tôi kiếm tiền quan trọng hơn. Bạn xem, một triệu Mỹ Kim thì liền đoạn mất cái lợi ích thù thắng của bạn, kiếm được một triệu Mỹ Kim vẫn là vào trong sanh tử luân hồi, là mối lợi nhỏ, rất nhỏ! Còn đây là đại lợi, nhưng bạn không biết đây là đại lợi, bạn xem cái này là nhỏ, xem cái kia là lớn, là điên đảo vọng tưởng đấy, lập tức mê hoặc điên đảo. Người thế gian ngu si như vậy rất nhiều, có thể chính mình cũng vậy. Quý vị tối nay vì sao đến nghe kinh, vì tối nay không có kiếm ra tiền, không dễ dàng đâu, thực tế không dễ dàng!

"***Vị cầu pháp cố, bất sanh thoái khuất siểm ngụy chi tâm***".

(Vì cầu pháp, không nên sanh tâm thoái thất hư ngụy).

Vì cầu pháp, chân tâm, chân ý, không thể thoái thất, không phải hư ngụy, không phải giả tâm. Nếu bạn cho bạn là chân tâm thì tỉ dụ vừa rồi là rất thực tế, nếu sự lợi ích bày ra trước mặt bạn, bạn lập tức động tâm, bạn mới biết được tâm của bạn là "*thoái khuất siểm ngụy*", không phải là chân tâm. Tuy nhiên, chính bạn không hay biết việc này, bạn tự cho là rất chân tâm, thành tâm thành ý học Phật. Cái thành tâm thành ý của bạn chịu không nổi sự khảo nghiệm, tại vì sao? Vì danh văn lợi dưỡng vừa dụ hoặc thì lập tức hiện nguyên hình. Cho nên nếu là chân tâm dù thế xuất thế pháp có bày ra thì tuyệt đối không dao động, bạn xem mấy câu tỉ dụ phía dưới.

"***Thiết nhập đại hỏa, bất ưng nghi hối***".

(Dù có vào hầm lửa lớn cũng không được nghi ngờ hối hận).

Cho dù là bảo bạn nhảy vào lửa lớn, "ta cũng không hoài nghi, ta cũng không hối hận", khảo nghiệm chân tâm của bạn. Bạn chân thành đến trình độ nào? Có thể trong đời này vãng sanh bất thoái thành Phật chăng?

"***Hà dĩ cố? Bỉ vô lượng ức chư Bồ-tát đẳng, giai tất cầu thử vi diệu pháp môn, tôn trọng thính văn, bất sanh vi bội***".

(Tại sao vậy? Vô lượng vô số Bồ-tát đều mong cầu trân trọng lắng nghe pháp môn vi diệu này, không có tâm làm trái).

Phật nói đến những vị Bất Thoái Bồ-tát từ mười phương thế giới vãng sanh, họ vì sao thành tựu? Vì họ thật sự cầu pháp môn này. Pháp môn này là pháp môn vô thượng vi diệu đệ nhất, vượt hơn tất cả kinh luận, không chỉ là Thích-ca Mâu-ni Phật nói trong bốn mươi chín năm mà trong tất cả Kinh mà mười phương ba đời tất cả chư Phật đã nói, Kinh Vô Lượng Thọ thảy đều siêu việt tất cả. Nó quả thật là đệ nhất kinh mà Như Lai đã nói. Không phải tôi ở nơi đây tu Tịnh Độ mà

khen Tịnh Độ mà sự thật là như vậy. Hoàn toàn là dựa trên sự thật mà nói, không hề khoe khoang. Nếu bạn cho là tôi đang ở đây khoe khoang. Tôi tu Tịnh Độ, lúc giảng Tịnh Độ thì tán dương Tịnh Độ. "Ôi chao! Điều này nói hơi quá lời một chút", nếu bạn mang cái tâm nghi hối thì bạn sai rồi! Cho nên chư vị đọc kinh văn cho kỹ lưỡng để lĩnh hội thì bạn sẽ biết được đó là thật, một chút đều không giả. Cho nên nhóm Bồ-tát đó khi tiếp xúc đều "*tôn trọng thính văn*", cho nên gọi là tôn sư trọng đạo, tôn kính thầy, vì sao? Vì trọng đạo, "*thính văn*" như vậy thì họ được lợi ích.

Trước kia có người thỉnh giáo Ấn Quang Đại Sư rằng: "Học Phật có bí quyết hay không?" Ấn Quang Đại Sư trả lời rằng: "Có! Là hai chữ Thành Kính". Có một phần thành kính thì được một phần lợi ích, hai phần thành kính thì được hai phần lợi ích, mười phần thành kính thì được mười phần lợi ích. Sự "*tôn trọng thính văn*" tức là thành kính, người nếu có được mười phần thành kính thì nghe kinh có thể khai ngộ. Nghe kinh vì sao không thể khai ngộ? Vì tâm thành kính không đủ. Người bình thường lúc nghe kinh chỉ có một hai phần tâm thành kính cho nên được lợi ích không nhiều, nếu có được chín phần, mười phần thì có thể khai ngộ. Những vị Bồ-tát này mười phần cung kính. "*Bất sanh vi bội*", câu này hàm chứa chỗ phía trước giảng về "*quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành*". Họ không làm trái, cho nên họ sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, được thấy A-di-đà Phật, nghe pháp, viên mãn công đức. Câu sau cùng này cho chúng ta một sự cảnh giác rất lớn:

"***Đa hữu Bồ-tát dục văn thử kinh, nhi bất năng đắc***".
(Có nhiều vị Bồ-tát muốn nghe kinh này mà không được nghe).

Đây là sự thật, tại sao có nhiều vị Bồ-tát muốn nghe kinh này mà không được nghe? Bồ-tát nếu biết có bộ kinh này thì làm gì có đạo lý không được nghe! Là Bồ-tát nghĩ rằng: "Tốt nhất có được một bộ kinh, có một phương pháp có thể khiến chúng ta mau thành Phật, không cần đợi đến ba đại a-tăng-kỳ kiếp, không cần phải mất vô lượng kiếp, không cần phải dài dòng phiền phức như vậy", nghĩ có bộ kinh này không? Họ không biết, chưa nghe nói qua, không có duyên phần, cho nên là "*dục văn thử kinh, nhi bất năng đắc*". Không biết có bao nhiêu Bồ-tát, số người này so với số người vãng sanh kia không biết là nhiều hơn bao nhiêu lần.

"***Thị cố nhữ đẳng, ưng cầu thử pháp***".
(Nên các ông phải cầu giữ pháp môn này).

Quý vị ngày nay có thiện căn phước đức nhân duyên, trong giờ phút này, ba điều kiện này thảy đều đầy đủ cả, Phật ở chỗ này khuyên chúng ta "*ưng cầu thử pháp*", quý vị hãy nên hết lòng cầu sanh Tịnh Độ, "*quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành*" thì là đúng. Phật ở chỗ này nhiều lần khuyến cáo chúng ta, khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 28

THỌ BỒ ĐỀ KÝ ĐỆ TỨ THẬP TỨ
PHẨM BỐN MƯƠI BỐN: THỌ KÝ BỒ ĐỀ

"***Nhược ư lai thế, nãi chí chánh pháp diệt thời, đương hữu chúng sanh, thực chư thiện bổn, dĩ tằng cúng dường vô lượng chư Phật. Do bỉ Như Lai, gia uy lực cố, năng đắc như thị quảng đại pháp môn***".

(Về đời sau, đến khi chánh pháp diệt tận, nếu chúng sanh nào trồng các căn lành, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, nhờ vào oai lực của chư Phật kia gia bị mới gặp được pháp môn quảng đại này).

Phật pháp tại thế gian này có bốn thời kỳ, đây là sau khi Phật diệt độ. Pháp vận của Phật tổng cộng có một vạn hai ngàn năm, chánh pháp một ngàn năm. Trong kinh văn nói "*nhược ư lai thế*", ý nghĩa của câu này là sau khi Phật diệt độ. "*Nãi chí chánh pháp diệt thời*", đây tức là sau khi Phật diệt độ một ngàn năm, vậy đây là thời kỳ tượng pháp và thời kỳ mạt pháp. Thời kỳ mạt pháp là một vạn năm, nói một cách khác, chúng ta hiện nay đang ở trong thời kỳ này. Cũng tức là bảo kinh này chính là vì chúng ta mà nói. "*Đương hữu chúng sanh*", đây là nói chúng sanh có duyên, nhân duyên gì vậy? Cái nhân duyên này thật là sâu rộng vô hạn! "*Thực chư thiện bổn*", trong đây quan trọng nhất tức là xưng niệm danh hiệu Di-đà. "*Dĩ tằng cúng dường vô lượng chư Phật*", ở chỗ này chúng ta thấy được cái sâu, cái rộng của duyên, "*vô lượng chư Phật*" tức là không có phương pháp tính ra được số lượng. Đây là thiện căn phước đức trong đời quá khứ của họ sâu dày, trong kinh có nói "*bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*" (không thể với ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về nước ấy), đây là thiện căn phước đức sâu dày.

"*Do bỉ Như Lai gia uy lực cố*", chữ "*bỉ*" này không chỉ là A-di-đà Phật ở thế giới Tây Phương, mà là bạn đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, những vị Phật Như Lai đó đều lấy bổn nguyện oai thần gia trì cho bạn. Bạn ngày nay tiếp xúc đến bộ kinh này, tiếp xúc đến pháp môn này, bạn nghe rồi mới có thể sanh tâm hoan hỉ, mới có thể hưng khởi Tín, Nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Nói một cách khác, nếu không có nền tảng thâm hậu như vậy thì cho dù có gặp được pháp môn này bạn cũng rất khó tin tưởng, không dễ tiếp nhận, đây tức là chỗ chư Phật gọi là "*nan tín chi pháp*", tại sao khó? Chúng ta xem đoạn kinh văn này thì biết được nguyên nhân của cái khó ấy, là thiện căn phước đức của họ trong đời quá khứ

không đủ, phải nên bồi dưỡng thiện căn phước đức này cho thật sâu. "*Năng đắc như thị quảng đại pháp môn*", Thích-ca Mâu-ni Phật tự xưng tán pháp môn này là pháp môn rộng lớn nhất trong tất cả pháp môn, rộng thế nào, lớn thế nào? Chúng ta đều đọc qua hai phẩm phía trước rồi, đều thấy được sự thật này.

"***Nhiếp thủ thọ trì***".
(Giữ gìn thọ trì).

"*Nhiếp thủ*" tức là A-di-đà Phật tiếp dẫn chúng ta, Ngài đến nghênh tiếp chúng ta, còn "*thọ trì*" là công việc của chính chúng ta, chúng ta phải tiếp nhận, chúng ta phải giữ gìn, không thể đánh mất nó thì tự nhiên sẽ có được công đức lợi ích thù thắng này.

"***Đương hoạch quảng đại Nhất Thiết Trí trí***".
(Sẽ được trí huệ quảng đại Nhất Thiết Trí).

Đây là nói bạn chắc chắn có được, có được cái gì? Được cái trí huệ trên quả địa của Như Lai, "*Nhất Thiết Trí trí*", tức là Nhất Thiết Chủng Trí. Hai chữ "*trí*", một chữ là nói Căn Bản Trí, một chữ là Hậu Đắc Trí, phía trước có chữ "*nhất thiết*", đây tức là hai thứ trí huệ viên mãn trên quả địa của Như Lai.

"***Ư bỉ pháp trung, quảng đại thắng giải***".
(Ở trong pháp đó hiểu rõ cặn kẽ).

Chữ "*bỉ pháp*" này là chỉ cho pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn Tịnh Độ, Thích-ca Mâu-ni Phật trong đại kinh thường nói: "*Duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*" (chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột), chỉ có những người thành Phật rồi mới thật sự hiểu rõ triệt để, Đẳng Giác Bồ-tát nếu không được sự oai thần gia trì cũng không thể cứu cánh viên mãn. Có thể thấy rằng pháp môn này quả là rất sâu, rất rộng! Chúng ta ngày nay tiếp xúc đến kinh điển này, đọc tụng, nghe giảng dường như là không khó. Chúng ta cũng có thể lý giải được, đây là nguyên nhân gì vậy? Là "*do bỉ Như Lai gia uy lực cố*", bạn mới hiểu rõ được. Cùng một đạo lý, tôi đang ngồi giảng tại đây cũng là được oai thần của chư Phật Như Lai gia trì. Nếu không gia trì thì tôi không thể nói được, quý vị cũng nghe không hiểu. Bây giờ tôi có thể nói được một chút, quý vị cũng nghe hiểu được một chút, cả thảy đều là hiệu quả của trong đời quá khứ đã cúng dường vô lượng chư Phật, bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật gia trì, cho nên chúng ta "*năng giải*", không những "*năng giải*" mà còn "*thắng giải*", "*thắng*" là thù thắng, cũng tức là nói chúng ta lý giải có trình độ thấu triệt, không phải là cái trí cạn cợt tầm thường.

"***Hoạch đại hoan hỷ, quảng vị tha thuyết, thường nhạo tu hành***".

(Sẽ được nhiều hoan hỷ, rộng nói cho người khác, thường thích tu hành).

Có được pháp hỉ sung mãn thật sự nên mới ưa thích đến khắp nơi khuyến khích kẻ khác, đem pháp môn này giới thiệu cho người khác, đây tức là "*quảng vị tha thuyết*". Còn chính mình thì vô cùng ưa thích, y theo lý luận phương pháp của kinh điển này để tu hành. "*Quảng vị tha thuyết, thường nhạo tu hành*", nhất định không thể miễn cưỡng, là tự nhiên, bạn nhất định sẽ làm như vậy, nguyên nhân gì làm như vậy? Tức là phía trước, "*ư bỉ pháp trung, quảng đại thắng giải, hoạch đại hoan hỷ*", bạn quả thật đã hiểu rõ rồi, thật sự thấu triệt rồi, thật được lợi ích chân thật thì nhất định sẽ làm như vậy.

"***Chư thiện nam tử, cập thiện nữ nhân, năng ư thử pháp, nhược dĩ cầu, hiện cầu, đương cầu giả, giai hoạch thiện lợi***".

(Các người thiện nam, thiện nữ đối với pháp này nếu đã cầu, hiện cầu hay sẽ cầu vãng sanh đều được nhiều lợi ích).

Phật nói lời này là đại tiền đề, nói rõ tình trạng của thời tượng pháp về sau. Thời tượng pháp về sau, vừa đúng lúc Phật pháp truyền đến Trung Quốc. Phật pháp truyền đến Trung Quốc vừa vào lúc Phật diệt độ một ngàn năm, là vào thời Hậu Hán, đời vua Hán Minh Đế, năm Vĩnh Bình thứ mười. Trong thời gian một ngàn chín trăm năm nay, từ Hán Minh Đế tính đến ngày nay là hơn một ngàn chín trăm năm, gần hai ngàn năm, tính theo lịch Trung Quốc. Chúng ta từ trong lịch sử thấy được, đích thật như trong kinh nói sự hoằng truyền của Tịnh Tông, mỗi triều đại đều có rất nhiều người, không chỉ là các Tổ Sư Đại Đức. Ngày nay đọc đoạn kinh văn này, chúng ta mới bỗng nhiên đại ngộ, thì ra những người này trong đời quá khứ, thiện căn phước đức nhân duyên đều là thù thắng không gì sánh bằng. Tự mình tích đức sâu dày, hiện tiền được Phật lực gia trì, tự mình có thành tựu. Có thể tận tâm tận lực thúc đẩy rộng rãi pháp môn này, điều này là những gì phía trước đã nói.

Còn đoạn này Phật nói "*chư thiện nam tử, dĩ cập thiện nữ nhân*", bao gồm bốn chúng đệ tử, hai chúng tại gia, hai chúng xuất gia. Sự hoằng truyền của Tịnh Tông, người tại gia đích thật đã chiếm ưu thế rất lớn. Đặc biệt hơn hết là trong thời đại mạt pháp này. Bạn xem, rất nhiều nơi đều có xây cất Liên Xã, mà người chủ trì Liên Xã là người tại gia nhiều hơn người xuất gia. Người chủ trì Liên Xã như Cư Sĩ Lâm của địa phương này, bạn nghe danh xưng này thì biết là cư sĩ tại gia chủ trì, vô cùng phù hợp với lời Kinh nói. Trong phần tựa của kinh này chúng

ta thấy được, Thế Tôn liệt kê ra những vị thượng thủ dự hội, cư sĩ tại gia thì có mười sáu vị, Đại Đức xuất gia chỉ kể ra năm vị, đây tức là pháp môn này quả thật là lấy đồng tu tại gia làm chủ, bạn hỏi tại sao vậy? Vì đồng tu tại gia trong quá khứ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật. Người xuất gia quả thật là số ít, họ đảm nhiệm công tác hoằng truyền, đó chính là Tổ Sư Đại Đức của các thời đại, các Ngài đảm nhiệm công tác hoằng truyền. "*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*" tức là bốn chúng đệ tử, "*năng ư thị pháp*", chữ "*thị pháp*" tức là chuyên chỉ cho Kinh Vô Lượng Thọ, chuyên chỉ cho pháp môn Tịnh Tông.

"*Nhược dĩ cầu*", đã phát tâm cầu nguyện vãng sanh, hoặc là "*hiện cầu*", hoặc là "*đương lai cầu*", đương lai là tương lai. Mạt pháp là một vạn năm, vẫn còn chín ngàn năm, đây là chiếu theo lịch sử Trung Quốc, một ngàn năm mạt pháp thứ nhất đã qua rồi, hiện tại là mở đầu của ngàn năm thứ hai, cho nên đây là phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ về sau. Hễ chân chánh phát tâm, những người y theo lý luận phương pháp của bộ kinh điển này để tu học thì "*giai hoạch thiện lợi*", chữ "*giai*" là bình đẳng, đều có thể *hoạch* được sự lợi ích tối thiện, "*thiện*" là thiện hảo, dùng cách nói hiện nay là sự lợi ích tốt lành nhất. Tiêu chuẩn của thiện là gì? Thực tế mà nói tức là chỉ cho các thứ lợi ích thù thắng được nói trong bộ kinh này. Bạn có thể có được toàn bộ, không chỉ là tương lai vãng sanh bất thoái thành Phật, mà hiện tiền có thể được đại tự tại. Người thế gian chúng ta thường chúc phúc: "Chúc bạn sự sự như ý, sự sự xứng tâm", thực tế mà nói, "xứng tâm, như ý" chỉ là lời chúc mà thôi, không phải là sự thật. Chỉ có tu học theo pháp môn này thì bạn mới có thể có được, làm sao mà có được? Nhờ sự gia trì của oai thần chư Phật Như Lai, Phật gia trì bạn những gì? Gia trì bạn khai ngộ, bạn đọc kinh rõ lý rồi, đây là Phật lực gia trì. Sau khi hiểu rõ đạo lý rồi, bạn biết được nên làm người như thế nào, nên xử sự thế nào. Người xưa chúng ta nói "*tự cầu đa phước*", đó là bạn phải tự mình tu, nếu bạn không chịu tu thì Phật không có biện pháp gia trì cho bạn. Chúng ta đã đọc qua trong phẩm trước: "*Đắc văn A-di-đà Phật danh hiệu, năng sanh nhất niệm hỉ ái chi tâm, quy y chiêm lễ như thuyết tu hành*" (được nghe danh hiệu Đức Phật A-di-đà rồi sanh tâm vui mừng ưa thích chừng một niệm, quy y chiêm lễ, tu hành đúng như lời Phật dạy). Hễ bạn làm được câu nói này rồi thì bạn trong đời này mọi sự đều như ý, đó là thật không phải giả, đây là Phật dạy chúng ta, Phật dạy tức là gia trì, Phật dạy tức là phù hộ, bên trong không có mê tín.

Có những bạn đồng tu nói với tôi, sự nghiệp của họ làm rất thành công, kiếm được khá nhiều tiền, tự mình tưởng rằng rất có tài cán. Không phải bạn có tài cán

gì, bạn ngỡ rằng tiền bạc là do bạn kiếm được đấy à? Bạn nói: "Không phải kiếm được thì từ đâu mà đến? Là tôi cực khổ lắm kiếm ra đó". "Sai rồi!" Là cái nhân của bạn ở đời trước, nên đời này bạn được cái quả, "nhân duyên quả báo tơ hào không sai", nào phải là bạn kiếm được đâu. Ở trong kinh, Phật nói với chúng ta chân tướng sự thật này rất rõ ràng: Bạn có được tiền của là quả báo, quả tất phải có nhân, bạn đời trước chịu bố thí tài, đời này có được tiền của, đây là quả báo. Bạn có thể bố thí pháp thì bạn được thông minh trí huệ, bạn có thể tu bố thí vô úy thì bạn được khỏe mạnh sống lâu. Tiền của, thông minh, khỏe mạnh, sống lâu là quả, ba loại bố thí là nhân, Phật nói với chúng ta chân tướng sự thật này tức là phù hộ chúng ta, tức là gia trì chúng ta. Chúng ta giác ngộ rồi, minh bạch rồi thì ta sẽ chịu tu nhân, ta thật sự chịu làm thì mới có được quả báo. Bạn bố thí một cách rất hoan hỉ thì đời này bạn kiếm được tiền của cũng rất dễ dàng, cũng rất vui vẻ, một chút cũng không bận tâm. Bạn kiếm được tiền rất cực khổ, đó là nguyên nhân gì vậy? Là đời trước tu bố thí tài không hoan hỉ, bố thí như là cắt thịt mình vậy. Vậy thì đời này bạn cực khổ lắm mới kiếm được tiền, nhân thế nào thì quả như thế đó. "*Nhân duyên quả báo tơ hào không sai*", bộ kinh này tức là chư Phật Như Lai, A-di-đà Phật gia trì cho chúng ta, cũng tức là nói bộ kinh này là chư Phật Như Lai, A-di-đà Phật phù hộ cho chúng ta, chúng ta nên hết lòng đọc, hết lòng học tập thì sẽ được tất cả lợi ích.

"***Nhữ đẳng ưng đương an trụ vô nghi***".
(Các ông nên phải tin chắc, chớ có nghi ngờ).

Bạn phải đem tâm "***an trụ***" tại trong kinh này, kinh này tức là căn bản một đời tu học của chúng ta, là kim chỉ nam của việc xử sự đối người tiếp vật của chúng ta. Khởi tâm động niệm, tất cả tạo tác đều không trái ngược với lời giáo huấn của kinh điển thì tức là đệ tử đệ nhất của Như Lai. Cho nên an trụ trong kinh giáo này, nhất định không hoài nghi.

"***Chủng chư thiện bổn***".
(Trồng các căn lành).

"*Chủng chư thiện bổn*" không chỉ là Tín, Nguyện, Trì Danh mà nhất định phải làm được lời dạy bảo trong kinh, đặc biệt là Ngũ Giới Thập Thiện mà phẩm ba mươi lăm phía trước đã nói.

"***Ưng thường tu tập, sử vô nghi trệ***".
(Nên luôn luôn tu tập, không được ngừng nghỉ nghi ngờ).

"*Ưng thường*", tức là thường thường, nhất định không gián đoạn. "*Tu*" là tu hành. Chúng ta trước kia đối với chính mình, đối với hoàn cảnh sinh hoạt, đối người, đối sự có nhiều cách nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm, cách làm sai lầm, cả thảy đều đem nó tu sửa trở lại, đây gọi là tu hành. "*Tập*" là học tập, y theo đạo lý phương pháp trong kinh điển để tu tập, làm con người mới. Trong kinh nói với chúng ta "*sái tâm dịch hạnh*", tức là bảo chúng ta làm con người mới, những gì làm trước kia đều là tạo nghiệp lục đạo luân hồi, tạo nghiệp tam ác đạo, vô cùng đáng sợ! Ngày nay chúng ta thay đổi mặt mày, chúng ta phải học Phật, chúng ta phải học Bồ-tát, chúng ta phải là con người thiện thật sự. Trong đời này nhất định thoát ly lục đạo luân hồi, vãng sanh bất thoái thành Phật, đây tức là tu tập. "*Sử vô nghi trệ*", chúng ta hết lòng đi làm như vậy, bất luận đối với lý, với sự chúng ta không có hoài nghi, không có chướng ngại, "*trệ*" tức là chướng ngại.

"***Bất nhập nhất thiết chủng loại trân bảo thành tựu lao ngục***".
(Chẳng vào các cõi lao ngục thành tựu bằng trân bảo).

Chúng ta nhìn thấy "*lao ngục*" thì rất là khiếp sợ! Có ai chịu đi vào trong lao ngục? Lao ngục gì? Tam giới, lục đạo tức là lao ngục, trong lao ngục cũng có khổ, vui, cái khổ là gì? Tam ác đạo là lao ngục thọ khổ, còn tam thiện đạo, đặc biệt là thiên đạo, A-tu-la đạo là trân bảo lao ngục, bạn có chịu đi không? Thế gian có nhiều người muốn sanh thiên, trên trời có thọ mạng rất dài, tất cả sự thọ dụng đều tự nhiên, không cần phải làm việc khổ nhọc. Thiên phước rất dụ hoặc con người. Chúng ta hiểu rõ, trời không phải là cứu cánh, thọ mạng dài như là Trường Thọ Thiên, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên có thọ mạng tám vạn đại kiếp, đây là thọ mạng dài nhất trong phàm phu. Tám vạn đại kiếp nếu so sánh với vô lượng kiếp thì không dài. Sau khi hết tám vạn đại kiếp rồi thì vẫn phải luân hồi, vẫn phải đọa lạc, tại vì sao? Vì họ đã leo lên đến đỉnh, không lên thêm được nữa, khi hết thọ mạng thì chỉ có đọa lạc trở xuống.

Trong kinh Lăng-nghiêm giảng rất rõ ràng: Tứ Thiền Thiên, Tứ Không Thiên, sau khi thọ mạng hết rồi, phần nhiều đọa vào tam ác đạo, rất khổ, rất khổ! Nếu bạn hỏi nguyên nhân gì vậy? Tôi cũng không nói nhiều, quý vị đi đọc kinh Lăng-nghiêm thì biết ngay. Vậy "*nhất thiết chủng loại trân bảo thành tựu lao ngục*" là chỉ cho các cõi trời Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, nhắc nhở chúng ta rằng "trời vẫn không là cứu cánh". Ở trên trời hưởng lạc thì giống như ở trong trân bảo lao ngục không khác, bạn không thể ra khỏi tam giới.

"***A-dật-đa! Như thị đẳng loại đại uy đức giả, năng sanh Phật pháp quảng đại dị môn. Do ư thử pháp, bất thính văn cố, hữu nhất ức Bồ-tát thoái chuyển A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-Bồ-đề***".

(Này A-dật-đa! Các bậc đại oai đức có thể sanh khởi những pháp môn Đại Thừa khác trong Phật pháp, do chẳng được nghe pháp này nên có một ức Bồ-tát thoái chuyển bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đoạn này là nói: không nghe pháp môn này, không tin pháp môn này, không tiếp nhận pháp môn này thì rất khó mà không thoái chuyển. Phật gọi A-dật-đa, tức là Di-lặc Bồ-tát, gọi tên để đánh thức Ngài chú ý, những lời nói phía sau rất quan trọng. "*Như thị đẳng loại đại uy đức giả*", câu này là chỉ cho loại người đối với Tịnh Tông, đối với pháp môn này không hoài nghi, tín tâm thanh tịnh, tín tâm kiên định. Nếu chúng ta đối với pháp môn này rất rõ ràng, rất minh bạch, không bị bất cứ cảnh giới nào làm cho dao động thì bạn tức là "*đại uy đức giả*". Người như thế "*năng sanh Phật pháp quảng đại dị môn*", ý nghĩa của câu nói này tức là họ có tư cách, họ có khả năng nhập vào pháp môn Tịnh Độ. Phật pháp quảng đại này gọi là *dị môn*, dị là đặc biệt. Pháp môn này không phải pháp môn thông thường, pháp môn thông thường tức là tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện nói "*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*" là pháp môn thông thường, còn Cổ Đức gọi pháp môn này là "*môn dư đại đạo*", tức là ngoài tất cả pháp môn kia. Đây là một đường lớn, đường tắt để thành Phật, nên gọi là "dị môn", khác với các pháp môn thông thường khác. Cho nên phải là người đại oai đức thì họ mới có thể sanh được [quảng đại dị môn].

"*Do ư thử pháp bất thính văn cố*", nói được rất rõ ràng, minh bạch, bởi vì có một số Bồ-tát hành Bồ-tát đạo không có nghe đến pháp môn này. Hoặc giả có nghe rồi mà họ không tin, không tiếp nhận, không chịu cầu sanh Tịnh Độ. Như vậy thì nghe mà như không nghe, gặp được mà như không gặp, không thể sanh đến thế giới Cực Lạc thì khó tránh khỏi phải thoái chuyển, quả nhiên không sai, họ đã thoái chuyển. Nếu họ không thoái chuyển, thật tình mà nói, thành Phật đâu cần phải ba đại a-tăng-kỳ kiếp. Tức là tiến tiến thoái thoái, thoái thì nhiều, tiến thì ít, tu hành khó khăn thế đó! Bồ-tát thoái chuyển, đã làm Bồ-tát rồi thoái chuyển thì sẽ không thoái thành phàm phu, điều này chư vị phải biết. Bạn xem Tiểu Thừa Tu-đà-hoàn là Vị Bất thoái, họ chứng đến Nhị Quả, Tam Quả có thể lại thoái đến Sơ Quả. Tuy nhiên sẽ không thoái đến dưới Sơ Quả, không thể thoái đến phàm phu. Cho nên họ đích thật là tiến tiến thoái thoái, Tiểu Thừa sau khi chứng đắc Tu-đà-hoàn, Phật nói với chúng ta, lên xuống cõi trời cõi người bảy lần mới chứng

quả A-la-hán. Bảy lần vãng lai, nhân gian thọ mạng ngắn, trên trời thọ mạng dài, thành được A-la-hán rất không dễ dàng, tức là họ thoái rất nhiều. Còn Bồ-tát thành Phật thì càng khó, nhân duyên thoái đọa vô cùng nhiều. Cho nên có thể cầu sanh Tịnh Độ, bảo đảm chúng ta vĩnh viễn không thoái, điều này thì rất khó được, quá hy hữu. Trong bốn mươi tám nguyện của Phật A-di-đà, năm nguyện sau cùng là A-di-đà Phật đặc biệt gia trì, tất cả Bồ-tát mười phương đối với Tịnh Tông này có thể tin sâu không nghi, hoan hỉ tán thán, y giáo phụng hành, đặc biệt gia trì cho những người đó thì những người đó có cơ hội nghe được pháp môn này. Bồ-tát không nghe được pháp môn này thì sẽ thoái chuyển.

"*Hữu nhất ức Bồ-tát*", "*nhất ức*" Bồ-tát này không phải là chỉ mười phương thế giới, là chỉ cho thế giới Ta-bà chúng ta. Thích-ca Mâu-ni Phật sau khi diệt độ, ở thế giới Ta-bà có một ức Bồ-tát thoái chuyển A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-Bồ-đề. Tâm này vừa thoái chuyển, nếu là kiến tư phiền não đoạn hết rồi thì họ thoái đến Sơ Tín Vị Bồ-tát, nếu kiến hoặc chưa đoạn thì thoái chuyển làm phàm phu ở trong lục đạo, lại đi luân hồi nữa, người như vậy rất nhiều, người như vậy rốt cuộc là những người nào? Là chư vị đồng tu ở đây, tại vì sao? Trong kinh nói rất rõ ràng, bạn đã từng cúng dường vô lượng chư Phật mà nay còn trôi lăn đến mức độ này, đó không phải thoái chuyển hay sao? Do chưa đoạn hết kiến tư phiền não, lại thoái chuyển đi tạo luân hồi. Bạn thử xem, thành Phật là ba a-tăng-kỳ kiếp thì thành tựu rồi, còn chúng ta thì đã trải qua vô lượng kiếp trôi lăn cho đến ngày nay. Nếu bạn hỏi nguyên nhân gì vậy? Vì là "*ư thử pháp môn, bất thính văn cố*", chúng ta ngày nay có *thính văn* không? Bộ kinh này ngày mai có thể giảng viên mãn. Trong hai mươi chín ngày này, quý vị ngày ngày đều đến nghe, một buổi cũng không vắng mặt, nhưng đã *thính văn* chưa? Không hẳn vậy. Vì sao?

Bạn có thật sự nghe hiểu chăng? Bạn có thật sự giác ngộ rồi chăng? Có thật sự tin chăng? Có thể "*như thuyết tu hành*" chăng? Nếu trong hai mươi chín ngày này quả thật làm được, thật sự "*quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành*" thì xin chúc mừng bạn! Bạn đã *thính văn* rồi! Bạn nghe được rồi, bạn trong một đời này vãng sanh bất thoái thành Phật. Nếu bạn vẫn tham luyến thế gian này, xả không được thì bạn là "*ư thử pháp môn, bất thính văn cố*", vẫn phải tiếp tục tạo lục đạo luân hồi, đời này không thể vãng sanh, điều này là gì? Là "*thính nhi bất văn*", "*văn*" là khai trí huệ, nghe rồi mà không giác ngộ. Nói hơi dễ nghe một chút thì giống như phía trước nói: A-xà-thế vương tử cùng năm trăm trưởng giả nghe Phật giảng Kinh Vô Lượng Thọ, họ nghe xong rất hoan hỉ, ta tương lai thành Phật cũng giống như A-di-đà Phật vậy. Có muốn phát nguyện vãng sanh không? Vẫn không chịu

phát nguyện vãng sanh. Người như thế trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, còn người ở chỗ này là đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, so với bốn trăm ức thì hơn rất nhiều. Cho nên nếu không có thiện căn sâu dày như vậy thì "*thính*" mà không "*văn*", bạn mới biết được tất cả chư Phật gọi pháp môn này là "*nan tín chi pháp*" (pháp khó tin), lời này nói có đạo lý, đích thật không dễ dàng!

"***Nhược hữu chúng sanh, ư thử kinh điển, thư tả, cúng dường, thọ trì, độc tụng, ư tu du khoảnh, vị tha diễn thuyết, khuyến linh thính văn, bất sanh ưu não, nãi chí trú dạ tư duy bỉ sát, cập Phật công đức. Ư vô thượng đạo, chung bất thoái chuyển***".

(Nếu có chúng sanh nào viết chép cúng dường, thọ trì đọc tụng kinh này, trong khoảnh khắc vì người diễn nói, khuyên họ lắng nghe, không sanh ưu não, cho đến ngày đêm suy nghĩ cõi Cực Lạc và công đức của Phật A-di-đà thì đối với đạo vô thượng trọn không thoái chuyển).

Đoạn này là nói tín thọ phụng hành, tu hành bất thoái, đây là thiện căn phước đức nhân duyên trong đời này chín muồi. Chúng ta thử nghĩ chúng ta có phải là loại người này hay không? "*Ư thử kinh điển*" là chỉ cho kinh điển này, nếu mở rộng phạm vi ra một chút, tức là chỉ cho Tịnh Tông, Tịnh Độ tông tam kinh, hoặc là chúng ta hiện nay gọi là *ngũ kinh nhất luận*, đều là chuyên nói về Tịnh Độ, chuyên khuyên người vãng sanh. "*Thư tả*" tức là lưu thông. Thời xưa, khi kỹ thuật ấn loát chưa được phát minh, kinh bản đều phải được viết chép bằng tay. Còn bây giờ thì chúng ta in kinh lưu thông, vậy kinh điển ở thế gian này càng nhiều thì càng nhiều người có cơ hội tiếp xúc, càng có nhiều người có cơ hội được độ. Xưa kia Đại Từ Bồ-tát nói: "Bạn độ được một người, độ được hai người thật sự vãng sanh thì công đức đó lớn hơn rất nhiều so với chính bạn tu hành. Bạn độ được mười mấy người, vậy bạn tức là Bồ-tát rồi". Độ được mười mấy người vãng sanh, vậy thì quả thật là Bồ-tát. Chúng ta in một vạn quyển kinh lưu thông, hy vọng có được mười người được độ, đến Tây Phương thành Phật, vậy là phi thường rồi. Chớ tưởng rằng tôi có một vạn quyển sách này thì có một vạn người đi thành Phật, đó là việc không thể được. Một vạn quyển kinh được lưu thông, có được mười người đạt được lợi ích chân thật, vậy thì công đức của bạn không thể nghĩ bàn! Cho nên nhất định phải lưu thông kinh sách cho thật nhiều. "*Cúng dường*" là nghĩa phụng hiến, việc cúng dường, phía trước đã nói với quý vị rất nhiều, thực tế mà nói, sự cúng dường thù thắng nhất có hai loại, một loại là *như thuyết tu*

hành cúng dường, những gì Phật nói trong kinh điển, chúng ta thảy đều làm được, đây là chân chánh cúng dường, đây là tự lợi.

Loại thứ hai tức là lấy Phật pháp cúng dường cho bạn bè người thân của bạn, cúng dường cho tất cả mọi người, dùng tâm chân thành cung kính mà tặng cho họ. Hiện nay không những in kinh, băng ghi âm, băng ghi hình… đều là sự cúng dường tối thù thắng. Trong sinh hoạt hằng ngày, hôn lễ, tang lễ và các tiết mục ăn mừng cùng bạn bè người thân, chúng ta có thể tặng một ít lễ vật nhỏ, lễ vật gì tốt nhất? Là Kinh Vô Lượng Thọ, không có gì tốt hơn cái này. Phía trước nói "trân bảo" thì đây là trân bảo thật sự. Có một số người nói tập tục người Trung Quốc khi ăn Tết, mọi người đều cờ bạc, muốn ăn tiền, tặng sách là "xu" cho họ, đồng âm với chữ "xu" là thua hết, vậy cho sách là không tốt. Nhưng tôi tặng bạn đó là Kinh Vô Lượng Thọ, bạn có cần Vô Lượng Thọ không? Nếu bạn không cần thì thọ mạng không còn nữa. Vậy kinh có cần không? Chữ kinh cùng với chữ kim, "hoàng kim", ý nghĩa như nhau, tôi tặng đó là Kinh Vô Lượng Thọ, là lễ vật trân quý nhất. Nên tặng kinh này, thì chúng ta mới thật sự có tâm giúp đỡ họ, thật sự giống như Phật phổ độ chúng sanh. Cho nên phải giữ cái tâm này, phải làm hết lòng, đây là nói về *cúng dường*. "*Thọ trì*" là nói tu hành, chúng ta phải hoàn toàn tiếp nhận bằng tâm chân thành, bằng tâm thanh tịnh, bằng tâm cung kính. Y giáo tu hành đây gọi là *thọ trì*. "*Độc tụng*", đọc tụng là tự lợi lợi tha, trong lịch sử có một thí dụ rất rõ ràng.

Chúng ta xem Lục Tổ Thiền Tông, Huệ Năng Đại Sư, nhân duyên học Phật của Ngài Huệ Năng là gì? Ngài đi bán củi, có một người đang tụng Kinh Kim Cang, Ngài đứng bên cạnh nghe, nhờ vậy mà Huệ Năng được độ, độ Ngài xuất gia thành Phật. Cho nên đọc kinh là tự lợi lợi tha, phải đọc cho ra tiếng, tự mình nghe được rất rõ ràng, khiến kẻ khác cũng nghe được rất rõ ràng, gọi là đọc kinh. Cách đọc này phải có âm điệu trầm bổng du dương, khiến kẻ khác không những nghe rõ ràng mà họ còn có thể sanh tâm hoan hỉ. Như chúng ta bình thường tụng kinh, lúc đánh mõ từng chữ, từng chữ bình bình, không những nghe không rõ ràng mà còn khiến người nghe phiền não, tại vì sao? Là vì siêu độ người chết, hình như rất không kiết tường, tạo thành sự hiểu lầm rất lớn. Cho nên không thể đọc cách đó, hiện nay đọc cách đó là không thông, đó là của thời xưa, thời đại ấy đã qua rồi. Chúng ta hiện nay thông thường tụng lớn tiếng, dùng phương pháp gì để tụng lớn tiếng? Chúng ta phải từng chữ tròn đầy, âm điệu trầm bổng du dương, nghe rất hay, khiến người nghe được cũng rất thoải mái, họ chịu nghe, họ nghe hiểu được, đó là tự lợi lợi tha.

"*Ư tu du khoảnh*", đây là nói thời gian ngắn, thời gian bất luận là dài hay ngắn, người hiện nay gọi là cơ hội giáo dục, nắm được cơ hội rồi thì giảng, bình thường trong giao tế tiếp xúc với mọi người, tìm được cơ hội thì liền khuyên người niệm A-di-đà Phật, liền giảng Kinh Vô Lượng Thọ cho họ. Bộ kinh này, bạn biết một câu thì giảng một câu, biết hai câu thì giảng hai câu là tốt rồi! Như trong Kinh Kim Cang nói bốn câu kệ, bốn câu thì gọi là một bài kệ, bất cứ bốn câu nào, hai câu là nửa bài kệ, bạn có thể giảng bốn câu cho người ta, giảng hai câu cũng được. Cho nên ngày ngày đọc kinh, đọc thuộc thì rất dễ giảng cho người. "*Khuyến linh thính văn*", khuyên người ta phải đọc kinh này, phải giới thiệu cho người những lợi ích công đức của kinh này. Tỉ dụ, bạn muốn phát tài không? Bạn muốn thông minh không? Bạn muốn mạnh khỏe sống lâu không? Đều muốn cả, thì tôi có một phương pháp là Kinh Vô Lượng Thọ. Nếu bạn không tin, bạn xem tôi hiện nay phát tài, tôi rất thông minh, mạnh khỏe, sống lâu là nhờ tôi niệm Kinh Vô Lượng Thọ. Chính mình phải làm một chứng minh cho người ta xem thì họ tin, khuyên họ đọc, khuyên họ nghe, hiện nay băng ghi âm vô cùng tiện lợi, Pháp Sư giảng kinh thì không dễ, nhưng băng ghi âm lưu thông thì vô cùng rộng, khuyên họ nghe, khuyên họ đọc, khuyên họ học tập.

"*Bất sanh ưu não*", "*ưu*" là tâm, "*não*" là thân, là phiền não. Xa lìa ưu tư phiền não, "*bất sanh ưu não*", thì người vui vẻ hạnh phúc. Đây chính là chỗ tìm cầu của tất cả chúng sanh, mà tìm cầu không được. Trong kinh này có lý luận, có phương pháp. "*Nãi chí trú dạ, tư duy bỉ sát*" là ngày đêm niệm Phật không ngừng, đây là quán tưởng niệm Phật, trong câu này hàm nhiếp quán tượng xưng danh. Chúng ta niệm câu A-di-đà Phật này, những người niệm kinh rất thuộc, đề khởi Phật hiệu thì sẽ nghĩ tưởng đến Phật-đà, phát tâm cầu học tu đạo, cho đến thành Phật, độ sanh, các thứ công đức trang nghiêm nói không hết được, đề khởi Phật hiệu thì bạn sẽ nghĩ tưởng đến. "*Cập Phật công đức, ư vô thượng đạo*", "*vô thượng đạo*" là vãng sanh bất thoái thành Phật. "*Chung bất thoái chuyển*", nhất định sẽ không thoái chuyển, so sánh với phía trước, Bồ-tát vì "*bất văn thử kinh*" mà thoái chuyển, vừa đúng thành một sự tương phản mãnh liệt, quả là bất thoái chuyển!

"***Bỉ nhân lâm chung, giả sử tam thiên đại thiên thế giới mãn trung đại hỏa, diệc năng siêu quá, sanh bỉ quốc độ***".

(Giả sử tam thiên đại thiên thế giới tràn ngập lửa lớn, người đó khi mạng chung cũng có thể vượt khỏi, sanh vào cõi nước Cực Lạc).

Câu nói này đối với mọi người hiện nay mà nói thì vô cùng khế cơ! Thời buổi hiện nay, khoa học kỹ thuật tuy rất phát đạt nhưng mang đến cho chúng ta tai nạn, âu lo, họa hại thật là vô cùng! Nếu đại chiến thế giới thứ ba bùng nổ thì là chiến tranh hạt nhân, chiến tranh hạt nhân thì khắp nơi là đại hỏa, trong cuộc đại nạn này, những người niệm Phật không thoái tâm đều có thể thuận lợi vãng sanh, đều có thể được Phật tiếp dẫn. Cho nên đại nạn này không hại được họ, tai nạn này hiện tiền đúng là lúc cơ duyên của họ chín muồi, thành tựu.

"***Thị nhân dĩ tằng trị quá khứ Phật, thọ Bồ-đề ký, nhất thiết Như Lai đồng sở xưng tán***".

(Bởi người này trong đời quá khứ đã từng gặp Phật và được thọ ký Bồ-đề, tất cả Như Lai đồng tán thán).

"Người này" tức là loại người mà Phật nói "*viết chép cúng dường, thọ trì đọc tụng kinh này, trong khoảnh khắc vì người diễn nói*". Hy vọng các đồng tu đang ngồi đây đều là thuộc về loại này, cái nhân thâm sâu của họ không thể nghĩ bàn! Vì sao? Vì trong đời quá khứ đã từng gặp được vô lượng vô biên chư Phật, chữ "*trị*" tức là gặp được, gặp được Phật thì làm gì có đạo lý không cúng dường chứ! "*Tằng trị*" là từng gặp, từng cúng dường quá khứ vô lượng vô biên chư Phật. "*Thọ Bồ-đề ký*", chư Phật Như Lai đã thọ ký cho họ. "*Nhất thiết Như Lai đồng sở xưng tán*", chư Phật Như Lai tán thán họ, cũng tức là chư Phật hộ niệm.

"***Thị cố ưng đương chuyên tâm tín thọ, trì tụng, thuyết hành***".

(Thế nên phải chuyên tâm tin nhận, trì tụng, giảng nói tu hành).

Phật đích thật là từ bi vô tận, sau cùng đã dặn dò phó chúc chúng ta phải nên chuyên tâm, phải tiếp nhận, phải y giáo phụng hành, phải mỗi ngày đọc tụng, "*thuyết hành*", chữ "*thuyết*" còn bao gồm khuyến khích kẻ khác, phải nói, giới thiệu cho người khác.

ĐỘC LƯU THỬ KINH ĐỆ TỨ THẬP NGŨ
PHẨM BỐN MƯƠI LĂM: CHỈ LƯU LẠI MỘT KINH NÀY

"***Ngô kim vị chư chúng sanh, thuyết thử kinh pháp, linh kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập kỳ quốc độ nhất thiết sở hữu. Sở đương vi giả, giai khả cầu chi. Vô đắc dĩ ngã diệt độ chi hậu, phục sanh nghi hoặc***".

(Ta nay vì chúng sanh mà nói kinh này, khiến thấy được Đức Phật Vô Lượng Thọ và cảnh giới trang nghiêm ở cõi Cực Lạc, việc đáng nên làm đều có thể cầu được. Chớ để sau khi Ta diệt độ rồi lại sanh lòng nghi hoặc).

Đoạn này là nói rõ tình trạng tu học của chúng đệ tử sau khi Thế Tôn viên tịch. Chữ "*ngô*" là Thích-ca Mâu-ni Phật tự xưng. Ngày nay Ngài vì "chư chúng sanh", đây là bao gồm chúng sanh lúc bấy giờ cùng với chúng sanh đời sau như chúng ta, có cơ hội đọc đến bộ kinh này, nghe đến bộ kinh này. "*Vị chư chúng sanh*", chúng sanh lúc đó và chúng sanh đời sau. "*Thuyết thử kinh pháp*", Phật nói Kinh Vô Lượng Thọ, nói pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. "*Linh kiến Vô Lượng Thọ Phật*", mục đích nói bộ kinh này là hy vọng mọi người phát tâm đi gặp A-di-đà Phật, vãng sanh Thế giới Cực Lạc. "*Cập kỳ quốc độ*", tức là thế giới Cực Lạc. "*Nhất thiết sở hữu*", tức là y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, phía trước đều đã từng nói qua rồi. "*Sở đương vi giả, giai khả cầu chi*", "*vi*" là tạo tác. Việc phải nên làm là trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, đây là việc nên làm của Bồ-tát, đều có thể ở nơi Vô Lượng Thọ Phật mà cầu đạo, và sẽ được viên mãn. Phía trước nói là "công đức viên mãn".

Lời khai thị này của Phật, trong kinh này đã nói rất nhiều, không chỉ là một, hai lần. Chúng ta từ chỗ này mà thấy được sự thương yêu bảo hộ của Thế Tôn đối với chúng ta, sự quan tâm đối với chúng ta quả thật là đại từ đại bi, vượt hơn cha mẹ, sư trưởng. "*Vô đắc dĩ ngã diệt độ chi hậu, phục sanh nghi hoặc*", không thể được, muôn ngàn lần không thể! Sau khi Phật diệt độ, Phật không còn ở thế gian nhưng kinh điển vẫn còn lưu lại tại thế gian. Sau khi Phật không còn nữa, chúng ta không tin tưởng kinh này nữa, có nghi hoặc, **vậy thì sai rồi**, đời sau đích thật có không ít người như vậy. Lúc Phật còn tại thế thì tin, không thể không tin. Sau khi Phật diệt độ thì hoài nghi không tin nữa, phiền não nghiệp chướng hiện hành.

"***Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh, chỉ trụ bá tuế***".

(Đời tương lai, khi kinh pháp diệt tận, Ta vì lòng từ bi thương xót, đặc biệt lưu kinh này lại trong một trăm năm).

Đoạn này hàm ý rất sâu. Chúng ta phải chú ý để lĩnh hội, "*Đương lai chi thế*", là chỉ cho tương lai. "*Kinh đạo diệt tận*", "*kinh*" là kinh điển, "*đạo*" là lý luận và phương pháp tu hành, kinh pháp ở thế gian này dần dần tiêu mất, đây là chỉ cho lúc nào vậy? Pháp vận của Phật đến cuối cùng, mạt pháp là một vạn năm. Khi hết một vạn năm thì thế gian này không còn Phật pháp nữa, lúc này con người rất đáng thương, tại vì sao? Vì cơ hội xuất ly lục đạo không còn nữa. Không có cách gì hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, không có khả năng phân biệt chân vọng, tà chánh, thị phi, lợi hại. Tạo nghiệp, thọ báo, vô cùng khổ sở. Phật vẫn rất từ bi lưu lại bộ kinh này, tất cả kinh đều không còn nữa, chỉ riêng bộ kinh

này diệt sau cùng. Nó còn trụ tại thế gian một trăm năm, một trăm năm này là nguyện lực của Thích-ca Mâu-ni Phật, oai thần của Ngài gia trì. Cho nên pháp vận của Phật biến thành một vạn hai ngàn một trăm năm, một trăm năm cuối cùng là nguyện lực gia trì của Thích-ca Mâu-ni Phật. Điều này hàm ý rất sâu, đây là nói với chúng ta vì sao Phật pháp diệt? Phật pháp là pháp chân thật, chân thì không phải giả, chân thì sẽ không diệt, tất nhiên là thường trụ tại nhân gian. Phật pháp hưng, diệt đều là duyên, chúng sanh có duyên, duyên gì vậy? Là có thể tin, có thể nguyện, có thể hành thì Phật liền xuất hiện tại thế gian. Chúng sanh không tin, không nguyện, không chịu tu hành thì Phật liền diệt độ, kinh cũng không còn nữa. Do đây có thể biết pháp vận của Phật không phải là nói Phật mà là nói chúng sanh. Chúng sanh, giống như phía trước đã nói: "Sau khi Phật diệt độ, chúng sanh tạo tác ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu lâu dần trở nên kịch liệt", vấn đề ngày càng nghiêm trọng! Đến cuối cùng, người thế gian đều không tin tất cả kinh pháp nữa. Vẫn còn một số ít người, như trong phần kinh văn phía trước nói, trong đời quá khứ họ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai, được oai thần của tất cả chư Phật Như Lai gia trì, họ tiếp xúc đến quyển kinh này, đây là duyên. Thiện căn phước đức của họ chín muồi rồi, có câu "*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*" (trong cửa Phật không bỏ người nào), Phật rất từ bi, nhất định đem kinh pháp dạy cho họ, đây tức là thành tựu nhân duyên của họ, khiến thiện căn, phước đức, nhân duyên của họ đồng thời đầy đủ. Trong một trăm năm sau cùng nghe được bộ kinh này, vẫn có thể được độ.

"***Kỳ hữu chúng sanh, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ***".
(Chúng sanh nào gặp được kinh này, tùy ý nguyện cầu, đều được độ thoát).

Trong một trăm năm sau cùng này gặp được bộ kinh này, bạn có thể mãn nguyện, vậy thì xem thiện căn phước đức của bạn là cạn hay sâu? Có người phát thiện tâm muốn được nhân thiên phước báo, có người muốn sanh thiên, có người muốn chứng quả A-la-hán, có người muốn chứng quả Bồ-tát, khi bạn có được bộ kinh này thì tất cả đều có thể được thực hiện như nguyện. Những ai mong muốn vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, đó là thiện căn chín muồi viên mãn, họ chứng được quả cứu cánh, hoàn toàn khác với các quả được nói phía trước. Đó là tùy ý nguyện cầu, tức là mỗi người phát tâm khác nhau, nguyện vọng khác nhau, đều có thể giúp cho họ mãn nguyện. "*Giai khả đắc độ*", nghĩa là có thể giúp cho họ mãn nguyện. Do đây có thể biết, trong tất cả các kinh độ chúng sanh, hiệu quả oai lực lớn nhất đều không qua kinh này. Chúng ta đọc đoạn này thì phải lĩnh hội ý nghĩa này, mới hiểu rõ bộ kinh này là đệ nhất trong tất cả các kinh. Từ Vân

Quán Đảnh Pháp sư nói rất hay: "Tất cả chúng sanh tạo tác nghiệp chướng ác nghiệp cực trọng, bất cứ kinh gì, bất cứ phương pháp tu hành gì đều không diệt được tội của họ, đều không có biện pháp tiêu tai cho họ, chỉ có một bộ kinh này, chỉ có một danh hiệu này là được. Nó có sức mạnh tiêu trừ tai chướng, tiêu trừ tội nghiệp của họ". Bộ kinh này, pháp môn này là đệ nhất của đệ nhất, người niệm Phật có đại phước báo, người niệm Phật tiêu tai diệt tội bằng phương pháp này thì nhanh hơn các phương pháp khác, đặc biệt là chuyên tâm niệm Phật.

Trong những năm gần đây, có nhiều quốc gia khu vực khuyên người niệm Phật, có nhiều người đã tiếp nhận, đã thật chịu niệm rồi. Họ niệm được nửa năm, một năm, đến cho tôi hay, thật sự có hiệu quả, thân thể trở nên mạnh khỏe, dung nhan rực sáng, gia đình cũng rất mỹ mãn, sự nghiệp cũng rất thuận lợi, quả báo trước mắt đều được cả, phiền não vọng niệm ít, tâm thanh tịnh, trí huệ tăng trưởng. Nửa năm một năm thì thấy hiệu lực, nhanh như vậy. Còn tu các pháp môn khác, tu cả mấy mươi năm vẫn không thấy hiệu quả, tu pháp môn này chỉ trong vài tháng thì có thể thấy được hiệu quả rồi. Có thể thấy Phật nói đó là lời thật, chỗ thấy được của Tổ Sư Đại Đức cũng không phải là giả. Hễ bạn tin, bạn thật sự chịu làm thì bạn có thể được công đức lợi ích thù thắng này. Đích thật tất cả đều được độ. Chúng ta hiện nay cách thời kỳ pháp diệt tận đến chín ngàn năm, thời gian này hãy còn rất dài. Do đây có thể biết chúng ta ngày nay gặp được kinh điển này, gặp được pháp môn này là phước báo của chúng ta lớn biết chừng nào. So với những người ở đời sau thì phước báo của chúng ta thù thắng rất nhiều. Không những chúng ta so với người sau có phước hơn, mà chúng ta so với tiền nhân vẫn có phước hơn (đương nhiên so với người đã vãng sanh thì phước báo của họ lớn hơn chúng ta). Vậy so với những người nào thì chúng ta có phước hơn? Là so với những người nghe đến pháp môn Tịnh Độ này mà không muốn vãng sanh, tại vì sao? Vì họ không nghe đến bản kinh này, chưa thấy được bản kinh này.

Trước kia, nghĩa kinh của những bản đã được phiên dịch đều không viên mãn, bởi vì Thích-ca Mâu-ni Phật năm xưa khi còn tại thế đã nhiều lần giảng kinh này, có rất nhiều nguyên bản tiếng Phạn khác nhau được truyền vào Trung Quốc. Tại Trung Quốc tổng cộng đã phiên dịch mười hai lần, có mười hai bản dịch khác nhau, có nhiều điểm khác biệt nhau, điều này chứng minh Phật đã nhiều lần tuyên thuyết. Nếu chỉ xem một bản thì bạn không liễu giải ý nghĩa viên mãn được, bạn phải xem toàn bộ những bản dịch này. Vào thời xưa quả thật là không thể làm được điều này. Cư sĩ Vương Long Thư đời nhà Tống, người này đích thật có tiền bạc, có địa vị, lại thông minh trí huệ, cái nhân tu đời trước của ông rất tốt, ông

làm một bản hội tập. Nhưng ông chưa thấy qua bản phiên dịch của đời nhà Đường, ông chỉ thấy được bốn loại bản dịch, bạn mới biết được là vào thời xưa, kinh bản lưu thông có số lượng rất ít, có được kinh bản là vô cùng khó khăn. Không giống như hiện nay, kỹ thuật ấn loát phát triển, số lượng lưu thông rất lớn, chúng ta có được rất dễ dàng, đây là người hiện nay có phước báo hơn so với người xưa.

Lúc tôi học Phật, bốn mươi năm về trước, tôi học Phật năm hai mươi sáu tuổi, kinh bản tại Đài Loan rất ít. Toàn Đài Loan chỉ có ba tiệm bán kinh, vả lại số lượng rất ít. Chúng tôi muốn xem kinh sách thì phải làm sao? Phải đến trong mấy chùa lớn mới có kinh, như chùa Thiện Đạo ở Đài Bắc có một bộ Đại Tạng Kinh hoàn chỉnh, chúng tôi phải đến đó mượn kinh mà chép. Bây giờ thì tiện lợi quá, có máy photocopy, phước báo của người hiện nay so với chúng tôi lớn hơn rất nhiều. Những người trước chúng tôi lại càng khó khăn hơn. Người hiện nay có phước, nhất định phải trân quý phước báo, nhân duyên của mình. Chúng ta từ chỗ này thấy được giá trị của kinh, công đức của kinh thực tế là không thể nghĩ bàn.

"***Như Lai hưng thế, nan trị nan kiến***".
(Như Lai ra đời khó được gặp, khó được thấy).

Đoạn này là Phật hiển thị sự cảm thán vô tận, Phật xuất hiện tại thế gian thật quá hiếm hoi. "*Nan trị*" là khó gặp được, đừng nói là cùng một thời với Phật, "*nan kiến*" là bạn khó thấy được. Câu này bao gồm toàn bộ pháp vận của Phật, tức là một vạn hai ngàn năm. Thế gian này tuy Phật không còn tại thế nhưng còn có kinh điển thì đồng như Phật còn tại thế. Chúng ta có thể y giáo phụng hành thì không khác gì lời dạy của Phật năm xưa. Pháp vận của Thích-ca Mâu-ni Phật là một vạn hai ngàn năm, sau khi qua rồi thì thế gian này không còn Phật pháp. Thích-ca Mâu-ni Phật là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp, trước Ngài thì có Câu-lưu-tôn Phật là vị thứ nhất, vị Phật thứ năm sẽ là Di-lặc. Phật Di-lặc lúc nào đến thế gian này để thành Phật? Trong kinh Di-lặc Hạ Sanh nói với chúng ta là năm trăm bảy mươi sáu triệu năm sau. Con số này là con số thiên văn, trong thời gian dài như vậy thế giới này không có Phật Pháp, có thể thấy thời gian có Phật pháp là vô cùng ngắn tạm. Sao bạn may mắn sanh nhằm thời kỳ này, gặp được kinh điển của Phật, điều này còn khó hơn là trúng số độc đắc đấy. Chúng ta ngày nay đã trúng số rồi, thật không dễ dàng, cho nên phải trân quý cái nhân duyên này. Có lẽ khoảng cách thời gian hạ sanh của các vị Phật đại để đều là như vậy. Từ chỗ nào mà biết được? Bởi vì Bồ-tát Bổ Xứ đều ở trời Đâu-suất. Trời Đâu-suất là tầng trời thứ tư của Dục Giới, thọ mạng của người ở trời Đâu-suất là bốn ngàn

tuổi. Tuy nhiên, một ngày của trời Đâu-suất là bốn trăm năm của nhân gian, người ở trời Đâu-suất nhìn thấy con người chúng ta rất đáng thương! Bạn xem, không tới mấy giờ là hết một đời rồi, con người có ý nghĩa gì đâu! Quý vị tự tính thử, thời gian này có thể tính ra được, một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày, một ngày là bốn trăm năm nhân gian chúng ta, lại nhân lên bốn ngàn thì ra con số này (576.000.000).

Các vị Phật trước Phật Thích-ca Mâu-ni xuất hiện tại thế gian đại khái cũng là như vậy. Vị thứ hai là Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, thứ ba là Phật Ca-diếp, Phật Thích-ca Mâu-ni là vị thứ tư, Di-lặc là vị thứ năm. Họ trước khi thành Phật, làm Bổ Xứ Bồ-tát đều là ở trời Đâu-suất, cho nên tình hình này đại để là giống nhau. Ở thế gian này thời gian có Phật rất ngắn, thời gian không có Phật rất dài. Đây là Như Lai thị hiện ở thế gian, "*hưng thế*" tức là xuất hiện tại thế gian, rất khó gặp được. Chúng ta vừa đúng lúc được thân người ở tại thế gian này, bởi vì trong lục đạo chỉ có được thân người thì cơ duyên học Phật là dễ dàng nhất. Phước báo của người trời quá lớn, hưởng phước thì không chịu tu hành, còn ở tam ác đạo quá khổ sở, khuyên họ học Phật cũng vô cùng khó khăn. Đúng như trong kinh nói: "Phú quý học đạo khó", những người học Phật nghe kinh, còn con nhà phú quý không nghe kinh, người phú quý học Phật như thế nào? Khi có đại pháp hội, họ đến thắp một cây nhang rồi đi mất, tiền hô hậu ủng vô cùng oai phong, là học Phật như thế đó. Ở chùa thì xuất tiền và bỏ ra một chút sức, thực ra thì tiền rất nhiều nhưng so với của cải của họ thì có thấm vào đâu! Lại còn diễu võ dương oai, bảo họ đến nghe kinh họ chịu không nổi, phú quý học đạo khó, họ bỏ đi nhảy đầm hay đi chơi mất. Còn "bần cùng học đạo khó", ba bữa cơm đều không no, bạn bảo họ đến nghe kinh là việc không thể được. Cho nên trong lục đạo, tam ác đạo là bần cùng, người trời là phú quý, cõi người là trung bình, miễn cưỡng sống qua ngày tháng, cũng không quá giàu có, cũng không thiếu ăn, người như vậy học đạo dễ. Cho nên trong lục đạo, Phật thường thường tán thán "*nhân thân nan đắc*" (1), thân người là đáng quý nhất, rất dễ tiếp xúc với Phật pháp, sau khi tiếp xúc dễ tín thọ phụng hành, đạo lý là ở chỗ này, đây là cơ duyên khó.

"***Chư Phật kinh đạo, nan đắc, nan văn***".

(Các kinh pháp của Phật khó có được, khó được nghe) (2).

Đây là nói về kinh Phật, chúng ta hiện nay ở thế gian này được thân người, có được bao nhiêu người trong đời này gặp được kinh Phật, gặp được phương pháp tu hành? Là chiếm thiểu số, không phải đa số. Cứ lấy Singapore này mà nói, Singapore có ba triệu người. Bạn xem, thính chúng ở nơi đây mới có trên một

ngàn người, hơn một ngàn người so sánh với ba triệu người thì rất ít. Bạn mới biết được "*chư Phật kinh đạo, nan đắc nan văn*", rất không dễ dàng! Địa phương này vẫn được coi là nhiều, ở các quốc gia khác, chúng tôi giảng kinh, số thính chúng không đông như thế này. Thỉnh thoảng tổ chức một pháp hội, số người có thể rất đông, liên tục giảng kinh không dứt, liên tục giảng một tháng, hằng ngày có nhiều người thế này đến nghe là rất hy hữu! Rất ít! Chứng minh "*chư Phật kinh đạo, nan đắc nan văn*", đây là cái khó thứ hai.

"***Ngộ thiện tri thức***".
(Gặp được thiện tri thức) (3).

Đây là cái khó thứ ba, làm gì có thể gặp được một vị thiện tri thức! Thời xưa, tiêu chuẩn của thiện tri thức là người tu hành chứng quả. Khi họ đã tu hành chứng quả thì lời họ nói không hề sai khác với chỗ nói trong kinh giáo, vì bản thân họ chứng minh rồi. Hiện nay người tu hành chứng quả không có nữa, những người có thể y giáo phụng hành, y giáo tu hành không còn nhiều, đến đâu để mà tìm thiện tri thức? Không gặp thiện tri thức thì chúng ta tuy gặp được kinh giáo, nhưng không thể thông đạt nghĩa lý, không thể hiểu rõ. Đúng như trong đại kinh nói: "*Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạc năng giải*" (Phật pháp không có người nói thì dù có trí huệ cũng chẳng thể hiểu được). Người thế gian thông minh trí huệ, muốn giải ý nghĩa của kinh Phật là điều không thể được, đạo lý gì vậy? Tất cả lời Phật nói là từ trong tâm thanh tịnh lưu xuất ra, là từ trong tâm chân thật lưu xuất ra. Ngôn ngữ văn tự đều là tâm chân thật, tâm thanh tịnh lưu xuất ra. Người thế gian không thể xa lìa vọng tưởng chấp trước thì làm sao có thể giải được nghĩa chân thật của Như Lai! Cho nên người thế gian thường giải thích sai kinh Phật, lấy cái vọng tưởng phân biệt của mình để giải nghĩa kinh, điều này không thể được, cho nên nhất định phải cầu thiện tri thức, khó gặp thiện tri thức, không dễ!

"***Văn pháp năng hành***".
(Nghe pháp xong có thể tu hành) (4).

Đây là cái khó thứ tư.

Câu phía sau là tổng kết: "***Thử diệc vi nan***".
(Cũng là việc khó).

Chúng ta nghe rõ ràng, minh bạch rồi có thể làm theo được chăng? Nếu không thể làm theo thì thật là đáng tiếc! Chúng ta không có được sự lợi ích thù

thắng đệ nhất, đó thật sự gọi là bỏ lỡ qua trước mặt, đáng tiếc biết mấy! Phật đã nói với chúng ta bốn cái khó này, phía sau vẫn còn một cái khó.

"***Nhược văn tư kinh, tín nhạo thọ trì, nan trung chi nan, vô quá thử nan***".

(Nếu nghe kinh này rồi tin thích thọ trì thì là điều khó nhất trong các điều khó, không gì khó hơn) (5).

Cái khó thứ năm là khó ở tại kinh này, phía trước nói "*chư Phật kinh đạo*", kinh điển thông thường của Đại Tiểu Thừa đều khó như vậy, còn kinh này là cái khó nhất trong các cái khó. "*Tư kinh*" là kinh này, bạn có thể nghe được Kinh Vô Lượng Thọ, hoặc là Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh A-di-đà, Tịnh Độ tam kinh này, sau khi bạn nghe xong bạn có thể tin được. Chữ "*nhạo*" là bạn rất ưa thích, "*thọ trì*" là làm đúng như lời Phật dạy, đó gọi là "*nan trung chi nan*", không có gì khó hơn cái khó này. Đây là đạt đến tột đỉnh rồi.

Nếu bạn không còn cái khó này nữa, vậy thì xin chúc mừng bạn! Bạn không phải là phàm phu nữa, bạn đã là Bồ-tát của thế giới Cực Lạc rồi. Hiện nay tuy chưa đi, xong đã có tên ở thế giới Cực Lạc rồi, không bao lâu nữa bạn sẽ đi. Bạn không phải là người của thế giới Ta-bà nữa, bạn thật sự là đệ tử bậc nhất của Di-đà và chư Phật. Bạn nghĩ xem, điều này khó biết mấy! Đích thực là "*vô quá thử nan*".

"***Nhược hữu chúng sanh đắc văn Phật thanh***".

(Nếu có chúng sanh được nghe danh hiệu Phật).

Chữ "*Phật thanh*" này là chỉ cho âm thanh niệm Phật hiệu. Chúng ta nghe được có người đang niệm "Nam-mô A-di-đà Phật", hoặc là niệm "A-di-đà Phật".

"***Từ tâm thanh tịnh***".

(Mà khởi tâm từ bi, thanh tịnh).

Nghe được âm thanh này, liền khởi tâm từ bi, tâm trở nên thanh tịnh, đây tức là khi nghe được Phật hiệu, những âu lo vọng tưởng phiền não trong tâm bạn đều dừng lại, đều tắt lịm, nhất tâm duyên nơi Phật hiệu, sanh tâm hoan hỉ.

"***Dũng dược hoan hỷ***".

(Hớn hở vui mừng).

Là vô cùng hoan hỉ, hoan hỉ đến độ chân tay múa may, là hình dung dáng vẻ của tâm hoan hỉ.

"***Y mao vi khởi, hoặc lệ xuất giả***".

(Lông tóc dựng đứng, hay mắt rơi lệ).

"*Y*" là khi bạn nhảy múa thì chiếc y bay lên. "*Mao*" là là lỗ chân lông của bạn dựng lên, đây là chỉ cho mức độ hoan hỉ, tâm hoan hỉ không gì bằng. Đây là một hiện tượng, ngoài ra còn có một hiện tượng khác, "*hoặc lệ xuất giả*", họ bật khóc, nước mắt trào ra, hai loại hiện tượng này đều là do cảm động mà sanh, vì sao cảm động?

"***Giai do tiền thế, tằng tác Phật đạo, cố phi phàm nhân***".

(Là do đời trước từng tu hành niệm Phật, không phải là người thường).

Đời trước đã đọc qua kinh này, học qua pháp môn này, đến lúc mạng chung, vì một vọng tưởng làm lỡ mất việc vãng sanh, lần này gặp được rồi, Ôi chao! Rất là cảm động, có hiện tượng này hiện tiền. Cho nên họ không phải là người thường, quá khứ đã từng học qua pháp môn này. Những hiện tượng này, chúng ta ở trong đạo tràng, trong nhóm đồng tu có khi thấy được, chúng ta nhìn thấy không biết là duyên cớ gì? Có một số người vừa nghe đến Phật hiệu thì họ khóc liền, chảy nước mắt khóc òa lên, họ nói là họ cảm động. Có những người nghe đến Phật hiệu thì tay chân múa may vô cùng vui mừng, chúng ta không biết nguyên nhân gì, ngỡ rằng họ bị tẩu hỏa nhập ma. Ngày nay chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này mới bỗng nhiên đại ngộ, thì ra là nguyên nhân như vậy, sự cảm động này là tâm họ có chỗ cảm, chính họ cũng không biết được là nguyên nhân gì. Việc trong đời quá khứ họ quên mất, tuy đã quên hết nhưng trong A-lại-da thức của họ có chủng tử. Khi gặp duyên này thì chủng tử của họ hiện hành, họ xúc động như vậy nên mới có hiện tượng này, cho nên đây là một hiện tượng tốt. Chớ nên vì hiện tượng này mà có sự sợ sệt, hoài nghi, vậy là sai rồi.

Tuy nhiên, chúng ta phải chú ý, nếu hiện tượng này thường xảy ra thì đó là tẩu hỏa nhập ma. Lúc mới tiếp xúc, lúc mới nghe đến Phật hiệu, có vài lần thì không sao. Nếu mỗi lần đều như vậy, đó tức là trong Kinh Lăng-nghiêm nói đến "ma nhập vào thân". Trong Kinh Lăng-nghiêm nói có hoan hỉ ma, bi ma. Hoan hỉ ma thì hiện hoan hỉ, bi ma thì ngày ngày khóc lóc rơi lệ khi nghe đến. Thật sự gọi là "ma nhập". Nếu không phải thường xuyên có thì không phải là ma nhập, lần đầu nghe được, lần đầu tiếp xúc thì có sự cảm động này, về sau thì không có nữa. Có người thấy lạ lùng, hỏi có phải bị thoái tâm không? Trước kia có cảm ứng, nay sao lại không có cảm ứng? Kỳ thật đây là bình thường, cảm ứng chỉ có một hai lần, không thể có nhiều. Cái này là chủng tử trong A-lại-da thức của mình hiện tiền, một loại khác là Phật lực gia trì, giúp cho bạn phát hiện thiện căn. Người

có thiện căn, nếu không có sự xúc động của duyên thì khó phát hiện. Tỉ dụ như người sơ học Phật thấy ánh sáng, ngửi thấy mùi hương lạ, thấy được tướng lành, họ xúc động, họ thật sự tin, đây đều là cái duyên bên ngoài, Phật Bồ-tát gia trì, giúp họ khai phát tín tâm. Họ thật đã tin rồi, về sau cảnh giới này không còn nữa, không phải là thoái tâm. Có một số đồng tu sơ học thường ngửi thấy mùi hương, "tâm tôi rất vui mừng, hiện nay mấy năm rồi không có nữa. Thưa Pháp sư, có phải tôi đã thoái tâm rồi không?" Họ không biết rằng đó là hiện tượng bình thường, đó không phải là thoái tâm. Nếu thường có hiện tượng này, đó tức là yêu ma quỷ quái đang tác quái rồi, không phải là Phật Bồ-tát. Chúng ta phải phân biệt rõ điều này!

"***Nhược văn Phật hiệu, tâm trung hồ nghi, ư Phật kinh ngữ, đô vô sở tín. Giai tùng ác đạo trung lai, túc ương vị tận, vị đương độ thoát, cố tâm hồ nghi, bất tín hướng nhĩ***".

(Nếu nghe danh hiệu Phật mà sanh tâm hồ nghi, đối với kinh Phật đều không tin tưởng, đó là từ ác đạo sanh ra, tai họa của đời trước chưa dứt, chưa được độ thoát, nên có tâm hồ nghi, không chịu tin tưởng).

Nếu nghe đến Phật hiệu mà hoài nghi, việc này chúng ta cũng thấy rất nhiều. Đọc đến bộ kinh này không thể tin, nghe giảng bộ kinh này cũng hoài nghi, không chịu tiếp nhận, đây tức là "*ư Phật kinh ngữ, đô vô sở tín*", đây là nguyên nhân gì vậy? Là nghiệp chướng, hoặc nói một cách không khách sáo là tội nghiệp sâu nặng làm chướng ngại họ. Chúng ta không thể nói điều này ở ngoài. Chỉ trong tâm chúng ta biết thôi, nói như vậy làm tổn thương người ta. Ở đây là giảng kinh thì không thể không nói, bình thường thì không thể nói như vậy. Tất cả chúng sanh đều có lòng tự trọng của họ, bạn không thể nói là họ từ trong ác đạo đến. Không những Phật ở chỗ này đánh thức chúng ta mà từ trong kinh điển Đại Thừa chúng ta thấy được câu này rất nhiều. Thường khi tạo tác tội nghiệp đọa địa ngục, sau khi từ địa ngục ra phải biến thành ngạ quỷ, sau khi thọ xong tội rồi vẫn phải biến thành súc sanh để trả nợ, nợ trả đã hết rồi mới có thể được thân người. Được thân người vẫn còn tai họa của đời trước, tập khí chưa dứt, cho nên tại thế gian này, chướng ngại của họ so với người thường lớn hơn rất nhiều, họ rất khó tiếp nhận Phật pháp Đại Thừa. Cho nên bạn biết tạo tác tội nghiệp thì phiền phức biết mấy! Tuy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, người có Phật tánh đều sẽ làm Phật, nhưng chướng duyên của họ quá sâu, Phật mặc dầu từ bi vô tận cũng không giúp được. Chúng ta phải ghi nhớ thật kỹ điều này, nhất định không được tạo ác nghiệp, tạo ác nghiệp thì khổ báo vô biên, nên họ không thể tiếp nhận, không thể tin

tưởng. "*Túc ương vị tận*", là nói tập khí của họ chưa đoạn dứt. "*Vị đương độ thoát*", "*độ thoát*" là thành Phật. Đây không phải là kinh điển, pháp môn thông thường, giúp bạn sanh thiên được thiên phước, giúp bạn chứng quả A-la-hán, giúp bạn thành Bồ-tát. Kinh này trực tiếp khiến bạn thành Phật, bạn nghĩ thử xem có người nào trong đời này có dáng vẻ thành Phật? Chúng ta soi gương thử xem có giống như Phật không? Pháp môn này là giúp cho bạn trong đời này đắc đạo thành Phật. "*Đắc đạo*" tức là vãng sanh bất thoái, quả báo là thành cứu cánh viên mãn Phật, không phải là Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật, Tạng -Thông Giáo Phật so với cái này thì dễ dàng hơn quá nhiều. Đây là cứu cánh viên mãn Phật, bạn mới biết được đó là phước báo lớn đến chừng nào. Họ là "*túc ương vị tận, vị đương độ thoát*", cơ duyên thành Phật của họ chưa chín muồi, cho nên gặp được kinh điển này, pháp môn này, trong tâm họ liền khởi lên nghi hoặc, họ không thể tin, không thể nhất hướng chuyên niệm, họ không làm được.

Được rồi, thời gian hôm nay đã hết. Chúng ta học tập đến đây.

A-di-đà Phật!

TẬP 29

CẦN TU KIÊN TRÌ ĐỆ TỨ THẬP LỤC
PHẨM BỐN MƯƠI SÁU: CẦN TU KIÊN TRÌ

Phẩm kinh này là phó chúc lưu thông, xin xem kinh văn:

"***Phật cáo Di-lặc: "Chư Phật Như Lai vô thượng chi pháp, thập lực vô úy, vô ngại vô trước, thậm thâm chi pháp, cập Ba-la-mật đẳng Bồ-tát chi pháp, phi dị khả ngộ. Năng thuyết pháp nhân, diệc nan khai thị. Kiên cố thâm tín, thời diệc nan tao. Ngã kim như lý tuyên thuyết như thị quảng đại vi diệu pháp môn, nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán, phó chúc nhữ đẳng, tác đại thủ hộ"***".

(Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc: "Các pháp vô thượng của Như Lai như Thập Lực, Vô Úy, pháp vô ngại vô trước thậm thâm cùng với các pháp của Bồ-tát như Ba-la-mật v.v… không dễ gặp được. Người có khả năng thuyết pháp cũng khó khai thị. Cũng khó gặp được người có lòng tin sâu vững chắc kinh pháp này. Ta nay như lý tuyên nói pháp môn vi diệu, rộng lớn, được hết thảy chư Phật khen ngợi này đem giao phó cho các ông, các ông phải cẩn thận thủ hộ").

Đoạn này là Thế Tôn phó chúc Di-lặc cùng với nhóm Đại Bồ-tát dự hội phải nên hộ pháp, hộ niệm tất cả chúng sanh. Trước tiên Phật tuyên bố, "*Chư Phật Như Lai vô thượng chi pháp*", là chỉ cho pháp Đại Thừa. "*Thập lực vô úy, vô ngại vô trước*", đều là quả địa chứng đắc của Như Lai cùng với nhóm Đại Bồ-tát. "*Ba-la-mật*" là chỉ chung sự tu học của Bồ-tát, như Lục Ba-la-mật, Thập Ba-la-mật. Ba-la-mật là tiếng Phạn, ý nghĩa là *cứu cánh viên mãn*. Vậy thì Phật pháp Đại Thừa rất không dễ gặp được, "*phi dị khả ngộ*", không phải dễ dàng gặp được! "*Năng thuyết pháp nhân, diệc nan khai thị*" (người có khả năng thuyết pháp cũng khó khai thị), người biết nói pháp cũng rất khó giảng rõ ràng minh bạch Phật pháp Đại Thừa, tại vì sao?

Thứ nhất là tự mình chưa chứng đến cảnh giới này, nên nói không ra, không những nói không ra mà ngay cả lĩnh hội cũng khó.

Thứ hai là pháp Đại Thừa sâu rộng vô tận, cho dù chư Phật và Đại Bồ-tát tuyên giảng nhưng nghiệp chướng tập khí của chúng sanh rất nặng nên họ rất khó lý giải. Có nhiều sự thật như vậy, cho nên nói là "*diệc nan khai thị*".

"*Kiên cố thâm tín, thời diệc nan tao*" (cũng khó gặp được người có lòng tin sâu vững chắc kinh pháp này). Đây là nói rất không dễ gặp được người nghe pháp,

người thọ trì có được lòng tin kiên cố, vô cùng hy hữu! Đây là "*thời diệc nan tao*". Nãy giờ là chỉ cho pháp môn Đại Thừa, còn dưới đây là nói đến kinh này, đây là cái khó nhất trong các cái khó.

"*Ngã kim như lý tuyên thuyết như thị quảng đại vi diệu pháp môn*" (Ta nay như lý tuyên nói pháp môn vi diệu, rộng lớn này). Đây là chỉ Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ cùng Kinh A-di-đà. Ba bộ kinh này là "*quảng đại vi diệu pháp môn*", vượt qua pháp môn Đại Thừa đã nói phía trước. Không những như vậy, pháp môn này, ba bộ kinh này là "*nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán*" (được hết thảy chư Phật khen ngợi). Câu này quan trọng, bạn nên hiểu rõ sự thật này, những người y theo bộ kinh điển này mà tu hành nhất định cũng được "*nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán*". Phật đem kinh này "*phó chúc nhữ đẳng*" (giao phó cho các ông), giao phó cho các ông, truyền thọ cho các ông. "*Tác đại thủ hộ*" (các ông phải cẩn thận thủ hộ), hộ trì kinh pháp, hộ trì người tu hành theo kinh pháp này, Phật dặn dò nhóm Đại Bồ-tát này phải bảo hộ họ, đây là Thế Tôn ở trong pháp hội này khai thị một cách rõ ràng. Chúng ta ngày nay y theo lý luận phương pháp của bộ kinh này để tu hành thì nhất định được tất cả chư Phật hộ niệm, chư Đại Bồ-tát hộ trì. Thế Tôn phó chúc cho họ, họ nhất định là y giáo phụng hành.

"***Vị chư hữu tình trường dạ lợi ích, mạc linh chúng sanh luân đọa ngũ thú, bị thọ nguy khổ. Ưng cần tu hành, tùy thuận ngã giáo***".

(Làm lợi ích cho các hữu tình chìm đắm trong đêm dài, chớ để cho chúng đọa lạc trong ngũ thú, chịu các khổ ách. Nên siêng tu hành, thuận theo giáo pháp của ta).

Đoạn này là phó chúc. Nếu muốn hộ niệm chúng sanh thì không thể thiếu pháp môn này. Bồ-tát có tâm Lục Độ, thường giữ cái tâm độ chúng sanh, luôn luôn hy vọng tất cả chúng sanh viên thành Phật đạo cùng với mình. Đây là tâm Bồ-tát, cho nên vì tất cả chúng sanh hữu tình mà làm "*trường dạ lợi ích*", chữ "*trường dạ*" là chưa phá vô minh, không thể siêu việt tam giới. Cái này tức là cái khổ của lục đạo luân hồi, Bồ-tát giúp đỡ những người này.

"*Mạc linh chúng sanh luân đọa ngũ thú*", đừng để chúng sanh luân hồi trong lục đạo, "*ngũ thú*" tức là lục đạo, ở trong lục đạo quá khổ. Bồ-tát phải giúp đỡ những chúng sanh này "liễu sanh tử, xuất tam giới", vậy thì phải làm cách nào đây? "*Ưng cần tu hành, tùy thuận ngã giáo*", chữ "*ngã giáo*" tức là chỉ cho bộ

kinh này, bạn có thể tùy thuận, có thể y giáo tu hành thì có thể trong đời này vĩnh thoát luân hồi, lìa khổ được vui.

"***Đương hiếu ư Phật, thường niệm sư ân, đương linh thị pháp cửu trụ bất diệt. Đương kiên trì chi, vô đắc hủy thất. Vô đắc vi vọng, tăng giảm kinh pháp***".

(Phải hiếu kính Phật, thường nhớ ân thầy, phải làm cho pháp này lưu truyền dài lâu không bị tiêu diệt, kiên cố giữ gìn không để hủy hoại mất mát, không được làm quấy, tăng giảm kinh pháp).

Câu thứ nhất là dạy chúng ta phải hiếu với Phật, ân đức của Phật đối với chúng ta vượt hơn cha mẹ, Phật ở thế gian vì chúng ta mà xây dựng Đại Thừa, xây dựng Tịnh Độ, chúng ta mới có thể được độ. "*Thường niệm sư ân*", đây là các đời Tổ Sư Đại Đức truyền thừa Phật Pháp, chúng ta mới có thể có được. Nếu không có những vị Tổ Sư Đại Đức từng đời truyền nhau thì chúng ta làm sao có thể gặp được pháp môn thù thắng như vậy. Cho nên đối với vị lão sư truyền pháp, chúng ta phải thường niệm ân đức này ở trong tâm, đây là người truyền pháp. "*Đương linh thị pháp cửu trụ bất diệt*". Làm thế nào để "*pháp*" có thể trụ thế lâu dài được? Thứ nhất, chúng ta phải y theo phương pháp này mà tu hành chứng quả. Thứ hai, phải lưu thông, tuyên truyền thì pháp này sẽ không bị diệt. "*Đương kiên trì chi*", dùng lòng tin kiên định, giữ cho không mất, cho nên "*vô đắc hủy thất*", phải giữ gìn pháp này cho được hoàn chỉnh. Từng đời, từng đời truyền xuống. "*Vô đắc vi vọng, tăng giảm kinh pháp*". Câu nói này, chúng ta đọc đến cảm động rất sâu! Vào thời kỳ mạt pháp, người thời nay sửa kinh rất nhiều, tùy ý sửa đổi kinh văn, thời xưa rất ít. **Phật tại chỗ này, dùng câu này đánh thức chúng ta, nếu chân chánh hộ pháp, đối với kinh điển, không thể sửa đổi một chữ, không thể thêm vào một chữ, không thể bớt đi một chữ, nhất định là nguyên bổn, từng đời, từng đời truyền nhau.** Phải nên đem hết hình hài thọ mạng để tín thọ phụng hành, làm đệ tử bậc nhất của Phật.

Kinh này trước kia có bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư, có tiết bản của Bành Thiệu Thăng, có bản hội tập của cư sĩ Ngụy Nguyên, ba bản này, trong Văn Sao của Ấn Quang Đại Sư đều có phê bình, nguyên nhân tại đâu? Vì có sự thêm bớt kinh pháp. Trong bản hội tập của họ có sửa đổi kinh văn, thực tế mà nói, họ sửa rất hay, khiến chúng ta khi xem càng dễ hiểu hơn. Tuy nhiên, nếu họ mở đầu cách làm này, mở ra cái lệ này, họ có thể sửa thì người sau chúng ta cảm thấy: "Nếu Vương Long Thư có thể sửa thì chúng ta cũng có thể sửa", vậy mỗi người đều sửa vài chữ, kinh điển này truyền xuống thì diện mục hoàn toàn khác hẳn. Cho nên Ấn Quang Đại Sư khiển trách việc này rất mạnh, quở trách họ. Đây là

cái sai lầm rất lớn. Bản hội tập này của Ngài Hạ Liên Cư, có nhiều đồng tu đối chiếu với năm loại bản dịch nguyên thủy, đích thật ông không có sửa đổi. Mỗi chữ mỗi câu đều là nguyên văn, chỉ là sắp xếp lại mà thôi. Bản hội tập này, rất tiếc là Ấn Quang Đại Sư chưa thấy qua, bản này được hội tập thành công thì Tổ Ấn Quang đã vãng sanh, nếu không thì có lẽ Tổ Ấn Quang sẽ gật đầu, bản này đúng là có thể lưu thông, bản này đích thật là vô cùng, vô cùng hiếm có!

"***Thường niệm bất tuyệt, tắc đắc đạo tiệp. Ngã pháp như thị, tác như thị thuyết, Như Lai sở hành, diệc ưng tùy hành, chủng tu phước thiện, cầu sanh Tịnh sát***".

(Thường niệm chẳng dứt thì đắc đạo nhanh chóng. Pháp của Ta như vậy, các ông cứ như vậy mà nói. Như Lai đã hành trì, các ông cũng theo đó mà hành trì, tu các phước thiện, cầu sanh về cõi Tịnh Độ).

Câu này có ý nghĩa rất sâu, rất rộng, bên trong có mùi vị của Thiền. "*Thường niệm bất tuyệt*", tức là chỉ cho pháp môn niệm Phật bao gồm: Hành, Giải, Cầu Sanh. Vậy bạn đắc đạo nhanh chóng, trong một đời vãng sanh bất thoái thành Phật. "*Ngã pháp như thị, tác như thị thuyết*", câu này thực tế là tổng kết của toàn kinh, cũng là tổng kết của tất cả pháp mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã thuyết trong bốn mươi chín năm. "*Ngã pháp như thị, tác như thị thuyết*" cùng với câu mở đầu kinh "*như thị ngã văn*", ý nghĩa trước sau nhất quán. Chữ "*như thị*" dùng cách nói hiện nay tức là chân tướng sự thật. Pháp của Phật nói đó tức là chân tướng của vũ trụ nhân sinh, Ngài chỉ nói ra cái chân tướng này mà thôi. Nói một cách khác là cũng không có thêm một chút, không có giảm một chút, chân tướng thế nào thì Ngài nói thế đó. Cho nên Phật nói tất cả kinh không phải do Ngài tưởng tượng ra, không phải là Ngài tự suy đoán, không phải là lời tiên đoán của Ngài, mà hoàn toàn là chân tướng sự thật. Trong Kinh Pháp Hoa nói đến "**thập như thị**": như thị thể, như thị tướng, như thị dụng, cho đến như thị nhân duyên quả báo. Phật chẳng qua là nói cái này mà thôi. Cho nên vừa mở đầu là "*như thị*", Phật nói những gì? Phật trong bốn mươi chín năm là nói cái "*như thị*", bạn hiểu được hai chữ "*như thị*" rồi thì bạn đều minh bạch tất cả Phật pháp.

"*Như Lai sở hành, diệc ưng tùy hành*", ý nghĩa bên trong cũng vô cùng sâu rộng! Chúng ta ngày nay chuyên tu Tịnh Độ, chuyên cầu vãng sanh, điều này rất chính xác! Tâm của Như Lai rộng độ tất cả chúng sanh. Nếu chúng ta có năng lực này thì việc vãng sanh của chính mình không bị trở ngại, điểm này đặc biệt trọng yếu. Nếu việc vãng sanh của chính mình bị chướng ngại thì không được, nếu không bị chướng ngại thì có thể tùy hành (hành như chư Phật), tùy hỉ công đức.

Căn tánh của tất cả chúng sanh không giống nhau, thiện căn phước đức không giống nhau, dùng cách nói hiện nay là trí huệ không như nhau, hoàn cảnh sinh hoạt khác nhau, bối cảnh văn hóa khác nhau. Vì vậy tư tưởng kiến giải, dục vọng mong cầu của mỗi người không giống nhau. Vì thế Thế Tôn hằng thuận chúng sanh mà diễn thuyết vô lượng pháp môn, khiến cho tất cả chúng sanh đều được mãn nguyện, đây là đại từ đại bi. Chúng ta ngày nay thật là vô cùng may mắn, ở trong vô lượng pháp môn gặp được pháp môn đệ nhất. Chữ "đệ nhất" này nghĩa là "tôi một đời y theo pháp môn này thì nhất định vĩnh thoát tam giới lục đạo, viên chứng Phật quả". Tuy nhiên, đối với những người căn tánh chưa chín muồi, cần phải dùng pháp môn khác để dẫn dụ, đây tức là "*chư Phật sở hành*". Chúng ta có khả năng, chúng ta tự mình chắc chắn phần vãng sanh rồi thì cũng có thể *tùy hành* (làm như vậy), có thể dùng pháp môn khác để giúp đỡ những chúng sanh căn tánh không đồng. Tuy nhiên điều này không được làm trở ngại sự vãng sanh của mình, điều này rất quan trọng! Cho nên gọi là "*tùy hành*", không có nói nhất định phải hành, là tùy hỉ đi làm.

"*Chủng tu phước thiện*", phải trồng phước, phải tu thiện. Việc trồng phước, tu thiện đối với việc chúng ta cầu sanh Tịnh Độ không hẳn là việc rất quan trọng. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải hết lòng đi *tùy hành*, tại vì sao? Là vì tất cả chúng sanh mà làm ra một tấm gương tốt. Chúng sanh ở thế gian này đã quá khổ rồi. Tại sao khổ như vậy? Vì không có phước. Tại sao không có phước? Vì họ không có tu thiện, thiện là nhân, phước là quả, không chịu tu thiện thì phước từ đâu đến? Đặc biệt là trong thời đại hiện nay, rất nhiều chúng sanh không những không biết tu thiện, trồng phước mà trong tâm tràn đầy tham sân si mạn. Tham sân si gọi là tam độc, trong tâm đã tràn đầy độc tố rồi, họ còn có thể được lợi ích gì chứ! Người học Phật đối với sự việc này phải thấy được rõ ràng minh bạch. Phật ở trong kinh này dạy chúng ta "*sái tâm dịch hạnh*", tức là rửa tam độc cho sạch sẽ. Bồi dưỡng, khôi phục lại cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi thì bạn liền có phước, phước là từ đây mà có, trong tam độc nhất định không có phước. Trong tam độc có khổ, cái khổ vô lượng vô biên. Hiện nay, chúng sanh trong thế gian này khổ não, căn nguyên của sự khổ não là tam độc. Độc thì làm sao không khổ chứ? Cho nên phải rửa nó cho thật sạch sẽ. Người học Phật chúng ta nên vì người thế gian mà làm một tấm gương tốt. Không những là chúng ta khuyên họ trồng phước, phải tu thiện mà chính chúng ta làm tấm gương cho họ xem. Giáo hóa chúng sanh, "*cầu sanh Tịnh Độ*", cầu sanh Tịnh Độ là phước thiện cứu cánh

viên mãn. Nếu không thể cầu sanh Tịnh Độ thì cái thiện và phước này không phải là cứu cánh.

Thế Tôn nói đến chỗ này thì việc giáo hóa chúng sanh có thể nói là đã viên mãn rồi. Phần kết luận cuối cùng này rất hay. Sau đây là kệ tụng, phần kệ tụng này là trùng tụng ý nghĩa phía trước, dùng thể loại kệ tụng để nói lại một lần nữa.

PHƯỚC HUỆ THỈ VĂN ĐỆ TỨ THẬP THẤT
PHẨM BỐN MƯƠI BẢY: PHƯỚC HUỆ ĐƯỢC NGHE

"***Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết tụng viết:***

"***Nhược bất vãng tích tu phước huệ***
Ư thử chánh pháp bất năng văn
Dĩ tằng cúng dường chư Như Lai
Tắc năng hoan hỷ tín thử sự. (1)

(Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Nếu xa xưa không tu phước huệ,
Thì chánh pháp này không thể được nghe
Đã từng cúng dường các Như Lai
Mới vui mừng tin nổi pháp này)

Kệ này tổng cộng có tám bài, đây là bài thứ nhất, nói với chúng ta chân tướng sự thật rằng, chúng ta gặp được pháp môn này, gặp được kinh điển này là việc thật không dễ dàng.

Nếu không phải là trong đời trước, "*vãng tích*" là trong đời quá khứ, tu phước, tu huệ. Chữ "*vãng tích*", ở phần kinh văn phía trước cho thấy là thời gian vô lượng kiếp. Bởi vì bạn đã từng cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai, do đây có thể biết thời gian này là vô cùng lâu xa! Nếu không phải là thiện căn phước đức sâu dày thì "*ư thử chánh pháp bất năng văn*" *(chánh pháp này không thể được nghe)*, câu này là chỉ cho Kinh Vô Lượng Thọ và pháp môn Tịnh Tông, không chỉ cho các pháp môn khác. Chúng ta nghe xong lời này phải quan sát kỹ. Thế gian này, hiện nay thế giới này gần năm tỷ người, trong số năm tỷ người này có được mấy phần trăm số người trong đời này đã từng tiếp xúc Phật pháp, đã từng nghe qua kinh điển Đại Thừa? Có mấy phần trăm số người nghe qua Kinh Vô Lượng Thọ? Theo đây từng tầng từng tầng mà loại trừ, đến sau cùng thì còn lại không được mấy người. Bạn mới biết được lời Phật nói là có đạo lý.

"*Dĩ tằng cúng dường chư Như Lai*", chính là trong kinh văn phía trước nói: Vương tử A-xà-thế cúng dường bốn trăm ức Phật mới hoan hỉ tin việc này, thật sự có thể tiếp xúc pháp môn này, nghe đến kinh điển này. Sanh tâm hoan hỉ, tin được thì gần như giống với Vương tử A-xà-thế. Bạn trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, nếu bạn lại phát nguyện trong đời này nhất định cầu sanh Tịnh Độ, vậy thì thiện căn phước đức của bạn vượt hơn Vương tử A-xà-thế và năm trăm trưởng giả. Cho nên trong Kinh Di-đà nói: "*Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*", chữ "bất thiểu" rốt cuộc là tiêu chuẩn như thế nào? Chúng ta từ trong kinh này thấy được tiêu chuẩn của nó, không phải tiêu chuẩn thông thường. Bạn nghe được kinh điển này, sau khi nghe rồi mà ưa thích thì không phải là dễ.

Ác kiêu giải đãi cập tà kiến
Nan tín Như Lai vi diệu pháp
Thí như manh nhân hằng xử ám
Bất năng khai đạo ư tha lộ. (2)

(Ác, kiêu, giải đãi và tà kiến
Khó tin pháp vi diệu Như Lai,
Như người mù thường ở nơi tối tăm
Không thể dẫn đường cho người khác)

Trong bài kệ này Phật nói ra một số người có nghiệp chướng sâu nặng, trong đời này họ vẫn chưa có cơ hội vãng sanh. Nói một cách khác, họ không thể vãng sanh, những nghiệp chướng sâu nặng nào vậy? Phật tại chỗ này nêu ra vài thí dụ:

✓ Thứ nhất là tạo thập ác nghiệp, người như vậy không thể vãng sanh. **Trong thập ác nghiệp này, thân tạo sát, đạo, dâm. Khẩu nghiệp là: vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Ý là: tham, sân, si.** Người tạo thập ác nghiệp này thì không thể vãng sanh, đây là chướng ngại.

✓ Thứ hai là **kiêu**, kiêu tức là cống cao ngã mạn, rất tự đại, khinh thường người. Đề kinh này là "*Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác*", người kiêu mạn, tự đại thì tâm không thanh tịnh, tuyệt đối không bình đẳng thì giác từ đâu mà có! Người như thế nghiệp chướng cũng nặng.

✓ Thứ ba là **giải đãi**, giải đãi là lười biếng, không chịu dụng công, tuy không có ác nghiệp phía trước nhưng lười biếng thì là hỏng hết. **Tinh Tấn** trong Lục Độ của Bồ-tát là đối trị lười biếng. Người lười biếng một đời không thể vãng sanh,

muốn vãng sanh thì hãy chăm chỉ, mau mau niệm Phật. Nếu bạn vì cuộc sống, công việc bận rộn không có thì giờ, bạn cũng phải tranh thủ thì giờ, phải tinh tấn không giải đãi. Trong ba bậc vãng sanh nói rất rõ ràng, **nhất định phải tinh tấn không thể lười biếng**, khi mệt rồi thì nghỉ chốc lát, phải hết lòng nỗ lực niệm Phật. Giải đãi là chướng ngại rất lớn, chớ nên xem thường nó.

✓ Thứ tư là tà kiến, cái này quả là phiền phức, cái này có thể nói là chướng ngại rất nặng. "Tà kiến", hoài nghi pháp môn này, không thể tin, không thể tiếp nhận.

"*Nan tín Như Lai vi diệu pháp*", "*vi diệu pháp*" tức là chỉ cho pháp môn Tịnh Độ, tức là chỉ cho kinh này. Những hạng người này khó mà tin được, họ đương nhiên sẽ không phát nguyện cầu sanh, họ cũng không chịu niệm Phật. Cho nên phía dưới tỉ dụ, "*thí như manh nhân hằng xử ám*". "*Manh*" là người mù, người mù lại ở trong chỗ tối tăm, trong tối lại thêm tối, là tỉ dụ cho loại người phía trước. Đây là Thế Tôn nêu ra vài thí dụ, chúng ta từ trong thí dụ này mà liên tưởng. Tất cả sự hoài nghi, do dự đối với pháp môn này, phiền não tập khí rất nặng đều có thể tạo thành chướng ngại cho việc vãng sanh, chúng ta phải cảnh giác.

"*Bất năng khai đạo ư tha lộ*", người mù tự mình không thể biết đường thì làm sao có thể chỉ dẫn cho kẻ khác! Câu này là nói những người tự mình hoài nghi lại còn làm chướng ngại kẻ khác. Thấy người khác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ lại khuyên họ rằng pháp môn Tịnh Độ không đáng tin, làm gì có việc dễ dàng như vậy, khuyên họ đi học Thiền, học Mật, học các pháp môn khác, lấy mù để dẫn mù, tội lỗi này thì [rất] nặng. Chính họ không biết đường, đi lạc rồi, đọa lạc, chịu khổ, đây là tự làm tự chịu, còn có thể tha thứ, đằng này thấy kẻ khác đi đường chánh, không có sai, nhưng họ làm chướng ngại, kéo kẻ khác trở lại để đi đường sai thì phải chịu trách nhiệm nhân quả, tội lỗi này thì nặng đấy.

Duy tằng ư Phật thực chúng thiện
Cứu thế chi hành phương năng tu. (3)

(Chỉ từng trước Phật trồng căn lành
Thì mới tu nổi hạnh cứu đời).

Hai bài kệ 3 và 4, Phật nói rõ người thật sự có thể vãng sanh cần nên chuẩn bị đầy đủ những điều kiện gì? Thứ nhất là chỉ có từng ở nơi Phật trồng thiện căn, tức là trong đời quá khứ đã từng cúng dường chư Như Lai, đây là thiện căn của

vô lượng kiếp quá khứ. Câu nói này có hai ý nghĩa bên trong. Hiện nay gặp được Thích-ca Mâu-ni Phật, tuy Thích-ca Mâu-ni Phật không còn tại thế nhưng kinh điển của Thích-ca Mâu-ni Phật còn lưu ở thế gian, chúng ta gặp được kinh điển này thì cũng như là gặp Phật không khác. Hễ có thể y theo lý luận phương pháp của kinh điển mà tu hành thì giống như năm xưa thân cận Phật, gặp được A-di-đà Phật, gặp được Thích-ca Mâu-ni Phật. Chúng ta có một cái nguyện vọng thượng cầu mãnh liệt, "*thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh*". Hạ hóa chúng sanh tức là câu "*Cứu thế chi hành*", chữ "*hành*" này là hiện hành, mới có thể tu. Chúng ta có thể giúp đỡ người thế gian. Thời nay người thế gian cần nhất là những gì? Chúng ta thử nghĩ con người hiện nay, căn bệnh nào là nặng nhất? **Tham sân si mạn,** bệnh này nghiêm trọng nhất, tôi đã từng đi qua rất nhiều quốc gia, địa phương, chúng tôi thấy được tham sân si của con người là năm sau tăng trưởng hơn năm trước. Tham mà không chán, điều này ghê gớm lắm! Điều này không những khiến xã hội động loạn mà còn có thể mang đến cho xã hội những tai nạn hủy diệt, tại vì sao? Vì mọi người đều tranh quyền lợi, vậy thì còn yên được sao? Đây là một hiện tượng rất đáng sợ! Chúng ta biết được gốc của căn bệnh này, biết được hậu quả không thể tưởng tượng được, con đường để cứu vãn là phải đánh thức nhân tâm. Họ vì sao lại tham sân si mạn? Vì họ mê. Nếu họ quả thật giác ngộ trở lại rồi thì họ sẽ biết được những thứ này là tam độc phiền não, là căn nguyên của tất cả khổ nạn, cái này không nhổ trừ thì không thể lìa khổ. Con người sống tại thế gian này, vốn là muốn cầu cái vui, cầu khoái lạc, cầu hạnh phúc, cầu tham sân si thì làm sao có thể có được hạnh phúc khoái lạc? Vậy dùng phương pháp gì để có thể có được hạnh phúc khoái lạc? **Dùng Tam Học, Lục Độ** để cầu thì bạn mới thật sự có thể có được.

✓ Tam Học là: Giới, Định, Huệ.

✓ Lục Độ là: Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát-nhã. Tức là triển khai của **Giới, Định, Huệ** ứng dụng vào trong cuộc sống. Được như vậy chúng ta mới có được hạnh phúc, khoái lạc mỹ mãn. Vì vậy chúng ta mới biết được phải bắt đầu thực hành hạnh cứu thế từ đâu.

Ấn Quang Đại Sư đã làm tấm gương rất tốt cho chúng ta. Đó là ở trong thời đại lớn này, chỉ có Tịnh Độ mới có thể cứu thế, kinh luận của Tịnh Độ rõ ràng đơn giản ngắn gọn, cũng rất là tường tận minh bạch. Người hiện đại có thể tiếp nhận được. Còn đại kinh đại luận, người vừa nhìn thấy một quyển dày thì họ sẽ không muốn xem, ý muốn đọc cũng không có, lòng người hiện nay nông nổi, hấp

tấp. Cho nên bạn cho họ vật gì càng ít thì càng tốt, càng có hiệu quả! Quá nhiều, quá phức tạp thì ngược lại không thu được hiệu quả. Cho nên phải đơn giản, ngắn gọn. Thế nên kinh điển Tịnh Tông vô cùng khế hợp với thời đại này, pháp môn niệm Phật này đơn giản dễ hiểu. Xử thế đối người là cương lĩnh trong hành môn. Chúng ta chế định cũng vô cùng đơn giản. Chúng ta bắt đầu tu hành từ đâu?

Bắt đầu tu từ **Tam Phước**, từ **Hiếu Dưỡng Phụ Mẫu, Phụng Sự Sư Trưởng, Từ Tâm Bất Sát, Tu Thập Thiện Nghiệp,** bắt đầu tu từ đây. Thế Tôn nói đến những chướng ngại tập khí, chúng ta cả thảy đều không có. Sau đó **Tam Quy, Ngũ giới, Phát Bồ-đề Tâm**, **Thâm Tín Nhân Quả, Độc Tụng Đại Thừa**, chúng ta hạ thủ từ chỗ này. Có thể thấy đây là hành môn rất chắc thật, chúng ta thật sự có được phước, thật sự có được tự tại.

Văn dĩ thọ trì cập thư tả
Độc tụng tán diễn tịnh cúng dường. (3)

(Nghe rồi thọ trì và biên chép
Đọc tụng khen diễn và cúng dường)

Phía trước đã nói rất nhiều, nói được rất tường tận, Phật chỉ dạy chúng ta như vậy. "*Văn dĩ*" là được nghe bộ kinh điển này, sau khi nghe rồi thì phải tiếp nhận, không chỉ tiếp nhận vài phần mà phải tiếp nhận hoàn toàn. Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh A-di-đà cùng với chư vị Đại Đức trước kia thêm vào Phổ Hiền Bồ-tát Hạnh Nguyện Phẩm, Đại Thế Chí Bồ-tát Viên Thông Chương, **ngũ kinh nhất luận** đều là phần bổ sung của Kinh Vô Lượng Thọ. Phật Tổ sợ rằng chúng ta đối với bộ kinh này không thể hiểu một cách thấu triệt, "*độc tụng Đại Thừa*", đọc tụng tứ kinh nhất luận khác khiến cho chúng ta càng thêm thâm nhập, càng hiểu thấu triệt hơn Kinh Vô Lượng Thọ. Đây là khiến cho chúng ta tiếp nhận toàn bộ, sau khi tiếp nhận rồi thì phải y giáo phụng hành. Không những là "*tận hình thọ*" để y giáo phụng hành, "*tận hình thọ*" tức là "tôi sống được một ngày thì tôi làm một ngày" mà chúng ta phải phát đại nguyện đời đời kiếp kiếp y giáo phụng hành, tuyệt đối không trái ngược. Đây không chỉ là một đời một kiếp. Phát đại nguyện lớn như vậy, xin thưa với quý vị, như vậy thì bạn là đồng chí với Đại Thế Chí Bồ-tát rồi. Đại Thế Chí Bồ-tát đời đời kiếp kiếp đều tu pháp môn này, cho nên đây gọi là trì, vĩnh viễn bảo trì.

"*Cập thư tả*", "*thư tả*" là lưu thông, cũng tức là nói chúng ta cần phải lưu hành pháp môn này, khiến cho tất cả chúng sanh đều có cơ duyên gặp được pháp môn này, đều có cơ hội đọc đến bộ kinh điển này. Chúng ta cho họ cơ hội, cho

họ nhân duyên thì công đức này vô lượng vô biên. Cho nên chúng ta phải in ra nhiều kinh sách, in không ngừng. Hiện nay không cần viết chép nữa, viết chép rất không dễ. Bạn xem, ở Canada, lão cư sĩ Trương viết Kinh Vô Lượng Thọ, ông viết một quyển phải mất thời gian là mười tháng, vô cùng hiếm có! Ông là nhà thư pháp hiện đại, chữ của ông viết quả thật rất đẹp, so sánh với chữ khải của Linh Phi Kinh còn đẹp hơn, đây là tác phẩm nghệ thuật cao độ. Kinh ông ta viết, chúng tôi đã in rất nhiều. Kinh ông viết rất đẹp, vĩnh viễn bảo tồn, chúng ta nhìn thấy bản kinh này đều có thể sanh tâm hoan hỉ. Đây là vô lượng công đức, chúng ta mỗi người đều có trách nhiệm lưu hành.

"*Độc tụng*", "*độc*" là chúng ta mỗi ngày phải đọc bản kinh. "*Tụng*" là đọc thuộc lòng không cần xem bản kinh. Đọc tụng phải có thái độ gì? Kinh điển là lời giáo huấn của Phật, chúng ta phải dùng tâm cung kính, tâm chân thành, tâm thanh tịnh để tiếp nhận lời giáo huấn của Phật, như vậy mới có thể được sự lợi ích chân thật. Đọc tụng như vậy sẽ khai ngộ, đó là "thành" tất "linh" đấy! Tâm bạn thành thì có cảm ứng, huống chi bộ kinh này, bạn niệm một biến, trong Mật Tông gọi là quán đảnh, tức là chư Phật Như Lai quán đảnh cho bạn một lần, bạn niệm hai biến thì quán đảnh cho bạn hai lần, niệm mười biến thì mười lần quán đảnh, so với những vị Lạt-ma Rinpoche còn cao minh hơn rất nhiều! Phải nên biết ý nghĩa của việc quán đảnh này. Không phải rưới vài giọt nước trên đầu gọi là quán đảnh, đó chỉ là hình thức, là biểu pháp. Nếu rưới vài giọt nước là quán đảnh thì khí hậu Singapore này rất nóng bức, mỗi ngày tắm bao nhiêu lần, bạn xem đó không phải là quán đảnh rồi sao? Là đại quán đảnh rồi. Ý nghĩa chữ "quán" là từ bi gia trì, "đảnh" là pháp môn tối cao, **ý nghĩa quán đảnh tức là Phật với tâm đại từ bi, đem đại pháp tối cao vô thượng truyền thọ cho bạn**. Bộ kinh này, như chúng ta biết, là đệ nhất kinh của Như Lai, là đảnh pháp, không gì cao hơn cái này. Chúng ta cung kính đọc tụng tức là tất cả Như Lai quán đảnh cho chúng ta một lần, cái này là đại pháp của Mật Tông.

"*Tán diễn*", "*tán*" là xưng tán, còn "*diễn*" tức là làm được trong cuộc sống hằng ngày, là biểu diễn. Trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta thảy đều làm được những lời giáo huấn trong kinh, khiến cho mọi người đều nhìn thấy, đây là diễn. Bạn xem, đọc tụng, tán thán là ngôn giáo, diễn là thân giáo. "*Tịnh cúng dường*" là thân giáo, chúng ta làm ra tấm gương cho người khác xem. Trong cúng dường, nhất định phải tuân tu Phổ Hiền Bồ-tát Pháp Cúng Dường, ít nhất phải làm được bảy câu của pháp cúng dường, tận tâm tận lực làm. Trong bảy câu này, quan trọng nhất là "*như thuyết tu hành*", Phật nói thế nào thì chúng ta làm như thế đó, câu

này là tổng cương lĩnh, đồng thời chúng ta đem cái tâm cúng dường chư Phật để cúng dường tất cả chúng sanh.

Như thị nhất tâm cầu tịnh phương
Nhất định vãng sanh Cực Lạc quốc
Giả sử đại hỏa mãn tam thiên
Thừa Phật uy đức tất năng siêu. (4)

(Nhất tâm như vậy cầu Tịnh Độ
Nhất định vãng sanh cõi Cực Lạc.
Giả sử lửa cháy khắp tam thiên
Nhờ oai đức Phật vượt qua được)

"*Như thị*", giống như phía trước nói về thiện căn phước đức nhân duyên. Nhất nhất hồi hướng Tây Phương, cầu sanh Tịnh Độ tức là "*nhất tâm cầu tịnh phương*". Chúng ta phải toàn tâm toàn lực làm. Tại thế gian này, chúng ta sống một ngày thì làm một ngày, tự mình cầu sanh Tịnh Độ, giúp Phật tiếp dẫn chúng sanh. Đệ tử Phật ở thế gian chỉ có hai việc này. Bất luận là xuất gia hay tại gia, bất luận nam, nữ, già, trẻ, bất luận một loại nghề nghiệp nào, chúng ta đều phải giữ cái tâm này, đều phải có ý niệm này, đem chánh pháp này truyền bá hoằng dương, tận tâm tận lực giới thiệu cho kẻ khác. Những câu hay trong kinh rất nhiều, chúng ta có thể đem nó làm thành những tấm card nhỏ, đem tấm card nhỏ đến khắp nơi tặng cho người. Bạn tặng người ta một quyển kinh, người không học Phật họ không nhận, bạn tặng cho họ một tấm card xinh đẹp, họ xem thấy rất ưa thích, bên trong in vài câu nói thì nó sẽ rơi vào trong thức thứ tám. Chúng ta có cái tâm này, chúng ta thường làm như vậy, điều này vô cùng có ý nghĩa, hoàn toàn tương ưng với lời dạy của Phật. Như vậy mới có thể bảo đảm nhất định trong đời này của chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Hai câu phía sau, trong văn trường hàng phía trước chúng ta đã niệm qua, cho nên đây là thuộc về trùng tụng. "*Giả sử đại hỏa mãn tam thiên*", đây là gặp phải đại tai nạn. Phật ở trong kinh nói với chúng ta có tiểu tam tai, có đại tam tai, cái này là nói đại tam tai. Tiểu tam tai là gì? Là đao binh kiếp, tức là chiến tranh, ôn dịch là bệnh truyền nhiễm, thứ ba là nạn đói, con người không có thức ăn để ăn. Phật nói khi tiểu tam tai đến, đao binh kiếp là bảy ngày bảy đêm, ôn dịch là bảy tháng bảy ngày, còn nạn đói là bảy năm bảy tháng bảy ngày. Trước kia chúng ta từ trong kinh thấy được việc này đều nghĩ không ra. Từ cổ chí kim, chiến tranh phát sanh không biết là bao nhiêu, trước kia chúng ta đánh nhau với người Nhật

hết tám năm, đó không phải là đao binh kiếp. Mười mấy năm trước tôi đến thăm Nhật Bản, đến xem hai nơi Trường Kỳ, Quảng Đảo (Nagasaki và Hiroshima). Ồ! Mới bỗng nhiên đại ngộ, thì ra Phật nói về tiểu tam tai tức là đại chiến thế giới thứ ba, chiến tranh hạt nhân. Có lẽ cuộc chiến đó chỉ có bảy ngày thì kết thúc, mang lại bụi nguyên tử và những chứng bệnh di hại về sau của chất bụi phóng xạ này, đó tức là bệnh truyền nhiễm. Sau bảy ngày, bảy ngày nếu bạn không chết vậy thì bạn vẫn có thể sống được. Thông thường trong thời gian này nhất định là không thể tránh được, nếu bạn bị quang tuyến của nó chiếu qua thì rất khó sống sót. Những chỗ bị bom hạt nhân dội qua hoặc bị bụi bom hạt nhân rơi xuống thì cây cỏ không mọc được, phải trải qua bảy năm, bảy tháng thì trên đất mới có thể mọc cỏ, con người không phải còn sống mà chết đói hay sao! Cho nên Thế Tôn nói đến tiểu tam tai tức là chỉ cho chiến tranh hạt nhân. Ba ngàn năm trước mà Ngài nói rõ ràng, minh bạch như vậy. Còn đại tam tai là tai nạn của cả vũ trụ, như tinh cầu đụng với tinh cầu, cái đó thì phiền phức lớn đấy! Phật nói với chúng ta Thủy, Hỏa, Phong tai.

Hỏa Tai: Lửa cháy đến Sơ Thiền Thiên, cái này gọi là kiếp hỏa, tức là rất nhiều tinh cầu đều bị hủy diệt hết. Nước ngập đến Nhị Thiền Thiên, gió thổi đến Tam Thiền Thiên. Tứ Thiền Thiên không có tam tai, phước báo của Tứ Thiền Thiên rất lớn, Tứ Thiền gọi là phước thiên. "*Giả sử đại hỏa mãn tam thiên*", đây là nêu lên tỉ dụ, những người niệm Phật, những người hành thiện, những người tu phước đều có thể được Phật lực gia trì vãng sanh Tịnh Độ, sẽ không bị tai nạn này. Thế gian có tai nạn này nhưng họ đã vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi. Hai câu này nói rõ chúng ta có thể xem nó như là thư bảo đảm của Thích-ca Mâu-ni Phật và A-di-đà Phật dành cho chúng ta. Bảo đảm chúng ta không gặp nạn, bảo đảm vãng sanh thế giới Cực Lạc. Cho nên tôi thường nói: "Tôi nắm chắc phần vãng sanh." Người ta hỏi: "Pháp sư! Sao Thầy nắm chắc sự vãng sanh vậy, công phu của thầy đến trình độ nào?". "Tôi không có công phu". "Tại sao có được chắc chắn như vậy?" "Bởi vì giấy bảo đảm đang ở trên tay đây". Quý vị đã cầm giấy bảo đảm trong tay, bạn không biết mặt hàng nhưng tôi biết mặt hàng, tôi có giấy bảo đảm trên tay nhất định được sanh. Hễ bạn tin sâu, không nghi, y giáo phụng hành thì không có một người nào không được sanh. Trước kia Thiện Đạo Đại Sư nói: "Pháp môn này là vạn người tu vạn người đi. Một người cũng không sót".

Như Lai thâm quảng trí huệ hải
Duy Phật dữ Phật nãi năng tri

Thanh Văn ức kiếp tư Phật trí
Tận kỳ thần lực mạc năng trắc. (5)

(Biển trí huệ Như Lai sâu rộng
Chỉ Phật cùng Phật mới biết được
Thanh Văn ức kiếp suy trí Phật
Tận hết sức cũng không thể hiểu).

Hai bài kệ 5 và 6 là tán thán trí huệ của Phật sâu, đức hạnh của Phật cao. Nếu chúng ta không nhận thức rõ ràng sự việc này thì bạn không thể không hoài nghi. Hoài nghi, phía trước trong kinh có nói "đây là chướng ngại lớn nhất của Bồ-tát". Bộ kinh này là sự hiển thị của biển trí huệ cứu cánh viên mãn sâu rộng của Như Lai. Trên thực tế tức là chỉ cho y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc, là cảnh giới hiện ra trong biển trí huệ sâu rộng của Như Lai, đây là "*duy Phật dữ Phật nãi năng tri*". Cho nên mười phương tất cả chư Phật tán thán A-di-đà Phật, mười phương tất cả chư Phật đều khuyên tất cả chúng sanh (tất cả chúng sanh này bao gồm luôn Đẳng Giác Bồ-tát) cầu sanh Tịnh Độ, thân cận A-di-đà Phật, nguyên nhân gì vậy? Tức là y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương là chỗ cảnh giới hiện ra trong biển trí huệ sâu rộng của Như Lai. Bộ kinh này đương nhiên cũng là từ trong biển trí huệ hiện ra, chỉ Phật với Phật mới có thể biết được. Chúng ta phải tin sâu không nghi. Còn Thanh Văn? Phía trước trong kinh có nói: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên Tôn Giả… thần thông quảng đại, họ (nhóm người này) ức kiếp (đây là nói thời gian dài) muốn nghĩ đến trí huệ của Phật, họ cũng không làm nổi. Phía trước chúng ta đã đọc qua tỉ dụ của Phật, chúng ta phải lưu tâm lĩnh hội. Phật nói trí huệ của Mục-kiền-liên có thể trong một ngày một đêm tính ra được số chúng sanh của ba ngàn đại thiên thế giới, đây là năng lực của A-la-hán. Giả sử mười phương thế giới tất cả chúng sanh đều chứng được Bích-chi-Phật quả, năng lực đều giống như Mục-kiền-liên, mọi người cùng nhau tính số người của thế giới Tây Phương Cực Lạc, tính thọ mạng của A-di-đà Phật, dù có cho họ thời gian ngàn ức kiếp họ cũng không tính ra được. Chúng ta có thể tin được lời này. Nếu từ trên lý luận thông thường mà nói thì chúng ta nhất định tin. Vì sao? Bởi vì Phật độ chúng sanh là duyên phần, sự xuất hiện của Phật thì như phẩm Phổ Môn nói: "*Ưng dĩ Phật thân nhi đắc độ giả, tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp*" (nếu có chúng sanh đáng dùng thân Phật được độ thoát, thời liền hiện thân Phật mà vì đó nói pháp). A-di-đà Phật tại thế giới Tây Phương hiện thân Phật, những người có duyên với A-di-đà Phật tại mười phương thế giới là vô lượng vô biên, A-di-đà Phật ở nơi đó thành Phật phải độ những người này đều

được thành Phật, vậy Ngài phải đến bao giờ mới có thể độ cho hết được? Phải mất vô lượng kiếp, thọ mạng vô lượng. Cho nên bạn từ chỗ này mà suy nghĩ cái vô lượng thọ kia, thọ mạng ấy thì thật là dài! Đó không phải là giả, đích thật như Phật nói "*Thanh Văn ức kiếp tư Phật trí, tận kỳ thần lực mạc năng trắc*", tận hết sức thần thông của họ cũng không có cách gì đo lường được. Trước kia thầy Lý giảng đến chỗ này, Ngài nói: "Nếu tu học các Tông phái khác, đối với sự việc này của Tịnh Tông thì họ không có cách gì hiểu nổi".

Như Lai công đức Phật tự tri
Duy hữu Thế Tôn năng khai thị. (6)

(Công đức Như Lai Phật tự biết
Chỉ có Thế Tôn mới khai thị).

Chư Phật trên quả địa chứng đến cứu cánh viên mãn, Ngài biết được, tất cả chư Phật cũng biết được công đức ấy, từ Bồ-tát Đẳng Giác trở xuống đều không biết, huống gì A-di-đà Phật [lại không biết]. Cho nên "*duy hữu Thế Tôn năng khai thị*". Ý nghĩa này là nói Bồ-tát có thể nói pháp, A-la-hán có thể nói pháp, Tổ Sư Đại Đức cũng có thể nói pháp, nhưng những người này cũng không có cách gì nói được công đức trên quả địa của Như Lai, ngoại trừ Phật lực gia trì cho họ. Nếu Phật không gia trì thì họ một chút biện pháp cũng không có. Chư vị thử nghĩ bộ kinh này tức là công đức của Như Lai cũng chính là trí huệ sâu rộng của Như Lai mà phía trước nói. Y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc cùng với Tịnh Độ tam kinh đều là trí huệ công đức của Như Lai. Chúng ta có thể nói được, nghe được, hiểu được, tin được… toàn là oai thần của chư Phật Như Lai gia trì. Nếu không được oai thần của Như Lai gia trì thì Bồ-tát cũng không có cách gì để nói, chúng ta làm gì có năng lực này.

Nhân thân nan đắc Phật nan trị
Tín huệ văn pháp nan trung nan. (6)

(Thân người khó được, Phật khó gặp
Tín huệ nghe pháp khó bậc nhất).

Chúng ta phải thường ghi nhớ sự thật này, thường lấy nó để cảnh tỉnh, khuyến khích chính mình, được thân người là vô cùng khó khăn, ở trong kinh điển Phật có nhiều khai thị, nhiều tỉ dụ, được thân người thật không dễ dàng, mất đi thân người vô cùng dễ dàng. Sau khi mất đi rồi, được thân người trở lại là rất khó. Được thân người, nếu không gặp được Phật pháp, thực tế mà nói, cũng vô cùng đáng tiếc! Cái đáng quý của thân người tức là dễ khai ngộ, dễ tiếp nhận khi

gặp được Phật pháp. Phật Pháp rất khó gặp được, "*Phật nan trị*". "*Tín huệ văn pháp nan trung nan*". Bạn nghe được Phật pháp, bạn có thể tin, có thể khai trí huệ, có thể y giáo phụng hành. Phần sau cùng nói đến Tín Huệ Văn, Văn là Văn Huệ của Bồ-tát bao gồm Văn Tư Tu, tuy một mà ba, tuy ba mà là một, là "*nan trung nan*", rất khó! Những khó khăn này chúng ta đều đã đột phá, chúng ta đều được cả thì mới biết được đây là may mắn đến dường nào!

Nhược chư hữu tình đương tác Phật
Hạnh siêu Phổ Hiền đăng bỉ ngạn. (7)

(Nếu các hữu tình sắp thành Phật
Hạnh hơn Phổ Hiền lên bờ giác).

Câu này thực tế đã nói đến chỗ cùng cực rồi. Phía trước nói với chúng ta về tu hạnh Phổ Hiền, tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức, hành Phổ Hiền đạo, đó là đã đạt đến tột đỉnh rồi. Chỗ này "*siêu Phổ Hiền*", vượt hơn cách nào vậy? Tu theo pháp môn này, những người tu học theo pháp môn này sẽ làm Phật. Phật vượt hơn Phổ Hiền Bồ-tát. Chúng ta có phải hạng người này chăng? Tức là có phải thật sự "*quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành*" chăng? Người làm được hai điều này thì người này là "*đương tác Phật*". "*Hạnh siêu Phổ Hiền đăng bỉ ngạn*", "*đăng bỉ ngạn*" là vãng sanh bất thoái thành Phật. Cho nên nhất định tu pháp môn này bạn mới có thể chân chánh siêu việt, không những siêu việt những Đại Bồ-tát thông thường mà siêu việt cả Phổ Hiền Bồ-tát. Điều này quả là tán thán đến chỗ cùng cực, không còn cách gì tán thán nữa! Chúng ta nghe Phật nói như vậy, nếu vẫn còn không tin, nếu vẫn không cố gắng hết lòng nỗ lực thì còn mặt mũi nào đối với Phật, còn mặt mũi nào đối với Tổ Sư các đời truyền thừa! Thật sự có lỗi, cũng có lỗi với chính mình. Từ vô lượng kiếp đến nay hi hữu khó gặp, gặp được bộ kinh này một lần thì không phải dễ dàng. Lần này gặp được rồi thì phải biết quý trọng nó, phải hết lòng nỗ lực, phía dưới Phật khuyến khích chúng ta.

Thị cố bác văn chư trí sĩ
Ưng tín ngã giáo như thật ngôn (7)

(Hỡi những kẻ học rộng trí cả
Nên tin lời như thật của Ta).

Câu này là Phật khuyến khích những thiện hữu lợi căn, những vị Bồ-tát học rộng nghe nhiều, những bậc Bồ-tát, Thanh Văn có trí huệ rộng lớn, nói một cách khác, khuyến khích những người tu học tất cả pháp môn Đại Thừa khác, Phật khuyên họ hồi đầu, khuyên họ niệm Phật. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm,

mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát sau cùng quay về Cực Lạc, khuyên bốn mươi mốt vị Pháp thân Đại Sĩ của thế giới Hoa Tạng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đây tức là ý nghĩa này, phải nên tin tưởng. "*Ngã*" là Thích-ca Mâu-ni Phật tự xưng, "*như thật ngôn*" là sự chỉ dạy lần này là chân thật đấy! Nói một cách khác, ngoài lần này ra thì sao? Ngoài lần này là phương tiện thuyết, lần này là chân thật thuyết. Thế Tôn ở trong hội Pháp Hoa từng nói "*Pháp Hoa khai quyền hiển thật*", trước Pháp Hoa là phương tiện thuyết của Phật, Pháp Hoa là chân thật thuyết. So sánh kinh này với Pháp Hoa, Pháp Hoa là chân thật thuyết, kinh này là chân thật thuyết cứu cánh viên mãn. Học Hoa Nghiêm, học Pháp Hoa cũng phải quay đầu trở lại để quy về Kinh Vô Lượng Thọ. Văn-thù, Phổ Hiền đã làm một tấm gương tốt. Chúng ta sao lại không quy y, sao lại không hồi đầu? Phật tại chỗ này khuyên bảo như vậy.

Như thị diệu pháp hạnh thính văn (8)

(Diệu pháp này may mắn được nghe).

Bốn câu kệ sau cùng này là tổng kết, chữ "*diệu pháp*" là chỉ Kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta rất may mắn, may mắn không gì sánh bằng! Ngày nay có thể nghe được, nhất định phải nghe cho rõ ràng, minh bạch, đạo lý, phương pháp, cảnh giới bên trong đều rõ ràng.

Ưng thường niệm Phật nhi sanh hỷ (8)

(Nên thường niệm Phật, sanh hoan hỷ).

Đây là sự thọ dụng của chính mình, nếu bạn quả thật nghe được rõ ràng minh bạch thì câu tiếp theo này là nói hiện tượng tất nhiên sanh khởi. Bạn nhất định sẽ niệm Phật, không cần người khuyên, không cần người dạy, vả lại bạn nhất định sẽ có được pháp hỉ sung mãn. Nói một cách khác, trong cuộc sống này bạn nhất định sẽ sống một cách vô cùng vui sướng, vô cùng hoan hỉ! Là quả báo có được ngay bây giờ, "phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui" rồi đó! Niềm khoái lạc hiện tiền, tất cả nỗi ưu bi khổ não thảy đều không còn nữa, vì sao vậy? Vì đã khai ngộ. Ngộ cái gì? Hiểu rõ ràng lục đạo luân hồi rồi, cũng hiểu rõ ràng thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi, tôi hạ quyết tâm xa lìa lục đạo để lấy thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây là khai ngộ, thật sự giác ngộ, tất cả pháp thế xuất thế gian đều buông xuống hết, chân chánh giác ngộ, cho nên họ sanh tâm đại hoan hỉ, chính mình đã được độ rồi. Giống như phía trước nói với quý vị, chúng ta đã đăng ký, đã ghi danh ở thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi, nhất định có phần. Họ sao không

vui mừng chứ! Thế gian này không có bất cứ sự việc gì vui mừng hơn so với việc này, việc này là thật.

"*Ưng thường niệm Phật nhi sanh hỉ*" là **tự lợi**, tự lợi nhất định có **lợi tha**. Hai câu dưới đây là **hóa tha**, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Thọ trì quảng độ sanh tử lưu
Phật thuyết thử nhân chân thiện hữu. (8)

(Thọ trì rộng độ dòng sanh tử
Phật gọi người này thật bạn lành).

"*Thọ trì quảng độ sanh tử lưu*", chúng sanh đang luân hồi sanh tử trong lục đạo, chúng ta dùng pháp môn này, dùng kinh điển này để giúp đỡ mọi người, khiến cho họ đều có thể thoát ly biển khổ sinh tử, vãng sanh bất thoái thành Phật, đây tức là hành Bồ-tát đạo. Chúng ta làm được như vậy, lấy bộ kinh điển này để tự hành hóa tha, Phật bảo người này là chân thiện hữu, là thiện tri thức chân chánh. "Thiện hữu" xuất xứ từ "Thiện Tài Đồng Tử năm mươi ba tham" của Kinh Hoa Nghiêm, chỗ tham phỏng đều là thiện hữu, bởi thế thiện hữu tức là biệt danh của Bồ-tát. Năm mươi ba vị thiện hữu đều là Pháp thân Đại Sĩ, họ thị hiện từ Viên Giáo Sơ Trụ Bồ-tát cho đến Đẳng Giác Bồ-tát, đều xưng là thiện hữu, là chân thiện hữu.

VĂN KINH HOẠCH ÍCH ĐỆ TỨ THẬP BÁT
PHẨM BỐN MƯƠI TÁM: NGHE KINH ĐƯỢC LỢI ÍCH

"***Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử kinh pháp***".
(Khi Đức Thế Tôn nói kinh này rồi).

Đây là khi Phật giảng xong bộ kinh này rồi, phẩm này là lời ghi chép của người kết tập kinh này ghi lại tình trạng linh đình, trọng thể lúc Phật thuyết kinh. "*Nhĩ thời*" tức là lúc Thích-ca Mâu-ni Phật giảng bộ kinh này.

"***Thiên nhân thế gian hữu vạn nhị thiên na-do-tha ức chúng sanh viễn ly trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh***".
(Trong trời, người thế gian có một vạn hai ngàn na-do-tha ức chúng sanh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh).

Đây là nói mọi người dự hội, gồm có người, có chư thiên, có Bồ-tát, chúng Thanh Văn… từ thế giới phương khác đến. Trong kinh ghi chép về tứ chúng đệ tử đến dự hội có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni xuất gia, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tại gia. Tứ

chúng đệ tử trong pháp hội này có hai vạn người. Còn những vị Bồ-tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ mà nhục nhãn chúng ta nhìn không thấy, số người này thì không biết bao nhiêu. Tôn giả A-nan tại đây ghi lại những người căn tánh không giống nhau này được lợi ích không như nhau. Đoạn này là nói về người Tiểu Thừa được lợi ích của Tiểu Thừa, người trời, người thế gian có một vạn hai ngàn na-do-tha ức chúng sanh, con số này cũng là con số thiên văn. "*Viễn ly trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh*", "*trần cấu*" là chỉ chung các phiền não, "*viễn ly trần cấu*" tức là đoạn kiến tư phiền não rồi, đoạn được nhiều ít khác nhau. Kiến hoặc có tám mươi tám phẩm, tư hoặc có tám mươi mốt phẩm. Sau khi nghe xong pháp môn này, mỗi người đều đoạn được kiến tư phiền não nhiều ít khác nhau, đoạn hoặc thì được pháp nhãn tịnh, tâm địa thanh tịnh.

"***Nhị thập ức chúng sanh đắc A-na-hàm quả. Lục thiên bát bá Tỳ-kheo chư lậu dĩ tận, tâm đắc giải thoát***".

(Hai mươi ức chúng sanh chứng quả A-na-hàm. Sáu ngàn tám trăm Tỳ-kheo hết sạch các lậu, tâm được giải thoát).

Đây vẫn là Tiểu Thừa. Ở chỗ này, được pháp nhãn tịnh phải nên là Sơ Quả Tu-đà-hoàn. Có hai mươi ức chúng sanh đắc A-na-hàm quả, đây là chứng quả vị Tiểu Thừa. Có "*lục thiên bát bá Tỳ-kheo chư lậu dĩ tận, tâm đắc giải thoát*", đây là chứng Tứ Quả A-la-hán, các lậu đã hết, kiến tư phiền não đoạn hết rồi, tâm được giải thoát, đây là những bậc chứng quả vị Tiểu Thừa. Người có căn tánh Tiểu Thừa, nghe đến pháp môn này cũng được lợi ích. Tiếp theo là bậc căn tánh Đại Thừa, chỗ được lợi ích vượt hơn người Tiểu Thừa.

"***Tứ thập ức Bồ-tát, ư Vô Thượng Bồ-đề, trụ Bất Thoái Chuyển, dĩ hoằng thệ công đức, nhi tự trang nghiêm***".

(Bốn mươi ức Bồ-tát được Bất Thoái Chuyển, dùng công đức hoằng thệ mà tự trang nghiêm quả Vô Thượng Bồ-đề).

Đây là được sự lợi ích Bất Thoái. Bồ-tát có Tam Bất Thoái: thứ nhất là Vị Bất Thoái, thứ hai là Hạnh Bất Thoái, thứ ba là Niệm Bất Thoái. Ở chỗ này, ít nhất họ có được Hạnh Bất Thoái, tức là nhất định sẽ không thoái đến Nhị Thừa, đời đời kiếp kiếp hành Bồ-tát đạo. Hơn nữa, ở trong kinh điển này, nếu đã phát tâm rồi thì nhất định được bổn nguyện của A-di-đà Phật gia trì, không những là Hạnh Bất Thoái, nhất định cũng đạt đến Niệm Bất Thoái. Từ trong bốn mươi tám nguyện, từ trong khai thị của bổn kinh, chúng ta có thể có được kết luận như vậy. Bồ-tát nhất định có được Tam Bất Thoái này.

"***Nhị thập ngũ ức chúng sanh đắc Bất Thoái Nhẫn***".

(Hai mươi lăm ức chúng sanh được Bất Thoái Nhẫn).

Đây là nói về lợi ích của "*Bất Thoái Nhẫn*". "*Nhẫn*" là tâm định tại pháp môn này, thừa nhận pháp môn này, không hoài nghi, y theo pháp môn này mà tu học, sẽ không thoái chuyển. Đoạn phía dưới này dường như là nói mọi người chúng ta, cho nên chúng ta cũng được bao gồm luôn trong pháp hội này.

"***Tứ vạn ức na-do-tha bá thiên chúng sanh, ư vô thượng Bồ-đề, vị tằng phát ý, kim thỉ sơ phát, chủng chư thiện căn, nguyện sanh Cực Lạc, kiến A-di-đà Phật***".

(Bốn vạn ức na-do-tha trăm ngàn chúng sanh chưa từng phát nguyện thành Phật, nay mới phát tâm, gieo các căn lành, nguyện sanh về Cực Lạc, thấy Phật A-di-đà).

Chúng ta có phải là hạng người này không? Lúc chưa tiếp xúc với Phật pháp, chúng ta không có phát Bồ-đề tâm, sau khi tiếp xúc với Phật pháp, cũng không có phát Bồ-đề tâm (Bồ-đề tâm tức là cái tâm thành Phật), quý vị có phát cái tâm này không? "Ta trong một đời này muốn thành Phật", bạn có cái niệm này tức là bạn đã phát Bồ-đề tâm rồi. Làm sao thành Phật? Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ thì bạn thành Phật, một chút đều không giả! Phát cái tâm này mới gọi là phát Bồ-đề tâm. Trước kia chưa phát, sau khi học Phật đã phát chưa? Hiện nay nghe rồi, quý vị đã phát chưa? Chưa phát thì bây giờ phát. Nhất định phải phát cái tâm thành Phật, trong đời này nhất định phải thành tựu, kiên định ý niệm này. "*Kim thỉ sơ phát*", bây giờ mới phát. "*Chủng chư thiện căn*", tức là **Tín, Nguyện, Trì Danh**. Trong bổn kinh dạy chúng ta "*nhất hướng chuyên niệm*", đã phát Bồ-đề tâm rồi, bây giờ là "*nhất hướng chuyên niệm*", đó tức là "*chủng chư thiện căn, như thuyết tu hành*". Nhất hướng chuyên niệm, "*nguyện sanh Cực Lạc, kiến A-di-đà Phật*", gặp được A-di-đà Phật thì nguyện của chúng ta mới mãn.

Tiếp theo là Phật thọ ký cho chúng ta,

"***Giai đương vãng sanh bỉ Như Lai độ***".

(Đều sẽ vãng sanh về cõi Tịnh Độ của Phật Vô Lượng Thọ).

Đây là Phật chứng minh cho chúng ta, bạn có thể phát tâm, có thể làm được như vậy thì quý vị đều sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc của A-di-đà Phật. "*Bỉ Như Lai độ*" tức là Cực Lạc quốc của A-di-đà Phật.

"***Các ư dị phương, thứ đệ thành Phật, đồng danh Diệu Âm Như Lai***".

(Thảy đều thứ lớp thành Phật khắp các phương, cùng một danh hiệu là Diệu Âm Như Lai).

Đây là nói thế giới Ta-bà chúng ta có nhiều người sơ phát tâm như vậy, tương lai đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Bạn thành tựu rồi, thế giới nhiều vô lượng vô biên, thế giới nào có duyên với bạn, bạn xem xét chúng sanh của thế giới ấy, nên lấy thân Phật để độ thoát thì bạn đến nơi đó thị hiện thành Phật để độ chúng sanh bên ấy. Vị Phật này tên gọi là gì? Gọi là Diệu Âm Như Lai. Cùng một danh hiệu là Diệu Âm Như Lai. Cho nên việc quy y của chúng ta, trên tấm thẻ quy y có pháp danh Diệu Âm tức là từ chỗ này mà có. Quý vị có được chứng thư quy y, cư sĩ Diệu Âm, cái tên của quý vị ở trong Kinh Vô Lượng Thọ, điều này còn giả được hay sao? Đây không phải là giả. Quý vị tương lai đều thành Phật cả, có danh hiệu là Diệu Âm Như Lai, hiện nay đều là cư sĩ Diệu Âm, nhân quả tương ưng. Pháp danh của chúng ta là từ đây mà có. Do đây có thể biết bộ kinh này thân thiết với chúng ta biết bao! Kinh này tức là Phật vì chúng ta mà nói. Diệu Âm là gì? Diệu Âm tức là Nam-mô A-di-đà Phật, cái âm này là "Diệu" đấy! Tận hư không khắp pháp giới, tất cả chúng sanh nương nhờ vào âm thanh này mà vãng sanh bất thoái thành Phật, còn có âm thanh nào "diệu" hơn so với âm thanh này nữa! Chúng ta phải thường niệm âm thanh này trên miệng, khiến cho tất cả chúng sanh đều nghe được. Diệu Âm tức là âm thanh niệm Phật, không phải chỉ cho thứ gì khác.

"***Phục hữu thập phương Phật sát***".
(Lại trong mười phương cõi Phật).

Đây là lại nói đến cái lợi ích phổ biến, lợi ích quả thật là vô lượng vô biên!

"***Nhược hiện tại sanh, cập vị lai sanh***".
(Hoặc hiện vãng sanh, hoặc sẽ vãng sanh).

"*Hiện tại sanh*" là những người hiện tại vãng sanh. "*Vị lai*" là những người tương lai, gặp được cái duyên này, niệm Phật vãng sanh.

"***Kiến A-di-đà Phật giả, các hữu bát vạn câu-chi na-do-tha nhân, đắc thọ ký pháp nhẫn, thành Vô Thượng Bồ-đề***".
(Gặp A-di-đà Phật, mỗi cõi có tám vạn câu-chi na-do-tha người, được thọ ký Pháp Nhẫn, thành Vô Thượng Bồ Đề).

Đây là Thế Tôn nói với chúng ta, mười phương tất cả thế giới của chư Phật, số người đi vãng sanh nhiều như vậy. Do đây có thể biết, tất cả chư Phật, không

có một vị Phật nào không giảng Kinh Vô Lượng Thọ, không có vị Phật nào không khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta thử nghĩ đến tình trạng này, suy nghĩ đến cảnh giới này, mới biết pháp môn này là rộng lớn không thể nghĩ bàn. Chúng ta mới biết sơ lược một vài nét, thực tế là cảnh giới của tất cả chư Phật đều không thể sánh bằng.

"***Bỉ chư hữu tình giai thị A-di-đà Phật túc nguyện nhân duyên, câu đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới***".

(Các hữu tình này có túc nguyện nhân duyên với Đức Phật A-di-đà, đều được vãng sanh thế giới Cực Lạc).

Câu này là Thế Tôn làm tổng kết luận về chúng sanh được độ trong mười phương thế giới. Tất cả những người niệm Phật vãng sanh ở thế giới này hay phương khác đều là trong đời quá khứ đã kết mối nhân duyên với A-di-đà Phật. Hiện nay nhân duyên đã chín muồi rồi, cho nên được quả vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ở đây thể hiện nhân quả không hư dối, nhân như thế nào thì được quả như thế đó. Chúng ta nhớ Phật niệm Phật là nhân, nhất định vãng sanh thấy Phật là quả, nhân quả tương ưng.

"***Nhĩ thời tam thiên đại thiên thế giới lục chủng chấn động, tịnh hiện chủng chủng hi hữu thần biến, phóng đại quang minh, phổ chiếu thập phương***".

(Bấy giờ đại thiên thế giới chấn động sáu cách và hiện các thần biến hi hữu. Quang minh sáng chói chiếu khắp mười phương).

Đây là Tôn giả A-nan ghi lại pháp hội viên mãn, thị hiện các thứ tướng lành không thể nghĩ bàn! Tướng lành thứ nhất là đại thiên chấn động, đại thiên này không phải địa cầu này của chúng ta, không phải khu vực của Thế Tôn giảng kinh, mà là ba ngàn đại thiên thế giới. Có sáu thứ chấn động, các bạn đồng tu thường thấy trong kinh luận nói sáu thứ chấn động này. Nếu không biết được nghĩa này thì bạn sẽ hoài nghi, không những hoài nghi mà còn sợ hãi, tại sao vậy? Mặt đất thình lình nổi lên, rồi thình lình chìm xuống, thình lình lay động, đây là động đất lớn, không phải là nguy lắm rồi sao! Điều này ghê gớm lắm! Đây là tỉ dụ, là chỉ cho lòng người chấn động. Phật nói pháp môn thành Phật này, từ trước đến nay chúng ta chưa nghe qua, là nghĩa của sự phấn khởi, nghĩa của cảm ơn, là nói nhân tâm. Tất cả chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới khi nghe Phật nói lời này không ai không cảm động, không ai không động tâm, là ý nghĩa như vậy. Còn loại thứ hai là *chủng chủng thần biến*, những thần biến này đều là những

vị thần hộ pháp biến hiện ra các thứ tướng lành làm trang nghiêm đạo tràng, điều này là cảnh giác lòng người. "*Phóng đại quang minh, phổ chiếu thập phương*", "*quang minh, phổ chiếu*", những chỗ Phật quang chiếu đến tức là chỗ có Phật pháp. Đặc biệt là bộ kinh điển này, Pháp môn này là mười phương tất cả chư Phật cùng hoằng dương, cùng xưng tán. Cho nên Phật nói kinh này thì làm cảm động tất cả chư Phật Như Lai gia trì. Ánh sáng chiếu lẫn nhau, tận hư không khắp pháp giới đều ở trong ánh sáng của Phật, mà ánh sáng này hiển thị Kinh Vô Lượng Thọ, hiển thị trí huệ công đức của chư Phật không thể nghĩ bàn!

"***Phục hữu chư thiên***".

(Lại có chư thiên).

Đây là chư thiên tán thán cúng dường.

"***Ư hư không trung, tác diệu âm nhạc, xuất tùy hỷ thanh, nãi chí Sắc giới chư thiên, tất giai đắc văn, thán vị tằng hữu. Vô lượng diệu hoa phân phân nhi giáng***".

(Giữa hư không tấu âm nhạc vi diệu, phát ra tiếng tùy hỉ, cho đến chư thiên Sắc giới cũng được nghe và khen là chưa từng có, vô lượng hoa đẹp thơm rưới xuống).

Đây là người trời ở đạo tràng nghe Pháp, lấy thiên nhạc, thiên hoa để trang nghiêm đạo tràng. Tán thán Phật, tán thán Tăng tức là xưng tán Tam Bảo, đây là tướng lành không gì bằng của pháp hội.

"***Tôn giả A-nan, Di-lặc Bồ-tát***".

Hai vị này là người đương cơ của pháp hội. A-nan phải phụ trách truyền thừa kinh điển, còn Di-lặc Bồ-tát nhận lãnh lời phó chúc của Phật, phải hộ trì kinh điển, phải hộ pháp, phải hộ trì những người tu hành theo Pháp môn này (phải hộ pháp, hộ người), đây là Thích-ca Mâu-ni Phật phó chúc cho họ. Cho nên những người tu Tịnh Độ chúng ta, những người niệm Phật cầu vãng sanh nhất định được sự ủng hộ của Di-lặc Bồ-tát cùng chư Đại Bồ-tát.

"***Cập chư Bồ-tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành***".

(Và các hàng Bồ-tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, tất cả đại chúng nghe lời Đức Phật dạy đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành).

Chúng ta phải noi theo, phải học tập phải giống như mọi người năm xưa tham gia pháp hội vậy. Sau khi nghe Phật nói xong bộ kinh này, đương nhiên sanh tâm đại hoan hỉ, quan trọng là nhất định tin tưởng tiếp nhận hoàn toàn, y giáo phụng hành. Tức là phía trước nói "**Quy Y Chiêm Lễ, Như Thuyết Tu Hành**", vậy là được rồi.

Pháp hội của chúng ta đến hôm nay đã viên mãn.

Nam-mô A-di-đà Phật!

Kính nguyện chư vị pháp hỉ sung mãn, sớm thành Phật đạo.

A-di-đà Phật!

Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ
Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh.